TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

31



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 31

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 31

Sưu tầm, biên soạn:
NGUYỄN HOÀNH KHUNG

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

CÙNG BẠN ĐỌC

*Các tập 28, 29, 30 và 31 của bộ **Tổng tập Văn học Việt Nam** đang ở dưới mắt bạn đọc chính là các tập 29A, 29B, 29C và 29D của bộ sách được in lại lần thứ hai.*

*Theo dự kiến ban đầu của Hội đồng biên tập Tổng tập văn học Việt Nam tập 29 (gồm 29A và 29D) sẽ giới thiệu với bạn đọc mảng văn xuôi hiện thực những năm ba mươi của thế kỷ XX qua một số tác giả tiêu biểu và một số sáng tác có tính chất phong trào. Tập 29A (xuất bản 1988) được biên soạn theo dự kiến sắp xếp đó và bài **Khải luận** in ở đầu tập cũng được viết nhằm giới thiệu nội dung đó. Do nhiều khó khăn ở khâu xuất bản nên mãi đến 1997, tập 29 mới được xuất bản tiếp. Khi biên soạn để xuất bản tiếp, Hội đồng biên tập, Nhà xuất bản và người biên soạn đều nhận thấy không thể giữ nguyên nội dung tập 29 như dự kiến ban đầu cách đây gần hai mươi năm. Công cuộc đổi mới lớn lao diễn ra trên đất nước hơn mười năm qua đòi hỏi có sự đổi mới trong cách nhìn nhận các giá trị văn học; đặc biệt, cần khắc phục lối nhìn máy móc, hẹp hòi khá phổ biến một thời, dẫn đến sự bỏ rơi nhiều hiện tượng văn học "tiền chiến" có giá trị như trước đây. Sự phân biệt mang tính chất đối lập giá trị giữa các dòng văn học hiện thực và lãng mạn cũng không còn được chấp nhận. Do quan niệm như vậy nên trong lần xuất bản các tập 29B, 29C và 29D và nhất là trong lần tái bản này, các tập đều có những chỉnh lý và bổ sung quan trọng so với sự sắp xếp ban đầu. Diện tác giả, tác phẩm đưa vào đã mở rộng hơn và không nhất thiết đó đều là "hiện thực". Sự phân bố các tác giả, tác phẩm trong các tập đều được sắp xếp lại. Bốn tác giả lớn (Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân) vẫn giữ nguyên vị trí chủ chốt trong bốn tập, nhưng sự phân bố các tác giả khác trong các tập thì có điều chỉnh ít nhiều, để các tập cân đối, nhất quán hơn, cũng tức là hợp lý hơn. Phần bổ sung đều phải là những tác giả, tác phẩm có giá trị cần được kể đến, ít nhất cũng có ý nghĩa về một mặt nào đó trong sự phát triển đa dạng của văn học thời kỳ này. Như vậy, các tập 28, 29, 30, 31 này không phải là sự tái bản lần lượt từng tập 29A, 29B, 29C, 29D, mà là tái bản cả hệ thống bốn tập với sự sắp xếp lại nội dung các tập. Với lần tái bản này, chúng tôi hy vọng sẽ giới thiệu tương đối đầy đủ và có hệ thống một số tác giả, tác phẩm của nền văn xuôi Việt Nam, những năm ba mươi của thế kỷ XX.*

Trong lần xuất bản thứ nhất, tập 29A (xuất bản 1988) là công trình tập thể của nhóm biên soạn gồm ba người: Phan Cự Đệ, Nguyễn Hoành Khung, Trần Hữu Tá (Phan Cự Đệ là chủ biên và viết bài ***Khải luận****). Các tập 29B, 29C, 29D (xuất bản 1997) có chỉnh lý, mở rộng so với quy định ban đầu) do Nguyễn Hoành Khung biên soạn. Các tập 28, 29, 30 và 31 của bộ Tổng tập tái bản này cũng do Nguyễn Hoành Khung biên soạn.*

Hà Nội, 11-1998

Soạn giả

PHẦN THỨ NHẤT

NGUYỄN TUÂN
(1910 - 1987)

Nguyễn Tuân chính quê ở xã Nhân Mục (thường gọi là làng Mọc), thôn Thượng Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội); nhưng sinh tại Hà Nội, trong một gia đình nhà Nho. Cụ thân sinh đỗ tú tài khoa thi Hán học cuối cùng, là một nhà Nho tài hoa bất đắc chí, thỉnh thoảng làm thơ. Khi còn ít tuổi, Nguyễn Tuân sống nhiều ở các tỉnh miền Trung: Khánh Hòa, Phú Yên, Hội An, Đà Nẵng, Huế, Hà Tĩnh, lâu nhất là Thanh Hóa – có thời gian ông làm viên chức nhà máy đèn ở đây.

Nguyễn Tuân học thành chung ở thành phố Nam Định; 1929, bị đuổi học vì tham gia một cuộc bãi khóa. Năm 1930, ông bị bắt tại Băng Cốc (Thái Lan) và bị đưa về giam tại nhà giam Thanh Hóa. Hết hạn quản thúc, ông ra Hà Nội, viết báo, viết văn. Nguyễn Tuân đã cộng tác với các báo *Đông Tây, Trung Bắc Tân văn, An Nam tạp chí, Tiểu thuyết thứ bảy, Tao đàn, Hà Nội tân văn, Thanh Nghị, Trung Bắc chủ nhật...* Ngoài tên thật, ông còn dùng các bút danh: Nhất Lang, Thanh Thủy, Ngột Lôi Quật, Ân Ngũ Tuyên, Tuấn Thừa Sắc... Ngoài sáng tác văn học, ông còn đóng phim, diễn kịch. Ông đã từng đóng các vai chính trong nhiều vở kịch nói diễn ở Hà Nội trước cách mạng, và đã từng tham gia đóng phim *Cánh đồng ma* tại Hồng Kông, phim truyện Việt Nam đầu tiên. Về văn học, ngay từ tác phẩm xuất bản đầu tiên (*Vang bóng một thời,* 1940), Nguyễn Tuân đã nổi lên như một cây bút tài hoa, độc đáo.

Nguyễn Tuân chân thành hào hứng chào đón Cách mạng tháng Tám,hăng hái tham gia cách mạng và kháng chiến. Năm 1946, ông cùng một đoàn văn nghệ sĩ vào công tác vùng Nam Trung bộ đang kháng chiến khi đó. 1947, ông phụ trách một đoàn kịch lưu động, đi diễn kịch tuyên truyền kháng chiến. Năm 1948, tại Đại hội thành lập Hội văn nghệ Việt Nam ở Việt Bắc, Nguyễn Tuân được bầu làm Tổng thư ký Ban Chấp hành Hội. Năm 1958, được bầu vào Ban chấp hành Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam. Nguyễn Tuân đã đi nhiều, viết nhiều, nhiệt tình dùng ngòi bút ca ngợi đất nước, nhân dân và cách mạng.

Nguyễn Tuân viết cả truyện ngắn, truyện dài, tùy bút, ký sự, phóng sự, tiểu luận, phê bình văn học, chân dung văn học, dịch thuật văn học... Ở thể

loại nào, nhà văn cũng có những nét đặc sắc, nhưng sở trường nhất vẫn là tùy bút. Đóng góp của Nguyễn Tuân vào sự phát triển của văn học Việt Nam là đóng góp của một nhà văn lớn.

Tác phẩm của Nguyễn Tuân

Trước Cách mạng tháng Tám:

– *Một chuyến đi* (du ký). Đăng báo năm 1938; Tân Dân xuất bản, H, 1941.

– *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn). Đăng rải rác trên tạp chí Tao đàn, 1939; Tân Dân xuất bản, H, 1940.

– *Ngọn đèn dầu lạc* (phóng sự) – Mai Lĩnh xuất bản, H, 1939.

– *Thiếu quê hương* (tiểu thuyết) – Đăng báo 1940, Anh Hoa xuất bản (bị đổi tên là Quê hương), H, 1943.

– *Tàn đèn dầu lạc* (phóng sự) – Mai Lĩnh xuất bản, H, 1941.

– *Chiếc lư đồng mắt cua* (tùy bút), Hàn Thuyên, H, 1941.

– *Tùy bút I,* Cộng lực xuất bản, H, 1941.

– *Tùy bút II,* Lượm lúa vàng xuất bản, H, 1943.

– *Tóc chị Hoài* (tùy bút), Lượm lúa vàng, H, 1943.

– *Nguyễn* (tập truyện), Thời đại xuất bản, H, 1945.

Sau Cách mạng tháng Tám.

– *Chùa Đàn* (truyện), Quốc văn xuất bản, H, 1946.

– *Đường vui* (tập tùy bút), Hội Văn nghệ Việt Nam xuất bản, 1949.

– *Tình chiến dịch* (tập tùy bút), Hội Văn nghệ Việt Nam, 1950.

– *Thắng càn* (truyện), Văn nghệ xuất bản, 1953.

– *Chú giao làng Seo* (sách thiếu nhi), 1953.

– *Bút ký đi thăm Trung Hoa,* Văn nghệ xuất bản, H, 1955.

– *Tùy bút kháng chiến và hòa bình,* tập I, Văn nghệ xuất bản, H, 1955; tập II, Văn nghệ xuất bản, H, 1956.

– *Truyện một cái thuyền đất* (truyện thiếu nhi), Kim Đồng xuất bản, H,1958.

– *Sông Đà* (tập tùy bút), Văn học xuất bản, H, 1960

– *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*. Hội Văn nghệ Hà Nội, 1972.

– *Ký*, Văn học xuất bản, H, 1976.

– *Tuyển tập Nguyễn Tuân,* 3 tập, Nguyễn Đăng Mạnh sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu, Văn học xuất bản, H, 1982.

MỘT VỤ BẮT RƯỢU LẬU

(Truyện ngắn)

Dân cày ở làng Phong Cốc, bây giờ thực không còn lấy cớ gì để phàn nàn với nhau trong lũy tre xanh và với người ngoài, ở giữa những chỗ đông, rằng quan trên không săn sóc tới.

Đấng phụ mẫu của họ là quan phủ Thiệu Hóa – làng Phong Cốc thuộc về Thiệu Hóa phủ, Thanh Hóa tỉnh – những khi hành hạt qua đó thường vẫn không quên bảo với thầy Đề rằng nên tạt vào đấy mươi lăm phút để xem cái "dân khí" vùng đó lâu nay ra sao?

Ở đình làng, trong những ngày này, hương chức kỳ cựu đều được quan phủ khuyến khích họ nên giảng giải cho lũ đàn em về cái đức làm dân đối với bề trên không được tỏ vẻ kháng cự, và cái đạo làm dân trong một nước thái bình, ở một thời yên lặng, phải đóng sưu thuế, theo tạp dịch cho đều đều. Nếu sự phục thiện của dân đã kết quả được một phần thì càng nên gắng nữa cho được mười phần, càng nên cố sức nữa lên mãi mãi. Rồi nhà nước sẽ thương tới, và quan phủ hứa thêm rằng ngài đã bẩm tỉnh cho, thì tha hồ mà được nhờ...

Nhưng lúc quan phủ gần trẩy đi sang làng khác, ngài vẫn không quên bảo thầy Lý mới, như mấy lần trước:

– Thầy nên coi chừng đến công việc của thầy và sự hành động phi pháp của dân làng. Trách nhiệm của thầy nặng lắm đó! Thầy giữ việc làng thay thầy Lý trước (bị chết một cách rất thê thảm và chẳng vinh dự gì) trong khi thừa hành công vụ, chắc thầy rõ phận sự của thầy trong lúc này, hơn ai hết thảy.

Thầy Lý run lẩy bẩy, chỉ biết mồm "dạ dạ" đưa mãi hai bàn tay chắp lên khỏi ngực. Thầy không dám nhìn thẳng vào quan và thứ nhất là nhìn vào ông Đề ngồi gần ngang hàng với quan; trong một lúc nhốn nháo ở đình lúc quan mới tới làng, thầy Lý đã dám liếc trộm ông Đề khi ngài này sai bác Cửu châm đóm để ngài hút thuốc lào vào điếu đóng của quan phủ, có cái xe trúc uốn cầu vồng dài đến gần bốn thước ta. Ông Đề cặp mắt sáng như tia lửa, những lúc nheo nheo mí mắt lại, thì không khác gì mắt con vọ lúc ở trên cành gạo

chú mục nhìn đống thịt chết ở mặt đất. Thầy Lý tin rằng nếu ngấc mất lên mà đụng gặp phải nhỡn tuyến của ông Đề già thì sẽ bị thôi miên mất, mà thôi miên thuật kia sẽ bắt thầy phải tường tận cung khai gia sản nhà mình ra xem của chìm là bao nhiêu và của nổi là bao nhiêu để ông Đề vui vẻ trả lời bằng ý nghĩ rằng có một ngày rất gần đây, chúng nó sẽ phải thay đổi chủ và thầy thì cố nhiên là sẽ mất quyền sở hữu ấy.

Nghĩ đến đấy, thầy Lý càng không dám giữ đầu mình cho thẳng thắn, chỉ biết cúi mặt xuống đất hết nhìn đôi ủng da tây của quan Phủ, đôi guốc kinh của ông Đề và đôi bàn chân lấm của mình. Thầy Lý lúc này thật là một hóa thân của sự sợ hãi. Thầy chỉ biết dạ, dạ mãi, để đáp lại những lời đanh thép mà thầy chỉ hiểu một cách mang máng. Bỗng thầy giật bắn mình khi nghe thấy quan gắt:

– Cái anh Lý này "chướng" quá. Người ta hỏi thầy xem số rượu dân làng uống trung bình trong những ngày thường chênh lệch với những ngày tế lễ như xuân tế, thu tế, hoặc vào đám ăn chạ là độ bao nhiêu, mà thầy cứ dạ là nghĩa lý chi? Vô lý quá!

– Dạ bẩm ông Lớn, về việc dân làng con uống rượu, con cũng không lấy gì cho tường lắm. Dạ, con mới được dân cho con ra thay anh Lý bất hạnh của con được độ mấy tháng.

Câu trả lời của thầy Lý có vẻ đần độn một cách lừng khừng gần giống như lời bướng bỉnh thốt ra ở cửa miệng những dân cứng đầu cứng cổ. Tuy rằng là thật thà, nhưng thầy Lý cũng vẫn đủ trí khôn nhận rằng có lẽ nó sẽ làm cho quan Phủ đến phải nổi trận lôi đình. Mà quả nhiên thế thực. Thầy Lý hiền lành kia nghĩ đúng đấy. Vì quan Phủ đã biến sắc mặt, làm om cả đình làng:

– Thầy làm việc quan như thế hỏng, hỏng to. Đừng nói chi đến chuyện nay mai thầy mong được nhà nước cho tưởng lục hay là mong điền vào chân chánh phó tổng khuyết. Nếu anh không thay đổi cách làm việc thì cái triện lý trưởng của anh cũng khó lòng mà giất được cho lâu đâu. Việc dân trong làng uống rượu mà thầy mù tịt như vậy thì chết thật. Thầy làm việc không được mẫn tiệp rõ quá rồi. Nếu ta không thương anh, đem một việc này mà bẩm tỉnh thì liệu anh có còn giữ được đồng triện không?

Ấy, thế rồi quan và ông Đề và lính tráng trẩy đi để một lũ kỳ cựu hương chức làng Phong Cốc đưa mắt nhìn nhau và nhìn ông Lý vừa bị

quan quở. Thầy Lý đâm mê và toát mồ hôi. Mồ hôi thấm qua cái áo lụa nâu già và làm đẫm cả lưng chiếc áo the dài màu nước dưa.

Thầy Lý ra khỏi đình làng. Trận gió bấc thổi rụng lá vàng, thổi bay tà áo thầy và lớp mồ hôi gặp gió lạnh càng se đến đâu càng làm cho thầy lạnh "trông thấy" đến đấy. Với không khí lạnh lẽo ở ngoài trời, thầy thấy trong mình bớt bừng bừng và lúc về tới nhà, thì thầy đã lấy lại được sự trật tự hoàn toàn cho bộ óc vừa bị kích thích mạnh.

Vào đến nhà, bỏ khăn áo, thầy nằm vắt tay suy nghĩ. Thầy bỏ bữa cơm ngon có rượu ngâm thuốc, có món nhắm tốt. Trông thấy rượu, thầy sực nhớ ra vì câu chuyện ban nãy mà thầy bị quở ở giữa làng. Thầy điên tiết lên muốn đem lẳng "mẹ nó" cả chai, cả nậm ra ngoài ao.

Bà vợ thấy chồng có thái độ lạ lùng khác mọi ngày, dám chê cả món dê bóp tái và bánh tráng vừng bà công phu mua tận chợ bên sông gặp ngày phiên, vội đón hỏi:

– Làm sao thế? Nghe nói quan về làng ta định bắt dân mở trường và khai giếng thêm phải không? Sao lại bỏ bữa rượu? Thằng Kha nhà theo tôi sang chợ ngoan lắm.

– Mở trường, khơi giếng? Ai bảo thế? Đình với giếng gì? Việc triều đình nhà nước, u mày biết gì mà hỏi! Cất rượu đi! Thầy Lý bỏ mặc vợ tưng hửng đang lủi thủi lấy lồng bàn đậy mâm cơm để dành. Thầy đang lo đến cái tiền trình của tên lý trưởng vừa bị quan hạch là không đầy đủ bổn phận. Thầy càng ngẫm kỹ mấy câu quan vừa nói ban nãy thì ra cái chân lý trưởng của thầy là bấp bênh. Nó như cái thế quả trứng bị để ở đầu đẳng, sớm tối vỡ lúc nào không hay. Rồi thầy lại lẩn thẩn nghĩ đến chuyện những chức phận ti tiểu lúc quên tạ ơn những vị đỡ đầu thì bị quan thầy báo thù lại như thế nào... Nhưng không, thầy Lý nhớ rõ ràng rằng, thầy đã được quan Phủ ban cho thầy cái vinh dự bắc chiếc ghế đẩu ngồi gần quan trong tư thất, sau khi quan đã rủ lòng thương nhận cho thầy cái phong bì "lễ mọn" mà thầy khom khom cúi dâng lên bề trên bằng sự thành kính của kẻ biết ơn và tạ được ơn. Thầy còn nhớ như in vào ruột những câu của quan giảng dụ hôm đó vồn vã ôn tồn và những cảnh quan coi thầy như là đầy tớ tay chân... Thầy Lý đưa tay qua trán, nhắm mắt lại, tưởng lại những phút ấy mà thầy rạo rực cả người. Sướng quá, thầy tự hỏi mình rằng cái số phận tầm thường của một người lý trưởng được hưởng những phút như phút ấy độ mấy lần trong một đời? Thầy

so sánh quan Phủ hôm ấy và quan Phủ hôm nay sao khác hẳn đi? Không, có lẽ quan nhiều việc đến nỗi quên. hẳn là mình đã tạ lễ? Phải, phải, không có thể như thế được. Thầy lại cho rằng hay tại mình tạ thiếu. Nhưng không, vì hôm đó, quan đã khen thầy một câu: "Anh Lý người linh lợi lắm. Anh đưa túc số như thế này, tôi tiêu nó được thành món". Nếu thế thì là nghĩa lý gì, và nguy hiểm quá nhỉ! Vì ai còn biết mạch mối đằng nào mà tìm, mà hiểu. Trong ba, bốn ngày liền, thầy Lý cứ ăn kém đi vài bát cơm, ngủ kém đi vài canh giờ, với những ý nghĩ ấy nó không tha ám ảnh thầy.

Rồi một buổi trưa già. Thầy vừa bỏ mẩu triện đồng vào tráp đen thì thấy lũ trẻ làng đang reo ầm lên ngoài cổng:

– A... a... a... Tây về!... Có Tây về làng ta!

Thầy Lý thấy khác trong người, vì không biết tại sao thầy nghĩ ngay tới sự chẳng lành sẽ xảy ra. Thầy đang sửa lại khăn áo, sắp ra xem là chuyện gì thì con chó mực ở sân gân cổ lên trời sủa váng cả nhà lên. Một tốp người, quần, áo, mũ, giầy vàng khè một màu ka ki đã tiến vào nhà, đứng đầy cả sân. Thầy Lý nhìn họ: người nào cũng oai phong lẫm liệt, người cầm thuốn sắt, kẻ đeo túi da đựng súng lục liên. Thầy lẩm bẩm: "Thôi bỏ mẹ, lại lính đoan", và tiến ra sân.

Lính đoan thấy ông Lý ra vội xúm cả lại xung quanh cứ đặc cả lại như là đàn muông săn lúc vây được con sói rừng, đều một loạt nói bô bô:

– Trong làng có rượu lậu! Ông đi ngay! Có cả quan Đoan về đấy!

Bấy giờ thầy Lý mới biết là có cả quan Tây Thương chính về nữa. Thầy vội chạy ra vái dài quan Đoan. Người Tây tay cầm ba toong song, đứng ở gần cổng; rồi cả bọn kéo đi rất nhanh theo một ông đội đoan có bộ râu "củ ấu" là người dẫn đường xem có vẻ thông thạo đường lối trong làng lắm. Đến ngõ đình, cả bọn ập vào nhà bác Nhiêu Tìn. Thầy Lý trong bụng phấp phỏng và từ lúc đi đến giờ, thầy chỉ biết theo nhà đoan thôi. Lúc đến nhà Nhiêu Tìn, thầy mới hiểu rằng quan Đoan về bắt rượu lậu ở nhà tên Nhiêu Tìn, một người mà thỉnh thoảng vẫn đưa lại nhà thầy những chai rượu rất ngon trong những ngày nhà ông Lý có kỳ dùng thứ rượu cúng rất tinh khiết. Thầy Lý than thầm cho Nhiêu Tìn đã gặp sự chẳng lành... Cảnh náo nhiệt bầy ra trong nhà người bị Đoan vào khám xét đã chiếm hết cả giác quan thầy Lý. Lính Đoan gọi ầm ĩ:

– Chủ nhà là Nhiêu Tìn đâu? Nhiêu Tìn đâu?

Bỗng ông đội Đoan vừa reo, vừa chạy:

– Nó đây rồi! Các thầy mau theo bắt lấy! Kìa kìa nó đang mang vò cơm chạy! Nó vừa mới vọt ra cổng ngang!

Lính Đoan chạy, cả quan Đoan, cả thầy Lý cũng chạy theo một người nhà quê đang ôm một cái chĩnh chạy miết ra phía bờ ao đình làng, cách họ độ ba chục bước.

Trẻ con khóc. Chó sủa. Đàn bà kêu, và các ông già bà lão trố mắt chống gậy "càng cua" đứng nhìn theo đám bụi mù bay.

Lúc thầy Lý theo kịp được nhà Đoan đến bờ ao thì thấy thằng cha Nhiêu Tìn đang lõm bõm ở giữa ao, hai tay bưng một cái chĩnh có nắp. Chung quanh bờ ao, người đứng vây đen ngòm. Quan Đoan vừa nhìn thầy Lý vừa nhìn ông đội nói một hồi tiếng Tây dài, mặt đầy vẻ tức giận, dẫm chân, múa tay, trông dáng ghê sợ lắm. Ông đội đoan chỉ thuốn xuống phía ao bèo, nói chõ xuống người bưng chĩnh:

– Mày có muốn sống thì lên ngay không? Nhiêu Tìn, mày có chịu lên không? Chúng ông mà xuống tóm được mày thì mày bỏ đời!

Nhiêu Tìn ở giữa ao mếu máo nói lên:

– Con lạy các quan, các quan tha cho con. Các quan đừng giết con.

– Ai giết mày? Mày cứ đưa cái vò lên đây!

– Lạy các quan, con trót dại có làm ít tương để ăn. Lạy các quan, thật con có dám đem bán đâu!

– Tương với mắm gì? Mày không lên, ông mà phải lội xuống thì... thì...

– Con khổ lắm. Các quan tha cho con! Ối, mẹ thằng Tìn đâu, tao khổ lắm! Các quan làm tội tao, thì tao đổ tương xuống ao đây này!...

– Này thằng kia, nếu mày đổ vò cơm kia xuống ao, thì quan Đoan sẽ bắn mày! Mày định làm phi tang đi hở?

Quan Đoan đứng ở trên bờ vừa chửi rủa bằng tiếng Tây vừa rút súng lục, tay trỏ bấm sẵn cò, chĩa vào Nhiêu Tìn. Ông đội Đoan đứng nói với về phía thầy Lý.

– Này ông Lý, nếu nó dìm chĩnh cơm để mất tang chứng rượu lậu, ông phải chịu một phần trách nhiệm đấy.

Thầy Lý hoảng cả người. Thầy lại càng hoảng nữa khi thấy quan

Đoan chĩa súng về phía mình. Rồi liên tưởng, thầy nhớ đến vụ đổ máu vừa xảy ra trong làng cách đây mấy tháng: trong một vụ bắt bớ hàng lậu do quan Đoan Béc–nắc–đê chỉ huy, ông Lý trước mà mình thế chân bây giờ đã bị đạn nhà nước nổ chết trong giây lát, giữa một lúc mà người ta bảo rằng nhà Đoan cần phải chân chính tự vệ. Thấy quan Đoan mắt đỏ ngầu, mồm sùi bọt, quát tháo rầm cả góc ao, thầy càng cuống cả lên. Mà dưới ao, thằng cha Nhiêu Tìn vẫn cứ mếu máo và van ơn các quan đừng xuống ao, và nếu xuống hắn dọa sẽ đánh chìm cái chĩnh tương mất!

– Thế thì muốn sống mày phải lên ngay!

Tiếp lời ông Đội, thầy Lý cũng bảo Nhiêu Tìn:

– Thế mày lên đi! Tao xin mày đấy! Mày làm chuyện phi pháp để lụy cả đến Lý trưởng làng này! Mày định cho tao theo ông Lý trước hay sao? Mày không nhớ đấy à?

– Con lạy ông, ông xin cho con, không có các quan giết con mất.

– Thì mày cứ lên đi, tao sẽ xin cho. Mày cầm cho khéo cái vò kia, rồi lên ngay đi! Ừ, lên đằng phía quan Đội ấy.

Bao nhiêu cặp mắt đều nhìn vào Nhiêu Tìn đang lõm bõm bưng cái vò bước lên bờ ao.

Hắn run lập cập, vì ngâm nước lạnh thì ít mà vì sợ nhà Đoan thì nhiều. Ông Đội giằng lấy tay hắn lôi lại trước mặt quan Tây đoan, và truyền cho hắn mở ngay nắp chĩnh ra. Hắn sợ khi nhìn quan Tây đoan, nhìn ông Đội, nhìn ông Lý và lập cập mở nắp chĩnh. Thấy quan Tây đoan đã bớt giận, ông Đội cũng tươi tỉnh được nét mặt, bảo Nhiêu Tìn:

– Ông tưởng mày ở cả ngày ở dưới ấy!

Ông lấy làm khoái trá khi nhìn vào trong lòng chiếc chĩnh. Nhưng sao ông lại cau mặt lại và mũi hít mạnh, đánh hơi. Ông sấn sổ hỏi Nhiêu Tìn:

– Cái gì ở trong chĩnh?

– Dạ bẩm tương. Con có dám nói bậy đâu, con làm có một ít để kho cá ăn ở nhà chứ thực không dám đem ra chợ bán; ông Đội tỏ vẻ khó chịu trình với quan Tây đoan rằng đấy là một thứ nước chấm của nhà chùa thường ăn chay và người An Nam dùng với cơm. Quan Tây đoan bắt ông Đội nếm và hỏi ông có dám cả quyết như thế không.

Ông Đội trả lời nhất định rằng trong chĩnh đó không có chất gì để làm rượu. Thầy Lý thấy câu chuyện khám xét kết thúc một cách ngộ nghĩnh không ngờ như vậy, phải hỏi Nhiêu Tìn:

– Thế sao lại bưng vò tương mà chạy? Các quan khám rượu lậu kia mà! Ai bắt tương? Cái lý của anh gian lắm! Anh phải khai cho rõ ràng ra kẻo phiền đến cho tôi lắm đấy!

Nhiêu Tìn hoàn hồn, khai với thầy Lý:

– Con thấy người làng đi chợ về, dạo này đồn rằng nhà nước đánh thuế cả tương và nước mắm, con thấy tương của con làm không có giấy phép nên con sợ, con phải chạy đem vứt đi...

*

* *

Lúc sự yên lặng đã trở lại trong làng và mọi người đã ngặt nghẽo cười khi giải tán – trừ nhà Đoan rời làng Phong Cốc với nỗi tức bực– thì trời đã xế bóng. Bác Nhiêu Tìn cũng mỉm cười bưng chĩnh tương về nhà, trong bụng nghĩ thương vợ phải một phen chạy rượu lậu vất vả, và không biết vợ đã đem giấu kín vò cơm ở nơi nào đây. Bác tự nghĩ nếu không có chĩnh tương này thì chỉ có Trời mới gỡ nỗi cho bác khỏi ở tù.

Đông Dương tạp chí, số 29, ra ngày 27-11-1937.

ĐÁNH MẤT VÍ

(Truyện ngắn)

Kéo một hơi thuốc lào tụt nõ, ông khóa Liêm ngửa mặt lên mái nhà tranh thủng, nhìn cảnh trời đông màu nhạt, qua những khung hổng của một mái nhà sắp đổ và dã nát. Làn khói thuốc lào xanh nhờ nhờ lần lần chui qua những lỗ gianh thủng; những ý nghĩ đen ngòm của kẻ đang bực dọc với mưu hồ khẩu hàng ngày cũng theo làn khói nhẹ đi đến chỗ mung lung.

Ông khóa Liêm đang nghĩ đến ngày mai. Hình như cần phải hút thuốc lào cho nhiều thì mới giải quyết nổi những việc khó khăn thuộc về sinh kế, ông Khóa lại vê một điếu thuốc nữa bỏ vào nõ điếu, và dụi đi dụi lại thanh đóm, đến ba, bốn lần vào bát điếu, tầm mắt đăm đăm đặt vào cuốn lịch Pháp Hoa treo ở đầu giường. Ông thay dáng ngồi. Ông Khóa không ngồi xổm nữa. Xếp chân vòng tròn, sóc lại chiếc áo bông lụa thâm lót mầu quan lục khoác sễ trên vai, ông mồm lẩm bẩm, mắt nhìn tay, tính bằng ngón tay. Ông xoay mình vào phía nhà bếp, gọi vợ:

– Này nhà ơi! Không phải hâm nước nữa. Cứ để đấy tôi làm cho! Ra tôi nói chuyện này!

Bà Khóa đon đả chạy ra; vừa thắt lại nút khăn vuông mỏ quạ, bà hỏi:

– Gì thế hở thầy nó? Nước gần sôi rồi.

– Này, nhà này, ngày mai là cuối tháng tây đấy. Tôi muốn ra Hà Nội, rồi sang Bắc thăm vợ chồng ông Tú, xem ông ta có giúp cho mình đồng nào không? Chứ nằm mãi ở đây mà đợi chết đói, chết rét à?

– Thầy nó lại định sang bên ông Tú à? Anh Tú tuy đối với thầy nó quá như anh em ruột, tôi vẫn biết. Nhưng, vừa mới tháng trước đã ra, bây giờ lại ra nữa, coi sao tiện! Anh Tú có phải chỉ riêng cưu mang chúng ta thôi đâu?

Cái người có bụng hào hiệp thường hay túng. Vả chăng, dậy chữ Nho ở trường Pháp – Việt một tuần bẩy tám giờ, lương lậu phỏng được bao nhiêu...

– Thế cứ ngồi ở nhà này, uống mãi nước bã chè tươi để xem mưa phùn rỏ giọt vào giữa cái nhà thủng mái à?

– Tôi có bảo thầy nó không phải đi đâu? Cái thế phải mất tiền ăn đường, nhưng nên tìm một người bạn thân khác.

– Ừ, thôi được rồi! Để tìm người bạn thân khác cũng ở Bắc Ninh.

– Đã bảo sao lại cứ định đi Bắc Ninh mãi? Thầy nó không nghe tôi sao?

– Biết rồi, nhưng sang Bắc Ninh mà tìm người khác giúp đỡ cho ít nhiều rồi sẽ tạt lại anh Tú gọi là đi ghé thăm qua. Thăm không thôi; thế anh Tú mới lấy làm lạ cho mình. Bởi vì mỗi lần ra tìm anh ấy là y như có chuyện cầu cứu; bây giờ nó lạc cả cái lệ ấy đi, anh ấy phải ngạc nhiên chứ lại. Nếu anh Tú có cố gặng hỏi tôi đi ra làm gì, tôi sẽ có sẵn một câu trả lời làm cho vợ chồng anh Tú giật mình!

Bà Khóa tươi tỉnh nét mặt tò mò hỏi:

– Thế thầy nó sẽ trả lời ra làm sao?

– Trả lời rằng chuyến này có lẽ vô kinh viết sắc, viết bằng ở bộ Lễ. Và nhân có thời giờ rảnh, ra ngắm non sông đất Bắc cho thỏa thuê, kẻo nữa biết bao giờ mới lại từ Huế ra thăm lại chỗ cố giao tâm sự như anh Tú? Bà nó nghe thế, đã sợ chưa?

Bà Khóa tủm tỉm nhìn chồng một cách kính yêu vô hạn.

Trong cái cười kín đáo của người vợ nhà Nho kiết kia, người ta có thể hình dung ra cả một thế giới "mực tầu giấy bản" thủa nọ có những hiền phụ chỉ biết một việc khuất phục, tháo vát và hy sinh để cho chồng đủ lực nằm dài trên bục điểm son trang sách mộc bản, và nghêu ngao ngâm thơ Đường Tống.

Ông khóa Liêm được thể lại càng lên nước, rung đùi rõ nhiều. Ông lại kéo một mồi thuốc nữa! Trông cặp mắt lim dim và cái mồm tròn như chữ O đang thở ra những vòng khói đặc, trông kỹ nét mặt ông Khóa đã ruỗi hết những đường gân, bà Khóa nghĩ ngợi: "Ai dám bảo chồng mình là khổ? Tưởng chồng mình như thế mà không thành được người sung sướng trên thế gian, thì cũng nên lấy làm lạ đấy. Chỉ nghe thấy tiếng nói và giọng cười thôi, thì ai cũng tưởng là sang lắm! Thật là sang sảng như chuông!".

Bỗng ông Khóa hỏi gọn một câu:

– Bây giờ, nhà phải đi mượn đâu lấy hai đồng bạc để tôi ăn đường... Nếu không đủ thì ít ra cũng phải có một đồng rưỡi.

– Mượn ở đâu? Những chỗ quen biết đều... vướng cả rồi!

– Nào tôi có biết! Cái đó là công việc của nhà nó chứ? Thế mọi lần thì sao? Nhà nó quên rồi à?

Bà Khóa lại cười tủm tỉm. Ông Khóa lại rung đùi ngâm thơ tướng mãi lên cho đến lúc cao hứng quá, phải cho miệng nghỉ ngâm để rít một điếu thuốc lào to và chặt hơn mấy điếu thuốc trước nữa.

Buổi chiều mùa đông ấy là hôm đầu tháng và lại là hôm chủ nhật, vợ chồng ông Tú đang sắp ngồi vào mâm cơm, thì một chiếc xe tay đã đặt ở trước hiên nhà ông Tú, một ông khách đứng tuổi, ăn mặc nửa kim nửa cổ, tay ôm một bọc lớn; tay chống chiếc ô đen đã đổi ra mầu xám xanh...

Nghe tiếng cạch của càng xe bít sắt nện vào thềm gạch ở lề đường, vợ chồng ông Tú nhìn ra, rồi đều cùng thốt ra một lúc:

– Chú khóa Liêm!

Vợ chồng ông Tú nhìn nhau tủm tỉm trước khi ra cửa đón khách.

– Ông Khóa ở Thanh ra thẳng đây đấy à? Gói gì thế? Bà Khóa mạnh chứ?

– À, gói nem đem ra làm quà anh Tú uống rượu đấy. Ở trong gói có cả bản sao cuốn *Việt điện u linh*, tôi chép cho anh theo lời anh dặn đấy.

Bà Tú vẫn mỉm cười... Ông Tú phải đưa mắt nhìn, bà mới thôi và mời ông Khóa:

– Chú đi rửa tay rồi đi xơi rượu luôn đi thôi!

Cái tình thân mật giữa vợ chồng ông Tú và ông khóa Liêm lại càng rõ rệt thêm nữa, khi bà Tú ngồi bên mâm cơm làm bồi rượu cho chồng và cho bạn chồng. Bà vừa ăn, vừa đợi, vừa vui vẻ nói chuyện:

– Cái số chú Khóa thực là tốt lộc! Cái bát ba ba này của chú khách Quảng Sinh Long vừa biếu đây...

Ông Tú bây giờ mới nói:

– Chữ tôi viết xấu thế mà lão Quảng Sinh Long vẫn cứ ưa! Giả hắn mà biết chú thì hắn thích lắm.

Nếu có ai thấy cách xưng hô đằm thắm, trẻ trung, tự nhiên của ba người đứng tuổi này, người ta sẽ phải lấy làm chướng, nếu không có người giảng cho họ rằng ông Tú với ông Khóa là bạn học chữ Nho một trường một thầy, và bà Tú là con cụ Đốc, và cụ Đốc vốn là thầy học cả ông Tú lẫn ông Khóa.

Ngày xưa, còn tập trường quan Đốc, ông khóa Liêm được cái vinh dự châm đóm hầu thuốc lào quan Đốc, còn ông Tú thì được vinh dự hơn bạn: ông được pha nước trà tầu cho quan Đốc, mỗi sáng sớm, trước giờ giảng sách. Rồi, cũng được cái may hơn bạn nữa là khoa thi chữ Nho của nhà nước Bảo hộ mở lần cuối cùng cho đám sĩ tử Bắc Hà, ông Tú đậu Tú tài mà ông Khóa chỉ là ông Khóa.

Và, từ ngày ông Tú dậy chữ Hán ở trường Nhà Nước, ông Khóa vẫn thường ra đây quấy quả luôn, lấy cái cớ rằng "cái" Tú tài đi làm việc tây hẳn phải kiếm ra nhiều hơn "cái" Khóa sinh chỉ ỷ vào hoa tay, có chữ tốt chép sách và viết bằng. Một lần, hai lần... rồi dần dần, ông Tú cho như thế là một phòng tục riêng của người bạn nghèo, và ông Khóa thì lại hiểu rằng thế là một luật lệ rất thường trong tình bạn hữu.

Nhưng lần này, lại ra Bắc Ninh, lại gặp ông Tú, ông Khóa không dám có can đảm hỏi tiền nữa. Ông tự xét mình như thế là không biết điều một tý nào cả. Vừa mới tháng trước đã lấy mười đồng rồi còn gì nữa!

Cho nên, lúc đỏ đèn, nghỉ ngơi một lát, ông Khóa vội nói với vợ chồng ông Tú:

– Anh chị cho phép tôi lại thăm một người bạn...

– Ai thế? Từ xưa tới giờ sao không thấy chú nói?

– Ông bạn tôi cũng vừa mới ra ở đây. Có lẽ khuya tôi không về đây ngủ.

Thế rồi đêm ấy ông Khóa đã tìm tới nhà bạn và, thật là không may cho ông, đêm ấy ông đã thất vọng nhiều. Khi gia nhân người bạn kia trả lời rằng chủ nhân đi vắng xa, có lẽ đến cuối tiết trọng đông mới về, ông Khóa thất thểu bước tỉnh bước say, lại đành quay về nhà ông Tú vậy! Và tự nghĩ: "Người cố hữu của mình thế này thì ra còn nửa tháng nữa mới về. Thế là hỏng cái đám này! Cái số anh Tú thật hôm nay lại vào ngày "đại tiểu hao". Mình có muốn lấy của anh ấy nữa đâu? Thật là hai vai có quỷ thần chứng minh... Thế nào vợ chồng anh Tú cũng phải đưa cho mình một món cầm về cho qua những ngày thất nghiệp. Cái đó không sợ. Nhưng mình đã lấy tiền của vợ chồng anh ấy thì mình còn làm gì hưởng được cái khoái chí khi nói láo với anh chị ấy rằng mình sắp đến ngày phong lưu và có những lúc nhàn tản đi ra Kinh Bắc chỉ để ngắm non sông mà thôi!".

Ông Khóa Liêm càng nghĩ càng lấy làm buồn cười cho mình. Rồi ông ngượng nghịu, khi phải trả lời vợ chồng ông Tú:

– Ấy vì ông bạn tôi đi vắng ạ. Vợ chồng ông Tú tủm tỉm. Ông Khóa nói tiếp:

– Tôi ở chơi đây với anh chị một đêm nay thôi, nhà bận lắm. Mai tôi xin về.

Vợ chồng ông Tú trách móc cố giữ khách, nhưng khách van lơn nhất định xin về, kêu rằng nếu tối mai không có ở Thanh Hóa, thì nhỡ hết nhiều công việc lớn!

Đêm khuya, ông Khóa vắt tay lên trán nằm nghĩ nát óc, tìm một cách gì cho đỡ ngượng để xin tiền ông Tú. Và lại coi ra tháng này vợ chồng ông Tú cũng túng dữ. Rét thế này mà vẫn cái áo bông đụp cũ! Nhưng nếu không mặt dạn mày dày cố hỏi thì đừng nói gì đến mang được dăm bẩy đồng về nhà nữa, hay một số tiền ăn đường cũng đủ khó nói rồi. Thế thì, đã đến nước này, ông Khóa đành phải cứ xin tiền của ông Tú!

Ông lại hút thuốc lào! Cái thú đêm đông sương lạnh được khoác chiếc mền bông, ngồi xổm hút thuốc lào, là một cái thích dễ truyền nhiễm. Ông Tú cũng chạy lại gần giường bạn, cũng hút và hỏi:

– Chú nhất định về! Mai đi tầu nào!

– Phải đi tầu sớm, hay ô tô sớm sang Hà Nội rồi đi xe lửa trưa về Thanh. Không thể ở lại được đâu! Anh nhớ dặn người nhà đánh thức tôi nhá.

Đêm ấy, ông Khóa nằm nghĩ; “Có lẽ anh ấy sẽ bỏ sẵn vào phong bì rồi lúc mình gọi xe là anh ấy đưa cho. Anh Tú bao giờ cũng nhã nhặn lắm kia mà! Mình cũng chả cần phải bảo. Và, nói cho thật ra, mình nói ngập ngừng thế nào ấy. Không có can đảm nói. Thôi hãy ngủ đã”.

Sớm mai, ông Khóa hé mắt nhìn đồng hồ thấy gần giờ tàu chạy, vội choàng dậy, đòi ra tàu ầm ĩ cả lên. Lúc bước lên xe, ông Khóa đinh ninh rằng ông Tú sẽ dúi cho một cái phong bì. Bắt tay ra xe rồi mà không thấy có gì trong lòng bàn tay, ông nóng cả mặt! Ông vội kêu:

– Anh Tú! Sao tôi đau bụng thế này? Có lẽ phải đi chuyến ô tô thôi!

Ấy thế rồi ông Khóa đành phải lỡ tầu, ở lại để nhăn nhó và đợi chuyến ô tô.

Giờ ô tô đến, ông Khóa lại vội kêu rầm lên rằng chỉ còn một chuyến ô tô này thôi, khéo không lại nhỡ nữa thì khốn cả.

Bà Tú lại gọi xe. Ông Tú lại bắt tay. Nhưng vẫn không thấy gì, ông Khóa phải sốt ruột vì những câu chuyện cầm tay người ở dặn với kẻ về:

– Chú về cho mạnh, từ giờ đến cuối năm ra chơi một chuyến tất niên nhé!

Ấy thế rồi ông Tú và bà Tú càng lấy làm cảm động khi thấy chú Khóa dùng dằng và bùi ngùi nét mặt bước lên xe. Xe đã khuất bóng người, bà Tú ra vẻ nhớ nhung phàn nàn với chồng:

– Tội nghiệp, chú ấy độ này chả biết làm ăn ra làm sao? Trông bộ cũng vẫn thế thôi! Đi đâu mà vội thế? Giá có ở lại một đôi hôm thì tôi cũng có đủ thời giờ giật tạm giúp cho chú ấy ít đồng.

Hai vợ chồng ông Tú ngồi thừ ra nhìn nhau có ý trách lẫn nhau về chỗ lãnh đạm với chú Khóa. Ngọn gió bấc thổi mạnh, mưa bụi bay đã nặng hột. Vợ chồng ông Tú lại càng thêm nhớ ông khóa Liêm. Thì quái, sao ông khóa Liêm lại còn tiến vào kia và khua ô nói trước:

– Không thể đi được, anh chị ạ!

– Thôi chú ở đây, mai mốt hãy về. Vợ chồng tôi đang lấy làm ái ngại cho chú.

Có thế chứ!

– Thưa anh chị, kể như vừa rồi thì cũng đáng ái ngại thực. Lúc lên xe ô tô lấy vé mới biết mất cả ví tiền! May họ còn bỏ xuống đường cho về đây trông thấy anh chị trong lúc buồn này chứ không thì đã vào cẩm rồi! Rõ đen quá và không may cho anh chị phải... đền: cấp cho tôi ít tiền lộ phí.

Đông Dương tạp chí, 1937.

GỠ CÁI VẠ VỊT

(Truyện ngắn)

Từ ngày ông ấy đổi đi Tri huyện Thạch Thành, tính đến bây giờ chưa đầy bẩy tháng mà ông ấy đã có ý xin bề trên cho đổi đi nhậm hạt khác.

Không phải vì ở đấy không có bổng lểnh, không có lễ sống và lễ chín của lũ dân Mường; không phải vì ở đấy có nhiều án mạng, có nhiều vụ kiện gay go làm khó dễ cho những vị phụ mẫu không chịu phiền làm công bộc dân một cách tận tụy với thiên chức; không phải vì ở đấy, tính dân ngang ngược, cứng đầu cứng cổ, động một tí là kéo cả làng xuống tỉnh xin liên đới chịu tù, hay là chạy tuốt cả vào kinh đánh trống đăng văn nơi tòa Tam Pháp, hay là xin võng quan trả về bộ.

Đất Thang Mộc Ấp vốn lành; lành còn có nghĩa nữa là nhiều địa lợi, nhiều lâm sản, nhiều hải sản, nói tóm lại là nhiều của. Người Thanh Hóa tính cũng lành như tính đất ấy. Theo lẽ phong thủy, chả biết rằng như thế có phải là tinh đất đã ảnh hưởng sâu đến tình người? Nhưng sự thực là như thế đấy. Và không những lũ dân đen Thang Mộc Ấp lành mà thôi đâu, lại còn đần nữa. Vì những lẽ thế mà có mấy ông Đồ Nghệ vốn kiêu căng với cái anh khí của chín mươi chín ngọn Hồng Lĩnh đã tạo ra các ông, các ông đã đem cái đức lành và cái đức đần của dân Thanh Hóa ra mà trào phúng. Cái tính chế giễu không có kiêng nể vật gì và người nào hết thẩy, dù vật là tối thiêng liêng, dù người ấy là tiêu biểu cái oai quyền lớn. Cho nên các ông ấy mới bảo rằng đất Thanh Hóa, vì là lẽ nơi phát tích của nhà Lê, của Chúa Trịnh, của nhà Nguyễn bản triều, nên bao nhiêu cái tinh hoa đã bị người sang kẻ cả rút hết cả rồi, mà trăm nghìn phần cặn bã thì dồn lại cho bách tính. Như thế cho hết đến mấy thế hệ nữa, nếu may mà mạch đất có hồi lại thì dân khí mới có mong quật khởi.

Khốn nạn thay! Nói cho rõ ràng ra thì người Thang Mộc Ấp đâu có đến nỗi như các ông Đồ kia tưởng. Các ông há chẳng nghe cái câu ngạn ngữ "Nhất Xương, nhì Gia, thứ ba Hậu Lộc" mà các vị quan có nhậm ở Thanh Hóa đều nhớ làm lòng hay sao? Câu ấy tả toát yếu và theo thứ tự cái đức bướng của dân ba phủ huyện Tĩnh Gia, Quảng

Xương và Hậu Lộc. Nhưng hãng để yên mấy ông Đồ Nghệ và câu chuyện chế nhạo của họ.

Ta trở lại với cái tâm sự quan Huyện Thạch Thành.

Ngồi ở huyện Thạch Thành là một nơi mà người thì chỉ có Mường, cảnh thì chỉ có rừng, kẻ không rõ cái khổ tâm của ông Huyện Thạch hẳn phải yên trí rằng giá những lúc việc quan được thanh thản, quan Huyện Thạch "đánh chết" cũng phải khoan khoái hiện ra mặt, mỗi khi nhận được thư riêng ở xa gửi đến. Những lá thư ấy chắc sẽ đưa đến huyện lỵ Thạch Thành những luồng không khí mát mẻ và đủ sức mạnh thổi tan những mây sớm mãi tám chín giờ còn giăng đầy thung lũy và sương chiều mới bốn năm giờ đã phủ đầy lối vào huyện? Trái lại. Những lá thư của thân quyến của đồng liêu, của quan đỡ đầu ở xa ở gần, một tháng kể gửi đến nhiều lắm, nhưng chính chúng nó đã làm phiền lòng quan Huyện Thạch không biết đến thế nào mà kể.

Những thư đó, dù là dài hay ngắn, chia buồn hay chia vui, giọng đùa hay đứng đắn của người thân lắm hoặc vừa mới quen, ở dòng tái bút đều có những câu đại để như là:

"... Nghe nói trên hạt Thạch Thành có thứ vịt Trạc Nhật ngon có tiếng, quan lớn (hoặc quan huynh) dành cho một cặp, khi nào tiện chúng tôi xin lĩnh..."

Còn những thư của các quan thủ hiến bản tỉnh hoặc của quan thầy đỡ đầu ở nơi xa xôi gửi về thì lại có cái giọng hách dịch như thế này:

"Thạch Thành là nơi sở tại của giống vịt Trạc Nhật; nhân mùa lạnh tới, kiếm cho ta ít con đánh chén chơi...".

Quan Huyện Thạch Thành là một ông quan nghèo. Cái chí của ông ta lại không định hẳn vào con đường hoạn. Vả chăng đối với chế độ quan trường, ông ta đã sẵn có một quan niệm. Ông ta chỉ mong có một cơ hội kinh doanh nào lớn lao là vui lòng đem treo kiếm ấn lên cành dương liễu ở cổng huyện, trông về Nam lạy bốn lạy, chạy tuốt về làng để theo đuổi những nghề tự do. Nhưng đấy là một sự mong mỏi.

Còn tại chức ngày nào, còn ở huyện Thạch ngày nào, ông ta cho là còn điêu đứng đủ trăm phần với vịt Trạc Nhật. Cái hình ảnh vịt Trạc Nhật ám ảnh ông hoài. Nó theo ông sát sạt như mang theo tiếng nói, bóng theo hình người. Lắm lúc vì bận việc công đường, bận đi hành hạt, hoặc mải vui cùng mấy bạn tài tử lên họa đàn, ông quên

được câu chuyện vịt Trạc Nhật. Khốn nỗi, chỉ được độ dăm ba hôm thôi. Vì thế nào, dăm ba hôm, lại cũng có một lá thư gửi đến để xin vịt, để tống vịt. Trời ơi! Giá thử đấng Thiêng liêng làm một trận dịch dữ dội cho toi hết giống vịt Trạc Nhật để tuyệt hết cái giống vịt ngon, ngon đến bực mình ấy đi, để hết những người thích ăn của lạ và lười bỏ tiền ra mua nhỉ! Cũng là một sự không may cho quan Thạch, những người có tính hay "báo" vặt ấy lại là chỗ quen biết với ngài cả.

Lắm kỳ đi hội giảng ở tỉnh về, quan Huyện Thạch hễ có mặt ở công đường là gắt gỏng. Như thế đến mấy hôm ấy. Lũ nha thuộc và dân sự đều lấy làm kinh hãi và không hiểu gì cả. Ở nơi tư thất, những ngày ấy, lúc đêm vắng, bọn lính canh nơi trại thường không được nghe tiếng đàn nguyệt rất hay nữa – quan Huyện vốn lấy đàn làm thú giải phiền.

Một đêm kia, quan Huyện Thạch vừa ở tỉnh về, tiếng máy xe hơi ở sân huyện đường chưa tắt mà trong tư thất đã thấy quan ông gắt gỏng với quan bà. Quan bà không những không tỏ vẻ giận chồng to tiếng vô lý lại còn tủm tỉm cười một cách tinh quái, hình như muốn tròng ghẹo và thử thách kẻ hay có tính làm dữ. Quan Huyện Thạch phải đấu dịu. Cặp mắt hóm hỉnh, cái miệng đùa cợt của bà Huyện Thạch cũng đổi lần ra vẻ hiền từ. Quan Huyện Thạch làm lành:

– Sao bà lại cười? Thấy người ta đang bực dọc với những sự phiền lụy của cuộc đời hàng ngày là một chuyện đáng cười lắm hay sao? Và thứ nhất là "người ta" đây lại là chồng mình? Bà phải biết nể cái người nào đang phiền muộn, đang đau đớn, ngang như nhau mới được chứ!

– Cái gì là phiền lụy? (bà Huyện vừa cười vừa hỏi). Có phải lại chuyện vịt Trạc Nhật phải không? Hẳn các cụ ở dưới tỉnh lại tống mua ít cặp phải không? Thôi phải rồi, thế nào, lão phủ Nông Cống chả vay khéo vài chục con để gửi về Huế? Chắc lão ta không vừa lòng, lại nói bóng nói gió một đôi câu chứ gì? Có phải như thế không, ông?

– Quả có như thế không sai. Bà đoán giỏi đấy. Vợ chồng ông Huyện Thạch Thành chưa lấy gì làm già và lại là người của thời mới. Hai vợ chồng cộng tuổi lại chưa đầy bẩy mươi. Vì trong lúc to tiếng nên vợ chồng ông Huyện Thạch Thành phải dùng hai chữ ông bà để xưng hô. Phải, trong lúc gắt gỏng, người ta phải nghiêm nghị từ cả danh từ gọi nhau. Vợ chồng ông Huyện Thạch đã vui vẻ nói năng với

nhau thời trong câu chuyện thuộc về gia đình ở nơi tư thất, ta lại được nghe thấy những tiếng xưng hô trẻ trung.

– Mình nghĩ đi làm quan như thế này, có thấy phiền không? Không chiều bề trên thì họ bảo mình ngạo. Không làm vừa lòng bạn thì họ bảo ăn ở không có tình.

– Giá có biết thế những ngày thì... thì gì? Mình nhỉ! Bà Huyện vẫn tủm tỉm nhìn chồng ăn cháo.

– Mình có biết một con vịt Trạc Nhật thời giá bao nhiêu không?

– Thưa mình tám giác một con, lúc cao; và một chữ bạc một cặp, lúc hạ.

– Đấy mình thử tính xem, cứ cái tháng lương tri huyện hạng ba đem ra mà mua hết vịt Trạc Nhật xem được mấy trăm, mấy chục con? Họ lấy có ít đâu, mỗi người cũng là đôi ba cặp trở lên cả. Mình thử tính nữa xem tôi có bao nhiêu bạn, bao nhiêu quan, thầy? Đừng nói là không đủ tiền mua nữa, nếu có bạc triệu đó cũng khó mua! Dân Mường Trạc Nhật mỗi nhà nó chỉ nuôi có ít con. Mà nó có cần đem ra chợ bán đâu?

Ý chừng họ tưởng chúng ta cứ bơi thuyền thúng ra giữa cánh đồng chiêm mà quơ lấy vịt. Hết thuyền này chở nặng lại đến thuyền khác đem về. Nhặt hết lứa này lại đến lứa khác...

– Có thế này thì mình mới hiểu thấu cái nghĩa đau đớn của kẻ dâng đồ tiến, cái nghĩa không biết thương người của kẻ ngồi một chỗ yên ấm để hưởng của ngon đem đến, ngụ ở trong cổ thi: “Nhất kỵ hồng trần phi tử tiếu; đa nhân tri thị lệ chi lai”.

Bà Huyện vốn cũng có chữ Nho sở đắc được của cha anh truyền cho và chồng luyện cho, gật gù nghĩ ngợi và cố tưởng tượng ra cái thảm cảnh ngày trước người ta phải chạy ngựa từng cung, từng trạm dài để đem các thức ăn ngon tiến vô kinh.

Nhưng bản tính hay đùa, bà lại nói tiếp:

– Và có như thế này, chúng ta mới biết ái ngại cho những kẻ mới xuất chinh đã phải đi cung chức hạt Thạch Thành.

– Cứ gì hạt Thạch Thành. Cứ gì có vịt ngon. Họ không tống được thứ này, họ sẽ tống thứ khác. Có mất gì của họ? Mình há không nghe chuyện chú Huyện Can Lộc phải dâng cỏ tươi và lá tre cho ngựa quan Tuần đó à? Mình không nhớ chú Huyện nhà mỗi lúc uống rượu với tôi

hay nhại tiếng cụ Tuần đó và nói câu: "Hạt thầy có thứ lá tre nhiều chất đạm khí rất hợp cho bộ tiêu hóa của chuồng ngựa tui" đấy à?

Vợ chồng ông Huyện Thạch nói chuyện trong đêm ấy thế mà đã gần khuya. Lúc sắp đi ngủ, bà Huyện bảo chồng:

– Tôi vừa nghĩ được một cách, may ra vợ chồng chúng ta gỡ được cái nạn vịt Trạc Nhật.

– Hay đùa lắm. Thôi, đi ngủ.

– Không đùa đâu mà. Có thể làm ngay được. Mai tôi đi tỉnh. Tôi sẽ mua độ 200 vịt đàn. Chỉ một hào một con. Đem về thả ở đầm Trạc Nhật. Vịt nó béo, nó ngon là vì nó ở nước. Vịt hôi là vì ở cạn. Nó ngon nữa là vì vịt rúc được nhiều mồi. Đem vịt ở nơi xa về Trạc Nhật, cho nó chịu thủy thổ Trạc Nhật nó ăn ở đầm đấy, thở không khí đấy, tắm nước đấy thì nó là vịt Trạc Nhật chứ là cái vịt gì nữa? Mình sợ như thế là đánh lừa người ta hay sao? Mình không biết, chứ chính tôi đã lên tận làng Trạc Nhật rồi. Tụi Mường ở đấy nó nói chuyện rằng ở gần hai trăm mẫu đầm đó, gốc dạ nào bị ngâm nước cũng đều có tép chúi vào ở trong cả. Người Mường ở đấy không thả dậu thả lưới đánh tép, nên vịt được ăn cái thứ tôm con đó. Thịt vịt đặc biệt nhờ đấy chứ đâu nữa?

Mình có ỷ quyền phụ mẫu cướp nghề của ai để mưu lợi đâu mà sợ. Chẳng qua là mình cũng phải nghĩ cách mà cứu lấy mình cho nó qua cái năm nay. Sang năm xin đổi đi hạt khác. Chứ không có các ngài ấy "bặc" cho về khoản vịt thì từ giờ đến tết cũng còn là khổ. Lấy đâu ra tiền mà mua vịt? Vịt đâu có nhiều mà mua?... Ấy thế rồi từ đêm ấy trở đi, thỉnh thoảng trong những đêm thu, đông mà chồng gẩy đàn nguyệt di dưỡng tính tình ở nơi cò-ịch, bà Huyện Thạch lại tinh quái nhìn chồng và ngâm hai câu thơ Kiều đổi đi mất một chữ:

Cầm đường ngày tháng thanh nhàn
Sớm khuya tiếng vịt tiếng đàn tiêu dao.

Đông Dương tạp chí; 1937.

THỜI SỰ

(Truyện ngắn)

Báo hàng ngày được nhiều độc giả nhất ở vùng Nghệ An là hai tờ *Điện báo* và *Thần báo* xuất bản ở Hà Nội.

Về mục thời sự các tỉnh, bao giờ thành phố Vinh và tỉnh Nghệ An cũng choán hết một cột rưỡi hay hai cột báo chữ nhỏ li ti. Ông chủ nhiệm báo thông tin, nhà đại lý độc quyền và độc giả đều nhận thấy địa vị quan trọng của tỉnh Nghệ hàng ngày cung cấp tin tức cho báo giới. Không kể những ngày có kỳ sổ số Đông Pháp, là những dịp công chúng đến hiệu sách đại lý báo chí đợi giờ báo về cứ đông nghịt và đen kịt như một cuộc biểu tình, những ngày thường thôi mà cửa hiệu đại lý hai tờ *Điện báo* và *Thần báo* cũng có đủ số độc giả trung thành và sốt sắng để diễn những cảnh tượng của ngày họp chợ. Tin tức đủ, tờ báo thông tin thành ra quan trọng đó cũng lôi cuốn cả hai ông đại lý độc quyền ở Vinh, tuy các ông ấy chỉ là người buôn bán kiếm lợi. Bạn hàng há chẳng mục kích vẻ trịnh trọng của họ lúc xoa tay, mỉm cười đứng nhìn chồng nhật báo cứ vơi dần đi một cách rất nhanh chóng. Có những độc giả lỡ chân một chút, đến chậm không mua được báo, đã phải phàn nàn với những người tốt số hơn:

– Mua báo ở đây không khác gì ăn bánh uống nước buổi trưa ở các tiệm cao lâu khách có tiếng trên Hà Nội. Đến chậm là y như hết.

Oai, giữ việc thông tin cho tờ *Điện báo* đã bao lần cảm động đến rơi nước mắt khi thấy công chúng đọc tờ báo của mình, đọc những bài tường thuật của mình viết mà ở dòng cuối không khi nào chàng quên không đặt vào đấy ít câu phê bình tỏ ý khiếp sợ, tức giận, mong mỏi, thóa mạ, hoặc cảm ơn nhà đương chức hay chia buồn cùng thân quyến nạn nhân với những câu phàn nàn rẻ tiền. Chàng thọc hai tay vào túi quần, nhìn đám độc giả tờ *Điện báo* mà hiệu sách đại lý kia nhả ra đường mỗi lúc một nhiều thêm. Bao nhiêu vẻ kiêu căng của Oai đều tiết ra nơi cặp mắt nheo mi bởi làn khói thuốc lá của chiếc môi bĩu đang thở nhẹ ra. Những lúc này, chàng lại muốn gọi hết thẩy những bạn đã khuyên chàng nên đi buôn, để cho họ đến đây mà hưởng với chàng những phút khoái trá đem lại bởi một nghề mà họ

thường chê là bạc bẽo. Chàng không muốn đứng yên một chỗ để tận hưởng những sự sung sướng đó đang dào giạt ra ngoài tâm tưởng và chàng đã cậy đến việc đi tản bộ trên vỉa hè để quên nỗi lòng. Trái lại ý muốn, Oai càng đi trên hè, càng gõ đều đế giầy da đến đâu thì chàng lại càng nhận rõ thấy mình là một người sung sướng quá và quan trọng quá nữa. Chàng tự hỏi nếu trong lúc này chàng nhất đán chết thì không biết vì thiếu người thông tin vùng Nghệ An có ngừng sự hoạt động xã hội không? Bất giác chàng lại nghĩ đến đám ma long trọng của hai nhà báo Anh có các sứ thần các nước ở Thượng Hải đi đưa để tỏ lòng mến phục lòng can đảm của những ông hoàng tử phóng sự vì nghề mà không sợ hòn đạn lạc. Rồi chàng lại muốn thế giới nhắc đến tên chàng "– Giá hãng Nhà Rồng đóng một chiếc tầu bể nữa cũng đặt tên là *Georges Philippar* cho mình vượt sang Hồng Hải để chết cháy ở đấy, chết rất oanh liệt như cái ông Albert I ondres nhỉ!".

Ấy một người vui vẻ như thế, tin ở tài mình và tương lai mình như thế mà hôm nay lại phải tức bực với nghề thông tin viên. Khác hẳn với mọi ngày mỗi khi gặp người quen là tươi tỉnh tiếp chuyện và gây chuyện một cách tò mò tinh quái, hôm nay Oai cau có lẩu nhẩu với mọi người gặp chàng ở ngoài đường. Chỉ có những bạn thân lắm mới tha thứ cho Oai mà thôi vì chỉ có họ mới hiểu rằng chàng đang bị khủng hoảng về tin tức không đủ để gửi ra tòa báo *Điện báo* đã mấy hôm nay. Đã ba hôm tin gửi đi ít lắm, và không có gì là quan trọng, rồi đến hôm nay thì tuyệt nhiên không có gì nữa.

Oai thấy không có hôm nào túng tin đến như hôm nay, kể từ mấy năm nhận giúp tin tức cho tờ *Điện báo*.

Chàng nhớ lại đâu có một lần cũng mất đến mấy kỳ khan tin, nhưng sau đó chỉ có mấy ngày, Oai đã vớt lại được một mẻ tưởng lục và tin thuyên chuyển trong quan trường. Phải, cái hồi đó là sau hồi Cộng sản làm náo động dân tình vùng Nghệ–Tĩnh, nhà nước tưởng lệ bao nhiêu người đã tỏ lòng trung dũng với Chính phủ trong những buổi nguy biến và riêng phần Oai thì hồi đó chàng thấy sự bằng lòng trong mình như kẻ nông dân gặp ngày được mùa vậy. Trong những ngày đó, Oai chỉ việc đến tòa Sứ, mỗi ngày chép lấy ít chục tên các kỳ hào được tưởng lục, thuật lại những việc kỳ lạ của mấy ông bang tá đi bình giặc Cộng sản và thỉnh thoảng đăng những bản án của tòa Nam án xử các phạm nhân chính trị đầy họ đi Lao Bảo và Ban Mê

Thuột, ấy có thế thôi mà mỗi ngày Oai chỉ có chép lại để gửi ra tờ *Điện báo* cũng đủ mỏi cả tay, hết cả thời giờ, chứ đừng nói là chạy đi chỗ này, chỗ nọ nữa.

Oai ôn lại việc xưa và tặc lưỡi nhớ tiếc thời cũ nó cung cho chàng nhiều tin tức. Chàng cũng là người hiểu việc đời và học vấn thường thức của chàng cũng đủ cho chàng hiểu đến sự thịnh vượng trong xứ chỉ có thể đi đôi với sự yên ổn và chuyện bạo động là chỉ có hại. Nhưng... những lúc túng tin như thế này, Oai thành thực muốn cho quốc gia vẫn đa sự như dạo nọ để có tin mà đăng. Vụ biến động dai dẳng và dữ dội lại sẩy ra. Thật là tha hồ mà múa bút phê bình những tin đặc biệt. Chàng bực dọc nhớ lại từ sớm tới giờ chàng đạp xe máy, ngồi trên yên xe đã ê cả đít, đi có đến sáu bẩy sở rồi mà vẫn không bói ra được một tin gì có thể đăng được. Sở Cẩm, tòa Nam án, tòa Tây án, tòa Sứ, sở Mật thám, nha Thương chính, bến ô tô hàng, bấy nhiêu nơi là những tổ cho tin, chàng đều có đến cả. Nhưng người ta đều lễ phép đáp lại sự cung kính của chàng và trả lời rằng không có gì là đại sự.

Vui chân chàng vẫn đạp xe lên phía nhà ga. Bây giờ thì chàng chỉ còn trông mong vào sự tình cờ. Ở nhà ga về, Oai cố giữ lấy tính vui vẻ; hài hước tự hỏi mình sao trong những hôm như thế này, mà không có một đoàn tầu nào đổ hay là một toa máy nào trượt bánh cách Vinh độ một đôi ga để chàng được chạy rất nhanh ra nơi xảy ra tai nạn, để vừa điều tra vừa chụp luôn mấy tấm ảnh mà đăng vào trang nhất tờ *Điện báo*? Trong những ngày này, sao anh em "áo cộc" ở nhà máy Trường Thi không toàn thể đình công và hiệu triệu quần chúng bên ngoài biểu tình qua các phố để ủng hộ những yêu sách của họ? Sao đức Kim Thượng không vi hành ra đất Cổ Hoan để làm một việc gì rất lớn lao?

Vẫn vui chân, chàng lại đạp một vòng vào trong thành thì buồn chưa! Người ta đã bãi hầu và mấy ông thừa phái lớp mới, mặc tây đang cắm cổ đạp xe về. Chàng thấy những chuyện lớn lao vừa mong xảy đến kia là khó có được, giờ chàng chỉ mong được mục kích những chuyện tầm thường hơn vậy. Thí dụ một thầy thừa đâm phải chiếc xe nhà của quan Lãnh binh và ngạo nghễ thốt ra những lời xấc đối với vị quan kia...

... Rồi chàng càng tức bực hơn nữa, khi một đám đông người tụ họp ở đầu phố Cửa Tả đã bắt tính tò mò của nhà nghề phải dừng

chân lại để ý xem qua. Không, chẳng có gì đáng để ý cả, vì đây chỉ là lũ con trẻ và đàn bà đang quây kín lấy chú khách Sơn Đông bán thuốc cao, mãi võ và bảo khỉ làm trò xiếc.

Oai về nhà đánh một giấc ngủ đến chiều tối mới dậy. Bẻ mười ngón tay kêu răng rắc, chàng ngáp dài, sỏ giầy, nghĩ thầm:

– Phải đi mấy vòng nữa xem sao. Nếu không "săn" được tin gì, thì là vừa hết một ngày vô vị.

Muốn được tỉnh táo, Oai vào một tiệm cà phê, gọi một tách, dặn bồi pha cho thật đặc và đừng bỏ đường... Hình như hôm nọ, cùng ngồi uống cà phê ở đây, không nhớ rõ ai đã bảo với Oai nên uống cà phê đắng và thật đặc, não cân sẽ bị kích thích nhiều và như thế, có lợi cho người muốn làm việc bằng óc. Chàng nhấm nháp chén cà phê đắng như là bát thuốc bắc, đổi ý kiến sắp gọi bồi cho thêm mấy cục đường vậy, thì kìa! Thọ, bạn đồng nghiệp của chàng đang tươi tỉnh bước vào, tay sách một cập giấy dầy cộm.

– Trận gió lành nào đưa quan bác lại đây? Có chuyện gì mà xem ra vội vã hoạt động dữ thế?

– Tiên sinh chỉ nhạo tôi mãi. Ai chả biết tờ *Điện báo* bên ấy dạo này cướp hết cả độc giả của *Thần báo*.

Thọ cười một cách mỉa mai. Oai làm bộ khiêm tốn cười mỉm nhận lời khen của đồng nghiệp và thuận tay kéo luôn chiếc ghế mây mời Thọ cùng ngồi vào bàn dùng bánh và uống một "thứ" gì vậy. Nhưng Thọ từ chối rất nhã nhặn, lấy cớ còn bận viết một ty, xin cứ để cho chàng tự nhiên ngồi riêng và lúc viết xong sẽ hay. Thọ vừa xin lỗi, vừa mở cặp lấy giấy và phong bì tem in sẵn tên và địa chỉ tờ *Thần báo*, tay vặn bút máy, mắt chăm chú vào cuốn sổ tay, rồi chàng viết lia viết lịa gần đặc một trang giấy khổ nhỏ. Giá Thọ ngước mắt lên thì sẽ bắt gặp Oai đang lấm lét nhìn trộm sang mảnh giấy chưa se mực của mình. Oai vẫn thèm thuồng nhìn trộm đầu ngòi bút của bạn đang "thao thao bất tuyệt" trên mảnh giấy, tuy chàng vẫn không đọc rõ một chữ gì. Oai đoán già rằng Thọ vừa biết được một tin quan trọng vội viết gửi cho kịp chuyến tầu thơ. Như thế này thì bực thật mai kia báo về, tờ *Điện báo* lại kém đi mất một tin đặc biệt và nghĩ tới nhược điểm đó, chàng tự thấy mình khổ sở lắm. Nâng chén cà phê đã bay hết khói, muốn nhấp ít chút cho qua chuyện, thì Oai càng thấy nó đắng nhiều hơn lúc nãy, mặc dầu chàng vừa bỏ vào đấy đến 3 cục đường. Chàng ước ao tìm được một cách gì để đọc hết được cái

tin quan trọng Thọ đang tường thuật trên giấy một cách vui sướng lộ trên nét mặt mà kẻ mải viết không giấu nổi được. Hay là vờ lại gây chuyện cho khéo cùng Thọ ngộ may ra hắn có nói lộ ra điều gì để mình tìm lấy manh mối? Nghĩ đi nghĩ lại, Oai không theo kế đó vì biết trước rằng người bạn đồng nghiệp cũng khôn chán và không những chỉ riêng chàng mới biết cách giấu tin.

Nơi phía bàn bên cạnh. Thọ đã mạnh bạo chấm dấu hết cho bài và hoa bút ký tên vào góc mảnh giấy.

– Bồi ơi! Cho tao mượn lọ *cồn*.

– Dạ thưa ông, *cồn* nhà không có; để con lấy ít hột cơm có được không?

– Được rồi. Này, nhà có chó không? Đi tiểu đi thẳng vào trong hở?

Oai lắng nghe tiếng giầy Thọ đã bặt hẳn, vội vàng bò nhoài sang bàn bên, đọc trộm những dòng chữ bút máy còn tươi mực, đọc rất nhanh, rất tham hình như có thể nuốt chửng được cả vần, cả chữ. Đọc xong trong giây lát, chàng ngồi nghiêm chỉnh lại, tay cầm thìa quấy tách cà phê nguội để che đậy sự hồi hộp của mình, miệng nhẩm lại cho khỏi quên những điều vừa biết trộm được.

Thọ đã cồm cộp từ nhà trong đi ra, hai lòng bàn tay ấp và xoa mạnh vào nhau như kiểu người Pháp lúc bị giá lạnh hay là lúc tỏ vẻ bằng lòng.

– Nào, bây giờ tôi mới rảnh việc để ngồi uống nước cùng quan bác. Chắc quan bác cũng bị những lúc vội vã viết lách như thế luôn luôn.

– Chuyện gì quan trọng thế? Có cho đệ nghe mót được không?

– Khốn nạn, có mấy người mua báo, đổi chỗ ở và mấy cái tin vặt. Những tin này thì quan bác đã biết cả rồi, nói ra làm gì cho nó xấu hổ thêm. Tôi xin chịu kém quan bác về cách lấy tin. Tờ *Điện báo* trả tiền nhuận bút cho quan bác hậu hĩ như thế là phải lắm. Và tờ *Điện báo*, ở đâu thì không biết, chứ ở Vinh này mà nhiều độc giả lại càng phải lắm nữa. Ý tôi cũng muốn thôi không giúp cho *Thần báo* nữa.

Oai nheo mắt nhìn Thọ nói chuyện. Trong bụng cười thầm người đồng nghiệp không thể lừa dối mình được vì chàng vừa được đọc trộm cái tin Thọ sắp gửi ra *Thần báo:* ông Thổ ty họ Sầm ở vùng Mường Phủ Quỳ vừa bị lợn rừng húc lòi ruột trong một cuộc săn bắn long trọng. Nhưng chàng cũng đưa đẩy ừ ào cho xong câu chuyện và lúc gần đứng dậy, chàng tưởng cần phải an ủi ông bạn đồng nghiệp bất đắc chí.

– Quan bác cứ dậy quá lời chứ tôi thì có tài cán gì. Chẳng qua làm lâu ngày, thì có quen việc hơn.

Chàng lại nhún vai, nói tiếp:

– Còn như tiền nhuận bút thì đâu cũng thế mà thôi. Cái nghề này bạc bẽo lắm mà. Nếu quan bác mà không ở trong làng báo nữa thì từ rày tôi ở Vinh biết tìm ai làm bạn đồng nghiệp xứng đáng?

Thế rồi Oai và Thọ đứng dậy tranh nhau trả tiền để cho nhà hàng không biết nên nhận tiền của người nào thì mới là phải. Họ ở hàng cà phê bước ra với mọi sự thân thiện của kẻ cùng làm chung một phận sự. Họ dìu nhau ra nhà dây thép. Thọ bỏ lá thư vừa viết, Oai dò xem có thật Thọ bỏ thư đó vào thùng thơ. Rồi lúc Thọ rời sở Bưu điện, Oai đã thảo một bức điện tín gửi ra tờ báo mình, báo cái tin ông Thổ ty Sầm vừa bị tử thương bởi thú dữ. Chàng không nề hà tốn tiền, đã thuật qua những tiểu tiết của cuộc đi săn, tả cái chết ghê sợ của nạn nhân bằng trí tưởng tượng và hứa sẽ tường thuật thêm nữa trong một số sau.

Oai bệ vệ bước vào hiệu sách đại lý báo *Điện báo*, đòi tờ báo mới về và cảm động đọc cái tin vừa gửi ra tòa báo xếp chữ to, đăng trang nhất, giá kèm được vào đấy một tấm hình nhìn thì thú biết chừng nào! Nhà đại lý đã đọc tin trước từ lúc báo ở tầu mới về, chêm vào sự yên lặng của người đang chăm chú đọc báo một câu khâm phục.

– Tôi thực chịu cập tai và cập mắt ngài. Chuyện ở phủ Quỳ mới xảy ra hôm kia mà hôm nay bà con, đã có báo xem rồi. Báo ở Tây, cũng chỉ nhanh được đến thế thôi. Oai bỏ tờ báo ra phía sau lưng, kiêu ngạo trả lời:

– Chuyện, không thế thì ai chả làm phóng viên được. Dễ thường ông tưởng người ta mù cả đấy, khi người ta cấp cho ông tấm "các".

Oai sung sướng trong mấy ngày, cứ nằm ẹp ở nhà mà hưởng lấy khoan khoái, sợ đi ra đường nhỡ gặp bạn đồng nghiệp Thọ ghen tức và oán giận mình thì đảm thú. Chàng nghĩ mà chê những kẻ nào không biết tò mò xem trộm thư tín của người khác. Nếu chàng cũng cứ buộc mình theo những lễ giáo dạy về danh dự và nhân phẩm, và phải kính trọng bí mật thư tín của người khác, nếu chàng đã thận trọng như vậy thì tờ nhật báo mà chàng đại diện ở Vinh còn làm gì có những tin quan hệ đăng trang nhất nữa. Mới hay, sự tò mò nhiều khi không những không phải là thói xấu mà còn giúp cho người ta đi đến những chỗ

thành công lớn. Muốn cho được công bằng đối với bạn, đối với mình, Oai định mai kia có gặp lại Thọ thì sẽ thành thực mời hắn đi ăn một bữa cơm tây. Có như thế mới là người biết điều, vì không có Thọ thì làm gì chàng biết được tin này, dù hắn chỉ là kẻ hớ hênh vô ý.

Một ngày, hai ngày, ba ngày, Oai vẫn sung sướng đều đều như vậy. Nhưng đến ngày thứ tư thì chàng phải chịu không biết bao nhiêu là sự nhẫn nhục khi phải tiếp một ông khách lạ, to béo, ăn mặc không ra lối kinh mà cũng không ra lối Mường Mọi hẳn.

– Thưa ngài tôi muốn được hầu chuyện ông Phạm Tam Oai, phóng viên báo *Điện báo*.

– Chính tôi, ngài có điều gì dạy bảo?

– À, về cái tin săn bắn ở Phủ Quỳ mà quý báo vừa thuật lại. Tôi ở trên Mường Tà Sỏi lặn lội về đây, mong được gặp ngài chính là vì việc đó.

– Tôi rất lấy làm hân hạnh. Xin phép ngài tôi vô mặc quần áo. Ở tệ ốc không tiện nói chuyện nhiều. Ngài đợi tôi một lát rồi tôi xin mời ngài tới một trà điếm gần đây.

– Dạ thôi, ngồi đây cũng được lắm rồi. Tôi quên chưa tự giới thiệu tôi với ngài. Tôi chính là viên Thổ ty họ Sầm ở Phủ Quỳ nổi tiếng là bắn nhiều thú dữ.

– ?!?!

– Vâng, tôi nhờ thần linh đất nước vẫn còn được mạnh khỏe như thường, và đến mấy tháng nay, không hề khi nào có tổ chức cuộc săn bắn thú dữ. Sinh ư nghệ, tử ư nghệ, nếu tôi cứ theo đuổi mãi nghề săn cọp để lĩnh thưởng và lấy xương hổ nấu cao, thì cũng có một ngày kia bị chết dưới nanh vuốt ác thú. Có thể được như thế lắm. Điều ấy tôi không có phàn nàn gì. Nhưng tiếc rằng ngài đăng chuyện đó lên quý báo khí sớm quá. Tôi tin rằng ngài có ý tiễn tôi, khi ngài đánh điện tín đăng tin này.

Oai choáng cả người. Lúc trấn tĩnh được để nghe chuyện ông Thổ ty họ Sầm thì chàng tự thấy xấu hổ vô cùng. Chàng ước gì mặt đất tự nhiên nẻ sụt một lỗ lớn để chui tụt xuống đấy mà biến mất tích đi như Đậu Nhất Hổ trong chuyện Chính Đông. Lúc này chàng mong được làm mây khói để tan bay trong quãng hư vô cho khách không nhận thấy hình tích mình nữa. Hết cơn xấu hổ, Oai đâm cáu và hỏi sẵng ông khách:

– Vậy ngài định kiện tờ *Điện báo*?

Ông Sầm vẫn thản nhiên.

– Có khi nào! Trong báo Luật không có điều luật nào buộc lỗi tờ báo đăng nhầm tin người chết... Tôi thấy quan Lục sự Nghị ở tôi bảo thế.

– Vậy thì ngài muốn cải chính? Chúng tôi rất vui lòng.

– Để mà làm gì? Hiện tôi còn sống sờ sờ ra đây, như thế tôi tưởng cũng đủ cải chính cái tin của quý báo, hà tất phải cần đến văn chương giấy mực nữa. Nhưng nếu ngài muốn đính chính, đấy lại thuộc về công chuyện riêng của ngài. Tôi xin kính chào ngài.

Oai cứ điếng cả người, nuốt thẹn thùng đắng cả cuống họng, lặng thinh nhận thấy những lời trào phúng của khách đường rừng cao tuổi. Chàng tự an ủi mình rằng như thế còn là khá chứ ngộ ông Thổ ty họ Sầm lại giở cái lối thóa mạ ra – ông có quyền lắm chứ thì chàng đã dám làm gì tốt? Nghĩ thấm thía chàng mới vỡ lẽ câu chuyện: chàng đã bị mắc mưu Thọ chủ tâm cho chàng ăn một con "vịt".

Đông Dương tạp chí, 1937.

MỘT CHUYẾN ĐI

(Du ký – Trích)

MỘT CON TẦU SAY RƯỢU

Buổi chiều mùa đông ấy, tàu *Kinh Châu* rút neo vào khoảng bốn giờ. Trời không sáng và cũng không tối. Mặt nước thương khẩu Hải Phòng lẫn lộn vừa nước ngọt vừa nước mặn, phản chiếu ánh sáng lạnh một vòm trời thấp tịt như cái vung nổi đè nặng trên lữ hành.

Từ ruột con tầu bể, nổi lên mấy tiếng phì! Phì! Làm rạo rực lũ người đứng trên boong muốn nói nốt chuyện với bọn người đứng dưới bến. Tiếng còi tràn qua sự buồn rầu của cuộc tiễn biệt và chạy dài đến giang thôn kia thì chết hẳn. Hồi chuông báo hiệu lắc mạnh. Con tầu dịch đít. Sườn tầu nhẫn nhụi còn gợn mấu cầu chưa rút hết, lừ lừ nhả thành đá rời bến. Cái quãng trống từ thành đá đến thân tàu sáng dần ra và rộng thêm mãi. Con tầu cựa mình làm mực nước rạt rào vỗ mạnh vào chân đập bến lởm chởm gắn những mảnh hầu và vỏ sò. Luồng khói trắng, loãng, cao và dựng đứng trên nền mây chì đã nhường chỗ cho thứ khói đen và đặc. Con tầu tuôn mùi than đá nồng nặc làm người ta có thể mửa được đến mật xanh mật vàng. Gió bấc một buổi chiều khởi hành đè rạp luồng khói xuống mặt nước phù sa.

Tiếng chân vịt tầu đập nước đã làm át những tiếng reo hò dưới bến cố đuổi theo con tầu đang mở máy. Chỗ phụ đầu, mấy chiếc bóng lờ mờ, mỏi mệt phất những mảnh mùi xoa kỷ niệm.

Tiếng rình rình của các động cơ từ trung tâm tầu phát ra nghe đều đều... Hải Phòng chỉ còn là một bức tranh thủy mặc mà cạnh và góc lâu đài đều nhòe cả. Gió chiều của ngày lụn và sức nhanh của tầu nhắc cho ít nhiều hành khách trên boong, cái cảm giác lạnh. Những cổ áo tơi *len* bắt đầu dựng, chùm kín gáy những đầu bù tóc.

Boong tầu vãn người. Rồi ngoài bọn thủy thủ phải lăng xăng chạy theo mệnh lệnh của thuyền trưởng phân phát công việc, trên boong tầu, chỉ còn có một mình tôi đang mê đắm với cảnh sông dài giời rộng.

Tôi ngạo nghễ, mỉm cười nhìn ô cửa vuông cầu thang cứ nuốt lần hành khách. Họ xuống dùng bữa cơm đầu tiên trên bể. Nhưng tôi không thấy đói. Ngả lưng vào lan can, tôi ngoẹo cổ ra ngoài nhổ chơi một bãi nước bọt xuống mặt nước hỗn độn. Trong muôn nghìn tiếng sóng vỗ ì ầm vào thân tầu, tôi tưởng chừng như thính tai đến có thể nghe tách riêng ra cái tiếng bẹt một bãi nước bọt mình rơi từ một bề cao chín mười thước. Trong muôn nghìn con sóng bạc đầu, trong ức triệu cái bọt nước bể đang xèo xèo tan, tôi còn dám nghĩ có thể thấy rõ được khối nước dãi của mình vẫn giữ được nguyên chất và không chịu hòa hợp với triền nước sông đục.

Buổi hoàng hôn Bắc Kỳ xuống chậm chạp và nhuộm xẫm dần mặt sông nhờ nhờ đỏ. Nó reo vào lòng khách cô độc đứng trên boong một mớ nhớ thương lãng mạn chỉ chờ giây phút cảm hứng là hiện nên một khúc nhạc độc tấu hay một bài thơ tương tư dài.

Khí âm nổi lên một lúc một tăng. Hai bên sườn tàu, le lói sắc đèn báo hiệu màu xanh và màu đỏ.

Giữa khoảng âm u nơi hà khẩu, ánh sáng khoa học ngọn đèn bể quét sạch một góc mặt biển, dọn đường cho tầu Kinh Châu.

Không cần phải nhận rõ thấy lâu đài, biệt thự ở chỗ duyên hải, người ta cũng biết dẫy đèn điện như một xâu con đom đóm nằm im kia là Đồ Sơn.

Rồi giữa sự điên cuồng của nước mặn, của gió muối, con tầu lắc lư nhiều hơn và mạnh gấp bội.

Biển lớn bắt đầu.

Sóng gió và tiếng máy hòa nên một bản đàn mà trong đó nhiều nhất là những tiếng nấn vào một cung hồ. Nghe mãi cái điệu buồn, tẻ, trầm trầm này, trên một boong tầu, tôi tưởng như hồi còn tấm bé, được đặt mình trong chiếc võng đưa và có người vú già nịnh ru tôi dở giấc với một giọng ngái ngủ.

Tôi tập tễnh đi tới đằng lái tầu. Chiếc tẩu thuốc lá vẫn không rời miệng tôi và nhận có đến bốn năm mồi thuốc đầy rồi. Nó đã bắt đầu nóng đến bỏng tay. Tôi cúi gầm mặt đi đi lại lại và khom lưng lắng nghe tiếng giầy mình gõ lên sàn tầu nghe rõ mồn một. Tôi thấy có người đánh đai sắt lên đầu và cặp chân vững chãi của tôi đã đến lúc đặt nhầm chỗ và có lúc lại không nhận thấy chỗ mà đặt nữa. Tôi thấy choáng váng tâm óc và say sưa vô cùng. Tôi thấy những rượu

hồi, bồ đào, rượu ngải cứu uống từ trước tới giờ đều không có nghĩa lý gì hết, nếu người ta định nhờ đến rượu để theo đuổi cho cùng cái thú say. Thứ say rượu mạnh chưa có tên mà tôi đang uống một cách không tưởng ở trên boong tầu, tôi gọi là rượu giang hồ.

Rượu giang hồ này đã làm nhạt phèo những tửu độ rất cao, những chất men rất nồng ngạt. Nói đến công phu của người cất được hồ rượu giang hồ, trong túy hương mọi người không khỏi rùng mình. Kẻ cất rượu đã chẳng đoái đến sức khỏe, không tưởng đến năm tháng, lủi thủi trên những quãng đường dài vô hạn – dài đến nản lòng người vong mệnh – hoặc thẫn thờ giữa cảnh núi rừng mà thăm dò từng vết chân chim, hỏi tìm từng cái bóng đá, để làm gì? Để ngày lại ngày, âu yếm hứng lấy từng giọt sương đọng trên ngọn cỏ bên đường, trên ngàn lau rừng thẳm. Những giọt sương ấy, cho thêm vào ít men, đem ủ, đem vùi dưới những quán trọ, một ngày kia sẽ trở nên thứ rượu mạnh chấp hết sự cạnh tranh của mọi thứ rượu có bán đến bây giờ. Sành sỏi trong việc cất thứ rượu ngon này, có lẽ không ai bằng bọn thủy thủ sinh nhai trên mặt nước rộng. Vì họ đã không nao lòng trước cảnh bão táp hùng vĩ của biển hồ, căng những lá buồm lớn cốt để hứng giọt sương thu, hạt mưa mặn, rồi đem giấu những chai nước đọng đó xuống dưới lớp cát một hòn đảo không tên, dưới lớp bùn một bến nước bỏ hoang. Bao nhiêu đau khổ của người trôi nổi sẽ là thứ men dùng vào nghệ thuật cất rượu. Thứ rượu này không có bán như ở Hạnh Hoa Thôn. Kẻ nào muốn nếm thử cái say sưa của người du lịch không quê hương thì cất lấy, ủ lấy rượu mà uống. Và trong đám giang hồ nếu có kẻ không tên tuổi mời một kẻ không có cả *Bây Giờ* không có lẫn cả *Ngày Mai* uống một chén rượu này vì sự tình cờ của quán trọ hẻo lánh, thì những cuộc mời mọc này lại toàn là tiếng khóc phẫn uất, bất đắc chí, đi trước những cái chết bất đắc kỳ tử.

Cất nổi nửa hồ rượu giang hồ, lãng nhân soi gương nhiều khi thấy bạc hẳn mái đầu. Lít rượu ngon ấy, người giang hồ trả giá đắt hơn một viên linh đan của Tiên Ông trong núi hay giả hòn ngọc của hồ ly tinh. Thì ra bữa rượu say sưa của kẻ lữ hành vĩnh viễn đã được trả bằng giá một đời nghệ sĩ tìm lẽ sống của mình trong sự xê dịch luôn luôn trong không gian và thời gian. Hỡi kẻ kia hiếu tĩnh, tháng ngày ru rú trong xó nhà, hãy im cái đùi! Chớ có tự phụ làm ra con người lạc phách, khi uống được độ một cút rượu đêm giao thừa trong nhà hát sắp ăn Tết, than thở những là chẳng gặp thời với một cô đầu thập thành gần đến lúc hoàn lương.

Tôi càng thấy ngây ngất nhiều, lảo đảo nhiều. Tôi cảm thấy từ lúc bồng bềnh trôi nổi đến bây giờ, đã lâu lắm mới lại được nhấp rượu giang hồ đến "dĩ tận vi độ". Nhưng còn gì buồn hơn là độc ẩm. Uống bữa rượu ngon không gặp tri kỷ, ta thấy thiếu nhiều lắm. Cái nghĩa thiếu nhiều, ở phút này, ngụ cái ý tìm lấy một linh hồn bầu bạn. Thế mà chung quanh tôi, giữa một chiếc tầu đầy hoạt động, thừa sinh khí, tôi chỉ thấy cái rộng rãi và yên lặng của một boong tầu sạch sẽ, sáng sủa. Tôi ngửa mặt lên trời. Rồi cười sằng sặc. Tiếng cười này chỉ có thể có trong một nhà hát uống rượu đã đâm biến, lúc canh đã tàn.

Trời đen như một đêm ba mươi tết, đen kịt đến không trông thấy một tí gì ngoài những ngôi sao nhấp nhánh. Tôi nhìn ngôi sao Bắc Đẩu như một người đi bể tìm hướng Bắc trước hồi phát minh ra địa bàn trong nghề hàng hải.

Tôi lảo đảo đi ra phía cầu thang, xuống dưới sàn dưới. Đặt chân xuống sàn này ngổn ngang những hành khách hạng bét, bao nhiêu chất thuần túy mơ mộng, lãng mạn bồng bột từ nãy trong óc tôi, phút chốc đã tiêu tan ra khói, ra hơi nước. Tôi thấy khó thở quá. Một ánh sáng vàng cành cạch soi lên mấy trăm hành khách Á Đông đang quằn quại nôn, ọe, mửa. Buồn hơn nữa, là trong số bấy nhiêu người, tôi không tìm thấy một nét mặt nào tỏ vẻ vui sướng rằng đã được du lịch dài trên mặt bể. Đối với tôi, sự đổi chỗ trong không gian là một cớ thoát ly mầu nhiệm nhất, thoát ly khỏi hoàn cảnh tủn mủn của cuộc đời đứng yên mãi mãi một chỗ; thoát ly khỏi sự trói buộc bần tiện của cuộc đời hàng ngày dạy mãi cho người những thói quen nô lệ. Tôi rất bực mình tự hỏi sao lại có những người nghĩ khác mình. Và thảm hại hơn nữa là gần hai chục tài tử Việt Nam cùng đi với tôi sang Hương Cảng đóng trò chớp bóng nói, tôi nhận thấy, nhiều bộ mặt đau khổ từ chiều đến giờ, lúc nào cũng gần như sắp kêu to lên rằng *đi là chết mất một phần.*

Đấy là những kẻ giang hồ bất đắc dĩ.

Chao ôi! Tôi muốn gọi đến linh hồn của bao nhiêu cái bậu cửa, ngưỡng cửa và cánh cửa thiêng liêng, hô chúng khép cả lại và trách chúng đã thiếu bổn phận canh gác gia đình an cư để những đứa con hoang toàng nửa mùa như thế này được xổng ra ngoài.

Trên sàn tầu hạng bét bẩn thỉu, bọn tài tử Việt Nam biệt lập hẳn ra một khu xá quan trọng. Hơn hai chục ghế bố vải, xếp hàng

chữ nhất sát vào nhau, theo chiều ngang con tầu. Ánh sáng yếu ớt ngọn đèn điện mười nến không đi qua được lớp bụi kinh niên nơi bóng đèn, và lờ mờ rọi lên một tấm ghế bố ở đầu hàng còn để trống. Tôi trao đổi một nụ cười với anh em trong bọn rồi tiến ra phía giường của mình. Thấy nơi mình nằm là trống trải nhất, là hứng nhiều gió nhất, trong óc tôi nẩy ra những tư tưởng so sánh, và ganh tị. Rồi tôi lấy làm buồn và tự trách móc nhiều rằng đã để cho những ý nghĩ tầm thường đó trong giây lát cai trị nổi mình một cách không xứng đáng.

Tôi cứ để cả quần áo như thế, ngả lưng lên ghế bố, đầu đặt vào chiếc va ly đã méo bẹp cả góc.

Những tiếng ngáy đã nhiều và bấy nhiêu âm thanh khò khò tổng cộng lại, tưởng có khi át được tiếng động cơ tầu *Kinh Châu*. Tôi vẫn trằn trọc, thấy lạnh vai nhiều nhất và cựa mình luôn. Tôi muốn đánh lừa thời khắc, đem cuốn truyện Kiều ra ngâm: "*... vốn người Việt Đông. Giang hồ quen thói vẫy vùng...*"

Bỗng mấy người trong bọn nhao nhao hỏi:

– Có Kiều đấy à! Cho mượn tị.

– Làm gì? Bói phải không?

– Chứ sao nữa.

Tôi lãnh đạm đưa cuốn Kiều, giận họ đã làm mình cụt hứng ngâm nga. Dăm bảy người trong hội tài tử giang hồ, vừa thiếu nữ vừa đàn ông đứng tuổi, xúm nhau chung quanh cuốn Kiều, bên chiếc ghế bố. Họ nhắm mắt, tín ngưỡng và kính cẩn mở cuốn truyện xưa, sau mấy câu lầm rầm trong miệng. Họ khấn linh hồn hết thảy nhân vật trong truyện với sự thành kính của một bà cụ già có chân trong hội chùa, thắp hương trước Phật đài vào ngày sóc vọng. Những người này, chưa biết mặc kệ ngày mai. Họ còn tin những ngày sẽ tới và đặt tâm tình vào nhiều vật nhỏ nhen quá. Tôi thấy cõi lòng mênh mông hiu quạnh và trên cái ồn ào của những hành động tầm thường, tôi nghĩ đến nỗi lặng lẽ không bờ bến của một linh hồn không được thông cảm với chung quanh.

Đêm vẫn dài, tầu vẫn lắc. Bao thuốc lá của tôi cứ vơi dần rồi hết. Sự lười biếng không muốn ngồi dậy lấy thêm thuốc bỏ trong vali, sự lười biếng ấy đã cho tôi ngủ yên được. Vì rằng tôi thiếu thuốc lá, thường không thức được nữa, cũng như thư sinh kia sắp tới mùa thi đã phải bỏ học, hậm hực đi ngủ vì thiếu mỗi mẩu nến hay một chén cà phê đặc. Nói rằng tôi ngủ yên, thực không đúng. Tôi chiêm bao

nhiều quá. Trong đêm đầu tiên ngủ trên tầu *Kinh Châu*, óc tôi là mỗi tấm màn ảnh mạng và vá nhiều chỗ mà trên đó, mộng mị đã quay được mấy mươi nghìn thước phim. Cuốn phim Dĩ Vãng. Quay giật lùi, mờ chiếu ảnh một người lang thang không nhà cửa và sống một cuộc đời vô định, chẳng biết gì đến những phương pháp kiến thiết, chẳng chịu hiểu gì đến tư tưởng của thời đại. Thời đại bị hất hủi, đã báo thù lại và gieo vào đầu đứa con hư có mầm độc. Thời Bệnh. Cũng như ở trong các truyện phim chớp trên màn bạc thực, trong cuốn phim này, vẫn có một người đàn bà. Một người đàn bà tầm thường không đẹp, không xấu, không hiền và không ác, nhưng đủ mở nổi then, đóng nổi chốt cho sự hồi hộp cuốn phim. Cuốn phim quay, tôi vẫn đi mãi để tìm thời giờ đã phí phạm và những chân trời mới. Trong giấc mơ, chính tôi đang đi ngược lại dòng thời gian, sống lại cuộc đời mình trong giấc chiêm bao mà tôi không tự biết, còn lớn tiếng nói: "– Cái đời thằng này hỏng. Hắn không phải là người để kiến thiết xã hội trong những giờ nghiêm trọng cũng như trong những ngày thái bình, sống chật đất nước, chết thừa mồ mả. Đồ chọn nhầm thế kỷ. Ở cái thế giới đã già cỗi này mày là kẻ sinh sau đẻ muộn...".

Có người trong bọn đập mạnh vào mông. Tôi thức giấc. Họ vui vẻ bảo:

– Nằm mê thấy những gì mà nói tợn thế. Hôm qua thức khuya lắm thì phải?

– Mấy giờ rồi, anh? Cho xin điếu thuốc.

– Gần chín giờ rồi. Tầu sắp tới Bắc Hải. Ăng–lê gọi là Pakhoi.

– Có phải Bắc Hải là nơi đánh được nhiều cá mực ngon. Khách đem qua bên mình bán mỗi cân đồng mấy bạc cho bọn tửu đồ ấy không?

– Đúng đấy.

Tôi vùng mình dậy rửa mặt, thay sơ mi, đánh răng, thành tâm lên boong tầu, ngắm cảnh Bắc Hải.

Và nửa giờ sau, lúc tầu bỏ neo, tôi là người hành khách trước tiên đứng tựa bao lơn cầu tầu, thở khói tẩu thuốc lá, chào Bắc Hải như chào một cố nhân.

Với cái cố hữu danh từ địa dư đầy những gợi cảm, tôi đã rõ ràng lại những cuộc rượu ly bì nhắm cá mực Bắc Hải với người tri kỷ trong những ngày cuối thu sang đông. Một chậu thau sáng lập lòe ngọn lửa men xanh lè rượu chín mươi độ... Một mùi mực khô nướng thơm phức tỏa đầy gian phòng không bị tiếng đàn con trẻ quấy rối... Và ngọn

lửa hỏa thang ẩn hiện rọi vào những mặt phong trần thất thế mà đời gió bụi đã tạc vào đấy những nét rắn rỏi, gân guốc không khác gì nét đá hằn trên mặt một pho tượng bán thân.

Tôi lại nhớ cả đến những câu chuyện lý thú của các bạn cũ trong những lúc tạm dừng bước, họp mặt ngắn ngủi như thế rồi sau đấy lại xa vắng nhau thực lâu và không có chút tin tức gửi về. Những chuyện lý thú dưới ấy, với những nỗi bất thình lình tàn nhẫn ngoắt ngoéo, sống một chết mười mà kẻ lữ hành đem từ chân trời xa về, những chuyện ấy có thể làm sốt ruột ông bạn hàng xóm hiền lành vốn lấy bậu cửa gia đình làm giới hạn cho sự thay đổi chỗ của mình trọn một đời.

Tôi nhìn thành phố Bắc Hải, nhìn những mái nhà lầu lợp toàn thứ ngói đá đen màu trắng mốc, tôi lại liên tưởng tới cá mực ngon, thứ hải sản mang cái tên tốt đẹp của thành phố này mà một người ngây thơ uống rượu biết tự trọng không bao giờ quên được. Ánh nắng lạt buổi chiều soi vào từng viên đá mốc xếp trên mái nhà. Tôi tưởng tượng rất thèm thuồng đến những con cá mực phơi được già nắng đang phô màu phấn ngon lành của thứ hải vị đắt tiền. Nước dãi ứ đầy tràn miệng tôi.

Thế mà chiều hôm ấy tầu đã nhổ neo. Một đêm... một ngày, lại bắt đầu gặp tàu *Kinh Châu* bỏ neo ăn tết Tây ở đây.

Thế rồi ngày lại ngày, trên mặt bể rộng, con tầu căn cơ rút ngắn từng hải lý một. Và như thế, trong sáu ngày sáu đêm, tôi thấy tôi đã sống nhiều. Sống trong lúc thức tỉnh, thấy tâm hồn ngây ngất như bị con tầu hấp dẫn và bập bềnh trên con đường bọt bể trắng điên cuồng. Sống cả trong lúc ngủ, trong những giấc chiêm bao vụn vặt để ôn lại cái dĩ vãng xê dịch của tôi.

Buổi sớm ngày thứ sáu, tất cả hành khách đều vui vẻ trông thấy quần đảo Hương Cảng và lúc tầu *Kinh Châu* đi chậm lại trong vũng Hương Cảng, họ đều reo:

– Đến rồi.

Riêng tôi thì ngẩn ngơ như nhớ tiếc một cái gì quý giá đã tan mất. Cái gì quý giá đó tức là thi vị ngụ trong sự được đi mà không bao giờ phải ngừng. Tôi nói như trong giấc mơ:

– Đã đến rồi kia à!

MỘT NGÀY MỘT ĐÊM CUỐI NĂM

Ngày hôm nay là một ngày năm hết. Ngày năm tận, ở đất khách, với một tâm hồn uể oải theo ngày tháng trôi đi. Màu trời không tươi và cũng không buồn. Lẫn trong đám đông người "tứ chiếng" chen chúc ồn ào ở thành phố Hong Kong tôi vẫn tưởng là tôi ở đâu ấy, và bây giờ là bao giờ. Tôi yên trí có một bản lĩnh lưu đãng, đi tới đâu là nhà ở đấy, không bao giờ đoái tưởng đến những chuyện gì đã xảy ra và những nơi vừa đi qua. Và tôi không nghĩ tới một việc gì nữa.

Ngồi ở thượng từng tầu điện, bạn Chút vì một câu nói đã làm cho tôi mất hết bình tĩnh.

– Chiều nay, 4 giờ, tầu *Canton* nhổ neo về nước.

Chút co ngón tay, lẩm bẩm tính hành trình của con tầu.

– Sớm mùng hai, tầu cập bến Hải Phòng. Tôi ra tầu *Canton* đây. Nhờ anh Ph. ở dưới ấy, đem hộ lá thư về nhà. Chắc "ông cụ" tôi mong lắm.

Rồi anh kể lể một cách tha thiết những là trước khi đi, ở nhà thân quyến dặn thế nào Tết này cũng phải về để... để... anh kể ra nhiều thứ quá. Tôi thờ thẫn; bất giác tôi đã nhớ tới những chuyện gì để lại bên quê hương Việt Nam và mối thất tình lại đùng đùng đội lên từ đáy lòng một người định quên thương quên nhớ để sống cho trọn những ngày còn phải ăn gửi nằm chờ ở hòn đảo Hương Cảng. Bấy giờ tôi mới trịnh trọng đoái tưởng đến những mối tình thiêng liêng nó buộc người ta quay về chỗ chôn rau, dù là quay về một cách không tưởng trong một tích tắc đồng hồ. Con thuyền tam bản phấp phới lá cờ Pháp giữa rừng cờ vạn quốc, đã rập rờn đưa một con bệnh ra tầu *Canton*. Óc tôi, tâm tôi chả biết đau thương là gì! Còn cái xác thịt? Không cần đếm xỉa. Trên dòng nước mặn, tôi lấy bút chì viết nguệch ngoạc lá thư gửi về cho vợ. Không biết tại làm sao trong khi viết thư tôi lại nhớ tới câu thơ chữ Hán *"Nhất niên tương tận dạ, Thiên lý vị quy nhân"* tả tâm trạng một tráng sĩ lang thang ngoại phần hương, một đêm giao thừa. Trong phút ấy, tôi tưởng chừng như tôi là một người đàn ông rất đúng đắn đã làm hỏng cái đạo lớn trong gia đình. Những chữ *nghệ thuật và thê tử* nhảy mãi trong óc và sau

rốt thì hai chữ *nghệ thuật* đã an ủi tôi khi tôi nghiêm nghị trèo lên tầu *Canton*. Bao nhiêu cảm tình tốt đẹp của tôi đều để vào con tầu chở thư tín và bưu kiện này. Nó là cái gạch nối tôi với quê nhà, trong không gian, đằng đẵng mấy nghìn hải lý nước và mây. Trao lá thư cho ông bạn nhất kiến, nói dăm câu chuyện về vô tuyến điện trong nghề hàng hải (ông Ph. làm thư ký T.S.F trên tàu *Canton*) tôi lấy lại bộ mặt tươi tỉnh chúc ông ngày mai được "mọi sự như ý" trên mặt biển lớn. Và lúc trở về bến, tôi tự hỏi: "Không biết cái ông Ph. có tự biết là một người giang hồ không? Tâm tình ông ta giản dị quá".

Chiều hôm nay, giữa cái giờ mà một người Việt Nam – tôi không nói là Việt kiều – biết tự trọng, phải thiết bàn thờ, bầy cỗ lớn thỉnh hương hồn các đấng tổ tiên về với con cháu, giữa cái giờ ấy, tôi đang nằm bên bàn đèn ông Jaffa Lloyd – một người bạn Khách không kể tuổi. Ông bầu (!): họ Đàm, kép (!) Vượng, kép (!) Dương, kép (!) Đức Ngạc, đào (!) Lê Thị Hồng Hà, cũng ngồi trong gian phòng chật hẹp ấy. Tôi nhìn trộm mấy mặt bạn thân của *Cánh đồng ma*. Mỗi người một vẻ... một vẻ buồn nản. Tất cả, ngồi đây để làm gì? Đóng phim nói An Nam? Thì chiều hôm hai mươi tám tháng chạp năm Đinh Sửu, họ đã đóng xong cả cảnh cuối cùng cuốn phim *Cánh Đồng Ma ở cà phê viên phần trường*.

Tôi có những tư tưởng lờ mờ về định mệnh của hết thảy tài tử, bất kể là nước nào, là thời nào. Tôi giả vờ mệt và ngủ. Nhưng qua lớp lông mi, tôi vẫn mơ màng nhìn Đàm Quang Thiện và mọi người trong hội. Những bộ mặt sáng sủa như thế kia, có thể hứa hẹn người những tương lai chẳng rực rỡ thì cũng tiềm tiệm trong những hoạt động khác của xã hội, sao lại "xông" vào con đường nhiều nhục, nhiều lụy này để làm gì? Để mà bôi râu, vẽ nhọ, tối tối làm con rối, hồ trả cái nợ áo cơm mà một tờ giao kèo đã buộc mình đưa nhau đến hòn đảo này?

...[1]

– Năm nay, chúng ta ăn tết ở Hương Cảng.

Đây là một câu nói không vui, không buồn, thốt ra từ cửa miệng mấy người trong một hội tài tình.

Tết đây, là Tết nguyên Đán năm Mậu Dần.

1. Lược một đoạn – NBS.

Và lúc người ta nói câu này là khoảng 5 giờ chiều một ngày cuối cùng năm Đinh Sửu.

Câu chuyện ăn tết ở Hương Cảng đã là một câu chuyện không thể không có được.

Phải sống một ngày giai tiết ở đất khách, không có bánh chưng, không có cây nêu, hoàn toàn thiếu mất những phong vị êm dịu của quê hương, nhiều anh em cho thế là một sự bất hạnh lớn trong đời một người An Nam.

Cuối dương lịch 1938 có chua ngày tháng âm lịch, đã được bóc đến tờ chót của một tháng chạp chỉ có hai mươi chín ngày. Phải là một người An Nam biết thiết tha đến phần mộ, đến quê hương, phải là một tâm hồn An Nam đã từng thấm nhuần trong đám hương khói ngày cúng ông vải, thì mới cảm thấy cái năm âm lịch hụt mất một ngày là như thế nào.

Chiều hôm nay, tầu Canton dời bến Hong Kong.

Không kém một giây, không thừa một phút, đúng bốn giờ chiều, mấy tiếng còi tầu bể rền rĩ vẳng xa trên một vùng nước lạnh lùng. Tiếng vang của một hiệu còi tầu khởi hành xô ngang lớp khí lạnh chạy trên sóng bể rập rờn rồi đụng phải tảng đá bên doi đất Cửu Lủng thì nín bặt. Nâng bàn tay xòe để ngang tầm mắt như dựng một mái hiên cho nhỡn tuyến, vọng về phía xa mù kia, người ta thấy một vệt đen lừ lừ bị đẩy sâu vào cái xám ngắt của một buổi chiều tàn đánh dấu cho cái năm cũng đang tàn.

Tầu Canton chạy.

Trong một mui thuyền khum khum đậu sát kè đá, người ta nghe tiếng cãi cọ của hai tên khuân vác ở bến tầu. Tiếng nói của người phu khách đầu tiên:

– *Phổ Tổ Mậy chẩu à!*

Một giọng nói Quảng Đông khác, cục cằn hơn, trả lời:

– *Tỉu nà ma, mậu Phổ Tổ Mậy. Koỏng Tôống chẩu... Hày à, Koỏng Tôống chẩu. Nị âm sếc a.*

Đấy là hai tên làm phu trên bến tầu, đang cãi nhau về tên hai chiếc tầu vừa nhổ neo rời bến. Họ đã thuộc giờ tầu nào đi, tầu nào tới, trong óc họ đã có sẵn một cuốn lịch về sự quy khứ lai của mọi thương thuyền, nên nghe một hiệu còi, nhớ được ngày tháng nơi lịch

xuất nhập của cảng lớn này, liếc qua mặt đồng hồ, họ đã biết ngay đấy là chiếc tầu nào vào bến hay bỏ bến. Họ gọi ngay được tên con tầu. Về đường hàng hải Hong Kong – Hải Phòng, tầu Pháp chở thư tín có hai chiếc Paul Doumer và Canton. Họ dịch âm tên con tầu trên là Phổ Tổ Mậy và tên tàu dưới là Koỏng Tôống.

Người phu thứ nhất bảo tầu Doumer vừa chạy. Bạn đồng nghiệp của y cãi rằng không phải là tàu Doumer chạy. Chính là chiếc Canton kia.

Nhưng, dù là Paul Doumer hay là Canton chạy hay là một chiếc tầu khác to lớn đến bực nào đi nữa vừa nhổ neo ra khỏi cảng, thì cái đó can thiệp gì đến họ. Trong một đời người sống với sóng nước, trong một đời họ, họ đã từng thấy biết bao nhiêu cuộc khởi hành, họ đã từng thấy bao nhiêu mỏ neo rút lên và thả xuống rồi. Chiều nay, có khi nào họ phải bận tâm đến việc mắt đã thấy thêm một con tầu nữa đi.

Vậy thì trong phút này, cuộc khởi hành của chiếc Canton không nhắc cho họ một mảy may gì cả. Đấy chẳng qua chỉ là dấu hiệu của cái luân chuyển đi với lại nơi phụ đầu.

Hồi hộp với con tầu Canton lên đường bể, họa chăng chỉ có một số trái tim Việt Nam trong hội tài tình nọ mới đặt chân lên đảo được ít ngày đây.

Trước 4 giờ chiều – giờ nhất định của chiếc Canton chạy về xứ sở – anh em đi đóng phim ảnh vẫn không ngờ phải ăn Tết ở bên này. Hết thảy đều ngỏ ý muốn đáp chuyến tầu này để vĩnh biệt Hương Cảng. Bởi vì họ tin rằng đối với mũi họ, cái cảng lớn này đã hả hết mùi thơm. Thôi thì khăn gói gió lại đưa một lần nữa, nhất nhẽ là ăn tết trên cái mênh mông của bể rộng, trong cái tiêu điều của chân trời vô hạn. Cứ tính theo hành trình của con tầu thì mồng hai tết, tầu đã về tới. Hải Phòng kia mà.

Sớm ngày ấy, cái phong vị tết nơi quê nhà, làm gì đã nhạt mà ngại!

Nhưng mà trời ơi! Người giang hồ nghĩ một đường, cảnh giang hồ lại dẫn tới một đường khác. Để cho trong phút không bằng lòng này, người ta phải nản cho thân thế... với bao nhiêu u hoài. Chao ôi! Cái đời một tài tử chiếu bóng An Nam bị bắt ở đất lạ, thật trong giờ này, nghĩ ra không bằng cái đời đào kép một phường hát gõ ở vùng quê bên xứ sở. Có bao giờ một kẻ hát tuồng, hát chèo phải bôi râu kẻ

mặt, ở một đình đám làng nào, trong một ngày năm tận? Ngày ba mươi và mồng một Tết không có dân nào gọi phường hát. Có sớm lắm cũng là mồng hai. Thế mà ở đây, người ta đã hứng lấy biết bao cái chẳng ngờ.

Khi mà người ta đã làm được việc so sánh vừa rồi, người ta không thể không buồn rầu được.

Mặc dầu Trung Hoa vướng phải nạn binh lửa, mặc dầu người Tầu đã bỏ âm lịch, cái tết Nguyên Đán ở đây vẫn bệ vệ như thường.

Chiều hôm nay, tôi đã thấy người Tầu nổ *pháo* dữ dội. Từ một từng gác thứ ba, thứ tư xuống sát mặt đường nhựa, họ đã thả những tràng pháo dài hàng vạn quả pháo toàn hồng. Những *sính sáng* Tàu, trịnh trọng trong bộ quốc phục: mũ *sường chí* có bông hỏa diệm sơn đỏ ngòm, áo *mã quải* bằng nhiễu màu, quần không đũng gấu ống buộc chẽn, áo chùng hàng Thượng Hải mỏng, giầy tầu mũi con lân; những *cống chẩy* mặc Âu phục theo kiểu Anh; già và trẻ ấy đang phồng má thổi cái tàn lửa ở đầu cây *chỉ thìu* và khoan khoái châm vào đầu tràng pháo cối để chấm dấu cho hết cái năm đi.

Pháo nổ vang cả một góc trời Tầu. Xác pháo bay xuống như một trận mưa khô. Nghe tiếng nổ nhìn vỏ pháo tuôn rơi tôi nghĩ đến sự tàn tạ của rừng hoa đào khi một luồng gió chiến tranh thổi qua đây. Tưởng tượng dồi dào, tôi lại nghĩ đến những thân phận bồ liễu giữa thời loạn ly.

Tiếp đến trận mưa vỏ pháo tan, là trận mưa vỏ hạt dưa. Trong đám khói diêm sinh, đứng tựa bao lơn lốm đốm vệt thuốc pháo cháy sém, có người Tàu nào không chịu bỏ một nắm hạt dưa đỏ vào mồm. Để rồi, cúi mình nhìn xuống mặt đường, nhổ một đống vỏ xuống cái lận đận, eo sèo của dòng sinh hoạt đang xô theo một chiều năm hết.

"Tiếng pháo nghe nhờ thiên hạ đốt", chiều hôm nay, tôi tưởng như đang đứng ở phố Hàng Bồ, Hà Nội cách đây hơn hai chục năm, để nghe tiếng pháo hiệu Khách đóng cửa đốt pháo ăn tết, để dứt tiếng pháo là lăn xả vào mà nhặt những quả pháo tắt ngòi không nổ. Tôi nhớ lại một cách rõ rệt hồi Khách hàng bang thi nhau đốt pháo để khoe nhau sự thịnh vượng buôn bán của mình trong một năm. Xác pháo họ đốt rơi xuống mặt hè dầy có đến mười lăm phân tây. Xác pháo ngập mắt cá chân khách bộ hành là thường.

Tôi đi qua phố Hương Cảng, như một thằng người máy, như một

tên lính mệt mỏi ở mặt trận về: mắt mờ, hồn mê và chân vẫn bước. Trên vai tôi, tôi càng nhận thấy sức nặng của Định Mệnh mỗi phút mỗi nhiều thêm.

Ngày mai đây, thêm một tuổi đầu nữa, trên đầu tôi, trọng lực này còn tăng lên độ đến bao nhiêu?

Cũng như kẻ kia bực mình đã vứt xuống dòng nước dưới chân một vật quý để cho hả cơn điên cuồng nho nhỏ; tôi, chiều nay, hằn học với số phận, dám cáu kỉnh cả với cuộc đời phiêu lưu mà xưa nay tôi vẫn ca ngợi, chiều nay tôi cũng muốn vứt đi một cái gì. Nhưng góp mặt tài tình, gọi là vật quý đem theo sang đến cái bến nước này, tôi chẳng có một vật gì cả, ngoài cái thân tôi ra.

Hơi thở dài của tôi đã làm hoen mờ mảnh kính cửa hàng nọ và làm một ông già Tàu râu bạc phơ phơ phải ngửng đầu nhìn ra. Người tuổi tác ấy, dừng ngón tay lách cách trên bàn toán, ngừng tính sổ tất niên. Chúng tôi ngắm nhau, trong một giây, qua làn khói thuốc bào.

Rồi tôi rảo bước. Giữa cái tưng bừng của một thị trấn lớn tôi lang thang, cô độc như một kẻ bị đi đày, bước chân vô định đã dẫn tôi tới con đường dốc rẽ lên ga dinh sơn hỏa xa. Ở đây một người cũ kỹ bán hàng hoa đã bày những cành đào không có lá, chỉ có hoa nụ và cành gốc sù sì. Gọi là bán gốc đào thì mới đúng. Hình như người bán hoa kia có một vườn đào, cứ cuối năm đem chặt dần để bán cho người chơi tết. Mỗi khi y ra vườn, tỉa cây, làm một lễ “cửu phát” hay là “tam trảm”, là y có bao nhiêu gốc đào đem ra bày ở thị trường này.

Đứng ngắm gốc đào tươi tua tủa những hoa nhạt và nụ thắm lửa tâm tôi dịu dần. Tôi thấy trong lúc ngắm hoa không mất tiền này, tôi có thể yên vui với hiện tại được. Tôi muốn bắt chước những khách phong lưu kia, cũng xỉa tiền ra lấy một gốc yêu đào, gọi là ghi lấy phút sung sướng trong tuế mộ ở ngoài quê hương. Nhưng yêu đào trị giá đắt quá. Thời giá hoa đào ở ngân thị Hương Cảng trong mấy ngày gần đây, đã bỏ xa thời giá hoa biết nói trong hàng viện và mọi phòng trà và khiêu vũ quán. Từ sau việc Thượng Hải thất thủ, những hoa biết nói phải dời xuống vùng Hoa Nam không biết bao nhiêu mà kể. Và riêng ở Hương Cảng lầu xanh và lầu đỏ mọc lên như nấm, để nhận lấy hàng lũ giai nhân đến bán mình trong thời loạn, rẻ tựa cánh bèo Nhật Bản bập bềnh trên mặt nước hồ ao bên xứ mình.

Cái hận lớn của một thằng phiêu đãng như tôi, trong một ngày cuối năm như hôm nay, là không đủ tư cách để làm nổi một việc xa

xỉ. Việc xa xỉ này, trong phút trống rỗng này, có thể di dưỡng được tâm thuật. Tôi muốn tranh với đám quần hồng có ngựa, có xe, có kiệu song loan kia, để giành cướp một gốc đào song thọ. Tôi muốn rước gốc cây kia về nhà trọ để rồi đêm nay, đốt một ngọn nến li ti, chung bóng cùng cành hoa lả tả và lúc bắt đầu sang một năm khác, sẽ cười với gió đông đi.

Nhưng, từ dốc núi trở về với cái bằng phẳng của một mặt đường phố xóm dưới núi, hai tay tôi vẫn không cầm một vật gì. Lúc tôi đăng sơn như thế nào, thì lúc tôi hạ sơn vẫn thế.

Không biết làm gì với hai bàn tay trống trải, tôi đành dùng nó để nắm chắc lòng can đảm của tôi vậy. Can đảm sống nốt những ngày buồn tủi.

Thế rồi tôi trở về nhà, lẩn thẩn như một thằng say rượu, lòng còn say sưa với hết thảy những cái gì không thực ở đời. Say sưa với tất cả những sự thiếu thốn của lòng mình.

Đêm Hương Cảng đỏ rực hẳn lên.

Phiên chợ đêm tết Hương Cảng đem những tiếng ồn ào của nó đến cả cặp tai lơ đễnh của khách ngụ cư chỉ qua cuộc sống trên hòn đảo, trong có một thì. Rồi cái nhộn nhịp trong chợ tết nút luôn cả những linh hồn tạm bợ đó vào cái huyên náo của nó.

Chợ tết đêm nay thực là cuộc chợ phiên vĩ đại, họp ngay đường cái. Hôm nọ đây, con đường *Cáo Đạo* rộng thênh thang này, còn là một đại lộ xe tầu chạy như mắc cửi. Như cảnh bài trí trong một chuyện thần tiên hay một chuyện Liêu Trai, trên mạch máu cái này của thành phố, bây giờ những gian hàng nhan nhản mọc đầy dẫy, như có một bàn tay hồ quỉ xây dựng lên bằng tà thuật. Người ta đi trẩy chợ tết, cọ xát vào nhau, ép sát vào nhau không để hở một kẽ nào. Người đi lên, kẻ đi xuống đã chia cái rồn rập này ra làm hai dòng: một dòng ngược và một dòng xuôi. Xuôi ngược đôi dòng, lớp người đi trong đêm sáng, cứ xô bồ cuồn cuộn, không khác dòng thác nước lũ mùa thu lôi cuốn những thân cây tươi và đám lá úa trong cái hỗn độn của thảo mộc lìa ngàn.

Cùi tay tôi làm việc nhiều. Tôi đẩy người đi trước chưa kịp dọn lối tiến thì người đi sau tôi đã đẩy mạnh tôi.

Tôi tức giận. Quay lại, tôi nhìn thấy một thiếu phụ Trung Hoa mặt đỏ bừng, tay nâng cao một củ thủy tiên. Nàng đang ngây ngất vì

cái huyên náo của dòng thác người chơi hội trừ tịch. Tôi chỉ kịp nhìn nàng hé một nụ cười. Nàng lấy tay un tôi; tôi vô tình đã giẫm cả vào mũi giầy nàng.

Nàng đẩy tôi, tôi lại đẩy những người phía trước. Và cứ thế chúng tôi trôi trên con đường, trôi trong lòng con sông đào. Hai bờ hoa đào! Thỉnh thoảng, liếc sang ngang dòng người đi ngược bên phía tay phải, tôi đón nhận được bao nhiêu nụ cười của những giai nhân không quen biết. Những đóa hoa hàm tiếu kia chỉ hiện ra trong khoảng khắc, nhanh như một tia chớp sáng. Những hình ảnh ấm áp, tươi tỉnh ấy, hiện ra cho tôi đủ thì giờ để thèm tiếc, rồi lại lu mờ ngay, rồi lại lẩn ngay vào cái vô danh của đêm hội. Tôi có cảm tưởng đang đi một chuyến tầu tốc hành gặp một chuyến tầu tốc hành khác lướt ngược qua, trên đó có một người đẹp. Kẻ lữ hành xinh đẹp kia, chỉ lướt qua mắt tôi, chỉ đủ giây lát giơ cánh tay đeo vòng ngọc vẫy một chiếc mùi xoa màu nhạt... với một nụ cười chân thật đãi người tình chung qua đường. Rồi mất. Rồi hết.

Ấy trong cuộc sống người ta thường đi qua cuộc đời nhau và trong cái nhanh chóng của tình cờ gặp gỡ, người ta đã sẵn có nhiều thiện cảm đối với nhau. Để rồi sau này, không có lúc nào gặp nhau lần nữa. Để rồi chỉ nhớ tiếc nhau trong hình ảnh lờ mờ, để rồi chỉ chờ đợi nhau trong một buổi tái ngộ không bao giờ đến, giống đa tình, hay vướng phải thứ tình cảm không có hậu.

Tôi đi trong một giấc mơ.

Một chút nữa thì tôi vấp ngã. Vả nếu ngã, nhất định tôi sẽ bị đè bẹp, tôi sẽ chết như người lính nọ chết trong đám loạn quân, và một phiên chợ tết sẽ giẫm xéo lên người tôi, nếu tôi lỡ bước chân quỵ xuống mặt đường Cáo Đạo, đêm trừ tịch này.

Trong phiên chợ tết họp cho đến sáng sớm, thôi thì đủ mặt hàng, thượng từ vàng, hạ đến cám. Nhưng những hàng được bày nhiều nhất trong mọi gian, phần nhiều lại là những thức xa xỉ. Chỗ nào cũng hoa, quả, pháo và tranh... và đồ tơ lụa.

Ở Hương Cảng, người ta có cái tục dẫn nhân tình hay vị hôn thê đi chơi chợ tết. Người đẹp chỉ ngón tay đến đâu, thì "chàng" phải sắm đến đấy. Nếu "chàng" là người vị hôn phu hay là khách nguyệt hoa biết giữ cái giá phóng phiếm của mình, thì "chàng" không được kỳ quản về món tiền trả cho người đẹp mua vặt trong đêm giao thừa.

Phong tục này đã giúp nhiều cho cái tưng bừng của chợ đêm.

Nhiễm phải cái không khí cầu vui, tôi cũng muốn có lấy một người quen để trong lúc này, mua một vật nhỏ mọn gì tặng ai, và góp một tiếng cười với cái hoan hỷ của mọi người biết sống là vui.

Bỏ dòng người đang chảy mạnh, tôi lách mình ra một nơi rộng rãi. Bây giờ tôi mới thở đều, và đỡ hoa mắt.

Bên phía doi đất Cửu Long đối ngạn với bến Hương Cảng, người ta nổ pháo đã liền tiếng. Âm thanh pháo nổ, vẳng trên mặt eo bể, làm rung rinh mặt vũng tầu sáng như khối hào quang. Lấy phương hướng mãi, tôi mới nhận lại được hòn đảo Gia Ly lẻ loi ở phía xa.

Thấy người ta đều vui vẻ, tôi không muốn buồn nữa. Tôi không muốn thơ thẩn một mình để nghĩ đến chuyện riêng. Tôi đã mua một bánh pháo năm trăm, bóc đốt ngay. Tiếng pháo nổ chưa hết, tôi lại nhẩy luôn vào cái dòng người đang chẩy của đêm hội.

Nhưng lần này, tôi nhảy sang phía dòng ngược. Để rồi đến lúc đi hết con đường chợ tết, tôi rẽ về gian nhà số 6, đường Sử Kiếm Vực mà nhìn những mặt chán chường của một số anh em cùng hội cùng thuyền.

Chỉ còn có vài giờ nữa thì xuân về. Nhưng trong cái trú sở của bọn tài tử Việt Nam sang đóng phim, hình như chẳng một ai biết có xuân là gì nữa.

ẤN TÍN NGƯỜI CON HÁT TỈNH VIỆT

Ngày tuế mộ năm ngoái, nghĩa là cách đây bốn hôm, một đêm ba mươi Tết, tôi lang thang mãi ở xóm Bố Lố Cái để ngắm nghía cả mấy dãy phố bán những đồ dùng vào bàn đèn hút thuốc phiện. Thật là cả một thế giới của mặt tẩu, bầu dầu và đế đèn pha lê gọt. Đứng nhìn một cách thèm thuồng những tác phẩm nhỏ bé này của kỹ nghệ thủy tinh và đất nung của Trung Quốc, tôi không khỏi nhớ đến thầy tôi, nhớ đến những bạn thân ở quê nhà vốn có kết duyên cùng Á Phiện. Giá có được ít tiền mua lấy vài thứ để chuyến này ở Hương Cảng về mà làm quà? Gần giao thừa rồi mà tôi còn lẩn quẩn mãi ở xóm Bố Lố Cái ngắm người, ngắm đèn, cắn hạt dưa, hút xì-gà và ăn vã những con bọ vừng tẩm đường rán mỡ và say sưa với cái thú đứng đường.

Chỉ có những đứa không nhà mới được thư thả và lêu lổng như thế giữa giờ này. Phải nhà tôi đâu có ở đây. Ở trụt xuống phía dưới đảo này những mấy vĩ tuyến. Năm thì hết, người thì xa. Lòng sầu xứ lại buộc tôi nhớ một cái tứ muộn của cổ nhân gửi vào lời thơ. Nhất niên tương tận. Dạ thiên lý vị quy nhân.

... Đêm nay, mùng bốn tết, tôi vơ vẩn ở xóm Aberden street. Nhà chứa, tiệm thuốc, trà phòng và tửu điếm. Ánh sáng màu đỏ lựu, màu xanh cỏ ruộng nhấp nháy đường phố xén hẳn vào đá ria đảo thành những cấp những đợt, càng lên càng dốc. Đi chùa Hương Tích, từ Chùa Ngoài vào Chùa Trong còn dễ hơn. Những thiếu phụ lương thiện lẫn lộn với con hát leo các cấp đá, hai ngón tay bấm mép bức xiêm, để lộ những bắp chân tròn và thon. Tôi tiếc không rủ ít anh em ở nhà cùng đi xem để mà chia vui. Nhà đây là một cái khách sạn trông ra cửa bể. Đại Đông khách sạn. Chúng tôi tới ở đây từ đêm mùng hai tết, sau khi có chuyện quyết liệt với bọn Khách hãng phim Nàm Duyt.

Cái dãy hàng ở cái ngõ hẻm này, đến chặng thứ hai thứ ba gì đó, toàn có một loạt những lều hàng dựng lên để bán những con dấu và khắc những con dấu. Dấu ngà, dấu ngọc thạch, dấu đồng đeo, dấu hổ phách. Đủ kiểu. Đủ dáng. Muốn khắc chữ gì, người bán dấu khắc rất chóng. Đưa mẫu khắc, đi uống tàn độ hai ấm trà Thiết La Hán và ăn độ một bát cơm rang thập cẩm xong, lúc trở lại thì lấy được dấu khắc rồi. Nghề làm dấu sao lại đóng đại cục ở giữa xóm đĩ và quán cơm quán rượu? Lần trước, Lã Triết Phụ tiên sinh đã giảng.

– Ông bạn trẻ của tôi đừng tưởng chỉ có vua chúa và quan nha mới dùng ấn tín thôi. Ở đây, những tay chơi mới là người dùng dấu nhiều. Có người có đến tám chín cái triện dắt theo trong người mỗi lúc đi dự tiệc rượu lớn ở Sạch Sồng Chồi.

– !?

– Ngày trước lúc còn trẻ tráng như nị, Lã Triết Phụ tôi cũng có đến năm cái dấu. Nhiều khi mình đi chơi quên không đem theo tiền đi, ở những vũ sảnh tửu lâu người ta đã biết danh mình rồi thì đóng cộp cái dấu của mình đúng vào cái chỗ cộng ngân của đơn thu tiền, cứ việc đi ra, rồi lúc nào nhớ tới thì đem lại trả. Dấu lại còn dùng làm ám hiệu để gọi các đào hát có giá trị lớn trong làng thanh sắc nữa. Nhiều khi gọi họ tới bồi rượu, cái ấn tín riêng của mình là một cái lệnh. Nhưng

bây giờ, Triết Phụ già rồi, những con dấu của ngày cũ đã lên mốc và bụi bịt kín hết nét trổ. Triết Phụ chỉ còn giữ đủ một cái dấu chữ nhật bán âm bán dương để giao dịch về thương mại tiền nong thôi.

Tôi đứng trước lều khắc dấu nhớ đến lời ông bạn già Lã Triết Phụ, những muốn khắc chơi vài con dấu để mai mốt về xứ giữ lấy chút kỷ niệm của ngày trôi dạt và biết đâu chẳng có ngày dùng tới vào những buổi xuất nhập vô thường ở hàng viện và hàng quán nơi quê hương.

Những người thợ khắc dấu đều mặc áo sường xám cả. Dấu hiệu của phong lưu. Bên cạnh đám con dấu chưa trổ chạm hoặc đã có khắc chữ rồi, nhiều hàng còn bầy kèm ít lá thiếp tập chữ lối Tô Đông Pha hay của Mễ Phất, có bản chữ viết theo đúng thư phái, đẹp một lối tung hoành, hoặc hồn hậu vuông vắn hoặc sương kính. Cứ lời mấy người Tàu biết rõ về phong tục cái đám người tứ chiếng tới đây khắc dấu ban đêm, họp thành một cái tiểu đoàn thợ thủ công góp vui cho đêm lộng lẫy của hòn đảo thì trong số đó rất có nhiều người nghệ sĩ có một cuộc đời bị bẻ gẫy. Cái sự khắc dấu của họ, đánh đĩ một cái hoa tay hồ đổi lấy một bát cơm, một chén rượu mỗi ngày, có giống như việc Khương Tử Nha uốn lưỡi cần câu cong cho nó thẳng ra và ngồi câu ở bến Vị mà không cần kiếm cá.

Để quên thời giờ, để chờ khách hàng, họ hút thuốc bào, họ bỏ từng nắm hồng qua tử vào mồm, mỗi lúc phun vỏ hạt dưa ra, vỏ rơi xuống đá tảng lát nền phố núi, nghe rào rào như mưa nặng hột vỗ trên tầu lá chuối ở vùng quê nhà vào những ngày cuối hè sang thu. Dẫm lên lớp vỏ hạt dưa khi lần qua lều dấu, nghe cái thanh âm khô nhạt ấy tới lại vụ, nhớ những ngày mùa đông ở nhà hồi còn tấm bé, được ngồi dưới gối hai thân cắn hạt dẻ vứt vỏ xuống thềm gia đình.

Tôi nhìn những ông già khắc dấu, đeo kính mặt đá, đọc những cuốn sách in chữ thạch bản lí tí. Họ ngấc đầu cười khi nhận thấy tôi là người từ tối đến giờ qua lại lều họ đã có mấy lần. Họ thấy tôi dừng lâu trước hang mân mê mãi cái núm ấn cẩm thạch chạm hình một con nghê phủ phục, họ mời tôi một điếu thuốc lá Bay Blossom là thứ thuốc lá của toàn thể bình dân ở đây đều dùng. Năm xu một gói 20 điếu thuốc vị Ăng–lê! Tôi cũng bóc một trái cam Sìu Châu, mời họ cùng chia với tôi một chút chua ngọt. Thiện cảm đối với nhau sẵn có, mà chỉ giận nỗi ngôn ngữ bất đồng, chẳng biết hỏi thăm nhau như

thế nào cho phải. Tôi chỉ nói được mấy chữ "tố chề", "lèng", "hẩu sổ". Bỗng có người đặt nhẹ tay lên vai tôi.

Trời ơi, ông Hàn Vị Lê! Sao ông lại còn ở Hương Cảng? Hôm trong năm, lúc lại chơi đằng căn nhà bọn chúng tôi làm trò kịch ảnh ở đường Sử Kiếm Vực đạo ở gần Lê Viên Sơn, ông có nồng nàn từ giã chúng tôi để về Quảng Đông tỉnh thành ăn tết với nghĩa phụ rồi kia mà! Ông nói phải ở nhà mất độ một tháng. Người Tầu ăn Tết Nguyên Đán còn bền bỉ hơn là người mình.

Hàn Vị Lê là người Cao Ly, nhưng vì một lẽ riêng, đổi sang quốc tịch Trung Hoa. Ông nói tiếng Pháp, tỏ ra người có học rộng; giọng nói khó nghe một chút. Qua đây, tiếng Tàu không thuộc, chữ Anh không biết, được gặp một người có Pháp văn dồi dào, tôi cho là một điều hạnh ngộ và cố sức cầu thân với Hàn. Hồi còn làm du học sinh ở Pháp, ông có giúp việc cho nhà dàn cảnh chớp bóng Pháp và tôn cái ông Marcel L'Herbier ấy lên làm thầy vỡ lòng trong cái nghề màn ảnh mà ông định theo. Hiện giờ ông cũng đang theo đuổi nghề điện ảnh ở Hoa Nam và tìm cổ phần để sản xuất phim. Các tác phẩm nhựa của ông sắp ra đời, theo ý ông thường ngỏ, thì phải có cái lối hùng vĩ tráng lệ như những sản phẩm của Cécil B.deMille, Van Dyck hoặc G.W.Pabst. Những phim xoàng xoàng, ông không chịu làm, trên tấm thiếp của ông đề tên theo lối Âu: Willee Hahn và về chức nghiệp ông đề: nhà đạo diễn – tức là nhà dàn cảnh xi–nê–ma. Ông chưa trước bạ được tên ông trong làng chớp bóng Tầu và đến bây giờ ông vẫn là một sinh viên nghèo, ăn uống phải tính từ một chén café crème trở lên và vì muốn giữ mẽ với đám tư bản ông bấm bụng mà mướn phòng ngủ ở Công Chúa khách sạn, nhưng phải ở mãi từng thứ tám, mỗi lúc có người tới thăm, phải đi thang máy mất hàng khắc thời giờ một. Tôi chưa được biết một người nào có thể vui và tin ở sự chờ đợi tương lai như ông. Cái duyên tao phùng chốc lát nơi lữ thứ ấy đã đem lại nhiều sinh khí vào cuộc sống hoài nghi của tôi trong suốt tháng rưỡi ở Hương Cảng.

Nói đến nghề làm phim ảnh của người Tầu, phê bình đến họ thì chỉ có thể lấy cái lòng từ thiện ra mà nói thôi. Ta đừng mong phê bình bằng nhận xét công bình. Người Tầu, thật là bọn giặc trong nghệ thuật nhựa. Tôi đã từng được gặp nhiều chú Khách cổ cao một ngấn, hai ba cái cầm in nét ở mặt, về quan niệm mỹ thuật mù tịt, đứng làm giám đốc về việc bài trí những phim ảnh. Một truyện phim

đầy sinh khí, đầy thơ mộng vào tay họ, thế nào cũng thành truyện kiếm hiệp, nếu không là trinh thám. Ở Hương Cảng, khi người ta vô nghệ; muốn được len lỏi vào xã hội kinh doanh, họ đề vào danh thiếp là nhà làm phim ảnh, nhà dàn ảnh chớp bóng. Ở bên ấy người ta lạm dụng cái tên chớp bóng, in hệt ở bên mình, cái thế hệ mình lạm dụng cái nghề làm báo và viết văn.

Nhưng đối với ông Hàn Vị Lê, nhất danh Willee Hahn, tôi không có dám nghĩ thế. Cái người ấy hẳn phải làm được một cái gì cho nên hồn. Khi mà người ta không chịu dễ dãi trong tác phẩm thai nghén mãi trong lòng với đau khổ của sáng tạo, người ta không có thể làm kẻ tầm thường được. Những người như Willee Hahn, tôi dám chắc nếu ông chịu dễ dàng một chút thôi thì có thể nằm ngủ trên đống vàng rồi. Tôi còn ngờ rằng ông bạn Cao Ly ấy có chứa trong đáy lòng một hoài bão, một tâm sự gì khác và nghề làm phim ông theo cũng chỉ là một cái cớ mượn của thế kỷ thôi.

. . . .

Đêm nay, gặp tôi vẩn vơ xem con thạch ấn, ông Hahn hỏi:

– Ông lấy dấu hay là giờ mới đưa làm? Phải, những bọn có cá tính như tụi mình phải có dấu hiệu ấn tín dùng riêng. Một cái chữ ký và khoa triết tự không đủ để nói thầm về tâm hồn và lý tưởng của một người nghệ sĩ phức tạp.

– Tôi cũng chưa định kiểu cho con ấn như thế nào. Buồn, đi rong phố, tôi đứng lại xem.

– Thế thì qua bên hàng này, tôi mời ông cùng xem với tôi một con dấu bằng pha lê gọt, coi ngộ lắm và có dính đến việc của tôi.

Ông Hahn bảo người thợ già ấy đưa cho xem lại cái con dấu ban nãy và đưa luôn cả tờ giấy bóng có in cái dấu ấy. Ông nghiêng nghé rọi vào ánh đèn, bắt người thợ già tìm tờ giấy khác nhẵn mịn hơn và tự tay ông ấn dấu vào hộp son, in đến năm sáu dấu xuống giấy. Ông xem mãi. Người thợ già lim dim mắt, hút thuốc lào, nhìn mái lều, tôi đứng im bóc cam, và hút từ từ điếu xì gà của ông Hahn mời từ lúc mới bắt tay. Lâu nay, không được dùng một điếu xì gà đáng tiền. Điếu xì gà của ông bạn sang vừa đưa có nhãn vàng thượng hạng, có vỏ thủy tinh bọc ngoài, thơm ngon vô cùng. Cái tàn trắng như tàn than hoa, dài đến ba phân tây rồi mà không chịu rơi vỡ xuống đất.

Nghĩ đến cái lúc hiển đạt của mấy ông vua làm phim nước Mỹ, ghếch giầy tây lên bàn giấy trong hãng phim hút thứ xì gà chế riêng, nhãn điếu thuốc có in hình ảnh và dấu hiệu riêng của mình, vừa thở khói đắt tiền, vừa ngắm những tranh tô màu của những bản án về y phục một cô đào nhất phải mặc trong tuồng ảnh của mình nghĩ đến cảnh ấy tôi lại cần mong cho ông bạn Villee Hahn được chóng có ngày được quyền xa xỉ và phụng sự cái xác thịt mình cho xứng đáng. Ông Hahn bỗng quay lại:

– Ông đọc được chữ triện không?

Tôi mỉm cười. Đến chữ hành thư tôi không còn đọc được nổi một câu đối dài, nữa là nói chi đến chữ triện. Ông Hahn bảo tôi: Cũng không sao, trả nhà hàng mấy hào về chỗ phiền quấy xem dấu, đòi cầm lấy mảnh giấy có rập hình dấu, rồi khoác tay tôi đi về phía phố Hoàng Hậu Tây Đạo – một cái mạch máu cái của Hương Cảng. Ông tìm tới hiệu sách phân cục của Thương Vụ ấn quán Thượng Hải chúc mừng năm mới chủ nhà hàng là người quen và lục bộ Khang Hy từ điển. Ông tra tự vị lâu quá. Vừa tra sách, vừa dò chữ ở tờ giấy có in con dấu đỏ. Sau cùng ông vui vẻ bảo tôi:

– Một câu thơ, ông ạ. *Thử hoa khai hậu cánh vô hoa*. Câu thơ cổ này, ám chỉ hoa cúc. Nếu CÚC thì đúng là tên nàng rồi. Còn ba chữ nhỏ nữa, không đọc ra chữ gì. Tra tự vị không có.

Ông chủ hàng sách mời uống ấm trà vừa bưng ra và lấy kính đeo lên mắt và thân mật chen vào câu chuyện và đòi xem tờ giấy in dấu. Ông chủ nhà sách lại tra sách, lại dò chữ con dấu, vừa làm việc, vừa lẩm bẩm, vừa lấy bút viết thử vào lòng bàn tay. Hàn Vị Lê tủm tỉm, có ý đố thầm ông chủ hàng tìm nổi. Bỗng ông chủ hàng sách kêu to "Hày à!" Rồi cười hà hà như người giải được bài đố chữ ô. Ông nói một hồi mà tôi không hiểu tí gì, chỉ có mặt Willee Hahn cứ sáng và vui sướng mãi lên theo lời nói to của nhà hàng. Tôi không rõ ông Hàn làm cái gì mà tìm tòi bí mật thế và họ nói chuyện những câu gì nhưng cái vui của họ cũng truyền nhiễm sang tôi. Tôi, đêm Tết này, đang cần quên tôi, đang cần khuây khỏa. Hàn mua một bộ Âm Băng, trả tiền cười chào chủ hàng sách rồi lúc ra đường, bảo tôi:

– Đọc văn chữ Pháp Montesquieu, Rousseau và Voltaire còn thú hơn. Bộ Âm Băng Lương Khải Siêu này cũng chẳng có gì mới lạ cho tôi. Nhưng năm mới, vào quấy người ta, chẳng nhẽ không mua vật gì để

giông cả năm cho người buôn bán mê tín, coi sao tiện. Bên quê hương ông có những điều mê tín đem ích lợi lại cho nhà buôn như thế không?

Nói xong câu này, Hàn đã là một người khác. Từ khi biết ông ta chưa lúc nào tôi thấy ông xa vắng như lúc này. Người ấy đang bận tìm một cái gì ở trong đầu. Cuộc đi bộ của hai người lẳng lặng trên một con đường dài và kéo lên những cấp đá phố núi. Thế rồi Hàn dắt tôi vào một tiệm thuốc phiện hút hồng phiến.

Tôi hút năm chục điếu có dư để tạo lấy một giấc mộng hương quan bằng khói thuốc độc. Hahn hút chơi vài điếu để theo đuổi ý nghĩ. Sức say của hồng phiến say thua sức say của a phiến độ một phần ba và lúc hút thì tuy cùng chung một mâm hút nhưng mỗi người đều có đèn riêng. Bữa thuốc hồng phiến đêm mùng bốn Tết ấy, thực là mỗi người một bóng một đèn, Hahn khàn khàn giọng:

– Bây giờ tìm nàng ở đâu?

– ?

– Cúc Tiểu Muội ấy mà. Cái con dấu ban nãy là của Cúc Tiểu Muội khắc chữ con vào dấu mà dùng đến lối chữ cổ trên Tiền Tần thì còn ai đọc nổi. Cái ông chủ hàng sách đọc được cũng giỏi thực. Ông nói mấy chữ ấy xong, là tôi nhận được ra cái lối viết triện cổ ngay. Chốc nữa, nếu tìm nàng không ra trong suốt một đêm nay ở khắp các nhà khách sạn lớn ở Hương Cảng, thì sáng sớm mai tôi đáp luôn tầu đi Ma Cao. Thế nào trong mấy ngày nay nàng cũng có lai vãng ở các sòng phán thán bên Ma Cao. Tôi sở dĩ lén nghĩa phụ tôi tại Quảng Đông tỉnh thành qua đây là vì có người bạn thân hôm mùng một bảo tôi biết Cúc Tiểu Muội có ở đây. Tôi phải tìm cho ra cái người đẹp này họa·chăng tôi mới có tên tuổi được trong nghề sản xuất phim. Đóng nổi cái vai Hà Phu Nhân trong phim của tôi do tôi viết scénario và dàn cảnh lấy, trừ nàng ra, không ai cáng nổi. Cô Hồ Điệp đóng được, nhưng cô không có nét cười gằn của người đàn bà đau khổ. Ông biết Hồ Điệp?

– Ngôi sao màn ảnh ở Hoa Bắc tháng trước có ghé tầu bay xuống đây để dự định ký giao kèo với hãng bên Cửu Lủng?

– Đúng, Hồ Điệp, có cái tài cười ngay và khóc ngay đấy khi mình nhờ nàng làm vui làm buồn theo một sở thích của mình. Nhưng tôi không dùng được cái cười ấy trong tác phẩm của tôi. A! Phải vời đến Cúc Tiểu Muội mới xong.

Tôi hết sức bị kích thích. Chắc nàng phải đẹp quá. Đẹp hơn cả Mỹ Thuật. Không được biết người nhưng cái tên Cúc Tiểu Muội cũng đủ dọn một lối đi rất đẹp cho nàng trong cuộc sống rồi. Tôi còn đoán chắc rằng nàng còn phải kiêu ngạo tự phụ vô ngần nữa. Tên mình là Cúc, là một đóa hoa quý, rồi lại mượn một câu cổ thi khắc vào dấu pha lê gọt, tự ví rằng sau khi mình nở trong một mùa, một năm, một thời thì không còn hoa gì nở nữa, châu cha! Cái sắc đẹp ấy phải là làm lu mờ hết thảy những vật gì muốn tỏ rạng ở cạnh mình và cái lối của người này yêu; có thể là một thứ tinh bén vào ai là đốt cháy người ấy. Hàn vẫn kể tiếp:

– . . . .

. . . . Những thứ người đẹp ấy, mình chỉ có thể "ái" *nhi viễn chi mà thôi*. Nàng đẹp, trẻ và ác. Cứ lấy cái việc nàng bắt những con đòi đầy tớ phải nhịn ăn và quỳ hàng ngày ở vườn hoa đỡ lấy những bông cúc trắng lỡ đánh gẫy ở vườn, thì đủ rõ sự trắc ẩn không có ở lòng người ấy. Nhưng đấy là một việc khác. Tôi làm một người dàn cảnh chớp bóng, tôi chỉ biết Cúc Tiểu Muội có một dáng đi rất đài các, một vẻ mặt băn khoăn. Đời sống tư của Cúc Tiểu Muội lúc nào cũng có thắc mắc hiện rõ trên trán. Hợp với tính cách người anh thư trong truyện phim của tôi lắm. Một năm nay tôi đi tìm một người đàn bà. Bây giờ người ấy ở trên đảo này tôi sung sướng quá, ông ạ. Nếu Cúc Tiểu Muội thuận lời làm giấy nhận vai trò, tôi đã sẵn năm sáu người bạn đại thương gia vùng Tương Ngạc bỏ tiền cho tôi làm phim. Phim dài ba nghìn thước riêng nàng chiếm hết nghìn rưỡi thước. Nếu cùng lắm, tôi sẽ khóc lóc năn nỉ nghĩa phụ tôi cầm cố cho ngân hàng mấy quả núi trà tầu ở Vũ Di Sơn đi vậy.

Tôi trân trọng nghe chuyện Hàn, lấy làm khâm phục cái người nghệ sĩ theo đuổi cái đẹp trong sự lớn lao. Hàn sống lúc này đầy tín ngưỡng và đang tự hứa hẹn nhiều với nghề. Hàn vui sướng bồng bột. Tôi nhớ đến những lúc tôi tìm được một cái khung để lồng cốt truyện hoặc các bạn tôi tìm được một vần thơ lúc đã gieo xong câu đầu còn dở dang, Hàn vùng trở dậy:

– Thôi ta đi đi. Bây giờ trở lại cái lều người khắc dấu hỏi thêm ít điều nữa về Cúc Tiểu Muội.

Trong đêm lạnh, bạn tôi nói thêm về cô Cúc. Cô vốn là con hát.

Đàn được, múa được, hát được, uống rượu không biết say và cưỡi ngựa không biết nhức đầu. Mời cho được cô xuống uống rượu dưới những thuyền hoa trên sông Châu Giang, phải có nhiều tiền. Cô chế riêng nước hoa để bôi và đi đâu cũng mang theo một con mèo đen. Cô chịu mua một thứ thuốc bí khoa để tiêm cho con mèo không lớn được, chỉ to được bằng con chuột cống thôi. Đi đâu cô bỏ nó vào cái ví đầm.

... Đêm ấy, sau khi cho thêm người thợ khắc dấu một đồng bạc. Hàn Vi Lê đi tìm theo cái bóng một người đàn bà đẹp. Tôi về Đại Đông khách sạn, chui vào tấm chăn hẹp của mấy bạn "Cánh Đồng Ma".

Một chuyến đi, tập *du ký,* đăng dần trên
Tiểu thuyết thứ bảy, 1938, Tân Dân xuất bản, H. 1941.

VANG BÓNG MỘT THỜI

(Tập truyện ngắn)

Vang bóng một thời gồm nhiều truyện ngắn đã lần lượt đăng trên tạp chí Tao đàn và tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy (đều của nhà Tân Dân); được tập hợp in thành sách lần đầu năm 1940. Trong những lần tái bản, tác phẩm có sửa chữa và thêm bớt.

Dưới đây chúng tôi xin cho in lại tác phẩm theo bản in lần xuất bản đầu tiên (Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1940). Riêng truyện Bữa rượu đầu lâu (khi đăng báo có nhan đề là Bữa rượu máu), vì khi in thành sách có một số chi tiết quan trọng biểu lộ tư tưởng yêu nước đã bị cơ quan kiểm duyệt cắt bỏ, chúng tôi lấy lại bản đăng trên tạp chí Tao đàn.

BỮA RƯỢU MÁU

Phía Tây thành Bắc Ninh, trên một nền đất rộng đổ sát vào chân thành cho lần gạch ngoài được thêm vững chãi, lũ cây chuối mật tha hồ mặc sức mà mọc. Nó um tùm, tầu lá rộng và không bị gió đánh rách, che kín cả bóng mặt trời. Trên áng cỏ bốn mùa ẩm ướt, loài nấm dại sinh nở hết sức bừa bãi.

Khoảng đất ấy ở phía sau kho lúa xây trong thành quanh năm không có vết chân người.

Mỗi buổi chiều mặt trời lặn, mấy con chim không tổ mỏi cánh định tìm vào vườn chuối âm u này để ngủ. Nhưng thân chuối cao vút và tàu lá chuối trống trải không đủ là nơi làm tổ. Loài chim kêu mấy tiếng thưa thớt rồi lại bay qua ngọn thành. Vào tiết mưa dầm, những trận mưa ngâu đổ lên vườn chuối một khúc nhạc suông buồn thỉu buồn thiu...

Vườn chuối phía Tây góc thành sớm nay quang đãng khác mọi ngày. Trên mặt cỏ ngổn ngang những tàu lá, cuống còn tuôn ra những dòng nhựa thẫm máu. Nhựa ấy bị không khí làm se lại kết nên thành những khối keo quyện lấy búi cỏ gà.

Cùng một buổi chiều ấy, mấy người vợ lính cơ đứng trong luống

bãi dâu trồng ở dưới chân thành, sát ngay với bờ rào, được nghe tiếng người hát trên ngọn thành, ở trên đầu họ, đứng ngay chỗ vườn chuối im lìm của mọi ngày.

Tiếng người trên ngọn thành cũ hát rằng:

Tiếng loa vừa dậy
Hồi chuông đã mau
Ta hoa thanh quất
Bồn cỏ đổi màu
Sống không thù nhau
Chết nỡ oán nhau
Lệnh trên truyền xuống
Biết làm thế nào
Người ngồi cho vững
Cho ngọt nhát dao
Trời nổi cơn lốc
Tiễn quỷ không đầu.

Người ở trên mặt thành hát đến đâu thì tiếng những thân chuối đổ xuống mặt đất tường thành lại kêu roạt roạt đến đấy. Bọn người đàn bà hái dâu ngừng tay bứt lá, nghiêng đầu lắng kỹ. Cái bài hát mười hai câu đã hát đi hát lại đến mấy lần. Cứ xuống mỗi câu thì lại có một tiếng roạt. Chỉ có cây chuối bị chặt mạnh lìa bắn gốc, đổ vật xuống mặt đất thì mới kêu roạt roạt như vậy thôi. Nhưng mà ai chặt chuối? Không phải hẳn là cấm địa, nhưng góc thành sau kho lúa kia cũng gần là một miếng đất cấm, ai dám vượt phép quan vào đấy mà hát, mà phá vườn? Có chăng là làm loạn.

Những người vợ lính cơ, quen sống trong không khí loạn lạc, chiều nay và đêm nay bàn tán mãi về cái tiếng hát trên vườn chuối mặt tường thành. Chồng họ cũng lấy làm lạ và tự bảo ngày mai vào trại sẽ hỏi chuyện cho rõ.

Buổi sớm hôm sau, bọn vợ lính cơ, thêm được ít người tò mò nữa kéo đến vườn dâu ngoài thành, vẫn nghe rõ người ta chặt chuối trên mặt thành với những câu hát rõ mồn một:

Ta hoa thanh quất
Bồn cỏ đổi màu
Sống không thù nhau...
Chết nỡ oán nhau...

Khi nghỉ ngơi, lúc họ mang chuyện đó về nhà, thì những người lính cơ là chồng họ đều ra vẻ cảm động, sợ hãi và cắt nghĩa:

– Ông Bát Lê sắp làm việc đấy.

– ???

– Ông Lớn sắp đem mười mấy người ra chém. Và tiếng người hát trên mặt thành là tiếng thầy Bát Lê đang tập múa thanh quất ở vườn chuối đấy.

– Múa thanh quất? Ở vườn chuối? Sao lại hát những cái câu gì thế? Và ông Bát Lê vốn chém người đã nổi tiếng, còn phải tập với tành gì nữa?

– U mày không hiểu. Lâu nay ông Bát không phải khai đao vì ông Lớn thấy già yếu muốn cho nghỉ tay. Mỗi lần có án trảm, thầy Bát chỉ phải ra pháp trường cho có mặt thôi. Còn công việc thì đã có người khác đỡ đầu. Nhưng vẫn cứ được tiền thưởng. Đã đến gần một năm nay, ông Bát có cầm đến thanh quất đâu. Không hiểu tại sao lần này ông Lớn lại cho gọi ông Bát ra cho được và xem chừng như ngài săn sóc đến cái vụ xử trảm này nhiều lắm.

*

* *

Lui vào tư thất, quan Tổng đốc Bắc Ninh sung chức Đổng lý quân vụ, nhác thấy lão Lê đang co tay úp lên mang tai nhìn vào cái lộng lẫy của nhà riêng mình, ngài liền quở:

– Ít bữa nay chú đi đâu? Ta cho thằng Cửu nó sang gọi mấy lần đều thấy cửa đóng cả.

– Bẩm lạy ông Lớn, ít lâu nay con về nhà quê. Giá như ngày trước, có khi nào con dám đi xa, sớm tối lúc nào con cũng phải ở trong thành, phòng những lúc ông Lớn bất thần gọi đến. Nhưng từ hồi gần đây, ông Lớn thương phận già nua cho con được nghỉ tay đao, nên con có mạn phép về thăm nhà. Được tin ông Lớn cho đòi vào, con vội vã vào hầu, xin ông Lớn tha tội.

– Thôi, cho đứng dậy.

Quan Đổng lý quân vụ ngả mình trên ghế bành vàng và son, hất hàm hỏi tên bát phẩm đầy tớ già đang co ro người bên chiếc cột:

– Liệu bây giờ chém còn mát tay nữa không?

– Dạ.

– Dạ sao? Chú có biết ta sắp cho cái lệnh gì không?

– Dạ.

– Có mười hai tên tử tù sắp phải hành hình. Quan Công sứ muốn được thị kiến lúc bọn này phải xử trảm. Ngươi chém thế nào cho gọn thì chém, hễ chém một đầu đến hai nhát thì không những ta truất tiền thưởng mà ngươi còn bị quở nữa.

– Dạ.

– Tiền thưởng này chính của quan Công sứ cho ta. Ta muốn giữ phần cho ngươi nên ta cho gọi ngươi vào lĩnh lấy việc này, gọi là kiếm một chút bổng để dưỡng cái tuổi già. Chú phải biết khi nhận lấy mười hai tên tử tù này là chú phải làm việc cho đầy đủ. Chớ để phiền đến ta. Ta đã chót khoe khoang cái tài chém "treo ngành" của chú với quan Công sứ. Chú nghĩ thế nào?

– Dạ, bẩm ông Lớn đã thương đến phận tôi tớ, chúng con xin hết sức tuân theo. Nhưng bây giờ con già yếu lắm, không biết có còn làm được việc như hồi xưa nữa không. Vả chăng gần một năm nay, không cầm đến mã tấu, con e có điều hơi lạc mất ngón đao...

– Ta đã nghĩ đến chuyện đó rồi. Chú còn đủ thời giờ để tập lại lối chém "treo ngành". Nếu cái nghề chém đặc biệt của chú không thể truyền lại cho một người nào được, thì ít ra là một lần nữa, chú cũng nên cho một vị quan Tây ở đây thấy rõ cái cách chém của một người đầy tớ hầu cận ta là như thế nào.

– Dạ, bẩm ông Lớn...

– Chú đừng nhiều lời. Đây này ta cho chú mượn thanh quất của ta mà làm việc. Sẵn có vườn chuối ở sau kho lúa, cho phép chú lên đó mà tập. Có ai ngăn cản, cứ đưa cái tín bài này ra.

Quan Đổng lý quân vụ rút khỏi ống bút trên bàn một lá thẻ đỏ, viết mấy chữ thảo vào mặt thẻ sơn trắng, trao cho Bát Lê.

Thế là từ hôm ấy, Bát Lê lĩnh thanh quất của quan Tổng đốc, leo lên tường thành, xông xáo trong vườn chuối, hết sức tự do, hết sức tàn nhẫn, chém ngang thân loài thực vật, trước khi chém vào cổ mười hai tên tù đang đợi ngày cuối cùng.

Vườn chuối trên mặt thành vốn mọc không có hàng lối nhất định.

Ông Bát phẩm Lê phải chọn lựa mãi mới được mấy dãy chuối, mọc theo hàng lối thẳng thắn. Y xoạc cẳng, lấy bước chân đo những quãng trống từ một góc chuối này đến một góc chuối khác. Tiến lên, lùi xuống, đo ngang, đo dọc, tự cho là tàm tạm được, y bèn nhẹ nhàng phát hết những tàu lá chuối rườm rà. Đấy là cái khu dọn dẹp sẵn để nhận lấy sự thí nghiệm cuối cùng của một thanh quất bị bỏ quên đã lâu ngày.

Trước khi hoa thanh quất trong mấy hàng chuối được chọn lựa kỹ càng kia, Bát Lê đã múa đao chém lia lịa vào mọi thân cây chuối khác, chém không tiếc tay, chém như một người hết sức tự vệ trong một cuộc huyết chiến để mở lấy một con đường máu cho mình lúc phá vòng vây. Một buổi sớm, y nhảy nhót trong vườn chuối, đưa lưỡi gươm qua bên phải lại múa lưỡi gươm qua phía trái, thanh gươm hai lưỡi đã gọn gàng, nhanh nhẹn phạt qua thân mấy trăm cây tươi còn nặng trĩu lớp sương đêm. Mảnh khăn vuông vải trắng bịt tóc của Bát Lê đã đẫm ướt và nhựa chuối trát thấm vào đấy, gặp ánh nắng sớm đã xuống màu.

Trên đống thân cây trơn ướt, Bát Lê vẫn làm việc, vẫn nhẩy nhót như một kẻ điên cuồng. Cứ một cây chuối gẫy gục xuống cỏ ướt, kêu đánh roạt một cái thì Bát Lê lại cất tiếng hát:

Sống không thù nhau
Chết nỡ oán nhau

Câu hát được những tiếng cây chuối đổ chấm câu cho và đã vẳng từ trên mặt thành xuống mặt một bãi dâu ở chân thành...

Tập như thế cho thuần tay hết một buổi sớm và một buổi chiều, Bát Lê sớm ngày hôm sau lại trở lại vườn chuối đã rầu cả lá, đã khô cả vết thương. Y hồi hộp chống gươm xuống mặt đất ẩm ngổn ngang sự tàn phá, như một người cử tử sắp trổ tài ở võ trường với sự phân vân, lo ngại của phút biểu diễn. Rồi Bát Lê trịnh trọng tiến vào cái khu vườn chuối đã dọn từ hôm trước để nhận lấy lưỡi gươm thí nghiệm cuối cùng của một cuộc tập chém. Y đứng vào giữa hai dẫy chuối, tay phải cầm ngang thanh quất.

Y lùi lại ba bước, lấy hơi thở cho đều, vừa hát to câu:

– Tiếng loa vừa dậy

vừa tiến mạnh lên, thuận tay chém vào cây chuối đầu tiên dẫy bên phải. Đà gươm mạnh từ cao xoải xuống theo một chiều chếch, tưởng gặp đến gỗ cứng cũng lướt qua. Thế mà thanh quất chỉ ngập vào

chiều sâu thân cây độ chín phần mười. Lưỡi thanh quất bị ngừng ở cái cữ ấy, rồi lại được lấy ra khỏi thân cây chẩy mủ. Vừa giật lưỡi thanh quất khỏi thân cây từ từ gục xuống, vừa hát một câu nữa:

– Hồi chiêng đã mau.

Bát Lê lại tiến thêm ba bước đến ngang tầm cây chuối hàng đầu dẫy bên trái. Bát Lê thuận đà thanh quất lại chém xuống đấy một nhát thứ hai. Một thân cây thứ hai gục xuống nữa như một thân hình người quỳ chịu tội. Thế rồi vừa hát, vừa chém bên trái, vừa chém bên phải, Bát Lê đã hát hết mười hai câu và đánh gục mười hai cây chuối. Bát Lê quay mình lại, ngắm cái công trình phá hoại của mình. Thì ở mười hai cây chuối chịu tội kia, thân trên bị chém vẫn còn dính vào phần gốc bởi một lần bẹ dập nát.

Bát Lê mỉm cười, gỡ cái khăn trùm trên đầu, lau lưỡi gươm vào đấy cho vuông vải lại đẫm thêm chất nhựa dính.

Thế là xong một cuộc tập chém lối treo ngành. Và Bát Lê cũng vui vẻ trong lòng đợi ngày nhận tù. Đi từ bề cao nền cỏ xuống chân thành, qua những bậc cấp thúc vào lòng đất, Bát Lê chốc chốc lại dừng bước lại để ưỡn mình về phía sau, ngắm cánh tay khẳng kheo đang lăm lăm cầm lưỡi gươm.

*

*   *

Nội cỏ trước dinh quan Đổng lý quân vụ chiều nay đổi màu. Mọi khi ở đây chỉ có dê, bò được thả lỏng cúi cổ nuốt áng cỏ tươi bên cạnh một tốp lính hiền lành, tay cầm lưỡi liềm cắt cỏ về cho ngựa ăn. Bây giờ ở đấy người ta dựng lên một cái nhà rạp có tàn có quạt, có cờ ngũ hành. Trước nhà rạp người ta đã chôn sẵn mười hai cái cọc tre bị vồ gỗ đập mạnh đã toét cả đầu. Và đánh đai lấy khu nhà rạp rộng độ một mẫu, mấy trăm lính mặc áo có dấu, có nẹp đã tề chỉnh tuốt gươm trần đứng thị uy.

Trời chiều có một vẻ dữ dội. Mặt đất thì sáng hơn là nền trời. Nền trời vẩn những đám mây tím và đỏ vẽ đủ mọi hình cổ quái. Bức tranh mây chói màu thẫm hạ thấp thêm mãi và đè nặng xuống bãi pháp trường oi bức và sáng gắt.

Mọi người chờ đợi một cái gì.

Từ phía nhà ngục, mười hai con người chậm chạp tiến tới giữa hai tốp lính áp giải. Bãi cỏ im lìm đến nỗi tiếng gông của lũ tù dây va vào nhau theo nhịp bước tiếc rẻ nghe cứ rõ mồn một như tiếng phách người chấp hiệu định liệu bước đi cho cỗ quan tài.

Không biết từ đâu ra, ông Bát Lê đã đứng sẵn chỗ cọc tre và trong một lát buộc xong bọn người đợi chết vào cọc. Lũ tử tù bị trói giật cánh khuỷu, quỳ gối xuống đất, khom khom lưng xếp theo hai hàng chênh chếch nhau. Lòng thèm sống chừng như đã thoát ra khỏi người họ. Trông xa, họ có cái thản nhiên của những tượng đá tạc hình người Chiêm Thành quỳ trước sân đền thờ vua nhà Lý.

Tiếng nhạc bát âm thổi bài Lưu thủy trường gần mãi lại. Rồi trong một giây phút, mọi người lắng rõ tiếng sênh tiền. Ai nấy nín thở. Trông ra cờ quạt kín cả nền trời và lính tráng kín cả mặt cỏ. Bụi cát bay mù như lúc người ta hành quân. Quan Công sứ mặc đồ binh phục trắng có ngù kim tuyến đi ngang hàng cùng quan Tổng đốc. Hai quan đầu tỉnh – một người đi ghệt, một người đi ủng – đều gò bước đi cho nó ăn nhập với cái long trọng của pháp trường, cho nó thỏa đáng với cái quan trọng của địa vị thủ hiến. Những tên lính tỉnh gầy ốm che sát vào người hai ông Lớn mọi thứ tàn vàng, tàn tía, lọng xanh.

Cái quần chúng không dám phạm thượng cúi gầm mãi mặt xuống đất, như cánh cỏ may đâm thủng ống quần mình.

Trong nhà rạp, các quan an vị. Ông thông ngôn người Nam Kỳ đứng vòng tay đằng sau quan Công sứ Tây. Quan Tổng đốc nói trước:

– Những người sắp bị hành hình kia là dư đảng giặc Bãi Sậy. Ty chức rất mong rằng đấy là những kẻ phiến loạn cuối cùng. Và nhờ hồng phúc của quan Lớn, cuộc trị an ở xứ này chóng định.

Quan Công sứ nhận chén rượu của quan Tổng đốc và rót một chén để tạ lại sự trung thành của quan Tổng đốc đối với công cuộc bảo hộ.

– Thiểm chức rất lấy làm hân hạnh tin cho quan Lớn biết rằng Nhà nước bảo hộ không bao giờ quên ghi công quan Lớn vào công đầu trong cuộc bình định.

Hai quan đầu tỉnh uống đến tuần rượu thứ nhì [1]. Bát Lê cầm gươm tiến đến trước nhà rạp, vòng tay thu lưỡi gươm lại, vái một cái, cúi mặt đứng im. Quan Tổng đốc nhổm mình khỏi mặt ghế bành:

---

1. Những chữ in nghiêng đã bị kiểm duyệt cắt bỏ khi in thành sách. (NHK)

– Xin phép quan Lớn cho ty chức được trình với quan Lớn một tên đầy tớ trung thành. Hắn là đao phủ tại pháp trường hôm nay.

– Có phải cái người mà quan Lớn nói là có tài chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn dính vào cổ bằng lần da gáy đó không?

– Dạ. Mà hôm nay hắn hạ thủ trong một hơi những mười hai cái đầu. Bây giờ để xin ra lệnh khai đao.

Quan Công sứ gật. Quan Tổng đốc phất nhẹ cây cờ lịnh nhìn Giám trảm quan. Viên Giám trảm và Bát Lê đều lùi ra ngoài rất mau.

Một tiếng loa. Một tiếng trống. Ba tiếng chiêng.

Bát Lê bắt đầu hoa không thanh quất mấy vòng. Rồi y hát những câu gì mà trong nhà rạp các quan nghe không rõ. Quan Công sứ chỉ thấy y vừa hát, vừa múa lượn giữa hai hàng tử tù và múa hát đến đâu thì những cái đầu tội nhân bị quỳ kia chẻ gục đến đấy. Những tia máu vọt cao lên nền trời chiều. Trên áng cỏ hoen ố, không một chiếc thủ cấp nào rụng xuống.

Bát Lê làm xong công việc, không nghỉ ngơi, chạy tuốt vào đứng trước nhà rạp. Bấy giờ quan Công sứ mới nhìn kỹ. Y mặc một cái áo dài trắng, một dải giây lưng điều thắt chẽn ngang bụng. Thấy trên quần áo trắng của y không có một giọt máu, quan Công sứ cười và hỏi quan Tổng đốc để nhớ lấy tên họ một người đao phủ có lối *"chém treo ngành"* rất ngọt. Ngài thưởng cho Bát Lê mấy cọc bạc đồng bà lão...

Lúc quan Công sứ ra về, khi bước qua mười hai cái đầu lâu còn dính vào cổ người chết quỳ kia, giữa sân pháp trường sắp giải tán, nổi lên một trận gió lốc xoáy rất mạnh. *Trận gió xoắn, hút cát bụi lên, xoáy vòng quanh đám tử thi và đuổi theo các quan đang ra về. Cái mũ trắng trên đầu quan Công sứ bị cơn lốc dữ dội lật rơi xuống bãi cỏ lăn lộn mấy vòng. Mọi người liếc trộm hai quan thủ hiến và thì thào.*

... Bấy giờ vào khoảng giữa giờ Thân.

In lại theo bản in khi đăng trên tạp chí *Tao đàn* số 4,
ra ngày 16-4-1939. Khi in thành sách lần đầu
(Nhà xuất bản Tân Dân, 1940), truyện đổi tên là
Bữa rượu đầu lâu và bị kiểm duyệt cắt bỏ một số câu.
Văn bản trên đây cũng khác với bản in trong
Tuyển tập Nguyễn Tuân, Văn học xuất bản, H, 1982.

NHỮNG CHIẾC ẤM ĐẤT

Sư cụ chùa Đồi Mai nhìn thấy bóng nắng đã đúng đỉnh đầu, thủng thẳng trở về trai phòng. Nhà sư già gỡ chiếc nón tu lờ khỏi đầu, sắp ngồi vào thụ trai thì có tiếng nheo nhéo ở ngoài cổng chùa. Một chú tiểu lễ phép bước lên tam cấp:

– Bạch cụ, có người con trai cụ Sáu xin vào.

Vậy chú vẫn đóng cửa chùa sao? Chú ra mở mau không có người ta phải đứng nắng lâu. Cổng nhà chùa bao giờ cũng nên để ngỏ. Từ giờ chú nên nhớ: sáng sớm tụng kinh nhật tụng và thỉnh chuông xong là phải ra mở rộng cửa chùa và tối đến, lúc nào học xong kệ thì mới đóng. Kẻo nữa, khách thập phương dị nghị.

Tiểu ra được một lát thì một người con trai trạc mười bảy tuổi, súng sính trong chiếc áo dài thâm, chân séo lấm, tay bưng cái khay, tiến vào tăng xá, vái sư cụ:

– Bạch cụ, thầy con cho con mang xuống biếu cụ bình trà đầu xuân. Và xin phép cụ cho phép ra giếng chùa nhà gánh một gánh nước.

Nhà sư già đã quen với sự biếu xén và xin này, khẽ cất tiếng cười. Trên khuôn mặt khô sắc, nụ cười không có gì là ấm áp, là thiết tha chỉ đủ là hiền lành thôi.

– Thế cháu đựng nước bằng cái gì?

– Dạ, có người nhà quẩy nồi và gánh đi theo còn chờ ở ngoài.

– A di đà Phật! Nắng này mà đi từ làng trên xuống tận đây lấy nước, cụ Sáu nhà có công quá. Cháu ngồi nghỉ chân đã. Để già bảo chú tiểu đưa tên bộc ra giếng... Cháu đi từ sớm, chắc bây giờ đã ngót dạ rồi; sẵn oản chuối vừa hạ xuống, già ép cháu thụ một ít lộc Phật.

– Bạch cụ, cháu ăn mặn ở nhà vẫn còn lửng dạ.

Sư cụ chùa Đồi Mai không nài thêm và chỉ cười rất hiền lành.

– Cháu có biết cụ Sáu nhà đến xin nước ở chùa đây đã mấy năm nay rồi không? Gần mười năm. Uống trà Tầu như thầy cháu thì cũng có một. Cứ nước giếng chùa đây mới chịu pha trà. Lắm lúc già tự hỏi về cái tiền thân của thầy cháu xem nó như thế nào. Nghĩ đến cái nhân duyên của thầy cháu với nhà chùa đây, thực cũng là bền và ngộ lắm cháu ạ.

Thoáng thấy tên lão bộc đã quảy xong gánh nước đang ngơ ngác tìm mình và làm ướt cả khoảng giữa sân chùa lát toàn đá tảng xanh, người con cụ Sáu, với cái từ tốn của một thư sinh ngồi hầu chuyện người bạn xuất gia của cha mình, vội vàng đứng dậy, xin phép về.

– Bạch cụ, cháu vội phải về, vì ở nhà hôm nay có khách. Có lẽ thầy cháu ở nhà đang mỏi mắt chờ gánh nước.

Nhà sư già cũng vội theo bọn xin nước ra tới thềm ngoài. Sư cụ rút trong tay áo vải rộng ra một chiếc quạt thước, xòe rộng hết cả nan quạt, nghiêng che đầu cho đỡ nắng và bảo chú tiểu:

– Chú chạy mau ra vườn, bẻ mấy cành lá đào.

Rồi cụ giữ con cụ Sáu lại:

– Ấy, ấy, thong thả một chút. Thả mấy cành đào có lá vào nồi nước, lúc gánh đi đường nó đỡ sóng ra ngoài và về đến nhà, nước vẫn mát.

Bọn xin nước vái chào nhà sư. Trên con đường đất cát khô, nồi nước tròng trành theo bước chân mau của tên lão bộc đánh rỏ xuống mặt đường những hình ngôi sao ướt và thẫm mầu. Những hình sao ướt nối nhau trên một quãng đường dài ngoằn ngoèo như lối đi của loài rắn. Nếu buổi trưa hè này là một đêm có bóng trăng dãi lạnh lùng và nếu cổng chùa Đồi Mai là một cửa động đào thì những giọt sao kia có đủ cái thi vị một cuộc đánh dấu con đường về của khách tục trở về trần sau khi chia tay cùng chúa non tiên.

Ánh nắng già giặn buổi trưa nung đốt mặt cánh đồng dưới chân đồi, làm rung rinh lớp không khí bốc từ mặt đất và giống như vệt khói nhờ nhờ vờn qua những mầu xanh bóng loáng của một dãy xóm làng cây cối im lìm. Đứng trong cổng chùa từ bề cao nhìn xuống cái thấp dưới chân mình, nhà sư già hấp háy cặp mắt, nhìn cái nắng sáng lòa. Bọn người xin nước chỉ còn là mấy cái chấm đen, mỗi lúc cử động lại làm tung lại phía sau mình một chùm cát bụi mờ mờ. Gió nồm thổi mạnh nhiều cơn, đã đem cả mảnh bụi trần kia vào lọt cổng ngôi chùa cao ráo. Nhà sư nghĩ đến cụ Sáu và thở dài tỏ ý tiếc cho một kiếp chúng sinh vướng phải vòng nghiệp chướng.

Cụ Sáu vốn đi lại với chùa đây kể ra đã lâu lắm, từ trước cái hồi nhà sư già tới trụ trì. Mấy pho tượng Phật bằng gỗ mít đặt ở trên bệ nhà thờ Tổ và mấy pho kinh in giấy đại thừa là của cụ Sáu cúng đã từ lâu. Cái chuông treo ở trên nhà phương trượng cũng là của ông cụ Sáu cúng vào hồi trùng tu lại chùa đấy. Và mỗi lần nhà chùa lập phả

khuyến thì ông cụ Sáu đứng đầu sổ. Chùa Đồi Mai vốn ở xa làng mạc và biệt lập trên một khu đồi nên cũng ít bị phiền nhiễu bởi bọn tạp khách. Thỉnh thoảng trong bọn khách đến chơi, ông cụ Sáu được sư cụ biệt đãi nhất. Độ một tháng một lần, nhà sư già lại giữ ông cụ Sáu lại ăn một bữa cơm chay và lần nào từ biệt, nhà sư cũng chân thành tặng khách một vài giò lan đen. Thường thường mỗi lần gặp gỡ, thể nào hai ông già cũng kéo nhau ra cái giếng nước chuyện vãn rất lâu. Nhà sư ít nhời, thường hay trầm tĩnh ngắm bóng mình trong lòng đáy giếng sâu. Cái bóng nhà sư già ít khi được đậu hình cho lâu trên phiến gương nước giếng mát lạnh, vì chốc chốc một vài giọt nước ngọt lại rời mạch đá tổ ong, thánh thót rót xuống, tiếng kêu bì bõm. Ông cụ Sáu tỳ tay vào thành giếng nhờn nhờn rêu xanh, chỉ ngón tay xuống lòng giếng sâu thăm thẳm đến gần hai con sào và nói: "Chùa nhà ta có cái giếng này quý lắm. Nước rất ngọt. Có lẽ tôi nghiện trà tầu vì nước giếng chùa nhà đấy. Tôi sở dĩ không đi đâu xa được là vì không đem theo được nước giếng này đi để pha trà. Bạch sư cụ, sư cụ nhớ hộ tôi câu thế này: Là giếng chùa nhà mà cạn thì tôi sẽ cho không người nào muốn xin bộ đồ trà rất quý của tôi. Chỉ có nước giếng đây là pha trà không bao giờ lạc mất hương vị. Mà bạch cụ, chúng tôi không hiểu tại sao ngọn đồi này cao mà thủy lại tụ. Địa thế chùa này, xem có thể dụng võ được...". Chừng như sợ cụ Sáu nói rộng tới những chuyện không nên trao đổi với kẻ tu hành, sư cụ vội nói lảng sang chuyện mấy cây mít nhà chùa năm nay sai quả lắm và kéo ông cụ Sáu vào trai phòng dùng một tuần nước. Theo một ước lệ rất đáng yêu đặt ra từ ngày mới làm quen cùng nhau, đã mươi năm nay, bao giờ uống nước trà của nhà chùa, ông cụ Sáu cũng được cái vinh dự pha trà và chuyên trà thay chủ tự.

Dạo này, chắc ông cụ Sáu bận việc nhiều nên đã mấy tuần trăng rồi mà không thấy vãn cảnh chùa uống nước thăm hoa, để cho sư cụ cứ nhìn mấy chậu mặc lan giò trổ hoa, tặc lưỡi mỗi khi cùng bất đắc dĩ phải ngắt cắm vào lọ con. Dạo này cụ Sáu chỉ cho người nhà xuống xin nước giếng thôi. Và trưa hôm nay lúc lặng ngắm hai thầy trò người con ông cụ Sáu đem nước ra khỏi chùa, lúc trở vào, nhà sư già thở dài:

– Ông cụ Sáu này, nếu không đam mê cái phong vị trà tầu, đam mê đến nhiều khi lầm lỗi, nếu ông ta bỏ được thì cũng là một ông sư tại gia. Danh và lợi, ông ta không màng. Phá gần hết cơ nghiệp ông cha để lại, ông ta thực đã coi cái phú quý nhãn tiền không bằng một

ấm trà tầu. Nhưng một ngày kia, nếu không có trà tầu mà uống nữa thì cái ông cụ Sáu này sẽ khổ đến bực nào... Phật dạy rằng *hễ muốn là khổ*. Biết đâu trong bốn đại dương nước mắt chúng sinh của thế giới ba nghìn, sau đây lại chả có một phần to nước mắt của một ông già năng lên chùa ta xin nước ngọt về để uống trà tầu. Mô Phật!

Ông cụ Sáu, hôm nay lấy làm thích cái người khách lạ đó lắm. Vì người khách vừa kể cho chủ nhân nghe một câu chuyện cổ tích. Lê trôn chén vào lợi chiếc đĩa cổ vài ba lần, khách kể:

– Ngày xưa, có một tên ăn mày cổ quái. Làm cái nghề khất cái là phải cầm bằng rằng mình không dám coi ai là thường nữa; thế mà hắn còn chọn lựa từng cửa rồi mới vào ăn xin. Hắn toàn vào xin những nhà đại gia thôi và cố làm thế nào cho giáp được mặt chủ nhân rồi có xin gì thì hắn mới xin. Có một lần hắn lần về đến nhà một nhà phú hộ kia giữa lúc chủ nhân cùng một vài quý khách đang ngồi uống trà buổi sớm. Mọi người thấy hắn mon men vào thềm, và ngồi thu hình ở chân cột một cách ngoan ngoãn, mọi người không nói gì cả, để xem tên ăn mày định giở trò gì. Hắn chả làm gì cả, chỉ nhìn mọi người khoan khoái uống trà. Hắn đánh hơi mũi, và cũng tỏ vẻ khoan khoái khi hít được nhiều hương trà nóng tản bay trong phòng. Thấy mặt mũi tên ăn mày đã đứng tuổi không đến nỗi bẩn thỉu quá, chủ nhân bèn hỏi xem hắn muốn xin cơm thừa hay là canh cặn, hay là hơn nữa, hắn còn muốn đòi xôi gấc. Hắn gãi tai, tiến gần lại, tủm tỉm và lễ phép xin chủ nhân cho hắn uống trà tầu với! Mọi người tưởng hắn điên, nhưng tại sao không ai nỡ đuổi hắn ra và còn gọi hắn lại phía bàn cho hắn nhận lấy chén trà nóng. Hắn rụt rè xin lỗi và ngỏ ý muốn được uống nguyên một ấm trà mới kia. Hắn nói xong, dỡ cái bị ăn mày của hắn, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ẩm. Thấy cũng vui vui và lạ lạ, mọi người lại đưa cho hắn mượn cả khay trà và quạt cho hắn một ấm nước sôi, thử xem hắn định đùa với bọn họ đến bực nào mới chịu thôi. Hắn xin phép đâu đấy rồi là ngồi xếp chân chữ ngũ, tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tống sang chén quân, trông xinh đáo để. Lúc này không ai dám bảo hắn là ăn mày, mặc dầu quần áo hắn rách như tổ đỉa. Uống một chén thứ nhất xong, uống đến chén thứ nhì, bỗng hắn nheo nheo mắt lại, chép môi, đứng dậy, chắp tay vào nhau, thưa với chủ nhân: "Là thân phận một tên ăn mày như tôi được các ngài cao quý rủ lòng thương, thực kẻ ty tiện không có điều gì dám kêu ca nữa. Chỉ hiềm rằng bình trà của ngài có

lẫn mùi trấu ở trong. Cho nên bề dưới chưa được lấy gì làm sung sướng lắm". Hắn lạy tạ, tráng ấm chén lau khay hoàn lại nhà chủ. Lau xong cái ấm độc ẩm của hắn, hắn thổi cái vòi ấm rất kỹ lưỡng cất vào bị, thế rồi xách nón, xách gậy, hắn tập tễnh lên đường. Mọi người cho là một thằng điên không để ý đến. Nhưng buổi chiều hôm ấy, cả nhà đều lấy làm sợ tên ăn mày vì ở lọ trà đánh đổ tung vãi ở mặt bàn, chủ nhân đã lượm được ra đến mươi mảnh trấu".

Ông cụ Sáu nghe khách kể đến đấy, thích quá, vỗ đùi mình, vỗ đùi khách và kêu:

– Giá cái lão ăn mày ấy sinh vào thời này thì tôi mời hắn ta đến ở luôn với tôi để sớm tối có nhau mà thưởng thức trà ngon.

– Cổ nhân cũng bịa ra một truyện cổ tích thế để làm vui thêm cái việc uống một tuần nước đấy thôi, chứ cụ tính làm gì ra những thứ người ấy. Ta chỉ nên cho nó là một câu giai thoại.

– Không, có thể như thế được lắm mà. Tôi chắc cái lão ăn mày này đã tiêu cả một cái sản nghiệp vào rừng trà Vũ Di sơn nên hắn mới sành thế và mới đến nỗi cầm bị gậy. Chắc những thứ trà Bạch mao Hầu và trà Trảm mã hắn cũng đã uống rồi đấy ông khách ạ. Nhưng mà, ông khách này, chúng ta phải uống một ấm trà thứ hai nữa chứ. Chả nhẽ nghe một câu chuyện thú như thế mà chỉ uống với nhau có một ấm thôi.

Thế rồi trong khi cụ Sáu tháo bã trà vào cái bát cổ rộng miệng vẽ liễu mã, ông khách nâng cái ấm quần ẩm lên, ngắm nghía mãi và khen:

– Cái ấm của cụ quý lắm đấy, thực là ấm Thế Đức mầu gan gà. *"Thứ nhất Thế Đức gan gà; thứ nhì Lưu Bội; thứ ba Mạnh Thần"*. Cái Thế Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ẩm của tôi ở nhà, mới dùng nên cũng chưa có cao mấy.

Cụ Sáu vội đổ hết nước sôi vào ấm chuyên, giơ cái ấm đồng cò bay vào sát mặt khách.

– Ông khách có trông rõ mấy cái mấu sùi sùi ở trong lòng ấm đồng không? Tầu nó gọi là cái kim hỏa. Có kim hỏa thì nước mau sủi lắm. Đủ năm cái kim hỏa đấy.

– Thế cụ có phân biệt thế nào là nước sôi già và nước mới sủi không?

– Lại "ngư nhãn, giải nhãn" chứ gì. Cứ nhìn tăm nước to được bằng cái mắt cua thì là sủi vừa và khi mà tăm nước to bằng mắt cá thì là nước sôi già chứ gì nữa.

Chủ khách cả cười. Uống thêm mỗi người hai chén nữa. Cụ Sáu tiễn khách ra cổng với một câu:

– Thỉnh thoảng có đi qua tệ ấp, xin mời ông khách ghé thăm tôi như một người bạn cũ; mỗi lần gặp, ta lại uống vài tuần nước. Hà, hà.

Năm ấy, nước sông Nhĩ Hà lên to. Thảo nào mấy nghìn gốc nhãn trồng trên mặt đê quanh vùng, vụ năm ấy sai quả lạ. Cái đê kiên cố đã vỡ, nhưng vốn ở cuối dòng nước chảy xiết, nhà cửa cụ Sáu chưa đến nỗi bị cuốn phăng đi. Lúc nước rút, ở cái cổng gạch nguyên vẹn, hai mảnh giấy hồng điều của đôi câu đối dán cửa vẫn còn lành lặn và nét chữ vẫn rõ ràng:

Họ lịch sự như tiên, phú quý như trời, quất con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu.

Ta trồng cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất, gọi hề đồng pha nước trước hiên mai.

Năm sau, quãng đê hàn khẩu ấy, chừng hàn không kỹ, lại vỡ luôn một lần nữa. Cái cổng gạch nhà cụ Sáu vẫn trơ trơ như cũ. Nhưng lần này thì đôi câu đối giấy hồng điều, gió mưa đã làm bợt mầu phẩm, mực ngấn nước phù sa đã phủ kín dòng chữ bằng những vạch bùn ngang dày dặn.

Ông khách năm nọ – cái người kể câu chuyện tên ăn mày sành uống trà tầu – đi làm ăn xa đã mấy năm, nhân về qua vùng đấy, nhớ nhời dặn của cụ Sáu, đã tìm tới để uống lại với ông già một ấm trà tầu nữa. Nhưng người khách hỏi đến nhà ông, người khách đã bùi ngùi thấy người ta bảo cho biết rằng nhà cụ Sáu đã bán rồi. Thấy hỏi thăm tha thiết, người vùng ấy mách thêm cho ông khách:

– Có muốn tìm cố Sáu thì ông cứ xuống chợ Huyện. Cứ đón đúng những phiên chợ xép vào ngày tám thì thế nào cũng gặp. Chúng tôi chỉ biết có thế thôi.

Phải, bây giờ ông cụ Sáu sa sút lắm rồi. Bây giờ ông cụ lo lấy bữa cơm ăn cũng khó, chứ đừng nói đến chuyện uống trà tầu. Thỉnh thoảng có xin được người nào quen một vài ấm trà, cụ lấy làm quý báu lắm: gói giấy dắt kỹ trong mình, đợi lúc nào vắng vẻ một mình mới đem ra pha uống. Vẫn còn quen cái thói phong lưu, nhiều khi qua chơi ao sen nhà ai, gặp mùa hoa nở, cụ lại còn cố bứt lấy ít nhị đem ướp luôn vào gói trà dắt trong mình.

Những buổi có phiên chợ, cụ Sáu ngồi ghé nhờ vào gian hàng

tấm của người cùng làng, bầy ra trên mặt đất có đến một chục chiếc ấm mà ngày trước, giá có trồng ngay cọc bạc nén cho trông thấy, chửa chắc cụ đã bán cho một chiếc. Có một điều mà ai cũng lấy làm lạ, là cụ bán lũ ấm đất làm hai lớp. Mấy kỳ đầu, cụ bán toàn thân ấm và bán rất rẻ. Còn nắp ấm cụ để dành lại. Có lần vui miệng, cụ ghé sát vào tai người bà con:

– Có thế mới được giá. Có cái thân ấm rồi, chả nhẽ không mua cái nắp vừa vặn sao? Bán thân ấm rẻ, rồi đến lúc bán nắp ấm, mới là lúc nên bán giá đắt.

Cụ Sáu cười hề hề, rồi vội quay ra nói chuyện với bạn hàng đang mân mê những cái thân ấm đất đủ mầu, cái thì dáng giỏ dâu, cái thì múi na, hình quả vả, quả sung v.v...

– Thế nào tôi cũng tìm được nắp cho ông. Cứ phiên sau lại đây thế nào cũng có nắp. Không, đúng ấm Tầu đấy mà. Nếu không tin ông cứ úp hẳn ấm xuống mặt miếng gỗ kia, cho ấm ngửa trôn lên. Cứ xem miệng vòi, mép quai và gờ miệng ấm đều chấm sát mặt bằng miếng gỗ thì biết. Nếu muốn thử kỹ nữa, quý khách thả nó vào chậu nước, thấy nó nổi đều, cân nhau, không triềng, thế là đích ấm Tầu.

TRÊN ĐỈNH NON TẢN

Núi cao sông hãy còn dài
Năm năm báo oán đời đời đánh ghen.

Làng Tràng Thôn, tổng Kim Quan, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây. Đấy là một làng xứ trung du mà hai phần ba số dân làm nghề thợ mộc. Cái tràng cái đục của dân Tràng Thôn không những được người trần biết đến mà thỉnh thoảng cứ vài năm năm một, lại có người tiên trên núi hạ sơn cầu đến, sau những vụ lụt tháng tám rất to đánh đắm hết những làng ở rải rác dưới chân núi Tản Viên.

Cứ vài năm năm một, vua Thủy Tề lại dâng nước một lần như thế lên chân núi Tản, lên lưng chừng núi Tản, lên tít đỉnh núi Tản. Nhà cửa, trâu, dê, bò, lợn, hoa mầu bị ngâm nước cứ hàng tuần trăng một, rồi chết, rồi nẫu, rồi rữa, rồi tan theo với ngọn nước lúc rút, tiếng nước xiết kêu réo như thiên binh vạn mã. Mỗi một kỳ nước trắng cuồn cuộn dâng lên vùng non Tản cao ngất trời xanh, rồi lại cuồn cuộn rút về thủy quốc, dân gian khổ hại không biết thế nào mà lượng được. Có nhiều làng bị nạn nước, toàn thể sinh linh đều biệt tích. Nóc đình các làng bị nước phù sa chôn chặt, nhiều khi phải đào móc mãi mới dò được ra dấu vết cũ. Ở nhiều chỗ không ngờ tới, người ta thường còn đào thấy những cái hài cốt rất kỳ quái của loài động vật thuộc đời thạch khí. Thì ra trận hồng thủy đã đem từ những nguồn, những ngàn xa nào, biết bao nhiêu con vật quái gở về chôn tại vùng xuôi này. Như là cái mai con giải to bằng cả một cái đầm nước trung bình đào thấy ở cạnh cái văn chỉ hàng huyện Tùng Thiện chẳng hạn. Còn nhiều thứ xương cốt của nhiều giống thủy quái khác nữa bị đạt vào các chân đồi, vào giữa thung lũng các sơn thôn, mà nước rút xuống mau đã ký táng vào khu vực tỉnh Đoài. Mỗi lần đào thấy dưới những lớp dày cát phù sa, dân sở tại chỉ nhìn nhau, hỏi nhau bằng cặp mắt sợ hãi và không biết đấy là cái sót lại của những con quái vật gì. Ở khắp mấy vùng Vệ Đổng, Nam Toàn, Thạch Bàn, Vân Mộng, đều có đào thấy như thế cả. Lắm ông già tuổi thọ đã linh trăm tuổi mà cũng chịu. Các cụ kêu rằng ông cha lúc sinh thời cũng chưa từng có nói đến những việc đào được cốt như thế.

Nhiều cái cốt khí lạ không biết thế nào mà nói. Có một lần, bọn dân Mường ở xóm Đá Chông, ngay chỗ sát ria chân núi Tản, về vụ làm rẫy tháng xuân, đào được không biết bao nhiêu là đống xương một loài chim to lạ quá; cứ trông vào những bộ xương khổng lồ ấy mà đoán, người ta ngờ rằng đấy là những con chim rừng của rừng hoang núi Tản. Chả biết có phải đấy là di hài của loài đại bàng hay không, nhưng những con chim ấy lúc sống có đủ da, thịt, lông, thì cũng phải to gấp năm sáu lần thân những con hạc gỗ thờ bên hương án các đình cổ đồ sộ. Những một bộ xương chân thôi mà cũng đã dài bằng cây sào chiến của bọn cướp.

Tục truyền những trận hồng thủy ghê gớm, dữ dội, tàn nhẫn như thế là gây nên bởi cuộc đánh ghen của vua Thủy với một vị thần trong bốn vị tứ bất tử nơi thế giới u linh: thánh Tản Viên, chúa Liễu Hạnh, Chử Đồng Tử và Phù Đổng Thiên Vương. Trong bốn vị này, sau chúa Liễu Hạnh, vốn có tính hay đùa ghẹo người trần nhỡ gặp phải, có người nào hay biến hóa nhiều nhất và tàng hình lẫn vào đám người trần mắt thịt, thì là thánh Tản Viên. Chính thánh Tản Viên này đã gây thù kết oán với Tiểu Long hầu, con vua Thủy Tề. Đâu vị thần Núi này và vị hoàng tử Nước kia đã là hai kẻ tình địch muôn năm trong cái mơ hồ vô tận một thiên tình sử thoát phàm của đấng thần linh và trong cái vĩnh viễn của thời gian ở tít trên một chỏm non xanh, ở tịt tận dưới đáy thủy cung. Hai kẻ thù mỗi lúc đánh ghen thì muôn ngàn sinh linh đồ thán. Mỗi một kỳ đánh ghen, nước các vùng lại đổ về như thác và dâng cao mãi lên; đỉnh non Tản, muốn cho khỏi ngụp dưới làn nước ghen oán, lại có dịp để vươn mình cao thêm nữa.

Những thiên tai này gây nên trong không gian bởi một người đàn bà. Trời! Bao giờ cho cái Nàng Công chúa đẹp kia mất tích hẳn đi để Nước ấy và Núi kia được trở lại với sự yên nghỉ muôn thuở. Chứ thỉnh thoảng mà hai cái Thần ấy còn đòi cướp phá và cố chống giữ nhau thì nước còn dâng lên muôn trượng và nhà nhà vùng xứ Đoài còn mãi mãi bị nạn lụt nước. Chính cái hạnh phúc trên non Tản Viên và lòng ghen của một ông hoàng tử Nước kia đã là đầu đề cho một câu hát của người xứ Đoài.

Núi cao sông hãy còn dài
Năm năm báo oán đời đời đánh ghen.

Trẻ, vùng xứ Đoài, đến bây giờ vẫn còn hát hai câu ấy và chỏm non Tản, trông xa như hình một cái tán đá, đã là cả một thế giới của bí mật, của huyền ảo.

Không có viên quan địa phương nào, mỗi lần đi phủ tế lễ quốc tế xuân thu hai kỳ trong một năm ở đền thờ thánh Tản Viên, là không tò mò hỏi thăm đến cái bí mật của rừng cao cả.

Người ta truyền lại rằng đền thờ đức thánh Tản Viên có đủ ba ngôi. Đền Hạ và đền Trung thì nhiều người đã leo lên tới rồi. Nhưng vượt được cái vách đá trái núi thất quả bồng để lên cho được đến trên đền Thượng, thời chưa có ai thuật lại việc đó. Hình như có một lần, đâu ông quan Tri ngồi nhậm phủ Quốc Oai nói chuyện một cách sợ sệt về đền Thượng với quan Đốc học Sơn Tây. Ông Tri đó chỉ dấp dính trong mồm, nói được hết mấy câu: "Đứng ở mái Nam đền Thượng mà nhìn xuống, trông được cả khói ở kinh thành Thăng Long. Thấy rõ cả cái chợ Giời ở núi Sài. Có đứng ở đền Thượng nhòm thẳng xuống thì mới biết cái dải Đà giang là có thế hiểm. Tôi có mang trộm về được ít đá cuội và một mẩu gỗ chò. Đây quan Lớn ngài xem", thế rồi là lăn đùng ra chết. Cái viên đá cuội mà ông Tri phủ Quốc Oai còn nắm chắc trong bàn tay giá lạnh cứng đờ, khi đập ra có một cái nhân nhỏ mầu trắng nhờ nhờ tiết ra một mùi hương đượm của quả men rượu lúc ủ trấu. Cái nhân đó vụt bay mất. Cái vỏ cuội đá còn lại, đem thả vào bát nước mưa kinh niên, lấy thìa múc uống thấy say sưa vô cùng. Hai mảnh đá cuội vỡ đó, quan Đốc Sơn Tây giữ lấy, đi đâu cũng dắt trong mình, quý hơn là hòn ngọc tỷ của một ông vua thất quốc lánh nạn quyền yêm. Thỉnh thoảng vắng người, quan Đốc lại thả nó vào bát nước mưa, uống có nhạt hơn trước, nhưng vẫn say và thơm như những chất của lũ quỷ vật. Cái hòn cuội đó về sau, vì quan Đốc phải đi theo gia quyến chạy loạn, thành ra thất lạc mất. Muốn cho được an ủi lòng mình, quan Đốc Sơn Tây tin rằng mảnh đá hẳn là đã trở về với chủ nhân trên non Tản. Ngài lại càng lấy làm sợ lắm và không dám kể cái việc Thần Non Xanh đòi lại hòn cuội cho mượn đó với ai cả. Sợ lại có cái vạ miệng phải chết tươi như ông Thái thú Quốc Oai ngày nọ chăng.

Việc viên Tri Quốc Oai chết một cách hung dữ như vậy và cái chuyện kỳ dị hòn cuội cố nhân không biết vì đâu mà đồn đại đến tận dân làng Tràng Thôn chuyên làm nghề thợ mộc. Bên bếp lửa, giữa những mồi thuốc lào châm nùn rơm hút đến tụt nõ điếu cầy, những

bác phó mộc trẻ tráng luôn miệng nói đến hòn cuội trên non Tản và hỏi nhau xem ở trên cái ngôi đền Thượng núi Tản Viên có những cái gì. Họ muốn được hiểu biết. Có một điều lạ là mỗi lúc câu chuyện có đả động đến ngôi đền Thượng đầy huyền bí thì những ông phó mộc có tuổi đều đánh trống lảng ra chuyện khác, nếu họ không lảng xa ra chỗ khác. Bọn thợ trẻ rất (lấy làm) để ý đến những cái nhìn ý tứ của đám phó mộc lớn tuổi đưa đẩy với nhau bằng mắt khi bọn đàn em nhao nhao lên mà bàn tán khêu gợi đến những cái đáng nên tìm ra ở trên đền đức thánh Tản. Những bực đàn anh này có biết một cái gì trên ấy chăng? Sao những người tuổi tác này có vẻ khiếp sợ và giấu giếm đến thế?

Thứ nhất là cái thái độ ông cụ Phó Sần thì lại càng đáng nghi lắm. Ngày trước ông cụ Phó Sần vui tính và hay bép xép. Có từ dạo cách đây đâu mươi năm, ông cụ Phó Sần tự nhiên bỏ làng Tràng Thôn mất đến hơn một tháng, vợ con không rõ là đi đâu. Lúc ông cụ Sần đi có mang đủ bào, đục, chàng, cưa, dây mực, ống mực, dây quả dọi và chỉ nói là đi nhận làm khoán ở nơi xa lắm. Khi về thấy có rất nhiều tiền và mỗi lúc tiêu đến thì lại mang tiền thả vào vại nước, có nhiều đồng nổi lềnh bềnh; ông cụ nhặt những đồng chìm tiêu dần và cất những đồng nổi vào một chỗ rất kỹ, rất kín. Từ ngày ấy vợ con và cả người mấy xóm ở làng thấy ông đổi tính một cách rất mau chóng. Trước ông hay ngồi lê đôi mách, bép xép hết chuyện người rồi mang nốt cả chuyện nhà ra mà nói. Giờ thì ông dè dặt từng câu, lắm ngày vẩn vơ như bị ma làm và nhiều hôm không cạy mồm ra mà nói lấy nửa nhời. Và nhiễm thêm tật khạc nhổ, thăm khám nước bọt vừa nhổ và tay luôn luôn dờ lên cổ vốn lộ hầu. Ông Phó Sần xưa điềm đạm thì giờ có tính hốt hoảng. Người ấy đang tư lự một điều gì ngập ngừng nửa muốn nói, nửa lại thôi dám. Bà cụ Phó Sần buồn lắm. Những cháu rể hỏi trộm nhau rằng hay là lúc có tuổi, ông ngoại giở chứng lúc sắp nằm xuống?

Cụ Phó Sần là người không bao giờ biết những mơ mộng ở đời là gì cả, thế mà từ hồi đi làm ăn một chuyến xa ấy về, ông cụ có đủ cái phong thái một kẻ lãng mạn vào lúc xế chiều. Giờ ông cụ chơi cây cảnh dữ lắm. Và bất cứ là nơi nào hễ ai đánh tiếng cho ông biết một vườn quả nào đẹp và lạ, là ông lần mò tìm đến cho được thời mới nghe. Ông cụ Sần có được bao nhiêu chất vui sướng còn lại trong lòng là ông cụ cho nó hiện hết cả lên trên nét mặt để rồi lúc ở vườn quả

trở ra về, ông cụ lại cho mọi người được đọc vẻ thất vọng hoàn toàn trên bộ mặt khô héo. Không, những thứ hoa và quả ở mấy thửa vườn quý báu ông vừa tới thăm không có chút gì là quý lạ cả. Cũng chỉ tầm thường như mọi thứ tầm thường ở cuộc đời này. Những thứ cỏ suối, hoa ngàn hoang và quả nơi rừng cấm, có lẽ ông chỉ thấy được một lần ấy thôi. Đã lâu lắm, từ cái ngày ông cụ Sần bị bắt đi mất hơn một tháng để trùng tu lại ngôi đền Thượng trên đỉnh núi Tản Viên. Ở trên ấy đẹp lắm. Ngày tháng thì dài lắm, mà không thấy sốt ruột. Hoa và quả thì lành ngọt và thơm như hết thẩy những cái gì không phải là vật sống gửi ở mặt đất cõi trần. Những cái êm, dịu, trong, sáng, thơm, lành trên non tiên, nếu được đem thuật lại với người làng, ông cụ Sần tin rằng sẽ có một số người khá đông đoạn tuyệt với cố hương, tìm vào ngàn cao cho được thỏa cái tai và cặp mắt thịt. Nhưng, ác cái những chuyện rừng lại không được thuật lại. Hôm hoàn thành công việc sửa đền, lúc sắp xuống núi, Thần Non Tản đã gọi cả hai hiệp thợ mộc và thợ ngõa lại, bắt mỗi người nuốt một lá trúc xe điếu và điềm đạm dặn tất cả bấy nhiêu người: "Thôi nhá, chuyện chi để đó. Các ngươi về làm ăn dưới ấy cho yên ổn". Cái lá trúc xe điếu ấy là một con dao găm, một con trúc đao có phép thuật kết liễu đời kẻ nào bép xép, lỡ mồm tiết lậu đến thiên cơ, đến thần cơ. Mỗi người thợ hạ sơn là đem theo trong mình một lời đe loi của Thần Non Xanh và cả một cái bí mật của ngàn xanh cao tít.

Trừ cái hiệp thợ ngõa là người xa lạ các nơi kết hợp lại, một lúc xuống núi là giải tán ngay không kể, còn hiệp thợ mộc bẩy người toàn là người làng Tràng Thôn. Ông cụ Sần cùng trở về làng với tất cả anh em đi chữa đền đức thánh Tản. Từ ngày ấy, những lúc tắt lửa tối đèn hoặc họp chén ở nơi chiếu hương ẩm, hoặc là làm mùa màng, họ và cụ Sần đều gặp nhau luôn. Nhưng tịnh không ai hé răng cậy miệng ra nói lấy nửa lời về câu chuyện hơn một tháng trên non xanh. Họ nhìn nhau chừng chừng, rồi u hoài, rồi sầu uất, rồi lo sợ đều bằng con mắt cả. Họ đều đem nhỡn tuyến ra mà chung viết lại với nhau một tập ký ức câm về hơn một tháng trùng tu ngôi đền Thượng...

Trong bọn, có Nhiêu Tàm, người xóm dưới, không biết dại mồm dại miệng thế nào hay là lúc say sưa, không rõ tửu nhập ngôn xuất ra làm sao mà lăn đùng ra chết. Cả làng thấy Nhiêu Tàm khỏe mạnh như thế, đang vui cười mà lăn ra chết, không ai hiểu ra saó cả. Chỉ có ông cụ Sần và năm người thợ mộc rõ thôi.

Ông cụ Sần và năm bác phó mộc đã tìm đến tang gia đòi xem cho được mặt người bất hạnh. Nói là xem cái cổ kẻ chết thì đúng hơn. Thì ra ở phía bên trái cổ, có một cái nhọt bọc mã đao đang nung. Nặn nhọt ra, có một cái ngòi xanh lè lè, dài vừa đúng một cái lá trúc. Ông cụ Sần và năm bác phó mộc xanh mắt nhìn nhau im lặng. Con trúc đao! Sự trừng phạt của Thần Non Tản!

Ông cụ Sần bèn xin lấy cái ngòi mã đao đó, nói dối với sự chủ là đem về khảo về một môn thuốc ung thư ngoại khoa. Cụ Sần đem cắm cái ngòi mã đao đó vào chiếc chậu sứ, chỉ có một đêm thôi mà ngày hôm sau, chiếc chậu sứ đã có một cây trúc nhỏ bé khẳng khiu như trúc non bộ, cành và đốt rất nhiều, nhưng chỉ có mỗi một lá thôi. Một cái lá nhọn hoắt. Muốn giữ mồm giữ miệng cho quen đi, sau ngày đưa ma Nhiêu Tàm, cụ phó Sần thường họp mấy người thợ bạn đàn em kia lại đánh chén ở nhà mình. Bữa chén không có đồ nhắm.

Họ uống rượu rất nhiều, ngồi im lặng ngắm cái lá trúc cô độc trên khóm trúc tí hon bầy ở thềm nhà. Trong những ngày nơm nớp của đám thợ mộc này vừa hụt đi mất một người, những bữa rượu này là những bữa không ngon lành nhất trong đời một đám người sống nơi thôn ổ với cái vui thú được thỉnh thoảng nâng chén bất cứ ở trường hợp nào.

Cái lá trúc non bộ ấy vẫn xanh ngắt trên khóm trúc đã khô giòn như bó que đóm nỏ. Đấy là một lời cảnh cáo dai dẳng. Nó gợi người trong cuộc nghĩ nhiều về câu tục ngữ: *có mồm thì cắp, có nắp thì đậy.*

Ngày tháng cứ thế mà vợi dần trên lũy tre xanh già làng Tràng Thôn.

Bỗng một buổi chiều năm ấy – không nhớ rõ là năm nào, chỉ biết là cùng một năm có trận lụt rất lớn làm sạt cả kỳ đài thành Đoài và cuốn phăng mất đến gần tám mươi trượng đá tổ ong phía tường Tây thành tỉnh – buổi chiều năm ấy, vào lúc nhá nhem người ta đang đánh trâu cày vào các ngõ ruối, một ông già râu, tóc, lông mi trắng xốp như bông, chống một cây gậy trúc đùi gà vàng óng, khoan thai tiến vào cổng trước làng Tràng Thôn.

Trông ông cụ đĩnh đạc, cổ kính, đội cái nón cỏ giống kiểu nón tu lờ người tu hành, dân làng không có hỏi căn vặn và chỉ nhìn theo ông cụ đi khuất vào ngõ nhà ông cụ Sần, bước đi có đủ cái vững vàng của một người quắc thước thuộc rõ con đường cũ của mình.

Ông phó Sần đang ngồi quấy nồi kê. Thấy có người tiến vào đến giữa sân nhà mình và lạ quá, sao ba con chó mực không sủa mà lại còn quấn quít lấy chân người lạ, ông phó Sần bỏ cả nồi kê chưa chín, vội chạy ra. Ông già đẹp quá. Ở làng, thực các cố lão thường ngự ở chiếu trên ngoài đình, thực chưa thấy có cố nào đẹp lão đến như thế.

– Dạ thưa trượng nhân, chúng tôi xin chờ những điều trượng nhân dạy bảo.

Ông cụ già gỡ nón tu lờ, cốt để cho ông Sần nhận rõ mặt mình. Nhưng ánh sáng chiều tàn đã yếu quá rồi. Ông Sần càng thêm ngợ. Ông cụ già chợt nhìn thấy cái khóm trúc non bộ có một chiếc lá bầy ở thềm kia, bèn tiến lại, cúi xuống, lấy tay đỡ lấy và mân mê cái lá nhọn hoắt. Ông cụ già ngẩng đầu lên, vừa gặp bộ mặt ông Sần đang chăm chú nhìn xuống. Ông già khẽ mỉm cười. Ông phó Sần tái hẳn mặt đi và sụp xuống đất xuống gối lạy một lạy. Thần Non Tản! Thần Non Tản đỡ ông Sần dậy.

– Chỗ này không phải là nơi nên bày ra những cái nghi vệ nơi cung điện. Ngươi đứng thẳng mình lên, ta dặn điều này. Là họp ngay đêm nay mấy người thợ bạn ngày năm nọ. Ta có việc cần đến.

– Dạ.

– Cuối trống canh tư, các người đợi ở bến Gòn. Thấy chiếc thuyền thoi nào tới thì cứ xuống. Ngồi một không hết thì cứ san ra hai con lườn.

– Dạ.

– Đây ta để lại cho ít bạc cốm. Hễ thả vào nước, những hạt mẩn nào chìm thì quân phân ra cho khắp vợ con trong anh em các người. Những hạt mẩn nào nổi thì gói lại đem theo, hôm sau sẽ có người đổi lại cho. Tính theo ngày tháng của các người dưới này, thì cũng phải đi vắng mất chừng một tháng. Chớ cho người ngoài biết.

Nói xong câu này, Thần Non Tản, chỉ vào cái lá trúc vẫn xanh tươi như bao giờ, và một tay ngăn không cho ông cụ phó Sần sắp sụp lạy.

Thế rồi ông cụ già đội nón tu lờ, phất mạnh cửa tay áo rộng, ra đi; mấy con chó mực vẫn không lên tiếng cắn như mọi ngày.

Bến Gòn. Đầu trống canh tư. Sáu người thợ mộc ăn uống ở nhà no nê như lũ thợ cầy rồi, đang ngồi bó gối chờ đợi trên những tảng đá sống trâu trơn lạnh. Bến đò bỏ hoang đã đến mấy năm. Mấy năm nay, người hai làng bên duyên giang đều ghé bến trên hoặc bến dưới

mỗi lúc sang ngang chẩy chợ huyện bên này và chợ phủ bên kia. Đã lâu lắm, không có một con đò nào ghé bến này. Đến cả một cái bè nứa chở muối rừng, đến cả một con đò độc mộc cũng không ngừng lại. Bến Gòn im vắng đến nỗi dòng nước chảy xuôi cũng không chịu lên tiếng. Lâu lâu mới có một tiếng tõm, dội cái tiếng vang ngược lên mãi khóm lau già mọc nơi chỗ khuỷu sóng bị vặn queo. Tõm, Tõm. Những trái sung nẫu lìa ngành cổ thụ. Dưới cái lờ mờ của đêm thẳm, mấy trái cây gợn vẽ ít vòng tròn cùng chung một trung tâm điểm lên mặt nước đặc sịt như dầu bông.

Vài đôi chim thủ thỉ thù thì đi gần mãi lại nhau. Chả còn mấy nỗi nữa, đêm sẽ hết. Bởi vì tiếng kêu con chim thủ thỉ đực đã gần mãi lại chỗ có tiếng trả lời của con thù thì cái.

Ông cụ Sần và năm người phó mộc bạn, ngồi chờ đã oải cả xương sống, bèn trở vai. Những bào, cán chàng, cán đục va vào nhau, tiếng động rất khô rất gọn.

Nước lừ đừ dịch vài bãi nước bọt mà đám phó mộc nhổ xuống dòng bệnh thủy lúc muốn đánh lừa sự lắng chờ.

Đêm tờ mờ đen sầm hẳn lại, rồi đen ngòm, rồi đen kịt, tối hơn cái hũ nút. Ở một điếm canh huyện cũ, trống bắt đầu chuyển canh. Ra bao giờ cũng vậy, cái lúc tối tăm nhất trong một đêm lại là cái lúc đêm gần về hẳn sáng.

Bỗng, ông cụ Sần cảm thấy một cái gì vừa loáng qua rồi vòng trở lại, rồi đứng sững hẳn lại trước mặt bấy nhiêu người. Nhìn gần lại, dí sát hẳn mắt vào, thì là chiếc thuyền thoi và một chiếc thuyền thoi nữa. Mũi hai thuyền lườn cạp luồng hai bên mạn ghé sát vào gờ đá, Bọn ông cụ Sần lẳng lặng bước chân xuống lườn. Lườn nhỏ quá, mỗi lườn chỉ chứa được đến bốn người là nhiều lắm.

Những hai lườn, mà chỉ có một người đẩy.

Người chở lườn không nói chuyện, không nhìn bọn vừa xuống lườn, chỉ hướng thẳng vào cái thăm thẳm của đêm sông vắng tiến mạnh vào đầu mũi con sào. Lườn đi vút vút.

Bọn ông cụ Sần nắm lẫn tay nhau. Lườn đi trên sông, song song hai chiếc, gì mà lại như đi trong cái rỗng tuếch của không gian. Hai con thuyền thoi đi êm như trườn xuống dốc một ngọn thác mà lòng thác đều lót dày một lớp rêu tơ nõn. Ban nãy, lườn áp bến không có một tiếng động róc rách, như là khẽ lách mặt nước mà ngoi từ dưới

lên. Bây giờ hai con thuyền thoi đi trong một giấc mơ thần. Gió sớm nổi lên. Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bồng ải rũ, phả mạnh cái đông đặc của mùi sơn lam.

Đến chân núi Tản Viên, thì rõ mặt người. Ơ hay, người đẩy lườn lại là một người con gái. Một người con gái mắt sắc như dao cau và lạnh như loài kim, lạnh hơn cái gây gấy của rừng buổi sớm này đầy sương mù. Tiếng đồng vọng cú rúc hết canh văng vào vách đá, rồi vật lại một nơi thung lũng nào đang gửi trả về rất dài một tiếng vượn kêu rầu.

Cô lái và hiệp thợ mộc đã đổ bộ được một thôi đường. Con đường núi lót bằng đá tảng màu gan gà viền rêu xanh. Người ta đã phải lấy các đầu ngón chân bấm xuống mặt đá cho vững bước đi trên đường độc đạo.

Đây đã khỏi xóm Đá Chông.

Rừng Tản thấm hút không hết làn sương núi. Sương cành trên đọng gieo xuống cành dưới. Chỉ có một điệu chìm chìm tẻ tẻ. Rừng vắng và ẩm và mốc. Ngực đã bắt đầu tức tức. Càng lên cao, bọn người ấy thấy mình càng rời lìa các nguồn sống quen thuộc của mọi ngày. Ở đây bắt đầu một nguồn sống mới lạ. Nguồn sống của dây mơ dợ móc và cỏ và đá vào lúc mới có Cấu Tạo.

Đền Hạ. Rồi đền Trung. Không có gì lạ cả. Ông cụ Sần cho nơi này là tầm thường. Người xứ Đoài, ai chả từng có dịp để dấu bàn chân lên đây một lần rồi. Nếu có những cái gì đáng mở mắt cho to mà xem kia, thì phải là lên nữa, lên trên nữa – trên đền Thượng. Thành đá đổ mồ hôi lạnh trước soai soải, giờ đã đứng thẳng mãi lên rồi dựng ngược. Vách đá đứng sững trước mặt bọn người đăng sơn. Thế này thì leo lên làm sao, hiệp thợ tự hỏi. Ông cụ Sần vốn có biết truyện Tam Quốc, thấy cái thế của núi đứng rất hiểm nghèo, bèn nghĩ đến cái nước non xứ Ba Thục mà có những lúc người làm tướng biết dùng binh thì lợi hại vô cùng. Ở cái yết hầu con đường đèo trên kia mà xếp sẵn gỗ cưa ngắn từng đoạn và đá tảng, mỗi lúc lăn xuống, gỗ đá lao xuống như nước thác, thì chỉ một người cũng đủ địch với cả một toán thân binh cảm tử.

Cô lái đò hướng đạo quay lại. Cả hiệp thợ mộc lấy gân kìm bước ngắm kỹ, không có một phút dám nghĩ đến lơi lả. Có ông Sần là nhớ đến cái Bèo ở nhà: đứa con gái út cụ, cũng thon thon như cô lái. Cái vẻ đẹp đã lạnh lẽo của cô lái bây giờ không còn nữa. Cái người đoan

trang bấy giờ là người đứng lên cầm đầu một việc gì, là người để truyền mệnh lệnh.

Cô cầm sẵn trong tay một nắm lá trông sắc đỏ như lá mãn đình hồng, phân phát cho mỗi người một lá, bảo ngậm lấy, lấy sức mà lên cao, mà chống lại khí núi. Đường đi từ đây lên đấy, tính thời gian theo cái phép đo lường của hạ giới thì cũng phải mất đến nửa ngày. Người con gái đưa đường lên tiên, bảo thế. Cô lái dặn sáu người phó mộc nên buộc vào lưng cho kỹ những đồ làm đem theo, nắm lấy tay nhau cho thật vững và nhắm nghiền mắt lại. Thế rồi cả đoàn cứ bay lên, cứ chọc thủng các lớp mây. Từ dưới bay vụt thẳng lên cao lắm, hiệp thợ ấy chỉ là những hạt mẩn sắt bị một khối đá nam châm xa cao tít tắp hút mạnh lên. Bên tai hiệp thợ phi hành, chỉ có gió vù vù. Cái lá thắm mãn đình hồng ngậm trong miệng làm nóng ấm các cơ thể bọn thợ mộc đang băng mình qua cái băng lạnh của sơn cước mỗi lúc một cao, một dày, một tức thở. Cả bọn thợ không ai lấy làm sợ hãi cả. Bởi vì, mấy năm trước, họ cũng được phi hành như thế này rồi. Người cũ lại lên cảnh cũ non tiên, giá chuyến trước được mở mắt xem lược qua và chuyến này cũng được mở mắt mà xem kỹ lại cảnh xưa!

Cả bọn bỗng rớt đánh bịch một cái trên một vật cứng và mát. Tiếng người con gái hô họ mở mắt ra. Đây là một khu đá bằng mặt rộng độ hai mẫu mà chung quanh là những vách đá cao, trên mỗi chỏm nhọn mầu xanh cánh chả lại có mây trắng và vàng đánh đai lấy. Ông cụ Sần sực nhớ lại những lúc ở dưới quê hương, thấy núi và mây như thế, người ta thường gọi là núi đội mũ. Cây và cỏ trên này vẫn nhiều cái lạ lắm. Chuyến trước, họ cũng đã thấy phong cảnh trên đầu non, nhưng từ khi hạ sơn, ăn phải lại cái cơm hạ giới, họ chỉ còn phảng phất thôi. Đã mươi năm rồi, còn gì nữa. Thành thử ra lên tiên chuyến này nữa, tài kiến mà vẫn như là sơ kiến. Người ta càng ngơ ngẩn với non xanh. Và thêm tần ngần.

Sau một lúc đi khuất vào nẻo đá, người con gái lại từ nẻo đá hiện ra, truyền ra cho hiệp thợ những lời của Chủ Non Xanh.

– Sơn chủ hôm nay bận sang ngọn núi bên phó hội cờ thạch bàn. Các bác nghỉ ngơi nốt ngày nay. Ngày mai Sơn chủ về, sẽ có điều bảo ban sau về công việc. Theo lệnh Nữ sơn chủ, tôi đã xếp cho các bác một lều cỏ ở cạnh suối Tịch Mịch. Trong khu vực suối, các bác được phép bắn chim, bắt cá và hái quả. Ngoài chỗ suối Tịch Mịch, các bác

nhớ rằng không được đụng chạm đến từ một tấc cỏ, từ một cái lá. Thói phép trên sơn thượng này nghiêm lắm.

Nhớ lấy kẻo lỡ ra mà khốn.

Người nữ tỳ – đấy là người nữ tỳ hầu cận Nữ sơn chủ – ngoắt ngón tay bảo hiệp thợ theo mình đi ra phía sau nẻo đá, rẽ ngoặt phía trái rồi đi xuống. Tiếng nước róc rách lưng đèo nghe gần mãi lại. Lúc đến bờ suối có lều cỏ khinh bồng dựng sẵn thì dòng nước suối Tịch Mịch nín bặt. Nó trôi một cách lững lơ ốm yếu và lững lờ. Nó trong như pha lê gọt. Nó hiền lành. Cụ phó Sần muốn vục hai bàn tay xuống nước Tịch Mịch uống ngay mấy ngụm.

Sáu người phó mộc cất đồ làm vào dưới lều.

Tính cũng mất nhiều thời giờ lắm rồi, mà ngày vẫn chưa hết. Cả hiệp thợ đi dạo cảnh non cao. Cảnh non cao trong cái khu vực khe Tịch Mịch.

Loài cây ăn quả, nhiều nhất hai bên suối là một giống hồ đào, trông như quả roi ở dưới ta. Giống đào rợ Hồ mầu vàng huỳnh và xanh hay chín trái nào cũng có má hồng. Hiệp thợ, trừ ông phó Sần, thi nhau mà bứt. Trái đào rợ Hồ, nhân hột có dáng đứa hài nhi bó gối gục đầu ngủ quên. Rớt xuống thảm cỏ, hột hồ đào hóa thành luống cúc tần có bẩy lá mốc. Cả bọn thợ, vẫn trừ ông phó Sần, cười như phá. Chim ngàn giật mình, bay bổng.

Người nữ tỳ đã đứng trước lều cỏ. Ông cụ Sần chờ đợi một lời quở mắng. Nhưng không. Người con gái trao cho ông một cánh cung sừng linh dương giác đen, hai vòng ngọc đỏ như hổ phách và hai mũi tên, một mũi bằng vàng, một mũi bằng bạc.

– Thức ăn bốn mùa trên sơn thượng là giống đào rợ Hồ. Nếu các bác không chịu được, muốn đổi bữa thì đã sẵn chim trên cành và cá dưới lòng khe Tịch Mịch, bắn lấy mà ăn. Cái tên vàng, dùng bắn chim. Bắn cá thì dùng cây ngân tiễn này. Cứ bắn ra, rồi tên sẽ vòng quay lại.

Ông cụ Sần cầm hai mũi tên, ngập ngừng mãi rồi mới dám hỏi khẽ:

– Thế còn ngũ cốc?

Người con gái tủm tỉm cười và chỉ ra ria suối:

– Cứ những hòn cuội kia đập vỡ ra là lúa gạo. Cuội xanh là lúa tẻ, cuội vàng là lúa nếp. Còn thứ cuội trắng là, là... các bác muốn

uống rượu thì đập vỡ cuội trắng ra, lấy nhân đá trắng hòa vào với nước suối mà uống. Hôm nay còn nghỉ ngơi, tưởng cũng nên nếm cho biết. Nhưng lúc nào đã bắt tay vào việc, mỗi lúc muốn uống rượu, các bác phải đợi Sơn chủ cho phép.

Mấy bác phó mộc trẻ trố mắt nhìn nhau, lấy làm ngờ vực. Người con gái đã xoay lưng đi, lại còn trở lại, dặn thêm:

– Phía dưới lều cỏ, khe Tịch Mịch soáy sâu vào chân đá thành một cái hầm nước rộng. Những rễ cái các cây trầm hương cổ thụ đều ăn cả về đấy và cá suối thường tụ ở hầm hàng đàn, ăn những bọt dầu trầm nổi trên mặt nước. Nên năng tìm đến đấy, bắn cá ngư hương mà ăn. Còn như những việc khác, ở trên này có khác với dưới chân núi, các bác chớ lấy làm lạ mà kinh động vô ích.

Thế rồi người con gái đi khuất. Thế rồi, được lời như mở tấm lòng tục, bọn thợ mộc khuân rất nhiều đá cuội, cứ từng đống có ngọn một, mang về trước lều làm gạo nấu cơm và chế rượu uống. Họ đập, đá bừa bộn, không cần để riêng ra hòn xanh, hòn vàng. Mà có cái lạ, là không cần phải nấu nướng gì, những nhân đá xanh vàng kia, cứ đập rời ra, bốc bỏ mồm là đủ hương vị một hạt cơm, một hạt xôi rồi. Nhân đá trắng, thả vào những gióng tre Đằng Ngà khổng lồ đựng nước suối, đem uống với nhau, thấy ngà ngà mà say, lâng lâng mà khuây vợi lòng tha hương.

Trong khi ấy, ông cụ Sần sách cung sừng và hai cái tên vàng bạc lần xuống chỗ Bạch đàn đàm, bắn được sáu con cá ngư hương. Lúc trở về đi qua dưới cây đại cổ kính đầu cành chàng, nặng nhẫn nhụi như những cặp nhung hươu, thấy có chim, ông phó Sần bèn phóng một mũi tên vàng, giây cung kêu đánh phựt một tiếng. Rồi mũi tên lướt rơi qua lùm cây tóc tiên và rớt xuống áng cỏ thạch sương bồ bóng loáng như sơn then. Lại cũng đủ sáu con chim xiên vào mũi tên như một que chả chim nướng cả con. Mà thực là một xiên chả. Mùi thơm ở sáu con chim sẻ đồng bị tên vàng cắm suốt, thơm phưng phức. Ông cụ Sần tháo vòng ngọc đỡ ngón tay, đeo cung lên vai, trở về lều với xâu chim chín và xâu cá cũng đã chín sẵn chung quanh cây ngân tiễn.

Sau một bữa ăn có rượu nhân đá, có chả chim ngàn, có chả cá suối, cả hiệp thợ mộc say sưa, gối đầu lên chàng, đục, đánh một giấc không biết trời đất là gì nữa. Mở mắt dậy, thì cũng như hôm qua, cái ánh sáng trên này lúc nào cũng nhờ nhờ như nước gạo loãng, không kể sớm, không kể trưa, không kể tối.

Đến ba bốn con voi lông toàn trắng, chung vòi lại, đỡ mấy cây gỗ đi qua lều, chân nặng bước rất nhanh, để lại sau đuôi nào là gió, là đá răm, đá cuội bắn tung hắt lại.

Một chốc, thấy người con gái hôm qua tới bảo cả bọn lên hết cho Sơn chủ sai bảo. Đi đến cổng ngôi đền gần sụt mái, người nữ tỳ lảng ra một bên. Thần Non Tản phe phẩy cây phất trần, ngắm mấy con bạch tượng cắm ngà xuống sau đền, sau mươi cây gỗ rất dài rất thẳng. Thần Non Tản truyền cho voi trắng và hiệp thợ mộc đứng cả dậy. Bọn thợ theo Thần vào đền.

Mấy hàng cột con, cột hàng ba, cột quyết không đủ sức chống cái mái đền lợp ngói vai bò tráng men ngũ sắc. Ở nền đền, mất nhiều chân cột và thiếu nhiều miếng gạch lát. Bọn thợ xem qua một lượt. Họ ngờ rằng một dãy cột mẹ và những tảng đá chân cột và lát nền kia là do vua Thủy dâng nước lên lấy mất. Ngoài vua Thủy ra, còn ai dám động vào đền Thượng? Đích cột đền là gỗ chò vẩy và đá bị mất luôn kia là đá hoa. Có lẽ trận lụt cách đây mấy tháng là vua Thủy dâng nước lên dỡ gỗ chò vẩy và đá hoa ở đền Thượng. Bây giờ Sơn chủ gọi họ lên chữa.

– Tâu Chúa Ngàn Cao Cả, cứ như kiểu đền này, kể ra giờ thiếu hàng cột mẹ, thì bắt mấy cái quá giang rồi xoay ra kiểu thượng thực hạ hư cũng được.

Thần Non Tản, đi lại trên những lỗ gạch đá thềm đình trống hổng, hỏi tại sao lại phải xoay kiểu dựng đền thành ra thượng thực hạ hư.

– Dạ cúi tâu Chúa Ngàn Cao Cả, đó là cách thức của chúng con thường làm, mỗi khi không đủ gỗ cột mẹ. Tất cả phải mất mười sáu cây cột mẹ. Ngoài sân chỉ có chín cây gỗ chò. Nếu phải làm hàng cột này bằng hai thứ gỗ khác nhau, chúng còn e không đẹp. Tâu xin Ngài phán xuống để anh em khởi công.

Thần Non Tản nổi nóng, phán:

– Đền dựng trước như thế nào, cứ thế mà trùng tu. Không phải thượng thực hạ hư gì cả. Ở sơn gian này, ta thiếu gì gỗ chò vẩy và đá hoa. Ta dám chấp Kẻ Kia cứ dâng mãi được nước lên đây mà dỡ cho hết được gỗ quý và đá báu của ta. Còn thiếu bẩy cây gỗ chò nữa, chiều nay voi trắng của ta sẽ đem về đủ. Còn đá cẩm thạch lúc nào lót cột và lát nền, sẽ có lần lần cho thợ ngõa làm.

... Hiệp thợ mộc vẫn tuần tự tiến hành công việc. Ngày tháng trên này không biết lấy gì mà đo tính, bởi vì chỗ sơn thượng không có đêm không có ngày. Đây là nơi của ánh sáng vĩnh viễn nhờ nhờ như mầu ngọc liệu, như chất nước quế trắng chính sơn pha loãng. Những buổi trời tối hẳn lại vì khí núi âm u, thì một vài hòn ngói trên lòng trần đền hình mai luyện lại sáng rực hẳn lên như một nguồn lửa. Ở những hòn ngói phát hào quang ấy, đọc rõ được bốn chữ: Tản Viên đài ngõa. Vào những giờ phút này, mấy thân cây cột gỗ chò vẩy mới tỏ rõ cái đẹp cái quý của một thứ gỗ cây đặc biệt. Dưới ánh lửa ngói sáng choang cột gỗ chò óng ánh nhấp nháy lộng lẫy như trạm vẩy rồng vàng cốm.

Những đầu kèo vai và câu đầu, đều chạm tứ quý tứ linh. Bức trần gỗ thì chạm bát bửu cổ đồ. Nét chạm tỉ mỉ công phu gấp mấy lần công thợ điêu khắc ở các đền đài khác ở khỏi dưới núi. Họ chia nhau ra mà chạm, người thì tỉa hình thư kiếm, quạt và phất trần, kẻ thì gọt dáng tù và với túi roi hoặc là túi thơ cùng bầu rượu, cái nọ ghép vào với cái kia thành một bộ đôi bằng những sợi cẩm đới nét dẻo như tung bay được.

Đến hôm chạm đến tám cánh cửa bức bàn theo hình Bát tiên hóa thì trời xám quá, ánh sáng ngói đền không đủ để làm việc. Sơn chủ phải cho nổi hiệu khánh đá gọi đôi tê giác xanh tới đền. Người thợ nào cần thêm ánh sáng thì con tê giác xanh lại ghé đến bên cạnh, lấy cái sừng âm rọi sáng cho đường chạm. Sừng tê giác là những vệt lân hỏa sáng ngời và mát dịu.

Nhiều con anh tước lắng tai nghe những tiếng đục đánh xuống chàng kêu lách cách cóc cách gieo những thanh âm thô và lạ và gắt vào cái êm ả của ngàn cao. Nhiều buổi Sơn chủ được vừa lòng vì ít đường chạm sắc gọn, cho phép cả hiệp thợ ngâm đá cuội mà uống cho say. Có một lần ông cụ Sần tỉnh rượu, thấy mình gối vào vòi con bạch tượng mà ngủ và một đàn vượn trắng bứt hồ đào đùa ném vào các người hồng, có đến linh trăm con chim quyên màu tím hoa cà đang rỉa vỡ những màng hoa mấy khóm phong lan đen như gỗ mun, làn hương thơm bay tà tà đè mãi trên nước dòng Tịch Mịch.

Hôm nay, bọn thợ mộc làng Tràng Thôn đã làm đến cái diềm gỗ hàng hiên phải chạm thủng đường sòi. Nghĩa là công việc chữa đền Thượng gần xong.

Ông cụ Phó Sần buồn rầu nghĩ đến ngày sắp phải xuống khỏi núi. Cứ ở trên này mãi, thì bọn thợ còn được tha hồ bàn tán đến những cái lạ của Ngàn To, Lớn, Thăm thẳm, Kín mật, mỗi khi lìa rời xuống khỏi, là không tìm lại được đường lên, là không dám hở hang tí chút lại với người đời về cái thâm kín thần bí trên ngàn xanh tươi đến ngày tận thế.

Ông cụ Phó Sần rầu rầu nghĩ đến một ngày rất gần đây, Chúa Ngàn Cao Cả lại buộc mỗi người về nuốt một cái lá trúc nhọn đầu.

THẢ THƠ

Thật vậy, cái buồn thường không mấy khi xẩy đến một cách lẻ loi. Cụ Phủ bà vừa mất vào quãng đầu xuân, cỏ xanh chưa đủ che kín được mặt nấm mồ mới thì cuối xuân năm ấy, cậu Chiêu lại cũng qua đời. Nếu những luật lệ về luân lý gia đình vẫn còn ứng dụng được dưới suối vàng thì bên kia cõi đời này, linh hồn cậu Chiêu chí hiếu đang được yên tĩnh để hầu dưới gối một linh hồn chí từ. Và trên trần, có một gia đình đang lúng túng vì sự hiu quạnh. Bây giờ cụ Phủ ông đã lâm vào cái cảnh gà trống nuôi con một – một con gà mái. Nguyên cụ Phủ được hai người con; cậu Chiêu không may sớm cướp công sinh thành, để lại cho cha một người em gái rất xấu, bồ côi mẹ, đã đứng tuổi mà chưa có dịp xuất giá.

Trời đất ôi, trên mấy gốc tre cằn không đủ gây thành một bụi ấm, trận gió cơ hàn ngày ngày cứ lào rào thổi mãi.

Cụ Phủ ông là một người mà học lực và đức độ và chính tích chấp được cả bạn đồng liêu một thời; cô Tú là một thiếu nữ con quan mà cái tài làm thơ phú theo một gia sáo vững vừng, mà cái hạnh về môn nữ công đủ làm vinh dự cho một gia thế. Nhưng ông trời thích thừa trừ đã bắt ông Phủ phải nghèo và cô Tú phải xấu. Và những lúc này, người ta biết điều một tí chút thời không ai nói đến tài và hạnh. Người ta chỉ nói đến chữ phận và chữ duyên.

Đêm đêm tiếng trống phủ trên lầu canh cứ đều đều điểm thốc những tiếng vô vị vào một tư thất lạnh lẽo: ở gian nhà giữa, cụ Phủ ông không thể thờ ơ được với hiện tại, đã trọn canh dài làm bạn với thánh hiền bên án sách leo lét ngọn đèn; ở trái nhà phía Tây, cô Tú âm thầm ngồi vấn chuyện với bóng mình in trên lá màn vải sô. Có những đêm mưa to gió lớn làm nhòe những tiếng trống phủ cầm canh, cô Tú rời bỏ cô phòng qua gian giữa gây một lư trầm cho cha để khi trở về phòng mình thì lại gại một cung đàn. Ở gian giữa tư thất có tiếng ho sù sụ lẫn vào tiếng ngâm thơ:

Cứ đốt lò hương cho đến sáng,
Thử xem mưa gió tới bao giờ.

Cơn ho lúc dài lúc vấn làm đoạn giọng ngâm. Thế rồi ngoài hiên trống trải, mỗi lúc chợt tỉnh cựa mình trên chiếc chõng tre mọt, tên

lính lệ già nua lại mơ hồ nghe thấy dư âm một câu thơ ngâm hay một tiếng đàn dạo. Chỉ có thế thôi. Vẻ tiêu sắt thực là không bờ bến.

Nhưng có một đêm rất gần đấy, tiếng trống phủ thành hết quấy quả canh dài của cụ Phủ và cô Tú nữa. Người ta đã cáo quan về vườn rồi. Ở một xứ quê buồn tẻ kia, bây giờ có một ông đồ già ngồi dạy trẻ và một cô con gái ngày ngày ngồi trong nhà gỡ một ống tơ vàng hay là chạy ra vườn bứt ít lá dâu nó cũng cằn cỗi theo cái cảnh người. Bây giờ muốn nói đến cụ Phủ già đã cáo lão về hưu, người làng chỉ gọi là quan Nghè Móm.

Đáng yêu thay! Cái danh từ này đặt ra bởi một số dân quê hiền lành vốn mến người có khoa hơn là có hoạn.

Cụ Nghè Móm thường dạy học vào buổi sớm. Cô Tú săn sóc mọi việc trong nhà cũng vào buổi sớm. Một ông già gần kề miệng hố và một cô con gái quá thì đã dành riêng cái buổi sớm mai tươi tỉnh cho phần chính việc nhà.

Buổi chiều đến cô Tú đi chợ, làm cơm chiều và mua luôn cả đồ ăn thức dùng cho buổi sớm hôm sau nữa. Cụ Nghè Móm ở nhà nhàn rỗi, dùng thời giờ vào việc sao một số lá số, gieo một quẻ bói hay là kê một đơn thuốc cho người làng. Có một buổi chiều, một người bạn đồng song cùng ở vùng ấy, nhân bị trời mưa dầm giữ lại nhà cụ Nghè Móm, đã nói với chủ nhân:

– Dăm ba tên học trò nhép này, lấy làm gì đủ sống. Không những thế, bác lại còn vướng đến trăm thứ tội. Trà tầu, rượu cúc, cây cảnh và hình như bác vẫn chưa bỏ được cái chứng thắp nến bạch lạp để đọc Đường Thi sách thạch bản thì phải. Lâu nay có đi đâu xa không?

Cụ Nghè Móm cười. Người bạn già rịt mồi thuốc chặt xuống nõ điếu, tiếp:

– Tôi có một chuyện này muốn nói với bác từ lâu lắm, nhưng chỉ sợ bác chê là cô lậu.

Cụ Nghè Móm ngừng tay mài hòn son trong đĩa, nhấp nháy cặp mắt dưới kính tuổi, chăm chăm nhìn bạn.

– Bây giờ tổ chức những cuộc chơi thả thơ, ý bác nghĩ thế nào?

– Cũng khó lắm. Hồi tôi còn tại chức, có lúc thì tôi đánh thơ ở nhà, có lúc thì lên trên quan Đốc trên tỉnh, không mấy tháng là không có một cuộc hội họp. Mà tôi nghiệm cái giống thả thơ, càng

hay chữ càng hay thua cay. Có lắm đêm tôi mất đến mười mấy quan tiền đồng mà không trúng lấy được một chữ.

– Cụ Phủ dạy như thế thì nhầm rồi. Cứ gì phải được tiền. Vả chăng, người thua có mấy khi là dốt chữ và kẻ được thường cũng không dám tự đắc lên mặt sành thơ. Lối chơi thả thơ này là một cách đánh bạc của một bọn tài tử trí thức trong phạm vi thơ phú. Ở vùng đây lắm người cũng muốn chơi lắm nhưng tự xét không đủ tư cách để thả thơ cho ra hồn, nên chưa có cái lối hội họp như vậy. Tôi muốn được biết ý cụ về việc thả thơ này.

– Tôi bỏ đã lâu ngày rồi. Nếu có định chơi thì phải đọc lại thơ mất một dạo và vòng cho đủ chữ một túi thơ, kể cũng công phu lắm. Điều tôi ngại nhất nữa, là bây giờ tuổi tác rồi. Bây giờ lại bầy cái trò vui đó, e có mệt cho tinh thần. Đã thả thơ thì phải ồn ào mới vui. Còn trẻ trung gì cho nó cam. Mà cụ tưởng ở đây ai đánh nổi. Chữ nghĩa đâu mà làm cái vốn. Họ dốt, họ thua, mình ăn tiền của họ, đã không lấy gì làm hứng thú và lại còn mang tiếng rất nhiều nữa.

– Nếu mình cứ thả thơ luôn ở đây, những người ở vùng quanh sẽ tới. Tôi sẽ rao lên. Cụ kêu người đây ít chữ, kệ họ. Họ mất tiền mà được lạm dự vào làng thơ phú, họ phải lấy làm sung sướng. Mà bọn nho nghèo như anh em mình, nhiều lúc cũng nên cho họ chơi trèo một chút, miễn là họ phải trả tiền. Tục lệ ở hương thôn, khi bán nhiêu, bán xã, mua quan viên cũng không ra khỏi cái ý đó. Vậy bác để tâm đến việc này. Từ mai bác đọc lại các tập thơ cổ, tìm sẵn chữ *vòng*, chữ *thả* và cho cháu gái tập ngâm những chữ *thả* đi thì vừa. Cô Tú nhà ta giọng trong và âm tiếng lắm.

– Để tôi xem xem có nên không đã.

– Cụ không phải nghĩ nữa. Vậy đệ xin đính ước với bác đến tuần trăng sau. Ừ, bây giờ chúng ta là cuối hạ. Bắt đầu sang thu mát trời thả thơ thì tuyệt. Nhà lại ở bên sông, còn chờ gì mà không làm một cái nhà bè trên mặt nước. Kể cũng đủ di dưỡng tính tình và đỡ cho khoản nhật dụng!

Khách đi rồi, cụ Nghè Móm nghĩ đến hồi trước, cụ đi lại với bạn đồng liêu, những lúc thừa nhàn, không đánh tổ tôm, chơi cờ tướng, thì lại bày một cuộc thả thơ hay là leo lên một đôi trái núi đá. Ờ, ờ, thế mà đã xa xa rồi. Cái buồn thấy đời là ngắn, là ít, chớm qua lòng một ông già đã muốn yên phận với chữ bài. Một nụ cười nhăn nhúm,

héo úa cố nở trên cặp môi khô khi cụ Nghè Móm nghĩ đến thuở trước cổ nhân còn thắp đuốc đi chơi đêm được.

Bắt đầu từ hôm ấy, những tập thơ cổ được rũ lớp bụi ngầu và ra khỏi cái hòm sách sơn son. Cụ Nghè Móm bắt đầu nghiền lại tập thơ của người xưa. Đường thi, Tống thi, Minh thi; đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ ngộ ngộ, cụ lại ngừng lại, ghé sát mắt kém vào mặt chữ nhỏ như con kiến. Cụ vắt tay lên trán, nghĩ ngợi và lẩm bẩm. Rồi cụ ngồi nhỏm dậy, sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ. Nhưng thường cụ chỉ trích lấy một câu ở những bài thơ đọc rất kỹ lưỡng đó. Ngày năm câu, ngày ba câu, một ngày gần, cuốn sách đã đặc những dòng chữ thảo chép những câu thơ rút ở cổ thi. Cô Tú theo lời cha dặn, đã đi mua sẵn rất nhiều tờ giấy tầu bạch và dọc giấy ra từng mảnh, dài bằng chiếc đũa và ngang to bằng hai ngón tay. Đám học trò nhỏ, đầu còn để cái chỏm dài, tẩn mẩn hỏi cô Tú, cô vui vẻ trả lời:

– Đừng nghịch, thầy trông thấy, thầy mắng chết. Giấy này để làm gì à? Thầy sẽ viết những câu thơ cổ vào đấy để bầy ra giữa chiếu những lúc thả thơ.

– Thả thơ? Có làm thơ thì có, chứ thầy và các anh ấy có nói thả thơ bao giờ.

Cô Tú vốn yêu những cậu học trò nhỏ tuổi của cha mình bằng cái tình của người chị lớn đối với em út, cô không khỏi nín cười để giảng:

– Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ thất ngôn mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ *vòng*. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần" đấy chứ? Ừ, thí dụ bây giờ định *thả* câu thơ ấy. Và định vòng chữ "hướng" ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần". Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm: Quân hướng Tiêu Tương, ngã... *vòng*... Tần. Chữ *vòng* đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ *thả*. Thí dụ thầy *thả* năm chữ: *cố, tại, vọng, phản* và luôn cả cái chữ *hướng* trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

Tụi trò nhỏ thấy truyện thả thơ ngộ nghĩnh, nghe lấy làm khoái trí, trố mắt nhìn cô Tú với sự yêu mến kính phục và giục cô nói tiếp.

– Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng. Nhưng mà đây là chuyện của người lớn tuổi. Các em ra tập bài đi, bao giờ thành người lớn sẽ biết hết.

– Nhưng mà biết thế nào là được, là trúng, hả chị? Lạy chị, chị giảng cho một chút nữa, rồi các em xin đi ra bục học bài ngay, để chị rọc giấy.

– Trên đầu mẩu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ *phản*. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn để hở cái khoảng viết mấy chữ: quân hướng Tiêu Tương ngã... Tần, với một cái khuyên tròn vẽ thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ *cố, tại, vọng, phản, hướng,* em chọn lấy chữ *phản* mà đánh, mà làm thành ra câu: *Quân hướng Tiêu Tương, ngã "phản" Tần,* thì là em trúng đấy. Đặt một tiền thì được ăn thành ba tiền...

Tụi trò nhỏ nhìn nhau cười khúc khích và khi bị cô Tú xua đuổi lên nhà học trên, đều ngoái cổ lại cười, nói một loạt với người con gái lớn của thầy học:

– Bao giờ các em nhớn, học giỏi được lên tập bài trên trường quan Đốc tỉnh, mỗi khi về thăm lại thầy, chị thả thơ cho các em đánh với nhá!

... Đêm nay là đêm mười bốn tháng tám. Và là cuộc thả thơ lần thứ hai của cụ Nghè Móm. Lần trước thả vào thượng tuần tháng bẩy, trước ngày có mưa Thất tịch; lần này cụ Nghè Móm chọn ngày mười bốn, có người hỏi tại sao không để đến ngày rằm, cụ nói:

– Trăng mười bốn bao giờ cũng khéo hơn trăng rằm. Ngày mười bốn là ngày vừng trăng đi tới chỗ toàn thịnh. Ngắm vừng trăng rằm, người ta tinh ý sẽ nhận thấy cái vẻ sắp tàn của một vật gì đã mãn khai trong có một thì.

Những người có chút kinh nghiệm, đều chịu lời ông già nhận xét là chí phải.

Vừng trăng mười bốn lúc chếch về đoài, đã in một cục bóng thẫm và dài lên mặt con sông trắng và lạnh như thỏi thiếc vừa nguội. Đấy là bóng chiếc nhà bè lợp lá gồi mà trong đó, cụ Nghè Móm đang ngồi làm nhà cái, thả thơ cho đến một chục nhà con đánh. Người ta đang sát phạt nhau bằng tiền, đem cái may rủi cả vào đến cõi văn thơ và trên mặt nước sông thu, tiếng ngâm một câu thơ được cuộc, tiếng ngâm một câu thơ thua cuộc mất ăn tiền, những tiếng đó đều âm

hưởng trên làn nước lạnh, thanh âm nghe trong trẻo, du dương và thái bình như tiếng vang của một hội tao đàn chân chính.

Mỗi buổi tối thả thơ, cô Tú đều ngồi bên cạnh cha già. Nếu cô không bận tay phải đỡ cái túi thơ của cụ Nghè Móm mở lấy ra từng lá thơ đặt vào lòng chiếu cho làng chọn chữ đặt tiền, thì cô lại bấm mấy tiếng tơ. Đôi khi có kẻ chọn phải một chữ rất quê kệch mà lại trúng vào chữ ăn tiền, cô Tú tủm tỉm nhìn mãi nhà con đang vơ tiền, chừng như muốn bảo thầm người được tiếng bạc đó: "Đấy ông xem, ở đời ăn nhau ở may rủi, chứ tài hoa mà đã làm gì, phải không ông?".

Tháng lại tháng, cụ Nghè Móm thả thơ trên mặt nước đã là một chuyện mà một vùng đấy nhắc nhỏm đến luôn luôn. Nhưng có kẻ ác miệng đã phao lên cái tin cụ Nghè Móm định mượn cuộc thả thơ để tìm lựa khách đông sàng cho con gái lớn gần quá lứa.

Từ đấy không thấy cô Tú theo kèm cha xuống bè nữa. Vì chút tị hiềm, cụ Nghè Móm không cho cô Tú theo mình đi thả thơ. Từ đấy, không rõ tại đâu, cụ Nghè Móm thua luôn. Và bọn đánh thơ thì uể oải vơ tiền được, và buồn nhớ đến một cái bóng người đã tô vẽ nhiều cho lắm buổi đố chữ lấy tiền.

ĐÁNH THƠ

Giữa quãng cuối đời vua Thành Thái và đầu đời Hoằng Tôn Tuyên hoàng đế, đất Thuận Hóa có ba người đàn bà rất đẹp và rất lẳng lơ.

Bằng cái sắc, bằng tiếng ca, bằng tài tiểu sảo, bằng cái duyên lúc kín đáo, lúc lộ liễu, ba người đàn bà đẹp ấy đã thừa tô điểm cho xứ Huế trong một thời.

Cái thời ấy là thời của Nhà nước Bảo hộ tạm gọi là yên trong cuộc bình định. Nơi quê hương, vào những ngày u hoài âm ỷ gió Đông Bắc còn gửi mãi về cái mùi diêm sinh đem từ ngoài bờ cõi vào. Nhưng, mặc kệ, dưới chân một nếp hoàng thành, bên bờ một con sông nước không bao giờ có sóng, mỗi ngày vẫn có ba người đàn bà ca hát từ lúc mặt trời tắt cho đến lúc mặt trời mọc. Tiếng đàn hát trên mặt nước một con sông nông lòng và không gợn chút tăm cá, đã vẳng đưa ra rất rộng và hồ làm át cả hơi thở dài của một cái triều đình siêu vẹo. Thấy thế, một vài ông già mặc áo vải, mỗi lúc chống gậy trúc ra bến, ngắm bóng nắng tàn rụng phía bên tả ngạn sông Hương, đã thốt ra những lời than thở đầy oán giận mượn của người trước.

Thương nữ bất tri vong quốc hận,
Cách giang do xướng Hậu Đình Hoa

Nhưng, giọt lệ già của người mặc áo vải rỏ rơi xuống thì cát nơi bãi sông cứ việc thấm hút và uống cạn. Và có một cái gì vẫn còn lại mãi mãi ở hai bờ sông Hương thì vẫn chỉ là những tiếng hát. Tiếng đàn hát của giai nhân.

Họ là một bộ ba có ba cái tên rất đẹp, rất thơ mộng: một người là Mộng Liên, một người là Mộng Huyền và một người nữa tên là Mộng Thu.

Giữa cái thế giới đàn sáo của thành đô, ba cái Mộng xinh đẹp mỗi đêm rải rắc ra mọi bến đò tản mát ở dọc sông Hương, những cái sở đắc về thanh và sắc của mình.

Nước một con sông hiền lành đẩy nhẹ cánh hoa vô định lừ đừ uốn mình theo những cái xoáy nước yếu đuối. Mỗi đêm, ba cái Mộng gõ một nhịp phách, bấm một dây tơ vàng để rồi phá lên vài trận. Để cho cái xã hội đàn ông mặc áo xanh ẩm ướt phải thèm muốn. Thế rồi

trong một đêm tốt đẹp, có một ông Phó Sứ giữ lăng, người trong Hoàng gia đã đứng lên làm chủ cho một cái Mộng. Mộng Liên đã về với quan Phó Sứ.

Một cái miệng cười, mười ngón tay tháp bút trước kia là của chung thiên hạ, bởi vì nó không có sở cứ, bây giờ đã trở nên của riêng một nhà. Cặp vợ chồng ấy là một lứa đôi tài tử.

Họ không mấy khi ở yên một chỗ.

Cái nghề của họ buộc họ phải xê dịch luôn luôn và mãi mãi. Suốt một dải Trung Kỳ, họ đi về như là chẩy chợ. Tới mỗi nơi, ở mọi chốn quan Phó Sứ lại mở một cái túi đựng toàn bài thơ đố ra cho mọi người đặt tiền và bên chiếu bạc văn chương, Mộng Liên lại đàn, lại ca để làm vui cho cuộc đỏ đen rất trí thức này.

Mỗi tuần trăng, cặp tài tử này ở một tỉnh. Cái chiếu bạc thả thơ của họ thường trải ở một phủ nha, huyện nha hay là nơi tư thất một đốc bộ đường. Bất kể lúc lên voi, lúc xuống chó, lứa đôi này đã để dấu giầy trên mọi chốn và tha lê đi khắp nơi cái túi thơ và cái túi phách ăn người của họ. Họ nhờ vả cổ thi, kiếm ra cũng được rất nhiều tiền. Nhưng cái giống lãng tử cầm tiền thường không nóng lòng bàn tay và có mấy khi họ nghĩ đến sự bảo hiểm cho ngày mai của mình. Vợ chồng ông Phó Sứ chưa bao giờ nghĩ đến việc làm một cái tổ ở một chỗ nhất định nào.

Quê hương của họ là Cờ bạc và Đờn hát. Nhà cửa đôi lưu đãng ấy gửi vào trong cái truy hoan của thiên hạ. Cái lãi trong đời bấp bênh của họ là ở chỗ nhiều người đã nhắc nhỏm tới cái tên Mộng Liên và Phó Sứ, mỗi khi lứa đôi chậm tới hay là đã lâu rồi mà chưa thấy trở lại. Người đánh thơ được, người đánh thơ thua siểng liểng, ai ai cũng đều nhớ đến họ những khi xa vắng. Hình như bấy nhiêu người đều nhận ông Phó Sứ là đáng mặt làm nhà cái cho những buổi thả thơ rất nên thơ: mở xong mỗi tiếng thơ có khi ăn thua từng mấy chục bạc, người ta đều ngâm đi ngâm lại câu thơ thả. Nhà con, nhà cái đều ngâm vang cả nhà, chừng như muốn thi nhau một cái giọng tốt, chứ đồng tiền mất đi hay thu về được gấp ba số đặt, thời có gì là đáng kể. Giữa hai tiếng bạc trên một chiếc chiếu la liệt những mảnh thơ đề, Mộng Liên đêm đêm kề đùi tựa má ông Phó Sứ, lại đánh đàn, lại ca Nam bằng, ca Nam ai.

Có lẽ không riêng gì ở một nơi, mà ở mọi nơi, những lúc sốt ruột chờ mong vợ chồng ông Phó Sứ trở lại với túi thơ, mỗi buổi gần giờ

tan buổi hầu, những lúc việc quan thanh thản, có bao nhiêu thày thừa phái ở các ty Phiên, ty Niết và những ông Hậu bổ, Thông phán tỉnh, Kinh Lịch đã nói những câu:

– Quái lạ, sao cữ này hai ông mụ đó đi lâu quá chưa trở lại thả thơ cho bọn mình chơi hè!

– Đánh thơ của lão Phó Sứ có cái rất thú là được thua chi chi, mình cũng đều lấy làm thích cả. Bởi vì lão biết chọn những câu rất hay mà thả. Mỗi lúc ngâm lên, cái hay của câu thơ đã làm cho bọn mình lạnh hết cả người.

– Chả thế mà quan Kinh ngài đã mấy lần phải bán lương non, thua nhẵn.

– Chơi cái gì thì chơi, chứ đến cái lối đánh thơ thả, cái nghiệp những anh đã hay chữ lại thêm tự phụ, là chỉ mãn kiếp thua không còn lấy một đồng một chữ tiền.

– Và có nhiều đứa dốt cay dốt đắng, thì lại mỏi tay vơ tiền.

– Quan bác có biết tại sao không? Đệ cho không có nhà cái nào lợi hại bằng lão Phó Sứ. Hắn lấy ý tứ ra mà dò tiếng bạc của từng người. Nếu lão biết quan bác thích lối thơ liệu, đọc lên âm thanh và niêm luật tròn trĩnh, nhịp nhàng, thế nào lão cũng rình hắn thả một đôi chữ rất quê kệch hay là khổ độc. Quan bác mấy khi lựa những chữ quê kệch mà đặt tiền. Vậy nên lão vòng những chữ rất ngớ ngẩn đó. Thế là quan bác mất nghiệp, nếu bữa đó, quan bác lại đặt tiền đến tột cửa. Và lão lại còn bán cho mấy cửa đánh những chữ ngô nghê mà lão biết trước sau sao mình cũng khinh rẻ.

– Kỳ tháng trước, quan Kinh phải đi khám án mạng ở vùng quê thành ra bỏ lỡ mất buổi thả thơ mà tôi rất lấy làm hứng thú. Ngài nghĩ, tôi đã bắt thóp được một câu do sự vô ý của mụ Mộng Liên. Nguyên hôm ấy, lão Phó Sứ cho thả năm chữ: *cầm, thủ, đan, thiếp, sầu* trong một câu thơ mà lão *vòng* chữ đầu. "*Vòng* tâm duy hữu dạ đăng tri". Kể cũng khó đánh đấy chứ. "Ngọn đèn dầu ban đêm soi tỏ, biết cho tấm lòng" gì? Lòng đàn? Lòng son? Lòng một thiếu phụ? Lòng sầu? Phân vân lạ. Bỗng tôi thấy mụ Mộng Liên ngồi cạnh, nhìn chăm chú vào chữ thả đứng đầu là chữ *Cầm*, rồi mụ thánh thót bấm khẽ mấy tiếng đàn nguyệt. Tôi đánh ngay chữ *cầm* ngài ạ. Tôi đoán già là lúc ở nhà vòng chữ, chồng đưa đùi cho vợ gối, lão Phó Sứ đã bị tiếng đàn của vợ dạo lên buổi đêm ảnh hưởng, nên lão mới thả chữ *cầm*. Và đánh chữ

cầm, thế nào cũng ăn. Hôm ấy tôi đặt hai chục, được thành sáu chục và muốn tỏ ý cám ơn người đánh đàn một cách kín đáo, hôm sau tôi đã mua biếu Mộng Liên một cây đàn nguyệt có bốn cái trục bằng ngà voi nẩy. Đấy, đánh thơ, nhiều khi tâm lý nhiều vào là ăn.

– Tâm với lý gì. Có biết thơ thả, lão Phó Sứ thường mua của ai không? Mua của Tào Sắt bên phủ Tuy Lý Vương! Hai ba đồng, tiền công vòng một trăm câu. Thơ Tào Sắt mà thả, thì đừng có hòng mà ăn.

– Này, các ngài có được rõ câu chuyện lão Phó Sứ dám thuê thợ bên tàu khắc riêng cho mình mấy tấm thạch bản in thành một tập thơ mỏng không? Lão ra khuôn mẫu cho họ in nhiều câu có những chữ lạ rất ngộ nghĩnh và mỗi khi đem câu đó ra mà thả, thực không ai ngờ đến. Nhưng, chỉ có khi nào đánh to lắm, lão mới dở đến bí thuật này. Lão tìm đến những quan to và có tiếng là hay chữ, lão mới thả một hai câu thật gay go. Các quan thua, có đòi lão dẫn chứng cổ thi, lão giả vờ bịt tên sách lại, che kín lề, mép và gáy cuốn thơ, chỉ cho xem đủ cái câu thả đó và tủm tỉm trình với cả làng rằng đấy là một câu thơ Tống. Thật là rõ ràng chữ thạch bản, chữ tuy nhỏ bằng con kiến, nhưng đeo kính vào xem, chữ không nhòe lấy một nét. Nhiều người thua cay, thường chỉ tự trách mình xem cổ thi ít quá và tặc lưỡi kêu: "Cổ nhân dùng chữ úp mở quá đi thôi. Họ cậy có tài, tự cho mình cái quyền hạ những chữ quá lắt léo. Còn ai biết đằng nào mà lần nữa". Ấy một năm, lão Phó Sứ dùng lối thả thơ sinh tử như thế độ một đôi lần, đủ gỡ lại những bữa thua to. Chà! Nhưng mà nghĩ lắm lúc cũng tội. Vợ chồng họ nhiều khi thua nhẵn, đến đỗi lắm bữa không có lấy một chữ tiền mà thửa dây đàn nữa. Và hai ông mụ phải vờ cáo bệnh nằm bẹt một nơi có khi đến hàng tháng.

– Cụ Tuần trước ở đây, chơi không được lịch sự, thành thử vợ chồng ông Phó Sứ họ cũng đâm nhờn. Ai đời đi mặc cả với họ mỗi buổi đánh thơ xong, phải đưa cho mình một số nhất định là bao nhiêu mặc dầu họ thua hay là được. Không những thế, Cụ lại còn quấy nhiễu họ giữa những tiếng bạc lớn. Lấy tiền nhà cái, lúc năm đồng, lúc mười chữ, tẹp nhẹp lạ. Hình như cụ còn chớt nhả với cả mụ Mộng Liên nữa.

– Thì cũng phải lấy hồ chút ít chớ sao? Có thế thì những buổi hội giảng đầu tháng xong, Cụ mới giữ các quan phủ huyện lại chơi chớ! Vậy chớ ai trả tiền những tiệc rượu linh đình giáo đầu cho mỗi cuộc thả thơ?

– Cái ông Huyện Bình Khê, người trông đứng đắn thế, vậy mà nhảm lạ. Ông ta chúa hay vờ vĩnh. Nhà cái chưa thả thơ xong, ông cứ vờ vĩnh dục ồn lên những là lâu và làng đặt tiền chậm như thế, thì một đêm, phỏng thả được mấy câu thơ. Thế rồi ông vồ lấy lá thơ đặt ở giữa chiếu, dọa mọi người nếu không đặt tiền nhanh lên thì ông thổi tuột lá thơ ra và xin làng nếu nghĩ lâu quá, thì đợi đến câu sau hãy đánh vậy. Mỗi lần ông cầm lên đặt xuống lá thơ, cái mẩu giấy tầu bạch cuộn tròn như tổ sâu kèn lại nới giãn dần ra một chút. Và ông đã hé nhìn được chữ gì viết trên đầu giấy, cuốn tròn tận vòng trong cùng lá thơ. Mắt ông ta tinh lạ, và nhanh như cái cắt. Có lần ông Phó vòng một chữ "bút", ông Huyện vờ xin thổi thế nào mà nhìn được cái nét sổ dài. Rồi là có bao nhiêu tiền đem đặt vào chữ "bút" đến tột cửa. Nhưng, mụ Mộng Liên xem chừng cũng hiểu, nên mỗi lần sau, ông huyện Bình Khê động tay vào lá thơ là mụ lại buông tay đàn, chặn lấy giấy và nhìn trừng trừng vào giữa mặt ông Huyện có tính gian giảo kia.

... Đêm hôm nay người ta bầy cuộc đánh thơ ở nhà ông Kinh Lịch. Mọi người tụ tập ở đấy đều lấy thế làm vừa lòng. Vì, ít ra, ở đây, người ta cũng chơi bời có phần được tự nhiên hơn ở trong dinh các Cụ. Ông Kinh Lịch vốn là một người quý trọng cái sạch sẽ của tâm hồn, nói to cùng mọi người là ông không thu tiền hồ. Ông chỉ yêu cầu ai được thơ nhiều nhất thì nên cho người lão bộc nhà ông một số tiền nhỏ mọn để đền lại cái công nó làm dầu, làm đèn, nấu cháo và bưng điếu. Ông Kinh lại còn khẩn khoản với mọi người đừng nên làm huyên náo nhà cửa lên. Ông vui vẻ nói:

– Đã hay rằng vớ được câu thơ hay, ai chả muốn ngâm vang lên. Thứ nhất lại ngâm vang câu thơ thả mình vừa đánh trúng cái chữ hiểm hóc, thì ai mà bụm miệng được. Một người ngâm, cả làng phụ họa vào, ồn ào bằng vỡ chợ, cái đó cũng là thường tình. Nhưng, tôi xin các ngài biết cho là chúng ta ở trong thành, gần ba dinh Cụ Lớn, mình không nên làm náo động quá. Bình khe khẽ, đủ nghe với nhau thôi.

Cả một lũ con bạc lên mặt tài giỏi, nhìn ông Kinh Lịch với cái cười nụ hóm hỉnh và, khoan thai bước vào chiếu giữa. Ông Kinh Lịch châm thêm dăm bẩy cây sáp nữa đã gắn sẵn vào đế đèn đồng. Tất cả thành thử đến hơn mười cây nến, chung nhiệt độ lại để tăng bốc mãi cái mùi thơm gắt và ngạt của một bình hoa rộng miệng chứa nổi gần trăm gốc huệ trắng. Hoa huệ mãn khai cuộn cong đầu cánh trắng lại

như những râu rồng và gặp tiết đêm, gặp sức nóng của nến cháy, của người thở mạnh, càng hết sức nhả cả mùi hương. Không khí đều là huệ hết cả. Có người rít mạnh mồi thuốc lào, đã lầm rằng thuốc của mình là ướp ủ bằng hoa huệ. Hơi huệ ngùn ngụt bốc lên, càng quyện lấy mùi dầu dừa nơi mái tóc Mộng Liên. Mộng Liên mặc chiếc áo mầu hỏa hoàng ngồi ép sát vào chồng mặc một chiếc áo lụa năm thân nhuộm mầu khói hương, đột chỉ trứng rận. Ông Phó Sứ vừa gỡ túi thơ vừa hỏi làng:

– Dạ thưa, có đánh thơ cổ phong không?

Và có đánh chữ chân không?

Một con bạc ít tuổi và chừng như mới tập tõng lối chơi này, hỏi lại:

– Đánh thơ cổ phong? Thôi, nếu thả thơ cổ phong thì anh em ở đây đưa tiền cho ông tiêu hết. Còn đánh chữ chân là thế nào?

Ông Kinh Lịch đang nằm bên khay đèn thuốc phiện, ngồi nhỏm dậy, nói chõ xuống chiếu dưới:

– Cái ông thừa nhà tôi đến hay lẩm cẩm. Đã đi đánh thơ đòi ăn tiền thiên hạ, còn hỏi lục vấn thế nào là chữ chân. Thưa ông, câu thơ bẩy chữ, đem vòng chữ thứ bẩy cuối cùng cho làng đánh, thế gọi là đánh chữ chân ạ.

– Nếu thế thì đánh cả chữ trắc và cả chữ bằng à? Thôi, xin làng cứ theo như lệ mọi khi mà đánh. Đây, chúng tôi không phải là thi bá, không dám đánh chữ vần, chữ chân.

Ông Phó Sứ và Mộng Liên nhìn nhau cười; vợ chồng tự phụ có ý bảo thầm nhau rằng làng cũng khôn đấy nên mới không dám trêu vào lối đánh thơ hiểm hóc này.

Lá thơ đầu tiên đã ra khỏi miệng túi gấm khư khư nằm trong tay Mộng Liên. Cả làng chăm chú nhìn và ngâm ngợi và ngẫm nghĩ. Cái gì mà *"... thượng, mai khai, xuân hựu lão"*? Cuối lá thơ thả, có sẵn năm chữ thả viết rất xương kính: tái, sơn, đình, mộ, Văn. Cả làng ngâm:

– *Vòng*... thượng, mai khai, xuân hựu lão.

Vẫn lời cái ông thừa đã trẻ và lại dớ dẩn:

– Tái, sơn, đình, mộ, Văn. Ta đánh chữ tái. Tái thượng, mai khai, xuân hựu lão. Hoa mai... nở trên mặt ngọn ải... xuân lại già nữa.

Nghĩ ngợi lâu, ông thừa trẻ trở nên do dự. Thấy ông Thông Phán tỉnh người có tuổi và vốn sành về môn thơ thả, đánh chữ Văn, ông tỏ ý ngạc nhiên.

– Văn thượng, mai khai, xuân hựu lão. Quái nhỉ! Sao lại Văn?

Rồi ông thừa cứ mân mê mãi cọc tiền, không biết nên đặt chữ gì để ông Phó Sứ phải sốt tiết lên, cắt nghĩa cho bằng vẻ lễ phép ngụ nhiều ngạo mạn kín đáo.

– Thưa ngài, Văn là con sông Văn, chảy qua đất Lỗ, quê đức Thánh Khổng. *Mai nở trên sông Văn, xuân lại già.* Cụ Phán tỉnh đánh thơ như thế, câu đó ngài cho làm lạ lắm sao?

Và, xem chừng cả làng cũng không có một ai đánh thêm được đồng nào nữa, ông Phó Sứ xin làng cho phép ông được thổi lá thơ cuộn tròn để tuyên bố cái kết quả tiếng bạc đầu tiên. Ông đã nhẹ nhàng cầm lá thơ, phồng má định thổi phù một cái. Một vài người vội vàng vứt thêm tiền đặt vào mấy chữ "tái", "sơn", "đình". Chỉ có chữ "mộ" là không ai đánh cả.

Mộng Liên ngồi đánh được một phần ba bản đàn Nam Bình để cho một con bạc được dịp lên mặt ta đây...

Thế rồi tiếng bạc mở.

Và cả làng đều ngã ngửa ra khi đọc rõ lá thơ thả kia là câu: *Mộ thượng, mai khai, xuân hựu lão.* Cả làng nhao nhao:

– Ồ, cổ nhân dùng chữ ác thật. *Hoa mai nở trên nấm mồ, xuân càng già.* Thơ phú thế có giết người không? Ai biết đằng nào mà lần, mà đoán.

Ông Phó Sứ trước khi vơ tiền cả làng, vì không ai đánh chữ "mộ", ông đã vội trình với làng một trang sách thơ mở rộng. Và tay vừa chỉ một dòng chữ in nhỏ, mồm vừa nói:

– Thưa với làng, câu này lấy ở bài Tọa Phóng Hạc đình của Từ Dạ.

Bao nhiêu bộ mặt tâng hẩng đều cúi cả vào trang cổ thi và ề à ngâm lại: – *Mộ thượng mai khai, xuân hựu lão; Đình biên bạc khứ, khách không hoàn.* Hay, hay thiệt.

Ông Kinh Lịch đêm ấy thua to. Ông truyền cho người cuốn chiếu bạc và ân cần dặn vợ chồng ông Phó Sứ tháng sau có trở lại thì thế nào cũng phải tổ chức cuộc thả thơ ở ngay nhà ông cho ông gỡ lại. Ông còn nằn nì xin ông Phó Sứ làm quà cho mình tất cả những lá thơ đã dùng đánh trong suốt một đêm qua. Thấy nhà cái trù trừ, ông Kinh Lịch nói dỗi:

– Có cho, thì tôi giữ làm chút kỷ niệm.

Ông Phó Sứ cười, trao vào tay ông Kinh mấy chục lá thơ đã dùng đến nhầu nát rồi và thắt chặt lại miệng túi gấm còn đựng đến gần trăm lá thơ khác chưa dùng đến còn phong kín cái bí mật một chữ thơ. Rồi nhà cái, nhà con chắp tay từ biệt nhau với một câu đính ước:

– Cữ thượng tuần tháng sau, xin lại gặp nhau ở đây nữa.

Nhưng ngày thượng tuần tháng sau, ông Phó Sứ và Mộng Liên không trở lại. Rồi quá cữ trung tuần, rồi qua luôn cả cữ hạ tuần. Nhiều khách thả thơ đã dày công chờ một cái bóng chim, đợi một cái tăm cá.

Một hôm có người ở Kinh ra, nói chuyện cùng ông Kinh Lịch:

– Ông Phó Sứ chết ở chân Đèo Ngang rồi. Mộng Liên giờ là người vị vong và đang lúng túng tìm người để trao gửi cây đàn. Giống tài tình quả là mệnh mỏng. Số là đi qua Hoành Sơn quan, thấy cảnh đẹp, lòng sinh tình, hai ông mụ đã yêu nhau giữa một vùng trời nước bao la. Ngay chỗ dưới chân ngọn tường ải có chữ "Đệ nhất hùng quan" của đức Thánh tổ ngự phê ấy, ông ạ. Trúng cơn gió độc, ông Phó Sứ đã hóa ra ma chết đường bên đường thiên lý. Cái giống ma chơi này, sẽ thiêng vô cùng và rồi đây, những lúc thanh vắng, những lúc trăng bãi gió ngàn, hai hồn ma tha hồ mà trêu ghẹo khách bộ hành vô Kinh đấy ông ạ. Cám cảnh cho lão, đâu cụ Thủ khoa gì vùng Ngũ Quảng có làm đôi câu đối điếu. Tôi đọc ông nghe:

Ra Bắc vào Nam, trăng gió đề huề thơ một túi.
Lên đèo xuống ải, mây mưa đánh đổ cuộc trăm năm.

NGÔI MẢ CŨ

– Thành ra cái hồi cụ Án nhà mất thì cậu mới có ba tuổi.

– Dạ.

– Thế cậu không rõ cái người phân kim cắm huyệt cho cụ Án hồi ấy là ai hả?

– Dạ, thưa không.

– Tôi thấy cậu là người còn ít tuổi, mà có chí như thế, tôi có bụng yêu. Bồ côi cha, bồ côi mẹ, sống cái tuổi thơ ấu giữa cảnh loạn lạc và nghèo túng, vậy mà vẫn có chí theo đuổi được việc sách đèn, tôi lấy làm khen lắm. Giá như con nhà khác thì hỏng từ bao giờ rồi còn gì. Cái thiên lương của cậu tốt lắm.

Cậu Chiêu ngồi hầu chuyện cụ Hồ Viễn, lòng buồn rười rượi. Mồm thì dạ, vâng để giữ lễ mà óc thì bận nghĩ giật lùi về cái hồi nhỏ bé của mình. Cụ Án ông mất. Cụ Án bà cũng mất theo liền. Cách nhau không đầy ba tháng, cậu Chiêu mang luôn hai cái tang lớn... mấy ông chú, bắt đầu phá tán cái gia tài cỏn con... mình ở với chị, lúc ấy chị mới có mười hai tuổi... bấy giờ Tây đánh thành Sơn Tây. Trăm họ tan lìa... Bao nhiêu ông già bà cả chạy rạt vào cái thăm thẳm của rừng Hưng Hóa. Màn trời có những vòm lá cây âm u. Chiếu đất... có những cỏ áy, sim lụi và những cành cây mục bở với những đàn kiến lửa nối nhau ngày đêm bò liền liền như là quan quân đi tiễu giặc. Nhớ đến cái mình sống hồi ấy giữa hoàn cảnh ấy, cậu Chiêu hình dung thấy rõ mồn một cái đứa trẻ bồ côi rất đáng nên tội nghiệp kia. Ta đấy. Ừ, tưởng là chết được lắm, chứ có ai ngờ đâu còn sống được đến bây giờ và lại còn được ăn học đến nơi đến chốn nữa. Cái thân một cậu công tử lúc bấy giờ thật đã khốn cực đủ trăm phần.

Ông cụ Hồ Viễn vẫn nói chuyện và uống rượu. Càng nói chuyện cụ càng uống rượu; càng uống rượu, cụ càng được nói chuyện nhiều nhiều. Mỗi lúc bị hỏi gặng, cậu Chiêu lại như tỉnh cơn mơ nhỏ.

– Dạ?

– Thưa vâng.

Rồi cậu Chiêu lại vẫn không quên cái cảnh màn trời chiếu đất của ngày bé bỏng. Dưới cái màn trời triền miên những sự loạn ly,

ánh sáng tối và ẩm ướt của rừng tị nạn đổ xuống một cái đầu xanh đang ngậm chùm tóc mới vừa tơ mà đã nhuộm mầu tang. Trên cái chiếu đất dằng dặc mùi côi cút, một cặp chân có khóa bạc vòng vàng đang in đôi gót đỏ như son lên cái rêu nhầy nhờn, của ngày đau khổ và lẩn lút. Có những ngày liên tiếp, cậu Chiêu và chị – cô Tú – phải nấu cháo chó, ăn với củ rừng – những con chó trung thành cùng theo chủ vào ruột rừng Hưng Hóa.

– Cậu còn nhớ chỗ để ngôi mộ cụ nhà đấy chứ?

Cậu Chiêu choàng ngồi thẳng mình lên và ngừng tay quạt ruồi chờn vờn trên mâm cơm, vội thưa với cụ Hồ Viễn:

– Dạ thưa cụ, cháu nhớ lắm. Có ai mà lại đi quên được mồ mả cha ông. Vả chăng, vẫn còn có tấm bia ở đấy.

– Ờ. Đấy là xứ Đồng Cồn phải không? Từ mình đây mà xuống dưới xứ Đồng Cồn thì đi như thế nào nhỉ?

– Dạ như chúng tôi đi bộ thì mất trọn một ngày, nếu không nghỉ ở dọc đường. Nhưng cụ có đi thì phải thuê cáng. Và đi cáng đòn ba thì tinh mơ đi, độ quá giờ ngọ thì tới.

– Thôi được rồi, để hôm nào mát trời, tôi và cậu sẽ xuôi xuống Đồng Cồn. Ngôi mộ cụ Án thế nào cũng phải phúc lại. Mộ để như thế, hỏng hết. Ai lại tọa như thế, hướng như thế bao giờ. Minh Đường có mà thành ra nghịch thủy hết cả. Cậu nói qua qua thế, tôi cũng đủ rõ rồi.

Mâm rượu vừa bưng đi xong, cậu Chiêu kính cẩn mời cụ Hồ qua giường bên nghỉ.

Bấy giờ cậu Chiêu mới lùi vào nhà trong, qua bên trái buồng cạnh. Cô Tú, ngừng tay gieo thoi trên khung cửi vải, vuốt mái tóc xuề xòa dưới vành khăn nâu mỏ quạ.

– Thôi, em đi ăn cơm sớm đi chứ. Cơm ủ trong chăn đã ôi hết cả rồi. Có cái đĩa nõn khoai kho tương, chị để phần cho em một ít đấy.

– Em nhớ ra rồi. Hôm nay ngày rằm, chị ăn chay.

Cô Tú cười. Nét cười rất dè dặt lẫn có mùi vị của hy sinh.

Với cô Tú, cuộc đời giờ đã hết tất cả sán lạn rồi. Bởi vì đời đã sớm đòi hỏi cô nhiều về bổn phận. Cô nhất định không đi lấy chồng và vui lòng sống vậy cho đến lúc nào cậu Chiêu em đi thi được và làm nên được. Ở trong cảnh côi cút với sự thanh bạch, cô Tú ngày ngày

dệt vải, và khâu thuê vá mướn cho người xóm làng và những lúc rời tay kim tay thoi thì cô lại lên tiếng ngầy ngà đến người em lúc quên mặt chữ sách hay là bỏ dở một trang quyển bài viết. Cái bây giờ của cô Tú đã là không đáng kể và cô chỉ sống bằng mong chờ về cái mai sau của cậu Chiêu. Dưới cái quang đèn dầu bông, nhiều khi người em đã rầu lòng, tỏ lời hối lỗi vì đã để phiền cho cô Tú mà cậu coi như là mẹ, một người mẹ rất trẻ, đầy âu yếm và thừa thãi kỳ vọng ở nơi mình.

Chị ngồi chờ em ăn xong bữa cơm rặt rau dưa, đưa tăm cho em rồi mới hỏi chuyện về việc ông cụ Hồ Viễn đã nhất định hôm nào thì đi xem lại ngôi mộ cha cất ở Đồng Cồn chưa? Cậu Chiêu thở dài, tỏ vẻ sốt ruột lắm.

– Cụ Hồ ở nhà ta có đến hơn một tháng rồi mà cứ nay lần mai lữa mãi. Em thấy tốn nhiều quá chị ạ.

– Em coi chừng lời nói, kẻo cụ Hồ nghe thấy thì uổng cả cái bụng thành kính của mình đi.

– Chị thử nghĩ, mỗi ngày hai bữa rượu và mỗi phiên chợ lại một bữa thuốc phiện. Ông cụ Hồ khó tính quá. Thuốc phiện, nếu không phải là thứ một lạng đựng vào cóng thì không hút. Gớm, không hiểu ông cụ Hồ, để móng tay làm gì mà dài đến thế. Móng tay út lá lan của cụ uốn hai vòng như râu rồng. À chết chửa, hình như hôm nay quên không mua chanh để chút nữa cụ dậy rửa móng tay.

– Có trong kia rồi.

– May quá. Chị chưa thấy cụ Hồ gắt gỏng mỗi khi bưng thau nước ra mà không kèm vào vài quả chanh.

– Em phải nên chiều cụ. Những lúc đêm hôm, em chịu khó hầu hạ cho được vừa lòng cụ. Cả nhà có hai chị em, chị là gái, vậy chị trông cậy ở em.

Em nên biết, rước được cụ Hồ về nhà khó lắm.

– Nhà ta nghèo, cái đó cụ Hồ rõ lắm rồi còn gì nữa. Vậy mà cụ bày vẽ ra nhiều quá. Một tháng, hai tháng, cố gắng thì may cũng chiêu đãi được chu tất. Nhưng em chỉ sợ cụ cứ ở lỳ mãi đây, hết trông trời lại đến xem lịch, mà vẫn không chịu đi xem hộ ngôi mộ của thầy, rồi thì sao?

– Chị ngờ cụ Hồ muốn thử đến lòng kiên nhẫn của chị em nhà mình, xem mình có được chí thành không. Tại sao, ở vùng đây, bao nhiêu người giàu có, cụ không thèm tới, tuy họ chèo kéo cụ nhiều. Em nên nhớ đến câu này nữa. Là hồi xưa, cụ Hồ đây có biết thầy lắm.

– Vậy hở chị? Sao em không nghe chị nói bao giờ. Chị kể cho em rõ.

– Cụ Hồ nguyên là tướng Cờ Đen. Tên cụ khác kia. Chú Thủ nhà có biết vì có nói đến rồi. Nhưng chị quên... [1]. Một cái cờ, cán dài hơn con sào, lá to bằng cả một cánh buồm thuyền lớn; lụa chập ba sợi xe làm một rồi mới dệt, rồi mới nhuộm đen. Đấy, vì thế mà gọi là Cờ Đen. Viền chung quanh lá cờ vĩ đại, là những hàng móc sắt, sắc hơn lưỡi câu. Người ta nói chuyện lại rằng cụ Hồ, hồi còn làm tướng quân Cờ Đen, mỗi lúc cụ trương lá cờ đầu lúc xuất quân, trông oai phong lẫm liệt. Bên thắt lưng điều, cụ giắt hai khẩu súng. Phía bên trái là một khẩu đoản mã và phía bên phải là một khẩu thập bát hưởng bắn một lúc những mười tám phát liền... Có lẽ hồi nhỏ, những lúc ở trong thành xây đá tổ ong tỉnh Sơn, hồi thầy còn ở chức, chị cứ nghe thấy tiếng kèn tầu và loa đồng và trống trận nổi lên nhiều nhiều là chính vào lúc quân Cờ Đen tế cờ ăn mừng được trận như thế. Quân Cờ Đen có cái tục tế cờ lúc thu quân... Nào ai biết. Thấy các ông già bà cả bảo thế.

– Cụ Hồ mà tài giỏi và dữ tợn thế kia?

– Vậy mà những lúc việc quân thong thả, cụ mặc áo dài, đội mũ *sườn chỉ* có bông đỏ, cầm quạt vào chơi trong dinh với thầy, thì trông nhàn nhã và hiền lành lắm. Cụ Hồ yêu thầy vì thầy viết chữ rất tốt. Chú Thủ thường nói chữ thầy viết có gân cứng cỏi như chữ lá thiếp. Bao giờ thầy cũng cầm bút đứng thẳng cái quản, chỉ thẳng vào đầu mũi và cùi tay không tỳ xuống văn kỷ. Nên những nét sổ rất khỏe và rất thẳng. Hôm nào em giở cuốn gia phả ra mà xem thì rõ.

Cậu Chiêu nghe chị kể chuyện, thích lắm. Vì chung quanh cái thân thế một ông già mà cậu vẫn chỉ cho là một ông thầy địa lý khó tính và chỉ đáng trọng một cách vừa phải thôi và lại nhiều khi miễn cưỡng nữa, bây giờ cậu thấy cả một huyền sử bọc chung quanh một lão tướng võ nghệ cao cường và bí mật. Cái ông tướng tài giỏi ấy, ngày ngày cậu gần kề và chuyện trò cùng. Vậy mà hơn tháng nay, cậu không biết đến.

Giàn bầu nậm ở ngoài sân, giây leo và lá chằng chịt lấp chật ô giàn nứa, đã làm dịu hẳn cái nắng tháng tư ở trước mặt nhà. Ánh nắng đổ xuống giàn, khi lọt xuống sân bị cái cốt xanh ngắt của cây lá lọc qua một lượt, rồi đổ dồn vờn vào áo vải trắng dài của cậu Chiêu

---

1. & 2. Kiểm duyệt bỏ

đang hấp háy mắt, ngửng đầu ngắm những quả bầu nậm buông thõng xuống ngang mặt. Cái áo vải trắng cậu Chiêu đã biến thành một áo lụa mầu xanh của người công tử phong lưu và đa tình. Đấy là cái mầu dịu mắt của chất ngọc bích; đấy là cái thứ áo xanh của ông quan tư mã đất Giang Châu dùng lau nước mắt khi thương đến một người con hát giữa một khoang thuyền trống trải trôi trong đám lau sậy ven sông. Hoặc ví mầu đó là mầu xanh của những cánh đồng lúa non ngút ngàn của những xứ yên ổn không bao giờ có nạn binh lửa cũng vẫn cứ là đúng.

Trận gió nam từ ngoài lũy tre già thưa đưa vào, làm va đụng vào nhau những bình rượu của Tự nhiên. Giá thời tiết đi sâu một ít nữa vào ngày tháng của một mùa, giá những quả bầu đã được khô lần cùi như chất vỏ cây khô, thì mỗi khi cơn gió vèo đẩy những bình rượu văng cụng vào nhau, chúng ta sẽ có cả hình và tiếng của lũ khánh đất nung và cá đất nung ở cái sân cây cảnh của một gia đình thanh bạch.

Cậu Chiêu nắm từng quả bầu nậm, và lúc buồn tay quá, lắc quả bầu thật mạnh, ở trong nghe như có tiếng nước ọc ạch. Trông sướng mắt và có thể vui tai đến chừng nào! Chả trách được, chiều chiều ông cụ Hồ Viễn cứ ra sân đùa mãi được với lũ bầu nậm lòng thòng trước khung cửa sổ như nhắc nhỏm một người đã mệt với cuộc sống chỉ còn nên uống rượu chơi thôi. Quả bầu nậm! Bầu rượu! Trái bầu nậm còn tươi dưới lỗ giàn là một cái bình rượu tạc bằng khối ngọc bích đều sắc, nhẵn và bóng!

Chiều nay đứng nắn bầu nậm cho cụ Hồ, cậu Chiêu thấy hứng thú trong sự tỉ mỉ. Vì cậu đã bắt đầu mến được ông già Hồ. Trước kia đi ngựa, cầm cờ, đánh nhau, bắn súng; bây giờ đi phân phát hạnh phúc bằng sự tìm đất để mả cho những kẻ thất thế, và lúc nhàn rỗi thì uống rượu của những người mang ơn mình!

Xé mảnh vải tây điều, buộc vào cái nấc ngẵng quả bầu, cậu Chiêu nói với cái vắng vẻ của buổi chiều nhà quê:

– Thắt chặt dây lại tị nữa, thì dáng bầu sẽ thon. Nó chỉ nhớn được theo chiều dài. Đít quả này méo, sẽ làm tội mình ngày mấy buổi ra đây nắn mãi cho nó bớt tật đi.

Cụ Hồ thức giấc, ra vườn, thấy cậu Chiêu đang nắn cái quả bầu mình đã rấm sẵn từ tháng trước, liền nói:

– Tại chị em nhà cậu tặng tôi mấy cái chén ngọc liệu nên tôi mới

nghĩ đến việc lấy bầu nậm. Cái chén uống rượu của nhà này phải dùng với cái bình đựng rượu cũng của nhà này. Cậu biết chưa!

Cô Tú vừa nghỉ tay thoi, bước ra nghe chuyện, đỡ lời cho em:

– Dạ thưa cụ, cảnh nhà bần bách, cũng chả còn có gì. Có bốn cái chén ngọc là của gia bảo còn lại, chị em chúng tôi kính biếu cụ gọi là đền đáp mới được có một chút đó mà thôi. Sau này nếu trời thương lại và nhờ được mạch đất tổ tiên có cơ hồi lại, nếu nghiệp nhà có thể trung hưng lên được, thì chị em chúng tôi còn phải tạ cụ nhiều. Có lẽ cái bầu rượu bằng quả bầu nậm ở giàn này, chỉ là kiểu mẫu vẽ trước của một cái bình ngọc mà sau này chúng tôi phải cho tạc ra để kính dâng cụ.

Cụ Hồ lấy làm thưởng thức cái câu rất trung hậu, rất văn hoa của một thôn nữ mộc mạc với cái vẻ đài các trong đơn giản. Người như thế mà còn nghèo mãi thì còn để thiệt thòi cho thế gian nhiều. Cụ Hồ nghĩ mà thấy buồn buồn.

Hai cái sừng trăng đã nở to nhiều, đã đầy dần. Rồi vừng trăng tròn vẽ lên trời lần thì cái quầng, lần thì cái tán. Thế rồi nó khuyết ở đầu ngọn tre, những lúc gió sớm giục canh gà gọi nước bể dâng lên. Trăng tháng tư đã gần hết một tuần. Trong cả một cữ tháng tư này, cô Tú đã thức rất khuya để dệt cho được nhiều tấm vải, để góp công nhật của mình lại cho được thừa thãi, để có đủ một số tiền thuê cáng cho cụ Hồ và em, chẩy xuống Đồng Cồn, nơi để phần mộ cụ Án ông – cụ Án cha mình lúc nằm xuống trả lại lộc cho Triều đình, em mình mới có ba tuổi.

Cái ngày đi Đồng Cồn đã đến.

Cậu Chiêu ra đi từ lúc tối đất, lúc hàng xóm mới nổi lửa thổi cơm cho thợ gặt, bây giờ đã trở về với bốn năm người già cả rách rưới. Thấy cô Tú, bọn người già nua kia đều kính cẩn chào.

– Các bác đã xuống đấy ư? Chắc cậu Chiêu cũng đã nói rõ muốn mượn anh em ngày mai làm cáng hộ xuống xứ Đồng Cồn. Hai chiếc. Chiếc của cụ Hồ thì phải đi đòn ba. Cụ đẫy người và có tuổi. Vậy các bác định lấy bao nhiêu?

– Đồng Cồn. Thế này là phải mất những ba trạm. Đại Đồng này, trạm Trôi và Mai Dịch này. Hai trạm ngắn và một trạm dài. Và một con đò ngang.

– Phải, đò sông Hát. Chiếc cáng đòn ba, sau khi nghỉ ở Mai Dịch, sẽ đi luôn xuống trạm Hà Trung.

– Thưa cô, thế là về tận Hà Nội?

– Có một mình cụ Hồ đi về Hà Nội thôi. Cậu Chiêu nhà đi đến Mai Dịch rồi trở về.

– Thế này thì cô cứ cho anh em một lượt mỗi trạm ngắn là một quan và quan năm tiền một trạm dài. Còn như cáng đòn ba thì xin tùy cô định cho. Ngày xưa, anh em đã có dịp được hầu cáng Quan Lớn nhà nhiều chuyến lắm. Vả chăng bây giờ ngày mùa, anh em nghĩ đến tình quan cụ ngày xưa có thương đến, nên vội xuống ngay. Còn tiền nong thôi, cô cho thế nào cũng được, chúng con không dám kỳ quản.

Họ vừa ăn trầu, vừa thổi lửa nơi nùn rơm vặn ăn thuốc lào, vừa ngồi xổm thưa chuyện bên khung cửi. Họ có cả cái sự thân mật của đám đầy tớ già cũ gặp lại tiểu chủ mình. Họ thoáng thấy cái ngáng võng ngà gác ở trên cột bương, họ lôi xuống ngắm đi ngắm lại và nói với nhau:

– Này bác Xã, cái ngáng ngà này không phải cái ngáng võng điều của cụ Án ngày trước. Nó sứt mất một đầu kia mà. Bác còn nhớ chứ? Cái lần qua đò sông Hát, trời mưa gió to quá, tôi lẩy bẩy trượt chân, ngã khuỵu xuống. Một đầu đòn cắm hẳn vào bùn. Vỡ cả cái nấc trạm rồng.

Một người quay lại phía cô Tú:

– Cụ Án nhà kể ra là người có bụng thương người dưới lắm. Con tưởng cứ kể là vị Quan Lớn khác, thì hôm ấy quan Án đến làm tội chứ chẳng phải chuyện chơi.

Sau cùng, cuộc thuê cáng ngã giá đúng tám quan, một cáng đòn ba đi thẩu đến trạm Hà Trung và một cáng đòn đôi chỉ đi đến làng Vòng thôi. Và sớm mai bắt đầu khởi hành.

Bữa cơm chiều hôm nay là bữa cơm cuối cùng đãi một ông thầy địa lý. Cơm có rượu ngon, rất nhiều, và có cả một cái sỏ lợn. Cô Tú và cậu Chiêu cùng ngồi ăn với cụ Hồ vì cụ muốn thế. Cậu Chiêu thấy cụ Hồ hôm nay lấy cái bộ áo *lề chí sẩu* ra mặc, trông cụ lại càng có vẻ Tầu lắm. Thảo nào mà ngày xưa cụ Hồ là tướng Cờ Đen!

Cô Tú còn ít tuổi mà đã có khuôn mặt của người quả phụ phải nuôi con nhỏ. Trông cô hôm nay già thêm. Lòng tưởng nhớ vong linh cha và thương em và tủi cho mình, ở người cô, chiều nay oằn oại nổi lên nhiều hơn tất cả bao giờ. Thỉnh thoảng, cô quay mặt ra ngoài,

khẽ xỉ mũi. Rồi cô kín đáo lấy dải yếm đưa qua cặp mắt đỏ hoe. Cụ Hồ vẫn cười, nói, uống rượu.

– Cô Tú lẩn thẩn lắm. Ông Trời có đóng cửa ai bao giờ. Chị em nhà cô, thế nào sau này cũng khá.

Đến đây thì cô Tú khóc òa lên thành tiếng.

– Ngày mai, tôi xuống thăm lại cái kiểu đất ở Đồng Cồn. Xong rồi tôi xuôi luôn Hà Nội. Tháng sau, tôi sẽ về qua đây, để chỉ bảo cách xoay lại ngôi mộ... Cô đừng nên vội nói đến chuyện tạ và trả ơn. Còn về lâu dài. Đáng lẽ bộ chén ngọc đó tôi không nhận đâu. Lấy những cái gì là gia bảo của người làm của mình là một cái tội. Nhưng vì nghĩ rằng, trong lúc chị em cô còn nhỏ tuổi, chửa chắc đã giữ nổi; thiếu gì kẻ dòm ngó. Thôi tôi cũng giữ hộ cô và cậu. Độ mươi năm sau, lúc đất có thể phát được rồi, tôi sẽ trở lại đây. Lúc bấy giờ mới là lúc cô Tú nên nói đến việc đền đáp công ơn. Lúc bấy giờ tôi sẽ trả lại cô Tú và cậu Chiêu bộ chén ngọc liệu. Cụ Án nhà lúc sinh thời quý nó lắm. Đi lại với cụ luôn luôn, mà cụ nhà chỉ mang chén ra dùng với tôi có hai lần. Nếu tôi không sống được đến ngày đó, mấy đứa con tôi sẽ đưa chén ngọc đến làm của tin để nhờ cô Tú dùm giúp cho chúng. Cái đức nhà tôi xem chừng cũng bạc lắm. Có lẽ đến đời con tôi là không còn gì nữa. Cô Tú và cậu Chiêu nhớ hộ tôi câu nói chí tình này.

Cô Tú vờ đứng dậy, vừa sụt sịt, vừa xếp hành lý cho cụ Hồ mai xuôi sớm. Trong cái tráp sơn đen, cô đã chèn nhiều giấy bản vào kẽ cháp để chén khỏi va đụng lúc đi đường. Rồi cô xếp luôn cả quả bầu nậm vỏ đã khô, và ruột đã tóp lại, mới hạ khỏi giàn được mấy bữa nay.

*

* *

Hai chiếc cáng đi từ sớm, qua đò sông Hát Giang, đã gác đầu đòn lên mấy cái trấu cáng cắm sẵn ở trước một cái quán nước chỗ trạm Trôi. Cậu Chiêu vội mời cụ Hồ vào quán nghỉ và tay cậu vẫn khư khư cái la bàn có vẽ bát quái đồ của ông thầy Tầu.

Mấy người bộ hành có vẻ thư sinh hàn sĩ, ngồi ăn bánh ở quán, đang đố nhau đối một vế câu: “nghỉ trạm Trôi, ăn bánh trôi”. Ông cụ Hồ, xòe cây quạt thước, vừa quạt vào bụng phệ mà nắng đường

trường làm chảy nhiều giọt mồ hôi hột, bảo cậu Chiêu soát lại quân còn lại của ván cờ tưởng đã đến lúc gần tàn cục. Từ sớm tới giờ, muốn quên cái đằng đẵng của mấy thôi trạm trên đường xứ Đoài, ông cụ Hồ và cậu Chiêu đã đánh với nhau mấy ván cờ không có quân đi, không có bàn bày. Họ đã đánh cờ bằng miệng chứ không phải bằng tay đụng quân. Khi mỗi người đi một nước thêm cho ván cờ tưởng, họ lại vén cái rèm cáng, nghển cổ ra ngoài nói chõ sang cái cáng đồng hành đi ngang hàng.

– Xa cửu bình bát.

– Tốt thất tiến nhất.

Bây giờ ngồi soát lại quân của mỗi người, thì cụ Hồ còn một xe và hai pháo. Và cậu Chiêu còn hai tốt đã sang hà và một ngựa một pháo. Hai bên sĩ tượng đều song toàn.

– Cậu rồi ngày sau khá. Cứ một cái lối đánh cờ của cậu tôi cũng thấy được một phần cái tương lai của cậu. Nhiều nước cờ bắt bóng, chiếu rứ, có vẻ tài tử lắm. Tôi nghiệm ra cậu không hay rình chiếu bí. Và có cái đáng để ý nhất trong lối xuất quân, là cậu đánh mấy ván đều vào pháo đầu cả. Người hào hùng đánh cờ bao giờ cũng vào ngay pháo đầu. Đánh cờ tức là người đấy. Rồi cậu cứ nghiệm mà xem, mười kẻ ty tiện, nhút nhát, không khoáng đạt là có đến chín người ghểnh tượng ở nước đầu.

Cái xóm hàng quán chỗ trạm Trôi đã lùi lại trong nắng lòa của trời hè. Hai chiếc cáng vẫn tấp tểnh đi xuôi về phía phủ Hoài.

Gần tới phủ Hoài, xong một ván cờ nữa. Cậu Chiêu thua, sắc mặt vẫn tươi tỉnh. Cụ Hồ thì nghiêm trang.

– Cậu thua vì đã khinh thường con tốt biên của tôi và để nó lọt qua hà. Rồi lại cho nó nhập được vào cung. Nhất tốt độ hà, bán xa chị lực. Ở đời không nên khinh thường cái gì. *Con tốt mà sang hà, tức là đứa tiểu nhân lúc đã đắc thế.* Tha hồ mà phá phách. Mạng nó đổi lấy quân nào nó cũng lấy làm sở nguyện rồi kia mà.

Cậu Chiêu cười xòa, cụ Hồ mệt mỏi chợp giấc. Cáng vẫn song song trên đường dài.

Con đường xứ Đoài, cát bụi nhiều quá. Được một thôi nữa, bỗng cụ Hồ hỏi sang bên chiếc võng gai của cậu Chiêu:

– Cậu thường có hay đánh cờ đất không? Cờ đất khó hơn cờ bàn, phải tinh lắm mới đánh nổi. Để tới vụ xuân sang năm, tôi sẽ rủ cậu lên Hưng Hóa đấu cờ với một người bạn gái bằng trạc tuổi cậu. Cô ta có cái nước mã ngọa tào lạ lắm.

Trời vẫn nắng. Chỉ có một cụ Hồ nói.

– Thế chốc nữa, ở làng Vòng cậu lại ngược ngay về Sơn, thì mãi đến hết canh một mới tới nhà đấy nhỉ?

– Dạ thưa cụ, có lẽ đêm nay chúng tôi phải nghỉ đêm ở làng Nhổn. Chị tôi có dặn lúc về thì tiện đường rẽ qua vào đấy, thăm ông Cử Hai và nhân tiện đòi bộ *Lữ hành thi tập* của thầy tôi làm hồi theo sứ bộ qua Yên Kinh.

HƯƠNG CUỘI

Đứa cháu đích tôn và lũ cháu ngoại đang loay hoay ngoài sân với những đồ đồng ngũ sự lổng chổng trên đám trấu và tro đẫm nước.

Ông chúng, cụ Kép làng Mọc Thượng, cũng đang loay hoay với mấy chục lan xếp thành hàng ngũ dưới giàn hoa lý.

Chiều hôm nay là một buổi chiều cuối năm.

Trái với thời tiết, chiều hôm nay gió nồm thổi nhiều.

Cơn gió nồm thổi nhẹ, như muốn chế nhạo cái ông già kia mặc cả một tấm áo chấn thủ bằng lông cừu trắng.

Trời nồm nực, bức đến tắm nước lã được, ông cụ Kép mặc áo lông cừu xứ Bắc, ý chừng muốn phô cái phú quý phong lưu của nhà mình chăng?

Đâu có thế.

Không, đấy chỉ là một thói quen của cụ Kép. Mỗi khi cụ ra thăm vườn cảnh, trong một năm, trừ những ngày hạ ra không kể, còn thì lúc nào cũng khoác tấm áo cừu. Mùa xuân, mùa thu, khí hậu ấm, áo mở khuy. Sang đến đông tiết, cụ cài hết một hàng khuy nơi áo, thế là vừa.

Thế rồi trong cái vườn cây nhỏ, trong đám cỏ cây xanh rờn, những buổi sớm tinh mơ, và những buổi chiều tàn nắng, người ta thường thấy một ông già lông mày bạc, tóc bạc, râu bạc, mặc áo lông trắng, lom khom tỉa những lá vàng trong đám lá xanh. Cụ Kép nguyện đem cái quãng đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự lũ hoa thơm cỏ quý. Gọi là kiếm một công việc nhàn nhã cho quãng chót một kiếp dư sinh.

Buổi chiều ba mươi Tết năm nay, cả một cái gia đình cũ kỹ nhà cụ Kép đang tới tấp dọn dẹp để ăn Tết.

Mợ Ấm Cả, mợ Ấm Hai ngồi lau lá dong một cách rất chăm chỉ. Thỉnh thoảng họ ngừng tay, để hỏi nhau xem còn thiếu những thực phẩm gì trong cái mâm cơm cúng chiều nay.

Lũ con đàn, bi bô ở ngoài sân. Chúng không đùa, như người ta tưởng. Chúng thừa mệnh mẹ chúng, đang đánh bóng ở ngoài sân những lư, đỉnh, cây đèn nến, bằng đồng mắt cua và bằng thiếc Sông Ngâu.

Chốc chốc, chúng lại nín cười, nghển những đầu thưa thớt ít sợi tóc tơ, nhìn vào phía trong nhà cầu, hỏi mẹ chúng:

– Bao giờ cậu mới về, hả mợ?

Không biết nên trả lời con trẻ thế nào cho tiện, mợ Ấm Cả đưa mắt cho mợ Ấm Hai...

Ông Ấm Cả và ông Ấm Hai, đi làm việc Tây ở tận xa chưa thấy về ăn Tết. Cứ lời những người trong làng có người nhà đi làm việc nhà nước thì được nghỉ những từ chiều hai mươi chín kia mà.

Muốn được khuây nỗi chờ mong, hai chị em dâu, người đã đứng tuổi, càng thái đồ nấu cỗ cho thực nhanh. Gớm, những miếng trứng tráng để bày mặt cỗ bát, thái hình miếng trám, sao mà đẹp thế. Đứng bên cạnh mẹ, đứa nhỏ nhất trong đàn con, đã thủ thỉ van nài mợ Ấm Hai:

– Mợ cho con cái miếng mụi cắt hỏng kia.

Người mẹ không nghỉ tay làm việc trên tấm thớt, lừ mắt nhìn con. Thằng bé vội chạy ra ngoài sân, sán đến cạnh cụ Kép:

– Ông đang làm gì thế hở ông?

Ấy chết, cháu đừng mó vào hoa của ông. Ông đang thăm xem đúng hôm nào thì hoa của ông nở đủ.

– Ông cho cháu một cái... Cháu xin ông cái lá gẫy kia nhá!

– Cháu không nghịch được những thứ này. Thôi, đi lên trên nhà với ông. Mợ cháu mà trông thấy cháu ra nghịch cây của ông, thì cháu lại phải đòn bây giờ đấy.

Nhớ đến trận đòn phất trần hôm nọ, vì trót nghịch gẫy mất giò lan của ông nội, thằng bé mặt phụng phịu và hai tay đánh đai vào mình ông già, kéo trĩu cả tấm áo lông cừu. Nó làm nũng ông và quấn quít lấy ông, mong ông sẽ che chở cho, nếu mẹ nó nom thấy nó ra nghịch chậu cây cấm.

Cụ Kép cười khà. Rồi cụ lại vạch từng gốc giò lan, xem xét tỉ mỉ đến màng hoa, đến giò hoa và thân lá. Hết chậu này đến chậu khác.

Tưởng chừng như cháu mình cũng là một người biết đến chuyện chơi cây, hiểu đến thời tiết trong một năm, có đủ những kinh nghiệm, phong tục và thông minh của người lớn, ông già đã nói với cháu bé:

– Tự nhiên, cuối năm lại nổi gió nồm. Cháu có thấy bực mình không? Ông tiếc cho mấy chục chậu lan của ông quá. Nở hết thôi!

Đứa cháu không hiểu đến ý nghĩa câu than phiền của ông già, ngửng bộ mặt ngây thơ lên, hỏi hai ba lần:

– Hoa sắp nở, sao lại tiếc hở ông?

Cụ Kép, nhìn lại cái người bé tí hon đứng với mình trong vườn lan, thân cao không vượt khỏi cái lá lan uốn cầu vồng; cụ Kép đãi đứa cháu ngây thơ một nụ cười rất độ lượng, mắt nhấp nháy dưới cặp kính tuổi.

– Nếu không có nồm thổi, thì hoa trong vườn ông còn lâu mới nở. Hoa sẽ nở nhằm vào ngày rằm tháng giêng. Đúng vào ngày tết Nguyên Tiêu. Ông cháu chúng ta sẽ có hoa mà thưởng xuân, cháu đã hiểu chưa. Bây giờ cháu chạy vào gọi bõ già ra đây cho ông bảo.

– Bõ già đi ra bờ ao, rửa đá cuội, từ ban trưa kia ông ạ.

Phải, phía cầu ao trong vườn cụ Kép, một tên lão bộc, đang lom khom dúng rổ đá xuống nước ao và sàng sảy rổ đá như kiểu người ta sàng mẹt gạo. Tiếng đá bị tung lên, đập vào nhau kêu sào sạo, khiến lũ cò trắng nghỉ chân trên lũy tre già, vội bay mất. Bõ già nghỉ tay, nhìn đàn cò sợ hãi bay cao, với nét cười của một người chịu vui sống trong sự an phận.

Bõ già, ở hầu cụ Kép đã lâu đời lắm. Cái hồi cụ Kép còn là một thầy khóa sinh hai mươi tuổi, bõ già đã nếm cơm ở cửa nhà này rồi. Chính y vác lều chõng cho cụ đi thi tú tài. Những việc nhớn, việc nhỏ trong nhà, y đều nhớ hết. Y nhớ cả đến những ngày giỗ giúi trong họ. Không có y nhắc nhỏm, có lẽ nhiều lần mợ Ấm Cả đã bỏ mất ngày giỗ. Bõ già hình như chỉ trải cuộc sống của mình để hằng năm, nhắc nhỏm đến những ngày giỗ trọng và giỗ giúi trong gia đình cụ Kép.

– Thưa mợ, đến mười sáu tháng tư này lại là ngày chính kỵ cụ ngoại... Thưa mợ...

Mợ Ấm Cả, muốn tỏ sự cám ơn kín đáo, đã đãi bõ già một miếng trầu, kèm miếng cau tươi. Vì bõ già răng đã yếu. Trong cái gia đình yên lặng này, bõ già gây được thiện cảm với mọi người, không phải vì nịnh hót mà chính vì lòng trung thành. Lắm lúc trông tội nghiệp lạ. Y tính toán, xếp đặt việc nhà chủ, y như một kẻ có quyền lợi dính dấp vào đấy. Cái hoài bão to lớn của y, là lúc nằm xuống trong nhà cụ Kép, y được tiểu chủ cho một cái "áo" gỗ vàng tâm thật dầy.

Ở đây, không ai nỡ nói nặng bõ già. Và đến những việc nặng, mọi người đều tránh cho bõ già cả. Công việc thường trong một ngày,

có nhiều hôm chỉ thu vào việc chuyên trà tầu và thay bã điếu cho cụ Kép. Thậm chí, trong những ngày cuối năm bận rộn như hôm nay, mà bõ già cũng không phải mó tay vào việc gì cả. Làm lợn gói giò, chả; vo gạo; đồ đậu xanh làm bánh chưng; làm dầu đèn, lau ban thờ, nhất nhất không việc gì phải qua tay bõ.

Mãi đến quá trưa hôm ba mươi Tết, cụ Kép mới bảo bõ già đi rửa mấy trăm hòn đá cuội trắng. Nghe thấy, bõ già nhận lấy cái việc rất ngộ nghĩnh đó, cả nhà đều cười. Thứ nhất là lũ trẻ con. Cụ Kép vẫn nghiêm trang dặn người đầy tớ già:

– Bõ đem đá ra bờ ao rửa cho sạch. Lấy bẹ dừa mà kỳ cho nhẵn, cho trắng tinh ra. Xong rồi, lựa những viên đá tròn bỏ vào một rổ. Những viên đá sù sì, không tròn trĩnh để ra một rổ khác.

Bõ già tủm tỉm, tỏ ý hiểu.

– Thưa cụ, con biết rồi. Cụ lại sắp cho dọn một bữa rượu "Thạch Lan Hương". Nhưng sao năm nay, lại soạn đá sớm quá? Thưa cụ, con nhớ mọi năm cứ hạ cây nêu xong rồi mới đem cuội ra ngâm kia mà...

– Thế bõ không thấy trời đổi gió nồm đấy à! Thế bõ không biết năm nay hoa nở sớm hơn mọi năm sao? Tôi đã cho ngâm thóc để lấy mầm lúa nấu kẹo mạch nha từ mấy hôm nay rồi.

Bõ già gật gật...

Cụ Kép là người thích uống rượu, ngâm thơ và chơi hoa lan. Cụ đã tới cái tuổi được hoàn toàn nhàn rỗi để dưỡng lấy tính tình. Vì bây giờ trong nhà cũng đã thừa bát ăn. Xưa kia, cụ cũng muốn có một vườn cảnh để sớm chiều ra đấy tự tình. Nhưng nghĩ rằng mình chỉ là một nhà Nho sống vào giữa buổi Tây Tầu nhố nhăng làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu mất bao nhiêu giá trị tinh thần; nhưng nghĩ mình chỉ là một kẻ chọn nhầm thế kỷ với hai bàn tay không có lợi khí mới, thì riêng cho thân thế, lo cho sự mất còn của mình cũng chưa xong, nói chi đến chuyện chơi hoa. Cụ Kép thường nói với lớp bạn cũ rằng có một vườn hoa là một việc dễ dàng; nhưng đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó. Cụ muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành, chí tình ra mà đối đãi với cả đến cái đẹp không bao giờ lên tiếng nói. Như thế mới phải đạo, đạo của người tài tử. Chứ còn cứ gây được lên một khoảnh vườn, khuân hoa cỏ ở các nơi về mà trồng, phó mặc chúng ở giữa trời, đầy chúng ra mưa nắng với thờ ơ, chúng trổ bông không biết đến, chúng tàn lá cũng không hay, thì chơi hoa làm gì thêm tội với Chúa Xuân.

Đến hồi gần đây, biết đã đủ tư cách để chơi cây cảnh, cụ Kép mới gây lấy một vườn lan nho nhỏ. Giống lan gì cũng có một vài chậu. Tiểu kiều, Đại kiều, Nhất điểm, Loạn điểm, Yên tử v.v... Chỉ trừ có giống lan Bạch Ngọc là không thấy trồng ở vườn. Không phải vì lan giá đắt, Bạch Ngọc mỗi giò có khi đến mười đồng bạc, mà cụ Kép không trồng giống hoa này. Trong một buổi uống trà đêm, cụ Kép đã nói với một người bạn đến hỏi cụ về cách thức trồng cây vườn hoa:

– Tôi tự biết không chăm được lan Bạch Ngọc. Công phu lắm, ông ạ. Gió mạnh là gẫy, nắng già một chút là héo, mưa nặng hột là nẫu cánh. Bạch Ngọc thì đẹp lắm. Nhưng những giống nhẹ nhàng ấy yểu lắm. Chăm như chăm con mọn ấy. Chiều chuộng, quá như con cầu tự. Lầm lỡ một chút là chúng đi ngay. Những quý vật ấy không chịu ở lâu bền với người ta, mặc dầu người ta là quý nhân. Lan Bạch Ngọc hay ưa hơi đàn bà. Trồng nó ở vườn phụ nữ thì phải hơn.

Thiếu hẳn loài Bạch Ngọc, cụ Kép đã cho trồng nhiều giống Mặc lan, Đông lan. Giống này khỏe, đen, hoa và giò đẫy, hoa có khi đậu được đến nửa tháng và trong mươi ngày, nếu chủ vườn có quên bón tưới, cũng không lụi.

Chiều hôm nay, hoa Mặc lan chớm nở.

Chiều mai, mùng một Tết, hoa Mặc lan mãn khai đầy vườn.

Đêm giao thừa, bên cạnh nồi bánh chưng sôi sình sịch, bõ già đang chăm chú canh nồi kẹo mạch nha. Cụ Kép đã dặn bõ già phải cẩn thận xem lửa kẻo lơ đễnh một chút là khê mất nồi kẹo.

Hai ông Ấm, con trai cụ Kép, người lớn tuổi đứng đắn như thế, mà lại ngồi gần đấy, phất giấy vào những nan lồng. Thực là hai đứa trẻ con đang ngồi nghịch với lồng bàn giấy. Họ ngồi dán hồ, vuốt giấy, với sự trịnh trọng của một người biết mình không đùa bỡn cùng công việc. Ông cụ Kép đứng kèm bên, mỗi lúc lại nhắc:

– Này Cả, thầy tưởng miệng lồng bàn, con nên đan to hơn miệng chậu. Con chạy ra, lấy cái que đo lại lợi chậu xem. Nếu rộng, thì hỏng hết. Đo lợi mấy chậu Mặc lan thôi.

Hai ông Ấm, ngồi phất được đến mười cái lồng bàn giấy. Họ rất vui sướng vì họ tin đã làm toại được sở thích của cha già. Cụ Kép co ro chạy từ nồi kẹo mạch nha, qua đám lồng bàn giấy, đến cái rổ đá cuội đã ráo nước thì cụ ngồi xổm xuống, ngồi lựa lấy những viên đá thật trắng, thật tròn, để ra một mẹt riêng. Ông Ấm Cả, ông Ấm Hai

lễ mễ bưng những chậu Mặc lan vào trong nhà. Cả ba ông con đều nhặt những hòn cuội xấu nhất, méo mó, sù sì trải xuống mặt đất những chậu lan gần nở. Mỗi lần, có một người đụng mạnh vào giò lan đen, cụ Kép lại xuýt xoa như có người châm kim vào da thịt mình.

Nồi kẹo đã nấu xong, nhưng phải đợi đến gần cuối canh hai kẹo mới nguội.

Bây giờ thêm được bõ già đỡ một tay nữa, cả ba ông con đều lấy những hòn cuội để riêng ban nãy ra mẹt, đem dúng đá cuội vào nồi kẹo, quấn kẹo bọc kín lấy đá, được viên nào liền đem đặt luôn vào lòng chậu hoa. Những viên đá bọc kẹo được đặt rất nhẹ nhàng lên trên lượt đá lót lên nền đất chậu hoa.

Úp xong lồng bàn giấy lên mươi chậu Mặc lan thì vừa đúng giao thừa.

Ba ông con, khăn lượt áo thâm lạy trước ban thờ đặt ngoài trời. Năm nay, trời giao thừa lành.

... Cả một buổi sớm, cụ Kép phải bận ở đình làng. Trước khi ra đình cụ đã dặn bõ già ở nhà phải soạn sửa cho đủ để đến quá trưa, cụ và vài cụ nữa đi việc đình làng về sẽ cùng uống rượu thưởng hoa lan.

Bõ già đã bầy ra giữa sân bốn cái đôn sứ Bát Tràng màu xanh lam. Trước mặt mỗi đôn, bõ già đặt một án thư nhỏ, trên đó ngất nghểu hai chậu lan còn lù lù chiếc lồng bàn úp, và một hũ rượu lớn có nút lá chuối khô. Bõ già xếp đặt trông thạo lắm. Trong mấy năm nay, đầu mùa xuân nào bõ già cũng phải, ít ra là một lần, bày biện tiệc rượu Thạch Lan Hương cho chủ.

Bõ già, hôm nay lẩm bẩm phàn nàn với ông Ấm Hai:

– Năm nay cụ nhà uống rượu sớm quá và lại uống ban ngày. Mọi năm, cứ đúng rằm tháng giêng mới uống. Vả lại uống vào chiều tối. Đốt đèn lồng, treo ở ngoài vườn đào, trông vào tiệc rượu hoa, đẹp lắm cậu ạ.

Ông Ấm Hai vui chuyện, hỏi bõ già:

– Này bõ già, tôi tưởng uống rượu nhắm với đá cuội tẩm kẹo mạch nha thì có thú vị gì. Chỉ thêm xót ruột.

– Chết, cậu đừng nói như thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ nhà có giảng cho tôi nghe rằng những cụ sành uống rượu, trước khi vào bàn rượu không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tịnh không dùng những đồ nhấm mặn như thịt cá đâu. Mấy vò rượu này, là rượu tăm đấy. Cụ nhà ta quý nó hơn vàng. Khi rót rỏ ra

ngoài một vài giọt, lúc khách về, cụ mắng đến phát thẹn lên. Cậu đậy nút lại, không có rượu bay!

Phía ngoài cổng củi, có tiếng chó cắn vang.

Bõ già nhìn ra thấy bốn cụ tiến vào đã quá nửa lòng ngõ ruối. Cụ nào cũng cầm một cây quạt thước, chống một chiếc gậy tre càng cua hay trúc đùi gà. Uống xong tuần nước, cụ Kép mời ba cụ ra sân uống rượu. Bõ già vòng tay vái các cụ và đợi các cụ yên vị rồi thì y khúm núm mở từng chiếc lồng bàn giấy một.

Một mùi hương lan bị bỏ tù trong bầu không khí lồng bàn giấy phất chật hẹp từ đêm qua, đến bây giờ vội tản bay khắp vườn cây. Bốn cụ và bõ già đánh hơi mũi; những cặp mắt kém cỏi đăm đăm nhìn kỹ bầu không khí trong vắt như có ý theo rõi luồng hương thơm đang thấm nhập dần vào các lớp khí trời. Cơn gió nhẹ pha loãng hương thơm đặc vào không gian.

– Dạ, xin rước các cụ.

Dứt tiếng cụ Kép, tất cả bốn cụ đều úp lòng tay vào nhau thi lễ và giơ tay chỉ thẳng vào giữa, mời nhau ai cao tuổi xin nhấp chén trước đi. Tiệc rượu bắt đầu. Bõ già kính cẩn chắp tay đứng sau lưng chủ, có vẻ cũng thèm thuồng say lắm.

– Trời lạnh chút nữa, uống Thạch Lan Hương mới đúng phép, chủ nhân ạ!

Đáp lời cụ Cử Lủ, cụ Kép vuốt râu cười nói:

– Chính thế. Nhưng đệ sợ chờ được lạnh đến, thì hoa vườn nhà tàn mất. Trông kẹo mạch nha không đông, còn dính vào lớp đá lót, đệ cũng biết là không được khéo lắm. Trời nồm biết làm thế nào.

– Này cụ Kép, kẹo đá thơm ngon đấy. Đẫn hiềm có mùi ung ủng pha vào hương lan. Chắc kẹo nấu bén nồi, khê và thêm không được dong nên mới có tạp vị nhiễm vào.

Sau mấy câu phê bình về tiệc rượu, tỏ ra mình là người biết thưởng thức những vị thanh lương đạm bạc, bốn cụ đều xoay câu chuyện sang phía thơ văn.

Cụ Tú người cùng làng với cụ Kép mở đầu câu chuyện làm thơ.

– Sớm nay, đệ đã khai bút rồi. Đệ nghĩ được một đôi câu đối. Để các cụ chữa cho mấy chữ, chiều nay sẽ viết luôn vào giấy hồng điều để dán thêm vào cổng nhà.

Ba cụ cùng cạn chén một lúc, cùng nói một lúc:

– Cụ Tú hãy cạn luôn ba chén rồi hãy đọc đôi câu đối mới. Câu đối của Cụ còn ai hạch nổi chữ nào. Cụ nói gì mà khiêm tốn quá vậy... Chúng tôi xin nghe.

Chờ đợi cụ Tú dặng hắng lấy giọng, mỗi cụ đều bỏ vào mồm những viên kẹo mạch nha đá cuội ướp hương lan. Những nhân đá đánh vào răng kêu lách cách. Mỗi ông già đọc một đôi câu.

Rồi, mỗi chén rượu ngừng là một lời thơ ngâm trong trẻo. Cứ thế cho tàn hết buổi chiều.

Mấy cụ đều khen lẫn nhau là thơ hay. Trong cái êm ấm của chiều xuân sớm, tiếng ngâm thơ, quyến rũ cả đến tâm hồn một tên lão bộc. Bõ già, chiều mùng một Tết, tự nhiên mặt sáng tỏ hẳn lên. Cái đẹp của tiệc rượu ngâm thơ thơm lây cả sang người y.

Vò rượu vợi với chiều xuân sớm quên đi.

Những vò rượu vợi dần, trong lòng đĩa sứ đựng nhân đá, hòn cuội cao dần lên.

Bõ già đưa thêm mãi những đĩa sứ vào bàn rượu.

Vẳng xa, từ phía đầu làng, dội về mấy tiếng pháo lẻ loi.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ [1]

Nhận được phiến trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao:

– Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù phải chết chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên đứng đầu bọn phản nghịch là Huấn Cao. Tôi nghe ngờ ngợ. Huấn Cao! Hay là người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn ca tụng cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

– Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy?

– Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhỏm đến cái tên đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi cho thầy lui. À, nhưng mà thong thả. Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không?

– Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà!

– Ờ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chặc lưỡi?

– Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thêm tội nghiệp.

– Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra lại vạ miệng thì khốn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam. Mai, chúng ta phải dậy sớm. Để cho có mặt ở cửa trại trước khi lính tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai tên. Hễ chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiểng, đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ cho mấy tên thập nó đánh bạc nghe!

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa ở giá gươm, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư cũ đã nhợt mầu vàng son,

1. Khi đăng báo (tạp chí *Tao đàn* số 1 ngày 1-3-1939), truyện có tên là *Dòng chữ cuối cùng*.

một cây đèn đế leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngục quan ngồi bóp thái dương một cách băn khoăn. Tiếng trống thành phủ gần đấy đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiểng và mõ rất đều đặn, rất thưa thớt. Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ đẫm sương, vẳng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen và thẳng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân trời không định.

Tiếng dội của tiếng chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiểng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu âm thanh phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhợt, son đã mờ, đĩa dầu sở trên cây đèn nến vợi lần mực dầu. Hai ngọn bấc lép bép nổ, làm rụng tàn đèn xuống tập giấy bản có dấu son bên ty Niết. Viên quan coi ngục ngấc đầu, lấy que hương khêu thêm một con bấc. Ba cái tim bấc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đấy.

Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả mầu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đấy, giờ chỉ là mặt nước ao xuân. Bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ...[1]. Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông Trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần túy vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghĩ ngợi về câu nói ban chiều của thầy thơ

---

1. Kiểm duyệt bỏ (chú thích của bản gốc). Đây là những câu bị cắt bỏ đó: "Ở đấy trong giây lát lại lập lòe chút ánh sáng của con tâm còn thơm sạch, người ta phải lấy làm lạ hỏi tại sao ngục quan lại không có một cái đầu trâu, một cái trán dơi và một cái mặt khỉ. Trong thế giới Khuyển Ưng, Khuyển Phệ, cái bộ mặt quắc thước nhẹ nhõm kia thực là một sự lạ lùng. Sự lạ lùng đó, trong bọn quan lại, người bề trên không chịu được và kẻ ti tiểu cũng không chịu được" (*Tao đàn* số 1, 1-3-1939). Ngoài những câu bị kiểm duyệt cắt bỏ, tác giả cũng sửa chữa một số chữ khi in thành sách (NHK).

lại.

– Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hắn cũng như mình, chọn nhầm nghề nghiệp mất rồi. Một kẻ biết yêu mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biệt đãi ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong mấy ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác với quan trên thì ta khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hắn xem sao, rồi sẽ liệu.

Sớm hôm sau, lính tỉnh dẫn đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều hôm qua, đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi, làng xóm và tội tình. Sáu phạm nhân đều mang chung một chiếc gông dài đến tám thước. Cái thang gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem ra cân, có thể nặng đến bẩy tám tạ. Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu tên tử tù – nếu thực là họ có tội. Mầu gỗ thân gông đã cũ và mồ hôi cổ và tay kẻ phải đeo nó đã phủ lên một nước sơn bóng nhoáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại sỉn lại những chất ghét đen sánh. Trong khi chờ đợi cửa ngục mở rộng, Huấn Cao, đứng đầu gông, quay cổ lại bảo mấy bạn đồng chí:

– Rệp cắn tôi, đỏ cả cổ lên rồi. Phải rỗ gông đi.

Sáu người đều quỳ cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông, đầu cúi vả về phía trước. Một lên lính áp giải đùa một câu:

– Các người chả phải tập nữa. Mai mốt chi đây sẽ có người sành sỏi dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bấy giờ tha hồ mà tập. Đứng dậy, không ông lại phết cho mấy hèo bây giờ.

Huấn Cao, lãnh đạm, không thèm chấp, chỉ chúc mũi gông nặng xuống thềm đá tảng, khom mình thúc mạnh đầu thành gông xuống đấy đánh thuỳnh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhăn mặt. Một trận mưa rệp đã làm nền đá xanh nhạt lấm tấm những điểm nâu đen.

Cánh cửa đề lao mở rộng.

Sáu người né mình tiến vào như một hiệp thợ ngõa, thận trọng khiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai

Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kiêng nể, tuy y cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm

nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡn đối riêng với Huấn Cao. Bọn lính lấy làm lạ, đều nhắc lại:

– Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xướng. Xin thầy để tâm cho. Hắn ngạo ngược và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói chữ "để tâm" có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giở những mánh khóe hành hạ thường lệ ra. Ngục quan chỉ điềm đạm:

– Ta biết rồi. Việc quan ta đã có phép nước. Các chú chớ nhiều nhời.

Bọn lính dãn cả ra, nhìn nhau và không hiểu. Sáu tên tử tù hơi ngạc nhiên về thái độ quản ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thơ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu với đồ nhắm, người thơ lại lễ phép nói một câu:

– Thầy quản chúng tôi biếu ngài ít quà mọn này để dùng cho ấm bụng. Ở trong buồng đây lạnh lắm.

Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu thịt coi như mình có quyền hưởng thụ những thực phẩm đó. Rồi đến một hôm, quản ngục mở khóa cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huấn:

– Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài đừng làm quá. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài muốn gì xin cho biết. Tôi sẽ liệu.

...[1]

Ông đã trả lời quản ngục:

– Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều, là nhà ngươi đừng tới quấy rầy ta.

Khi nói câu mà ông cố ý làm ra khinh bạc đến điều, ông Huấn đã đợi trận lôi đình báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quản ngục bị sỉ nhục. Nhưng đến cái cảnh chết chém, ông còn chả sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huấn bực

---

1. Kiểm duyệt bỏ (chú thích của lần xuất bản đầu, 1940). Mấy câu bị cắt bỏ đó như sau: "Ông Huấn Cao là người không chịu giam mình trong lề thói của một triều chính; chí ông là muốn vẫy vùng, muốn rạch sơn hà ra làm hai nửa và dựng riêng bờ cõi mình ở một góc trời. Ông đồ hỏng việc lớn, từ ngày bị bắt, chí sống với phẫn uất. Dưới mắt ông Huấn, còn có ai là đáng kể nữa. Cho nên ông trả lời cho quản ngục" (Tạp chí *Tao đàn* số 1, 1-3-1939). NHK chú .

mình thêm khi, nghe xong câu trả lời, y chỉ nhã nhặn lui ra với một câu: "Tôi xin lĩnh ý". Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không để chân vào buồng giam ông Huấn. Ông Huấn càng ngạc nhiên nhiều: năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của quản ngục. "Hay là y muốn dò đến những điều bí mật của ta?".

"Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan trọng, ta đã khai bên ty Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung ta ký rồi. Còn có gì nữa mà dò, cho thêm bận".

Trong đề lao, ngày đêm của tử tù đợi phút cuối cùng vẫn dài như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục, không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời quấy nước, đến trên đầu họ, họ cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại giữ tù.

Viên quản ngục hi vọng một ngày rất gần đây ông Huấn sẽ dịu bớt tính nết, thì y sẽ nhờ ông viết cho mấy chữ trên chục vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại. Thế là y mãn nguyện.

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoảnh, trừ chỗ tri kỷ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo, là có một vật báu trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình, mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa y hàng bao nhiêu thế kỷ tài học, y chỉ lo mai mốt đây, ông Huấn bị hành hình thì cái thèm muốn kia chỉ là một cái mộng...

Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình bộ thượng thư trong Kinh bắt giải ông Huấn Cao và đồng chí vào Kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Và ngày mai, sớm tinh mơ, sẽ có người đến lĩnh tù.

Viên quản ngục vốn tin thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói được một câu: "Dạ bẩm, ngài cứ yên tâm, đã có tôi" rồi ù té chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn. Thầy đấm cửa buồng giam thùm thùm, hớt hơ

hớt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng viên quản ngục, và ngập ngừng báo luôn tin buồn cho ông Huấn biết việc về Kinh chịu án tử hình.

Ông Huấn Cao trầm ngâm rồi mỉm cười:

– Ngươi về bảo chủ ngươi, tối nay, lúc lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ ta thì quý thực. Ta không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết bao giờ. Nhất sinh, ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta rất cảm kích tấm lòng biệt nhãn liên tài của các ngươi. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.

Đêm hôm ấy, lúc trại giam Tỉnh Sơn chỉ còn vẳng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, rệp, đất bừa bãi phân chuột và gián.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy ánh sáng đỏ ngòm của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, làm họ dụi mắt lia lịa.

Một tên tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Tên tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và đĩnh đạc bảo:

– Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng trẻo với những nét chữ vuông vắn rõ ràng như thế. Thoi mực, kiếm được ở đâu tốt và thơm lắm. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?... Ta bảo thực đấy; thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đóm cháy rừng rực, lúc lụi, tàn lửa rụng xuống nền đất phòng giam, tiếng lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức chân, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái tên tù một vái và nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào:

– Xin bái lĩnh.

NÉM BÚT CHÌ

Ít bữa nay, Lý Văn buồn bực hiện ra mặt, bỏ nhà ra đi đến hai ba hôm. Nhiều người lạ mặt đến hỏi, vợ con Lý Văn đều không biết thế nào mà trả lời. Những người khách dữ tợn ấy có khi trở lại đến hai ba lần. Không được gặp chủ nhân, họ không lấy thế làm hậm hực. Vợ Lý Văn có hỏi gặng, họ chỉ trả lời nhiều câu nghe rất ngang tai.

– À, anh em chúng tôi cũng là tay chơi như ông Lý nhà ta đây. Hễ ông Lý có về, bà nói dùm cho là có bọn Huần ở Kim Sơn ra thăm. Bá Huần, bà nhớ thế cho. Và có tin gì hay, xin ông Lý nhà cho anh em biết sớm.

Bọn Bá Huần Kim Sơn đi chưa khỏi thì lũ chó mẹo ở ngoài cổng lại sủa vang lên một hồi. Lại ba bốn người nữa đến hỏi thăm ông Lý.

Người nào cũng quấn khăn đầu rìu. Người nào trông cũng gian ác, hung bạo.

– Chúng tôi là người Tam Tổng. Ở nhà lâu ngày tù chân quá, nhân đi qua đây, ghé thăm ông Lý nhà và hỏi xem có công việc gì mới đáng để anh em đỡ tay hộ không.

Bà Lý Văn, trước những câu tự giới thiệu rất lạ lùng của bạn chồng mình, chỉ biết dạ và thưa và luôn miệng mời khách hãy ngồi chơi để cháu đi đun nước.

– Thầy cháu đi lên tỉnh vắng, bà Lý nói.

Mấy ông khách người hạt Tam Tổng không chịu ngồi yên một chỗ để xơi một khẩu trầu. Họ cũng không chịu ngồi yên để chờ đợi ấm nước trà đun sắp sủi. Họ chắp tay ra đằng sau lưng, lững thững dạo quanh nhà một vòng. Đàn chó mẹo tha hồ mà sủa, mà rộ; có lúc chúng chồm vồ lên lưng khách. Khách vẫn thản nhiên để cho đàn chó nhà bà Lý gặm bắp chân. Bà Lý vừa quát lũ chó một cách vô hiệu, vừa để ý ngắm đến những bắp chân tròn trĩnh của mấy ông khách lạ. Thì ở đấy, có cần gì đợi lũ chó nhà bà Lý cắn, trên lần da chân bóng như đồng đen kia, đã loang lổ nhiều vết sẹo rất to, cái thì trắng nõn nước da non đang lên, cái thì đen thẫm mầu thịt thối thâm đã lâu ngày.

Đàn chó xem chừng cũng chán mấy người lạ kia nghênh ngang trong nhà chủ mình và có ý coi cái khoảnh sân vườn này như là của họ. Trái với những lần khác thấy những người lạ qua đây có cầm que hay là gậy tre gai với sự rụt rè kiêng nể là chúng cắn vồ và đuổi nhiều, lần này đàn chó mẹo, sau một hồi thị oai suông, đã lảng xa mấy ông khách người Tam Tổng.

Sau một hồi "nhỏ to" ở giữa sân, họ nói chõ vào trong nhà:

– Thế ông Lý có nói bao giờ về không?

Từ trong nhà thấp, thiếu ánh sáng của ban ngày, tiếng bà Lý đưa ra:

– Dạ thầy cháu hôm đi, không thấy dặn gì cả. Xin mời các ông vào xơi nước kẻo nguội.

Ngoài sân mấy ông khách vẫn thì thầm bàn tán. Họ không trả lời mời nước của bà Lý. Trong một lúc gắt gỏng, bà Lý chỉ nghe được một mẩu chuyện lúc họ nói to: "... chả có nhẽ lão Lý lại đi đánh một tiếng bạc bất thình lình như vậy. Bao giờ lão đi, cũng có anh em mình tả phụ hữu bật".

Thế rồi họ kéo nhau đi, sau mấy mồi thuốc lào rít đến tụt nõ và sau mấy câu chào hỏi rất kệch cỡm ngô nghê. Bên chiếc điếu cầy dài đến thước rưỡi ta, họ còn để lại một cái hộp tròn đựng thuốc lào. Nắp hộp làm bằng vỏ cam khô. Lúc vỏ cam còn tươi, ở trong khuôn ép, người ta đã tỉ mỉ trổ lên đấy một cái mặt hổ phù.

Cai Xanh – người khách có hộp thuốc lào này và vừa ở đây ra – Cai Xanh là một "tay chơi" nổi tiếng ở mấy vùng Thanh Nội và Thanh Ngoại. Những tay anh chị trong đám cướp lớn có tổ chức hẳn hoi thường được biết đến tiếng Cai Xanh. Và những người ăn cướp chưa được gần y thì chỉ thèm muốn có một dịp nào nhập vào đảng y để được biết rõ đến nghệ thuật của một kẻ đàn anh.

Người ta biết đến Cai Xanh, người ta lại biết luôn cả đến những đồ vật mà Cai Xanh hay giắt luôn trong mình. Như con dao hai lưỡi, cái hộp thuốc lào v.v... Con dao hai lưỡi ấy, ít khi Cai Xanh phải dùng đến. Một khi đã dùng đến thì thế nào cũng có kẻ bỏ mạng. Trong những phút rất nguy nan, phải giết kẻ khác để gỡ lấy mạng mình, chưa bao giờ Cai Xanh chịu phóng dao và bỏ dao lại trên chiến địa. Hóa cho nên con dao đó, sau những khi cắm ngập vào thớ thịt còn nóng hổi dòng máu của bao nhiêu tử thi, dao đó lại trở lại nằm trong hầu bao của Cai Xanh. Chung quanh con dao thép sáng ngời, một

huyền sử kinh sợ đã bao trùm, cũng như một huyền sử khác đã chạy chung quanh cái hộp đựng thuốc lào của Cai Xanh.

Những lúc nhàn tản, không dự một đám cướp to nào, những lúc nhỡ độ đường không có tiền trả những hàng quán hẻo lánh trên con đường thăm thẳm, Cai Xanh đã lễ phép nói với bao nhiêu là nhà hàng:

– Tôi lỡ quên không giắt theo tiền trong người, nhà hàng cho tôi gửi tạm vật này làm tin, mai mốt tôi sẽ cho người nhà tới chuộc nó về.

"Nó" đây là cái hộp thuốc lào ở trên nắp vỏ cam có khắc cái mặt hổ phù. Những chủ quán ở rải rác trên con đường Điền Hộ phần nhiều cũng là đầu trộm đuôi cướp cả. Khi nào họ không đi ăn cướp được thì họ là người lương thiện, mỗi ngày rót vào bát đàn vài lượt nước trà xanh nóng hổi cho người đi đường giải khát. Họ vừa rót nước, vừa nheo cặp mắt lại như muốn đếm tách bạch ra từng đồng tiền trong tay nải khách qua đường nghỉ chân. Không biết ai đã nói chuyện cho họ nghe từ bao giờ cái hộp thuốc lào của Cai Xanh mà, một khi thấy người khách ngang tàng kia gửi vật mọn đó làm tin thay cho món tiền thiếu, chủ quán nào cũng đều xoa tay, không dám nhận.

– Dạ không dám. Khi nào ông anh sẵn thì cho đàn em xin. Cái đó có là bao mà dám phiền lòng ông anh.

Cai Xanh cả cười... ra đi. Cái cười rất hợm hĩnh đó thay một câu hỏi gần như thế này:

– Mấy chú em bán quán ở vùng này cũng đã biết rõ đến ta sao?

Hôm nay, cùng một vài bạn lợi hại đến thăm Lý Văn mà không được gặp, Cai Xanh có ý vờ bỏ quên lại hộp thuốc lào, để nhắc cho chủ nhân biết y đến không phải là việc phiếm và một khi về nhà, chủ nhân nên triệu y đến ngay. Vì có việc cần phải bàn. Cái việc lơ đễnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi khi tìm bạn để "đánh một tiếng bạc lớn" nghĩa là cướp một đám to.

Thế mà, không hiểu rõ một tí gì, bà Lý Văn cứ phàn nàn cho mấy ông khách Tam Tổng đến chơi đã không được gặp chồng mình, lại còn bỏ quên đồ vật. Xa xôi hàng mấy ngày đường, đến bao giờ các ông ấy mới lại trở lại đây để nhận vật bỏ quên. Mà bây giờ các ông ấy đi hẳn đã xa lắm, biết đuổi theo thế nào cho kịp.

Một ngày nữa lại hết.

Vào buổi sớm ngày thứ hai, một thôi tiếng chó sủa vang ngoài

cổng, mở đầu cho cái ồn ào hàng ngày trong gia đình nhà Lý Văn. Bà Lý ngừng tay dưới bếp, đã tưởng chồng mình về. Té ra chỉ là một ông khách lạ mặt nữa, đến hỏi thăm chồng với sự nóng nẩy của một người quen vội vàng. Y tỏ vẻ thất vọng, xin đi ngay. Bà Lý muốn ông khách hấp tấp kia cho mình biết tên. Khách cười. Trên khuôn mặt đen như cột nhà cháy, nẻ ra hai đường răng trắng nhởn. Ông khách chạy vội ra phía đầu trái nhà, vơ lấy cái mai dựng ở tường, móc túi lấy con dao găm, khắc vào cán mai một đường tròn đều như tiện, trao mai cho bà Lý.

– Bà cứ đưa cán mai này cho ông Lý nhà, tự khắc ông sẽ biết. Độ chiều mai tôi lại sang chơi. Xin ông Lý đợi cho.

Bà Lý Văn cũng chỉ biết vâng dạ cho qua chuyện. Từ ngày bà làm bạn cùng ông Lý Văn, đến bây giờ đã mấy mụn con, bà chưa từng được biết chồng bà có những người bạn lạ lùng đến như thế bao giờ.

Lý Văn đã về. Không kịp bỏ khăn áo, Lý Văn đã nằm ềnh ra giữa phản. Từ chối hết cả những lời mời mọc ân cần của vợ hỏi ăn cơm hay là ăn cháo hay là dọn rượu, Lý Văn chỉ nằm ngửa nhìn thượng lương nhà, tay trái vắt lên trán, có chiều tư lự không cùng. Trên mặt y, chốc chốc những đường gân lại dăn dúm lại vì dày vò của suy nghĩ.

Bà Lý mon men lại gần chồng.

– Mấy hôm thầy nó đi vắng, có đến dăm bẩy ông khách lạ đến hỏi thăm. Các ông ấy đều không nói tên. Có một ông khắc cái gì vào cán mai này và dặn đưa ngay cho thầy nó xem.

Bà đưa cho chồng cái mai có tiện một nấc ở đầu cán.

– À Phó Kình! Thế người ta đến từ bao giờ?

– Sáng qua. Theo lời ông ta hẹn, có lẽ chiều nay ông ta lại trở lại đây. Lý Văn tự nói một mình:

– Mình đang tìm Phó Kình. Thôi, được rồi có cây "bút chì" này giúp sức, ta không lo gì nữa.

Bỗng Lý Văn ngồi nhỏm dậy. Y vừa nhìn thấy ở mép bàn thờ cái hộp đựng thuốc lào con con. Y vội quờ lấy cái hộp có in mặt hổ phù.

– Ấy, của cái bọn ông khách gì nói là người vùng Tam Tổng đấy. Ông ta lúc đi bỏ quên. Tôi bận trẻ không kịp chạy theo để trao trả cho ông ta. Thầy nó giữ lấy vậy.

Lý Văn không để ý đến nhời vợ, ngắm nghía hộp thuốc lào với

sự sung sướng hoàn toàn, lim dim mắt, nói như người mơ ngủ:

– Cai Xanh! "Tiếng bạc" này, thế nào cũng ăn to. Một cây "bút chì" của Phó Kình và một cái lá chắn của Cai Xanh, thế nào đám này cũng lọt. Ta đang lo thiếu hai tay này. Chắc thế nào Phó Kình cũng tới tìm Cai Xanh. Và có lẽ họ đã gặp nhau ở giữa đường rồi cũng nên. Tất thế nào chiều nay hai người cũng có mặt ở đây một lúc.

Thế là Lý Văn đã truyền cho vợ đi lấy độ chục chai rượu ngon và quát tháo người nhà bắc ngay nước sôi để làm lợn. Bà Lý Văn không hiểu gì cả; chồng bảo thế nào, bà chỉ biết làm theo. Từ những ngày nào, trong cái gia đình này, mỗi một lời nói to của ông Lý là một mệnh lệnh.

Một mặt, người nhà chọc tiết lợn: tiếng con vật bị đâm dao bầu vào cuống họng kêu oeng oéc. Một mặt bà Lý đi ra đầu làng để liệu cho xong cái khoản rượu.

Lý Văn chạy tới tấp như một kẻ chức sắc gặp ngày phải đương cai. Ngồi ở nhà được một chút, y nghĩ thêm được một điều gì, y lại vụt chạy đi rất lâu.

Y chạy đi chạy về như thế, tính ra đã được ba lần. Đến lần thứ tư thì y dắt luôn đến năm sáu người cùng về, trong số đó có cả Cai Xanh và Phó Kình.

Người ta cười nói oang oang. Lý Văn chạy vào nhà trước, trải vội chiếc chiếu cạp điều phủ mặt ván ngựa. – Mời các chú vào trong này.

Cả bọn kéo lên giường sau khi rửa chân cạn, hai bàn chân bẩn vỗ xoa vào nhau mươi lượt. Cũng như từ bao giờ, bà Lý đã lẩn đi đâu mất. Ông Lý đã dặn vợ hễ khi nào ông có đông bạn lạ uống rượu thì bà nên vắng nhà. Vì thế dọn xong rượu, lần nào bà cũng đi biệt.

Người ta ngồi vào mâm rượu với sự uể oải của người không đói ăn, với sự buồn bã của kẻ dự đám hiếu, với sự nghiêm trọng của một người biết trước bữa rượu này là khơi mào cho một việc quan hệ cần phải giải quyết trong hơi men nồng.

Thực khách đều giữ một vẻ mặt đi vắng.

Trong số mười chai rượu, thì đến bốn năm cái đã là vỏ thủy tinh không. Chiếc mâm đồng thước rưỡi có lót lá chuối tươi, đựng thịt thủ thái dối đầy tú hụ lên thế, lòng mâm thịt đã vợi đến một phần ba. Một vài người dặng hắng. Đôi ba kẻ vê sẵn những mồi thuốc lào, mắt

nhìn trừng trừng vào người đang rít điếu cầy.

Lý Văn khạc mạnh. Y giả vờ gọi đầy tớ thực to. Không có đứa nào thưa, y tủm tỉm:

– Thưa các quan, nhà vắng cả, xin các quan bàn qua lại việc đó. Rồi để phân phát ngay công việc cho anh em và định ngày làm.

– Còn định gì nữa, Cai Xanh ngắt câu chuyện. Nếu có làm thì làm ngay đêm nay đi. Nhân thể đêm nay lại tốt trời. "Tiếng bạc" này, em xin thưa để bác Lý biết: nếu đêm nay không mở ngay đi thì "tiếng bạc" đến vỡ mất.

– Cũng được. Vậy thì anh em cắt và nhận công việc luôn đi.

Phó Kình bây giờ mới lên tiếng.

– Cứ như lệ cũ mà theo, vẽ vời cắt đặt lại làm chi cho thêm phiền ra. Thì cũng lại cầm lá chắn là anh Cai và đánh "bút chì" là em chứ còn ai vào đây. Nếu có neo người thì anh Lý nhà đỡ cho một cây "bút chùng" kèm sát bên cạnh em cho em vững tay ở những đường độc đạo. Còn các chú nó đây – Phó Kình xòe tay chỉ mấy người ngồi ăn từ nãy chưa nói gì – thì chia nhau ra mà đỡ lấy việc vặt như thả chông, bật hồng, vân vân. Còn thì mới đến người ngoài. Các ông anh nghe đàn em lạm bàn thế đã tạm ổn chưa?

Phó Kình tu một hớp rượu đánh ực. Cả bọn đều nhao nhao:

– Thôi, thông lắm rồi. Vậy thì nhất định đêm nay hết trống canh hai bắt đầu cất quân. Sang đến đúng đất bên ấy, vừa vào giữa giờ Tý.

Cả bọn lại đều một loạt đánh ngã vài chai bố nữa. Rồi trong không khí ồn ào, người ta đọc đi đọc lại cái câu: "Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi". Cả bọn đều lấy làm thưởng thức câu đó và mỗi người đều tự đặt ngay mình vào địa vị người anh hùng. Phó Kình đã nóng mặt, sắn tay áo, ngồi chửi đổng:

- ... [1] thì một cây "bút chì" của em, em dám chấp cả một ấp người. Có một cây "bút chì" mà đánh cho sát đòn, thì đây nhất nhân địch vạn nhân, à, phải biết thế mới được.

Nói xong, Phó Kình nhẩy xuống đất, quơ trong gầm giường lấy cái mai, tháo cuộn dây thừng quấn trong người thay thắt lưng, buộc một đầu mối dây vào cán mai có tiện đường rãnh từ hôm nọ. Cả bọn đang vui câu chuyện, đều ùa theo Phó Kình ra mặt sau nhà, đứng một

1. Kiểm duyệt bỏ

loạt đối diện với bụi chuối tiêu phất phơ tàu lá ở bờ rào xa. Phó Kình cuộn mấy vòng dây thừng dài đến mấy sải vào cánh tay trái. Bàn tay trái y nắm chắc cổ cán mai, bàn tay phải y giữ vững đốc ngọn mai.

– Đàn anh thử xem em hạ cây chuối phía bên trái.

Bỗng sau một tiếng phập, thân trên cây chuối đã gục xuống mặt đất, kêu đánh roạt. Và Phó Kình đang cười hề hề, cuốn vòng dây thừng vào cánh tay trái và, đã được giật về từ lúc nào, cái mai lại đã ở gọn trong hai bàn tay y.

– Bây giờ đàn anh lại xem em lấy buồng chuối chín cây xuống để chút nữa lễ thánh.

Lưỡi mai sén qua cuống buồng chuối, đi quá đích, chạm cả vào đến quá nửa thân cây chuối. Cả bọn cười vang. Lý Văn dè dặt lời khen:

– Ngón "bút chì" của chú hay đấy. Nhưng cũng còn nặng tay. Chưa được ngọt đòn lắm. Có nhiều khi mình chỉ nên đánh dọa người ta thôi. Nếu không cần đến, thì chớ nên làm tổn hại đến nhân mạng.

Sẵn có đàn gà đang đi trong luống khoai lang, Lý Văn mượn Phó Kình đưa cho mình cây "bút chì", buộc thòng lọng múi dây vào cổ tay trái và nói với anh em:

– Chú nào ném hộ tôi hòn đất.

Tiếng hòn đất đụng đất kêu đánh bộp. Mấy con gà bay tà tà khỏi mặt vườn, đập cánh bồm bộp. Tiếng lưỡi mai ở tay Lý Văn phóng ra kêu đánh vụt. Một tiếng gà kêu oác.

Cả bọn chạy ra luống khoai, giơ cao con gà gẫy mất hai chân. Vết thương gọn gàng vừa đúng quãng đầu gối và cặp giò chưa lìa hẳn, vẫn còn dính vào đùi bởi lần da hoen máu.

Lý Văn gác mai, nói với tất cả bọn:

– Nếu mình ném mạnh tay quá và không biết tính sức đi của "bút chì" là nát mất gà. Các chú không phải đánh những tiếng bạc vào sinh ra tử, các chú không biết, chứ đòn "bút chì" khó khiến lắm. Và một cây "bút chì" ngang tàng như thế mà lại phải lụy một cành tre đấy. Chú nào hay xử cây "bút chì" ở các đường độc đạo, nên cẩn thận khi thấy bên địch tung cành tre ra để phá "bút chì". Để hôm nào rảnh, anh sẽ dạy cho các chú tập đánh cái lối đòn bơi chèo bằng gỗ cau. Đánh đến đòn hỗn chiến ấy thì đầu người rụng cứ như sung.

CHÉN TRÀ TRONG SƯƠNG SỚM

Trời rét như cắt. Không kể tiểu hàn, không kể cả đến đại hàn, buổi sớm mùa đông nào, cụ Ấm cũng dậy từ lúc còn tối đất. Từ trên bàn thờ đức Thanh Quan, cụ nhắc cây đèn đế xuống. Được khêu hai tim bấc nữa, cây đèn dầu sở phô thêm màu xanh lá mạ phủ trên chất sứ Bát Tràng.

La liệt trên chiếu cói cạp điều đã sờn cạnh, cụ Ấm đã bầy lên đấy khay trà, ống nhổ, ấm đồng và hỏa lò đất. Cái điếu bát vẽ Mai Hạc kêu vang lên một hồi rất dòn, rất đều. Khói thuốc lào đặc sánh lại bao chùm lấy ánh sáng yếu ớt của một ngọn đèn dầu. Rồi làn khói loãng dần biến ra mầu nhờ nhờ như làn hơi nước sủi. Sau màn khói, ẩn hiện một ông già chống nạnh bên gối xếp, cặp mắt lim dim như một nhà sư nhập định. Vẻ nghiêm trang lặng thinh của ông già muốn làm ngừng cả áng khói trắng hiếu động đang trôi trong không khí gian nhà gạch. Ba gian nhà, chỉ có một người thức.

Trong cảnh trời đất lờ mờ chưa đủ phân rõ phần đêm và phần ngày, ông cụ Ấm có cả phong thái một triết nhân ngồi rình bước đi của thời gian.

Đêm đông dài không cùng. Nó mênh mông và tự hết rất chậm chạp.

Gió bấc thổi qua những kẽ cánh cửa bức bàn đã gửi vào nơi yên lặng này mươi lăm tiếng gà không nhẫn nhục được với tối tăm. Từ ngoài phía ngõ dâm bụt lượn xát nhà gạch, dội vào những tiếng bước chân người nặng nề. Cuộc đời hồi tỉnh lại dần dần.

Cụ Ấm phẩy phành phạch quạt mo theo một nhịp nhanh chóng trước cửa hỏa lò. Hòn than tầu lép bép nổ, nghe rất vui tai. Và làm vui cho cả mắt nữa, tàn lửa không có trật tự, không bị bó buộc kia còn vẽ lên một khoảng không gian những nét lửa ngang, dọc, cong quèo, ngoằng ngoèo. Những lúc có cháu nhỏ ngồi với mình, cụ Ấm thường hỏi xem chúng xem pháo hoa cải như thế có thích không.

Những hòn than tầu cháy đều, mầu đỏ ửng, có những tia lửa xanh lè vờn ở chung quanh. Không khí mỗi lúc giao động càng nâng cao thêm những ngọn lửa xanh nhấp nhô. Hòn lửa rất ngon lành, trở nên một khối đỏ tươi và trong suốt như thỏi vàng thổi chảy.

Thỉnh thoảng, từ hòn than tự tiêu diệt buột ra một tiếng khô, rất khẽ và rất gọn. Thế rồi hòn than sống hết một đời khoáng chất. Bây giờ hòn than chỉ còn là một điểm lửa ấm áp trong một cái vỏ tro tàn dầy và trắng xốp. Cụ Ấm vuốt lại hai mái tóc trắng, cầm thanh đóm dài đảo lộn tàn than trong hỏa lò, thăm hỏi cái hấp hối của lũ vô tri vô giác. Cụ Ấm bỏ thêm một vài hòn than hoa nữa vào hỏa lò. Than hoa, không nổ lép bép như than tầu; nhưng từ ruột ấm đồng bị nung nấu đã lâu, có tiếng thở dài của khối nước sắp biến thể. Nước đã lên tiếng để nhắc người ta nghĩ đến nó.

Cụ Ấm cũng thở đánh phù một cái, như khi người ta được gặp lại bạn cố nhân sau nhiều giây phút mong chờ.

Cụ khẽ nâng vuông vải tây điều phủ trên khay trà gỗ trắc có chân quỳ. Nhẹ nhàng, khoan thai, cụ Ấm nhấc cả đĩa dầm, chén tống, chén quân ra khỏi lòng khay. Đến lúc dờ tới cái ấm con chuyên trà thì cụ kềnh càng hơn. Cụ ngắm nghía mãi chiếc ấm mầu đỏ da chu, bóng không một chút gợn. Dáng ấm làm theo hình quả sung và khi luyện đất co vào lò lửa, người thợ Tầu lấy dáng cho ấm kia đã là một người thợ có hoa tay. Cụ Ấm thử mãi da ngón tay mình vào mình cái ấm độc ẩm, hình như cố tìm tòi một chút gợn trên đất nung để được sung sướng hoàn toàn sau khi nhận thấy cái ấm độc ẩm kia là nhẵn nhụi.

Nước sôi già lắm rồi. Nhưng thói quen vẫn bắt cụ Ấm rót thử một chút nước xuống đất xem có thực là sôi không. Mở đầu cho công việc vụn vặt trong mỗi ngày tàn còn lại, ông già đã sợ nhất cái ấm trà tầu pha hỏng lúc sớm mai.

Từ trên bề cao cỗ sập, dòng nước sôi trút mạnh xuống nền đất trịn, tiếng kêu lộp bộp.

Trên chiếc hỏa lò để không, cụ đã đặt thêm một ấm đồng cò bay khác. Những người uống trà đúng cách thức như cụ Ấm bao giờ cũng có ít ra là hai ấm đồng đun nước. Ấm nước sôi nhấc ra khỏi lò than là đã có chiếc ấm thứ hai đặt lên đấy rồi. Và hai ấm đồng đó cứ được mãi mãi thay phiên nhau đặt lên lò đỏ rực, nếu bữa nước trà cứ kéo dài không hết hồi. Như thế lúc nào người ta cũng có một thứ nước sôi đủ độ nóng để pha ấm trà ngon.

Nhưng có mấy khi cụ Ấm uống trà tầu một cách tàn nhẫn như vậy. Riêng về phần cụ, chỉ hai chén con là đủ. Nhưng hai chén đó đã được cụ săn sóc đến nhiều quá.

Chưa bao giờ ông già này dám cẩu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Ấm đã để vào đấy bao nhiêu công phu. Những công phu đó đã trở nên lễ nghi, nếu trong ấm trà pha ngon, người ta chịu nhận thấy một chút mùi thơ và một tị triết lý và tâm lý.

Cụ Ấm sau mỗi lần gặp phải một ông khách tạp, uống trà rất tục, cụ thường nói với vài bạn nhà Nho:

– Có lẽ tôi phải mua ít chén có đĩa ở hiệu Tây, để mỗi khi có mấy thầy làm việc bên Bảo hộ tới thì đem ra mà chế nước pha sẵn trong bình tích. Họ thì phải dùng đến cái lối ngưu ẩm. Uống như trâu. Các cụ cứ suy cái lẽ một bộ đồ trà chỉ có đến bốn chén quân thì các cụ đủ biết cái thú uống trà tầu không có thể ồn ào được. Lối giao du của cổ nhân đạm bạc chứ không huyên náo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm thế thì mất hết cả thành kính. Tôi còn nhớ hồi nhỏ, còn là học trò quan Đốc, tôi đã được cái vinh dự sớm dậy, sớm nào cũng như sớm nào, đứng hầu trà cụ Đốc, trước khi cụ giảng bài và chấm cho anh em tập quyển. Nhiều người đã ghen tị cùng tôi và kêu ca với cụ Đốc xin để cắt lượt học trò hầu trà, cho anh em ai nấy đều được chút vinh dự gần gũi thầy và sớm chiều được gần cái đạo của thầy. Quan Đốc mỉm cười. "Thầy giã ơn các anh. Thầy nói thì các anh đừng giận; các anh không pha trà cho hợp ý thầy được đâu. Để thời giờ ấy mà học. Anh Đam – (trước kia tôi là Đởm, sau sợ phạm húy nên cụ Đốc mới đổi tên đi cho) – Anh Đam pha trà khéo thì thầy để cho giữ việc hầu thầy, chứ có phải thầy yêu anh Đam hơn hay là ghét các anh hơn đâu". Bây giờ mỗi buổi trà sớm, ngồi uống một mình, tôi cứ nhớ cái tiếng ngâm của quan Đốc. Sớm nào dậy cụ cũng ngâm một vài bài thơ. Giọng thật rền, thật trong. Cụ hay ngâm mấy câu này: *"Bán dạ tam bôi tửu. Bình minh sổ chản trà. Mỗi nhật cứ như thử, lương y bất đáo gia"*. Một buổi sớm, thấy rõ lòng thầy là vui vẻ, tôi đã mạn phép đọc để cụ Đốc chữa cho bài diễn Nôm: *"Mai sớm một tuần trà. Canh khuya dăm chén rượu. Mỗi ngày mỗi được thế, thầy thuốc xa nhà ta"*. Cụ Đốc tạm cho là được.

Sớm nay, cụ Ấm cũng ngâm thơ. Cụ tin rằng ngâm thơ lúc yên lặng, lúc mới tỉnh giấc là một cách vận động thần khí kỳ diệu nhất của

một người sống bằng cuộc đời tâm tưởng bên trong. Mỗi buổi sớm ngâm như thế là đủ tiết ra hết những cái nặng nề trong thân thể và để đón lấy khí lành đầu tiên của trời đất. Âu cũng là một quan niệm về vệ sinh của thời cũ. Và người xưa uống trà là để giữ mình cho lành mạnh.

Thường hay vấn mình để sửa mình vào những giờ uống trà tầu, cụ Ấm vừa nghĩ đến câu nghìn xưa của thầy Tăng Tử: "Ngô nhật tam tỉnh ngô thân".

Trong nhà cụ Ấm, người ta đã ồn ào thức dậy. Cụ Ấm cũng bắt đầu ho. Chừng như hồi nãy, cụ đã tự nén hơi thở, không dám ho, sợ làm đục mất cái phút bình lặng huyền bí của lúc đêm và ngày giao nhau.

Người con trưởng rón rén lại thỉnh an cha già và mon men ngồi ghé vào thành chiếc sập cũ. Chàng đỡ lấy quạt, nhắc hỏa lò ra một chỗ rộng, quạt mạnh cho hết tàn than.

– Thầy uống xong rồi. Con uống thì pha mà uống. Trà còn đượm hương lắm.

Câu nói này là thừa. Vì sớm nào hai cha con ông Ấm chả dậy sớm để uống trà, cha bao giờ cũng uống trước hai chén và người con cả uống sau nhiều lắm đến ba chén là cùng. Sớm nay, cũng như lúc thỉnh thoảng của mọi ngày, cụ Ấm lại bắt người trưởng nam giở tập Cổ Văn ra bình lại cả bài *Trà ca* của Lư Đồng. Giọng bình văn tốt quá. Điệu cổ phong trúc trắc thế mà con cụ Ấm lại còn ngâm gối hạc bắt đoạn cuối một câu trên xuống luôn đầu câu dưới, hơi ngâm trong và dài. Trông hai cha con uống nước mà y như là một đôi thầy trò vào một giờ học ôn buổi sớm mai. Chuyện vãn mãi về trà tầu, ông cụ Ấm lại mang luôn cả tập *Vũ trung tùy bút,* giảng những đoạn công phu của tác giả – ông Quốc Tử Giám Tế tửu Phạm Đình Hổ – chiêm nghiệm và xưng tụng về trà tầu. Rồi cụ Ấm than tiếc cái mùa thu đã đi mất rồi, để sen hồ rách hết tàn, rũ hết lá.

– Cả ạ, thầy cho nước pha trà không gì thơm lành bằng cái thứ nước đọng trong lá sen. Mỗi lá chỉ có ít thôi. Phải gạn vét ở nhiều lá mới đủ uống một ấm. Hồi thầy còn ít tuổi, mỗi lúc được quan Đốc truyền cho đi vớt những giọt thủy ngân ấy ở lá sen mặt đầm, thầy cho là kỳ thú nhất trong đời một người học trò được thầy học yêu như con.

Trong gia đình cụ Ấm, hồi gần đây đã lập lại cái phong tục uống trà. Có một hồi bần bách quá, cụ Ấm đã cất hẳn bộ đồ trà vào tủ, tưởng không bao giờ được bầy nó ra hàng ngày nữa.

Nhưng trời kể cũng còn hậu đãi người hàn nho, thế nào năm nay, nhà cụ Ấm được mùa cả hai vụ.

– Này Cả, con lên tỉnh mua trữ lấy ít trà Lý Tú Uyên. Năm nay ta ướp thêm vài chục chai để dành. Thủy tiên nhà, năm nay gọt những một lắp đấy. Thầy mua chung với cụ Kép xóm dưới! Độ mai kia thì giò hoa xé hết màng. Củ nào hoa kép thì đem ủ trà.

– Thưa thầy, con tưởng trà cứ để nguyên hương của nó mà uống. Con thấy ông ngoại nhà không bao giờ cho ướp trà mới, bất cứ là với hoa thơm nào. Ông ngoại con bảo chỉ nên ướp, là lúc trà đã đi hương hoặc gần phát du.

Trời rạng dần. Một chút nắng đào lóng lánh trong đám cây đang rụng dần lá năm cũ, một chiếc lại một chiếc.

Đạo mạo trong vành khăn nhiễu quấn dối, cụ Ấm đã chống gậy ra đi.

Cụ quay trở lại dặn người con trưởng đang hí hoáy lau bộ khay trà:

– Thầy vào trong cụ Điều để rồi cùng sang làng bên thăm một con bệnh già. Con bệnh này, tốn nhiều sâm lắm. Đến tối thầy mới về vì thầy phải sao tẩm thuốc sống ở bên ấy cho tiện.

MỘT CẢNH THU MUỘN

– Hình như năm nay thu về sớm hơn mọi kỳ, phải không hở anh Cử?

Mặc phủ ra ngoài chiếc áo the, ông già sáu mươi vừa cài hết hàng khuy hổ phách nơi tà áo chiếc áo lụa ruộm mầu tím than đã bợt, vừa ngẩng đầu hỏi người con thứ hai đang soạn bộ đồ trà cho cha uống tuần nước buổi sớm mai.

Cậu Cử mở qua loa cuốn lịch, thưa lại:

– Thưa thầy, lập thu vào ngày mùng một tháng bẩy.

Nhổ ngụm nước tống khẩu vào ống phóng sứ, ông già sáu mươi kêu: "Thảo nào!" và hỏi tiếp:

– Đến tháng tám này là đúng vào ngày đầy tuổi tôi con bé cháu Tố Tâm đấy nhỉ?

– Dạ, thưa thầy vâng.

– Một năm đủ mười hai tháng. Lên một, Tố Tâm nó chơi đèn được rồi đấy. Năm nay, anh Cử có định bày cỗ cho các cháu chơi tết Trung Thu không?

Giữa lúc ấy, dưới nhà có tiếng trẻ khóc bú và tiếng đàn bà ru con. "À ơ... Tâm ơi, Tâm ngủ đi Tâm... Để mợ ra đầm, gánh nước tưới hoa... à ơ".

Ông già tỳ cùi tay lên gối xếp da quang dầu, vuốt chòm râu bạc, nhìn ra cơn heo may đang lay bức mành và làm gật gù mấy bông cúc nơi chậu cây cảnh ngoài sân. Ông già nét mặt nghiêm trang, bảo cậu Cử:

– Các con gọi tên con cái, nên gọi cho đúng. Tên cháu bé là Tố Tâm thì phải gọi đúng như thế. Sao lại ăn bớt đi mất một chữ. Không thể bảo như thế là tiện, là dễ gọi được. Con nên bảo vợ con, không có người ngoài người ta cười đến ông con mình, đến cả nhà mình.

Cậu Cử vội chạy xuống nhà rồi lại chạy lên ngay. Nói tiếp về việc bày cỗ tháng tám do cha già gợi lên, cậu Cử thưa:

– Đã đến mấy năm nay, nhà ta bỏ mất cái tục lệ ấy. Cứ kể có bày ra lại, nó cũng vui nhà.

Dưới nhà, lại vẳng đưa lên cái giọng ru con ban nãy.

"À ơ, Tố Tâm thừa chút hương trời... à ơ ư".

Ông cụ già bằng lòng. Vì người con dâu thứ ở nhà dưới đã ru trẻ theo cái ý của ông vừa ngỏ với cậu Cử. Cậu Cử cũng hài lòng vì vợ đã tỏ ra là một người đã thuần thục, biết nghe lời gia huấn. Không những thế, mợ Cử còn tỏ ra là người có chút chữ và võ vẽ thi ca nữa. Vì con gái út là một thứ hương thơm bắt được của trời! Câu ru con đượm nồng mùi thơm.

Thằng Ngộ Lang, đứa con đầu lòng lên bẩy tuổi, chạy lên mách với cậu Cử:

– Em Tố Tâm ngủ rồi cậu ạ.

Rồi nó leo lên sập, nhẩy vào lòng ông nội, cũng đòi uống trà tầu. Cái lối chạy lên làm nũng ông nội như thế, ở người thằng Ngộ Lang đã là một thói quen được ông nội thỏa thuận. Ông già sáu mươi yêu cháu vô cùng. Có khi ông lại đọc cả đến những bài thơ chữ Hán để cho đứa trẻ sớm thông minh kia ngồi nhại mình. Nhớ được một hai câu ngũ ngôn ngăn ngắn, nó lại chạy xuống bếp túm dải yếm mẹ và đọc sai gần hết để mợ Cử lại phải phì cười chữa lại thanh âm từng chữ một. Từ khi cụ Thượng Nam Ninh không ở chức tổng đốc vùng xuôi, từ khi cụ về trí sĩ ở Hà Nội tại cái nhà ngói chật hẹp phố Hàng Gai này, thằng Ngộ Lang đã là cả một cái vườn cảnh cho cụ vui cái thú điền viên. Cụ khen đứa cháu cụ là dĩnh ngộ và chiều nó đến nỗi mỗi bữa rượu sớm, mỗi tuần trà trưa, cụ đều cho Ngộ Lang ngồi kèm một bên, tuy đã mấy mươi lần, vợ chồng nhà Cử Hai hết sức van xin ông đừng nuông cháu quá, sợ Ngộ Lang đâm ra hỏng. Cụ Thượng mỗi lúc phật ý, thường bảo dâu và con nếu không để cho cụ như thế thì cụ vào ở trong huyện Thọ Xương vậy. Vợ chồng cậu Cử không biết làm thế nào, đành cứ phải để Ngộ Lang mặc sức quấy và làm nũng ông nội đến thiu cả thịt ra. Cụ Thượng cười và thôi không dọa vào ở trong huyện Thọ Xương, nơi mà người con trai cả ly đã mấy năm nay. Thực tế, cái ý vào ở với cậu Cử Cả, giờ là một ông quan lệnh, ý đó chỉ là một lời dọa. Ông lệnh Thọ Xương đã mấy mươi lần đem cả vợ con đến tòa nhà cũ hẹp phố Hàng Gai để rước cụ Thượng vào trong huyện ở cho mát hơn, rộng hơn. Không trả lời ra sao, cụ Thượng chỉ bảo ông Huyện Thọ Xương:

– Lần sau, anh được lúc việc quan thanh thản, có ra chơi ngoài phố này với thầy, đừng có nên đem lính ra nhé. Ồn lắm. Chúng nó có

sinh vào đời vua Lê chúa Trịnh, thì cho gia nhập thêm vào cái đám Kiêu binh Tam phủ được đấy. Thầy rất sợ hàng phố người ta nói vào.

Mấy lần sau ra thăm cha, ông Huyện Thọ Xương không dám đem mấy tên lính ậm ọe ra theo nữa, nhưng đả động đến việc cũ, thì chỉ thấy cụ Thượng trả lời:

– Thầy ở đâu thì cũng thế. Miễn là được tĩnh mạc, yên ổn là hơn cả. Anh cũng rõ cái tính tôi vốn sợ cái bọn lính hầu cận và lại hay tránh sự giao thiệp. Tôi tưởng vào ở tư thất một huyện nha nó phiền nhiễu lắm. Thôi anh cứ để tôi ở ngoài này.

Ông Huyện Thọ Xương biết cha mình có bụng yêu chú Cử em hơn nên kiếm cớ ra như thế, bèn nói dỗi:

– Dạ, con tưởng hồi trước thầy còn ở chức, sự giao thiệp và đưa đón những tạp khác cũng nhiều lắm và, nhiều không kể cho hết được lại là những cái gai mắt của toán lính hầu cận thầy. Một cái dinh Đốc bộ đường, thưa thầy, sai nha không phải là ít. Vậy mà con không thấy thầy phàn nàn bao giờ cả.

Cụ Thượng hiểu ý, cười:

– Bởi thế cho nên tôi mới thèm đến sự an nhàn lúc được dưỡng lão. Vả lại thầy ở ngoài này nó quen đi rồi. Bao giờ anh được lùi về vườn và nếu trời còn cho thầy sống một vài giáp nữa, ông con ta sẽ ở chung để sửa sang một cái vườn có đủ hoa bốn mùa. Anh không lo rằng chậm. Thôi, cứ để thầy ở ngoài này.

Cụ vừa trả lời ông Huyện Thọ Xương, vừa nhìn ông Cử Hai đứng sau người anh, có ý bảo thầm người con thứ rằng: “Bao giờ thầy cũng chỉ muốn ở với con, bởi vì con có cái tâm hồn giống như ta”.

Rồi ngắt sang câu chuyện khác, Cụ hỏi:

– Các anh có nghe thấy ở các phường người ta đồn về cái tin đức Thành Thái ngự du ra khánh thành cầu Bồ Đề với quan Toàn quyền Đô Mỹ như thế nào không? Chắc ông Huyện thì rõ nhiều hơn là em Cử nó ít được thông tỏ mấy. Mấy nhịp cầu tất cả nhỉ?

Thường mỗi một lần từ chối lời mời mọc chí tình của người con cả, ông già lại có một chuyện đánh trống lảng như thế, để giữ lấy hòa khí trong đám “anh em chúng nó”. Cùng là con cả, nhưng cụ Thượng đã thấy rõ ông Cử Cả, tức là ông Huyện Thọ Xương đương chức kia, là một người có tâm thuật rất hèn kém. Cũng là một giọt máu sinh đôi mà sao ông Cử Cả và ông Cử Hai không giống nhau lấy

mảy may, từ quan niệm nhân sinh cho đến nhất cử nhất động nhỏ nhặt hàng ngày. Cụ Thượng tin rằng một khi cụ trăm tuổi, đi rồi thì ông Huyện Thọ Xương dám làm mọi chuyện phương hại đến gia thanh. Cái người ấy, thường cụ vẫn hạ mấy chữ: vô sở bất chí, những lúc nghĩ riêng mình với mình. "Ta nằm xuống, là thằng này sẽ làm mất hết những chính tích hay trong một đời làm quan của ta. Có ai qua lối hoạn kiều, cho ta nhắn nhủ mấy điều bi ai". Bởi thất vọng về người trưởng nam đã tìm được lối xuất thân, cụ càng nghĩ mà thương và yêu người con thứ. Cũng là thân danh một ông cử nhân có vợ, có con, mà vẫn còn đơn giản như ngày để chỏm. Ông Cử Hai có khoa mà không có hoạn, và cái khoa mục ấy giá không nói ra thì không ai biết. Người có hoa tay, thêm được chút tâm hồn lãng tử, nên ông Cử Hai sống cuộc đời mình như người ta chơi chơi vậy thôi. Người ấy thực là một người không có lấy một giây phút trịnh trọng đối với nhân sinh. Ông ta sinh ra để mà đùa với cuộc sống và bắt đầu từ việc đem ngay cái tài hoa của mình ra mà đùa nhả với sự nghiệp thân thế mình. Hồi cụ Thượng còn ngồi nhậm ở dưới Sơn Nam Hạ, cái gia đình lớn ấy chưa quy về một mối, ông Cử Hai quanh năm đi dạy học ở bốn tỉnh tứ chính Đông Nam Đoài Bắc. Không cần phụ huynh học trò xử hậu hay bạc; không cần địa phương ấy là có đất văn tự hoặc dân ấy là có nếp văn chương muốn cầu học chữ của thầy, có khi tới ở đó ít ngày ngồi giảng bài chưa ấm phòng học, ông đã quẩy khăn gói, tráp điếu lên đường. Người tuổi tác có hỏi, ông trả lời là vì cảnh ở đấy không dung được người. "Bực trượng nhân thử nghĩ: cái gì mà nước chỉ chảy xiết không bao giờ tụ; cây trồng đến ba năm bói không có quả; ớt nhấm không thấy cay; hoa chỉ có mùi thơm về phần đêm; núi chỉ bằng đầu chứ không có chỏm nhọn, và mây trời không bao giờ hiện đủ năm sắc. Cảnh như thế, tôi ngồi mà làm gì. Chữ Thánh hiền không phải ở chỗ nào cũng bố thí được".

Ông Cử Hai đi dạy học, đã lấy cái việc dạy học làm một mưu đồ khẩu mà y như là đi ngoạn cảnh hoặc là đi dâng hương ở các đền chùa cổ tích. Và những lúc mỏi chân phải ngừng ở lại các thôn ổ, ông lại còn thỉnh thoảng ngừng cả cái miệng giảng sách hoặc ngừng chấm nét son lên quyển bài để đề một bức châm lên lá quạt tặng một ông bạn đồng song, để khắc chữ triện và chạm trổ một hòn đá sù sì cho thành một con thạch ấn, để dúng ngón tay chỏ vào chậu mực vẽ một bộ tứ bình thủy mặc có hình đủ bốn thứ cây cỏ tứ hữu: cúc, trúc, lan, mai, treo chơi trên vách đất quán trọ nơi ngồi dạy học.

Gần ngày tết nhất, người trưởng tràng lúc thu xong sổ đồng môn, chỉ khổ lên vì đi tìm thầy. Tết mùng ba, ông Cử Hai đã trốn khỏi nhà trọ từ hôm trước để đi ăn hàn thực và đi hội đạp thanh với các bạn sính làm thơ tức cảnh. Tết Đoan Ngũ, ông lên núi hái lá thuốc, những mong được như hai người Lưu Nguyễn ngày xưa gặp tiên. Tết Trung Thu ông lên Chùa Thầy ngắm trăng Chợ Trời họp trên đỉnh núi Sài Sơn. Gần tết Nguyên Đán, nếu chưa về nhà, thì ông ẩn ở trong một mái đình vắng nào để gọt cho hết một lắp thủy tiên. Cái hành tung của người nghệ sĩ không chịu sống cho người khác và hùa theo với người chung quanh ấy, thực khó mà dò hỏi. Lùng tìm cái dấu bàn chân một chính khách thất quốc lúc vượt bể ra ngoài mưu việc lớn, thực còn dễ hơn đi đuổi theo ông Cử Hai những lúc cái hứng giang hồ ở người ông nổi dậy.

Từ ngày cụ Thượng nghiêm phụ về trí sĩ ở Hàng Gai Hà Nội, ông Cử Hai không tha phương làm ăn nữa. Ông ở riệt ở nhà, chép lại cuốn gia phả, và sao được bao nhiêu pho kinh mượn trên chùa Trấn Quốc cho cha. Thế rồi mợ Cử sinh hạ thêm được con Tố Tâm. Trước ngày ở cữ Tố Tâm, vườn lan nhà cụ Thượng Nam Ninh ở Hàng Gai nở đều mấy chậu vừa Tiểu Kiều, Đại Kiều, Cụ Thượng cha, gọi thế là lan báo hỉ và đặt luôn tên cho cháu gái là Tố Tâm. Mợ Cử Hai, thấy chồng không ra mặt bất đắc chí và phẫn uất với buổi giao thì nữa, chỉ ngày ngày thờ cha già và chơi với Ngộ Lang và Tố Tâm, cũng vui cười hể hả thêm lên và có một hôm đã dám ru con rất to, như rót vào tai chồng:

Ba năm lưu lạc giang hồ,
Một ngày tu lại, cơ đồ vẫn nên.

Thằng Ngộ Lang và con Tố Tâm ngoan vô cùng. Thằng anh rất mến em nhiều khi cắn cả má em để cho em vừa khóc vừa theo, ồn ào và dễ thương lạ. Con Tố Tâm chưa đầy tuổi tôi, mà má đã lúm đồng tiền, mà mắt đã trong như nước hồ thu. Ngắm con gái, tinh hoa đã sớm phát lộ, mợ Cử Hai động đến lòng, buồn. Buồn một cách thoáng qua thôi. Chỉ có một lần thằng Ngộ Lang làm cho mẹ nó buồn sợ hơn hết là một buổi tối, nó vén màn the lên, kéo mẹ nó đến gần cửa song có con tiện, chỉ cho mẹ nó xem một vừng trăng sớm ló bên đầu hồi nhà.

– Mợ ơi, ra đây mà xem ông trăng.

– Ông trăng làm sao?

– Ông trăng đẹp lắm. Có hai cái sừng nhọn.

– Thế thì đẹp gì. Ông trăng có tròn thì mới đẹp chứ!

– Tròn hẳn không đẹp mợ ạ.

Từ lúc ấy, thằng Ngộ Lang cứ vắt tay lên trán như một người lớn suy nghĩ nhiều. Mỗi lần mẹ nó bảo bỏ lá màn xuống cho khỏi muỗi thì nó lại sụt sịt khóc. Và nó cứ vắt tay lên trán nhìn vừng trăng lên mỗi lúc một cao. Ông Cử Hai vừa về, nó nhảy choàng dậy, vui mừng hơn một người đứng tuổi khi tìm được một tâm hồn bầu bạn, nó lôi tay bố nó sềnh sệch đến chỗ chấn song, chỉ vừng trăng bạc có sừng và nói:

– Ban nãy ông trăng khéo hơn bây giờ kia cậu ạ. Ngộ Lang nằm chờ mãi mà không thấy mây che lấy ông trăng của Ngộ Lang. Thế đêm nay có mây không hả cậu?

Vợ chồng ông Cử Hai nhìn nhau hồi lâu và chốc chốc lại liếc qua Ngộ Lang đang đứng bần thần bên cửa sổ có ánh trăng xuyên qua. Người vợ hình như lấy cặp mắt lo lắng bảo thầm chồng: "Tính di truyền giọt máu nhà lại bắt chúng ta cho ra đời một tên tài tử nữa rồi", để cho người chồng nghĩ thêm rằng: "Đời thằng Ngộ Lang rồi cũng chỉ đến lăng băng mà thôi. Cái vừng trăng lưỡi liềm kia sau này còn lôi kéo cái ngây thơ thơ mộng ấy đi xa lắm. Việc ấy cũng là số mệnh định cả và điềm ra như thế, chứ ta biết làm sao bây giờ".

Qua ngày tết Trung Nguyên, ông Cử Hai để tâm vào việc sắm cỗ tết Trung Thu cho hai trẻ Ngộ Lang và Tố Tâm và vợ chồng cũng quên cái việc Ngộ Lang mê cái bóng trăng đêm trước.

Mấy hôm nay ông Cử Hai chạy loăng quăng suốt ngày như là một người bận rộn nhiều lắm. Chốc chốc lại tha về mấy cái mai cá mực, hoặc ít mụn nhiễu đủ các mầu tươi thắm và bao nhiêu là giấy hàng mã cùng là que nứa và dây lạt. Ông Cử Hai, một người tài hoa giang hồ, đến cái tuổi chán sự bay nhảy và hằn học với hiện tại, đã nghĩ đến chuyện vui cùng gia đình. Người ấy đã hồi tâm lại, mong gây cái êm ấm cho gia đình vào một ngày tết của con trẻ. Người ấy ít ngày trong cữ cuối tháng mạnh thu, đã đi kiếm các vật liệu để làm cho lũ con một cái đèn xẻ rãnh. Từ trước tới giờ, cái người ấy có sao Thiên Cơ chiếu vào hoa tay, chỉ đi làm đèn xẻ rãnh ở những chỗ đầu sông ngọn nguồn cho các thứ trẻ con thiên hạ, hồ mong trả cái nợ áo cơm cho những kẻ dung nổi mình vào những ngày tháng bẽ bàng mà người ta chỉ sống khắc khoải để thở cho dài một hơi men nồng.

Mấy ngày liền liền, ông Cử Hai nghĩ mãi tìm một cái đầu đề mới lạ, để làm đèn xẻ rãnh. Hay là lấy sự tích Tam Quốc ra làm? Ông không thấy hứng lắm bởi vì đã đến ba bốn lần ông mượn tích Tam Quốc rồi. Người ta còn nhắc mãi đến bây giờ cái đèn xẻ rãnh của ông hồi mấy năm về trước, diễn cái tích "Triệt Giang phò A Đẩu" lúc Triệu Tử Long nhẩy sang thuyền Tôn phu nhân trên sông Ngô, trông cứ như thật. Cái tài làm đèn xẻ rãnh của ông được nổi tiếng truyền ra xa rộng qua một vùng Kinh Bắc là từ cái đèn "Triệt Giang phò A Đẩu" ấy. Cái tác phẩm ấy, ngày nay ông Cử Hai không còn nhớ ra được là đã vào tay ai. Đến cái hình hài ông vào hồi ấy cũng còn là chuyện bỏ qua, huống hồ là một công trình tiểu xảo ấy thì ai đi nhớ mà làm gì.

Mấy hôm nay ông nghĩ đầu đề làm đèn xẻ rãnh cho thằng Ngộ Lang, thực khó hơn là tìm vần thơ gieo cho một bài bát cú phú đắc. Chưa biết nên diễn cái tích gì, ông hết ngày ấy sang ngày khác, chỉ ngồi bóc sẵn hạt bưởi và chẻ những hạt na ra từng hai mảnh một. Hạt bưởi xâu vào que phơi khô, tức là những cây nến cắm vào đèn giấy cho lũ trẻ nghèo chơi đèn ngày rằm. Hạt na phơi nỏ nắng, sẽ là những cái đóm rất tốt, rất thơm cho người ăn thuốc lào với sự tiết kiệm và gọn ghẽ. Hút bằng ruột gà khét lắm.

Cụ Thượng nướng đỏ cái tiêm sắt vào ngọn đèn thổ hà, xiên mũi tiêm nóng vào lòng mảnh hạt na, hút một điếu thuốc lào, thở khói phào. Mảnh hạt na vừa tàn thì tro thuốc nơi nõ điếu cũng vừa tụt gọn vào điếu. Gọn gàng và ngon lành đến thế là cùng.

Cụ Thượng hỏi ông Cử Hai:

– Thế anh đã nghĩ làm đèn như thế nào chưa?

– Con định hỏi lại thầy về cái tích này xem có nên không. Là diễn một tích trong truyện Ngô Việt Xuân Thu, lúc Phạm Lãi đem Tây Thi sang dâng Ngô Phù Sai.

– Ừ, Phạm Lãi gặp Tây Thi giặt lụa ở bến Trữ La, hồi này có thú vị đấy. Nhưng anh Cử định diễn từ đoạn nào? Phải làm những quân gì? Đừng nên làm nhiều quân lắm. Cái sức luân chuyển của tán đèn đốt lửa chỉ có chừng độ thôi. Nếu dùng nhiều quân quá, sức máy gạt ngang sẽ yếu đi nhiều.

– Con đã nghĩ rồi. Cái rãnh chính là dùng để hình dung một con sông chảy từ đất Việt sang đất Ngô. Ở phía bên phải chiếc đèn, làm

một hòn giả sơn hơi cao. Ở rãnh phụ ấy đặt một cái máy gạt ăn vào hai hình quân là Ngô Phù Sai và Ngũ Tử Tư. Ở nơi góc bên trái, cũng ở một cái rãnh phụ nữa, lại một chiếc máy gạt ăn vào một chiếc thuyền ở trên có hình Phạm Lãi ngồi. Ở cái rãnh chính thì có chiếc thuyền lợn. Đây là thuyền Tây Thi tiến Ngô.

– Thế anh cho các quân ấy chạy và gặp nhau như thế nào?

Ông Cử Hai dúng ngón tay chỏ vào cái đĩa dầm sứ có nước, vẽ xuống mặt án thư mấy cái hình phác họa, vị trí của từng quân đèn xẻ rãnh.

– Thưa thầy khi tán đèn quay, thì cái thuyền Tây Thi đi từ phía trái sang phải. Khi thuyền gần tới hòn giả sơn, động đến cái máy gạt có cần thép ăn vào hai quân Ngô Phù Sai và Ngũ Tử Tư, thì hai hình này cử động. Ngô Phù Sai sẽ ưỡn mình ra phía sau như là ngắm kỹ nàng Tây Thi ở trong cái thuyền tiến cống đang đi thấu vào bờ cõi nước Ngô. Còn hình Ngũ Tử Tư thì cử động hai tay như là ôm lấy Phù Sai, can ngăn không nên thâu nhận lấy cái họa Tây Thi. Về phía bên trái cỗ đèn, khi thuyền Tây Thi vừa lướt qua cái trục máy gạt ở rãnh phụ phía trái thì chiếc thuyền con có Phạm Lãi lộn ngược đi khuất vào góc đèn. Thầy nghĩ thế nào?

– Anh dàn quân thông đấy. Thành ra hết... bốn quân Tây Thi, Phạm Lãi, Phù Sai, Ngũ Tử Tư, ừ, bốn quân và... hai con thuyền. Chưa lấy gì làm nặng quá sức quay của tán đèn. Có thể thêm một quân nữa.

– Ý thầy muốn thêm một quân Thái tể Bá Hy nữa, thưa thầy phải thế không? Vâng có cái ông Thái tể nữa vào nó cũng vui trò. Phải thêm một cái máy gạt nữa cho cái ông nịnh thần vong quốc này. Lúc thuyền Tây Thi đến, trong truyện, chính Thái tể Bá Hy ra đón Tây Thi và từ đấy, đã gây được công trạng lớn trong sự đưa Ngô vào đường diệt vong theo đúng cái ý của Việt vương Câu Tiễn.

Cụ Thượng và ông Cử Hai ra công làm năm quân ấy cho chiếc đèn xẻ rãnh lấy tên là "Ngô vương cự gián nạp Tây Thi".

Công việc chả có gì, vậy mà cũng mất đến hơn mười hôm. Ông Cử Hai tìm những mẩu nến bạch lạp rất to cháy còn thừa lại trên đầu các đèn nến thiếc Sông Ngâu nơi bàn thờ. Và đi lục lọi thêm những mẩu khác nữa trong tủ để cho nó đủ. Mẩu nến của những kỳ giỗ xa xôi còn lại, vẫn chưa mất hết hẳn những giọt nước mắt sáp

của những ngày hương đèn năm trước. Ông Cử Hai đem đốt chảy và hợp thành được một tảng sáp lớn. Ông chuốt quân đèn xẻ rãnh và lấy sáp này làm cốt cho quân. Cũng may mà những mẩu sáp thừa kia đủ dùng, chứ không thì cũng hơi rầy vì cái khoản vật liệu này. Độ này nhà túng lắm, mọi việc mua bán đều phải lấy sự tiết kiệm làm đầu. Đã hay rằng ông Huyện Thọ Xương vẫn có đưa ra luôn để cấp thêm vào việc chi tiêu trong nhà, nhưng ông Cử Hai vẫn lấy thế làm phiền.

Thế là tạm xong được mấy cái cốt hình người. Bây giờ mới bắt đầu làm đến đầu người, mặt người. Thằng Ngộ Lang ngồi chồm hổm bên cạnh bố, hỏi luôn miệng:

– Tại sao cái mặt này cậu để trắng, cái mặt khác lại có hai chấm đỏ và cái mặt kia cậu lại bôi đỏ hết cả đi?

Cụ Thượng đang ngồi lấy mụn lụa xanh đỏ bó thành áo xiêm cho quân sáp, cười và bảo:

– Cháu đừng có nghịch thì mới chóng có đèn chơi. Mặt trắng là quan văn. Mặt đỏ là quan võ. Những người trung thần nghĩa sĩ cũng đều mặt đỏ cả. Người phản nịnh thì mặt trắng có điểm mấy vệt đỏ.

Ngộ Lang ngồi như nghĩ, chỉ vào lũ mặt người:

– Thế ra ông làm cho cháu một cái đèn có cả người nịnh và người trung, quan văn và quan võ đấy à. Sao ông không cho quần đèn mặt đỏ tất cả đi?

Ông Cử Hai để công nhiều nhất khi gọt đầu người bằng mai cá mực, gọt đến mặt Phạm Lãi và Tây Thi. Nàng Tây Thi phải có khuôn mặt đẹp, đó là lẽ tất nhiên. Nhưng nghĩ đến cái thú vị của một đời người như lúc Phạm Lãi dám bỏ lại sau mình cả một cái giầu sang nhất thì, đi chu du ngũ hồ, nghĩ đến phút ấy trong cái sinh bình một người cổ tích, ông Cử Hai cũng làm luôn cho Phạm Lãi một cái mặt rất đẹp, cấy vào đấy một bộ râu năm chòm đen nhánh. Ngộ Lang cũng tỏ ý thích cái đầu Phạm Lãi và cả cái đầu nàng Tây Thi nữa.

Cái đèn xẻ rãnh đã hoàn thành. Cái tán đèn xẻ rãnh to quá. Phải thắp đến mười con bấc nơi đĩa dầu sở, cái sức mạnh của lửa mới quay chạy được tán đèn. Ngày đầu tháng tám, ông Cử Hai đem đèn ra thử.

Có người học trò cũ ở Sơn Tây về qua Hà Nội, biết ông Cử Hai có con, đem đến biếu thầy học cũ một cái bánh dẻo mặt trăng, mặt bánh to một thước, thế nào lại nhằm ngay vào giữa hôm ông Cử Hai thử đèn

xẻ rãnh. Ông bày đèn ra sân, đốt đèn... xoay vòng theo chiều thuận, một tán xoay theo vòng nghịch. Đèn chạy hai vòng quân, một vòng trẩy đi, một vòng trẩy về, vui mắt lạ! Lại còn đèn cá và thiềm thừ nữa.

Mợ Cử Hai, ngâm sẵn một vại ốc và bửa những quả bưởi rất khéo, cốt giữ nguyên vẹn lần vỏ, trổ vào vỏ những hình trám thủng, để hôm sau con nó cắm vào trong vỏ bưởi những cây nến hạt bưởi khô, thắp lên rồi tha hồ mà lăn tròn cái thứ đèn cù ấy trên mặt đất.

Ông Cử Hai tìm lên vùng Hồ Tây đặt rượu sen thứ có tăm.

Chưa bao giờ cái tết Trung Thu nhà ông Cử Hai nhộn nhịp đến thế.

Tháng giêng – tháng mười 1939

Vang bóng một thời,
Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1940.

TÙY BÚT

(Trích)

MỘT LÁ THƯ KHÔNG GỬI

Hà Nội không điểm,
niên hiệu sở Bưu chính

Anh Ngh.

Trong ba tháng nay, tôi gửi cho anh có đến bốn lá thư mà không thấy anh trả lời. Thư đó đều gửi về hội sở Ái Hữu Đông Dương ở Paris. Tôi chắc anh lại đi làm tầu rồi. Hồi gần đây anh chẳng viết cho tôi: nếu cái hộ khẩu ở trên cạn chật vật lắm thì anh lại tìm việc trên mặt nước là gì? Và anh có nói rõ rằng một thủy thủ tầu kia muốn nhường cho anh chân giặt là quần áo trên chiếc tầu lớn nối Le Havre và New York. Đi Mỹ! Khoái nhỉ. Những nghe không thôi mà trong người tôi đã giậm giật. Tôi đâm ghen và ghét anh. Vì anh hơn tôi nhiều quá. Trong việc cậy cục, xoay sở đi ra ngoài tôi nhận ra anh gặp nhiều cái may mắn. Nói lại chuyện cũ. Anh còn nhớ cái đêm tiễn hành? Anh đứng trên boong tầu Jean Laborde, tôi đứng dưới kè đá Sáu Kho. Chốc là hai ba năm.

Anh được vui với xê dịch, có khi thờ ơ với thời khắc qua; nhưng người phải chôn chân đứng chết một chỗ với lòng hoài vọng trung thành, người đó thấy ngày tháng dài và nặng như ngày tháng của tội nhân bị khổ sai có kỳ hạn. Cái thằng được đi thì lại cứ được đi mãi; còn đứa phải ở nhà thì lại cứ phải mòn héo với cái tủn mủn một cuộc đời hẹp hòi. Anh có biết anh làm khổ tôi một cách vô tình, mỗi khi anh đi qua một xứ lạ, nhớ tôi, gửi về cho hoặc một tấm ảnh, hoặc một lá thư? À những con tem bản xứ ấy đã làm tôi bần thần. Anh gửi cho tôi bao nhiêu thư và ảnh từ trước đến giờ, tôi đều giữ gìn và lấy chỉ đỏ buộc chúng lại thành một tập. Tôi xếp thư theo thứ tự ngày tháng nhận được và để vào trong một cái hộp xinh sắn. Một gã phong tình sưu tầm thư bạn gái cũng không có thể âu yếm và thận trọng hơn được. Thỉnh thoảng nhớ đến anh tôi lại đem thơ cũ ra đọc.

Tôi, lúc ấy, theo dõi bước đường đi của anh qua những dòng chữ viết bằng thứ mực thay đổi màu luôn. Những mảnh giấy anh dùng làm giấy viết thư kể lể với tôi nhiều lắm, về sự luôn luôn đổi chỗ ở của anh. Trên đầu giấy viết thư có sẵn chữ in, lúc thì tôi thấy đó là tên một thương thuyền, lúc thì lại là tên một khách sạn ở một cảng lớn nào. Và giấy thư in ấy mỗi lần tôi hồi hộp nhận được, lại mang tên một lữ điếm mới hay là tên một tầu buôn chạy một con đường bể khác. Cứ như đấy mà suy tưởng, thì ra không mấy khi anh sống luôn lấy độ ba bốn tháng liền trong một hoàn cảnh. Đến một nơi, gửi lại đấy chút ít bản sắc của mình, để rồi lại đi. Đi cho thực nhanh với mọi kỷ niệm mang theo của nơi vừa rời bỏ. Nếu một ngày tới, có thể trở lại được với cảnh cũ để đọ bàn chân mình vào ấn chứng của thời đã qua, thì càng hay. Bằng không, thì cũng không sao. Người bộ hành, không quê hương, không biết biên thùy của xứ sở, không có chương trình ngày mai, mấy khi định được cái bước của mình. Có bao giờ hắn tự chủ được bước đi. Bắt một thằng phiêu đãng phải hẹn đúng ngày trở lại, khi hắn chống gậy lên đường, hắn sẽ lúng túng, ngập ngừng, như một gái mãi dâm bị người ta căn vặn về quá trình trụy lạc.

Anh vừa đi, vừa triết lý. Những lời trong thư, nhiều chỗ xác đáng lắm. Tôi không nghĩ khác. Cứ ngồi ro ró trong gian buồng kín, bất kể đến thời tiết đổi thay chung quanh mình, người ta không làm gì có được tư tưởng phóng khoáng về đời giang hồ. Mặc dầu người ta là nhà viết tiểu thuyết có tiếng là một ngòi bút sắc phụng sự cái trí tưởng tượng lớn lao. Nghệ thuật người đó cao đến bực nào đi chăng nữa, người đó cũng không dám ngồi để nghĩ và tả sự giang hồ nếu, ít ra, người đó đã không sống những phút bồng bềnh. Phải sống với du lịch đã rồi hãy nói tới du lịch. Như anh chẳng hạn.

Đứng về phương diện một người lấy sự hoàn toàn phát triển giác quan của mình làm lẽ chính cuộc sống, tôi không cho gì thiệt thòi bằng trung thành với một chỗ ở.

Giống ớt quý cay đến chảy nước mắt, trồng mãi trong một khoảng vườn, có ngày chỉ sinh ra những quả nhạt nhẽo. Tình yêu của nghệ sĩ rất đằm thắm kia sẽ chết và biến thể nếu người ta lấy sự vĩnh viễn trung thành của hôn nhân trong tình yêu duy nhất ra để trói buộc nó. Đấng tài hoa sinh ra không phải chỉ để yêu một người đẹp hay một cái đẹp. Cõi trời đất có vô vàn tác phẩm. Vả chăng miếng cao lương, ăn lắm đâm ra nhàm. Phải thay thực đơn đi.

Thay thực đơn cho dạ dầy, thay thực đơn cho giác quan. Trong cuộc sống, tôi muốn đừng bao giờ ngày hôm nay của tôi lại giống hệt ngày hôm qua. Có tấn kịch nào dài độ năm sáu lớp mà bấy nhiêu đào kép cứ hoạt động trong một cảnh bài trí? Mà người ta vẫn chịu được không?

Sinh thú của người là hưởng cho nhiều cái bất thình lình và mọi cái không chờ đợi. Tôi muốn mỗi ngày trong cuộc sống của tôi phải cho tôi cái say sưa của rượu tối tân hôn. Mỗi một ngày tới lại đem cho ta một ngạc nhiên nó bắt trí tò mò làm việc Khi nào mà người ta không biết sửng sốt nữa thì chỉ còn có cách trở lại nguyên bản của mình là bụi bặm. Một đấng Cứu Thế kia đã chẳng ví chúng ta với bụi bặm là gì.

Cái nhạt nhẽo trong cuộc sống, có lẽ rất rõ rệt khi mà ta cảm thấy như gần đi tới độ chót của con đường sống.

Trong cuộc thi đường trường *cua rơ* kia buồn rầu, một khi hắn đến được đích. Hắn sẽ không còn được hưởng sung sướng của phút lấy gối và gò mình trên yên xe, rút vòng bánh. Hắn chỉ thấy thú vị khi đích chỉ như một bóng ma đẹp dử hắn trên chiều dài đường đất và giây phút đích càng lùi sâu, hắn càng sống nhiều, sống gấp đôi, gấp ba, gấp trăm người khác để gắng gỏi, để thèm muốn. Rồi có một phút kia, hắn tóm được đúng đích. Đấy, chính trong lúc ấy là hắn lấy làm chán cho đời hắn lắm. Vì trên mọi hoan hô ầm ỹ, hắn thấy cuộc biểu diễn đã kết liễu với cái buồn tênh, với cái tẻ ngắt của công việc đã hoàn thành. Bao nhiêu sốt sắng, bồng bột của phút đi, đã nhường chỗ cho thờ ơ của phút đã đến.

Đi để mà đến. Đến... nhưng sau đó, còn gì nữa? Hay là chỉ còn có lòng khao khát bị bỏ rơi vì ý nghĩa của giới hạn?

Tôi đã nhiều lần khóc rất khẽ để kín đáo chia buồn với một vài người về câu chuyện đi chinh phục trái tim đàn bà. Ái tình đẹp ở chỗ bấp bênh của nó. Nó xây nền tảng lên nhục, lụy và mọi cái gì gọi là bất mãn trong cảnh nghịch. Nó là cái bóng hiện ra để làm khổ kẻ đào hoa trong giấc mơ. Sự chiếm đoạt tình yêu, chỉ đáng kể ở những đoạn chơi hú tim với tâm tình. Nhưng, cái ngăn trở khó khăn cần phải có để cầm hơi người ta, để dứ người ta, bây giờ đã dẹp bằng đi rồi. Thì thiên tình sử chấm dấu hết. Cái kết quả sự chiếm được lòng đã dẫn người ta đến một chỗ rỗng tuếch của cõi lòng. Vì mảnh tình

kia không còn thắc mắc lòng người như vô cùng vô tận của vũ trụ nữa. Người ta đi chiếm lòng yêu với hết thảy say sưa thèm sống. Lúc thành công, lại ngớ ngẩn không biết dùng thắng lợi đó để làm gì. Người ta, lúc này chỉ là một lão tướng đang rúc một hồi còi đồng trên một ngọn ải quạnh quẽ đã phai hết mùi bí mật chiến tranh. Và trước luồng gió đen, lá cờ đắc thắng không lay động. Lòng người ta bóp lại bởi hững hờ, cái bất thình lình trong phiêu lưu đã hết, thì lòng người thèm sống những giờ rạo rực cũng chết mòn. Rồi, đời kẻ ấy chỉ còn là phản ảnh một kiếp tu hành "đã không biết sống làm vui". Mọi thị dục ở người ngủ thiếp đi cả.

Tình cảm đã đi tới không độ thì đời người đã là một sự vô vị rồi trước khi người ta kịp thấy đời là vô vị.

Thế mà có những người không bao giờ phải thổn thức vì chót sống một đời vô vị. Họ vui vẻ trong sự thu nhỏ đời động vật thượng lưu vào cái chắc chắn cơm áo đều đều. Những tiểu sử ấy, không khi nào ghi lấy một chuyện bất thình lình. Một ngày của họ cũng như một năm của họ. Cứ bằng phẳng, êm lặng thế thôi. Ở những cuộc đời có khuôn khổ nhất định ấy thì ngày hôm nay, cũng như ngày hôm qua và sẽ tựa như ngày sắp tới. Đời họ hình như dập đúng thời biểu một ngày đã tiêu lên làm mẫu mực.

Có kẻ sống trọn đời người chỉ biết đi từ nhà mình đến một chỗ nhất định rất gần, rất ngắn. Gót giầy họ mòn trên con đường cũ mèm và cộc thun lủn. Con đường ấy là con đường của mãi mãi. Họ gặp lại bấy nhiêu bộ mặt đã quen thuộc lắm quen thuộc đến nỗi trông nhau mà không thấy nhau và không cần nhớ nhau nữa. Gặp gỡ như thế, có cũng là không. Họ nói những câu đã dùng bữa qua và sẽ nhắc đúng lại trong những ngày tới. Lời nói đối với họ, có khi không phải là để diễn tư tưởng. Họ cầm đến những đồ vật mà sự rờ mó luôn tay đã mài tròn những cạnh góc sắc nhọn. Việc làm không có thay đổi đã đem lại cho họ cái hoạt động của thằng người không có trí khôn và kém bề cảm giác. Bảy tình ở người họ, chỉ là bảy cái bào thai non tháng muốn thổi ra ngoài. Đấng Cấu Tạo sinh ra người ấy để mà đứng im giữa cái lục đục, bồng bột của muôn loài. Đấy là một việc đầy ải dài dằng dặc giữa kiếp hóa sinh. Đấy là một bức tranh tĩnh vật. Trời, – nếu thực có một ông trời trào phúng – Trời đã bắt tội người ấy làm người để nhắc cho chúng sinh biết rằng cứ gì phải tiến hóa theo hai bề thời gian và không gian thì mới là sống. Để lúc

chết, người ta làm cho một mộ chí ở quê nhà, ngoài lũy tre xanh, với mấy lời bình: "Ông ấy sinh năm..., tháng..., mất năm..., tháng... Từ lúc vào đời cho tới lúc ra đời, ông không để lại cho người chung quanh một kỷ niệm. Vì đời ông không có lấy một kỷ niệm cỏn con. Như thế, ông là một người sung sướng. Cũng sung sướng như kiểu dân tộc kia không có lịch sử".

Đấy là những người không bao giờ tôi hiểu được. Phải, chúng ta là hạng người thèm sống, thèm đi, chúng ta là hạng người đem cả một kiếp sống để phụng sự xê dịch, chúng ta hiểu thế nào được họ. Quan niệm trái ngược, người ta thường nhạo tôi: "Thằng ấy dám có cuồng vọng muốn trước bạ đời hắn vào địa dư trái đất". Họ cười, tôi cũng cười.

Bệnh du lịch phát sinh ở người chúng ta tự bao giờ? Mà bây giờ, nó đã đi tới thời kỳ không thuốc thang nào chữa được. Một ông thầy thuốc về tâm bệnh, đã bảo tôi: "Chứng này thuộc về tim và óc. Bốc thang thuốc này thì kể cũng dễ kê đơn. Nhưng tìm được đúng vị thuốc hơi khó một chút. Dược tính phải thuộc về loại âm có chất lạnh. Để cho nó đảm chân hỏa vượng trong người. Nhưng nếu bốc không khéo thì phí cả vị thuốc sống, chết cả con bệnh và lụy cả đến ông thầy. Mà con bệnh đừng tưởng chết yên lành trên giường bệnh đâu. Không, con bệnh sẽ trợn mắt không có ai vuốt cho, trên một mảng bè tròng trành trong vũng nước lớn, hay giữa một dậm cát vàng mà gió sa mạc động lòng thương hại mỗi lúc nổi trận quay cuồng, còn kể công với những kẻ giang hồ qua đấy: *"Thế mà ta đã có công đắp cho hắn một nấm mồ"*. Những vị thuốc này, rút ở những cái gì gọi là thiêng liêng thuần túy của người đàn bà. Thí dụ, gạn được những giọt nước mắt của người vị hôn thê rõ trẻ đẹp trên chiếc gối đầm, đem thả sương mùa thu, rồi cho uống. Hoặc là giọt nước mắt đặc, mặn, đầy mùi trách móc của một bà cụ già đang tựa mình bên cửa củi khô, nhìn mặt trời trụt xuống cánh đồng chiêm. Hoặc là giọt nước mắt loãng và ngây thơ của con trẻ ở trường về, bi bô khi thấy trên thành mâm cơm gia đình có một đôi đũa thừa và một chiếc bát đẹp bỏ không. Ấy cứ uống mấy vị đó, thì khỏi bệnh du lịch".

Có lẽ tôi bị chứng bệnh này vì định mệnh bắt buộc như thế chăng? Một ông thầy tướng, có tài trông người là gọi được đủ thứ sao chiếu mệnh, đã bảo tôi một cách thương hại rằng: "Cứ cái lối lăng băng, lêu vêu, vất vơ vất vưởng, cầu bơ cầu bất của thầy, nhất định

thể nào cũng có sao Thiên Mã cư ở mệnh. Nó cũng như số của đám son phấn lầu hồng, một trăm người là y như đều có Đào Hoa hay Hồng Loan thủ mệnh cả. Đấy, chẳng tin thì khai ngày sinh giờ đẻ cho đúng, già sẽ lấy dùm cho một lá số tử vi có câu giảng cặn kẽ". Tôi kính dâng ông thầy tướng một hồ rượu nhạt và điềm tĩnh đọc khẽ trong óc, bằng trí nhớ, mấy câu thơ Paul Delaire.

Mais les vrais voyageurs sont ceux là seuls qui partent
Pour partir; coeurs légers, semblables aux ballons,
De leur fatalité, jamais ils ne s'écartent,
Et, sans savoir pourquoi, disent toujours: Allons!

Lòng tôi buồn rười rượi, anh Ngh. ạ. Tôi phải tìm cho ra căn nguyên bệnh du lịch. Hay là cha tôi và mẹ tôi đã thổi, đã hà những hơi thơm, những thở nồng phiêu lưu vào một hòn máu đỏ! Nếu thực ý định của hai đấng tác giả đời tôi là thế, thì thực là một sự cuồng dại vô cùng. (Tôi nói câu này với thành kính hoàn toàn của một lòng hiếu). Như thế há chẳng phải là bằng lòng cho tôi làm một điều tối vô ích cho gia đình.

Tôi ngờ rằng bệnh du lịch đã truyền vào người tôi, không phải ở phía mẹ, mà ở phía cha. Hồi tôi còn bé, những lúc thầy tôi xa vắng nhà, mẹ tôi thường phàn nàn vụng trộm về đoạn đời đã qua của thầy tôi. Tôi mới biết rằng ngày trước, thầy tôi không mấy khi ăn tết Nguyên Đán ở nhà, mặc dầu, trong những ngày long trọng đó, mẹ tôi lại còn có những mối phiền về chuyện ở cữ mấy anh chị tôi mà số kiếp chỉ cho làm người trong có một vài hơi thở.

Trong những ngày đó thầy tôi làm những gì? Thầy tôi đi chơi Chợ Giời vùng Hòa Bình, ngâm vịnh trong những lúc nhàn tản ở vùng Chợ Cột, Đông Triều, vào trong Quảng Nam chơi chùa Non Nước, đề đá núi Ngũ Hành. Có lần thầy tôi nặng tình với bạn, đã coi nhẹ lòng quê, và trong một ngày mùng một Tết kia, lang thang với cái tiểu sành đựng hài cốt ông thân sinh ra ông bạn. Kể đến đây, mẹ tôi ngừng lại lâu và kêu: "Sao lại có người lạ thế. Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng. Có đời thủa nhà ai, giỗ tết ở nhà thì bỏ, mà đi bốc mả cho người ngoài". Tôi lại còn biết thầy tôi có lần đi thi hỏng, buồn rồi cứ "ngao du sơn thủy" mãi và một hôm gõ cửa một ngôi chùa nọ. Nhưng nhân duyên còn nhiều lắm, thầy tôi lại đào thuyền. Rồi sau khi đó, "tứ tỉnh đường ngoài" và "ngũ tỉnh đường trong" thầy tôi

đều có in vết chân cả. Mẹ tôi thuật đến đây, lại nghẹn ngào nhấp chén rượu thuốc và kinh sợ nhìn tôi với cặp mắt buồn rầu. Có lẽ mẹ tôi hôm ấy mới nhận thấy trong tính tình và nét mặt của tôi một vài bản sao của cái tâm tính cha tôi. Mẹ tôi buồn như một người đàn bà nhẫn nhục biết trước mình chỉ có sống thêm nữa để mà hy sinh càng nhiều nữa. "Chồng hỡi chồng! Con hỡi con".

Tôi vẫn biết thế, nhưng mà làm thế nào được, vì trong cái sản nghiệp tinh thần di truyền lại cho tôi, tôi nhận thấy phần cha nặng hơn phần mẹ. Câu phong dao *Ba năm lưu lạc giang hồ, một ngày tu lại cơ đồ vẫn nên* mà tôi nhắc đến đây trong một phút thương đến thân quyến, câu đó có thể an ủi cho tôi không, hở anh Ngh. Nhưng mà thảm lắm trời ôi! Mùi khói than đá đầu tầu hỏa tuôn nhiều lên vòm trời, vẫn không buông tha tôi. Mùi than khí của con tầu vẫn cám dỗ tôi hoài. Tôi đã bị một con đường dài và một vùng nước rộng ám ảnh tôi.

Ở một nơi xa hẳn đường xích đạo, khí hậu hồ giống khí hậu bắc phương, mà có những đêm cuối xuân, tôi muốn nhầm lấy được, để tin mình đang sống ở xứ sa mạc, mỗi khi tôi thấy chòm sao sáng nhấp nhánh trên bóng đen chùm lá cọ lặng im. Bầu trời khô sáng và nền trời xanh gắt mầu biếc cánh trả kia muốn biến tôi hóa làm con chim bằng. Nó thúc giục tôi đừng đứng im. Muốn dời đi đâu thì đi, miễn là đừng ở mãi chốn này. Phải thay đổi.

Có một dạo người nhà đòi hỏi tôi nhiều quá, tôi phải khăn gói về nằm ở Thanh Hóa. Dạo ấy tôi ốm, mất đến mấy tháng tròn. Thỉnh thoảng nhận được thư của anh Đ... ở chiếc *Athes II* hay carte postale của anh K... Th... ở tầu *André Lebon* gửi về, lòng tôi lại rạo rực. Anh tính những lúc như thế, thuốc bổ nào cho lại. Uống chén nào vào người cũng như là nước lã lòi qua cây gỗ rắn. Chẳng biết làm gì, tôi chỉ làm thơ tự trào và dở những tập sách mỏng quảng cáo du lịch, nhìn những tranh nhỏ tô thuốc sặc sỡ vẽ hình mũi tầu bể, bánh xe hỏa hay cánh tầu bay.

Hôm đầu tiên tôi bắt đầu lìa được giường bệnh, tôi vội vã chống ba toong ra ga Thanh Hóa. Không phải để nhanh nhẹn nhẩy lên toa xe hỏa với cái khoan khoái của một hành khách đường trường đâu. Những giờ tầu Hà Nội – Sài Gòn hay Sài Gòn – Hà Nội ghé mấy phút ở Thanh, là tôi đã có mặt ở sân ga rồi. Một hôm, hai hôm... năm mười hôm. Hôm nào cũng một bộ điệu. Anh phu kíp, thằng bất

tê, thầy ký soát vé cửa, ông sếp ga, có ý nhìn tôi và phàn nàn sao lại có người đi đón bạn một cách trung thành như thế. Đón ai? Mà hằng nửa tháng cứ túc trực ở ngoài ga. Đời xưa quan địa phương tiếp giá, nghênh đạo ngự cũng không được kiên nhẫn như vậy.

Không, tôi đến đây chỉ để nhìn trong làn khói trắng, tìm hơi thở nhọc mệt của một cái máy chạy rầm rộ trên hai đường sắt.

Đấy là chuyến tầu suốt từ Nam ra Bắc, sớm nào cũng có. Còn buổi chiều tối, tôi lại làm bạn với đoàn tầu đi ngút ngàn về phía xuôi. Ngọn đèn đỏ báo hiệu, móc ở toa cuối cùng, trong phút âm u rời bỏ sân ga, đã kể lể với tôi bao nhiêu cái bí mật say sưa của một con đường bằng đá và sắt vắt trên sông núi xứ sở. So sánh mình với mọi hành khách tươi tỉnh hay nhọc mệt ngồi ló đầu ra cửa toa, tôi yên trí tôi là một người bị lừa lọc và nguyên nhân thiệt thòi về việc du lịch chừng như không phải tôi gây nên.

Sân ga đã trở lại với quạnh hiu. Tôi khổ sở về nhà nhìn mâm cơm để phần. Tôi có cảm tưởng vừa đi đưa đám một người yêu về. Nét mặt tôi cũng đã tỏ cho người nhà biết tôi đang buồn bực. Nhà tôi lại hiểu rằng người ốm chưa lại sức, thường hay có lối ngộ ngộ dại dại như vậy. Ở gần nhà ga, tôi nghe còi tầu rõ mồn một. Có những đêm, sau tiếng còi xé được mây của đoàn tầu bất thường, tôi hốt hoảng tung chăn dậy, mồ hôi chẩy ròng ròng. Những lúc này tôi thấy thương vợ con lắm. Nhà tôi, như anh đã rõ, vốn là người hiền lành. Xưa kia, vì tôi sớm biết đời tôi là gán cho mây, gió và bụi rồi thì có khi nào tôi để lụy cho một người đáng lẽ sung sướng được, nếu...

Lắm đêm tôi bảo nhà tôi bưng lại phía giường cái va ly bầu bạn. Tôi thở hổn hển lau chùi va ly như rửa mặt cho một đứa trẻ chưa đầy năm. Lúc nào tôi mệt thì tôi gục đầu xuống va ly thiếp đi trong chốc lát.

Nhưng thấy nhiều lần như vậy, nhà tôi hiểu rõ tôi chỉ đau bệnh du lịch và thấy tôi lành mạnh dần dần, lại càng lo nghĩ lắm.

Muốn tỏ là người không có ý khêu gợi lòng lo buồn của vợ, tôi không thức giấc dậy để lau va ly nữa. Nhà tôi thấy thế, cũng tạm yên lòng và vui vẻ dần.

Chỉ có một hôm tôi thôi không uống thuốc nữa, muốn kỷ niệm một ngày đẹp, tôi rủ nhà tôi cho cả mấy đứa nhỏ đi chụp chung một bức ảnh. Vợ tôi hỏi tôi một câu mà, thuật lại đây, tôi thấy tội nghiệp vô cùng.

"– Mình sắp đi xa phải không?"

Chao ôi!

Tôi còn nhớ ngay đêm đó, tôi đọc mấy trang sách về cổ học Hy Lạp. Đọc sách để cho tâm hồn được êm dịu mà trái lại, tôi thấy tấm lòng đi trong người tôi càng sôi lên sùng sục như dầu nấu trong vạc. Sách ấy chép phong tục Hy Lạp, ca tụng cái đức hào hiệp của họ trong khi tiếp khách phương xa tới, dù là khách lạ. Về thời ấy, người Hy Lạp có cần biết khách là ai. Trông thấy bụi bám đầy người, biết người ta từ nghìn dặm tới, đãi người ta một bữa thịnh soạn, có rượu nồng, có dê béo, xong rồi mới hỏi một câu thân mật: "Bây giờ, quý khách vui lòng thuật chuyện thấy, nghe được trên đường trường cho ta nghe cùng". Giá tôi được sống vào xã hội ấy, để nói chuyện phiêu lưu nhỉ. Đấy mới thực là thiên đường của bọn lưu đãng. Giá trị của chúng ta sẽ được đặt theo phẩm lượng của từng trải.

Và có lẽ người giang hồ bấy giờ lại đâm ra nhớ tiếc cái thời bị hất hủi kia đấy anh ạ!

Cứ quan niệm thế giới trật tự, một số đông đã gọi chúng ta là quái vật. Lòng tự ái, sự độc lập trong phạm vi tư tưởng đã bảo chúng ta nên coi thường cái vô ý thức đó. Chúng ta yêu chúng ta quá, chúng ta yêu đời chúng ta quá. Vàng ngọc nào mà đem đánh đổi được. Nhưng với cái bừa bãi của đời sống chúng ta, tôi thấy đời quạnh hiu của chúng ta lại còn vắng vẻ thêm một từng nữa, nếu ta không biết gây lấy chút ấm áp cho lòng. Anh có nhiều khi thấy mình tuy đứng giữa một đám đông mà lẻ loi quá chừng? Chúng ta đã đi quá cái trình độ khinh người chung quanh rồi. Chúng ta cũng không thương hại họ nữa. Bởi vì lòng thương hại tuy là một đức tốt nhưng rất tiêu cực. Vả chăng, tôi không dám thương ai cả, cũng như tôi không muốn người ngoài phàn nàn hộ cho tôi. Nếu có phải dùng đến đức tính đó trong một vài trường hợp, thì chúng ta hãy thương hại lấy chúng ta đã. Đời không dung được bọn ta. Cũng như ta không chịu được cái hiện tại của cuộc sống. Tôi muốn chúng ta ở sát cạnh nhau, không cho một bóng ai lẻn vào lòng mình, nếu một mai, tình cờ của cuộc sống cho ta sự đoàn tụ. Rồi trong một mái tửu điếm mà ta sẽ cất nhắc lên làm gia đình của kẻ không có sở cứ, làm nơi câu lạc bộ của bọn lang thang, chúng ta sẽ an ủi lẫn nhau, sẽ đổi cho nhau những nguồn cảm xúc. Vào những buổi chiều xám ngắt, gió lùa mỗi lúc lọt rèm càng

làm mẩu nến rỏ nhiều giọt nước mắt sáp trên nút chai rượu mạnh, chúng ta sẽ săn sóc đến sức khỏe của từng người. Ta sẽ trân trọng đọc những đau khổ kín đáo ẩn dưới vết răn của từng bộ mặt. Ta sẽ nói rất ít để khỏi lấp mất tiếng gọi của thiên thai. Câu nói của người đồng điệu thường có cái nhiệm mầu làm thức tỉnh biết bao thớ thịt buồn rầu ở mình chúng ta. Và chỉ có những người trôi rạt nơi góc bể mới an ủi nổi kẻ sầu muộn chỗ chân mây. Trên bữa tiệc của bọn khách bên trời đang ngồi rũ bụi, trong những buổi âm thầm như vậy, tránh sao khỏi có tiếng đồng vọng buồn bã của con tâm giang hồ bị quấy vẩn lên. Nhưng, hẳn cũng phải có một tiếng cười. Ta nên biết tổ chức những tiếng cười như thế cũng như cách tìm lỗ thoát hơi cho một nồi nước sôi. Muốn giữ vững cái thế giới của ta, ta phải đề phòng những cuộc ngoại xâm, ta sẽ canh giữ cửa vào câu lạc bộ với cả tấm lòng đố kỵ của một đoàn nghệ sĩ đối với giai cấp trưởng giả.

Anh phàn nàn trong thư trước rằng ở Paris nhiều khói, nhiều bụi lắm. Mỗi lúc ngoáy lỗ mũi, nhìn ngón tay trỏ đen sì như một thỏi mực tầu. Thí dụ có dịp về, gặp lại anh em trong câu lạc bộ mộng tưởng kìa, nếu anh ngoáy mũi như vậy cho anh em xem ngón tay, tôi dám chắc nhiều người chưa từng ở Paris sẽ ao ước muốn có những thỏi mực tầu như vậy đem chưng ra để bảo đảm cái giá trị đi xa và nhiều của mình.

Bao giờ Ngh về? Hỏi câu này làm gì? Hay là chỉ để cho anh không trả lời được. Thôi, mệt và mỏi tay lắm rồi. Anh ở bên ấy luôn luôn vui vẻ mạnh nhé.

Ng.T.

Tái bút – Một lá thư dài của một thằng lười viết thư, hẳn phải làm cho anh ngạc nhiên. Nhờ cái va ly Hartmann tôi được trông thấy sớm nay ở một hiệu tây đấy. 450$00! Người bán hàng cắt nghĩa cho tôi nghe, tôi mới biết va ly kia đắt vì nhẹ, không thấm nước mặn, nước không rỉ vào trong được, mặc dầu người ta vô ý đánh rơi xuống bể hay ngâm vào nước để thử hàng năm sáu ngày. Nó cao gần bằng đầu người, mỗi khi dựng đứng nó lên là có cả một tủ áo. Ở trong đựng đủ quần, áo, giầy, mũ, cả mùa nóng và mùa lạnh. Thực là một vật đáng làm bạn với một kẻ giang hồ biết tự trọng. Cái thời này, mang cái khăn gói vải tây điều không thể được nữa rồi. Một đời gió

bụi, đó không đủ là một cớ để người ta nhem nhúa khi ra ngoài. Nếu chúng ta có dịp được tặng nhau đồ vật kỷ niệm, tôi sẽ đan cử cái va ly hòm kia ra. Các khách sạn lớn, các hãng tầu bể, nhà ga xe lửa tha hồ mà dán lên đấy những nhãn giấy in xanh đỏ.

Ng.T.

(Đây là một lá thư xưa – trước đã đăng ở tạp chí Tao đàn dưới cái đề "Thèm đi" – định gửi cho một ông bạn giang hồ. Bỏ quên trong ngăn bàn viết, lúc tìm thấy lại, định gửi theo qua Pháp thì cái ông bạn bồi tầu đã trở về quê hương sống cuộc đời trên cạn với sự yên nghỉ ngon lành, để phản giang hồ, để chửi những ngày phiêu lưu cũ!)

NHỮNG NGỌN ĐÈN XANH
(Thu phân 1939)

25-8 – tuyến điện ARIP truyền tin Đức và Nga đã ký với nhau một bản hiệp ước bất xâm phạm. Các chính khách Anh, Pháp không chờ đợi sự phản bội của Nga. Bao nhiêu người nhận tin này đều hoảng hốt lấy làm không hiểu. Tôi, một người chỉ lờ mờ về môn học lịch sử so sánh lại càng lấy làm không hiểu lắm nữa.

Giáp biên thùy xứ sở, gần ải Nam Quan, tầu bay Nhật vẫn ném bom xuống làng Loòng Cống Chạp và vô tình đã đánh rớt nhiều quả trái phá xuống đoàn xe vận tải dầu xăng do các tài xế người Nam chuyên chở. Biết thêm thế.

Viết xong hai thiên cho tập phóng sự dài nhận viết khoán cho một tờ báo hàng tuần ở đây, đến nay giở tập báo chí ở tây vừa qua kỳ tầu mới, trong tạp chí "Petite Illustration" nói toàn về phòng thủ thụ động, tôi đã để ý đến câu này: "Đứng xa năm nghìn thước, ánh sáng một ngọn nến trông vẫn rõ".

Đêm thu dài có sương lạnh, vẫn tiếng nước vỗ trong lòng điếu bát là ấm áp hơn hết. Đứng lên nằm xuống, lục đục mãi, hút thuốc lào mãi, tôi không ngủ. Nghĩ đến những đêm cũ từ bao giờ, tôi nhớ đến tên một bến nước Tầm Dương, có một con thuyền trống trải, cắm sào cạnh lớp lau già. Tôi cố nhớ lại hai câu thơ của ông bạn cha tôi nhạo người tỳ bà nữ đẩy mãi một con thuyền không trong bóng nguyệt. Phải rồi:

"Thiên nhai không sái không thuyền lệ
Bất giá thương nhân khả nại hà".

Tôi vặn to đèn, vớ số báo Carpouillot cũ, bàn về một niên hiệu lịch sử: Tháng chín năm 1938. Nói về việc Tiệp Khắc bị thôn tính ở đấy, Jean Bernier viết như thế này: Không nên tính việc chính trị ngoại giao như là tính việc tâm tình. Lòng yêu và tình bè bạn, bụng quân tử và sự trung thành không có dính dấp gì đến sự cầm đầu cho một nước, ở nước mình cũng như ở nước khác". Thế rồi, tôi hiểu cái đại thể sự giao hiếu giữa các nước, một buổi chiều, một buổi sớm quốc tế. Câu chuyện các nước chư hầu phò Đông Chu Liệt Quốc, cũng tợ như thế. Lịch sử chỉ là một sự mãi mãi bắt đầu.

26-8 – Như mọi buổi sớm, tàn ấm trà buổi mai, tôi mở tờ nhật báo xem các nhà thuyết khách đủ các mầu da đã dẫn văn minh nhân loại đi tới đâu. Từ tháng bảy năm 1937, Nhật bắt đầu cướp Thượng Hải, phá bến Ngô Tùng, xem tin tức láng giềng đã hồ thành một cái nghiện. Trà uống ít lâu nay không đậm hương. Một phần nữa cũng vì đấy là thứ trà tầu nội hóa. Núi Vũ Di Sơn, nơi trồng trà độc nhất của Trung Hoa đã là một đất căn cứ dụng võ của Nhật tại vùng Nam Hoa rồi.

Cuốn tiểu thuyết dài phải đưa gấp cho một nhà xuất bản mà tôi đã nhận hết tiền đưa trước, định lấy nhan đề là "Bừa bãi", vẫn chưa được một dòng mở đầu nào. Dẫu sao tôi vẫn tin rằng đó không phải là tang chứng của tính lười. Người ta – thứ nhất khi người ta là một tâm hồn Việt Nam của năm 1939 – chẳng nhẽ chỉ biết có văn chương? Và làm văn thôi? Tôi là người rất thích phụng sự cho Văn Nghệ. Nhưng có nhiều băn khoăn khác đã lẻn vào lòng một nghệ sĩ từ khi, thêm vào thời bệnh, chúng ta còn nhận thấy cái thắc mắc về thời cuộc nữa. Kìa từ đâu thổi về, hơi gió vàng đã để chỗ cho trận gió cuốn cờ; vừng sao trên đỉnh đầu đã thêm đuôi dài lóe sáng như đuôi ngôi sao chổi, và chỗ chân trời gợi hồn thơ xa mộng của mọi ngày, mây đóng thành kéo rộng một mầu tang thê thảm, hung hăng.

Tôi tìm đến các nhà bạn thân. Anh Hồ cùng mấy người quen, đang bình bài thơ *Con Quạ* của Edgar Poe và khen mãi cái điệp vận: *chẳng bao giờ* càng dùng nhiều, càng thêm thanh âm đìu hiu cho tứ sầu bài thơ bất hủ của đứa con nước Hiệp Chủng Quốc.

– Điệp vận "chẳng bao giờ" ở nguyên văn là Never more, âm ở nguyên văn, đọc theo âm chữ Anh, réo rắt vô cùng.

Tôi lại tới nhà anh Vượng, ở đấy người ta cũng đọc thơ.

Bài thơ mới của Lưu Trọng Lư:

"Em không nghe rừng thu,
Dưới trăng mờ thổn thức!
Em không nghe rạo rực,
Hình ảnh khách chinh phu.
Trong lòng người ly phụ".

Ngồi thẩm âm mấy lời nhẹ nhàng, đi sâu vào lòng như tiếng đàn ma luyện, tôi vẫn thấy không đoạn tuyệt được với thú nghe bình thơ làm thơ. Nhưng ở vào phút nghiêm trọng này của một thế

hệ, tôi muốn người ta ngồi lên yên con ngựa chiến ô lĩnh mà gieo một vần thơ hòa nó vào tiếng trống dục bóng trăng thanh rớt xuống một mặt thành.

Nhật báo ở kinh đô phát hành từ buổi sớm, tối nay cho máy Linotype ra một tờ phụ bản đặc biệt phát không, truyền cái tin vùng Thất Khê bị bom Nhật thả lầm vào xóm chợ, một buổi sớm chợ phiên đông người họp.

Cái tên bác sĩ gì nghe nói đã mua máy rotative rồi, và được phép ra tờ nhật báo mới, còn đợi gì mà chưa bắt ngay lấy thời cơ.

Chửa bao giờ người ta làm báo thông tin mà phát tài như hồi này.

Mùi diêm sinh đã phủ tà tà lên chốn địa đầu xứ sở.

Người đi ngoài đường tăng thêm gấp mấy ngày thường.

Mấy cô bạn gái hỏi tôi có muốn mua các thứ vải tây cống hay cát bá thì đến ngay tiệm người Chà các phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường mà mua. Giá rẻ lắm. Một hào một thước. Người ta giảng nghĩa rằng: "Đây là cái lò vải trắng không bán được trên vùng Đồng Đăng Nam Quan bị ế nên họ mang về đây định bán non đẩy già đi. Người Hoa Kiều vùng trên ấy không dám mặc đồ trắng. Mặc đồ trắng nhởn nhơ nơi biên thùy là ám hiệu của bọn Hán gian gọi phi cơ Nhật".

Tôi lang thang, muốn làm khách không nhà trong đêm nay.

Phố Henri d'Orléans, Hàng Đậu, phố Nhà Thương Khách, đèn đường đã thay bóng trắng, đổi ra bóng xanh. Bây giờ là những ngọn đèn xanh lè ánh sáng lạnh thấm lạnh đến lòng bộ hành.

Đêm nay viết lấy sáu trang cho bài truyện ngắn, đưa nhà in xếp kịp tờ báo ngày kia lên khuôn lớn. Đấy là một đoạn tình. "Chàng" và "Nàng" hờn nhau và làm nũng nhau suốt mấy trang bản thảo.

Lòng tôi sao xuyến như thế mà viết được những dòng êm và mơ mộng như kia, tôi thấy lối trứ thuật của tôi đã hết chỗ hợp thời.

Người ta dù là nghệ sĩ, há chẳng nên sống với thời đại, trong lúc rầm rộ này?

Mấy hôm trước, tòa Đốc Lý mộ người tình nguyện giúp việc phòng không trong thành phố, tôi đã đùa với ông bạn công chức kia: "Chuyến này được làm phu cáng gánh người bị thương ngoài

phố, chúng ta có vứt đi cũng không hết đồng hồ Oméga trong các túi nạn nhân".

Tôi đã nhận thấy cái vô liêm sỉ của một câu nói đùa.

Chủ nhật 27-8 – Giấy yết thị phòng thủ thụ động dán đầy mặt tường các ngã ba, ngã tư dạy người trong tám hộ nên như thế nào lúc giữa đường gặp nạn binh hỏa.

Mấy tờ nhật báo đều ra số đặc biệt ngày chủ nhật.

28-8 – Ông Thống Sứ Bắc Kỳ De Tastes bị rời sang Quảng Châu Văn. Ông Toàn quyền Brévié, người lữ khách đặc biệt của tầu buôn Président Doumer vẫn chưa về Tây được. Chiếc thương thuyền bị giữ ở bến Tân Gia Đại, tướng Catroux quyền Toàn quyền Đông Dương phải nghỉ ở Rangoon vì chuyến tầu bay của ngài gặp gió bão, phải ghé một cách bất thường trên đất Diến Điện.

Vua Bảo Đại đánh điện bảo cho thần dân trong nước chỉ nên bình tĩnh.

29-8 – Ban kiểm duyệt báo chí, sách đã thành lập.

Bản thông cáo nhà đương chức truyền cho dân gian phải trình báo ngay, mỗi khi thấy tầu bay lạ mặt hạ thổ.

Lòng tôi rộn ràng. Đi tìm những bạn thân để nói ít chuyện tâm tình, không được gặp lấy một người. Ra họ cũng ra đường hết cả. Ai mà ngồi yên một chỗ được trong lúc này. Tôi lại thẫn thờ dưới dẫy bóng đèn điện xanh lè. Đêm khuya, bên ngọn đèn xanh riêng ở nhà, tôi lại viết một truyện ngắn nữa. Đã chán chưa.

Lúc ban chiều nhà in giục tôi phải đưa cái truyện ngắn cho sớm hơn mọi kỳ, vì bây giờ phải đưa bài ra ty kiểm duyệt. Trời ôi! Cái loại trứ thuật của tôi hiền lành lắm mà! Trong sáu bảy trang giấy mỗi kỳ bài báo. "Chàng" và "Nàng" chỉ là những cái mơ mộng khóc một bông hoa rụng, nhìn một dòng nước chảy dưới gậm cầu. Tôi gục đầu xuống thành án thư lấy làm xấu hổ nhiều với công việc quá êm ả của mình. Rồi trên cái văn kỷ, ngòi bút trở nên ngần ngại. "Chàng" và "Nàng" hôm nay biết nên làm cái gì bây giờ!

Cuốn "Les secrets de la Censure" và "Les dessous de la Guerre" của Paul Allard đọc, giờ sao hứng thú đến thế. Sách của Robert

Boucard và những bài có cái tên ký Jean Bardanne chẳng hạn là những món ăn thích hợp nhất cho tinh thần.

30-8 – Bạn tôi đang ngồi đề bài tựa cho một cuốn truyện dài theo lời yêu cầu của một bạn nhà văn sắp ra sách. Việc làm anh hùng nhất của tôi trong ngày ấy là đã cầm tập giấy đề tựa đẹp như giấy hoa tiên, vứt tõm vào giỏ giấy. Bạn tôi và tôi to tiếng. Thớ thịt tôi sau cơn xung đột, càng buồn rầu như chưa bao giờ thấy. Bức gia thư, gọi tôi nên sớm khăn gói mà về, càng làm cho tôi khó chịu.

Những cửa hiệu bán đồ thực phẩm mở sổ hàng tháng đã ra giọng đóng sổ bán chịu cho tôi.

31-8 – Người bạn gái vẫn ứng tiền cho tôi mượn tiêu trong những ngày túng thiếu vặt, đã phàn nàn rằng mấy bát họ cô cầm cái vừa khê hết. Đấy là một triệu chứng trong sự khủng hoảng về tín nhiệm.

Cái gia đình nhà dưới đang túi bụi gói ghém quần áo về quê. Chiếc bồ năm xu mọi ngày, giờ tới một hào. Họ không quên đem cả hai con sáo mỏ vàng chân chì đi theo. Con sáo biết nói, càng nói nhiều hơn mọi ngày. Trong cuộc sống, con chim linh điểu ríu rít cũng còn biết vội vàng.

1-9 – Anh bạn ở chung với tôi, có người ý trung nhân lại chào để mai sớm theo mẹ về quê lánh nạn. Tôi ngắm kỹ hai cái nửa ấy của một khối chung tình. “Nhất cá thị thiếu niên khách; nhất cá thị thiếu niên hôn”.

Không khí có nhiều sóng điện mấy bữa nay giục người ta nên sống cho nhanh, nên yêu cho vội vàng. Yêu trong tâm hồn không đủ. Phải yêu cả bằng xác thịt mình ghép chặt lại làm một với xác thịt của người yêu. Kẻo nữa lại hóa chậm quá. Biết đâu ngày mai chẳng là không có bao giờ nữa.

Tôi mặc quần áo bảo bạn: “Đêm nay tôi không ngủ nhà. Anh đừng đợi cửa. Tôi gửi lời chào chị Mai về quê với cụ cho được bình yên”.

Hai người trẻ, đẹp, trong sạch ấy nhìn tôi bằng bốn con mắt cám ơn.

Đêm nay tôi ngủ lại một tiệm thuốc của một bà đầm phố Bắc Ninh vợi hết hai cối đồng nhựa, tôi nghĩ đến cái gian ác ở nhà đang biến thành một cái phòng khách sạn cho thuê trong đó có hai người trẻ trung đang hòa nước mắt để làm rượu nồng tối tân hôn. Tôi lại

nhớ lại những cảm giác năm cũ. Hà Nội phòng không lần thứ nhất, đêm 30-9-38.

Mấy người nằm ăn thuốc buồng bên nói chuyện ở Hải Phòng, đèn đường vừa mới thay toàn bóng xanh! Và họ chung nhau thuê riêng cả chiếc xe car mới về được đây. Ra họ vừa mới đến Hà Nội và cũng tìm đến a phiến để trấn cái hồi hộp trong lòng.

– Đáng lẽ mai mới là chính kỵ. Nhưng bà tôi làm giỗ trước đi một ngày để họ hàng gặp nhau cho đông. Giỗ xong là bà tôi và chúng tôi ra xe. Vừa mới tới! Tôi có bảo bà Huyện cùng ngược luôn, nhưng bà ấy còn vướng một lũ địu, nên chưa chịu ngược.

– Cứ nháo lên như thế chứ đã việc gì. Bác có nghe lời sấm cụ Trạng Trình: Long vĩ, xà đầu khổ chiến tranh, can qua xứ xứ khởi đao binh...!

Long vĩ, đuôi rồng tức là cuối năm Thìn; xà đầu, đầu rắn là tỵ, đầu năm Tỵ, cuối năm Thìn thì mới có việc binh đao. Mình đang là Kỷ Mão; Canh Thìn, sang năm kia.

– Lúc chiều quan Toàn quyền mới đến Hà Nội nhận chức, trên này có gì lạ không?

2-9 – Cái Buổi Chiều Lớn chưa xảy tới cho Đông Dương nên trời Hà Nội sớm nay vẫn sáng sủa như thường.

Không kịp chào, người em tôi gặp tôi, xòe cả tờ báo có những dòng chữ to: Đức tiến quân đánh Ba Lan, quân tiến đánh những năm mặt.

Người tôi rậm rật. Tôi nhớ đến cái bìa phía sau tập báo Nam Phong cách đây hơn hai chục năm vẽ một con rồng đỏ há miệng. Con rồng đỏ đó, ở một yết thị kia, có dòng chữ: Rồng Nam phun bạc, đánh đổ Đức tặc! Tôi liên tưởng tới một người chú họ xa lắm, hôm nọ từ nhà quê lên đây, trong lúc tức khí với làng họ, ôm lên đây một cái mộng được làm lính tòng chinh qua Pháp như những người lớp trước.

Sớm nay tôi phải ra phòng sinh tử giá thú tòa Đốc Lý, làm chứng khai sinh cho đứa con trai người em ruột. Ông tôi ở nhà đặt tên cho cháu là Ngô Tùng. Hôm nay vừa đầy cữ thằng Ngô Tùng! Thím nó sinh hạ nó vào đúng hôm hai quả bom Nhật rớt xuống chợ Thất Khê, làm chết mất 67 người. Trời mà cho làm người được, tôi không rõ sau này thằng cháu Ngô Tùng sẽ làm vương tướng gì cho nó xứng với nỗi lo sợ của hai tác giả đời nó trong những ngày trầm trọng này.

Ở ngã ba, ngã tư lại thêm một tờ giấy yết thị nữa, có in màu cờ tam

tài nước Pháp. Lệnh động binh. Đêm hôm nay, rạng ngày mai, giữa giờ Tý binh lính phải tựu ngũ. Những dòng quần chúng ngoài đường không thấy nhí nhảnh, đùa cười nữa rồi. Người người lặng lẽ chờ đợi một cái gì sẽ xảy ra. Giữa vườn hoa cạnh nhà Dây thép, một hiệp phu đang đào hầm hố. Đất cuốc lên, vứt vào ngôi tượng đồng đen kỷ niệm vị Toàn quyền, cứ đùn mãi lên như chôn đứng một ông Bôn Be.

Mấy anh em ở tòa soạn, thấy tôi tới, nói cho biết rằng thi sĩ Đông Hồ từ Hà Tiên du lịch ra Bắc, đi chơi vịnh Hạ Long với người em gái, có ghé thăm tôi hồi chiều qua và đâu chiều này lại đáp tầu tốc hành trở về Nam Kỳ. Tôi tìm ra ga trước giờ khởi hành chuyến xe tốc hành. Cả chuyến tầu hôm nay sợ sệt. Tất cả bấy nhiêu lữ khách đều chết một phần trong lòng một chiều nay lên đường để tránh thoát cái chết chưa biết thế nào mà nói trước được ở đây. Thoát khỏi cái tình trạng tâm lý đó, họa chăng có hai người, là ông bạn Đông Hồ và ông Nguyễn Trọng Thuật, tác giả "Quả dưa đỏ".

Nặng tình khứ lưu, hai ông đang làm thơ. Ông Nguyễn Trọng Thuật đọc một bài tống biệt ông Đông Hồ. Ông Đông Hồ trong lúc tầu chưa chạy cũng khẩu chiến đọc một bài lưu giản. Ối giời ôi! Cái giống thi sĩ. Tôi muốn kêu to lên xin người ta nên ngó tới cả một đoàn lữ khách đi xa lánh nạn kia mà "thần tiên vừa vừa chứ". Nhưng tôi thấy hai ông ấy cầm tay nhau, nhìn tận mặt nhau mà đọc thơ, với cái thiêng liêng, với cái trịnh trọng của phút ly sầu, tôi chỉ biết có nhìn một cách yên lặng. Nhiễm phải cái không khí thơ ấy, lúc này tôi cũng muốn có ngay một ve rượu rót mời ông Đông Hồ một chén quan hà với một câu cũ kỹ: khuyến quan cách tận nhất bôi tửu.

Thằng H... con anh Lưu Trọng Lư, đứng cạnh mẹ nhô đầu ra khỏi khung cửa toa tầu, hí hửng cười với cha đưa tiễn mẹ hắn và hắn ra ga, lánh về quê Quảng. Tôi mường tượng nhớ đến lũ hài nhi rời khỏi xứ Tây Ban Nha trên những toa xe chạy ra biên giới Pháp. Những tiếng máy chạy, những tiếng động nơi khu nhà ga Hà Nội, chiều nay không giống những tiếng của mọi ngày khởi hành trước.

Không hiểu vì lẽ gì, quá 17 giờ rồi mà ông sếp ga chưa nổi hiệu còi đồng và phất lá cờ đỏ. 17 giờ 45, tầu mới quay vòng bánh. Tôi tự hỏi tôi sao tôi không muốn rời Hà Nội, mặc dầu tôi vẫn có một cái chỗ để mà về. Chắc ở đấy, nhiều người cũng lấy làm lạ cho tôi lắm. Tầu ra khỏi ghi. Nhìn theo hút làn khói trắng, một người trai thời loạn những thêm động lòng giang hồ.

... Không biết trong đầu ông ta có những gì, mà hôm nay ông Nguyễn Phan Chánh mở cửa phòng triển lãm để phô bày những bức tranh lụa của ông. Lúc này người ta có tiền còn để mua một cái mặt nạ tránh hơi ngạt chứ. Sự thức thời ra không phải là sở trường của giống nghệ sĩ.

Bữa cơm tối nay, tôi muốn dùng ở một tửu quán. Ăn cơm vào một buổi tối như thế này ở nhà, thì cái ngon tìm ở đâu? Bữa tối nay tôi uống rượu cốt lấy say. Đã lâu quên hẳn hương rượu nồng. Rượu vào sầu không tiêu tan, mà lòng càng bận bịu thêm.

Đêm chưa hết nửa. Cái máy nước đầu phố, nước liên tiếp chẩy ồ ồ. Hai chiếc kim đồng hồ chỉ ngược chồng lên nhau thành một gạch 24 giờ. Rồi 0 giờ. Phút này trong trại lính đang điểm số hiệu từng cơ, từng ngũ một. Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh. Nước thanh bình *năm mươi* năm cũ.

Có cơ man là chuyến tầu bất thường ầm ầm tiếng máy chạy ở phía Cổng Đục sau nhà. Tôi hút hết hơn một gói thuốc, đống tàn thuốc vô định nơi đĩa gạt cao đã có ngọn.

Chủ nhật 3-9 – Lão trưởng phố cho dán vào tường cạnh nhà một bản yết thị: Tối nay tập phòng không.

Có hai nhà kia chung tiền mua đến một tấn lạp xường chất đầy một xe ca mi nhông chạy vào Vân Đình. Trên nóc xe, lênh nghênh một chiếc sập gụ chân quỳ.

Các tờ báo buổi chiều ra thêm tờ buổi sớm. Và đã có lệnh sung công các xe hơi tư gia.

Đèn đường trong tám hộ gần thay bóng xanh hết. Bóng 200 nến rút xuống 100 nến. Tường khách sạn Taverne Royale, chủ tiệm đã cho dán những giấy: "Bán tiền ngay"! Một cái triệu chứng không lạc quan chút nào.

Vừa chập tối các phố đều tờ mờ đỏ ngọn đèn xanh lè và tím sẫm. Những tiệm khiêu vũ vẫn mở cửa và dưới những ngọn đèn xanh, thành phố Hà Nội cũng đang nhẩy một bài valse dài quá. Những xe hơi bịt kín đèn pha, dờ đường bằng hiệu còi. Chỉ có đèn xanh, đèn tím, đèn đỏ báo hiệu và lơ thơ ít ánh sáng vàng đèn xe hơi rọi sương mù. Thật là một cảnh đêm của hồ, ma và quỷ. Thêm vào cái đêm Liêu Trai này, các bì cát chữa cháy ngổn ngang bên hố mới đào.

Vợ chồng H. Ng. và tôi vẫn đi một cách tò mò vòng quanh Hồ

Kiếm. Ánh sáng đỏ và xanh hoa lý nhà Thủy Tạ chẩy xuống hồ tù hãm như những ống điện néon có kèm những con tiện ngòng ngoèo màu sơn đỏ da chu. Đứng sau mành liễu rủ, nhìn thẳng vào Thủy Tạ phía bên kia, tôi tưởng đấy là một tòa thủy cung muốn chìm xuống đáy hồ im vắng.

Ngồi uống cà phê tại nhà Thủy Tạ, bọn tôi lắng chờ hiệu còi báo động. Đồng hồ tay chỉ 21 giờ. Còi báo động bắt đầu. Còn gì rền rĩ thê thảm bằng Đèn tắt một loạt. Trong tối tăm, chuông nhà thờ phụ họa với còi báo động. Tiếng còi khóc, ghê rợn như tai chưa bao giờ nghe thấy, trên nóc lò sát sinh Địa Ốc Ngân Hàng, người ta đang chọc tiết một con bò mộng. Tiếng còi nấc lên rồi vẳng xa như tiếng sáo gió một con diều thả về từ một cõi âm nào. Thế rồi trăng nhú lên, sau nóc nhà Phicarmonique. Tiếng còi vẫn rỉ rền, rồi nấc mạnh, rồi chết hẳn, như là tiếng tù và ai oán của hiệp sĩ Roland cầu cứu trong thung lũng Ronceveaux. Tiếng còi đau khổ vẳng ngân trong bảy tám khổ vừa khoan vừa dài, vẫn nâng đỡ lấy một mảnh trăng ốm, bị chém khuyết hẳn một góc. Mặt trăng vàng nẫu màu bệnh hoàng đởm soi trên một chân trời sốt rét. Hơi nước mặt hồ hâm hấp bốc lên thổi vào mặt như hơi lửa của lò vôi; nồng, nhạt, tanh. Hồ về phía sở Bưu Điện đen sì và vắng như đêm bờ nước rộng đã hết đò. Một vài ngọn đèn xanh le lói trên rìa hồ, chỉ là mấy ngọn lửa chài bên sông quạnh quẽ. Đường viền những hình cây cối lồi lên, lõm xuống gợi đến hình ảnh núi chùa Hương khi mình đi tầu thủy vào bến Đục. Tì vào thành si moong con triện nhà Thủy Tạ Le Lac, tôi có cảm tưởng như tựa lan can một chiếc thuyền rồng tắt ngấm cả nến đèn lồng, từ từ đi vào Đò Suối, trong một giấc mơ ngày dâng hương.

Trên đỉnh đầu động cơ máy bay nổ rầm rầm và đều đều. Bụng phi cơ có mắc đèn; phi cơ xê dịch trên không sáng như một cái tinh lạc chậm trễ. Tiếng máy rì rì trên nền lờ mờ lốm đốm thủng rỗ lỗ sao, làm lung lay một mảnh trăng phiền não, vàng kềnh kệch. Chưa bao giờ tôi thấy trăng úa ác như thế và tiếng khuya độc đến chừng ấy.

Mặt trăng có bệnh tật ở hình và sắc vẫn trườn mình lên mãi và soi xuống một thành phố đủ cái bề ngoài của Sodome và Gomorrhe. Trên các mạch máu cái kinh thành đã lạnh cứng, người người ngoe nguẩy như ma đi không xát đất và phào phào nói với nhau như những người mơ ngủ diễn lời ú ớ cho một cơn mê. Trăng úa càng cao càng trắng xanh lần lần. Cấm đèn sao không cấm cả đèn trời! Một

tên hàng quà rong vừa ba lơn vừa rao bánh lốc bểu rất to. Người Hà Nội vốn hay đùa.

Bãi chợ Hàng Da dưới tia rầu của trăng ốm, trơ trẽn như bãi chợ đầu làng, một ngày dịch trâu bò. Những hiệu còi đội xếp rúc trong âm u không khác gì tiếng còi phu tuần gọi nhau trong đêm tháng củ mật.

22 giờ rưỡi. Còi lại oán khóc, nấc và rỉ rền. Cuộc phòng không hết. Dưới ánh ngọn đèn xanh khoảng phố Đường Thành, một bà già Nhật Bản lê đôi guốc gỗ đi về phía Tiểu Điền Lữ Điếm. Thật là một cái bóng lu lờ rất tượng trưng đủ làm đề cho một bức kakémono vẽ phấn màu hồ lơ.

Tôi về nhà vặn to ngọn đèn hoa kỳ xạnh lè nhỏ bằng hạt đậu.

Trong cái vắng lạnh đêm nay không ngủ, những thanh âm càng lạ hơn mọi ngày.

Vẫn mấy ngọn đèn xanh và một bóng nguyệt tà và tiếng máy nước đầu phố chẩy ồ ồ.

4-9 – Thôi, thế là chiến tranh. Giới ngoại giao các nước đã gọi sứ thần về. Các kiều dân ở Paris, Londres, Berlin đã lục tục hồi hương.

Chính phủ Bảo hộ ở đây đã bắt đầu cầm giữ người Đức lại. Lại đại chiến.

Đã hơn 20 năm...

Người tôi lên một cơn sốt rét. Cái sốt rét ấy là lòng giậm giật của một thế hệ tôi đang tự đánh cho mình nhiều dấu hỏi nghiêm trang cổ kính.

Đi học Arip về, có người tin cho biết rằng bà nhạc tôi vừa mất chiều qua, tại huyện Đông Anh bên Phúc Yên và chiều nay cất đám.

Đêm qua người ta đi tìm tôi! Không gặp được là phải.

Người ta không thể chọn lúc mà chết có khác. Sao bà nhạc tôi lại chết vào hai mươi tháng bảy ta này? Sao lại không sớm hơn, sao lại không chậm hơn?

Việc của thời đại to lắm, lo và sợ nhiều lắm. Việc nhà thì đã mùi gì. Lòng thương của tôi đối với một người già vừa nằm xuống không phải là không động, nhưng sự thực, thì tôi thấy nó ít ỏi quá. Cái ai tín làm tôi thương buồn thì có một phần mà bực mình thì có đến chín phần. Giá lúc sinh thời, bà nhạc tôi, hất hủi tôi, làm một việc gì cho tôi phải hờn oán lâu ngày, thì giờ tôi đã dễ tính lắm rồi.

Phận tôi là rể út. Vợ tôi thì ở xa. Sự giao thông cách sông, cách cầu, cách đò bao nhiêu là cái khó trong lúc nhộn nhạo này. Đi dật lửa được mươi lăm đồng bạc bây giờ, là cả một sự hàm ân khó mà quên được trong một đời người.

Tôi đánh dây thép về Thanh Hóa cho vợ và các con ra ngay mà nhận lấy vuông khăn trắng mới. Hồi còn mồ ma bà nhạc tôi, lũ con tôi vẫn quấn quít lấy bà ngoại chúng có phần nhiều hơn là bà nội.

Tại phòng giấy công an Cục quận nhất phố Hàng Trống là nơi phải trình điện tín xin dấu kiểm duyệt, tôi đã biết rõ những cái bực mình trong những ngày chẳng thái bình. Tây và Đầm Khách Cao Ly và mấy người tùy phái sở Hàng không Air France đều cắp tay đi tản bộ như tôi trong sân sở Cẩm.

Rồi không có chướng, không có câu đối, không có lễ điếu, tôi đã qua cầu sông Nhị Hà. Suốt mấy nhịp cầu Bồ Đề, lính gác lưỡi lê tuốt trần. Bên đầu cầu, súng cao xạ đã bầy thành thế nghểnh chiến.

Tôi hướng theo tiếng vọng bài kèn thờ lần vào nhà đám. Tôi vốn không lấy gì làm thuộc đường nơi quê nhà vợ.

Người ta đã vận cho tôi một cái mũ nùn rơm và đưa tôi mặc chiếc áo thụng trắng. Trước quan tài đã đóng nắp, đã gắn sơn sáu con cá, tôi lạy hai lạy một vái. Ông rể già lên mặt đàn anh, hất hàm hỏi tôi:

– Cô nó và các cháu không về kịp sao?

Tôi lừ mắt nhìn ông anh cọc chèo, muốn bảo thầm ông rằng đến ngay lúc thái bình họa có đi tầu bay, thì vợ tôi mới kịp về chịu tang mẹ lúc này. Người ta sao mà khó tính đến thế. Làng đã vào. Mười hai người trai làng, cởi trần sắp hàng tư, lạy vong linh người chết và hè nhau vào chuyển cữu, theo lệnh cụ liên chỉ chấp hiệu. Sống nhờ làng, chết cũng nhờ làng là thế.

Rồi đám ra đồng. Tôi thất thểu đi theo tiếng khóc om sòm của một đám người sô gai.

Đám ma lúc tống chung, buồn nhất có lẽ là lúc hạ huyệt rồi tiếng hòn đất đầu tiên ném xuống kêu đánh bộp một cái trên mảnh ván thiên. Tiếng đất đổ xuống kêu lộp độp mạnh hơn. Nó kêu lộp độp như trận mưa giọt lệ đổ rất mau trên những vật đã cứng và rỗng. Mắt tôi giờ mới chịu đỏ ngầu và đẫm lệ. Lúc sống bà nhạc tôi, thương vợ chồng tôi như là hai đứa trẻ con – vợ tôi là con gái út, lúc chưa xuất giá, ở nhà vốn đã chịu thiệt thòi nhiều lắm. Tình thương con trẻ

là một sự đền bù. Mấy hàng nước mắt sống, viền lấy quầng mắt, tôi ngờ rằng tôi khóc thay vợ tôi lúc này đang phiền vì không được nhìn mặt mẹ vào lúc cuối cùng.

Tối hôm nay tôi phải có mặt ở Hà Nội, một là để đi đón vợ con xem có ra hay không; hai là xem có gì thay đổi ở kinh thành đang phòng thủ trong sự chiêu đăm.

Biết đâu trong một buổi tôi đi chịu tang vắng Hà Nội, đã chẳng có một cái gì ghê gớm xảy tới cho kinh thành rồi. Ngày xưa, chỉ vì xa Kim Trọng về đất Liêu Dương hộ tang chú mà cuộc sống êm dịu của Kiều đã là có cả những tai biến dồn dập suốt mười lăm năm.

Chiếc đò dọc, khởi hành từ sẩm tối ở bến Ảnh chỗ dốc đầu làng, ngược con sông Thiên Đức Giang rồi ăn vào lòng sông Nhĩ Hà. Bóng ngày tàn còn soi ở lòng nước bùn sông đỏ như máu pha loãng.

Xa trông không biết mấy mươi vì cầu Bồ Đề lờ mờ đen, tôi tưởng chỗ ấy là nơi giang khẩu phủ sương mù, diễn lại cảnh Trần Hưng Đạo cắm cờ ở sông Bạch Đằng. Thuyền càng gần lại, tôi nhận thấy đèn trên cầu đều là đèn xanh tím như đèn của Hà Nội đêm qua phòng thủ phòng không.

Cái thuyền lớn qua gầm cầu sắt, đưa một người có tang mới, về Hà Nội để nhìn một kinh thành cũng chịu tang.

Từ cao, gió gửi xuống tiếng máy kêu của đoàn phi cơ tuần tiễu. Ánh đèn xanh đỏ chỗ Cầu Đất trông có thể lẫn với đám tinh tú gần nhất và nhấp nháy nhất trên nền trời Hà Nội.

NHỮNG NGÀY THANH HÓA

Không hiểu tại sao, cứ mỗi lần về xứ Thanh – vì một ngày giỗ, vì một kỳ tết, vì chút việc nhà hay là phiếm du chăng nữa – là tôi thấy ngượng nghịu trong tâm tưởng. Cái ngượng ngập ấy đã thành hẳn một cái nếp khó vuốt thẳng lại. Một người thích được đổi chỗ ở như tôi mà động bước chân lên tầu về Thanh là thấy lòng bận bịu lạ. Những cảm tưởng, cảm giác nặng nề ấy, mỗi lần về, tôi thành thực bày tỏ với mấy người bạn sinh và trưởng ở Thanh thì hết thảy đều lấy làm giận và bảo tôi là thằng bạc.

"– Thanh Hóa chúng tao đã có gì là bạc đãi mày. Cơm thì trắng, nước thì trong và người thì lành. Đã có người đàn bà nào ở đây làm hại đến đời mày? Đã có người con trai nào ở đây gây với mày một cái thù bất cộng đái thiên? Không, không mà. Không những thế, ông cụ Tú thân sinh mày thờ nhà nước Bảo hộ lâu nhất là hồi ở đây, và về hưu cũng tại đây; đám học trò cũ trường Pháp Việt học chữ Hán cụ, mỗi tuần chỉ có một giờ, bây giờ có danh có phận – vì chữ Pháp chứ không phải vì những giờ Hán học hằng tuần ấy, – mỗi lúc gặp lại cụ vẫn còn chào hỏi như là công việc thầy trò ở những thời xưa cũ. Lũ con của mày đều cắt rốn ở đây cả. Khí hậu tốt, cảnh lành – mày xem có phải ở đây cò trắng đậu nhiều hơn hết mọi nơi không – cảnh lành, chúng lớn như thổi, mặc dầu mày phóng sinh địa chúng ra đấy. Cứ như chỗ chúng tao biết thì từ một bậc chân tu như cụ Tăng Cang chùa Hội Đồng cho đến một mụ lão kỹ như cái bà Phủ Thắng – tao cấm mày chối, có phải mày đã có lần lên vay mượn nhà chùa và thiếu tiền hát nhà bà Phủ? – Ừ, mọi người đều lấy cái chí thành ra mà đãi mày. Mày thử tính xem từ cái hồi mày đi tù về, những lúc bất đắc chí mày xách cái cặp da lên rừng xuống biển, từ một ông thổ ty Mường Điền Lư cho đến một ông Tôn Thất trấn thủ đảo Biện Sơn, có ai để phiền cho mày ty nào không? Hay là chỉ trái lại? Thật là giang sơn cảnh thổ không có di hận cho mày chút nào nhá. Mày phải coi chừng lắm về cái thiên lương của mày dạo này xuống lắm rồi đấy. Ở đây không ai hạnh hại mày, thâm thù mày, sao mỗi lúc nói đến nơi này là mày chỉ rặt nói xấu? Mày sẽ phải hối lỗi nhiều, nếu ngày mai, được ngắm kết quả về cái tác phẩm vu cáo và phỉ báng của mày, mày thấy bể Sầm Sơn ít có khách du lịch các nơi đổ về nghỉ mát. Một chuyến đò còn nên được nghĩa. Mày không có quyền nói xấu cảnh này – mặc dầu mày chỉ là một người ngụ cư ở đây – khi mày đã để lại ở đây hơn hai mươi năm tuổi hoa niên của mày. Cái quyền ấy là quyền của những người chỉ ăn ở đây có một bữa cơm khê, nằm ở đây có một đêm mà không nhắm được cả hai mắt, nếu thực ra cái đất này là đã hết cả lộc và không dung nổi người ở".

Tôi đã nghĩ đến cái câu rất dài này của bạn tôi mắng tôi một lần trong một kỹ viện Thanh Hóa, khi con tầu tốc hành lăn bánh sắt qua địa phương Hà Nam, một buổi chiều ngày tết Hàn Thực vừa rồi, tây lịch 10-4-40. Những kỳ phải về Thanh, bao giờ tôi chẳng nhớ rõ ngày và tháng. Một cái thói quen.

Lòng tôi bận như lòng một thiếu nữ vào một ngày vu quy ngồi trong xe hoa trắng.

Nhưng mà tôi chưa đến nỗi phải làm người nữ khách cô độc, cả một chuyến tầu, muốn nhìn, lạ mặt chỉ rặt những người ta. Bạn cùng chung toa xe đã có bác Đồ Phồn – một người cũng hay bị chúng ghét lắm vì có cái bệnh mỗi lúc hành văn đăng báo là chỉ làm thơ phú châm biếm thế tục. Cái ngòi bút ấy vốn bị chúng liệt vào loại "bút xỏ lá". Phồn vốn tính hay rượu la cà, nhưng cứ như tôi rõ, thì ít có dịp đi làm ăn xa. Chuyến này anh đi một hơi thấu mãi vào Lục Tỉnh Nam Kỳ lập nghiệp, thân bằng cố hữu đưa tiễn ở sân ga Hà Nội ồn quá. Thiếu một chút nghi lễ và thêm một ít bùi ngùi nữa, thì đủ là một cảnh tế sống một anh tráng sĩ đời Chiến quốc tại bờ sông Dịch "một đi không trở về". Gió xuân cuối mùa chiều nay ở bến ga thế mà cũng lạnh. Tôi bận lòng vì con đường về và Phồn thì buồn lòng vì bước đi. Cùng một chuyến xe nghèo, tôi không ngờ lại có sự bất hạnh phải làm kẻ tiễn đưa tình cờ một người lữ khách bất đắc dĩ ấy.

Quá ga Đồng Giao, khỏi chỗ phân địa giới Trung Bắc lưỡng kỳ, lúc tầu bắt đầu lên dốc đèo Tam Điệp, tôi và Phồn rủ nhau tới quầy toa hàng cơm uống rượu, mượn chiếc va gông xanh kiểu mới làm thành một nếp trường đình. Mỗi lúc con tầu leo đèo chạy nhanh bị rẽ ngoặt rượu lại chiềng ra khỏi thành cốc. Tôi nhớ đến ông bạn già Nguyễn Khắc Hiếu lúc còn sống cũng hay bê tha ăn uống như thế này, nhân sinh quý thích chí, chung quanh là chối kệ. Tôi nhớ đến một đôi câu đối mà năm ngoái vào ngày tuế trừ, Phồn gửi miệng cho tôi vào một lúc vội vàng về quê chịu tang mẹ.

"*Vang bóng một thời* tàn, khéo gợi thêm nao lòng lãng tử". "*Quê hương* đâu hẳn *thiếu*, mải đi cho trọn kiếp giang hồ".

Tôi đinh ninh bao giờ có được căn nhà tiệm tiệm sẽ treo vào phòng sách đôi câu đối của bạn có ý đả động đến việc trứ thuật của tôi. Tôi cảm thấy đã mắc nợ Phồn một cái gì. Lúc này uống rượu trong toa xe, âu cũng là một dịp đền đáp lại ông bạn. Mấy năm không làm thơ, lạc hết cả thuật đối chọi từng chữ, từng vế, tôi chỉ làm được một bài tứ tuyệt:

Đến đây là đỉnh đèo Ba Dội,
Cạn chén đưa anh một chén đầy.
Trước mắt bây giờ là bỏ cả,
Chung quanh chỉ một con tầu say...

Phồn cũng "lưu giản" một bài. Thế rồi tầu vào ga Thanh. Tôi xuống. Phải lập kế sinh nhai mãi tận vùng trong, cái người lữ khách ra đi với một mục đích rõ rệt ấy phải đi nốt con đường dài và có lẽ trong suốt bốn mươi giờ hỏa xa qua ba xứ, người đó không biết đến hứng thú du lịch là gì cả.

Cửa ga Thanh Hóa, cái gì mà cờ xí rợp đất và đồ lộ bộ đầy dãy thế này. Cái ông bạn trẻ làm phóng viên địa phương cho mấy tờ báo thông tin thấy về, chạy ngay lại hỏi:

– Anh về sao chậm thế, Đức Kim Thượng hiện giờ này đang hành tại trên Mường ở Hồi Xuân kia. Không đem máy ảnh về à?

Vậy ra đạo ngự ra Thanh Mộc Ấp. Và người bạn tôi lầm tưởng tôi vẫn còn như hồi nào làm thông tin viên cho báo hàng ngày và chuyến này về đây để làm cái việc tường thuật cho công chúng đọc chơi. Tôi cố giảng cho ông hiểu rằng tôi về đây là một việc khác. Việc nhà. Vợ tôi vừa tin cho tôi biết rằng cái thai mang nặng nơi bụng không được yên như mọi cái yên ổn ở đây. Vậy mà ông bạn tôi vẫn cho là tôi giả vờ với cái tính bí mật cố hữu của một đặc phái viên gì đó.

... Lũ con tôi ngủ cả rồi. Ông tôi tắt cơn xuyễn bảo nên để cho chúng ngủ. Tôi vén lá màn ngắm cái ngủ của lũ trẻ. Trông ngon và tự nhiên lắm. Rồi tôi nghiệm ra rằng phần nhiều những người lớn lúc ngủ trông xấu tệ. Há mồm, trợn mắt, trán nhăn lại những đau khổ của ban ngày và mép hằn lên những hối lỗi và tội ác thường nhật. Ấy là chưa kể vật mình nói mê.

Vợ tôi để tay tôi lên bụng.

– Mình cứ để im nhá. Chúng sắp đạp đấy. Mọi khi bụng đâu có bằng ở giữa mà lại nhọn ở hai bên. Có lẽ lần này đẻ sinh đôi mất.

– Thế mới là đại bất hạnh.

– Mình bảo cái gì?

– Không.

Tôi vụt nhớ đến cái truyện ngắn "Số đông con" của Đỗ Đức Thu. Tặng tôi.

Khó mà kê được một cái thời khắc biểu cho những ngày ở đây. Sẵn có cái tẩu thuốc lá mà thuốc thì hết, ra cái hiệu thực phẩm khách Phúc Kiến, thấy chú chệt còn ở tủ một hộp Prince Albert, hỏi

mua, y không muốn bán (!) – À cái này là cổ quan Chếnh Sứ hay dùng. Bán cho nị, nhỡ quan Sứ cho bồi ra mô hết mất thì ngộ làm thế nào!

Hỏi đến một gói Lucky Strike, cũng không có. Đi qua một cửa hiệu sách, tôi phải lấy làm ngạc nhiên vì cuốn Nouvelles Nourritures của Gide vẫn chưa có người tranh mà lấy lấy. Sáu tháng trước, cuốn sách duy nhất ấy tôi đã thấy bị lạc lõng bày ở cái tủ hàng này bên những cuốn truyện trinh thám và kỳ tính. Ruồi muỗi đã nhả rất nhiều phân lên tấm bìa một cuốn kinh của thanh niên lớp bấy giờ tự mình muốn tìm lấy mình để chứng tỏ cái quyền sống của mình.

Đêm Thanh Hóa tẻ như một cái đêm ở phố phủ. Muốn khỏi tẻ thì chỉ đem nó vào nhà ả đào mà giết. Nhưng rủi thay cho tôi, đêm nay mấy xóm ca xướng đều đông khách cả. Một thứ quý khách đem từ trong Huế đem ra. Dăm bẩy cái xe hòm kính có trước số P.I. đỗ ngoài cổng các nhà hát. Ngài ngự vừa về hành tại trong Hành Cung và các quan tùy giá được ngày Nghiêu Thuấn, đạo thần tử cũng muốn được vui, trăm họ cũng vui và bọn con hát cũng được một đêm thái bình âu ca. Chưa bao giờ trên dưới được hòa vui như bây giờ.

Sớm ngày 12-4, đạo ngự hồi loan. Loan đây là một chiếc tầu bay kiểu thám thính. Các quan tỉnh thần tống giá ở trường bay Lai Thành. Đức Kim Thượng ngự lên phi thuyền cầm máy lấy, bay tuột một hơi về Kinh. Thật là một cái vinh dự lớn lao cho phi công Détroyat, – vị thiếu sư Pháp đã vỡ lòng về khoa bay cho đức Bảo Đại hồi ngài ngự du qua bên ấy.

Có lẽ muốn không bực mình thì chỉ còn có cách lên chùa Đào Viên hầu chuyện nhà chùa. Cụ Cử Soạn, bực phụ chấp ấy, bây giờ có ốm yếu hơn trước. Vãng cảnh chùa, nhấp chén nước trà nhè nhẹ chỗ cửa chiền, khoảnh khắc thấy dễ chịu trong người mà tôi lại nhớ đến lời ông bạn Đỗ Văn đi Tây học nghề máy về để bây giờ phải làm người bất đắc chí giữa xã hội Việt Nam này, và một lúc mệt mỏi, đã phát đạt nguyện muốn tới dưỡng bệnh ở cảnh chùa đây.

– Lâu nay ông có thăm được cảnh núi đẹp nào không?

Tôi đã kính cẩn chấp tay trả lời vị Tăng Cang:

– Bạch cụ, chúng tôi vừa đi hành hương vùng Yên Tử về.

– Quý hóa quá. Ông có công lắm. Đến ngay tôi mà cũng chưa lên được chỗ sơn môn danh tiếng ấy. Kể chuyện cho nhà chùa nghe với.

– Bạch cụ, vùng trên ấy cảnh thì đẹp lắm, rất hợp với câu:

"*Dù ai quyết chí tu hành*, có về *Yên Tử mới đành lòng tu*".

Nhưng mà chùa thì nát và nói cụ bỏ lỗi cho, tăng ni trên ấy hỏng hết. Thật chùa Yên Tử là một cái quảng cáo không tốt cho hội Phật Giáo Bắc Kỳ. Sư ông thì hút thuốc phiện, sư bà thì nấu thuốc phiện. Và...

– Mô phật!

Tôi đổi câu chuyện. Và hỏi thăm sư cụ về tung tích sư ông Thanh Giám. Người bạn học cùng trường với tôi có một điều đáng tiếc là chữ Hán ít quá, thành thử từ ngày phát đạo tâm chỉ khảo cứu được Phật học bằng những sách Pháp văn thôi. Trước kia, bạn tôi lúc cắt tóc, bắt đầu ăn mày lộc Phật ngay ở chùa này. Và bây giờ vị có tài hoạt động nhiều, được cử làm tổng thư ký hội Phật Giáo ở ngay chùa Quán Sứ Hà Nội. Nhà chùa và hội chùa kể cũng có duyên lắm nên mới kết nạp được vị thư ký trẻ này. Mỗi lúc có việc giao dịch với nhà nước Bảo hộ, chỗ sơn môn cũng đỡ lúng túng. Nhiều khi nhớ đến bạn cũ bây giờ ở vào một thế giới khác hẳn thế giới của tôi, tôi không khỏi nghĩ đến câu thơ Tô Đông Pha. "Già sa vị trước hiềm đa sự. Trước đắc già sa sự cánh đa". Khoác được cái áo vải nâu của nhà chùa, chắc gì lòng đã hẳn không thêm bận. Không rõ bạn tôi giờ đã diệt được hết dục chưa, nhưng khóa hạ năm ngoái bạn tôi mở một lớp truyền bá quốc ngữ ở mái chùa Khải Minh vùng Sầm Sơn, tôi tới thăm với Trương Tửu, lúc đánh một ván cờ tướng tôi nhận thấy bạn tôi ăn tôi một con xe, một con tốt vẫn còn ngon lành như hồi chưa đi tu. Bao giờ tôi quên được mắt bạn tôi lóng lánh những thèm muốn và toại nguyện khi chém được quân cờ gỗ của tôi trong cái trai phòng mát mẻ ấy.

Ở chùa về, tình cờ tôi gặp lại một người nhân tình cũ cao lênh nghênh. Nàng khép tà áo và kéo nghiêng nón xuống như cô gái Huế dấu mặt sau chiếc nón bài thơ. Hai chúng tôi đều bẽ bàng và đều không muốn nhìn nhận nhau. Chúng tôi lâu nay đã không cùng nói chung một thứ tiếng.

Chuyến này về Thanh, gặp ông L. C., tôi được nghe một đôi câu đối cũ của một người xứ Nghệ khóc một người xứ Thanh. Nguyễn Cảnh Đậu khóc lỡm Nguyễn Phong Di. Thân thế người làm đối điếu và người bị khóc cũng đều ngộ nghĩnh.

Nguyễn Cảnh Đậu là một nhà Nho cuối mùa đất Nghệ, một

người cuồng sĩ chết đường, lúc chết úp một cuốn kinh Dịch lên mặt, nằm cứng đờ ở một cái điếm chợ tỉnh.

Còn Nguyễn Phong Di xuất dương rồi bị bắt ở Tầu về, mới thi đậu Đình Nguyên mới xuất chính, mới lấy nàng hầu. Lúc ông chết, Nguyễn Cảnh Đậu khóc rằng:

"Lữ bất tử, tù bất tử, phú quý lai nhi tử, cái quan nan định cổ kim bình;

"Khứ giả kỳ, tựu giả kỳ, đại tiểu đăng diệc kỳ, diễn mạc biệt thành tân quái kịch".

Tôi chép lại và tưởng rằng đã góp thêm được một trang nhỏ mọn linh tinh, giúp một người nào muốn viết lại một cuốn "Thanh Hóa nhân vật chí" khác.

CỬA ĐẠI

Cửa Đại là một trong mười hai cửa biển lớn nơi xứ sở. Chính chữ là Đại Chiếm hải khẩu.

Những người già cả và lang thang nhiều đã bảo tôi thế. Và theo cái đà du lịch của tôi ngày năm nọ, tôi đã ghé thăm cửa biển lịch sử này.

Tôi đến Phố vào lúc tối.

Phố là tục danh một thành phố mà Tây mệnh danh là Faifo và Ta cũng gọi luôn là Phe Phô. Thật là tiện quá. Nhưng đứng vào mặt hành chính mà nói chuyện thì không thấy tiện một chút nào. Cái gì mà một tỉnh Quảng Nam, mà thành phố thì đặt ở Faifo – có tòa Sứ, có đồn lính tập, có sở Dây thép, và từ sau hồi biến động 1930, có thêm ty Mật Thám, v.v... – và tỉnh thì lại đặt ở ngoài Bến Điện với một nếp thành cũ, trông xa như một bức tường phủ cũ bỏ không. Từ cái dinh ông thủ hiến Tây của một tỉnh đến cái dinh ông thủ hiến Ta cũng của cái tỉnh ấy, có đến hơn mười cây số đường đất đỏ nắng chang chang. Thế nghĩa là, nếu ông và tôi có phải trình một lá đơn để xin chữ phê của Tỉnh lẫn Tòa, thì phải đi từ Phố ra bến Điện, rồi lại từ bến Điện trở về Phố, vừa đi vừa về mất hơn hai chục cây số. Hai chục cây số... hai cái dấu son! Nhưng đấy là cái phiền phức của người sở tại mỗi khi có việc dân sự.

Nhưng tôi chỉ là một du khách đi qua, thấy hay tôi ở lâu, thấy

dở, tôi lên đường ngay. Tôi cũng chỉ nói qua thế thôi. Tôi không muốn đi sâu vào cái khó chịu của một địa phương.

Tự cho mình là một con cò, đất có lành thì tôi đậu lâu, đất không lành thì tôi lại cất cánh bay đi ngay. Là một đổi khách chỉ muốn sống với cảnh đẹp luôn luôn đổi thay, tôi chỉ muốn lòng tôi sớm chiều đều rung một điệu nhẹ nhõm vui vẻ.

Cái đêm đầu của tôi ở Phố là một đêm không buồn, không vui. Chỉ có rặt những bỡ ngỡ thôi. Không phải là cái bờ ngỡ của một người công tử quen sống với sự thân mật của nhà mình, mỗi lúc xa nhà là không nhắm được hai mắt mà ngủ và lúc nghe đêm sang trống canh hoặc ăn uống khác mất vị phải kêu những xểnh nhà là ra thất nghiệp. Không phải thế. Cái bỡ ngỡ của tôi đêm ấy là sự ngạc nhiên của tấm lòng đã hồ mỏi trước một nguồn sống mới.

Tôi đi chơi vào lúc giao mùa. Năm đã già nửa. Mùa hè đã tự diệt mình bằng ngọn lửa gay gắt. Xa xa trước tầm mắt tôi, vào lúc mở một ngày và vào lúc hết một ngày của mùa mới, mây khói đùn trên mặt đất sao mà nhiều thế.

Lúc nhá nhem tối, xe ôtô vận tải qua Bến Điện, qua thành Quảng Nam, tôi tự hỏi sao ở đây, ở bến nước đẹp này lại không có lấy một ít người đàn bà đem lụa ra đấy mà đập bồm bộp để gò cái cảnh này cho nó đúng với không khí một bài thơ trong tám bài thơ thu hứng của Đỗ Phủ. Tỉnh Quảng Nam có tiếng về kỹ nghệ làm hàng tơ, có tiếng về nghề dệt lụa nhiễu kia mà. Vậy sao không ai đập sức lụa ở bên con sông vừa qua cầu? Kém có một cái tiếng dồn châm của những nàng Tây Thi vô danh chưa hiện ra để xáo động cuộc đời êm ả, kém có cái tiếng nện vải lụa trên hòn đá bến nước lúc hoàng hôn mà khi xe lướt qua mình cái thành gạch tỉnh Quảng Nam, cái thích ở lòng lữ thứ của tôi đã giảm mất đến nửa phần khi tôi nhớ lại câu thơ của bài thơ dựng cho bài *Tỳ bà hành*.

"Thành Bạch dồn châm buổi ác tà".

Đưa khách... chiếc xe hàng lù đù, rù rờ cóp nhặt từng độ đường. Lúc này tôi mới thấy nhớ những thành thị đất Bắc – Những thành thị đất Bắc có những con hát lành nghề biết hát bài thơ trường thiên ca tụng một cảnh bến sông Tầm Dương rất xa xôi huyền ảo mà có lẽ suốt đời họ, suốt một đời tôi, chúng ta không bao giờ được đi tới, được nom đến. Ở đây là miền Nam rồi. Làm gì ra những ca nhi hát giọng Bắc. Tôi nhớ vô hạn đến cái hơi thu đè trên những mái lâu đài của

các thành thị đất Bắc. Cũng là trong lòng của xứ sở, mà từ đấy mới vào có đến đây, sao tôi đã thấy khác khác rồi. Tâm hồn tôi, tôi đã thấy chia rồi. Rồi tôi thấy ngùi nhớ. Nhớ đến những cái soàng sĩnh mà nếu không có ly cách, thì không bao giờ tôi thấu đến giá trị. Vậy mà lúc tôi lên đường vào trong này, tôi có cái ý định là quên hết. Quên người quên cảnh đất Bắc. Ra cảnh vật ấy cũng vẫn chưa phải là tẻ.

Đêm đầu của tôi ở Phố, tôi ra ngắm bóng trăng thanh rọi xuống mặt sông Hội An. Trên mặt sông, thực là một cái rừng cột thuyền buồm, manh ghe chi chít dây èo buồm, dây thừng. Bấy nhiêu nét đen sắc đều nhấp nhô lay động theo mực nước thủy triều đang dâng lên rất mạnh. Ánh trăng bị dầm tan trong lòng con sông mà nước ngọt đang bị bể ngoài pha rót vào bao nhiêu là muối chát mặn.

Bên bờ xa kia là làng Cẩm Phô, một cái làng rất giầu có mà sớm mai tới đây người ta sẽ đem sang bên này bờ bán cho tôi những con hến luộc nhỏ xíu dùng làm đồ ăn điểm tâm với bánh tráng.

Tôi bước chân xuống thuyền.

Đêm nay, tôi ngủ trên mặt sông. Gió sông rộng có cả sức tò mò của một trận gió vàng. Mỗi đợt gió lọt vào khoang thuyền là một sự tọc mạch đến chuyện riêng của lòng. Tôi trằn trọc, thèm muốn một tấm chăn đơn.

Sớm tinh mơ, tôi đã trở dậy để nhìn cảnh sấp nhộn nhịp trên sông. Nước bể rút xuống lúc khuya còn để lại nơi gờ bến xây si moong những ngấn rêu và bùn nhầy nhụa. Một vài ngọn lửa lập lòe nơi đầu mũi thuyền mấy chiếc ghe bầu bụng chửa, mình to và những con mắt thao láo ở đầu mũi. Mụ chài chỉ tay vào giữa đám ghe bầu, bảo cho biết rằng đấy là những bất động sản của mấy ông bá vùng đây chuyên nghề làm thuyền. Thật là những cái cơ nghiệp nổi.

Gió sớm thổi mạnh. Một chiếc ghe bầu trương buồm nhổ neo. Buổi sớm khởi hành của cánh buồm căng thẳng, bao giờ cũng là vui mắt. Tôi muốn tôi mãi mãi được là một lá buồm căng thẳng như thế, mỗi lúc có gió sớm nổi dọn đường cho một mặt trời mới nhô lên sau ngấn nước bể Đông.

Mụ chài chỉ tay đuổi theo ghe từ từ ra cửa sông xa vời:

– Ngày xưa, chủ ghe đó cũng xầm xì làm đò như bọn tôi. Từ ngày đi bạn ghe với ông Bá bên Cẩm Phô, lão ta vớt được ở giữa khơi một tảng long diên hương to bằng trái dừa Bình Định, về bán cho khách

trú, được cơ man là bạc. Bây giờ chủ ghe đó, hễ nghe thấy tin cá ông lụy bất cứ ở nơi nào, là lão cũng tới để góp phần làm ma với dân chài lưới sở tại. Ông trời mà thương tới, chả mấy chốc mà nên cơ đồ, thầy ạ.

Tôi đổ bộ, rất ngờ nghệch với cái sinh hoạt của buổi mai ở Phố. Người ta đang gỡ những tấm cửa lùa để bày đặt hàng tạp hóa. Những tấm cửa lùa này lùa theo một chiều dọc! Nghênh ngang giữa phố Chùa Cầu – một cái phố cấm xe hơi đi qua – hai ba người khiêng một cái bàn độc, ở trên đó, nằm phủ phục một con heo quay đã mất đầu và hai chân. Bọn người đi bán thịt lợn quay một cách ngộ nghĩnh như thế đã chui lọt vào một con đường kiệt. Từ con đường kiệt lại ló ra một thiếu phụ mặc áo lụa trắng, tay xách một cái soong to, mỗi lúc ngừng kéo hơi điếu thuốc lá Cẩm Lệ thì mồm lại rao: "Ai ngầu mạc nạm không?". Ở người một gã lữ thứ, tôi cho không cái bất thình lìn nào thú bằng cái việc đi tới một xứ lạ vào lúc đêm hôm để sớm m được hoàn toàn bỡ ngỡ trước những cái phô phang đầu tiên của m trạng thái sống mới lạ, sau một giấc ngủ đích đáng của đường trường. Đi tới một nơi lạ, tiếng rao của bọn người bán quà rong có những thổ âm riêng, đã làm cho tôi cảm động hơn hết mọi cái gì của một vùng ấy. Những chiếc xe tay có lục lạc đồng kêu loong coong như tiếng nhạc ngựa của một thầy chánh tổng vùng quê xứ Bắc, lại càng gợi lòng vui của tôi. Có lẽ mai mốt đây, nếu tôi cứ phải nấn ná ở đây, những thứ tiếng hoạt động này sẽ trở nên tầm thường và lại còn khó chịu nữa; nhưng ở giờ phút này, những thanh âm đó lạc sâu vào thính giác tôi. Nhớ được cái mùi của một nơi, người ta rất còn nên nhớ tới một cái tiếng của một nơi nữa.

Đặt chân lên thềm nhà, tôi đã nhận ngay lấy một câu hỏi chế giễu của người em gái lấy chồng ở trong ấy:

– Đêm qua, *eng cở* nằm thuyền?

Cả nhà phá lên cười. Mãi đến chiều, tôi mới hiểu cái nghĩa của sự nằm thuyền ở Quảng là như thế nào. Ra ở đấy, người ta thường trụy lạc trên mặt sông, có gần như ở Huế. Mỗi con thuyền là một chiếc thoàn tình, thứ tình mua bằng tiền, nhiều khi lại rất hời giá.

Mặt trời Faifo, lúc ngã xuống phía núi Trà Kiệu, đã in dài xuống con đường đi Cửa Đại một cái bóng xe ngựa. Tôi là người khách cô độc của cả một chuyến xe rước người trên Phố xuống tắm biển, cách thành phố bốn cây số. Cửa biển này là một trong thập nhị hải khẩu ghi ở sử cũ. Tôi yên trí dưới khoảnh đất thừa lương Cửa Đại, trên bãi

cát, đã có bao nhiêu lâu đài diêm dúa sớm chiều làm đỏm với sóng bạc đầu không có tuổi già. Trái lại. Ba bốn nếp nhà tranh vẹo theo chiều gió lộng thổi quanh năm từ ngoài khơi vào trong lục địa!

Trước mặt tôi là Cù Lao Chàm, tổ quốc của yến sào. Phía Bắc, là Ngũ Hành Sơn, là đèo Hải Vân. Nhà của tôi, những người quen rất xưa của tôi, ở tít tắp lùi xa sau cái lớp mây trắng kéo dài từ đất ra đến bể đó.

Nhìn xoay vào trong bãi, vẫn chỉ có mấy túp lều tranh nép mình dưới ngọn phi lao. Sóng bể ỳ ầm, gió cây bãi ào ào. Chỉ có thế thôi. Nếu là một người ham chuộng cái lộng lẫy của những bờ biển đã duy tân như Đồ Sơn, Sầm Sơn có những biệt thự xanh đỏ tím vàng, thì cảnh mộc mạc này có thể xua đuổi tôi đi ngay lập tức. Không nản lòng một chút nào, tôi còn thấy quyến luyến với cảnh. Tôi vui vẻ bước vào quán. Chủ quán là một ông già, một ông già còn giữ được cái búi tóc trắng.

Ông cụ Điều – ông chủ quán – người rất vui tính. Cái tính hồn nhiên của cụ Điều thật đã hòa hợp với cái tự nhiên nơi bãi bể này, một bãi bể mà người ta còn được phép tự do khỏa thân lúc dìm thân xuống nước mặn.

Tôi ở Cửa Đại có đến năm sáu ngày liền. Ngày ngày ăn cá luộc thay cơm. Và chốc chốc lại nhẩy tùm xuống bể ngâm mình. Chán nô rỡn với nước, tôi lại lên bãi phơi mình tắm nắng. Chúng tôi là bốn người cứ cặp kè nhau trong cái vui sướng với tự nhiên: ông cụ Điều, Nhân người con trai ông cụ và một thi sĩ trẻ người vùng Quảng Bình vào đây hít gió dưỡng bệnh đen phổi và tôi. Đêm, chúng tôi ngắm sao trên vòm trời như những kẻ đi biển tìm phương hướng. Cái êm đềm của đêm thừa lương hẻo lánh này thỉnh thoảng thường bị phá rối vì mấy cuộc đánh bài tứ sắc ồn ào cãi cọ của mấy người ở Quảng Ngãi ra chơi đây.

Cảnh mến tôi, tôi quyến luyến với cảnh. Nhưng ngày lên đường của tôi đã tới. Sóng vỗ chiều nay nghe như có chen những tiếng rỉ rầu.

– Thưa cụ, tôi gửi lại tiền về sự phiền quấy trong mấy bữa.

– Đi rồi sao?

Ông cụ Điều và cậu Nhân tỏ ý buồn nhớ. Ông cụ rầu lòng giống như một ông tù trưởng trên xứ Mường phải miễn cưỡng thả một “cái quan” rất tử tế trở về đất Kinh. Biết không thể làm cho khách lùi lại nhật kỳ, ông cụ nói:

– Nghe nói ngoài Hà Nội vui lắm. Người niên thiếu và phong tình như mấy thầy chịu chi nổi chốn này.

Tôi vỗ vai cậu Nhân. Nếu sau này có phải vẽ tranh cho cuốn truyện Tuyết Hồng lệ sử, vẽ đến bức hình Bằng Lang, thì tôi phải trở lại tìm cho được cái kiểu mẫu này. Tôi khoa tay chào cả nhà ông cụ Điều.

Chiếc xe ngựa của anh Bẩy đã quay mấy vòng bánh, nghiến xuống cát kêu rào rào. Xe đi khuất vào rừng thông nổi gió. Cha con ông Điều đã mất sau lùm cây. Sóng đổ ào, đuổi theo người đi.

Chưa rời khỏi cái quán được mấy trăm bước mà tôi đã thấy nhớ Cửa Đại tưởng chừng như có thể quay xe trở lại được.

Sao cảnh ở đây hiền lành thế. Ngồi trầm ngâm, đem so sánh những bãi bể nghỉ mát ở các tỉnh rải rác một vùng duyên hải, nếu tôi có thể hạ những chữ như "bãi bể đã đánh đĩ" để chỉ Đồ Sơn hay Sầm Sơn chẳng hạn, thì tôi càng nhận thấy Cửa Đại là một đất thừa lương rất lương thiện.

Có như thế. Con nhà chài ở đây chưa biết đánh lừa người ta, mỗi khi bán mớ tôm, mớ cá. Những thiếu phụ góa bụa quấn giải khăn ngang để tang một người thuyền chài chết vì mẻ cá nục ngoài bể sâu mấy con sào nước, những người sương phụ đó có cái vẻ đẹp của Thánh Marie đó chưa biết đến việc mãi dâm, một thứ hàng mà người thành thị đi nghỉ mát để khoe của đã đem du nhập vào mọi chỗ hải tần đổi mới. Ở đây, người ta đi tắm là đi tắm. Hít gió ở đây là một cứu cánh chứ không phải là một phương tiện trá hình của đám trưởng giả. Ở đây, chỉ có cát vàng, cây xanh, sóng trắng đầu. Cảnh tự nhiên chưa bị hoen ố bởi những tấm biển quảng cáo. Tạo vật được kính trọng đến cả trong những tiếng động. Ngoài cái bản đàn của sóng khơi và gió ngàn thông, tịnh không có tiếng âm nhạc hỗn xược của nhà khiêu vũ hay của khách sạn mà mỗi lúc say sưa, người ta lấy dao, lấy thìa, lấy chĩa ba gõ vào miệng cốc thành đĩa để bắt chước cái tiếng động, một chiếc máy chữ của những nước *cơ khí hóa đến cả tấm lòng*.

Trên con đường này, tôi chưa được thấy bóng một cái xe hơi vô lễ nào vượt qua tôi với sự ngạo mạn của tên cầm lái chửi mắng người bộ hành bằng những nắm cát bụi mù bỏ trở lại.

Lọc cọc lạch cạch, cái xe ngựa của anh Bảy chạy rất chậm trên con đường vắng. Thật là hình bóng sự vận tải của một thời trung cổ. Nó giống như cái xe thổ mộ của Nam Kỳ. Thằng Cẳng chốc chốc lại

nói với cha nó dừng xe lại. Anh Bảy sau khi họ xe ngựa đứng im để cho đứa con xuống khám lại vành bánh xe cũ nát, lại chặc lưỡi, nới cương. Cái xe ngựa ốm yếu lại từ từ lăn vòng bánh trệu trạo trên đoạn đường lởm chởm. Trông con ngựa già nhẫn nại và ỳ ạch, tôi nghĩ đến những cái tài hoa lúc đã cỗi cằn hay những ông đồ cuối mùa cố bám vào cuộc sống đã ruồng bỏ mình ra mặt.

Mãi đến bây giờ gần về đến Phố, tôi mới nhớ ra trong xe, còn có thêm một hành khách nữa. Ấy là một người đàn bà, một thứ đàn bà tồi. Tồi ở chỗ *lõa lồ trong câu nói tiếng cười*. Tồi ở cái lối phục sức đã rẻ tiền mà cứ gắng làm ra lộng lẫy cho kỳ được. Cái tuổi trẻ này, chắc đã thức đêm nhiều và đã bị truyền qua tay nhiều người vô danh lắm. Hai con mắt đục tố cáo rõ sự mệt mỏi của xác thịt bị vầy vọc nhiều và bộ ngực xọp xẹp của nàng nhắc cho mình nghĩ đến những cái gì sắp vữa ra. Có phải những tàn lửa điếu thuốc lá Cẩm Lệ của những đêm trên chiếc thoàn tình sông Hội An đã dùi thủng cái manh áo tím nhàu nát kia không? Tôi yên trí rằng, nếu có lần lữa ở Faifo, nếu còn nằm đò, thế nào tôi cũng thấy lại cái khuôn mặt này.

Xe ngựa anh Bảy đã vào đến địa đầu thành phố. Cái người đàn bà đó vẫn chưa chịu xuống. Nàng cứ ngồi ỳ ra đấy để ám sát cái hiền lành của một chuyến xe ngựa rất nên thơ. Thấy nàng vô duyên và trơ chẽn đến cực điểm, tôi không muốn ví cái xe của anh Bảy với chiếc xe roulotte của người lưu đãng nữa. Bởi vì cái người đàn bà tồi đó không thể nào chép được cho tôi cái hình của người gitane, mặc dầu mớ tóc của nàng đen như mun.

Đêm nay tôi lại ngủ đò.

Trăng đêm khuyết hẳn một góc và kềnh càng mãi, bắt tôi nằm chờ đợi rất lâu nơi cửa sổ khoang thuyền. Dưới bóng lờ mờ, những chiếc thuyền con rao bán chè đậu ván và mì cu ly lượn lên lượn xuống như vào một ngày hội hoa thuyền. Tôi muốn mách những người có tâm bệnh, mỗi tiết hè, tới đây mà dưỡng nhàn hay là nhàn sầu trên mặt sông này. Ta sẽ thấy những cảm tưởng nhẹ nhàng.

Giữa hai giấc mộng cỏn con, tôi bắt được vợ chồng nhà đò đương cãi lộn nhau về cái câu: "Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay co, Bình Định hay lo, Thừa Thiên ních hết".

Tôi ở thuyền, về nhà để thu thập hành lý. Buổi sớm, sau đêm đó, tôi ăn cơm với cá trảnh, thứ cá riêng có ở sông Phố. Nó thơm như cá

sông Hương. Bữa cơm gia đình không vui lắm, vì trên cái mùi đồ ăn lại còn phảng phất ít mùi tiễn hành.

– Anh Cả ở ráng lại ít ngày. Sắp đến mùa loòng boong đó. Ước ao mãi, giờ nhân vô chơi, anh đợi mà ăn trái loòng boong.

Tôi nhấp cạn chén rượu ty và lơ đãng nhìn mấy người em tôi – cả em gái lẫn em trai, em dâu và em rể nữa – đang chụm đầu trên mâm cơm. Tôi không nói sai sự thực tý nào, khi tôi ví lũ em tôi là những củ hoài sơn. Chúng nó lành lắm. Sống không phiền ai, và cũng không muốn ai quấy mình. Từ khi được làm người đến giờ, chúng chưa bị một cơn khủng hoảng nào, chưa biết băn khoăn bao giờ cả. Các em tôi được đặt vào cuộc sống cũng như mấy con hoài sơn được một ông lang y nào nhút nhát trong việc kê đơn đã bạo tay bỏ vào một thang thuốc bắc. Là mấy đồng cân hay là một lạng, những nhát hoài sơn trắng trẻo ngon lành, nếu không làm giảm được bệnh, thì cũng chưa bao giờ làm tăng bệnh lên. Có ai ngộ thuốc, chết được vì vị hoài sơn bao giờ. Thế nhưng mà hoài sơn vẫn là cần dùng để trợ sức cho những vị thuốc công phạt khác. Tôi lặng lẽ nhìn người em gái bây giờ trông đã đứng đắn, vì đã có chồng, vì đã có con.

– Loòng boong, là một thứ thời chân rất quý của quê Quảng đó, anh cở nè.

Không biết ai đã giảng quốc sử mộc cách tai quái cho em tôi từ bao giờ mà em tôi dám buộc tôi tin rằng trái loòng boong vì vua Gia Long mà mới có. Hồi xưa, vua Gia Long trẩy quân qua xứ Quảng, lỡ gặp lúc tuyệt lương. Tới một đoạn rừng, ngài thấy có thứ quả chín, ngài bèn bóc ra ăn thử sau khi đã khấn trời phật giúp cho ngài và ba quân khỏi gặp đói. Thế rồi là ba quân đều ăn và no lòng đi đánh giặc. (Giặc nào!). Trái loòng boong được đặt tên là Nam Trân. Một vị đại thần thờ vua triều trước quán ở Quảng Nam, muốn lưu lại một cái tên của một thứ quả quý giá, đã đặt tên con gái mình bằng tên chữ của quả loòng boong.

Và ở trái loòng boong nào, bây giờ cũng có vết ngón tay ngài bấm vào. Cái ông vua Gia Long này thực là một ông vua nhiều chuyện nhất trong lịch sử. Hồi qua Lào, có người ở Thakek đã chỉ cho tôi xem một cây đa mọc ngược, rễ chổng lên trời, ngọn cắm xuống đất! Vua Gia Long trồng để thề phải đánh cho được giặc đấy!

– Đến cữ đầu tháng tám, là có loòng boong rồi. Ở ráng lại, ăn loòng boong đã. Anh thì bận cái gì. Cả năm anh đi chơi hoài ấy mà!

Trời, đợi từ giờ đến tháng tám, nằm bẹt ở đây như một người giang hồ ngọa bệnh, để chờ một trái loòng boong chín cây! Em tôi thực là một thế giới giản dị hiền lành. Tôi nhớ đến truyện người u già cũ kỹ của Anatole France; sắp vắng Paris, khi France dặn dò sắp phải đi ra ngoài đảo Sicile tìm một cuốn sách cổ, người u già nhắc rằng: "Nhưng mà ông về cho sớm kẻo nguội mất đồ ăn con sắp bưng ra".

Hạnh phúc ở đời, phải là thứ phần thưởng chế tạo ra để riêng tặng những người đơn giản như thế, hồ đền bù lại cho người ta về những chỗ thiệt thòi khác.

In trong *Tùy bút*,
Nhà xuất bản Cộng Lực, Hà Nội, 1941.

CHIẾC VA LY MỚI

(Tùy bút)

Tặng Tuệ – người bạn ngoan

Đã có nhiều người bạn tìm đến đòi xem va ly mới. Xem chưa đủ, họ còn ngửi nữa và kêu rằng cái mùi da bò thuộc ấy vẫn còn ngái lắm, hăng lắm, cần có những trận gió đường trường thổi vào cho nhiều thì mới hả hết cái mùi tanh nồng và mới dùng được. Đã đành. Họ chê mùi da, họ chê cả màu da. Những là sáng quá, tươi quá, sạch quá, thiếu mất cái đẹp của phong trần. “Các anh ngắm cái va ly mới nhẵn nhụi, sạch bóng, chưa được thụ phép giang hồ, chưa được gió mưa của khởi hành tẩm cho ít bụi, các anh nghĩ đến gì? Tôi nghĩ đến những đứa con trai sợ sống chỉ dám lẩn quất ở nhà, mới đi ra ngoài là sợ sểnh nhà ra thất nghiệp; tôi nghĩ đến những cái bộ mặt phốp pháp, trắng trẻ ấy mà khối người của xã hội quá bình dị đây lại vốn khen là đẹp. Đấy, tôi nghĩ đến những bộ mặt hưởng thụ, đầy đủ, bấm được ra sữa ấy, khi tôi đứng trước cái va ly mới quá, sạch quá này. Hỡi người vừa mua chiếc va ly mới, hãy nghe này: Nếu chưa có dịp lên đường thì nên lấy ngay ít nước trà tầu hoặc cà phê đặc tẩm cho vỏ va ly và bôi thêm ít vệt dầu máy vào cái mặt da mới. Có những vật chỉ cũ mòi đi thì mới có giá. Xách một cái va ly mới rất sạch lên tàu, tức là đã oan uổng góp một cái ngây thơ đáng tức cười vào một cảnh xô bồ phiền phức. Sự trái ngược ấy chỉ đem lại rất nhiều xấu hổ cho những đấng bôn ba biết quý chút phẩm giá của giang hồ. Như tụi ta chẳng hạn. Ai mà hứng thích được trước một cái hộp hành lý bóng như chùi? Cái va ly sinh vào đời, đâu có phải là sống với nghi lễ của vệ sinh, giữa cảnh bài trí yên nghỉ của một phòng khách ấm áp sạch như chùi”.

Tôi bắt đầu có cảm tình với cái người bạn mới gặp kia vừa nói được những câu hỏi như thế. Lại một bậc kỳ tài trong việc Xê Dịch chăng? Lại một đấng lão giang hồ? Không giang hồ, không bôn ba, sao nói được những câu khôn như cái khôn của người sắp từ trần như thế? Sách vở nào mà chép dạy được những lời ấy; chỉ có cuộc đời rộng rãi, chỉ có đường đời vô thường định mới dạy cho người ta biết

được những câu đẹp đẽ một cách quái dị như thế thôi. Tôi sắp cầu thân với người bạn nhất kiến thì một ông bạn làng văn đã chen vào:

– Nếu chuyến này có vào trong ấy, gắng viết lấy một cái gì áng chừng độ ba trăm trang. Cái va ly đẹp nhất ở cuộc đời này vẫn là một cái va ly chứa toàn bản thảo của những năm, tháng đi làm việc thui thủi ở phương xa trở về.

Bạn tôi là một nhà phê bình chỉ ngồi một chỗ để rình mò xem quanh mình có xảy ra một cái thiên tài nào thì ông tố giác với quần chúng, hoặc có một cây viết thần đồng nào có tương lai thì ông lôi ra và gửi gắm cho người cùng thời. Có khi ông gửi lầm và ít ai bị vấn tội. Xã hội mình vẫn còn nhiều người khoan hồng. Ông chỉ viết và ngồi chờ dịp để phát minh những giá trị tinh thần mới. Ông sống ít lắm. Ông chỉ sống với sách, với không khí buồng sách. Tôi sống với ngoài đường, với những người đi trên đường, với cái luân lý của người bộ hành. Mỗi người có một lẽ phải riêng để tin cái sống của mình là đúng. Chúng tôi thân nhau, sợ nhau, gần nhau, xa nhau cũng chỉ vì có bấy nhiêu chênh lệch. Đến ngay những cái sở thích linh tinh, chúng tôi cũng không giống nhau. Đã mấy lần bạn tôi chỉ cây bút máy, hộp cà vát, cây gậy trúc và lũ va ly của tôi mà kêu la rằng tôi xa xỉ quá, hoang quá, – "Những vật này, có phải sắm đến, miễn sao dùng cho được việc thì thôi. Chọn lọc lắm chỉ là phí phạm, vô ích. Tốn thì giờ, tốn tiền. Mà ông thì đã giàu gì?"

Tôi chỉ cái buồng sách bề thế của ông:

– Cái bộ Bách khoa tự điển gần hai mươi tập kia, gáy da mạ vàng, cạnh thiếp vàng, kể cũng đáng gọi là một lối chơi xa xỉ. Cuốn sách tốt đắc dụng thường không là đẹp và mới. Có lẽ nó càng cũ rách càng là có giá. Giá nó lại mất đi hoặc không có nữa thì càng phải hơn.

Và ở một người viết văn để yêu sống, để tìm nhân loại, để tìm mình trong nhân loại, để được thấy nhân loại trong mình mình, cái phòng làm việc của người ấy đặt ngay giữa cuộc đời. Tấm lòng kẻ sĩ giữa cuộc sống muôn hình đã đủ là một cái thư viện rồi. Vẽ ra làm gì những cái giá sách vướng bận này, nó chỉ tỏ ra một lối làm việc hẹp hòi.

... Vậy mà, một buổi sớm ấy, tấm lòng đi của tôi đã chùn hẳn lại. Tôi vừa nhận được một tin buồn đem lại từ một cảnh nhà. Đứa con trai rốt lòng của tôi đã chẳng còn được làm người nữa. Nó bị trúng phong, chết đã hai hôm rồi. Và từ hôm kia, người nhà tôi đi tìm tôi cứ long vỡ cả Hà Nội lên.

A thế ra ngày hôm nay, 15-5-41 là ba ngày của con trẻ và lại luôn là ngày lễ đại tường của thi sĩ Tản Đà.

Tôi biết thế nào tôi cũng phải về Thanh để chia với nhà tôi cái buồn bỏ trẻ. Trẻ, chắc thế nào cũng được chôn cất hẳn hoi rồi. Những việc cần kíp như thế, thường ít khi người nhà tôi chờ đợi tôi. Biết tôi ở đâu mà cho tin và tin đó có tới được tôi thì biết bao giờ tôi về mà chờ với đợi. Ở nhà, thân nhân đã quen hẳn sự sống không thường của tôi đã từ lâu rồi.

Vậy thì sớm chầy, thế nào tôi cũng về Thanh, không phải để còn được nhìn mặt trẻ, không phải để được lo liệu làm ma cho đứa trẻ tội nghiệp mà chỉ là để ra mả nó vẩy lên trên nấm đất mới kia ít giọt nước mắt chậm trễ. Sự tỏ dấu tiếc thương lỡ đã muộn rồi, thôi thì cho nó chậm luôn một thể. Mai tôi hãy về, và đêm nay tôi hãy đi dự lễ kỷ niệm một nhà thi sĩ đã. Đối với cái ngày tử này tính theo âm lịch, lòng tôi có lẽ còn nặng hơn việc chết kia. Vào lúc nhá nhem, ngồi ở nhà Thủy Tạ ven Hồ Kiếm, chếnh choáng hơi rượu sầu nhớ, tôi thấy những bản đàn cổ điển của ban âm nhạc quốc tế kia cũng chẳng làm khuây cho tôi được mấy tí. Một buổi tịch dương lòng cư tang, hương lửa tâm tôi lem nhem, lúc nhóm lúc tắt theo với đợt gió hồ. Tiết trời năm nay lạ thật. Cuối tháng tư mà gió chiều lại gây gấn lạnh như gió ngày thu tháng chín.

Ban âm nhạc của nhà Thủy Tạ thực là đủ thứ người ngoại quốc, Nga La Tư, Ba Lan, Ý Đại Lợi, Phi Luật Tân v.v...

Tôi ngắm mãi một nhạc công tuổi tác người Ba Lan mỗi khi đánh xong một bài lại lau mắt kính gọng vàng, lại lau hai mái tóc bạc, gật đầu cảm ơn một cái công chúng bất kính với tất cả cái khuất lụy có tính cách tôn giáo của một người đã già mà tôi đã bùi ngùi muốn khóc thành tiếng. Được dịp chia cái buồn này với một người nhạc công già, tôi đã bằng lòng vợi sẻ cho người một ít nước mắt thầm dành riêng cho trẻ.

*

* *

Đêm hôm ấy, tôi đã về đến nhà. Trừ có ông tôi còn thức ăn thuốc khuya, cả nhà đã đi ngủ. Bị thức giấc, mọi người đều nhìn tôi với cặp mắt mệt mỏi. Trong cái yên lặng của một mái nhà ngủ bị chìm hẳn

vào cái đêm của tỉnh xép, tôi nhìn mấy khoảng giường có những cánh màn the cũ màn rủ buông mà lòng thấy se co hẳn lại. Tôi ngửi thấy một mùi nhạt nhạt của những vật cũ mới ẩm mốc.

Ở đây có một cái gì bé bỏng vừa đi khỏi. Ông tôi nói luôn: "Thầy biết cái thằng Lãng ấy là khó nuôi lắm. Lá số tử vi của cháu tốt quá. Hồi mợ nó sinh nó, thầy bấm giờ, an sao thấy số tốt quá, thầy đã biết là khó giữ được, nhưng không dám nói. Kịp đến kỳ cháu đầy tuổi tôi thầy vẫn cứ nghi ngại cho rằng cái của quý nó ở được với mình ngày nào thì cũng biết vậy mà nưng niu thôi. Những cái gì tốt quá là ít được bền. Con không thấy những người đánh bài cẩn thận, ít người dám ù kính tứ cố. Tổ tôm đã vậy mà đến bài tây thì người ta cũng kiêng những ván bài to có bốn con ích xì về mình cả".

Tôi ngồi im, lấy sức mạnh của ký ức vẽ lại vào trong tâm khảm cái hình ảnh trẻ. Thằng Lãng ngoan lắm. Trán cao, má lúm đồng tiền, mắt sáng như nước dòng thu. Còn nhớ hồi đầu năm về thăm nhà, lúc tôi ra đi, mẹ Lãng bồng nó ra cửa, hướng vào tôi đã trèo lên xe, nó phụng phịu mím môi lại. Tôi đã ngoảnh mặt đi, lấy chân giục người xe già cất càng xe cho nhanh kẻo dùng dằng chút nữa thì lại còn lâu mới đi được.

Tôi lại nghĩ đến lúc nó chết. Rồi khi không đang ngồi bên cạnh bộ đồ trà nóng của thầy tôi, tuôn đầy một bầu khói nước đượm hương Ơ Long mà tôi đánh hơi lại thấy toàn những mùi ghê gớm của khói chổi xể, lá sơn, bồ kết và gỗ bạch đàn.

Vẫn thầy tôi nói tiếp: "Được cái có thầy ở nhà, việc chôn cất cháu cũng tươm tất. Cái số thằng Lãng thế mà hóa may. Thầy còn ít tiền định đi chơi xa. Trùng trình đợi một người thành ra mới có ở nhà hôm cháu nó đi đấy chứ".

Bỗng thầy tôi nhìn vào hành lý của tôi, đổi hẳn câu chuyện:

– Con lại mới mua cái va ly mới đấy à? Lại định đi đâu xa?

Vợ tôi ló đầu vào ánh sáng khung cửa, mắt còn ngái ngủ, vừa bắt gặp câu chuyện, chưa hiểu đầu cuối ra sao, vội chen ngay vào: "Vừa chân ướt chân ráo về tới nhà, lại đã đòi đi. Chẳng mấy khi về tới nhà; động về là đã đùng đùng đòi đi ngay chẳng còn thiết đến ai cả. Kìa lại cái va ly mới nữa! Thầy bảo nhà con hãy ở nhà ít hôm, hôm qua là ba ngày thằng Lãng, đã lỡ không về kịp, thì dấn ở lại ít ra là tới ngày tuần sau cúng cơm cho Lãng vậy".

*

* *

Lâu lắm, tôi mới lại có dịp đặt chân vào cái nghĩa địa hàng tỉnh này; những luống trắc bách diệp đã xum xuê, những hàng thông mỗi lúc reo gió đã liền tiếng rền rỉ. Cái bó hoa mẫu đơn đặt trên chỏm mộ Lãng vẫn chưa khô héo hẳn. Thắp xong tuần nhang vào cái nấm đất còn nóng hổi và nhỏ bé chưa xanh tấc cỏ, nhà tôi và tôi vừa nhặt cỏ may ở quần áo và nghe mấy đứa nhỏ nói chuyện với nhau về cái chết của em chúng:

– Em Lãng chết rồi, em Tương không hiểu gì cả lại cứ bảo là em ngủ, nằm mãi bên cạnh. Đến lúc mợ bảo cho biết là Lãng hỏng rồi, em sợ quá chạy mất.

– Thế chị ẵm em như thế mà chị không sợ à? Này, chú Lãng rồi chú ấy thiêng lắm đấy! Mợ bảo thế.

– Này, làm sao lúc bỏ em vào cái hộp gỗ bà lại lấy tí mực đỏ bôi vào trán chú Lãng anh nhỉ?

– Vào gan bàn tay chứ? Định bôi vào trán, nhưng sau mợ nói đánh dấu như thế càng thêm tội em bé, bà lại bảo bôi vào lòng bàn tay.

– Chú Lãng vừa đi xong có một lúc là có kiến ngay. Đầy cả giường.

Thầy tôi cũng tìm đến mộ cháu Lãng vào lúc chúng tôi sắp ra về, lại nói chuyện nhiều về cái lúc sống của một đứa trẻ tội nghiệp. Gió thổi vài đợt nhẹ vào mấy luống tùng bách, đánh rớt xuống nhiều giọt mưa đọng trên lá cây thiên cổ xanh xanh.

Ra đến quá cái bia kỷ công nghĩa địa, thầy tôi đọc lại cho tôi một câu đối nôm của người trong hội nhờ thầy tôi lấy Kiều ra đề chính vào nghĩa địa này hồi mới dựng nghĩa trang hàng tỉnh:

"Cỏ hoa bốn mùa, có chùa tụng kinh, người suối vàng một giấc

Này cuộc trăm năm, này mồ vô chủ, vừng trăng bạc năm canh".

Vài ngày sau, cái buồn của tang đã lắng xuống, tôi muốn phơi dãi tôi ra một chỗ thoáng nào. Tiết trời hè mà không khí ẩm ỉu quá chừng. Lần da chiếc va ly mới đã lên hoa mốc. Hoa mốc trắng như hoa mộc rồi dần dần xuống màu, ngả đúng cái màu hoa lim rừng. Mỗi lúc lấy giẻ lau chùi va ly là tôi lại lấm lét như trẻ ăn vụng. Tôi phải đợi cho thầy tôi đi vắng hoặc nhà tôi đi chợ rồi tôi mới dám làm cái

việc tắm rửa ấy cho hộp hành lý. Tôi biết trước rằng nếu bắt gặp tôi săn sóc, soạn sửa va ly, thế nào nhà tôi hoặc thầy tôi cũng gàn một câu: "Thì hãy ở nhà lấy ít hôm nữa. Việc quan, việc vua gì mà cứ tới tấp lên. Có ra ngoài ấy thì cũng chỉ đến họp chúng họp bạn thôi chứ gì".

Không, tôi không muốn ở nhà nữa. Nhưng cái va ly mới, đẹp như thế kia, bây giờ tôi sẽ đưa nó đến một phương trời nào để đánh dấu cho đời nó một ít ngày đầu tiên xứng đáng. Ở trong ấy đã có một giọt máu đào rất xinh. Tôi muốn cho đời va ly ấy được đẹp, được rộng, được mới lạ, được tươi đượm hơn. Chẳng lẽ nó lại chỉ có theo tôi vào đến cái đất Thanh này để biết đến có một chút mùi đất nghĩa địa ủ lấy nấm cốt mềm của một cái chết hồn nhiên, chẳng lẽ chỉ có thế rồi nó lại lộn trở về Hà Nội – cái nơi tầm thường đã hết gợi đến tọc mạch, cái nơi quá quen thuộc mỗi lần gặp lại là lòng không bao giờ còn bồng bột cởi mở được nữa như ở những đất mới làm quen?

Vào chăng? Đi mãi vào trong nữa chăng? Hay là lại lộn về? Tôi hỏi tôi, tôi hỏi cái va ly của tôi, tôi hỏi cái ví tiền trong túi, và một buổi chiều cô đơn ấy, đối diện với nếp thành gạch cổ, trên gác sân một lầu rượu vắng lạnh như chùa Âm Hồn, tôi lại hỏi các cốc rượu mạnh của tôi. Trong đáy cốc đã lắng hết cặn, trên mặt cốc đã vỡ hết bọt men, tôi thấy đùn dần lên, hiện dần lên hình ảnh vài người bạn ở xa. Bỗng người trong chất rượu chập chờn như bóng ma chài trên một cái mặt bể lặng lẽ và trí trá.

Có một người quen đang đi dưới mặt đường nhựa phố. Ông bạn Ch. Ph., thế này thì tôi không phải uống rượu một mình nữa rồi. Độc ẩm, nhiều khi tủi lắm. Tôi cho phổ ky chạy theo mời ông lên.

– Về bao giờ? Mà không đi thăm các bạn? Mà không xuống thăm tôi? Mà ngồi uống rượu một mình như một người không có bạn thế này, hở người anh em lâu lắm mới lại gặp kia?

– Ở đây, anh bảo tôi đi thăm ai bây giờ? Uống đi! Hôm qua định xuống nhưng anh sống cái nghề chủ thuyền, ngày giờ trên sông nước rất là không thường, xuống không chắc thuyền có đậu bến nhà không, nên lại thôi. Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định. Anh uống đi.

– Thế về làm gì?

– Để xuống đặt một vòng hoa dưới nghĩa địa. Tôi vừa bỏ một cháu.

Chúng tôi lặng lẽ uống, nhìn vào một cái buổi chiều trơ trẽn. Ở cái tỉnh lẻ này, tôi nghiệm ra hình như buổi chiều nào cũng đều

không có hoàng hôn. Tôi ngắm cái khuôn mặt ông bạn Ch. Ph... Cái vết sẹo ở cổ ấy gió sương trên sông bể đã làm thẫm màu lại rồi. Mấy năm làm thuyền còn gì nữa. Nhớ hồi ông làm lễ hạ thủy chiếc thuyền đầu tiên Hồng Lập chở được bằng ba mươi tấn than, ông đánh giấy mời tôi về dự lễ ở Bến Ngự, tôi có mừng ông – ông xưa kia chuyên sắm vai vở tuồng, sống với sân khấu – một đôi câu đối:

"Cảnh thế nhọ người bào, trọ trẹ Châu Thang câu hát bộ

Bể ngòi xây nghiệp nước, nổi nênh Bến Ngự chiếc đò than".

Tôi hỏi thăm ông về chiếc Hồng Lập.

– Chiếc Hồng Lập bán rồi. Được giá thì bán để đóng chiếc khác to hơn, chứ xấu gì chuyện đó. Giờ đóng chiếc Hồng Cơ. Chở được hơn bốn mươi tấn. Sớm ngày kia, Hồng Cơ lại ra Uông Bí lấy than đấy. Có đi cùng không? Lại uống rượu tay đôi trên sông mà.

Tôi chồm hẳn dậy. Cả một cốc rượu còn đầy, tôi chỉ làm có một tợp. Tôi mừng rơn. Tôi mừng cho tôi, tôi mừng cho chiếc va ly của tôi. Nó sẽ được đi mành; con thuyền ấy sẽ rập rờn trên sóng ngòi, sóng kênh, sóng sông cái, sóng biển rộng. Hằng mấy tuần, cái va ly mới kia sẽ theo thuyền mà tha hồ thăm các bến, các giang khẩu, các phụ đầu. Đời cái va ly này sẽ có một sự khác lạ, sẽ ghi được một thành tích kỳ thú, sẽ có một bước đầu không hèn!

Cái con đường thủy này tôi vốn lại chưa có dịp trườn qua bao giờ.

– Sao lại sáng ngày kia mới đi? Sao lại không đi ngay sáng mai?

– Cái quân ở trên cạn ra không hiểu gì cả. Ngày kia mới gặp kỳ con nước, thuyền nhổ neo mới nhẹ mũi nhẹ lái, có biết không?

Tôi à một tiếng, đính ước ngay với chủ thuyền.

Đêm ấy và đêm sau, tôi ngủ nhà, lòng rộn ràng như lòng người đi thi.

Trằn trọc qua canh, tôi rón rén ra buồng ngoài định xẻ của mẹ tôi một ít rượu thuốc. Vợ tôi rất nhẹ giấc đã ngồi dậy quấn tóc.

– Mình đã đi đấy à? Trời còn tối đất lắm, tàu bè nào bây giờ.Giờ độ hai giờ chứ mấy. Không tin mình ra xem đồng hồ. Tôi biết thế là vì hồi còn mồ ma Lãng, đêm nào cũng cứ khoảng này, thì tôi trở dậy pha sẵn sữa cho con. Hình như cái hộp sữa cuối cùng của em nó vẫn còn một nửa. Tí nữa, mình lấy mà ăn đi. Ở nhà, cũng chẳng biết ăn sữa bò. Mà cứ để mãi ở góc bàn, trông bầy lại càng thêm nhớ nó quá.

Vợ tôi nghẹn lời. Tôi thấy tôi cũng muốn rơm rớm nước mắt theo và tôi ngờ rằng sớm mai đây khó lòng mà đem gửi nổi cái va ly mới vào một cái lòng thuyền.

... Thuyền rút sào, rời bến, đảo mũi. Cái cầu xi moong Bến Voi xoay mình vòng quanh. Ấm trà sớm uống trên mặt sông, điếu thuốc lào hút trên mui thuyền, hương vị khác hẳn mọi lần. Kế đến bữa rượu sớm dọn ở đằng sau khoang lái, ăn đến đâu, vứt xương thịt xương cá xuống ngay dòng nước chảy lùi. Chủ thuyền đã cho ngâm sẵn mấy vò "hoành tửu", tôi tưởng thuyền có mắc cạn hàng tuần, thì cuộc đời tình cảm của tôi trong cái khoang thuyền này cũng vẫn chẳng lỡ làng. Lúc này tôi không biết sợ thời gian nữa. Lúc này, nằm phơi mình trên mui thuyền, nép dưới bóng lá buồm chỉ thiên rộng tới nghìn vuông vải nâu, hưởng cái gió sông xiết mạnh mãi vào lòng phiến buồm chửa phồng, tôi mới thấy thương nhớ người nhà và nghĩ đến cái sự không còn có mặt ở đời này của đứa trẻ Lãng. Tôi còn nhớ một lần nựng con trẻ trước mặt tôi, vợ tôi đã vờ cấu vào đùi trẻ và nói: "Mợ nuôi cho con chóng nhớn rồi chóng lại theo cậu nhé. Lại sớm giang hồ thôi. Bố con nhà mày!" Tôi lại nhớ hình như mẹ tôi cũng đã có lần nói với tôi na ná như thế, vào những kỳ thầy tôi đi chơi xa.

Nhá nhem tối, thuyền bắt đầu vào kênh Toán. Trời nổi cơn giông rồi mưa. Mưa lộp bộp, mưa rào rào, gõ mãi vào mui nan cật, mỗi giọt gieo nặng là mỗi tiếng đánh thức nhiều chuyện tủn mủn của những ngày qua. Hơn người thay là những kẻ không có dĩ vãng. Đêm nằm thuyền nghe mưa trên sông! Cả một cái để cho một áng thơ diễn tả những cuộc cô đơn trong tâm khảm. Ngà ngà rượu chiều, nằm lắng mưa ngã mãi xuống sống thuyền, tôi đã tưởng nhớ đến Xuân Phương – cái người bạn ở Hà Nội cũng mắc bệnh chơi mưa: mưa trên tàu lá chuối, mưa bên cửa kính, mưa ngoài giọt gianh, mưa trên đường nhựa, mỗi lần gặp mưa ở đâu là người ấy lại tưởng mình đã già thêm đi mất một ít, lại vội mang phấn ra mà thoa và thay quần áo đẹp mới. Người bạn ấy cũng thèm đi lắm. Sao lúc này người ấy lại chẳng cùng tôi nằm chung một lòng thuyền, để cùng nghe mưa của cả một chiếc thuyền bồng.

Tôi đã khoác tấm chăn chiên vào người, bò lên mui thuyền. Thuyền đi chầm chậm. Kênh Toán là một đường thủy gay go nhất cho đám người chèo lái vào những buổi tối trời mà lại mưa gió, kênh Toán là một con sông đào kiểu chữ chi. Đêm tối như trát hắc ín. Chủ

thuyền chăm chú đợi những cơn chớp nguồn. Mỗi tia chớp là một ngọn đèn rọi đường. Cánh buồm đổi dây lèo luôn. Thuyền đi ngoằn ngoèo, gió lúc thuận lúc nghịch, chưa thổi dọc hết thì đã tạt ngang; tiếng con dây lèo nghiến vào những cái ròng rọc nghe không khác những tiếng chim ác kêu vào những kỳ dữ rừng, mưa thấm ẩm sũng, gió ngàn rú mạnh. Trên dòng nước nông hẹp oằn oèo, chốc lát lại được thấy một cái chấm lửa đứng im.

Ấy là một đoàn bè gỗ đề chở từ đường ngoài vào bán cho nhà máy diêm Thanh Hóa, đến đây phải nghỉ lại.

– Bè bỏ bên nào? Bỏ bên cạy hay bên bát?

Lúc tránh nhau sườn thuyền cọ vào mạn bè gỗ, nổi lên những tiếng kĩu kịt bé như tiếng thở dài. A thế ra cạy và bát là thế. Cạy là bên phải của thuyền, bát là bên trái của thuyền. Còn nhớ ngày nhỏ đi học, giờ quốc văn đọc đến câu "một con thuyền cạy bát bên giang", đấng thầy học tôi không thèm cắt nghĩa tới.

Suốt dọc kênh Toán toàn bè là bè. Hết gỗ bồ đề lại đến nứa. Trên nhiều nhà bè còn thức, có rất nhiều tiếng đọc kinh đấm ngực. "Lạy Chúa chúng tôi là kẻ có tội". Một đêm mưa gió trên sông lạnh hẹp tối om om, xa làng mạc, chợt nghe những điệp vần cầu nguyện vang lảnh này của một đoàn người bên giáo, bên những ánh nến ma quái lung lay, tôi thấy cả cái không khí của mấy cuốn *Tân cựu ước kinh* cùng là những cái ghê rợn của những ngày mới tạo nên cuộc đời và của ngày "Phiên luận tội về sau này".

Người thuyền trưởng thuộc đường thế mà thuyền cũng cứ bị mắc cạn, mũi thuyền thượng lên bờ kênh. Ấy thế rồi gần về sáng, nước rút hết lúc nào không biết.

Cái đêm đầu tiên thuyền mắc cạn ở kênh Toán tôi đã đem rượu ra uống suông rồi gối đầu lên cái va ly mới. Tôi đã vỗ về chiếc va ly và vỗ bảo lòng tôi rằng thuyền cạn rồi thuyền lại nổi, con nước thủy triều xuống rồi con nước thủy triều lại lên và va ly ơi! *"Khởi hành ban đêm; tỉnh giấc giữa cái sán lạn của ban mai rồi cảm thấy chỉ có hai ta lủi thủi trên cái bấp bênh của sóng".*

Mãi đến gần trưa ngày sau, con nước mới lên đủ mực, nhấc bổng thuyền lên rồi quá trưa, bọn tôi ra khỏi kênh. Lúc trời vàng mặt, thuyền bỏ neo ghé đồn Lạch Trường trình sổ hoàn then.

Sớm ngày thứ ba cả thuyền sắm sửa lại lái lèo để ra khơi. Con

đường vượt bể là cái đoạn này. "Gió đã lên lâu rồi, chị ơi". Tôi thả chân trên mạn thuyền, ngồi nhìn đám người đi dạo lặn xuống nước mò những con hầu, cổ lòng thòng cái dây có thánh giá đang rỏ nhiều giọt nước. Họ ngậm ngang mồm một con dao, lặn xuống một lúc lâu, tìm những tảng hầu cắn vào sườn đá cạy ra rồi ngoi lên mặt nước, vuốt mặt, nhổ và thở phì phì; họ vuốt mặt, vuốt mắt và nhìn lại chân trời đẹp với sự khó nhọc đăm chiêu. Những cặp mắt toét và những cái miệng mếu máo đầy nước mặn ấy của những người đi cạy hầu gợi tôi nhớ đến mấy đoạn sách của Panait Istrati tả cái cảnh huống những người lặn tìm bọt đá bể ở các vùng đông hải phận Địa Trung Hải. Ở lòng nước bể ấy, mỗi cái tăm nước nổi lên mặt sóng lặng là một giọt máu của một người. Người lặn xuống cạy bọt đá ấy có khi không nổi tăm lên nữa, lấy luôn cái đáy bể có lót bọt đá ấy làm một cái mồ. Vậy mà hàng năm, vẫn cứ có bao nhiêu người khác phải lặn xuống như thế hồ biến cái đáy hải phận ấy thành một nghĩa chủng chìm ở rốn nước. Tại sao thế? Tại vì trên thế giới này, còn có nhiều mỹ nhân cần luôn luôn đến bọt bể để tắm kỳ nước da mình cho mãi mãi được trắng mịn.

Trình giấy đồn xong, thuyền bọn tôi ra khơi. Cả một vùng Lạch Trường đang bỏ lùi lại sau cuống lái. Ở đây, có một cái gì đáng lưu ý nhất thì là những nại muối. Những ruộng muối vuông vắn, thấp cao từng đợt cấp gợi đến những thửa ruộng ở ven đồi các xứ trung du ngoài Bắc. Nước biển khô cạn trong lòng nại, dân vùng duyên hải này – do nhà đoan thuê làm culy trả công nhật – cào vụn ra và cơi lên thành đống thành ụ. Đứng trên thuyền, từ xa trông vào nại có những chòi canh, những ụ muối trắng và những cái mốc sơn trắng có đánh số hiệu từng nại một kia cho ta ngộ nhận đấy là một cái bãi tha ma mới được nhiều người sống săn sóc quét vôi cho luôn. Phía gần nại muối là làng Y Vích Lộc Tiên. Lũy tre xanh hẻo lánh này là quê hương ông bạn Đinh Ch. D... Cố nhân ấy, giờ thực là hạc nội mây ngàn.

Biển rộng đã bắt đầu. Hết sóng gối róc rồi đến sóng vã tai. Người thuyền trưởng luôn tay đổi dây lèo và mấy lá buồm lúc thì chạy theo lối cánh xếp, lúc thì chạy theo lối cánh tiên. Tuy rằng chạy ra biển nhưng lúc nào cũng nhìn thấy đất liền. Đây là cửa bể Thần Phù. "Lênh đênh qua cửa Thần Phù: khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm". Phía trong mũi núi kia là hang Từ Thức, là Vườn Đào, là Bến Chúa. Những danh từ cám dỗ.

Thuyền gặp một đoàn cá he ngoi lên khỏi mặt nước. Đen như mình trâu và to bằng con trâu. Những người đi bể vốn sợ cái giống cá này, lấm lét nhìn trộm đàn cá he ngoi lên ngụp xuống và thì thầm: " Ông đang múa đấy". Thuyền thuận gió, chạy non ba tiếng đồng hồ rồi lách vào đất Phát Diệm, quê hương của sự gieo mầm đạo vào xứ này. Trước mặt tôi, từ phía chân trời có bao nhiêu cái nóc nhà thờ đạo cứ rút lại gần. Và hai bên ven lạch, bên phải bên trái, quá trong những làng mạc xa kia đều là nhà thờ cả. Thuyền bọn tôi gặp những thuyền chợ đi ngược lại, chở toàn những cô gái buôn, khuôn mặt và cặp mắt xinh đẹp đều rập theo cái vẻ đẹp nhu mì của thánh Maria. Cái vùng bể này vốn là xứ sở của người bên giáo. Trong kia một chút nữa thôi đã là Kim Sơn.

Buổi chiều một ngày thứ ba, thuyền bọn tôi cắm neo ở cửa Đồn Cống đã san sát những cột buồm và dây lèo. Thuyền Thanh, mành Nghệ, thuyền Nam, thôi thì đủ. Ở đây có thể gọi là cái rừng cột buồm được. Chủ thuyền có kể cho nghe rằng vào cữ một chạp, các mành Nghệ hẹn gặp nhau ở đây, họp thành đoàn, đợi gió rồi đốt mã về ăn Tết, vui không biết thế nào mà kể. Ăn Tết năm nay ở Đồn Cống chăng? Tôi hỏi tôi.

Đêm đến, cảnh chỗ bến Đồn Cống không đến nỗi tẻ vắng. Có những cô gái Kim Sơn, chèo những chiếc thuyền thúng đi chào hàng. Họ quỳ gối xuống sạp thuyền, hai tay chèo đều đôi má thuyền nan lướt qua, len vào kẽ các thuyền gỗ. Lửa thuyền nan – thường là một ngọn nến thắp trong khoang vắng chứa đầy rượu – chấp chới, hấp hay theo ngọn gió lùa cửa sông. Cái đám phụ nữ bán hàng tạp hóa trên mặt nước này, có đùa họ, không bao giờ họ biết giận. Thương nhân phụ.

Mãi đến mười giờ sớm hôm sau mới trình xong sổ hoàn then.

Mãi đến một buổi sớm khởi hành của bao nhiêu con thuyền, hôm nay tôi mới nhận thấy hết cái ý vui sướng ngụ trong mấy chữ "thuận buồm xuôi gió". Tất cả bấy nhiêu thuyền đều dong buồm hết. Buồm lá trướng của thuyền Nam đúng là những bức trướng vải đám ma. Buồm chỉ thiên của đoàn thuyền Thanh đẹp nhất. Và mạnh bạo nhất thì vẫn là những cánh buồm dơi vẽ lại cái dáng điệu của những chiếc thuyền tàu Ô đi trên bể.

Phải đi thuyền, lần theo những bờ ruộng xanh um nơi này thì mới nhận rõ thấy cái tính cách hiền lành và tẻ nhạt của vùng Sơn Nam Hạ. Người tỉnh Nam Định vốn có tiếng là chân phương. Thuyền

bè vùng Nam hay vùng mây song để kéo những lúc tắt gió, trái với lối ở Thanh thì chống sào và ở Nghệ thì chèo. Chỉ ở một nơi mà sơn xuyên thiếu hẳn thì mới kéo được thuyền như thế thôi.

Ánh nắng siên khoai không bị vướng bởi những cái gồ ghề của các tỉnh có núi non, đã tà tà chiếu thốc vào những bờ sông cỏ non, bóng như chùi. Nắng vàng mát và cỏ xanh rờn. Trời mà làm thơ điểm phẩm thì không chê được. Và phút này, tôi muốn được hóa làm con bò gục mặt xuống bãi cỏ sông kia.

Đến quãng Tam Hòa Độc Bộ, tắt gió. Thuyền trưởng giao cuống lái cho con cầm, nhảy ùm xuống nước, lồng múi song vào gai, gù người xuống kéo con thuyền và hò:

"Ơ... ơ... Bến ôi... bến nghỉ... thuyền về".

Tiếng hò ngân vang trên mặt nước chiều một cái ngã ba sông trái gió, đi vào lòng tôi như một mũi tiêm trùng trình. Lòng tôi trở nên sợ hãi cái xa vắng mênh mông ở ngoài cuộc đời này.

Ấy thế rồi, sẩm tối ấy lại nổi cơn giông. Chúng tôi phải ngủ lại ở gần ghềnh Thao Ma Thổ Phụ để thỉnh thoảng tỉnh giấc nhìn những đuốc lửa chập chờn như ma trơi của những thuyền khác phải kéo đêm cho kịp kỳ chợ phiên. Bảy tám năm xưa, tôi cũng đã về ngủ một đêm ở gần nơi này tìm một người đàn bà. Gần đây chút nữa là sinh quán cô Xuyến. [1] Và quá dưới dòng nước này, đi quá sâu vào hữu ngạn lơ thơ ngọn tre dưới kia là làng ông Thông Phu. Chao ôi! Đêm tối như đêm giao thừa. Vẫn lại mưa rả rích. Mưa trên sông. Mưa xuống mái bồng. Mưa trong lòng, "chuyện cũ... ới... ư hừ... ơ... ơi".

Tuyển tập Nguyễn Tuân, tập I,

Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1981.

---

1. Chiếc lư đồng mắt cua

THIẾU QUÊ HƯƠNG [1]

(Tiểu thuyết)

I

Như lời người bạn giới thiệu với Bạch từ hôm mách chỗ cửa hàng cần dùng thư ký này cho chàng tìm đến mà... giết bớt thời giờ, mà lãng phí ngày giờ của chàng được thêm ngày nào, đỡ ngày ấy – đúng như thế, cuộc đời ở một cửa hiệu Tây bán máy móc đang vào thời kỳ quảng cáo, thật là nhàn hạ vô cùng. Nơi bàn giấy, chẳng mấy khi Bạch phải dùng đến bút mực. Người loong toong ngày nào cũng lau chùi tủ bóng nhoáng. Cái bồ mây đựng giấy nháp và giấy vụn, chẳng mấy khi được đủ rác rưởi để người ta đem đổ cho thành hẳn một chuyến. Cuốn sổ xuất nhập hàng hóa vẫn mới xé dùng đến có mấy tờ đầu. Bà đầm chủ hãng, chừng đã tính đến cái nước phải ăn thâm vào vốn trong buổi đầu (phải vui lòng mà kiên nhẫn và chờ một ngày mai mốt nào đấy sẽ có rất nhiều bạn hàng), cũng không cần hỏi han ông thư ký Bạch về sự hàng họ lên xuống ra sao. Mỗi buổi bà đến cửa hàng để đi vào xưởng máy ở bên trong, bà chỉ nhoẻn miệng cười lấy dáng và chào Bạch trước. Lắm buổi bắt gặp Bạch vừa nhồm nhoàm ăn bánh điểm tâm vừa ngồi đọc sách, bà hỏi:

– Ông học?

– Thưa bà, tôi đọc truyện, Bạch trả lời không được tự nhiên lắm, toan gấp sách bỏ vào ngăn kéo bàn giấy. Bà đầm cản lại:

– Không có khách vào hàng, ông cứ việc đọc. Người ta nói cái gì ở trong sách ấy?

– Thưa bà, văn chương và du lịch.

– Nghĩa là tất cả và không có gì cả. Cái lối làm sách bây giờ là

---

1. *Thiếu quê hương* đăng dần trên *Hà Nội tân văn* từ đầu năm 1940. Khi in thành sách (Nhà xuất bản Anh Hoa, Hà Nội, 1943), kiểm duyệt đã bắt đổi tên sách là *Quê hương* và cắt bỏ chương cuối. Nhan đề *Quê hương* không phù hợp với chủ đề tác phẩm. Chúng tôi lấy lại tên ban đầu của tác phẩm (NBS).

đều như thế hết. Không có gì giết ngày giờ kiến hiệu bằng những sách và thứ nhất là những tiểu thuyết nói về phiêu lưu.

Bạch muốn bác hẳn cái ý kiến thông thường ấy của một người đầm cũng được chịu cái giáo dục phổ thông, nhưng cũng như đám phụ nữ đầm tiểu trưởng giả, về văn phẩm xuất bản, họ chỉ có một chút quan niệm đại khái, thỉnh thoảng đem ra dùng ở một đôi chốn gặp gỡ cốt để tỏ cho chung quanh thấy mình cũng là người của thời đại. Thế thôi. Bạch muốn nói rõ cho người đầm biết rằng có những người đọc sách du ký để mong tìm đồ ăn tinh thần cho tâm hồn khát vọng. Và những người làm sách du ký, ký thác cả tấm lòng trôi giạt của một kiếp người lên giấy ruộm mực máy kia, đều có một dụng ý khác, chứ không phải là cốt giải trí người đọc. Nhưng nghĩ lại, Bạch thấy người đầm dẫu sao cũng chỉ là một người chủ hiệu buôn và đây không phải là một khách thính. Vả đối với bà đầm chủ hàng, chàng cũng vẫn sẵn có thiện cảm. Cái người đàn bà vui tươi, phong nhã và thích làm dáng cả trong lời nói, đã nhắc lại cho chàng hết cả hình ảnh các thiếu nữ và thiếu phụ Pháp, hồi tàu của chàng gặp kinh tế khủng hoảng thải bớt thủy thủ và chàng phải đổ bộ, sống cuộc đời trên cạn tại đất Pháp bằng những nghề không nhất định.

Người đầm nhìn qua tủ hàng sáng nhoáng kính pha lê và các đồ phụ tùng mạ kền và đồng đánh bóng, lúc đi vào còn la cà nói thêm được một câu nữa:

– Nhà tôi cũng có một tủ sách rất phong phú về loại phiêu lưu và du lịch. Ông muốn đọc, tôi cho mượn. May được cái tôi chưa cho đóng thành bìa da. Mua sách giờ tốn lắm. Mười tám quan. Ba mươi quan.

Bạch cười rất lễ phép, cám ơn rất nhanh và tự nhủ: “Cái lối của các bà có giỏi lắm thì lại đọc đến loại sách Maurice Dekobra là cùng”.

Bạch nhìn mãi những đường viền tủ hàng bằng đồng trắng, đồng đỏ đánh bóng. Chàng không hiểu tại sao hôm nay chàng lại nhìn rất kỹ, rất âu yếm những đường thẳng, những đường uốn cong, những đường kim khí vuông thước thợ này. Tất cả đều bằng đồng. Một thứ đồng được săn sóc đến nhiều lắm, không một chút han mờ, không một chút rỉ cáu. Chàng nhớ rất mạnh mẽ đến tất cả những cái li ti bằng đồng ở một toa máy đầu tàu hỏa, ở một hầm máy tàu bể, ở một phòng truyền lệnh của viên thuyền trưởng hàng hải. Một cái ống dẫn hơi. Những cái bánh xe đóng mở động cơ nhẵn bóng, vì sự rờ mó luôn tay của một người tài xế đốt lò máy. Một cái vịn tay ở cửa toa xe.

Một cái vịn tay ở cầu thang nhô lên khỏi boong tàu, nhấp nháy trên cái sàn gỗ thông mờ tối, một buổi sớm bể hửng nắng.

Bạch lại nghĩ đến những đường chữ rất khêu gợi làm bằng đồng cắt, nét rất to, gắn vào sườn những con tàu dựng đứng như tường, như một cái thành tự động trên nước dồn dập. Đồng ấy, muối của hằng năm xê dịch trên bể đã làm mất bóng và han rỉ các góc chữ.

Bạch lại nghĩ đến những con số bằng đồng – mỗi con số to bằng cả cái bàn tay xòe – đóng vào đầu toa máy hỏa xa mà phấn bụi đường dài của hằng tháng luân chuyển đã đọng lại và phủ kín trên chất bóng bẩy của loài kim.

Bạch thấy cả người mình nhộn nhạo. Hơn một tháng nay, đúng từng giờ từng khắc, chàng chỉ được đi từ nhà tới cửa một cái hiệu này.

*

* *

Một buổi chiều, gió nổi lên nhiều quá, gỡ những lá già vứt vô số xuống mặt đường nhựa Trường Thi. Những người bộ hành đều rảo bước và lướt qua cửa hàng. Bạch thấy bóng họ lướt qua nhanh hơn mọi ngày.

Người loong toong nhìn đồng hồ, bưng những tấm cửa lùa, sắp sửa lên cửa ngoài mặt hàng. Bạch đã gấp sổ lại và nói cho đúng hơn thì Bạch đã gấp lại cuốn truyện, lấy cái đơn hàng đánh dấu vào chỗ đọc dở và bỏ vào ngăn kéo. Một ngày yên tĩnh và tẻ nhạt ê ẩm nữa lại sắp hết. Bỗng có tiếng giày tây nện rất chắc và rất nặng ngừng bước lại trước cửa hiệu. Tưởng là có người bạn nào lại đến đón chàng như mọi ngày, Bạch chạy ra thì vừa gặp ngay một người lính Tây tiến vào cửa hàng. Y đăm đăm nhìn thẳng vào cái hòm vô tuyến điện đặt ở giữa cửa hàng và không để ý mấy đến Bạch. Miếng kính mờ gắn giữa hòm máy có khắc số và dấu luồng điện vẫn sáng tỏ một miếng vuông vàng cành cạch, cái kim luồng điện vẫn đứng im, in một gạch đen gọn trên nền kính nhờ nhờ. Bạch nhìn mặt kính mờ.

Người lính ấy sực nhớ đến một điều gì quay lại nhìn Bạch, đổi nét mặt và ngả mũ kê pi ra hỏi rất lễ phép:

– Thưa ông... thưa ông, tôi muốn phiền ông một việc...

Bạch thấy có thiện cảm ngay với người lính lê dương trẻ trung

ấy. Lễ độ không đáng chờ đợi ở người tráng sĩ ấy có như là một vật trang sức đắt giá không ngờ ở thân hình một kẻ nghèo hèn. Chàng mời người lính ngồi xuống:

– Ông muốn dùng máy?

Người lính lê dương cười một cách ngượng nghịu khó khăn. Y nhấc chiếc mũ kê pi, cầm vào cái lưỡi trai và gõ mãi thành mũ vào đầu gối. Cái mũ mà chỏm là một miếng dạ đỏ tròn xoe – một miếng tròn đỏ màu máu vượn mà vào một lúc tối khuya, người ta thường đùa gọi là vừng kim ô của giờ Tý, mỗi khi một người anh hùng lê dương ấy bước vào hý viện hoặc tửu lâu lúc canh đã sang ba. Bạch nhìn đồng hồ. Mười chín giờ kém năm. Người lính lê dương cũng nâng cổ tay nhìn đồng hồ mình. Y nhổm mình dậy, vận hết lực trong người và trong tinh thần ra để gò lấy những cử chỉ lịch sự và hết sức làm vẻ nhã nhặn trong sự nhờ vả sắp ngỏ ra. Bạch đón trước:

– Ông muốn cần gì về bộ máy và các đồ phụ tùng vô tuyến điện ở nhà hàng, xin ông cứ hỏi, tôi không dám lấy làm phiền, mặc dầu bây giờ là gần hết giờ mở cửa hàng rồi.

Người lính nói bằng giọng cảm động:

– Thưa ông, tôi là Jack. Hiện đóng ở chùa Thông. Chị tôi là Caroline. Tối hôm nay, chị tôi từ Hương Cảng qua Cựu Kim Sơn. Trước khi đi Mỹ, chị tôi có hẹn hát cho tôi nghe một bài ca trường thiên ở đài phát thanh âm nhạc Hương Cảng... Chị tôi là một đào nương, hằng năm đi khắp các hý viện lớn ở Âu Mỹ.

Nói đến đấy, người lính lê dương ngừng lại, nhìn vào mắt Bạch mơ màng, hỏi khẽ câu hàm ý trách móc:

– Ông vẫn nghe tôi đấy chứ?

Bạch không giật mình, chàng nối một điếu thuốc khác, nhìn vào đĩa gạt tàn thuốc xám một màu tro đang đùn tỏa lên những vờn khói quằn quại cuối cùng của mẩu thuốc hấp hối. Chàng mỉm cười giục Jack:

– Thế rồi?

– Thế rồi,... thế rồi, hôm nay được ngày phép, tôi từ Chùa Thông về Hà Nội, cốt đi tìm cái hộp máy vô tuyến điện để nghe lại cái tiếng quen quen chị của tôi. Chị Caroline tôi hát hay lắm ông ạ. Tiếng rất ấm.

Bạch đứng dậy, tiến lại phía hộp máy và quay lại hỏi Jack:

– Vào khoảng mấy giờ thì lệnh tỷ Caroline hát ở đài phát thanh Hương Cảng?

Jack tìm trong túi một phong thư màu tím nhợt và ngát một mùi nước hoa vi ô lét:

– Chín giờ đêm hôm nay, chiếc tàu "Empress of Canada" rời bến Hương Cảng... Tám giờ đúng thì hát ở đài phát thanh trước khi xuống xuồng máy ra tàu với ông bầu ban ca vũ...

Bạch ngắt:

– Hương Cảng và Hà Nội chênh nhau mất chín độ kinh tuyến, lùi về phía đông. Nghĩa là chúng ta chênh nhau đúng một giờ. Mời ông lại đây.

Jack và Bạch khom khom trước hộp máy đang lột sột loạt soạt và thỉnh thoảng lại nổ đánh bục một cái, trong khi que kim vẫn lừ lừ vẽ một vòng cong từ tây qua đông trên miếng kính vàng mờ có ghi đủ các thủ phủ vạn quốc ở địa cầu. Bạch vừa xoay hai cái núm tròn, vừa lẩm bẩm:

– Hương Cảng hai mươi giờ tức là mười chín giờ ở đây... Nếu lời hẹn của Caroline lệnh tỷ mà đúng thì ông phải nhận thấy tiếng hát quen rồi... Bạch tủm tỉm nhìn trộm người lính lê dương đang hồi hộp dán mắt vào gạch kim động đậy.

– ... Luồng điện Hương Cảng dài ba mươi thước.... Ông Jack, mời ông kéo xê cái ghế lại đây. Đấy, đấy, đài phát thanh Hương Cảng.

Trong hộp máy nổi lên một khúc hòa nhạc Trung Quốc hơi na ná cái bài Nhì Voòng. Rồi đến một đoạn độc tấu nhị đi kèm với tiếng sênh. Rồi đến thanh âm một người nữ báo cáo viên của hãng vô tuyến đài Hương Cảng. Bạch, lòng chứa đầy thương nhớ xa xôi, tưởng lại những giọng và tiếng của tất cả đám *phì phà chảy* hát lúc chuốc rượu cho chàng ở xóm *Sạch Sổng Chổi*, hồi chiếc tàu Sphinx mỗi năm đi đường Cực Đông, lại hai lần, đi và về, ghé bến Hương Cảng ăn than, ăn khách, ăn hàng và lúc thả neo lại cứ thả chàng – chàng, một người thợ giặt của tàu buôn – vào phố đảo có những đêm đầy rượu và đàn bà. Hồi ấy, chàng là người của mưa gió liên tiếp, Bạch xoắn cái núm máy một vòng cuối cùng, làm như là khóa nó đứng lại cái cữ ấy. Chàng xoa tay vui vẻ bảo Jack:

– Hết cái khúc giáo đầu này, thì chị ông cất tiếng hát đây... Tôi rất hân hạnh được nghe tiếng hát của lệnh tỷ, nếu ông không lấy làm phiền vì sự tôi phải cùng đứng với ông trong phòng này, trong phút này.

Bạch làm ra bộ muốn lánh vào trong, tỏ ý kính trọng sự thân mật của người lính lê dương và chị y sắp được gặp nhau qua không gian. Jack níu Bạch lại:

– Cám ơn ông. Nhưng mời ông cùng ngồi đây với tôi. Chị tôi hát cho cả thế giới nghe, chứ có phải là một cuộc nói chuyện riêng về gia sự với tôi đâu mà ông ngại.

Cái khúc giáo đầu ở đài phát thanh chưa đoạn mà trong hộp máy bỗng nổi lên nhiều tiếng lộp độp như là tiếng một nắm hột ngô ném xuống một cái mặt da ếch căng thẳng trên miệng ống bơ. Thế rồi điệu hòa nhạc thấp hẳn xuống và thất thanh hẳn đi. Và một bản đàn mới lạ du dương chen lẫn vào. Bạch lắng kỹ, thấy rõ là đàn xứ Hạ Uy Di hòa kèm với những tiếng vi vút của một thứ nhạc khí rú lên như gió ngàn dương liễu nơi bãi biển. Đúng là âm nhạc Phi Luật Tân. Chàng vặn lại cái núm và nói cùng Jack tỏ vẻ bực mình:

– Giờ phát thanh Hương Cảng trùng với giờ phát thanh của đài Ma Ní. Hay bị nhòe tiếng và có tạp âm nhiều lắm. Luồng điện ở Phi Luật Tân phát ra thường lại mạnh gấp mấy luồng điện ở Hương Cảng.

Bạch đụng đậy núm máy một cách quá thận trọng lúc xoay xuôi lúc xoay ngược. Tiếng kèn nhị đài Hương Cảng. Tiếng vi vút của chiếc nhạc khí hòa với đàn hawaienne. Lại đài Ma Ní. Nỗi bực tức của Bạch còn gấp bội nỗi bực tức của Jack. Dò tìm một cái tiếng hát qua không gian hộ cho một người em người ca nhi ấy, chưa lúc nào Bạch thấy mình mệt nhọc và thiết tha xoay cái núm máy như lúc này. Trong hòm máy, những tạp âm giờ lại nổi lên nhiều quá. Mà kim đồng hồ quả lắc của sở, mà kim đồng hồ đeo tay của Jack cứ cùng đi đều đều. Vẻ chán nản hiện rõ lên nét mặt người lính nhớ chị.

Bạch biết là thứ máy nơi hãng chàng làm việc là yếu quá không đủ sức để thu đúng lấy luồng điện. Nhưng chẳng nhẽ chàng nói như thế với Jack. Bạch vẫn cố vặn máy và hết sức hy vọng may ra mà nhận được cái thanh âm của giai nhân ở chỗ phương trời! Bây giờ thì chàng làm việc cho chàng nhiều hơn là làm việc hộ Jack. Bạch đã bị kích thích đến óc tò mò.

Từ nãy tới giờ, ngồi lắng chờ chị hát, Jack đã hồi hộp và hút hết mấy điếu thuốc, Jack đã lấy đế giày dẫm bẹt đến năm sáu mẩu thuốc cháy dở. Mỗi lúc ở hộp máy nổi lên những thanh âm lơ lớ nửa tiếng Hồng Mao nửa tiếng Bắc Hoa, Jack bóp chặt lấy cánh tay Bạch, lắng tai thấp xuống và mắt sáng lên. Nhưng luồng sáng vui tươi ấy chỉ

thoáng như một cái chớp. Cái mắt người lính lại bị thất vọng làm tối lần xuống. Jack uể oải:

– Chị Caroline tôi hát hay lắm. Hồi tôi chưa vào lính lê dương, tôi cũng đã bỏ nhà chỉ cốt đi theo chị tôi trong đoàn ca vũ để được luôn luôn gần cái tiếng của chị tôi. Gia tài của cha mẹ chúng tôi để lại đã cho chị tôi đủ tư cách học đàn và nhờ thầy luyện tiếng hát cho thành nghề. Giữ gìn tiếng hát của mình, công phu lắm. Và nghèo thì dễ mất tiếng hát hay của mình như chơi ông ạ.

Loay hoay mãi, thế mà đã mười chín giờ ba mươi lăm. Trong hòm máy, một giọng hát mà Jack cùng Bạch đều ngờ là tiếng của cô Caroline, hiện ra một chút rồi lại thất lạc ngay. Ẩn nhiều hơn là hiện. Cái tiếng hát ấy lại còn muốn trốn chạy nữa. Xa vắng đến thế này!

Jack buồn nản, chỉ đồng hồ bảo Bạch:

– Tôi rất cám ơn ông. Thôi ông ạ, ông có vui lòng mà tìm hộ tôi được đài phát thanh Hương Cảng lúc này cũng là vô ích. Có lẽ vào giờ này chị tôi xuống xuồng máy ra tàu bể rồi. Tôi đã làm phiền ông nhiều quá.

– Ông cứ rán lòng đợi. Tôi cam đoan sẽ thu được cho ông.

– Vô ích, ông ạ. Vì cái bài hát chị Caroline tôi định hát hôm nay cho tôi nghe – bài hát đó tôi đã nghe nhiều lần rồi, hồi còn ở nhà – chỉ là một bài hát ru em ngủ thôi mà. Cũng ngắn thôi. Tính cả mấy lớp điệp khúc vào, chỉ độ mười phút. Bây giờ có bắt được đúng đài Hương Cảng thì cũng chỉ là một người khác hát tiếp. Chị tôi bây giờ chắc đang lỉnh kỉnh trên boong tàu với lô hộp đựng đàn, đựng mũ và đang đi nhận buồng nằm của mình. Tội nghiệp cho chị tôi. Lúc hát, chắc tưởng tôi đang lắng tai nghe nhiều lắm. Thành thử chỉ có những người thiên hạ ở các nơi đâu đâu nghe thôi.

Tự nhiên Bạch thấy Jack như là một người bạn cũ mình và chàng lấy làm rất ân hận. Bạch cho như mình đã làm hỏng một việc gì vì thiếu lương tâm và thành kính.

Ra đến đường cái, cùng nhau đi độ hai trăm thước, lúc tới ngã tư đường, lúc Jack ngả mũ giơ tay đòi cáo biệt, Bạch đã nắm rất lâu bàn tay to lớn kia:

– Tôi chưa muốn chia tay cùng ông lúc này vội. Ông sẽ làm cho tôi vui lòng vô cùng nếu ông nhận lời cùng đi với tôi đến một quán cơm. Trong khi đối diện, ông và tôi cứ lặng lẽ cũng được, hoặc ông

nói chuyện rất nhiều về lệnh tỷ Caroline cũng được. Chiều nay tôi cũng thấy trong lòng trống rỗng vô cùng. Biết đâu hai cái buồn của chúng ta chẳng ghép lại thành được một cái gì ấm áp và kín đáo sau phút này. Tôi cũng trôi nổi nhiều rồi. Hiện giờ, ông đang gặp tôi lúc tôi tạm đứng yên đây. Công việc hàng ngày của tôi hiện nay cũng chỉ là một cái cớ để tiêu thời khắc.

Giọng Bạch trở nên cảm động, mặc dầu từ lâu nay, Bạch chỉ muốn thờ ơ với mọi người mọi việc biết lời nói và dáng điệu lạnh lẽo. Jack nắm chặt tay Bạch:

– Tôi lấy làm tiếc vô cùng. Bây giờ tôi phải ra xe "ca" để về Chùa Thông.

– Một cốc rượu khai vị ở một tửu điếm rất gần đây vậy! Tôi muốn đánh dấu lấy cái buồn tối nay. Chúng ta sẽ nâng cốc chúc cho Caroline lệnh tỷ vượt bể được êm sóng.

– Tôi giờ là một người lính biết trọng kỷ luật. Hà, giá như ngày xưa... Tôi phải về chùa Thông ngay. Chỉ còn có mười phút. Một lần sau vậy. Cứ tìm ông ở đây chứ gì?

Bạch nhìn theo Jack đang ngoái mãi cổ lại trên chiếc xe lùn chạy như bay. Trong đêm tối lạnh, người lính của một buổi gặp mặt, có một tâm tình thú vị ấy, giơ tay chào.

Ánh sáng tửu điếm gần đấy, buổi tối ấy, lạnh vô cùng.

Bạch thất thểu đi trên lề đường. Chàng nghĩ đến cái mùi hương phiêu lãng ướp ủ những bộ nhung phục của một thứ lính rất hào hùng, rất hiệp sĩ và rất quái đản. Chàng lại nghĩ đến một người con hát tên là Caroline. Và trong đầu rất phong phú về ý tưởng, Bạch đang cố vẽ lấy hình ảnh một khuôn mặt và tất cả dáng điệu mỹ nhân Tây Phương. Làm như kiểu mình đã gặp người ấy một lần nào rồi. Bạch thấy lạnh lòng một lối rất nên thơ khi nghĩ đến đời sống tự lập và rất cá nhân của đôi chị em Caroline và Jack. Chị làm người con hát đi khắp thế giới, vừa đi vừa cười hát không biết gì là già, không biết gì là ngày mai. Em làm lính đem tha cái thân bách chiến qua khắp nơi quan tái. Chị em nhà họ đi nhiều lắm. Góc bể. Chân trời. Hai chị em. Thỉnh thoảng chị lại hát cho em; thỉnh thoảng em lại nghe; và giữa khoảng hai chị em, có hằng ngàn vạn dặm đất liền và ngàn vạn dặm biển cách.

Rồi Bạch đau buồn cảm thấy mình là người đang đứng im một

chỗ. Đêm ấy, chàng không về nhà. Và hôm sau, chàng không tới sở.

Bạch đã bỏ việc.

Lúc xin thôi, chàng chỉ tiếc rẻ là đã mất một dịp gặp lại người lính Jack ấy. Thế nào rồi Jack cũng sẽ tới sở này tìm chàng một ngày rất gần đây. Khỏi sao được.

II

Nằm khàn ở nhà, Bạch giở xem cuốn lịch bỏ túi, ôn lại những ngày đã qua. Ồ, thế mà đã được hơn một tháng rồi. Chóng quá. Thời giờ kể đi qua cũng mau lắm, khi người ta muốn giết chết nó.

Bạch không ngờ mình lại có thể ngồi làm thư ký bán hàng cho hãng máy vô tuyến điện ở phố Trường Thi đó. Chàng nhớ lại cái bữa đầu tiên lại đấy để gặp mặt người đầm chủ hãng.

Nhiều bạn thân thích của Bạch, nhận thấy chàng túng và chỉ kêu rêu những là độ rầy thớ thịt trong người buồn rầu tê cứng quá, đã mách chỗ làm đó cho Bạch tin rằng sự cần lao sẽ đem lại cho Bạch chút ít vui tươi trong tâm hồn. Chứ thực ra, số tiền lương của một chân thư ký bán hàng có được là bao. Mà Bạch thì tiêu như phá. Họ cũng hiểu thế, nên hôm mách chỗ làm, đã bảo ngay Bạch:

– Tôi biết rõ anh không có cái tạng người công chức. Nghĩa là anh có đi làm chăng nữa thì cũng là cầu vui và thứ nhất là cầu lấy sự thay đổi cho tính tình. Ở đấy, họ bán các hòm máy vô tuyến điện, đàn hát suốt ngày, chắc hợp với cái lối chơi chơi đùa đùa của anh. Đâu có mấy bố đến xin chân ấy rồi nhưng trông kiểu người cũ kỹ chậm chạp và tiếng Tây nói mèng quá, họ không dùng. Với cái lối của anh nhanh nhẩu, có duyên và lại biết thêm ít chút chữ Ang Lê nữa, chắc họ phải lấy.

... Ừ, thì cứ lại xem, nếu không hay thì cố ở lấy dăm bữa nửa tháng, chứ ai bắt bớ gì mà sợ. Suốt ngày nghe đàn ca của tất cả thế giới, của tất cả các nước, và lại có người trả tiền cho, anh còn muốn gì nữa? Chỉ có khi nào, có những khách hàng vào hỏi mua đồ phụ tùng máy vô tuyến điện hoặc đổi vài cái bóng đèn thì trả lời người ta một đôi câu; còn ngoài ra thì cứ ghếch chân lên bàn giấy mà đọc tiểu thuyết phiêu lưu. Nếu tìm được khách mua máy thì lại còn ăn hoa hồng nữa...

Bạch nghĩ thấy cũng hay hay. Chàng bèn thử đi làm anh bán hàng thuê một chuyến xem sao. Hay ở, dở bước, chàng chưa biết thế nào, nhưng cuộc đời sắp sống, Bạch tin chắc sẽ chẳng giống trước và sẽ đem vào đời chàng một tí gì của lạ lùng, mới mẻ. Những mới lạ này có thể coi như là mới lạ của một con đường chưa bao giờ lữ khách được để gót giày tới.

Người đầm đứng tuổi thấy Bạch lanh lẹn và thạo chữ nghĩa, nhận chàng ngay. Công việc nhà hàng không có gì. Khách hàng cũng vắng vì kiểu máy vô tuyến điện này còn là một phương tiện chưa mấy người biết dùng tới. Thành thử, ngồi một mình giữa một phòng giấy rộng rãi, thưa thớt mấy chiếc tủ kính đựng mẫu hàng, Bạch cảm thấy ngày giờ cứ chìm tẻ tẻ mà hết, mà mở. Buồn quá, ngày hai buổi, lắm lúc chẳng có khách hàng vào thử máy, mà chàng cũng vặn hộp máy vô tuyến điện lên để cho nó ấm cửa hàng. Nhưng nghe những bài hát ngoại quốc, chàng chỉ thấy cái thống khổ càng tăng thêm. Chàng thấy nhớ cảnh tha hương. Chàng nhớ đến rất nhiều cái bến cũ. Cũng đàn, cũng hát như thế. Bạch không uống rượu mà cũng thấy trong người ngây ngất. Người lính thủy đổ bộ định đoạn tuyệt đời hàng hải để lập lại một cuộc đời thứ hai trên cạn, định xây chung một cái nhà với người yêu chẳng hạn khi nghe bản hát vẳng cái thanh âm cũ và xa xăm của bể hồ, thay đổi ý kiến và nguyện trở về với cảnh bồng bềnh, cũng chỉ sầu hận đến như Bạch lúc này thôi. Bạch phát sợ, khi chàng nghĩ tới những người có thể đem cả đời sống vào đây, chung thân làm một người thư ký bán hàng, ngày ngày nghe mãi một bản đàn đã thuộc lòng. Nhiều lúc phải vặn máy hát lên cho những khách qua đường để ý tới và vào xem. Bạch muốn đỡ sốt ruột, chàng tựa cửa nhìn sang phía cổng Thư Viện và sở sen Đầm Hà Nội có phố nào nhiều xe đi qua rộn rịp nhất thì là con đường thông cù Trường Thi này. Xe hơi chạy đi chạy về như mắc cửi. Bạch nhìn thấy lắm chiếc xe hòm, mũi và đằng sau bùn chát như tấm, chàng thấy thèm đổi chỗ vô cùng. Những cái xe to quá! Hằng tám, hoặc mười, hoặc mười hai máy cả. Máy kêu ròn cứ như máy phi cơ phóng pháo. Vậy mà trên những cái xe rộng quá, to lớn như thế, chỉ có một người đàn bà cầm máy. Một mỹ nhân Tây Phương tóc hoe hoe, da mặt ngăm ngăm dạm nắng dạm gió và ở cổ, một tấm khăn quàng màu đỏ lửa lựu tung bay. Họ là những người ở xa về và rồi lại sẽ đi xa. Họ luôn luôn khởi hành. Những cái xe mỗi trăm cây số ăn cứ hằng vài ba chục lít dầu xăng kia, nếu chẳng lăn mãi với đường trường, lên

thác xuống đèo, thì dễ thường chỉ để dùng đi trong nội phận thành phố này thôi hay sao?

Trong cửa hàng, luồng điện phương xa ăn vào ống thu điện trong hòm máy gắt quá, máy nổ lộp bộp kêu rè rè và nấc lên như tiếng súc vật bị chọc tiết ở lò sát sinh. Rồi nó lại kêu xì xì như tiếng tháo hơi nước tắt máy ở động cơ một quả hồ lô lúc con lăn thôi việc nghiến đá trên một con đường đang sửa chữa. Bạch càu nhàu quay vào, vặn lại cái núm luồng điện ăn nhập với hòm thu điện, máy lại đều đều mà kêu, mà phát ra đờn hát của tất cả đâu đâu. Bạch nhớ và buồn lạ.

Những lúc này Bạch đang sống giật lùi và so sánh những độ đường cả thủy lẫn bộ đã được đi qua.

Những bạn thân của Bạch mỗi lúc xuống phố Tây, đi qua hiệu đây, tiện đường lại vào thăm chàng.

Được cái ở sở này Bạch có toàn quyền để tiếp bạn hàng và có thể dùng thời giờ tùy theo ý chàng, nên bạn Bạch hay lui tới để mặc sức mà nói phiếm. Mỗi lúc người đầm chủ hàng có tạt qua cửa hàng thấy Bạch tiếp đông người ăn mặc lịch sự như thế, lầm tưởng rằng đấy toàn là những quý khách đến hỏi mua máy của hãng mình, kính cẩn xin lỗi và đi ngay. Bạch và các bạn Bạch nhìn theo người đầm tủm tỉm cười. Chàng quay lại nói với bạn: – Được cái ở đây cũng dễ chịu. Họ không xét nét mình. Các anh xem đấy: cửa hàng của họ mà như phòng tiếp khách riêng của tôi. Tên loong toong nhà này đưa thư của tôi tới các anh, mời các anh xuống đây chơi có lẽ còn nhiều hơn là chạy giấy cho sở.

Mọi người cười khà khà và quay vào nói chuyện, chuyện rôm quá. Cái lối nói chuyện góp ấy thì là chấp cả đồng hồ đấy. Bọn họ là hạng người không nhận thấy thời giờ là tiền bạc, không bao giờ kê nổi lấy thời khắc biểu trong một ngày của mình nên họ mới túm năm tụm ba lại luôn luôn như thế được trong một cửa hàng mượn làm nơi để tiêu hoang ngày tháng. Lắm bữa, đến giờ nghỉ làm việc, người loong toong đã tắt gần hết đèn hàng và lên xong dãy cửa lùa bằng tôn rồi mà Bạch và họ vẫn chưa chịu đi cho. Ở đây chẳng gì cũng còn ấm áp hơn ngoài đường. Ngoài đường bao nhiêu bộ hành rảo bước trong cái tê tái của tối cuối thu sang đông. Trên mặt đường nhựa, gió đuổi lá vèo vèo. Gió một mùa, đang giục Bạch và bạn hữu nên mau nghĩ cách gì mà nhổ neo đi. Cả những tiếng đàn hát vang kêu từ trong hòm vô tuyến điện nhà này cũng bảo họ như thế.

Một người bạn chìa cho Bạch xem một cuốn sách vừa mượn ở bên thư viện kia, Bạch nhìn gáy sách mạ vàng mang cái tên một danh sĩ ngoại quốc nổi tiếng vì nhiều tập du ký, cười:

– Hình như gần đây anh hay đọc những loại sách này lắm thì phải. Hẳn có sự thay đổi lớn trong quan niệm nhân sinh. Mọi khi tôi thấy anh hô khẩu hiệu đả đảo rất tàn nhẫn những thằng giang hồ kia mà?

– Bao giờ?

– Tôi còn nhớ anh đã dùng một câu để thống mạ họ. Anh chẳng gọi họ là bọn vô dụng, bọn phiến động, là những hòn đá lăn mãi để không bao giờ rêu dính được vào là gì?

Anh bạn lảng chuyện, mở một trang sách, đưa cho Bạch đọc mấy dòng chữ in mà chàng đã lấy móng tay gạch xuống: *"Hạnh phúc, có lẽ chỉ tìm thấy ở những nhà ga?"*. Bạch mỉm cười:

– Tôi đọc những câu như thế, thấy trong mình rờn rợn. Cũng như là nhiều khi được nghe một tiếng buông bắt gở lạ của người ca kỹ già, tôi thấy lạnh buốt ở xương sống. Có lắm câu văn nó đi thẳng vào lòng mình, được đọc đến, không khỏi rùng mình như khi nhận được cái báo hiệu của một trận ốm nào.

Câu văn đả động đến việc xê dịch trong kiếp người, đã đủ khơi mào cho cuộc nói chuyện về giang hồ. Những người có mặt tại đấy, đều nói cả. Mỗi người vài câu. Mỗi người đều phát ý nguyện. Họ đều đưa ra nhiều chương trình du lịch quá.

Người thì rủ sang năm, mùa nắng, vào Tây Kỳ, trốn nắng ở vùng cao nguyên Lâm Viên, nhân tiện chơi Đà Lạt nữa. Người thì cho thế không thú bằng đi Vân Nam Phủ. Ở Côn Minh, tha hồ mà ăn đào, lê, lựu, mận. Cứ trèo hẳn lên cây trong vườn quả, trả khoán độ mấy hào Tầu thôi. Và ở Vân Nam, có những tiệm trà Tầu chỉ bán nguyên có nước trà. Ở đấy không có đồ mặn, và không có ngay đến cả đồ ngọt bánh kem nữa. Đã dễ chịu chưa? Người thì rủ vào chùa Hương ở hẳn đấy lấy nửa tháng, trước ngày hội, đi xem rừng mơ non và uống nước gỗ mai già với đám tăng lữ tại chùa Trong.

Trong bấy nhiêu chương trình của các bạn hăm hở tìm một nơi để đổi chỗ ở trong những ngày sắp tới, Bạch chỉ để ý đến lời phát nguyện của Hồ. Hồ nói chậm chạp, hình như vừa nói vừa muốn thưởng thức luôn cả đến những cảnh mà anh đang vẽ bằng những lời thèm thuồng.

– Các anh thử tưởng tượng lấy một cái thung lũng Mường, tiếng nước dồn quanh năm trong bóng mây đục sớm chiều lúc nào cũng đóng nguyên một chỗ. Rừng, mỗi mùa, lại thay đổi quả lành một lượt. Gió, ở đấy, mỗi lúc lên, là giục người ta phải sống theo ý hướng của mình, chứ đừng a dua bắt chước cái sống của người khác. Ngựa ở đấy là một người bạn đường trường, chứ không phải là một con vật thay một cái máy vận tải của đời cơ khí. Người con gái và những thổ dân có tuổi ở thung lũng ấy, không biết thắc mắc là gì. Các anh có muốn vào ở đấy độ một tháng để cho mình được gần nguồn tự nhiên, để cho mình đừng xa gốc quá, thì qua tháng hai trời ấm, ta tổ chức một cuộc nghỉ ngơi cho tâm hồn. Tôi quen những lang đạo vùng ấy gần hết. Chúng ta nên đến đấy mà đổi không khí và tìm lấy ít ngày thoát ly cho lòng.

III

Đúng như lời hẹn với nhau từ hồi Bạch còn làm thư ký bán hàng cho hiệu phụ tùng máy vô tuyến điện, Bạch và Hồ đã cùng nhau bỏ Hà Nội, đã cùng nhau đi chơi xa. Họ đi vào giữa mùa thu. Để cho Hồ được thêm quả quyết, lúc sắp lên đường, Bạch ca tụng cảnh rừng đàng trong lúc có sương gió thu "nó" về.

Vậy là vụ thu đó, cái thành phố Hà Nội muôn vẻ đã hụt đi mất hai người con trai...

... Đèn ô tô hòm rọi vào biển báo hiệu phà sang ngang: một vạch ngang cắt đứt một nét sổ rơi thõng xuống. Cái người tiên sư về việc kiều lương đạo lộ nghĩ ra được cách báo hiệu bằng biển cắm ở ria đường quả đã là một người giỏi về khoa tượng hình. Một vạch dọc bị ngăn đứt bởi một vạch ngang, hình dung một cách toát yếu đến con đường trường đứt đoạn bởi một dòng sông.

Bạch nhờ Hồ đánh cho mình một que diêm châm vào tẩu thuốc lá tất ngấm trong khi chàng đang khái luận một lúc khá lâu về những phiền phức của nhiều tâm trạng giang hồ,

– "Này, bác tài, xe nhỏ, phà rộng, chẳng cần phải xuống xe nữa nhỉ?". Hồ vừa nói vừa vặn cửa kính xe xuống, giơ bàn tay xòe ra ngoài xem trời đã ngớt mưa chưa. Đường đi từ Hà Nội, qua Phủ Lý, qua Ninh Bình, qua Thanh Hóa, chỉ những mưa ngâu là mưa ngâu. Từ Thanh Hóa lên đến đây mưa vẫn rỉ rả.

Người tài xế hãm cả *phanh* chân *phanh* tay: "Xin mời hai ông xuống cho. Phà dốc và trơn lắm".

Hồ miễn cưỡng xuống xe. Người tài xế lấy nắm thuốc lào lau lên miếng kính dày trước mặt: "Dạ, thế này mới tuột hết giọt mưa và dễ trông". Gió trên sông rộng thổi vù vù. Mưa trên sông rộng lộp độp rơi xuống nón mê và áo tơi phu phà đang cong mình trên đầu mũi sào, gò chiếc phà gỗ vào gờ dốc bến sang ngang. Mưa trên sông mau hột, tựa như tơ nhện dăn đầy trong cái tia sáng lóe của đèn pha. Ngoài khu vực luồng sáng của đèn là sông đen như mực chát rộng rãi, với gió thổi mưa, với mưa vờn mặt nước, với nước du mạn phà. Chỉ có róc rách, lộp độp và ào ào.

Hồ thấy lạnh, rủ Bạch lại cùng chui vào xe; chiếc xe đã nằm gọn trong lòng phà, ván gỗ mỡ nhoáng.

– Đứng ngoài này mưa ướt hết Bạch ạ.

– Mày hèn lắm, Hồ. Không những mày là một thằng hèn mà mày lại còn là hành khách thiếu kỷ luật trong sự giao thông công cộng nữa. Mày không thấy người ta yết thị lên biển nơi bờ sông rằng sang phà, tất cả hành khách đều phải xuống xe.

– Nhưng mà...

– Thôi câm đi. Đưa bao diêm đây.

Bạch đánh diêm thắp mồi thuốc khác, ngồi sà xuống thành phà, mặc dầu thành phà ướt và nhầy nhờn những bùn sông của bàn chân bẩn bọn phu đò ngang. Bạch nhìn trời nước đen ngòm, hít khói thuốc say sưa. Mồi thuốc đầu tiên thắp ở phà Đoan Vỹ ban nãy, hút một mạch không phải châm đến hai cây diêm, kể cũng đã ngon lắm. Và sao sang cái phà chiều ấy lâu thế. Từ bến phà này sang cho đến bến phà bên kia, lòng chiều sông hẹp có thế mà cũng phải cháy hết một mồi thuốc đầy.

Những giọt mưa phăn lọt vào họng tẩu kêu xèo xèo. Lắm lúc mưa nặng hột quá, hạt mưa rớt mạnh vào tàn thuốc cháy, kêu một tiếng xèo to gần bằng tiếng một con thiêu thân lúc cháy cánh vỡ bụng trên một ngọn đèn thờ. Cái tẩu thuốc lá đượm cứ như thế mà xèo xèo, hòa với dịp đầu sào dùi xuống nước xiết. Lúc trầm, lúc bổng, cái tẩu thuốc lá cũng đang ca một bài hát lên đường. Đã lâu lắm Bạch không được hút thuốc với điếu này ở dọc một con đường dài.

Lần này được rời khỏi Hà Nội cho thật nhanh, Bạch cảm thấy

mình đã hoàn toàn là mình: một người thèm đi và được đổi chỗ. Đi với cái thương nhớ những người vừa chia tay, với cái hồi hộp của phút sắp được hưởng tại chỗ sẽ tới. Dưới màn mưa phăn, tẩu thuốc rỉ rền mà cháy và thanh âm nó là cả một cơn sung sướng hoang mang của phút đăng trình. Cũng như mùi gió lúc này trên sông mưa, khói tẩu thuốc buổi lữ hành này có một hương vị quyến rũ. Ngậm đến những cái điếu có cao nặng như thế này, ai mà chẳng muốn chống thêm một cái gậy nhọn đầu và thấy gió đã khởi, người ta liền lên đường! chẳng kể là tối đất và chẳng kịp để lời từ giã cùng ai.

Cái điếu Ropp cũ kỹ này, về ở với Bạch đã đến bốn năm năm có dư. Bây giờ nó đã sém cả thành nổi, đã sây sát cả mình gỗ, đã đập vỡ cả đầu ống, vậy mà Bạch vẫn cố giữ lấy. Chàng đi đâu, cái tẩu thuốc đi đấy. Người làm tướng ở thời chưa có súng đạn, quý con thiên lý mã vì tất đã hơn được Bạch giữ gìn tẩu thuốc. Chẳng thế mà lần cháy tàu buôn lúc vào kênh Tô Dĩ Sĩ – hồi đó chàng làm bồi giặt trên tàu – chàng phải bỏ hết, bỏ cả chiếc va ly tri kỷ tùy thân mà nhảy xuống xuồng, gỡ mau lấy người. Lênh đênh trên sông Hồng Hải, Bạch đã vui sướng là không để lạc mất cái tẩu thuốc giang hồ. Hồi ấy, Đắc cũng một người thiếu niện có học, thích bay nhảy và làm bạn bồi tàu cùng một chuyến đi với Bạch – Đắc đã phải phì cười, khi lảo đảo đứng không vững trên làn sóng dựng thành vách đứng. Bạch cọ mình điếu vào mồ hôi kẽ mũi lấy chất bóng cho gỗ điếu lên nước, Bạch đã nhại một câu của Gedi mà âu yếm bảo cái điếu bạn bàu rằng; “Khởi hành ban đêm, thức giấc dậy giữa cái sán lạn của bình minh; và cảm thấy chúng mình *chỉ là hai* trên cái bấp bênh của sóng”. Lần ấy – lâu rồi – mồi thuốc có pha trộn mùi gió muối ngoài khơi. Mồi thuốc hút trên bể cả cuộn sóng vẫn đượm và ngon. Đã đành.

Nhưng bây giờ, dù chỉ còn là một tên thủy thủ trên nước ngọt các hồ sông nơi xứ sở, dù chỉ còn là một lữ khách mà cái đường bán kính xê dịch chỉ luôn luôn ở vài cái cữ trên dưới vài trăm cây số, Bạch vẫn tin rằng mỗi mồi thuốc mình thấp khi ngọn gió đã lên, cũng vẫn còn đủ cái hương vị cố hữu của khởi hành.

Cái lòng kẻ lưu đãng bao giờ mà chẳng hoan hỉ mỗi khi được thay đổi chỗ ở. Tối lắm. Trên phà, dưới mưa, Bạch đang sống đến cùng kiệt cái phút sống của mình.

Chiếc phà lừ đừ ra đến giữa sông rồi uốn mình quay mũi. Đèn pha xe hơi, như một ngọn hải đăng xoay quanh trục, quét sáng mặt

sông và loáng rọi vào những đoàn bè nứa im lìm. Hồ đút hai tay vào túi áo đi mưa và run lẩy bẩy trước đèn sáng. Bạch nhún vai lắc đầu, nhổ nước điếu ứ trong miệng xuống lòng sông kêu đánh bẹt. Và chàng đã bắt đầu bực mình về những dáng điệu đớn hèn của người bạn đồng hành. Hồ quả là người hành khách gượng gạo của đường trường. Những thứ người này chỉ đi để mà chết một phần ở trong lòng. Và làm bận rộn đến nhật ký của kẻ khác. Có lẽ Hồ đã tin tưởng rằng cảnh giang hồ quan tái, đâu cũng là cỏ xanh tận chân trời và du tử là lúc nào cũng chỉ có du xuân. Bạch tự trách thầm mình rước lấy của nợ này đi theo làm gì cho thêm bận. Chàng vỗ vai bạn:

– Anh đang nghĩ đến những cái gì trong phút này?

Hồ thều thào lảng sang chuyện khác:

– Đi đêm vất vả quá. Mưa gió lầm lội và tối tăm, đi chơi nó cũng kém thú. Tôi không hiểu tại sao, nhiều đêm mưa gió lớn ở Hà Nội, anh hay lại đấm cửa nhà tôi vào những giờ khuya khoắt, gọi hỏi tôi: "Có đi chơi được không?".

– Anh không hiểu là phải. Một ngày gần đây, khi nào anh đã làm quen nhiều với mưa, với gió, với cảnh xa lìa khỏi tổ ấm; một ngày gần đây, khi nào anh hiểu tôi hơn, khi nào anh không sống được một cách trịnh trọng và tự cho là đầy đủ trong hiện tại như bây giờ nữa, khi đó anh sẽ hiểu rõ. Mà tôi còn tin thế này nữa, là bấy giờ anh sẽ có những thói quen giống hệt thói quen của thằng Bạch tôi này. Rồi anh sẽ cảm thấy cái thú đi đập cửa nhà bạn lúc khuya khoắt, rủ nhau đi chơi phiếm trong lúc mọi người đều ngủ cái giấc ngủ của con vật sống với sự đơn giản và yên nghỉ.

Những lời thiết tha, những cái vỗ vai thành thực của Bạch cố làm sống lại cái lòng Hồ trước cảnh tiêu sắt của bến phà sông Mã một buổi mưa đêm, những lời và cử chỉ ấy vẫn không đủ gợi cho Hồ thấy và hiểu rằng được đi là một sự vui. Bạch thấy bạn vẫn càu nhàu, bắt sang chuyện khác: "Có lẽ đêm nay mình nghỉ tại hạt Cẩm Thủy này. Đi thấu lên tới Mường Ca Da, sợ rét lạnh và mưa gió lắm, anh không chịu nổi. Từ đây lên tới Hồi Xuân, còn những năm mươi cây số đường rừng, những đèo và dốc, nhiều đoạn anh phải xuống xe vất vả lắm".

Chàng ngừng nói, hít tẩu thuốc, tủm tỉm nhìn mặt Hồ tái nhợt trong luồng ánh đèn pha leo đầy mặt trước phà.

Đêm hôm ấy, Bạch và Hồ cùng nhau thỏa thuận nghỉ đêm lại ở huyện Cẩm Thủy.

– Giường của chúng ta đêm nay kê ở trong tư thất ông Huyện sở tại. Tôi quên chưa nói cho anh biết quan Huyện đây đối với tôi là chỗ giao tình xưa cũ.

Nghe Bạch nói, Hồ cười với vẻ bằng lòng. Chàng đang vẽ trong đầu một cảnh êm ấm giữa chốn sơn lâm lữ thứ. Mưa dầm như thế này, gió heo như thế này, sương đêm đang tỏa như thế này, ở một nơi đất khách đối với Hồ, ngoài cái nhà quen thuộc của mình, thì chỗ nào chẳng là đất khách – ở một nơi đất khách không có hàng quán mà có một cái màn, cái nệm của một ông Huyện để mà ngủ một đêm, Hồ thấy yên lòng và sung sướng tràn ngập thần xác mình đã mệt mỏi với đường xa. Vừa rồi cười, Hồ thực đã không rõ đến lòng người bạn đồng hành đang bực mình cắn môi, đang nhai đầu tẩu thuốc tắt ngấm. Với Bạch thì được đi, tức là không bao giờ ngừng. Cái yên ủi của người lữ hành già ấy là được thấy mình un đẩy mình mãi mãi trên con đường. Những độ đường! Những độ đường qua cho mau. Cái nhanh ngụ trong chỗ rút bớt những đoạn nghỉ đi, Bạch vào hạng hành khách có thể ngồi trong một chuyến xe hỏa vét chỉ chạy độ 20 cây số một giờ, nhưng xe phải chạy luôn một mạch từ nơi này đến nơi nọ. Chàng có thể nằm mà luận chơi về cái bản ngã mình (trong toa hàng, một con tàu vắng) mặc cho tàu cứ chậm chạp mà lăn bánh trên đường sắt, (mặc cho tàu cứ uể oải mà tiến lắc lư mà đi, bao giờ đến đâu cũng được) nhưng miễn là con tàu vét ấy đừng phải đỗ luôn luôn ở những ga xép. Trời ôi, những cái nhà ga xép! Nghĩ đến những nhà ga xép mà Bạch thêm ngại cho ngày giờ của chàng, ngày giờ trong đời sống mà chàng định tiêu không tiếc không đếm. Bạch thường ví những phút phải ngừng lại bên nhà ga xép như thời khắc biểu của sở xe lửa. Bạch đã ví những phút ấy dài tựa năm và nặng như một kiếp con người... Mới đi từ Hà Nội vào đến đây, tính chưa được ba trăm cây số xe hơi, làm gì mà đã phải nghỉ lại. Thà xe hỏng hay yếu cho nó cam. Xe thở đều, động cơ đang đòi ăn dầu hút mỡ nhiều như thế kia kia mà. Giá Hồ là người biết vui với cuộc đi dài, biết say sưa với một con đường núi có mưa, có đêm, có gió mà chịu đi thấu tới Hồi Xuân mới chịu nghỉ thì chuyến đi này có bao nhiêu là thi vị của viễn trinh.

Bạch hờn mát, không nói với Hồ nửa câu. Trong cái yên lặng ấy

rất hợp với im vắng vùng Cửa Hà trong đêm mưa, một mồi thuốc nữa lại cháy hết trong nõ tẩu điếu.

IV

Chiếc xe hơi dừng trước cổng huyện. Phong cảnh đất Phong Ý đã lạnh hẳn. Cảnh lại còn giá cứng hẳn lại trong khoảng huyện ly Cẩm Thủy. Đèn xe rọi vào một tòa công đường âm thầm một cái cổng huyện sứt sẹo có rêu phong kín màu khí núi, một cái hàng rào nứa tép cánh sẻ đầu nhọn hoắt và những lỗ mắt cáo to rộng đến con chó Mẹo cũng chui lọt.

Xe tắt máy một lúc lâu mới thấy một chú lính lệ già yếu co ro thu hai tay trong bọc, sợ hãi tiến lại ngọn đèn pha. Bạch nghển mình trên nệm xe, nhìn ngọn đèn măng sông lạnh lẽo trong khung cửa sổ mở rộng ở tư thất. Chàng nhìn người lính lệ, nghĩ mãi mới nhớ ra đây là người lính pha trà hầu cận quan huyện. Trước đây, có một lần, đã tới hai năm nay, hồi quan hắn còn ly ở huyện Yên Định, hắn đã đốt đuốc cho chàng ra ngồi cạnh bờ sông vắng, một đêm quặn đau bụng.

– Quan đã giấc chưa?

– Dạ bẩm quan con vừa ngồi cho ông Thừa Nhất và cụ Thông Ba hầu tài bàn. Nghe thấy tiếng nói tên lính lệ trả lời khúm núm trước hai người mặc tây đi xe hơi vào hỏi thăm quan phụ mẫu, Bạch nhận rõ tên lính già đó là lão Thập trưởng thân tín của quan Huyện đem từ quê hương Quảng Trị ra, nhậm hạt nào, là đều cho hắn đi theo cả.

– À, chú Thập!

Bạch xuống xe, ra chỗ đèn pha sáng, tìm trong túi lấy một tấm danh thiếp. Người Thập trưởng lại gần, liền nhận ngay ra cái "ông khách ở Hà Nội" vô thăm quan hắn tại huyện Yên Định ngày nọ và bỏ quên một cái ống đựng thuốc lá bằng đồi mồi.

– Dạ bẩm quan ở Hà Nội vô chơi? Quan con những lúc đánh cờ tướng, vẫn nhắc đến quan luôn, và cái hộp thuốc đồi mồi quan bỏ quên, con có đưa trình quan con. Không rõ quan ở đâu, nên quan con vẫn cất đi một chỗ.

Bạch cười:

– Chú Thập đưa dùm thiếp vào hộ tôi.

Dập bã trầu, cái cổng đường âm thầm ban nãy, có đèn sáng qua kẽ cửa, rồi hai cánh cửa mở rộng. Người Thập trưởng trở ra, tay cầm cây đèn nến có chụp tròn. Thứ đèn ấy là thứ đèn nến cắm vào hai bên xe ngựa và bây giờ cũng ít nhà dùng.

– Quan con nói rước hai quan vô phòng khách. Quan con dở tay xong, sẽ lên sau.

Hồ và Bạch mặc luôn cả áo tơi, đặt mình vào lòng chiếc ghế bành trạm, những đường gỗ hương mộc trạm nổi đâm vào lưng người ngồi làm cho Hồ càng cảm thấy cái đau đớn vật chất của người đi đường. Đèn tọa đăng có sáng, nhưng phòng khách nhà quan vẫn lạnh. Trên mặt tường trắng bạch và phẳng lạnh như tường một học đường hay một bệnh viện, chỉ có một bức ảnh lụa đỏ lồng kính có dán những hình núi Ngự Bình, sông Hương Giang và cầu Hàm Rồng làm bằng lá nón khô cắt tỉa rất tỉ mỉ. Hồ lạ mắt nhìn mãi, Hồ có chút ít chữ Nho gia sáo, đọc đến bức trướng sa tanh màu tím Huế có thêu bốn chữ hành thư kim tuyến, quay lại hỏi Bạch:

– Bốn chữ "Thập niên lãnh hoạn" phải không anh? Mừng một ông huyện, sao người đưa bức trướng lại dùng chữ "lãnh hoạn"? Nếu tôi không nhớ bậy, thì hai chữ lãnh hoạn chỉ dùng để chỉ những cảnh cô quạnh nghèo túng của những người làm quan nhỏ như các vị huấn đạo mới phải chứ? Cuộc đời một vị quan huyện có ngựa xe quan khách lui tới, có cờ trống đón rước lúc hành hạt, tiếp đón thượng tân quý khách trẩy qua, cuộc đời một ông lệnh doãn sao có gọi là lãnh hoạn được hở anh?

Có tiếng người đi guốc kinh sệt sệt ngoài hành lang. Người ấy tiến vào phòng khách, hai tay xòe mở đón lấy khách. Lúc vội vàng người ấy chưa kịp cài kín hết hàng khuy một tấm áo bông nhiễu lót màu quan lục.

Bạch vội đứng dậy, giới thiệu:

– Bạn tôi, ông Hồ... Quan Huyện Cẩm Thủy.

Hai người bắt tay. Hồ ngượng nghịu, kính cẩn. Ông Huyện xuồng xã, thân mật. Ông Huyện cười, nói, xoa tay kêu rằng đêm ở ngoài chắc lạnh lắm. Đây là câu nhận xét của một người chủ nhân lịch sự đối với kẻ ở xa vừa tới, thay cho lời chào mừng. Bạch tủm tỉm nhìn bạn, nhìn ông Huyện cười nói oang oang và nhìn cái gian phòng đang ấm dần lên vì sự tiếp đãi sốt sắng.

Uống xong tuần nước trà nóng hôi hổi, ông Huyện hướng vào phía Hồ rồi quay sang phía ghế Bạch:

– Dạ, ông bạn đây có đi về vùng ni luôn, hay mới là lần đầu? Cữ ni huyện tui gặp mưa dầm luôn.

Ông Huyện thấy Bạch bắt đầu xe điếu ống dài tới hai thước ta, hút điếu thuốc lào một cách luộm thuộm, lại càng cười. Bạch thở khói trắng, chỉ bạn:

– Lần này là lần thứ nhất, bạn tôi qua quý hạt. Tính bạn tôi cũng hay vẩn vơ như tôi và nhân nghe nói vùng Mường Hồi Xuân đẹp, nên vô đây thăm cảnh và đi qua huyện, thấy có đèn sáng chúng tôi vô chào quan Huyện, xin chén trà nóng, rồi lại lên đường luôn.

Bạch ngừng câu nói, ngắm cái vẻ ngốc nghếch, ngơ ngác của Hồ đang trố mắt nhìn mình. Hồ muốn hỏi thăm Bạch bằng mắt sao lại không nghỉ ở đây khi đã định với nhau như thế ban nãy rồi? Và vào đây lại chỉ uống một tuần nước rồi lại đi suốt? Đường núi thì xa, đêm mưa thì lạnh và có công việc gì mà phải đi tiếp ngay? Ở đây, ấm trà bốc khói muốn giữ người ở bệt lại lắm mà. Vả chăng, ông quan Huyện lại thực tình và vồn vã. Mới được gặp mà Hồ đã có nhiều thiện cảm rồi. Hồ thật là một đầu óc chứa đầy đơn giản. Ở dọc đường, chàng thiếu tín thành đối với du lịch; vào tới đây, chàng lại tỏ thêm là người chẳng hiểu tí gì đến lời lèo lái trong giao thiệp ngôn ngữ. Chẳng lẽ Bạch đòi ăn và xin ngủ ngay ở câu nói đầu tiên với một ông Huyện sở tại? Bạch nhìn Hồ một cách hóm hỉnh khi ông Huyện to tiếng:

– Bậy mà! Đi luôn răng được. Ai cho đi mà đi. Đi qua cái huyện nghèo của tui đã không có lòng ghé thăm thì thôi, chứ đã vô chơi thì răng cũng phải ở với tui lấy một đêm một ngày... Bây ơi! Thằng Cửu chạy ra ngoài nói tài xế đánh xe vô. Và biểu bếp làm cơm mau lên! Tui xin phép, chạy một chút cái đã.

Ông Huyện nói luôn một hơi, lời mời mọc giữ khách rất tha thiết. Nói xong, ông vụt đi ra ngoài, vừa đi vừa cài cúc áo bông. Bạch không chen vào được lấy nửa lời từ chối khách tình. Ngoài hành lang, rồi phía nhà cầu, tiếng ông Huyện truyền người nhà dọn buồng cho khách nghe sang sảng. Bạch nhìn Hồ. Hồ cười, sung sướng và quá tầm thường.

Cái giường sẵn sàng trong gian buồng phía đầu trái khu nhà tư

thất là một bộ ghế ngựa ba tấm gụ. Người lính vừa trải phủ lên một chiếc chiếu hoa sộc sệch. Chừng ít người nằm, chiếc chiếu không hẳn là mới có mùi mốc. Trên tường vẫn màu trắng có một đôi câu đối lòng máng bằng gỗ cây kè, kèm một bức hoành có ba chữ đại tự chân phương "Đức Lưu Phương" và một cái ảnh phế đế Duy Tân, chừng cắt ở một tờ tạp chí Pháp nào, treo lơ lửng giữa cái mênh mông của một tấm tường phẳng lạnh.

Ngọn đèn măng sông nhỏ bốn mươi nến soi tỏ gian phòng trống trải. Nơi góc tường, trên nền gạch lá nem, một cái giá gỗ cũ đỡ lấy một cái bình gỗ dáng bầu rượu lơ thơ vài cái thẻ đầu hồ có tơ nhện dăng.

Bạch thay giày, nhìn bức hoành, nghĩ đến gia thế nhà ông Huyện đây mà chàng có biết ít nhiều. Ba chữ hoành phi "Đức Lưu Phương" ở một gia đình khác, thường chỉ là những chữ sáo nhạt nhẽo viết vào đồ vật bài trí như trăm nghìn vật gỗ bài trí khác. Nhưng ở đây, nó có mùi vị gợi đến lòng kính mến. Ông cụ cố ông Huyện còn lưu lại ở vùng Quảng những kỷ niệm của nhiều chính tích hay và lành. Cái nguồn đức họ nhà ấy vẫn còn tuôn chảy một mùi thơm ngát... Bạch sắp nói chuyện về thân thế ông Huyện Cẩm Thủy với Hồ trong khi Hồ đang mở va ly còn tìm khăn rửa mặt thì ông Huyện đã vào, niềm nở vẫn như hồi nãy:

– Tui ước chi cũng được nhẹ mình như mấy ông, thỉnh thoảng lại bày ra những cuộc đi chơi xa, thăm bạn nhàn tản ở các vùng quê anh em và được luôn luôn ngao du sơn thủy. Tui thấy cái lối của ông Bạch đây mà thèm muốn quá... Ủa, Cửu ơi! Chớ xà bông đâu? Lấy thau mà không đem xà bông vô? Lính tráng ở đây hắn dờ dẫn quá. Ở gần Mường, cái chi cũng cổ lậu. Cảnh ở đây, cứ như đất của người bị đi đầy. Chẳng có chi đáng nói, đáng nghe cả. Hôm vừa rồi, dưới hai cái chợ Hà Lũng, dân hai làng sở tại có mở hội mười ngày, chợ mới cho họp nửa tháng không lấy thuế, thôi thì cờ xí, trống chiêng, tổ tôm bài điếm, người Kinh chen người Mường, vui ồn lắm, mấy ông lại không về mà chơi?

Lính đã dọn bàn, phủ lên bàn một tấm khăn ăn bằng vải cao su sơn, có những hình kỷ hà học ngũ sắc. Những đĩa nho nhỏ, những kiểu xinh xinh, bày la liệt trên bàn ăn. Bát, đĩa, thìa, liễn, chén, cái nào cũng nho nhỏ như là đồ sứ Nhật Bản.

Ông Huyện, người tính tình đơn giản chất phác, đi lăng xăng trong phòng, cười nói luôn luôn và lúc lính trình: "Dạ bẩm con mở

rượu" thì ông kéo luôn cả hai ông khách mặc tây ngồi vào bàn ăn, chỉ lũ bát đĩa:

– Ngó bộ lôi thôi quá phải không hai ông? Trong tui hay dùng những đồ kiểu nhỏ bé thế ni thôi. Ngoài các ông, thì quen dùng đĩa bát lớn. Mỗi chỗ một thói quen. Nhưng ở ngoài vô, ở trong ra, đi lại có luôn luôn, rồi cũng không có chi là lạ mắt cả. Xin mời hai ông cầm đũa!

Ông Huyện cười rung cả người, ông lấy làm thích cái câu nói khai bữa ăn mà ông cho là đạt lắm. Bạch và Hồ cười một cách dè dặt.

Cơm dọn có rất nhiều mắm Huế. Và mấy đĩa chuối chát, rau thơm và dưa món. Đã một đĩa ớt xanh, lại một đĩa ớt đỏ. Trông vui mắt lạ. Nếu dùng bữa cơm này làm mẫu để vẽ một bức họa tĩnh vật thì cái giá trị bài trí của mâm cơm thực là hoàn toàn.

Cơm ăn với mắm cá, mắm tôm chua, mà lại uống với rượu vang trắng. Cốc rượu vang của Bạch và Hồ vẫn còn nguyên mà người lính đứng hầu cơm cứ xun xoe đòi rót thêm mãi rượu vào.

Ông Huyện tính tự nhiên quá, không để ý đến sự ăn uống của khách. Thành thử mãi đến lúc ông ăn xong bát cơm thứ hai của ông rồi ông mới nhìn thấy khách mới nhấm nháp chưa xong được bát cơm thứ nhất sới đã từ ban nãy.

– Mấy ông ăn uống coi bộ như đàn bà. Tui bữa mô cũng dùng tới sáu chén ni. Vùng trên đây không có hàng quà bánh chi cả.

Ông giơ cái bát mẫu kiểu Nội Phủ lên rồi lại ăn tiếp. Bạch và cơm, gắp mắm, liếc sang phía Hồ, trong bụng lấy làm phiền bực. Bạch biết rõ Hồ không quen ăn mắm. Hễ ở nhà thân quyến có dọn mắm thì bữa cơm ấy chàng xin ngồi riêng. Người con trai đâu mà có thứ hèn đến thế, Bạch vừa ăn vừa tự nói. Sợ sự uể oải của Hồ đối với bữa cơm mắm của ông quan người đàng trong có điều làm tủi lòng ông Huyện, Bạch phải gỡ cho bạn và nói ngay:

– Ông bạn tôi, giá không phải kiêng cữ thì ăn cũng nhiều lắm. Uổng quá, những món mắm quý ngon như thế này mà lại phải ăn kiêng. Bạn tôi đang tiêm thuốc, bác sĩ dặn phải tránh những vị nhiều chất mặn.

– Vậy chớ sao không nói? Thảo nào tui thấy ăn uống lạt lẽo quá. Tui lại cho là khách tình, định lên tiếng trách... Cửu ơi! Con xuống biểu bếp hắn làm trứng cho mau lên.

Bữa cơm chậm hẳn lại. Chậm hơn lúc mới ngồi vào bàn ăn. Ông

Huyện ăn rất chậm để đợi khách. Khách cũng ăn chậm để đợi trứng. Tanh miệng, Bạch nhấp chút rượu vang, thì lại càng thấy tanh hơn. Ra cái món mắm Việt Nam không tài nào đi đôi được với rượu nho, mặc dầu tập quán xê dịch khắp mọi chỗ đã dạy chàng tập lấy cái nết xềnh xoàng tiệp diệp cho sự ăn uống. Mãi đến những ngụm rượu sau, Bạch mới thấy thơm miệng. Chàng ngồi ngắm trộm Hồ gắp rặt thứ thịt lợn luộc bỏ vào bát. Bên cạnh những đĩa mắm còn đầy, đĩa thịt lợn luộc đã vơi, đã để lộ những nét vẽ một cành mai màu xanh nơi lòng đĩa, Bạch lấy làm phàn nàn cho Hồ. Bạch nghĩ đến sự ăn uống cảnh vẻ của những đứa con cưng như trẻ cầu tự. Ruốc thăn bông này, giò lụa chả quế này, thịt rim này. Ăn uống như là gái đẻ kiêng khem. Chàng đã biết thậm chí có người lại không ăn được thịt bò. Động thấy một thực phẩm lạ là chùn ngay đũa lại. Những người này thì còn đi đâu được nữa, làm thế nào mà chịu được mùi vị cơm hàng cháo chợ và nhiều vị khác của các thứ hàng quán trên thế giới. Bạch lại nghĩ đến mình, từ trước đến giờ, lăn lóc mãi, "đi nếm cơm thiên hạ" mãi, trong bụng chứa tạp vị các xứ kể ra cũng nhiều lắm. Chàng cười thầm vì tự đắc mình không bao giờ phải kêu xểnh nhà là ra thất nghiệp. Nhà... chàng làm gì có nhà. Đến *quê hương* chàng cũng còn đang đi tìm nữa là.

– Ủa, ông Bạch và ông xơi rượu đi chứ!

Món trứng đã bưng ra. Đĩa trứng vàng một màu đều đặn, không có góc nào già, không có góc nào non làm bật lên màu xanh của rau sống, màu đỏ hồng hoang của đĩa mắm tôm chua và màu đỏ da chu của đĩa ớt mọi. Hồ sung sướng kín đáo nhưng không qua khỏi mắt tinh quái của Bạch. Ông Huyện đẩy khẽ đĩa trứng vào phía Hồ và nói bông:

– Trứng này là của người ăn kiêng... Cửu ơi, vô biểu làm trứng nữa... ông cứ dùng trước đi. Ông Bạch và tôi hãy ăn mắm đã.

Bát cơm, lần xới này, ai nấy đều thấy ngon miệng hơn lần xới thứ nhất. Tính thành thật, bình dân và tự nhiên của ông Huyện đã góp nhiều ngon lành vào mâm cơm đạm bạc của một vị lệnh doãn liêm khiết. Ông Huyện đặt đũa xuống thành bàn ăn, đặt bát vào cái đĩa tây lót trôn bát, chỉ đĩa trứng tráng thứ nhì vừa đưa tiếp ra:

– Vì có các quan Tây hành hạt qua đây lỡ buổi cơm hay vô dùng cơm trong huyện với tui, nên tui phải kiếm một người dưới tỉnh lên nấu nướng cho nó được vừa miệng các ngài ấy một chút. Các ông ấy vô ăn với tui nhiều khi chỉ có rặt trứng. Vậy mà cũng ngon, có

chướng không? Bếp nó làm mấy chục quả trứng, làm tui lại bất nghĩ đến cái chuyện một bà chúa Huế đãi người nhân tình một bữa cơm chỉ có mười hai thứ muối. Thằng bếp hắn khai ra mấy chục thứ trứng. Tui thì tui cho rằng bày vẽ ra nhiều món ăn phức tạp, nhiều khi cũng không tiện cho những cái dạ dày giản dị như dạ dày tui. Tui quen với sự thanh bần đi rồi. Vậy mà quan Đại lý Hồi Xuân còn khen tui là tiêu hoang và biết săn sóc kỹ cái bữa ăn của mình! Tui không hiểu quan Đại có ngụ ý chi trong câu khen đó. Hôm thấy bếp làm món trứng ăn sáng ngon, ngài dùng hết và nháy mắt cười cười bảo: "Quan lớn nuôi người sành lắm. Những người Pháp làm việc quan ở xứ thuộc địa, lúc tìm bồi bếp, muốn thử xem chúng nó có làm được việc không, thường chỉ đưa cho nó một đôi giày và mươi quả trứng. Hễ nó làm được món trứng cho đừng cháy, vừa chín vàng đều, và đánh cho bóng và gọn một đôi giày tây, là mọi việc khác nó đều làm được hết thảy. Ở bên Pháp, một người đàn bà trông nom bếp nước cho mình, một người biết làm đủ các món trứng, ít ra mỗi tháng phải trả công tới 500 quan". Ý chừng quan Đại lý nói bóng gió ngờ tui kiếm được nhiều bổng chăng? Tui có ý muốn từ nay không dùng những tên bếp khéo như thế này nữa. Riêng về sự cung phụng cho tui, tôi xềnh xoàng lắm. Nước trà Huế, thuốc lào, rượu có bạn thì mới uống; cờ bạc thì xuống tỉnh, các cụ có ép lắm tui mới ngồi một hội tài bàn hoặc tổ tôm chiếu lệ thua được chi rồi cũng xin cáo về nhà trọ. Có một thằng bếp khéo nhiều khi chưng ra, cũng là cớ cho người ta ngờ mình. Làm quan phải giữ thớ lợ từng các việc nhỏ mọn như vậy. Mệt lắm".

Đêm ấy, cơm rượu xong rồi, có chăn, có nệm, có màn và sẵn được cái mệt mỏi của đường trường, Hồ ngủ một giấc ngon lành đến sáng, không kịp nghĩ đến sự lạ cửa, lạ nhà, và nhớ hộ cho rằng đây là một cái huyện đường rừng và đêm nay là đêm mùa thu ở địa đầu xứ Mường. Bạch ngắm bạn ngủ ngon lành như lối ngủ của một người con trai đang lúc lớn lên, chàng lấy làm chán quá. Thật mang anh ta đi theo, cũng là rước lấy một cái nợ. (Đường không trải nhựa, anh ta kêu; đường cách sông, cách phà, anh ta kêu; trời mưa, anh ta cũng kêu; cho xe chạy nhanh, anh ta sợ. Rồi còn phải lo từ cái chỗ nằm yên ấm và từ cái miếng ăn vừa miệng cho anh, và săn sóc đến sức khỏe của anh nữa). Thôi, cũng cho xong một chuyến này, lần sau thì kệch. Bạch càng tin là đúng quá, cái câu mà chàng thường nói với chàng như là câu châm ngôn mượn của người hiền: "Chỉ có người lữ

khách cô đơn là đi được nhiều hơn cả". Trong cuộc sống, vướng víu thêm một người, là lại thêm ít bổn phận gây ra ràng buộc phiền phức nó bó kết lại thành một quả chì dính vào gót chân người bộ hành.

V

Bạch cả đêm không ngủ. Cái điếu thuốc lào cần trúc kêu vang mấy lần. Trống huyện điểm canh hai rồi canh ba. Đầu trống tư, người lính lệ già quen đi qua thấy còn đèn sáng và cửa khép, ló đầu vào:

– Ông không đi nghỉ? Ông dùng trà tầu, xin cứ truyền để con đi đun. Đêm về cữ này đã bắt đầu dài đấy ông ạ.

Bạch lắc đầu và cám ơn. Chàng nhìn theo người lính lệ có tuổi hầu cận ông Huyện, và nghĩ lấy làm tội cho những cuộc đời cam chịu và yên vui với cái phận nhỏ bé. Cứ lời ông Huyện, thì người lệ già này ngày xưa đã hầu cụ cố đẻ ra quan Huyện. Từ ngày xuất chính, nghĩa là mười mấy năm nay, tên Thập trưởng đó theo quan Huyện qua hết mấy tỉnh vùng Trung Kỳ, đến mỗi cái huyện mới quan y tới nhậm thì tóc y lại trắng thêm mấy sợi. Rồi cuộc sống cứ làm cho người ta quen mãi với cái mẩu đời ti tiểu của người ta.

Và tóc liên tiếp bạc mãi. Nghĩ chuyện người, nghĩ chuyện mình, bất giác xòe tay ra ngắm chơi, Bạch nhìn chiếc nhẫn đeo ở ngón tay giữa và thêm bực mình. Đeo nhẫn. Thói quen. Thói quen lại nhắc Bạch phải nghĩ đến vật cũ, việc cũ. Kỷ niệm, ôi chao! Bạch là người thèm cuộc sống không có dấu vết sót lại, không bị trách nhiệm vướng víu, không bị bổn phận kéo lùi mình về những chốn vừa rời bỏ, được rời bỏ. Đối với Bạch, Bạch nhận thấy đời là một cái chốn mà người ta miễn cưỡng phải ở. Chàng nhất định lãng phí hết cả thời giờ hiện tại của mình để đi tìm một cái gì có thể làm định thức cho một cuộc sống khác. Nhiều buổi chiều cô quạnh, từ ngày về nước, sống trên cạn, Bạch ngửa mặt lên trời, nhìn vờn khói tẩu thuốc lá, chàng lại muốn bỏ hết, bỏ lại ở đây hết để đăng ngay làm bồi tàu một khóa nữa. Lại mây, lại nước, lại làm người khách lạ của bốn bể. Cuốn "sổ livret maritime" của Bạch còn nhiều trang giấy trắng quá. Chàng muốn một vài ông thuyền trưởng nữa đóng cộp vài con dấu nữa vào đấy.

Bờ biển Hắc Hải, vẫn còn nhiều thiếu phụ Thổ Nhĩ Kỳ bí mật.

Mây trời Ý Đại Lợi là những tấm xà cừ vĩ đại chưa nhạt vẻ đẹp rọi sáng một vùng duyên hải.

Ở các giang khẩu xứ Nam Mỹ mỗi lúc tàu bể bỏ nước mặn, đi vào nước hai, rồi vào nước ngọt, những bộ lạc Mọi đốt lửa, nhảy múa, bắn tên lửa lên nền trời chiêu dương vẫn cứ tỏ lời mừng các thủy thủ..

Và Thượng Hải...

Và Hoàng Tân... Bạch nôn nao trong người. Chàng nghĩ đến một người đàn bà Tầu xứ Bắc, thổ âm lơ lớ như tiếng nói người Anh, đã làm quà cho chàng một con chim vành khuyên mỏ hồng, một lần tàu chàng ăn hàng ở đấy những bảy ngày. Con chim ái tình ấy chàng đã cố ý đánh xổng ngay, lúc vừa từ giã nàng.

Bạch lại nhớ đến một cô *geisha*, in hình vào nền núi Phú Sĩ buổi chiều và vẫy tay tiễn người rời khỏi bến. Những người này, nếu Bạch lại giang hồ một chuyến nữa, thì khỏi sao mà không gặp lại, nếu chàng muốn gặp. Nhưng chàng sợ nhất là thói quen, là những cái gì đã trở nên cũ. Một người cố nhân. Một cái vết xe. Một cái bến trùng phùng. Ngại lắm.

Bạch muốn đi một chuyến nữa, trên một con đường khác bằng một hành trình mới. Nhìn khói thuốc. Bạch tự hỏi: "Ta lấy một cái cớ chắc chắn để thoát ly, có người chọn các môn thể thao, hoặc thuốc phiện, hoặc ái tình – ái tình viết chữ hoa – hoặc những việc từ thiện trong xã hội. Có người chọn rượu, có người tìm cái quên trong phụng sự âm nhạc, hội họa, văn chương. Ta sẽ dựa vào cái cớ nào để sống cho đỡ nhạt nhẽo?". Thế là Bạch đã tự nguyện làm người lữ khách của mãi mãi, được đi chàng thấy vui, phải dừng nghỉ, chàng thấy nhớ nhung và thèm thuồng.

Bạch mở màn nhìn Hồ ngủ say quá, chân tay co quắp như người bị thiêu. Hồ có cả dáng nằm co lối cò súng và ngủ như một tên lính trong toán bại binh được nằm lăn trên ổ rơm một vùng quê tàn phá, không kể gì đến thành trì đã mất, không nghĩ gì đến cái mạng của mình là trọng, Bạch ngắm kỹ mặt Hồ. Eo ôi! Xấu quá. Đã hay rằng những lúc ăn ngủ, những lúc thằng người phải làm việc cần dùng của động vật để thỏa mãn những cần thiết trong thú tính, thằng người có những nết, những dáng xấu quá. Nhưng lúc ngủ này ở dọc đường trường, Hồ đã đi quá cái xấu. Ngủ như thế kia thì cháy khách sạn, cháy tàu thủy, hoặc đắm đò dọc cũng không biết được. Bạch thí dụ Hồ có ngày phải đi qua xứ lạnh có tuyết, có chó sói. Y sẽ coi thường cái thân của y để đêm rét ấy ăn cho thực nhiều, uống cho thực nhiều, lăn ềnh ra ngủ một giấc nặng như chì, để đêm ấy có kẻ lục lâm vào

giết y, hoặc cướp mất cái khăn gói và chiếc gậy lên đường. Thật là một giấc ngủ của một kẻ bình dị, của một người thợ cầy, của một người không có cuộc đời tiềm tàng. Thử có một chút thắc mắc trong lòng xem Hồ có còn ngủ một cách nặng nề yên ổn như thế nữa không. Ra cái thằng cha này, đi để chẳng thấy cái gì cả. Có đi qua lại con đường cũ đến mấy trăm lần rồi hắn sẽ cũng trơ ra như thế thôi. Cả đêm nay của hắn ở một huyện gần Mường cũng chỉ là một giấc ngủ ngon. Về nhà mà ngủ có yên hơn không!

Hồ đã vươn vai, ngáp thông mấy cái, hỏi Bạch:

– Mấy giờ rồi anh?

– Mỗi đêm anh ngủ mấy giờ?

– Phải mười giờ là ít.

– Thế thì tính lấy, khắc biết. Hôm qua, ăn cơm xong, anh đi ngủ ngay. Lúc ấy chừng gần mười giờ. Cộng lại với cái giấc ngủ phải đủ mười giờ của anh thì rõ thời khắc hiện tại ngay.

Hồ biết bạn đùa nói lảng:

– Tôi ngủ ghê quá. Thế đêm qua anh thức cả đêm à? Các anh tài thực.

– Anh ngủ say, sao anh biết tôi thức. Tôi nhớ anh không đi tiểu một lần nào cả.

– À, biết chứ lại. Những mẩu đầu thuốc vứt đầy nền nhà kia kìa. Rác bã mía. Anh trông có giống như thế không? Tính anh bừa bộn quá. Có đĩa gạt tàn thuốc, sao anh không dùng?

Hồ không dám nói tiếp nữa về việc vứt mẩu thuốc. Trên mặt bàn, cái đĩa gạt tàn thuốc đã đầy tú hụ một đống tro xám có ngọn. Thảo nào!

Hồ mặc quần áo:

– Tôi phải đi ngoài mới được. Anh cho tôi một điếu thuốc.

– Hết rồi.

– Anh hút dữ quá. Hết cả thuốc giắt trong người; hết luôn cả bao thuốc nhà quan.

– Hút đỡ thuốc này. Tí nữa ra phố huyện sẽ mua.

Bạch đưa cho Hồ cái tẩu thuốc và cái dạ cá thuốc chưa cuốn của mình. Hồ lắc đầu từ chối cả bằng cử chỉ, cả bằng lời:

– Chịu thôi. Chối lắm. Không quen.

– Thôi để tôi cùng đi luôn với anh ra ngoài phố huyện mua thuốc và đi chơi luôn thể. Nhưng mà anh phải ăn mặc cho tử tế, đi giày vào. Mình nên giữ giá cho chủ nhân. Chẳng gì cũng tiếng là khách nhà một ông quan.

Bạch và Hồ đi qua một cái sân cát huyện, mưa đêm đã làm nén dẹt hẳn xuống. Cái vết bánh xe ô tô in hình chân rết cao su xuống đường lồi lõm như trổ vào cát. Người tài xế đang thử máy trong nhà xe, thổi mấy cái ống bu-gi sứ trắng. Trong cảnh sương sớm nơi huyện Mường, chỉ có tiếng máy rú, đợt ngắn đợt dài. Cây ngoài phố huyện gieo giọt sương lộp độp.

Những giọt sương sớm đậu trên búi cỏ trông lóng lánh như thủy ngân nhòe trên tấm mạng nhện mà chỉ tơ giăng làm bằng nước hạt móc sa. Hồ hút thuốc lá ngắm những mạng nhện sương trên làn cỏ. Chỉ có mùi cỏ, mùi đất và hoa đất của loài giun dế. Xa xa một vài điểm chàm. (Người nông phu xứ Mường. Cảnh lành và khí trời cũng lành). Đây mới là địa đầu quê hương Mường. Muốn được thở sơn lam chướng khí cho thật thích thì phải đi sâu vào nữa kia. Lúc Hồ và Bạch trở về thì cửa công đường huyện vẫn kín bưng. Cái huyện đường một ngày chủ nhật khóa ấn không có dân sự đến kêu nài, giống hệt một cái sân ga lúc không có tàu tới, tàu đi, tàu tránh nhau. Bạch lại sực nhớ đến những ngày lang thang của mình ở những vùng quê được khai thác, có ánh sáng văn minh rọi đến, có đường cái quan rải đá, có cột dây thép, có đường xe lửa viền theo mép quan lộ. Một cái nhà trạm chỉ phát thư, bán tem.

Một cái nhà ga xép. Một ngọn đèn xanh. Một tiếng còi đồng. Một lá cờ đỏ. Những hơi khói than đá.

Một cái ly rượu.

Và viễn ảnh những sợi dây kim khí điện tín và viễn ảnh con đường sắt song song rồi nối nhau ở chỗ cùng tận của nhỡn tuyến. Cái tứ một bài thơ giang hồ của thế kỷ này.

Quan Huyện vẫn còn giấc. Lính thưa rằng quan hắn vốn hay dậy sớm, nhưng đêm qua phải đi tuần với ba tay lính cơ, hai giờ sáng mới về ngủ, Hồ và Bạch uống tuần nước trà không hương vị.

– Lúc này lại muốn có ngay một cái hiệu Đông Hưng Viên – lúc

hiệu chưa mạ kền sửa chữa lại, chưa đổi mới theo thời thượng, còn cổ kính kia – ở đây. Chỉ ở Hà Nội là sướng.

Bạch tiếp vào câu ước của Hồ:

– Được trà này mà uống còn là khá đấy. Có những chỗ người dân nghèo lắm; nhiều ông quan nghe tin sắp phải đến ly ở đấy, cố vận động để xin đi hạt khác hoặc không được thì đành lẽ ở lại Bộ, chờ khuyết chỗ khác. Có những hạt, ông quan đi hành hạt hằng sáu bảy tổng, không làm thế nào mà bói ra được lấy ra một dúm trà tàu. Như vùng Can Lộc và Cẩm Khê ở Hà Tĩnh chẳng hạn. Như vùng Do Linh tỉnh Quảng Trị chẳng hạn. Cá khô cơm đỏ. Và lòng dân lại khó nạt. Thế mà ông Huyện đây ở mãi được đấy. Những người như thế, còn lâu mới nhiễm được mùi phú quý.

Hồ ngắt:

– Thế mấy giờ mới đi Hồi Xuân?

– Thì phải đợi người ta dậy đã.

– Tôi sốt ruột, muốn được đi ngay.

– ... Không cần chào chủ nhân? Anh chướng quá. Lúc đêm qua, xe đang có đà đi xa, anh kêu mưa rét đòi nghỉ. Ăn no rồi ngủ. Bây giờ lại kêu sốt ruột. Việc nhà chăng? Chán rồi à?

– Tưởng hôm qua có ở Hồi Xuân rồi thì hôm nay đã về tới Hà Nội. Xe mượn của người ta, cũng phải có chừng độ.

– Anh có nhớ rằng lúc anh bảo đi mượn xe, tôi đã ngăn anh để tránh trước cho anh một sự cằn nhằn của bây giờ? Đi chơi xa, phải rộng rãi thời khắc, rộng rãi tấm lòng. Và không phải tính đến ngày về thì mới là thỏa. Thế nào gọi là lãng du? Lên miền rừng để tìm những cảnh không chờ đợi mà anh muốn định trước một cái thời khắc biểu thì anh bất cận sự vật quá. Thôi được, chút nữa ta chào quan Huyện rồi trở về Hà Nội. Tưởng anh muốn xem mấy cái châu đất Mường thì tôi đưa anh lên, chứ muốn đòi về thì có khó gì!.

Ngoài sân huyện, ban nãy chỉ có một người lính già quét lá rừng. Bây giờ đến ba bốn tên chạy ra chạy vào. Dưới trại giam, thày lệ mục cũng đã có mặt. Quan giấc đã dậy.

Hồ chưa biết nên đi thấu lên tới Hồi Xuân đã, hay là quay luôn về Hà Nội, đành bỏ dở đoạn đường rừng có đèo, có dốc, có đường chữ chi. Chàng hãy biết xếp quần áo ngủ vào va ly đã. Chàng chạy loăng

quăng bên cái khăn mặt ướt. Bạch chưa chịu rửa mặt cho để chàng được bỏ khăn ấy vào túi cao su cho nó gọn. Hồ biết lúc này Bạch đang nghĩ xa xôi, có giục đi rửa mặt thì anh cáu. Dẫu sao, Hồ vẫn kiêng nể Bạch. Nhưng mà ờ, người đâu mà kềnh càng quá. Bắt chước thế nào được anh ấy. Cứ theo được anh ấy thì suốt đời là chỉ có du lịch, du lịch ngắn, du lịch dài. Chỗ nào cũng mò tới. Lắm lúc ăn mặc thực sang, lắm lúc như con mẹ ngộ. Đang vui bỗng buồn. Có lúc nằm mà thức cả đêm tuy rằng mắt có nhắm. Có lúc mở mắt mà ngủ đứng. Ăn uống thì không ra bữa. Đến cái ngủ thì thật càng là không chịu nổi. Lắm buổi đêm chỉ ngủ mười lăm phút. Có giấc ngủ li bì một đêm không đủ lại lân sang cả ngày hôm sau, trời đã vàng mặt, đánh thức dậy thì gắt và ngủ vật vã thêm một nửa đêm nữa. Thế rồi dậy và đọc, viết, đi đi lại lại, nói to nói nhỏ. Ai mà hiểu được, Hồ đã tự hỏi nhiều lần: "Đáng lẽ những thứ người siêu nhận này là không nên có gia đình. Vợ con, anh em nào mà gần được? Đi không ai hay, về không ai biết. Cơm chờ canh đợi, vợ con Bạch khổ lắm đấy. Mà người biết hắn cứ đi hoài như thế để làm gì? Khó hiểu quá".

Bước vào phòng, quan Huyện rất lấy làm ngạc nhiên:

– Ủa, đi mô mà đã thu dẹp cả đồ đạc như vậy?

Hồ vừa bỏ thõng nắp va ly khép xuống, vừa quay cổ lại:

– Dạ, chúng tôi định đi từ sớm. Quan lớn còn giấc, nên anh em còn ý chờ để gửi một lời chào.

Bạch đi gần lại ông Huyện:

– Chúng tôi xin phép trở về Hà Nội. Bạn tôi, hôm nay hơi khó ở. Và cũng có ý sốt ruột về chút việc dở dang ở ngoài ấy (không yên tâm mà lên Hồi Xuân như đã định). Thành thử cuộc đi chơi chuyến này phải bỏ dở.

– Tui nói câu này là thiệt tình: các ông phải ăn bữa cơm sớm với tui đã. Rồi các ông đi đâu thì cái đó tùy, tui không dám biết.

– Quan Huyện nên cho phép để anh em về sớm.

– Mô có được! Nói bậy nào! Tui đã biểu làm cơm rồi kia mà. Hôm nào chủ nhật tôi cũng ăn cơm sớm hơn mọi ngày.

– Dạ, xin để cho khi khác. Hậu hội còn nhiều.

– Nè, tui sắp giận hai ông đó. Hôm nay, rỗi việc dân, tui định vừa ăn vừa nói chuyện nhiều với các ông. Túi qua, đã nói chuyện chi

mô. Vậy các ông định bỏ tui mà đi, sao đành? Mấy khi đã có dịp gặp nhau được.

Bạch và Hồ nhìn nhau, do dự, yên lặng. Cứ nằng nặc đòi đi cho được. Hay là nhận một bữa cơm thết nữa thì đã làm sao? Hồ chỉ cần có mặt tại Hà Nội tối nay mà thôi. Hồ lấy mắt hỏi Bạch. Bạch đang nhìn vào khoảng trống rỗng. Quan Huyện đã gọi thống một hồi. "Thằng" Cửu, "thằng" Thập dạ ran và chạy sầm sầm. Chưa có cái gì nhanh một cách kệch cỡm hơn được cái tiếng của lính lệ dạ dịp. Người ta dạ một cách bâng quơ và chạy như ma đuổi.

– Thằng Cửu đó à? Chú xuống nói với bà cho ăn sớm hơn mọi chủ nhật nghe. Còn Thập mô? Ờ, Thập, con ra ngoài phố huyện biểu ông ký Rượu, ông Tham Kiểm lâm và cụ Đề chút vô hầu tổ tôm nghe.

Bạch muốn cười. À, thế ra lại đánh tổ tôm. Hồi thứ nhất của buổi sớm nay tại huyện là một bữa cơm và hồi thứ nhì là một chuyến bạc. Chàng hiểu những cuộc họp Tổ tôm này là ngụ ý gì rồi. Từ khi làm bạn thanh khí với ông Huyện, đi lại thăm nhau ở huyện lỵ đến mươi lượt, thì có đến năm sáu lần Bạch cầm bài ở một bàn tổ tôm tại tư thất mà ông Huyện cố tình tổ chức. Ông Huyện biết Bạch là một người không lấy gì làm thừa thãi về đồng tiền. Vả ví có giàu có ức triệu chăng nữa thì người ấy có bao giờ cầm tiền cho được nóng tay. Bạch sai đồng tiền cũng như Bạch khiến cuộc đời chàng. Chỉ có tiêu. Chàng tiêu tiền, tiêu thời giờ, chàng tiêu cuộc đời chàng. Chàng đem cả ngày tháng của mình ra mà đánh bạc và sống như một người ngồi chờ một cái gì rất quan trọng nhưng mãi chưa xảy đến.

Mỗi lần cuộc lãng du đưa Bạch tới hạt mình nhậm, ông Huyện lại tiếp đãi Bạch theo cái lễ nghi mộc mạc nhưng chân thành, đơn giản nhưng mà chan chứa thân tình. Thế rồi cái ông Huyện không ưa cờ bạc ấy lại bầy ra đánh tổ tôm. Mỗi lần đến để rồi đi. Bạch lại mỉm cười hầu bài ông Huyện. Bạch không lấy làm ngạc nhiên khi thấy cả chiếu bạc đánh những cây bài dễ ăn, và không có ý lấy sự được ù một tí nào. Ra cái ông Huyện cũ kỹ ấy lại tinh quái đến thế. Ông muốn tặng Bạch tiền lộ phí một cách kín đáo quá. Thường mỗi khi đánh, ông Huyện gom tiền cho ông và gom luôn cả xuất của Bạch nữa. Thế rồi hễ trắng chân thì không kể nếu được đồng nào, Bạch được ông Huyện nài nên giữ lấy. Đó là cái lộc của ông, ông nên giữ lấy làm duyên với cái dân tình ở đây, ông Huyện xuề xòa nói thế. Ông Huyện mến Bạch lắm và không hiểu Bạch chơi với ông ta từ bao

giờ, mà ông Huyện thường lấy làm phàn nàn rằng uổng cho mình không giàu có đủ tiền bạc để cho Bạch tiêu. Cái người có hai con mắt lạnh lẽo ấy, hẳn có một ngày làm được một cái gì to lớn, hẳn có một ngày không chịu đi nữa, ngừng bước đứng sững lại trong xứ sở để làm một cái gì xứng đáng cho quê hương đang cần một chương trình kiến thiết dài hạn.

Ông Huyện than tiếc luôn cho Bạch: "Người thông minh như thế, tài hoa như thế, răng lại không chịu làm một việc chi? Chỉ thấy ông ta du lịch hoài. Cái lối đi chơi không có kỳ hạn và không biết chán mỏi ấy đã để nhiều thiệt thòi riêng cho đời ông ta và luôn cả cho cuộc sống chung của chung quanh nữa".

Lính lại dọn bàn ăn. Hôm nay ăn trên nhà riêng, chứ không ăn nơi phòng khách này. Lại có cả bà Huyện cũng ngồi ăn. Ông Huyện cắt nghĩa với Hồ:

– Xin phép hai ông để nhà tui cùng ra hầu cơm cho vui nhà. Ông Bạch đây thì nhà tui đã được biết từ lâu.

Bà Huyện đã ra, đi đứng tự nhiên, y như chồng. Một cuộc thi lễ, không có lời giới thiệu mà Hồ cũng đã rõ đấy là bà Huyện và bà Huyện thì đã biết cái ông bạn mới của quan nhà bà đây là ông Hồ, một người của Hà Nội – Hà Nội, nơi mà bà cho là người nào cũng lịch thiệp và phần nhiều là kỳ quái cả. Bà chấp tay chào Bạch:

– Ông vô chơi. Bữa qua tui bận bổ ít cau tươi, phơi kịp để tháng mười này cụ cố nhà tui dùng có việc ở nhà quê Quảng, thành ra không lên hầu cơm hai ông được. Dạ xin mời hai ông ngồi.

Quan Huyện chỉ mấy đĩa thịt vịt, niềm nở:

– Vịt Mường đó, béo lắm. Dân hắn vừa mới đi cửa sau mang vô lễ. (Đến hai tháng ni, mới lại thấy Mường mang đồ chín vô lễ. Mấy ông có duyên quá). Giá các ông có chịu khó mà đi làm quan, thì cũng tốt lộc lắm đa!

Vợ chồng ông Huyện cười. Chú Cửu đứng hầu cơm cũng quay mặt vào tường cười theo. Hồ và Bạch cũng quên cả những phút nặng nề của lúc mới ngủ dậy và cười nói nhiều hơn.

Bữa cơm nay, không có một chút mắm Huế nào. Hồ cám ơn thầm vợ chồng ông Huyện đã thể đến cái tính khảnh ăn của một người Bắc. Riêng Bạch thì chàng lấy làm phiền quá. Còn gì phiền cho người khác bằng lúc người ta bị buộc phải săn sóc đến miếng ăn của mình.

Những lúc ở nhà, vào những ngày xám trời, mẹ Bạch và vợ Bạch thường hay hỏi ý kiến con và chồng xem những buổi như thế, muốn thèm ăn thức gì để đi chợ, để đổi bữa ăn. Người nhà hỏi dồn Bạch (và khai hết tên những thứ thịt của loài máu nóng, của loài máu lạnh và các thứ tên rau cỏ ngon lành). Bạch không biết trả lời ra sao. Chàng không hiểu rõ miệng mình thèm ăn thức gì. Chàng không lựa chọn, chỉ nói: "Ăn gì cũng được. Mẹ và mình ăn thế nào thì tôi cũng ăn theo. Những việc chợ búa, mình hiểu hơn thì cứ tùy ý mà làm". Những người muốn chiều chồng chiều con đã lấy làm chán quá. Bạch cũng rõ thế. Nhưng biết làm thế nào. Nếu không sợ làm cực lòng thân quyến có ý săn sóc đến đứa con hoang toàng của gia đình nhiều quá, thì chàng đã dám kêu to lên rằng những lúc phải trở về nhà như thế này, chàng chỉ thèm ăn lại cái miếng bánh *bích quy bể* và thứ lương khô của những con tàu chạy dài hạn, lúc gặp cạn; lúc gặp gió không lái được vào bến, lúc thì mất đường hằng tuần lễ trong mù biển vang âm những tiếng còi thê thảm hỏi đường và xin đường trong lờ mờ lạnh.

Bên mâm cơm gia đình, Bạch dù muốn chiều nể thân quyến đến đâu, chàng cũng không làm vui cho bữa ăn được, mặc dầu chàng cố làm ra bộ mình ăn ngon và nhiều lắm. Chỉ có những người phản ghét xê dịch thích cắm neo nhiều hơn là nhổ neo trong đời sống, mới thấy rõ hương vị một củ dưa hành muối ăn hằng tháng ròng. Ở một chỗ nhất định, ăn mãi cái miếng ăn của những thứ thực phẩm trường cửu quen thuộc! Đây là thứ thực phẩm của người sống mãi một chỗ với ngàn năm trật tự, tính toán trong khi mọi cái ở chung quanh đều trôi chảy, đều đi qua với vẻ bừa bộn của biến thiên, và bằng cái bất thình lình của tình cờ. Và người ta chỉ ở cạn, thì biết thế nào mà chiều cho vừa được cái dạ dày một người đi bể, chỉ biết có bể lớn. Có lẽ cái dạ dày người lính thủy là dễ dãi và khó chiều nhất. Chính người ấy cũng không biết ăn uống thế nào là được vừa miệng. Cái bếp nấu của người ấy quen xây trên bể lớn rồi. Và chỉ có gió mặn ngoài khơi thì mới tra nổi mắm muối vào đồ ăn của khách bể hồ đi tìm quê hương trên nước.

Bữa ăn sớm ở huyện Cẩm Thủy chưa được dùng đến đồ ngọt tráng miệng thì những con bạc ngoài phố huyện được vời vào đã tề tựu đủ cả và đang thập thò ngoài sân.

Lính, một mặt bưng mâm đi, một mặt chia bài. Ông ký Rượu khúm núm vít cái cần trúc điếu ống nhà quan khảm xà cừ nhất thì

nhất họa. Cụ Đề mồm bỏm bẻm nhai miếng trầu không, và không biết nên nhổ bãi quết trầu vào cái ống súc đồng to để ở góc tư thất hay là vào hẳn cái bình phóng sứ để ở trước mặt quan. Còn cái ông chủ hiệu tạp hóa lớn nhất ngoài phố huyện thì giả vờ đọc câu đối của đám thuộc hạ mừng quan thày treo ở những mảnh tường khuất kín nhất trong nhà. Họ đều có vẻ lúng túng, không dám ngồi cho hết cái mặt ghế và đều lễ phép hỏi quan Huyện:

– Dạ, bẩm quan góp mấy?

– Quan Huyện mở tráp lấy bạc, trả lời:

– Ý như cựu lệ. Góp mười.

Hồ và Bạch còn phân vân vì chút tị hiềm. Chẳng lẽ hai người cùng đi với nhau thành bọn mà mỗi người đều giữ một chân bài thì thiếu lịch sự, coi không tiện. Nhân có tiếng thử máy xe hơi kêu rú ngoài sận, Hồ xin phép ra ngoài để chỉ bảo cho tài xế chưa quen với cái xe mượn của người khác. Bạch ngồi dưới cánh quan Huyện, theo ý muốn của quan Huyện. Cũng như mấy lần đánh tổ tôm trước, lần này ông Huyện Cẩm Thủy lại góp tiền bài cho Bạch. Hết hội đầu, ông Huyện bỏ tờ giấy hai chục xuống chiếu bạc, tính cả vào xuất của ông và của Bạch. Chừng như sực nhớ ra đây là canh tổ tôm trong tư thất của quan, cái ông ký Rượu ấy, đến hội thứ nhì không dám ù luôn luôn nữa. Ông Ký vẫn tươi cười khi thấy sự may mắn trong cờ bạc đã dồn cả sang chân bài ông khách Hà Nội của quan. Và quan Huyện thì tự nhủ: Thôi cũng là phải. Chỗ tiền ông Bạch được đó cũng trả tiền *ét săng* cho cuộc đi chơi. Mình bày ra cờ bạc, cũng chỉ có cái ý nhờ dân sở tại đây cung đốn hộ tiền lộ phí cho ông bằng một cách gián tiếp. Quan Huyện vuốt cằm, có một vẻ cười nghịch ngợm rất kín đáo.

VI

Chưa hồi nào Bạch thấy thích và thấy cần phải ra ga như dạo này. Mỗi ngày vào khoảng chiều hôm, được đứng ở bến ga Hà Nội, chứng kiến một con tàu tốc hành ở Nam Kỳ ra hoặc một con tàu cũng tốc hành đi vào Sài Gòn, Bạch thấy đỡ thèm thuồng ít nhiều trong lòng Bạch – con người, lưu đãng không được toại ý nguyện, sống chỉ để được đi – hồi này cứ phải chôn chân mãi một chỗ, lấy làm đau khổ vô cùng. Nghĩ đến cái tuổi xa xưa, luôn luôn ĐƯỢC ĐI, mỗi khi

gió đã lên, Bạch thấy mình bây giờ đã hết là mình rồi và những ngày sống chỉ còn là những ngày rất dài và rất nhạt thôi.

Được ra ga đứng ngắm những người khác đi cứ túi bụi cả lên, Bạch lắm lúc quá say sưa về cảnh nhộn nhạo của những người khác lôi thôi lếch thếch, vội vã và ầm ỹ lúc tàu nổi một hiệu còi, Bạch lầm tưởng mình cũng là một người được lên đường. Ống khói con tàu thở một làn khói trắng, một vòng bánh đầu tiên nhẹ quay và lôi cuốn luôn những vòng bánh khác nhào trên đường sắt; vậy rồi từ từ, những toa xe gỗ nối nhau mà trườn, tiếng động bằng sắt nghe rất quen thuộc. Sân ga ban nãy tối sầm vì sự im ả của một đoàn tàu đứng ỳ ra một chỗ, bây giờ đã sáng rõ lên. Nhìn theo đoàn tàu chạy đã có đà, chỗ quá đầu ghi, Bạch chỉ còn thấy ở cái toa cuối cùng đoàn xe mỗi lúc một xa ấy một miếng sắt tròn báo hiệu, sơn đỏ ngòm, cũng đỏ như màu lá cờ hiệu cắm ở cạnh toa chót. Cái con mắt đỏ không chớp ấy lùi xa mãi và càng lùi mờ, càng như van hờn nhắc Bạch thử nhớ lại những cái gì xem.

Bạch nhấp nháy luôn luôn mắt mình muốn ước và nhìn theo cái bóng một con tàu húc vào sương chiều xa. Ngoài phía ghi, một tiếng còi dội hắt về. Trên cái đống đá tai mèo lót đường sắt, trên cái chỗ cũ của con tàu vừa đỗ có những bãi quết trầu còn tươi thẫm và những mẩu thuốc còn cháy dở. Những lữ khách gửi lời chào một cái bến trên cạn và đánh dấu chỗ vừa đi qua của mình như thế đấy. Trời chiều ở bến ga không có gió. Mà gió khởi hành một đoàn xe đã bốc hút cao khỏi mặt đất những mẩu giấy bóng xanh đỏ, những vuông lá chuối khô nhàu. Trong khoảnh khắc, giấy bóng và lá chuối khô hướng theo đoàn xe tốc hành mà chạy trên đá, quần quại và nghiêng ngửa như những cánh con diều lộn lèo và đâm ra vơ vẩn bị đứt dây trên khoảng không đã đứng gió. Gió khởi hành yếu ớt đã bỏ rớt lại những vật mỏng manh cũng muốn những chuyện được bay theo và được lôi cuốn đi.

Bạch cảm thấy mình là những vật vụn vặt kia đang bị bỏ sót lại.

Tàu đã đi khỏi Hà Nội tất cả rồi. Người ta đã lấy chiếc đinh ba sửa đổi lại cái bảng có đính những miếng sắt sơn đỏ báo giờ tàu tới tàu đi theo thứ tự chỗ đỗ từng đoàn xe. Tàu Hải Phòng về, bến thứ tư, 18 giờ 11. Tàu đêm đi Lào Cai, bến số một, 20 giờ 49. Chuyến cuối cùng ở Na Sầm về, 20 giờ 30. Chuyến tàu thường ở Vinh ra, bến số bốn, đúng 20 giờ. Sân ga lúc này vắng quá. Phía đàng kia, là một màu

xám tàn nhẫn của lũ toa hàng hóa. Màu xám ấy nhắc đến cái màu tro bụi và khói của một cái bến cảng, của một thành phố kỹ nghệ.

Bạch nhìn theo hút một ông xếp ga. Trông ông ta trơ trẽn quá. Không có tàu đi tàu về, ông xếp ga đã mất cả lẽ sống của mình tại chỗ lữ đình này và nhắc Bạch nghĩ đến những cảnh huống "điểu tận cung tàn".

Không hiểu tại sao, mãi đến hôm nay Bạch mới để ý đến cái ga Hà Nội. Đã từng đi ra ngoài nhiều, đã từng ăn cơm thép của thiên hạ, Bạch không thể không đem so sánh những cái gì của xứ sở với tất cả những cái gì ở ngoài phần hương. Cái nhà ga, cứ kể ra cũng không đến nỗi tủn mủn quá. Cái cửa chính xây bằng đá cuốn tò vò như cửa thành khải hoàn, có cột đá, có bệ cấp đá, trông cũng bề thế chứ. Nhưng ngắm lại đến sự vận tải, và những cách chở khách ở trước ga... trang sức cho một khu trước mặt ga, độ mười lăm cái xe *xích lô*, vài mươi xe cao su vừa lùn vừa cao. Không có bóng dáng một chiếc *tắc xi* nào. Và nếu có được dăm bảy cái xe hơi nhà nào đỗ đấy thì toàn là thứ xe con hơn mười mã lực và ăn dầu xăng có tốn lắm cũng đến mươi lăm lít là cùng. Cảnh tượng rất hoạt động tại một cái bến ẹan rất lớn của một thủ phủ đấy. Thà đừng có ra ngoài nữa cho nó đành yên vui với cái phận hẹp nhỏ của mình. Cái tinh thần của sự so sánh, được so sánh, và biết so sánh, đến hay đem sự đầu độc vào ý nghĩ con người ta. Bạch đã hết sức nói xấu quê hương với ông bạn Nam Kỳ mà bốn năm hôm nay, ngày nào cứ đúng vào giờ có tàu tốc hành vào Nam là Bạch cũng gặp ông ta lăng xăng ở sân ga để lúc tàu chạy rồi, thì ông cũng quá thẫn thờ như Bạch. Một bệnh nhân của du lịch? Một người đau khổ của xê dịch chăng? Bạch trộm bắt gặp ông ta nhiều hôm ở ga ra, thế nào cũng rẽ sang phòng Bưu chính bên cạnh.

Năm sáu hôm liền, nhìn nhau mãi bằng rất nhiều thiện cảm, hôm nay Bạch đã làm quen với ông ta và lúc tàu Nam Kỳ chạy rồi, Bạch và ông ta cùng song song ra về.

Lúc đứng ở cửa ga phàn nàn về sự hoang vắng của bến Hà Nội, Bạch đã lấy ông bạn Nam Kỳ đó là người làm chứng cho lời nói của mình. Vậy mà ông ta còn cho Hà Nội dẫu sao cũng còn khéo và ngộ lắm. Ông bảo Bạch:

– Ông đã vô Nam Kỳ rồi chớ? Cái ga Sài Gòn còn xấu thua cái ga Hà Nội nhiều. Ga Sài Gòn nhỏ thị thi như cái ga xép Thường Tín, Văn Điển gì đó thôi mà.

Cái ông bạn Nam Kỳ mà bây giờ Bạch rõ tên là thầy Ba Bạc Liêu, đã cười một cách ốm yếu chấm dấu cho câu chế nhạo.

Bạch mời thầy Ba Bạc Liêu vào một băng thất trước cửa ga uống bia và nói chuyện.

– Trước ba má tui cũng cho tui qua Tây ăn học, trong bốn năm tất cả độ mươi chục ngàn bạc, cả tiền ăn sài cả tiền học. Rủi gặp hồi kinh tế khủng hoảng, ba má tui mần công chuyện bị thua lỗ nhiều quá, tui phải bỏ học mà về. Về nước, nhớ Paris quá đỗi, ông nè. Nếu có dịp là tui lại xách va ly qua bển liền. Ở ngoài Hà Nội này, những lúc nhớ nhà, tôi thường hay ra ga. Ngày nào mà tui lại không có một người đồng hương quán lên tàu. Được xem họ đi vào, mình nó cũng vơi vợi trong lòng. Thực ra, tui có định đến đón ai và đi tiễn ai đâu.

Thôi, đúng quá rồi. Cái thầy Ba Bạc Liêu này cũng là một người thèm đi. Bạch thấy mình đoán trúng, tự thưởng thêm cho mình một cốc rượu bia nữa. Và sau khi vào xem những kiểu hòm hành lý đi tàu biển có bọc vỏ mây đan ở một hiệu làm va ly phố Hàng Hòm, hai người chia tay nhau rất niềm nở như là một đôi bạn xưa cũ được trùng phùng.

Hai người từ giã nhau, không quyến luyến, không ghẻ lạnh, Bạch cũng không hỏi người bạn Nam Kỳ hiện giờ ở đâu và thầy Ba Bạc Liêu cũng có cái nhã độ không dò la đả động tới việc xin địa chỉ của Bạch. Chỉ có những người đại lữ khách mới tập nhiễm được cái thói quen không hỏi địa chỉ của nhau mỗi khi được sự tình cờ cho gặp gỡ giây phút. Người giang hồ phiêu bạt mà lại có địa chỉ sẵn sàng thì còn gì buồn cười bằng nếu người ấy không hẳn là đã chịu yên phận cắm neo ở mãi một bờ bể nào. Đến ngày hôm nay họ còn không biết rõ chỗ ở của họ, huống hồ lại còn đòi hỏi để biết cái chỗ nằm ngồi của họ ngày mai ngày mốt. Hỡi ơi, mặt đất nếu quả không là quá rộng thì còn đi mãi, người ta còn có ngày được gặp nhau. Trái đất nó vốn tròn. Nếu phải là duyên và những đại lữ khách nếu chưa thấy đời giang hồ là mệt mỏi, thì sự tình cờ vẫn còn dành nhiều hậu hội trùng phùng. Cơ hội trùng phùng ấy là một cái lữ điếm ở phụ đầu, là một sân ga có hai đoàn tàu tránh nhau, là một cái lưng đèo độc đạo, là một cái bến sang ngang mà đi về chỉ có một con đò gỗ nát ấy thôi. Lúc gặp nhau khoảnh khắc, không mấy khi hai bên có đủ giấy mực để đưa một bức thơ đề. Chủ khách chỉ kịp chào nhau bằng một tiếng nhạn trong sương chiều muộn.

Bạch nhớ lại cái lần ấy ở Nam Kỳ vượt Đại Tây Dương về thương khẩu căn cứ Le Havre, lúc rời tàu "L'Ile de France" đổ bộ vào phố bến, chàng thành tâm đi tìm người bạn hàng hải cũ tên là... là cái gì nhỉ? Bạch tìm mãi. Phải... anh Thôi quê ở vùng An Dương, Hải Phòng. Có đến bốn năm không gặp Thôi. Lắm lần tàu của Bạch và tàu của Thôi thường cùng cặp ở một bến chênh nhau chỉ có một đôi ngày.

... Kỷ niệm xa nhòe đã dần dần có đường viền và rõ mãi lên. Ừ, hồi ấy cu Thôi nó ở một cái phòng khách sạn trung lưu đầu phố Marinière gì ấy và lúc chàng vội vã leo lên được cái cầu thang tay vịn nhờn mồ hôi dẫn lên tầng gác thứ ba ấy thì cụng đầu rất mạnh vào bọn đồ đạc của một người đang hấp tấp mang xuống. Hai người xin lỗi nhau.

– Kìa, Thôi!

– Bạch đấy à? May quá!

– Hình như mày lại đi đấy phải không?

– Ừ. Sao mày lại ngạc nhiên? Mày làm như tao giang hồ lần này mới là chuyến đầu tiên ấy. Muốn sống cất ngay cái vẻ mặt yếu ớt của những đứa trẻ đam mê gia đình đi.

– Còn được bao nhiêu thời giờ?

– Đủ để cùng uống một cốc *whisky*.

Thế là Bạch đã cầm đỡ cho Thôi một cái va ly nhỡ bỏ được hai bộ quần áo len mỏng và hai người ba chân bốn cẳng sang cái quán cà phê đầu ven phố. Cầm cốc, vừa nhìn đồng hồ tay. Thôi vừa nói vào khoảng những tợp rượu mạnh bạo:

– Đúng 17 giờ 10, tàu tao nhổ neo đi Bordeaux và Alger qua Gibraltar. Giờ đã năm giờ kém mười. Đúng năm giờ phải có mặt cho họ điểm. Thằng "gậy" ở chiếc *Gascogne* này, nghiêm khắc lắm. Thôi, tao đi nhá!

Một chiếc tắc xi xịt khói. Một cái bàn tay vẫy trong mù phố bến. Và hai năm biệt tăm tích. Không một chiếc các–bốt–tan. Bạch thường nhớ tới Thôi nhất vào lúc tàu chàng đi trong mù bể, nổi còi khàn khàn tránh những chiếc khác đi nghịch đường với mình.

Một lần ấy, chiếc tàu Nhật *Kiku Maru* ăn hàng ở Marseille.

Trước ngày nghỉ cuối cùng, có người bảo Bạch rằng Thôi hiện ở Paris và muốn nói gì cứ tìm đến hội quán Ái Hữu Đông Dương thì thấy. Bạch không đem theo một tí hành lý gì, vội nhảy bổ lên Paris.

Cái bác Khương già ấy là bạn đỡ đầu của cả hai người đã khôi hài với Bạch:

– Các chú độ này làm ăn mát mặt có khác. Khá thực. Một thằng làm tàu Nhật Bản, tha hồ mà sạch sẽ và khối bổng. Một thằng làm bồi pha rượu trên tàu bay. Bay cũng ăn tiền, nghỉ cũng ăn tiền.

– Anh Thôi giờ làm cho hãng tàu bay? Chạy đường nào?

– Paris – Londres. Nó cũng biết tin tàu *Kiku Maru* của chú bỏ neo ở dưới ấy, nó cũng vừa ra chuyến P.L.M. xuôi Marseille tìm chú đấy.

– Vậy ra tụi tôi đã gặp nhau giữa đường mà không hay!

– Các chú giàu tiền có khác. Mỗi thằng bỏ ra hàng mấy trăm quan để nhìn mặt nhau một tí! (Các chú còn nhiều tình cảm lắm). Những tiền ấy, tưởng để mà chu cấp, cho những anh em làm tàu bên mình qua đây quê người đất khách, lúc bị thải lên bộ, thì hơn.

Bạch từ Paris trở về tàu *Kiku Maru*, hụt gặp lại Thôi, lòng buồn rười rượi. Vô duyên quá! Hai lần tìm bạn để định nói một việc tâm sự, thì một lần có gặp cũng như không – chỉ có mấy phút, vừa kịp nốc vài tợp rượu, và một lần nữa thì hai người cùng gặp nhau trong cái tối tăm vô danh rất chớp nhoáng của một đêm tàu tốc hành P.L.M., một người xuôi, một người ngược.

Tàu *Kiku Maru* đã đi được mười hải lý tiến thẳng sang các xứ Cận Đông (theo cái hải trình thương mại của nó. Cái gác chuông, nhà thờ Notre Dame de Marseille đã mờ trong sương chiều thả nhanh xuống mặt biển). Bạch nhìn sóng khơi, lòng chao chát nỗi vô tận của lòng trên cái cùng tận của bể. Và lúc thấy đầu được nhẹ nhõm vì sự thanh đạm của một bữa cơm Nhật Bản hoàn toàn. Bạch nhận rõ thấy nỗi cô quạnh có tính chất nghiệp dĩ trong đời những anh khách đi trên mặt nước hoặc sống trên mặt nước, định lấy cái bể rộng làm người ý trung nhân muôn năm của mình. "Tôi sẽ cạn chén rượu tân hôn của tôi với biển lớn", Bạch nhớ đến lời nguyền của người đánh cá xứ Ái Nhĩ Lan mà thêm buồn buồn. Lòng chàng rỉ rầu mênh mông và lại thương cảm một cách quá văn hoa nữa.

Hôm sau, viên cẩm tàu đưa cho Bạch ký nhận một bức vô tuyến điện của Thôi đánh từ chỗ trường bay Croydon.

"Bạch – thợ giặt trên S/S Kiku Maru, đường Mạc Xây – Cận Đông.

Lúc này lòng tôi vui sướng quá độ. Được cá ngựa to ở Luân Đôn. Đã vận động được một chân thủy thủ đường cực Đông đi lối châu Mỹ, như vẫn thường ngỏ với anh. Gởi một lời chào mạnh giỏi.

Thôi".

Bạch lẩm bẩm:

– Thế này thì qua Đại Tây Dương, qua vận hà Panama, vào Thái Bình Dương, ghé Cựu Kim Sơn, sang Nhật. Mình chưa đi cái con đường ấy bao giờ.

VII

Cũng như ngày hôm qua, ngày hôm kia, ngày hôm kìa và còn trước thế nữa, buổi chiều nào vào khoảng tịch dương, Bạch cũng có mặt tại sân ga Hà Nội trước giờ khởi hành của tàu đi Sài Gòn.

Một người cai thuốc phiện nhớ ngọn đèn dầu lạc như thế nào thì Bạch thèm nhớ con tàu tốc hành như thế. Mỗi chiều ra bến sân ga, chàng chỉ phải bỏ ra có năm xu, chứ có phải bỏ ra nhiều hơn gấp trăm ngàn thế nữa chàng cũng không tiếc. Mất một cái vé ra cửa năm xu để ngắm cả một tấn tuồng xê dịch. Rẻ đến thế là cùng. Những bạn quen thấy chàng có mặt luôn luôn ở bến tàu thường hỏi: "Tiễn ai vậy?" hoặc "Anh đi?". Thay vào một câu trả lời cho một lời hỏi không đáng đáp, Bạch nhếch mép cười rất mệt mỏi. Rồi Bạch lánh xa một chỗ, tựa mình vào cây cột đèn và nhìn dăm bảy hành khách phong lưu. Quần áo thừa ấm áp, hòm xiểng đã gọn gàng và lại thừa đựng chứa, họ ung dung bước lên tàu. Đã có những người "bắt tê" tay đeo băng con số, tìm chỗ gọn gàng xếp hành lý cho họ. Còn lâu tàu mới chạy. Họ ló đầu ra khỏi khung cửa toa đã hạ hết cả cửa kính pha lê, cửa chớp bằng gỗ thông sơn bóng. Họ tỳ cùi tay lên cái gióng đồng đánh bóng và hít những mồi thuốc đượm hương khói thơm, họ bình tĩnh nhìn chằm chặp ra cái cửa chính nhà ga chỗ hạng ba. Họ dán mắt họ vào cái kim phút đồng hồ to lớn. Một đợt gió gắt thổi bay những chiếc cà vát sặc sỡ những màu của phương Nam xa khơi và nắng ráo. Họ cười, nhìn vào khoảng không. Những nét cười của họ cũng tươi thắm như những màu hàng tơ dệt đính ở cổ áo trước ngực họ. Họ là những người lữ khách sung sướng. Nếu mới là người

được đi có một lần và chiều nay là buổi chiều khởi hành đầu tiên trong một đời người, họ không thể gọn ghẽ như thế ở trong lòng, ở ngoài mặt và ở dáng điệu. Vài tờ tuần báo nằm tròn trong bàn tay trái họ, ở ngón tay út hoặc ngón thứ tư có những chiếc nhẫn kim khí rất khỏe mạnh kèm với thứ nhẫn đính hôn thưa mảnh và chơn lì. Những bàn tay trượng phu ấy muốn đánh lừa thời khắc trôi chậm quá, gõ đầu ngón tay vào khung gỗ và miếng kính toa tàu thành một bản nhạc đục dè có những tiếng gỗ, tiếng đồng và tiếng thủy tinh hỗn độn.

Phía cửa ga hạng ba có những tiếng giày dép vội vã. Có đến ba bốn thiếu phụ lịch sự đang ngơ ngác tìm tàu với những câu hỏi hốt hoảng: "Tàu suốt đã chạy chưa? Tàu Sài Gòn đỗ đâu?". Đám phụ nữ ấy tiến lại phía mấy chiếc toa hạng trên.

Từ trên toa hạng ba, mấy người hành khách phong lưu rất bình tĩnh từ nãy giờ đã bước xuống, vẻ mặt khó chịu và hậm hực không thể giấu kín được.

– Kìa mợ!

– Kìa cậu!

– Kìa anh!

– Kìa em!

A, thế này thì ra là một cuộc trốn chạy, và là một cuộc bắt bớ nữa. "Chàng" ra đi, "Thiếp" tìm. Chỉ chẳng buộc nổi chân voi. Nhưng buổi chiều này, ở sân ga Hà Nội, mấy thiếu phụ kia định lấy nước mắt ngăn cản một người chồng, giữ riệt lấy một vị hôn phu. Được biết ngày lâm kỳ của chàng vì chút tò mò – người đàn bà nào đã yêu lại chẳng tò mò – đêm qua thiếp đã khóc và những mong "lệ biến thành trận mưa dầm, ngăn lấy bước ngựa chàng buổi sớm mai".

Bạch tiến gần lại đám người trẻ tráng đẹp đẽ này đang rì rầm phân trần cùng nhau. Nhìn họ mà Bạch cười một cách ảm đạm quá. Thôi, thế này thì ra cõi đời chúng ta đây lại thêm được vài tên giang hồ bất đắc chí nữa rồi. Và trên một cái bến nào, lại có vài cái neo nữa thả xuống để không bao giờ kéo lên khỏi mặt nước. Bởi vì "anh" đã chót dại yêu "em" và em thì chỉ muốn những chuyện xây một cái tổ cho thật ấm. Những đêm gió lạnh qua cành khô, con chim cái muốn an ủi con chim đực, thường sẽ bảo con chim đực ngồi rủ rỉa lông cánh rằng ngoài tổ này gió phải là lạnh lắm. "Muốn tìm hạnh

phúc ở đời, đứng vẫn không bằng ngồi. Và bay lắm không bằng đậu nhiều. Và nếu cứ nằng nặc đòi bay thì hai ta cùng bay". Hai ta cùng bay! Bạch nghĩ mà muốn cười vào mặt những người đàn bà rất đẹp và rất ngu ấy.

Rồi Bạch đâm ra buồn bã và bực dọc khi sực nhớ thấy mình cũng là một người đàn ông có vợ. Vợ chàng cũng là một người đàn bà chúa hay khóc. Gặp những ngày trời nắng ráo, Bạch đem quần áo ra phơi và đem va ly bị nồm vẽ rêu mốc ra lau chùi, vợ Bạch khóc, lúc tỉ tê, lúc sướt mướt. Gặp những ngày trời quang đẹp, Bạch rủ vợ đi chụp ảnh chơi và mặc quần áo tốt cho con nó cùng đi với, vợ Bạch cũng khóc, và lúc tạm nín, lại mếu máo hỏi chồng:

– Mình sắp đi xa phải không?

– Ai bảo thế?

– Tôi biết lúc nào mình sắp được đi đâu tôi thấy mình vui lắm. Dạo này tôi thấy mình nhận được nhiều cái phong bì thư lạ lắm. Cái nào cũng chi chít những thứ tem ở đâu đâu ấy. Có phải mình rủ tôi và con đi chụp ảnh là định để lại cho mẹ con tôi một cái kỷ niệm rất thấm thía về sau này đấy phải không?

Những buổi vợ chồng lời đi tiếng lại như thế, Bạch lại bỏ nhà đi mất mấy hôm. Nếu chàng không xách thêm một cái cặp đựng độ mấy cái quần áo lót đi lang thang về các vùng quê gần thì chàng lại lánh lên ở một cái gác xép chàng thuê ở cái phố Hàng Gai rất ồn ào kia. Bạch ở đấy có khi ba bốn ngày liền, nhất định không ra khỏi nhà và không tiếp ai, trừ một đôi người bạn rất thân. Nhưng lâu nay những người bạn rất thân ấy đều đi xa vắng Hà Nội cả rồi. Họ đi Tầu, đi Nhật, đi Tây. Bằng tàu bể, bằng tàu bay. Thỉnh thoảng họ lại gửi về cho Bạch một tấm các-bốt-tan để cho Bạch càng thấy sốt ruột và nghĩ thêm tội nghiệp cho một người đàn bà đã chót vướng vào mình. Lại còn một đứa con nhỏ nữa. Người vợ chưa đủ là quả chì nặng hay sao mà cuộc sống còn cho mắc thêm một hòn nữa vào? Bạch hình dung đến một cái lưới gai của bọn chài bể, một mép trên có quả phao nổi, một mép dưới có các quả chì chắc chắn. Trong một cái lưới dệt bằng các thứ sợi tơ tình cảm của vợ đẹp trẻ và của con thơ, Bạch tưởng có ruồng ry mạnh thì cũng gỡ ra lọt. Nhưng tơ lưới óng đẹp lắm, cứ kể mà đem chọc rách đi, cũng đáng tiếc và tội lắm thay!

Những buổi Bạch đi lánh vợ con tại căn nhà xép thuê ở riêng một mình này, Dung mong mãi không thấy chàng về lại đâm bổ lên

tìm. Gọi mãi mà cửa vẫn đóng kín mít, Dung viết mảnh giấy tuồn vào kẽ dưới tấm cửa: "Ông ngoại chiều nay cũng có ăn cơm ở nhà ta. Nếu mình không về ăn thì ông nội và ông ngoại không chịu uống rượu như mọi lần có mình bên mâm". Bạch rón rén nhặt thư và thừa hiểu đây là một độc kế của Dung. Mỗi lần có xảy ra chuyện xích mích, vợ chàng thường cứ nấp đằng sau những bậc huynh trưởng trong gia tộc để kéo chàng về. Mấy lần trước thì là ông chú bà thím nếu không là các bạn hữu phải trọng nể. Lần này thì ông nội ông ngoại.

Ở trong phòng, bừa bộn đèn cồn, thuốc lá cuốn rồi và chưa cuốn, cà phê, đường, bánh mì và sách báo mở vứt lung tung. Bạch thấy không lên tiếng thì cũng tội. Chàng phải mở cửa. Vợ Bạch tay xách một lẵng thực phẩm mới mua ở chợ, miệng cười. Nàng được cười lúc này cũng như lúc nàng đã phải khóc thầm khi thấy Bạch lau chùi những hành trang cũ trước ngày đăng trình đi đâu rất xa. Bạch lặng thinh đi bên cạnh Dung, cảm rõ thấy mình là một người sống gượng gạo và thiếu can đảm, vì không có tàn nhẫn và dứt khoát trong xử sự.

Hôm nay, ở giữa sân ga, được chứng kiến một đám bắt bớ chồng và vị hôn phu, Bạch thấy những thiếu phụ ấy là hóa thân của vợ mình. Những người đàn bà đẹp và hiền ra đều giống nhau cả. Ở một bài thơ năm chữ trong *Ấu học ngũ ngôn thi*, người đàn bà đẹp và hiền nào cũng muốn thêm hai chữ vào đầu mỗi câu gửi lại cho một người chồng lên ngựa sắp ra roi, mượn mấy lời thơ cũ trong sách để tạ cái tình người đi. "*Thiếp như* bạch nhật mạc nhàn quá. *Quân diệc* thanh xuân bất tái lai..., *Cổ lai* mã thượng kỷ nhân hồi".

Đứng hơi xa, chỉ nhìn thấy điệu bộ họ cắt nghĩa và van nài rồi dằn dỗi nhau ở phía cuối cùng đoàn tàu. Bạch tiến gần đến, lướt qua họ đang túm tụm lại cốt để nghe lỏm mấy câu.

– "Tôi van cậu. Nếu cậu không về thì tôi cắt nghĩa với thầy mẹ thế nào cho ổn thỏa. Cậu cứ nghe tôi, hãy về đi đã. Rồi ngày mai đi. Tôi có giữ đâu. Mà tôi giữ nổi thế nào được cậu".

– "Anh ôi... thân gái hạt mưa sa. Em đi cùng..."

Hà, những câu này Bạch đã nghe thấy nhiều lần lắm rồi. Và khi đã có một người mềm mại, đẹp và thân nói với người đàn ông như thế thì người đàn ông chỉ có việc chào con tàu đi không có mình và trở về ngay cái nhà mình. Bạch lấy làm thương cho mình và thương

lây cả mấy ông lữ khách hụt kia. Ban nãy, lúc họ đứng một mình trên toa tàu mới nhanh nhẹn làm sao? Có giây phút Bạch đã ghen ghét họ. Nhưng bây giờ... bây giờ đời họ cũng nặng như đời chàng. Bấy nhiêu sợi dây thân ái, hồ dễ mấy ai đã cắt đứt được cho mau. Những hòn chì. Đời họ có những hòn chì. Toàn là cục chì mắc vào cổ chân.

Bạch muốn đi lại gần phía họ, xin phép đám thê nhi kia kéo họ ra một chỗ khuất mắt tất cả lữ khách của nhà ga để bỏ nhỏ vào tai họ một câu: "Thôi các ông ạ. Không nên châm chọc đến định phận nữa. Vợ đẹp thế, con khôn thế, há nên đi đâu? Đến ngay như kẻ này sẵn cảm tình với các ông, với khởi hành, kẻ này vốn có một người vợ không được đẹp như thế, vốn có những đứa trẻ không được ngoan như thế, mà cũng còn không dứt nổi một cái tà áo gió đã làm lay động từ bao giờ, huống hồ nữa là các ông. Chúng ta là những cái neo sắt rỉ bị vùi xuống đáy lớp bùn đọng dưới lòng bến. Số phận những quả neo bị bùn sâu cắn chặt chỉ còn nhờ trông vào những lớp sóng ngầm của những ngày bão táp mai mốt rất dữ dội nhổ hộ lên được thôi. Các ông cho phép tôi được ái ngại cho các ông. Tôi thật thương các ông lắm cũng như tôi đang thương tôi vô vàn. Chúng ta chỉ là những cái neo rỉ bị đời sống giang hồ cắt đứt dây, bỏ quên lại và đánh tụt xuống một cái mồ của bãi bùn lầy vữa".

Bạch muốn xách họ ra một chỗ vắng, đứng trên một đám cứt sắt than đá của một đường tàu không vắng, bảo họ như thế và bắt tay chia buồn rất tha thiết cùng họ. Chao ôi, đồng bệnh tương liên.

Không khí chiều ở sân ga đã nhộn nhịp lại vang ngân lên một tiếng còi đồng. Còi hiệu của một cuộc đi có giờ định trước. Đúng 19 giờ ở cái mặt trắng chiếc đồng hồ khổng lồ mũi kim rất sắc, con số giờ không nhòe. Từ xửa từ xưa, từ bao giờ đến giờ, vào giờ này, từ khi chuyến tàu tốc hành lấy giờ này làm giờ khởi hành, đã có bao nhiêu lần người ta rất nhộn nhịp trẩy từ nơi đây đến nơi đó. Bắc, Nam, mỗi đầu thiết lộ, một cái thủ phủ. 1.748 cây số. Hà Nội, Sài Gòn. Bốn mươi giờ đường sắt.

Muốn đo cái sức đi của du tử, người ta thường dùng đến hai lượng số không gian và thời gian. Những lúc này, ở sân ga Hà Nội, con tàu tốc hành đã lướt qua cái ngã tư Khâm Thiên rồi, còn có những người đang đi bằng một tấm lòng khát vọng sôi nổi trong một cái thể xác bị tù túng. Những người ấy là Bạch, là tất cả mấy người suýt lên đường kia đang bị vợ con và ý trung nhân lấy nước mắt để giữ lấy cái

đà chân muốn tiến mạnh đến những nơi có cám dỗ của bất thình lình. Mặc kệ con tàu đã đi bỏ rớt lại họ, vẫn là những lữ khách đứng ra ngoài mọi điều kiện thuộc về thời và không gian. Họ là những người muôn năm phải đứng yên để mãi mãi du lịch trong tưởng tượng bằng một tấm lòng đau khổ.

•

Trên sân nhà ga, đã vãn cả người đi tiễn người đi. Tất cả lúc ra về, ra cửa trả lại tấm vé cửa năm xu, không một ai để ý đến tấn thảm kịch của những cuộc viễn du hụt này. Lôi thôi, lếch thếch, những người chồng vì vợ giữ lại không cho lên đường, một tay xách hành lý, một tay dắt con, uể oải bước ra khỏi khung cửa nhà ga mà ban nãy họ đã đi qua với hết thảy bồng bột của lòng. Mặt họ dài ra. Chân họ rời rạc. Cái va ly mới sặc mùi da bò của người không được đi, sao mà nặng như là sũng nước ngâm đến thế.

Bạch quay cổ nhìn lại họ một lần cuối cùng trước khi nhảy lên xe.

•

Từ hôm ấy Bạch càng năng ra ga vào những giờ chiều. Bạch nghĩ trong đầu mà lại muốn để một lời cám ơn, cám ơn cái ông chánh kỹ sư Giám đốc Hỏa xa Đông Pháp từ khi nhậm chức đã cho thay đổi lại giờ xe lửa vô Nam. Trước kia, tàu chạy vào ba giờ chiều. Xe qua Huế vào khoảng bình minh ngày hôm sau. Và sáng tỏ mặt người ngày hôm sau nữa thì xe vào ga Sài Gòn. Bây giờ, với cái thời khắc biểu mới, tàu chạy vào khoảng bảy giờ chiều, người hành khách đi từ Bắc vào Trung và Nam qua hết mười bảy độ vĩ tuyến, sẽ được nhổ bãi nước bọt thóc mách của mình xuống dòng nước sông Hương vào lúc mười giờ sáng sau khi đã điểm tâm và dọn lòng mình, đón lấy cảnh mới; và mãi đến gần trưa hôm sau nữa mới phải kêu: "Trời ơi! Đã hết rồi", lúc đoàn tàu đi chầm chậm lại dưới cái nắng xích đạo của Sài Gòn. Tính cho gọn được cái thời giờ lúc đi và lúc đến ổn như thế, người ta ít ra phải là một người hiểu tâm lý và trong một người đại công chức quyền cầm đầu cả một bộ thiết lộ một xứ, phải có một người nghệ sĩ của du lịch nữa. Bạch lại càng vui vẻ trong lòng hơn nữa khi chàng nghĩ đến những cuộc tấu nhạc của các hãng tàu Nhật Bản cho cử lên ở mặt các bến đảo Phù Tang, mỗi khi có chiếc tàu bể nào của hãng kéo neo xoay mũi ra khơi. Tiếng đàn trên tiếng sóng đỡ lấy một vuông mùi soa vẫy bay. Được đi là vui lắm chứ. Há lại chẳng có đàn nhị tiễn tống. Cái thân suốt đời ở yên một chỗ như đứa làm

con có hiếu đời Nho, hễ "phụ mẫu tại đường" thì nhất định phải là "bất khả viễn du", và có một cái tổ quốc để mà trở nên một hòn đá có rất nhiều rêu như thế thì sao có bằng được người Do Thái không có quê hương để mà vĩnh viễn lang thang trên lục địa. Cái mũi đinh cây côn gỗ của một kẻ nạn nhân trong lịch sử nhân loại có từ Tân Ước Kinh tưởng đã nếm thử được nhiều màu đất và mùi đất lắm. Hãy mượn lấy cái gậy ấy mà lên đường. Khước lắm. Gió thường hay lên cơn, thổi vi vu ở đầu cây gậy ấy.

Ấy, Bạch đã từng nghĩ lan man như thế, những chiều chàng lặng lẽ đứng giữa cái nhốn nháo của sân ga sặc sụa mùi khói than đá và mờ mờ hơi nước đun sôi. Khói than đá. Hương ấy thừa gây mùi nhớ. Nhớ cảnh giang hồ. Mùi khói than đá lại còn gợi lại mùi dầu ét xăng của đoàn xe vận tải đường trường và lại còn gợi đến cả mùi sơn dầu thông thơm phưng phức quanh quất trong ruột những con tàu bể. Bạch không hiểu tại sao lại có người lợm ọe được nhiều thế, mỗi khi khứu giác họ được làm quen với chút hương sơn, hương đá than hoặc nước xăng. Bất giác Bạch nhớ lại một bữa rượu ở phố Canebière bến Marseille do tất cả anh em Việt Nam làm tàu tổ chức để ăn một cái Tết Nguyên Đán ngoài quê hương. Gần tàn bữa tiệc, không rõ ở trường hợp tranh biện nào, khi chếnh choáng hơi men, Bạch đã hùng hồn nói một câu mà ba phần tư anh em có mặt ở bàn tiệc phải cực lực hoan hô và công kênh chàng lên, như ngày tháng tám ở quê nhà, người ta múa sư tử ăn giải treo ở các tư gia. "Thưa các bạn, nếu người ta cho tôi được quyền chọn lấy một trong hai thứ mùi thơm của dầu thông và nước huê của tất cả những cỏ nội và hoa ngàn cô lại, thì nhất định tôi chỉ xin lấy độ mười thước khối không khí trộn mùi dầu sơn nhựa thông thôi. Trong mạch máu người tôi, có đến một nửa thành phần là muối chát của bể".

Rất nhiều kỷ niệm xưa cũ đã xô bồ trở về với Bạch vào những lúc chiều chiều thơ thẩn ở nhà ga hít tẩu thuốc nhìn làn khói điếu của mình và nhìn luôn cả khói tuôn nơi đầu ống khói của những con tàu sắp sửa đi xa. Cái người thi sĩ ấy đang tìm những tứ thơ cho một bài "Giang hồ hành" và lúc gieo được chữ cho bài thơ trường thiên thì vận chỉ toàn là những chữ của hằn học và thèm thuồng.

Chàng ra chơi ở sân ga nhiều quá. Sự siêng năng ấy của một người có cái bề ngoài nhàn hạ đã làm cho người chung quanh nhiều phen ngộ nhận mình. Cái gì mà cứ buổi chiều nào cũng ra đứng tễu ở

bến ga, tựa lưng vào một cái cột sắt mái hiên xi măng, quay mặt vọng vào những đoàn tàu móc sẵn toa? Cái gì mà lại cứ ra ga để chiếm một chỗ đứng, nhìn trời, nhìn khói, nhìn vào tất cả bấy nhiêu cái mặt người thảng thốt đang tay xách nách mang, với sự bình tĩnh ốm yếu của một người chỉ biết có lãng phí ngày giờ của mình?

Từ thầy ký soát vé cửa ra vào, từ ông xếp ga cầm cờ đỏ, từ chú tây đen cầm ba toong giữ trật tự và dẹp bọn bán quà rong ở hè ga cho đến mấy ông đội Tây lục quân thuộc địa đeo súng lục đứng gác ở bến, ai ai cũng phải để ý đến cái anh chàng người dong dỏng và nước da mai mái ấy, mỗi buổi chiều là thơ thẩn ở đây và hút cứ từng nửa gói thuốc lá chưa cuốn. Tất cả bấy nhiêu người đều có thể nhận lầm những cớ khác đã xui anh chàng ấy túc trực ở nhà ga. Nhưng có một điều này mà họ không thể nhận lầm được về thái độ cử chỉ của Bạch. Là y không có đưa tiễn ai bao giờ. Phải, từ hôm nọ để ý đến hắn ta ra sân ga liền liền hàng nửa tháng, không bỏ sót một chuyến tàu tốc hành nào, chưa khi nào họ thấy hắn ta đỡ hộ hành lý cho một vị hành khách hoặc trao đổi với ai một lời chào vui hoặc buồn. Thậm chí hắn cũng không thèm trèo lên tàu để cho người ta có thể lầm tưởng là hắn đi lục lọi trong ruột toa, cố tìm lấy một kẻ quen thuộc ra đi. Không, không, hắn chẳng đưa đón ai cả. Vậy cái người lãng tử cô đơn không có bạn hữu, không có thân quyến ấy ra ga làm gì? Nếu người ta buồn và lại dồi dào thời giờ thì người ta vào tiệm hút, lầu trà, đi nghe kèn ở công viên hoặc rong chơi ở phố Tây mà ngắm hàng tạp hóa, trước tủ gương chớ! Hà Nội thiếu gì đất cho những người du đãng thích đứng đường. Vả chăng, cái thằng cha ấy sang trọng thế kia mà. Cà vát, sơ mi, quần áo hàng nỉ của hắn là những thứ hàng xa xỉ đem tự nước ngoài vào mà người ở đây có muốn dùng tới cũng phải bỏ ra nhiều tiền lắm thì mới đi theo kịp được thời trang như y. Lắm bữa người ta còn thấy hắn dùng những thứ thuốc lá hương yên hộp tròn thơm tho và sang vô cùng. Cái ông xếp ga tay chơi ấy, từ khi Bạch định làm quen và mời hút thuốc để mở đầu cho những câu chuyện vụn vặt về tàu bè luân chuyển, đã phải công nhận về chỗ xa hoa của Bạch dùng thuốc hút quá xa phí. Một điếu thuốc của Bạch mời có khi trị giá bằng cả một gói của người khác dùng hàng ngày. Hầy, Bạch thật là cả một điều bí mật cho những khối óc tò mò. Bởi vì ở một cuộc sống phức tạp này, có nhiều cái thơ mộng rất bình dị của nhiều nghệ sĩ đã bị chúng nhân hiểu lầm và phô diễn cho đến thành ra những việc kỳ quái, họ mới chịu thôi cho.

Trong khi đau khổ và cảm thấy mình là một con chim đại bàng bị cắt cụt cánh, chỉ còn có đi được một cách lạch bạch trên mặt đất chật. Bạch ra ga nhìn trò xê dịch của xe lửa cho vợi lòng thèm, chàng có biết đâu mình đã là cả một đầu đề cho sự tọc mạch của chung quanh.

Nhưng, mặc dầu, nếu Bạch có biết rõ người ta đã gán cho mình những ý nghĩ không tốt, chàng cũng không bỏ được cái thói quen ra ga xem tàu.

Chỉ có những hạng người cao đẳng muốn mượn thói xê dịch để dưỡng cái bệnh phải sống ở đời và chốc lát muốn thoát ly khỏi cái chặt chẽ của đời sống, thì mới hiểu được cái thú vị của thói quen ấy.

Bạch vẫn cứ ra ga hoài. Những phu "bất tê" đã thuộc cả mặt chàng. Chàng cũng thuộc cả những con số gắn vào lon tay bọn phu khuân vác. Họ xin chàng một điếu thuốc luôn luôn. Và thỉnh thoảng chàng xin họ một que diêm. Không còn gì chán bằng sự cứ gặp nhau mãi ở một nơi nhất định để nhìn nhau với con mắt vô sự và dửng dưng. Sốt ruột lắm.

Bạch nhớ mãi câu nói của ông ký ga già: "Tôi ngồi ở đây đã mấy chục năm. Từ ngày mới có sở xe lửa Đông Pháp". Ông ta hom hem lụ khụ, và theo lời ông nói thì mấy chục năm nay, ông chỉ cầm có một cái kìm bấm thang những tấm bìa vé. Tính ra đã có mấy trăm vạn triệu người phải chìa tay cho ông ta khám vé khi qua cửa vào ga. Ông vẫn ngồi đấy, thân hình đã đâm ra rễ cái rễ con gắn ông vào cái ghế cho ông ngày lại ngày làm mãi cái việc rất bình thường là cầm một cái kìm thép. Cái kìm ấy, trước kia nước kền tắm mạ bóng và đẹp lắm. Bây giờ nó han rỉ hết sức bẩn thỉu. Cái mã xấu xí của nước kìm thật là đi đôi với nước da mặt người cầm nó. Nước da mặt ông ký ga già ấy sỉn cáu lại và trông hãm tài không biết thế nào mà nói cho hết được. Người không biết nghề nghiệp của ông ta sẽ bảo ông là một người nghiện thuốc phiện, da mặt bị ám khói dầu lạc và khói á phiện. Cái khói ấy, hỡi ôi! Chỉ là khói than tàu của hằng nửa đời người công chức chôn chặt nửa phần đầu tiên tuổi mình ở nhà ga để ngồi lịm tại đấy mà nhìn thiên hạ tháng ngày trẩy mãi như nước chảy theo dòng.

VIII

Buổi quá trưa hôm ấy trời mưa phăn. Lại có cả tiếng sấm tháng hai ầm ù nữa. Mưa phăn mùa xuân vào quãng giữa mùa, trời nồm như khí hậu ngày mưa dầm tháng bảy. Cả một đoàn tàu, cả toa máy, toa bưu điện, toa hành khách rầu rĩ như một buổi tống biệt xấu trời. Sắt, đồng và gỗ đều đổ mồ hôi. Cái lá cờ đỏ, cái lá cờ vàng cắm ở sau toa cứ rũ rù như một lá cờ trắng của kẻ chiến bại trương lên để xin hàng và nộp thành trì. Mặt sân nhà ga, những hòn gạch đỏ chảy ra như kẹo hồng gặp nồm. Tảng bùn chỉ in giữ được dấu chân người trong khoảnh khắc rồi lại tan nhòe ngay. Những hành khách buổi nay mặt rười rượi như vào những ngày ngâu. Họ uể oải đặt chân lấm lên bậc toa cứ sánh lại như quết mật mía. Phấn mưa đọng lâu vào tay vịn bằng sắt rỉ đã làm đổ xuống những dòng nước lạnh màu củ nâu rất dài và rất mảnh.

Bạch lừ đừ tiến lại cái đoàn tàu ê ẩm.

Ở phía đầu, gần toa bưu điện, có một toa hạng tư ngoài vách toa dán nhãn giấy in, đề “toa riêng”. Ở hai khu đầu lên xuống và ở vài khung cửa mở có một nửa, Bạch nhận thấy lố nhố ít chục cái bóng hướng đạo sinh đang buộc lại tay nải, gói lại vải lều và lấy dây thừng buộc lại hằng bó gậy có đinh sắt nhọn ở một đầu. Bạch nhìn mãi, nghe ngóng một hồi.

Có lẽ cả một đoàn tàu hôm nay rất xấu và rất buồn, trừ có toa này là vui tươi thôi. Bởi vì những hành khách trẻ tráng của toa riêng này là những đoàn sinh, tráng sinh và sói con, sói già của vài đoàn hướng đạo. Họ vui, họ cười, họ đùa, họ hát, hát riêng, hát chung – với tấm lòng lạc quan cố hữu của hướng đạo sinh.

Bạch đứng dưới sân ga nhìn lên toa tàu, tình cờ nhìn đúng ngay vào hai con mắt một chị đoàn trưởng mặc xiêm đen, cổ quấn khăn xanh viền đỏ và ở vai phơ phất mấy dải ngù. Bạch đọc cái dải ngù: “Triệu Ẩu”. À, thế ra người thiếu phụ này cầm đầu đoàn Triệu Ẩu. Nàng đen ngăm ngăm như những người thôn nữ quen tắm nắng của bốn mùa. Tự nhiên nàng cười với Bạch, Bạch không biết làm thế nào cũng phải cười lại. Hai nét cười, hai thế giới tâm tình. Người thiếu phụ cười để biểu dương thành thực, thẳng thắn, vui tươi và bình dị và

tin tưởng của lòng. Trong nụ cười ốm yếu và gượng gạo của mình, Bạch cảm thấy chỉ có nỗi hoài nghi mênh mông thôi. Bạch nhận thấy mình là người ốm cần phải chữa lại cả bộ máy đã mòn đến xộc xệch và tự hỏi: "Làm cách gì cho sức tín ngưỡng trước cuộc sống có thể bằng như lòng yêu đời của người đàn bà hướng đạo đoàn Triệu Ẩu kia? Người ta biết người ta chống gậy lên đường để làm gì. Người ta đi để vui vẻ làm việc mỗi khi phải ngừng chân cắm lều trại đốt lửa ở trên một khoảng đất nào. Ta đi để mà đau khổ lẫn cả lúc đi lẫn lúc nghỉ. Ới ta ôi là ta ôi".

Bạch đã phải bực mình hết sức với cuộc sống trớ trêu sao cứ thỉnh thoảng lại bày ra một vài cảnh tin vui và trái ngược với lòng mình để bắt chàng phải làm những việc so sánh rất tiêu cực như vậy. Chàng bực dọc lấy ngón tay búng mẩu thuốc còn dài vào đúng chiếc bánh xe sắt gần toa tàu không nhúc nhích. Dăm cái đốm lửa rụng xuống lớp đá ướt đường ray.

Giữa lúc ấy, một đoàn hướng đạo sinh sắp hàng ngũ tề chỉnh kéo nhau tiến lại phía chàng – nghĩa là chỗ toa riêng của những bạn đoàn sinh, tráng sinh và sói con của họ. Họ ngừng lại với cái rắn rỏi của nhà binh. Bạch lùi lại phía sau.

Ở toa tàu ban nãy đã vui ồn bây giờ lại càng rầm rĩ. Rất nhiều cái mũ nồi có thêu hình đầu chó sói tai nhọn lố nhố thò ra khỏi khung cửa toa. Mỗi cái đầu thò ra là một nụ cười có những hàm răng chưa đều nhưng rất trắng. Những cái mồm thơ ấu ấy cười nở như một chùm hoa hồng bạch hàm tiếu được giờ để cùng mãn khai. Vài anh tráng sinh đầu đội mũ dạ rộng viền có quai da hoặc đội nón lá, chống gậy bước xuống khỏi toa và vui cười nói chuyện với những cái mũ dạ khác dắt nhau ra đây để đưa mình lên đường trở về Trung Kỳ. Phải rồi, đây là cảnh đưa nhau của một đám hướng đạo. Đoàn hướng đạo đại biểu, anh em Bắc Kỳ đưa một đoàn ở vùng trong lặn ngòi ngoi nước ra đây cắm trại họp bạn bên rừng Sặt từ dăm hôm nay.

Buổi sáng, đọc báo hàng ngày, Bạch đã thấy một tờ báo tường thuật rõ ràng về cuộc họp bạn *sì – cút* này.

Còn một lúc nữa thì tàu chạy. Bọn *sì – cút* cầm tay nhau, càng được lâu, họ càng thích. Dáng điệu, lời nói họ không lộ một tí nặng lòng với ly cách sắp sửa đến. Bởi vì họ là người *sì – cút* và cái giáo dục hướng đạo sinh đã dạy họ không bao giờ được buồn, bất kể trường hợp nào. Người *sì – cút* chỉ biết có thẳng tiến và lúc nào cũng

sẵn sàng. Sẵn sàng cả đến lúc chia phôi. Vì thế, lúc này cũng như lúc nào, họ hoang phí cái vui cười của họ, tưởng chừng cái vốn hoan lạc của mình là vô tận như là của trời. Đoàn hướng đạo lên đường và đoàn hướng đạo đi tiễn thi nhau mà vui...

Những cái khóa sắt, dao sắt và chén mạ kền có quai đeo ở thắt lưng họ và dụng cụ của mấy anh bạn khác, cũng cất cao tiếng kim khí mà hòa vào cái điệu vui chung. Còn những anh đang buộc dở hành lý hoặc xếp đặt lại hộp thuốc cấp cứu có hình hồng thập tự cũng vội chạy ra đầu toa cười góp với anh em một chút cho nó phải với cái đạo hướng đạo.

Nhưng thực ra cũng có nhiều anh buồn lắm ở trong lòng, tuy ngoài mặt thì là hể hả. Tất cả bấy nhiêu người đều tíu tít lên mà vui. Bỗng con tàu mở nhè nhẹ máy lúc nào không biết. Mấy chục cái bánh sắt quay chưa được đủ một vòng thì sân ga đã vang động lên thanh âm một bài ca. Bài "Từ biệt vui vẻ" của đoàn *sì – cút*. Tất cả người đi và kẻ ở đều ca hát vang lừng. Lắm cái miệng nhỏ bé quá và không thuộc câu hát cũng mấp máy phụ họa vào trông dễ thương lạ. Người đi chống gậy đứng ở đầu toa đang chuyển động, nhìn xuống sân ga, nhìn vào mặt kẻ ở cùng hát rằng:

Ta có nên chia tay nhau mà không hy vọng
– Không hy vọng trở về.
Ta có nên chia tay nhau mà không hy vọng
Một ngày còn được gặp lại nhau.
Đây chỉ là một lời từ biệt.
Các anh ơi, đây chỉ là lời từ biệt,
Phải lắm, chúng ta sẽ còn gặp nhau,
Các anh ơi, đây chỉ là một lời từ biệt
Với những bàn tay giữ chặt lấy nhau
Vào một buổi ngày tàn này
Với những bàn tay nắm chắc lấy nhau
Chúng ta kết nên dây thân ái
Hỡi những bạn Hướng Đạo kết chặt bằng dây thân ái
Chung quanh những ngọn lửa trại chung
Hỡi những Hướng Đạo Sinh đoàn kết bằng tình thân ấy
Chúng ta chớ nên nói câu vĩnh quyết
Bởi vì Thượng Đế thường thấy chúng ta gần nhau

Và sẽ phù hộ cho chúng ta,
Bởi vì Thượng Đế thấy chúng ta xum họp
Sẽ tìm cách cho chúng ta đoàn tụ.

Bạch lẻn ra về trước khi đoàn hướng đạo ở lại kéo nhau ra cửa ga. Cuộc sống của những người này là đầy tin tưởng và không lúc nào có một tí sơ xuất của tinh thần. "Ta có nên chia tay nhau mà không hy vọng trở về... Chúng ta chớ nên nói câu vĩnh quyết...", Bạch cho rằng chỉ khi làm được người hướng đạo thì mới dám nói quả quyết như vậy. Chàng lại nhớ đến lời mình hẹn với một cô đầm thợ thêu người nước Áo ngụ ở Ba Lê: "Bây giờ là mùa xuân. Tôi về nước độ mùa thu tôi lại qua. Tôi và em sẽ gửi nhiều thư cho nhau trong khoảng xuân thu ấy". Bạch nhẩm tính. Từ ngày đó, đã có bảy mùa thu và sáu mùa xuân kế tiếp nhau đi qua rồi. Mà biền biệt, không một lá thư, không cả đến ý nhớ không phải mất tiền mua nữa, chứ nói chi đến chuyện trùng lai và tái kiến. "Ta có nên chia tay nhau mà không hy vọng trở về...", Bạch nghĩ thầm lại muốn cười. Cười để mà được buồn thêm: "Ra người ta tụ ít tán nhiều, lúc lâm vào cảnh sinh ly thường xây quá nhiều ảo tưởng nên một ngày trở về nào ít khi xảy đến thực".

IX

Suốt mấy chục ngày ròng rã Bạch ra dưỡng "bệnh không gian" ở một sân ga kinh thành, có lẽ hôm nay mọi người nhận thấy sự có mặt của Bạch ở ga là có nghĩa lý. Bạch đã có một cái cớ chính đáng để đứng ở ga. Nó khác hẳn với những lần trước, Bạch chỉ đứng tễu ở đấy như là quân du đãng thơ thẩn ở các công viên vào những ngày không phải là chủ nhật và cũng không phải là ngày lễ.

Hôm nay, Bạch đưa một người em trai lên đường. Phối. Hai mươi tuổi. Học trò trường Bách Nghệ, vừa trúng tuyển kỳ thi nhà trường lấy một trăm lính thợ chuyên môn gửi qua Pháp tập nghề. Nghề tiện đạn. Tập nghề độ sáu bảy tháng chi đó, rồi lúc về sẽ làm thợ tại một xưởng máy nhà nước đang dựng, từ khi có cuộc Âu chiến, xứ Đông Dương thuộc địa cũng có một chương trình phòng thủ hoạt động chứ không hoàn toàn thụ động nữa.

Bạch vốn tự cho mình gần như là một kẻ lưu đãng sắp phản bội đời sống giang hồ và sắp bị một mớ trách nhiệm, bổn phận buộc hãm

chân tại một nơi nhất định. Chính Bạch đã gợi xui Phối nên đi Tây. Chàng muốn đứa em nhỏ tiếp thêm vào cái đời mình mà chàng đã coi như gãy đứt. Cơn binh lửa ở châu Âu đã là một dịp rất tốt để cho đứa em chàng được dịp xuất dương. Đứa em ngây thơ ấy từ trước đến giờ quá quyến luyến với gia đình. Sự thả thiết của đứa em nhỏ đối với gia tộc là một điều mà Bạch không muốn có, ít ra là trong lúc này người em chàng mới có hai mươi tuổi. Phận nó là em út trong một nhà đông con, nó có vắng nhà chăng nữa thì ở hội đồng gia tộc chắc cũng chẳng ai nhận thấy lỗ trống đó. Giỗ tết, sưu thuế, đâu đã đến phận nó. Vả chăng nó lại chưa có vợ. Vả chăng nó lại thừa sức khỏe. Cái đóa hoa tươi còn ngậm kín hương ấy còn đợi gì mà không nở bung trước cơn gió ngàn đang lên, sỏi cát lá vàng bay theo vù vù.

"– Em ơi, đi đi. Phải đi đi. Nếu em có phải là sinh ra để mà yên vui ở một chỗ thì cũng cứ nên đi đi đã. Em chưa mệt mỏi với một vài dặm nắng thì em chưa có quyền ngồi nghỉ ở dưới một bóng cây già. Anh vẫn biết bóng gia đình râm và mát và ngón tay dài ngắn khác nhau, đời anh và đời em không thể giống nhau được. Anh là đứa con hoang toàng của gia đình. Em là đứa con ngoan ngoãn của thày mẹ. Cha mẹ cho chúng ta làm anh em một dòng và đời sống cho anh em chúng ta những tính riêng. Anh là một đứa con hoang toàng đang tiếc mình không hoang phí mãi được, không kéo dài mãi được những ngày lưu đãng để đến nỗi phụ bao nhiêu người đang tản mát khắp mọi nơi, để đến nỗi phụ những cơn mưa mau hột và những trận gió mới lạ của rừng của bể. Những cái gì anh đã được thấy biết ở ngoài gia đình, nếu em chịu cắt lại một dải áo mà đi một vài dặm đường, em cũng sẽ thấy biết. Em hãy tự gieo mình vào phiêu lưu như là kẻ kia quăng lên trời những hòn đá. Rồi ngày mai ngày kia, em sẽ lượm lại những hòn đá ấy nếu em có ý muốn xây nên một cái gì về sau này. Đời em còn dài lắm, đã lấy gì làm chậm. Nơi lá số tử vi của em, anh cũng thấy có vì sao Thiên Mã cắm ở cung Mệnh. Cái điềm ấy là một điềm tốt. Không nên cưỡng lời của định mệnh và không nên cưỡng lời khuyên của anh, em hãy cứ lên đường đi đã. Rồi lúc nào em thấy mỏi, muốn nghỉ... cái đó tùy".

Bạch lánh ngay sang buồng bên, sau khi đã dúi cho Phối một lá thư ấy. Bạch đã bắt Phối xòe bàn tay phải ra, dí vào bàn tay em còn thấm mềm một cái gậy và vỗ vai em, chỉ một cơn gió vô hình đang xô hạt mưa va vào lớp kính cửa nhờ nhờ ánh sáng trộn lẫn nước.

Phối nhìn gió, lắng mưa. Bạch nhìn trộm em đang tần ngần bên cửa kính. Cặp mắt Phối, có sáng hơn lên nhưng lại mờ đi ngay. Phối nhìn xuống và lấy ngón tay gõ vào kính thành một dịp thanh âm băn khoăn. Và ngập ngừng hỏi anh:

– Chắc thầy chả muốn cho em đi. Thầy vẫn phàn nàn nhiều về anh và thường khuyên bảo em đừng nên bắt chước anh. Những lúc vắng anh, mỗi khi đả động đến anh, thầy chỉ kêu: "Thật là một sự đại bất hạnh cho nhà ta". Bây giờ mà thầy biết em đi, thầy có thể ngăn trở được lắm. Rút cục, cuộc đi của em không những lỡ mà còn gây thêm mối phẫn cho một người khác. Thầy bây giờ già rồi; em không muốn gây một điều bất tiếu nữa. Em xin lỗi anh nếu em phải dùng đến chữ này.

– Em không nói anh cũng rõ cả. Anh chỉ hỏi em xem em có muốn đi không. Nếu em muốn, anh sẽ làm cho em lên đường được gọn gàng.

Phối nghĩ ngợi lâu. Ngoài trời vẫn mưa. Bạch dỗ em và bảo:

– Em trông xem, có phải trong mưa gió có cả một bài thơ muôn vận dành riêng cho những người sống ở ngoài trời. Trong tiếng mưa, có một tiếng gọi thần diệu. Không đi thì uổng lắm. Một ngày gần đây, khi nào mà bổn phận rất nhiều và rất sớm đã bỏ tù em ở lại một chỗ nhất định tẻ và hẹp, em sẽ tiếc cái lúc em còn sung sức, em sẽ tiếc những ngày không có trách nhiệm cai quản. Ngày đó, em có muốn chống cái gậy nhọn mà lên đường, em chậm quá. Ngày đó, nếu em có thành thực hỏi ý kiến anh, anh cũng không dám khuyên em lên đường. Ngọn gió nổi lên bấy giờ sẽ là thứ gió của những người khác thôi.

Sau một đêm không ngủ được vì những lời thiết tha của anh muốn mở cho mình một cánh cửa vào đời, Phối đã lấy làm khó chịu vô cùng. Từ thuở tấm bé đến giờ có khi nào Phối trằn trọc mất ngủ đâu. Cái người trẻ ấy ăn đều lắm và ngủ cũng đều lắm. Cái tuổi ấy quả là trời cho để mà hưởng thụ cho được nhiều cái đã. Đêm ấy, Phối mới biết rằng khi mà người ta không ngủ thì đêm là dài lắm. Và cái đêm dài ấy mở đầu cho cuộc đời và đã định đoạt cho một cuộc sống phải đi lạc hẳn cái nếp cũ của mình.

Ngày hôm sau, Phối đã vui vẻ đòi anh đưa cho mình cái gậy có đinh sắt mà hôm vừa qua Phối đã viện những lẽ thiêng liêng của gia đình để từ chối. Bạch quay mặt đi, cười thầm như một người kỹ nữ lão luyện đã kéo được một kẻ tu hành ra khỏi mái ngôi chùa.

Và từ hôm ấy, Bạch để hết thời giờ vào việc thu xếp cho Phối đi Tây cho lọt. Chàng và Phối cứ bí mật mà làm, nhất nhất đều không cho ông cụ biết. Bạch đã dặn riêng Phối trong mấy ngày còn ở lại trong xứ rằng nên hết sức làm cho vui vẻ lộ hết cả ra ngoài mặt. "Lẽ thứ nhất để giấu kín chuyện này, chú nên coi chừng nhà tôi: chị mà biết, sao cũng mách với thầy thì hỏng hết cả. Lẽ thứ nhì, để tận hưởng lấy ít ngày còn ở lại nhà, nếu chú thấy những ngày còn lại gần đây là đáng quý, đáng tiếc". Ông cụ Tô thấy "anh em nó" dạo này vui cười và hay gần gụi nhau, hơi lấy làm lạ. Mọi khi chúng đối với nhau vốn là xung khắc. Ông cụ Tô lấy thế làm một điều sỉ nhục cho gia đạo, tuy không nói ra miệng. Những lúc cụ ngồi độc ẩm với hũ rượu thuốc hoặc trước cái ấm đất Mạnh Thần nhỏ bằng hạt mít, cụ Tô thường thở dài và đổ lỗi lên đầu người con cả: "Cái thằng Bạch, hỏng! Nó không biết gì đến hiếu đễ cả. Chỉ sợ lớn lên, cái thằng Phối lại theo gương thằng anh nó thôi". Buổi sớm, buổi chiều, buổi đêm thức giấc, cụ Tô chỉ đành đánh đắm phiền muộn vào đáy một chén rượu, một chén trà tầu thui thủi pha lấy một mình.

Nay cụ thấy các con hòa thuận, cụ không khỏi ngạc nhiên và sau cơn ngạc nhiên thì cụ sung sướng hoàn toàn. Hỡi ôi! Bạch và Phối, trước ghẻ lạnh nhau như hai vừng Sâm Thương và bấy giờ lánh mặt nhau là một cớ để cụ Tô uống rượu – chén rượu phiền âm thầm của một ông già. Bây giờ Bạch và Phối sát kề nhau lúc ăn, lúc nằm, lúc ra ngoài như đũa có đôi, lại vẫn là cái cớ để cụ Tô uống rượu. Những chén rượu này có đầy hơn những chén rượu lúc trước. Bởi vì có một người nhiều tuổi đang vui, đang vớt lấy chút vui chính đáng vào khoảng buổi chiều một cuộc đời bình lặng.

Trong những ngày cụ Tô vui sướng một cách lầm lạc và bị đánh lừa như thế, thì Phối đi xin chữ và con dấu về hạnh kiểm, khai sinh, và đi khám sức khỏe. Phối ngỏ với Bạch:

– Anh ạ, đo thân thể và đi cân, *indices Pignet* của em dưới 30.

Bạch cười hể hả, vỗ vai em:

– Xong rồi. Được rồi. Chỉ sợ *Pignet* của em trên 30 thôi. Những người tầm thước và sức lực sau khi đã cộng và trừ mà trên 30, thì không trúng cách.

Thế rồi, Bạch và Phối đi sắm những đồ dùng lặt vặt để nay mai đi xa. Phải may và mua thêm ít quần áo; Phối muốn dùng những thứ hàng đẹp. Bạch đã cười rất to trong mấy cửa hàng vào hỏi giá và bảo Phối:

– Chú chưa đi xa, chú chưa có những thói tục của lữ hành có khác. Chú định sang nước người, trưng bảnh và làm dáng với những ai? Những thứ hàng áo xanh cánh trả và quần màu hồng là dành riêng cho hạng mày râu nhưng mà khăn yếm, ngồi ro ró trong những phòng khách rất đẹp và rất kín. Những người lữ khách đường trường chỉ có quyền dùng những màu chết, cho nó điều hòa với đất với cỏ, với hạt bụi, với lá khô. Như cái màu rêu phân ngựa mà nhà binh hay may áo sơ mi chẳng hạn. Chú thử để ý kỹ xem có người khách du lịch tự trọng nào trong lúc ngồi tàu dám mặc những thứ lòe loẹt tươi thắm đâu.

Phối thông minh, không bướng, tỉnh ngộ ngay và hỏi anh vậy thì nên sắm sửa thế nào.

– Chú chỉ cần mua những cái gì gọn bền và nhẹ nhàng. Không cần cái đẹp. Không cần đến lượng mà chỉ cần đến phẩm. Một người muốn đi xa và nhiều, những hành lý đem theo không bao giờ có tính cách nặng và cồng kềnh. Những hành trang lềnh khềnh sẽ làm phiền lữ khách gấp mấy mươi cái địu thê nhi quẩn vướng vào chân.

Câu sau, Phối không lấy gì làm hiểu lắm, dương mắt thao láo hỏi Bạch, Bạch cười và nói sang điều khác:

– Bao giờ sắm sửa đủ cả rồi, tôi dám đố chú xếp thế nào cho gọn trong một cái va ly, đựng cho được nhiều và không phí chỗ, và chỗ nào ra chỗ ấy. Cả một cái nghệ thuật đó em ạ. Chỉ có thói quen của nhiều đăng trình mới đem lại cho em được cái nghệ thuật ấy thôi. Bây giờ chúng ta đi mua va ly.

– Em muốn mua một cái thực to. Bằng da.

– To như thế nào?

– To bằng em.

– Em đã lấy gì làm to. Mà không nên mua cái to. Em phải mua ra làm mấy cái. Hoặc hai cái nhỡ. Hoặc một cái nhỡ, một cái bé. Nói đến cái va ly to, người khách du sang trọng hiểu nó là một cái tủ áo con con, trong có mắc áo, cốt gỗ nhẹ bọc da mềm, dựng đứng lên lúc yên nghỉ thì là cái tủ áo và lúc mang xách lên xuống thì là một cái hòm khổng lồ. Những người ấy là người sang trọng chỉ đi lại ở những thị trấn và phụ đầu lớn thôi. Mỗi lúc lên tàu, xuống tàu, họ đã có hàng lũ phu "bất tê" khiêng vác cho họ, đưa vào khách sạn. Còn như em, em là một người lữ khách nghèo, đi đâu cũng phải khiến lấy

hành lý của mình có lẽ suốt cả đời rồi đều phải lấy sức mình ra mà hầu mình. Em sắm cái to mà làm gì. Đáng một cái hành trang to ấy, em chia nó ra làm hai cái nhỡ. Cầm mỗi cái ở mỗi tay, mỗi lúc em xuống tàu hay bước lên con tàu, em giữ thẳng được người, em không mất thăng bằng, em sẽ nhẹ nhõm nét mặt, em sẽ có thể cười được với cảnh đẹp của một cái bến, một sân ga. Không còn gì xấu hổ cho một người du khách trẻ tráng hơn là có một bó hành trang lôi thôi lễ mễ và một bộ mặt tử vì đạo.

Phối vẫn chưa chịu, lè nhè muốn nói với anh đòi mua cho được một cái va ly to lớn, làm cho Bạch phải viện đến cái lẽ này:

– Phỏng thử em là một người giàu có, đi tới đâu cũng ném tiền ra để dịch xử những kẻ khác hầu mình, đỡ hành lý cho mình, anh cũng không muốn cho em làm thế. Có nhiều khi em đi đến những chỗ không có lấy một bóng người, chỉ có mình em trơ trọi giữa nơi đìu hiu, mọi rợ, giữa chỗ dã man của cảnh thổ, em định sai ai và trút gánh cho ai? Và nó lại ác thêm là chỉ có những nơi hẻo lánh, hoang rợ ấy là có những cái gì đáng xem thôi. Du khách thụ giáo được những bài đại học lữ hành thường lại chỉ ở những nơi ấy thôi. Như anh đã kinh nghiệm, cái hành trang tốt nhất của người lữ khách vĩnh viễn lại chỉ là cái tay nải muôn năm khoác lên vai. Vai mang khăn gói lúc thượng sơn, tay chống cái gậy lúc xuống dốc qua khe, như một người đi hành hương ấy em ạ. Người ta thường nói đến một cái tay nải của bậc giáo sĩ, của gã thủy thủ, của nhà bác học theo đoàn thám hiểm. Chứ có ai nói đến cái va ly của họ bao giờ. Còn gì buồn cười bằng khi người ta nói đến cái va ly của anh *sì – cút*. Phải là cái túi dết, cái bị.

Phối phải nghe lời anh, sắm hai chiếc va ly nhỡ vậy, nhưng trong lòng vẫn hậm hực. Đến một hiệu tạp hóa khác, Phối muốn mua một cái tẩu thuốc lá và hỏi ý kiến anh nên lấy cái nào. Trong tủ kính, ngổn ngang có đến mấy chục ống điếu. Phối mê say, phân vân về sự lựa chọn.

– Này anh, anh sành về cách chơi tẩu thuốc, anh chọn hộ em một cái cho nó xứng với người em.

Bạch mỉm cười nhìn em, nhìn lũ tẩu thuốc và tự hỏi xem ai đã sớm dạy cho thằng em nhỏ bé của mình cái lối chơi điếu – cái lối chơi này của những người niên xỉ đã cao. Với giọng trào phúng rất kín đáo và rất bình thản, Bạch đã dòm rõ vào khuôn mặt Phối non choẹt:

– Chọn một cái điếu cho xứng được với em! Điếu có cơ man là kiểu. Dài, ngắn, lục lăng, bát giác, tròn, vuông và vân vân... Bằng gỗ, bằng đất, bằng bọt bể. Mỗi thứ đi với từng khổ người ngậm điếu và từng đức người hút. Áo em mặc, phân tấc chưa nhất định, vẫn còn phải cắt nới, trừ hao; tính em chưa định vững. Anh biết em muốn những gì mà chọn điếu cho em vừa lòng được.

Phối xa xầm nét mặt xuống: "Anh ta thực khinh ta nhiều quá. Chuyến này ta đi cho rõ lâu và nếu có cơ hội bên ấy, ta sẽ tạt ngang sang các nước lân cận cho mà xem. Sang được Tây rồi thì đường ở bên ấy thông đi các nơi như bàn cờ".

Hai anh em tần ngần đứng lặng. Bạch biết đã phạm vào lòng tự ái của em. Nhưng nghĩ lại chàng đã tưởng nhớ đến mọi cái kết quả hay của những câu nói khích trong nhân loại. Chàng hết sức dèm lũ tẩu thuốc ở cửa hàng này những là hút nóng, cách chế tạo ruột gà trong lòng điếu là vụng và những cái điếu rẻ tiền ở hàng tạp hóa là đồ táp nham không nên sắm. Mua những cái điếu thuốc không có sự đảm bảo của thương tiêu in trũng vào sườn điếu chỉ phí tiền toi.

– Em muốn mua một cái mới. Nghĩa là em muốn nó hoàn toàn là của em. Một cái kỷ niệm của em tặng cho em, một ngày lên đường.

– Em thơ ngây lắm. Ở thế gian có những vật tủn mủn làm bạn với người chỉ nổi được giá vào lúc nó đã trở nên xưa cũ thôi. Cái tẩu thuốc lá là một trong những vật ấy. Khổ nhất cho một người hút điếu là bị thất lạc mất điếu cũ và bất đắc dĩ phải mua điếu mới mà điền vào. Mỗi lúc phải tôi cái điếu là công phu lắm.

– Tôi điếu? Thế nào là tôi điếu?

– Hà! Một câu hỏi của em đã nói nhiều về sự quých của em về phương diện tẩu thuốc. Em có thấy chú Huấn mỗi lúc mua một cái tẩu đất mới hút thuốc phiện thì chú làm như thế nào không? Chú phải đem tôi nó đi đã. Tôi bằng mỡ chó, mỡ gà. Cho nó mất hết mùi đất đi đã, rồi mới lăn thuốc phiện lên trên. Tôi xong rồi, cái diện thuốc mới mới thành ra tẩu luyện, tẩu đã thành thuộc dùng được. Chính em đã một lần đi lấy mỡ gà sống thiến cho chú Huấn tôi điếu rồi đấy thôi.

– Em nhớ ra rồi. Vậy ra thế.

– Điếu hút cũng vậy.

– Tôi điếu hút thuốc lá như thế nào?

– Cái điếu mới, một người nghiện thuốc lá biết kính trọng mình không bao giờ nhồi thuốc vào ngay. Cái lòng điếu gỗ ấy cũng phải luyện đi cho thuộc đã. Có người tôi bằng rượu mía mạnh. Có người tôi bằng rượu nho nặng phân kinh niên. Có người tôi bằng dầu ô liu. Nhưng muốn công phu cày cục thế nào, cái điếu mới vẫn không bằng cái điếu cũ. Hút nó ngái lắm. Lạc hết hương của thuốc. Em phải biết cùng một mồi thuốc, cùng một thứ sợi rời, hút vào cái điếu cũ một năm, mùi khói có khác mùi khói cháy ở mồi cái điếu cũ đã hai ba năm.

– Ồ, lạ nhỉ?

– Em tưởng anh nói bịa sao? Bởi thấy em đột nhiên có cái thích dùng điếu sớm quá cái tuổi mình, anh cần giảng rõ cho em hay. Một ngày kia, em đã là một người lữ khách biết thế nào là lúc lên đường, biết thế nào là lúc đáng ngừng bước, em sẽ còn hiểu thấu đến cái tình người giang hồ đối với cái điếu tùy thân là nặng đến như thế nào. Lắm lúc anh phải nằm mèo ở nhà, buồn đem cái điếu cũ ra mà hút, tự dưng thấy thương, thấy nhớ một cách xa xôi lắm em ạ. Nhớ một căn phòng trọ. Nhớ một cái mốc đá ở bến. Nhớ một cơn gió. Nhớ một trận mưa giữa trời. Lung tung lắm. Mỗi giọt nước bọt chảy vào ruột điếu, rỏ xuống cục tàn thuốc đỏ cháy kêu đánh xèo một cái là cả một tiếng nấc của một người lữ khách mạt lộ bị nằm bệt trệ lại một nơi...

Phối nghe chuyện lấy làm thú vị. Phối nhìn người anh cả mình với sự kính cẩn: "Ờ, thảo nào. Anh mình đi lắm nói chuyện cũng có khác. Tiếc rằng mãi đến bây giờ mình mới được anh đãi đằng đến. Nhưng anh mình đã đi nhiều thế, vậy mà chưa thấy mệt mỏi là nghĩa lý gì? Vẫn cứ còn thèm đi? Sao vẫn chưa chịu yên nghỉ và buộc chân vào một chỗ? Thà mình chưa được ra ngoài. Nghĩ cho chị Bạch nhà ta cũng lành. Từ ngày làm bạn với nhau, anh ấy bỏ nhà đi luôn, mà chị Bạch vẫn không nói gì, vẫn vui vẻ như thường. Hay là cái kiếp sinh ra thế?"

Bạch và Phối có lẽ lần này là lần đầu mà thân mật đã làm cho họ hết sức phóng túng hình hài ngôn ngữ. Hai người đều cởi mở lòng. Đối với anh, Phối kính cẩn như một tên lính trốn binh kỵ lúc dẫm lên bàn đạp một chiếc ngựa bách chiến của ông quan ba giao cho đi chải và tắm. Bạch ái ngại cho em như là trận gió lốc rủ thương đến một ngọn cỏ non ở ria lối mòn. "Mưa gió rồi sẽ nhiều lắm đây. Chẳng biết tấc cỏ non nó có đủ lực?". Nhưng mặc dầu, ngày ngày còn lại, Bạch vẫn truyền cho em những điều kinh nghiệm của mình. Và Phối

lắm đêm thắc mắc tỉnh giấc để nhẩm lại những điều vỡ lòng về cái thuật chuyển di mà anh đã truyền cho trong mấy ngày gần đây.

Từ trưa đến hết buổi chiều một ngày ấy, hai anh em Bạch và Phối qua mấy phố buôn bán đủ mặt hàng. Sắm sửa đủ thức rồi, có một cái gì khó mua được cho ưng ý thì vật đó vẫn là chiếc va ly. Phối ưng đến đâu thì Bạch bĩu môi lắc đầu đến đấy. Ra chọn được một cái va ly cũng khó thực.

Lúc thành phố đỏ đèn buổi tối, Phối mời Bạch đi ăn cơm. Lần đầu tiên Phối không ăn cơm nhà. Người trẻ tuổi mặt trắng ấy đã bỏ một bữa cơm gia đình. Và sau khi hỏi dò anh nên ăn Tây hay ăn Tầu và dùng ở hiệu nào thì hơn – về những địa chỉ tửu điếm, thực thất, Phối bỡ ngỡ lắm, – Phối đã đi trước anh mình, dẫm lên cái cầu thang thếp vàng sáng lóe hiệu Tây Hưng Viên với sự trịnh trọng ngộc nghệch của một người vị thành đinh được tập những thói tục người lớn và lần đầu tiên đi ăn hiệu. Muốn em mình được làm quen với cảnh ồ ạt, xô bồ, nhộn nhạo của cuộc sống công chúng từ đây rồi sẽ là cảnh thường nhật của người lữ khách mới vỡ lòng này, Bạch bảo Phối đừng nên lấy buồng riêng:

– Ngồi ở chỗ thoáng này hơn. Khi nào có đàn bà hoặc phải giao thiệp làm ăn gì với ai thì ta hãy nên lấy buồng cho nó được biệt tịch êm tĩnh và có thể thống hơn. Ngồi ăn giữa chỗ đông và huyên náo sẽ giúp cho mình nhiều về sự quan sát. Nhiều câu chuyện lý thú ở những bàn hàng xóm cũng đủ là rượu khai vị rồi.

Phối ăn nhiều uống ít. Trái lại, Bạch ăn ít và uống rượu rất nhiều. Những món ăn của Phối gọi thật là thừa thãi và thiếu trật tự như thực đơn của kẻ tiểu trưởng giả gặp được ngày lành tháng tốt để tiêu tiền. Phối hạch sách hầu sáng nhiều quá và gọi chúng có khi to tiếng hơn cả bọn này hô tiền. Cái tính cách mạnh bạo của Phối trên tửu lâu đã làm cho Bạch hồi tưởng đến những lúc mình được làm thủy thủ đi chuyến thứ nhất – cái kỷ niệm xa lắc xa lơ – trên bể và ghé vào cái bến đầu tiên của những ngày mới tập tõng giang hồ. Bạch tủm tỉm nhấp rượu nhìn em mình đánh vỡ đánh đổ chén, thìa cốc và vịt sì dầu. "Thằng này mà làm thủy thủ, tàu áp bến đổ bộ là tha hồ mà om xòm đây. Tiệm nhảy, quán rượu, nhà chứa, sòng bạc ở các cửa sông ven biển rồi còn khối kinh động vì thằng em mình". Phối xưa nay không uống rượu, lúc này có chén, càng la mắng tửu bảo, kêu đồ ăn những là nguội quá, giở quá, nhạt quá, mặn quá. Bọn

hầu sáng định giận, nhưng họ thấy có Bạch ngồi cùng bàn với cái ông khách tính nóng như lửa và hay cà ấy, họ lại nghĩ đến những lúc mọi ngày Bạch cho họ tiền đầu sai rất hậu, họ đều dằn lòng và hầu tăm tắp. Thấy em mình muốn người ta hầu hạ bằng sự dộ nạt hạch sách, Bạch nghĩ đến những cái tửu quán êm đềm xứ Y Pha Nho, người nào muốn vào ăn nghỉ ở quán thì đem thực phẩm và chăn màn tới mà tự mình hầu hạ lấy mình. Sẵn bếp đấy, có đồ ăn thì sào nấu lấy. Nếu có rượu thì nhà hàng sẽ cho mượn cốc. Có thức gì đem đến thì đem ra mà ăn mà uống. Chủ quán chỉ cho ông mượn một chỗ ngồi hoặc một chỗ nằm thôi. Chỉ có thế. Nếu ông ậm ọe lắm, xin mời ông đi chốn khác. "Thế mà hay, Bạch ngẫm... Mình còn phải mỏi miệng mà xin lỗi thiên hạ hộ em mình. Cuộc sống còn tốn nhiều hơi sức lắm mới luyện cho thằng em mình thành người chín được. Ở những tửu quán hẻo lánh khi lữ thứ, cái lối thị hùng của thằng em ta là một cái cớ để cho một ông giang hồ vô danh ngồi bên bàn hàng xóm ngứa mắt được dịp chơi dao lúc rượu đã nóng mặt đây. Nhưng trước kia, mình cũng đã nhiều phen ồn ào gấp mấy thằng em mình ngày nay. Không trách hắn. Đời sẽ chỉ bảo cho hắn sau này".

Bạch đã khuyên Phối, vào lúc cuối bữa tiệc nặng này, đừng nên uống cà phê ở hiệu cao lâu khách:

– Chỉ như nước vối thôi. Về anh mà uống. Anh có bộ pha cà phê xinh lắm. Trước khi đi vắng xa và lâu, anh muốn cho em được biết cái phòng riêng của anh. Ít người để chân tới đấy. Đấy là một nơi thân mật nhất của anh.

– Về anh?

– Ừ. Em không biết cái phòng riêng của anh ở phố Hàng Gai đấy nhỉ? Tưởng có lần chị ở nhà đã nói cho em biết rồi. Chị có lên đấy mấy lần rồi. Mà lạ quá, ai đã mách chỗ ở riêng của anh cho chị biết?

Bạch đã bảo Phối nên nhè nhẹ bước chân lên cầu thang gác. Dưới còn có chủ khác. Bạch mở cửa khóa, bật đèn và đi ngay lại bàn góc tường đánh diêm dóm đèn cồn đun nước pha cà phê. Phối ngắm nghía mãi gian phòng bày biện rất khác thường. Nó không sang, nhưng mà ngộ lắm. Trên mặt bàn tròn giữa phòng, có một quả bóng thủy tinh mờ mờ vẽ đủ hình mấy cõi lục địa và đủ các đại dương – đường kính đến nửa thước tây và ở trong mắc đèn điện. Vừa rồi Bạch bật ở cầu chì cho sáng cái ngọn đèn điện này. Đèn cháy làm quả địa cầu luân chuyển theo một chiều từ tây qua đông, tiếng kêu rì rì đều

đều làm cho màu ánh sáng gián tiếp đục nhờ càng thêm phần tẻ nhạt. Trên tường la liệt những họa đồ các nước. Lúc lại gần, Phối nhận thấy ở nhiều tấm có những nét chì đỏ nối lại một vài kinh thành, thị trấn và hải cảng và đè lên trên nét gạch chì đỏ ấy là những chữ chì màu xanh – đúng tự dạng gai nhọn của Bạch ghi ngày tháng năm đã xưa cũ. Ở một góc tường, có một cái lịch to lắm. Giấy lịch to bằng khổ giấy thếp học trò. Bìa lịch to bằng nửa cái mặt bàn giấy, trên đó in hình một chiếc tàu bể màu trắng ba ống khói đen đè xuống hai màu xanh lam và xanh lơ của bể và của trời. Một dòng chữ "New Travel Service Atlantic" đứng xa đến mười thước cũng vẫn đọc rõ. Thứ nhất là cái cờ hiệu thương thuyền màu đỏ tía có chữ hiệu viết tắt N.T.S.A thì lại càng rõ lắm.

– Lại uống cà phê, Phối.

Phối đang mân mê những hòn cuội và những tảng đá tai mèo để ở mặt tủ sách, vội cầm vài hòn giống như khoáng chất lại hỏi Bạch:

– Anh định đi tìm mỏ để khai?

– Không, đây là những kỷ niệm cũ. Những hòn đá anh nhặt được ở dọc đường. Cái hòn óng ánh như kim sa đó là nhặt được ở đảo Sicile hồi anh đi theo tàu đánh cá trong Địa Trung Hải. Còn hòn trắng là bạch thạch ở ven biển Cổ Hy Lạp. Em uống cà phê và đây này, em chọn xem thích cái nào thì lấy.

Bạch đưa luôn cho Phối một cái giá mắc tẩu thuốc lá, lủng lẳng có đến bảy tám chiếc đủ kiểu to, nhỏ, dài, ngắn, vuông, bồ dục.

Phối chọn lấy một chiếc có cạnh như con thò lò và ở một mặt con thò lò ấy khắc hình một cái đầu đàn bà phủ khăn kín mít, dưới có nét dao con khắc chữ "Istamboul 1930". Thấy cái điếu Istamboul có hình vẽ gợi đến say sưa của bí mật, tượng trưng lên bởi một cái đầu mỹ nhân Thổ Nhĩ Kỳ chùm khăn kín dung nhan, Phối bỏ nó ngay vào túi mình. Bạch đưa luôn một hộp thuốc chưa cuộn cho Phối:

– Em hãy hút mồi thuốc đầu tiên của một đời người. Và anh cầu sao cái điếu cũ của anh phù hộ cho em lên đường được chân cứng đá mềm. Giữ lấy nó luôn luôn trong người. Bây giờ anh mệt lắm. Để anh nghỉ một chút. Mai anh sẽ có mặt ở ga lúc em xuống Hải Phòng. Về nhà chớ có cảm động lắm trong đêm cuối cùng, lỡ thầy biết là hỏng. Cứ ngồi chơi đấy. Lúc nào về, khép kín cửa phòng lại. Ừ hút cho hết mồi thuốc rồi hãy đi. Nặng lắm à? Cố kéo cho hết, đừng nên bỏ dở. Phải tội.

X

Sân ga Hà Nội buổi quá trưa hôm ấy tấp nập hẳn một thứ hành khách đàn ông trai trẻ. Đấy là những người thiếu niên trường Bách Nghệ được trúng tuyển kỳ lính thợ chuyên nghiệp và hôm nay họ lên đường sang Pháp tập nghề. Họ xuống Hải Phòng rồi đáp tàu bể.

Họ là hơn một trăm con người, đều choai choai như Phối cả. Trên mặt đám lữ khách này, người ta chỉ đọc thấy hăm hở của tuổi hoa niên. Cuộc đời và toán người sung sức này đang hứa hẹn lẫn với nhau nhiều thức lắm. Bạch càng lấy làm tự hào thấy em Phối mình sáng sủa và lanh lẹn hơn cả bấy nhiêu người xuất dương kia. Chân nó bước dài, người nó cao, vai nở, tiếng cười nó ròn và ấm; cặp mắt lúc nheo đôi mi lại, thì mơ mộng như thứ mắt người sinh ra ở ven biển để lớn lên làm lính thủy và lúc mở to ra thì sáng ngời những tin vui của người yêu cuộc sống nồng nàn. Bạch đứng riêng ra một chỗ khuất, mặc cho Phối dư thì giờ và tự nhiên để nói cười với số bạn đưa chàng ra ga. Tựa cột đèn, Bạch nhìn Phối đi lại bên đoàn tàu sắp chở cả một toa riêng đem xuống Cảng, Bạch thấy em mình thật là một người tuổi trẻ được gặp lúc đua hơi. Và trong đám người đi và kẻ ở đang nắm tay nhau không muốn rời, Bạch để ý nhất đến một người mặc tây đang tháo cà vát ở cổ mình dắt vào túi bốt – sét bạn với cái âu yếm nhẹ nhàng của một đôi tình nhân muốn lưu lại cho nhau chút kỷ niệm, hồ mong giữ lấy hơi hướng của nhau một ngày phải xa chia.

Bạch đi lại gần phía họ, lắng được những mẩu đối thoại rất thông thường của những ngày có hai người ly biệt:

– *Toa* nhớ qua tới bên ấy thì viết những lá thư rất dài về.

– Chẳng cứ đến được bên ấy *moa* mới viết về. Đường đi từ đây qua bên ấy, một tháng ròng đường bể, có ghé bến nào, *moa* cũng đổ bộ, mua cát – bốt – tan sở tại gửi về.

– Được cái bọn mình thư tín vãng lai với nhau được gửi lối F.M. – lính thợ được miễn tiền tem bưu phí – có năng gửi cũng không tốn kém gì.

– Tốn là mấy. Mong chờ tin nhau lúc tốn thì cũng phải chịu tốn chứ sao. Có lẽ *toa* là người rồi sẽ nhận được thư *moa* nhiều nhất.

– Cám ơn, viết cho thực dài nhá.

Họ nhỏ nhẹ nói với nhau và lúc không còn biết nên nói gì nữa cho phải, thì họ tần ngần mân mê lần khuy áo và móng tay nhau. Một người rút cuốn sổ tay ra biên lấy địa chỉ người ở lại.

Bạch thấy họ đáng ái ngại như những hằng mớ tình cảm chồng chất lên cuộc khởi hành của hạng người ngại tan lìa và chốc lát lại cứ phải đứng trước ly biệt. Rồi là hẹn gửi ảnh viết thư – những bức thư thật dài. Họ tham lam quá. Tình cảm có đâu như tiền của mà cố đòi cho được nhiều. Bạch đã từng biết đến rất nhiều trường hợp hứa hẹn của hai người lúc chia tay nguyện sẽ trao đổi tin tức cho nhau luôn luôn mà thường đằng đẵng không chút âm hao. Cái người lên đường, hỡi ôi! Vốn là người hay phụ tình. Người ta phải sống với cảnh mới hồ dễ mỗi lúc lữ thứ đã quay về với người cũ để lại ở một nơi được. Hóa cho nên những từ bao giờ, Bạch đã tập được thói quen là không bao giờ tiễn bạn mà lại nhắc bạn biên thư về. Có tiện, gặp lúc hứng thì người ta sẽ gửi, việc gì mà phải dặn dò. Cũng như chàng lúc lên đường không hẹn sẽ gửi nhắn tiêu hao về với ai cả. Mà có ai nhận được tung tích chàng, vì có chút quyền sở hữu đến đời chàng, thì đó cũng là một điều mà cái người muốn đi mãi đi hoài phải lấy làm khổ tâm lắm.

Cái ông *cặp – rằng* được anh em toàn thể lính thợ và ông Đốc trường cử ra để giữ trật tự của cả bọn, đã nổi hiệu còi cho ai nấy lên toa tàu.

Bây giờ Bạch mới lại gần Phối. Phối đang lao khỏi nửa người ra ngoài khung cửa toa, mồm phì phèo cái tẩu thuốc của anh làm quà cho tối qua. Nếu Bạch đoán đúng, thì Phối đang dám khinh hết cả các bạn đồng hành của hắn. Bởi vì trong cả một bọn trẻ tuổi ngồi yên trong toa kia có ai có được một cái điếu mà ngậm lúc tàu sắp quay bánh. Phối nháy anh, thở khói. Bị khói làm cay mắt. Phối chớp mắt luôn, nhưng vẫn cố hút cho gọn ghẽ ngon lành. Hai anh em cười. Bạch móc túi đưa cho Phối một cuốn sách. Bạch đã tiễn đưa em một cuốn tiểu thuyết Pháp mua lúc sáng ngày ở một hiệu sách phố Tây. Lúc tìm đúng được tiểu thuyết *"T.P.M.T.R"* ấy của một nhà phóng sự trứ danh thời này, Bạch lấy làm sướng quá vì đưa được cho em mình một cuốn sách gì có ý nghĩa. Trước kia, đã có lần được đọc cái truyện *"T.P.M.T.R"* ở một tờ tuần báo Pháp lúc tác giả chưa cho in thành sách, Bạch cho là hứng thú lắm.

"T.P.M.T.R" là mấy chữ viết tắt một nghiệp đoàn thủy thủ tàu

buôn lấy tên là hội "TU PARS MAIS TU REVIENDRAS". Truyện ngộ lắm *"Mày đi nhưng mày lại về"*. Cái bọn thủy thủ ấy, trong thiên truyện giang hồ ngộ nghĩnh kia, thấy anh em làm nghề mỗi khi bất hạnh chết trên tàu bể, thường bị vất xác xuống nước bể theo luật hàng hải quốc tế, lấy thế làm đau lòng, đã kết nhau thành một hội ái hữu lấy tiền đó để mua những quan tài kẽm cất sẵn ở hầm tàu. Thứ quan tài ấy đắt lắm, lực một người không sắm nổi để tự mình bầu hậu lấy cho mình lúc lênh đênh sinh nhai trên nước rộng. Lỡ một ai bất hạnh nằm xuống mà là hội viên, thì anh em khâm liệm và cho nhập vào cỗ áo kẽm sẵn sàng đó rồi di hài sẽ dìu về đến cái bến quê hương. "Mày đi bể nhưng mày sẽ có cách được trở về với nơi chôn rau cắt rốn!". Cái ý nghĩa danh từ của nghiệp đoàn "T.P.M.T.R" là thế.

Lúc con tàu Hải Phòng thét còi, Bạch bắt tay Phối và đưa em lên đường bằng một câu chữ Pháp mượn ngay ở đầu đề cuốn truyện mà Phối đang ngắm cái bìa:

– "Tu pars mais tu reviendras".

XI

Sương thích quá. Vậy là chàng đã có một cuốn sổ căn cước để đi làm tàu. Nằm khểnh trong gian buồng cho thuê, mà vải phủ giường và tường đều trắng bốp, Sương vắt tay lên trán, ngửa nhìn cái trần cũng trắng bốp và bồng bột suy tưởng đến cái tương lai hàng hải của mình. Sương tin rằng rồi cái ngày mai của mình sẽ là xanh, sẽ là đỏ, sẽ là đủ các thứ màu tươi có sức chế biến được cả màu xám của nước của bể và từ phút này làm mất hẳn cái màu đen những ngày quá vãng của mình. Từ trước tới giờ chàng không làm nổi được một công việc gì. Chàng chỉ chờ đợi ở cuộc sống một cái gì có thể nhấc bổng chàng rời khỏi cái xứ Bắc Kỳ này. Sương là một bệnh nhân của không gian. Chàng thèm đi đã từ lâu lắm. Sương thường tự nhủ mình: "Muốn gì thì cũng đi một chuyến cho dài, cho lâu đã. Để cho vợi bớt cái chất lang thang chồng chứa nặng ở trong người mình. Bao giờ về sẽ dúng tay vào việc làm ăn đứng đắn. Chứ mà còn chưa giang hồ được một chuyến lớn, thì còn vơ vẩn, khó mà yên được với cái sự định an cư lạc nghiệp".

Được gặp Bạch, chàng cởi mở lòng và cậy Bạch gửi gấm cho những bạn làm tàu cũ ở dưới Phòng để vượt bể một chuyến. Sương đã

phục Bạch là giỏi quá. Không đầy một tuần lễ mà Bạch làm thế nào đã lấy xong cho chàng cuốn sổ căn cước làm tàu bể. Sương phục Bạch nhất ở chỗ giúp mình thành công nhanh quá. Không đầy một tuần lễ mà có sổ thì phục thật. Trước kia cứ những mồm kẻ khác nói thì có chóng lắm cũng phải kéo dài ra đến mấy chuyến xuống Hải Phòng ăn chực nằm chờ hàng mấy kỳ nửa tháng một. Và không khéo thì còn bị lừa nữa, tiền mất mà việc cứ kéo dây ra. Trước khi gặp Bạch, Sương đã tưởng phải còn khó khăn mới đi cho lọt. Nghĩ đến những nông nỗi cứ phải ăn ở túc trực ở Hải Phòng, chàng đã lấy làm nản lòng. Vì sự thực, cái thành phố Hải Phòng này không thể gây cho chàng chút thiện cảm nào. Người ở đây chàng không thích và cả đến cảnh nữa. Chẳng biết những phong tục của bến ở vô số chỗ bến khác mà chàng sẽ có dịp được đến viếng thì sẽ như thế nào, chứ ở cái bến Hải Phòng này chàng không muốn ngừng chân lại tí nào. Tất cả vàng của thế giới và tất cả tình yêu đắm đuối tôn thờ của một mỹ nhân sinh trưởng ở cái tỉnh đồng chua nước mặn này cũng không thể làm cho Sương sống ở đây lấy một tháng. Cái gì mà người ta thì sống như ăn cướp, và nhà gạch ở mọi phố thì cái nào cũng giống cái nào. Hai tầng không cổng, chủ nhà trên đã có cầu thang thông ra đường. Trông như một lũ hộp. Và cao lâu, và ồn ào. Ăn sáng, ăn trưa, ăn đêm, cốt lấy nhiều, không cần lấy ngon. Người thì lại càng tai hại lắm. Đàn bà chỏng lỏn đanh đá, đàn ông thì hầu như là tay chơi hết. Thứ nhất là từ khi có người Tầu sang lánh nạn, đổ xô vào cái bến này, cái giá trị đạo đức và tinh thần của con người hồ như đã tiêu hết. Nhớ đến tên một ít phố xóm, Sương lại càng thấy rằng ở đây người ta không thể làm thơ được vì bất cứ một lẽ cao hứng gì. Ở, cái gì mà lại là ngõ Cô Ba Chìa, phố Ông Đồng Lùn, Ông Lềnh Cả, phố Từng Từng, Phọng Bớp, Cánh Gà trong, Cánh Gà ngoài, và cầu kiểu gì mà gọi là cầu Ca Rông. Ca Rông là cái gì? Hay là tên cái anh lái đò sông Hắc Thủy cho linh hồn người chết dưới Âm Phủ? Lại còn cái cầu Hạ Lý nữa. Trông như cái máy chém đứng trên một con sông đen bẩn.

Sương lại nhớ đến một câu vè của lính khố đỏ tòng chinh qua Pháp hai mươi lăm năm về trước: *"Anh nói ra đau đớn trong lòng. Vợ con có biết Hải Phòng là đâu..."*.

Theo Bạch ra Phòng để lấy sổ làm tàu, Sương đã có dịp nói xấu đất Cảng một cách tàn nhẫn. Bạch mỉm cười:

– Anh có nhiều thiên kiến lắm. Gọi là thương khẩu thì ở đâu mà

chẳng thế. Tình thế thương mại và kỹ nghệ đã gây cho Hải Phòng một không khí đặc biệt. Ở đây, tuy anh không trở nên nghệ sĩ được, nhưng nếu anh đi buôn thì anh lại thấy thú vô cùng. Rồi anh còn được xem cái phố Cabenière ở Marseille. Người ở đây nói róc và tai ngược, dở dáo đã thấm gì. Rồi anh còn được xem những xóm dưới của New York, San Francisco, Hoành Tân, Thượng Hải và Hambourg, Rotterdam, v.v... Phong tục thương khẩu thì đâu cũng vậy. Anh cứ muốn ai cũng đi tìm thơ như mình. Chỉ tổ tự mình đầu độc cuộc sống tinh thần của mình thôi. Cũng là một cái dịp tốt để cho anh tập sống với người chung quanh. Người lữ khách hoàn toàn, không nên yêu cảnh nào lắm, và thứ nhất là không nên ghét thù một cảnh nào ra mặt. Bởi vì thường hay ghét của nào, Thượng Đế lại trao của ấy cho ta. Còn ai ghê tởm Djibouti bằng tôi nữa. Vậy mà chính tôi lại bị "nhỡ" ngay ở chính Djibouti mất đâu sáu bảy tháng. Không có anh *cặp – rằng* bạn "sang sổ" đánh đổi cho thì có lẽ giờ tôi đã là một chủ tiệm chết già ở Djibouti rồi.

Rồi Bạch còn đùa thêm Sương đang bực mình:

– Không có cái sông này trổ ra bể lớn, không có bến Hải Phòng thì anh xông ra khơi bằng con đường nào? Chẳng lẽ lại tìm con đường xa, mỗi lúc lại phải cất công vào tận Sài Gòn. Lấy ở trong ấy chật vật hơn ngoài này. Tôi đã lấy hộ sổ cho thì lấy ở đâu cũng xong cả. Nhưng sự thực, lấy ở Sài Gòn vẫn lâu hơn. Ở trong ấy, nhiều người đòi đi hơn ngoài ta.

Sương vẫn nằm dài trên giường, khoan khoái thở khói lên trần nhà. Sớm nay chàng đã ngâm mình rất lâu trong cái bồn nước tắm của khách sạn.

Bồn nước bằng sứ trắng, đựng nước ấm đến ba phần tư lòng bồn. Sương nhảy vào bồn, ngâm lút cả mình, chỉ trừ có mũi, mắt và điếu thuốc lá là nhô lên mặt nước. Sương đang ngây ngất hoang mang tự ví mình là một cái tàu, một cái tàu chỉ còn chờ con nước thủy triều dâng lên là kéo neo và cái điếu thuốc lá vờn khói trắng đang ngậm là một cái ống khói, tí nữa người ta đổ nhiều tấn than đá vào lò là tuôn khói đen khác, là tàu quay đít, là còi kéo ran, là người ta có thể vứt lại sau lưng người ta bao nhiêu sự đời ở đây.

Nằm trên giường, bấy giờ Sương nối điếu thuốc khác, lại muốn đi tắm lại để lơ mơ thêm trong đầu óc. Bỗng chàng vùng dậy, mở va ly tìm cuốn sổ làm tàu. Chàng không tin ở mình, chỉ sợ sổ lạc mất, mặc

dầu chàng nhớ đã cất nó xuống đáy va ly. Nếu mất sổ thì khổ lắm, thì chàng đến điên mất, thì chàng còn làm ăn gì được nữa, thì đến quyên sinh. Hầy, cái cuốn sổ vẫn y nguyên trong cái phong bì giấy dày dạn. Sương bấm vào mép sổ, cho những trang giấy in bật bật đổ xuống rất nhanh theo một chiều, như lối ngày nhỏ đi học chơi lối xi nê ma dở sách có hình vẽ tiếp. Vui mắt ra phết. Chàng lại làm lại. Rồi chàng ngắm cái ảnh 4 x 6 của mình. Chàng cho mình là đẹp lắm. Cái ảnh này là ảnh chụp đẹp nhất trong những tấm ảnh vụn vặt chụp từ ngày đi thi tuyển sinh cho đến giờ. Cái hiệu ảnh ở phố Hạ Lý rửa nước ảnh già quá, lúc giao ảnh tưởng thế nào khách hàng cũng chê bai, chủ hiệu đã tìm câu nói dối vô lý để bênh vực cho tài nghệ của hàng mình. Ông chủ hiệu ảnh ấy hơi ngạc nhiên. Vì không những không kỳ kèo, ông khách lại còn vui vẻ một cách thành thực và ngắm mãi cái ảnh đen tối quá. Sương đã cho là với tấm ảnh ấy, chàng đã được đẹp nhất trong đời chàng. Cái nước ảnh bồ hóng này là chụp đúng cái nước da tắm nắng gió của người giang hồ. Mặt Sương giờ trắng bệch như mặt một "thằng Giồng", như mặt đứa con cầu tự, nhưng mai kia cũng phải đen như thế. Người con trai nước da có ngăm ngăm thì mới là có cái đẹp khỏe của giống đực, thì mới có khí phách trượng phu.

Từ chiều, Bạch đi chơi không dặn gì Sương cả. Mãi đến khuya Bạch mới về. Sương vẫn còn bật đèn thức.

– Tôi đang bận nghĩ cái tương lai giang hồ, đâu có thời giờ để bụng đến những chuyện linh tinh ấy.

– Giỏi.

– Anh đi rồi không biết tại sao nằm một mình ở nhà, tôi thấy sốt ruột quá.

– Anh sốt ruột là phải. Anh có biết tàu Compiègne hiện đang đậu ở bến đây không?

– Có. Và đến bữa 26 này thì nhổ neo qua Marseille chứ gì? Nhưng mà có chuyện chi mà tôi coi bộ anh băn khoăn bận bịu quá như vậy?

– Anh lấy xong được sổ hàng hải mới là được có một đoạn. Anh còn phải nghĩ đến cái đoạn khác tiếp tục ngay vào đấy. Nếu có cơ hội đi luôn chuyến Compiègne này thì anh có chịu đi không? Hay là đợi chuyến sau? Đợi tàu to hơn, sang hơn? Chiếc này xoàng lắm. Tôi đã làm ở đấy rồi.

Sương nhảy chồm dậy, hỏi dồn Bạch. Bạch không trả lời thẳng, chàng thủng thỉnh nói:

– Bởi vì tôi thấy có lắm người có sổ hẳn hoi rồi mà gặp chuyến tàu đi lấy người làm, mà vẫn chưa chịu đi vội. Họ còn muốn nấn ná ở lại, để đi thăm bà con và từ giã chúng bạn nữa chứ. Cái đó cũng là thường tình con người ta. Người giang hồ vốn lại là kẻ nhiều tình.

– Ai bảo anh như vậy? Tôi hiểu cái lối nói mát của anh rồi. Anh quên mất cái câu hôm nọ chính mồm anh nói với tôi: "Người du sĩ mà hay bộc lộ tình cảm ra, thường chỉ làm hỏng việc giang hồ lớn. Mỗi một lần gặp một cái đẹp gì cám dỗ, lại cứ trả lời, thì là rẽ ngang, thì là bỏ neo". Vậy tôi nói rõ cho anh biết rằng tôi không nấn ná gì cả. Tôi không từ giã ai cả, tôi không kể tàu đẹp tàu xoàng. Vả chăng tôi không có một người nào có quyền đòi ở tôi một lời chào. Tôi đi chuyến Compiègne này đấy. 26 này tàu chạy phải không anh? Bốn hôm nữa, cuộc đời tôi... Trời ơi, từ nay tôi sẽ yêu thương tôi biết chừng nào.

Bạch cười:

– Anh quên mất một người rất có nhiều quyền về chỗ bắt buộc anh phải đến chào trước khi đi. Người vị hôn thê anh mà trong cái ảnh đưa xem hôm nọ, tôi phải tin là đẹp, và hiền lắm.

– À, anh nhầm. Nếu lần này, anh cày cục cho tôi đi lọt chuyến Compiègne này, tôi cố tình không từ giã vợ chưa cưới của tôi. Nếu còn bịn rịn chào rồi tiễn nhau sướt mướt thì còn đi với đứng gì nữa. Tôi biết rõ tôi còn có những nhược điểm ấy lắm. Bởi thế, xong được việc lấy sổ một cách nhanh chóng như thế, tôi cảm ơn anh vô cùng. Chỉ độ ba bốn tháng nữa thì ông bà tôi bắt tôi phải lấy vợ. Mà tôi đã có vợ rồi, thì tôi không có đi đâu nữa. Sẽ xây hạnh phúc, sẽ nghĩ ra những trách nhiệm mà gánh lấy, sẽ tìm cái vui và lành ở người vợ. Sẽ coi người vợ như một thế giới riêng, mỗi ngày mỗi tìm tòi và canh giữ. Nếu việc đi của tôi phải lần khân kéo dài ra mãi, rồi đùng một cái, thày mẹ tôi bắt nổ pháo làm lễ thành hôn thì là xong. Thế là gọn kiếp. Tôi sẽ không thể đi được nữa. Và lúc lập gia đình rồi nếu có phải đi thì lại cả hai vợ chồng cùng đều đi cả.

– Hà, cái đó mới vui, mới ngộ.

– Tôi nói câu này anh đừng giận nhá. Tôi vẫn phục anh là người lỗi lạc, sống một cách đặc biệt không giống ai và không cho ai bắt chước được mình, chết là mang cả cái bản chính đi chứ không để lại

một bản sao nguyên cảo nào. Nhưng tôi không bắt chước anh được, mặc dầu anh và tôi đối với phiêu lãng, đều chung một ý tưởng. Mỗi chúng ta đều có một hoàn cảnh riêng nó chi phối mình.

– Thôi, đủ rồi. Vậy tôi làm cho anh đi kịp chuyến tàu Compiègne này. Nhưng... Nhưng phải có tiền. Coi bộ anh thì cũng chẳng còn mấy đồng nữa. Mà tôi thì độ này, quẫn lắm rồi. Tháng trước đã phải bán mất cái đèn điện quả địa cầu. Mua hai nghìn quan ở hiệu sách tây. Lúc bán lại được bảy chục bạc.

Bạch giơ luôn tay trái ở ngón giữa có một cái nhẫn vàng trắng khắc trũng hình một con cú đậu và bảo Sương:

– Rồi cái nhẫn này, có lẽ cũng đi nốt vào hiệu kim hoàn nào... Anh có thể kiếm được bảy tám chục bạc nữa không? Cẩn, làm *cặp rằng* ở dưới Compiègne, bạn làm bể cũ của tôi, nói phải ít ra là năm chục thì họ mới chịu nhường chỗ cho. Ấy là giá nội. Thế rồi còn khấn vặt anh em ở dưới ấy, thế rồi anh còn phải sắm ít đồ vặt vặt lúc xuống tàu, lấy cái mà dùng chứ.

Câu chuyện đến đây tắt. Sương và Bạch đều lên giường nằm. Sương thấy làm khó nghĩ. Giá kỳ hạn nộp tiền được rộng ngày hơn thì chàng có thể kiếm được gấp mấy thế nữa. Nhưng từ hôm nay đến ngày 26, chỉ còn vỏn vẹn có 4 hôm, tàu Compiègne nhổ neo, làm sao cho kịp được. Trong đầu Bạch, hiện ra hình ảnh vị Mạnh Thường Quân. Thằng Tần bạn học cũ của chàng hiện giờ làm chủ sự nhà Dây thép Vàng Danh ngoài Uông Bí. Mà hình như Sương nó cũng quen Tần.

– Này Sương, Tần ngoài Vàng Danh đối với anh như thế nào?

– À, thôi phải rồi anh ạ. Hay là chúng ta ra Uông Bí cầu cứu hắn. Lú hẳn đi, anh không nhắc đến tên thì tôi quên mất người bạn tốt này. Tôi với Tần, tiêu chung tiền của nhau đã nhiều lần.

– Vậy thì ngày mai trả buồng. Đi ô tô ra Uông Bí chuyến thứ nhất. Ngày giờ kíp lắm.

XII

Chiếc ô tô hàng đặt Sương và Bạch xuống cái nền đất xám đen của quê hương than đá. Lĩnh giấy thông hành sở Liêm Phóng Uông

Bí xong, hai người lấy làm bằng lòng đi kịp được chuyến xe lửa mười giờ của công ty mỏ than cứ giờ chẵn thì xe vào, giờ lẻ thì xe than ra. Như thế này, mười hai giờ đến Vàng Danh, vừa gặp Tần vào lúc nghỉ việc, dễ nói chuyện và nếu lấy tiền ngay thì chiều lại có thể trở ra luôn cho kịp chuyến cuối cùng ô tô vận tải Uông Bí – Hải Phòng trong một ngày ấy.

Cái thứ xe lửa kiểu Decauville, đầu tàu rất xinh và toa rất bé, đen nhánh một màu than giữa cái cảnh đen đặc của mỏ than, chạy chậm lừ đừ trên một vùng cảnh thổ hoang vu và khắc khổ. Người đen, cảnh đen và cây cỏ cũng đều đen cả. Thật là tổ quốc của than. Thật là bức tranh thủy mạc do người Pháp vẽ nên. Tuy bận rộn trong lòng vì phải đi mãi vào đây chạy tiền, Bạch và Sương vẫn để dành được một phần lớn của tấm lòng để ngắm một vùng mới lạ này. Đến ngay như Bạch là người đã được nom thấy vô số là cảnh tượng trái nghịch, phức tạp giữa trời đất trong bao nhiêu năm "đi chợ" trên lục địa và mặt các bể lớn, mà cũng còn thấy lòng được ngạc nhiên khi đoàn tàu ốm yếu trở mình đi sâu vào xứ sở của than đá. Sương ngạc nhiên hơn, lên tiếng ngạc nhiên hơn.

Hai người hành khách chuyến xe ấy là người thò đầu ra ngoài khung toa xe nhiều nhất, cựa quậy luôn làm cho nhiều phu mỏ và đàn bà đi chợ về phải cằn nhằn, mỗi lúc tàu gặp quãng rẽ bên sườn non có cỏ áy, có cây cằn lụi, chiềng hẳn đi.

Sương rút ở túi ra một cái kính đeo vào mắt thấy bỗng nhiên cảnh sáng hẳn lên, tươi hẳn lên. Cái kính ấy có màu hoa lý, là một thứ kính sáng, mỗi khi trời âm u có mây đóng thành, trời thấp tịt hẳn xuống như đè lấy đầu mình, gió bụi và mưa lung tung, đeo nó vào mắt mà ngắm tạo vật đang oằn oài thì mình có cái ảo tưởng là cảnh vẫn tươi vui như không có gì vừa xảy ra trong trời đất. Lúc làm quà cho Sương một hôm gần đây thấy Sương là một thiếu niên có căn bản phiêu lưu, Bạch đã mệnh danh cái kính ấy là kính lạc quan khi chàng gửi nó vào túi Sương làm một vật kỷ niệm có ý nghĩa sâu sắc. Cái kính ấy quả là thứ kính lạc quan. Vì lúc này, được ngắm đất trời vùng mỏ, Sương nhờ được đôi mắt kính sáng màu hoa lý, đã thấy cây cỏ và không khí Uông Bí tươi tỉnh hẳn lên, khác với những màu thực tế tang tóc quanh năm của vùng này. Bạch cảm thấy phong cảnh vùng đây, giống như một bức minh họa vẽ lại cái tạo vật gay gắt bên Mỹ châu có những trăm vạn mẫu rừng già liên tiếp, quanh năm không in một vết chân người và chỉ bị lem nhem vì những bóng đá chân

chim thôi. Cảnh này không dùng được người và con người vào nơi hoang vu tàn nhẫn này thì lạc mất, đâm ra mù quáng và buồn rầu nhận chân thấy cái tương quan quá chênh lệch giữa người và tự nhiên.

Trên một vùng cỏ vàng ệnh, cứng như que mà không một con bò con ngựa nào muốn ngốn lúc đói bên đường thiết lộ không dính sát kỹ được vào đất núi, lênh nghênh những cột điện cổ núm thủy tinh xanh như đít chai ràng buộc những dây truyền điện hạng nặng hàng mấy nghìn chữ điện trở lên. Gắn lên những nan hoa sắt bẻ khoằm thành hình mắt cáo là những tấm biển sắt con yết thị cho mọi người biết rằng điện này nguy hiểm chết người, trên những dòng chữ, có vẽ hình một đôi xương ống chân bắt chéo và một cái đầu lâu người. Trông thật là ghê rợn, ghê rợn như cái chết bất đắc kỳ tử khi người ta bị điện hút. Những cột điện này truyền từ Vàng Danh ra đến Port Redon ta gọi là Điền Công.

Bạch cảm thấy trong người mình bực bội, muốn gắt. Sương chỉ những cột sắt vượt hẳn lên sườn non, bảo Bạch đang chăm chú nhìn những người đàn bà lễ mễ đi chợ Uông về mỏ:

– Này anh, trông cảnh này không khác gì cảnh xứ Texas ở Mỹ và những vùng khai thác mỏ dầu hỏa Hoa Kỳ. Ở đây, chắc không ai ngâm vịnh được.

– Cái anh Sương này nói nhảm mãi. Sao lại không làm thơ được? Anh tưởng chỉ nơi nào có tuyết, có liễu tha thướt thì mới làm thơ được thôi sao? Ở đây, người ta sẽ làm thơ mà vận là đá, là sắt, là khoáng chất và âm điệu sẽ dự vào tiếng gió lạnh tối lùa trong lò mỏ, tiếng một mũi cuốc nhọn hoát mổ vào lòng đá đen già.

Con tàu chui vào hầm Lán Tháp, Bạch và Sương nín thít và ngạt thở vì cái mùi than khí tuôn đầy một con đường tụy đạo tối om om. Mất mấy phút ngâm mình trong cái tối của hũ nút, Sương giơ tay sờ soạng chung quanh tìm chỗ bíu cho vững thế đứng và vụt nhớ đến trò đùa của một họa sĩ nọ muốn khinh bọn phê bình hội họa ra mặt, bèn chát mực đen ngòm cả diện tích tấm vải, đem ra bày ở phòng triển lãm với một câu chú thích: “Một cuộc chiến tranh mọi đen, ban đêm trong một đường hầm núi”. Sương bao giờ cũng vẫn còn rất nhiều cái chất thơ mộng trào phúng ở trong người.

Một con đường hầm Uông Thượng nữa, tối hơn, lâu hơn, ngạt hơn. Rồi là Vàng Danh, nơi có người bạn tốt tên là Tần.

Sương và Bạch chập choạng bước xuống, đặt chân lên cái nền than đen vụn của đất mỏ, dẫm kêu sào sạo, như là cát bể. Họ ngơ ngác nhìn cái thung lũng đen xì những khói, muội bụi than. Trên dia núi bốn phía bọc hãm lấy thung lũng, lơ thơ mấy nếp nhà gạch vừa cất những viên ngói mới chưa nhuộm màu thời gian, điểm những vệt đỏ gạch cua, có thể gọi là vui tươi, nếu cái nắng sa mạc này đã nhạt đi những tia gắt gỏng. Cỏ gianh ở đây không bao giờ được xanh lấy tí ngọn. Lửa trời đã đốt xém trụi hết cỏ gianh. Nó chỉ có cháy lụi. Có lẽ người thổ dân đã căn cứ vào đấy mà đặt tên cho một vùng. Sương có tính hay ví von và so sánh, đã ví Vàng Danh này là một người đàn bà nước da bánh mật có rất nhiều sữa, nhưng tính rất khắc khổ, hay nói to, hay đánh con, hay dằn vặt chồng, hay xị mặt xuống khi có khách phương xa đến chơi và tuy giàu có súc tích đấy, súc tích như cái lòng mỏ than nhưng rất chì chiết và bủn xỉn co quắp. Không muốn bực mình vì cảnh nhọ nhem, Sương nói một câu khôi hài với Bạch:

– Anh Bạch ạ, tôi tưởng muốn cho mọi người ở đây đều ghét mình thì không có gì là khó cả. Ngày ngày anh cứ dở trò rởm ra, mặc hộ tôi một bộ quần áo tây thật trắng, sơ mi đánh cứng cổ, giày da *pô đanh* cũng trắng. Sở Mỏ sẽ cho người lấy lá chuối dắt tay anh ra khỏi Vàng Danh ngay. Ở đây màu trắng là một màu cấm. Cái màu nõn sạch mà một người trinh nữ trìu mến vô cùng, cái màu ấy, ở vùng mỏ này, là màu cấm đấy. Ví chẳng khác gì màu vàng ở Huế có vua, màu đỏ xã hội ở một xứ ghét cải cách chính thể.

Cả một buổi trưa, Tần, Bạch và Sương rì rầm nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp vì cả một buổi, vợ Tần không chịu lánh mặt ra ngoài lấy một phút. Chừng nàng đã linh cảm thấy một sự ghê gớm gì do hai ông khách thân của Tần vừa đem vào nhà nàng – đối với vợ Tần, cái sự phải bỏ tiền ra bất cứ vào trường hợp nào đều được coi là việc ghê gớm. Từ chủ cho đến khách, ba người đều hiểu rõ quá đến cái tâm lý người đàn bà trong những gia đình bị cái không may là người đàn ông lại hiếu khách. Tần vẫn biết vợ mình tốt, có lượng đối với các bạn mình, nhưng nàng vẫn không mấy khi vui vẻ khi có bạn hữu đến hỏi tiền mình. Tần lấy làm khổ về điều này lắm. Nhưng làm thế nào. Những người nội trợ sinh ra để mà cần kiệm nếu không là hà tiện và lên một bực nữa là biển lận, bủn xỉn về đồng tiền phải bỏ ra. Lắm lúc muốn khỏi rẻ rúng vợ và tự an ủi mình, Tần thường tự

nhủ: "Mình lắm lúc cũng hoang. Hai vợ chồng, một đằng thái quá, một đằng bất cập. Có thừa, phải có trừ. Nếu không có người vợ chi li, căn cơ như thế thì đến ăn mày cả nút từ lâu rồi. Câu nói đùa của dượng mình thế mà chí phải. Nhưng giá lòng vợ mình nó thảo thêm lên một chút nữa, thì nhà mình sẽ được các anh ấy để chân tới luôn luôn".

Được cái khéo khu xử việc nhà, nên những lúc có các bạn cầu cứu, vợ chàng không biết gì cả và vì thế không túm được cơ hội để khinh các bạn chàng và làm om lên, lúc khách đã cáo đi. Chả bù với người anh ruột Tần, mỗi lúc có bạn đến thăm và ra tàu, y vụng về quá, rặt bảo vợ đưa tiền để lấy vé tiễn. Gớm, cái mặt người đàn bà lúc phải cởi cái ruột tượng ra sao nặng và xấu đến thế. Vào những lúc không phải tiêu tiền, khuôn mặt người chị dâu Tần kể cũng là đẹp và ngoan lắm chứ có đến nỗi nào đâu. Ờ, tiền, tiền có nết giết chết được cái đẹp của người đàn bà, có thể nói là bất kể người đàn bà nào.

Vẫn bằng ngoại ngữ, Tần bảo hai người bạn tội nghiệp của mình hãy cứ thay quần áo, ăn cơm uống rượu, ngủ một giấc, chiều đi xem cảnh mỏ, và tan buổi làm chiều, chàng sẽ tính liệu cho, không việc gì mà nhộn lên:

– Chả lẽ ở một vùng đây, mọi người đều biết tôi, hay làm phiền tôi về thư tín bưu điện luôn luôn, mà tôi lại không xoay xở cho các anh được mấy trăm bạc hay sao?

Rủi thay cho Sương và Bạch, Tần cả một buổi chiều và tối không mượn được tiền vào đâu cả. Nhưng chàng vẫn chưa đến tuyệt vọng. Ngày mai là chủ nhật, Tần sẽ ra Uông Bí; nếu ở Uông Bí cũng hỏng thì lại ra luôn Port Redon. Ở đấy thì thế nào cũng có. Ở đấy Tần có một người bạn rất tốt làm thơ ký thông ngôn cho sở Than nói được những mấy thứ tiếng ngoại quốc cần dùng nhất như tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Tàu, tiếng Nhật. Anh ấy vẫn có tiền để dành và những lúc khẩn cấp, ban đêm có thể đấm cửa nhà riêng của chủ để mượn trước vào tiền lương tháng. Vậy mà không hiểu tại sao, anh ấy còn cứ phàn nàn, lấy sự được chủ mỏ thương yêu là một cái phiền và muốn những sự bỏ nghề.

Sương và Bạch từ chối lời Tần muốn rủ mình cùng sang bên câu lạc bộ chơi, đọc báo, nói chuyện và đánh bài:

– Anh để cho hai chúng tôi đi vãn cảnh với nhau. Trong khi ấy, anh để tâm vào cái chuyện giúp hộ chúng tôi. Anh đi một mình nó tiện hơn.

Đêm mỏ Vàng Danh gió to quá. Tần không muốn bỏ lỡ một dịp tốt giúp bạn, nhất định sớm mai ra Uông và dặn trước người đội trạm ngày mai nên phân phát công việc như thế nào trong lúc chàng không có mặt ở sở.

Mấy năm nay, ở gần ngay núi Yên Tử mà Tần vẫn chưa lên đấy chơi. Người ta tận đâu đâu ở các vùng nơi hạ bạn còn đổ về leo núi hành hương qua sáu bảy ngôi chùa cổ tích mà Tần thì chẳng biết Yên Tử là cái quái gì cả. Lắm lúc trả lời những du khách đi Yên Tử về ghé vào thăm mình mà Tần lấy làm xấu hổ quá. Tần lại thèm đến cái đời của Bạch. Chỉ có đi, chỉ có đổi chỗ, không bị kiềm thúc và lúc nào anh ấy xem chừng gần thấy xê dịch là mệt mỏi thì anh ấy lại làm bố mìn, mở đường cho hươu chạy và mớm hơi phiêu lưu vào những đầu óc người khác muốn những sự bay nhảy một chuyến. Riêng một "ông" Sương cũng đủ làm rối cuộc đời yên ổn của người khác rồi, giờ lại còn đi kèm với Bạch. Tai vạ thực. Nhưng mà cũng vui vui. Cái đời anh Bạch, chẳng biết đáng nên gọi là hay hay dở, nhưng ít ra người ta còn được theo riết một cái định thức rõ rệt trong nghệ thuật sống, lấy sự theo đuổi ấy làm hứng thú và ý nghĩa cho đời sống. Chứ như mình...

Đêm hôm ấy, Tần thấy mình là một cái sinh vật tầm thường, sống một cách cẩu thả. Tần tưởng tượng đến hình ảnh rất tượng trưng của tên phu trạm già đưa thư ở các nhà quê mà lại càng buồn bã. Một ngày, một tháng, một năm, một đời tiểu lại, người *phắc – tơ* ấy đã đi được bao nhiêu cây số? Những cây số lẻ tẻ ấy cộng lại thì cũng thành ra niên hạn một đời người thờ nhà nước, lúc về được đủ điều kiện lĩnh một số tiền hưu bổng.

Trằn trọc, chàng dậy hút thuốc lào. Thấy vợ còn thức, chàng âu yếm bảo:

– Mai tôi cũng ra Uông sớm với bác Sương và bác Bạch. Nhân tiện ra anh Loan ngoài Dây thép Uông Bí để hỏi anh về cái *cô – li* thuốc tiêm của sở Mỏ bị thất lạc hôm nọ. Đến tối tôi lại về.

Vợ Tần không dám ngăn chồng. Nàng biết rõ cái "*cô – li* của sở bị thất lạc" cần phải điều tra với người bạn đồng nghiệp ngoài sở Bưu chính Uông Bí chỉ là cái cớ phụ mà Tần đem lên làm cớ chính. Chẳng qua chỉ vì hai cái ông khách kia đấy thôi. Các ông ấy lôi chồng mình đi, chồng mình theo đuôi bạn. Chỉ có thế. Nàng nghĩ lấy làm buồn oán. Ở một người đàn bà khác lỏng lẻo về chỗ gia đình giáo

dục và cái đức người chồng lại suy nhược không hóa được cái tính vợ thì những buồn oán ấy đã có thể tiết biến ra những cử chỉ lăng loàn, đá một cái thúng, đụng một cái nia, chửi một con chó, mắng một con mèo và nếu lại có con cái thì những lúc ấy lũ trẻ sẽ là một đối tượng rất hợp lúc cho người ta trút lên đấy một cơn tam bành. Nhưng vợ Tần vẫn biết nể sợ chồng. Nàng chỉ oán thầm hai ông khách đang nằm ở nhà ngoài. Cũng may mà các ông ấy chỉ là người xa lại, kim nhật kim thì mà thôi. Và thế này thì ra bữa chả rán lại không thành. Mấy con cua bể, gạch cứ đỏ ối lên, mãi không làm đi thì bấy mất, còn gì nữa. Sáng nay, nàng đã định mai sớm chủ nhật Tần được nghỉ, làm chả thật sớm, mời cả vợ chồng Quảng Tín Ký, bà Lợi Thành sang uống rượu, rồi đánh tổ tôm. Một ngày chồng được nghỉ là ăn chơi như thế trong gia đình thì còn gì đầy đủ êm ấm bằng. Ngày mai Tần vắng nhà, làm nem chả, để ăn một mình như những người đàn bà hư thân ích kỷ chỉ chờ vắng chồng là bày ra ăn uống sao?

Một đêm gió to ấy, dưới mái sở Bưu chính Vàng Danh có những người không ngủ được, chia làm ba bọn nghĩ lan man khác nhau.

Vợ Tần nghĩ đến mấy con cua gạch đang lạo xạo bò trong cái nồi đồng ba mươi ở dưới gầm giường.

Tần đang lo chỉ sợ ngày mai đi đến mấy chỗ, họ đều đi vắng cả thì... thì rồi sẽ ăn nói làm sao với anh em? Phụ lòng bạn đã tìm đến mình. Tần rùng mình.

Còn Bạch và Sương?

Một đêm phải tá túc tại Vàng Danh nhờ bạn chạy tiền cho mà họ lại quên phứt hẳn chuyện tiền và có lẽ giữa lúc này gió nổi lên dữ dội, lấy được tiền hay không, đối với họ đã là một chuyện gần như không lấy gì đáng quan tâm lắm. Họ không nhắm mắt được vì gió chứ không phải vì đợi một món tiền.

Bạch nhớ đến những trận gió xưa cũ.

Sương tưởng đến những cơn gió nay mai sẽ đỡ gót chàng và xóa những vết chân chàng trên các vũng cát tương lai.

Cái gió trong mỏ làm não lòng người. Gió gì mà như khóc. Một người có tâm bệnh, một người đàn bà góa trẻ, gặp luồng gió Vàng Danh này sẽ phải suy tưởng nhiều trong thâm tâm. Những cơn gió tàn nhẫn thổi, trong đêm đời một người đã biết rằng sống chỉ còn là một sự không vui đối với bây giờ, gió này có thể định đoạt được đoạn

tiếp cho quãng đời đau khổ ấy. Người ta hoặc sẽ thu hết tàn lực và can đảm lại, bước dấn lên một bước nữa để mà sống cho rõ rệt; hoặc người ta sẽ tự tử ngay bằng một cách nào rất gọn. Dai dẳng mà bêu diếu cái hình hài tầm thường thì cũng nên tự liệu sớm đi. May cho mình và đỡ bận cho người chung quanh. Gió đêm ở Vàng Danh nó bảo thế. Có những trận gió nó bảo người ta rằng cái lối sống câu dầm là một điều thất sách và những hy vọng tự chế ra để giữ mình chỉ là một cách chết mòn. Tất cả, hoặc là không có gì. Gió chỉ thổi một chiều.

Sương nằm cạnh Bạch, muốn tìm một chút cảm giác bùi ngùi để thấu hiểu cái gió mỏ cho rõ hơn, để yêu thương mình hơn lên trong đêm đất khách gió thổi, tự ví mình như một người phẫn uất với gia đình vì mình là một kẻ lỡ lầm và muốn cho họ hàng quên mình, liền cầm một mảnh bằng vào đất mỏ xin một chân thư ký *boăng – tơ*, rồi bị Tây chủ đuổi ra cửa, rồi bị chủ quán bắt nợ hành lý vì thiếu tiền cơm, rồi bị tự ái đoạt mất con đường về cố lý. Và một đêm nằm nghe gió cũng như thế này. Sương thấy gió lại còn kinh buồn gấp mấy mưa. Chàng thích sẽ cùi tay vào mạng mỡ Bạch:

– Đi ra ngoài kia đi.

– Phải đấy. Nhớ dắt theo gói thuốc và bao diêm.

Tiếng giày dép lẹp kẹp của hai người làm cho Tần phải chuyện chõ sang:

– Hôm nay gió trái hẳn thời tiết. Thường chỉ gió to vào quãng từ tháng sáu đến tháng một thôi. Gió tốc những tấm tôn mái nhà là thường. Trước kia còn hay rượu, những đêm gió lớn, tôi cứ phải làm vài cốc rồi mới ngủ được.

Tần vừa nựng đứa con vừa tiếp luôn một câu nữa mà càng ngẫm càng thấy buồn buồn đạm đạm:

– Tôi còn nhớ hồi làm chủ sự ở Đồ Sơn, thỉnh thoảng có ra ngoài Hòn Dáu chơi với người gác hải đăng. Cái thằng cha cũng lạ. Hễ bể động gió thổi như tát vào mặt tường gạch cây đèn bể là hắn lại mang cá khô ra nướng nhắm rượu, vừa nhắm vừa khóc. Hắn bảo rằng gió ấy bắt hắn phải khóc! Mà thực đấy các anh ạ. Có những thứ gió thổi chết lòng người kia đấy.

Vợ Tần cựa mình ho. Chuyện Tần kể bị ngắt hứng. Tần nín. Bạch và Sương cười nháy nhau, rón rén mở cửa ra ngoài như hai tên gian phi.

XIII

Ra đến ngoài hành lang, gió càng rú mạnh và tiếng gió vỗ vào cánh cửa càng trở nên khàn khàn.

Sương rùng mình thấp điếu thuốc một cách khó khăn. Gió từ trên các chỏm cao bị rơi thụt xuống thung lũng, không có chỗ thoát, chạy quanh trong vực thẳm, hút bụi than lên và tung vãi rộng những mảnh bụi sắc. Đây là một lối gieo mạ quái gở của một thứ yêu tinh khỏe. Bụi than bắn vào da mặt sót buốt như mũi kim châm. Bạch kể cho Sương nghe cái hồi mình vào chơi vùng đồn điền cao su Sít Nun ở Cao Mên, có những trận gió lốc mỗi cơn hai tiếng đồng hồ cứ xoáy tít trên diện tích độ trăm mẫu, trông như rồng đất lấy nước trên cạn và xoáy đến đâu thì nhổ cả rễ cỏ và lá khô lên đến đấy. Cả cây lớn trong đồn điền nữa. Bạch lại tả cho Sương nghe cả cái tiếng gió rừng thổi vào tỉnh Lạc Hòn – một vùng địa đầu Xiêm La, cạnh sông Cửu Long, đối ngạn với tỉnh Lèo Thà Khẹt và mỗi lúc thổi mạnh thì những con chó Lào đều thất thanh mà rống lên như người bị bóp cổ kêu cứu.

Hai người rủ nhau vào một hiệu bán phở đêm cho phu mỏ. Bạch và Sương trầm ngâm trước cái *phích* cà phê rỉ rả đánh rớt xuống đáy cốc từng giọt nước đen đen sánh như một thứ máu sinh vật bị thán khí đầu độc. Trước mặt chàng, người thực khách ấy, là một người phu làm mỏ đen từ đầu đến chân, chỉ trừ có hai con mắt trắng, cái hàm răng trắng và cặp môi đỏ như miếng thịt sống nhầy nhờn.

Mái nhà tranh tiệm phở, có chỗ lợp bằng một cái thùng sắt tây đập dẹp ra. Gió lùa vào, vỗ mái, miếng sắt mỏng lúc mau lúc chậm, kêu lạch bạch lanh canh như tiếng những miếng lá thiếc bọc kiện hàng bị sự đài tải của xe bò làm rung động trên một con đường lát đá gồ ghề cứng nhọn. Nghe rờn rợn và rầu rầu. Những giọt cà phê rỏ liên tiếp điểm dấu vào những đợt gió lê thê.

Ở quán bước ra, Bạch lấy mình làm một cái trục để xoay quanh mình đủ một vòng, giang thẳng tay, lấy ngón tay trỏ kéo một vòng qua bốn phương tám hướng. Sương cũng nhìn theo và làm theo. Hai người nhận ra là mình đang lọt thỏm vào một thung lũng mà chung quanh chỉ có những ngọn núi bao bọc. Thảo nào gió ở đây coi bộ tợn tạo quá. Ra nó đang bay ở trên không rủi đi qua vùng đây bị rớt thụp xuống cái vực này và cứ lúng túng chạy quanh mãi. Đây là một thứ

gió lạc đường và đang hỏi đường. Gió mù nhưng mà không câm. Lắng những trận gió quẩn, Sương liên tưởng đến những tên gian vào nhà Mường bứt trộm quả, bị ma Mường làm, cứ đi quanh mãi trong vườn thiêng. Một cơn. Hai cơn. Cứ thế mãi mãi. Và bây giờ nó họp lại thành một trận quần phong, thổi đến đâu là hút bụi than lên đến đấy.

Ở ria núi bọc lấy thung lũng, những đốm lửa đèn điện sở mỏ xếp thành những hàng lửa không có đầu có đuôi, liên tiếp nối nhau theo một vòng tròn. Nếu ví thung lũng Vàng Danh là một cái thúng thì dây đèn cao ấy là cái cạp lửa sáng rực. Đêm đen quá, không nhận ra những đường viền chỏm núi, thành thử có những phút mà Sương và Bạch lầm nhận đốm lửa đèn điện ở phía xa lẫn với những vì sao nhấp nháy gần quả đất. Hai thứ ánh sáng ấy cùng lấp loáng trên đêm mỏ. Bạch mới kể chuyện cho Sương nghe rằng đi Hương Cảng, cái diễm phúc của du khách muốn được say mê với cảnh là khi con tàu mình bắt đầu vào bến Hương Cảng thì cảnh cũng bắt đầu hoàng hôn. Tàu cứ lừ lừ vào bến. Bỗng hàng triệu ngọn đèn điện bật cháy lên, soi xuống một vũng nước. Hương Cảng là một thị trấn xây ở ria hòn đảo. Những cây đèn đường cắm theo những con đường chữ chi dẫn lên núi, những đèn của các biệt thự bám vào sườn núi chỗ cao chỗ thấp, cho ta cái ảo tưởng rằng đấy là những ngọn lửa lơ lửng ở giữa khoảng không đang cháy nhấp nháy cùng với những đám tinh tú.

– Cái cảnh ma quái của lửa Hương Cảng khi tàu ghé bến một đêm du lịch, không khỏi nhắc mình nhớ đến chuyện Tùy Dạng Đế chơi lửa huỳnh ở dọc sông Vận Hà. Thuở ấy, cứ sách chép lại, vua Tùy bắt ba người cung nữ xé gấm làm dây kéo thuyền, kéo chiếc thuyền rồng trên con sông đêm. Mỗi người mang sẵn một cái vỏ trứng chứa đầy đom đóm, khi nào nghe hiệu lệnh, ba nghìn cung nữ ở hai ven sông đều thả đom đóm cùng một lúc. Cái phần ác ngược của vị bạo chúa ấy, ta hãy gác ra ngoài, ta chỉ nên để ý đến cái trò chơi lửa ấy; nếu mình cũng có thể cung cho thị giác mình, lối chơi lửa ấy, anh có thấy thú không?

Sương cười và cũng kể một chuyện chơi lửa ngộ nghĩnh, rất đẹp mắt, na ná thế.

Bạch dẫm mạnh quá, những than vụn kêu sào sạo như cuội dập nơi công viên. Những mảnh than ánh lên như mình loài kim bóng loáng và có cái công dụng ngược đời là làm tối bớt cái ánh sáng của đèn đêm. Những bụi đen ấy thấm hút mất cả tia sáng của đèn sở mỏ.

Thành thử, ngày cũng vậy mà đêm cũng vậy, mỏ Vàng Danh chỉ là một cảnh tang tóc kéo dài mà bất phân mộ dạ. Cái ánh sáng tê tái ấy chỉ đường cho Bạch và Sương lần về nhà Dây thép. Sực nhớ đến câu chuyện đốt đuốc trên hồ Ba Bể Sương đã kể ban nãy, đi qua cái cầu gỗ, bắc trên cái lạch ăn thông từ mỏ ra ngoài, Bạch vỗ vào vai Sương với giọng thân mật:

– Cũng đẹp đấy. Nhưng cảnh ấy, đời anh còn đi, anh còn được thấy nó hùng vĩ tráng lệ gấp bội. Có làm sao mà gia nhập vào cái đám ngư phủ đi đánh cá và săn hải cẩu, hải mã ở Bắc Băng Dương. Anh học địa dư và đọc sách thường thấy người ta tả đến những cảnh mặt trời mọc trên những hải phận quanh năm chỉ có tuyết đặc cứng ở Bắc Cực đấy chứ? Lên đấy mà xem cái lửa chiêu dương chóe rọi tàn nhẫn như đám cháy trên giá lạnh trắng ngần, thật là vô số cảm giác. Cuộc sống đầy những bất thình lình nguy nga chưa có phụ người ta bao giờ, nếu người ta biết tận tụy xê dịch và tìm lẽ sống của mình trong cái thú làm người giang hồ. Cứ như cái thằng Tần bạn chúng mình đây thì hắn cũng thèm muốn sự bay nhảy, đi đó đi đây. Nhưng hoàn cảnh mạnh hơn ý người. Nhưng thiếu nghị lực, hắn đâm ra nể vì sự sống. Cái lòng thương đối với những máu mủ thân thích chung quanh làm giảm cái sức sống của mình là thế đấy.

– Hình như Tần trước kia cũng đã đi nhiều lắm phải không anh?

– Đi đâu? Ai bảo thế? Đời hắn chỉ rặt là những cuộc lên đường hụt mà thôi. Cứ sắp sửa đi hoài mà không bao giờ đi cả. Ngày còn đi học hắn chỉ thích học môn địa dư nhân loại, các bài không mấy khi thuộc vì thời giờ học hắn chỉ đọc những sách du ký và tự hứa hẹn cho phiêu lưu sau này. Ông trời bắt tội, lúc còn đi học, ông cụ ở nhà đau tưởng chết vội cưới vợ chạy tang cho Tần. Vợ đẹp nhưng Tần vẫn cứ nghĩ đến cái chí hướng của mình muốn được làm người lông bông. Đến kỳ thi ra, hôm lên Hà Nội thi, cái người định làm con chim trời ấy, chẳng còn một chữ nào trong bụng, mấy đêm cứ trác táng liền liền ở xóm hát, đến hôm nhập trường hắn viết bài quấy quá nộp cho xong chuyện. Thế mà đỗ. Thế là Tần lại khổ một lần thứ hai nữa. Tiểu đăng khoa và đại đăng khoa, đối với Tần chỉ là những cớ để mà khổ ngấm ngầm trong lòng. Giá được đi thi hỏng, thì chàng đã xác tín rằng ông trời điềm ra như thế để con người ta được dịp lìa nhà!...

– Tôi phải ngắt chuyện anh, Sương khúc khích nói chêm vào một tí chuyện cổ tích hợp lúc. Ngày xưa trong chuyện Tầu, có cái anh

danh sĩ gì không muốn thi đỗ anh nhỉ? Lúc xuống Tràng An cố viết bài cho thật tồi, sợ làm văn hay thì đỗ, thì phải làm quan lưu lại Kinh, thì phải xa người yêu ở Bắc phương ấy mà!...

– ... Nhà chẳng bỏ được mà cũng một năm ấy, vợ đẻ và hai cụ nằm xuống liền liền. Tần nhận thấy cái gì là bổn phận và cái gì là trách nhiệm cứ đè nặng trĩu lên đời mình. Hắn thi ra làm. Và đành nguôi chuyện cũ. Và lấy làm thương vợ quá mỗi khi đi đâu xa độ vài ngày về, vợ rủ rỉ: "Mấy hôm cậu đi vắng, nhà không có người đàn ông nó thế nào ấy... Những lúc cậu đi vắng, nhà cửa y như là siêu vẹo hẳn đi". Thỉnh thoảng bây giờ nhớ lại cái mộng già, Tần chỉ còn biết phàn nàn vì đã không được sống theo cái ý muốn của mình. Tần vẫn tự ví mình như một gái tài sắc chót lấy phải chồng đần không tìm được hạnh phúc. Lúc bông phèng quá chén, Tần hay làm tuồng, bắt chước điệu chèo cổ, sắm cái vai gái tơ lấy phải một ông lão móm. Tần cho cuộc sống giờ đối với mình cũng chỉ là ông lão móm. Cả nhà bò ra mà cười. Cái trò ấy đã thành một thói quen, mỗi lúc con khóc, vợ Tần lại bảo chồng sắm chèo đi cho các con nó cười. Vợ Tần là người được cười nhiều hơn lũ trẻ. Những người thân thích chung quanh thực không ai hiểu đến cái thảm kịch trong thâm tâm con người bất đắc chí ấy. Tôi thật cũng là bất đắc dĩ lắm mới phải nói rõ với Tần về chuyện đi của anh. Thế này là Tần lại loạc choạc mất mấy ngày ăn không đều, ngủ không yên, làm việc hay lầm và chúa hay gắt gỏng vợ con đây. Cuộc đời bình lặng của một cái ao tù đã bị một hòn sành ném thia lia lên và đã bị gợn sóng trong khoảnh khắc. Anh tinh ý một chút thì biết ngay. Ban nãy uống rượu với mình, Tần nói chuyện như người có ý oán tất cả thiên hạ. Cả đêm nay, tôi đoán hắn không nhắm mắt được để ghen với bọn mình và khóc thầm cho một đời người đáng lẽ không đến nỗi tẻ lặng như thế. Vậy trong khi gần anh Tần, chúng ta nên giữ ý tứ. Nghĩa là đừng có ca tụng rầm rĩ lên về cái khoái hoạt của người được đổi chỗ luôn luôn trên khoảnh đất. Nếu Tần có hỏi anh tại sao mà lại ra đi thì anh nhớ chỉ nên trả lời Tần rằng vì cái thế nó bắt phải bỏ nhà với tất cả tấm lòng bịn rịn của một đứa trẻ Việt Nam; vì quê hương không dung nổi anh và anh ra đi như thế này để cho một vài người tạm quên mình, và lúc được trở về lại có thể yêu mến quê hương gấp mười gấp trăm lúc ở nhà. Nói như thế, Tần sẽ đỡ đau khổ và sẽ tin rằng việc giang hồ đâu có phải là một trạng thái vui thú của tâm hồn và không bao giờ người ta có thể

nâng sự xê dịch lên đến thành một lý tưởng được – được như trước kia Tần đã tin chắc.

Ban nãy hai người rón rén mở cửa đi ra ngoài như thế nào thì bây giờ trở về, họ cũng rón rén khẽ khàng như vậy. Nhưng lúc Bạch và Sương phủi chân vào màn, ra Tần vẫn thức và nói chõ sang:

– Cái gió hôm nay lạ lắm. Nghe mà nản cả sự đời. Hay là tại có anh Bạch tới mà gió thổi một cách sốt ruột như vậy. Đấy các anh nghe xem!

Bạch trao đổi ý nghĩ với Sương bằng mắt và không dám có ác tâm để mà cười nữa. Không những thế, Bạch lại còn cảm động, còn ngậm ngùi. Tần đã lần sang, vặn đèn sáng choang, thèm nói chuyện và ép bạn cùng uống chút rượu thuốc với mình.

– Cho nó đỡ buồn!

Bạch, Sương và Tần dềnh dàng ngồi uống với nhau thế mà đã gần một giờ sáng. Vợ Tần lại ho. Bạch nói tiếng Pháp với Tần:

– Thôi anh Tần ạ, đi ngủ thôi. Người anh yếu. Anh không quen thức khuya. Mai phải đi sớm. Anh nên nhớ rằng ngày mai anh phải ra Uông và có khi lại phải ra tận Port Redon nữa. Đi mượn tiền, không thể nói mạnh trước được. Chúng tôi muốn về kịp Hải Phòng nội trong ngày mai, được tiền hay không được tiền, chúng tôi cũng cứ phải về. Mai đã là 24 rồi. 26, chiếc Compiègne nhổ neo.

Tần tắt đèn. Hình như đèn tắt thì tiếng gió từ ngoài lồng vào kẽ cửa lại càng mạnh. Sự thật thì gió vẫn thổi đều mà từ nãy, vì nói chuyện phiếm với nhau không một ai để ý đến gió vẫn khóc rỉ rền ngoài trời.

Đêm Vàng Danh vẫn giật bắn mình lên vì những tiếng còi thét vang. Những chuyến tàu lấy than đá từ trong ruột lò ra, cứ đều mà chạy, tiếng còi gắt, dịp ngân chưa tắt lại đến khổ dài, chốc lát lại làm át cả những tiếng sình sịch của các máy lọc than và bơm hơi dưỡng khí vào cửa lò. Ở đây người ta làm việc cả đêm ngày, thợ chia ra làm hai kíp kế tiếp nhau mà làm cái việc rút ruột quả núi cự phú.

Bạch không tài nào ngủ được. Sương cũng thế. Chẳng lẽ lại nhỏm cả dậy, thì Tần nó lại mò ra mà góp chuyện. Hai người đành nằm im, vắt tay lên trán mà nghe những tiếng hỗn độn của mỏ than nó ầm ầm như sóng bể đông đổ xô vào bờ đá. Có những lúc tiếng ấy ú ớ như cả một bãi bể có rừng dương liễu bị gió khơi vào bóp cổ. Vào

khoảng hai đợt gió ào ào như cây ngàn thiêng gặp tuần rung lộc, những tiếng còi ai oán và gay gắt cứ xoắn vít vào lỗ tai người lạ cảnh. Người ta đang đào rút ruột dãy núi than. Nhiều thanh âm ghê lạnh kết hợp lại thành một thiên trường hận ca để khóc những người lạ nước lạ non, bị ký táng ở đây – vùi nông một nấm mặc dầu bụi than. Những trận gió như được đánh xổng từ âm phần địa ngục nào vụt bay lên để ai điếu một loài sinh vật bị lấp vùi trong hoàn cảnh tối tăm của bụi loài khoáng. Tiếng động ở đây chỉ gửi vào thính giác rặt một lối thanh âm thê thảm, dài và lạnh và rợn. Lắm lúc lại bỡ ngỡ và đầy bí mật. Những đêm như thế này, Sương khó mà quên được. Chàng không ngờ mới "nhập nhĩ nhập nhỡn" với đất mỏ mà đã giầu thêm được bấy nhiêu cảm giác lạnh lùng. Chàng thiếp đi lúc nào và bao lâu không rõ. Nhưng một hồi thanh la khua động. Rồi lại đến một hồi kèn vang. Chàng mở mắt thấy Bạch cũng thao láo nhìn mình, liền kêu: "Quái nhỉ! Cái điệu gì thế?"

– À, đấy là người ta ra hiệu gọi kíp phu đêm dậy mà xuống lò than. Thanh la là hiệu để gọi riêng bọn cu li Bắc Kỳ và kèn là hiệu đặc biệt của đám phu xứ Nghệ. Ở đây, chẳng lại còn có một bọn phu người Nghệ nữa; kể đầu người ra đông lắm. Ba giờ sáng rồi.

Tần vừa ngáp vừa nói chõ ra. Vậy ra anh ấy cũng trằn trọc không ngủ và nói với sang thêm một câu nữa:

– Hai anh có tin rằng có những đêm người ta tư lự nhiều quá mà sớm mai bạc nửa mái đầu không? Ừ phải đấy... Ngũ Tử Tư một đêm trước ngày qua ải... các anh thế mà nhớ sách hơn tôi. Đi làm lắm lúc cùn hết cả trí tuệ và cường ký.

Tiếng còi tàu âm ưởng trong thung lũng tờ mờ. Con tàu lắc lư như say rượu bên sườn non than. Từ trong mỏ đi ra ngoài đường dốc, tàu chạy có nhanh hơn lúc từ Uông vào. Trong một chiếc toa bẩn thỉu, chật hẹp mà người miền mỏ đều mệnh danh là toa "song loan", Bạch cẩn thận đứng ép vào trong cùng, trái hẳn với mọi lần ở những toa tàu lửa xứ khác, chàng bao giờ cũng đứng thẻo đảnh ở đầu toa tàu hoặc ở cấp lên xuống. Lúc nào lượn đường vòng, trông đoàn xe chở than đá *kíp – lê* cứ như là muốn đổ lật. Những tai nạn này có luôn và người vùng đây gọi là tàu cặm. Bạch chỉ chờ đợi tàu cặm luôn luôn và giữ mình làm trọng đứng thủ thế vạn toàn trong song loan, chàng thoáng thấy buồn. Không dám sống với nguy hiểm nữa rồi sao? Chàng ngờ chàng bắt đầu sợ sống.

Tàu chui vào đường hầm Uông Thượng. Cả một chiếc song loan – bấy nhiêu hành khách kêu inh ỏi lên: *"Tu – nền, tu – nền"*, chừng như nhắc cho nhau rằng vào tuy đạo rồi đấy, nên bám chặt cho vững. Sương buồn cười, quay lại cái lỗ mắt cáo trổ ở mặt hậu song loan nhìn những cục cứt sắt than đá rụng xuống đường sắt, đốm lửa đỏ ối như những cục vàng bị thổi cháy. Trong tối đặc của đường tuy đạo, những tàn lửa than đá vui và sáng chỉ có một giây rồi lại chỉ còn là những chấm lửa hương đen ở bàn thờ ma mới một đêm khó ngủ tại nhà lạ. Mùi thán khí tuôn đầy một bầu trời hôi hám như là có người trong một lúc bẻ đôi ra hàng triệu quả trứng vịt luộc vừa vớt ra khỏi nước sôi.

Đoàn tàu vẫn phụng phịu, ì ạch qua một đường hầm nữa. Con đường thiết lộ nhép thế mà cũng hai lần tuy đạo. Bạch bĩu môi nhìn xuống đường sắt goòng Decauville rộng chỉ có sáu mươi phân.

– Chắc các anh không để ý đo đến cái bề ngang đường sắt đấy nhỉ? Đông Dương thiết lộ rộng có một thước. Con đường xe lửa bên Tây và quốc tế rộng những thước hai. Bởi thế nên tốc lực một giờ của nó có khi linh trăm cây số. Của mình chỉ chạy đến sáu mươi là cùng, ấy là đoạn đường tốt đấy. Ở xứ mình thấy cách xa phí về thì giờ mà không khỏi sốt ruột.

Sương đố Bạch một cây số hỏa xa ước độ bao nhiêu tiền, hãy kể cái chỗ sắt thôi. Bạch hóm hỉnh nhìn Sương đang muốn tập cái giọng kỹ sư cầu cống. Bạch tính một lúc rồi nói quả quyết:

– Một cây số thiết lộ không kể nhân công, đá và đất đổ nền và tiền đất ruộng qua các làng có địa bạ, chỉ có sắt thôi phải mất hai vạn chín nghìn đồng, tính theo thời giá sắt còn tốt đem chặt ra bán lẻ mỗi cân ba hào. Từ Hà Nội vào Sài Gòn mất mất... mất độ hơn năm mươi triệu đồng bạc sắt.

– Anh tính thế nào mà ra đến bấy nhiêu tiền?

Trả lời Tần trố mắt ngạc nhiên nghi ngờ bài tính của mình, Bạch tiếp:

– Này nhé. Một cầu sắt bắc đường hỏa xa độ dài được chín thước. Bao giờ cũng phải hai đường song song, vậy là một cầu kép hai thanh mất mười tám thước, mỗi thước hai mươi lăm cân. Bốn trăm rưởi cân rồi. Mỗi cầu đường sắt phải dùng mất mười *tà vẹc*, mỗi *tà vẹc* bốn mươi cân và một *bù loong* con cóc năm cân với lại ít ra là mười lăm cân đinh *bù loong búi* tóc. Thế có là bốn trăm hai mươi cân nữa

không, tổng cộng trọng lượng một cầu đường sắt dài chín thước nặng tới tám trăm bảy mươi cân, nhân với giá ba hào một cân thì trị giá hai trăm sáu mốt đồng. Một cây số chứa được hơn một trăm mười một cầu. Thôi cứ cho là một trăm mười một cho dễ tính. Các anh nhân đi!

Tần nhân.

– Anh nhân nữa đi. Từ Hà Nội vào Sài Gòn. 1.728 cây số.

Tần lại nhân.

Tần lác mắt, vừa phục cái tài hùng biện của con số, vừa phục Bạch:

– Nhưng sao anh tò mò thế?

– Hơn năm mươi triệu bạc tiền sắt. Ấy là chưa kể đến đá, đất, ruộng mua và công nhân... À, những lúc bị tàu chậm, gặp được viên kiểm soát địa phương nào của sở Hỏa xa vui tính, tôi hỏi chơi thế để cho biết đại khái. Này một cái toa xanh tốc hành hạng tư thế mà ba vạn bạc đấy. Toa buồng ngủ sáu vạn đồng.

– Làm toán pháp đùa với nhau thế mà đã đến Uông Bí lúc nào không biết.

– Các anh cứ đứng yên đây. Tôi chạy tạt vào nhà cai Khương vẫn bán chịu gạo mắm cho các ông ký mỏ thợ và thuyền hễ lấy được thì tôi lại chạy ra lôi các anh xuống đây, đợi ô tô Đông Triều mà về Phòng chuyến trưa cho kịp việc. Nếu lỡ lão đi vắng thì tôi lại nhảy lên chuyến xe này ra Port Redon. Nó đỗ gần đây nửa giờ kia mà. Sáu giờ ở Vàng Danh chạy, tám giờ đã tới Port Redon rồi.

Tần xuống một mình. Và hơn một khắc sau, chàng vẫn tươi cười trèo lên toa. Lão cai Khương đi vắng nhưng không ngại. Ngoài Port Redon khối người sẵn tiền.

XIV

Ba trăm thước phố nhà một tầng, tường trát đất. Những cái túp ấy, cái nào cũng giống cái nào – mái lợp bằng những cái trôn rổ rá dùng vào việc lọc lựa than quả bàng lúc chúng còn nguyên vẹn cả cạp. Hai dãy nhà đối diện nhau, nhìn nhau chán nản như những cặp vợ chồng khổ sở bỏ thì thương, vương thì tội. Lũ nhà tồi xám như tro và tái như đá đen. Trên một mái xám ấy, có một cái thập ác cũng xám, tiêu cái mái tranh tầm thường kia lên thành một nhà thờ cầu

kinh hằng ngày cho những linh hồn đau khổ. Giữa cái phố độc đạo xám nhợt là một con đường sắt đen. Từ đầu xa là những đồi than tảng đánh đống, mỗi tảng óng ánh như nhọ nồi quét mỡ nước. Ngoài xa nữa là bể, là cửa sông, lấp ló vài ống khói tàu thủy lớn. Trong không gian, lúc nào cũng có vô số mảnh cám than. Dưới đất, bụi than đọng lại thành cục óng ánh rời rạc như những chấm ngân nhũ.

Giữa hai dãy nhà xám, những toa tàu xám dè dặt lăn vòng bánh, nghiến xuống những lớp than nhỏ bừa bộn nghe rào rào như cỗ xe đòn đám kêu trên lớp sỏi nghĩa địa. Ấy trông toa xám ấy lăn vòng bánh chầm chậm qua phố độc đạo, người ta lại càng thấy các căn nhà phố kia là những cái mồ sống, là những ngôi mả nghèo xấu tẻ ngắt, không có bia – nhà phố Port Redon không có số hiệu. Đấy, Port Redon – ta gọi bến Điền Công – cái bến của mỏ xuất cảng than có khi đến mười vạn tấn trong một ngày, mỗi tấn ba chục bạc. Tính từ Vàng Danh đến đây là tột đường hỏa xa mỏ, mất mười sáu cây số, và tàu mỏ tốc lực mỗi giờ nếu chạy đúng thì được tám cây số một giờ.

Sương bỡ ngỡ, kéo Bạch vào một tiệm phở lủng lẳng súc thịt bò ôi mà bụi than bám kín, trông như rắc bột hồ tiêu. Bụi than đá dính vào phiến thịt, có mảnh to và ánh xanh chẳng khác gì con nhặng bám chết vào đấy. Tần rảo bước đi xoay tiền và hẹn tí nữa sẽ quay lại đấy.

Ngồi chờ, buồn, Bạch và Sương đánh ngả một phần ba chai rượu ty. Sương ngà ngà, ngây ngất, cho luôn ngay cái buổi sớm mai này ở đây cũng chỉ là một đêm trăng suông soi xuống cái xám lạnh của một cuộc sống hỗn thế và hỗn trần. Sương gật gù tự bảo mình rằng nhiều khi đối cảnh người ta có thể khóc được lắm. Chàng ngắm cảnh, bị hôn mê vì chất ma túy của Port Redon, lan man nghĩ đến cái địa ngục của người đã viết: "Hỡi kẻ kia đã tới đây, hãy nên trút hết hy vọng".

Có rất nhiều bóng người đi làm luôn luôn lướt qua tiệm phở. Hỏi đấy là đàn ông hay đàn bà, Bạch và Sương cũng khó mà trả lời và chỉ biết rằng từ lúc bắt đầu đặt chân lên cái nghĩa địa tê tái này, Bạch và Sương chưa thấy người nào hở răng ra để mà cười. Một đứa bé con cũng biết thận trọng ở dáng đi, nét mặt. Hình như ở dãy phố này, mỗi người đều có một điều u ẩn gì cất kỹ trong lòng. Và cứ như sự quan sát tuy nhanh mà rất chắc của Bạch thì nơi ăn chốn nằm của đám người ở đây đều tố giác sự ăn xổi ở thì của họ. Đến để quên chuyện cũ. Đến đây để đánh tiếng bạc cuối cùng. Nặng bồng nhẹ

tếch, khăn gói gió đưa ra bến Điền Công: gây nên một quãng đời hoặc lập lại một cảnh đời. Khá lên thì lại tìm đi. Chứ ai đinh chung lưu luyến gì với Port Redon. Cảnh ở đây thì đen và lòng người thì bạc. Tro muội ở trong lòng người cũng nhiều như tro muội ở ngoài trời.

Có những tiếng ồn ào từ ngoài cái phố đen dội đưa vào đến tiệm phở. Đặt chén xuống bàn quán, Bạch và Sương đều ra xem. Một bọn tráng sĩ Tây Phương cao như cây phướn, mũ dạ lật ra phía gáy, áo khoác lên vai, giang tay vừa đi vừa hát và nói cười om xòm, mặt người nào cũng chín dừ. Một lũ vô lại áo cộc đi theo họ thành một cái đuôi ầm ỹ nhộn nhạo. Chốc chốc bọn tráng sĩ thất thểu ấy lại rộ lên: "Well! Well!". Họ đứng trước tiệm phở. Bạch nói một câu tiếng Anh, họ hỏi lại:

– Anh có nói được tiếng Nam Tư Lạp Phu?

Bạch lắc đầu. Họ cười: "Well! Well!". Bọn thất phu chạy theo mấy người ngoại quốc cũng nhại lại: "Oeo! Oeo!". Thế rồi cứ thế mà rầm loạn cả xóm than lên. Bọn tráng sĩ bực mình, kéo nhau về tàu họ đỗ ngay ngoài bến chỗ đầu phố.

Cái tàu Nam Tư Lạp Phu hai ống khói nâu ấy vào Port Redon ăn than từ hôm qua và đâu ăn độ một ngàn tấn than đá. Cứ lời những người cai phu tọc mạch và bép xép thì lúc xếp than cho tàu Nam Tư Lạp Phu kia theo giao kèo, nếu xếp sớm được một ngày thì được thưởng hai nghìn đồng và mỗi ngày chậm, sở Mỏ phải bồi thường cho họ những tám nghìn đồng.

Tần đã trở về tiệm phở và buộc Sương và Bạch uống nhiều rượu vào mới được. Chàng gọi lấy chén tống. Rồi trịnh trọng Tần đứng dậy, gập tờ giấy bạc một trăm lại làm tám, găm vào túi trên áo Bạch. Sương cảm động quá, nắm chặt lấy bàn tay Tần rất lâu. Tần cứ để nguyên thế mà nói:

– Bây giờ cũng quá mười một giờ. Có về ngay Uông cũng lỡ mất chuyến ô tô trưa. Đi chuyến chiều bốn giờ vậy. Thôi ở đây chơi và uống rượu.

Ba người uống hết chai rưỡi.

Trời chiều đã gần vàng mặt, cái bộ ba ấy mới bảo nhau nhảy lên xe song loan rời khỏi *Bo* về Uông Bí.

Từ Uông, Tần đi thẳng về Vàng Danh mà bọn Bạch và Sương thì đáp ô tô ngoặt trở về Phòng. Cảm giác sung sướng giúp được tiền,

giúp được việc cho bạn, chốc đã nhường chỗ cho phút chia rẽ bùi ngùi. Tần cầm tay Sương:

– Nhất định 26 này anh đi chuyến Compiègne?

Sương cũng cảm động:

– Vâng. Chỉ trừ khi, ngày mai ngày kia còn xảy ra những trường hợp ngoài ý định của mình.

Tần cười, quay về phía Bạch:

– Anh không ngại. Có anh Bạch đây đỡ đầu cho thì còn gì là ngại nữa. Bạch châm điếu thuốc, giọng hể hả:

– Tiền đã có anh giúp cho. Anh Sương thì đã thừa có một tấm lòng. Còn tôi, tôi hết sức để đưa Sương đi cho lọt. Ba đứa chúng ta tùy tâm tùy lực, mỗi người góp vào một chút mà nhiều đã đến thế, thì cái chương trình xuất dương đây, sao mà lại chẳng thành.

Sương muốn để một lời cảm ơn, tần ngần đặt hai bàn tay lên vai Tần, mãi mới nói được một câu nghẹn ngào:

– Rời khỏi được xứ sở, ở xa, dù trên cạn hay lênh đênh hàng tháng trên biển rộng, tôi không bao giờ dám quên anh. Không bao giờ tôi quên được anh và anh Bạch.

Bạch ngắt lời:

– Anh chớ nên thốt ra những lời tình cảm tầm thường như vậy của đám chúng nhân. Tôi nói thiệt đó, anh đừng hiểu lầm và mang lấy giận một cách vô ích. Anh Tần thì tôi không rõ như thế nào, chứ riêng về phần tôi, tôi rất mong anh quên phứt hẳn tôi trong khi anh đi tới bất cứ bến xa, đất lạ nào. Đừng có nhớ tới ai – mặc dầu đấy là ai – thì mới đi mãi mãi được. Muốn làm một người du tử tàn nhẫn thì phải quên hết, mà mỗi lúc được vứt bỏ lại một cái ở sau mình là nên lấy làm hoan hỉ để lại bắt đầu đón nhận lấy một cơn gió mới của một ngày khác mở đầu cho một độ đường mới.

Tần lĩnh hội được ngay cái tứ đau buồn chứa trong một lời nói của kẻ đã dạn mặt với phong sương, gật gật mãi đầu và tàu mỏ huýt còi rồi mà Tần còn chưa chịu rút cả hai chân lên cấp toa song loan. Bạch và Sương đùn chàng lên:

– Thôi anh về cho mạnh.

Tàu mỏ mở máy, chậm như một con tàu thủy nhả bến, kéo dài đến cái giây phút nặng nề của từ biệt.

Sương nhìn cái bóng trắng của Tần lâu mãi mà không chịu nhòe với khói than đá, nhớ đến cái thú vị cuộc tiễn đưa về thời xưa cũ, người ta bày một cái đoản đình, rồi lại một cái trường đình, uống cạn một chén rượu, người ngồi trên ngựa dùng dằng mãi mới ra roi và nới cương, kẻ đứng dưới thì ngậm ngùi vòng hai cửa tay áo rộng lại, lạy một lạy và hướng mãi về phía đám bụi hồng không chịu tan bay sau móng ngựa.

Bạch không nỡ kéo Sương quay đi ngay vì dẫu sao, anh Tần trắng lôm lốp vẫn còn lưu luyến, đứng nán lại ở ria toa chưa ra khỏi ngoài đầu ghi kia... Như thế này mà có thêm một người đàn bà đứng ở đây thì có làm khổ người ta không, thì con tàu kềnh càng kia còn lấy thêm có chán vạn là nước mắt của người ta. Bạch bực mình vì lối chạy đờ đẫn, chậm chạp của tàu than, vì hình bóng của tàu chưa khuất, vì cái dư vị quá dềnh dàng của từ biệt. Chàng nghĩ đến một cảnh chia tay ở một chỗ rất chóng vánh, chỉ có cuộc tiễn đưa ở bãi trường bay là gọn. (Hết chỗ mà đặt tình cảm. Không đủ thời giờ để mà đem tình cảm ra mà dùng). Vù vù cánh quạt đầu máy xoay vài mươi *tua*, máy nổ đều, vụt một cái, con chim trời cất cánh, thế là xong.

Hết cả lã chã.

XV

Trước giờ tàu Compiègne đêm ấy nhổ neo, trên gác một tửu lâu khách Quảng Đông, phố Hàng Cháo bến Hải Phòng, ngồi trước những món ăn khói ngùn ngụt, Bạch và Sương ngừng cốc để nghe phía buồng ăn bên – cửa che kín một lá màn rủ – tiếng một vị thực khách đang chờ món ăn, lấy đũa gõ nhịp vào thành bàn ăn, nghêu ngao hát:

Trượng phu không hay xé gan bẻ cật phù cương thường
Hà tất tiêu giao bốn bể, luân lạc tha hương.
... Nghiêng đầu mà hát, vỗ tay mà hỏi
..., Ai là người... cùng ta cạn một hồi trường...
... Học không thành, công chẳng lập.
Trai trẻ bao lâu đầu đã bạc,
Trăm năm thân thế bóng tà dương

Tiếng hát ồ ồ, đượm mùi khê nồng của men tốt, nghe lỏm được ở một quán rượu trên sông Cửa Cấm, vang lên như là tiếng gọi của xa xôi, của phẫn uất lẩn trong phiêu lưu. Cái mùi hương phiêu lưu bí mật ấy đang ủ kín trong một buồng ăn. Sương ngà ngà vì tiệc rượu tối nay từ giã Bạch để đêm nay mình cũng nhổ neo luôn với chiếc Compiègne, lại càng ngây ngất thêm vì điệu hát, vì người đã hát lên điệu ấy. Chàng muốn chạy lại phía buồng, ghé mắt vào kẽ tường gỗ ghép xem mặt người vô danh đó một chút.

Bạch ngăn lại:

– Dòm nghé làm quái gì. Đấy lại là một ông khách giang hồ bất đắc chí chứ gì nữa. Cứ cái tâm sự của ông ta gửi vào bài hát, thì ông ta cũng đã từng trôi giạt nhiều và bây giờ lại lấy làm hối tiếc cái đoạn đời phiêu lưu đã qua. Nếu tôi không lầm thì người này đã mượn đến phiêu lưu để đạt một cái mục đích gì hoài bão trong đời mình mà đến bây giờ vẫn chưa thành. Họ đi để mong làm một cái gì. Lầm! Lầm to! Sao lại không lấy nguyên cái việc được đi là một cái thú ở đời rồi? Tôi cho được đi là một cứu cánh. Sao lại đem cái việc xê dịch ra mà dùng làm một phương tiện để mong tới một cái kết quả nào? Sương ngẫm mà xem, lấy một viên thanh tra tồn tích hội ra làm thí dụ. Còn ai ở Đông Dương đi luôn và nhiều bằng hạng người này. Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Nam Vang, Luang Prabang, họ đi về như là đi chợ. Nhưng không ai liệt họ vào hạng du tử. Họ chỉ là một thứ lái buôn phải đổi chỗ để bán hàng và tìm khách hàng ở các thị trường đông đúc thôi. Việc giang hồ, đối với họ, đâu có phải là một trạng thái của nhu cầu trong tâm hồn. Được lăn cái vỏ mình trên lục địa chỉ để mà lăn tròn như vậy thôi, phải lấy thế làm tự hào chớ! Sao cái ông thực khách láng giềng kia lại gõ bàn ăn mà khóc trách cái đoạn đời bồng bềnh cũ xưa của mình? Ồ, xoàng quá! Vậy thì Sương cũng chẳng nên để ý đến ông ta làm gì. Họ không phải là người đồng điệu của bọn mình. Sương nên uống nhiều đi. Xong rồi ta ra phố Cầu Đất, làm một phích cà phê ngon.

Sương gật gù, uống tiếp. Câu nào của Bạch, mà Sương chẳng phải nhận là châm ngôn. Cái người đã mài mòn thân thể trên mặt địa cầu mà chàng tình cờ bắt gặp được hồi gần đây khi y ngừng nghỉ tạm tại xứ này, cái người ấy có quyền nói thế. Và Sương – một tên lính trơn mới nhập đoàn phiêu lưu – Sương chỉ có bổn phận nghe nhớ lấy để mai kia suy tưởng nhiều, vào những lúc trời đất gió mây.

Trong quán cà phê lộ thiên phố Cầu Đất, Sương rót thêm rượu *rôm* vào cốc Bạch, ngần ngại hỏi bạn:

– Vậy anh ngược ngay Hà Nội chuyến *ô tô ray* đêm? Nếu không có việc gì kíp, anh ráng ở lại đêm nay tàu tôi (?) nhổ neo rồi sớm mai anh hãy ngược có hơn không?

– Có người đưa tiễn thì mới chịu đi chăng? Sương muốn đỡ thui thủi hay sao? Sương lấy việc phải thui thủi đi xa mà không có người tiễn đưa là khổ lắm sao?

– Không phải vậy, nhưng lúc tàu nhả bến, có một người vẫy một tấm *mùi soa* với mình, nó cũng ấm lòng. Anh nên biết lần này là lần đầu tôi đi xa. Cái chuyến viễn du thứ nhất trong đời một con người!

Nghe Sương nói mà Bạch lấy làm tội nghiệp cho người bạn ít tuổi của mình chưa từng làm quen với cô quạnh, với tử biệt, với sinh ly. Cái anh chàng Sương đáng yêu ấy, đáng gọi là bạo dạn trong cái lối muốn sống với cái nguy hiểm ấy, dẫu sao cũng vẫn còn là một người chứa đầy tình cảm thơ ngây. Bạch lặng nhìn trôn phích cà phê rỏ giọt khoan thai, đĩnh đạc, đều đặn như giọt lâu của canh thu.

– Này anh Bạch, sao họ lại đặt ra một cái giờ khởi hành chướng như thế? Sao chiếc Compiègne lại không nhổ neo vào lúc xẩm chiều, vào buổi sớm, hoặc buổi trưa mà lại chạy vào quãng hai giờ rưỡi sáng? Tiễn nhau ra bến, lúc hai giờ rưỡi sáng, có thân đến mấy, người ta cũng lấy làm ngại.

Sương cố dằn từng chữ đoạn sao, cố cho Bạch hiểu mình muốn nói kháy bạn, Bạch mỉm cười:

– Tại sao tàu Compiègne khởi hành vào khoảng hai giờ rưỡi sáng ấy à? Thưa ông, bởi vì mãi đến cái giờ ấy con nước thủy triều mới dâng lên, người ta dễ nhổ neo, chỉ tháo nới nhẹ dây xích sắt gò tàu vào mốc bến là tàu dịch đít được ngay. Thủy thủ dễ làm việc. Con tàu nhổ bến nhẹ nhõm hơn và hãng tàu đỡ tốn phí dầu, than, mỡ. Ông đã hiểu chưa? Người ta căn cứ vào những điều kiện ấy mà ấn định giờ tàu chạy. Còn như ngại đêm khuya khoắt mà không ra tiễn bạn được thì đấy là một việc khác. Đợi bao giờ ông làm chủ hãng tàu, ông sẽ vừa tính giờ tàu chạy và chiều hành khách, ông sẽ vừa làm thơ nữa và những người đi đưa không phải đi đêm về hôm, được biết đến cái tiện lợi của một buổi tiễn hành còn sáng trời, những người ấy sẽ cảm ơn ông lắm lắm... Thế còn như tôi không đưa tiễn anh lúc tàu

Compiègne quay mũi được là vì tôi có một lẽ riêng... Đâu có phải là vì khuya khoắt. Thằng Bạch này vốn là khách hàng quen của những đêm mưa gió từ bao năm nay rồi... Đâu có phải là vì tôi không tỏ tình thân mật với anh. Thôi Sương, Sương đừng nên ép tôi ở lại Phòng đêm nay. Tôi sẽ khổ sở vô cùng. Đừng nên bắt tôi cắt nghĩa nữa. Sau này, Sương dạn với phong trần, Sương sẽ hiểu tại sao có một người bạn tri kỷ lại cố từ chối không đi tiễn một người bạn khác đáp tàu đi xa lắm. Phức tạp lắm, Sương ạ.

XVI

Hai mép Bạch trũng xuống mấy đường hằn của một thứ đau khổ khó nói nên lời. Cốc cà phê chỉ bỏ có hai cục đường đã đắng, giờ nhấp, Bạch càng thấy đắng quá. Bạch lặng lẽ ngồi tiếc đời, thương xuân và ghen với Sương.

Năm nay Bạch ba mươi bảy tuổi. Một đứa con. Và ít ngày nữa lại có thêm một đứa nữa. Đời một lữ khách hẹn sóng với trôi nổi, như thế đã đủ gọi là vướng vít chưa? Hay vẫn còn chưa đủ nặng? Còn như đời Sương? Sương chỉ có một mình. Sương mới hơn hai mươi. Sương sẽ tha hồ mà đi xa. Cái cuộc đời ấy thừa bề rộng thừa bề sâu. Sương sẽ mặc sức mà lăn cái vỏ xanh, tươi, cứng trên mặt đất. Cái người trai trẻ ấy có vô số cơ hội để trước bạ tên tuổi vào mọi sông núi hai tân cựu lục địa. So sánh, Bạch cảm thấy sự chênh lệch không là một với hai mà lại là một với mười.

Bạch ít lâu nay, bị tiếng gọi của trách nhiệm, của bổn phận giữ chàng nấn ná ở lại cạnh vợ và con, thấy lòng mình dần dần bị tình thương đối với máu mủ xâm chiếm dần dần. Như thế này thì còn giang hồ gì nữa; nhiều buổi chiều buồn buồn, Bạch thường nói với Bạch như thế. Chàng tự hỏi mình trở về xứ sở, lấy vợ đẻ con như thế có phải là để tự mình mở một kỷ nguyên mới cho đời lông bông lang bang của mình không? Người không hiểu, tưởng tự chàng đã gây lấy vạ vào người, đã đa mang thì phải đèo bồng, chứ còn kêu ca điều chi nữa, chứ còn oán thán gì nữa. Nhiều người bạn tưởng Bạch đã thấy mệt mỏi với đời phiêu lưu, bây giờ không chịu nổi được thứ cơm nước của khách sạn ở dọc đường và đã đến lúc thèm muốn một nồi cơm vừa chín tới, một trái cà không thâm, một đĩa dưa không khú của chính mâm cơm gia đình mình đều vỗ về Bạch:

– "Thôi như thế nó cũng tạm là một cách để yên thân anh ạ (Chứ đi mãi, nó cũng đến chỉ là một hòn đá không dính rêu thôi). Đời anh giang hồ quá nửa phần rồi, tưởng bây giờ cũng đã là đến lúc nghỉ ngơi đi thôi. Ba mươi bảy tuổi. Anh tưởng còn sớm lắm sao? Phải lo tính liệu những ngày còn lại đi thôi chứ! Anh tiêu phí nhiều quá rồi, cái đứa con của phiêu lãng hoang phí đã đến lúc tính sổ và cần kiệm đi thì vừa. Chả lẽ cứ vung tay mãi. Mái đầu đã bạc trắng hai bên tóc rồi anh ạ".

Những lời chia buồn và an ủi thành thực ấy chỉ làm cho Bạch sốt ruột thêm. Dẫu sao, những lời chung quanh, thêm vào ít hiện trạng của hoàn cảnh (với những khóc mếu của con trẻ, những nét mặt rầu rĩ của Dung – vợ chàng – và những tiếng thở dài ban đêm của ông cụ Tô sinh ra chàng), bấy nhiêu cái nhỏ nhặt hàng ngày đã ảnh hưởng đến nhân sinh quan một người, mặc dầu lòng người ấy cứ muốn vững như sắt đá.

Trước cốc rượu lớn, Bạch gật gù: "Gần bốn mươi tuổi đầu... Lập lại cuộc đời! Biết có nên? Có thể được không? Hay là quá chậm?". Những lời hỏi nghiêm trọng ấy mà Bạch không trả lời được lúc ngổn ngang trong lòng, chỉ có tiếng xèo xèo trong nõ điếu hút khoan thai chấm câu cho. Nước bọt, mỗi lúc chảy vào lòng tẩu thuốc, rỏ vào tàn lửa lại rền rĩ kêu đánh xèo một cái. Lắng cái thanh âm rè đục ấy vào một lúc nghiêm trọng mà người ta do dự tại giữa cái ngã tư của lòng, của cuộc đời với thương với nhớ, với tiếc cũ với ngại mới, Bạch càng nhận thấy cái tẻ lặng đời mình hơn năm rưỡi nay. Nếu biết có cơ sự như thế này thì hồi ấy chàng đã chẳng về thăm nhà. Con chim trời đã lấy làm hối hận vì cái việc về thăm lại tổ cũ ấy một buổi bạt gió mỏi cánh. Nơi tổ cũ, trước kia chỉ có một đấng nghiêm đường tuổi tác, giờ lại đông thêm những một người vợ dại và một trẻ thơ đang tập đi. Bạch suy nghĩ mãi, vẫn không hiểu tại làm sao đời mình lại có đến việc lấy vợ. Thật là một cuộc hôn nhân nghiệt chướng và nghiệp chướng. Chàng bóp trán, cố tìm cho ra cái nguyên nhân ghép đời chàng vào với đời Dung. Dung đẹp lắm, hiền lành lắm, ngoan lắm. Nhưng... trước kia và cả bây giờ nữa, Bạch chưa thấy mình yêu Dung. Những ý nghĩ của Bạch đối với Dung về mặt tình ái, lờ mờ quá, không có gì là rõ rệt, có họa chăng hồi gần đây, chàng chỉ thấy thương Dung nhiều. Như thế không đủ là yêu. Bởi vì tình ái còn ngụ cái ý chia sẻ lẫn cuộc đời tình cảm chung góp lại của một lứa đôi. Sự

ấy thực chưa từng có bao giờ, từ ngày Bạch thành gia thất. Và chàng lấy làm phàn nàn cho Dung không biết tại sao lại tựa vào mình để tìm tòi hạnh phúc. Với Bạch, hạnh phúc hỡi ôi! Có lẽ chỉ ở những nhà ga. Chỉ có nhà ga, bến tàu, con đường thiên lý, mặt nước rộng là mới gợi được cho Bạch ý nghĩa của đời sống đích đáng. Tất cả những cái khác là không kể. Làm thế nào mà cắt nghĩa điều ấy cho một người bạn trăm năm hiểu? Mà ví có giảng giải được thì cũng là quá chậm. Một vợ một con. Hai cái kỷ niệm thấm thía ấy bằng thịt bằng máu chả lẽ lại là không đáng quan tâm? Hơn một năm nay nếu Bạch muốn dứt tình, xách cái va ly cũ mà tếch lên đường, đâu có phải là một điều khó khăn. Ở các hãng tàu bể thông ra ngoài, ở hãng tàu bay, ở sở hỏa xa, Bạch có vô số là người quen. Chàng chỉ việc trình diện một cái với va ly ngày nọ là xong, không có ai ngăn nổi. Các người quen cũ thấy vậy có lẽ còn bằng lòng khi chàng quyết định tiếp tục lại đoạn đời cũ, nghĩa là lại đi. Lâu nay đã có không biết bao nhiêu người trong đám cố giao lấy câu "Kìa anh Bạch, anh còn ở nhà à" thay cho một câu hỏi thăm rõ rệt ý nói kháy. Sốt ruột quá chừng. Mà trách gì được người ta. Đối với họ, xưa nay Bạch chỉ là cái hình ảnh bất diệt của người du tử thiên vạn cổ. Cái bóng người ấy sống nghĩa là chỉ để thoáng qua mắt họ trong chốc lát, một lúc ngừng im hẳn lại, một lúc đậu hẳn lại thành một cái hình không nhòe và không cử động, sao có khỏi làm cho họ không ngạc nhiên và thốt ra một câu giục giã. "Phải đi đi, đến ngay người chung quanh ta cũng muốn thế. Ta phải đi vì nghiệp dĩ bắt như thế!".

Có một buổi say thuốc phiện, cả xác lẫn hồn nhẹ bỗng, cường ký được thức tỉnh lại, Bạch mới nhận nhớ ra cái cớ đã ghép mình làm người bạn trăm năm của Dung.

Năm kia thấy chàng về, ông cụ Tô mừng quýnh đã bảo chàng:

– Con ạ, thầy già rồi. Con là trưởng mà con cứ đi luôn. Nhà vắng lắm. Con đối với thiên hạ hậu quá mà đối với gia đình thì chẳng được lấy một phần. Từ đầu năm chí cuối, thầy chỉ thui thủi một mình với Phối. Thằng em con nó còn dại lắm. Nhất nhất cái gì cũng phải có thầy dúng tay vào. Giá con chiều ý thầy mà lấy vợ thì thực là làm vui cho thầy trước khi thầy nằm xuống. Rồi ra con muốn ganh đua với anh em ở những chỗ đâu đâu thì ở nhà sẽ có người thay con và đỡ hộ thầy, chứ gần đây, trong người thầy, thầy thấy rời rạc lắm rồi.

Ông cụ Tô nói đến đấy, nấc lên như người kiệt lực lúc đã cố trối trăng xong được một vài việc quan hệ trước khi buông xuôi hai tay.

Bạch, dẫu sao vẫn còn chút luân lý cũ chạy trong huyết quản, đã vâng chịu và tưởng xong xuôi những ngày trọng đại của lễ thành thân rồi thì chàng lại ra đi được như thường và có lẽ sau khi ông cụ Tô đã có được một người con dâu đỡ đần việc nhà, thì lòng mình có ở chỗ dặm xa nó cũng đỡ áy náy bận bịu như trước, lòng thương cha, ai mà không nặng. Nhưng một việc hôn nhân ấy đã tỏ hết cả vụng dại của một người khách không nhà khi y tính xếp đến việc nhà. Lần nữa ngày một ngày hai, từ khi có đèo thêm Dung vào cuộc sống vốn vô thường, Bạch dần dần nhận thấy rằng cái thân của mình đã không hẳn là của mình nữa. Giờ có muốn quăng, muốn lăn nó đến đâu cũng không được tự chủ như ngày trước nữa. Bởi vì đã có một người đàn bà tham dự vào.

Ông cụ Tô đã hiểu rõ lòng đứa trưởng nam hoang toàng. Cái tinh thần luân lý ở Bạch vẫn còn vững lắm. Vậy cho nên cuộc hôn nhân do cụ Tô gợi lên đã là một cái bẫy rất lẹ. Và cuộc sống trật tự đã đưa ra một người ngoan lành như Dung để cướp lại Bạch và đưa ra khỏi cám dỗ của Phiêu Lưu.

Từ sau hôm cối pháo toàn hồng một vạn quả ấy đã phai nhạt xác giấy báo hỉ ở thềm nhà, thì trong lòng Bạch nhú ngay lên cái thai của một tấm thảm kịch: *Con Đường Vô Hạn*.

Buổi đầu Bạch chỉ cười và tự tin rằng mình nấn ná ở nhà là cốt để tỏ cái tính lịch sự đối với một người vợ mới và làm vui lòng cha thêm trong ít ngày. Sau đó, chàng lại khăn gói đi xa một cách nhẹ nhõm. Và có lẽ đời chàng bị ngắt quãng như thế, có dịp nghỉ ngơi lâu như thế, lúc được lên đường lại, Bạch lại sẽ khoan khoái hơn. Bạch tự ví mình là một con ngựa bị nhốt lâu ngày trong tàu cỏ, lúc nhớ đường được băng ngàn mà ngốn lại đám cỏ non chỗ dặm trường thì còn thú bằng mấy mươi cái lối lồng hí của đàn ngựa hoang trên bãi cỏ xanh. Thêm nữa giờ đã có người thay mình ở nhà, hầu và đỡ một ông cụ già rồi, thì bước đi chàng càng mạnh lắm.

Nhưng cái ngày lên đường của Bạch cứ lùi mãi lại. Dung giữa những câu hát ru con đưa võng, đã có những nụ cười kín đáo của đắc thắng.

Thôi, từ nay Dung hết đọc Chinh Phụ, Cung Oán... "*Sân khuya, bóng lẻ người ly phụ...*". Ông cụ Tô, độ này cũng không làm thơ một cách tiêu sắt như trước nữa.

Giữa hoàn cảnh đầy tươi vui của gia đình, do mình đánh lộn sòng gây nên trong giây phút hoang mang tạm dừng chân tạm đứng im, Bạch chỉ là một người ốm, tâm trạng rề rề một thứ bệnh du lịch. Bệnh chàng không thuyên giảm – như Dung và cụ Tô lầm tưởng – mà trái lại chỉ tăng thêm.

Ngày ngày chàng lê mình ra một cái bến nước, nhìn nước trôi xuôi, nhìn bèo dạt xuôi, nhìn những cánh buồm đi xuôi và những làn khói than đá nhòe trên sông. Và ở bến ga xe lửa, cái người ốm ra đây thẫn thờ nhìn tàu đi để dưỡng cái bệnh đổi chỗ vẫn chỉ là Bạch – người bạn hàng trung thành của ông cụ ký ga già ngồi bán vé ke ở cửa ra đã hàng mười năm. Và ít lâu nay, Bạch nhất định chỉ có tới những chỗ tụ họp đi về của lữ khách một cách vô cớ, thế thôi; nếu có một người quen biết nào lên đường thì Bạch lại cần lánh mặt. Đã phức tạp thay là một tâm hồn đau khổ. Chàng chỉ muốn xem người của thiên hạ vô danh lên đường, chứ chàng không muốn dự vào cuộc khởi hành của một người quen, người thân nào. Thấy người quen mình được ra đi, lòng Bạch chết lịm hàng buổi. Người đi có mấy ai đã thương đến người phải ở lại nơi sân ga. Thói thường con người lúc lâm vào cảnh sinh ly hay nói: "Đi là chết một phần". Không phải thế. Bạch vừa đưa Phối đi Tây làm lính thợ dạo vừa rồi, chỉ thấy người ở lại mới là người đang chết một phần. Phải cái lữ khách hay kể lể những đi là chết hoàn toàn – hoặc chết một phần cũng vậy. Việc gì mà chết. Ước gì chàng cứ được luôn luôn có dịp mà "chết" như người ta vẫn kêu rên!

Lần đưa thằng em nhỏ ra tàu, Bạch tự bảo mình là lần cuối cùng. Từ sau cuộc khởi hành của Phối, Bạch giữ đúng lời nguyền, không hề đưa một ai lên đường nữa. Chàng đã thề độc một câu và đưa câu ấy lên nguyên tắc trong xử sự. Chàng không muốn người thân chung quanh bày ra trước mắt chàng cái trò xê dịch. Mỗi lần phải chứng kiến cuộc khởi hành của đám bằng hữu ra đi, Bạch phải về nhà, Bạch mất hàng tuần lễ vơ vẩn như người bị ma làm. Vào những ngày ấy, không gì cực bằng sự phải trả lời những câu hỏi của Dung: "Anh làm sao trong người? – Chiều nay chúng mình đi ăn cơm ở ngoài nhé? – Ngày mai đi chùa Trầm, ông nội hỏi anh có đi thì cũng cho em đi lễ Phật với. – Hay là chiều nay tôi đi chợ mua vịt làm lòng dấm anh ăn, nếu anh không bận đi đâu".

Trời ôi! Dung thật là người đàn bà hiền, chất phác quá. Có sống

cho đến ngày tận thế ở luôn cạnh Bạch, nàng cũng không bao giờ hiểu được tâm hồn chồng. Thấy Bạch cứ hàng tuần kém ăn kém ngủ, nàng chỉ quy sự thất thường ấy vào việc bếp nước không được chu đáo và nhận lấy trách nhiệm, và nhận lấy lỗi ở mình. Rồi nàng đi chợ, rồi nàng xắn tay áo, suốt buổi lúi húi trước bếp lửa, mặt như người say rượu, mồ hôi nhễ nhại làm dính bết mái tóc, trông tội quá chừng. Cái mâm cơm gọn ghẽ ngon lành ấy bưng ra, Dung đã tưởng gây được chút vui trong lòng Bạch. Nàng dúi đũa vào tay chồng, mời mọc chồng bằng cặp mắt long lanh thêm mãi lên vì trìu mến chứa chất đầy. Bạch biết Dung đã để tâm vào sự lựa chọn các món ăn khói ngùn ngụt kia. Chàng giả vờ gắp rất nhiều, ngồi rất lâu nhưng thời giờ chàng dùng để đưa đồ ăn vào miệng thì rất ít. Chàng chỉ luôn tay bồi rượu cho cụ Tô và bón cơm cho thằng Phong mà Dung đã để lọt thỏm vào lòng chàng. Hình như cả nhà chỉ có ông cụ Tô là hiểu rõ lòng Bạch. Ngoài cái vẻ nghiêm trang, cẩn trọng là cái tính quen của ông già, cụ Tô nâng chén rượu nhấm nháp một cách lười biếng và trong tiếng khà mỗi lúc cạn một chén, mắt cụ phảng phất buồn rầu. Cụ kềnh càng đứng dậy nhặt những hột cơm vãi bỏ vào bát mình và ngập ngừng hỏi Bạch:

– Bao giờ anh trưởng lại đi?

Cụ dằn giọng vào chữ “lại”. Dung như bị điện giật, đặt cái bát sắt của thằng Phong xuống chiếu, nhìn chằm chặp vào mặt Bạch. Môi nàng mấp máy: “Dạ thưa ông ai đi? Dạ có ai đi đâu đâu ạ.”. Rồi nàng cúi mặt xuống, kéo Phong vào lòng mình.

Cụ Tô vừa xoa cái vỏ chanh rửa miệng, vừa nói tiếp:

– Bao giờ gần đi, anh cho thầy biết nhé. Thầy muốn cậy mua cái này. Mấy lần anh cứ chân trong chân ngoài lại vụt biến đi mất, thành thử thầy không kịp nhắn gửi gì cả.

Bạch vẫn lặng thinh, lòng hết sức ngổn ngang không thừa chỗ để cho đồ ăn đưa vào. Trên mâm cơm ngon nóng, sao Bạch lại thoáng thấy cái mùi lạnh lẽo của buổi lên đường? Thấy Dung nhìn mình, chàng vội và cơm làm như người ăn ngon miệng lắm, nhưng sự thực thì miếng cơm ấy lúng búng trong một cái miệng thều thào, miếng cơm nhai đã vữa cả ra mà chưa chịu trôi xuống họng. Ông cụ Tô chỉ chờ Bạch hỏi tiếp vào câu vừa rồi của mình. Nếu Bạch hỏi thì cụ Tô đã nói ngay một câu đầy những giận hờn mà cụ nghĩ sẵn đã từ lâu:

– “Khi nào anh sắp đi, mua hộ thầy cái này... A, một cái áo vàng tâm. Thầy đưa gửi lên trên chùa...”

Ý ông cụ Tô muốn cho Bạch biết rằng cụ đã ngửi thấy mùi đất rồi đấy. Và ông già gần kề miệng huyệt ấy muốn thằng con phóng đãng của mình nên mua cho mình một cỗ áo quan đã, rồi có đi đâu hãy đi. Ông không giữ Bạch. Vì người cha ấy cũng tự biết không giữ nổi con. Cha mẹ sinh con, trời sinh tính: "Tính thằng Bạch, chí thằng Bạch là ở chỗ bốn bể. Giữ thế nào được nó. Thôi thì mặc nó". Cụ Tô cũng đánh liều ở với trời vậy. Vậy thì Bạch cứ việc mà du đãng khắp thế giới. Muốn giang hồ cứ việc mà giang hồ. Nhưng Bạch xa vắng quanh năm suốt đời như thế, cụ Tô phải tự mình tính liệu lấy những ngày cuối cùng của mình vậy. Trời đất gió máy giở chứng luôn, biết trước thế nào được, nên phòng đi thì vừa. Đã hay rằng lúc cụ nằm xuống mà Bạch còn ở những chỗ đầu sông, ngọn nguồn nào, vợ con không biết địa chỉ mà đánh dây thép gọi về chịu tang, – mà Bạch đi xa thế, có biết đích được chỗ mà gọi về thì cũng vô ích, gọi về để nó làm ma khô cho hay sao? – thì đám ma cụ sẽ nhờ người trong họ treo hộ một cây gậy tre và một cái mũ rơm vào đầu đòn, cái đó dĩ nhiên rồi. Nhưng dẫu sao cụ Tô cũng phải có một cái áo quan cho tử tế chứ. Chẳng ma to giỗ lớn thì thôi chứ cái cỗ hậu sự thì không thể không được. Một người như cụ Tô mà phải nằm vào một chiếc quan tài mỏng độ một phân ván, mua sẵn trong lúc vội vàng có công việc đến nơi thì chẳng hóa ra vô phúc lắm sao. Có một thằng con trưởng như Bạch quanh năm bỏ vắng nhà, cũng đã đủ là một sự đại bất hạnh rồi.

– "Khi nào anh sắp đi anh mua hộ thầy cái này... A, một cái áo vàng tâm. Thầy đưa gửi sẵn lên trên chùa... Chừng cũng tới nơi rồi đấy".

Có con trai sờ sờ ra đấy mà cũng như vô tự, mà phải nhờ nhà chùa làm ma làm chay cho, hương khói cho, bàu hậu cho, may quá, sau bữa cơm ấy giá Bạch hỏi mà cụ Tô phải trả lời, phải mở cởi cái lòng héo hắt của mình ra, thì cứ đến chan hòa nước mắt ra chứ không thể cầm lại được. Ở vào một cái tuổi già mà phải biểu hiện cái đau đớn của mình ra ngoài bằng những giọt lệ – những giọt lệ mà mình đáng lý phải cho nó chạy vào trong – thì còn gì thảm hơn nữa, cụ Tô vuốt râu tóc nghĩ như thế khi mâm cơm đã dọn đi và Dung đã bày ra trên giường ấy những thức dùng thường lệ. Đôi gối xếp, cây đèn hoa kỳ, cái điếu bát, một cái ống đựng đóm.

Dung dẹp xong, lại ẵm Phong ra, thả nó vào lòng chồng, bắt Bạch đùa với nó, để mình đi pha cà phê. Cụ Tô nhìn cháu Phong,

nghĩ ngay đến một đứa trọng tôn chống gậy theo sau mình thay cho cái thằng Bạch coi như là bỏ đi. Không hơn gì cốc cà phê của Dung để ý pha kỹ lưỡng – có thể nói là cân đếm từng hột cát đường bột, từng mẩn cà phê xay, từng giọt nước sôi chế vào – Bạch uống nó vẫn thế nào ấy. Bằng thế nào được thứ cà phê nhấp ở mọi hàng quán dọc đường! Dung hỏi chồng:

– Anh uống thế vừa chứ? Đặc hay loãng?

Bạch biết trả lời thế nào? Ai đã dày công vẽ cho Dung pha cà phê? Cái cốc ấy ngon lắm, thơm phưng phức, không đặc lắm, không loãng, đường tan đều mà nước không nguội, chàng không thể đòi hỏi hơn được nữa. Nhưng thực tình, cốc cà phê ấy vẫn thiếu nhiều lắm, mặc dầu Dung đã để hết cái tài gia chánh vào đấy. Nếu một người nói ra để có một người khác hiểu được ngay cái ý của mình, cái nỗi thống khổ thầm kín giữ mãi trong lòng mình thì Bạch đã bảo ngay Dung:

– "Không bao giờ anh có ý phụ tình Dung. Nhưng giá bây giờ anh được đeo khăn gói lên đường, lúc thèm uống, được người chủ quán ở bất cứ quán nào pha cà phê cho anh uống, anh vẫn thấy nó ngon hơn, anh vẫn thấy nó có hương vị hơn. Tất cả khoa nữ công mà em lĩnh hội và thực hành đúng được, tất cả những săn sóc của em, cũng không lấy nổi cái mùi thơm tuyệt vời ấy. Em cứ đo mãi từng giọt nước sôi anh cho em đếm em cân nữa, anh quyết không bao giờ em pha cà phê cho vừa miệng anh, chỉ phí công thôi. Bởi vì anh bỏ nhà nó đã quen thân tập nết rồi và tế bào dạ dày anh cũng đã quen cái mùi quán trọ dọc đường rồi. Nay bắt nó chiều theo nhận lấy một cái thực đơn của gia đình thiếu hẳn gia vị của lữ thứ, sao chẳng có sự bỡ ngỡ. Dung bảo mọi việc ở đời đều là một sự quen. Ba mươi bảy tuổi đầu, phải nhất đán thay hết thói cũ, em tưởng dễ dàng yên ổn lắm sao. Thế nào cuộc thay đổi cũng gây nên đổ vỡ, Dung ạ. Anh cầu mong cho đổ vỡ ấy không ở anh và không ở Dung. Khổ lắm! Dung ơi...

– "... Hay là chúng ta đóng một cái xe có mui, sức ngựa kéo mỗi ngày được đến đâu thì đến. Buổi sớm, trước khi anh lắp ngựa vào xe thì em nấu cơm: buổi chiều sau khi anh tháo ngựa cho nó ăn thóc hoặc ăn cỏ ở ngay vệ đường thì Dung lại nấu một lần cơm nữa. Vào khoảng hai bữa cơm lấy ngay những cái mốc cột lô mét đường thiên lý làm ông đồ rau bắc bếp, em hát khe khẽ cho Phong nó đẩy giấc. Điệu hát ru em, anh không bao giờ chán. Ờ, anh phải thận trọng cầm cương dưỡng sức ngựa cho nó đi được bền, rồi một ngày nào đấy, khi

chúng ta đã vượt được đèo Hải Vân, anh sẽ cho cả xe cả ngựa nghỉ thật lâu ở xóm thông bãi biển Cửa Hàn chẳng hạn, cho em đủ thời giờ tập cái giọng hát ru em của những người đàn bà đất Quảng mà anh đã có nhiều lần khoe với em. Bao giờ em luyện xong giọng hát tuyệt vời ấy thì chúng ta lại lên đường... Để đi đến đâu ấy à? Để đi đến những chỗ chưa tính trước được. Những cảnh đẹp ấy không định trước được. Chúng mình cứ đi như thế, không phải là để có một nơi mà đến; chúng mình cứ đi hoài đi mãi như thế cốt để lúc nào cũng có một nơi mà rời bỏ. Và những lúc đổi chỗ, ăn cái gì mà anh chẳng thấy ngon. Em cứ chặt to bung dừ, chẳng cần đến khoa điều nhậm về thuật ẩm thực, chẳng cần phải tốn công mà mới thành được mâm cơm. Đấy đến lúc bấy giờ là tự Dung pha nổi một cốc cà phê đưa mời anh uống cho được vừa miệng. Củi rừng ấy, nước khe ấy, đun lên mà pha, sao lại chẳng thơm ngon... Này Dung, em há chẳng được thấy đôi vợ chồng người phu làm đường vẫn vui sướng sống cái đời lang thang ấy mỗi ngày, chẳng ngày nào giống ngày nào trên con đường thuộc địa số một có những đoạn rải đá rải nhựa lại, với một cái xe có mái móc vào sau quả hồ lô máy? Cái xe ấy là một cảnh gia đình. Ở đấy có lẽ cũng là một cái gì của Hạnh Phúc..."

Không, Bạch không thể nói những điều ấy với vợ chàng được. Chàng tin chắc rằng Dung không thể nào hiểu được. Dung sẽ cho chàng là điên. Ai lại nhà cửa đang yên ổn như thế mà vợ chồng con cái lại dắt nhau bỏ đấy mà ra đi như một lũ hành khất bao giờ. Có một cái mái nhà mong tu sửa bồi đắp thêm vào còn vẻ thay nữa là... Một lứa đôi đem hai cái lửa âm dương hợp kết lại thành một khối tin yêu, thường là để chung sức lại kiến thiết một cái gì vốn gọi là gia đình xây đắp trên một miếng đất nào mà người ta vốn gọi là quê nhang. Những kẻ lành mạnh nơi tâm óc, chưa từng có ai điên rồ xui vợ con bỏ lại sau mình một chốn yên ấm để mong cùng được làm đôi bạn lữ hành, hồ muốn lấy cái thú gió sớm mưa chiều nơi dọc đường, làm cái định thức ở cõi đời này. Dung vẫn là người vợ hiền, đức tính có thể làm vẻ vang cho một giới phụ nữ ở một xứ mà những giá trị giáo dục của thiếu phụ gần như mất mát hết. Dung vẫn là người đàn bà tốt, nhưng dẫu sao nàng cũng vẫn bị những luật lệ tâm lý thuộc về giống cái cai quản đến mỗi hành động mỗi ý tưởng. Dung vẫn chỉ là một người đàn bà.

Bạch có lúc đã thí dụ một cách võ đoán rằng Dung sẽ vui lòng

theo mình, chàng đi tới đâu nàng cũng vui theo đến đấy, nếu một đêm mưa gió gần đây lúc đầu gối tay ấp. Bạch sẽ bầy tỏ cái thảm kịch đang phá nát lòng mình, từ ngày hiểu nguyên nhân trong gia cảnh đã biến mình thành một kẻ du sĩ có vợ và buộc mình phải có bổn phận đối với Dung. Trong lúc nói chuyện, Bạch sẽ thống thiết cặn kẽ giãi bầy tâm sự như là một người tri kỷ được ngỏ lời với một người tri kỷ. Chắc Dung sẽ khóc òa và rồi chàng cũng đến nghẹn ngào. Thế rồi đôi lứa sẽ cùng một lòng cắt hết những dây tình cảm liên can với họ mạc làng nước để mà ra đi, bởi vì đấy là cái chí nguyện của Bạch; bởi vì không giữ được Bạch, Dung đã phải theo chàng và đem theo cả cái tình thương dấu của mình rắc luôn lên đám hoa cỏ dặm trường. Dung sẽ rụt rè – vì bỡ ngỡ – bước theo sát hẳn vào cái lốt chân của Bạch. Mỗi buổi sớm một ngày thái bình ấy, đôi vợ chồng theo nhau như bóng với mình, đã để lại cho người quen ở lại sau một cảnh tượng của một đôi tình nhân chạy loạn rời bỏ thị trấn sinh trưởng. Bánh xe mỗi lúc lăn thêm một vòng trên con đường gió cát lại làm cho hai vợ chồng xa lìa khỏi chốn cũ thêm được một chút. Quay đầu lại, lấy bàn tay che lên mi mắt làm thành cái mái hiên cho nhỡn giới, có lúc, chưa dứt hẳn tình với cố hương, chợt thấy một vùng mây trắng kéo ngang trời, cái người thiếu phụ ấy hỏi chồng: "Nhà ta ở sau cái đám mây xốp ấy phải không anh?". Người chồng ừ ào, càng thúc xe đi nhanh, lấy tay chỉ cho vợ xem một đám khói đống rơm rạ ngăn tầm mắt chỗ xa xa, tỏ cho vợ biết rằng chúng ta bây giờ nhìn hẳn về phía trước mà đi, đừng tiếc thương những cái gì bỏ lại phía sau.

Nghĩ đến cái cảnh lứa đôi lữ thứ như thế, Bạch thấy khoan khoái trong lòng. Nếu Dung cũng dám chia xẻ cái đời trôi dạt với mình, trong lúc đường xa không hay hỏi xem đã tới chưa, thì âu đấy cũng là một hình thức của một giải quyết tạm thời về cái bệnh không gian của chàng. Nhưng... chẳng bao giờ có thể xảy đến như thế được. Nhưng... – rất có thể như thế lắm. – Sau độ dăm bảy bữa lăn cái vỏ mỏng yếu của mình trên đường, bên cạnh chồng, Dung sẽ gục vào vai chàng mà kêu lên rằng: "Em mỏi lắm rồi, anh ạ, anh tìm một chỗ nào gần đây cho em nghỉ chân đi thôi". Rồi phải chiều Dung, Bạch đã phải tìm một quán trọ để cho Dung lấy lại sức khỏe. Rồi có một ngày gần đấy, mặc dầu đã khỏe khoắn như cũ, Dung sẽ van lơn chàng không nên bước thêm nữa: "Anh nên cho xe dừng hẳn lại trên chỗ này, nếu chúng ta còn chưa muốn lộn trở về hẳn"...

Thế này thì ra dứt tình cô lý, bỏ nhà ra đi để mà thấy thiếu thốn

và mệt mỏi và sợ sống. Cái phút đầu tiên của Dung bước lên xe theo Bạch là một phút không kịp suy nghĩ. Dung chỉ là một hiền phụ lối cũ nghe thấy tiếng gọi của chữ tòng. Theo chồng. Nhưng theo thế nào được một người chồng đi không bao giờ biết mỏi. Đối với thiên hạ rất hậu hĩ và riêng đối với nhà thì rất bạc, cái người chồng kỳ dị ấy lúc được thơ thẩn trên đường sao mà hoang phí tình cảm nhiều đến thế? Chàng yêu sống, dám sống và gặp bất cứ trường hợp gì, trước tự nhiên, trước cảnh vật, chàng đều cởi mở lòng mình rất rộng xa. Sự thay đổi hoàn toàn ấy, thật làm cho chàng khác hẳn, trái ngược hẳn với lúc ở nhà, ăn uống thì cầm chừng, nói năng đều như muốn giảm bớt hết, người thì bần thần và luôn luôn vật vã và coi tất cả người thân thích máu mủ trong nhà như là kẻ thù trên đời. Người chồng Dung có hai bản ngã, hai bản năng phát hiện mỗi khi một khác tùy theo hoàn cảnh của mỗi lúc. Hai bản ngã ấy tương xung tương khắc. Bạch của giang hồ phiêu đãng không có một tương quan gì với Bạch của gia đình yên ấm. Nếu không được đổi chỗ, phải sống với thói quen ở nhà, Bạch thấy sống là một gánh nặng đè bẹp dí mình xuống. Những ngày ngồi dưới mái nhà mình, Bạch ngẫm thấy cuộc đời có cái nghĩa là một chốn mình phải ở. Nếu được nay đây mai đó, cho thể xác mình cũng phù hợp mà trôi theo với cái đà của mọi vật chung quanh là một hứng thú và hình như có ai chắp thêm cánh cho mình. Rồi Bạch tin yêu cuộc sống, phóng túng hình hài và tâm óc mình trong bất kể chung đụng nào, lấy những tình cảm tươi mới của mỗi ngày làm kẻ hướng dẫn rất chắc chắn cho bước đi. Bạch rất vị kỷ trong lý tưởng của mình, lại là người rất hoang toàng trong cách đem tiêu pha ngày giờ và sức khỏe của mình vào việc khởi hành. Và tin tưởng ngày nào của mình cũng chỉ là ngày khởi hành.

Dung theo thế nào được một người đàn ông có tấm lòng rối ren mà không bao giờ nàng hiểu được. Nếu theo bản tính người đàn bà, nàng căn cơ về chỗ tiền nong, thì về mặt tình cảm, nàng cũng dè sẻn và bóp chắt. Ngoài cái hạnh phúc riêng mình, nàng không biết đến cái gì khác nữa, vui trong yên phận, với chồng với con và một cái bếp. Một lần ấy suy tưởng về cái quá trình phiêu giạt của Bạch, thấy Bạch không thiết tha danh lợi, không đả động đến sự nghiệp và chỉ thấy ca tụng du lịch, để đến ngày nay thành một người đã đứng tuổi mà vẫn chưa có một địa vị xã hội, nàng vô tình đã có cái ác ý ru thằng Phong bằng một câu hát ngụ hết nghĩa chế nhạo khôi hài mà nàng không nhận rõ:

"Không đi (thì) không biết xứ Đông,
Đi ra khốn khổ thân ông thế này?"

Dung ru thằng Phong ngủ, hát câu ấy cốt để đùa nhả với chồng. Bạch đã ít lời, nghe thấy câu hát có ý xúc phạm đến hoài bão thiêng liêng của mình, chàng càng lặng lẽ thêm trong cái không khí nhàn nhạt của gia đình. Câu hát ấy đã là nguyên ủy của một cuộc hờn giận kéo dài đến mươi hôm. Nhưng rồi Bạch cũng tha thứ và cũng lại làm lành. Khốn nạn quá, những lúc muốn tỏ ra mình thương yêu chồng và hối lỗi lầm, Dung chỉ biết gia công tắm rửa cho thằng Phong, kính sợ cụ Tô thêm lên và thứ nhất là vào bếp nấu nướng cho thật nhiều. Có những gia đình bình dị – kết nên do hai tâm hồn đơn giản – mà người vợ ngoan muốn chấm hết cho một cuộc bất hòa với chồng, thường đánh dấu ngày hòa thuận bằng một bữa ăn thang hay cuốn rất tươm tất. Lấy một bữa thịnh soạn để mong đè nén những cái sóng ngầm của lòng có khi còn lâu mới dội lên một lần, đã nông nổi thay.

Trước những cử chỉ ấy của người nội trợ, lại càng phải chiều Dung thêm, Bạch càng cảm thấy mình sống một cách quá gượng gạo, không những mình đã đánh lừa mình và lại còn dối trá lẫn cả với một người bạn mà chỉ có kính yêu thành thực mới đủ đền đáp lại.

Bạch là người không thích những tình thế mập mờ và những tính tình nửa chừng. Có những lúc muốn được thấy mình thành thực với ý nghĩ của mình, Bạch muốn nói to lên cho Dung nghe đến những điều chàng nghĩ thầm rằng hai người trong cuộc hôn nhân này chỉ là thương hại lẫn nhau và sống chung dưới một mái nhà chẳng qua chỉ để mà làm cho nhau thấy cuộc sống thêm khó nhọc, thêm bận, thêm bực bội không đủ thành đôi bạn mà chỉ là hai kẻ thù trong sự bầu bạn ép gượng của hàng ngày. Bạch cho cuộc hôn nhân này là một cái bình đã có những đường âm phá mỗi ngày một loang nẻ thêm. Hàn gắn mãi cho khéo, cho kiên nhẫn thì cũng bịt giữ được cho khỏi vỡ, nước bình khỏi tuôn rơi ra ngoài, nhưng cái bình ấy, dày cộm lên những vết xi măng đắp gắn, dẫu sao cũng không mất được cái hình thù xấu xí và cục mịch thiếu hẳn cái dáng đầu tiên của chiếc đồ sứ.

Chỉ có ly dị gỡ thoát đời Dung ra hẳn cuộc sống của Bạch, thì mới hết bận bịu, thì Bạch mới trở lại với bản ngã của Bạch được.

Nhưng nhiều ý nghĩ khác lại bảo Bạch hãy cứ thong thả xem sao. Nếu một ngày gần đây, tình thế của hai người găng quá, tâm trạng

của mỗi người đã không cho nhau dung nổi lấy được nhau nữa, thì sự chia rẽ vẫn chưa là muộn, Bạch vẫn chờ.

Nhiều lúc Bạch tưởng cái giờ đã đến để mình và Dung bảo thực cho nhau biết rằng muốn bảo toàn cho độc lập của quan niệm mỗi người về hạnh phúc, thì mỗi người từ phút này sẽ chia tay nhau bằng một thái độ bạn hữu. Cái giờ quan hệ sắp đến. Bạch sắp định rõ thái độ mình thì trời ơi! Dung lại khó ở hằng mươi mười lăm ngày, thì Phong lại biếng chơi biếng ăn hàng tuần, thì cụ Tô lại giở trời. Những ngày Dung yếu không dậy được, Bạch trở nên vui tính. Chàng tạo cho mình những ngôn ngữ cử chỉ hoan lạc. Chàng muốn tỏ cho vợ mình thấy mình là một người lịch sự. Rồi một lọ dầu khuất thần, một câu hỏi thăm chân thành về sức khỏe người ốm, một bát thuốc rúc lại hâm nóng lên trong những đêm liên miên với cái tro xám của chiếc hỏa lò nguội lạnh, nếu bấy nhiêu cái vặt vãnh có thể làm cho một đôi vợ chồng son hết hờn mát nhau thì, vào cảnh huống Bạch, cũng vẫn là những cớ nhiệm mầu làm cho chàng lùi mãi cái giờ trấn tĩnh và tỏ thái độ quyết liệt của mình.

Không còn gì thảm khổ bằng một người thành gia thất rồi, biết mình đã tính lầm về một việc trọng đại, nay muốn lấy ly dị để gỡ cho mình để gỡ luôn cho người cứ chờ mong ly dị mà cứ phải kéo dài cái tình thế mập mờ của mình.

Bạch không tiết hết được những bực dọc của mình bằng một cuộc nói chuyện rành rọt với vợ để mình sẽ được hoàn toàn trở về với cuộc sống vô thường trôi giạt xưa cũ của mình, Bạch đâm ra giận mình, oán Dung và xương thịt buồn rầu chỉ muốn gây nên một cuộc đổ vỡ gì cho nó giải thoát bớt phiền khổ ra ngoài.

Oán Dung, Bạch lại càng nghĩ thêm ra những cách để ghét Dung cho được nhiều. Mỗi ngày chờ đợi ly hôn, Bạch lại thấy Dung có thêm một tật xấu của người đàn bà thiếu học thức và giáo dục của thời đại. Phần đức về luân lý của Dung không đủ bênh vực cho Dung về những tật xấu Bạch tỉa tót thêm mãi ra.

Sống chung với Dung, trước mặt Dung, Bạch đã bao nhiêu lần phạm vào cái tội nói xấu vợ mình, lắm lúc Bạch tưởng phải dùng cả đến cái lợi khí rất nguy hiểm của người muốn hại một kẻ thù khác: sự vu khống. Cứ vu khống đi, sẽ có một cái gì còn gì. Cái gì còn lại đó, Bạch tin là lòng ghét. Bạch cho là càng ghét được Dung nhiều bao nhiêu thì hai người sẽ sớm được ruồng bỏ bấy nhiêu và chàng sẽ có cơ hội để trở lại – gọi là trở về thì đúng hơn – với cái cá tính của

chàng. Cái cá tính ấy, Bạch chỉ lo mất hết. Hiện cá tính chàng đang dọa mất dần. Bởi vì nó đang biến thể, chịu theo điều luật dung hòa của tâm lý. Nếu, thí dụ trong những màu sắc của sự vật hàng ngày, Bạch thích màu đỏ Dung lại chỉ ưa có màu lam thôi, thì cuộc hôn nhân kia muốn bền bỉ sẽ bảo hai người nên mỗi người nhượng bộ đi một tí. Chàng nhường đi một chút và nàng cũng chịu đi một chút. Cái màu đỏ của Bạch sẽ không chói gắt nữa. Cái màu lam của Dung cũng không xanh biếc nữa. Bạch và Dung sẽ có một thứ màu trung lập hơi hơi tím sẫm. Trong cái chậu phẩm tím hỗn hợp hai thứ phẩm đã mất nguyên sắc, bây giờ mặt nước chậu đã bằng lặng như một tấm gương lấy những cặn phẩm đọng ở đáy thau làm lần thủy ngân lót gương.

Soi lên mặt tấm kính hạnh phúc có màu sắc ấy, có lẽ Dung vẫn cứ bằng lòng, bởi vì đối với nàng, nàng có cần gì đấy là màu lam hoặc màu tím. Và có lẽ cũng chẳng bao giờ nàng nhớ lại rằng có một hồi mình nhất định chỉ là một màu lam. Vẽ chuyện. Cái gì ở đời này mà chẳng có màu sắc. Và màu sắc nào cũng đều đẹp cả. Màu đơn cũng đẹp nhưng mà màu kép càng có thể đẹp hơn. Dung sẽ bảo Dung thế.

XVII

Dung không khi nào ngờ Bạch lại ngồi trước mặt mình, nằm bên cạnh mình để tìm cớ nói xấu mình. Nàng cứ dửng dưng, nàng cứ thản nhiên, bởi vì nàng là một người đàn bà đơn giản. Và người đàn bà đơn giản ấy đã làm cho một người đàn ông phải bực dọc luôn luôn, bởi vì tâm hồn người đàn ông ấy phiền phức vô cùng. Bạch muốn ích kỷ, rồi lại thương vợ, rồi lại muốn ghét vợ. Chàng muốn ghét Dung và lấy cái ghét ấy để phá vỡ một sự gắn bó nguy hiểm, để cho mình đỡ bận vì người khác và người khác cũng đừng làm bận đến mình. Khi mà Bạch không phải yêu thương người nào hơn là chỉ yêu thương có một mình chàng thôi thì Bạch tha hồ mặc sức mà sống với hoài bão của chàng. Nghĩa là chàng có quyền đi mà không bao giờ phải nghĩ đến ngày về hoặc đi mà không phải đắn đo từ biệt ai cả. Chứ còn như thế này... Ngồi trên một con tàu mà cứ phải lo nghĩ băn khoăn về một người có quyền nhớ mình, có quyền buồn bã vì mình và nếu người ly phụ ấy lại ốm tương tư nữa thì bao nhiêu trách nhiệm sẽ đổ cả lên đầu tên lữ khách đã phạm vào cái tội lãng mạn thèm nhớ một con đường dài, mơ tưởng đến một vùng nước rộng.

Bạch muốn làm án Dung để tìm thế nào cho rõ rệt một cô Dung không xứng đáng mang cái tên mình và được quyền đòi chen vào cuộc sống riêng của mình. Ngày lại ngày, Bạch cố gom góp những tật xấu của Dung thu thập lại thành một tập hồ sơ. Bạch muốn tập hồ sơ ấy sẽ riêng quyết định cho chàng cái việc ly dị kia. Thực ra Bạch không muốn chịu lấy cái tiếng là phụ bạc với Dung. Bạch muốn được ly dị và chỉ muốn một tập hồ sơ ấy quyết định cho ly hôn. Như thế, sau này có lẽ chàng sẽ không bị thắc mắc nếu chàng lấy lại được tự chủ về đời sống tự do của mình.

Trong những tật xấu của Dung, điều rõ rệt nhất có lẽ là Dung vướng phải cái tật – cái cố tật chung của đàn bà ở xã hội này – hay bóc thư và tò mò đến những giấy má riêng của Bạch.

Lắm buổi lục lọi những tập thư cũ của Bạch cất trong đáy chiếc hòm khổng lồ, Dung đã tỏ vẻ sung sướng ngây thơ. Dung không bao giờ hiểu đến nỗi quan trọng của cử chỉ ấy. Kiểm soát lục lọi thư của Bạch, Dung không ngờ rằng mình đã phạm cái tội do thám rất bỉ ổi mà một người đàn bà có chồng có giáo dục một chút không khi nào lại vướng phải. Dung có một người chồng khó hiểu quá. Người chồng ấy lại ít nói, ít chuyện và cứ theo lời chung quanh thì chàng lại có một cái dĩ vãng lạ lùng lắm. Bảo nàng không tò mò sao được. Vậy thì nàng đã gỡ những tập thư, mở những chiếc phong bì to tướng trong đó Bạch nhét bừa bộn những mẩu bút ký hành trình, những cuốn sổ tay nhàu bẩn, những tập vở viết chi chít, những tấm ảnh bay gần hết nước thuốc. Những dòng chữ đọc trộm đó cũng không nói thêm gì với Dung về cái đời sống riêng của Bạch. Nàng đọc để mà càng không hiểu. Nàng chỉ nhớ những lời thư, lời vở, lời sổ tay ấy chỉ hay nói đến chuyện nên bỏ chỗ này rồi lại hứa hẹn tìm chỗ khác. Chỉ có đi và đi. Riêng trong những lá thư, Bạch và những bạn chàng chỉ có việc thông tin cho nhau những lúc xa cách. Ấy đại khái thì chỉ có thế. Dung đọc mãi mãi mà xem chừng lá thư nào cũng giống lá thư nào. Toàn những "chuyện phiếm" cả. Sao mà họ viết thư được dài như thế. Giả thử Bạch để cái thời giờ phải trả lời những lá thư đó mà dùng vào việc nhà, chăm nom vợ con, thần hôn định tỉnh ông nội và nghĩ đến hạnh phúc gia đình thì có hay hơn không? Dung thở dài, cất những bó thư vào chỗ cũ. Trong lúc vừa chán vừa vội, nàng cũng chẳng cần gói ghém xếp đặt lại tập thư bó vở theo lối cũ và thứ tự cũ.

Lần soát lại những kỷ niệm ngày xa, một buổi mưa gió đầy trời, Bạch thấy những tập thư trong đáy hòm đều mất dấu buộc, những trang vở rời bị xáo trộn, càng biết là có người đã lục đến. Ngoài Dung ra, không ai lại có ý tò mò đến thư của chàng. Bạch vui vui mà cũng buồn buồn. Chàng thấy mình lại có thêm một cớ chính đáng nữa để khinh Dung đến điều. Cái lỗi lớn của Dung không thể nào bỏ qua được. Phải cho vào tập hồ sơ kia. Và không có một trường hợp giảm đẳng nào cãi hộ về cái tội Dung. Bạch bình tĩnh ghi cái tội ấy vào tập hồ sơ của Dung. Và từ phút ấy, Bạch thấy mình đáng được đi ra khỏi đời Dung không chút hối hận, không chút tiếc thương. Bạch cảm thấy sự nhẹ nhàng trong tấm thân mình bấy nay chỉ những hết vướng chỗ này thì lại va phải người nọ.

Sức tâm tưởng của con người ta đang đi một chiều như thế, thì một hôm Dung ngập ngừng cầm tay Bạch, và mắt nhìn đúng vào mắt Bạch:

– "Gió đã lên" nghĩa là gì hở anh?

– Em thấy câu ấy ở đâu?

– Ở trong những bức thư của các bạn anh gửi cho anh chứ ở đâu nữa! Em thấy trong mười bức thì đến tám chiếc đều có câu "gió đã lên".

– Vậy ra Dung lục thư của anh?

Dung cười, lấy cái cười hồn nhiên ấy thay một lời thú nhận. Dung tiếp:

– Sao, anh không muốn em xem thư của anh à?

Bạch thấy vợ mình có một cái cười ngây thơ làm cho người thù ghét nàng cũng không nỡ xử tàn nhẫn với nàng. Ban nãy chàng nói câu "Vậy ra Dung lục thư của anh?" với tất cả sự ngạc nhiên kinh tởm của một người ngay thẳng khi buộc phải đứng sững trước một việc phát giác kinh tởm. Vẻ mặt ngạc nhiên ấy là một sự giả vờ, là một sự giả dối. Chẳng cần đến Dung khai ra, Bạch cũng thừa hiểu là thư của mình bị xem trộm. Bạch thấy sự ngạc nhiên vờ vĩnh vừa rồi của mình thật không xứng đáng một tí nào với cái vẻ ngây thơ thành thực của vợ chàng. Vậy ra Dung cũng không hiểu việc nàng làm là bậy. Và việc đó không còn là ám muội nữa khi mà Dung đã nói rõ. Nàng đã nói ra vì thấy nó là cần cho câu chuyện chứ không phải nói để mà thú nhận một điều gì. Dung biết đâu nàng đã phạm vào tội mà phải thú.

Vậy là nơi hồ sơ của Dung, cái tội của nàng lại có viện thêm được trường hợp giảm đẳng.

Và rồi những tật khác, tội khác mà Bạch cứ bới tìm ra cho thực nhiều cốt để ghét, để quên và bỏ đứt Dung, Bạch nhận tội nào của vợ chàng cũng đều có trường hợp giảm đẳng, đều đáng tha thứ cả. Bạch định nói xấu Dung để ghét Dung, để xa lìa hẳn Dung, Bạch đã không đạt được ý muốn của mình và chỉ thấy bực mình thêm. Những nỗi bực tức ấy chàng chỉ thầm kín chịu đựng lấy một mình. Bởi vì bắt Dung chịu đựng lấy những sự bực mình ấy thì còn gì vô lý bằng. Không yêu được nhau, không ghét được nhau, không giãi bày được cho nhau nghe những nỗi thầm kín của lòng mà cứ phải sống cạnh nách nhau bằng một sự hằn học úp mở thì, trời ôi! Bạch muốn điên mất. Những lúc này, Dung càng khuất phục, càng chiều chuộng, càng đầy đủ bổn phận nội trợ, càng chịu ép một bề thì sự ăn ở chung mãi với nhau lại càng là một việc khó chịu vô cùng không biết bao giờ chấm dấu hết cho.

"Ừ, cái gì thì cũng phải nói lên chứ. Nhất định là Dung đã có thất vọng từ ngày nhận phải mình làm chồng. Không thể không được. Vậy sao nàng không nói lên để đòi lại cái quyền sống của nàng. Đâu có phải là tất cả các cuộc hôn nhân đều là không phá hủy được và khi mà người ta đã lấy phải nhau thì không còn cách gì để lập lại cuộc đời nữa, để vớt vát lại hạnh phúc của mình nữa đâu? Nhưng mà Dung phải nói lên chứ. Sao nàng cứ lì xì và có những lúc lại còn cười đùa với mình và với thằng Phong ầm ỹ lên như là kẻ đã tìm đúng được hạnh phúc thật ấy?"

Bạch muốn Dung phải to tiếng oán mình vì mình đã không được đầy đủ trong phận sự làm người chồng. Đằng này không, Dung chỉ biết cam chịu. Cái thái độ rất Á Đông đó của người đàn bà muốn tỏ ra mình là hiền thê theo lối cổ đã làm Bạch chẳng vừa lòng chút nào. Những ngày như thế mà cứ kéo dài ra thì chỉ đủ làm cho Dung càng xấu thêm, trước con mắt cau có của Bạch.

Nếu những ngày ấy lại còn là đúng vào ngày Bạch vừa đi tiễn một người bạn thân lên đường thì không còn gì khổ cho chàng bằng những sự chiều chuộng và sự yên lặng và phục tòng của vợ. Dung thấy chàng ít ăn ít nói lại càng săn sóc tợn. Lắm hôm không làm thế nào được, Bạch lại lén đến nhà gác riêng thuê ở phố Hàng Gai, mong sự tĩnh mịch ở đấy đem lại thăng bằng trong tâm óc mình bị kích

thích nhiều, bị rối loạn nhiều. Một đôi ngày tĩnh dưỡng đã qua, gân cốt đã bớt găng. Bạch mới lại thấy mình là vô lý và tệ ác. Dung đâu có phải là người sinh ra để mãi mãi làm người nạn nhân lặng lẽ qua những cơn khủng hoảng của mình. Chỉ vì Bạch có một người quen đã ra đi, mà hai vợ chồng lại ngúng nguẩy mất hàng mấy ngày. Chàng vội lộn về để cụ Tô hôm ấy lại ăn thêm được một chén cơm nữa.

Bởi muốn tránh những sự dằn vặt vô lý đó cho Dung mà ít lâu nay Bạch không muốn tiễn đưa người thân nào khởi hành nữa. Có khuất mắt hẳn những trò khởi hành ấy đi, có quên hẳn được những chuyện ấy đi, thì họa may chăng mới đỡ làm khổ Dung những lúc gần gũi nàng. Chàng chỉ có thể vui vẻ với vợ và hể hả với con khi mà chàng đã quên hẳn ám ảnh của xê dịch. Có lẽ Bạch sẽ đem lại cho vợ con tất cả hạnh phúc gia đình mà những kẻ thân ấy có quyền đòi đến nếu Bạch đã biết mệt mỏi với cuộc đời cũ. Những cuộc đời tình cảm con người có những cái bề mặt phẳng lặng một cách trí trá tạm bợ mà chỉ một làn sóng ngầm của ngày xa cũ nhô lên một tí là đủ làm nhăn dúm lại ngay. Đang vui – vui cho quên – với vợ và đùa rỡn với con mà chợt có một người phu trạm đưa vào cửa sổ cho một cái dây thép là cái đại cục của hạnh phúc gia đình – mặc dầu là hạnh phúc nhất thời trong một ngày ấy – lại đổ nhào. Tiếp cái dây thép ấy là Bạch khoác áo đùng đùng ra đi, chỉ kịp ngoái cổ lại dặn vợ còn ngơ ngác: "Ông nội dậy, mình nói là tôi đi có một chút việc cần. Mình đừng đợi cơm tôi. Lúc nào tôi về thì hãy thổi". Lúc nào, nghĩa là mất hàng hai ba ngày, có khi là một tuần. Có khi vội vàng đi quá, Bạch bỏ quên lại lá dây thép ở nhà. Dung không hiểu chữ Pháp, cầm sang nhờ hàng xóm xem hộ thì họ bảo rằng:

– À, đâu ông nhà có người bạn sắp đáp tàu qua Pháp và muốn gặp ông nhà trước khi lên đường, uống một cốc rượu mạnh ở tửu điếm trước ga Hàng Cỏ chi đó.

Thế cũng là đủ lắm rồi. Dung có cần gì biết đến tên với tuổi người đánh dây thép.

Đêm vắng chồng, Dung không mấy khi chợp mắt. Nàng lo lắm. Chỉ lo Bạch cũng lại theo nốt ông bạn quý hóa ấy mà lên đường luôn thôi. Sao lại không xảy ra như thế được? Được sống gần Bạch ngày nào là Dung biết có ngày ấy. Nàng lấy chồng cũng chỉ như người khác đi đánh bạc, cầm được ngày đoàn tụ nào vững trong tay là biết

có được ngày ấy. Ngày mai... ngày kia, rất có thể là những ngày của sinh ly. Dung chỉ nơm nớp chờ đợi đến sinh ly.

Bạch đi vắng, cả nhà chỉ còn lại một ông Tô già với nàng dâu và đứa cháu nội. Trước kia sự vắng lạnh ấy chưa đến nỗi mênh mông quá. Bởi vì trong nhà vẫn còn Phối. Nhưng gần đây, Phối cũng nghe lời Bạch mà bỏ nhà ra đi mất rồi. Dung biết rõ việc này và tưởng bố chồng không am tường, đã nói hết với cụ Tô.

Thấy đêm quá thê lương, ông cụ Tô cứ mỗi canh lại hút vài điếu thuốc lào, hình như muốn lấy tiếng guốc điếu kêu lóc cóc để tìm lấy chút ấm áp.

Dung cũng ho khan vài tiếng. Thằng nhỏ Phong cũng khóc thét lên mấy cơn. Nhưng cái nặng nề của đêm vắng chồng, thiếu bố vẫn đè xuống mấy lá màn của những người không sao mà ngon giấc được.

Với cái bộ ba ấy cứ thế mà lục sục cho đến sáng. Buổi sáng mở đầu cho ngày tới lại chan hòa những mong chờ. Buổi tối lại đem mối thất vọng đến để chấm dấu cho một ngày nữa hết thêm. Có ai chưa từng nghe thấy cái tiếng đóng cổng chán nản của một thiếu phụ cài then cửa khi biết chắc đêm nay chồng mình cũng chẳng về nào?

XVIII

Nhưng mà... Bạch đã trở về kia kìa. Vậy ra Dung vẫn chưa đến nỗi là người ly phụ. Nàng ẵm thằng Phong ra đón Bạch. Ồ, Bạch mới vắng nhà có mấy hôm mà Dung tưởng chừng lâu lắm và xa lắm rồi. Người chồng đáng tội nghiệp của nàng có một cái thân thể rời rạc, có một cái mặt hốc hác và một cái cằm lởm chởm những sợi râu của đêm không ngủ. Bạch trở về nhà trông thiểu não hơn là một tên tù phạm tội đào lẻn được về quê vợ, sau nhiều ngày đói khát lẩn lút khỏi mắt nhà đương chức.

Ông cụ Tô, không nỡ chứng kiến cái cảnh đọa lạc của một đứa con đi chán rồi lại về làm tội bố mẹ vợ con, vội vớ cây gậy trúc đùi gà đi vào trong làng gần đấy và dặn khẽ con dâu:

– Thầy chắc, sau khi đưa bạn nó lên đường rồi chồng con nó buồn nhớ và chui về cái nhà riêng của nó ở Hàng Gai để mưu tính những chuyện chim trời cá biển. Con chịu khó chăm nom chồng con và làm cho nó khuây những chuyện ấy đi. Thầy phải đi chơi cho nó

khuất mắt đi, chứ ngồi ở nhà, lỡ quá giận, thầy nói vài câu nóng nảy, nó lại tuông đi thì hỏng cả.

Chỉ còn có vợ mình trong nhà, Bạch được thể bèn lấy rượu ra uống. Uống xong rồi nghêu ngao hát tiếng ngoại quốc. Hát chán rồi ra tựa cửa sổ, dang tay ra vịn lấy con song nhìn mây trời, nhìn người ta trẩy trên con đường dài. Đứng ngoài trông vào giống như dáng điệu một kẻ loạn óc bị giam tại căn phòng nhà điên, ngày ngày chạy ra rung những gióng sắt, và nói lảm nhảm như trong cơn mê.

Dung ngán ngẩm, chép miệng phàn nàn:

– Nông nỗi gây nên bởi một cái dây thép. Nông nỗi gây nên bởi một buổi đi tiễn bạn.

Nhưng mà Dung vẫn vui vẻ để chiều chồng, để hầu hạ. Nàng thấy mình đáng tội nghiệp và chồng mình cũng đáng tội nghiệp không kém gì. Khí sắc Bạch trở lại lần lần. Tâm hồn Bạch bình tĩnh lại. Và một sớm trong trẻo ấy, thấy nắng đào đú đởn trên cái vòng lá khóm cây móng rồng uốn hình mui thuyền trên bể cạn ngoài sân gạch, thấy đôi chim bồ câu trắng rủ nhau ra đứng trước cửa vòng tròn trên chuồng chim trồng ở góc thềm và gật gù chúm mồi ăn cho nhau, Bạch mới sực nhớ đến Dung. Mấy ngày Dung đã ra công săn sóc đến sức khỏe và tính tình mình. Dung đã quên hẳn nàng, hy sinh và khuất phục quá một bà phước. Dung đã là kẻ nạn nhân oan uổng của những kỳ Bạch khủng hoảng về du lịch. Bạch cảm thấy mình là một người thiếu hẳn lòng trắc ẩn trong mấy ngày liền. Khi mà cái lòng sầu giang hồ của Bạch đã dịu vợi sau một cơn kích thích dữ dội vì một cuộc khởi hành của bạn, thì Bạch thấy rõ sự vô nhân đạo của mình. Chàng xấu hổ và muốn chuộc lại ngay lỗi mình bằng những lời tiếng và cử chỉ vui đẹp giữa hoàn cảnh gia đình. Nhưng cái phút đầu tiên làm lành với Dung, Bạch vẫn thấy nó ngượng nghịu như sự gặp gỡ của một đôi tình nhân bẽ bàng. Cũng mất đến một ngày nữa rồi Dung và Bạch mới lại được tự nhiên và thằng Phong mới không lạ bố.

Những ngày tiếp theo thì tươi thắm vô cùng. Thấy vợ mình vui, thấy cha mình ăn thêm được cơm và ngủ được đều giấc, thấy thằng Phong bi bô nhiều hơn mọi ngày, Bạch có dám ngờ đâu rằng sự hoan hỉ như thế của cả một nhà đều là cái công của mình. Thấy cũng vui nhẹ trong lòng, Bạch không ngờ đến mấy bữa trước đây lòng chàng chỉ là một bãi tha ma đang muốn nẻ sụt thêm ra một lỗ huyệt mới nữa để chôn xuống đấy một chút kỷ niệm gì của chàng.

Dung hết sức nhí nhảnh, nêu lên bao nhiêu là việc làm ăn, đem ra bàn tính với chồng. Bạch nhất nhất đều cho là hay, là nên lắm, và nên bắt tay vào việc ngay đi rồi thì là... của chồng công vợ, mấy nỗi mà chẳng nên cơ đồ. Những lúc bấy giờ Bạch thành thực muốn ở yên một chỗ để tính liệu đến một công việc gì chắc chắn. Nếu không sợ Bạch hờn mát như lần trước thì lần này Dung lại ru con bằng hai câu:

"Ba năm lưu lạc giang hồ,
Một ngày tu lại cơ đồ vẫn nên"

Chưa chi ông cụ Tô đã đi khoe ầm lên với bà con gần rằng Bạch đã chịu đổi tính đổi nết mà kinh doanh lập nghiệp thì buôn bán cái gì mà chẳng lời lãi trông thấy ngay:

"– Úi già, nó đi nếm cơm thiên hạ đã quá nửa đời người, có sừng có mỏ như thế, còn chịu kém ai nước gì nữa. Tài hoa đởm lược như thế mà tính việc đời không trúng thì còn ai tính trúng cho. Thật cũng là cái phúc cho tôi và cũng là cái mừng chung cho trong họ. Có lẽ mạch đất nhà tôi đã hồi lại".

Ông cụ Tô có lẽ tuyên bố khí vội quá. Thì hãy đợi cho Bạch tu tỉnh lại đã, thì hãy đợi cho đứa con trai của mình nhất định vui lòng quên... quên hết chuyện cũ đi cái đã nào.

Bạch vui chơi với vợ con và như chừng đang hứa hẹn nhiều với cuộc đời trật tự. Ông cụ Tô càng tin chắc thằng con mình đã khỏi hẳn cái bệnh du lịch.

Dung càng có da có thịt và đẹp thêm ra. Thằng Phong không hiểu tại sao cũng lặn hết cả rôm sảy và nói những câu thông minh như chưa bao giờ thấy từ trước tới giờ ở cái tuổi trẻ ngây ngô.

Giá cuộc đời cứ như thế trong phạm vi gia đình Bạch nhỉ? Nhưng những ngày như thế là quá đẹp. Cái gì đẹp vốn là không thực, ít được bền vững. Và ngày đẹp ít khi đậu được lâu. Rồi có một buổi hình như những ngày đẹp ấy phải tự hết dần, nhạt dần đi, nếu không có những việc tai biến xảy tới để diệt hẳn nó đi. Lại là cái mộng, dứ nhau mãi.

Sự tai biến xảy tới vẫn là cái dây thép. Cái dây thép thứ giấy xanh màu da trời. Cái giấy xanh do người phu trạm vứt vào cửa sổ là cả một hòn đá ném đánh độp một cái đúng vào giữa một cái tổ chim đang ríu rít. Con chim đực lại vụt bay mất.

Cũng như lần trước, lần này Bạch nhận được dây thép, chàng vội vã ra đi, coi nhẹ cả cảnh yên vui đang chia xẻ với thân quyến. Dung không hiểu tại làm sao mà người ta có thể dứt tình một cách nhanh chóng và gọn ghẽ đến thế. Chẳng lẽ lại dùng một chữ khinh bỉ rẻ rúng mà tặng người chồng mình thì thực là không phải với đạo trời chút nào cả, chứ những lúc này Dung có thể uất lên mà khóc không ra tiếng, mà không có nước mắt, để nguyền rủa một ai. Chồng hỡi chồng!

Chẳng cần phải đưa sang hỏi bên xóm giềng như lần nọ, Dung cũng thừa hiểu dây thép đó lại là giấy của một người báo tin một cuộc khởi hành. Và người gửi bức điện tín ấy, cướp sống Bạch đi lại vẫn là người bạn rất thân của chồng mình. Dung ngờ có lẽ từ bây giờ trở đi nàng phải thù ghét đến ra mặt – chứ không cần giấu giếm nữa – tất cả những người bạn thân của chồng mình. Nàng nhớ lại câu nói bóng có những chữ "gió đã lên", "nhổ neo"... mà họ đều hay dùng đến và nhắc tới trong phần đông những lá thư nàng đã xem trộm được một lần ấy.

Không sai lấy một lần nào, hễ có những cái giấy xanh xanh ở chỗ xa gửi về thì Bạch lại đùng đùng ra đi. Hôm nào chàng muốn về thì vợ con cũng biết vậy. Còn nếu Bạch chưa trở lại thì cả một cái gia đình vô tội ấy cứ việc mà mong chờ. Trước khi cuộc sống yên ổn hàng ngày của cái gia đình ấy được trở về với bình thường thì còn tha hồ phục dịch mà thuốc thang, mà săn sóc cho đứa con hoang toàng. Chờ cho Bạch lành mạnh rồi thì thế nào cũng lại có một người nào khác bắn tin rủ Bạch bỏ nhà cho kỳ được, ít ra là dăm bảy bữa. Hình như người ta không muốn để yên cho Dung, cho ông cụ Tô. Bạch hơi lại người, thì người ta nhắn nhe lôi đi cho đến phờ phạc hẳn ra, rồi mới chịu trả lại cho. Đã ai oán chưa! Những ngày vui tạm của Bạch sau những cuộc xuất hành ấy, chẳng bao giờ đền bù lại được những ngày phiền muộn kia.

Bây giờ, cái mẩu dây thép đã gây cho cả nhà Bạch một thời khủng khiếp. Và mọi người đều nhận lấy mảnh giấy xanh ấy làm một cái nghiệp dĩ.

Bạch thấy nó đến nhà thì chàng phải tức tốc rời bỏ nhà ngay để lúc trở về thì lại ốm yếu tinh thần và đâm ra bỡ ngỡ với cuộc sống mọi khi của gia đình.

Ông cụ Tô thấy cái mẩu giấy xanh bay đến thì lại thở dài một cách rất hấp tấp. Hơi ông cụ đã kiệt từ lâu.

Dung thấy nó đến thì đành bỏ bẵng ngay việc bếp nước đang dở tay. Nấu nướng để cho ai ăn? Nàng biết rằng lúc ấy dù mâm bát có dọn ra rồi, Bạch cũng không có lùi dốn lại một phút kia mà. Có lần giữa kỳ giỗ, chưa cháy hết nửa ngọn xáp mà Bạch cũng đùng đùng lấy mũ và ba toong ra đi. Ghê gớm thay cái dây thép.

Đến ngay một đứa trẻ như thằng Phong mà cũng biết khóc òa lên khi nó thấy người phắc – tơ già ấy tiến vào nhà. Linh tính trẻ con, hình như cũng cho nó đánh hơi thấy sự không hay sắp xảy đến cho nó, cho ông nội nó, cho mẹ nó, cho cả cái nhà này.

Đối với gia đình Bạch, tự nhiên người phắc – tơ già vô tội ấy cũng bị ghét lây. Dung không những không thèm mời người công chức tuổi tác một miếng trầu xã giao mà nàng lại còn tặng thêm cho ông già ấy vô số là cái nguýt mắt dài chứa không biết bao nhiêu là oán cừu vô cớ.

Cái mẩu giấy dây thép xanh xanh làm cho Dung lo buồn sợ hãi.

Từ ngày làm bạn với Bạch, nếu Dung không tính lầm, thì đâu có đến mươi mười hai lần chi đó, người ta đã vứt mẩu giấy xanh ấy vào nhà. Dung không hiểu sao mà Bạch chưa đi tuột. Nàng cay đắng mà cười gằn, tự hỏi xem một người đàn bà khuất phục như nàng phải trông thấy độ bao nhiêu lần cái giấy xanh màu da trời nước biển ấy thì mới đủ là khổ và mới là hết khổ.

Đấy, tình trạng của Bạch từ ngày chàng thành gia thất. Dung không sung sướng gì. Và Bạch cũng chẳng thấy hơn Dung lấy mảy may.

Nghĩ cho nó cùng thì Bạch phải đi đi thôi. Bạch dứt tình để lại Dung nơi xứ sở. Và chàng muốn sớm bỏ cái xứ này. Chàng đã nhất định. Đi sớm được ngày nào là lợi được ngày ấy. Ở gượng lại thêm một ngày thì Dung cũng chẳng sung sướng được hơn gì ; nàng vẫn héo hắt như thường và mình thì cứ mất mát và mòn mỏi thêm về chỗ sở năng trong ý sống riêng.

Chờ đợi một cuộc khởi hành mà chuyến này Bạch cho là phải gớm ghê, là phải gây nên các thứ đoạn tuyệt – đoạn tuyệt với vợ con, với nhà, với quê hương bản quán – Bạch muốn cho Dung thấy ít ra là một ít chút hoan hỉ trong lòng vào những ngày còn lại đây, vào những ngày mà đời chàng còn gọi là có dính líu đến đời Dung, mỗi

ngày hai người còn phải nhìn thấy nhau với những lời ăn tiếng nói quen quen.

Bạch muốn Dung còn vớt giữ lại được một vài tia sáng tàn của những ngày sống với nhau chỉ chừng như là để thí nghiệm. Bạch muốn Dung được ôm ấp lấy chút kỷ niệm không đến nỗi khó chịu vào những ngày vui cuối cùng của một người chồng tội nghiệp. Chuyến này mà đi là xong hết đây. Dung sẽ hoàn toàn mất hẳn Bạch. Lần này mà Bạch rũ áo ra là đi thẳng, tức là chàng sẽ mãi mãi không còn có trong đời Dung nữa. Tàn nhẫn và quyết liệt.

Trước khi thù nhau đi! Và được buông nhau ra, Bạch muốn cho Dung về sau, trong những cảm tưởng cuối cùng, sẽ nhận chàng là một người lịch sự và đứng đắn, mỗi việc làm quan trọng như thế là đều có nghĩ chín cả, có ý tứ cả.

Vậy cho nên ít lâu nay, chàng cố để dành riêng những ngày còn lại cho thân quyến. Khi nào đến ngày đăng trình hãy hay, chứ bây giờ còn phải nấn ná ở lại ngày nào là Bạch nguyền phải dùng tất cả cho gia đình – cái gia đình mà chẳng mấy chốc nữa sẽ chỉ còn là một cái ác mộng, một bóng buồn.

Gần đây, Bạch cố tránh hết những cuộc tiễn đưa các bạn khởi hành. Chẳng cần phải tiễn đưa họ ồn ào, Bạch tin sớm chày chi đó rồi mình cũng cứ gặp lại được họ trên một nơi đô hội nào trong thế giới. Cái ngày mà mình lại tiễn đưa mình! Trái đất này, người ta cứ tưởng bậy thế, chứ đã lấy gì làm rộng cho lắm. Vả chăng, cũng một giống giang hồ, có bao giờ người ta lầm đường và lạc mất hẳn những tiếng đồng điệu gửi cho mình.

Nhất định không phơi cái mặt mình và cái lòng mình ở một đám khởi hành nào nữa, nhất định không đi tiễn một người quen nào nữa, Bạch chuyên chú ở nhà làm vui, làm cho ấm cái gia đình mà chàng biết rồi đây sẽ tẻ lạnh lắm. Thiếu chàng, rồi đây Dung sẽ nhận thấy sự phi lý của nàng ở cái gia đình xộc xệch ấy. Rồi đổ, rồi vỡ. Mà rồi lỗi cũng không ở nàng. Cái lòng người ly phụ trường cửu ấy rồi còn bận bằng mấy mươi cái lòng một người quả phụ chứ lại. Xưa nay người ta đã rộng lượng đối với những trường hợp sương phụ, sao người ta lại chẳng sẽ quảng đại đối với Dung. Cái gia đình ấy rồi Dung cũng đến không chịu được và rồi tình thế sẽ bảo nàng phải lập lại cuộc đời nàng. Và lúc bước đi một bước khác, có đoái tưởng đến những ngày ăn ở với Bạch, nàng cũng chỉ coi như là một cuộc tập

sống thử với Bạch. Cuộc tập sống ấy đầy lầm lỡ, nàng và Bạch đều cũng phải trả giá bằng bao nhiêu ngậm ngùi và công phu. Sau khi Bạch đi, chàng tin Dung sẽ dùng được kinh nghiệm cũ để sống một quãng đời khác nó trọn vẹn hơn, đúng với ý nàng hơn là bây giờ. Chàng ước ao sự việc xảy đến như thế cho Dung. Chứ lý nào mà Dung lại còn phải khổ ở một cuộc đời thứ hai nữa.

Lòng Bạch rối ren. Nhưng mặt ngoài, chàng cố sức làm ra vui. Sự dự tính quyết liệt nào mà chẳng có những ngày hồi hộp đi trước.

Thấy vợ vui, con vui, cha vui, thấy bấy nhiêu người đều bị mình lấy tình cảm ra mà lừa lọc, Bạch tủi phiền trong lòng vô cùng. "Phải đấy, hỡi những người thân mật nhất trong đời ta ơi! Hỡi những người thân yêu mà không bao giờ hiểu được ta ơi! Hãy nên cười đi kẻo nguy sắp đến rất gần đây, các người sẽ vì ta mà có một dịp khóc rất nhiều, rồi lại không thể khóc một lần thứ hai nữa, vì lần ấy khóc một phen, suối lệ đã khô cạn hết cả rồi. Cơ sự nhường này, chỉ vì chưng chúng ta không sống chung được gần nhau. Làm sao chúng ta lại cứ phải sống gần nhau? Và tại làm sao lại cứ phải lấy cái gần gụi ấy ra mà làm tình làm tội nhau cho đến điều?".

XIX

Trong quán cà phê lộ thiên bến Hải Phòng, Bạch đăm đăm nhìn những giọt nước đen ở cái phích nóng thủng thẳng rớt xuống lòng một cái cốc thành đã mờ tối vì hơi nước u uất. Bạch đang nghĩ nhiều đến một tấm thảm kịch về hạnh phúc mà chàng tin rằng vào màn cuối, sẽ có một người rồi phải khóc không ra tiếng.

Sương ngồi đối diện, vẫn nằn nì:

– Vậy anh khăng khăng ngược Hà Nội ngay?

– Thôi, Sương chịu khó lên đường một mình vậy. Đưa Sương ra tới bến, lúc tàu của Sương quay mũi trong cảnh sương khói ban đêm rồi, tôi trở về sẽ cực nhọc trong lòng vô cùng. Lại đến không làm gì được cứ hàng nửa tháng trời. Lại chỉ khổ cho Dung thôi.

– Anh nói cái gì? Anh bảo ai khổ?

– Không! – Bạch giả vờ mỉm cười để đánh trống lấp một câu nói đã vô ý thốt ra. Chàng không muốn cho ai thấy được sự biến ở nhà chàng.

Bạch không muốn người ngoài nhận rõ được đau khổ riêng của mình.

– Thôi được, anh không ở lại chơi với tôi cho tới lúc tàu Compiègne tôi rút neo thì tôi đưa anh ra ga về Hà Nội vậy.

– Thôi Sương, đừng nên vẽ vời lắm, chỉ tổ làm cho cuộc khởi hành của anh thêm phần bịn rịn thôi. Nên bớt bớt những cái cử chỉ ấy đi. Cứ để tôi ra ga một mình. Cũng như chốc nữa Sương xuống tàu một mình. Bao giờ tôi gặp Sương ở "bến ấy" hãy hay. Chúng ta sẽ tha hồ mà tỏ tình. Hoàn cảnh ở đây không gây đủ không khí cho chúng ta hoan hỉ đến huyên náo.

Gần giờ tàu, Bạch đứng dậy. Ra ngoài phố, Sương tưởng chừng như đèn phố đêm nay sáng tỏ hơn mọi ngày. Cái ánh sáng ấy hình như trội hẳn lên để đưa một người sắp lên đường, để soi rõ cho cái bước phiêu lưu mở đầu sắp tới của một người.

Đến ngã tư, Bạch thu hết tinh thần lại, cố làm ra rắn rỏi, vui vẻ đòi bắt tay Sương ở chỗ ấy.

– Đây là một cái ngã tư. Anh đi ngoặt lại con đường này là đường đưa anh ra cái bến của anh. Tôi đi thẳng đường này ra cái ga của tôi. Tôi có cần phải chúc anh một câu thượng lộ bình an không?

Thế rồi, Bạch lủi thủi ra ga. Đoạn đường từ cái ngã tư từ biệt ấy ra cho đến ga, Bạch cảm thấy đầy những nhớ nhung, thương tiếc và thèm thuồng. May mà chia tay Sương ở giữa cái cảnh tầm thường không gợi cảm của một cái phố buôn bán, chứ lại cũng đưa Sương ra bến Sáu Kho nghe còi, nhìn sóng nước rạt rào, thì lúc trở về nhà mình, trông thấy vợ con, đến chán biết là mấy mươi! Thì chuyến đưa người quen đi xa này, rồi ai – Dung hay ta? – rồi ai sẽ khổ hơn ai đây?

Chuyến xe đêm ngược Hà Nội, Bạch lại là người lỡ tàu. Bạch mỉm cười, quay về tìm một khách sạn nhìn ra bến tàu. Cả đêm, chàng uống rượu,- "nhắm" bằng những tiếng còi tàu Compiègne kêu pì... pì... Lúc ấy canh đã sang tư. Rồi Bạch ngủ cho đến xẩm tối. Vùng dậy chàng lại tìm ra ga lộn về Hà Nội.

Hôm nay thì không lỡ tàu nữa và nhân có chuyện huyên náo ở cửa ra hạng ba, Bạch lại bước xuống khỏi toa xe.

XX

Chuyến *ô tô ray* ngược Hà Nội, cả nửa cái toa hạng nhì, chỉ có Bạch và một người hành khách đàn bà ấy ngồi ở góc đàng kia, sát ngay chỗ khung cửa. Cái buồng máy phát điện chuyến xe hôm nay yếu quá hoặc hỏng một bộ phận gì, nên đèn đêm chập chờn. Những lúc tàu lắc mạnh, rồi lại rút mạnh tốc lực ở đoạn đường trường thẳng thắn, đèn sáng rộ lên một cái rồi lại mờ dần đi, đúng như cái ánh sáng loãng của toa xe ngủ mắc vào một chuyến tàu đêm. Thành ra ngồi lọt trong toa xe có đèn hẳn hoi mà Bạch vẫn nhìn rõ thấy phong cảnh ngoài trời đang chạy giật lùi lại hai bên mạn toa tàu. Mỗi lúc có một cái ô tô đi ngược về Phòng, trên con đường thuộc địa số 5, ánh sáng đèn pha lại rọi vào lòng toa, sáng lòe lên nhanh như một tia chớp nguồn. Không có ánh sáng soi đến, những tiếng rì rì của động cơ được chăm chú đến hơn và có một phút, người lữ khách cô đơn thấy cái buồn mênh mông như lúc ở giữa trời bể. Xa vắng thay!

Bạch bèn đứng dậy, tì tay lên thành cửa toa, nhìn ra ngoài trời. Gió tạt vào mặt chàng, gió lấy tóc chàng mà quất vào má chàng rất gắt, mỗi cái roi xinh bé ấy quất gấp lên lần da lại làm cho chàng tê tê ở mình mẩy. Chàng trương mãi cái má xương xương ra cho gió dồn thúc vào và lấy làm khoan khoái như một người say a phiến đi đầu trần dưới một trận mưa thưa hạt. Bạch muốn được chung thân làm người giữ lấy cái điệu đứng này, tì tay trên thành cửa một con tàu chạy nhanh và không bao giờ ngừng lại. Và được làm người lữ khách muôn thuở như thế để mãi mãi hưởng lấy cái cảm giác ngây ngất rộn ràng.

Bạch quen tay, thục tay vào túi áo tìm điếu hút, định làm một mồi thuốc thật to nhồi cho thật chặt, hồ cho cái lòng vui của mình được rộng rãi như cái bát ngát trời đêm nay ở ngoài kia nó đang nhắc cho người lữ khách chuyến tàu thiếu sáng ngẫm thêm rằng dầu sao, mình cũng chỉ là "lờ mờ nhân ảnh như người đi đêm". Bạch cười thầm và cái lòng người ấy đã từng trôi giạt trên bể hồ, lúc này nhận thấy sự kiêu hãnh của một cuộc sống ra ngoài khuôn sáo của chung quanh. Lòng Bạch muốn vang lên thành một bài hát để được ca ngợi một cái gì rộng rãi, hùng vĩ hơn cả thế giới, hơn cả cuộc đời.

Bạch bực mình quá. Bạch nhận ra mình không có điếu hút ở

trong túi. Cái điếu dắt theo trong người, chàng đã cho Sương tối qua ở quán cà phê rồi. Cái bực ấy tan ngay. Bạch phỏng đoán xem Sương bây giờ đang làm gì để giết cho hết cái thời khắc từ hai giờ sáng đêm qua, tàu Compiègne nhổ neo. Từ lúc phải bắt tay Bạch, Bạch ra ga, thì Sương làm gì nhỉ? Chẳng lẽ hắn lại đi xem chớp bóng? Một thằng lỗi lạc như Sương chắc chả đến nỗi dùng thời giờ một cách dung dị tầm thường như thế. Hắn phải giải trí khác người kia, nếu hắn có ý giải trí. Có lẽ hắn sẽ đi tìm một tiệm khiêu vũ sang trọng nào mà hay có các lính thủy ngoại quốc lui tới. Có chiếc tuần dương hạm Mỹ đang đậu ở Sáu Kho, chắc đêm nay bọn thủy thủ ấy kéo nhau vào tiệm nhảy phá phách dữ lắm đây. Thế nào Sương chẳng xà vào đấy, theo gót những người lãng tử không quen biết ấy và ngồi cạnh họ để tìm lấy cái không khí cho chuyến đi đầu tiên của mình. Sương sẽ uống rượu cho say, nhắm rượu bằng những trò ngang tàng của bọn kia, và lôi cái điếu của mình ra mà hút một mồi đầu tiên. "Cu cậu không quen hút tẩu mồi đầu tiên thế nào cũng tắc và nước bọt chảy vào nhiều lắm. Và khéo không có mà gai mắt đám lính thủy say bí tỉ và ốc sạo này, có đứa nó lại đến nó vứt tẩu xuống đất và đá cho nữa". Bạch mỉm cười về cái ý nghĩ bi hài kịch. "Nếu có xảy đến như thế nữa, thì cái thằng Sương cũng chỉ nên coi là một bài học vỡ lòng của cái cuộc đời phiêu lưu bắt đầu...". Bạch lại vụt nghĩ đến Phối. Hôm Phối đi Tây, chàng cũng cho nó mất một cái điếu. Từ ngày về, Bạch đã tặng hai người mất hai cái điếu cũ. Nếu không phải là Sương và Phối, thì ai mà lấy nổi của Bạch những cái điếu cũ, những cái điếu mà có những kỷ niệm những trường hợp phiêu lưu hãn hữu đã đánh giá, đã liệt chúng vào cái loại điếu rất quý, rất đắt và không bán.

... Hải Dương. Điện toa tàu sáng chưng hẳn lên như ban ngày. Chắc mãi đến bây giờ người ta mới chữa lại được cái máy phát điện.

Ở Hải Dương cũng không lên thêm được một người khách nào. Chuyến tàu vẫn vắng như lúc mới đi.

Dưới ánh đèn sáng, cái người đàn bà ở góc kia tự Hải Phòng, đang cúi đầu đọc một cuốn truyện, đọc đến đâu rọc trang sách đến đấy. Chắc mua ở tủ sách người bán báo tại gần cửa ra sân ga và nàng mua sách cốt để đọc trên tàu. Bạch thỉnh thoảng ngấc mắt lên nhìn, thấy nàng vẫn chăm chỉ đọc và có một cái cách cầm con dao rọc giấy rất đài điếm phong nhã, trông dễ thương quá. Bạch phải tin rằng nàng có một thói quen đọc sách để lấy dáng cho đẹp và làm

kiểu mẫu giữa chỗ công chúng như những thiếu phụ duy tân dởm ở cái xã hội bán khai nơi quê hương này.

Nhận thấy người ta có một cuốn sách làm bạn đường xa, Bạch càng thấy nhớ đến cái tẩu thuốc lá của mình. Lúc này, trong toa xe, nếu có người bán điếu hút thì đắt bao nhiêu chàng cũng mua, và nếu chỉ có thứ điếu xoàng và xấu thôi thì chàng cũng cứ phải mua lấy cho được. Nhất nhẽ là chỉ dùng một lần thôi, dùng đỡ trên đường trường, xong rồi thì quăng bỏ. Ở nhà Bạch, nói đến điếu, có mê thiên lủng cái tốt.

Bạch đi tản bộ trong toa xe vắng lạnh. Cả một toa xe đêm, chỉ có hai người! Mỗi lần chàng lướt qua thiếu phụ, thiếu phụ lại nhìn lại chàng. Và hình như cố nhìn để tìm lại một cái gì. Bỗng nàng gấp sách lại, đứng thẳng dậy, và lúc Bạch đi trở lại, lướt ngang chỗ nàng đứng, nàng hỏi rất lễ phép:

– Tôi trông ông quen quen. Có phải ông đã ở Marseille?

– Marseille! – Bạch lắp lại chữ ấy, nhìn thiếu phụ rồi nhìn vào quãng không.

– Nếu tôi không nhớ lầm, thì ông là ông Bạch?

Thấy người ta gọi đúng tên mình, Bạch thẳng thắn người lại và nhìn thẳng vào thiếu phụ ;

– Dạ, thưa vâng. Chính tôi đây. Nhưng thưa... thưa...

Bạch không hiểu nên gọi thiếu phụ là cô hay là bà.

Thiếu phụ tủm tỉm:

– Cô Hòa.

Bạch vẫn lúng túng, chưa nghĩ ra ai. Chợt nhìn đến một cái va ly con để gần đấy có một cái nhãn giấy đã cũ in chữ đỏ: “Travel Service Chicago San Francisco”, Bạch mới hơi tìm ra cái mùi kỷ niệm. Cường ký Bạch được thức tỉnh lại:

– Cô Hòa! Cô đi dự Đấu xảo quốc tế ở Hoa Kỳ năm 1935? Phải, tôi nhớ ra rồi. Bây giờ trông cô khác đi. Trước kia cô ăn mặc đầm, cắt tóc ngắn, uốn tóc. Bây giờ cô mặc ta và búi tóc và người mạnh hơn trước.

– Tôi rất lấy làm sung sướng được gặp ông... được gặp lại anh ở trên miếng đất xứ sở.

Hòa vừa nói vừa vội nhìn ra những then hoa sắt rỉ cầu Bồ Đề.

Bạch tần ngần nghĩ lại chuyện cũ và nhớ lại xem lần ấy mình gặp cô Hòa ở trường hợp nào.

Hòa xách va ly:

– Giá anh và tôi nhận ra nhau ngay, từ ga Hải Phòng, thì vui biết bao nhiêu. Bây giờ tôi phải xuống ga Đầu Cầu này. Ngày mai tôi vắng nhà. Ngày kia anh lại chơi. Thế nào cũng lại.

Hòa bước xuống, nhanh nhẹn, gọn gàng thật không hổ với cái công của người con gái mới đã từng mày mò ra ngoài, đi buôn bán tận nước người. Bạch bỏ tấm danh thiếp của Hòa vào túi, nhìn theo một cái búi tóc mượt đang len lỏi ra cửa ga, lẫn vào đám hành khách nghèo và túi bụi.

Nhà xuất bản Anh Hoa,

Hà Nội, 1943.

CHIẾC LƯ ĐỒNG MẮT CUA

(Tùy bút)

Tôi không có cái chí cóp nhặt đồ vật, coi cái sinh thú những người khác thường chơi bát chén đĩa sứ cổ, chơi tem sống tem chết, bươm bướm ép, các bức họa lẫn cả của người thời trước và người thời bây giờ, chữ ký đào kép tuồng hát bóng Âu Mỹ cùng là cây cảnh hoặc các thứ báng súng v.v... Của lạ và vật quý trong thế gian, biết thế nào mà kê khai cho hết được. Vào các thư viện bảo tàng khắp các nước mà tìm lấy. Khối.

Tôi không có cái chí cóp nhặt đồ vật, coi cái sinh thú ấy làm nhẹ. Không những thế, tôi còn thấy cái việc ấy là lụy nữa. Nó buộc con người ta mạnh lắm. Nó cũng như là tình cảm. Thêm vào đời mình một tí là phiền lại tăng thêm một ít.

Nhưng có nhiều khi mình không đi tìm đồ vật mà vật lại tìm đến mình. Làm thế nào. Nhiều lúc chúng đến với mình đông quá, làm mình đâm hoảng. Rồi tưởng có khi phải cơi cái nhà lụp xụp của mình lên đến mấy từng nữa thì chứa mới xuể.

Những người nào đã có cha mẹ già héo hoặc người bạn trăm năm nằm xuống, ít ra là một lần rồi nhỉ? Cái đống câu đối sa tanh, cái chồng trướng phúng bằng vóc, bằng nhiễu, bằng dạ, eo ôi! Cứ kể mà phải treo lên cho đủ mặt đủ tên, quan viên chia buồn, thì phải dùng thêm bao nhiêu hàng cột con cột mẹ nơi mấy dãy hành lang nhà đám thì mới vợi được những lô chữ khách sáo ấy nhỉ? *Từ phàm viễn ảnh. Nhất chiêu thiên cổ. Hổ sơn vân ám. Dĩ sơn vân ám. Cảm khái hệ chi.* Treo lên, đóng thêm đinh treo lên nữa. Lại vẫn *Nhất chiêu thiên cổ* và cứ na ná như thế mà kế tiếp nghĩa những cái tứ buồn này đã dập theo một khuôn khổ sẵn sàng. Đối với một người vừa lên đường làm một cuộc du lịch dài rộng, đối với một người chết, cái buồn nào mà chẳng giống cái buồn nào, không hơn kém nó cũng chỉ là một cái buồn cộc thun lủn; ý chừng những kẻ sống đứng tên nơi lạc khoản nghĩ thế, hỡi ôi. Ngẫm đến sự làm ăn của mấy nhà tiểu tư sản sống bằng cái tiểu công nghệ làm đối trướng mà nhiều người tử tế đi dẫn

đầu cho cái đuôi một đám ma trịnh trọng đã muốn cười đánh đùng một cái cho người nằm trong thùng gỗ tốt kia giật mình nếu có biết chữ Hán thì nên nghển dậy mà đọc, mà xem thiên hạ họ tiếc nhớ thương mình sao giống nhau đến thế. A, thế ra người ta đã có sẵn một cái định thức để mà buồn và khóc. Ba đồng một cái ý tình nhớ tiếc bằng dạ xanh chữ dạ đen. Năm đồng một cái từ sầu hoài nền sa tanh chữ nhung. Bây giờ vải lụa cao. Giá sinh hoạt tăng nhiều, người ta không thể khóc người thiên cổ theo giá cũ nữa.

Nhưng đất thì đất, chẳng nhẽ có người quen vừa thành ra ma – cuộc sống lại được thêm một chỗ ngồi tốt, cái thế đứng của mọi người lại nới rộng thêm được một chút để cướp phần ánh sáng và không khí bỏ thừa lại kia – chẳng nhẽ người ta lại không ơ hờ hơ mấy tiếng để bịt mắt người cùng sống, nên câu đối và trướng phúng cứ tuôn đến ăm ắp gần như làm tắt thở được cả một cái nhà vừa có người chết. Không treo lên mà yên được với họ sao. Treo của ai lên và đừng nên treo của ai lên? Đứng trước cái chết, không được phân đẳng cấp giai cấp, ai ai cũng bình đẳng cả, chao ôi, thế mới chết chứ. Không treo được lên cho hết thì có mà chết ngay với những người chia buồn có tang vật kia. Mà treo lên được cho đủ thì lấy gì ra mà treo vào, chẳng nhẽ lại giăng nhờ câu đối phúng sang mặt tường các nhà hàng xóm chung quanh bình an vô sự.

Thế nhưng mà cái người có tang buồn bị tặng những dòng chữ chia buồn na ná, tương tự và trùng nhau ấy, dẫu sao cũng chửa lấy gì làm buồn lắm. Còn có những cái cuộc buồn khác bực hơn thế nữa. Thí dụ: cái buồn của một nhà phê bình văn học có tài khi bị tặng sách. Đọc cuốn sách tặng đã chẳng còn có một hứng thú, đã hết là sở thích và trở nên một hình dịch nặng nề. Sách của một nước mỗi ngày mỗi đi thêm vào đường kỹ nghệ hóa, sách của một thời máy móc in ra đến nỗi không có chỗ bày mỗi giờ hàng nghìn vạn cuốn, đọc sao cho hết. Mà không đọc thì đời giận, đời trách. Đọc mãi, phải đọc mãi như người đãi sạn tìm vàng. Đã đành sách hay đem đến một nụ cười. Nhưng cái đống còn lại kia? Đốt. Đem bán cân. Thế nhưng, hết đống ấy lại có đống khác. Mỗi kỳ tầu phát thư, nhận sách của người phu trạm gọi ra ký nhận, cái bực ngự sử văn học ấy đã thấy rõ sách chẳng còn là quý vật đi tìm quý nhân nữa. Cái người ấy nếu một ngày gần đây mà không chết bẹp dí về đống sách tặng – không thích cũng mặc người ta cứ gửi tặng, đem giết hoặc bỏ tù người ta đi à –

tưởng cũng là một sự lạ. Đấy là tất cả sự nhục nhã của một người mà đời sống đã được kết thân với sách một cách rất chặt chẽ. Rồi bất cứ sách gì nó cứ tìm cái cửa ấy mà nó đến. Chém nó nó lại càng tìm đến mà đầu thai vào. Những vật ấy đã thành một cái vạ, đã thành một cái tai nạn giết người. Thế mà có ông bạn tôi còn ước ao được giữ một chân phê bình ở một tờ báo nọ để hưởng cái phần sách các nơi gửi tặng, hồ mong cóp nhặt cái của thập phương ấy lại cho thành được một cái tủ sách gia đình. Nó không hay gì, nhưng bày trong nhà, gáy xanh gáy đỏ nhặng lên, trông cũng vui mắt, cũng kín được mấy ngăn tủ sách bỏ trống. Nó táp nham thực đấy, nhưng không mất tiền. Tội gì. Tội gì?!

Tôi đã tự mời tôi đến chơi nhiều nhà không phải là lạ, nhưng không bao giờ đến nỗi có thể là người thân mật của mình được. Để làm gì? Để ngắm nghía rờ mó nhiều đồ vật bài trí gian phòng khách, cái đứng, cái treo, cái ngồi trông đến là ngô nghê. Có lắm đồ vật nằm ngồi một cách oan uổng quá. Nó làm cho tôi lạc cả sự nhận xét. Tìm mãi mà không thể nào nhận thấy sự tương quan giữa đồ vật và chủ nhân, giữa đồ bày chơi cùng cuộc sống riêng của chủ nhân. Ai mà chẳng có cuộc sống riêng, thôi thì có cùng giả lắm, ta cũng cứ phải cho là ai ai chung quanh ta cũng phải có lấy một chút sống riêng đi.

Một lần, tôi đã khép chân khép tay, nhấp chén trà phát du, vừa lấm lét nhìn cái bức hoành sơn nền gấm chữ lệ khắc nổi bốn chữ "Kế thế công hầu", vừa hỏi vị chủ nhà còn nhỏ tuổi ấy rằng:

– Các cụ nhà ta, thời trước làm quan về triều nào thế vậy?

– Dạ thầy tôi hiện giờ tòng sự tại phủ Thống Sứ ; còn ông nội chúng tôi trước làm việc ở nha Thương chính.

– Thưa, bức hoành này là có người mừng?

– Dạ mua đấy chứ. Bỏ tiền túi ra mua đấy, chứ có ai mà mừng đâu. Thầy tôi mua đấy. Chả một hôm thầy tôi nhân đi phiếm rẽ vào nhà Tầm Tầm, thấy họ bán rẻ quá, và trông thấy cũng hay hay, liền mua về treo. Bức tường giữa nhà mà không có gì treo cho nó kín phía trên đi, trông nó trống chểnh thế nào ấy ông ạ.

Một lần khác, đến chơi một nhà giầu sổi nọ, mới quật khởi lên được độ một đời thôi, tôi đã phân vân và kinh hãi khi ngắm một thanh bảo kiếm có dây kim tùng gác trên một cái giá gỗ quý. Trái với thói kiêng kỵ của con nhà tướng tôi cứ rút phăng lưỡi kiếm ra

khỏi vỏ, nắm đốc kiếm, soi lưỡi kiếm thép ra ngoài ánh sáng thấy lờ mờ bốn chữ Lỗ Hiển Quận Công. A, tổ tiên nhà này đã lập nên nhiều võ công! A, chủ nhân là cháu mấy đời một vị công thần nhà Lê chăng (tôi ngờ là triều Lê vì cứ lời sử chép thì nhà Lê có nhiều Quận công nhất). Cái người chủ nhà ngu muội và không biết nói dối làm tốt cho cái giá họ nhà mình ấy đã nói một câu thành thực để cho tôi phải thất vọng:

– Ông thích cái con dao bảy đó lắm à? Của người ta cầm đấy. Đâu ba bốn quan tiền kẽm gì đó. Để tra sổ mới nhớ được. Để trên đầu giường ngộ đêm hôm có động dụng khi trộm rình thì giữ nhà kể cũng tiện.

Cũng tiện! Cứ kể tiện thì vô cùng. Thì cái "con dao bảy" đó đem thay con rựa mà chẻ củi tạ cũng được, hỡi ôi là cái số phận của những vật có giá mà không tìm được của quý mà gửi thân. Nghĩ lẩn quẩn mà lại thêm tội nghiệp hộ cho mấy ông Mã Chiếm Sơn cùng Quan Công bị treo hình ảnh, tô màu thuốc ở cửa lên cầu thang vài nhà danh kỹ xóm Khâm Thiên.

Nói đến tranh ảnh treo trong nhà, tôi lại không thể quên được những bức truyền thần phóng đại ở nhiều cái bức vách trưởng giả ấy. Những bức vẽ bằng chì than lồng trong kính, khéo quá. Cái gì đẹp quá vốn ít khi được là thực, nên nhiều khi có dịp ngồi đối diện với vợ chồng nhà nọ song song dưới hai bức truyền thần của họ cũng đang sánh đôi trên tường quét vôi bột thuốc, tôi đâm ra nghi ngờ và phân vân không hiểu rằng hai cái hình người ở trên tường kia là thực hay cái đôi ngồi dưới đất và trước mặt này mới chính là không giả. Mặt ảnh và mặt người đều có những nét tự túc những vẻ tự mãn giống nhau quá. Ở nơi này, có một cái gì thừa cần phải vứt bỏ bớt đi. Tự nhiên đang sống lù lù ra đấy, mình lại đi treo ảnh mình ở ngay giữa nhà mình cho người đồng thời trông một hóa ra hai để chẳng còn biết đằng lối nào mà thưa hỏi.

Có nhiều đồ vật đeo cạnh nách, nhiều khi chỉ tỏ ra mình là một người dại dột hoặc là một cuộc sống dại dột, nếu chưa hoàn toàn là khổ lụy. Cũng như những kẻ kia luôn luôn lâm vào cái cảnh chạy nơi nằm chốn ở, mỗi lần dọn nhà là lại có dịp thải bớt đi một ít đồ vật cũ mới ; thỉnh thoảng tôi lại kiểm lại những kỷ niệm cũ thường ghi lại và kết giữ vào những vật con con vụn vặt. Một con dao rọc sách. Một cái độn tóc. Một cái vòng thìa khóa. Một cái hộp gỗ sơn. Một

vuông khăn lụa, một dải cà vạt của một người lên đường. Một cái tẩu thuốc lá của người tri kỷ khuất bóng. Một cánh hoa héo của một ngày chủ nhật ngả nghiêng trên áng cỏ ngoài châu thành. Một lá thư xa. Một cái bản thảo của một người đồng nghiệp xấu số. Một tấm thực đơn của tiệc rượu (đáng vui hay đáng buồn?) một người bạn gái bước thêm một bước nữa. Trong cái đám kỷ vật linh tinh ấy, còn những gì nữa?

Còn một chiếc lư đồng mắt cua. Nhỏ thôi. Đường kính rộng nhất nơi thân lư cũng chỉ bằng cái đường kính chiếc mặt tẩu Vân Nam da đá. Trông xinh lắm. Đến chơi gần bàn viết của tôi, thấy chiếc lư đựng kim găm và dùng luôn làm vật chặn giấy cho gió khỏi lật ngửa những trang chữ ướt, nhiều ông bạn nghiện đã nằn nì đòi lấy đem về bày vào khay đèn nhà. Ăn cắp không được, chiếm không xong, các bạn tôi đòi đánh đổi, tôi vẫn từ chối. Người ta hờn mát với tôi, không viết thư cho tôi và dọa không thèm đi lại với tôi nữa. Việc ấy chẳng còn là một lời đe dọa suông. Bởi vì sau đấy, đã có người bạn đoạn tuyệt với tôi ra mặt. Những người bạn quái quỷ của tôi vợi hẳn đi một phần, thực cũng vì chiếc lư đồng mắt cua nhỏ bé ấy giá có đem phát mại đi, gặp những người ưa chuộng thì hời giá lắm cũng chỉ được vài đồng bạc là cùng.

Nhưng có bao giờ tôi lại đi làm một việc buôn bán như thế được. Mỗi lần dọn lại những ngày cũ của mình, kiểm lại đống kỷ vật xa xưa, tôi cho bớt đi những vật đã trở nên thừa, hoặc hủy đi một vài bó thư đã trở nên nhạt nhẽo quá, đọc lại chỉ thấy bẽ cùng ngượng – tôi đã phó mặc một ngọn lửa đem những di tích ấy biến thành một lớp tro nguội và nếu thiếu lửa thì tôi đã xé vụn tập thư ấy ném vào một cơn gió, gió đưa cái đám giấy rách ấy đi như là gió ngàn già lùa lũ bướm non, lắm lúc trông theo mà thấy tội quá chừng. Tôi đã hủy thư từ, đã cho bớt đi nhiều vật khác, nhiều cái kỷ niệm trông xinh ngộ lắm, nhưng đến cái lư đồng mắt cua thì tôi không muốn loại nó đi một chút nào. Nó đã đánh dấu một quãng đời tôi. Nó đã là một cái mốc rõ ràng trên một thôi đường đi ngược về ký vãng. Nó đã là người làm chứng đứng đắn cho một chuỗi ngày cũ.

Kể lại lai lịch chiếc lư đồng mắt cua này, có lẽ tôi đã nghĩ đến – vài lăm phần trong muôn một – những người bạn giận dỗi cùng tôi vì không bắt buộc được cái kỷ vật ấy thay đổi chủ. Khốn nạn, cái thực giá của một cục đồng nguyên liệu ấy phỏng có bao lăm. Mà cứ đòi lấy cho thêm tội. Cuộc đời mình đứng đắn ngăn nắp là thế, khi không

đòi ghép thêm một đồ vật kim khí có một cái tiểu sử quái quỷ ấy vào mà làm gì. Không có số mạng làm thiên tử thì đòi giữ một cục ngọc tỷ để mà làm gì. Chẳng bao giờ phải dính dấp đến việc bút mực viết lách mà hễ thấy người ta có cái bút máy tử tế là cứ đòi chiếm, không cho – không cho không phải vì tiếc, nhưng chỉ vì thương cái vật quý sẽ thành vô dụng ; một cây bút tốt mà ở với một người thất học vô tài thì tức là lúc con mãn đã phải gánh công việc của con chó đấy – không cho thì lại hờn oán, các người là người kỳ thật.

Về chiếc lư con của tôi, tôi nói rõ ngay thế này để cho các người đừng tiếc nữa.

Vẫn hay lư đỉnh nào mà chẳng dùng vào việc đốt trầm. Lư đỉnh nào mà chẳng được đặt trên những bệ các nơi cao nghiêm tôn thờ. Sân nhà Thế Miếu, đình chùa. Bàn thờ gia tiên.

Nhưng chiếc lư của tôi suốt hai đời chủ, chỉ được đặt những nơi không đáng gọi là tôn thờ chút nào. Nó đã tuôn nhả những vòng khói thơm giữa những nơi hôi hám ẩm sũng. Nó đã phải đốt nóng trong hoàn cảnh xóm hát ả đào. Cái rất thanh cao ấy đã phải ở giữa một cái rất tục bạo. Nghĩa là cuộc đời tinh thần của chiếc lư ấy đã lạc cả sứ mệnh, ý nghĩa rồi, chẳng đáng chàng màng nữa rồi. Các người còn muốn rước về nhà nữa hay thôi? Nhưng đối với tôi thì cái công trình kim khí nhỏ mọn ấy lại là cả một cuốn tiểu thuyết trong người mang theo đời mình. Ơ, chuyện: Cái gì có mật thiết riêng đối với một người này thì không thể nào cũng thích hợp như thế cho một người khác được, vốn như thế mà lại.

Ngày xưa...[1] Ở đất Thanh Hóa.

Nói thế thành ra xa xôi như truyện cổ tích mất rồi. Việc tôi, mới cũ đi chỉ độ mươi năm trở lại đây thôi mà.

Mười năm trước, tôi là một người đi tù về. Trước khi đi tù tôi cũng là một người được đi học như mọi con nhà khá giả khác. Không được biết đến cái thú đèn sách nhà trường, cái thú đi thi nữa, tôi bèn tìm đến cái thú giang hồ. Nhưng giang hồ không đúng luật, không hợp lệ tôi đã phải trả giá cuộc viễn du ấy bằng một năm ở ngục, tên họ đổi lấy một con số, chữ đầu đứng theo hàng vạn. Có người bảo như thế cũng là phải.

Ở tù ra, vẫn lại chẳng biết nên làm gì cho phải cả, tôi đâm đầu

1. Kiểm duyệt bỏ 3 dòng

đi làm thư ký cho một hãng điện khí. Cái số lương hàng tháng chẳng nhiều nhõi gì, nhưng cũng đủ cung cho tôi uống rượu và tìm các trò giải phiền. Thầy mẹ tôi, vợ tôi, tưởng đâu tôi là một người đại bất đắc chí, đều có ý kiêng nể cái việc dùng thời giờ của tôi ngoài gia đình.

Cái nhà ở của tôi lúc bấy giờ chỉ là những nhà hát. Mỗi đêm một nhà, đêm nay nhà này, đến mai nhà khác, hết khắp lượt thì lại lộn vòng trở lại, kể cũng tiện lắm. Vì tôi có tài cổ động mạnh, đám "liêu hữu" nơi sở buôn ấy đã cùng tôi kết nên thành một cái đảng chơi, tiền lương của mọi người đem làm quỹ hành lạc chung gửi nó vào lòng một cái trống, vào lòng một cái chai, một cái cốc. Một cái bàn ăn nơi tiệm cao lâu là một cảnh nhà. Một cái chiếu rượu hát cũng lại là một cảnh gia đình.

Ấy thế rồi cái duyên nơi hàng viện đã cho tôi gặp một người. Một người đàn ông. Đã có tuổi và hiện bấy giờ đứng làm chủ một nhà hát. Ấy là ông Thông Phu.

Ngày đó, tôi mới có hai chục tuổi đầu. Tuổi ông Thông Phu gần gấp đôi tuổi tôi. Lần đầu tiên tôi gặp ông không phải ở nơi nhà hát của ông mà lại ở một mâm rượu xoàng tại nhà một người bạn cũng vừa được phóng thích, lúc bấy giờ cũng đi làm việc nhà nước. Tại buổi nhất kiến đó, tôi còn nhớ mãi mấy câu thơ của người bạn tôi tặng ông Thông Phu vốn là một cái tình bèo nước cố giao.

Từ kể rời chân phố Hạc này

Ngẫm duyên hồ hải thế mà hay

Bình khang bác đã mười năm chủ

Lục Lộ tôi lên một chức thày

...

...

Giang hồ cho chán cho chê đã

Trời để riêng ta đất nước này.

Chừng như đã có nhiều người trong cái đám tửu đồ phóng chiếm nơi Thanh Quận này nói năng với ông Thông Phu về cái hàng trung lưu của tôi thế nào đấy nên gặp tôi lần đầu mà ông Thông Phu đã đãi tôi như một người bạn cũ đã cùng có một ít thôi đường chung chạ. Dáng điệu ngôn ngữ của tôi lúc bấy giờ hoàn toàn là của một thư sinh, mặc dầu một năm giam buộc đã tạc lên mặt tôi những nét chắc

chắn của hoài nghi. Căn cứ vào mối thiện cảm từ buổi sơ ngộ đó và theo cái lối kết giao của con nhà nho lớp cũ, ông Thông Phu và tôi đã trở nên một đôi vong niên hữu, đôi bạn đi lại với nhau, người ít tuổi thì năng kính, và người nhiều tuổi thì năng nhường, nhường lời nói, nhường miếng lộc bổng chung, nhường một cái thế đứng.

Tôi mến ông Thông Phu lắm, không phải vì lúc bấy giờ tôi mới bước vào cái đời ăn chơi, định lợi dụng ngay đến những kinh nghiệm tai quái của một người chủ nhà hát ả đào. Ông Thông Phu là chủ nhà hát đã mười năm thực đấy, là một người nghiện nặng thật đấy, nhưng ngày lại ngày, ngồi rình tính tình ông, tôi nhận thấy ông có đủ phong thái của một người tài tử. Đánh trống rất xinh, tiếng trống không ra tiếng trống anh kép, làm thơ làm phú, làm văn tế rất hay, hay kết giao với đám anh em cơ nhỡ và thỉnh thoảng có kẻ ngu dại nào trong đám sính tụng phải hậu tạ một số tiền để đền đáp cái lá đơn kiện có kết quả thì lại rủ vài anh em đi nhàn tản về vùng quê, tìm về những làng có mở hội nghe chèo, đánh cờ đất ăn giải, trong hành lý có một cỗ khay đèn a phiến nhỏ tiện và một bộ Quất Trung Bí. Rồi ngâm rồi vịnh, cơ nghiệp nhà và việc hồ khẩu ở nhà phó mặc cả cho lũ con em cười với tất cả làng chơi thiên hạ, cho người vợ xóc phách ở nhà hoặc đi hát mảnh.

Trước khi đứng làm chủ nhà hát ông Thông Phu là một người có danh phận lương thiện của một xã hội trưởng giả trung lưu đương thời của chúng ta. Ông cũng là một người viên chức chính ngạch nhà nước. Ở một cái tỉnh nhỏ Trung Kỳ, cách đây hai chục năm, khi mà người ta làm việc ở tòa Sứ, với một cái chức thông ngôn có chất máu giang hồ tài tử ấy ở trong huyết quản đã là một người thiếu lương tâm nhà nghề đối với phận sự nơi buồng giấy. Đến sở thường là chậm, luôn luôn bỏ sở ra đi trước giờ bãi, cố lầm tiếng trống chầu nha môn ra tiếng trống chầu hàng viện, lấy giấy công văn của sở ra để đánh máy chép bài hát và dùng luôn những tên tùy phái mặc áo lính tòa làm người chạy thư tình riêng cho mình, giữa hai bản đơn kiện ông Thông Phu lại ngừng bút để mấp máy miệng nhẩm những khổ đàn đáy khuôn phép rất du dương, lấy thước kẻ mép cẩn chỉ đồng gõ vào thành bàn giấy cầm nhịp cho điệu đàn mồm. Ông Thông Phu đã đem tất cả những thói tục bừa bãi vào giữa một nơi công đường trang nghiêm, ông ngủ gật trên tập công văn còn lưu cữu lại để lúc choàng thức dậy thì lại mở ngăn kéo bàn giấy ra tìm bữa ăn

đã giấu sẵn trong đó. Bánh, thịt quay, lạp xường, rượu, nhồm nhoàm ăn uống như một viên chức Ăng Lê dùng luôn bữa trưa tại sở. Sở đã gần thành ra một tiệm cao lâu mà hầu sáng phổ kê thì là đám loong toong. Cái người công chức giang hồ ngay trong sở mình đã chẳng là một sự giấu diếm che đậy mãi được nữa rồi. Một buổi sớm ấy, quan Công Sứ đã nghiêm nghị như một người tộc trưởng một gia đình nền nếp, gọi ông Thông Phu lên báo cho ông biết rằng "Chính phủ Bảo hộ rất tiếc rẻ không dùng được ông vì hạnh kiểm của ông thiếu nhiều quá. Ông đã treo một tấm gương xấu cho các bạn đồng sự của ông". Chẳng ở được sở nhà nước thì ông Thông Phu ở luôn ở dẫy nhà hát của mọi người thiên hạ vậy. Ở đây không ai soát hỏi căn cước và hạnh kiểm của ai cả. Và từ ấy, sở lương nhà nước vợi đi được một cái môn bài mới. Ông Thông Phu mở nhà hát, vợ đứng tên.

Thầy tôi vốn cũng làm ký lục ở tòa sứ Thanh Hóa vào thời ấy, trong câu chuyện lúc trà dư nhắc đến vợ chồng ông Thông Phu cũng có kể lại nhiều đoạn hay hay. Về sau đánh bạn với ông Thông Phu tôi có thuật lại cho vợ chồng ông Thông Phu nghe những điều gia nghiêm nói về ông.

Những lúc chuyện bù khú như thế tức là nhà vắng hát, vợ chồng ông Thông Phu và tôi đều quay vào một cái bàn đèn đặt ở một cái buồng khuất. Ba gian nhà giữa, đèn măng sông vẫn sáng rực, một lớp cửa bức bàn vẫn mở rộng để chờ khách hát đi qua ghé chơi. Nhưng quá mười hai giờ rồi, gian nhà giữa, ét xăng đèn không thấy reo vui như lúc chập tối nữa và các cô ấy ngồi bày ra hai bên trường kỷ từ tối đã có nhiều người mệt mỏi, ngáp ngắn ngáp dài. Tiếng cười suông đã biến ra câu nói mơ và con em đã có người ngủ ngồi đầu gối đỡ lấy cằm. Đôi vợ chồng tiêm lẫn cho nhau hút mẻ sái bét, ông và bà Thông Phu đều nghiện nặng và bảo nhau:

– Thôi không có ai hát xướng đâu. Bảo các cô ấy đóng cửa lại đi nghỉ đi thôi. Quái, sao mùng một đầu tháng này, ai hát mở hàng mà vía gan thế nhỉ?

Cầm bằng là không phải thừa tiếp quan khách người ngoài nào đến chơi vào khuya khoắt này nữa, vợ chồng ông Thông Phu và tôi đều xoay ra lối người trong nhà bày trò làm vui lẫn cho nhau cho nó hết đêm vậy. Bữa thuốc hút say như thế, vợ chồng ông Thông Phu khó mà đi ngủ ngay được. Lại nói chuyện làng chơi lớp cũ và cái lớp

bây giờ. Nhắc đến làng chơi lớp cũ, vợ chồng ông Thông Phu có đá động đến tên thầy tôi. Bà Thông Phu quai mồm ra:

– Đi hát mà như ông cụ đẻ ra chú cũng giỏi. Trong ba năm liền, mà không tối nào là không góp mặt ở dưới xóm. Những câu hãm và bài hát của cụ làm, nghe gọn và xinh đáo để. Ông cụ phải cái không uống được rượu.

Người chồng chen vào:

– Chứ đâu có hát rượu như chú bây giờ ấy. Thơ ông nhà ta đặt nhiều câu kỳ cục, nghe đến mà cái lòng mình nó cũng trôi chảy được như dòng nước. Hồi này thì ông cụ từ hẳn rồi. Phủ huyện cùng anh em làm việc ngoài tòa có đất mời lắm thì cụ cũng chỉ đi một chốc một lát, nằm ăn thuốc rồi về thế thôi. Mỗi lần đi, cụ lại dắt cái diện Thanh Thảo và cái dọc tẩu lưỡng đoạn một đầu có cái nắm tay bằng Kỳ Nam đi theo.

A, vợ chồng ông Thông Phu đã ngồi giữa cái nhà hát của vợ chồng ông để nói đến cái đoạn đi hát của thầy tôi và lại nói đến cho riêng tôi nghe – tôi, lúc này đang tập tõng đi sâu vào con đường ấy. Đã thân mật thay. Thân mật hơn nữa là ở chỗ xưng hô hàng ngày. Tôi kêu vợ chồng ông là anh với chị. Thưa anh thưa chị. Và nói với tôi một điều gì, bất cứ lúc riêng tây hoặc chỗ đông người, ông bà Thông Phu đều gọi tôi là chú. Thậm chí đối với con em nhà ông, tôi cũng vẫn là chú. Những tối nhà đông khách hát, vợ chồng cùng bận tay cả, lũ con em có hỏi điều này vật nọ, vợ chồng chủ nhà hát đều bảo chúng: "Vào mà hỏi chú". – "Vào nói với chú đưa cho bác mượn mấy hào lẻ mua chai rượu" – "Vào nói với chú thắp hương hộ cho" – "Vào nói với chú sạch tay, chú lên đèn hộ cho" – "Vào nói với chú cứ xơi rượu trước đi rồi bác vào sau. Bác gõ nốt mấy khẩu phách nữa rồi bác vào đấy" – "Mày vào nói với chú tao sẵn cho bác giai mày điếu thuốc cốt. Hộp thuốc để trong tráp đa sơn nơi đầu giường ấy. Đây, chìa khóa đây".

Được vợ chồng ông Thông Phu gọi là chú, lòng tôi lúc bấy giờ không biết có buồn mà lại chỉ có kiêu hãnh thôi. Rồi coi tôi như một người chân tay, họ đã cho tôi đi sâu vào việc riêng trong nhà. Lắm lúc muốn mua thêm một người cô đầu hàng xóm nào hoặc thải bớt một cô trong nhà, chủ nhà lại cũng có hỏi đến ý kiến tôi. Đã thấm chưa, đã sướng chưa, hở Giời! Đối với nhà ông Thông Phu, tôi không còn tí nào là một người khách nữa. Tôi đi không ai đưa ra cửa, không

ai nhắc nhỏm. Tôi đến, từ nhà chủ đến con em, không ai tỏ vẻ mừng hoặc ngạc nhiên, cả bấy nhiêu người cũng chỉ khẽ ngấc đầu lên với một câu bình dị: "Kìa chú". Hai chữ "kìa chú" đã thay cho một câu chào hỏi. Kế đến mâm cơm dọn bày ra, thì người ta lại bình thản bày thêm vào đấy một đôi đũa và một cái bát, ăn hay không mặc ý tôi.

Một tháng. Một năm. Một cái tết Nguyên Đán rồi lại tiếp đến một cái tết Nguyên Đán.

Ấy thế rồi một buổi chiều mùa Xuân, một biến cố lớn đã xảy tới một cách đột ngột, gieo trút bao nhiêu kinh hoàng vào giữa nhà ông Thông Phu.

Liền sau cái tai vạ bất ngờ ấy, ông Thông Phu đã chẳng còn là người lành mạnh nữa. Ông đã thành ra một người cấm khẩu, nửa người bại liệt hẳn đi. Cái tấm hình hài ấy đã trở nên vô dụng, ngày đêm thoi thóp chết dí trên giường bệnh. Những người sạch sẽ béo tốt, lành mạnh, lúc nào cũng được ăn tiêu dư dật vào cái đống tiền mình kiếm được thừa thãi để rồi sống với sự tôn trọng phép vệ sinh làm cho thân người lúc nào cũng thơm tho sáng sủa, thật không bao giờ có được một ý niệm cảnh ông Thông Phu đây. Nửa năm trời ngọa bệnh như thế, có lẽ cái người ốm liệt đó cũng quen đi, nhưng một người ngoài đang đi giữa một vùng ánh sáng trong trẻo và không khí thơm nhẹ, bỗng chốc phải chui vào cái buồng con bệnh triền miên này để gửi vào cái lá màn buông rủ vàng như hun khói bếp một câu hỏi thăm tắc trách, chắc người đó sẽ được lấy làm sung sướng vô cùng khi được trở về với cái không khí của ngoài đường và thề không bao giờ dám trở lại cái xó tối tăm thiểu não ấy làm gì nữa.

Nhưng tôi vẫn cứ phải đi lại ra vào cái buồng bệnh – thật là tôi "phải" ra vào nơi này – mặc dầu tôi vẫn biết rằng ở ngoài mấy thước khối không khí bị đầu độc ấy chỉ có mấy bước thôi, tôi sẽ được tự nhiên, tôi sẽ được vui vẻ cử động, cười nói với tất cả những cái gì có sinh khí. Ở đây là một sự chết mòn. Ở đây là một cái mồ sống.

Những buổi phải chui vào trong cái màn khai, ẩm nửa cuốn nửa buông đó, cầm cái mũi tiêm sắt soạn bữa a phiến hàng ngày cho con bệnh chờ chết kia, tôi muốn rỏ một giọt nước mắt vô ích để tiếc cho ông Thông Phu và để thương rộng ra đến tất cả những cuộc đời phóng lãng khác lúc lâm vào cảnh ốm liệt, bệnh giữ riệt ở một chốn tối tăm làm cho nó trì chiết và gây buồn phiền cho mình đến thế là cùng.

Ông Trời chơi nhiều miếng khăm! Mà thật vậy, mỗi dịp chứng kiến là mình mỗi thêm khiếp sợ.

Một người hay bôn tẩu vì sinh kế và cũng vì cảm thêm thấy nhàn tản là một hứng thú, như ông Thông Phu đây chẳng hạn, thì đâm ra bán thân bất toại, cái bộ chân ấy què một nửa tức là cuộc đời ấy gẫy cả, gẫy hết cả. Trông cái miệng ông ta méo mó, để chỉ còn phát ra những tiếng ú ớ thôi thì mình lại càng hết muốn sống.

Ông Thông Phu vốn là một người hào hoạt, nửa cuộc đời trở về trước chỉ dùng cái miệng có duyên ấy để đọc thơ mình, bình thơ thiên hạ và những mẩu chuyện góp cổ tích do ông kể là những tác phẩm linh tinh mà không mấy ai phỏng theo được. Uổng không sinh vào một thời Chiến Quốc, chứ thực ra, cái miệng ấy thuyết khách cũng có tài lôi kéo người ta về hùa với mình lắm. Nhiều kẻ đã lấy làm sợ kiêng cái tài biện báo của ông Thông Phu và lúc biết miệng ông mang tật, họ bèn mượn một câu trong bài Xích Bích "Cố nhất thế chi hùng dã ã... ừ... như kim yên tại ại tai... hừ..." mà thương vay cho, theo một giọng ả đào đọc phú.

Ông Thông Phu mà què, mà câm thì là một chuyện tối phi lý ở cuộc đời, thì tức là một người kiếm hiệp cụt tay của một thời dụng võ vậy. Ngó rộng ra xa ngoài buồng bệnh này, tôi càng nhận thấy nhiều kẻ kia lành lặn, không chút bệnh tật mà sống một cách phí phạm quá. Những cái thân thể toàn vẹn và bất tài ấy quả là thừa, quả là đã làm uổng đến công sinh thành tạo hóa. Có một đôi chân vững chãi mà chỉ để ngồi bó gối trên giường vợ, hễ động ra đến ngoài là đi không thành bước, rồi đâm bước bậy bước bạ dẫm cả lên mu chân người khác, thì sao Giời lại không bắt những người ấy què quặt, có một cái miệng tròn trĩnh chỉ để thốt ra những câu vô duyên và những lời xàm bậy, ăn không nên đọi, nói không nên nhời, thì sao những người ấy Giời lại không bắt họ cấm khẩu đi, để gây cho nền trật tự mới cho cuộc sống đầy hỗn độn này.

Từ khi ông bị cấm khẩu, tôi thiệt thòi rất nhiều, còn đi lại với ông ngày nào là chỉ thấy có lỗ vốn thôi. Tôi nhớ đến cái hồi miệng ông chưa có tật những đêm nhà hát thưa vắng khách, ông cho đốt một ít trầm vụn vào cái lư đồng nhỏ bé đặt trong lòng khay đèn, rồi ông ngâm thơ cho tôi nghe. Thơ của ông làm ra cũng có. Ấy, những câu thơ hay như thế mà không có ông Thông Phu giảng dần cho ra nguồn gốc sự tích lai lịch thì về sau này, khối kẻ sưu tầm khảo cứu

nông nổi sẽ quy nó vào cái đám vô danh thị hoặc gán bậy cho những người ở đâu đâu đấy. Chính ông đã đọc cho tôi nghe một bài ca đượm mùi thời thế của một người giả vờ làm đồ gàn:

"Đời là thế, thế là đời
Ai là người biết, biết người là ai
Trăm năm trước đã qua rồi
Trăm năm sau, lại tẻ vui còn chờ
Hãy bàn cái quãng lửng lơ
Sinh ra lơ lửng bây giờ mà hay
Nghìn xưa ai có thể này.
Nghìn sau ai biết thể này là sao?
Ai hay, ai dở, ai sao?
Nước cờ nước thấp nước cao là gì
Có khi... rồi cũng có khi!"

Và một bài khác – cũng một điệu ngang phè như thế – vốn là lời tự trào của viên Thừa phái ngông nghênh, suốt một bài chỉ day dứt mãi vào chữ Thừa:

"Ông là Thừa phái Hoàng Nông
Ông ngồi ông nghĩ mình ông cũng thừa
Người trong trời đất đã vừa
Cớ sao con tạo lọc lừa ra ông
Mắt thừa ông chẳng buồn trông
Thấy gái má hồng ông chỉ liếc qua
Miệng thừa ông chẳng nói ra
Câu chuyện đậm đà, ông nói đủ nghe
Tay thừa, ông chẳng buồn phê
Sẵn dấu đỏ nhòe, ông nhấn mực đen
Chân thừa ông chẳng buồn len
Ông cứ đường liền ông bước ông đi
Bụng thừa ông chẳng buồn suy
Ông cứ gan lì mà việc cũng xong
Ông còn thừa cái gì không?"
...........................[1]

Còn như riêng thơ của ông Thông Phu ngâm vịnh, tôi chỉ còn nhớ được ít câu vụn vặt. Đề cảnh Sầm Sơn, ông có bốn câu:

---

1. Lời Nhà xuất bản – Còn ba câu nữa tự ý tác giả rút bớt ra. Quý độc giả cố hiểu lấy vậy – (chú thích của bản in lần thứ nhất)

"Ai dựng thôn quê thành phố xá
Vì đâu bãi cát nổi lâu đài
Lạ cho nước mặn đồng chua thế
Những mặt sang giàu mới biết chơi".

Và vịnh cảnh thị Kiều về cái đoạn Từ Hải chết đứng rồi lỡ sa vào Hồ Tôn Hiến, có những câu quái quỷ như là: *Bốn bể anh hùng còn dại gái – Thập thành con đĩ mắc mưu quan*. Bắt bẻ Tản Đà bài Tây Hồ vọng nguyệt *"Mảnh tình xẻ nửa ngây vì nước, Tri kỷ trông lên đứng tận trời"*, ông cho như thế chưa đủ để thích thực cái đề bài thơ. Nhưng ý ông làm, ông cho là phải làm hai câu đó ra như thế này: *"Này nước Kim Ngưu ba mặt rộng, Kìa con Ngọc Thỏ chín từng cao"*, thì mới là sát đề và chữ đối nhau chan chát.

Phải trông thấy ông Thông Phu huênh hoang, tự cười mũi, giang tay lúc đọc mỗi giai cú lên thì mới thấy cái thú rung đùi ké và góp nhời bàn về thi phú.

Cái miệng đọc ngâm thơ ấy giờ đã có tật nguyền, chống nẹ nơi giường bệnh, mọi khi ông còn tỉnh táo thích chí về một giai thoại văn chương gì do bọn tôi góp lẫn với nhau cho nó hết những đêm hầu cận con bệnh, ông Thông Phu muốn nói mà chỉ ấm ớ và tội nhất là phải trông thấy ông ta tỏ ý chia vui cùng anh em. Ông Thông Phu cười mà như mếu, mặt dăn dúm lại như khuôn mặt lệch lạc vỡ nát của một kẻ chiến bại bị hơi ngạt cùng diêm sinh ở mặt trận về. Để lãnh thảm cảnh đó, bọn tôi từ đấy không dám nói vui trong lá màn bệnh nữa, định tránh cho phế nhân đó những nét cười gắng gượng đau khổ.

Vậy rồi, có một buổi tối, tôi đang ngồi nướng thuốc cho con bệnh nghiện như mọi ngày, tôi phải giựt bắn mình lên vì tôi trông ông Thông Phu có tất cả dáng điệu một con người lên cơn bệnh chó dại cắn. Đầu nghiêng, hai mắt đảo ngược, miệng ú ớ như người bị ma mộc đè và chân tay cử động như một con đồng bị giấc ngủ thôi miên xui khiến. Và lúc mà tứ chi ấy co duỗi được với sự mệt mỏi quái dị thì chân tay ấy oằn oại như chân tay một con bệnh già đã tử lúc đã đâm ra phát phiền. Tôi vội chạy ra gọi bà Thông Phu vào.

– Chị vào xem anh ấy làm sao ấy. Nhanh lên.

Tôi lặng ra ngoài, chờ, phần vì sợ, phần vì tưởng cái phút này đã là lúc ông Thông Phu được trả hết nợ sống, được thoát hết cái khổ sở và nỗi sống nhục và trong cái phút lâm chung thiêng liêng ấy, tôi không nên có mặt ở đầu giường để cho người chồng bất hạnh ấy được

tự nhiên mà dối dăng cùng vợ một đôi chút việc nhà còn đọng lại chăng. Ai mà chẳng có một chút tâm sự để dành. Trái với sự chờ đợi của tôi, bà Thông Phu đã trở ra với một nụ cười:

– Gớm chết, chú làm tôi hết hồn. Tưởng là cái gì. Anh định cho chú cái lư đồng ở bàn đèn ấy đấy. Vào lĩnh lấy và đem về nhà mà làm gia bảo. Úi chà, anh quý nó hơn vàng đấy. Chú đi lại đây mãi – từ lúc nhà tôi còn chưa lâm nạn – thì chú biết đấy chứ còn gì nữa. Khối người định lấy mà chú xem, dầu thân đến mấy đi nữa, đã có ai nhắc nó ra khỏi cái nhà này một phút chưa. Chú đừng làm ra bộ ngờ nghệch nữa. Tôi nhớ hình như hồi anh còn lành mạnh – mấy lần chú đã nằn nì định lấy mà nhà tôi chỉ cười thôi, không nói sao cả.

Tôi trở vào buồng bệnh, tay vẫn cầm cái tiêm sắt đầu nhọn có điếu thuốc nướng chưa chín hết. Con bệnh nhìn tôi, lấy mắt ra hiệu chỉ xuống chiếc lư đồng mắt cua nơi khay đèn và lúc thấy tôi kính cẩn nâng cái vật kim khí ấy lên ngang ánh đèn với vẻ trầm ngâm, thì ông Thông Phu nấc cười lên mấy tiếng. (Bây giờ, mỗi lúc phải nằm ở lữ xá, cạnh một ông bạn có tính cười sằng sặc trong khi mê ngủ, tôi lại hồi tưởng đến tiếng cười ông Thông Phu khi ông vui lòng sang chiếc lư đồng đó cho tôi làm chủ). Những nét cười thành tiếng ngắn đó càng làm cho khuôn mặt ông Thông Phu méo máo thêm. Tôi lại đặt chiếc lư đồng ấy xuống lòng khay đèn, buồn rầu nói với kẻ tật nguyền:

– Anh cho cái vật này là quý lắm. Nhưng hãy gửi lại đây. Để hôm nào kiếm được một cút thuốc phiện ngang – độ một hai lạng – đưa xuống cho anh dùng, gọi là đánh đổi, rồi sẽ đem lư về.

Ông Thông Phu gật gật, nở thêm mấy nụ cười để tỏ ý cảm ơn sự chu tất của tôi. Nét mặt người đau khổ ấy muốn biểu lộ sự hài lòng, lại càng dăn dúm thêm như một cái mặt gấu đem phơi nắng.

Tôi làm bạn với cây roi chầu từ ở đất Thanh Hóa, một năm gì đó trước ngày làm bạn lệch tuổi của ông Thông Phu.

Nhưng thực ra, từ lúc kết giao với ông Thông Phu, tôi mới nhận rõ cái chân tướng nơi hàng viện. Rồi từ ấy, ngày tháng lần lữa, tôi đã có dịp được nghe tiếng đàn đáy ở giữa một sòng bạc Cốc Lếu lẫn trong tiếng nước non sông biên giới chạy xuống phía Hồ Kiều (tôi ở lầu Cai ở một đêm, một đêm không trăng, vị trí lập tỉnh tôi không thuộc, nên không rõ dòng nước chảy về Hồ Kiều hay chảy từ Hồ Kiều ngoặt lại) ; Tôi đã lắng nghe một cô đào xứ Nghệ chọ chẹ ngâm bản

Tỳ Bà bên bờ sông Hương, "giọng líu lo buồn nỗi khó nghe", tôi đã cho đánh một cái xe thổ mộ xứ Nam Kỳ lên Phú Nhuận để suýt nữa phải nghe một cô đào Bắc trôi dạt vào đây đã lâu năm, giọng hát cổ kính và hồ biến thành khúc ca cải lương. Tôi còn... tôi còn những gì nữa?

Tập vở này không phải là một tập phóng sự về nhà hát và cũng không phải là một thiên nhật ký ghi lại đủ một thời kỳ khủng hoảng tâm thần. Có lẽ tập vở này cũng lại chỉ là những trang tùy bút chép lại một ít tâm trạng tôi cũng lại là những ngày phóng túng hình hài. Đối với xã hội trưởng giả, tôi vốn chịu tiếng là một đứa chơi bời nghịch ngợm. Nghe người ta dị nghị mãi, nó cũng đã quen đi rồi. Quãng đường lêu lổng của tôi, không rõ đến niên hiệu nào là chấm dấu hết. Nhưng vụt nhớ lại chuyện mười năm cũ, tôi đã thấy những thôi đường ấy mở đầu từ lúc ông Thông Phu cho tôi cái lư đồng mắt cua nhỏ bé ấy.

Về người tiền chủ cái kỷ vật đã để lại những kỷ niệm thiết tha đó cho tôi, lâu nay tôi không nhận được một chút tin tức nào. Lâu nay, nghĩa là đã ba bốn năm nay.

Có người bạn phùng trưởng tác hi gặp lại hồi đầu năm nay lại bảo ông đã từ trần rồi.

Hỡi ôi

Cố nhân

Một vệt khói nhạt trên lư đồng.

Thang Quận, Tân Ty, tiết Thanh Minh,

Trời đất gì mà lâu bền mãi thế này. Ngày giờ gì mà dềnh dàng ra mãi như thế này. Hai que đồng hồ đẩy xô cũng như không muốn nhích thêm quá cái đà nhất định của cái vật máy. Trở ra rồi lại trở vào, tôi chẳng nghĩ gì, chỉ chú ý vào bóng nắng. Ánh nắng ngoài hè mới chỉ đến có đỉnh đầu. Bao giờ mới được hoàng hôn? Và đến bao giờ thì ánh tà dương mới tận cùng? Trông mấy cây cột đèn bằng xi măng cột sắt trồng bên lề đường, lưng chừng thân cột lủng lẳng chiếc bóng thủy tinh hình quả vả không có tia lửa điện lòe, tôi hoài cảm vẩn vơ như một khúc sông lấp. Cột đèn xi măng màu xám bệch như màu sắc những ngày tháng đã vô sự mà lại hết rượu. Thủy tinh bóng đèn điện không có lửa, dưới ánh nắng bóng bẩy như đồ tế nhuyễn mạ và vô liêm sỉ như những cuộc đời không có chân giá, mỗi tí hào nhoáng phủ lên trên chỉ toàn là của đi mượn hoặc lường gạt của tất cả chung quanh.

Hồi còn ở trong lao, lẩn quẩn suốt ngày, tôi chỉ nghĩ đến những chuyện ăn uống. Của chua, mặn ngọt béo bùi cay, cái gì cũng thèm, thèm quá đứa ốm đòi ăn giả bữa.

Đi tù về, tôi chỉ thèm chơi. Chơi cảnh, chơi người. Cảnh, bất cứ chỗ nào của tự nhiên. Người bất cứ là ai, bất cứ hạng nào ; chơi xong rồi bỏ, có định giữ gìn đâu mà phải lựa lọc. Cái đám người quen của tôi thực đã tạp và bất đẳng quá chừng.

Từ một cuộc gặp gỡ tình cờ một tối bữa trước, cái người bạn hành lạc ấy đã hẹn chắc với lòng tôi rằng tối bữa này phải gặp nhau nữa để đi tìm vui. Trong những nhà hát, tiền bỏ ra mua vui, cái anh bạn ấy cam đoan là gánh lấy hết.

– Đã đành, nhưng ở đâu?

– Chọn xem. Thích chỗ nào thì ở. Tôi đến nhà cũng được. Thế nào tôi chơi cũng xong cả.

Nghe cái anh bạn mới có một dúm tuổi đầu, mặt bấm ra sữa mà lại cũng nói cái giọng lão giang hồ, tôi đã lộn cả tiết lên, định cho một trận, nhưng nghĩ lại làm như thế thì mất một người chơi, tôi vội nói:

– Việc gì mà nói cái giọng chán chường yến oanh như thế. Chỗ nào vui vẻ sạch sẽ gọn gàng chu tất thì mình phải tìm mà tới hơn là những nơi luộm thuộm khác. Tiền thật chứ có phải là gỗ đẽo đâu.

– Vậy thì để đến lúc ấy sẽ hay. Tôi sẽ lại tìm anh đằng nhà, cùng đi rồi tiện đâu tươm tất, chúng ta sẽ cùng bước vào.

– Tìm tôi ở nhà không tiện. Như mọi anh em đều biết cả đấy, có việc gì giao thiệp cùng ai, có mấy khi tôi tiếp bạn ở nhà đâu. Mọi việc khác còn thế, huống hồ việc của bọn ta bây giờ lại chỉ là việc đi hát.

– Thôi thế thì lại cứ đến cái nhà này vậy. Ai đến trước thì nổi trống trước cho nó tiện. Anh có người bạn nào thú vị thì cứ mời đến.

Đứng ngắm một cái mặt trời ba giờ chiều rầu úa sau một con chai ung vỡ rỏ máu, đang chênh chênh ngả về Đoài, tôi đã nhớ lại cả những đoạn đối thoại này. Và lòng càng cầu nguyện cho ngày chóng tắt hết những tia nắng cuối cùng đi. Thành phố bật đèn là cái giờ phút của tôi.

Lâu nay tôi không chịu sống ban ngày, hình như chỉ ở được đêm tối thôi. Tôi thích đêm tối lắm. Thích nó hơn cả một người đàn bà phong tình, hơn cả một anh kép hát yêu mọi cái hoạt động bằng ánh đèn, bằng màu bằng tiếng từ chung quanh một cái sân khấu.

Ban ngày, thường tôi lừ đừ, tối thì tôi lại trở nên nhanh nhẹn. Đến như câu chuyện trao đổi bất cứ là ai cũng vậy. Ban ngày tôi nói chuyện uể oải, nhát gừng dở dở ương ương, mặc dầu tôi thừa hiểu rằng cái thói phát ngôn như thế là có hại đến quyền lợi của mình. Tôi nghiệm ra tôi chỉ say đắm những lời tôi nói vào lúc đã lên đèn rồi. Câu chuyện của tôi trình gửi với chung quanh chỉ có duyên, có lễ độ, có thủy chung có mạch lạc, dưới một cái ánh đèn thôi. Người ta đã nói đến những bộ mặt có nước da ăn đèn. Người ta đã đả động đến những khách đã đi chơi đêm nói chuyện có duyên. Cái duyên của một câu chuyện "ăn" đèn. Tại đèn? Tại chuyện? Tại người nói? Hay tại có bóng tối trùm lên?

Nào tôi có hay. Hình như trong người tôi có hai cái tôi. Một cái bản ngã khác thuộc hẳn về phần đêm. Nếu ban ngày tôi đã thờ ơ, lửng khửng, e lệ, chán mỏi thì từ buổi tối trở đi, tôi lại nhanh nhẹn, thiết tha ham sống và cười đùa luôn luôn. Chừng như chỉ có đêm hôm và bóng tối mới là cái hoàn cảnh vững chắc cho tâm thần bất định của tôi. Cái tâm thần ấy có lẽ là tâm thần của tất cả những người quen thân lạc nhiễm những tập quán của truy hoan.

Đêm đến, đi ở ngoài đường – không cần đến con đường ấy tối om, đầy ánh sáng điện, hoặc bóng tối lại chen lẫn từng đoạn với hình kỷ hà học những mẩu ánh sáng của các nhà còn thức rọi ngang lên mặt đường – ngậm một điếu xì gà, chống cây gậy đầu khoằm gọn lỏn trong bàn tay, vừa đi vừa lắng rượu của mình thấm vào máu mình, vừa nghe tiếng chân mình dẫn đường cho cái bóng bẹp lép của mình, tất cả bấy nhiêu đều được nhòe lẫn trong cái nặc danh của Đêm. Trời ôi, cuộc sống tình cảm của tôi về phần đêm sao giầu có đến thế được nhỉ. Cái phong phú về tính tình tôi giữa cảnh khuya nhiều khi đã làm tôi quên hẳn rằng trước lúc này chỉ có mấy giờ, trước cái phút thiên hạ đỏ lửa tôi đã chỉ là một người nghèo nàn, hèn nhát, sợ mọi biểu diễn của cuộc sống.

Khi nào tôi yêu được cái người bạn đạo đức khô khan ấy mỗi lần phải từ giã là chỉ để lại cho mình cái dư vị một bát cơm nguội rưới nước ốc. Vậy mà những lúc gặp ông đứng vẩn vơ dưới cái quầng đèn điện chỗ ngã tư đường phố, nhìn cái đám thiêu thân, muỗi mắt và châu chấu non kẻ vẽ những hình tròn nhanh gấp dưới chao đèn công cộng mà tôi lại có cảm tình với ông. Tôi lại cảm thấy rằng ông ta cũng có lẽ phải của ông ta. Và nhiều buổi ban ngày, ra tôi đã bất công đối

với nhiều người chỉ vì người ta không giống mình. Ra ban ngày, trước nhiều giá trị tinh thần, lòng tôi đã khép lại một cách vô lý.

Xô rẽ lớp không khí trời tối, tôi đã tháo mở cả một tấm lòng, đãi những người quen đang xuôi ngược kia một cái chào tử tế chỉnh đốn hoặc gửi vào tâm họ một câu hỏi thăm săn đón. Rồi tôi lại còn có thể niềm nở chuyện vãn và dừng chân rất lâu, đứng lại với cái bọn người quá tầm thường vô vị ấy. Cả người họ không có một tí gì đáng kể. Nhưng đêm tối đã cho họ được ngang hàng với bất cứ là ai ở cuộc đời này. Không những thế, họ lại còn nghênh ngang, đi đứng ngả nghiêng, cười nói oang oang là khác nữa. Họ dám gọi tất cả người chung quanh là thằng là con hết cả. Chỉ có bóng tối nặc danh làm chứng cho những nhời bất kính ấy thôi. Ở giữa một thời máy móc dễ san bằng phẩm giá người này, khi mà người ta đã leo được lên một chiếc xe hàng ngày chạy bằng nhân lực gợi nhắc đến những kỷ nguyên Trung cổ, khi mà người ta đã vắt được cái chân lên giục một cái xe chạy vùn vụt dưới dãy đèn điện ai mà chẳng giống như ai. Bóng tối đánh lộn sòng hết. Ngồi trên một chiếc xe kéo ban đêm kẻ thường nhân vô danh tiểu tốt cũng có quyền ngồi chễm chệ như những đấng thiên tài tột chúng, như những bực vĩ nhân hiền giả xuất phàm.

Mặt trời đã rụng xuống đằng sau một dải thành gạch kiểu Vauban. Lòng tôi hứng khởi dần lên. Bụng dạ tôi cũng rạng tỏ luôn một lúc với đèn điện phố bật tung. Cả người tôi rung động lên như cái rạp tuồng kia ở Cửa Tả đã bắt đầu nổi lên những trống giáo đầu. Tôi rước tôi bước ra đường. Đuổi theo tôi là những lườm nguýt và thở dài vô hiệu lực của thân quyến.

Chân tôi nhẹ, đầu tôi bận bịu những vui thú, lòng tôi rộn ràng. Trong ấy đang có một đám rước đèn. Đám rước đã đổ ở một hiệu tạp hóa người Chệt. Lấy cớ là đổi một đồng bạc ra để có hào lẻ trả xe, tôi bóc ra một gói thuốc Ăng Lê và khói lam một điếu yên nương thổi phèo ra ngay ở mặt quầy hàng đã vẽ lên không gian hình ảnh một khuôn mặt ca nhi. Luôn mấy đêm không gần con người từng trải ấy, tôi đã tơ tưởng đến người ta như là người khác từng tưởng vọng đến một thiếu phụ lương thiện. Tôi đã nhớ đến cái hoàn cảnh đặc biệt nơi người con hát ở, qua một cô gái nhảy kinh thành, chiều chiều lại nhớ chiều chiều, nhớ dịp kèn, một khi về ở với một người đàn ông tỉnh thượng du, định làm lại cuộc đời.

Từ lúc thôi không làm thư ký hãng bán điện nữa, tôi ít giữ đúng

lời hẹn với những người cố tri chỗ lầu hồng. Một lời hứa chắc tức là tiền bạc rồi đấy, nhưng đảm bảo chắc chắn cho lời hứa, thường là dư tiền, sẵn tiền. Chẳng biết cái ông Quý Bố ấy xưa vốn có là một người giàu có không?

Gần một năm tròn đi làm sổ sách cho cái sở tư ấy, tôi tịnh không đưa về nhà một đồng nào đem tiêu tất cả đi như là một thứ của bất nghĩa. Tôi đã đem cái tiền ấy ra mua lấy những cái cười hời giá và rã rời – nhiều cô đào cười để chẳng bao giờ tỏ một ý vui chân thành – và để tập đòi lấy những thói khinh bạc hèn nhát cùng những lối ngôn ngữ lếu láo giả dối. Lúc không đi làm nữa, đâm ra xoay tiền quanh để phụng sự những thói quen cũ, tôi đã đem lại những điều hay ấy mà truyền cho những người khờ khạo khác. Cái đám trẻ trung một lứa như tôi này đã bầu tôi làm quân sư.

Anh là người thớ lợ.

– Anh là người vừa tung vừa hứng, vừa đánh trống vừa ăn cướp. Câu chuyện chỉ có thế thôi đấy. Anh nói cả lấy một mình.

– Ai thèm đấu khẩu với. Ngồi với anh khó nói chuyện lắm. Mà thôi đi, đừng nói chuyện vờ vĩnh, dăm bảy hôm lại giả đò cái bộ tịch "hấp lìm" ra. Đây thừa biết rồi.

– Truyện của anh thức đem ra mà cúng được. Chỉ mọc sưng sưng ra. Tài thế. Chúng em mà có định nói niếc cái gì thì ít ra là cũng phải mục "đích" cho hai năm rõ mười đã.

– Anh nói như thế mà không sợ mù mồm à. Không sợ chị ấy ở nhà đẻ ra con gỗ, chân ra trước à.

– Em cắn cỏ lạy anh. Đối với các anh ấy đang mến bác em, đi lại đây xướng hát luôn luôn, anh đừng nên đem những việc cũ của em ra mà nói. Anh thề độc với em một câu là không bao giờ lật tẩy em nhá. Chúng em làm mối cho một người, người thì không đẹp nhưng được cái nói chuyện màu mè thì có thể đẹp gấp rưỡi anh. Chị ấy cũng đã ba chìm bảy nổi chín lênh đênh, nếm cơm thiên hạ đã chai cả mồm ra rồi. Làm mối luôn tức thì nhá.

Trong cái thời kỳ tôi đi hát bằng tiền người khác, những câu đại để như trên, nghe đã nhàm. Động thấy tôi đến cùng với một bọn đông người lấc cấc là đã có một cô bấm riêng ra một chỗ để nhắn nhỏ một vài lời. Một bên là những người bạn chơi ngang, một bên là những người đàn bà quái quỷ cười cợt để sinh nhai, tôi đứng giữa

nhận tâm sự, để rồi nhiều khi phản cả đôi bên, chẳng khác gì một tên do thám ăn lương cả của hai nước đang găng nhau từng tấc đất biên giới.

Có nhiều chủ nhà hát đã gọi tôi là giặc, là một tên làng chơi hay sinh chuyện để điều, quấy nhiễu xóm hát cứ vữa cả ra. Nhưng vốn biết tôi hay làm cố vấn giết người cho một vài đám trẻ dại thừa tiền và lại thích đàn đúm, nhiều chủ nhà hát chiều chuộng tôi ra mặt. Họ gọi tôi là người ngọc là anh ấm, là ông cụ non, là ông chủ báo, là quan tham nhật trình. (!) – tôi lúc bấy giờ thông phóng viên quèn cho một tờ nhật báo phía Bắc. Ồ. Nói đến chuyện một người phóng viên nhật báo ở tỉnh xép thì quái lạ lắm. Chắc những kẻ bỉnh bút viết bài, nhưng mà chỉ lão thành sống với nghề ở chính giữa chỗ kinh đô xướng bản ra những tờ báo thôi, không tài nào hiểu được cái uy danh của người ký giả xoàng ở các địa phương. Ở một tỉnh nhỏ mà mọi người ở mọi từng lớp xã hội đều có quan niệm rất trưởng giả về danh phận và nhân phẩm, mỗi khi trong nhà mình thoáng có một việc gì xảy ra là chỉ sợ hàng xóm và phố phường dị nghị, họ đã e dè cái bọn thông tin cho các báo. Cái việc tường thuật hàng ngày ấy theo mục việc vặt các tỉnh, họ chỉ gọi việc hớt lẻo. Trông thấy bóng một kẻ thông tin cho báo chí là họ lánh như lánh hủi. Không bao giờ họ yêu kính được, nhưng họ gớm, tởm, sợ. Mỗi lúc có việc gì xảy ra trong hạt mình, cái anh thông tin viên chạy cứ nhặng lên, cái đó đã đành ; những lúc ngồi rồi tán láo, các chuyện của bực ký giả ấy lại càng nhặng nữa, nói toàn chuyện châm lửa đốt giời ghẹo người trong gương. Ấy thế rồi giữa một mâm rượu bừa bộn của nhà hát, người ta bô bô khoe mẽ với đám đàn bà khờ khạo ấy rằng "cứ để đấy, về là đả cho nó mấy cột". Nó đây là những bậc quan viên có án tích với nhà hát này hoặc trên cái trường tình đẩy họ đã gửi lại những kỷ niệm xấu xa đau xót đến của đến người. Cái lúc này – có rượu, có hơi đàn bà, một thứ đàn bà mua chuộc được bằng tiền – cái lúc này là cái lúc một người phóng viên đớn hèn bất tài cũng dám gọi những ông quan đầu tỉnh mình là, là... một cách rất xách mé, mặc dầu họ vẫn biết rằng những vị Thủ hiến ấy muốn trục xuất mình khỏi tỉnh lúc nào cũng được. Ấy thế rồi cứ theo cái đà huếnh hoáng ấy, người ta dám đem tên những bực đáng tôn kính trong nước ra mà gọi là thằng. Chưa có cái thứ người thanh niên nào trong dân gian lại có cái thái độ bất kính và anh hùng rơm như một người phóng viên tỉnh xép lúc cao hứng rượu bên một đoàn cô đào. Cái đám son phấn lầu hồng, vào

giờ phút ồ ạt cười rỡn này lại là những con chim họa mi cái rất lợi hại, mỗi nhời lơi lả gửi vào tay kẻ nghiêng ngả kia là cả một thùng dầu tây tưới thêm vào bếp lửa lòng.

Tôi đã kiêu hãnh ngay một cách rất rởm khi bà chủ nhà hát không ngủ được vì những câu chuyện hài hước, hảo hớn rất huyên náo nơi cách cái buồng riêng của bà chỉ có một bức tường con kiến, ló đầu ra góp vào mâm rượu hỗn độn một câu khen tôi:

– Mồm mép nhà báo có khác. Kiến trong lỗ phải bò ra. Tiếc rằng dì nó lại ra Bắc mất rồi. Dì nó cũng vui chuyện lắm. Phải cái tính ngang ngược, miệng lưỡi lại đá chút "càn long" thành ra không ăn giọng với đám quan viên ở đây. Giá còn dì nó ở nhà những lúc này đối đáp cùng ông, chắc tâm đầu ý hợp lắm. Dì nó đâu cũng con nhà gia thế tử tế như ông...

Con nhà gia thế như tôi? Tôi tự nhiên uống thìa rượu thấy đắng. Ngừng ngay đũa, ngồi thần người ra, tôi đã nhìn rất lâu một khoảng sân nhà hát nước mưa làm loang như tráng mỡ nước. Lòng tôi rầu buồn hơn cả mấy chục bó cúc dầu dãi giữa ngoài trời ấy từ mấy tháng trước, thân đã tua tủa nhô lên những hình nấm không có tên gọi.

Tôi bước chân lên tầu. Con tầu lửa ấy đến Nghệ không đỗ hẳn lại, còn đi nhiều nữa trên đường sắt, nhưng tôi đã bỏ đoàn tầu đẹp đẽ ấy mà tạt xuống nhà ga Vinh. Cái chuyến ấy tôi định xuống Nam Kỳ. Nhưng lại chia đường đất ra làm hai chặng mà thành phố Vinh là một cái đoản đình. Không đành lòng đi thẳng, tôi đã muốn ghé xuống đấy để chào một người bạn, tòng sự ở Bến Thủy. Tôi còn nhớ hôm tôi lên tầu ấy là một ngày thứ hai hoặc thứ năm gì của một tuần lễ buồn tênh.

Ở mãi một chỗ, ngày nào cũng đi hát, cũng nhắc lại bấy nhiêu câu nhảm nhí, diễn lại mấy chương tình sử ôi rẻ ấy, có mà là người đời. Ngày giờ của tôi không thể rời rạc hơn thế nữa. Thời ấy tôi còn đội mũ và tôi đặt nhiều buổi phiền bực gắt gỏng cả với một cái đinh bảy phân đóng ngập nửa vào bức tường vôi. Tối đến, mũ áo để ra đi rồi ngày mai trở về nhà, lại móc mũ áo vào cái đinh cũ ấy. Cái đinh của mọi ngày. Cái đinh của những ngày đã cũ.

Tôi nhớ ra rằng tôi đóng nó vào vách vôi đã hơn một năm trời. Hôm ấy tôi mới lĩnh tháng lương đầu tiên, mua được cái mũ dạ, bèn đóng cái đinh ấy vào tường treo ngay cái mũ lên. Không những treo mũ, tôi lại còn móc bao nhiêu áo tây vào đấy nữa. Cái gánh mũ áo ấy

cũng khá nặng. Sức nặng trĩu ấy có thể lôi kéo cái đinh ấy xuống, làm đinh phải bật long ra khỏi tường. Tôi đã chờ một tiếng ầm xuống sàn gác, giữa một đêm ngủ nhà, để rồi lồm ngồm dậy dọn cất cái đống mũ áo rơi ấy.

Nhưng lạ quá cái đinh ấy chẳng bao giờ bật ra khỏi tường. Tôi vẫn chờ mãi. Thời tiết hết hanh rồi lại nồm cứ đều đều kế tiếp mà đổi thay quanh một cái đinh. Mùa mưa ẩm thấp đã qua. Kế đến mùa nắng gắt. Nóng nỏ đã làm khô cứng lại dỉ sắt mà mùa ẩm trước đã ký gửi lên thỏi sắt bé nhọn. Hòn gạch xưa của bức tường vôi! Cứ việc như thế mà ngậm chặt lấy đầu đinh. Cái đinh chẳng còn rụng rời xuống nữa. Đã bao nhiêu lần tôi móc lên đấy những đồ vật phục sức đầy những hơi hướng của tôi? Bên cạnh tôi, ở xa, ở gần, bao nhiêu cái gì không phải là tôi đã đổi thay! Mà cái sống gượng gạo của tôi thì cứ chết cứng trên một cái đinh đã hơn một năm. Ngày nào cũng quanh quẩn ở đây để treo vào đấy một cái mũ và để lại nhắc cái mũ ấy ra rồi đội lên đầu mình (Trên đỉnh đầu, giá dúm tóc ấy chẳng bao giờ ngả màu). Thói quen. Thói quen hàng ngày. Những thói quen hàng ngày tầm thường của một cuộc sống tầm thường.

Phải ruồng bỏ những thói quen xoàng xĩnh đó đi. Ấy thế rồi một buổi ngồi nhà uống rượu một mình nhấm với nỗi bực mình phát nguồn ngay từ trong lòng mình ra, tôi đã cùng đứng dậy, đi lại mé tường nhổ mạnh cái đinh bẩy phân định vứt nó đi. Tôi lay cái đinh không chuyển. Nhổ có một cái đinh nhỏ, tôi không ngờ rằng thân thể tôi đã hoàn toàn vận động. Mồ hôi vã ra. Cả một thân sau sơ mi ướt đẫm. Tôi đứng cạnh bức tường, một tay phải tì vào tường cho đầu đỡ choáng váng, lặng nghe tiếng con tim đập mau gấp như sau một cuộc chạy nhanh. Việc cử động thân thể ấy đã đem lại một nỗi buồn sợ rất lớn cho tâm thần. Tôi đã không lay được một cái đinh chứ đừng nói tới chuyện nhổ nó ra khỏi tấm tường vôi nữa.

Tôi thoáng nghĩ đến chuyện những người tập luyện thân thể, giữ sức khỏe của mình như vật báu, thường có tài rút một cái đinh đóng thuyền đã ngập sâu vào thân một cây cột lim. Họ rút đinh nhẹ nhàng, tưởng chừng như đấy chỉ là một trò đùa của trẻ con nghịch nhấc những chân que hương lên khỏi bát nhang nêm tro.

Thế này thì ra tinh thần tôi bạc nhược lắm rồi. Tôi tính lại niên xỉ của tôi. Chao ôi đấy là cái thành tích rực rỡ của những đêm trăng bên những bông huệ tàn. Thức nữa vào. Cười nữa đi. Uống mãi vào.

Hít nữa vào. Hát xong thì lại không bao giờ nên để chén cạn và phải cạn mãi cho hết những chén đầy nữa vào, ối! Ối! Tôi ơi! Ối những người bạn thân nhất của tôi ơi!

Đã thế này thì tôi không thể để cho cái đinh ấy yên lành ở tường được nữa. Ồ, đã có chiếc kìm. Lập tức tôi đi mượn ngay cặp kìm thép của ông hàng xóm. Thế mà cũng hì hục loay hoay mất một lúc. Đinh rút nhổ rồi, vôi trát tường ải vỡ xuống, tường phô bầy một lỗ gạch loe từ trong ra như một cái miệng phễu, bột gạch già nhuộm lên miệng lỗ tròn một màu đỏ chết. Tôi ngắm chuôi đinh cũng nhuộm đỏ một màu tối ấy, nghĩ đến mấy phút lao lực vừa qua, tôi tưởng rằng tôi vừa bẻ hộ một cái răng hàm cho một người có tuổi. Lỗ hổng tường tuôn bớt gạch đỏ ra, vẫn há hốc miệng máu chờ một cái chổi lau chùi cho.

Ngay tối hôm nhổ đinh, không phải mắc mũ áo vào một cái mấu nào nơi tường cũ đã mất rồi, tôi cứ để luôn mũ trên đầu và đóng luôn quần áo mà ngồi lù lù giữa nhà. Mệt quá tôi ngả lưng xuống tràng kỷ, kéo luôn mũ phủ kín mặt người hành khách hạng tư kiếm một giấc ngủ trên ghế dài con tầu tối.

Không ai gọi tôi dậy cả, nhưng linh tính tôi nhớ đến giờ ra tầu tối, đã đánh thức tôi dậy. Nhà tôi thấy tôi xách va ly ra xe, kéo riêng vào buồng hỏi tôi đi đâu.

– Đi làm ăn xa. Hơi xa một tí. Sẽ có thư về sau. Đừng cho ông bà biết vội.

– Mình lại đi làm hãng điện nữa à?

Tôi không trả lời, bước ra. Thấy từ nẻo xe đang đi lại phía cửa nhà tôi một cô đào trẻ rất quen thuộc, tôi lại vội thụt vào. Không phải là tôi có thói mê tín sợ gặp gái lúc xuất hành nhưng tôi đã muốn tránh cho tôi một việc phiền. Thế nào gặp tôi ngồi trên xe với chiếc va ly, cái cô đào sắp đi lại kia cũng vồn vã chào và gửi một câu. Mà vợ tôi thì lúc ấy đang mặc cả xe đứng ngay ở cửa.

Người đào nương đi qua cửa nhà. Nàng nhìn tôi lấm lét, nhìn vợ tôi tủm tỉm, vừa bước đi nhanh vừa cười úp xuống những hòn đá trên đường cái phố. Cái người phu xe già vốn vẫn kéo đưa tôi xuống xóm hát và đang ghếch càng xe lên hè chờ tôi ra ga, mở một nụ cười a tòng rất có tính cách buộc tội cho tôi, trước mặt vợ tôi đang ngần ngại.



Hồi ấy, xe lửa từ Bắc vào Nam chưa đi suốt được như bây giờ. Chỉ đi đến Cửa Hàn. Rồi từ Cửa Hàn đến Nha Trang, quãng vận tải dài ấy phải dùng xe hơi.

Hồi ấy, tầu tốc hành chưa được thường nhật như bây giờ. Mỗi tuần chỉ hai chuyến vào ngày thứ ba và thứ sáu.

Tôi lên ga vào một ngày thứ hai hay thứ năm gì đó, của một tuần lễ làm lại cuộc đời (nghe mấy chữ làm lại cuộc đời, sao nó gợi cảm và vui khỏe đến thế).

Tôi đã trịnh trọng tỏ ý định làm lại cuộc đời tôi cho anh bạn tôi ở ngay ga Vinh lúc vừa mới xuống tầu gặp anh ra đón, đi từ Bến Thủy lên.

– Trước khi đi thẳng vào Nam Kỳ, tôi muốn ghé thăm anh, nói chuyện với anh một hôm cho nó hả, rồi tôi lại đáp chuyến tốc hành đi Tua Ran. Tôi ở với anh một hôm cũng đủ chán thời giờ. Chị và các cháu từ độ vào với anh cũng vẫn thường cả đấy chứ?

– Lại tống về quê cả rồi.

Nói xong một câu cộc lủn ấy, bạn tôi cười hì hì. Tôi muốn hỏi thêm nhưng hai chiếc xe tay bọn tôi đã cách hẳn ra một khoảng. Giữa phố đông, nói chuyện riêng mà to thì chẳng còn là tiện nữa rồi. Tôi để dành câu chuyện ấy về nhà bạn vậy.

Bạn tôi cho chạy xe lên trước rất nhanh, vượt tôi một quãng rất xa rồi bỗng đỗ lại trước một nhà ở phố Cống Đệ Nhị. Phố này phần đông nhà ở chỉ là nhà hát, người bạn tôi vốn là một người ốc sạo chơi bời khét tiếng, tính rất vong mạng, chưa từng chê vứt một cuộc du hí nào, chưa từng lui trước một người đàn bà nào cười cợt với anh. Đối với tôi, anh là một bực tiền bối trong sự rượu chè đĩ bợm thuốc xái, tôi có muốn noi theo anh, kể cũng còn chật vật chán. Anh đã là tấm gương bóng nhoáng, một kiểu mẫu chói lọi cho những kẻ muốn tập đòi có một cuộc đời phù phiếm phóng đãng. Anh đỗ xe trước cửa một nhà hát, không có gì là lạ. Tôi cũng họ xe lại, đợi anh ra rồi cùng đi về nhà anh ở Bến Thủy.

Nhưng tôi đã không khỏi phiền lòng khi một cô đào nhỏ tuổi từ nhà hát chạy thẳng vào cái xe của tôi, giơ tay ra giựt lấy hành lý từ trên xe xuống đất và miệng nhí nhảnh:

– Chị em bảo mời anh vào nhà.

Cô bé lại nói thêm một câu làm quà:

– Chị em vẫn nhắc đến anh luôn luôn. Được tin anh vào chơi chị em mừng lắm. Chị em đang quấn lại tóc và đánh phấn.

– Chị nào?

– Anh đừng vờ. Em biết cả. Cái ảnh của anh, chị em dán vào mặt trái nắp hòm da, em cũng được thấy.

– Nhưng mà ai? Chị nào?

– Chị Phương của anh chứ còn chị nào đây nữa. Tôi càng ngạc nhiên hơn lúc chưa được biết tên. Tôi gặp cũng đã nhiều cô đào nhưng trong cái đời tình cảm lăng nhăng của tôi nơi hàng viện, tôi chưa quen một cô Phương nào thân mật đến nỗi gửi tặng được ảnh cho người ta đem mãi tận vào Nghệ dán nó vào một cái nắp hòm da. Tôi phân vân nghĩ kỹ dở lùi về những đêm hát cũ.

Anh bạn tôi đã chạy nốt ra, miệng toe toét quá cô bé đứng đấy:

– Hãy vào đây đã. Ta cho xem cái này hay lắm. Người cũ của mày độ nào trông ngộ hơn trước nhiều lắm nhé.

Tôi đứng sững trước một người đàn bà đẹp bắt đầu nói trước:

– Không chào Phương đi. Bây giờ đổi tên rồi. Không còn là Tỉnh nữa. Anh có đi tìm Tỉnh ở ba phố Cống này hàng tháng cũng chẳng một ai biết mà chỉ cho đâu. Thế nào đi Sài Gòn đấy à. Cho Tỉnh đi mấy. Có vào Sài Gòn thì lại được dịp thay đổi tên thêm một lần nữa. Thì lại vứt cái tên Phương này đi.

Tôi đã cho Phương nói lấy cả một mình, lòng riêng bận bịu với một vài kỷ niệm vụn vặt ngày trước.

– Sao anh buồn rũ rượi ra thế?

Rất vô lý, tôi trả lời: Không. Anh bạn tôi bắt đầu nhóm nóng cái không khí tẽn bẽ:

– Mau lên. Hai người nói chuyện tâm sự đi. Tôi tạt về sở một lúc rồi quay trở lại đây ngay.

– Thế anh không cho tôi về, về...

Đây là nhà chúng ta rồi, chứ anh còn định đòi đi đâu nữa. Anh định về tới dưới Bến Thủy ấy à? Ở dưới tôi bây giờ chẳng có một ai. Đầy tớ cũng cho đi hết cả rồi. Ăn cơm hiệu. Tối ngủ ở xóm. Hôm nào mệt lắm thì tôi mới chịu về nhà ngủ. Hôm nào bẩn lắm thì mới về nhà thay quần áo, à Phương, em bảo dọn buồng tắm cho anh Nguyễn vào tắm. Xong cái cuộc tẩy trần này, anh đợi tôi trở về rồi cùng uống một chén tẩy trần. Tôi đã dặn Phương làm cơm rồi.

Tôi còn biết làm thế nào. Bạn tôi vụt ra sở bỏ tôi ngồi đấy đối diện với Phương. Phương lại nhắc lại câu hỏi ban nãy:

– Sao anh buồn rũ rượi ra thế?

Tôi định dùng lại cái chữ "không" vô lý như cũ để trả lời, nhưng tôi đã tìm được một câu khác tuy không đúng sự thực nhưng mà gọn lọt hơn.

– Đi tầu mệt quá.

– Anh nằm đỡ xuống đây. Va ly không có cái gì lôi thôi bí mật cả đấy chứ? Em mở ra lấy sẵn quần áo ra cho anh tắm và thay nhá.

*

* *

Đêm ấy tôi bị anh bạn và Phương hà hiếp, bắt ép uống một bữa rượu trùng phùng rất ghê gớm. Đêm ấy và lại cả đêm sau nữa. Nhời ngọt ngào thành thật của bạn tôi cám dỗ tôi:

– Anh thì việc quan tư gì mà vội vã thế cho nó khổ cái thân. Tôi cũng chẳng dám giữ anh ở lâu. Nhưng chẳng mấy khi cất công vào thăm tôi – và nhân lại gặp cả Phương đây, thế là anh có thêm một cố nhân nữa, anh hãy ở thêm lấy vài ngày nữa. Anh không bằng lòng thì tôi cũng không để cho anh đi chuyến tầu đêm nay. Không đi chuyến thứ ba này thì anh đi chuyến thứ sáu tới đây vậy. Tôi chỉ giữ anh đến hôm thứ sáu này thôi. Nghĩa là chỉ có ba bốn hôm nữa chứ mấy mà cứ rối lên. Thôi uống đi. Chai sâm banh nữa. Ê cô Phương, nếu hôm nay mà anh Nguyễn không say, các cô mà để cho ông bạn tôi tỉnh thời anh chém cả nhà đem đầu lên bán cho Quản Ca đấy nhá. A lê, hôn nhau đi một cốc một hơi.

Chai này rồi chai khác. Giữa một chai gần cạn hết và một chai sắp nổ nút, là một cô Phương làm nũng như con trẻ vọc quấy đến

thiu cả người tôi ra. Bạn tôi quát tháo ầm nhà cửa nhà hát lên và cổ động chúng tôi phải "yêu" nhau loạn xị hơn thế nữa kia. Lá màn rũ buông, anh nói tiếng Pháp chõ sang giường tôi:

– Vốn liếng mày có bao nhiêu mà đòi dấn thân vào đất Sài Gòn, ở trong ấy củi quế gạo châu, mày quen được bao nhiêu người tốt mà dám đi một cách phiêu lưu như thế hử? Ráng đợi lại mấy bữa nữa tao có món tiền người ta chồng họ tao chia cho một nửa mà thêm vào, nghe chưa. Ngu lắm con ạ. Đã chắc làm ngay được cái đỉnh đùng gì mà cứ rối cả lên như việc quan lửa đốt dầu ấy.

Tôi nằm nghe cái lời hứa nồng nàn thành thực và chu tất của một người bạn có tính hào phóng và có luôn cả nết say sưa.

Giữa phút tin bạn và đang tính xếp lại nhật ký đăng trình tôi choàng nghe thấy một tiếng còi síp lê vẳng từ đầu phố lại. Đường xe lửa vô Nam vốn đặt ngang qua phố xóm Ba Cống. Tôi nghe rõ những tiếng ầm ầm cả một đoàn tầu làm chấn động quãng đất quanh nhà đấy. Tính nhẩm ; vào cái giờ khuya này, tôi biết đây là chuyến tầu đêm đi Cửa Hàn.

Những tiếng sì sì mở hơi nước đầu máy, những tiếng ầm ầm các vòng bánh sắt lăn bỗng hụt tắt. Tôi biết ngay là cả một đoàn tầu vào Nam đã lướt hết qua cái rào sắt chắn ngang đường. Giá mà đêm nay anh bạn tôi không nèo lại thì tôi đã được đứng ở hiên một cái toa cuối cùng để lúc tầu quá quãng đầu phố Cống Đệ Nhất, tôi được nhẹ nhõm trong lòng gửi một cái chào vui vẻ cho người phu giữ ghi đang vẩy hết nước bọt ra khỏi cái dăm kén chiếc còi đồng ngăn các xe thành phố lại, bên một cái biển đỏ và một ngọn đèn đỏ.

Lòng tôi nao nao vì rượu ngấm thì ít mà có lẽ rất nhiều vì tiếng con tầu vừa chạy xuôi. Con tầu ấy chẳng có tôi. Nó không thể chờ tôi được. Có bao giờ chuyến tầu lại không chịu đi nữa vì có một người lỡ trật. Tôi tha thứ cho nó. Cái giống máy móc nó vốn vô tình như vậy. Tôi lại ước muốn trở ngay lại cái thời cũ mà người đại lữ khách chỉ đi bằng sức vó ngựa, đến mỗi quán mỗi trạm, chủ nghỉ lại thì con tuấn mã cũng cứ phải đợi chờ và có sốt ruột giục chủ lắm thì cũng chỉ dám rỗ gõ móng xuống quanh đất một gốc cây dương già, lá cành rũ buông song song với đôi sợi cương da. Tiếng đoàn tầu đi qua đã hụt tắt xong thì vắng vẻ của đêm tràn ngập nhà hát và thấm mãi vào lòng tôi. Tôi thở dài.

– Gặp nhau vui như thế này, sao anh lại thở dài? Anh quay mặt lại đây.

Phương hỏi gặng nữa. Thấy tôi im lặng, nàng lay tôi. Cái tàn thuốc lá đã bị lay động, rơi tọt cổ áo sơ mi tôi làm tôi nhỏm dậy. Lục đục mãi không ngủ, tôi lại cho bưng khay đèn vào hẳn trong màn. Trong lá màn kín bưng, nhiều con muỗi lọt len vào từ nãy, bị khói thuốc quyến chặt lấy cánh, rụng xuống như những vụn mồ hóng bếp lửa. Đêm gần về sáng. Đêm đã thuộc về phần đầu tiên của ngày hôm sau. Cái cô Phương vốn có tính thu vén ngăn nắp đến cả lúc đi ngủ ấy đã làm một việc thừa. Cô xõa tóc đứng lênh nghênh trong tấm màn rủ đốt nến soi muỗi, thiêu muỗi. Chẳng cần bị cháy cánh màn hững con muỗi vo ve ấy cũng đã trở nên vô hại, im lìm rụng xuống vì những làn khói thuốc phiện u hoài trằn trọc của tôi thở suốt mấy canh.

Đã có nhiều đêm như thế. Đã có ba bốn tuần lễ như thế. Hết một đêm thứ ba này, hết một đêm thứ sáu này lại đến một đêm thứ ba khác, một đêm thứ sáu khác. Con tầu tốc hành xuôi miền Nam vẫn cứ chạy đều đều qua Vinh mỗi đêm thứ ba thứ sáu mà chẳng bao giờ có tôi làm hành khách góp phần xê dịch với cái thiên hạ túi bụi đăng trình ấy. Nhiều đêm chán chường tôi đã tưởng có lẽ tôi phải chết già ở cái nhà hát cô Phương này và linh hồn u uất sẽ phảng phất ở đây mãi, làm một vị tiền chủ để mai sau người ta sẽ hương khói giải oan hộ cho.

Anh bạn tôi ngày nào cũng lui tới.

Cái số tiền lộ phí của tôi đã đem ra cúng vào những phí khoản vặt vãnh cho những đêm ồn ào ở nhà hát rồi. Mỗi ngày một tí như cá rỗ mồi. Buồn ra mặt, mỗi ngày tan sở về để cùng nằm lăn ra đấy với tôi, anh than:

– Cái số anh nó vất vả đen đủi thế nào ấy. Cái bà góa chồng họ cho tôi xưa nay là người thủ tín lắm. Chưa bao giờ bà ta lại sai hẹn với tôi. Tôi vẫn giục luôn nhưng bà ta cứ bảo tôi phải chờ. "Họ, tháng này thu khí chậm". Anh bảo làm thế nào! Hát nhà này mấy chục chầu, tôi đã chi đâu. Thôi, nó lỡ ra như thế, anh cũng cứ phải tùy cảnh mà ở, mà đừng buồn. Lại phải uống rượu chứ còn làm gì hơn được nữa. Để tôi đi kiếm thêm vài thằng bạn nữa, đến cho nó làm huyên náo nhà lên vậy. Chứ anh và tôi thức mãi, gẫy cả rồi. Hôm nay đi giật lửa được mấy đồng, anh cầm lấy bảo nó đi mua một vài đĩa gì tí nữa chén vậy. Tôi về ngay đấy.

Người bạn đi vắng. Nhà hát tẻ thêm. Trông người tôi càng là bãi sa mạc oi bức. Tôi không còn đủ can đảm để mà ấp ủ cái cô Phương xinh xẻo ngoan ngoãn ấy nữa. Trông thấy Phương lại gần tôi, tôi ngấy rợn. Phương ít ngày gần đây cố làm vui cho tôi, nhưng tội nghiệp! Nàng chỉ đem lại cho tôi những cảm giác kinh tởm? Tôi chỉ cho tôi là một người ốm nuốt phải mớ thịt quay và ngửi những mùi xào nấu béo nóng. Mãi rồi còn gì nữa. Không thể mỏi, không thể mệt hơn cái cữ ấy. Về sau này tưởng lại chuyến đi hụt ấy, tôi đã phải lấy làm lạ rằng sao, với gần một tháng đóng đô ở nhà cô, cô vẫn không dành cho tôi một đứa con hoang nào cả. Giá mà có cái kỷ niệm ghê gớm ấy mà mang về nhà, thì tôi sẽ đặt tên cho đứa con là Vinh để ghi lấy những ngày bấp bênh vô lý ở cái thành phố ấy.

Nghĩ lại càng thêm thương cho anh bạn. Tự lãnh chứ tịnh không lọt vào một tiếng oán tiếc nào của dục vọng.

Ai nói với tôi những chuyện kinh doanh kèn cựa không những tôi dửng dưng mà lại khinh miệt người ta ra mặt nữa. Thế có vô lý không, thế có dại dột không.

Cái trại của tôi ở ngay đầu làng Hạc. Có lẽ gọi là cuối làng thì phải hơn, vì ở cái góc này, sự sống ngày ngày trông vắng vẻ quá chừng. Làng Thọ Hạc ở sát ngay tỉnh lỵ. Từ cổng trại tôi bước ra vài chục bước là cảnh thành thị, và bước vào một bước là đã hoàn toàn thôn dã, xóm giềng toàn những ông lý bá, ông hương cựu, bà trương tuần. Ở đây ngày tháng ôn hòa. Một lũy tre xanh và một hàng dừa non ngăn cách hẳn cuộc đời bằng lặng ở đây với cái sống bên ngoài. Bên ngoài trại, cách vài chục bước là một con đường cái rộng dẫn xuống tỉnh. Từ trại tôi xuống đến nhà dây thép, chừng độ hai cây số.

Tôi thu dọn ít đồ vật để lên trại ở. Một bộ ngựa, vài chiếc chiếu cói, một cái bàn viết, một cái ghế, vài chồng sách báo cũ và một ít bát, đĩa, nồi, đũa. Thùng gạo và chai nước mắm đã mang ra xe. Tôi ngước mắt bảo vợ và con đừng đi. Nhà tôi bảo cứ lên trước đi vài ngày rồi sẽ lên sau. Tôi hiểu ngay ý nhà tôi. Lâu nay người ta vẫn đồn cái trại ấy có ma. Và có nhiều lần trước tỏ ý muốn đem nhau lên trại ở để tránh cho nhà tôi những câu xỉ vả của mẹ tôi – ở đại gia đình nào mà thường ngày chẳng xảy ra những chuyện mẹ chồng nàng dâu – vợ tôi vẫn ngần ngại:

– Lên ở trại? Trại thì hẻo lánh. Ở cuối làng. Hàng xóm thân không có. Nhà thì neo người. Những lúc tối lửa tắt đèn, cậy ai? Rồi

những đêm mưa to gió lớn, cậu bỏ tôi ở một mình một cái trại mà đi chơi đi hát, bỏ mẹ con tôi một bóng đèn, rồi làm thế nào. Những lúc ấy chạy một bước mà về lại với ông bà được sao. Đi thì dễ mà về thì khó lắm, cậu nên biết thế. Thà ở đây với ông bà còn hơn. Sự mè nheo dằn vặt của bà, tôi phận làm dâu nghe nhiều và lâu nó cũng đã quen tai rồi. Vả chăng ở trên ấy lại lắm ma lắm nữa. Mưa dầm gió bấc ngồi mà ngắm những con đom đóm lập lòe bay vào thăm nhà thì eo ôi... Thôi cậu ạ.

Ấy thế là tôi đã đưa một mình tôi lên cái trại hoang. Cái ngõ đi vào trại sao khuất đến thế này. Tre hai bên rào các nhà bên đâm tua tủa ngang lối ngõ. Ban ngày mà ngõ âm u như trong cánh rừng sâu. Đêm tối đi vào ngõ mà không có đèn, thế nào những cành tre gai cũng quật vào mặt.

Tôi vừa bước vừa gạt những cành tre cùng dây leo. Những giọt nước đọng trên cành lá rơi xuống lốp đốp nặng như đêm thu. Đêm qua mưa to, thảo nào. Nhiều tiếng chó khác nhau sủa vang. Nhiều cái đầu người nhà quê ló ra phía ngõ một cách tò mò. Tôi đi thẳng vào cái trại của tôi: cổng trại không có cửa đóng.

Tôi ngừng bước ngắm cái bất động sản của tôi. Trong thửa đất hoang vu, cỏ cao đến đầu gối, rau sam mọc đầy lối đi mà tôi tự hỏi ngay tôi xem tôi có thể can đảm với cảnh này cho trọn vẹn không. Cái cảm tưởng sơ đầu của tôi lúc đầu đặt chân vào trại là ở đây chỉ rặt có rêu và cỏ. Toàn rêu, toàn cỏ, không một tiếng gia súc, không một tiếng người. Sự thực thì trong cái trại hoang này vẫn có một người ở sau đây: lão bếp Quyên. Đã từ lâu ông bà tôi cho lão ở nhờ đây cho lão trông luôn thể. Lão Quyên trước kia là một người lính tòng chinh qua Pháp. Nhưng đi binh lại về binh, cuộc đời lão ở cái làng quê không có một chức vụ hoặc tư sản gì giữ lão, lão bèn lên tỉnh kiếm ăn và lấy cái trại hoang này sớm tối đi về. Những ngày mùa ngày hái, lão tìm đến những vùng lân cận bán nhân công. Vào những cữ khác, lão lại đem hai cánh tay ấy để đến những chỗ đài tải hàng, ai muốn đẩy xe bò thì lão cho thuê hai cánh tay. Và những lúc nào không ai thuê mượn gì, thiếu tiền ăn thì lão lại ra các lũy tre quanh trại, chặt bớt vài cây tre đực ngả xuống làm một cái thang, một cái chõng, đem ra chợ bán, bán được bao nhiêu là mua muối gạo tất. Lão chém tre rồi lão lại chặt cả măng. Xem chừng dạo này sinh kế và công việc làm ăn của lão cũng quẫn lắm thì phải. Tôi đứng

ngắm mấy hàng tre quanh trại thưa thớt, để rõ những lỗ trống đến người chui cũng lọt kia thì tôi thừa hiểu.

Tôi lên ở trại là một việc bất thình lình, nên lão Quyên cũng không biết. Và tôi đã vào đến cái sân trại rồi mà lão cũng chẳng hay. Tôi bước lên thềm. Trước sau nào thấy bóng người. Tôi đi xuống bếp. Có một người bẩn thỉu, khoác cái áo lính cũ vải vàng như xơ mướp, đang bó gối ngủ bên một cái bếp nguội tắt, Lão Quyên! Lão ngủ mà một tay vẫn cầm chiếc điếu cầy dịt sẵn mồi thuốc còn nguyên, tay vẫn cầm một thanh đóm. Choàng mở mắt, lão luống cuống:

– Lạy cậu. Cậu lên chơi mà con không hay.

– Không, tôi lên ở hẳn trên này đây bác ạ. Bác chạy ra phía đường cái, đứng ở gần cầu Hạc ấy mà đón cái xe bò chở những đồ vật của tôi chuyển dần vào. Đưa tôi cái chìa khóa mở cửa nhà trên.

– Dạ để con ra mở. Cậu có diêm, xin cậu một que con xin phép con ăn một điếu thuốc lào cái đã. Từ sớm giờ, bếp không có lửa. Định sang bà Cựu bên cạnh lấy lửa về, nhưng con nghĩ cũng chẳng có gì bắc lên bếp mà nấu nướng, nên con lại thôi.

– Thế vợ và con đâu cả?

– Dạ, đi hàng dưới chợ.

– Đi bán măng phải không?

Tôi vừa nói, vừa cười vừa nhìn ra lũy tre trước nhà so le kín hở như một cái hàm răng người có tuổi. Lão bếp Quyên lặng im, định tủm tỉm mà không dám, chỉ gãi tai gãi đầu. Lão vốn biết cái tính dễ dãi của tôi. Những lúc xuống nhà có công việc trước mặt ông bà tôi, tôi vẫn che chở cho lão.

– Dạ, trộm phép cậu, đói quá, không có việc làm, thỉnh thoảng con có cắt ít măng. Nhưng không dám nói với cụ ở dưới ấy. Nay cậu lên ở, để vợ chồng con rào kín lại. Và con hầu cơm nước cho cậu để xin những chỗ thừa mứa mỗi bữa cho hai đứa nhỏ. Có cậu lên ở hẳn trên này, rồi trông trại cũng phải vui thêm ra.

– Thôi, bác đi ra đón xe bò thì cũng vừa đấy kẻo họ lại kéo quá lên phía A – ba – toa mất.

Lão Quyên đi khỏi, một mình tôi lặng ngắm sự hoang vắng sống trong cái trại chết này. Cái sân gạch rêu phong. Từ chân tường, mối cứ thế mà đùn lên đến nóc, kẻ những đường nối oằn oại. Tấm cửa cái

vừa mở, bước vào gian nhà giữa, tôi ngửi thấy một mùi mốc lành lạnh. Bên trại buồng bên, mùi ẩm ấy gợi đến cái không khí nguội kín những nơi chính tẩm những gian chùa cổ thiếu sự hương khói quanh năm. Mùi cứt gián cứt chuột điểm thêm vị tởm lợm vào cái không khí thê lương của nếp nhà mệt mỏi. Hai chái buồng bên, nóc vốn là hai cái sân thượng, nước mưa tụ ứ đọng lại, thấm xuống kẽ gạch, rỉ xuống những rui gỗ đỡ trần nhà. Nhiều giọt nước mưa lưu cữu chưa đủ sức nặng để rớt xuống nền, vẫn còn bám lấy thân những rui gỗ, có ánh sáng soi vào, long lanh như giọt sương cành buổi mai, vườn vừa ngớt trận mưa đêm. Có một chút gió từ ngoài tạt vào. Những giọt nước mưa vẫn chưa chịu tụt xuống, cứ đánh đu dưới dầm lim mục và đun đẩy qua lại. Chao ôi cái mặt tường phía sau nhà này, quay về hướng tây, có cửa sổ, những đêm cuối tháng có bóng giăng dòm trộm vào thì là cả một thiên tình sử gợi nước mắt đấy. Đêm sáng giăng suông, nằm đây mà vấn một mảnh nguyệt là, thì chẳng cần đến hình bóng một người đàn bà nào thêm vào mà người ta cũng thừa có một khung để lồng vào đấy một cái ảnh của một mái tây để lạnh hương nguyền.

Tôi trèo lên gác sân nhìn xuống một lũ mả ở rải rác về phía bắc vườn. Phía đông bắc trại bị choán gần hết vì một cái cồn, dứa dại mọc um tùm. Cứ lời người làng thì ở trên con rùa, vẫn có ngôi mộ cổ của một ông Thiết Trụ Hầu, làm quan võ đâu từ đời hậu Lê gì đó. Ngoài con rùa là lũy tre bọc trại, là ruộng rồi đến con đường hỏa xa đi ngang qua lò sát sinh của thành phố.

Tôi đếm được đến tám chín ngôi mả, chòm mả rầu rầu một thứ cỏ may. Giữa ban ngày mà có nhiều con quạ đen dạn bóng người, dám nô rỡn trên những ụ đất đựng cốt khí và nghiêng đầu nghiêng cổ liếc mãi mỏ xuống bụi cỏ. Lòng tôi rờn rợn. Tôi bước xuống lầu, với cái tin tưởng rằng những chuyện mà người ta đồn là chắc có thực. Phần ám khí ở đây nặng lắm, nặng đến nỗi cái tiếng te te gà hàng xóm sau trại gáy mà nghe nó cũng như thế nào ấy. Ở cái nhà mốc này, giữa cái trại hoang này mà đọc *Liêu trai* thì thú tuyệt. Thế này thì ra cái trại tôi là một bãi tha ma rồi còn gì nữa.

Tôi nghĩ lộn lại về những ý thích trước của tôi đối với những cảnh ẩn dật mà tôi lại muốn cười lên để chế nhạo tôi ở giữa cái chỗ tịch liêu nửa mùi thôn ổ nửa đã thị thành này. Người ta thường bảo cái gì nhỉ? À, đại an cư thành thị, tiểu an cư lâm tuyền. Cảnh trại đây có lẽ là một nơi xứng đáng cho một người trung ẩn để dựng lấy

cho mình một cái sống dửng dưng tiêu cực. Lúc này tôi mới biết rằng đi ở ẩn là một việc không dễ như người ta cứ tưởng. Nó khó như là việc đi tu ấy. Những lúc buồn phẫn, ai mà chẳng nghĩ ngay đến sự đi ở lánh khuất, đến sự vào chùa. Nhưng cái buồn trong tâm tư không vững, không chuyên nhất, một khi đã đứng trước u tịch rồi người ta lại càng thêm nhớ tiếc những tiếng động của tất cả những cái gì mình định bỏ xa lùi lại về ký vãng.

Tôi đang phân vân nghĩ nên ở hay là lại lộn về ở dưới phố cho nó ấm lòng hơn – những nỗi bực bội của hoàn cảnh đại gia đình dẫu sao cũng vẫn còn là sinh khí, cũng còn là cái liên lạc nối mình vào cuộc sống, chứ ở đây chỉ có sợ mỏi và mùi chết – thì bếp Quyên đã khuân đồ đạc vào.

Chiều đến, bếp Quyên thổi cơm cho tôi: trên mái bếp lợp lá lẫn với cỏ khô, những vờn khói lam đem chút yên ấm cho lòng. Nhưng xong một bữa cơm ăn một mình – một bữa cơm không có rượu – tôi cũng vẩn vơ và thấy thương nhớ bất cứ cái gì đã lọt vào lòng từ trước tới giờ. Thậm chí nhớ cả đến những tên đào nương vô nghĩa lý nhất trong cái xã hội thanh sắc vốn đã quá rạc rầy. Trong gánh sầu hoài, phút này, một đầu lại còn nặng thêm những chuyện bực mình. Rửa chân cạn mấy cái, leo lên giường, tôi định cố ngủ đi một giấc để sớm mai dậy, tôi sẽ sửa lại tấm thân cho gọn, dâng hẳn một tấm lòng sớm mới cho một buổi mai vui cười tràn lấn trên cây và cỏ khu trại. Buổi bình minh nào mà chẳng nhẹ nhàng.

Tiếng còi báo hiệu vào ga của một chuyến tầu tối vẳng ngoài bờ tre đã dựng tôi dậy nhanh. Đứng trên gác thượng vọng ra cái đoàn tầu loe sáng đang lướt theo lũy tre đầu làng, tôi nhận thấy cuộc đời tôi không thể vắng tanh vắng ngắt hơn thế này được nữa. Tôi rùng mình, thấy cái giấc ngủ cô đơn trong một đêm đầu ở trại hẻo lánh và ngại lắm. Tiếng vọng của đoàn tầu đã nín bặt. Giun dế ngoài nội cỏ thấm xuống lại vẳng lên với đóm nhấp nhô. Từng đợt dài trên đường bờ các thửa ruộng xa, tiếng còi huýt và tiếng tù và của đám phu tuần làng được an phận lúc sương tức đang gọi nhau canh trộm trong cái mò mo của cánh đồng.

Tôi khóa cửa lại, xách đèn điện bấm ra đi bảo bếp Quyên trông lấy trại.

Một loạt chó sủa ran. Tay gậy tay đèn, tôi đã lọt ra khỏi cái ngõ quanh co. Đặt chân lên con đường chính sứ màu phấn đường nhờ như

màu dải sữa sông Ngân trên đầu, lòng tôi nhẹ vơi hẳn đi. Từ đầu đường, đối lại tiếng trống chầu xóm, quán giờ. Tiếng trống rõ mồn một, nghe tròn và xinh đáo để.

Trong người tôi, bao nhiêu thói tục cũ lại thức tỉnh lại hết.

Tôi bước vào nhà hát ông Thông Phu mặc dầu ở đây có khách hát rồi. Ông Thông Phu đang ăn thuốc phiện dưới nhà cầu.

– Kìa chú. Lâu nay đi đâu mà không thấy.

– Đi chơi một chuyến xa quá. Định đến thuật cho anh nghe. Chị đi vắng à?

– Dưới phủ Hoàng, ông phủ chả mở tiệc khao khiếc cái gì mà những ba ngày kia. Họ đón chị xuống hát từ hôm qua. Có chóng lắm thì cũng đến đêm mai chị mới về được.

Tôi tranh lấy việc tiêm thuốc. Rồi ngả lưng làm điếu thuốc cho chủ nhân, tôi rầu rầu tường thuật cho ông Thông Phu nghe về một tháng rủi ro ở đất Nghệ. Chủ nhân lại còn lấy làm khoái trá.

– Ấy, đấy chú xem đấy, hễ chú đi đến đâu là y như có chuyện đến đấy. Thôi, cái số nó điềm ra như vậy, việc gì mà phiền. Sự nó sinh chứ ai muốn sinh sự mà làm gì.

– Bây giờ tôi xin ông bà tôi lên ở biệt hẳn ra ở trên trại anh ạ. Cái trại tên là Hạc, anh biết rồi đấy chứ? Hình như anh đã tiểu ẩm với tôi trên ấy một hôm.

– Biết. Biết lắm. Trông nó như cái am của bực cư sĩ ấy. Ở đấy mà nghiền *Tam quốc* và nói nhảm, ê a hát chèo thì thú lắm, ơ hơ hơ.

– Bắt đầu từ hôm nay, tôi đã dọn nhà lên. Tôi vừa ăn buổi cơm chiều đầu tiên một mình ở trong trại rồi mới xuống đây đấy chứ.

– Cũng hay. Anh em mình đã thân rồi lại càng thân thêm. Gần mà lại càng gần. Từ nhà tôi mà vào trại chú, độ ba bốn trăm thước chứ mấy. Nhưng chỉ sợ chú không ở nổi thôi. Giai ở trại, gái ở hàng cơm. Không phải tôi chê chú nhát gan hoặc ngu ngốc đâu, nhưng tôi muốn nói đến cái nết hiếu động của chú. Cái tuổi của chú đang còn muốn những sự bay nhẩy tứ tung, đã ngồi yên thế nào được, đã tự mình bỏ tù mình thế nào được? Nhưng thôi, hãy cứ biết thế đã. Ở đây ngày nào hãy biết ngày ấy và hay ngày ấy. À mà chú ạ, cái làng Hạc này chú đã lùng cho hết các đường trong làng chưa? Sao mà lắm lối dọc ngang đến thế vậy? Tôi đã xem kỹ rồi. Làng này mà đánh

bạc, khó vây lắm nhá. Vây chặt đến đâu, con bạc cũng cứ tẩu thoát lọt. Làng này đám cướp lạ đất, không dám vào đâu. Chỗ trại chú ở, khí khuất một tí. Cuối làng. Có điều vắng. Nhưng rồi cảnh cũng phải tùy chủ. Hôm nào tôi lên chú, rồi tụi mình cùng sang bên ông Tú làng Hạc, rủ mấy anh ngốc đánh cờ ăn ít tiền chơi.

Gian nhà bát ngoài có tiếng ồn ào. Những chữ tục tĩu vang ra nghe rõ lắm. Chỉ thấy chủ nhân tủm tỉm chứ không tỏ ý khó chịu chút nào. Cái nhục của nghề. Ông Thông Phu hẳn đã quen tai nên không cảm động mảy may. Một cô đào đứng tuổi vào, thấy tôi vội khẽ chào "Lạy chú ạ" và trình luôn với chủ nhân:

– Thưa bác bốn quan viên họ dở quẻ, đòi đi. Họ để hai đồng bạc vào lòng tráp trầu. Con không dám cầm.

– Con có biết bọn nào không? Khách lạ hay quen?

– Lạ cả. Bọn công tử. Hình như có cậu Thường, con ông Phán gì vẫn hay xuống nhà ta ấy.

– Thôi được. Con cứ ra nhận lấy chỗ hai đồng bạc ấy. Nhớ lấy kiểu người các ông ấy và lần sau các ông ấy có trở lại thì con bảo các dì ấy phải cẩn thận hơn. Mỗi lúc gặp người khí quyết cương cường không biết điều mình phải nói chuyện mệt lắm.

Câu sau, ông Thông Phu xoay sang tôi, phàn nàn riêng. Ông cười khà, nói tiếp:

– Thôi bây giờ hai thằng mình khiêng cha nó tĩnh ra ngoài thắp đèn lên chơi giữa nhà cho nó sướng. Chúng mày không chơi thì đã có các ông. Thiếu gì người chơi ở nhà này hở chú! Ta ra nhà ngoài nào. Ấy ơi, vào bưng khay đèn ra nhà ngoài cho bác và bảo đóng tất cả bộ cửa ngoài lại.

Ông quay lại tôi cười hề hề, giọng thân mật:

– Nhiều khi, vợ con đi vắng cho đôi ba bữa, thú ra phết, chú ạ.

Bà Thông Phu, tôi đã biết. Còn con? Làm gì có. Nhưng chủ nhân cứ nói thế. Đôi vợ chồng nghiện cả ấy, con thật thì không có, nhưng những con nuôi con mày thì nhiều lắm. Họ ở bốn phương giời tìm đến giúp "bác giai bác gái" cứ đầy cả nhà ra đó. Rồi họ đổi tên đổi tuổi, tự ý đổi lấy để chôn bớt đi một đoạn đời cũ, hoặc nhờ "bác" đặt cho một cái tên khác nghe nó vui tai và xinh hơn. Muốn gì thì gì, cái tên cô đào nào mà chẳng đẹp, mà chẳng là danh hiệu của một thứ hoa hay là một vật gì quý giá ở cuộc đời này. Lan, Mai, Phụng, Bình, Ngọc,

Cúc, Trúc, Sơn, Tâm, Sâm và còn bao nhiêu cái tên ghép những hai chữ đọc đến, nghe như là tên những người đàn bà có cầm bút ký tên vào báo chí.

Cô Bích Liên, Cô Hồng Liên, Chị Hạnh Liên, Chị Hoàng Liên. Đóa sen màu vàng. Bao giờ thì có giống hoa sen đen xuất hiện giữa đám cây cỏ lạ ở đất Bình Khang xứ này?

– Kìa, chú còn đi đâu mà xỏ giầy. Cô Xinh đâu không lấy cho bác đôi guốc.

Đưa sang cho chú kia mà.

– Tôi nói thực với anh là hôm nay tôi thành tâm xuống hát dưới anh. Anh để cho tôi kiếm mấy người bạn có tính đùa rất ồn.

– Sao hôm nay chú lại có cái giọng dở hơi như vậy? Chú và tôi nằm tay đôi như thế này với nhau, không là hát hay sao?

– Anh hiểu nhầm cái ý của tôi mất rồi. Để tôi nói thêm. Có lẽ anh cứ để bàn đèn trong buồng thì hơn. Cái đám người quen tôi sắp đưa xuống, anh không chịu được đâu. Họ, không những đã trái tính trái nết mà cái đức độ làm người cũng hãy còn kém lắm – tôi mới nói đến sự làm người khách làng chơi thôi – Có anh cùng ngồi ở nhà ngoài, họ sẽ không được tự nhiên cấu chí các cô ấy, họ bỏ về hết với cái cảm tưởng rõ rệt là một đêm chơi không được như thế tức là không đi hát, có đi xuống hát cũng bằng không. Đã hay rằng xuống dưới anh, có hát hay xuống chơi thôi, bao giờ anh chị cũng coi tôi như người nhà, không phải đem những lời khách tình ra mà đãi. Tôi đã không lấy làm điều mà lại còn thích nữa. Đã hay rằng nằm đối diện với anh mà thanh đàm, nó là một cái thú âm thầm ít người tập được đấy, nhưng đêm nay anh phải cho tôi ngồi giữa cái cảnh ồn ào chốc chốc điểm vài tiếng cốc bát loảng xoảng đổ vỡ. Tôi ban nãy nói là các bạn chơi tôi sắp mang xuống, có tính ồn, nhưng chính tôi, trong đêm nay, cũng thấy thêm sự huyên náo, vậy anh cứ vào nằm lại trong buồng riêng đi. Tôi kéo họ xuống uống rượu, nói quá, cử động bạo ngược một hồi cho hả hết hơi rượu và xong rồi sẽ lại vào nằm nói chuyện với anh cho đến sáng.

– Tính chú ít nói, sao bữa nay lại có cái thích trái ngược như thế?

Từ hôm ở Vinh về, tôi đã câm nhiều lắm rồi. Một ngày hôm nay lên cái trại bỏ hoang đã lâu, tôi lại càng thấy sự im vắng mông mênh một cách ghê gớm. Không, mai kia anh phải lên trại, nằm một đêm

một ngày thì anh mới biết. Cái im lặng đêm tối ở trên ấy, có lẽ không đến nỗi kinh sợ bằng cái im vắng ban ngày. Tôi đứng trên gác thượng, nhìn xuống miếng đất ngổn ngang những thứ cây quái gì ấy mà trong lòng tôi hiu quạnh dâng mãi lên. Hiu quạnh sống trong người mình và chung quanh mình, cái gì cũng chỉ gợi đến những ý xa vắng, lạnh và cũ và mỏi và ngừng hết. Ngồi ăn một mình cả một mâm cơm chiều nay, tự nhiên tôi có cái cảm tưởng gở dại là mình đã trở nên một người góa bụa, hoàn toàn góa bụa. Góa vợ con, thân thích, anh em bạn, góa nhân loại, góa hết cả. Bát cơm và vào miệng, chỉ là những miếng thê lương. Tôi vừa ngồi ăn vừa ngồi nhìn hoàng hôn thả sương chiều xuống mặt cái trại quạnh quẽ. Làn sương là là trên ngọn tre thưa gẫy, trên mấy chòm dừa vàng úa, trên cái bể cạn giữa sân không có một giọt nước chứa rồi làn sương lù lù đi vào nhà, vờn lấy một mâm cơm đã đi hết hơi. Tôi rùng mình, cố đập vỡ xuống nền gạch có rêu một chiếc bát để được nghe những tiếng động mạnh bạo tàn nhẫn. Nhưng cái bát bị quẳng ấy, có vỡ tan ra từng mảnh vụn mắt tôi có trông rõ, mà quái lạ, hình như không gây ra được một tiếng loảng xoảng nào. Tôi vẫn tưởng thính giác tôi vốn làm việc chậm sau thị giác, tôi vẫn chờ đợi. Tai tôi vẫn chờ, mắt tôi đăm đăm chiếu xuống đống mảnh sứ vụn, giống như một người lớn tuổi ngồi rình một quả pháo ẩm ngòi dẫn thuốc. Không khí vẫn không bị một tiếng động mạnh nào xé vò và xô mạnh ẩm ra, lại dần dà cứng thêm, thắt chặt vòng vây lại quanh tôi, quanh mâm cơm. Những vệt khói tan của bát canh bị khí lạnh nén đè tịt xuống, lại lẩn xuống đáy bát. Tôi nhìn ngang ra chung quanh. Mấy bức tường ẩm đang toát mồ hôi, rỉ tuôn bật ra những hạt nước li ti và khi hạt nước đã to được bằng cái mắt cua đồng, đủ sức nặng để rụng, thì hột nước kéo dài ra rỉ tuôn theo vạch tường như những giọt lệ chảy xuống. Đã từ những ngày hoang vắng nào, những giọt nước mắt ấy đã chảy mà vệt nước mắt ấy đã có đường bờ, đã có rêu xanh vờn lấy cạnh! Nghĩ thấm thía, tôi cảm thấy khoảnh trại đây là một chốn lãnh cung mà tôi chỉ là một tên yêu hoạn cầm một chiếc đèn lồng phất lượt sa tanh chiếu rọi mãi để tìm những người cung nữ đã chết mòn từ bao giờ. Tôi buồn một cách rất nên thơ. Rồi trong cái buồn lại lẫn cả kinh sợ. Trong người càng thấy lạnh, đã lên giường nằm rồi mà không tài nào ngủ được, tôi mới nhớ ra lúc ăn cơm chiều, tôi đã phạm vào một điều vụng về rất là đáng trách. Là tôi đã cố tình không uống rượu. Ở cái trại ấy mà không có rượu và bạn thì chết mất anh ạ. Cái cảm tưởng

vào ngày đầu tiên ở trại của tôi là nó cứ rờn rợn thế nào ấy. Không phải mình hẳn sợ ma đâu. Nếu ma hiện lên, có lẽ mình không chạy đâu, mình sẽ ngồi hoặc nằm mà xem xét. Nói cho đúng ra thì tôi đã hết sức sợ cái cảnh im vắng trong trại tôi hết cả buổi chiều nay. Tôi bèn lẩn xuống đây, để tìm những cái ồn ào. Hôm nay – nói anh đừng giận – tôi không cảm thấy cái thú của một cuộc chơi tay đôi lặng lẽ như nhiều ngày đêm khi nằm bên khay với anh. Trong lòng tôi đã ngấy lên vì lặng lẽ rồi. Nếu anh muốn tránh cái ồn ào của nhà anh, mai mốt mời anh lên trại tôi, nhớ đem theo pho *Liêu trai* in chữ thạch bản nằm xem với một ngọn đèn hoa kỳ thì tha hồ mà lặng lẽ im vắng. Thôi, để tôi đi tìm mấy tên giặc xuống cho nó làm ầm ỹ lên cái đã. Anh vào đi.

Những người bạn trùng trường tác hi của tôi, cái đức huyên náo thực không chê vào đâu được. Họ đánh trống như là đám hỏa đầu quân băm thịt viên trên cái quầy bếp một hiệu cao lâu Quảng Đông to lớn. Họ nói chuyện tâm sự với nhau mà như là hầu sáng hô tiền hàng. Họ vần cô đào, họ chơi hoa như là lính đi cắt cỏ ngựa về cho ngựa quan ăn. Nhà hát là cái chợ. Ầm ầm. Một chợ người. Đến tôi đã quen rồi mà tai mắt cũng cứ rối cả lên.

Bạn tôi dạy tôi uống rượu quay thìa, uống rượu đánh diêm, uống rượu đưa võng. Tôi ngà ngà, đập ngay một cái bát. Bát vỡ, tiếng ròn tan. Ừ, có thế chứ. Chứ cái bát đập lúc chiều trên trại chẳng kêu thành một tiếng nào. Ở đây nhiều sinh khí có khác. Rượu vào, người ta ăn nói ghê quá, trắng trợn quá. Một bên là quan viên, một bên là ả đào, giữa cái đám hát quan họ không có trật tự ấy, sự ví von hay đáo để. "Mi lại", "rồi thì là mà" "ầu, mà nhảy" "em chả..." "... lần đầu em đến cái chỗ vườn hoa đô hội, thật là một cái ân hận được gặp các quan anh, có điều gì không phải, xin các quan anh đừng trách các em...". Vui lắm. Thú lắm. Tôi đã cười như con khỉ, như người giãy chết. Tôi đã lăn đùng ngã ngửa ra, tôi đã bò lê bò càng ra giữa chiếu rượu, vừa bò vừa úp mặt xuống đống thìa bát ngổn ngang vừa hét: "Cho mấy chai bố nữa. Phải đánh ngã vài cây bố nữa".

Bao giờ thì tôi lại được đi Sài Gòn nữa hở Giời! Ở trong ấy còn vui hơn ngoài này. Vả lại không cần có rượu thấm vào.

Rượu tan. Gà gáy. Một cái thân hình nhỏ bé rúc vào nách tôi. Bốn góc nhà, có những tiếng thì thào. Đức thích Già Mầu Ni bảo

rằng chúng sinh phải thương lấy nhau và Đức Chúa dạy rằng: Hỡi các con hãy khá sinh nở cho nhiều vào.

Ấy thế rồi mặt trời lên cao không biết là năm hay bẩy con sào nữa, tôi vẫn ườn xác ra như một kẻ bị đắm tàu, mệt quá chỉ còn nằm được như thế mà tôi ngửa.

Trưa rồi. Mỗi giờ là vàng bạc. Tôi phải vùng trở dậy vì chủ nhân đã cho thỉnh vào để ăn cơm sáng. Cái cô Lý hay cô Huệ bé con ấy cứ lẩn quẩn mãi bên mâm cơm. Cô bé e lệ, thấy tôi nhìn lâu thì lại cúi mặt xuống. Tôi hỏi cô bé đã ăn cơm chưa và nếu chưa thì ngồi xuống, ông Thông Phu giãy nẩy lên:

– Ấy không được. Chú đừng nuông các cô mà đâm ra hỏng hết, không sai bảo gì được nữa. Các cô ấy đã có mâm khác.

Quanh cái mâm bên giường kia đông đúc những toán chị em giúp việc trong nhà, vẳng lên một chuỗi cười dài. Cái tiếng cười khích bác ngầm ấy hình như đại để riêng tặng tôi. Họ lại thì thầm, chỉ trỏ tôi và chỉ trỏ luôn cô bé Lý hay cô Huệ gì đó. Mặt cô bé càng đỏ thêm, lủi đi mất. Tôi nhìn và mang máng nhớ hình như đêm qua chính cô ấy đã quạt hộ tôi cái màn. Muỗi ở nhà hát, bao giờ mà chẳng nhiều, và người khách chơi nào mà chẳng tìm một cái màn cho kỳ được. Để rồi lúc người ta vào quạt màn cho thì muỗi lại càng có dịp chui tha hồ vào cái màn hở hang mà đốt đầy cả mặt hai người lên. Thế mà có nhiều vị khách khó tính lại còn ỏe ọe, chọn lọc cho được người quạt màn nữa kia. Buổi nhá nhem cùng ngày ấy, bà Thông Phu đã trở về giữa lúc tôi và ông Thông cùng ngồi vào mâm cơm chiều. Bà đon đả, toe toét xách túi phách chạy vào.

– Kìa chú. Cái số chú tốt lộc có khác. Lên chơi là y như đúng vào ngày Thánh cho chị ăn lộc. Khối tiền đây. Về qua chỗ quán gì ấy mà, thấy họ vừa vớt cân giò lụa ra mình thấy ngon mua ngay. Này các cô đâu, vào bảo cắt giò ra để chú và bác xơi rượu. Và có cần mua thêm gì nữa, ăn một bữa cho sướng, hở chú? À, quên mất chưa hỏi nhà tôi. Vậy chớ còn thuốc không hở mình?

Bà Thông Phu móc túi lấy chìa khóa, ống vôi trầu, thuốc lào vứt ra giường. Bấy nhiêu cử chỉ, bà cốt làm để cho nghe thấy hào nhớn con kêu lẻng xẻng và bạc giấy bật cả ra ngoài miệng túi áo cánh. Tôi phải nghĩ như thế. Ông Thông Phu cười, chỉ tôi:

– Ở nhà, người ta cũng phong lưu chán. Hôm qua chú hát đấy.

Tôi chưa cho về trại vội, bảo chú rằng tối nay thế nào mình cũng về. Mình đã định nếu hôm nay bà mày vẫn còn phải giữ lại ở phủ hát nốt một buổi rã đám thì ở nhà là hai thằng đây sẽ khênh mẹ nó bàn đèn ra giữa nhà chơi với nhau, không cần tiếp rước đứa nào nữa.

Bà Thông Phu nguýt yêu người chồng nghiện. Ông Thông Phu đắc chí vì câu nói láo có duyên, tu vội ấm nước nóng đánh chụt một cái, cười hề hề. Bốn cái môi tái nhạt ấy, vào những giờ phút thương mến nhau bằng cái tình già này, tôi thấy tươi sáng hẳn lên và còn đáng vẻ hơn là những cặp môi son trẻ khác tô son hình quả tim.

– Thôi mình đừng thay quần áo vội. Nằm lên bên kia, tôi têm cho mấy điếu đã.

– Ngoài đường lạnh quá chú ạ. Để chị hút mấy điếu cho nó đứng đỡ đi rồi chị bắt cho chú nghe cái câu gối hạc này này. Đêm qua hát ở phủ, các quan khen hay bắt hát đi hát lại mãi và thưởng mê tiền ra. Có cái ông cụ Huấn gì ở Phủ Hoằng – chú có biết không nhỉ. Người có tuổi hay đội cái nón tu lờ như nhà sư ấy, mà sao mà tốt giọng đến thế. Ông cụ lại bắt bẻ chị về cái màn hãm ba bực nữa. Thôi, giọng hát nam bắc huỳnh pha, ông cụ đủ cả, cô đào non thì cứ gọi là lụt hết, là mời đi về. Ông cụ lại hay thơ thiếc nữa. Hẹn hôm nào lên tỉnh sẽ lại đây hát. Thôi, có gặp, thì anh em nhà chú lại xoắn lấy thì hai cái xỉ mũi này, hai cái của này lại lăn vào nhà mà kết nghĩa.

Tôi chen vào:

– Rồi thì người ta mới khiêng anh ấy đi ngao du hàng mươi mười lăm hôm chứ.

– Đây chẳng ai thèm giữ, nếu thiên hạ vẫn cứ cung đủ thuốc phiện cho anh chú. Nhà tôi ở nhà lắm thì chỉ tổ rước các bố trẻ đến hát biên sổ chứ được cái tích sự gì. Nghĩ đến cái cơ màu tháng trước mà tôi tưởng tan nhà hát. Ai đời đã hát chịu mà còn mượn tiền chị ngoài tiêu vặt. Tiền hát bẩy tám chầu, mình cũng không dám hỏi. Hỏi, lại sợ các bố ấy mặt sưng mày xỉa ra rồi bao nhiêu cái tử tế nhân nghĩa trước là vứt toi hết cả. Rồi chú có mở nhà hát, chú mới hiểu đến cái nông nỗi thấm thía của chị.

Tôi mở nhà hát! Tôi thần mặt ra nhìn kỹ bà Thông Phu. Ồ, cái bà ăn nói mới lạ chưa và thí dụ mới chết người chứ? Thực vậy, thề có cái bóng dọi dầu lạc nhà bà kia, chưa bao giờ tôi có cái ý tưởng làm

chủ cô đào... Thấy tôi tểu mặt ra, ngồi im lặng, ông Thông Phu lại tưởng tôi sượng sùng về câu chuyện vợ ông day dứt đến những người hát chịu mà trong số đó tôi là một người cũng vào hạng đứng đầu nơi sổ đoạn trường nhà ông, ông vội bào chữa cho tôi và bảo vợ:

– Hôm qua chú hát, chú đã đưa tiền cho tôi rồi. Cu cậu làm bộ làm tịch lại còn không chịu chi giá nội.

Bà Thông lườm chồng, thở vội khói thuốc ra lỗ mũi tu vội ấm nước nguội, nhỏm dậy cướp lời:

– Ô hay mình ăn nói đến là hỏng. Người ta đang nói chuyện cái tình đời cho chú ấy nghe thì đâm ngay một câu nghe đến là thối. Để chú không hiểu chuyện thiên hạ chú ấy lại bắt vào chuyện chú ấy, rồi lại tưởng tôi nói xa xôi cạnh khóe.

Chồng gắt:

– Gì mà nhặng thế. Ừ thì hôm qua chú ấy hát đưa tiền ngay, người ta cũng nói cho biết, chứ ai bênh gì chú ấy và chú ấy ngọng gì mà phải bênh.

Đến lượt tôi là thằng bị cáo, khai một cách nhỏ nhẻ:

– Tôi cũng biết rằng chị ấy nói chuyện một cách tự nhiên thế. Nhưng nhân nói đến chuyện hát xướng, tôi cũng nhớ lại xem tôi còn thiếu dưới chị tất cả là mấy chầu để tôi lo liệu đưa anh chi tiêu đỡ.

– Thôi khỉ ạ, đừng có méo mồm méo miệng mà ỏn ẻn. Hát lưu cữu như thế, chị nào mà nhớ cho xuể. Đã muốn nhắc đến nợ cũ thì đây người ta cũng luôn thể bảo cho người có nợ biết rằng phải lo đi thì vừa. Cuối tháng này mà không có thì người ta chẻ đầu ra, đã nghe rõ chưa hử?

Tôi cười, vợ chồng chủ nhà hát cười. Thế là xí xóa câu chuyện suýt thành to.

– Thôi mình để tôi tiêm lấy. Ngồi dậy mà uống rượu với chú đi. Tôi cũng ăn cơm sau với. Ấy ơi. Có cô nào đứng ngoài ấy không? Bảo bác thêm cái trứng nhá. Lúc nào vần cơm hãy bác. Có tiền, tội gì mà chắt bóp ăn uống kham khổ, phải không chú. Có tiền không chịu ăn cho nó sướng cái lỗ miệng, nghĩ cũng dại. Ăn nhịn để dành mãi, ốm ngay một trận, thuốc đơn thuốc kép, thế là lại nhẵn củ kiệu. Giậu đổ bìm leo thế là cô trong nhà bỏ đi hết, đứa thì vay nợ, đứa thì trốn và cuỗn thêm ít đồ. Úi già, lậy Thánh mớ bái.

Rồi bà Thông Phu cười như ngựa hí. Bà vốn có tính đồng bóng. Tôi rung đùi, lấy đầu tăm xiên từng khẩu giò lụa như một ông đồ kiết, sờ mó một cái cằm chưa có râu và nhìn mãi một cái tường ngày xưa hẳn quét vôi trắng. Gian nhà ngoài, tiếng nhiều đôi giầy tây lộp cộp như đoàn ngựa tù cẳng lâu ngày trong tầu cỏ.

– À, nhà có khách hát chưa, các em?

– Mời các quan ngồi chơi xơi nước. Dạ chưa ạ.

Một buổi tối, đi ăn một đám giỗ dúi ở dưới phố về, tôi nhẩn nha xách cây gậy lụi đi bộ về cái trại làng Hạc. Đến xóm Quán Gà, cửa nhà hát ông Thông Phu đèn sáng trưng, chưa có khách. Thói thường, những buổi ngà ngà rượu về trại mà đi qua đây, tôi hay tạt vào cái nhà hát quen thuộc này, nói nhảm một vài câu và nếu cao hứng lên thì hát ngay cũng chưa biết chừng. Có tiền hay không, ở các nhà thân mật này, là một điều chưa cần nghĩ đến vội.

Nhưng lần này đi qua mà tôi không muốn vào, cách đây hai ba hôm tôi đã tạt vào thăm vợ chồng chủ nhân, ở mãi đến gần khuya rồi còn gì nữa. Thăm gì mà thăm lắm thế. Vả chăng hôm nay lại là mùng một đầu tháng, tôi không muốn đem cái vía của tôi vào nhà hát, thứ nhất lại vào một nhà thân, sợ cả tháng nhà người ta làm ăn không ra tiền rồi lại mang điều, mang tiếng. Tôi biết tôi có một cái vía độc lắm. Người ta đã bảo thẳng như thế vào mặt tôi nhiều lắm rồi. Và chẳng cần đến người chung quanh vạch mặt chỉ tên, cứ trông thấy nhiều con chó mực nó sủa mãi tôi – tuy chủ nhà đã quát mắng rồi, cứ trông lũ trẻ nhà bạn nó mếu máo khóc thét lên như đau bão, mỗi khi tôi đòi ẵm trẻ, thì tôi đủ biết lắm. Tôi đã đi qua cái miếng ánh sáng vuông rộng nhà ông Thông Phu rọi ra đường. Đến gần điếm tuần canh, bỗng có tiếng người chạy theo gọi tôi. Tiếng con gái. Thì ra đấy là một con em ở nhà hát ông Thông Phu.

– Thưa chú, bác em mời chú vào chơi.

– Bác giai hay bác gái? Và có chuyện gì vậy?

– Không biết. Thì chú cứ vào rồi sẽ hay. Bác em đứng trong nhà, thoáng thấy chú đi qua, chạy ra cửa gọi thì chú đã đi xa rồi. Làm cháu phải chạy đuổi theo mệt quá.

Quay trở lại, trên mấy thước đường, lòng tôi phân vân. Chẳng nhẽ lại đòi tiền một cách khiếm nhã như những chủ nhà hát tầm

thường khác? Hay là chủ nhân vừa có bổng ngoại có miếng chín gì định cho mình ăn?

Tôi vừa chào xong vợ chồng chủ nhân, bà Thông Phu vừa cười vừa chỉ sang một người đàn bà, ngồi bên bàn đèn, đầu chùm một chiếc khăn vuông bằng the.

– Còn đây nữa. Không chào đi.

Tôi quay lại phía thiếu phụ. Một người lạ, mà ra vào đây luôn luôn, tôi chưa từng gặp bao giờ. Người tầm thước. Mặt to. Mắt sắc. Mũi dọc dừa. Hai chúng tôi nhìn nhau, càng nhìn càng bỡ ngỡ. Bà Thông Phu bèn cười phá lên.

Thôi đừng nhìn nhau mãi như thế nữa. Đã gặp nhau bao giờ mà đòi nhận ra nhau. Để ta giới thiệu cho. Đây là cô Tâm mới ở Nam vào. Cô đào hát đấy. Còn đây là... là một người em kết nghĩa của bác giai. Tướng giặc ở dưới xóm đấy.

Bây giờ ông Thông Phu mới lên tiếng:

– Mình chỉ hay nói bậy. Nhà tôi tính hay đùa, cô Tâm mới vào chơi, có nghe chuyện bác gái thì cô phải hiểu chuyện của bác nói theo một cách khác.

Đây là chú nó. Một con người ngọc đấy.

Giọng ông Thông Phu cố làm ra đúng đắn, nhưng mọi người đều phì cười. Tôi đã để ý đến cái cười của cô Tâm. Tôi thấy cô là người có duyên. Một cái duyên mặn mà với đôi hàm răng đen nhánh.

– Mình co chân lại cho chú ngồi chứ.

Dứt lời bà Thông Phu bảo chồng, bên phía giường kia tôi cũng thấy cô Tâm khẽ rút chân, lấy vạt áo sau phủ kín bàn chân lại như lúc người đàn bà ngồi xệp xuống bệ thờ Phật. Tôi thấy tôi có cảm tình ngay với cái dáng người ròn dẻo của Tâm. Người khí thô vóc nhưng mà gọn. Cứ thế mà tôi nhìn mãi, hình như cố chú mục để mà phát minh ra những nét đẹp chưa bộc lộ hết khỏi người ca nhi mới lạ. Tâm ngồi ăn trầu, nhổ nước cốt trầu vào ống phóng, trông có vẻ bà lắm. Mỗi lúc nàng ngước nhìn tôi, mắt nàng lại bắt gặp mắt tôi. Không e lệ, nàng mỉm cười. Nhìn nhau mãi, tôi hơi ngượng ngập, vội quay lại chủ nhân:

– Phải đấy, nhà có mỗi mình bác hát cũng mệt chết. Bác đón thêm cô Tâm ở Nam vào, là một điều đáng nên lắm. Vậy cô Tâm mới vào tầu tối?

– Dạ thưa ông, chúng tôi vào đây từ hôm qua.

Lối thưa gửi của Tâm làm tôi phải để ý. Xưa nay trong nghề nghiệp, một cô đào bất gặp bất cứ ai, bất kể cả trường hợp giao tiếp nào, không cẩn thận, không biết sợ, thường bao giờ cũng xưng là em và hô người khác là anh. Lắm lúc người anh bị gọi là anh ấy, dưới cằm bên mép, râu ria mọc đã um tùm. Thật là nát cả chuyện quá.

Tâm nói hai chữ "chúng tôi" một cách rắn rỏi gẫy gọn, nghe đến, lỗ tai không thể không thích được. Từ lúc mới vào trông cái kiểu người Tâm, tôi cứ tưởng cái tiếng phải là chua lắm. Tôi không ngờ tiếng nàng lại ấm được đến bực ấy. Tôi tự bảo tôi về cô Tâm này rằng hát khuôn khổ, hay không thì chưa biết, nhưng với cái tiếng ấm như thế, có ngồi nói chuyện với nhau thì cũng không đến nỗi quê kệch.

– Chú đang nghĩ gì?

– Vậy chị đón cô Tâm từ hôm qua. Hôm qua là ngày nguyệt tận, mọi việc đều không nên. Tôi vẫn thấy anh chị hay kiêng kia mà.

– Không, cô Tâm vừa mới đến với bác mới có trong ngày hôm nay thôi đấy chứ.

Tôi nhìn Tâm, nàng cắt nghĩa.

– Dạ vào từ hôm qua, nhưng chúng tôi ở một nhà khác dưới Cầu Chanh. Rồi có người mới mách cho nhà ông bà Thông Phu trên này. Chúng tôi hồi ở Nam vốn đã có biết tiếng. Bèn tìm lên.

– Quý hóa quá nhỉ?

Nghe tôi khen Tâm với một giọng nói rất làng chơi, bà Thông Phu nguýt tôi một cái thực dài. Bà chạy ra ngoài. Bà gọi luôn tôi ra ngoài bỏ nhỏ vào tai tôi:

– Thế nào, hôm nay nghe hát, chứ?

– Chị đến hay đùa. Tiền nợ mấy chầu cũ đã trả cho chị đâu.

– Người ta cho hát chịu mà lại.

– Chả dám. Tôi vẫn nhớ ngày hôm nay là ngày mồng một đầu tháng ta. Thôi để mai kia, có món tiền phải chăng, sẽ hát cho nó tử tế.

– Khỉ ạ, sao mà lúc định chu đáo thì nói ra cách cẩn thận đến thế? Buổi chiều đã có mấy người hát mở hàng và chi tiêu rồi. Mấy ông giáo ấy thường hay hát ban ngày. Tâm lên vào buổi trưa, vừa ngồi được một lúc thì phải gõ phách ngay. Tay phách cũng sắc đáo để. Nó ngâm thơ khá lắm. Tôi cho chú con bé đấy, nếu phải duyên

phải số của hai người. Thường chú lên xuống hát giúp anh chị, cứ cô độc cô quả mãi chẳng ai là vừa ý, trông thấy chú bồ côi bồ cút, tôi cũng không yên bụng. Vậy ra luôn nhà ngoài đi, gõ mấy tiếng trống gọi cho thực oai. Rồi chị bảo Tâm nó ra hát. Rồi anh chị sẽ bưng khay đèn ra sau.

– Nhưng ai đàn hở chị? Nhà ta làm gì đã mướn được người đàn.

– Thì gọi người đến đàn chứ gì. Định gọi ai đàn? Kép Ngôn nhá? Chỉ có Ngôn thì mới đàn khuôn được.

Thấy tôi không trả lời, đứng tần ngần, chưa tỏ ý quyết định, bà Thông Phu hiểu ý, một tay móc túi, một tay vỗ vai tôi cười.

– Không có xu nào dính túi thì đây, chị lại cho mượn thêm đồng bạc để tí nữa chi tiền cho kép. Ông thì bao giờ mà chẳng sang và bao giờ mà lại không tốt. Còn việc ăn uống, thì đêm có đói, chị sẽ mua cho chai rượu và dăm chục que nem nướng. Không sợ.

Tôi cười ra nước mắt, biết rằng mình đang cảm động quá. Trong thiên hạ, người tốt bụng ra vẫn còn nhiều. Và khen bà Thông Phu lúc này thì thực là một việc thừa.

Ngồi trên bục giữa nhà, ngồi cầm cái roi gỗ khổng chấm câu hát cho Tâm, thỉnh thoảng tôi lại giở trò kênh kiệu ra, bỏ chơi một vài khổ dồn không chịu điểm trống để cho vợ chồng nhà chủ cùng nằm đấy tủm tỉm cười về phía tôi và hạ một chữ: "Được". Từ ngày đi chơi, hình như mãi đến lúc này tôi mới phát minh ra cái thú trong sự đi hát và tự bảo từ đây càng nên gắng luyện lấy một cái tài và một cánh tay cho tử tế để khỏi phụ đến cái công phu của một số người đẹp có tài tiếng xã hội thanh sắc một thời. Sau một đêm gần kề Tâm có thiện cảm đối với tôi.

Ngày một thêm quen thuộc nết và ngày một thêm thân. Chúng tôi đã thành đôi bạn và nếu nói theo cái giọng của làng chơi thì chúng tôi trở nên một đôi nhân tình. Trước mặt ông bà Thông Phu có lần tôi đã lồng vào ngón tay cô Tâm một cái nhẫn màu đen gọt bằng vỏ gáo dừa. Đấy là một cái thủ công còn sót lại của những ngày đi tù: những ngày mưa, ngày chủ nhật không phải đi làm cỏ thì ngồi trong trại gọt nhẫn mài nhẫn chơi.

Tâm giơ cái nhẫn kỳ dị ấy lên ánh chụp đèn búp măng và lấy tí dầu lạc nơi bàn đèn bôi vào nhẫn cho nó bóng. Ông Thông Phu và bà Thông Phu thấy đôi trẻ quấn quít nhau, cười rất độ lượng. Tôi nhìn

ông Thông Phu gầy như một nhà tu hành khổ hạnh, tôi nhìn cái nhẫn gáo dừa vừa đeo vào ngón tay trỏ cho Tâm, tôi thoáng một cái ý tưởng dính đến một thứ tôn giáo. Tôi nhận thấy ông Thông Phu phảng phất có những nét điềm đạm đau khổ của một vị giáo sĩ nhận lấy cái sứ mệnh bạc bẽo đi hành đạo ở một xứ mà nhân tâm còn bán khai, và trên cái miếng đất khô cạn bất trặc này, ông đã gặp Tâm và tôi cũng lạc lõng vào đấy. Vốn cùng chịu chung phép tắc của một thứ văn minh của người cùng thời cùng loại giữa một cảnh đất khách quê người chúng tôi đã đưa nhau đến trước mặt vị giáo sĩ đạo Cơ Đốc tình cờ ấy để đeo vào làm phép công nhận hộ cho một cái tình yêu thương đã xảy ra giữa một hoàn cảnh chưa có quy tắc, thiếu chế độ luân lý và đảm bảo của trật tự.

Tôi đã đem những cái ngoan cái khéo và tất cả những cái phong nhã trong người tôi ra mà đãi Tâm. Trước mặt ông bà Thông Phu chúng tôi rất nhí nhảnh trong sự chiều chuộng. Lời nói và cử chỉ trẻ trung của hai đứa tôi hình như có lần đã gợi nhắc cho vợ chồng ông Thông Phu một cái thuộc về kỳ vãng đôi bạn già yếu ấy. Một tối hút xong một bữa thuốc rất ngon lành, nghĩa là không có điếu nào chảy hoặc sa đèn thứ nhất là điếu cuối vẫn hoạt, kêu vo vo, tuy là mẻ sái ba, bà Thông Phu đố tôi và Tâm biết được cái khởi điểm cuộc tình duyên giữa ông và bà ấy.

– Chị đố chú và em biết đấy?

Bà gõ đuôi dọc tẩu vào đầu ông Thông Phu đang mơ màng, lim dim và tay gãi trên quần áo.

– Tôi đố cả mình đấy. Xem mình còn nhớ không nào? Tại làm sao mà tôi biết mình, tôi để ý đến mình và rồi sau lại thành ra vợ chồng?

Tâm vờ tì hẳn vào người tôi, véo một cái rất mạnh. Cái véo dứt được thịt ra ấy lại chỉ làm tôi buồn cười to. Nghỉ ngơi một lát, ông Thông Phu mới trả lời, miệng nói mà mắt vẫn nhắm:

– Tại cái củ gừng nướng chứ gì nữa.

Thích chí, bà Thông Phu không cần tìm cái viên xái bắn ra chiếu, vội đặt lại đèn vào giữa khay, khen chồng: "Ồ giỏi". Bằng lòng bỏ một viên xái không chịu tìm đến kỳ cùng là một sự hiếm có trong tâm tính người nghiện. Nhưng phút này, câu chuyện tâm tình giật lùi về dĩ vãng lại còn đáng kể hơn điếu xái. Ngắm kỹ bà Thông Phu, tôi ngờ lúc còn con gái, hẳn bà Thông Phu cũng không đến nỗi xấu.

Bà kể chuyện những ngày đã qua:

– Này chú ạ, thực đấy, anh nhà làm bạn với chị cũng chỉ vì một nhánh gừng nướng. Hồi ấy chị chả có chứng đau bụng mà. Nó mà lên cơn thì tưởng nhảy được từ giường nọ sang giường kia. Anh mới đi xin đâu được củ gừng và xuống bếp nướng cho chị. Hồi ấy, anh nhà chú đẹp trai kia chớ đâu lại có như bây giờ ấy. Giầy "dôn" củ nghệ, áo sa tây hoa mép đỏ, can bịt bạc, bít tất lụa tím, mũ ca dô chê. Cu cậu cứ thế mà chúi xuống bếp thổi bếp gio, bụi cứ mù cả lên. Nghĩ tình, mình đâm ra cảm. Rồi là lấy nhau. Chẳng cứ gì phải ba chìm bảy nổi chín lênh đênh mà mới yêu thương nhau được cho bền, em và chú ạ. Đây em và chú xem!

Những đêm vui và thân như thế là chúng tôi lại cho đi gọi cái người đàn bà Huế vẫn bán nem nướng đến, bảo quạt cho dăm chục sâu rồi cùng cất chén hể hả với nhau cho đến lúc gà gáy. Rồi Tâm lại lấy cái chăn bông vải hoa đắp cho tôi. Nàng có chăn gối riêng. Mỗi lần đổi chỗ ở theo cái đà nghiệp dĩ của một con hát trôi nổi giang hồ là nàng lại đem chăn gối đi theo, cùng với cỗ phách và chiếc hòm da sơn đen.

Nói đến tấm chăn bông của Tâm, tôi nhớ rằng nhiều đêm chúng tôi gây phiền lụy cho vợ chồng ông Thông Phu không biết bao nhiêu.

Từ khi có Tâm vào hát giúp, nhà ông Thông Phu trở nên đông khách lui tới. Lắm khi tôi tranh mà cũng không thừa chỗ.

– Thôi, việc gì chú phải giành nhau với bọn họ. Tiền của họ nó như nước chảy ấy mà. Chú địch thế nào được. Có họ hát là anh chị không túng rồi, chú đừng ngại. Chú cứ nằm chơi với tôi ở nhà trong là được rồi.

Tâm nó cũng cho như thế là phải. Nhưng tôi, được thể có nhời nói ấy, tôi đã lạm dụng cái chỗ chí tình của chủ nhà hát và đêm nào cũng dẫn thần xác đến nằm ở gian nhà trong, lắm lúc không biết ngượng là gì nữa. Cứ cái chăn bông của Tâm mà quấn vào người, nằm bên khay đèn, trông lù lù chẳng khác gì mả Đạm Tiên. Nhiều khi nhà ông Thông Phu đã mất hết cả khách vì cái chăn của Tâm. Lắm bọn ngủ đêm lại, lúc Tâm hát xong chạy xuống nhà dưới, họ vào buồng xục thấy có cái chăn vừa đẹp vừa sạch, lôi ra đắp, để lúc Tâm lên tìm chăn cho tôi thì là thành ra cả một cuộc giằng co rồi cãi cọ. Rồi ầm ầm giận dỗi, họ bỏ về gọi nhà chủ lên trả tiền kém đi. Nếu chủ nhà hát có nói một vài câu nhẹ nhàng khuyên Tâm nên chỉnh

tính nết, "đừng nên làm mích lòng ai, vì nhà ta là một nhà buôn bán phải cần đến khách hàng", thì Tâm xị mặt ra, nói rằng:

– Không, chỗ chầu hát đó, nếu họ không trả thì em xin đền. Nếu em không sẵn tiền mặt trong người thì hai bác cứ trừ vào tiền hát cho em.

Ấy thế rồi là Tâm chui tọt vào tấm chăn. Tôi rất lấy làm ngượng đối với ông bà Thông Phu, chỉ muốn chui ra khỏi chăn ngay. Tôi còn biết nói thế nào. Ông bà Thông Phu cũng thân, mà Tâm cũng thân. Tôi chỉ biết ngồi im mà xem, vô ích như một người chồng ngồi nhìn vợ lời đi tiếng lại với bố mẹ đẻ mình. Phiền nhất là những việc khó chịu như thế thường kéo dài ra đến mấy buổi. Sáng ngày hôm sau và ngày hôm sau nữa. Tâm vẫn làm mình làm mẩy, có khách đến nghe hát, nàng nhất định không ra mặt, lấy cớ rằng khan giọng, rằng trong mình có bẩn.

– Mời bác ra hát hộ em vậy. Chứ em khô khan cả cổ. Hoặc các ông ấy muốn nghe ai thì cho đi gọi họ đến, rồi lấy cái tiền mảnh hát của em mà chi cho họ vậy.

Tiếng Tâm nói đối với chủ nhà vẫn trong trẻo như thường. Bà Thông không muốn mảnh hát lọt vào tay người ngoài, lại lóp ngóp bỏ ra ngoài nhà xin lỗi quan viên và gõ phách thay. Tôi bảo Tâm:

– Em không thấy hai bác đối với em tốt là như thế, quý là như thế sao? Không nên làm phiền cho người ta. Cái tính em thật là mưa nắng không chừng, đến ngay anh nhiều khi cũng khó chịu.

– A, anh lại cũng vào hùa với ông bà ấy nữa à. Anh phải biết vì ai mà tôi không cho họ đắp lẫn đắp chung cái chăn của tôi? Hơi hướng của tôi...

– ... Đã đành rằng thế, nhưng mà...,

-... Nhưng mà làm sao? Tôi rất buồn mà nói cho anh biết rằng tôi bắt đầu chán cái tỉnh này rồi đấy, Tâm vào đây, hay thì ở mà dở thì quay về Bắc. Khối người chào hỏi đón đưa. Nặng bồng nhẹ tếch, khăn gói lại cút, khó gì. Gió lại đưa đi, ấy mà.

Tâm cười gằn. Cái cười ấy nghe quả quyết lắm và đúng là tiếng cười sinh chuyện của những người trăng hoa đến lúc đã muốn tỏ giọng phũ phàng ra mặt.

Nhưng rồi sau những ngày bực mình ấy, cũng chẳng ai đi đâu cả, và cũng chẳng ai làm sao cả. Tâm vẫn không về Bắc mà tôi vẫn lù lù

ra đấy để đắp một cái chăn bông đã gây ra nhiều chuyện. Và ông bà Thông Phu ăn ở trước sau vẫn không có gì là lệch lạc cả.

Tôi liên miên nằm ở nhà ông Thông Phu, đổi đêm làm ngày, vậy mà cũng được gần ba tháng liền. Rượu, trà thuốc phiện, đàn bà và công nợ. Tăm tiếng chơi bời bắt đầu từ đấy và không thể nào đậu được ở nhà nữa. Có lần vợ tôi đã bắt được tôi quả tang nằm ăn thuốc phiện với Tâm trên một cái giường giải rơm, gốc rạ dưới nhà ông Thông Phu. Chẳng hiểu nhà tôi đã nghĩ như thế nào mà ngay lúc ấy không to tiếng.

Nhà tôi chỉ thở dài sau câu: "Cậu thích nằm cái ổ rơm ấy lắm à". Có lẽ vợ tôi đã cầm bằng tôi là một người thừa quá cho nàng mất rồi. Từ dạo đó, tôi thấy nhà tôi săn sóc mấy trẻ hơn là trước. Tôi ngờ rằng nhà tôi đã muốn chuyển hết cái lòng yêu chồng sang một cái tình yêu con. Lòng tôi ngổn ngang cũng biết hối sợ. Nhưng lòng hối lỗi ấy chí vững được có một vài giờ vào buổi sớm, những lúc tôi ở nhà hát ra về, bước qua ngưỡng cửa nhà: không một ai thèm ngấc đầu lên nhìn, không một ai thèm trách móc cho một tiếng, để mặc kệ mình lẳng lặng lên cầu thang gác. Nhìn cái bộ quần áo vò nhầu, ngắm cái đầu bù trong gương và cái bộ răng vàng ệch những khói các thứ thuốc, lấy lược gỡ tóc thì y như thế nào cũng có một cục cái đã dính bét vào đấy, tôi đã tự ngắm đi ngắm lại cái mình tôi, lấy làm ê chề đau tủi vô cùng, tưởng rằng không thể nào trở lại xóm yên hoa được nữa, mặc dầu ở đấy có một trăm ông Thông Phu và một ngàn cô Tâm. Tôi lại nhủ tôi rằng thôi, cái lần này là lần cuối cùng. Nhưng buổi chiều đã đến. Mặt trời đã vàng nhòe sau cái nếp thành tỉnh rồi đấy. Kéo một giấc ngủ ngày rất ngon lành, tôi đã vùng trở dậy, để đứng trước một cảnh hoàng hôn. Lòng tôi thấy vui vui. Và trong tai hình như có đủ âm tiếng đàn đáy. Buổi hoàng hôn mà nhiều khi lại có cái phong vị của bình minh. Cái giờ này mới là lúc khai mào cho ngày sống của tôi. Không cần đến khai vị nữa, chỉ một thau nước lã rửa mặt không thôi, là tôi đã thấy chân muốn nhảy nhót, miệng muốn huýt sáo cùng ngâm thơ và ngón tay muốn sờ mó đến nhiều thứ. Những khổ đàn xa xăm lại vẳng trong lòng nhộn nhạo. Có khi tôi lắng nghe nó thành ra một điệu Thét Nhạc. "Đờn ơi đờn, một tiếng dương tranh. Chung thưa ngọc ô, đờn não nùng chiều ơi o á á á n".

Tôi thay quần áo chải chuốt ngắm nghía và nhớ đến người ta có lần, đã gọi tôi là một con đĩ đực. Ban ngày ngủ, lúc nhá nhem thì mới làm dáng để lượn.

Tôi đã coi hẳn nhà ông Thông Phu là một cái nhà của mình. Ăn ở đấy, ngủ ở đấy, tắm rửa ở đấy. Ai muốn hỏi han điều gì cũng do đấy. Chỉ vì một lẽ không được nhanh tiện, chứ không có thì nhà hát ông Thông Phu cũng thành nốt ra một cái hộp thư của tôi nữa. Đây vốn là vùng ngoại ô châu thành ấy, người phu trạm thành phố không phát thư đến, giao chậm của phủ Đông Sơn chuyển giao chậm hơn mất hằng mấy ngày. Cách vài ngày, tôi mới tạt qua về nhà một lần, thay ít quần áo sạch và đem theo đi ít quần áo nữa. Tất cả nhét vào một cái cặp da gọn quá. Thầy mẹ tôi có hỏi đến thì tôi đã có sẵn một câu nói dối dùng đi dùng lại không biết đã bao nhiêu lần: "Thưa con đi vắng ít hôm. Về vùng quê thăm mấy người bạn".

Thầy mẹ tôi cũng là người cả tin thật. Thứ nhất là thầy tôi. Ai đời có một lần thế này mà thầy tôi cũng cho là thật nữa kia.

Nguyên có một người nhờ thầy tôi làm xong một việc lôi thôi ở nhà quê, có đem lên tạ thầy tôi nửa hòm sâm banh. Thầy tôi không uống được rượu, bèn cho cất vào trong buồng thờ. Một buổi tạt về nhà tôi lục lọi thấy, và nghĩ ngay được cách lấy hết chai rượu đó đi. Tôi đã gò lấy vẻ nghiêm trang, trình với thầy tôi rằng hiện giờ có người mách cho một chỗ đi làm rất tốt. Nhưng phải có ít lễ chín đưa đến trước thì mới được giáp mặt chủ và người ta mới nhận lời.

– Thế người ta muốn thứ gì?

– Dạ, thường thường như thế thì chỉ đưa độ mươi chai rượu thứ có giá là tiện hơn hết. Con thấy ở trong buồng thờ có ít chai sâm banh vào hạng khá. Thầy cũng không mấy khi uống đến. Giá đem lễ họ thì khỏi mua ở hiệu ngoài nữa.

– Ừ như thế thì cũng tiện. Ờ muốn đem thì cứ đem. Nhưng phải cẩn thận kẻo đưa cho một người không chắc chắn thì việc đã chẳng xong mà còn chịu tiếng là hớ nữa. Mỗi lúc đến nhà người ta mà đòi rượu lại sao? Thầy thấy những người nhận lo việc là rất hay lếu láo.

Thế là tôi đã đưa ra xe cả cái hòm rượu ấy đem thẳng xuống xóm, gửi mỗi nhà vài chai, thỉnh thoảng cho mở nút kêu đánh đốp một cái, chuốc lấy một cái tiếng chơi sang.

Tôi nằm ở nhà ông Thông Phu nhiều quá đến nỗi nhiều chủ nhà hát cùng xóm đã phải ra mặt ghét. Có đêm nào đến với các bạn hát sẵn chờ hẹn ở đấy, thỉnh thoảng lạc vào nhà họ một lúc là y như được nghe những câu nói mát.

"Mấy khi rồng lại đến nhà tôm. – Ở bên này, chị em đây đều là nhà quê cả, đâu được tài khéo bằng cô Tâm bên ấy. – Chúng em không dám ngồi như thế, ngộ cô Tâm đi qua trông thấy thì bất tiện quá. – Chị em đã cho gọi về rồi kia kìa".

Có thế. Tâm đã cho người nheo nhéo tìm tôi "về ngay" có việc cần hoặc thân chinh đến tận cổng nhà hát hàng xóm rủ tôi đi chơi phố mua ít thước vải lụa hay là uống một cốc cà phê. Một lần Tâm bắt cùng đi bộ và buộc tôi phải đi qua phố Cửa Hậu. Tôi ngần ngừ, tỏ ý không thích. Lâu nay tôi đã bán hẳn cái xóm Cửa Hậu. Ở đây, đối với vài nhà hát quen, tôi đã để lại nhiều chầu hát chịu và từ ngày gặp Tâm, tôi bất cố lai vãng và cũng không có một lời khất khứa nào cả.

– Tại sao anh lại không đi con đường ấy. Hay là phải đi phố với em mà anh ngượng? Ra điều rằng nhà hát phố Cửa Hậu toàn là sang trọng mà Tâm chỉ là một cô đào xóm Quán Gió, dẫn Tâm đi qua, sợ họ cười chê.

Tâm đã có giọng nói sẵng và cười một cách khó hiểu. Tôi phải chiều ý. Nhưng đã đi ngược phố một lượt rồi, Tâm còn bắt đi quay xuôi lại một lần nữa. Nàng vênh váo, khúc khích. Tôi nhìn thẳng, không ngó ngang vào nhà hát nào cả. Nhưng tôi thừa biết ở bờ hè nhiều nhà hát mở rộng cửa, đèn sáng trưng, có vô số người đàn bà đang thì thầm về tôi và chỉ trỏ theo tôi. Đi khỏi phố Cửa Hậu không thấy xảy ra một việc gì, không có ai chạy theo gọi giật giọng, tôi thở mạnh như cất được một gánh nặng.

– Thôi, bây giờ thoát khỏi cái phố nguy hiểm rồi. Em chỉ cầu đi với anh qua đây một lần thôi. Một việc dù có hay mấy, cũng chớ nên nhắc lại lần thứ hai. Anh vui lên đi thôi chứ.

– Có điều gì đáng vui đâu? Em vừa nói cái việc hay hay ấy là việc gì vậy?

Trên đoạn đường đi ra ngoài thành phố không có ánh sáng của đèn điện, Tâm nói bằng một giọng thành thực thiết tha:

– Anh nợ tiền các nhà hát nhiều lắm. Nợ từ khi em chưa đặt chân tới cái tỉnh này kia. Từ hôm em đến hát giúp ông bà Thông Phu, kể có gần ba tháng, anh liên miên ở cạnh Tâm, không có đi hát ra ngoài một chầu nào cả. Và những nợ cũ của người ta, anh cũng chẳng có dịp trả cho ai cả. Cái điều em bằng lòng nhất ở một người đi chơi như anh là anh đã dấu kín em những chuyện ấy. Phàn nàn chuyện công nợ vì chơi bời với một người cô đào mình đang quấn quít

là một điều vụng về rất keo bẩn. Có người khai ra như thế tưởng là đánh cao được cái giá ăn chơi của mình. Có người khai ra vì cái lẽ muốn bịt lối thưa gửi của một người bạn hay xin hay hỏi, nghĩa là làm như thế để cố tránh những việc người quen có thể quấy quả đến tiền bạc may vá sắm sửa. Tôi đã gần như người thập thành rồi, còn lạ gì. Riêng đối với anh, tôi thấy cái nết im lặng đó là thu thú và vì thế hôm nay tôi muốn gỡ cho anh một cái tiếng trước mặt những người – không kể là chủ nhà hát được cô đào hát – xưa nay vốn đãi anh rất tốt. Cái việc anh đi lại với Tâm trong mấy tháng, còn ai lạ gì nữa. Thứ nhất là cái tính hơi du côn của Tâm lại gây cho Tâm nhiều người thù oán, nói xấu nói nhảm nữa. Thế nào họ chả bảo anh đã đưa cho tôi bao nhiêu là của chìm của nổi. Và vì vậy, mới đọng hết những chỗ công nợ cũ lại. Hôm nay cố kéo anh qua cái phố Cửa Hậu, lượn lên lượn xuống như thế là Tâm muốn khất nợ cho anh đấy. Cho họ hiểu rằng anh vướng vào tôi, anh đang tốn phí về tôi, đang bận vì tôi không phải là ít và chưa có thời giờ để nghĩ đến họ. Tình và tiền của anh hiện giờ đều mắc có việc cả rồi, không để thừa cho ai cả.

– Nói làm quái gì những chuyện phiếm ấy. Nghĩ đến, tôi rất ngượng. Tâm chưa tiêu vào của tôi một đồng nào. Chẳng dám nói đến chuyện sắm xe sắm ngựa, mua ít quần áo hoặc đưa cho nhau thỉnh thoảng mười lăm đồng ăn quà vặt cùng là vui cây canh bạc với chị em trong xóm chứ. Đằng này...

– Việc gì phải đến nhắc nhỏm những việc vặt đó. Tâm đã lấy thì nhiều lắm. Xưa nay em đã có tai tiếng là đi vụt thiên hạ dữ lắm kia mà. Họ đã gọi em là cái máy nhai tiền. Không sẵn tiền thì không nên quen "con" Tâm. Tình cảnh của anh quẫn, chỉ có Tâm biết chứ thiên hạ ai chẳng bảo khác. Thì anh để cho họ hiểu nhầm như thế một phen thì đã làm sao. Tâm cũng không định ở đây nữa. Còn ít hôm nữa là Tết. Tâm về quê thăm nhà, thăm chồng (!) thăm con (!) và không biết có dịp trở về nữa không. Ở đây lại còn chán hơn ở nhà, ở quê nhà nữa. •

Thấy tôi có chiều suy nghĩ, nàng tiếp:

– Chắc anh đang suy nghĩ về chuyện Tâm về. Không nên nghĩ gì thêm nữa. Mất vui. Gần nhau nhiều quá, phải có xa cách thì mới khỏi chán. Phải duyên vừa lứa thì còn gặp khối. Vả lại Tâm ít ngày gần đây, cũng có ý nhớ nhà... Còn việc em về quê, anh không cần đưa cho em tiền nữa. Chỗ tiền em hát giúp ông bà Thông em đã lấy ra mảnh

hát nào đâu. Cũng được đến trên ba chục anh ạ. Thế là thừa tiền rồi. Từ nay đến hôm em về quê ăn Tết, cấm anh không được nhắc lại và đả động đến. Cần nhất là trước hôm đi, hai đứa phải uống một bữa rượu cho tử tế; ngoài ông bà Thông, anh và Tâm, không cho ai dự nữa. Đông, nó loãng chuyện ra.

Tâm nhất định ngày ba mươi Tết là về quê. Đi chuyến tàu sớm. Chiều hai mươi chín, tôi buồn như cái tết sắp đến của những người rất nghèo về tiền nong và rất giàu về tâm thuật, lòng chứa đầy những ý đẹp ý tốt mà hoàn toàn thiếu hết phương pháp thực hành với mình, với chung quanh. Tôi buồn và xấu hổ nhất là vẫn cứ để bà Thông Phu bỏ tiền túi ra mà đi chợ mua thức ăn làm bữa tiễn Tâm ngày mai về quê. Bà Thông Phu và Tâm xách rổ đi ra chợ tỉnh rồi, tôi ngồi nhìn cái nhà hát vẫn còn chống chếnh chưa có một vật nhỏ mọn gì gợi trước đến cái Tết chỉ còn có hai ngày nữa thôi.

Ông bà Thông Phu và thứ nhất là Tâm vốn thích hoa hồng, tôi có cái ý tưởng là tối hôm nay, lúc động đũa bát, trong nhà phải có không biết bao nhiêu là hoa hồng. Hoa hồng về tiết này ngày gặp nắng, đêm gặp mưa nhẹ, mưa nắng điều hòa, nở cứ tung hết ra ở mọi khoảnh vườn dưới Lò Chum. Đi một cái xe cao su xuống Lò Chum, cầm một cái kéo vào những cái vườn rườm rà xanh um điểm vô khối là chấm đỏ thắm, đỏ chót, đỏ chợt, xen vào những chấm trắng, cái giờ phút ấy trong một ngày cuối năm, còn có gì nhẹ nhõm hơn nữa. Gật đầu chào ông chủ vườn, cười với mấy đứa bé bán hoa, xoa đầu bọn trẻ tưới vườn bắt sâu lá, huýt sáo miệng dỗ một con chó quen, xong rồi là đi vào luống hoa mà lựa cành cắt cuống, chao ôi! Sung sướng thay. Cái thèm muốn ấy chỉ đem lại cho tôi những buồn bực. Vì lâu nay tôi nợ tiền hoa hồng các vườn ấy đã nhiều lắm rồi. Mãi không trả được, không dám xuống đến nửa tháng nay. Mấy người chủ vườn tôi quen ở bờ sông đào Bến Ngự vốn nghiện thuốc phiện. Biết rằng thấy được cầm một hộp thuốc họ có thích hơn là cầm lấy đồng tiền, tôi thường trả tiền chơi hoa cho chủ vườn bằng cách đưa cho họ những hộp thuốc phiện. Dăm bảy lần xuống cắt hoa về thì đưa cho họ một hộp năm phân. Mươi mười hai lần thì một hộp mười. Các chủ vườn hoa hồng đều nhận cái ước lệ mậu dịch đó là tiện và tôi cũng thấy thế là lịch sự hơn cái lối cứ đưa vặt mỗi lần dăm bảy xu hoặc một hai hào bạc. Hồi ấy, thuốc phiện nhà nước bán có một trăm đồng một cân tây, tưởng đưa như thế cũng phải chăng, nếu có tính tiền

hoa theo như giá hoa tháng ở các thành phố lớn. Nếu họ có thiệt thòi thì chỉ thiệt về chỗ tôi hay cắt những cành dài, nhiều khi mất hại nhiều nụ con mới nhú lên. Tôi vốn rất ghét cái lối ngắt hoa sát đài sát cuống, trông không có chân, chẳng khác gì hoa bứt để cúng rằm.

Tính chỗ tiền nợ còn đọng lại ở các chủ vườn hồng, giờ có muốn cho thanh khoản để trở được lại vườn cũ mà cầm kéo cắt sang lớp hoa mới, thì cũng phải có đến ba bốn hộp thuốc mười phân, mới xong. Tiền buổi chiều định xoay đưa cho bà Thông Phu đi chợ làm rượu tiễn biệt Tâm cũng còn không có nữa là. Nhưng mà chẳng nhẽ tôi cứ ngồi ỳ ra đây, không chịu đi tìm kiếm thêm lấy một vưu vật gì để góp thêm vui vào cái bữa rượu cuối năm, có một người tri kỷ tên là Tâm sắp lên đường.

Ở cái buổi chợ Tết chiều ngày ấy, tôi đứng trước một cái bàn độc của một người bán thủy tiên, còn độ một chục củ, phần nhiều là hoa kép. Có mỗi một củ đơn thì đã mẫn khai. Người bán thủy tiên thấy tôi do dự nhiều quá, dọn một cái cười chào hàng rất chân thành bảo tôi:

– Thủy tiên năm nay khó có đơn lắm. Có mỗi một củ, hãm mãi mà không được. Nếu cậu có muốn dùng đúng vào giao thừa thì có cái củ hoa ở cốc xanh kia. Phải cái nó là hoa kép.

– Nhưng tôi không sẵn tiền đây. Nếu có bằng lòng để đến chiều ba mươi hãy lấy tiền thì tôi mua hai củ này.

Một buổi chợ hoa của ngày năm tàn, tôi lại là một người đi mua hàng chịu. Hát quanh năm đã hát chịu rồi! Cái nghiệp xui ra thế chăng? Tôi sở dĩ có cái can đảm hỏi mua chịu của một người bán hàng phiên chợ Tết là vì bác ta có biết tôi và xưa kia khi bác ta còn là một người om gà đá, bồng nước cho gà ở các trường đá gà, tôi vẫn cưu mang bác, lúc thì một bao diêm sái nhất, lúc thì một cái áo tây hoặc chiếc áo sơ mi thải. Bác vui vẻ:

– Dạ được, cậu cứ lấy. Chiều ba mươi cậu cho đem trả cũng được, qua năm mới, cậu mở hàng cho con cũng càng hay. Vợ chồng con bây giờ ở chung với chú cháu ở xóm Cử Tiền. Chú nó bán phở.

– Thế nhưng mà cho tôi mượn cả cốc kia. Chốc nữa tan chợ, bác cho đưa cả cốc xuống nhà ông Thông Phu. Biết nhà ông Thông Phu ngoài Quán Gió đấy chứ?

Trên mâm rượu tối ấy ở nhà ông Thông Phu khói mỡ món ăn nóng đượm mùi lạnh của chia tay. Trên đống than hồng trong chiếc

lư lấy ở bàn đèn chủ nhân ra, tôi rắc vào những vụn trầm Quảng Nam bốc trộm ở bàn thờ gia tiên lúc tạt về qua nhà khi ban nãy ở chợ rẽ về thăm lại vợ con. Cố làm ra bộ vui mà thỉnh thoảng Tâm vẫn thốt ra câu thơ ngâm với một giọng sầu nhớ mênh mông. Hai củ thủy tiên mua chịu, củ đơn đã mãn khai như muốn rầu cành úa lá và khóm kép hãm tiên thì như càng muốn giấu kỹ trong cành hoa thép những giọt nước rầu rĩ luôn.

Rượu nửa chừng, cao hứng, tự ý Tâm đem phách đã cất kỹ trong hòm da ra gõ. Trước ngày lên đường, Tâm đã định nghỉ hát. Nhưng lúc này Tâm ngà ngà rượu, tỏ ý say thêm đối với nghiệp, khổ phách gỗ xinh hơn mọi lần, tiếng phách ròn vui như tiếng chim buổi sớm mai trong bụi cây. Trái với tiếng phách vui, giọng hát Tâm đượm mùi sầu xứ, mỗi hơi chuyển từ làn này sang làn khác là một giọng cảm động đầy tha hương thương nhớ. Và, "chẳng biệt ly ai dễ biết chữ tình", phút này ngồi bênh cạnh Tâm, tôi ngắm hai vợ chồng ông Thông Phu nhường nhau từng miếng gắp, tôi ngắm tôi, tôi ngắm Tâm, những thành kiến cũ của tôi trong tình trường đổ nhào hết. Cái đường giới hạn ngăn chia thế nào là một cái tình đối với con gái nhà lành và thế nào là một cái tình đối với con hát, sự phân biệt nhẹ nặng ấy đến lúc này nhòe lẫn hết. Tâm nhìn thẳng vào cái cây khói mọc từ lòng lư trầm lên cao độ một thước ta rồi mới kết xoắn lại như tán cây bàng, như một vòm cây nhãn bằng khói, Tâm nhìn làn khói mà hát, mắt long lanh tiếng hát có tinh thần và nhiều chữ mở, nhiều hơi mớm rất thần tình. Một giọng hát đẹp này vẳng lên vào một trường hợp cảm động lúc năm đã hồ tàn hình như đủ gột hết khỏi người Tâm tất cả những bẩn thỉu trát vào kể từ lúc dấn thân vào nghề. Một giọng hát hay và run run này là một bài kệ ngâm lên để rửa hết tội lỗi trong đời Tâm. Từ khi đi lại với Tâm, chưa bao giờ tôi cảm thấy tôi có thể lấy tình nhân đạo ra mà đãi ngang hàng đến bực ấy. Trước kia tuy cố gần gụi, chia xẻ khoái cảm, nhưng vẫn có sự rẻ rúng ở trong. Tôi vẫn cho nàng là người của một thứ tổ chức luân lý khác hẳn. Trước cái thuần túy của đàn hát, nàng và tôi đang cùng nói chung một thứ tiếng của tâm hồn.

Đêm gần về sáng, Tâm đuổi tôi về cái nhà của tôi, nhất định không cho tôi đưa ra ga. Nàng dúi vào tay tôi một mẩu giấy:

– Em có làm được một bài thơ bốn câu. Gửi lại tặng tất cả quan viên tỉnh Thanh, thay một lời từ biệt. Em đi rồi hãy xem. Và bác

Thông và anh có muốn chữa thì chữa.

Nàng đi rồi, tôi đọc thơ. Thơ rằng:

"Lộc thánh cho ăn độ thế thôi
Phách sênh chị lại tếch xa chơi
Châu Thang của hiếm người càng hiếm
Chị đỉnh chung chi với lũ Hời".

Tâm lại dám xưng là chị! Và lại dám gọi những người ở đây là người Hời! Láo đến thế thì thôi.

Trước giờ giao thừa bước sang Tết năm ấy tôi mò lên thăm ông Thông Phu, đưa ông xem bài thơ. Ông cười ngặt nghẹo, kêu Tâm là một "con bé quái quỷ, thế nào lũ Hời ở đây cũng có đứa đòi đánh".

Ông luận về Tâm:

– Con bé nó ở gần tụi mình, thành ra nhiễm phải cái khẩu khiếu khinh bạc. Tính nó lại vốn du côn sẵn. Mình vô tình lúc luận bàn thế sự với nhau, không ngờ lại cùng trau dồi cho nó cái sự khinh đời ngạo của. Anh e đời Tâm rồi không được trọn vẹn đâu chú ạ. Và cả bọn mình rồi cũng đến vậy.

*

* *

Thời tiết trong một năm, nguy hiểm nhất là lúc thu về và thứ nhất là lúc xuân sắp đi. Chẳng cần gì phải được là người đàn bà góa bụa trong vòng tuổi trẻ mà người ta cũng vơ vẩn, thương nhớ và *thèm khát một cách rất là vô sở cứ, không bằng chứng, không có tâm trạng rõ rệt.* Nhiều người đang khỏe mạnh hẳn hoi mà cũng thấy muốn thèm ốm chơi lấy vài ngày như một cái phong vũ biểu rất tinh vị. Vào những cữ này, tiết mùa giao nhau, nhiều ông lang thuốc nhìn những biến tượng trong trời đất mà mừng quýnh.

Ngồi trên một cái nhà bè ngắm một cánh buồm xuôi lúc mặt giời vàng rụng trên sông Mã là không thể không nhớ những người bạn đi xa. Trông thấy lớp lá già các cây rụng, đâm chồi lộc mới là lớp nhựa trong người mình cũng muốn bốc ngược lên như nhựa cây. Rồi khủng hoảng.

Rồi muốn lười biếng. Nỗi nóng lạnh trong tâm tưởng thật không có chừng mực nào cả. Cái anh bạn tòng sự ở nhà Dây thép Thanh

Hóa, giữ việc đóng dấu bì thư đi các nơi và từ các nơi gửi về, đã truyền cho tôi một điều quan sát rất ngộ của anh trong khi thừa hành công vụ. Là cứ tháng ba ngày tám, sao có lắm phong thư ướp nước hoa đến thế! Cái thì bì tím hoa cà, cái thì bì màu hồng phấn, màu xanh da trời, màu vàng hoàng yến. Xuân đi, thu về mà lại. Anh đã nói:

– Áp dấu trạm vào những cái bì thơm tho đầy mùi vẻ yêu thương ấy, mình thấy nó có thú hơn là giết những con tem của những cái bì thư bọn lái buôn có in hiệu cả trên mặt trước và lại đầy cả mặt sau nữa. Lắm buổi tôi ngắm nghía rất lâu nhiều lối tự dạng đầy cá tính mà tôi muốn lấy son tầu mà đóng dấu niên hiệu cho họ, chứ đem đóng cái mực đen Nhà nước vào, mình thấy nó phí cả những cái tư tưởng luyến ái phong kín ấy đi anh ạ.

Điều nhận xét của bạn công chức kia càng làm cho tôi thêm bâng khuâng. Tôi mới nhớ ra rằng Tâm đi đã gần ba tháng nay mà tịnh không có một lá thư nào. Tôi chẳng nhận được một cái phong bì tím hoặc lơ nào. Phải để cho người đi xa quên mình. Phải để cho người quen được vui với cảnh mới. Phải cho người lữ khách cái quyền phụ bạc những tình cùng cảnh tại nơi vừa rời bỏ. Tôi đã giải muộn bằng những ý tưởng khoan dung đó.

Năm bảy bữa, tìm lên trên nhà ông Thông Phu chốc lát, thì chúng tôi đều nhắc mãi một câu đã thành ra cũ mèm:

– Sao Tâm nó về lâu thế nhỉ?

Đôi vợ chồng chủ nhà hát cũng thành thực nhớ Tâm và nhiều lúc pha trò với tôi:

– Cu cậu nhớ tình, dạo này phờ ra, nhưng trông lại có vẻ đứng đắn nghiêm chỉnh hơn. Vắng Tâm, cu cậu không biết nói nhảm với ai. Anh chị hỏi thực chú câu này nhá. Không được chối hoặc dấu. Vậy hai người đã có gì với nhau chưa?

Tôi chỉ biết cười để trả lời. Cả một mùa xuân này, ông bà Thông Phu đã vui đùa chòng ghẹo tôi như thế và tôi cũng đã cười xuông lưỡng lự như thế. Để rồi có một buổi chiều cuối xuân sang hè, những cái cười ấy không có dịp trở lại trong nhà ông Thông Phu nữa. Một biến cố lớn đã ập đến, gắn miệng tất cả mọi người trong cái nhà hát này.

*

* *

Cuối xuân năm đó, không rõ nhân dịp gì, làng Hạc mở hội, treo giải cờ đất. Giải cờ đất làng treo cũng không lấy gì làm to, những tay cao cờ các vùng lân cận đều có về hết cả để thử sức nhau giữa chỗ công chúng.

Ông Thông Phu là một người sính cờ. Ở người ông, đánh cờ đã là một cái bệnh, một cái tật. Ông nghiền ngẫm cờ, những thế trận xuất quân và những thế hiểm lúc cờ tàn, ông thuộc lầu lầu. Nhất sinh đọc sách, ông chỉ mải miết với ba thứ sách, Kiều, Tam quốc và bộ thế và trận cờ Quất Trung Bí. Nước cờ tướng, con đứng con đi, con đánh người con giữ nhà, pháo tuần hà, ngựa ngọa tào, pháo oa tâm thủy để, thế nghịch, thế thuận, bắt dứ chiếu bóng, thôi ông chẳng còn sót nước gì. Nhiều người chơi cờ tướng đã liệt ông vào bực kỳ hầu. Tôi đã được xem ông Thông Phu đấu cờ nhiều lần. Trông ông gò một nước lắm lúc thật là tử công phu. Cờ đất cũng vậy mà cờ bàn cũng vậy. Bao nhiêu đau khổ mệt nhọc hiện cả lên trên mặt ông. Nhiều người chê ông thế là không đẹp. Theo ý họ thì người đánh cờ cao đẹp cần phải có một vẻ mặt bình tĩnh điềm đạm, bị người lấy mất quân không hốt hoảng đau buồn, chém được quân người không lấy thế làm hí hửng. Nhưng tôi nghĩ khác, khi ngắm ông Thông Phu có những đường gân hằn hai bên thái dương mỗi lúc ông đi con cờ hoặc suy nghĩ im lặng trên bàn cờ. Phải, dàn quân cho ván cờ cũng chẳng khác gì một công trình sáng tạo trong Nghệ Thuật. Và sự sáng tạo nào, sự thai nghén nào về tâm tưởng suy nghĩ mà chẳng đau khổ mệt mỏi. Việc gì mà phải giấu. Đâu có phải là một chuyện xấu mà không cho những cái quần quại dầy vò thắc mắc ấy hiện lên khuôn mặt cho đến hết!

Làng Hạc treo giải cờ đất mà lại mở ngay cạnh nhà mình – từ nhà hát ông Thông Phu đến sân đình làng Hạc để vạch nước đi bàn cờ đất, chỉ có mươi mười lăm bước – lẽ tất nhiên ông Thông Phu không thể mần ngơ được. "Chẳng lẽ ngày Xuân lại chịu ngồi yên mà xem thiên hạ nó đấu trí với nhau ngay bên nách mình, ngứa mắt tức máu lắm". Ông tấm tức nói thế...

Ông Thông Phu đã hò sang đình làng Hạc từ ngay lúc người ta cho cầm trịch khảo cờ người dự đấu thứ nhất.

Từ hôm qua hôm kia. Ông Thông Phu đã dậy sớm, trái với thời biểu mỗi ngày của một người nghiện lười biếng. Ông hút trữ buổi

thuốc sớm cho thật thừa, cơm nước tử tế, bắt vợ táo sẵn cho mấy điếu thuốc nữa dắt vào túi rồi hăm hở sang đình, tay cầm cây quạt thước phòng che đầu khỏi mưa nắng giữa giời lúc điều khiển quân tướng trên bàn cờ đất. Mỗi lần ở đình về, mặt ông tư lự vô cùng, vợ và các con em hỏi, ông thường quên trả lời, mồm lẩm bẩm, ngón tay ông phân phát vào giữa không trung những nước cờ nhớ lại hoặc đang nghĩ thêm. Cả nhà biết ông bận về những ván cờ giải khó khăn, đều len lét, sự kính trọng cái tĩnh mịch cho một khối óc đang tính lường quả đã rõ rệt. Tôi, mấy ngày có cờ đám cũng khuây khỏa trong dạ, đỡ nhớ Tâm và lên ở liền ngày đêm với ông Thông, lúc ở bên nhà, lúc chạy sang đình. Có tôi làm bạn để ôn lại những nước cờ người này đi như thế, người kia đi như thế, ông Thông nói chuyện cả đêm.

– Có nhẽ ngày mai, đánh với thằng cha ấy, tôi phải đánh đến pháo gánh mới được chú ạ. Nó đánh nhanh lắm. Ngựa của nó đi cũng sáng nước lắm. Phải tính xe bớt đi và chém què ngựa nó mất cái lối giao chân đi.

Ngày hôm sau tôi sang bên đình, ngay lúc xuất quân mới có vài nước, đã hết sức lo buồn cho ông bạn. Không biết ông Thông Phu đi đứng loạng quạng thế nào mà gẫy ngay mất một tượng. Rồi cờ đâm bí. Chỉ còn đỡ chứ không có chen vào được một nước đánh nào cả. Trời đã về chiều. Tôi tạt qua nhà hát, táo thêm ít điếu thuốc phiện để đưa sang cho ông Thông Phu theo lời ông dặn.

– Có nhẽ tại hôm qua tôi hút kém thuốc, lại kém ngủ nữa, nên hôm nay đi cờ đâm mê lẫn cả chú ạ. Chú về nướng nhanh lên cho anh mươi điếu rồi cầm ngay sang đi.

Vì bà Thông Phu đang hút dở, phải đợi nên cái việc táo thuốc mới dềnh dàng ra thế. Tôi vẫn ngồi chờ bà Thông dùng xong cái ngọn đèn dầu lạc ấy, tai thỉnh thoảng bắt được cái tiếng dội về của những dịp trống tiểu cổ bên đám cờ hội thúc giục một người đánh cờ chậm đi quân. Rồi có một lúc gần về chiều, tiếng trống một đó hình như bẵng hẳn đi.

Bỗng, phía ngoài, có một tiếng kẹt cửa rất mạnh rồi tiếp đến gót chân thình thịch của một người lạ mặt chạy ập vào buồng:

– Thưa bà, mời bà sang bên đình ngay. Ông Thông nhà ta làm sao ấy.

Bà Thông Phu chồm dậy, dọc tẩu gạt đổ bóng đèn búp măng:

– Làm sao? Làm sao hở bác?

– Dạ cũng không rõ. Đang đi quân cờ, bỗng ngã lăn ra sân đình, mắt trợn, miệng xùi bọt mép và chân tay xám lạnh cả đi.

– Ôi chú ôi! Chú ôi là chú ôi.

Tôi đã vụt chạy ra đường. Thì vừa bắt gặp người ta cõng ông Thông Phu về. Trẻ con làng, theo đến cửa thành một cái đuôi dài. Bà Thông Phu về khóc tru tréo lên, cô đào trong nhà đều nhớn nhác. Đặt ông Thông Phu vào màn đã là một việc khó khăn mệt nhọc mỗi chậm trễ là càng tăng thêm dăn dúm rên rỉ cho người ngộ cảm kia bị vực về. Ông Thông Phu đúng là đã bị trúng một cơn gió độc, nhiều người xúm quanh giường bàn soạn. Tấm thân còm nhỏ kia, bây giờ lại càng tóp quắt thêm. Ông nằm dài trên giường đã gạt khay đèn về một bên, nếu không có chân đang run co lên thì cái hình hài ấy đã là cả một cái xác chết chờ khâm liệm để nhập quan.

Bà Thông Phu, phủ phục xuống mép giường, khóc bù lu bù loa. Cái đèn thuốc phiện bé ngọn chỗ cuối giường góp thêm lạnh lẽo cho không khí tang ma.

Ông Thông Phu vẫn rên khẽ. Hơi thở yếu lắm. Lâu lâu lại điểm những tiếng hừ hừ phát ra từ hai lỗ mũi để rồi có lúc lại chẳng phát ra một tí hơi thở nào cả. Cái gương bồ dục bỏ túi mà một cô đào đứng tuổi để vào trước mồm trước lỗ mũi ông Thông Phu theo một điều truyền bảo của một người bạn già chạy đến hỏi thăm, có lúc đã chẳng mờ *nước thủy*, đã chẳng bắt được tí hơi ấm nào tiết ra. *Tắt thở rồi* chăng! Tròng mắt ông Thông Phu lờ đờ, miệng méo co mím lại, bàn tay đâm ra bắt chuồn chuồn. Cái miệng méo xệch đi, cách một lúc lâu lại nhai không một cái. Thanh âm tiếng nhắp môi gióng một khẽ nhẹ nhắc đến cái im vắng những buổi trưa oi oi trên làn nước tù hãm, mặt ao bèo xứ quê thỉnh thoảng có tiếng một vài cá lớn buồn bực ngoi lên đớp bọt rêu đặc.

Cứ lời mấy vị kỳ cựu làng Hạc cũng xem cờ hiện có mặt bên đình lúc ông Thông Phu ngộ nạn trên bàn cờ đất, thì ông ta không phải là phải gió đâu. Ông có máu uất. Và ông đã uất vì một nước cờ hớ, hớ đến nỗi lạc vào thế trận hiểm của bên địch bày. Đi nhầm một nước cờ lép đó, ông cũng chưa thua ngay đâu, còn đến mười mấy nước sau nữa kia. Giá con sĩ ấy, ông Thông Phu cho ghểnh bán nguyệt lên thì cờ mình vững, quân bên địch phải tìm đường rút về chống đỡ đôi xe gần được lệch của ông sắp đắc dụng. Đằng này ông Thông Phu lại đi

lắc cái con tốt biên ấy để đến nỗi vỡ cái thắng lợi của thế cờ mình và lại chuốc lấy sự thua nữa. Cho nhổ xong một con tốt biên ấy, cắm cán cờ vào lỗ nửa trên, ông Thông Phu biết ngay là hỏng. Nhưng cờ đất luật nghiêm lắm. Cổ kim mấy ai đã được hựu một nước, đã được đi lại một nước nhỡ nhàng. Tiếng trống tiểu cổ vẫn long tong giục giã. Bên địch thấy ông Thông Phu nhắc cán biển con tốt biên lên, cười một cách khinh bỉ không cần giấu. Gia dĩ, những lời chê bai của đám bàng quan ở sau lưng lại cứ lọt rõ mãi vào tai người thấp trí sa cơ. Thôi thế là xong. Lâm vào nước hiểm của trận hãm này thì có đến hồn Chương Ba nhập ngay vào người ông đang mê man cũng không thể gỡ được. Điều đáng uất nhất là nước cờ sắp định việc thua được lại là một nước cờ thiếu lịch sự, phủ áo, tức cứ như có người cầm đục búa đánh vào mặt. Và thứ nhất đối phương lại là một kẻ mà trước tới giờ ông Thông Phu vốn khinh miệt. Có lần ở chỗ đông người tử tế nhàn nhã, ông Thông Phu đã dám to tiếng thách hắn đánh cờ tiền và chấp cho hắn nửa ngựa kia mà. Thế mà... bây giờ...

Chẳng cần phải đợi đến lúc người ta chiếu tướng mình đến chắc cứ lại không chạy được mà người ông Thông Phu sau một con cờ chuyển dịch một cách nhỡ nhàng ấy đã cứ lịm dần đi. Rồi lả mãi, rồi lăn đùng ra giữa sân đình, trước sự ái ngại của mọi người, trong số đó có kẻ vô danh kia giật giải. Việc ông Thông Phu uất ngã vì một nước cờ lầm vụng đã ghi một trang thống thiết bi đát trong lịch sử chơi cờ đất Thanh Hóa.

Tính ông Thông Phu hiếu thắng. Đánh trống chầu thì có đến hồn Trương Ba nhập ngay vào người ông cho là quán cả Trung Bắc lưỡng kỳ và về thơ thì ông thường vén đùi lên, lúc mình ngâm văn minh thì kêu rằng "gieo được một chữ như thế tức là thừa xuất nhập cổ kim, là quỷ khóc thần kinh rồi đấy". Tính khách khí của ông Thông Phu, nhiều bực trí giả đàn anh lang bạt kỳ hồ trở về, vốn có cảm tình với cái tài của ông, mỗi lần đến thăm đã phải khuyên ngăn và phàn nàn hộ cho rất nhiều. Nhưng cái nghiệp của tài hoa, của tài tử là như vậy. Thừa một điểm tài thì lại thiếu hụt mất cái đức nhũn nhặn.

Tính ông Thông Phu hiếu thắng đã mạnh đến như thế, người gầy ốm, bệnh phiền dề dề, và một buổi đánh cờ đám ấy lại kém thuốc thiếu ngủ, ở ngoài thì gió nắng giữa trời vào một thời tiết giao mùa chúa hay giở mặt, ở trong thì phẫn tức góp vào với sức phá phách của lòng tự ái bị thương tủi, làm gì mà buổi cuối ngày xuân nhầm nhỡ

một ván cờ đám ấy, người bạn chênh tuổi của tôi lại chẳng uất đi, lịm đi và ngã nhào trên một khoảnh đất công vạch phấn vôi, kẻ hoa thị với ô vuông.

Ông Thông Phu thua một ván cờ ghê gớm đó để rồi mãi mãi đeo lấy tật nguyền. Bán thân bất toại. Và câm. Giá lúc thụ bệnh rồi, chết luôn cũng là nhẹ nợ. Sống dai dẳng trong mấy năm với một cái bệnh không chữa được, vẫn cứ phải hút thuốc phiện do người chung quanh hà mớm khói cho, vẫn cứ phải phơi bày ra tất cả cái hèn xấu bần tiện của một tấm thân hư hỏng chỉ gợi đến lòng thương lại vô ích tiêu cực và kinh tởm – bất nhẫn hay là chính đáng? Của lớp người thân cận khỏe mạnh sống như thế chỉ là một cách bêu diếu nhân loại vào trường hợp này mà còn có người nọ kêu án việc tự ái kia đấy. Nếu ông Thông Phu mà đã tìm được cách tự hoại mình đi rồi và nếu cảnh thiên đường không hẳn là một sự hư văn của tôn giáo, thì chắc ở ngoài thế giới này. Trời cũng đã dành cho ông một chỗ ngồi hẳn hoi yên nghỉ rồi chứ chẳng không. Mấy năm trời sống lay lứt, phế nhân đó đã chịu bao nhiêu đau thảm nhục nhã nhọc nhằn. Tưởng cái cổ phần đau khổ đó sẽ cho ông Thông Phu cái quyền đem đánh đổi nó ra một cái gì ở quầy Ngân Hàng của Thượng đế vốn phải sòng phẳng công bình với tất cả chúng sinh đã chịu phần đóng góp, cho Xót Thương ở hạ giới này. Trong thời kỳ ông Thông Phu mang tật, vào một năm thứ ba hay thứ tư đó, tôi có đưa một người bạn lên thăm ông tại cái buồng bệnh có nhẽ từ ngày ông ngọa bệnh ở đấy, không một ai có dịp đưa đi đưa lại vài nhát chổi sể. Tối lắm. Chật lắm. Mà con bệnh thì không nhích khỏi được giường bệnh. Đại tiện tiểu tiện, ăn, hút, chập chờn và co quắp đều ở trên mấy tấm ván mọt ấy cả.

Người bạn tôi là một cựu sinh viên trường Thuốc Hà Nội, người Thanh Hóa và trước kia cũng đã từng nghe cái đám lãng tử nói đến tên ông Thông Phu. Nhân về Thanh thăm phần mộ gia tiên, gặp tôi, anh bạn tỏ ý muốn tìm ông Thông Phu nói chuyện và rủ ông ta đi chơi các vùng quê. Chẳng nhẽ mà tôi lại phì cười khi nghe người bạn tỏ ý đó. Đi tìm một anh câm để nói chuyện đời và đi rủ một kẻ bại nửa người cùng đi chơi vùng xa với mình! Lúc người ta lành lặn thì chẳng tìm đến. Tôi bảo ngay cho anh bạn biết rằng việc đó quá muộn rồi và tôi bèn kể ngọn ngành cho anh nghe về cảnh đau khổ của ông Thông Phu gần đây.

– Nếu vậy thì càng nên đến thăm lão ta nữa. Biếu lão hộp thuốc.

Đã mấy năm nay, tôi vẫn có cái ý tìm đến ông Thông Phu. Nhiều người đã mách tôi rằng ông biết nhiều chuyện nhiều việc lạ ở tỉnh này lắm. Nhưng mình cứ nay lần mai lữa, một lẽ nữa cũng vì thiếu người đưa đến. Tôi nghiệm ra cái việc tìm người hay mà đánh bạn, không nên lười, có dịp là phải tìm đến ngay. Mình cứ lần lữa mãi là hỏng nhỡ, là mất và rồi đâm ra hối tiếc. Đấy, anh xem như cái việc cầu thân với ông Thông Phu đấy, giờ lão què liệt là mình thiệt. Trước kia đã có lần tôi tiếc mãi một ông nhà Nho rất hay, biết rất nhiều điều bí ẩn kỳ quái trong suốt một khoảng giao thời này. Mình lười quá, cứ lùi mãi cái ngày đi tìm đến nhà ông, thành ra đến lúc mình lần mò về đến được làng ông cụ thì cái cuốn dã sử sống ấy chẳng còn nữa. Tôi tiếc quá và tự trách mãi. Anh cứ đưa tôi đến ông Thông Phu. Tôi muốn gần ông ta trong một buổi để xét qua căn bệnh ông. Chẳng dám chữa, nhưng để tìm một chứng thực này cho một cái luận thuyết cũ của tôi.

Tôi đã đưa người bạn tôi đến ngồi bên bàn đèn ông Thông Phu ngoài Quán Gió. Lúc ra về, anh bạn lắc đầu:

– Không phải. Tôi quyết rằng không phải.

– ?

– Chẳng có gió độc gì hết. Chẳng có phẫn uất gì hết. Cái việc tê liệt nửa tứ chi và cấm khẩu này chỉ là những biến chứng của bệnh giang mai. Tôi đã thấy nhiều rồi, hồi còn tập thực nghiệm ở bệnh viện Hà Nội.

Ngay cái đêm đầu gặp nạn, người ta vực ông Thông Phu về nhà, trong tâm khảm tôi, có sự hỗn loạn của tư tưởng. Tôi nghĩ ngợi ghê gớm như một viên chủ nhà băng lúc ngân hàng mình sắp đệ sổ cáo cùng. Trước cái biến cố lớn xảy đến giữa nhà hát, cái thái độ sốt sắng của tôi sẽ như thế nào mới là không ghẻ lạnh? Cho nó thỏa đáng được, kể cũng tốn sự suy tính lắm. Đã đành rằng tôi không là thân nhân của ông Thông Phu, không có một tí dây dưa máu mủ nào bắt tôi phải gánh một phần trách nhiệm về chỗ đau buồn tốn tiền thuốc men chăm nom đó được, nhưng sự thân thiết từ trước tới giờ đã cấm tôi không được dửng dưng và trốn tránh. Tôi muốn tỏ tình. Nhưng cái ý tình đẹp nào muốn được tỏ rõ ở giữa cuộc đời này mà lại chẳng cần đến tiền được. Lại buồn, lại nghĩ.

Đêm đó, không một ai lại dám tưởng ông Thông Phu còn có thể

sống được. Thấy chồng khác nhiều lắm, mắt cứ trợn lên, toàn thở hắt ra cả, bà Thông Phu càng khóc, trong tiếng khóc, đã chen vào bao nhiêu là chữ ờ hơ hơ.

Phố xóm đã thưa tiếng trống. Ông Thông Phu mê man, cả nhà lay gọi mãi mà không tỉnh.

Con bệnh nào về gần sáng ra cũng đều nặng cơn cả. Không ai hy vọng ông Thông Phu có thể trở về với cuộc sống. Nếu đêm nay ông chưa tắt nghỉ hẳn thì ông cũng chỉ thoi thóp như thế để mà đi dần về cõi chết. Trên đầu giường, có người đã để sẵn chiếc đồng hồ để xem giờ, đánh giờ cho kẻ hấp hối.

Tôi khoác áo ra đi, bà Thông Phu tưởng tôi bỏ về vội níu tôi lại:

– Anh hỏng mất chú ạ. Chú gắng ở đây đêm nay. Nhà chẳng có ai đỡ đần chỉ bảo. Một mình chị, chị sợ lắm.

– Tôi đi gọi Đốc tờ cho anh đây mà.

– Chưa chắc có ăn thua gì không. Với lại trong nhà, giờ không sẵn một xu, biết người ta tính bao nhiêu?

– Phải gọi Đốc tờ mới được. Tôi về ngay đây. Chị bảo dọn sẵn chỗ buồng này cho nó thoáng đi một chút để cho Đốc tờ người ta đến xem ra thế nào.

Tôi tìm đến cổng nhà riêng vị bác sĩ người Pháp trông coi việc y tế nhà nước, ở ngay liền cạnh nhà thương.

– Thưa ngài, ở vùng ngoại ô, có một người đàn ông ngộ gió từ ban chiều, không nói được, không cử động được, từ đây xuống đấy không đầy hai cây số.

Bọn người tò mò hiếu sự đã dãn ra cả nhường chỗ cho quan Đốc tờ Tây tay xách cái hòm tiêm vào. Ông không bắt mạch, ông nhìn bệnh nhân mấy phút, nhìn bọn đàn bà ăn mặc diêm dúa đứng sau ông rất đông. Tôi cắt nghĩa cho ông biết rằng đây là một cái nhà hát. Ông lại nhìn cái bàn.

– Người đau kia là chủ nhà hát! Nghiện?

Ông gật gù, cưa ống thuốc, tiêm cho ông Thông Phu một mồi dầu long não. Từ lúc vào cho đến lúc về, ông rất thản nhiên, không dạy bảo ra sao cả, tiễn bác sĩ ra xe, tôi khất ông chỗ tiền thăm bệnh và tiêm thuốc, hứa bữa sau sẽ đưa lên buồng giấy nhà thương trả. Bác sĩ lấy một cuốn sổ con ra ghi tên và chỗ ở ông Thông Phu.

Tôi trở về buồng bệnh, vén lá màn nhìn mặt con bệnh. Diện sắc ông Thông Phu có khá hơn trước một tí. Mắt ông mở rộng thêm ra được nhưng vẫn dại lắm. Rồi cái miệng thất thanh đã phát ra được những tiếng ếế àà, nghe lại còn thảm hơn những cái rên hừ hừ ban nãy. Phía sau tôi, có mấy cô chủ nhà hát hàng xóm đã vội khen đến hiệu quả của mồi thuốc. Người ta lại còn thì thầm khen tôi là một người ăn ở có tính tình và là một người đi chơi sang trọng. Trong cặp mắt họ đăm đăm, tôi đọc rõ được bao nhiêu là thèm muốn, tôi thừa biết rằng từ bây giờ trở đi, sau cái việc dám mời ông "Ba Đốc tờ Tây" chữa cho ông Thông Phu đã làm quảng cáo cho cái tên tôi lan rộng trong phố xóm rồi thì cái giá một người lãng chơi của tôi được nâng cao lên quá cái giá của những kẻ phá của mỗi lúc hành lạc đốt hàng bạc trăm. Và từ nay, ở đâu thì không biết chứ ở một cái xóm Quán Gió này, nhiều chủ nhà hát sẽ hoan hỉ đón nhận tôi nếu tôi đặt chân vào nhà họ. Rồi tha hồ mà hát chịu, mà hoạnh họe.

Lòng tôi nửa buồn, nửa xấu hổ.

Đối với ông Thông Phu chẳng cần phải nói thêm nữa, sự có mặt của ông ở cuộc đời đã đem lại cho tôi nhiều giờ phút thú vị. Tôi đã nhận thấy ông là hay hay. Nhưng lúc này, nếu ông có tắt nghỉ đi thì tôi cũng không thấy gì là thiệt thòi, là thương xót lắm. Có những cuộc mất mát không đủ gây được nhớ tiếc và bắt lòng mình phải vắng ngắt hẳn đi trong một thời gian hoặc trống trải qua suốt một đời người. Nếu cái sống của ông đã có nhiều buổi giúp vui cho tôi, – trái lại với lối suy luận về tính tình, – cái chết của ông Thông Phu vẫn không làm gì cho tôi khác được hơn là bình thản, mặc dầu chúng tôi phải nhận nhau là tri kỷ. Những điều rắc rối như thế này, tự tôi tôi cũng không biết giảng ra thế nào. Tôi chỉ nhớ rằng gặp những trường hợp hỗn tạp như vậy người ta hay nhắc đến những chữ: những phiền toái của tình cảm.

Rồi tôi đâm ra nghi ngờ cái cử chỉ vừa rồi của tôi mà nhiều người đứng ngay sau tôi đã gọi là tốt. Lúc đi tìm thầy thuốc cho ông Thông Phu, có lẽ tôi đã chỉ làm việc đó cho nó tắc trách đi thôi, chứ sự thực ở trong người tôi, phút ấy nếu tôi muốn thành thực ngay với tôi đã, thì tôi phải nhận ngay rằng cử chỉ của tôi thiếu hẳn tính cách thiêng liêng của đau xót, của thiết tha. Và tôi đã làm quảng cáo cho tôi bằng việc làm giả dối xảo quyệt rẻ tiền. Về cái điểm này, tôi muốn được ở gần những người trí giả để cùng chất chính, tôi muốn được những bậc chuyên môn làm việc từ thiện chỉ giáo hộ cho.

Nhưng điều xét nhận ấy cũng chưa làm cho tôi bực bằng cái lúc tôi vụt nhớ ra rằng ở nhà tôi, chưa bao giờ tôi đi tìm thuốc cho một ai cả. Ở nhà tôi, nào có phải thiếu người ốm. Ông tôi xuyễn hen kinh niên, vợ tôi hậu sản. Đứa con gái nhỏ tôi mắc chứng mạch lươn. Gọi là thân trong đời mình, thì ba người yêu nhất đó phải gọi là thân chư còn ai vào đấy mà tranh giành được phần nữa. Vậy mà tôi đã chẳng chạy thuốc tìm thầy cho bố, cho con, cho vợ bao giờ. Phỏng thử có kẻ đem cái việc đi tìm đón bác sĩ chữa cho ông Thông Phu, mà kể lại với nhà tôi thì không rõ vợ tôi sẽ hiểu ra thế nào và coi tôi là một cái giống ai gì đây.

Thế là riêng với nhà, tội đã bạc rồi, mà còn về chỗ đối với thiên hạ, tôi cảm thấy tôi cũng chẳng hậu hơn được chút nào. Giá tôi đã tâm thành khi đón Đốc tờ cho ông Thông Phu thì trong cách xử thế của người con trai, tôi còn viện ra được cái câu "hậu ư thiên hạ bạc ư gia" để mà tự mình an ủi mình.

Ống dầu long não không phải là thuốc chữa được chứng bệnh hiểm nghèo. Thường nó chỉ dùng vào việc trợ lực cho người ốm lúc nguy kịch. Bác sĩ đi rồi, ông Thông Phu vẫn sống dở chết dở như thường. Cơn gió độc không thể độc hơn thế nữa. Mồm ông Thông Phu hỏng. Hai cánh tay hỏng. Một chân hỏng. Những lúc phế nhân lấy cái đầu ngó ngoáy trên cổ để ra hiệu muốn được thỏa mãn một vài sự cần dùng cho thân thể vương lấy cố tật, trông thiểu não quá. Phải trông thấy ông Thông bậm bẹ, bực tức khi người nhà diễn sai lầm cái ý muốn của ông thì mới thấy tất cả điếm nhục và thống khổ của một người mắc tật bệnh. Miệng câm nhưng giá không hỏng tay thì cũng còn dùng lối bút đàm thay vào được, để cho ngày tháng của mình bớt nặng nề đi.

Cái hôm ông Thông Phu gọi cho tôi chiếc lư đồng mắt cua, tôi gợi nhớ đến cái lịch sử bí mật của nó mà hồi lành lặn còn nói được, có lần ông đã đả động đến: "À, để bao giờ tôi kể cho chú nghe câu chuyện chiếc lư này thì hẳn chú phải thích lắm. Y như chuyện Gương vỡ lại lành trong tích cũ ấy". Bao giờ đây; lúc này ông cho tôi chiếc lư, lấy đầu lấy mắt ra hiệu, cái mồm co mím lại, tôi gợi đến cái câu ông nói ngày trước về chiếc lư ly kỳ, bỗng mắt ông Thông Phu sáng quắc lên để rồi lại tối đục lại ngay, bao nhiêu tấm tức hiện hết cả lên trong tròng mắt. Tội nhất là ông vẫn hướng về phía chiếc lư con mà bậm bẹ với vợ, tưởng chừng như vợ có thể hiểu hết những ý của mình

ra hiệu cho nhau, tôi thấy các cô ấy ngồi đấy là thừa; không có việc gì, không ai động đến, trông đến là tội nghiệp. Rồi càng đi sâu vào chốn hàng viện mình càng thấy cái đức làm người của mình mỏng thêm mãi, mình càng thấy thân mình suy kém dần. Trong có ít năm hành lạc mà tâm thuật đã hỏng rất nhiều vì nha phiến, vì rượu và thứ nhất là vì những cái hôn nhảm nhí.

Tôi còn nhớ một lần, vì một lẽ bắt buộc, tôi phải "đi" ảnh chung với một cô Tuyết hay cô Mai gì đó. Trốn mãi không được, lần ấy, trong tấm ảnh, tôi đã đứng, đã phải cười cho tươi ảnh theo một cái ý của "nàng". "Nàng" ngồi một chiếc ghế bành, tay cầm một cành huệ giấy. Tôi đã lộn trở lại hiệu ảnh một mình, cho riêng tiền người thợ ảnh để lúc in xong nửa tá ảnh, họ đừng cho ngâm giấy ảnh vào chậu thuốc mạ giữ cho nước ảnh in lấy xong về, mỗi lần giở ra xem, gặp ánh sáng, lại tối dần xuống một ít. Rồi có một hôm, ảnh đen kịt lại không còn hình bóng một ai trong ấy nữa. "Nàng" vốn lại hay tin dị đoan, cho như thế là một điềm gở, đâm ra lo ngại. Tôi chỉ chờ có thế. Và cũng làm ra bộ mê tín, tôi đã bảo "nàng" rằng ảnh bay màu, còn độc hơn là gương vỡ mà "chúng ta không sớm liệu mà buông nhau ra... mà thù nhau đi". Chúng tôi bằng lòng đoạn tuyệt lẫn nhau. Đêm cuối cùng đó, mời tôi đến nhà hát, nàng cho dọn một bữa tiệc rượu rất sang, nói trước là của mình dọn riêng để đãi bạn tình chứ không cho tôi được tính đến chuyện trả tiền như những kỳ hát trước. Ngồi uống rượu nhìn nhau, thấy nàng thành thực cảm động về sự chia rời, tôi cũng giả vờ bùi ngùi. Tất cả bấy nhiêu trò quỷ thuật tốn hơi sức thời giờ, chỉ vì cái lẽ rất giản dị là tôi không muốn lưu một cái ảnh của tôi trong một cái tủ chè nhà hát, bên cạnh một cái vỏ chai sâm banh ngậm một đóa phù dung bằng giấy bóng đỏ. Bao nhiêu bạn tôi đã bị bày như thế ở giữa nhà hát rồi.

Tôi đã hèn nhát đến nỗi không có can đảm nhận một câu hỏi thăm của một đào nương, một buổi sớm chủ nhật, trước cửa Gô Đa, vào một cái giờ mà phố Tràng Tiền ngựa xe như nước, áo quần như nêm, mỗi con người lượn qua đây là có cái bề ngoài của một trang giai nhân tài tử. Bắt gặp tôi là người quen cũ, nàng đã mừng rỡ vô cùng chạy lại chào và bắt đầu hàn huyên. Tôi đã gò một bộ mặt lạnh như mặt người Ăng Lê, tỏ vẻ ngạc nhiên để cho nàng hiểu là nàng đã nhìn nhầm nhận nhầm. Nàng luống cuống mặt đỏ lên, xin lỗi rồi lủi mất vào đám đông. Rồi tôi lại còn kéo dài cái ý ác ấy vào luôn cái

hiệu kia để xem nàng đang đánh ngã một chai nước hoa vỡ tung tóe trên mặt tủ hàng. Tôi đã có được bấy nhiêu tàn nhẫn chỉ vì nàng là một cô đào xấu. Người đã xồ xề mà lại cứ thích mặc quần áo tân thời, cổ bánh bao bánh bẻ, định làm một người nộm quảng cáo một cách rất có hại cho một kiểu áo mới chăng, định giết những bác họa sĩ phó may chăng? Một thời, gần nàng trong nhà hát, tôi vẫn nhận nàng là tốt nết rất quý tôi thương tôi, nhưng ở một nơi công chúng này, nàng đừng nên ra mặt quen tôi thì phải hơn. Cái đẹp lúc này còn cần quý hơn mọi cái nết làm người kia.

Tôi đã phụ đến cả cái chí tình của một người chủ nhà hát một tỉnh vùng xuôi. Ấy là một đào nương đứng tuổi quý tôi như vàng, nâng niu tôi như ngọc, giữ tôi ăn ở nhà hát cứ hàng tháng mà tiền nong thì không cần nghĩ đến. Nàng gọi tôi là ông, tôi gọi nàng là bà. Các con em thì gọi là cậu mợ. Nàng đã đưa tôi về quê chơi. Cũng nhà ngói, cây mít, ao trước vườn sau, có trâu có bò, có em giai làm Lý trưởng. Nàng đã nhắc tôi nhớ đến những ngày giỗ mẹ nàng, và lắm lúc đã tính đến những chuyện về lâu về dài. Vậy mà một hôm tôi đã bỏ đi thẳng, đành từ chối cái tình già ấy, vì một buổi ngồi giữ nhà hát cho nàng đi chợ cân ngô cân gạo, tôi soi mặt vào gương, tự nhiên thấy đôi lông mày mình cứ trắng dần mãi ra. Thế này thì ra tôi sắp làm Trùm nhà hát ở đây à? Các con em đã nhất loạt gọi tôi là bác rồi.

Nửa tháng sau, tôi nhận được một lá thư của người cô đào già mở đầu như thế này:

Tỉnh Hà Nam ngày...

Kính gửi Ông cầm quạt Tầu tay trái...

Lẽ tất nhiên, trong lá thư, bà ta xỉ vả tôi hết điều.

Lại còn cho là xứng đáng, tôi đã cất kỹ bức thư tình đặc biệt đó và bất giác nhớ lại mấy câu thơ độc vận ngộ nghĩnh của một ông bạn đọc cho nghe với một giọng khôi hài:

Mình có thương tôi phải lấy tôi
Lấy tôi mình phải kiếm nuôi tôi
Trăm năm tôi có điều chi nữa
Sênh phách mình khua để cùng tôi.

Nghĩ đến chuyện cái "bà Hà Nam" tôi đã thoát được khỏi kia mà lắm lúc tôi cứ giật mình đánh thót. Nếu độ ấy, tôi cứ lần lữa mãi, sớm trưa ôm ấp một cái tình già, bà ta đẻ cho một mụn con thì rồi sẽ

không gỡ được nữa, và có nhẽ đến phải lấy thân mà trả nợ đời cho ai, chẳng khác chi cái cảnh huống anh Bảo, một người bạn tội nghiệp của tôi.

Anh Bảo là một người viết văn, làm báo, tính tình phóng khoáng, bề ngoài cứng lạnh, nhưng gần anh lâu, mới biết anh là một người trong loài tình. Anh có quen một cô đào hát có danh phận. Cái cô Hường ấy có tài có sắc, thực đã xứng đáng làm người tình nhân của Bảo. Cứ đi sớm về trưa với tình mãi, một ngày nọ Bảo đã chính thức nhận Hường làm vợ lẽ. Thế rồi người vợ mắc chứng lao, không thầy thuốc nào chữa được. Một ông lang ngoại khoa đã bày cho Bảo lấy máu dê sống chữa cho tình. Bảo đã xuống Chùa Mới mua một con dê, chọc cuống họng dê, cắm một cái ống cao su vào đấy. Một người giữ con dê giẫy chết, kêu be be, máu chảy ra lênh láng dưới chân giường người ốm nằm cứ như dán xuống mặt chiếu hôi hám. Bảo thì nâng Hường nghển dậy, mồm ngậm một đầu ống cao su đã cắm sẵn vào cái lỗ thủng nơi yết hầu dê đỏ loang, Hường mút máu ừng ực. Con vật bị sót quằn quại. Cuộc truyền huyết lâu độ mươi phút và những ngày sau, bệnh người vợ lẽ vẫn cứ một ngày thêm nặng. Cái điều đáng buồn nhất cho anh Bảo là nhà Hường vẫn có lực, tuy lâu nay không dọn nhà hát, nhưng ăn tiêu thuốc thang trong nhà Hường vẫn sẵn tiền. Bảo không phải đưa đồng nào. Giá phải đứng vào cái địa vị lo chạy cân thuốc cho nàng, thì chưa chắc Bảo đã đầy đủ được cho hết bổn phận; nhưng tôi tưởng dẫu sao, như thế cũng vẫn còn thú hơn là người ta không cậy đến mình lo chạy một tí tiền gì. Thành ra mỗi ngày Bảo xuống Chùa Mới, chỉ là một việc trình diện xuông và ngượng với tình. Hỏi thăm xong một câu, Bảo ra cái màn nhà ngoài nằm, để sáng ngày mai lại đi tàu điện lên phố để chạy tiền xe và lo riêng việc nhà bên kia cầu Bồ Đề là nơi vợ cả đóng. Trông thấy anh Bảo cứ tíu tít lên vì chuyện vợ lẽ vợ cả bây giờ không viết lách gì nữa, tôi càng thêm nghĩ. Một cái ngòi bút trước kia dùng để chiến đấu, để chứng tỏ một điều gì, để khóc thương một cái gì ở cuộc đời này, cái ngòi bút ấy bây giờ han gỉ rồi và nếu có dịp được cắm vào họng bình mực thì anh Bảo chỉ có dịp viết thư tình, viết văn tự và biên bông mua chui thực phẩm. Mấy cuốn sách tôi đưa cho anh đọc, không rõ anh có mở đến trang sách không; nhưng lúc anh đưa trả lại thì giữa những trang sách, thỉnh thoảng lại có vài sợi tóc đàn bà dính vào và bìa thì vết trôn đít bát in những vòng hoen ố. Ngửi, thấy có mùi thuốc bắc. Tôi biết Bảo, không thể gọi là sơ giao được, nhưng

chưa bao giờ tôi tìm đến nhà anh. Một lần xuống Chùa Mới, qua nhà Hường, mấy ông bạn cùng đi chơi bèn rủ tôi vào thăm Bảo.

Đã hơi khuya. Trong nhà, một ngọn đèn hoa kỳ. Có bạn đến, Bảo vội bật đèn điện. Bao nhiêu cái mệt mỏi của gian phòng có người ốm nằm trong kia đều hiện lên dưới cái ánh sáng bóng đèn điện mười nến vàng cành cạch. Một cái ván ngựa đầy bụi, không có chiếu phủ. Đây là cái giường mỗi ngày Bảo vẫn ngủ để canh người ốm. Chiếc đồng hồ trên vách, quả lắc vẫn chạy tích tắc, nhưng tôi có cái cảm giác kinh hãi rằng thời gian ở đây đã bị bó cứng chắc lại. Chúng tôi nhấp một chén trà tầu không có hương vị gì, hơi lấy làm lạ, vì xưa nay Bảo là người sành và khó tính về việc uống trà.

Có người hàng xóm vào gọi ông cụ đẻ ra Hường đi đàn. Ông cụ tìm cây đàn đáy dựng sau một lá màn vải sô một cái bàn thờ ma mới. Mẹ Hường vừa chết, chưa tới kỳ giỗ đầu. Bảo xưa nay vốn chải chuốt trong phục sức, lúc này mặc chiếc sơ mi rét xanh kẻ ô vuông tay hở khẳng khiu. Quả là dáng điệu một anh kép nghiện một gánh tuồng cải lương rạp ngoại ô. Tôi đã thấy cả cái nhục lụy và tồi tàn của một kiếp sống. Rồi tôi mới nhận ra Bảo là một người có can đảm. Một buổi tình cờ đặt chân vào nhà vợ hai anh, tôi đã hiểu Bảo hơn là một khoảng bảy tám năm vẫn gặp anh để bàn luận về văn thơ cùng nghệ thuật. Ra về, tôi nghĩ bụng rằng nếu sau này, đến cái lúc ngòi bút ngứa ngáy của tôi có xui tôi viết một cuốn tình sử Việt Nam, thì tôi phải mượn câu chuyện tâm sự của Bảo và Hường dựng làm một thiên mở đầu.

Người vợ bé của Bảo đã chết vì bệnh lao. Bảo đã nhờ một anh bạn thân đảm bảo cho mình đi thuê chịu một cỗ xe đòn đám ma hạng nhất, bánh cao su, bốn ngựa. Từ xa trở về kinh thành, gặp Bảo, tôi thấy anh tóp đi nhiều. Tôi đã không chia buồn cùng anh và còn thành thực mừng cho anh nữa. Anh không tỏ vẻ giận. Hai đứa tôi bèn uống rượu, nhắc đến một vài người bạn quen trong cái đám tình chủng.

Cái Tết một năm vừa rồi một suýt nữa thì tôi lại bỏ nhà.

Buổi sớm ba mươi ấy, tôi đã nhận phần giữ nhà cho ông, để cho ông được yên trí mà về quê lễ nhà thờ tổ và được hầu gần dưới gối cụ cố bà trong mấy ngày Nguyên Đán. Ông bạn đã dặn đầy tớ mọi việc phải làm lúc đi vắng. Không tin ở cái ý định của tôi, ông hỏi gặng lại:

– Nếu anh không ở Hà Nội, phải về Thanh ăn Tết thì từ giờ đến trưa, anh phải cho tôi biết để tôi tìm ngay ông bạn khác canh nhà

dùm cho vậy. Từ ngày tôi góa vợ, giang hồ nó quen mất đi rồi. Nhưng anh thì còn chị ấy, các cháu và các cụ, phải về chứ. Tôi mấy năm cũng không về nhà chỉ có không đầy ba chục cây số. Năm nay cố tôi nhắn người làng ra bảo thế nào cũng phải về. Giờ tôi đi Phòng. Tôi sẽ lại có ở đây sớm mai về quê sớm mừng tuổi mẹ tôi. Thế anh nhất định như thế nào?

– Không, tôi không muốn về nhà.

Ông bạn ra ga. Tôi tu hết nửa chai rượu, ngủ ngay.

Rồi có người lay tôi dậy. Mở mắt ra thì giời đã về chiều, tai đã nghe thấy tiếng pháo vài nhà cúng sớm thỉnh ông bà ông vải về. Ngần – một cô đào Khâm Thiên tôi quen hồi gần đây – chỉ hai cái bồ con nàng đặt giữa nhà:

– Em về quê đây anh ạ. Lên chào anh. Và nếu anh sẵn tiền, em lấy một ít mang về quê tiêu thêm. Chuyến đầu tháng này, bốc mả cho thầy em tiêu nhiều quá. Giờ về, lại đến lượt lo việc phó lý cho chú tư nó, cũng lại phải mất năm bảy chục khao là ít. À, anh chưa xem ảnh đứa con của em đấy chứ nhỉ?

Ngần ngồi tỉ tê kể nỗi gia sự, bên cạnh có một cái liễn da lươn đựng trầu không cây vỏ.

– Biết các anh hay ăn trầu, em mua lên biếu cả liễn này. Cả dao bài và ống vôi nữa. Để em têm sẵn cho độ trăm miếng, tết có khách khứa khỏi chạy đi mua lẻ. Mà ai đã dọn hàng nước ngay trong hôm Tết!

Tôi đứng dậy, lục đôi bồ của Ngần. Pháo. Rượu mùi. Hoa giấy trang kim cắm bàn thờ. Một gói cà cuống đồ. Pháo hoa cải cho trẻ con chơi. Giầy, dép, guốc, lê táo. Và cảm động nhất là ba bộ đài gỗ đựng chén rượu, sơn son có nắp cùng với một cái bài vị thiếp vàng. Chưa bao giờ, tôi lại tưởng tượng được cái lòng một người cô đào sống cuộc đời giang hồ trôi dạt vô thường mà lại có thể chu đáo với gia đình, thiết tha với thân quyến, với một cái Tết ở quê hương nặng đến bực ấy. Mình vẫn tự xưng là một người của xã hội lương thiện, là một đứa con trưởng có một gia đình ngăn nắp mà sao đối với nhà, với quyến thuộc, mình lại có thể hững hờ đến nỗi cố tình không trở về, trong mấy ngày vui này. Thế này thì ra tôi hỏng quá rồi. Và cái chữ hiếu – trào phúng thay – lại tìm được thấy ở cái đám son phấn lầu hồng. Tôi bèn đổi ý kiến. Sớm mùng 1 Tết; tôi ra tầu về nhà, sau một đêm

giao thừa uống rượu say với ông bạn và đi xe giờ cho hết đêm ở ngoài phố, xem thiên hạ đón cái xuân sang. Vào cuối giờ giao thừa, xuân năm mới đã đến với tôi giữa phố Hàng Bông. Niệm bằng hai cô gái nhà lành đi hái lộc về, tóc thề rủ xuống lưng áo màu hoa đào. Lòng tôi vui nhẹ tin rằng cái năm mới rồi sẽ lành lắm, với cái triệu hai chị em xinh tươi hồn nhiên lương thiện vừa gặp kia. Ngồi trên con tầu về nhà, tôi nghĩ mà lại cảm ơn thầm đôi bồ của Ngần đựng đồ sắm tết. Không có Ngần với hai cái bồ ấy, thì cái Tết này tôi lại vắng nhà nữa, để cho bao nhiêu người nhà tủi phiền một cách vô ích.

Tháng giêng ăn Tết ở nhà, tháng hai tôi trở ra Hà Nội, với cái ý định là phải lập lại cuộc đời. Làm lại mãi. Lập nữa. Và thề không bước chân vào nhà hát nào nữa.

Nhưng một buổi sớm mùa xuân, vừa bắt nghe một hồi còi mười giờ ở quãng Ngã Tư Sở xong, thì từ cửa một nhà hát mở có người réo to đến tên tôi:

– Hãy dừng lại. Vào đây có người hỏi cái này đã.

Tôi lại bước vào cái nhà hát xộc xệch ấy. Kìa, Nhẫn, một cái tình cũ, diện sắc vẫn không khác gì mười năm xưa, hồi nàng còn hát ở xóm Cửa Hậu, Thanh Hóa. Trông mặt nhau cả cười, nàng hỏi tôi có còn ở Thanh nữa không.

– Thế Nhẫn bây giờ ở Hà Nội à. Từ bao giờ?

– Bây giờ không là Nhẫn nữa. Là Xuyến kia. Ở Hà Nội đã ba năm nay, sau mấy năm ở Hải Phòng. Cái hồi em bỏ Thanh Hóa lánh về Phủ Nghĩa, anh về tìm em có biết. Giá được gặp anh cái hồi lùi về nhà quê đó, thì em cũng chả đến nỗi lần mò ra Phòng – cái nơi đồng chua nước mặn ấy mà làm gì.

Gặp lại Nhẫn – à Xuyến – cái cảm tưởng đầu tiên của tôi là sự ái ngại. Khốn nạn, bao nhiêu năm trời đi tranh khôn dành khéo, bán cười cho thiên hạ mãi, để bây giờ vẫn là cô đào, và lại là một cô đào ở Ngã Tư Sở. Tất cả những phong vị tỉnh Thanh bỗng sống lại trong người tôi. Tiếng kèn lính khố xanh tập thổi trên mặt thành Thanh Hóa. Tiếng xe cút kít những kỳ phiên chợ, và hình ảnh một vài người bạn chết. Tôi nhớ lại cái hồi đi từ Thanh ra Nam, rồi lại đi tàu thủy từ Nam về Phủ Nghĩa tìm Xuyến mà không được gặp, tôi đã bâng khuâng đau khổ như thế nào.

Chốc lại gặp cố nhân, tôi lại đành phụ nhời ước tự tôi hẹn với tôi lúc đầu năm là lập lại cuộc đời mình. Và lấy cớ là trung thành với

những kỷ niệm cũ, dăm bảy ngày tôi lại xuống nhà Xuyến một lần, rủ cả anh em bạn xuống, kể những đoạn tình xưa cho họ nghe, rồi ăn cơm uống rượu, để tàn cuộc rượu thì mình lại càng chán mình hơn những năm cũ. Những lúc vui đùa, các bạn tôi đều gọi Xuyến là "cô Phủ Nghĩa". Mấy người bạn thân hay nhập vào những cuộc vui ấy của tôi, mỗi lần thấy vắng bên mâm cơm của anh em ở nhà, nhắc đến tôi, lại bảo nhau:

– Thằng cha ấy, hôm nay có nhẽ lại đi ăn giỗ dưới Phủ Nghĩa.

Mùa xuân cái năm đã thề không đi hát mà lại cứ xuống nhà hát như thường ấy thường đã hết, để một đêm bắt đầu sang hè, tôi lại ngồi cạnh Xuyến ốm nặng. Nhà nhiều muỗi, Xuyến bảo tôi vào trong màn. Nằm cạnh Xuyến ốm, đầu giường và quanh giường là bát thuốc chai thuốc và quần áo bẩn vừa thay ra, tất cả một thời kỳ làm bạn với ông Thông Phu – cái người tặng tôi một chiếc lư đồng cổ – và trông nom ông ốm ngày xưa ở Thanh Hóa lại vụt hiện về trong đầu tôi.

Tôi đã ngồi nhỏm dậy, nhìn Xuyến vừa uống xong chén thuốc bắc, chợp mắt ngủ. Bó gối dưới chân giường tôi lặng ngắm những cặn thuốc bắc đọng nơi đáy bát đàn. Trên nắp một cái hòm da đen là vật tùy thân không rời Xuyến một bước, một chai nước chanh mở sẵn nút và một quả cam Siu Châu chưa bổ, lần vỏ tươi có ánh đèn con soi vào. Người Xuyến bé mỏng hẳn đi, dán sát xuống chiếu. Nhìn Xuyến thở rất khó khăn, không rõ vì liên tưởng gì mà tôi đã nghĩ đến cái việc anh Bảo thuê chịu xe tang đưa chôn người vợ bé ở Chùa Mới ngày nọ.

Gần sáng, lúc thất lại cà vát ra về, tôi đập khẽ Xuyến dậy:

– Xuyến là người bên lương hay bên giáo?

Nhà xuất bản Hàn Thuyên,
Hà Nội, 1941.

TÓC CHỊ HOÀI

(Tùy bút)

Nói đến cái dợn tóc, nói đến mớ tóc là lại phải nói đến chuyện người đàn bà. Một cái tóc là một cái tội. Một câu chuyện có đàn bà là một câu chuyện mới chớm động đến thôi mà cũng đủ gợi đến hình ảnh hỗn loạn rồi. Cầm đến cuốn truyện có đàn bà, nhiều người – những người đã từng – trở nên nghi ngại. Ở ngay chương đầu cuốn Kinh Cựu Ước, ta đã thấy người đàn bà là cả một sự quái gở, một trò phép lôi thôi. Cái gì mà người đàn bà lại là hóa sinh ra bởi một cái xương sườn đàn ông! Có mà gọi nổi được cái ông Hỗn Độn trong Kinh Dịch ra mà hỏi thì mới hiểu được. Ai mà hiểu được người đàn bà! Người ta ghi lại những cái lổng chổng đổ vỡ gây nên bởi một người đàn bà, bởi những người đàn bà, bởi tất cả đàn bà. Có ai còn nhớ đến chuyện đám đàn ông ẩn sĩ nọ định sống với nhau như anh em cùng một bố mẹ sinh ra, giữa cái đảo hoang tịch cổ tích kia không nhỉ? Họ đang yên vui quý mến nhau trong sự xa lánh cuộc sống ồn ào nơi những bờ bể văn minh vừa rời bỏ, thì một buổi chiều bão táp, gió đẩy dạt vào đảo một người đàn bà. Đặt chân lên đất đảo, cái việc đầu tiên của người đàn bà làm theo thiên tính là một cái cười bâng quơ rất có duyên. Thế rồi... thế rồi là đảo chìm. Giông tố quanh năm giữa khơi bao la bất quyện chẳng làm gì nổi được hòn đảo tí ti với cái tiểu nhân loại yếm thế kia mà hòn cù lao ấy lại bị chìm bởi một người đàn bà qua chơi.

Tôi đã biết thế. Vậy mà, giờ đây, tôi lại còn đánh thức một người đàn bà dậy. Lại còn kính yêu trong cái việc đánh thức dậy nữa. Người đàn bà ấy ngủ đã từ năm ngoái. Cái "Chị Hoài" ấy đã chẳng còn là một người của cuộc đời chúng ta nữa rồi. Thế nghĩa là có đả động đến thì cũng chẳng việc gì. Một người đẹp, yếu như lá non thùy dương, suốt nửa đời người không đi tu mà cũng quá là ở chùa, lòng dục có thừa mà đều diệt hết, lửa tâm chưa nhóm mà đã dập tắt ngấm – ở một người như thế giá có còn được sống sờ sờ ra đấy để mà thông thượt trong cuộc sống chúng ta thì cũng chẳng hại được ai, huống hồ

là đã chết rồi, thịt xương đã tiêu hủy rồi, vong hồn mát mẻ đã chơi bay ở những nơi Trong Lành Nhẹ Nhõm không có một tên gọi nào rồi.

Tôi đi kể chuyện một người đàn bà chết, chuyện một "Chị Hoài" được chết trong sự thương tiếc quý mến của tôi và đã được sống trong sự khen ngợi của mọi người cùng một thời. Cả người Chị Hoài là Đức Hạnh hiện thân. Hạnh kiểm chị lại còn phảng phất chút hương trầm tôn giáo nữa. Người tinh lắm, đạt lắm, mới nhận rõ. Những người mà lòng chưa gột hết cấn sạn của một thứ luân lý hèn hẹp, chưa tách vạch được ra cái đường chia ngăn Thiện và Ác, những người mà trong tâm, mọi ý niệm về thiện ác còn lờ mờ chưa định, những người ấy có sống ngay bên cạnh Chị Hoài chăng nữa thì đối với họ, cái người đàn bà trông thấy là phải khởi kinh ngay kia, dẫu có hay đến bực nào đi nữa thì cũng chỉ là một người đàn bà như mọi đàn bà tầm thường khác thôi.

Luận về Chị Hoài, riêng tôi có một điều này trách chị. (Con người ta được toàn vẹn sao khó đến thế!). Là phải cái hơi có tính đố kỵ. Chị Hoài không nói ra lời, nhưng tôi biết rõ chị thường phạm vào cái tội ghen ghét. Đối tượng độc nhất của lòng đố kỵ là Nghệ Thuật. Chị Hoài chỉ ghét có Nghệ Thuật. Ra điều rằng chị đã đẹp đến nhường ấy – đẹp cả ở cái sắc, lại cả ở cái nết nữa – mà vẫn còn thua Nghệ Thuật. Nghệ Thuật lại còn đòi đi quá hơn chị nữa. Điểm quan trọng đó chưa làm cho Chị Hoài giận tức bằng điều này: Chị thì rồi ra phải hết, sớm chầy rồi cũng đến tàn rụng mà Nghệ Thuật thì tồn tại vĩnh viễn. Lòng ghen ghét rất mạnh ấy, ngấm ngầm giấu kỹ trong bụng, có những lúc đã làm cho chị giảm sắc đẹp trong giây lát. Nhiều buổi tôi muốn chỉ rõ cái tật xấu ấy cho người chị tội nghiệp biết đường mà tránh để trở nên hoàn toàn và đẹp hơn lên nữa. Nghĩ rằng như thế là còn làm phiền thêm cho một người đã chẳng tìm được mảy may hạnh phúc ở cuộc sống tạm bợ này, tôi lại ngập ngừng, đành để dành câu trách móc khuyên can nọ nơi đầu lưỡi, cố chờ một dịp nào tiện tốt hơn sẽ nói, nói rất nhiều. Dịp đó chẳng bao giờ đến. Cái dịp đó chưa tới thì người đàn bà vốn ghen ghét Nghệ Thuật đã một sớm qua đời, lúc nằm xuống tịnh không một lời giối giăng, trán không dăn, môi không mím, trên khuôn mặt lạnh chỉ có bình tĩnh và có cái bề ngoài của sự bằng lòng – bằng lòng đón nhận lấy nghiệp dĩ quạnh hiu. Thực vậy, chị Hoài gan lắm. Đến lúc chết cũng vẫn gan góc. Mấy ai đã hiểu cho rằng trước khi buông xuôi tay

nằm xuống một cách nhẹ nhõm thong thả như thế. Chị Hoài là một cái thảm kịch trường thiên, là một nguồn sống bồng bột tắc lối thoát, là một dòng nước lũ tháng bảy và ghê khiếp thay! Chị lại nín lặng tự đem cái thân mình ra làm con đê – một con đê dài dằng dặc chạy song song bên sông ỳ ầm vỗ vô khối con sóng tình cảm phiền phức, một con đê đắp bằng những năm tháng âm thầm của một tuổi hoa niên thiếu ánh sáng thiếu khí lành – để giữ vững dòng nước nguồn lam đừng tràn lan ra. Dòng nước lũ ấy mạnh lắm. Nhiều tay chèo chống giỏi như tôi có biết cũng không dám buông thuyền lên trên, biết trước cuộc thả thuyền chỉ đưa đến cái kết quả đắm vỡ cho riêng mình. Họ chỉ đành khoanh tay đứng ngắm suông nguồn sống xô bồ dẹp mạnh ấy thôi. Dòng nước tức nước ấy đã dồn thốc vào bờ. Và một đêm hôm ấy rạng ngày hôm ấy, cái đê kiên nhẫn kia sạt vỡ. Chị Hoài tắt nghỉ.

*

* *

Chị Hoài không phải là người chị ruột tôi. Đấy chỉ là một người chị tôi mượn của cuộc đời bừa bộn những oan trái. Tôi đi xin được người chị hiền ấy ở đâu và từ thuở nào, thực cũng khó mà chỉ cho rõ được. Tôi chỉ biết rằng từ ngày bắt được chị giữa một cái ngã tư lộng gió của cuộc sống bạo ngược này, lòng tôi có thấy ấm và đỡ vắng hơn trước nhiều. Và ngẫm đến những thôi đường lăng nhăng dở dang một cách rất đẹp đã từ trước đến giờ, tôi phát một lời ước: "Giá mà ta có được một người chị ruột như vậy?". Giá mà như thế, thì làm sao? Thì, thì cuộc đời hiện tại của tôi đã chẳng là cuộc đời tôi bây giờ nữa. Thì một đống va ly lữ hành kia – hình vuông, hình chữ nhật, lớn nhỏ nhỡ, bằng ruột mây, bằng da, bằng gỗ, bằng bìa hóa học – tôi đã đem đánh đổi cả ra thành một cái gì vững hơn, yên nghỉ hơn, không đổi dời luôn. Có lẽ cái va ly của những tuần, những kỳ xê dịch tôi sẽ đổi lấy một cái tủ áo rất to rất vững của một cảnh sống ngăn nắp căn cơ. Rồi chị ruột sẽ không bao giờ đi lấy chồng, rồi tôi sẽ tìm sinh thú ở cần lao chứ không ở nhàn tản nữa; ở một nhà, mỗi lúc có phải ra ngoài hỏi một ngôi chùa cổ, thăm một người bạn mệt, viếng một con sông lấp, khám một cái bia tàn, một khoảnh chợ cũ, đi mua hoa, mua quả, mua lá, mua cỏ là đều có nhau. Người chị ruột sẽ đính hộ tôi

những cúc áo tuột chỉ, mạng những lỗ áo bị tàn thuốc hút dùi thủng, chăm nom chĩnh tương, vại cà, liễn dưa và cắt cho những mẩu nhật trình có nhắc đến văn nghiệp của tôi – vì tôi có được một sự nghiệp trứ thuật đáng kể – rồi sưu tầm lại, dán lại và làm nhiều việc hiền lành khác nữa. Nếu như thế mà cũng còn chưa đủ vui cho tay chân và lòng; thì người chị tôi sẽ may thuê. Tôi đi viết mướn, chị tôi may thuê. Hai chị em dành dụm mua một cái máy khâu và một cái máy đánh chữ. Ở cái đời cơ khí này, nhiều khi cũng phải làm bạn với máy móc. Đêm đêm, tiếng lách tách con chữ chiếc máy của tôi mổ xuống đệp giấy bóng sẽ làm bạn với những tiếng sè sè máy khâu, dùi nhanh mũi kim xuống những vuông vải hồ cứng nơi bàn may của chị tôi. Ấy thế rồi trăng cứ việc chếch, đêm cứ việc vợi, người chung quanh cứ việc sống bằng mưu thuật, lòng hai chị em không oán Giời không trách Người, chúng tôi cứ vui sống và vui làm, mệt mỏi mà chưa xong công việc nhận thì lại pha một ấm trà ngay vào cái ấm chuyên đất của ông nội còn giữ được và, vào khoảng hai chén trà, hai chị em đọc chung một trang sách người xưa luận về cái đức làm người.

Sự đời tính dễ thế mà trúng được kể cũng đã khó vậy thay!

Nghĩ đến cái chương trình sống được một cách bình dị như thế, lòng tôi thèm thuồng vui nhẹ và đợi chờ. Bất giác, tôi lại nghĩ đến cái quãng thiếu thời của thầy tôi. Hồi thầy tôi còn để chỏm, ngày ngày tập bài chữ Hán trên trường quan Đốc tỉnh, cô tôi, ngồi kèm thầy tôi học bên cạnh cái thúng khâu thuê các thứ áo; thầy tôi không thuộc bài thì dọa, dỗi và tháo tung những đường chỉ khâu dở. Cái chỗ thành được một người tú tài ký lục của thầy tôi về sau này, một phần lớn là nhờ ở người cô hy sinh đáng quý hóa ấy. Nói đến người cô tội nghiệp, tôi muốn rỏ mấy giọt nước mắt xuống ngay đây để khóc cho một cảnh đời gái già chỉ sống với trơ trọi. Con cái không có, chỉ biết vuốt ve có một con mãn mướp. À, trong cuộc sống muôn nghìn màu vẻ này, nó có nhiều mẩu đời lủi thủi lạ lùng lắm kia, những kẻ sung sướng ạ.

Thầy tôi, mỗi lúc có kiếm được chút bổng nào trong cái đời một người công chức, mỗi lúc thầy tôi có đưa riêng cho để tiêu vặt thì cô tôi lại để dành mua cá kho khô cho miu ăn dần và dúi riêng cho các cháu chơi quay đánh đáo và ăn quà vặt. Tôi là đứa cháu phá tán nhiều nhất và tàn nhẫn nhất về chỗ tiền đó. Cái tuổi ấy nào còn biết nghĩ đến ai. Chao ôi. Hỡi cô ơi.

Nói đến chuyện con mãn mướp của cô tôi, bao giờ tôi quên được những dáng điệu lấm lét lúi húi của người cô sợ sệt mỗi lần mẹ tôi bắt được cô tôi dầm nhiều cá kho cho bát cơm mãn. Thấy lũ chúng tôi có cảm tình với con vật kia, mẹ chúng tôi có ý không bằng lòng và nói những câu mát mẻ: "Thôi tôi xin các ông mãnh đừng động vào đứa con riêng của bà ấy. Hòn ngọc đấy". Trời. Mẹ tôi gọi cô tôi là bà ấy và gọi con mãn mướp là một đứa con riêng! Người chị tội nghiệp của thầy tôi qua đời ở một cái trại hoang, lúc nằm xuống, khó nhọc quá, mất đến mấy ngày mới "về" nổi. Ngày cuối cùng, cái miệng mếu máo còn cố nhai một chiếc bánh giò nguội tanh. Một thằng em tôi nhận ăn thừa tự. Cũng như cái sống thiếu thốn của cô tôi, cái chết lùi sùi của cô tôi đã chẳng cho thầy tôi lấy mảy may yên khuây. Nhưng thầy tôi còn có được chỗ an ủi đã được có một người chị ruột khả kính thế để mà tưởng nhớ đến vong linh. Còn tôi? Giá tôi cũng có một người chị ruột thì, thì...

*

* *

Chị Hoài chẳng hẳn là một người chị ruột, nên cuộc đời tôi vẫn chưa chịu lập lại hẳn. Cuộc cách mệnh hoàn toàn về tâm tính tôi chỉ có thể trông cậy vào một người chị ruột lý tưởng mà thôi. Còn như chị Hoài, dẫu chị có tốt mấy đi nữa, chị cũng chỉ là một người chị gượng, chị cũng vẫn là người của thiên hạ. Tôi mượn chị của cuộc đời rộng rãi, một ngày kia cuộc sống lớn lao lại có thể đòi mất. Cái của báu mà mượn được cũng là quý rồi. Mượn của cuộc sống thì lại gửi trả cho cuộc sống. Tôi giữ riệt lấy thế nào được.

Nghĩ đến chuyện có vay phải có trả này, lòng tôi thấy buồn một cách rất nên thơ. Rồi tôi vẫn sống nguyên cái đời xưa cũ của tôi, chẳng chịu sửa đổi thêm bớt chút nào, tự mình quấy ngầu ngày tháng mình lên cho thành bọt thành sóng cả, rồi lại tự mình đem mình ra làm một chiếc thuyền gỗ chạy trên những cái sóng nước thí nghiệm ấy. Và đang ngồi yên lành ở một nơi này thì lại nhớ tưởng đến một nơi nọ nào, đùng đùng ra đi để rồi đến được cái chốn nọ thèm khát ấy thì lại đâm ra tiếc thương nơi mình vừa rời bỏ. Mỗi lần đổi chỗ là tôi lại gây thêm ra được dăm cái ơn tình và rất nhiều oán tình. Rồi tôi vẫn vênh váo đi giữa cuộc đời như một viễn khách không có quê hương nhất định, cái gì cũng ngờ hết, duy chỉ có tin chắc ở cái kho,

cái vốn tình cảm và cảm giác của mình. Sau mỗi ngày tập riết như thế để tự mình tìm lấy mình, lắm buổi đứng trước tấm gương bụi bặm soi mặt vào gương, tôi chỉ nhận thấy mặt tôi là một tảng gỗ đẽo vụng còn phải sửa chữa nhiều cho gọn hết những đường lởm nhởm ấy đi. Buồn nhất là những lúc soi gương, hỏi kỹ cái bóng mình thần ra trong lòng gương lem nhem nước thủy cũ mỏi, tôi lại càng có cái cảm tưởng quái gở rằng mình chỉ là một người lẻ loi, một vị quan phu – tuy lúc bấy giờ tôi vẫn nhớ đến cái tiểu gia đình tôi quần tạm ở một cái tỉnh nhỏ miền trong nọ.

Những lúc mỏi mệt như thế là tôi lại tìm lên nhà Chị Hoài, ngồi gần Chị Hoài. Có khi cả ngày tôi chỉ ngồi nhìn Chị Hoài. Người nhìn không cho thế là sỗ sàng và Chị Hoài cũng không tỏ vẻ ngượng. Hình như Chị Hoài cũng hiểu rằng chị đẹp thật và người đàn bà đã có một khuôn mặt đẹp mà lại không giấu cất được kín đi thì phải cho người chung quanh nhìn cho đến no thì mới phải đạo. Những cái nhìn vô tội ấy cũng chỉ như những cái nghe một câu hát sầu lạnh đượm một vẻ đẹp xa vắng. Thể đến cái lòng yêu đẹp, muốn gần gũi cái đẹp, hiểu đến cái tin lành của tôi và luôn thể muốn cho tôi được thỏa thuê ở cặp mắt đang cầu khẩn – Chị Hoài vốn là người tinh ý lắm – chị giả vờ kêu mỏi, ngả lưng xuống chiếc giường rủ buông nửa lá màn che màu trứng sáo. Chị Hoài nằm xuống để cho tôi được thấy rõ mớ tóc. Chị vốn tự biết rằng tất cả cái đẹp ở người chị đều tụ vào một mớ tóc mây.

Chị Hoài có một lối nằm nghiêng mặc cả áo dài mà tôi tin rằng không thiếu phụ nào ở cái thời này bắt chước được. Nằm rất nũng nịu mà không hớ hênh, cũng như đã nhiều lần, chị làm dáng, làm đỏm mà vẫn không ra ngoài nết đoan trang, buồn mà không tẻ, vui mà không ồn, và lúc phải thô thì không tục. Có cái tài nhất là Chị Hoài mỗi lúc vừa nằm xuống rất nhẹ nhàng thì cả một mớ tóc trần quấn rất chắc ấy đổ tung xuôi xuống như một trận mưa rào đen nhánh. Rồi mớ tóc mây dài một sải rưỡi ôm lấy gáy, ấp lấy bả vai. Cái người nào trong suốt một đời người mà không được ngắm một mớ tóc cho tử tế, thì cái thẩm mỹ quan của người ấy còn lung lay lắm, chưa lấy gì làm định.

Trong phòng, không một tiếng động. Tôi giở sách ra đọc. Cứ hết mỗi trang, ngước lên, tầm mắt tôi lại hạ đúng vào cái mớ tóc soai soải. Hai ngón tay tháp bút Chị Hoài đang vuốt xuôi những sợi tóc và giả vờ tuốt trứng chấy, lúc thưa, lúc mau. Tôi không nói gì. Người chị

đẹp đang xoay mặt vào phía trong ấy cũng không nói gì. Chỉ có tôi đang nói chuyện với một mớ tóc mây. Chỉ có hai ngón tay Chị Hoài đang nói chuyện với những sợi chỉ tơ thâm một mớ tóc xõa. Gian nhà có hai người, lặng mà không vắng. Thế rồi trong giữa cái hiu quạnh tay đôi ấy, khe khẽ nổi lên giọng kể chuyện Nhị Độ Mai, khẽ nhẹ một cách rất mơ hồ thủ thỉ. Cái giọng trong trẻo cố thu bé lại hình như chỉ đủ riêng cho một người nghe vừa thôi, chứ đông người thì lại không thấy gì nữa. Chừng như Chị Hoài đã tính kỹ luồng âm thanh khi cất giọng cho vừa đủ kể chuyện theo một lối thân mật âm trầm, vừa vặn cho chỉ có hai người. Chị kể rằng:

"... Mai Kha ới hỡi Mai Kha,
Rời nhau một bước nên xa mấy trùng...".

Lòng tôi vụt trở nên thương nhớ thăm thẳm gấp mấy giọng hát u hoài... Trong giây phút, đặt sách vào lòng, tôi thấy nhộn nhạo trong lồng ngực và ước muốn được làm ngay cái chàng Mai Sinh kia để còn được bồi hồi thêm nữa khi thấm âm giọng kể chuyện cũ. Ngả theo cái chiều tưởng tượng gây gây mùi hoài cựu, tôi nghĩ xa, tôi nghĩ gần, rồi tôi càng nhận thấy cả một đời Chị Hoài cũng chỉ là đời một nàng Hạnh Nguyên bước đi một bước là thêm một bước cống Hồ. Rặt cống Hồ. Cống Hồ. Toàn là nhịp cống Hồ. Toàn là cung nam. Nó chìm hẳn xuống, những tiếng tơ rầu. Bất giác, môi tôi cũng mấp máy, tôi cũng khe khẽ kể Nhị Độ Mai theo, theo một điệu than tuồng Bình Định cổ. Nhưng câu tôi đột ngột nhớ đến để than Nam Xuân chỉ là một câu của Xuân Sinh:

"... Một mình bước xuống làm thinh,
Mược ai trên ââââấy tự... hừ.. ừ.. tình dzơới ai. i..."

Sau bốn câu rút ở tích cũ Hoa Mai Nở Hai Lần, Chị Hoài và tôi lại im lặng trong cái hiu quạnh tay đôi. Mãi một lúc lâu, Chị Hoài mới quay mặt ra phía ngoài, đôi mắt đỏ ngầu, cố làm ra giọng tự nhiên:

– Anh cũng thích cái đoạn tiễn biệt nơi Trung Đài ấy lắm sao? Đi xem tuồng cổ, lúc họ bày cảnh Trùng Đài, có phải lúc cầm tay nhau khóc trên sân khấu, Hạnh Nguyên và Mai Sinh, mỗi người đều đứng trên một cái ghế đẩu không? Hôm nào anh thấy rạp tuồng ngoại ô quảng cáo diễn tuồng cổ về đoạn Nhị Độ Mai này, anh nhớ lên rủ tôi cùng đi với.

Tôi lảng sang chuyện khác:

– Chị có biết rằng chị có một lối quấn tóc thần tình lắm không? Các bà ấy cùng đi chùa Nhang – (Chị Hoài, mỗi khi nói đến chữ hương, thường đọc chạnh ra là nhang, không hiểu vì lẽ gì. Thí dụ chùa Nhang, que nhang. Từ ngày gần chị, tôi cũng thành ra nhiễm phải cái tật ấy) – về với chị đều kháo chuyện nhau rằng từ hôm khởi hành khỏi Hà Nội, xuống Hà Nam, nằm đò dọc suốt từ đấy vào Bến Đục, ngủ một đêm ở Chùa Ngoài, lượt về cũng lại nằm đò thêm một đêm nữa ở Phủ Lý mà tịnh không thấy chị phải quấn lại khăn, sửa lại cái lưỡi trai đằng sau gáy, sửa lại mái tóc, sửa lại vành khăn. Mà các bà ấy mỗi khi nằm xuống rồi ngồi nhỏm dậy thì là cứ phải quấn lại, chít lại, dắt lại giọt khăn cứ luôn tay. Chị có một lối gối đầu riêng giữ cho khăn khỏi tuột? Cái lối chị quấn tóc trần lại càng lạ nữa. Chặt chẽ, chắc chắn không khác gì đánh đai lấy đầu, như thế mà, như vừa rồi, chị khẽ nằm nhoài xuống một cái là tóc lại sổ tung đổ bung ra hết, mở gỡ hết rất chóng vánh dễ dàng, thế là thế nào hở chị?

Chị Hoài khẽ hé một nụ cười thong thả đầy kiêu hãnh:

– Anh hỏi để làm gì? Định làm sách sao? Đàn ông các anh hỏi chuyện đến là tỉ mẩn.

Một mâm cơm chiều xoàng xĩnh đã bưng ra. Tôi lại tự mời tôi dự vào cái mâm cơm đạm bạc rau dưa ấy. Ý chừng người u già sạch sẽ ngoan ngoãn kia cũng đã tính trước đến cái tính suồng sã và cái tính đi lại thân thiết của tôi đối với tiểu chủ y, nên mở lồng bàn ra, là đã sẵn có hai đôi đũa hai cái bát rồi. Tôi cầm đôi đũa mun bít bạc hai đầu và đoạn giữa có khảm xà cừ một dòng thơ đời Tống. Tôi cầm đến cái bát cổ chính hiệu, trên bát in chữ Nội Phủ, thành bát vẽ bảy Người Hiền trong rừng trúc, buột miệng gọi đến cái cảnh thanh bần nhà Chị Hoài: "Ăn cơm trên chị, thực là ăn đũa ăn bát".

Chị Hoài ra hiệu cho người u già mở vung niêu cơm đất xới trước cái lượt cơm hớt vào bát chị đã rồi mới đưa u già xới cho tôi độ lưng chừng bát.

– Ở nhà này bao giờ cũng có một đôi đũa đẹp dành riêng cho anh. Những lúc nào anh thấy trối ngấy lên về những món ăn nặng béo của các bữa cơm nhà trọ và cơm hiệu rồi, thì anh cứ lên đây nếu anh không chê những tạp vị này.

Người u già đứng hầu cơm phía sau Chị Hoài, tay bưng miệng tủm tỉm cười, cúi mặt nhìn xuống đất như dán mắt vào hai đầu ngón chân cái giao chỉ của u, cốt để giấu một cái vẻ vui mà già ta cho là

xấc, không dám chia sẻ với Chị Hoài nuôi u. Không, hãy ngửng đầu lên mà cười cho thẳng thắn, hỡi cái u già cũ kỹ và ngoan ngoãn kia. U cứ ngửng mặt lên mà cười. Nếu Chị Hoài có lừ mắt mắng thầm u, tôi sẽ bênh cho. Một người đã từng nuôi nấng, ẵm bế, cho bú sữa và mớm cơm cho chủ từ những hai mươi mấy năm về trước như u đây, một người nhũ mẫu như u, có thể tự mình cho mình cái quyền vui cười chính đáng trước mặt chủ. Đừng sợ, già ạ.

– Thưa bà, nhân còn ít dưa con muối hỏng, con mua cá trê nấu hết. Dạ, còn cá trê om mẻ nữa, sắp xong.

Dưa khú nấu với cá trê, nhiều người vẫn khen là ngon lắm. Nhưng tôi rất ghét cá trê vì đối với cái giống cá béo da không có vẩy và đen bóng này, tôi sẵn có một thành kiến sợ và tởm. Từ cái lần đi xem một đám bốc mả, lúc người ta cạy nắp ván thiên một cỗ ván thôi đầy ứ những nước có nhiều sao mỡ béo lềnh bềnh ở trong chất nước mả xương chưa tiêu đang nhung nhúc một đàn cá trê, từ cái lần được thấy lũ cá trê béo vàng ệnh ấy mà tôi cứ sợ mãi. Thấy ai dọn cho ăn cá trê là tôi giãy nảy lên, đưa đầu đũa đi chỗ khác hoặc kiếu đau bụng, nhức đầu, bỏ cơm, nếu mâm cơm không còn món ăn nào khác.

Nhưng đây là mâm cơm nhà Chị Hoài. Một người thanh tú như chị mà còn ăn được cá trê thì sao tôi lại không dám động đũa tới, ít ra là một lần này. Thôi tôi cũng đành liều. Tôi nhìn cái đĩa là lật lớn đựng rau diếp thái chỉ rất nhỏ. Tôi nhìn cái bát sứ to vẽ Đàn Cá Hóa Long vượt những đợt sóng Vũ Môn, đựng cái chất nâu nâu, đen đen, nửa lõng bõng nửa sền sệt. Tôi gắp rất nhiều rau và dưa, gắp cả một cái xác ớt đỏ ngòm, tôi chỉ gỡ có một chút cá trê vào lòng bát người đàn bà có tài củi lửa. Tôi nhắm mắt, và ùa một miếng vào tận cái chỗ sâu nhất trong miệng, rùng mình một cái, rồi vừa nhai vừa ngửng đầu trông lên những rui kèo nhà như lúc bị nghẹn cơm.

– Anh làm cái bộ tịch gì mà kỳ quặc như vậy? Nếu có thực là nghẹn thì nín thở và bắt đầu đếm đi. Đàn bà thì đếm chín và đàn ông thì đếm đến bảy là đã khỏi rồi.

Tôi cố nín, vừa nhai kỹ để ngẫm nghĩ về cái vị cá trê ăn lần đầu. Chờ đợi mãi, không thấy có việc gì xảy ra, tôi lại gắp miếng thứ hai. Và đến miếng thứ ba thì thấy cá trê là một vị ngon. Từ ngày đó, không những tôi hết sợ cá trê mà lại còn đòi hỏi nữa.

Nếu đời tôi không gặp Chị Hoài thì có lẽ sự ăn uống của tôi không bao giờ lại có cái vị cá trê thêm thất vào. Đấy là một cái kỷ

niệm đáng kể. Đến nhà Chị Hoài mà ăn dưa khú nấu với cá trê thì thú thực. Thú, có cái nghĩa là được một dịp tốt để tủi hổ cho một cảnh đời. Quãng đời Chị Hoài cũng không khác một vại dưa muối hỏng mấy. Chỉ có một chút mắm muối non đi hoặc già thêm cho đúng mà cái vô duyên đâm ra không thể chữa được đến như thế này đây. Ngẫm đến cái công ơn của Chị Hoài gây cho tôi được thân gần loài cá trê mà muốn tán rộng thêm ra, tôi lại càng muốn nhắn những người ưa làm việc đời một câu rằng: "Muốn cho người chung quanh biểu đồng tình với mình về một cái sở thích của mình để đi tới một cái kết quả gì, trước hết phải gây được thiện cảm đã. Cái điều kiện Tình lúc này mạnh hơn điều kiện Lý. Người ta đã có cảm tình với mình, đã yêu mình rồi thì nói gì mà người ta không nghe, lúc ấy chẳng cần phải giảng giải thế nào là phải hay không phải".

*

* *

Lên chơi giải muộn trên nhà Chị Hoài, thỏa mắt nhất là vào những ngày bắt gặp chị gội đầu. Cái mớ tóc mây sải rưỡi ấy quả là một công trình không cô phụ đến lò sáng tạo của Hóa Công, mỗi khi chị tắm giặt cho nó bằng cái thứ nước gội cổ điển của người mình. Quả bồ kết. Hạt mùi già. Rễ hương bài.

Hỡi những đàn bà hùa theo ngoại nhân cúp tóc ngắn và tắm tóc bằng thứ nước thơm cất tại Côn Lôn, tôi muốn các người đến đây cho đông đủ để mà chiêm ngưỡng cái mớ tóc mây ướt này.

Chị Hoài cầm cái lược bí, xoải cánh tay xuống là nó lại càng muôn nghìn phần óng ả. Tóc đâu mà nuột nà dài đến thế. Chị Hoài đã phải đứng lên ghế đẩu để phơi tóc ngoài hiên mà tóc vẫn còn chấm xuống quá gạch thềm. Lúc chải xuôi tóc xuống, chị phải cuốn đến hai ba vòng vào đầu bàn tay thì đầu tóc họa chăng mới khỏi quét chấm đất.

Một lần, trước khi đi gội, vẫn mặc áo lụa trắng dài, chiều ý tôi, chị xõa bung mớ tóc khô cho nó đổ xuống nền nhà thành một cuộn xếp khúc chồng lên nhau, rồi chị xéo lấm đi đi lại lại trong phòng cho tôi ngắm, mỗi lúc lướt qua, chị kêu:

– Anh có những lối chơi ác lạ lắm. Anh định bắt tôi quét nhà bằng cái chổi tóc mây này đến bao giờ thì mới thôi?

Mớ tóc đen phủ kín gáy kín lưng, kín cả màu hồng hai gót chân Chị Hoài, và lê dài ra sau thành một cái đuôi. Trông cái đám đen ngòm dài ấy rải quét xuống nền nhà mà tôi lại dại dột liên tưởng đến một cái áo tang người đàn bà góa phương Tây.

Lúc Chị Hoài gội xong, đứng lên ghế đẩu chải tóc, mớ tóc tủi giận, nhỏ nhiều giọt nước mắt bồ kếp chanh xuống hòn gạch lá nem, tiếng rơi lộp bộp đều đều, đùng đục.

Lên xem Chị Hoài gội đầu luôn luôn, thành thử tôi tính trước được những ngày nào chị phải gội đầu. Mỗi tháng hai lần. Ngày nguyệt kỵ và ngày nguyệt tận. Rằm nào, mùng một nào, chị cũng đi lễ; trước ngày đi lễ Phật, chị tắm gội sạch sẽ. Và trước ngày vọng một ngày, trước ngày sóc một ngày tôi tìm lên nhà chị xem gội tắm tóc. Lâu, thành một thói quen. Cứ vào ngày ấy là tôi nhớ tìm lên như là người nhớ ngày sinh nhật của mình. Có một lần vướng bận vào ngày nguyệt kỵ không đi được, mãi đến hôm rằm ngày sau tôi mới lên chơi thì Chị Hoài đã vội kêu:

– Hôm qua gội đầu rụng nhiều tóc quá. Chẳng lên mà xem và tiếc hộ cho. Không hiểu cái điềm này là điềm gì đây. Anh có hay mê tín không?

Chị rút ở dưới gối ra một chiếc khăn tay lụa, ở trong có một đám tóc rụng cuộn tròn lại như một dệp cổ yếm vậy.

– Chị giữ để làm gì? Mình lại sưu tầm tóc rụng của mình à?

– Chẳng phải là sưu tầm, nhưng hễ có được nhiều thì kết quả nó lại thành một cái độn tóc. Vứt đi, người ta kiêng. Tóc mình dài quá như thế này, có cần gì độn. Kết lại mà chơi, thỉnh thoảng quất con muỗi vo ve trong cánh màn, thay một cây phất trần, cũng được chứ sao?

– Hay là đem ra đầu phố cửa ô mà gán cho cái mụ "ai tóc rối đổi kẹo không" đi chị ạ. Chị lấy ít que kẹo mạch nha, tôi chọn lấy mấy cái nhạc đất.

– Giá còn ấu thơ như ngày nào thì cũng chẳng phải bảo.

Cả một ngày ấy, Chị Hoài và tôi bàn tán về những cái tiền thân của nhiều độn tóc bày bán treo ở sào các hàng xén chợ Đồng Xuân. Chị và tôi đã nhắc đến những mớ tóc của người ốm cạo trọc đầu, của người bỏ nhà nương mình vào chùa chiền và luận nhiều nhất về cái

mớ tóc trong truyện Tỳ Bà Ký có người con dâu ấy phải cắt mớ tóc đổi ra tiền để lo liệu việc tống chung cho một ông bố chồng lúc tắt nghỉ, người con trai đang bận vào kinh làm bài thi.

Buổi chiều một ngày rằm ủ dột đổ chụp xuống một câu chuyện rỉ rầu. Chị Hoài quấn vành khăn nhiễu tam giang, lấy nắp quả trầu ra bỏ vào đấy một thẻ nhang, ra vườn bứt mấy bông hoa hồng quế, gọi bõ già đánh xe cho mình lên lễ chùa, theo lệ thường.

– Anh đợi tôi đi lễ về, cùng ăn cơm tối, xong rồi đi đâu anh hãy đi. Hôm nay tôi không muốn ăn cơm tối một mình. Tự nhiên, tôi thấy sợ bóng tối anh ạ.

Người bõ già – chồng cái người u già giữ việc bếp nước, – lững thững bước một kéo một cái xe tay sơn đen. Chiếc xe cũ, nước sơn nhiều chỗ đã bong lởm chởm, bánh sắt lọc cọc lạch cạch trên vết đường đất thô đã khô cứng sau trận mưa kỳ trước. Nó gợi đến cái xe của những vị huấn đạo ở các vùng phủ huyện miền quê. Chiếc xe cũng mệt mỏi như người kéo xe, như người ngồi xe đang ôm cái nắp tráp hương hoa. Lúc này tôi cảm thấy bóng hoàng hôn như muốn ngừng sững lại và lồng chắc vào những nan hoa gỗ một chiếc xe đen xộc xệch. Tôi trông theo một cái xe tàn và nhớ mãi những cảm tưởng bùi ngùi của một chiều rằm thê lương ấy.

Sau mấy tuần rằm nữa, vừa đi xa về, tôi mới hay Chị Hoài đã chẳng còn là người. Tôi lặng lẽ đứng trước một cái bàn thờ ma mới, nơi móc màn vải sô bỏ thõng xuống một cái độn tóc gầy mảnh – mớ tóc mây chị Hoài mới rụng được có bấy nhiêu thôi. Tôi cất kỹ độn tóc gầy vào trong chiếc va ly tùy thân. Những lúc lữ thứ, sầu nhớ hoang mang, tôi mở gói tóc ra. Hít cái mùi dầu tẻ tẻ chưa phai ấy, tôi đã vứt bỏ hết những sự thực của khoa học và tôi gọi nhắc được Chị Hoài về mà rõi theo lấy bước đi của một kẻ "thiếu quê *nhang*" phù hộ cho tôi đừng gặp phải cơ nhỡ giữa đường – cái cơ nhỡ về tinh thần, cái thiếu thốn của tâm khảm, trong những phút Xa Lìa.

Tóc chị Hoài,
Lượm lúa vàng xuất bản, Hà Nội, 1943.

NGUYỄN
(Tập truyện – Trích)

NHÀ NGUYỄN

Tặng Nguyên và Thống

– Ê, ê, Nguyễn, Nguyễn.

Cái xe tay dừng lại. Một người xuống xe, mặt ngơ ngác, tay ôm một chiếc cặp da phồng. Cái người vừa gọi giật giọng ấy lại nói tiếp:

– Lâu nay mất mặt ông bạn hiền. Chúng nó đồn rầm lên là anh đang làm nhà. Nguyễn làm nhà? Vậy chớ chuyện anh làm nhà là chuyện chúng bịa ra để giễu anh, phải không? Làm gì có, phải không?

Nguyễn – người đang ôm cái cặp da to phồng – không trả lời ngay. Chàng lặng thinh, tất cả người tỏa ra vẻ buồn rộng như cả một cái khí buồn rộng rãi của mùa đông năm vừa qua. Khuôn mặt Nguyễn đượm một màu dằng dặc của hối lỗi.

Nguyễn lặng im đứng giữa phố, cạnh người bạn vừa bắt chàng xuống xe.

Im lặng là vàng. Nhưng bây giờ im lặng chỉ là thú tội. Im lặng lại còn là ăn cắp, là lừa đảo nữa. Nguyễn im lặng cố tỏ cho người bạn đứng đấy hiểu rằng hiện chàng đang làm nhà, và những điều "chúng nó đồn rầm lên..." là rất đúng. Chàng im lặng đứng chôn chân xuống gạch lề đường như thế, nghĩa là không dám cải chính. Chàng im lặng để nhận lấy tội, để xám hối. Hối cái gì? Tội với ai? À, chuyện dài dòng lắm.

Hoàng và Nguyễn thấy đứng lâu ở hè phố là không tiện, bèn rủ nhau vào một quán cà phê gần đấy. Thực ra cái người rủ vào hàng

chính là Hoàng. Những cuộc tra hỏi về đời sống tinh thần nhau như thế này phải mất hằng buổi, hằng ngày có khi hằng tháng chứ đứng với nhau một lúc ở ngã ba ngã tư thành phố ồn ào đâu có xong.

Nguyễn đã theo Hoàng vào cái quán ăn ấy, bước đi khuất nhục như cái bước của một tên tù đầy rập theo vào cái bước trước của một người lính dẫn mình trên con đường phát vãng.

Hiệu cao lâu ấy đã vắng người. Thêm được hai vị thực khách vừa vào, vẻ im lặng lại tăng thêm. Để chiều lòng người bồi bàn, Hoàng hỏi Nguyễn:

– Anh ăn gì?

– Tôi chẳng ăn gì cả.

– Thế uống cái gì vậy?

– Uống rồi, anh dùng gì thì cứ gọi. Kệ tôi.

Sau cùng người bồi bàn đã lấy làm chán cho hai ông khách hàng ngớ ngẩn và bưng ra một ấm nước trà Tầu trồng và ủ ngay ở xứ mình. Nước rót ra chén đã bay hết khói. Chẳng ai nhấp môi.

Ấm nước vô duyên ấy, hỡi ơi! Chỉ là một cái cớ. Đã lâu Nguyễn không gặp Hoàng. Chàng đã cố tình không gặp lại Hoàng một người bạn thân tín cũng như chàng đã cố tình không gặp lại những bạn cũ khác. Nay bỗng ngồi đối diện với Hoàng, Nguyễn bẽ bàng như một thiếu phụ đã tuyệt giao với một lời thề ước rồi mà vẫn còn phải gặp lại con người tình xưa, trên một cái ngã tư cuộc đời mình đang bắt đầu đổi mới.

Nguyễn định mở miệng nói.

Hoàng cũng định nói.

Nhưng mở bằng một câu gì? Câu nói đầu tiên để làm vỡ một cái im lặng vẫn là một câu khó đưa ra cho gọn được. Nặng nề lắm.

Chiếc cặp da phồng của Nguyễn để ở mặt bàn, gợi đến tính tò mò của Hoàng. Hoàng nấn mãi rồi không thấy bạn nói gì, Hoàng bèn mở. Xưa nay Nguyễn và Hoàng vẫn không giấu nhau cái gì. Có cái gì cũng mở lẫn cho nhau xem. Mở túi, mở ví, mở cặp, mở tấm lòng. Mở ra, mở hết. Thế mà có lúc hai người còn lấy làm giận và phàn nàn "rằng cái bụng mình, tiếc chưa được là một củ khoai..." – vào những ngày trên tình bè bạn, phất phơ mấy làn mây ngờ vực.

Nguyễn để im cho Hoàng mở cặp thăm dò mấy ngăn da. Hoàng

yên trí sẽ lôi ra được, như mọi khi, một vài cuốn sách mới chưa rọc có những nhan đề cám dỗ, có những tên tác giả rất quen. Mọi khi vớ được những vưu vật như thế, sao Hoàng cũng tranh lấy đòi rọc trước cho kỳ được và lúc nào cũng nói thêm một câu rất thừa, nghe mãi nhàm cả lỗ tai: "Thế nào tao cũng bọc bìa lại cho mày, mày cứ yên tâm".

Hoàng đã lôi được ra khỏi ngăn cặp những vật gì? Một cái thước gấp bằng đồng, mỗi đoạn gấp là mười phân tây.

Một cái phong bì to, nào là địa đồ và kiểu nhà, giấy nhượng đất có áp triện lý trưởng, giấy xin lục lộ và những mẩu giấy vụn vặt khác chi chít những con số nhân chia trừ cộng.

Và mấy gói đinh: đinh năm phân, đinh ba phân, đinh ốc, đinh khuy. Và các thứ bút chì rất to của thợ mộc. Lại có cả một viên ngói nữa. Những hai viên ngói kia. Gói vào hai mảnh nhật trình.

Nguyễn nhìn cái tay Hoàng rờ mó đến những vật ấy. Mặt Hoàng tư lự vô cùng. Nguyễn mặc kệ cho Hoàng tự hiểu lấy. Bấy nhiêu vật linh tinh đủ bảo cho bạn chàng biết rõ hiện nay chàng đang làm những gì. Chàng đang làm một cái nhà.

Giữa Nguyễn và Hoàng, chiếc cặp da ấy vẫn lù lù ra đấy như một cái bình phong ngăn mỗi người ra một phía tư tưởng. Lòng Hoàng thấy chán. "Vậy ra những điều chúng nó đồn rầm lên là đúng. Nguyễn nó làm nhà thực. Người bạn giang hồ của tôi đang làm nhà. Trời ơi!".

Xưa, không có nhà thì không sao. Nay thấy Nguyễn làm nhà, Hoàng trở nên nghĩ ngợi.

Ngậm ngùi đứng dậy trả tiền ấm nước, chàng hỏi Nguyễn:

– Bao giờ thì chúng mình lại gặp lại nhau? Tôi tìm anh ở đâu?

Hoàng lấy mắt lấy môi, gạch đít cho hai chữ "bao giờ", một cách cay chua. Bao giờ hay là chẳng có bao giờ!

– Có lẽ để tôi tìm anh thì tiện hơn, Nguyễn đã chậm chạp trả lời sau mấy phút suy nghĩ, mắt cắm xuống nền gạch của hiệu cao lâu.

Về tới nhà buổi trưa ấy, Hoàng gọi ngay Lựu lên gác. Lựu, người vợ rất ngoan của Hoàng đang làm cơm. Thấy chàng gọi giật giọng, Lựu đã vội bỏ cả xanh rán đậu phụ chạy lên, tay cầm đôi đũa bếp và nhầy nhờn những mỡ:

– Tôi vừa gặp anh Nguyễn, mình ạ.

– Thế à? Lâu anh ấy không lại ăn cơm với vợ chồng mình. Nhớ lại. Chắc anh ấy đi chơi xa vừa về, hẳn có nhiều câu chuyện thú vị lắm. Sao mình không kéo anh ấy về đây luôn? Mình gặp anh Nguyễn rồi sao? Sao mặt mình lại thần ra thế?

– Chẳng sao cả.

Lựu lau tay bẩn vào vạt áo con, ngồi xòa xuống mép giường, cạnh chồng, giọng săn sóc:

– Mình giấu tôi một điều gì. Khỏi nào hôm nay không có một người nào làm phiền cho mình. Tính tình mình nhiều khi cũng thất thường và bất công chết đi ấy mà! Ai vậy? Hở mình?

– Em đoán giỏi đấy! Nhưng để chút nữa sẽ nói. Anh muốn nằm nghỉ một chút. Em xuống làm bếp nốt đi.

Rồi Lựu và Hoàng lặng lẽ vây lấy mâm cơm. Cái mâm cơm của cảnh một đôi vợ chồng thèm khát mãi mà không có một mụn con, lắm lúc trông vắng lạ, trông hình như là bủn xỉn ở món ăn bày, mặc dầu trong lòng mâm có đủ các thức rán, sào, kho, luộc đến năm đĩa nhớn lẫn nhỏ.

Lựu lấm lét, nhận thấy chồng ăn không lấy gì làm ngon miệng như mọi ngày. Hoàng ngồi bên mâm, và cơm vào miệng lúc này chỉ là vì cái thói quen thôi. Lựu biết là lại có chuyện gì đây.

Nàng lẳng lặng gắp, không dám đùa với Hoàng như mọi lúc, hai vợ chồng son hay nói nhảm một cách ngây thơ, giữa những miếng gắp cho nó vui thêm miếng cơm miếng mắm. Hồi còn là con gái, Lựu là một con chim sơn ca. Lúc về làm bạn với Hoàng, Lựu vẫn giữ nguyên được cái đức tính của chim sơn ca. Tươi. Vui. Trong cái khổ nhọc tận tụy của phận thờ chồng, Lựu đã biết đem pha vào những cái líu tíu của thân mật son trẻ. Các bậc có tuổi trong họ, không thể đến những cái quyến luyến ấy, nhiều khi đã cho là gai mắt và hạ xuống những lời phê bình cổ hủ và bất công: "Chúng nó làm như là thằng Ngô và con đĩ". Nghe thấy thế Lựu và Hoàng chỉ đưa khẽ mắt cho nhau, bảo thầm nhau, rất có độ lượng: "Các cụ già rồi. Các cụ sống với sự trói buộc tinh thần đã quen. Các cụ sống được mấy năm nữa mà đối đáp cãi cọ cho nó thêm đắc tội với gia pháp. Chúng ta đã yêu nhau thì cứ phải cho vui vẻ. Nghĩa là có cái trước mắt các cụ, từ rầy, chúng ta nên dè dặt coi chừng mỗi khi bộc lộ tính tình" Lựu gật gật,

và lại cười một mình nhìn xuống khuôn mặt mệt mỏi của chồng đang im lặng chờ một giấc ngủ bồi bổ.

Lựu và Hoàng trong sự chung đụng hàng ngày, đãi nhau lắm lúc như là đôi nhân tình, khi kính, khi nhường, khi xuề xòa, khi nói phiếm và vào những ngày đau khổ về sinh kế thất thường, họ đã biết giải trí lẫn cho nhau bằng những chuyện cổ tích, bằng những mẩu chuyện hài hước lượm lặt ở những chỗ quái quỷ nào ấy. Vào những buổi tối nặng nề, Lựu và Hoàng phải ngồi lo tiền nhà, tiền đóng họ cuối tháng, và tiền chợ ngày tới - những lúc này, ở tay Lựu bao giờ cũng có một cái bút chì và một cuốn sổ con biên số xà phòng, nước mắm, củi vân vân – vợ chồng nói chuyện bù khú, uống chung một chén cà phê đặc. Thần kinh hệ đôi vợ chồng trẻ này thật khác người. Uống cà phê đặc, Lựu và Hoàng lại ngủ được ngon giấc hơn là những tối uống nước trà. Và lúc đầu gối tay ấp, vợ chồng lại càng yêu nhau nhiều hơn là vào những ngày thừa tiền, thừa thời giờ, thừa luyến ái. Rồi lúc đã thấy mệt mỏi một cách rất thuận lẽ trời, họ ngoan ngoãn giáp lưng lại để được ngủ, cái giấc ngủ của người công bình và lòng chứa chan hi vọng, họ tin chắc vào cái ngày mai của họ sẽ đầy ánh sáng, và ánh sáng sẽ quét sạch hết những lớp mây lớp mù của một ngày lúng túng vừa rồi.

Chính vào những ngày lúng túng bế tắc như thế, Nguyễn đã giúp đỡ nhiều cho cuộc sống của Lựu và Hoàng. Phải nói ngay rằng Nguyễn là một người không bao giờ có tiền được. Tiền của của thế gian vốn là những giống tinh khôn đến điều. Nó biết chọn những cái mặt đặc biệt để mà gửi vàng. Cái mặt Nguyễn, cái giọng lưỡi Nguyễn khinh bạc thế kia, đồng tiền nào mà dám tìm đến. Nguyễn chưa hề biết quý đến nó, tuy rằng nhiều lúc thấy cần đến chúng, Nguyễn tưởng chậm một chút thì có thể đút đầu vào thòng lọng mà mong được những chuyện cướp ngay công sinh thành. Nó đến có một, Nguyễn lại muốn phá tán xua đuổi gấp mười. Với cái tính hắt hủi chúng một cách vô ơn như thế, Nguyễn đã phải mang lấy cái nghiệp thanh bạch và về mặt tiền bạc, chàng đành nhường tất cả cái hay ho cho thiên hạ.

Vậy mà cái người nghèo đó đã dự một phần lớn trong sự cưu mang đôi vợ chồng Hoàng. Nếu không có Nguyễn, thật ra cái đời tình cảm của Lựu và Hoàng nhiều lúc cũng đến lung lay. Nói là đổ vỡ thì không có được, bởi vì Lựu và Hoàng yêu nhau chắc chắn đến thế kia

mà. Nhưng mà... biết đâu được. Ở một cái cuộc sống phiền nhiễu này, có nhiều khi một cành lá úa rụng của mùa đông tới cũng có thể gieo ngờ vực, gây kinh hoảng vào giữa một cái tổ chim ấm vững.

Lựu Và Hoàng vui tính và hay kết bạn, bụng dạ rất hào phóng tưởng có đến của núi đấy để ngồi lên mà tiêu thì một sáng một chiều rồi vợ chồng cũng đến kéo nhau đi ăn mày ngay mất thôi...

– "Này đây người ta cũng ít cần lắm nhá. Anh phải biết cho thế nhá. Người chung quanh đã tiêu của mình, lúc mình hết, có phải vác bát vác bị đi xẻ lại của người chung quanh một ít thì đã làm sao chưa?" Một buổi nói đùa, Lựu cũng đùa lại Nguyễn giả vờ bắt chước những mụ nặc nô đánh xong cãi nhau chỗ đông người, vỗ tay đồm độp, nhảy chồm chồm mãi lên. Đùa một lúc thế mà cũng đỏ mặt. Lựu nhí nhảnh, Hoàng cười. Được có tiếng cười phụ họa và khuyến khích của chồng, Lựu càng bò nhoài ra giường.

Cửa nhà vui quá.

Lũ hàng xóm quen đi ngủ sớm, động giấc trở mình, lẩm nhẩm chửi: "Những quân rực mỡ. Sướng thế?" Những lúc ngồi tễu tay ba ở nhà, thỉnh thoảng Lựu lại giở cái trò đùa ấy ra... "Đây người ta cũng ít cần có phải vác bị vác bát đi xẻ lại của người chung quanh một ít thì đã sao chưa?" Nhưng cái gì nhắc mãi lại rồi cũng nhạt. Và một buổi tối, Nguyễn đã không buồn cười được nữa khi Lựu cười ngặt nghẽo. Chàng đã làm ra trịnh trọng nói vợ bạn:

– Chị cứ tưởng bậy thế, chứ việc đời có bao giờ lại rập đúng vào những lời nói và ý nghĩ của chị. Đi xẻ "lại" của người chung quanh một ít, thì đã làm sao chưa? Đây này, hiện giờ đang thiếu tiền điện, ngày mai không có tiền nộp, nhà máy đèn nó đến cắt công tơ. Chị thử đi "xẻ" mấy đồng của những người vốn hay quấy tiền chị về mà trả đi cho tôi xem nào! Không, tôi nói thực đấy. Cũng như tôi đã nói với anh chị từ lúc chiều, hiện giờ tôi không trông được vào một món tiền nào cả. Nếu có lấy được thì tôi đã được đi Lạng Sơn từ mấy bữa nay rồi. Chẳng phải ở mãi ở Hà Nội này đến ê ẩm cả người ra.

Đêm ấy vợ chồng Hoàng rủ nhau vào màn một cách rất là nghiêm trang. Con chim sơn ca Lựu đang bận nghĩ đến một cái phắc tuya điện ngày mai.

Một mình nằm cả một gian gác ngoài, Nguyễn hút thuốc lào vặt, ra bao lơn nhìn xuống những cái bếp lửa của bọn cà phê rong lập lòe

dưới mặt phố. Đi ra chán chàng lại đi vào, ngâm thơ trào lộng, chửi xỏ cuộc sống, nghe đến là bâng quơ!

Đêm sau là một đêm không có điện, phải thắp nến ăn cơm tối. Hoàng ngồi ăn vẫn thản nhiên, hình như không biết gì đến cái ánh sáng trong nhà hôm nay có thua cái ánh sáng của mọi ngày, của hôm qua nhiều. Chỉ có Lựu là thần thái khác hẳn mọi ngày.

Nguyễn rốc nốt chai rượu, hỏi một cách hóm hỉnh và đột ngột:

– Thế nào, bà Tham Thực, bà ấy không đưa cho chị mượn cái áo nhung à?

Lựu làm ra vẻ ngạc nhiên, sau cái phút giật mình:

– Áo nhung nào?

– Đang ăn cơm mà nói dối là độc lắm đấy nhé. Tôi cấm chị chối. Mà có định chối thì đừng chối vội. Hãy ăn hết bát cơm ấy đi đã, cũng vẫn chối kịp kia mà. Đi đâu mà vội.

– Anh say rượu rồi phải không?

– Chị vừa ăn cơm vừa nghe tôi nói chuyện... Có phải sáng nay chị đã đến nhà bà Thực. Rồi, bằng giọng thân mật, chị đã nói với bà ta một câu như thế này: "Dạo này em quẫn quá chị ạ. Chả là mấy. Giật lửa của hàng xóm mươi lăm đồng cũng được. Nhưng sợ người ta cười. Em đành đến nói với chị, mượn chị cái áo nhung the cùng chuộc về với bọn đồ của em hôm nọ ấy mà. Không phải là em cố đòi lại số tiền ứng ra cho chị hôm vừa rồi đâu. Để trả tiền điện hôm nay đây". Thế rồi bà Thực mới làm ra bộ rất tiếc không giúp được chị, lấy cớ rằng: "Từ rầy chúng nó có cầm mà không ăn lãi, cũng không nên đưa áo nhung đi. Túng thì chịu vậy. Áo nhung the mà nó đem xếp nén lên thế này, thì chết hết cả tuyết chứ còn gì nữa. Có mà dại chị ạ. "Mí" lại, thật là không may cho chị, hôm nay ở nhà phải dùng đến áo này. Chiều nay nhà tôi đã hẹn cùng tôi đi xuống Bô Đa. Tan sở sớm mà lại. Ra ngoài, kém quần kém áo, khó coi lắm. Nhỡ nhà tôi hỏi đến thì sao? Thôi chị rầu lòng để chút nữa tôi lấy ở nhà tôi vậy". Ấy – chị Hoàng, chị đừng ngắt tôi, tôi nói chuyện đang hay – ấy thế rồi bà Tham Thực buổi trưa đã ăn một bữa cơm ngon, đánh một giấc ngủ cũng ngon để rồi chiều đi xuống phố Tây cùng chồng sắm hàng. Một người đang sướng trong một cái ngày rất đầy đủ của người ta, chị phải cho người ta cái quyền quên chị đi một chút chứ? Mình nên có lượng đối với chung quanh. Bữa sau, người ta có nhớ đến chị, có nhớ

đến lời hẹn của chị, tình cờ nhỡ gặp lại chị, người ta đãi chị một câu xin lỗi. Thế cũng là nhiều lắm rồi. Đừng có nên bắt người ta nói thêm câu nào nữa. Bắt người ta cắt nghĩa thêm nữa, tức là mở con đường cho người ta nói dối đấy. Tức là giục người ta đi vào tội lỗi đấy... Thôi nghĩa là không thắp điện, thì thắp nến đã chết ai, việc gì mà chị sụt sịt... Ngày xưa người ta xem sách bằng vỏ trứng đom đóm, còn được nữa là... Ồ! Đừng khóc nữa, trẻ con lắm... Thế những điều tôi vừa nói là không bịa đặt một chút nào phải không chị?

Lựu cũng thôi không thèm giận đời nữa, mếu máo cười. Nhưng quay sang phía chồng, nàng cố lườm được một cái mới nghe. Nàng đã ngờ Hoàng thuật rõ cho Nguyễn nghe cả rồi cái chuyện mượn áo nhung của bà Thực. Bực thế đấy. Mà nàng đã dặn Hoàng hai ba lần rồi đấy chứ có không đâu: "Mình đừng nên kể lại cho anh Nguyễn nghe nhé. Anh ấy sẽ cười và chê tôi chết mất". Đàn ông thế mà cũng chúa là hay lẻo khẩu.

Để ngắt một câu chuyện vừa đủ rồi, Hoàng pha trò với Nguyễn:

– Thôi xin mời bố uống cạn đi. Và xơi cơm đi cho. Kẻo quá một chút nữa cơm ôi, ông lại bắt rang cơm, bếp không có đèn điện thì khổ lắm đấy.

– Ơ hơ, phải rang chứ. Cứ kệ cho cơm nó ôi. Tí nữa rang. Uống rượu mà không kềnh càng một chút thà đừng bày chai cốc ra cho xong. À này, anh chị có biết cái phong bì này là cái gì không? Đố đấy.

Nguyễn đưa cho Hoàng một cái phong bì nâu dầy cồm cộm và bảo thêm: "Thử ngửi xem".

Hai vợ chồng nhấm nháy, Lựu vừa cười vừa trách một câu đùa:

– Hà, bác Nguyễn nhà ta có tiền. Thế mà định găm để tiêu một mình. Giá không có hơi men lôi được ruột gan bác ra, thì có mà giời khảo cũng không đưa ra đâu... Gớm, nhưng mà anh bỏ ra hai ba đồng sắm lấy một cái ví da đựng tiền cho nó có phong thể một tí. Chứ mỗi lúc rút tiền ví ra tiêu, anh cứ đưa phong bì giấy gói hàng, trông mất cả lịch sự đi.

– Tội gì mà sắm ví. Lấy bạc giấy từ trong ngăn cái ví da đẹp ra mà tiêu, nó có vẻ trịnh trọng lắm chị ạ. Và lại đâm ra tiếc rẻ nữa. Tôi đã thấy một người bạn tôi sắm một cái ví những ba chục, góc bịt vàng tây, về nhà anh ta đem lấy bàn là điện ra là độ mươi tờ năm đồng và tờ hai chục cho thực phẳng bỏ vào ngăn ví có thứ tự, trông

đẹp đáo để. Thỉnh thoảng ngồi buồn, anh ta nhớ cái ví, lại dở ví ra đếm lại những giấy bạc để lâu càng phẳng phiu. Những tờ giấy bạc ấy không bao giờ anh ta tiêu đi. Nhiều người ghét mắng anh thậm tệ. Nhưng ví thử tôi có dịch tôi vào địa vị anh ta, tôi cũng không nỡ tiêu hết giấy bạc đi; trông cái ví xinh xắn như thế, giấy bạc phẳng phiu thơm tho như có ướp nước hoa, ai nỡ lìa. Tiếc lắm, chị ạ.

Hoàng chen vào:

– *Moa* cho tiêu tiền mà sướng tay nhất, đừng nên có nhiều. Có nhiều thì phải tiêu thành từng món, tính đi tính lại, mệt lắm. Chỉ cứ có độ chục bạc thôi, giắt ở túi *gi-lê* bên phải một đồng, túi *gi-lê* trái hai đồng, *bốt-sét* vài đồng, túi sau quần vài đồng. Khoái lên, cứ móc bứa bừa vào các thứ túi trong người mình, tiêu cứ vung cả lên. Hứng lên là *a-lê*, tiêu! Tiêu! Rồi lại tiêu. Tiêu mãi. Tiêu nhặng lên. Tiêu cho đến đồng xu chót. Tiêu tiền, nhiều khi có được như là làm thơ thì mới thích. Không nên dàn xếp trước. Thấy có cảm hứng thì làm ngay, tiêu ngay.

Lựu nhìn chồng bĩu môi. Hoàng đang gặp cái đà nói rất hùng, cầm lấy cốc Nguyễn đang uống, tợp một hơi. Ngụm rượu ké làm cho Hoàng bốc đồng. Chàng thấy cần tìm ra một hạng người bỉ ổi nào ở cái xã hội bố nhắng này để làm đối tượng cho cái hơi giận dữ của chàng trong lúc này. Hoàng đã lôi ra được cái thứ người hễ đã tiêu xong tiền là y như là hối hận.

– Cha mẹ nó chứ. Quân nó ngu lạ. Tiêu xong để mà hối tiếc thì đừng có tiêu nữa có được không! Thích thì tiêu, ai bắt.

Tự nhiên Lựu cũng mấp máy miệng, nói một câu rất là đầu Ngô mình Sở:

– Thế nhưng mà tôi xin mình từ rầy bỏ cái lối giắt tiền vào vành mũ và mép bít tất đi nhá. Trông cỏ rả lắm. Này anh Nguyễn này, một hôm vợ chồng tôi đi ô tô ca xuống Nam. Ngồi hạng nhất. Lúc người ta giục đưa tiền vé, ông Hoàng ông ấy lôi bạc giấy ở cái vành mũ ra, em thấy ngượng quá đi mất. Cả một chuyến xe toàn người sang kẻ quý cả, họ nhìn trừng trừng vào mặt mình. Mặt em cứ chín nhừ ra và lúc ấy, em nghĩ đâu như em là vợ một anh cờ bạc nghề vừa tan đám. Thế mà Hoàng thì cứ thản nhiên được. Trông mà cứ muốn lộn cả ruột lên.

Hoàng sắp phân trần với người vợ dại về cái thái độ ít cần của mình vào những trường hợp như thế, thì Nguyễn phá ngay câu chuyện.

– Ê, cấm hai người không được cãi nhau. Hãy giương mắt ra mà trông vào đây này...

Chàng mở phong bì, chia cái thếp bạc giấy đó ra làm ba phần không đều nhau:

– Chỗ này chị Hoàng giữ lấy, ngày mai đem nộp nhà máy đèn. Chỗ này của tôi giữ riêng. Ngày mai đi Lạng Sơn. Còn chỗ này là của tất cả chúng ta. Lát nữa phải đi giải trí. Xem chớp bóng và ăn đêm. Lâu nay buộc mồm buộc mắt, khổ quá lắm rồi.

Lựu châm chọc, nhưng giọng cố làm cho nhẹ nhàng:

– Anh mà cũng có tiền mặt kia à? Ai đã cho anh mượn? Anh phải khai thực đi. Kẻo lỡ Hoàng và tôi lại thành ra a tòng mà tiêu vào cái của bất nghĩa nào thì hối đến mãn đời. Anh phải nói rõ đi đã thì tôi mới đi rửa mặt thay quần áo. Tiền ở đâu thế? Hở anh Nguyễn?

– Từ nay tôi cấm chị không được đùa như thế nữa. Sợ nó thành một thói quen, ra đến chỗ lạ, cũng cứ ăn nói như thế, rồi đâm nhảm hết... Tiền này là đồng tiền rất lương thiện. Khi chiều, vào thư viện, gặp một người bạn khoe rằng sắp in một cuốn sách vừa làm xong. Anh ta thiết tha nhờ tôi trông nom hộ về việc ấn loát và đi chọn giấy. Biết tôi không phong lưu gì anh ấy kính biếu tôi số tiền này... tôi định đi Lạng Sơn mấy hôm, đổi không khí. Thỉnh thoảng cần phải đổi không khí để giữ cho lòng mình luôn luôn mạnh và yêu đời và yêu sống. Để lúc về được bình tĩnh, mà trông nom hộ công việc người ta cho chu đáo.

– Đứa nào in sách hở Nguyễn? Hoàng hỏi. Nếu không phải là một việc cần giữ kín trong một thời hạn, mày cũng nên cho tao biết tên, rồi tao sẽ cho mày một vài ý kiến hay. Tao có một cái linh tính lạ lắm Nguyễn ạ.

– Thằng Việt Lang. Chắc mày cũng chẳng lạ gì cái tên anh văn sĩ đầu cơ ấy.

– Nó sắp in cái gì?

– Một cuốn sách tham khảo về phong tục và lịch sử một nước quần đảo hàng xóm. Có cả những bản kẽm in ảnh phụ bản nữa. Nó tin rằng sách sẽ chạy lắm! Vì hợp thời.

Hoàng cười một cách khó hiểu rồi cười mũi.

Để gỡ cho Nguyễn một cái tứ buồn ngại thoáng trên mặt, Hoàng tiếp:

– Nghĩa là đứa nào đem quản bút mình ra đánh đĩ thì đứa ấy xấu. Nó cậy anh chỉ trông nom việc ấn loát thì cứ làm. Tưởng là nó lại mời anh cùng đứng tên vào cạnh tên nó để mà cùng soạn sách thì là việc rất không nên.

Cả nhà, tức là chỉ có ba người soạn sửa đi xem xi-nê-ma. Nguyễn đòi Hoàng phải đổi cho mình chiếc cà vạt mài huyết dụ, và lục tung cả tủ áo lên tìm con dao cạo.

– Già rồi mà còn cứ đòi làm dáng.

Tiếp lời vợ, Hoàng đẩy Nguyễn ra một bên, vừa tranh lấy chỗ trước gương soi, vừa đùa bạn:

– Ông nên nhớ rằng ông là bố một lũ trẻ con vừa giai vừa gái rồi đấy nhé! Cái thứ người như ông đáng lẽ ra bây giờ chỉ được mặc toàn đồ đen và phải để râu cho nó chỉnh con người lại.

Lựu thấp hơn chồng đến nửa đầu người, kiễng chân lên, cài khuy cổ, nói với cái bóng mảnh dẻ mình đang động trong tấm gương.

– À hôm nào chúng mình cùng đi Thanh thăm chị Nguyễn và xin chị ấy một đứa con gái đem ra làm con nuôi cho đỡ vắng nhà đi. Này, cứ kể chị Nguyễn chị ấy cũng gan đấy chứ nhỉ. Cả năm anh ấy đi hoài. Một năm, kể những ngày ở nhà, đem cộng lại thì chừng cũng chỉ được một tháng.

Đứng cách xa đấy vào tầm hai cái bàn, Nguyễn bất giác thở dài một tiếng khẽ, Hoàng thính tai và tinh ý, lừ mắt cho vợ đừng gợi nói đến những chuyện riêng của Nguyễn nữa, rồi to mồm ra lệnh, đánh trống lấp:

– Thôi đi, đi thì vừa.

*

* *

Đêm ấy thành phố Hà Nội đổi sang tiết lạnh, gió hanh đầu mùa làm cho mọi người có những dáng đi rắn rỏi. Lựu, Hoàng và Nguyễn thấy bước chân đang vui, thỏa thuận cùng nhau chỉ nên đi bộ.

Những đợt gió si tình nẻo Hồ Gươm lật ngửa tà áo mầu phía sau của đám thiếu phụ tân thời.

Nguyễn tưởng đến những mảnh đời thui thủi rất được đẹp đẽ trong cái lạnh lẽo của cô đơn. Hoàng thấy lúc này phải thương đời thêm một chút nữa thì mới là công bằng. Lựu thấy da thịt se dần và hơi rùng mình, nàng nghĩ trước đến một cái chăn vừa cho bật lại lần bông cũ, khép nép nằm ở góc trái chiếc giường kê ở nhà.

Nhiều cái bóng bộ hành hợp thành tốp năm lũ ba, kề đầu kề cổ theo một chiều đứng và những tiếng đế giầy tây chắc chắn, cùng gõ một dịp với gót đầm giầy nhưng thoăn thoắt. Máu phân phát rất đều khắp cả người. Một bộ quần áo ấm gọn ghẽ. Gió vỗ nhẹ vào một cái mặt đi chơi. Nhựa lề đường, lễ phép vang hưởng theo những bước chân nhàn tản. Hoàng và Nguyễn đều cảm thấy được sống lúc này với những cảm giác tinh vi của mình, là một cái đặc ân, là phải mang một cái ân sâu nặng đối với tạo hóa, đối với cái kỳ diệu của sáng tạo.

Và nếu cái xã hội hiện họ đang sống này được là một cái xã hội tận thiện tận mỹ nào của Ngày Mai thì ngay lúc này, miệng nói tay làm ngay người ta không giộ nạt, nhưng người ta sẽ âu yếm gọi Nguyễn và Hoàng đến mà úy lạo rằng: "Hỡi hai tên công dân kia, Chính phủ Nhà Nước đã nhận được những tang chứng chắc chắn về cái đức tính của các ngươi trong cái đời sống vui vẻ. Đời công cũng như đời tu. Nhà Nước ta chí nhân, chí công, chí minh, không bao giờ phụ nhưng công dân rất xứng đáng như hai người. Từ ngày nước ta theo "hiến pháp" mới, những kẻ nào vẫn còn buồn rầu là những kẻ còn phản Cách Mệnh – bởi vì vui yêu là tinh lý của Hiến Pháp mới – phản nhân loại, là những kẻ đắc tội với Pháp Luật. Trước khi trừng trị những kẻ không biết đến cái bổn phận vui trong phạm vi của quyền sống, ta hãy theo nhời đấng chí cao viện Hành Chính mà ban cho mỗi người một tấm huy chương gọi là làm gương cho những kẻ khác chưa biết đến cái sự được sống là vui, là một cái thú độc nhất của con người. Được đeo tấm huy chương này, tức là các người được miễn cả sưu lẫn thuế, và nếu các người cứ được mãi mãi vui và lành như thế, quá năm chục tuổi, các người đem cái huy chương ấy đến Ngân Quỹ thành phố mà đổi lấy một cuốn sổ hưu bổng".

Tấm huy chương ấy bằng vàng, trên hình tròn miếng kim khắc một cái đầu người đang cười và ở phần bán cầu dưới chói lọi một quả tim phát ra những tia sáng nhấp nhánh.

II

Ở Hý viện ra, Lựu, Hoàng, Nguyễn vẫn đi bộ. Cảnh đêm không có một tí gì là đáng sợ. Đêm lành và hiền từ. Đêm lại còn đẹp nữa. Vòm cây trên đường thay lá, gió trút lá lạt sạt, tiếng gieo khô, vui, đều. Tính tình chất phác. Lựu không phân tích được cái lòng mình hôm nay sao mà lại vui nhẹ được đến như thế. Nàng loạng quạng bước đi, dẫm phải một vật trăng trắng, vuông vuông, mong mỏng. Nhặt xem thì là một lá thư rơi, tem còn nguyên chưa đóng dấu. Theo một thành kiến riêng của Hoàng thì bất cứ nhặt được thư rơi của ai ở ngoài đường, chàng đều vứt hết. (Cái ý nghĩa của thành kiến ấy có một nguyên ủy riêng mà Hoàng giữ kín, không bao giờ chịu nói rõ; đến ngay đối với Nguyễn, chàng cũng không cho biết). Nhưng lúc này Hoàng thấy mình cần phải quảng đại. Chàng đành không giữ trọng cái thành kiến kỳ quái khắc khổ đó ít ra là một lần này và từ tốn hỏi vợ:

– Thư đề gửi đi Bát Tam Boong à? Mà lại chữ đàn bà? Xa xôi và yếu đuối nhỉ? Thôi, chúng ta cũng nên làm một cái ơn nặc danh cho một người nào đang ở mãi chỗ cùng tột của xứ Cao Mên. Em đưa đây cho anh.

Khi nào Hoàng gọi vợ là em tức là lòng chàng đang băn khoăn nhiều về một điều gì.

Hoàng ngửi lá thư (Hoàng có tính hay ngửi và tính ấy hồ đã thành một cái tật. Hoàng ngửi món ăn, ngửi hương trà đã đành! Nhưng Hoàng lại ngửi cỏ ngửi đất, ngửi khói than đá, ngửi sách, ngửi mặt kính đồng hồ!). Hoàng ngửi lá thư, thấy tiết ra một mùi nước hoa cầu kỳ và phải là đắt tiền, chàng bèn đọc phong bì cốt để xem tự dạng chứ không phải tò mò đến địa chỉ. Chữ đúng là chữ đàn bà. "Lựu, vợ mình nó cũng tinh đấy". Chữ viết bằng bút máy ngòi vàng chứ không phải là ngòi thủy tinh. Cuối dòng chữ có những nét tà tà kéo lê rất chán đời. "Những nét này là nguyên tính ẻo lả của một kiếp con người hay chỉ là cái rã rời khoảnh khắc của phút đề bì một phong thư chán nản?"

Hoàng đã nhẹ nhàng bỏ hộ phong thư rơi ấy vào hòm thơ xép móc cạnh tường ga tầu điện Bờ Hồ.

Nguyễn vẫn nghiêm trang, dè dặt đi bên cạnh vợ chồng Hoàng hình như không dám bạo nghịch đến những cái sống ở chung quanh.

Chung quanh chàng, trên đầu chàng, dưới chân chàng, vung tỏa ra một vẻ đẹp rất thần bí.

Trong đêm vắng, sắt đường tầu điện sáng như vừa mài vào đá mầu. Thỏi thép lạnh bóng và dài dằng dặc tít mãi lên Hàng Bông kia nhắc đến giá trị vô song của nó ở vào cái thời đại kim khí và cơ khí này. Rồi giờn giợn nơi tóc gáy – có lẽ vì gió nơi ngã tư Bờ Hồ lộng, – Nguyễn liên tưởng đến những thỏi thép luyện của những lịch sử thượng võ ngày xưa có dăm bẩy lưỡi kiếm danh tiếng chém sắt chém đá ngọt cứ như chém vào chuối vào bùn.

Trong đầu Nguyễn, có một cái gì muốn rụng xuống. Một cái gì như một quả chín lúc được lìa cành, phải lìa cành. Ấy là một câu thơ. Đêm nay người thì hiền, cảnh thì lành, âm thầm không còn là khó nhọc, tư tưởng không có nghĩa là đau thương, lặng lẽ không phải là buồn tủi nữa. Nguyễn thấy được sống cũng đủ là một cái tác phẩm rồi, chẳng cần phải làm việc gì nữa. Nếu có cần phải làm thêm một điều thiện vào giây phút này thì Nguyễn chỉ muốn làm một câu thơ không có luật. Làm xong rồi đốt đi. Đốt ngay giữa giời như là hóa vàng lễ ấy. Đốt đi, rồi mặc kệ gió giời đem cái bụi thơ, cái phấn thơ, cái hương thơ tự do ấy cho thật xa, cho thực rộng, đem đến những chỗ nào không có bờ bến, không có ngày tháng, không có đầu không có cuối.

Trong lòng Nguyễn, tình vui cho nổi lên một cơn cuồng. Chàng khép vạt áo lại, đánh một que diêm, thở một hơi thuốc. Khói lừ lừ trước mắt như những cái tơ giời dăng trên những cánh đồng mùa tháng mười lúc về chiều.

Ấm lòng, Nguyễn càng thấy cái sướng của người trai đất Việt được sinh trưởng ở những thành phố phía bắc. Chàng lại phàn nàn hộ cho những người cùng quê hương mà lại phải sống ở những thành phố phương Nam, quanh năm chỉ có nắng của xích đạo và không bao giờ hiểu đến những luồng gió hanh đầu mùa này rất có giá trị kiến thiết cho tinh thần.

– Anh Nguyễn đang nghĩ chuyện gì mà mải miết vậy? Tôi thấy những người im lặng, tôi ngại lắm.

Bị Lựu làm đứt mất luồng tư tưởng, Nguyễn mới nhớ ra từ lúc nãy đến giờ chàng định không nói một câu gì, chỉ thục hai tay vào túi quần và đi trong yên lặng. Hoàng cũng vậy, thành ra Lựu trở nên cọc cạch, lẻ hẳn ra. Đáng lẽ cùng đi bộ về như thế này, ba người cùng bàn về cái phim ảnh nói vừa xem xong mới là phải.

Nguyễn đã bắt lại câu nói của Lựu:

– Chị đừng tưởng những người im lặng đều là người nham hiểm cả đâu nhá. Cái im lặng của lũ thi sĩ có di hại cho ai bao giờ đâu? Nào, bây giờ bắt đầu ồn đi nào. Bây giờ đi ăn. Tôi và anh Hoàng để cho chị toàn quyền mà chọn hiệu ăn. Hàng Buồm, Hàng Quạt, Hàng Da? Phải uống một chút rượu vang đỏ cho nó ấm bụng, chị ạ. Này Hoàng, vợ ông đang kêu buồn kia kìa (...)

Nguyễn lùi xuống một bước, để cho Lựu tiến lên. Lựu vịn vai chồng:

– Những đêm như thế này, tôi không muốn về nhà đi ngủ một tí nào cả, mình ạ.

Hoàng và Nguyễn lấy làm thưởng thức câu nói ngây thơ cuối mùa đá chút lãng mạn không tự biết ấy, và khúc khích cười để cho Lựu tiếp thêm một câu kệch cỡm hơn nữa: "Chứ lại không ư! Các anh cho đàn bà chúng tôi là tượng gỗ hay sao. Nghĩa là đàn bà chúng tôi nếu không sợ những lời hàng phố dị nghị thì... thì cũng..."

Hoàng ngắt:

– Thì, thì cũng... làm sao?

– Thôi không thèm nói nữa. Tôi đến ghét mình cứ hay về hùa với anh Nguyễn. Người ta nói chuyện đứng đắn thì cứ phá đám.

III

Cái hiệu ăn đêm, gần bãi chợ Hàng Da chật ních những người. Thật là một sự không chờ đợi. Đêm đẹp giời có khác. Ai cũng đều có cái ý tưởng ra ngoài, thoát ra ngoài, tìm cách mà lọt ra ngoài cái nhà quen thuộc của mình.

Vợ chồng Hoàng và Nguyễn đứng chôn chân ở giữa hiệu, tìm một chỗ góc phòng nào kín đáo. Họ phân vân, sắp quay ra thì có một bọn ăn xong, đứng dậy. Cái bàn ở góc ấy xinh xắn. Ba người ngồi vây lấy thật là vừa quá. Ngồi ở đây lại còn lợi được hai điều này nữa: là tầm mắt quản được cả một phòng ăn; và nếu có nói chuyện riêng, ít bị những cái tai tọc mạch nghe lỏm.

Hoàng hỏi Nguyễn:

– Thế nào, ăn uống ra sao đây?

– Hôm nay lại giả vờ làm thằng giầu tiêu tiền không nhìn đến chỗ công ngàn. Cứ gọi bừa đi. Chị Hoàng gọi đi.

– Thế anh lại hoãn cái việc đi Lạng Sơn à?

– Mai không đi thì ngày kia đi, ngày kia không đi thì đã có ngày kìa. Ngày nào chẳng có hai chuyến tầu chạy lên biên giới Bắc? Mình có phải là công chức đâu mà mỗi lúc đi đâu tính nhật kỳ cứ sát từng nửa ngày một. Tôi hãy gọi riêng cho tôi một chai rượu Médoc súc miệng cái đã.

– Ấy là tôi hỏi phòng xa anh thế; không có lại lỡ tiêu quá vào tiền vé đi Lạng Sơn của anh, nhỡ công việc của anh thì khốn. Ai dám bảo anh đi Lạng Sơn chuyến này không phải là để tính đến một chút sự nghiệp cho mai sau!

– Chị làm gì mà to chuyện thế! Cái sự nghiệp mai sau nào của tôi mà bằng được cái hể hả đầy đủ của phút bây giờ có anh chị. Tôi chỉ quen sống với nỗi ăn sổi ở thì. Ba chén mà túy lên thì việc có to bằng giời đó cũng bỏ, phải không Hoàng?

Hoàng gật gật, nở một nụ cười tòng đảng.

Rồi Nguyễn và Hoàng tì tì làm hết chai rượu vang. Món ăn vẫn chưa đưa ra. Lựu ngồi chờ cắn hạt dưa, nhìn mấy thiếu phụ mặc quần áo theo lối mới, ngoài cái áo dài bằng hàng len màu, lại có một cái áo ngắn chẽn, bằng nhung đen phủ lên. Nàng phát biểu một ý kiến làm Nguyễn và Hoàng phải phì cười:

– Mới quái gì cái kiểu áo chẽn của đám ấy hở các anh? Cũng chả hơn gì cái áo cánh bông của các cụ bà nhà chúng ta. Đấy các anh xem.

Lựu sợ phạm vào cái tội cáo giác không có tang chứng, đòi phân bua cho được và luôn tay chỉ chỉ chỏ chỏ. Nguyễn phải ngăn:

– Chị nói thì cứ nói, nhưng đừng chỉ vào mặt người ta. Xem chừng cái tụi bên kia nó đã khó chịu với tụi mình từ lúc chúng ta mới vào kia rồi. Chị có trông thấy cái người cao cao mặc tây theo kiểu Hồng Mao kia không?

– Ngồi quay lưng lại đây ấy phải không? Ờ, mà có chuyện chi vậy?

– Thằng cha ấy nó đòi đánh tôi nhiều lần lắm rồi đó. Trước kia y hay rủ tôi đi chơi luôn. Tính y rất hiếu thắng. Nói rất nhiều, rất to; những nhà nào có ông già bà cả nằm dưỡng bệnh hoặc có trẻ con đương ngủ thấy y xông vào nhà là sợ lắm. Tôi không nói ngoa tí nào,

khi tôi bảo một mình anh ta, anh ta họp chợ nói, chẳng cần đến hàng xứ nữa. Khiếp, người đâu mà nói như cái máy hát của mấy hiệu bào chế. Mà lại toàn nói nhảm. Ấy thế rồi có mấy đứa con nhà giời đánh nào nó mới xui khôn xui dại anh ta, bảo anh ta là một người có tài. Anh ta trẻ người non dạ, tưởng thực, khi không đòi nhảy ra gánh vác việc đời. Thấy cái cung cách anh chàng táo tợn như thế, tôi hãi quá. Từ đấy tôi không dám gần anh ta nữa. Nhưng trước khi định xa hẳn anh ta, nhân danh một cái việc chung đụng cũ, tôi có bảo thẳng vào mặt anh ta một câu: "Lời nói thẳng hay làm mếch lòng, nhưng mích thì mích, tôi cũng cứ phải nói rõ cho anh hiểu rằng không bao giờ anh là người có tài đâu. Anh muốn cái đời anh được sung sướng, tất cả cái hoài bão của anh – và có lẽ cũng là cái hoài bão chung của những người sống ăn hột cơm của giời – là trở nên người sung sướng phải không? Làm sao lại giẫy nẩy lên. Muốn sung sướng, đâu có phải là chuyện xấu mà anh phải chối? Ồ! Vậy anh bằng lòng thành người sung sướng; có khó gì. Làm giầu đi, kiếm tiền cho nhiều vào. Tiền bạc không hẳn là cả hạnh phúc nhưng là một phần lớn của hạnh phúc. Giầu là đủ rồi, việc gì cứ phải có tài mới là sung sướng? Mặc kệ cho thiên hạ tài, mình cứ giầu sụ vào. Ai tài cứ cho người ta tài. Nhưng mà anh thì không được cho anh là tài". Anh ta đòi sừng sộ với tôi ngay lúc ấy. Tôi phải dịu lời nói thêm: "Nghĩa là thế này: anh cũng có tài – tài làm giầu, – thế cũng có ích cho xã hội – ngoài cái sự vinh thân cho anh – nếu anh cứ định gánh với xã hội một chút (tôi không chờ ở anh những cái sốt sắng có giá trị như thế) thí dụ như lúc cái tài làm giầu của anh đã được thực hiện rồi, thì ai cấm anh dùm giúp những cái tài khác. Tôi nói những cái tài chơn. Dễ mà xã hội trí thức quên được những cái hành vi ấy của anh? Một cái tài làm giầu nâng đỡ những cái tài không có tiền. Vẻ vang biết mấy. Chứ bây giờ, tự nhiên chẳng căn cứ vào đâu cả, anh xưng xưng nhận ngay mình là có tài, cũng bắt chước bỉ báng đồng tiền, khinh thế ngạo vật, tức là bỏ đứt cái sở trường của mình, để vác ngay cái sở đoản ra mà đập lên đầu thiên hạ cho người ta tối mày tối mặt lại. Thành ra anh đi bỏ một cái chỗ ngồi đích đáng của anh để nhảy sang chiếm chỗ tại miếng đất người khác. Ta không nên vụng dại thế. Anh há chẳng được trông thấy những cái thảm trạng gây nên bởi một chú lái buôn cứ đòi đốt trầm nắn phím. Anh há chẳng được chứng kiến những cuộc tàn sát thi ca của những ông lãnh binh sính làm thơ. Từ nay về sau, đứa nào cứ đến đấm cửa nhà anh để mở mồm khen anh là một người

có tài thì anh phải từ chối những lời xàm bậy đó và đãi nó một số tiền rất hậu rồi đuổi nó ra. Nếu nó còn đến để vu khống anh ngay ở nhà anh nữa, thì cứ trói phăng nó lại. Đời sẽ khen anh là một người có liêm sỉ. Anh đã có lúc yêu tôi như anh từng yêu những người tầm thường khác, dẫn tôi đi nghe ca hát, rồi ăn, rồi uống, rồi nói phiếm và cười suông. Để trả những món nợ miệng đó, tôi kính biếu lại anh những lời chân thành này. Nếu tôi có khinh anh, thì anh cũng nên xét và tha thứ cho tôi vì tôi đã thành thực trong cái ý tưởng đó. Tôi biết tính anh ngỗ ngược đã quen, gia dĩ lại thêm có được cái vóc người kích thước dài rộng đều hơn chúng nhân. Mỗi lúc thất trực là anh phải đánh người ta. Không đánh được thì anh phát ốm. Tôi đã biết. Tôi biết cả. Một người lực sĩ cử đỉnh như anh mà ốm thì tức cười đến chết mất anh ạ. Tôi không muốn cho anh thành ra cái trò cười đó, tôi muốn tránh cho anh một trận ốm tốn tiền và mất thời giờ, lúc này tôi vui lòng cho anh đánh tôi. Đánh nhá. Đánh đi... Một phút. Thong thả đã. Anh hãy để tôi ngồi xuống cho nó chỉnh đốn đã. Và khi nào anh đánh tôi đủ rồi, thì phải nói lên để tôi còn đi ra đằng này có chút việc cần đã chậm mất giờ hẹn".

Cái chai rượu vang thứ hai đã làm cho Nguyễn nói rất nhiều. Nếu chàng không đến nỗi nói to là vì tửu lượng chàng cũng khá, chai vang thứ hai thì mùi gì, thì đã lấy gì làm say. Lựu mải nghe chuyện, gần như bỏ cả ăn. Chừng như Hoàng đã nghe Nguyễn nói đoạn chuyện này đến đôi ba lần rồi, thành thử Hoàng không để ý đến mấy. Chàng ngồi chế hóa các thứ nước xì – dầu, lạp – chín – chương, kíp – chấp, rưới mà – dầu thêm vào những bát nấu. Thừa tay, thừa thời giờ, chàng bồi rượu cho Nguyễn. Lựu nóng nghe nốt chuyện, hỏi dồn:

– Thế rồi người ta có đánh anh không?

– Anh ta đã giơ tay, nhưng không hiểu anh ta nghĩ thế nào, anh ta lại thôi. Tôi nghiêng mình cảm ơn anh ta, lùi ra. Hai người không bắt tay nhau. Cho đến bây giờ đã bao nhiêu lần gặp nhau lại mà cũng không bắt tay hỏi chào. Anh ta có nhắn một tên du côn nhà nghề bảo tôi nên liệu hồn, "nếu cứ còn làm bộ làm tịch thì sao, sao anh ta cũng đánh cho mà xem".

– Thế sự thực thì anh ta dốt thật hở anh?

– Nếu thực anh ta là người có tài thì khi nào tôi nói xấu anh ta không tiếc nhời như thế. Đứng trước một cái chân tài, thì người khinh bạc đến đâu cũng trở nên trung hậu. Tôi vốn là người biết

phục thiện chứ có dám làm điều quấy bao giờ. Đấy anh ta ngồi đấy. Dốt hay có tài, trông đó thì biết. Chị trông vào cái gương to dựng ngay trước mặt anh ta, ở trên vách kia thì tiện hơn. Đấy chị xem, cái mặt đó ở trong gương đúng là một cái mặt không có chữ chứ?

Chẳng hiểu là bị cái tính ghét của Nguyễn đã truyền nhiễm sang làm cho cảm tình trở nên theo hùa và thiên lệch hay là nàng đã thành thực cảm thấy như thế, mà Lựu gật gù:

– Ừ, trông anh chàng ấy ngu độn và phàm phu thật. Cái trán bóng và đen, và dô như thế, chỉ có đi buôn bè là hợp thôi. Thế mà còn đòi đánh người ta thì vô lý thực. Em trông thấy nó mà ăn thìa mì này mất ngon rồi đấy. Thế ra ở đời này, chỉ có một mình cái sức khỏe của hắn thôi à? Ngoài ra, không còn có ai nữa à?

Lựu công phẫn với tất cả những ngây thơ của một người đàn bà chưa am hiểu đến những cái nhố nhăng ở cuộc đời này. Hoàng tủm tỉm, nói tiếp cho vợ nghe nốt về cái anh chàng bất tài và khỏe ấy.

– Chính hắn ta có mấy lần cũng đòi đánh cả tôi nữa kia đấy. Tôi nhớ ra rồi. Tên nó là thằng Phú. Phải rồi. Thằng Phú Sài Gòn. Nó người Hà Nội này đấy chứ, nó hay hát cải lương, nên người ta mới đặt tên cho như thế. Tôi thì tôi không ra mặt châm chọc nó như anh Nguyễn, và cũng chẳng chơi bời gì với nó. Ai chơi bời gì với những quân ấy. Vậy tôi đố mình biết tại sao nó lại cũng đòi đánh tôi? À, chỉ vì rằng, chưa bao giờ nó được trông thấy tôi phải mặc áo rách... Ấy chỉ vì người ta luôn luôn được mặc áo lành...

– ... Mà nó đòi đánh người ta đấy! – Nguyễn tợp ngụm rượu, cướp nhời Hoàng, mặt càng vênh lên nữa. Chàng lại thủ thỉ nói cho Lựu nghe:

– Chị phải biết, ở đời có những người chỉ muốn mình khuất nhục trước mặt họ một tí là họ hả hê lắm. Họ cứ lồng lộn tức tối lên với mình, chỉ vì cái lẽ là họ thấy mình nghênh ngang không dây dưa gì với họ. Lắm khi không quen thuộc gì, không thù, không oán gì, chẳng ai làm hạnh làm hại gì chúng nó, mà động trông thấy mình là chúng nó cứ như nuốt chửng được mình đi. Mình đâm nghi. Thì ra chúng nó ghét mình, chỉ vì mình lúc nào cũng có bề ngoài của người phong lưu, chỉ vì trong khi mình đang túi bụi sống cho mình, mình đã vô tình không để ý nhìn đến chúng nó một chút. Nào có phải mình ngạo gì. Nhưng mà ai biết đâu rằng nó định cầu thân với mình. Chẳng lẽ cứ

phải ngồi lù lù ở giữa nhà, đóng khăn áo vào, chỉ đi ra đi vào hoài hoài để chờ tiếp những người đến cầu thân với mình hay sao, đừng làm ăn gì nữa, đừng đi đâu nữa hay sao?

– Tôi phải ngắt ông về chỗ này, Hoàng giơ tay lên – những lúc nào thân mật và vui quá, thì Hoàng gọi Nguyễn là ông. Ông bảo rằng ông không có ý phụ những kẻ kia định tìm đến cầu thân với ông. Đã gọi được là thân thì "khi thân chẳng lọ là cầu"? Vào những trường hợp này, ông phải coi chừng và tôi khuyên ông nếu có phụ thiên hạ được đến đâu thì cứ phụ đi. Càng nhiều càng hay. Hãy đem một cái thí dụ cầu thân ra mà nói để cùng nghe nhá. Cái buổi đầu của một kẻ thích ông, muốn gần ông và khi đã tóm đúng được ông rồi thì thường họ làm những gì để đánh dấu ngay vào cái buổi tương kiến sơ giao đó. A, một chầu hát, một bữa tiệc; một chầu hát mặn một bữa tiệc đại ẩm nếu thằng cha ấy ăn tiêu rộng; một chầu hát chay ở tận cuối Ngã Tư Sở và một bữa phở sách trần nếu thằng cha ấy ăn tiêu chặt chẽ. Người ta và ông ăn chơi, cười nói cứ loạn cả lên. Người ta hỏi thăm về cái quá trình của ông, người ta tiếc hộ ông rằng: hữu tài mà vô hạnh – thưa ông chữ hạnh đây là may, là gặp chứ không phải hạnh là hạnh kiểm đâu. (Tôi không túc nho, nhưng được cái đã dùng chữ nào thì rất chắc, trước khi dùng đã phải hỏi lại các bực cha anh rồi... Lựu cười cái gì?)... Vậy... thế rồi người ta kỳ vọng cho ông. Úi già, thân thiết quá. Người ta lại còn phàn nàn những là "gặp nhau, tiếc rằng khí muộn quá. Được bắt tay nhau, trao danh thiếp cho nhau thì mặt giời đã gần lặn về tây, thì chợ đã gần tàn". Nghe chúng nó nói thế, trong đầu ông, ông đã tưởng rằng nếu sớm gặp chúng e chúng đã cho không ông một cái tòa nhà nào rồi. Tính ông đa tình. Tôi biết! Lúc chia tay, ông dùng dằng. Trở về nhà ông, ông nhớ đến tấm cảm tình của một người vừa chia tay. Ông nghĩ về một tấm lòng vừa rồi trong thiên hạ mà ông đâm ra hối, tự mình cứ đòi trách móc mình cho kỳ được đến thâu canh: "Té ra suýt nữa mình có phụ đến một tấm thịnh tình của thế gian". Ngay ngày mai, ông đi tìm cái người bạn nhất kiến đêm qua để đáp lễ. Rồi ông mới ngã ngửa người ông ra, khi ông biết rằng người đi vắng ấy hiện đang nói xấu ông ở một chỗ nào đó. "Tưởng thằng cha ấy thế nào kia, chứ cũng vậy vậy thôi. Đêm qua, nó vừa đánh chén, nghe hát với *moa*. Được cái nó nói chuyện cũng hay hay. Có nó đi bên cạnh, những lúc diễu qua một đám đông, hay là ngồi bày mặt ra ở một chỗ nào, trông cũng bài trí ra phết. Nhưng mà phải cái đi lại với nó luôn luôn, thế nào rồi nó

cũng hỏi vay tiền. Thằng ấy hay "đả" tiền lắm nhá". Ông đã chết bỏ đời ông chưa? Ông đã thấy ông là dại chưa? Ông tưởng là người ta yêu ông, quý ông, trọng ông, kính ông lắm, nên người ta tìm đến ông. Ông đã bị người ta lừa. Người ta đã buôn ông, đã mượn ông để đem bày ngay bên cạnh người ta. Ông đã làm vui cho người ta. Ông là một người bạn phùng trường tác hý của người ta. Người ta đã trả công ông bằng một bữa phở tái, bằng một chầu hát trên một cái chiếu rượu rách. Vậy mà người ta đã dám coi thường ông trong buổi đầu. Một lần, hai lần, lần thứ ba, người ta lấn thêm một tí đất nữa. Người ta sẽ cho người ta cái quyền gọi ông là mày "Mày khó tính lắm". Mày phải đọc những sách này này... Mày phải làm những việc như việc này thì mới phải. Mày... mày... vân vân". Đời nó mới đóng một cái triện nhận thực ngay vào cái tình giao du đó và đời nó bảo rằng ông là người bạn thân của người ta. Ông cãi đi? Nếu không thế sao thằng kia nó lẻn được vào cái đời tâm tưởng riêng của ông và dám làm cố vấn cho ông đòi hướng dẫn cho tính tình ông, và tọc mạch đến cả những món ăn tinh thần của ông, – phải, tôi nói sự đọc sách – và lại còn dám lạm bàn đến những cái thắc mắc trong đời tư tưởng của ông nữa? Ôi, tại sao vậy? Tự ông hay nhận, hay trả lời cho chung quanh, để cho người ta được gần ông rồi người ta rẻ rúng ông, người ta sẽ chẳng coi ông ra đếch gì nữa... Ông đừng tưởng tôi ghen với ông trong tình bạn đâu nhá. Tôi vẫn biết đời ông vốn rộng lắm. Ông phải huy hoắc. Ông phải tiêu cái đời ông sao cho được hoang phí thì mới sướng tay, sướng lòng. Ông đã có một lũ con. Vậy mà có lúc ông còn thèm khát cả đến những đứa con ngoại tình nữa kia. Với một người đàn bà lý tưởng thì ông đâm ra giao thiệp. Những bức thư rất dài của ông viết cho thiên hạ, trong hồi gần đây, đã có cái bụng thủ thế lắm rồi. Việc xã giao của ông, tôi đâu dám dòm ngó đến. Một thằng như tôi, tài đức còn lờ mờ, chưa được thực hiện giữa cuộc sống, tôi đâu dám can ngăn ông, tôi làm gì mà dám giữ độc quyền lấy một mình tất cả những tình cảm lôi thôi của ông. Ối tôi ơi là tôi ơi! Ối ông ơi!.

IV

Hoàng say rượu. Té ra Hoàng say rượu mất rồi. Lựu lo sợ quá.

Hoàng ít khi uống rượu với ai. Tửu lượng xoàng ít quá? Hoàng đã từ chối nhiều chén rượu vui đích đáng chỉ vì chàng là người tự trọng,

sợ mỗi lúc uống rượu là tố giác những cái dở trong người ra, rồi chỉ làm trò cười cho chúng nhân thôi. Nhưng những lúc ngồi riêng thủ thỉ với Nguyễn, chàng bằng lòng uống. Chàng thấy vững tay nâng chén. Và bằng lòng say, nhất nhẽ có phải thổ ra, có gẩy gục cả ngày hôm sau nữa thì cũng không cần. Lựu sẽ nấu đậu xanh đổ vào cái miệng chàng nhạt bã. Nguyễn sẽ lấy vôi khuyên vào gần bàn chân chàng. Một bên là người vợ hiền, một bên là người bạn trung thành. Giữa hai cái thiêng liêng và thân yêu ấy là một cái cốc pha lê trong trắng đang xủi lên những cái tăm rượu – màu rượu đỏ như máu Chúa,– tăm rượu liên tiếp đùn lên như là những cái quả bóng nhẹ bằng cao su ngũ sắc mỏng của những ngày mở hội. Thích lắm, sợ gì.

Hoàng đã uống "Bạn mình và vợ mình chẳng nhẽ lại đi cười chê mình!" Chẳng e sợ gì, chàng rót rồi chàng lại rót nữa. Xuyên qua một lần màn mỏng dệt bằng tơ của men rượu, Hoàng nhìn thấy mặt Lựu trẻ thêm mãi ra và những nét giang hồ tạc trên khuôn mặt Nguyễn thì càng thêm rắn rỏi. Chàng trở nên tin cậy trong cuộc sống. Rượu ngà ngà, Hoàng nhớ đến một đoạn truyện Tam Quốc, lúc Tôn Bá Phù biết mệnh mình đã đoản, cho gọi em là Tôn Quyền vào, giối giăng mấy nhời về công việc giữ gìn cơ nghiệp Giang Đông.

Sách đã cầm tay Quyền lúc sắp hấp hối: "Em ơi, gắng ở mà giữ lấy di sản của cha anh gửi lại. Anh đi rồi, việc ngoài không tính xong thì cứ hỏi Chu Du; việc trong không tính xong thì cứ hỏi Trương Chiêu". Cái đoạn dã sử nước ngoài ấy đã làm cho Hoàng cảm động vô cùng. Rồi chàng cũng bùi ngùi nghĩ đến một ngày của mình. Rồi chàng muốn so sánh, đặt Lựu vào địa vị Trương Chiêu và Nguyễn vào địa vị Chu Du trong cái lời ký thác lịch sử kia. Lúc bấy giờ, – lúc bấy giờ chàng tin chắc thế nào cũng có một đứa con, một đứa con tinh thần – một cuốn sách gì để lại cho mai sau, gọi là ghi vào Vĩnh Viễn cái giây lát chóng vánh của mình đã đi qua. Trong đầu Hoàng bao giờ cũng có một tập tùy bút viết dở, viết đi, viết lại, viết hoài. Tài liệu của Thời Đại gửi vào cái kho lòng ấy súc tích lắm. Cảm giác, tình cảm, kiến thức, đau khổ, hy vọng, hỗn độn bừa bộn vô cùng. Nên bắt đầu từ chỗ nào? Hạ bút thế nào cho khỏi thiên vị? Hay là cuốn sách hay vẫn là cuốn sách không bao giờ viết? Không, đây chỉ là một câu nói của một cây bút nghèo nàn, tự mình dối mình và an ủi mình. Trời ơi! Hoàng tự nhủ mình là phải viết. Viết như một người bị con quỷ của sáng tạo đến ám ảnh và dằn vặt. Viết như một con đồng bị

cái anh linh của đầu đề hành hạ. Nhưng, chàng muốn cái đời ngộ nghĩnh của chàng lắng xuống, cứ lắng xuống nữa đã. Chàng còn chờ của cuộc đời một chất phèn chua nữa. Bấy giờ chàng sẽ cho đánh đứng cái vại nước kỷ niệm, và cắm một ngòi bút thành kính vào đám cấn đọng của những ngày qua, bấy giờ chàng sẽ viết bằng tất cả cái minh mẫn của ký ức trầm tĩnh, bằng tất cả máu và tinh khí trong người chàng. Đã vội gì. Đã chậm gì?

Cả một đời Proust là một sự hoang phí đem ra đãi đằng hết cả cho người đồng thời; mãi cho đến phút cuối cùng, người ấy mới nghĩ đến sự phải sống riêng cho mình lấy ít ngày. Nằm trên giường bệnh với nỗi thê lương của tinh thần và sự quạnh quẽ đê mê của xác thịt, Proust đã để những trang giấy trắng lên ngực, rồi chống nhẹ trên gối bệnh, người ấy đã viết, viết để tìm lại thời gian đã mất đi. Cái ngày người ấy chữa lại một lần chót cho bản thảo những nhã tập ấy, chính lại là một ngày người ấy từ giã cuộc sống. Lạnh thay, độc thay và đẹp ôi!

Hoàng rùng mình. Một luồng gió đen lạnh lùa qua mặt Hoàng Chàng ngờ rằng viết xong tập tùy bút, chàng sẽ chết. Khi mà con tằm đã rút hết ruột rồi! Khi mà người ta đã nói được hết rồi những cảm giác, những tình cảm chỉ tới với ta có một lần! Sống thêm nữa là tham, là lạm dụng cuộc phù sinh. Chàng không hiểu tại sao có người sống lâu quá – lâu đến nỗi đã khô hết nhựa sống trong mình,– đã không biết nhục, lại còn thích được mặc một cái quần vóc điều, tự nhiên ngồi ở giữa cái nhà mình để cho người chung quanh đến chúc thọ, tế sống nữa. Sống lâu nhiều khi chỉ là mình bêu diếu mình.

Hoàng tin cái phút cuối cùng của chàng sẽ là lúc chàng chữa xong mấy chục thiên tùy bút. Rồi mệt mỏi, cầm cả một thiên tùy bút, trước khi nhắm mắt, chàng cười mà bảo Lựu: "Việc nhà, việc dạy con, là ở em. Còn đứa con tinh thần này, em đưa cho anh Nguyễn".

Chàng uống thêm một cốc nữa, cái cốc dĩ tận vi độ "Bạn của ta sẽ in sách của ta, không phải qua tay một thằng lái buôn nào. Sung sướng thay là vong hồn ta, vào một ngày lễ tiểu tường..."

Nhìn thấy, nơi trôn chai rượu cạn không còn một giọt máu Chúa nào, nhô lên một cái hình cù lao đẹp đẽ và gợi cảm quá, Hoàng bàng hoàng đứng lên, tưởng đây cũng là một hòn đảo nào – một hòn đảo tuy đã cũ như cuộc đời, nhưng ở đây, chưa hề có ai nghe thấy tiếng một đồng xu rơi xuống một miếng đá hoang rêu.

Ấy thế rồi chàng đã được vực về nhà, đặt lên một cái giường, chết đi một giấc nặng tựa chì. Lúc tỉnh cái mộng men, Lựu bảo chàng rằng: "Mình nằm im như thế đã hai ngày". Chàng bâng khuâng vui vẻ bảo vợ cho mình uống. Uống nước lã. Nước lã trôi xuống cổ họng, xuống bộ lòng, xuống dạ dày bị đốt cháy. Khoái trá thay! Những kẻ được khát.

Ấy, thỉnh thoảng chàng lại làm nũng Lựu và đem thử cái tình bằng hữu của Nguyễn bằng một buổi trụy lạc có ích như vậy. Lựu cũng hiểu qua cái ý ấy nên không can ngăn. Ai lại đi can một người chồng một năm uống đâu chỉ có ba bốn lần, mỗi lần uống là đòi say cho được bằng cái đêm rượu tối tân hôn gặp mình; lòng chứa chan hy vọng và thấy đời đẹp *như ở* trong tranh vẽ. Thấy chồng đòi say, Lựu chỉ lo chàng nhỡ gặp phải... cơn gió độc thôi. Chỉ sợ có thế thôi.

Lựu lo, thấy chồng nói nhiều khác hẳn mọi lần, nàng hóa ra nghi ngại. May mà lúc Hoàng nói to thì hiệu cao lâu đã vãn hết cả người. Thành ra Hoàng nói om, ngoài bọn phổ kê, chỉ có Nguyễn và nàng nghe lấy thôi. Nguyễn đã cho trước lũ bồi bàn mỗi đứa ít hào nên chúng vẫn hầu hạ có trật tự, thưa bẩm rất lễ phép, và không dám tỏ ra một ý phê bình rẻ rúng gì đến Hoàng đang ba hoa.

Lựu ngồi cùng một phía với Hoàng, cạnh chồng, lúc này cứ lùi mãi đầu ra phía sau đưa mắt cho Nguyễn lia lịa. Ý nàng muốn bảo Nguyễn nên đình cuộc rượu lại và vực Hoàng về nhà. Vả chăng đêm cũng đã khuya lắm rồi.

Nhà hàng đã cho lên cửa lùa ngoài mặt hiệu, tiếng những tấm gỗ dồn vào nhau trong đêm ráo nỏ nghe gắt và mau đến chối cả tai. Nguyễn vẫn điềm nhiên ngồi trông Hoàng say và nghe Hoàng nói, mặc kệ cho Lựu van nài mình. Tửu tố chân tính. Hoàng ít biểu lộ tính tình. Rượu vào, nét điềm đạm của chàng không còn nữa. Đối diện với Hoàng đang bị rượu sai khiến, Nguyễn muốn lợi dụng ngay cái tình thế biến loạn tâm thần đó để dò Hoàng nói và nghĩ về mình. Chàng muốn hiểu Hoàng hơn nữa.

Một viên tri huyện thời cũ ngồi rình một cơn nói mê thú tội của một tên tù giam cứu bị tình nghi giết người cướp của như thế nào thì Nguyễn cũng đang ngồi rình Hoàng bị hơi men bắt nói to những điều chàng nghĩ thầm về mình như thế. Thường ra, có một chén rượu vào người, người ta trở nên mạnh bạo hết nể nang, dám tàn ác và dám nói thực những câu ghê gớm mà lúc bình thường, lòng tự ái và tính

nhân đạo hay ngăn lại không cho lọt ra ngoài miệng và cất giữ nó ở đáy lòng. Rượu đối với một cái tạng không vững, đã làm vỡ hỏng mất cái ý nghĩa tuyên thệ kín đáo của một câu "sống để bụng, chết đem đi". Có bao nhiêu cuộc âm mưu đã bị thất bại và đàn áp oan uổng vì một chén rượu hào hùng uống trong một cái quán vô nghĩa lý. Nguyễn lẩm nhẩm: "Hà, rượu!"

Không còn gì rầu rĩ và tỏa thấm hơi lạnh bằng cảnh tượng một đêm chăm nom một người say rượu mê man, trông cái ánh rập rờn của lũ nến bị gió khuya lùa.

Giá đêm nay, vẫn có điện mà thắp, không bị nhà máy đèn cắt điện thì Lựu cũng không lấy gì làm sợ lắm. Tâm thần nàng thêm hoảng hốt, mỗi lúc thấy chồng vật vã cựa mình hoặc thấy Nguyễn im lặng đứng lên nối thêm sáp vào cây đèn nến vạt lụi.

Trên trán Hoàng có một cái khăn mặt bông trắng sũng nước. Trên bàn ngủ đầu giường, một chai nước lọc, một cái cốc, một cái bình phóng và mấy lọ thuốc con. Lựu ngồi ở chân giường, chốc lát lại ngừng mũi kim, nhìn đăm đăm cái thân hình Hoàng nằm ruỗi thẳng hai tay hai chân. Lựu không phải là một thiếu phụ lãng mạn nhưng cũng có một óc tưởng tượng thừa thãi. Lòng nàng se lại khi nàng ví cái việc Hoàng say cứng đờ nằm kia với một cái tai nạn chết người và kẻ bất hạnh ấy đang chờ những vuông vải liệm trong cái ánh sáng tang ma của lũ nến leo lét. Giá mà có đèn điện như mọi khi thì chẳng bao giờ Lựu nghĩ nhảm như thế. Nguyễn vẫn ngồi đun nước đắp mặt cho Hoàng bên cái bếp cồn. Lửa dầu cồn, ngọn xanh lè và ma quái.

– Đắp nước nóng, thay độ hai lần khăn mặt nữa thì anh ấy tỉnh ngay đấy mà. Nhà còn trà Thiết Quan Âm không hở chị?... Nếu vậy thì tốt lắm. Chị cứ để nguyên cho anh ấy nằm im. Chị bỏ ấm chén ra đây. Lọ trà và hộp sữa nữa.

– Để tôi đính nốt hai cái cúc áo tây ngoài cho anh đã. Còn độ vài mũi kim nữa thôi.

– Lúc ấy, không víu được tôi mà ngã thì đau lắm đấy. Lúc xuống xe, anh ấy lại còn làm bộ ra đều ta vẫn tỉnh táo lắm. Chốc nữa Hoàng nó tỉnh dậy, chị cứ ngồi yên mà ngắm cái mặt một người say tỉnh rượu dậy để mà hối và tiếc; trông hay đáo để.

Ấm nước sôi, trên bếp cồn hãm nhỏ lửa, điểm những tiếng thở dài chầm chầm nhạt nhạt vào cái đêm đang là cà đi. Dưới mặt phố, đoàn xe vệ sinh đã lăn những vòng bánh trệu trạo trên con đường về, tiếng dội lại nghe xộc xệch lùng nhùng.

Hoàng đã ngồi nhỏm dậy từ bao giờ. Chàng trâng tráo nhìn. Chàng dụi mắt, chàng vuốt trán; miệng nhai không mấy cái, lưỡi nhạt và đắng và ngờ hai hàm răng mình đang cắn lại những bựa đóng.

Cái ý nghĩ đầu tiên của một người choang tỉnh rượu là một ý muốn định nghĩa về không gian và thời gian trong hiện tại. Bây giờ là đâu? Bây giờ là bao giờ? Mình hay là ai đây?

Hoàng bâng khuâng, nhớ lại. Rồi xoay cái cổ, chàng nhìn chung quanh.

Bên đống chăn, dưới chân mình, Lựu gục xuống, vẫn mặc áo dài. Bên cây nến mấp máy ngọn, "thằng" Nguyễn đang chăm chú cúi mặt xuống cái bàn kê gần tường, tay nghí ngoáy.

Hoàng bước hạo xuống sàn gác, chân xéo lấm, tiến lại phía Nguyễn. Thấy có một hơi lạ thổi nhẹ vào gáy mình, Nguyễn ngấc đầu lên. Thấy Hoàng, Nguyễn không chút ngạc nhiên. Chàng đã chờ mãi cái phút Hoàng tỉnh rượu và mò lại cạnh chàng đây. Hai người tủm tỉm ngắm nghía lẫn nhau.

– Ông đã dậy?

– Ông đang làm gì đấy?

– Tao đang viết nốt mấy lá thư chậm trả lời cho mấy người quen. Mày khát lắm hả? Tao viết xong rồi đây. Ấy, để im tao thắp thêm cây nến nữa cho sáng, kẻo mày loạng quạng đánh đổ nước rỏ xuống đình màn nhà dưới, nó lại chửi ầm lên bây giờ đấy.

– Tôi say quá. Đã hơn bốn giờ sáng rồi kia à?

Những bốn cây nến đỏ ngọn, lại thêm cái bếp lửa cồn khêu cao bấc. Nước sôi reo to và vui hơn trước. Ánh sáng và những tiếng động của sinh khí. Thêm một người nữa mở mắt: Lựu đang quấn lại mớ tóc trần.

Ba bóng người ấy lại khúc khích cạnh một bộ đồ trà sứ trắng bốc khói. Tính cẩn thận, Nguyễn chưa uống vội. Chàng đứng lên, cất tập giấy viết thư màu vàng mình da đồng, nói một câu chữ Hán gần hợp cảnh. "Thủy hỏa bất cận thư".

Ấm trà nóng pha khéo. Người uống thấy thú vị nhất, người thưởng thức nhiều nhất vẫn là cái người vừa tỉnh rượu kia. Ngon miệng, Hoàng uống mãi, càng uống càng thấy muốn uống thêm. Phải gọi là uống chứ không gọi là nhấp được. Hoàng khát lắm. Khát hơn một thửa ruộng nắng hạn gặp ngày mưa đáo vũ. Ấm trà được người ta vời đến nhiều quá, đã trở hương, và nguội rồi lạnh. Câu chuyện bên ấm trà cũng đã rã rời. Cái phút vui của Hoàng tỉnh rượu và được uống trà nóng đặc ngay cũng tàn theo với hơi khói hương vắng quạnh. Cái việc say rượu lúc đêm, Lựu và Nguyễn tính không đả động đến. Nhưng lúc giời đã về sáng này, rờ tay vào thân một cái ấm lạnh, Hoàng đã ngồi im như một nhà sư già nhập định để tự mình ôn lại việc mình. Chàng đang rầu rĩ một cách rất văn chương. Như là không có được biết đến một việc gì đã xảy đến trong tâm tư Hoàng, Lựu đòi đi ngủ trước, y như mọi ngày, những lúc quá mệt mỏi về công việc nội trợ. Hoàng gật; Lựu đứng dậy.

– Phải đấy, chị cũng nên đi nghỉ đi, Nguyễn vừa buộc dây giầy vừa nói với theo vợ Hoàng đi vào buồng.

– Anh Nguyễn không ngủ hay sao mà giờ lại đi giầy tây?

– Cũng đi giầy tây vào mà vừa đấy thôi. Đêm, thế mà cũng chẳng dài. Sáu giờ tầu chạy. Năm giờ rồi. Chút nữa tôi đi Lạng Sơn và gửi lời chào chị trước.

Lựu cài lại cúc áo dài, quay lại:

– Vậy chớ lấy cái gì mà đi Lạng Sơn?

– Lúc đêm làm gì đã tiêu hết? Vẫn còn hơn một đồng bạc kia mà?

– Bấy nhiêu thì làm gì cho đủ tiền ăn đường? Thôi, anh đi nghỉ với nhà tôi đi. Mai mốt hãy đi. Ngày mai, thế nào cũng đòi được tiền nợ, hoặc thu được tiền họ. Tội gì mà đi hôm nay cho nó kham khổ cái thân. Thà có phải buôn đầu sông ngọn nguồn hoặc lo chạy công danh thì cũng nên lật đật như thế.

– Chị đừng gàn tôi nữa. Phút này tôi đang cao hứng, muốn đổi gió cho nó xa xa một chút. Ở lại Hà Nội đến ngày kia, cũng chẳng làm thêm được trò trống gì. Thường tôi đi, có mấy khi lấy vé cả lượt đi lẫn về đâu. Một lượt là đủ rồi.

Hoàng không tỏ ý ngăn bạn. Chàng nhìn kim đồng hồ. Đồng hồ nổi một hồi chuông báo thức nghe rất rền. Thế có vô duyên không?

Cả nhà vẻn vẹn chỉ có ba người đang không ngủ, đang nói chuyện mà khua vang lên để đánh thức ai? Hoàng dấn tịt cái nút chuông xuống cho nó câm đi.

– Mới có năm giờ. Thế mày có thể biết trước được là hôm nào về không? Độ tuần lễ nữa, tôi có tị việc phải cần đến anh. Nếu trong một tuần mà chưa về được, phải báo ngay cho biết... Việc làm ăn chứ còn việc gì nữa. Chưa tiện nói rõ. Vậy hôm nào về?

– Bực mình nhỉ? Nó chết cái đã đi ra thì tính thế nào được ngày về cho đúng.

– Thôi cũng không sao. Cứ việc đi đi. Hôm ấy *toa* về được thì càng hay. Bằng không *moa* sẽ tính cách khác.

Nguyễn thu xếp một ít vật dụng tùy thân bỏ vào chiếc cặp da. Chàng gấp lại mấy chiếc mùi soa, bít tất và những quần áo lót mình. Hoàng ngồi nhìn bạn lom khom soạn hành lý, cảm thấy lòng mình sầu muộn vẩn vơ. Giữ bạn lại chăng? Cũng chẳng có một cớ chính đáng gì để chàng buộc giữ Nguyễn ở lại Hà Nội. (Có khi, buổi sớm nồng nàn giữ nhau lại tưởng đâu buổi tối ngày ấy sẽ cùng chia xẻ những cái ngon ngọt gì, những cái bổng lểnh bất thình lình của cuộc đời vô thường đem đến cho. Một ngày gần gũi thêm thất cò kè ấy chưa đi đến cái buổi tối của nó mà ngay buổi chiều ấy người ta đã cùng cảm thấy nỗi bẽ bàng, rồi thành ra bẳn tính, đâm ra cáu kỉnh. Chỉ vì gần kề nhau quá, một cái tính thận trọng đã thành ra sợ thường và kém thế nữa). Mà để bạn đi vắng mất thì Hoàng thấy mình sẽ thiếu thốn ở bênh cạnh, hao hụt mất một cái gì khó định được giá, khó định được nghĩa.

Để tránh một cái buồn không có manh mối sắp xâm chiếm tất cả lòng chàng, Hoàng bèn làm việc – làm một công việc mà những con buôn quen sống với đổi chác hàng họ và buôn Tần bán Sở đều gọi là vô ích.

Hoàng mở cái ngăn tủ cuối cùng, rút ra một quyển vở bìa đỏ dầy đến hai trăm trang. Vở đã bị dùng đến quá nửa, trang nào cũng chi chít những dòng chữ li ti vội vã trông có thể nhầm với một cuốn vở của một sinh viên ban đại học ghi chép lời các đấng thầy học cắt nghĩa bài tại giảng đường. Những trang chữ đen đặc ấy chỗ thì viết đàng tả, chỗ thì viết đá thảo, chỗ thì viết theo lối tốc ký; rồi mực xanh, mực tím, mực đen, mực đỏ và lại cả bút chì nữa – bấy nhiêu thứ mực, bấy nhiêu màu chì, đã tố cáo một lối làm việc không có bàn

viết nhất định, tiện đâu thì viết đấy, cần đến lúc nào thì viết ngay lúc ấy cho khỏi thất lạc mất ý tưởng. Có nhiều đoạn lại sửa chữa, thêm bớt, màu mực này đè lên mực khác, rồi chen vào những dấu thập ác, các hình kỷ hà học, đóng khung lấy con chữ trông như thể một cái lá bùa trừ tà.

Trên một tấm bìa đỏ bóng như sừng bò tót và dầy bằng một lá *tôn*, có đề một dòng *chữ rông*: "Tập VII" viết rất nắn nót, đội lấy một chữ "Hoàng" ký rất chân phương. Quyển vở ấy Hoàng không cho ai xem. Hình như Hoàng đã nhiễm phải cái tính giấu giếm rất chính đáng của thi nhân hay hủy những trang bản thảo sơ đầu dềnh dang và mệt nhọc của những bài thơ càng luyện càng rút ngắn lời. Những trang vở lèm nhèm ấy, chỉ là những nét chì chớp nhoáng phác họa giữ lại vài cái bóng dáng mau như cắt, đó chỉ là cái công trình vội và sơ đầu của một cái hoa tay ghi nhanh lại để mong sau này dựng lên được một pho tượng gì bằng những cái tang chứng linh tinh ấy cóp nhặt trong âm thầm.

Đến ngay Nguyễn và Lựu chàng cũng không cho xem.

Hoàng ngồi viết dưới ánh sáng cây bạch lạp gắn vào một cái vỏ chai xanh. Trông trang nghiêm đẹp đẽ quá chừng. Thành phố Hà Nội đang ngủ. Cả Hà Nội cứ ngủ nữa đi, không việc gì mà sợ. Nhân loại vẫn còn đáng kể lắm khi có một người đang ngồi làm việc bằng tim và óc như Hoàng kia. Hoàng ngồi chép lại những cảm giác hỗn loạn về một đêm say và tỉnh say – mình được làm chứng cho những biến chứng của tâm hồn mình dồn dập đến như thế nào. Mặt Hoàng già hẳn lại – mặt Hoàng nhăn như một nhạc sĩ đang tìm tòi trên phím, càng tìm càng thất bại càng dúm xuống phím, thanh âm lại càng trốn lánh xa vắng. Hoàng đang tự giải phẫu những u hoài lúc hiện lúc trốn trong lòng chàng. Một trang giấy phân tích về ngay cái tâm lý phản trắc của lòng mình, mệt không kém gì một cái định thức hóa học trong một phòng thí nghiệm của bác sĩ. Tổn thọ lắm nhưng mặc dầu, Hoàng vẫn cười với bằng lòng trên những dòng tư tưởng sâu rộng, thành thực. Rồi để chấm hết cho trang nhật ký một ngày ấy, Hoàng viết nốt đoạn này:

"Nàng lấy những móng tay nhọn hoắt – đỏ như lá móng một ngày tết Đoan Ngọ – cậy những tảng nến đổ xuống mặt bàn, hình thù cổ quái như những cây thạch nhũ rủ buông dưới vòm đá động. Những cục sáp phí hoang quằn quại đau khổ dưới bàn tay đẹp của

một người đàn bà căn cơ. Sao cái bàn tay ngón tháp bút ấy lại là một cái bàn tay của tiết kiệm?

Người ta có kể lại rằng ngày xưa, triều vua Lộ Y XVI, trong cung nội sáp thắp xa xỉ như cháy rừng, chưa hết cây này đã nối thêm cây khác. Trông thấy mà tiếc của giời, có những người cung nữ hèn mọn đã hót những mẩu bạch lạp ấy đem bán trộm ra ngoài trăm họ. Những cái của một rơi vãi ấy, một đêm dự yến, đã đem lại hàng ngàn hàng triệu phật lăng cho bọn cung nhân, đủ thành một cái gia tài để dưỡng cái tuổi già khi Thánh Thượng thải hồi, cho họ trở về với cuộc đời bách tính. Cuộc Cách Mệnh nổi lên; những người đẹp tàn xuân và căn cơ ấy bị cuốn theo luồng gió loạn ly, không kịp hưởng chỗ công của chắt chiu nọ. Hỡi ôi!

Người ta còn kể chuyện thêm về những người hủi, bị xã hội lành mạnh bắt biệt trí ra một khu hoang tịch mà sống nốt cái sống thừa mỗi ngày tứ chi thân tê liệt, thịt co dần lại, xương mòn ngắn đi. Rồi có những người đàn bà quá lứa và nhỡ nhàng trong duyên phận, bỗng động lòng trắc ẩn, tình nguyện đem cái xuân già vào hẳn giữa cái nhân loại tật bệnh cằn khô ấy, nâng khăn sửa túi đồng lần cho những tổ trùng Hamsen và lúc được tự hoại hoàn toàn còn lấy làm tự kiêu rằng sự hy sinh ấy mới đáng gọi là một cử chỉ từ thiện không cần mong đến sự đền đáp.

EM ơi, sao EM chẳng được là những bậc thiếu phụ nguyện làm một nội tướng chung và khuất nhục của cả đám hủi ấy mà EM lại chỉ là một người cung nhân ngồi hót những giọt nước mắt bạch lạp khô cứng của một đêm truy hoan bằng hối tiếc và vị kỷ?

Chúng ta chẳng là gì cả. EM và tôi là không đáng kể, sống trên những ước lệ không đáng kể của một thứ luân lý đầy những thành kiến của di truyền. Bao giờ (...) EM ơi! Cái Buổi Chiều lớn của Tính Tình?"

Gió buổi sớm, thay một bàn thấm, làm khô lần những dòng cuối một trang tùy bút. Hoàng gấp vở lại, bảo Nguyễn đã soạn xong hành trang:

– Tôi cũng ra ga, anh chờ tôi với.

Quay lại phía Lựu:

– Em đóng cửa đi ngủ. Sớm nay không cần đi chợ. Buổi trưa anh về sẽ đem đồ ăn nguội về cho.

Sương đêm lạnh làm ướt bóng thân hình đoàn tầu Lạng Sơn. Không chịu lên vội để xí chỗ ngồi trước như trăm nghìn lữ khách kia,

cứ mỗi lần đi thêm một đoạn đường là lòng lại mệt mỏi và héo chết thêm mất vài phần nữa, Nguyễn vẫn đi cạnh Hoàng dưới sân ga. Người bạn chàng theo chàng ra ga, đã làm chàng bận lòng. Nguyễn thấy buổi khởi hành của mình có giảm bớt đẹp vì những cái bận rộn đem lại bởi một người đang làm chứng cho buổi lên đường của mình. Thời thường mỗi lúc ra tầu đi đâu, Nguyễn không muốn có ai tiễn chân mình. Trông sốt ruột lắm. Đẹp nhất về buổi lữ hành, Nguyễn cho không ai hơn được cái người chỉ ra đi có một mình với không một tí hành lý nào cả. Nếu cần phải có một chiếc va ly thì chiếc va ly đó chỉ nên là một chiếc va ly của tình cảm đặt ngay trong cái buồng con tim của mình. Hùng dũng thay là một lữ khách không lưu lại tên mình, lủi thủi trên đường, ngoài cái sống bên trong của mình không còn biết cái gì khác nữa của ngoại cảnh!

Vướng có Hoàng, Nguyễn đã không hoàn toàn chuyên chú được vào cái buổi lên đường của mình. Chẳng nhẽ lại cấm một người bạn thân đưa chân mình ra ga? Nguyễn cũng thừa hiểu Hoàng có mặt ở ga lúc này, vì mình thì chỉ có một phần, còn chín phần suy nghĩ khác ở bên cạnh một đoàn tầu là Hoàng dành riêng để săn sóc đến tâm thuật Hoàng.

Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về. Ngày về lại càng được là ngày vui và ngày vui nào mà lại không phải tốn đến tiền, ngoài sự tốn phí về tình cảm. Người ta tiêu tiền như là bắt được, như là tự mình in ra được, người ta thương yêu nhau như là cái tấm lòng mình chẳng bao giờ có thể cằn cỗi đi và có một lúc phải khép kín lại...

Mỗi lần Nguyễn đi rồi lại được về, Nguyễn ngồi kể cho vợ chồng Hoàng nghe những chuyện phương xa, rồi hỏi thăm vợ chồng Hoàng về những phố phường Hà Nội từ bấy đến nay, thay đổi những như thế nào. Để chiều lòng một người phương xa vừa về, Lựu và Hoàng, ngay cái buổi ấy lại rủ Nguyễn ra đường. Người ta lại cùng ngắm đêm của phố, mỏi chân thì lại vào nghỉ ở quán rượu. Ngày vui ngắn quá. Năm vui cũng chẳng dài quá gang. Thấm thoát cái tình thân của vợ chồng Hoàng và Nguyễn đã đầy tuổi tôi, đã được bốn tuổi, rồi năm tuổi. Chóng vậy thay.

Mỗi năm của tình bạn được già thêm một tuổi đầu, Lựu, Hoàng, Nguyễn lại càng có nhiều ước vọng chung và mưu tính chung với nhau để phác lấy cái đại thể một chương trình sống khác. Sống như thế này cũng chẳng đáng buồn nào, nhưng mà nguy hiểm. Lựu, con sơn

ca không biết buồn ấy, vốn lại là người dát, thấy sống như thế là cũng đáng sợ lắm và thật là phí quá, phải sống lại, lại sống lại. Rút cục, Nguyễn và Hoàng đã sống đi sống lại mấy lần rồi.

V

Này Lựu này tôi vừa gặp Nguyễn!

– Sao mình không lôi anh ấy về luôn đây? Lâu nay anh Nguyễn hình như không ở Hà Nội? Chắc đi xa về, tha được nhiều cái lạ về lắm? Vậy hiện anh ấy ở đâu? Thế nào tối hôm nay, chúng ta và anh Nguyễn cũng đi chơi nữa chứ? Dạo này em đi chân khá lắm rồi nhá. Những buổi đi chợ hoặc đi phố một mình em không có đi xe nữa. Đấy, rồi tối nay anh xem.

Hoàng thương vợ, cười. Cười nửa miệng chưa xong, Hoàng đã lộ ra bao nhiêu là chua xót.

– Chẳng bao giờ chúng ta đi chơi như trước nữa, em ạ. Anh Nguyễn bây giờ bận lắm.

– Anh bảo thế nào?

Buồn bã, mắt Hoàng nhìn đi chỗ khác.

– Lâu nay Nguyễn vẫn ở ngay Hà Nội này nhưng cố tình tránh vợ chồng mình. Nguyễn bây giờ khác trước rồi. Em nên nhớ lấy.

– Hay là chúng ta đã làm mất lòng anh ấy về một chuyện gì mà chúng ta không tự biết chăng? Tính Nguyễn hay hờn mát lắm. Nếu như có điều gì thì chúng ta phải bắt anh ấy nói rõ ra. Đã gọi là thân với nhau, cớ sao lại còn có những cái chấp nhất tầm thường như vậy? Mình phải hỏi anh ấy, bắt anh ấy cắt nghĩa cho nó vỡ lẽ ra thì phải hơn.

– Em bao giờ cũng là người bình dị. Ngoài cái hạnh phúc của gia đình, có lẽ em là người có được nhiều cơ hội hơn anh để tìm những cái hạnh phúc khác. Sao em lại cứ bắt người khác phải phân trần, phải trần tình mỗi khi em bị đứng trước một đôi cái hành vi của người khác, mà em cho là khó hiểu? Có nhiều việc không thể nói nên nhời được. Chẳng nói gì xa, anh lấy thí dụ ngay trong những chung đụng hằng ngày của vợ chồng mình. Lắm khi em tò mò một cách rất vô lý, hỏi anh lắm câu mà anh phải bỏ lửng. Không phải là khinh em đâu. Nhưng con người ta, đời đã cho mình cái diễm phúc là được sống

gần nhau, đã cận và thân hơn những người khác, anh tưởng không còn gì khổ hơn bằng cái việc cứ mỗi lúc xảy ra một sự khó nhọc gì về tình cảm là lại có người bên cạnh đòi cắt nghĩa rõ. Đã gọi là sống cạnh nhau mà mỗi lúc còn phải giảng dẫn thì khổ lắm. Khổ sở một cách nhạt thường quá. Để cái thời giờ hoang phí ấy mà tổ chức lấy cuộc đời bên trong của mình. Hãy cố mà hiểu lấy mình đã.

Lựu trố mắt ra mà nhìn chồng. Nàng định đùa một câu nhưng thấy chồng có một phong thái nghiêm nghị, nàng đâm ra sợ, ngồi im. Chợt nhớ đến câu chuyện định nói với vợ, Hoàng đổi giọng:

– Anh Nguyễn đang bận làm nhà em ạ. Ừ, anh ấy làm nhà cho anh ấy, chứ còn làm cho ai nữa. Ở trong Cầu Mới.

– Làm nhà thì đã có thợ mộc, thợ nề và cai, tưởng anh ấy vẫn còn thừa thời giờ lại chơi với vợ chồng mình như trước chứ?

– Trước khác, nay khác. Nếu Nguyễn không lại được, chắc là vì anh ấy có một cái cớ riêng. Anh vừa gặp anh Nguyễn. Trông tất tươi lắm.

– Anh Nguyễn mà cũng thành ra người bí mật thì cũng lạ thực nhỉ. Làm nhà cửa thì cũng phải dự định năm sáu tháng trước sẵn, có khi một đôi năm cũng nên. Không thấy anh ấy ngỏ chuyện bao giờ cả.

– Về cái chuyện anh Nguyễn làm nhà thì bây giờ thế này nhá; tôi và mình không được đả động đến, nếu một hôm nào đây anh ấy lại chơi với mình. Ví anh ấy đem ra bàn với mình thì mình lại cứ thành thực mà bàn điều hơn lẽ thiệt cùng anh ấy. Cuộc đời anh Nguyễn đang đi sang một nếp khác; nó có thể là hay hơn trước hoặc tồi kém không bằng trước. Mặc dầu chúng ta là thân cận nhau, cuộc đời của chúng ta không có thể là cuộc đời của Nguyễn được. Phải để cho người ta thực hiện cái đời người. Mình không nên căn cứ vào một mớ kỷ niệm hoặc những điều thèm muốn chung xưa cũ – nói lên trong một lúc thân yêu sốt sắng – để mà buộc người ta cứ phải nghĩ đến mình. Mình phải sống cho nó có độ lượng mới được.

Nghĩ một lúc lâu, Lựu đổi ra giọng cảm động:

– Hay là anh và em cũng kiếm một miếng đất con con nào ở vùng quê mà dựng lên một mái nhà. Có một cái nhà để mà có chỗ về chứ chúng mình đi mãi quá rồi. Nhiều tiền, ta làm nhà ngói; ít tiền, ta lợp tranh. Ờ, sao từ trước đến giờ, vợ chồng mình không nghĩ tới điều quan trọng này nhỉ?

Đêm ấy Hoàng vỗ về Lựu như chưa có thế bao giờ. Mất người bạn, nhưng mà vợ vẫn còn.

VI

Tả ngạn sông Tô Lịch gần chỗ rẽ về làng Lủ, có một thửa đất rộng không đầy một sào, hình méo mó, không giống được một cái hình nào có sẵn trong kỷ hà học bình diện. Từ ngày thôi không giữ cái chân ký lục của nhà nước Bảo Hộ xứ này nữa. Ông cụ Tú Quân đã mua miếng đất ấy, định cất lên một nóc nhà. Có người bảo rằng ý ông cụ bây giờ muốn được gần làng gần họ. Bao nhiêu năm đi làm ăn xa, đổi hết vào Quảng Nam, vào Khánh Hòa, lại đổi ra Nghệ Tĩnh ra Thanh và bây giờ về hưu. Còn đợi gì mà chẳng về làng, giữ lấy một chân trong hội tư văn! Cái ông Lý Bá ấy mấy phen cũng đã tốt lời mời. Thấy xoay về làng mà ở cũng là một chuyện hay hay, ông Tú Quân bèn mua ngay cái miếng đất méo đó. Nơi thôn ổ, những người trong họ gần họ xa, những viên kỳ cựu đều khen cái ông già ấy "thế mà cũng khá, chưa đến nỗi là một người bỏ làng. Bây giờ đã có ý trở về để nhận phần đóng góp với chúng ta ở chỗ đình trung". Cái làng Mọc quê hương bản quán ông cụ Tú vốn lại thuộc về một cái kiểu đất ly tổ. Mỗi lần thấy có một người nào tự phương xa trở về ăn ở lại với làng mạc, các bực cố lão đều lấy làm mừng. Người ta càng khen ông Tú Quân là người trung hậu đối với một cái lũy tre xanh bây giờ được thêm có ông, thì còn ngại gì không có sự ấm bụi.

Nhưng có ai biết rõ được cái tâm sự ông Tú Quân, khi ông đòi mua cho được thửa ruộng đất làng ấy.

Ông Tú Quân lúc mưu tính việc làm ngôi nhà đã nghĩ đến đứa con trai lớn của ông nhiều hơn là nghĩ đến phận mình. Đứa con lớn nhất của ông là thằng Nguyễn. Tính Nguyễn đã lông bông, cuộc đời của Nguyễn lại càng khó định quá.

Ông cụ cũng biết mình bất lực nên cũng không tỏ ý gì giữ đứa con hoang toàng ấy ở luôn luôn bên cạnh. Nhưng nhiều buổi cái lòng một người cha già mỏi ấy cảm thấy nỗi trống trải hiu quạnh trong gia đình và nửa thương nửa giận, ông già ấy muốn thằng Nguyễn đừng lăng băng sống một cách vô thường ngoài gia đình nữa. Ông Tú Quân vốn là người đạt, thức thời, biết rằng mình vốn sinh ra "nó" nhưng thời đại mới chính là "người" định cho nó tất cả những tính nết kia. Nguyễn thường vẫn cảm ơn thầm cha mình về chỗ rộng lượng đó. Và lặng lẽ sống cuộc đời mình đúng theo với cái ý mình.

Một năm vài kỳ về qua nhà, ngồi dưới gối cha, Nguyễn lại ngoan ngoãn hầu trà, hầu cờ, hầu đóm, hầu thơ, bố con lại yên vui và tưởng đâu bây giờ vẫn còn là cái thời xưa cũ hiền lành.

Tuế – vợ Nguyễn – thấy chồng về nhà, chỉ biết có vui, chứ không dám dở dói trách móc đến những ngày (ngày đây chỉ là những đêm) của chiếc gối lẻ và Tuế cũng không dám hỏi han gì đến những hành tung của một người chồng khó hiểu và không bao giờ nàng nghĩ đến sự cần phải hiểu thêm, hiểu rõ. Quý và tin nhau. Thế là đủ lắm rồi. Tuế cũng không biết chồng mình có những ai là bạn. Giữa mấy tợp rượu, vui miệng, Nguyễn có nhắc đến tên những người bạn nào, thì Tuế cũng biết vậy, và tự nhủ mình rằng nếu có dịp được gặp bạn chồng ở một chỗ nào, nàng sẽ rất sởi lởi cung kính và vồ vập. Trước mặt vợ, Nguyễn hay nhắc nhỏm đến tên vợ chồng Hoàng. Anh Hoàng thế nọ, chị Hoàng thế kia. Ngồi nghe chuyện một cách chăm chú, Tuế cũng không dám biết đến sự đòi chồng cho mình được gặp những người bạn thân mến ấy. Nàng chỉ biết lấy cái trí tưởng tượng đơn giản trong đầu mình mà vẽ phác qua cái hình ảnh một đôi vợ chồng Hoàng nọ. Lúc nào được dịp chồng giới thiệu cho gặp, Tuế sẽ hay. Bây giờ chưa gặp thì nàng không tọc mạch. Nàng chỉ biết rằng được gần một người chồng "hậu ư thiên hạ, bạc ư gia" là một việc rất quý rất vui. Nhưng chỉ được độ vài ngày thôi, Tuế và ông Tú Quân lại đánh sổng mất Nguyễn. Nguyễn lại đi rồi. Bố chồng và con dâu trao đổi cho nhau một vài ý nghĩ giận dỗi về Nguyễn và rút cục, người ta đều thấy thèm tiếc những cái ngày vui ngắn ngủi vừa qua ấy. Có Nguyễn ở nhà, ông cụ Tú và Tuế mừng một cách sợ sệt kín đáo như là bắt được một tí của trời vừa rớt xuống. Nói lên sợ lại động và hỏng. Hễ động thì Nguyễn lại vụt đi ngay. Nếu tỏ ý giữ lại nhà thì ngay lúc ấy, dẫu cơm canh có gần bưng ra rồi, Nguyễn cũng cứ đùng đùng xách va li ra tầu. Hỡi chồng! Con hỡi con!

Nhưng mà bây giờ, ông Tú Quân thấy mệt mỏi lắm. Ông muốn có ngay bên mình một cái gậy để chống, thuận tay và cần đến bất cứ lúc nào là cứ vớ lấy. Nguyễn phải ở cạnh giường ông và làm cái gậy đó. Riêng về Tuế, nàng đã đến lúc nhận thấy những ngày vui được gần chồng ngắn ngủi đó không còn là đủ nữa. Ngày vui đó phải triền miên kia. Con thì con đàn mà nàng sinh nở mãi, giờ thấy mỏi lắm. Chúng nó lại nhớn như thổi. Phải có thêm một người nữa ở cạnh nàng để chăn nuôi lũ trẻ thơ gọi là đỡ hộ một tay cùng. Việc cho trẻ vào trường học chẳng nhẽ lại cũng vẫn đến nàng!

Ông cụ Tú bèn quyết định phải làm cho Nguyễn một cái nhà riêng, định bẫy đứa con hoang toàng đó vào cái tròng thê nhi. Ông sẽ cho con dâu và tất cả lũ cháu kéo nhau ra Cầu Mới mà ở cho kín cái nhà mới. Từ trước tới nay nó cứ phóng sinh phóng địa ra đấy cho mình! Đại gia đình! Rồi xem Nguyễn có phải ở nhà mà giữ lấy cái tổ riêng ấy cho ấm kín không? Có khi rồi ông cũng ra đóng luôn ở đấy cho vui. Nếu đến như thế mà cũng không đánh lừa giữ được đứa con hoang toàng nữa, nếu như thế mà cũng không xong nữa thì ông chỉ còn đành ở với Giời cao trên đầu thôi.

Thửa ruộng méo ấy, chủ đất nhường cho ông Tú Quân đã năm sáu năm nay. Người làng đi qua đường cái quan, chỉ trỏ và kháo nhau rằng mai kia ở đấy sẽ có một cái nhà đẹp. Làng cũng đẹp lây. Khi mà làng đã xoay ra thành một cái mặt phố, nhà chen nhau liền khít! Người làng chờ mãi chưa thấy khởi công, cũng đâm ra sốt ruột hộ thay. Ngày giờ cứ trôi qua trên một sào ruộng bỏ trống. Có người hàng xóm tiếc cái sức phì nhiêu của miếng đất béo mầu và cao ráo, đã lên tiếng mượn thuê để trồng trọt. Ngô. Khoai. Đậu. Vừng. Lạc. Hết ngô, đến khoai, hết đậu, đến vừng đến lạc. Một năm, hai ba năm. Chẳng một ai thấy chủ đất mới tỏ ý khởi công làm nhà.

Bỗng một buổi sớm mùa đông một năm Hổ nọ, người ta thấy bọn tuần phiên làng đào bới trên thửa ruộng cỏ hoang. À, bốc những cái mả vô thừa nhận. Có chín nấm mồ vô chủ tất cả. Cốt nhiều quá. Đào sâu xuống quá hai thước ta, vẫn còn lượm được. Mấy người tuần phiên cẩn thận và tham việc lại còn cho lấy bừa bừa cái khoảng ruộng đầy cốt khí ấy lên nữa. Bỏ chung lẫn lộn vào những cái tiểu sành, mấy cái nắm xương tội nghiệp đó đã được táng ở mé gò bên. Và ông Tú Quân đã biện một cái lễ nhỏ để khấn những cô hồn linh thiêng này phù hộ cho nhà mình; nếu trong năm nay, mình khởi công làm nhà được.

Cuộc khởi công dọn đất để làm nhà không được tiếp tục thêm. Ông Tú vẫn chưa có tiền. Nhưng năm ấy được hợp tuổi Nguyễn, ông cũng cứ cho dựng tạm lên đấy một cái thượng lương nhà, gọi là lấy ngày tốt.

Ấy là một ngày cuối tháng chạp, hình như trước cái tết tiễn ông táo về giời một ngày chi đó. Công việc lại nhờ đến bọn tuần phiên người làng. Có ông Lý Bá là người quen biết, điều khiển hộ.

Người ta đã trồng xuống mấy lô đất thịt, bốn cây luồng, mỗi đầu hai cây bắt chéo lại, ngọn nhọn hoắt gai ngạnh như là ngọn một cái

hàng rào cánh sẻ. Cái thượng lương gỗ lim, gác lên bốn cây luồng, chênh vênh giữa trời, khoảng giữa đoạn gỗ dài là một cành thiên tuế bó lấy mấy vuông vải tây điều có viết năm chữ "Khương Thái Công tại thử", kèm một dòng niên hiệu. Ông Tú Quân đứng đốc thúc công việc ngay trên đống đất sét ướt và nói cùng ông Lý Bá:

– Kể cũng nặng đấy chứ, ông Bá nhỉ? Không có ông bảo anh em tuần phiên làm hộ thì cũng còn dềnh dàng ra đến hết ngày nay. Việc gì nó phải có quen mới được ông Bá ạ. Ông bảo anh em lèn mấy lỗ chân luồng cho chắc thêm lại, rồi chiều nay tôi đãi anh em một bữa rượu ngoài chỗ đưa tiền công.

– Dạ, cụ cứ vẽ vời ra thế, rồi họ nhũng nó quen đi, các cụ không thuê họ phận họ cũng cứ phải làm. Gia chi dĩ lại có tôi đứng lên, thì họ càng phải cẩn thận. Cụ về ở với làng cho, là một điều mà tất cả các cụ trong làng ta lấy làm quý rồi. Vậy lại đến sang năm mới khởi công được? Được rồi, cụ cứ cho làm cho sớm đi. Gạch ngói đã có tôi khảo giá cho cụ. Đầu xuân qua năm, cụ cứ cho làm đi. Sớm được ngày nào, làng ta vui ngày ấy.

Xuân sang năm, nơi thửa ruộng méo ấy cũng chẳng thêm được một nhát cuốc nhát thuổng nào. Cả một mùa xuân Kỷ Mão, mấy vuông vải tây điều nơi thượng lương những càng ê chề vì lớp mưa phùn đầu năm. Mỗi lúc có gió khô, miếng vải đỏ ấy se lại, lại phấp phới phô màu còn thắm trên khoảng cỏ lúa xanh um. Vậy rồi mùa hạ. Nắng làm khô vàng thêm tầu thiên tuế, đầu lá mỗi ngày mỗi thêm nhọn sắc. Tiếp đến mưa ngâu. Mấy chữ đề vào vải thượng lương nét mực tầu đã nhòe dần. Rồi năm gần hết. Ngày này năm ngoái, ông Tú Quân khăn áo tề chỉnh, đứng ngay ở mép ruộng đây làm lễ dựng thượng lương! Chóng qua thực.

Lũ tuần phiên có cái phận sự phải canh gác đến cái đoạn gỗ lim thượng lương gác ngang ở giữa giời kia – theo lệnh ông Lý – những đêm có trăng suông, bắt tay thước ra sau lưng bàn soạn cùng nhau về một cái kiểu nhà sau này sẽ sừng sững trên mẫu ruộng "– Sao lâu thế nhỉ? – Kiểu tây? Kiểu ta?"

Còn có những người đi tàu điện vào ngày chợ tơ Hà Đông qua quãng ấy đều chỉ trỏ miếng vải đỏ sắp đi màu dính vào một khúc gỗ nghênh ngang giữa đồng, phải trao đổi nụ cười với nhau về cái lối dựng nhà chọn lấy ngày tốt của người mình.

Bỗng đến đầu năm Canh Thìn, cạnh thửa ruộng của ông Tú, có

mấy người vạm vỡ đang hì hục đào đất. Đầu tiên người ta ngờ rằng có ai vừa chết và chủ ruộng kia được cho thuê đất để đào huyệt. Cái huyệt to quá sâu quá. Tưởng chôn bốn năm người nằm một lúc xuống đấy cũng vừa. Không phải là cái huyệt. Chỉ là một cái thùng tôi vôi thôi.

Bà Tú đứng cạnh cái thùng tôi vôi, xem người ta cân vôi. Bà dòm ngó luôn luôn đến cán cân, chốc chốc lại phải to tiếng nặng nhời vì cái thói cân điêu của bọn bán vôi. Lắm buổi cân vôi, bọn cân vôi ăn cắp ấy làm cứ tối cả mắt lại, hễ sểnh ra một cái là chúng cân non đi rồi đổ ùm cả mấy mươi tạ vôi thiếu cân xuống thùng tôi đầy nước, vôi đã nở sình sịch trong thùng nước rồi thì có giời vào đấy mà khám được. Biết trước thế, bà Tú đem kèm theo xuống đấy một người nàng dâu thứ hai để khảo cân và trông nom đỡ mình.

Chẳng phải tò mò thêm nữa, lân bang cũng hiểu rằng năm nay bà Tú làm nhà. Bà đã thuê sẵn hai gian nhà gần ngay đấy để tiện công việc đi về trông nom chỉ bảo thợ thuyền nay mai.

Trông bà Tú quá tha thiết với công việc làm nhà cho đứa con trưởng, nhiều người đã phải ái ngại hộ. Tính bà căn cơ – cả một đời bà cụ này là tất cả những công chất chiu hàn gắn, buộc mồm buộc miệng, nhịn ăn nhịn mặc, suốt đời đụng đến lửa là chỉ dám châm đóm và khi nào quá lắm có phải dùng đến bao diêm thì bà cụ hay chẻ que diêm ra làm hai mảnh đã rồi mới đánh – sau hôm rằm tháng giêng, bà đi từ Thanh ra Hà Nội, bà đã đem theo lên chuyến tầu ấy cả một vại dưa cải muối trường. Vại dưa to và kềnh càng, chiếm mất nhiều chỗ trên toa xe đông, đã là cả một cái đầu đề cho sự mè nheo cãi cọ của đám hành khách ngồi gần bà. Nào có thế thôi đâu. Lại còn nước mắm, tương, cà, rổ rá, chổi sể, chổi lúa. Bấy nhiêu thứ vây lấy bà cụ. Bà Tú ngồi lọt thỏm vào giữa đã làm cho ông xếp tầu lúc soát vé phải tìm mãi mới lôi ra được cái bà cụ hành khách "đa mang" ấy.

Lúc đi ra Hà Nội để làm nhà cho con, bà Tú đã tính cả rồi. Công việc làm có chóng ra nữa thì cũng phải tháng rưỡi. Bà đã đếm từng củ dưa, đo từng chai nước mắm cho đủ dùng trong cái thời hạn phải ở luôn trông nom việc làm nhà đó. Bà tin ở ngoài Hà Nội cái gì cũng đắt và những người hầu hạ thì toàn hay ăn bớt cả. Chẳng tin được ai. Cái bà già cũ kỹ lại còn cẩn thận đến nỗi đem theo luôn với mình ra Hà Nội ba con gà sống và đôi vịt Mường Thạch Thành. Đôi vịt Mường nằm trong bu dưới gầm ghế toa xe chẳng hiểu có nhớ quê hương Mường hay không mà cứ quang quác mãi lên, tầu càng chạy

nhanh đôi vịt càng kêu to có khi át cả tiếng máy động trên đường sắt. Người ngồi cùng toa xe, đã khổ vì cái vại dưa đặt ở giữa toa – chốc chốc gặp luồng gió tạt lại đưa mùi khang kháng vào mũi bao nhiêu người ngồi cuối gió – chưa xong, giờ lại còn bị đinh tai nhức óc vì tiếng kêu của đôi vịt nữa. Họ trách bà cụ sao tha khuân lắm thế. Mà khuân đi đâu mà nhiều thế?

Hỡi các người cùng đi một chuyến tầu với bà cụ Tú! Các người có được bao nhiêu độ lượng, hãy lấy tất cả ra mà đãi bà cụ, thương bà cụ và câm cái mồm đi! Các người há chẳng biết đấy là một bà mẹ can đảm và căn cơ bao nhiêu năm nay mới lần ra được cái xứ Bắc để làm cho đứa con hư thân ấy một cái nhà! Và con người đứng trước cái tình mẫu tử như thế, há chẳng nên tán thành và kính nhường và đừng nên ganh tỵ một chỗ ngồi. Các người có biết ba con gà và hai con vịt đang rắc phân hôi hám ra sàn tầu kia là bà cụ dùng để làm gì không? Đố đấy!

Bà Tú đã tính kỹ lắm rồi. Gà để cúng vào ba kỳ sóc vọng trong cái thời hạn tháng rưỡi giời ở luôn ngoài ấy trông nom việc làm nhà cho đến lúc hoàn thành. Còn đôi vịt thì để làm cho thợ ăn, vào hôm xong nhà. Hiệp thợ mộc một con. Hiệp thợ nề một con chẳng biết bà cụ định mượn bao nhiêu thợ tất cả mà "chỉ" cho người ta ăn "những" hai con vịt? Mỗi người thợ khỏe mạnh kia rồi sẽ gắp độ mấy miếng ở cái mâm rượu hoàn thành nhà nay mai của bà cụ Tú? Thôi thì kẻ nào hay ăn nhiều là kẻ chẳng hiểu gì cả. Bà cụ lẩm cẩm cẩn thận và tần tiện thế đấy. Ai muốn hiểu ra sao cũng mặc. Của tuy ít nhưng lòng thì nhiều. Lòng bà cụ Tú thành lắm. Thế là đủ rồi.

*

* *

Cả một buổi sớm ấy bà cụ Tú đi tìm Nguyễn. Hà Nội kể ra rộng thực. Mà xe pháo thì đắt đỏ quá. Bà hết cho người đi tìm chán rồi bà lại đi tìm lấy. Khổ quá. Khó hơn là mật thám đi lùng một người quốc sự phạm sổng tù đang chọc thủng biên giới. Vậy mà trời xui thánh dẫn thế nào, bà Tú đã được gặp Nguyễn. Bà Tú thầm cám ơn các đấng quỷ thần xong rồi, liền vồ về bảo Nguyễn:

– Này anh Cả ạ, về việc làm nhà ở Cầu Mới ấy mà tôi muốn anh

đỡ tôi một tay; mỗi ngày anh ghé xuống dưới ấy một lần. Chứ một mình tôi thì tôi chịu thôi. Bố anh thời phải ở luôn trong Thanh. Mà tôi ở ngoài này thì còn một mình. Sốt ruột quá anh ạ... Gạch bây giờ bảy đồng rưỡi một nghìn mà chưa chắc đã mua được. Ngói bốn đồng một nghìn. Mua bán bây giờ cái gì cũng đắt đỏ quá. Nhất nhất mỗi cái, tôi lại phải nhờ ông bà Bá. Ở ngoài này tôi không thuộc chợ thuộc phường sợ lạ mà đi mua lấy thì hớ mất.

– Thưa mẹ thế còn về thợ mộc thợ nề?

– Tôi lại phải đem từ Thanh ra, chỉ độ vài hôm nữa thì họ cũng ra đây đấy. Chính vì chuyện ấy mà tôi phải đi tìm anh. Hôm nào họ ra, bố anh sẽ đánh dây thép cho anh. Anh ra ga đón họ rồi đưa tất cả về trong Cầu Mới. Chịu khó một tý con ạ. Và có đưa họ về, thì đừng có đi xe. Đi bao nhiêu cái xe cho xuể; nên hà tiện chứ. Ý tôi thì tôi muốn hôm ấy anh thuê một cái xe đạp đạp thong thả đi trước rồi cho họ chạy bước một theo sau.

– Thế còn đồ đạc, hòm xiểng, đục cưa của họ thì làm thế nào?

– À, anh lại thuê thêm một cái xe bò cho họ bỏ tất cả lên đấy. Anh cứ bảo thằng Khỉn người nhà cụ Hàn nó đẩy xe bò ra ga. Có lẽ từ mai, sớm nào anh cũng phải lại đằng nhà cụ Hàn xem có dây thép dây thiếc gì ở trong nhà đánh ra không. Bớt chút thời giờ đi, bớt đàn đúm với chúng bạn đi. Thôi bây giờ tôi phải về, kẻo họ xe vôi đến, vắng mình họ lại cân non đi thì chết. Hết đến bảy mươi tạ vôi đấy anh ạ. Thế chiều nay, anh có xuống ăn cơm với tôi không? Trong ông Lý Bá hôm qua cha biết làm gì mà lại biếu nửa con gà. Tôi đem kho gừng cả. Hôm nào cúng rằm lại phải biếu lại ông Lý cái gì mới được. Anh nhớ nhắc tôi nhá.

– Vâng. Vậy thì độ sáu giờ chiều con về. Để ra cho được sớm. Tám giờ đã hết tầu điện rồi. Tối nay con lại phải ra nhà in.

– Đêm hôm mà người ta cũng in à? Anh có vào những chỗ máy móc thì nên cẩn thận lắm. Khiếp, hôm vừa rồi tôi có lại cái nhà in gì ở Hàng Buồm tìm anh, thấy cứ tối cả mắt lại. Nghe ầm ầm cứ như là vũ là bão. Gớm chết. Eo ôi! Nhà in.

*

* *

Nguyễn lững thững trên sân ga, chờ đón chuyến tầu Thanh tới ga vào khoảng mười một giờ. Chàng đi đón hai hiệp thợ mộc thợ nề. Cứ lời bức gia thư nhận trước cái dây thép hôm nay thì ra bọn thợ này là bọn thợ quen, trước kia đã làm cái nhà trong Thanh. Đám thợ mộc vẫn là cái đám người làng Hạ Vũ. Còn thợ ngõa thì ở làng Bột Hưng. Cái lão cai thợ nề tên là Phảng ấy là người làng ông Trạng Quỳnh có khác. Tính bác ta vui, linh lợi và hay nghịch ngợm. Nguyễn nhớ đâu cái hồi mình còn ít tuổi ở Thanh, thỉnh thoảng lên đảo lại ngói hoặc đáp lại những đường bờ nóc nhà, bác cai Phảng hay nói những chuyện quái quỷ tục tĩu cho Nguyễn nghe. Rồi Nguyễn lại ăn cắp từng nửa bao chè tầu của cha đem dúi cho cai Phảng. Thế mà đã mười mấy năm rồi thì có gớm không. Nguyễn chỉ còn nhớ cái lối tung gạch của bác cai Phảng thần tình đến thế là cùng. Chập hàng ba bốn viên gạch một, bác ta tung lên cho một người đứng đón bắt ở mép gióng hạc, trăm lần chẳng nhỡ chẳng rơi lần nào.

Cái tầu Thanh Hóa đã vào lọt ga Hà Nội. Nguyễn nhìn ngay cái toa đầu. Trong thư, ông Tứ Quân đã dặn Nguyễn hôm ra đón thợ thì cứ sục ở cái toa đầu tiên. Ông Tú tính cẩn thận đã dặn họ nên ngồi toa đầu, tuy than bụi có nhiều nhưng không bị cái nạn cắt toa chuyên đồ giữa đường.

Ở cái toa đầu vừa lướt ngang tầm mắt Nguyễn, có một bọn người nhem nhuốc ló đầu ra khỏi khung cửa reo ầm lên:

– A ha, Cậu Cả đây rồi.

Họ xuống ga một cách hấp tấp, mắt cứ nghểnh cả lên. Thấy bộ dạng hấp tấp và ngộc nghệch ngạc nhiên của bọn thợ, người ta phải nghĩ ngay đến những cái dáng dấp của hai sự nhỡ tầu và mất cắp đem cộng lại làm một. Một bác phó cả cứ nghênh ngang mãi giữa đám hành khách xô bồ, quay cuồng thế nào mà phang cả cái thân cưa trường vào đầu một ông đang đứng chờ ai ở sân ga. Rồi lúc sợ hoảng, lại ngã dúi vào người khác.

Cả một cái đoàn người ấy kéo từ cửa ga qua phố Khâm Thiên để trẩy xuống xóm Cầu Mới. Nguyễn đi xe đạp dẫn đầu, đạp rất thong thả, chốc chốc lại đạp ngược vòng xích, ngoảnh đầu trông lại, ổ xe đạp kêu những tiếng sè sè. Hai hiệp thợ nhấp nhô chạy bước một theo sau. Để đóng hết cái đám rước này là một cái xe bò ngổn ngang những chiếu, hòm, bồ, tay nải, thước thợ, bay, cưa v.v...

– Thưa cậu còn xa không? Cậu cho anh em dừng lại xem cái tầu

điện đã. Này anh em ơi, trông hay quá nhỉ. Hôm nào làm xong nhà, cậu phải nói với cụ cho anh em đi một bữa tầu điện cho thật sướng.

– Đi cả vào bên tay phải kia, không có lại chết bỏ đời cả bây giờ. Được rồi, rồi hôm nào sẽ đi chơi tầu điện tất cả, rồi thì được đi cả ngày.

Trông Nguyễn đang quát bọn thợ, ngồi trên yên một cái xe đạp cũ dỉ, ống quần có cặp miếng sắt, người ta dễ bị nhầm với một bác cai thầu khoán dẫn lũ phu của mình đi làm việc.

Kể ra Nguyễn cũng là người có can đảm lắm mới dám ăn mặc như thế và dẫn một đoàn người áo ngắn xộc xệch chạy qua cái phố Khâm Thiên. Nguyễn nhớ đến nhiều buổi, bất cứ là đêm tối hay ban ngày, Nguyễn đã từng đi qua cái phố ăn chơi này với một cái xe lùn hoặc cái xe xích lô, miệng ngậm xì gà, tay chống ba toong trúc khoằm đầu, chân bắt lên lấy dáng và cả nhà cửa có cái gì đẹp nhất là đều mặc hết cả vào người.

Những nhà hát phần nhiều đóng kín mít cửa. Giờ này là giờ các cô ấy nghỉ, ngủ. Nhưng ở một vài chiếc bao lơn nhà gác, bên những nan hoa sắt vẫn có một vài bộ quần áo lụa nhân tạo trắng lồm lộp đứng chải gỡ mớ tóc vừa gội chưa khô ráo hết. Họ nhận ra cái người đang đi xe đạp dưới đường kia chính là cái anh say rượu của những giờ giao hoan các đêm sự. Họ bèn cười xuồng xã, thi nhau mà réo ầm cả phố lên:

– Anh Nguyễn ơi, đi đâu mà trông khổ sở thế?

Nguyễn cứ lặng lẽ mà đạp – Bọn thợ đi theo chỉ trỏ, cười nói, giọng ấm ớ, trọ trẹ.

*

* *

Tiếp đến ngày hôm sau, Nguyễn lại ra ga một chuyến nữa. Ra phía sau ga, để lĩnh một toa gỗ phó từ Thanh Hóa ra. Gỗ đem từ trong ấy ra tính cả cước xe lửa và tiền đài tải từ ga về đến Cầu Mới, cũng vẫn cứ còn rẻ chán. Một thước khối gỗ lim đỡ được đến gần chục bạc. Bà Tú đã tính đúng như thế và tự tin vào những kinh nghiệm của mình về việc làm nhà.

Cái đoàn xe bò mười mấy chiếc chồng chất những đoạn gỗ so le, lần này về Cầu Mới, không phải đi qua Khâm Thiên nữa... Không

phải là Nguyễn sợ xấu hổ gì với những đám son phấn phố ấy, nhưng đi lối Hàng Bột nó ngắn đường hơn. Từ cái cổng sau nhà ga ra, đi đường Sinh Từ tiện lắm.

Nguyễn lại vẫn đi xe đạp dẫn đầu, đến quãng Giám có ba bốn người ăn mặc rất đẹp chạy xô vào ghi đông xe Nguyễn, bắt xuống xe và hỏi Nguyễn rằng "Sao độ này mày bán cửa nhà con Thúy? Chúng tao vẫn xuống đấy luôn. Tội cho con bé nó cứ nhắc mày luôn. Và thiếu chỉ có một mày, tất cả đều trở nên trơ vắng. Chúng tao đang vui đây. Trong lòng chúng tao đang có cả một cái hội tây đây. Gặp thêm được có mày nữa, thú quá. Bây giờ chúng ta cùng xuống đấy đi..." Nguyễn nói vẻn vẹn hai chữ "cám ơn", mặt vẫn lạnh như tiền và nhảy phốc lên xe, đạp vội đuổi theo đoàn xe bò đã bỏ xa mình mất một quãng. Bốn con người diêm dúa kia nhìn theo Nguyễn, chưng hửng. Phê bình về thái độ Nguyễn ít lây nay, có một người bảo rằng "Không khéo thằng ấy thành ra dở người mất".

*

* *

– Này anh Cả, thế anh cứ nhất định bắt tôi làm nhà theo cái mẫu vẽ ấy à?

– Thưa mẹ, miếng đất đã không được vuông vắn và lại hẹp, nếu không làm theo kiểu đó thì khó coi lắm. Cái kiểu nhà đó, con nhờ một anh bạn anh ấy vẽ không cho. Một cái kiểu nhà như thế nếu người ta lấy tiền thì cứ bốn năm chục bạc là ít.

– Ngày trước tôi làm nhà tôi chẳng phải nhờ đến ai cho kiểu cả. Đấy anh xem cũng ngăn nắp cao ráo khối ra đấy. Các anh chúa là hay vẽ chuyện, làm nhà theo kiểu tân thời tốn lắm. Rồi lại sinh đẻ ra bao nhiêu là kính là gỗ nữa. Lão phó mộc nó vừa tính thành ra hết thêm những bao nhiêu là gỗ nứa về chỗ cửa chớp và khuôn cửa kính, và kiểu kiếc gì mà nhà lại quay lưng ra ngoài đường?

– Quay lưng ra như thế là phải lắm. Vì thầy con bây giờ về hưu; thầy mẹ có về ở đấy với chúng con thì điều cần nhất là được tĩnh dưỡng an nhàn. Mở cửa ra mặt ngoài đường phố ồn và bụi lắm. Bịt phía trước và mở các cửa vào mặt trong vì mặt trong là hướng Nam mùa nực mát, mùa đông tránh được gió bão. Phải căn cứ vào hướng

nhà, hình miếng đất và sự cần dùng ăn ở riêng từng người mà vẽ kiểu nhà. Vì thế mới có cái nghề kiến trúc sư.

– Ồ, vẽ chuyện. Thế xưa nay, nước Nam không có kiến – anh bảo cái gì... phải, kiến trúc sư – nếu không có kiến trúc sư thì dễ thường không ai làm nhà ở nữa hay sao? Thôi anh ạ, không nên giở dói ra, tốn lắm. Bây giờ anh cứ nghe tôi, mở cửa ra ngoài mặt đường. Và làm cửa lùa. Đỡ được bao nhiêu gỗ. Không những thế lại còn tiện cho chị ấy về sau này buôn bán được nữa. Ờ, tôi sẽ cho chị ấy cân kẹo hoặc dọn cái hàng tạp hóa. Chứ kéo nhau về đây, ở quay lưng ra phố, cả ngày cứ xùm xụp ru rú một lũ trong nhà với nhau, làng nước phố phường người ta nói cho. Chỗ tiền lương hưu trí của bố anh, anh tưởng đã to lắm hay sao? Liệu bố anh mua thuốc ngày hai bữa đã đủ chưa? Phải buôn bán thêm vào. Rồi vợ chồng cưu mang lấy nhau. Đấy nhà đấy, tôi làm rồi đấy. Tôi cho vợ chồng anh. Và tôi không biết gì nữa. Khéo tính liệu thì no lành. Bằng không thì rách dúm. Đừng có mè nheo đến tôi nữa. Bố anh ngày xưa đã làm khổ tôi nhiều lắm rồi.

Thế rồi bà Tú khóc. Trước còn sụt sịt, sau hóa ra bù lu bù loa. Giọt ngắn giọt dài bà kể lể:

– Anh thử nghĩ xem, từ ngày anh ra ở Hà Nội đến giờ, anh đã đem về nhà những cái gì? Anh nói rằng anh làm báo. Tôi chẳng biết báo là cái gì nhưng mỗi chuyến anh về, anh lại báo hại tôi một ít tiền. Lũ con anh, từ cái tã cũng lại đến gái già này. Tôi khổ lắm, anh ạ. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà vẫn cứ phải lo nghĩ mãi. Đến bao giờ thì tôi mới được rảnh thân để theo người ta mà đi hội đền hội chùa, hở anh? Anh còn nhớ cái lần anh lồng lộn mãi lên để mở hàng sách? Không được hai năm, gần hai nghìn bạc, đã thấm chưa, hở Giời!

Mẹ con hết cằn nhằn nhau rồi đâm ra cãi nhau. Nguyễn lại bỏ đi. Gần mẹ thì chàng càu nhàu, xa được mẹ thì chàng lại hối. Ngay tối hôm ấy, lòng hiếu của chàng bị thương tủi lại còn dẫn chàng vào nhà một người đàn bà lạ. Đêm ấy, Nguyễn tiêu mất năm đồng bạc. Đấy là tiền về chỗ mấy tiếng cười trong bóng tối trên một tấm vải phủ giường. Cái chai rượu mạnh ấy, lại đèo thêm vào hơn bốn đồng nữa.

Nhận được dây thép mời ra ngay có việc cần, ông Tú Quân đã đi thẳng một mạch xuống Cầu Mới. Ông Tú, bà Tú bàn tán và sau cùng bà Tú đã bảo Nguyễn đang ngồi ngắm bức họa đồ vẽ kiểu nhà:

– Thôi, ý anh đã muốn làm nhà theo đúng cái sở thích của anh thì tôi cũng phải chiều vậy chứ sao. Nhưng tôi phải bắt anh một bát

họ. Tôi sẽ lấy cho anh một bát họ năm trăm. Mỗi tháng, anh xem đóng được bao nhiêu thì liệu nhời mà nói chuyện với người ta. Anh nghĩ cho chín đi. Việc tiền nong của người ta không phải là chuyện chơi... À, mà anh Cả ạ, anh có muốn bày vẽ làm theo kiểu gì đi nữa, anh cũng phải nghĩ đến một chỗ riêng trong nhà để đặt cái bàn thờ ông vải. Anh là con trưởng mà anh chẳng hiểu một tí gì cả. Giỗ tết chẳng bao giờ anh còn ngó tới. Cúng lễ cũng không. Nhà này có ai đi đạo đâu. Bố anh cũng chẳng biết bảo anh lấy một tiếng. Ông ấy chiều anh, để cho anh làm loạn trong nhà. Thôi, anh sốt ruột muốn lên phố thì cứ đi đi. Hình như tầu điện đã đến rồi đấy!

*

* *

Đến hôm nay là xong xuôi cả cái nhà Nguyễn. Hai hiệp thợ đã ăn cỗ hoàn thành nhà mới và lĩnh hết tiền công, Nguyễn bèn đưa mấy bác thợ nề cùng thợ mộc đi về nhà Gô Đa, ăn cao lâu, đi chơi tầu điện và tối hôm ấy lại dẫn cả bọn đi xem tuồng Quảng Lạc. Bọn thợ hể hả lắm. Nguyễn cũng vui sướng vì suốt tháng rưỡi ròng, thợ thuyền vừa làm vừa hát. Nguyễn chỉ sợ nhất là nhỡ xảy ra chuyện gì với bà mẹ mình lẩn thẩn, bọn họ sẽ kéo nhau lũ lỹ ra phòng Lao động thì phiền bực không biết đến thế nào mà nói cho hết.

Bọn thợ ra tầu Thanh sớm hôm sau về quê thì ngay chiều ấy, bà Tú cũng ra ga với tên lão bộc quản gia.

Chiều hôm ấy ra ga đưa mẹ về Thanh, Nguyễn cảm thấy mênh mông buồn. Cái nhà vừa làm xong; mẹ về; chàng bâng khuâng như một khán giả ngồi sững lịm trước một cảnh chót vở kịch đang hồi hộp mà đã hạ màn.

Hỡi ôi! Từ đây cuộc đời chàng sẽ mới, sẽ bước sang một giai đoạn khác. Chàng sẽ đem vợ con ra, rồi đếm củ dưa hành đo chai nước mắm, chàng sẽ sống như trăm nghìn người chung quanh. Chàng sẽ cố mà quên chàng đi. Chàng sẽ sống vì những người khác. Rồi thực hiện được hay không thực hiện được cái cá nhân của mình thì cũng chẳng là điều đáng quan tâm cho chàng như trước nữa. Nay là trật tự. Chàng sẽ ăn, ngủ, ở ngay cái nhà của chàng, chứ không ngủ ở những nhà mọi người khác như trước nữa. Chẳng bay nhẩy thì nằm ở

nhà. Và cựa quậy lắm thì chỉ tổ sầy sứt mình mẩy ra thôi. Chàng lại an ủi chàng.

*

* *

Cách đấy sáu tháng, một buổi chiều nhớ đến người bạn cũ lâu nay không có tin tức gì, Lựu và Hoàng, đi tầu điện về Cầu Mới tìm Nguyễn. Có một người đàn ông nhiều tuổi ra mở cửa.

– Ông bà hỏi thăm ai?

– Thưa cụ, chúng tôi hỏi thăm nhà ông Nguyễn.

– Phải, đây là nhà ông Nguyễn. Nhưng ông ấy không có đây. Chúng tôi cũng chỉ nghe thấy nói ông Nguyễn là con cụ Tú Thanh. Nhưng cũng chưa được gặp mặt bao giờ từ ngày thuê cái nhà này. Cứ cuối tháng thì chúng tôi lại gửi tiền nhà vào Thanh cho bà cụ. Ông bà vào chơi trong này xơi nước cái đã.

Thế rồi ông cụ thuê nhà kể chuyện thêm:

– Cái ông trưởng nam bà cụ Tú chủ nhà, tôi cũng không rõ là người như thế nào. Không có về đây đến một lần. Ông ta vẫn giữ lại một trái buồng bên kia chứa toàn sách và nhật trình cũ rồi khóa kín lại. Thằng cháu tôi nó tò mò, nhìn qua lỗ khóa dỉ, nói lại như thế. Thành ra bỏ phí mất một cái buồng xinh xắn quá.

1940

ĐÔI TRI KỶ GƯỢNG

Ở đuôi chuyến tầu tốc hành hôm ấy, có hai hành khách trung lưu – vốn quen nhau đã lâu – cùng đáp một con tầu mà lại ngồi mỗi người riêng một toa.

Tính từ cái toa bưu kiện, thì Mợi ngồi ở toa thứ sáu và Nguyễn ngồi ở toa thứ bảy.

Đi từ Hà Nội, vé Nguyễn và Mợi đều đến Thanh Hóa là hết đường.

Ở Thanh Hóa, Mợi có một cái đại gia đình.

Ở đấy, Nguyễn cũng có một cái đại gia đình.

Lúc sẩm tối cùng đi Thanh Hóa, họ đều có cái "ý kiến" trở về thăm lại nhà một chuyến. Và họ đã lấy làm bằng lòng lắm khi cảm thấy mình là hành khách của một con tầu tốc hành, mặc dầu họ chỉ là hành khách đi có một thôi đường, và chốc nữa – chỉ một chốc nữa thôi – cái tầu con chạy ròng rã những bốn năm mươi giờ, tít tắp mãi vào tận Cực Nam, đã thả họ một cách khinh bỉ xuống sân ga một cái tỉnh nhỏ xíu ở địa đầu xứ Trung Kỳ. Thế nhưng mà dẫu sao về Thanh Hóa bằng tầu tốc hành cũng vẫn cứ thích hơn là bằng những chuyến tầu thường khác chạy cứ rì rì, bò ra như rùa và bạ ga nào cũng đòi đỗ lấy được. Ai dại ngu gì mà lại trở về cái tỉnh xép quê hương mình bằng một chuyến tầu vét bao giờ. Nơi quê hương ấy đã tẻ ngắt sự đời, mỗi lần về là một sự cố gắng – và con tầu vét thì lâu và nặng và tối như đời một người không may.

*

* *

Đã đến bẩy tám năm nay, Nguyễn và Mợi không rủ rê nhau, mà đều bỏ Thanh Hóa đi Hà Nội cả. Lúc đi họ đều cho rằng muốn lập cả thân lẫn danh cho được, phải chăng, thì phải sống ở một thành phố nào có những ánh sáng chói hẳn lên. Chứ ở cái tỉnh ti ti này đèn đóm của trăm nhà đều lù mù lắm. Ở đấy mỗi khi đả động đến một tí chút gì có liên can đến cuộc sống, là mỗi người lại lắp lại câu "đèn

nhà ai rạng nhà ấy" mà họ cho là hay lắm, là đúng lắm. Ngọn đèn của mỗi nhà chẳng biết có đủ soi sáng được mỗi nhà không, chứ cả một cái thị trấn này, mỗi lúc mặt trời lặn sau ngọn tường gạch nếp thành xây từ đời Gia Long, tất cả bấy nhiêu ánh sáng của trăm nghìn nhà đem cộng lại với đèn mấy mươi dẫy đường cũng vẫn cứ lù mù thế nào ấy. Hơi lạnh của thứ ánh sáng leo lét ấy đã làm cho Nguyễn và Mợi có một hôm phải bỏ đi xa. Vào lạy cha lạy mẹ và vỗ về em để đi Hà Nội, Mợi tin rằng mình là người có tài lớn và chỉ có đất thủ đô mới dùng hết được cái tài của mình.

Cũng từ biệt vợ và hôn hít đàn trẻ để lên đường ra Bắc, lúc Nguyễn ló đầu vào cái cửa mắt của buồng phát vé ga Thanh Hóa, xin ông ký ga "cánh hẩu" kia một cái giấy hạng tư đi Hà Nội, Nguyễn cũng cầm chắc là mình hẳn cũng là một người có tài – chung quanh chàng ai chẳng bảo thế và lúc nói thế, họ không cười một chút nào, họ đều tỉnh táo lắm chứ có phải Nguyễn đã thết đãi họ ăn uống say sưa gì mà họ phải nịnh hót – và không ai đang tâm chôn cái tài ấy ở một nơi lèo tèo này làm gì, trừ phi với một lẽ bí hiểm hoặc một thành kiến riêng, người ta bằng lòng sống một cách oan uổng ở đấy. Mợi và Nguyễn đã tin tưởng như thế và tự bảo rằng: "Rồi đời sẽ xem. Đời sẽ xem chúng tớ húc đầu vào ánh sáng. Chúng tớ là những cục vàng mười. Chỉ có cái hòn than tây ở ngoài ấy mới thử được cục vàng mười này thôi. Rồi đời sẽ xem nhau".

Sẽ xem nhau! Tự phụ chưa.

Không định rủ nhau đi lập nghiệp mà tình cờ lại cùng đi một chuyến tầu sớm, cách đây bảy tám năm, một buổi sớm ấy, Mợi và Nguyễn theo cái âm thanh lủng củng rồi dần dần du dương của những vòng bánh sắt đầu tiên, đã lấy làm khoái trá vô cùng khi được vứt lại cả một cái tỉnh nhỏ ra đằng sau mông mình.

Tầu chạy qua ga Hàm Rồng. Mợi vênh mặt lên nhíu mắt lại, nhìn những gióng sắt chiếc cầu treo loang loáng lướt qua tầm mắt; Nguyễn thì nhổ tràn nước bọt xuống đường và lấy làm giận những mảnh ván cầu đã ngăn giữ mất thứ nước bọt khinh bỉ của mình không cho rớt tõm ngay xuống dòng một con sông làm bộ. Nếu không có những tấm ván gỗ lim đó thì "những cái xoáy nước dòng sông Mã kia, sẽ còn nhục nhã với ông"!

Xong rồi, Mợi và Nguyễn đứng khít vào nhau ở đầu toa, nắm nắm tay lại và cùng giơ lên. Cái cầu sắt sơn màu xam xám ấy lại

tưởng là "chúng nó" chào mình. Lầm! Ai người ta lưu luyến gì với mà chào và hỏi. Người ta giơ tay lên bởi vì người ta muốn xắn tay áo lên thử thách với mấy cái dịp cầu câm này. Thật vậy. Mợi và Nguyễn đã lấy cái cầu sắt vĩ đại kia làm tượng trưng cho những ngày cũ của mình ở đấy, và từ đây được tin tưởng rằng mình sắp được sống những ngày mới, họ muốn dùng cái cầu này đánh dấu lấy một quãng đường đời. Và lúc tầu đi qua cầu, họ.bèn giơ tay lên như phân bua với cái cầu sắt lạnh. Dáng điệu của Mợi và Nguyễn lúc ấy hung hăng sôi nổi.

Buổi đầu tiên rủ nhau đi làm người Hà Nội, nếu có một cái gì mà họ đáng nhớ lại để sau này kể lại cho đám hậu sinh, thì việc đó là Mợi bị mất cắp ở Bờ Hồ ngay chiều hôm đó và Nguyễn thì đánh tụt mất một chiếc giầy hạ cũng ngay ở buổi sáng nắng tươi ấy, lúc tầu gần vào cái ga ngổn ngang như một cánh rừng đốn gỗ và lộng lẫy như ngọc đá mấy mươi nếp lâu đài.

Thế rồi từ cái ngày bị mất cắp và tụt giầy, Mợi và Nguyễn lấy luôn thẻ của thành phố Hà Nội, mỗi lá thẻ dùng luôn trong năm năm trời và mỗi năm đóng một kỳ. Cái thẻ họ đang giữ trong người là cái thứ nhì và cũng nhuộm vàng – màu vàng hoàng đế – như cái thứ nhất. Thế nghĩa là từ khi xứ kinh kỳ đã quyến rũ Mợi và Nguyễn thì nơi sổ bộ thuế chính ngạch một cái tỉnh nhỏ yên ổn kia lại hụt đi mất hai xuất đinh.

Hai cái tên đinh bỏ Thanh Hóa còn lấy làm kiêu hãnh một cách rất tởm, mỗi khi đi đâu gặp nhà chức trách hỏi căn cước lai lịch họ được trưng ra cái thẻ giấy vàng của tòa Đốc Lý Hà Nội. Cái thẻ ấy, phô trương ra trước mắt một tốp cảnh sát ở bất cứ một tỉnh nhỏ nào, sao nó có thể dộ người tỉnh lẻ một cách nhặng sị đến thế nhỉ!

Mợi và Nguyễn, sống nổi với cuộc đời chỗ kinh đô, nhiều khi thực đã là gắng gỏi lắm. Vật thì đắt, và kể về người thì ma quỷ rất nhiều và hình như ai ai cũng muốn đè át cả chung quanh. Mỗi người đều có cái ý định phát huy cái cá tính của mình cho đến kỳ cùng. Kết quả cuộc phấn đấu về tinh thần là nhiều khi để lại bao sự thiệt thòi cho những người chung quanh, có khi là vô tội. Có những cái tia lửa lúc bùng cháy lên là đốt luôn cả những vật gần mình. Nhưng những tia lửa đó, đem góp lại đã kết nên một kinh thành ánh sáng và làm vẻ vang cho một nơi vốn gọi là kết tinh của trí thức. Hà Nội, người ta bảo rằng đấy mới là trung tâm của Văn Nghệ.

Mợi hăm hở sống, Nguyễn cũng hăm hở sống, sống lấy nhanh,

sống lấy nhiều. Mỗi người thiết tha về riêng phận mình nhiều quá, thành thử họ không còn có thời giờ nghĩ đến nhau, biết đến, nhớ đến người bạn vẫn sống bên cạnh mình.

Cuộc đời mới mẻ đã dạy cho Mợi, đã dạy cho Nguyễn phải nên có một luân lý mới. Có như thế thì mới được để yên lại ở một xó lòng mình cái lương tâm quá tọc mạch của mình, để rồi cứ nhìn thẳng về phía trước mà đi. Cái luân lý ấy là cái luân lý cá nhân dựng trên vị ngã. "Tôi hãy xây dựng cho tôi đã. Tôi hãy tạm cho tôi một chỗ đứng cho gọn để hít sao cho được nhiều khí giời và quơ lấy được nhiều ánh sáng. Tôi còn túi bụi lên vì tôi còn chưa xong nữa là nói chi đến lúc được thư nhàn trong lòng để nghĩ đến một người khác mặc dầu người ấy đã cùng tôi ngẫu nhiên đi một chuyến tầu với tôi ra đây, một sớm bỏ nhà đi ra ngoài lập lấy thân".

Mợi nghĩ thế và Nguyễn cũng nghĩ thế, từ ngày đem nhau ra ngoài ấy để thí nghiệm những sở năng của mình.

Từ buổi ấy đến giờ, đã có bao nhiêu là nước chảy dưới cầu.

Cầu Hàm Rồng Thanh Hóa là một cái cầu không có một chân nào cả. Nếu có ít ra là một cái chân bằng đá tảng xanh, thì cái thứ nước chảy quanh năm không biết mỏi và không cần biết từ đâu đến và sẽ đi tới đâu kia thì nước ở đoạn sông Mã sẽ đẹp và gợi lòng nhiều lắm. Những xoáy nước cứ xoắn chặt mãi lại rồi lại nới dãn dần ra như là cái cót đồng hồ chết, chốc thành đấy, chốc lại tan nhòe ra trên mặt sông đùn đùn khói hơi lạnh.

Vậy thì dưới gầm sắt một chiếc cầu treo xám ngoét từ ấy đến nay đã có bao nhiêu là nước chảy xuôi.

... Để đến mãi hôm nay, mới lại có hai người cùng trở về. Hai người ấy lúc đi đã tình cờ thành nên đôi bạn đồng hành. Hai người ấy hôm nay trở về có mũ đẹp, có áo đẹp – cũng lại nhờ sự tình cờ mà thành nên đôi bạn của một chuyến tầu đêm. Đi đôi với nhau trên đường đời, ra nhiều khi vẫn không có nghĩa gì cả. Chỉ là tình cờ. Tình cờ! Và ngẫu nhiên! Đến ga Thanh Hóa, con tầu tốc hành đang thơm phưng phức những hương vị của đăng trình đã đỗ lại. Toa thứ sáu thả xuống một người, Mợi. Cái toa thứ bảy cũng thả xuống một người Nguyễn. Hai người đâm sầm vào nhau. Ồ!

Mợi và Nguyễn xòe tay ra và vồ lấy bàn tay nhau lắc. Họ lại dang cả hai cánh tay ra, nắm lẫn lấy hai đầu vai nhau mà rung,

trông giống như cái sự tỏ tình tái kiến của những người Hoa Kỳ tráng kiện.

Cùng đi một chuyến tầu qua một thôi đường dài những một trăm bảy mươi nhăm cây số, gần bốn tiếng đồng hồ tầu tốc hành, sau bảy tám năm cách biệt, vậy mà không biết có nhau! Khỉ thật! Cho được đền bù sự vô ý đó Mợi và Nguyễn cười nói vang lên một hồi và hình như lấy thế làm hả dạ lắm.

Ông ký soát vé cửa, hơi lấy làm sốt ruột và tự hỏi đến bao giờ họ mới chịu buông nhau ra để trả vé cho ông và cho nó xong công việc của ông đi. Người ta còn về ăn cơm chứ! "Cái chỗ này, cái nhà ga, tuy sự cần dùng về việc đài tải người đã bắt nó thành những nơi đoản trường đình của một thời đại kim khí, nhưng đâu có phải là chỗ để cho tất cả mọi người bày tỏ tình cảm mình một cách quá dềnh dàng như vậy".

Thật thế, tất cả hành khách xuống Thanh Hóa đều đã lách mình qua cửa ra cả rồi và đoàn tầu dài đã xịt khói hơi nước, lại đi nữa rồi mà Mợi và Nguyễn vẫn đứng ỳ ra đấy để hỏi mãi nhau về cái mưa cái nắng của riêng đời mỗi người từ ấy đến nay. Hai va ly mòn và mấy cái bồ con mới mẻ chửa phình lên những quà cáp để bên cạnh chân Mợi và Nguyễn vẫn giam buộc mấy người phu bất tê đứng loanh quanh đấy.

Chừng như chẳng biết nói gì nữa ở một cái sân ga đã thưa thớt người, Mợi yêu cầu Nguyễn lấy ngón tay banh mi mắt mình ra và thổi hộ cái bụi than tầu lọt vào từ Đồng Giao. Mợi nháy mắt lia lịa và cánh tay mân mê nắn hộ Nguyễn cái cổ áo sơ mi bị bẻ quặp lại đâu cũng từ ga Đồng Giao gì ấy, theo lời Nguyễn kể... Lúc ấy hình như chàng ngủ ngồi, đầu kê vào vai một người đàn bà xứ Huế. Cái người đàn bà ấy sở dĩ có sự thân mật với Nguyễn là vì cũng có tính cầu lợi; bởi vì đến Thanh Hóa – chỉ đến Thanh Hóa thôi – người đàn bà ấy sẽ được chiếm chỗ ngồi của Nguyễn. Rồi thì tha hồ mà rộng. Lúc mới lên tầu, toa chật ních người, nghe thấy thiếu phụ ấy nói tiếng chọ chẹ, Nguyễn đã láu cá tuyên bố to lên là "Thưa cô chúng tôi chỉ đi tới Thanh Hóa" nghĩa là "Thưa cô, chúng tôi chỉ làm bạn – bạn đi đường – với cô được có một quãng thôi. Và rồi, chỉ trong vài giờ, cô sẽ ngồi luôn cả sang cái chỗ trống của tôi. Tha hồ mà rộng, cô ạ". Thiếu phụ né mình, khép lại nửa tà áo tím và đến Đồng Giao thì chàng và người đàn bà Huế đã gối lẫn vào nhau mà ngủ, theo một

chiều dọc. Đến bây giờ Nguyễn vẫn còn thấy phảng phất trong lỗ mũi cái dư hương mùi dầu dừa đặc biệt của người xứ Huế.

Chừng như tỉnh một cái mộng xinh và nhỏ, Nguyễn hất hàm hỏi Mợi:

– Thôi, đi ra chứ?

– Ừ. Nhưng mà bao giờ lại ra?

– À, ra Hà Nội ấy à! Chưa biết được. Vui thì ở một tuần, nửa tháng cũng chưa biết chừng. Thế còn Mợi?

– Cũng chưa định. Nhưng mà mai kia, chúng mình còn phải gặp nhau trước khi đi Hà Nội. Thế nào chúng mình chẳng đến nhà nhau.

Nguyễn mới vụt nhớ là cùng ở một tỉnh, tuy hai nhà có biết nhau– ở một cái tỉnh nhỏ dân số lèo tèo, kể vào mặt tạm gọi được là gia thế, thì nhà nào mà lại không biết nhà nào – mà thực ra, Mợi và chàng chưa hề để chân tới nhà nhau bao giờ cả.

Chàng nhường cho Mợi cái xe tay đầu tiên chạy xộc vào cửa ga và gật gù nhắc lại:

– Phải đấy, chúng ta phải tới nhà nhau.

Đến cái ngã ba kia, có hai cái xe tay chia đường và có hai người giơ tay lên đính lại một câu ước.

Chuông thành tỉnh, nện một tiếng bôông, ghi lấy một bán điểm của tỉnh nhỏ, bóng đèn lù mù và bóng người lù rù.

Ôi, hai người không thân nhau mà lại có cái nhã ý mời người bạn quen sơ sơ ấy lại chơi nhà mình thì cái sự tiếp đãi nó sẽ như thế nào? À, nó sẽ không khỏi như là bỡ ngỡ, như là ngượng nghịu. Chứ nó không thể như là cái gì khác thế được. Họ nghĩ lẩn vẩn trên cái xe chạy.

Ngay ngày hôm sau. Mợi lại thăm Nguyễn.

Nguyễn cho vợ con ra chào.

"– Bác Mợi cũng vừa ở Hà Nội về chuyến tầu tối với tôi, mình ạ. Bác là trưởng nam cụ Phán... a, cụ Phán ở phường đệ lục ấy mà".

Tuy không biết người bạn chồng mình là thuộc về gia tộc nào – vì chồng kiêng không gọi tên cụ Phán sinh ra "bác" Mợi – vợ Nguyễn cũng à một tiếng và cười như là mình đã nhớ ra một điều gì lý thú và quan trọng lắm.

Ngay chiều hôm ấy, Nguyễn đáp lễ Mợi tại đại gia đình nhà Mợi. Lại cũng giới thiệu:

"– Thưa thầy me, đây là bác Nguyễn, con cụ Ký Tú. Bác cũng làm ăn ở Hà Nội và về tầu cùng với con một chuyến vừa rồi".

Cụ Phán ông gật đầu, với một tiếng "à" vì cụ nhớ lại rằng ông cụ Ký Tú ấy cũng là chỗ bạn đồng liêu cụ, cùng ở một tỉnh, cùng thờ một cái chính phủ Bảo hộ như mình. Và bây giờ cũng đã về hưu. Giờ con cụ Ký Tú lại là bạn của con mình! Tre già măng mọc, vui thay lẽ giời! Cụ bảo Mợi rót nước và cụ mời Nguyễn ngồi ngay vào cái ghế đẩu sát chỗ cụ đang bắt chân chữ ngũ.

Cụ Phán bà nhổ bãi cốt trầu xong, liền cất tiếng giọng rất hiền từ: "Quý hóa quá. Anh em cùng tỉnh đi xa, lúc về lại biết rủ nhau cùng về một lần".

Nguyễn thấy bà cụ sinh ra Mợi có vẻ một người mẹ hiền và nghe một câu hồn hậu như thế chàng trọng sự thực, chàng không muốn cụ Phán bà bị lừa – lừa người già yếu là một điều hèn lớn, chàng muốn đứng dậy cải chính ngay rằng Mợi và chàng, chỉ ngẫu nhiên mà cùng về chung một chuyến tầu đấy thôi, chứ không hẹn hò gì như cụ đã tưởng lầm. Chàng lại còn muốn nói rõ thêm rằng, chính ngay ở giữa "đất Hà Nội", Mợi và chàng cũng chưa từng có biết tới nhau là ai nữa. Và hôm nay được cùng "anh Mợi nhà" gọi nhau là anh em, thì cũng là một sự rất mới mẻ quá cho chàng vậy.

Chàng định nói to lên những câu như thế, nhưng rốt cuộc chàng chẳng nói gì cả.

Chàng chỉ ngồi hầu chuyện trong bầu không khí im lặng có thể làm chết được cả người nói chuyện lẫn người hầu chuyện.

Thỉnh thoảng, chàng ngó ngoáy cái cổ, đưa cái đầu xoay theo cái trục cổ qua phía trái qua phía phải. Và dán cặp mắt khổ sở vào những đôi liễn giấy và cái bức trướng hàng tơ thêu chỉ kim tuyến, có những chữ Hán rất tốt, rất khỏe, rất bay bướm, nói đến cái việc cụ Phán thân sinh ra Mợi được từ đây về hưu trí và từ đây làm bạn với vườn hoa cây cảnh – vườn nhà cụ Phán, ngoài kia cửa sổ, có đám cây ớt mọi và mấy bụi tử tô.

Nguyễn bèn đứng dậy xin phép về. Chỉ có ra về mới kết liễu cho được buổi hầu chuyện nặng nề này. Mợi, chừng như chỉ chờ đợi có thế, vội tươi hẳn mặt lên, đon đả đưa Nguyễn ra cửa và nói riêng: "Chúng ta nên đi lại với nhau luôn luôn".

Khách đi rồi, cụ Phán bà bảo con: "Này Mợi ạ, mẹ cứ thấy người ta đồn ầm lên rằng bác cả con cụ Ký Tú đằng ấy là người chơi bời ngỗ ngược lắm. Lần này mẹ mới được gặp, thì xem người cũng thùy mị và ngoan lắm. Ấy, những người như thế, nên đánh bạn lấy mà chơi. Chứ mẹ xem ra, ở chỗ tỉnh thành lớn, bây giờ người thì ít mà cái giống tai quái thì lại rất nhiều lắm đấy con ạ.".

Sau cái buổi đầu để chân tới nhà nhau, Mợi và Nguyễn vẫn còn đi lại thăm nhau đôi ba bữa một lần.

Rồi có một hôm, ông bà thân sinh ra Mợi đã giữ riết Nguyễn lại, bắt chàng phải ăn cơm ở đấy và rào đón trước một câu từ chối, những bậc đứng tuổi ấy đã bảo Nguyễn rằng ở vào buổi đời mới này, người ta nên tự nhiên, không nên giữ lối khách sáo như ở thời cổ nữa.

"Với lại đằng này và trên cụ nhà ta, cũng như một nhà", cụ Phán bà cười và nói thế.

Nguyễn hơi ngạc nhiên. Chàng không thể hiểu được nghĩa một câu nói thân mật quá như thế. Sao lại là như một nhà được? Đâu có dễ thế? Mãi đến lúc cụ Phán ông nói thêm vào thì Nguyễn mới hơi vỡ lẽ.

– Bác Nguyễn... bác Cả này...

Nguyễn hơi mỉm cười: bây giờ người ta đã kiêng tên tục chàng và lại lấy cái vị thứ của chàng ở gia đình chàng ra mà hô. Chàng liên tưởng đến một thói tục ở chỗ thôn ổ hay lấy tên con mà điền thay vào tên tục người cha, kèm vào sau một cái chức Nhiêu. Nhiêu Nguyễn! Cả Nguyễn! Những cái thí dụ ghép tên ở trong trí Nguyễn làm chàng có những cảm tưởng vui nhẹ.

– "... Bác Cả không biết chứ cụ đằng nhà và tôi khi còn làm việc bên Tòa với nhau, thường hay ngồi gần nhau lắm; những khi có tiệc yến trong dinh ba quan lớn tỉnh và lúc về chơi các vùng phủ huyện những ngày lễ hoặc chủ nhật cũng thế. Cụ nhà, không uống được rượu như tôi nhưng được cái vui chuyện lắm. Cụ biết rất nhiều chuyện cổ tích về lúc quan Tây mới sang."

Mỗi lúc thấy cụ Phán ông hơi ngừng, Nguyễn dạ một tiếng chen vào câu chuyện.

– ... Như tôi và cụ nhà đã đi lại với nhau, rồi bây giờ Mợi ở nhà này và bác cũng lại kết thân với nhau, cái lối giao tình từ đời nọ

được kế tiếp theo đời kia người Tầu ngày xưa gọi như thế là thế nghị. Nếu các con bác và nếu các cháu tôi – ấy bác cũng nên khuyên em Mợi nó lấy vợ đi thôi – mà lại cũng ưa nhau và giao du lẫn với nhau nữa thì các nhà gia thế lại gọi như vậy là tái thế điệt. Thế nghị là đáng quý lắm. Bây giờ thì thói tục đó có mấy nơi giữ được, trừ phi ở mấy nhà gia thế còn phưởng phất cái mùi Nho học thôi.

Nguyễn lại dạ.

Nguyễn và Mợi có một phút nhìn trộm nhau. Ra họ chẳng hề nói với nhau một câu nào. Họ chỉ câm như hến, ngồi ngắm nhau để trong lúc ấy, thì các bậc cha mẹ nói rất nhiều cho họ nghe. Họ thấy như thế là hỏng. Định chơi với nhau mà lại cứ giao thiệp quanh quẩn trong hoàn cảnh đại gia đình thì thực là thất sách quá.

Tan bữa ăn, lúc Nguyễn xin về, cụ Phán bà còn nèo Nguyễn lại hỏi thêm một câu chuyện mà Nguyễn không biết đằng nào để trả lời.

– Như cụ nhà ta giờ về hưu, mỗi kỳ lương hưu trí chắc cũng nhiều lắm? Mỗi kỳ lĩnh bổng thế nào chả hơn trăm rưởi bạc? Chắc cũng như ông Phán nó nhà tôi đấy chứ gì?

Ra đến ngoài đường, Nguyễn thấy khoan khoái lắm. Chàng thấy mình trở nên tự nhiên. Chung quanh chàng chỉ có không khí bao la. Trên đầu chàng thì trăng sao vằng vặc. Mặt đất, bóng trăng tỏ tợ ban ngày. Ánh sáng trăng tỏ át cả ánh sáng đèn điện thành phố. Những chiếc bóng đèn điện mười lăm nến vàng ệnh thật là bất cố liêm sỉ. Định đọ sức sáng của mình lúc đó với một nguồn ánh sáng lạnh và xanh và loãng của mặt trăng cũng không sao đọ nổi; thì cháy tỏ lên làm gì để càng bêu diếu đến cái văn minh nơi tỉnh nhỏ này hở? Giá những buổi tối trời như thế này, sở lục lộ nên truyền lệnh cho sở máy đèn cứ tắt phụt cả thứ đèn ốm yếu này đi mà lại hóa hay kia đấy. Sự giao thông của một thành phố chỉ huyên náo bằng cái huyên náo một cảnh phố phủ lúc thu không thôi thì giao thông ấy, lúc tối cũng chẳng cần gì có đèn điện hướng dẫn, đã có bóng trăng thanh lững đững ở trên đầu.

Không những thế, ngân quỹ thành phố lại đỡ được tiền chi phí về đèn trong ít ngày và ngắm phố phường người ta lại còn thấy ngoạn mục hơn.

Một đám xẩm soan vít cần một cây đàn bầu cục mịch, ngồi ngay ở chân cột đèn, hát chõ lên cái bóng đèn điện mười lăm nến: "Ngửa

trông lên anh đếch thấy có ra gì... Bục... bùng bung... a rằng... anh chỉ thấy tối sì cái bóng... a... đen..."

Lồng lộng trên chín từng mây, cái bóng dáng tròn rót một tia sáng lạnh xuống một đôi mắt thao láo những lòng trắng cùi vải. Bóng trăng còn soi xuống những cái cổ chân và những cái đùi trắng hếu của một đám thiếu phụ trung lưu ở cái xóm bình dân này ngồi dãi thẻ ra đây lấy đèn nhà nước làm đèn nhà mình, chưa được nghe một khổ xẩm thì nào đã chịu đi ngủ cho đâu.

Bất giác Nguyễn nhớ đến cái cảnh yên nhàn một cách tẻ ngắt ở vùng quê, ở những cái làng mạc gần đường cái quan, vào cữ mùa màng xong rồi, gặp tuần trăng sớm, tối đến, người ta kéo nhau ra tụ họp ngay trên đường cái chính xứ. Có người thì ngồi xệp xuống, quần tam tứ ngũ chán rồi thì lại thui thủi trở về cái mái nhà tranh của mình ở những khoảnh vườn tản mát bên rìa đường, lấy những bóng đen cây cau chót vót làm đích dẫn lối cho bước chân lúc đêm khuya thanh vắng. Có người thì cảm thấy về nhà cũng không hơn gì là nằm ở quãng đường này; gió thì mát, giăng thì trong, họ bèn ngả lưng luôn xuống lớp nhựa đường nhẵn thín rồi thiu thiu ngủ và ngủ luôn một giấc thiên cổ. Vì sau lúc ấy thế nào cũng có một cái xe hơi 6 mã lực, 24 mã lực của một vị "ân nhân" nào đi qua, nghiến chết họ một cách mau lẹ để giải quyết hộ cho họ một vấn đề sống khó khăn và đầy tủi thẩm.

Nguyễn cảm thấy cái tẻ ngát mênh mông của đêm Thanh Hóa. Mợi đưa tiễn chàng ra tới đây, đã xa nhà đến hai ba trăm thước rồi mà cũng chưa chịu lui gót. Hai người lặng thinh đi cạnh nhau như một đôi trai gái lúc đã bén tình, chỉ nghẹn ngào mà nuốt nước dãi, sau một lời thề thốt nặng. Đáng lẽ Nguyễn mời Mợi nên trở gót về đi thì phải. Đưa nhau, tiễn khách ra về không nên tiễn xa quá. Sự lịch thiệp của con người ta cũng nên có chừng hạn thôi, không thì lại đâm ra giả dối ngay, đã nhiều người nhận thấy cái chân lý ấy. Thứ nhất là khi cái tình của hai người chưa lấy gì làm thân, chưa có một kỷ niệm chung đích đáng nào bảo đảm hộ cho.

– Hay là nhân thể chúng ta đi đây, ta đi thẳng luôn lại hiệu cơm tây bán món một kia mà "làm" mỗi người một chén cà phê. Cho nó tiêu cơm. Tôi mời anh.

Lòng Nguyễn muốn như hơi mỉm cười. À, Mợi lại mời mình đi uống cà phê và y lại gọi mình là anh. Lần đầu tiên hai người uống cà

phê với nhau trong quán và lần đầu tiên người nọ gọi người kia là anh..Trước tới giờ, họ chỉ nói trống không, những khi phải xưng và hô. Thế nghĩa là từ bây giờ hai người đã được chính thức gọi nhau là anh, bởi vì Mợi đã bắt đầu gọi Nguyễn như thế. May quá! Và hay quá! Trước tới giờ Nguyễn mỗi lần gặp Mợi, chàng lúng túng mãi về cái điều xưng hô. Thưa ngài ư? Thưa ông, thưa bác? Khó quá! Ngửi hương cà phê chàng mở miệng:

– Anh Mợi uống ba hay là hai thỏi đường?

Mợi chộp lấy phần đường của mình để trong lòng đĩa bỏ ba cục vào chén và hỏi lại Nguyễn:

– Anh cũng ba hay hai?

– Tôi cứ dùng vào cữ hai thỏi rưỡi là vừa.

Mợi cau mày "Hai thỏi, hoặc ba thỏi chỉ có thế thôi chứ sao lại còn rưỡi vào đấy nữa. Cái thằng cha Nguyễn tính cầu kỳ quá. Thực ở Hà Nội, cứ thấy nhiều người bảo hắn là thằng lập dị, quả không sai".

Mợi dằn lòng mà nhìn Nguyễn bẻ nốt một thỏi đường, thả một nửa vào chén nước đen bốc khói. Mợi dằn lòng như chịu lấy một nghiệp dĩ.

Chàng muốn tỏ lời công kích. Đáng lẽ phải công kích cái sự cầu kỳ đó. Nhưng nghĩ lại, Mợi nhận thấy dù sao mình với Nguyễn cũng mới ở vào cái buổi sơ đầu của giao du và tất cả những người bạn ở trên thế giới này chỉ có quyền bắt bẻ nhau khi nào giữa họ đã có sẵn một trình độ thân mật mà thôi. Còn ra thì ai muốn làm thế nào, nghĩ thế nào cũng mặc, mình không có quyền dự đến. Cứ đòi dự vào đời riêng của người khác với nết xấu với tật lớn và nhỏ của người ta khi mà mình không có một chút quyền tinh thần, quyền tình cảm nào cả, như thế tức là sự tọc mạch xấu đó. Mợi vừa quấy cà phê vừa tự nhủ.

Tối hôm ấy, Mợi về nhà, suy một chén cà phê hai thỏi đường rưỡi chàng đã để ý đến cái trường hợp của "me sừ" Nguyễn. Nguyễn đã trở nên một trường hợp. Tối một hôm khác. Vẫn trong cái quán ăn ấy. Hai người lại uống cà phê.

Lần này Nguyễn đãi Mợi. Nguyễn đòi đãi cho được. Mợi hôm ấy rức đầu, muốn thoái thác. Nhưng chàng đã nhận lời mời cốt để cho bạn mình gỡ xong một cái nợ miệng cỏn con và cốt để cho Nguyễn cảm thấy rằng Nguyễn là người xử thế đúng phép xã giao, trong

trường ăn uống, phải nợ ai một tý thì canh cánh mãi bên lòng cho đến một ngày được đền trả lại.

Hai người kể đã là người lôi thôi và cẩn thận quá. Hai con người cẩn thận và lôi thôi ấy hôm nay lại uống cà phê, thì một người vẫn bỏ ba cục đường và một người nữa lại cũng vẫn bỏ hai cục rưỡi.

Cái tiệm cà phê ấy, thế mà cũng đông khách. Đủ các thứ người các giới của một tỉnh lẻ lúc đi tiêu tiền.

Ấy là mấy ông Tri châu ở đường ngược có việc phải về tỉnh. Ông thì khoe một cái bè gỗ cho trôi từ trên ngàn về đây. Ông thì xuống trình một cây quế chính Sơn vừa tìm thấy ở hạt mình.

Mợi và Nguyễn lại quay sang cái bàn bên kia, bên kia và xa xa nữa.

Ấy là đám người trẻ tuổi tóc mượt, áo sơ mi màu cào cào đang ca tụng một thứ hàng tuýt – so ngoại quốc.

Ấy là vài ba viên chức công sở đang hỏi nhau ăn xong có nên vô trong thành đánh tổ tôm nữa hay là về nhà đi ngủ cho khỏe để ngày mai đi làm cho tốt.

Ấy là một đôi thiếu niên đang nói xấu bố mẹ, chê vợ là không có nhan sắc và cảm thấy cuộc đời là đáng buồn lắm, họ bèn ghếch những chiếc giầy véc – ni không có tất lên thành bàn ăn, ca tiếp rỉ rả một bài Vọng Cổ Hoài Lang, lấy dao ăn gõ nhịp vào thành cốc vại. "Coong dzan đánh kêu sương... biếng Bấc".

Ấy là hai người ả đào tỉnh Thanh; đang nèo hai người du đãng kia cho mình đi theo vào Nghệ với "– Mai anh đi Vinh, các anh cho em vào mấy. – Không, các anh đi Hà Nội kia mà. – Thế thì các anh ăn xong về nhà em hát, rồi sớm mai các em cũng đi Hà Nội mấy – Đánh cho thực to rồi lấy tiền hồ ra mà chi hát anh ạ. – Thế nào em cũng ké cửa anh...".

Mợi và Nguyễn để ý nhất đến cái bọn láu táu kia đang bàn tán về việc sở xe lửa sắp cho ô tô ray đi qua Thanh Hóa, có đỗ ở đây và lại nhận cả hành khách nữa.

"– Thú quá nhỉ! – Thế nhưng mà bao giờ? A thứ hai và... – Ngày mai thứ hai đấy. – Phải rồi chuyến ô tô ray qua Thanh Hóa lần đầu tiên. – Tôi chưa thấy ô tô ray đấy, thế có quê không? – Thì tôi không đi nhưng thế nào cũng phải đi xem cho kỳ được. Mấy giờ nhỉ? Chín giờ sớm! Được rồi..."

*

* *

Sân ga Thanh Hóa, sớm hôm sau. Nguyễn đã đứng ở đấy để xem tầu cùng với những người khác nhan nhản đứng ở kia, mặt người nào cũng hí hửng một cách lố bịch như cái mặt của một đám người lùn chơi hội tây.

Đêm hôm qua nghe người ta kháo chuyện ô tô rày trong tiệm ăn, Nguyễn về nhà trằn trọc nghĩ ngợi đến cái ngày mình lên đường. Lại đi, phải đi, chứ ở thế nào mãi đây được. Cả đêm chàng nằm mơ thấy những chuyến tầu tốc hành vù vù lướt trong màn tối của những đêm phiêu linh ma quái nào.

Tỉnh mộng, chàng sắm sửa thật diêm dúa, đi tản bộ lên ga để xem một cái gì mà chàng tin chắc rằng sẽ gợi cảm vô cùng. Kìa, Mợi cũng đang đứng kia. Không hẹn mà nên! Giữa một tốp người ngốc nghếch đang hếnh mãi mắt lên đầu ghi phía bắc, tuy còn lâu mới đến giờ ô tô ray tới. Đứng giữa họ, Mợi và Nguyễn đều cho nở vài cái cười tinh quái thay một lời chào nhau. Người ta đi xem ô tô ray cứ như là xem rước. Lúc tầu từ từ vào ghi có những người lùn kiễng mãi chân lên, tuy đứng tự nhiên thế, họ cũng thừa trông thấy tầu đến. Nó to, nó cao như thế kia mà. Có người đem cả con đi. Nâng trẻ lên. Đứa trẻ sợ hãi quá dúm cả hai chân hai tay lại như một con mãn sấp bị quăng xuống đất. Thế rồi ồn ồn ào ào, cái tầu nhìn những người đứng đấy, mà từ từ đi tới và những người đứng đấy thì hơi tỏ vẻ thất vọng. Cái tầu đứng dừng lại. Ồ, nếu vậy thì ra nó cũng chỉ là một cái tầu. Một toa đầu có máy và một toa thường móc theo, hai toa đều sơn trắng. Tầu không có ống khói và lại không chạy bằng hơi than đá. Lại chạy bằng nước xăng kia. Thế có bực không. Và nghe đâu nó đã chạy thì nhanh lắm, phăng phăng như gió.

Chiếc ô tô ray thấy người ta dị nghị mãi về mình một cách ngu quá, không thể chịu được nữa, bèn nổi hiệu còi đi thẳng về phía xuôi trông chừng xứ Nghệ mà tiến phát.

"Bi bùm! Bom!" Hiệu còi nghe lạ tai. Bao nhiêu người cười rộ và lại còn cứ đòi buồn cười thêm. Còi kiếc gì mà nghe như bò rống. Không mất công đi xem mà nghe lấy bằng chính cái lỗ tai của mình, "thì thực cũng không biết thế nào mà nói kia đấy các ông các bà ạ".

Người ta ở ga kéo nhau về như là cảnh tan rạp tuồng. Giầy lê giép lết, và guốc Sài Gòn lóc cóc gõ xuống mặt nhựa đường. Nghe đến là mất dạy.

Có những người chậm chân quá, lên gần tới ga thì tầu đã đi mất rồi phải bỏ quay về với cái chặc lưỡi ăn năn như mình đã bỏ lỡ mất một cơ hội để làm người.

Mợi và Nguyễn nhẩn nha đi theo đám người bình dị này, nhận chân thấy cuộc đời ở đây nhẹ nhõm và nhạt nhạt một ngày qua cũng tợ như một ngày sắp đến, và một ngày qua thì cũng là cái hình ảnh một ngày của mãi mãi. Bất giác Nguyễn làm một việc so sánh và tự hỏi nên sống ở đây cho nó nhàn cái thân hay là cứ nên sống ở cái thành phố lớn kia, lúc nào cũng phải lấy ngay cái thân mình ra mà thí nghiệm một cách đau đớn và mệt nhọc. Ở đây người thì lành của thì rẻ, gần rừng gần bể tôm cá nhiều, gỗ nhiều, quế nhiều; có sẵn tài hoa thì không phải thực nghiệm hoặc chứng tỏ và người thiếu tài thiếu cả học thì vẫn có quyền sống một cách đầy đủ và tự túc nữa. Ở đây không ai phải làm mích lòng ai, bởi vì ai ai cũng đều giống nhau, ở đây mưa và gió đều có chừng hạn; sự tiêu pha cả về tiền và tấm lòng đều có chừng mực; hồ mấy ai đã nghĩ đến cái say sưa của một đời sống nguy hiểm, ấm lạnh vô thường.

Ấn ngữ trước mắt Nguyễn và Mợi, đôi vợ chồng kia vừa dềnh dàng ra đường, vừa nói chuyện.

– Thế này thì ví dụ mình và tôi hôm nào vào thăm ông ngoại ở trong Vinh kể cũng tiện lắm đấy nhỉ?

– Chín giờ ô tô ray mới chạy, chúng mình ăn cơm sớm vào đến Vinh đúng mười hai giờ; không phải ăn uống gì nữa. Ở chơi với ông đến hai giờ chiều lại ra tầu, bốn giờ rưỡi đã về tới đây. Lại vừa đúng bữa ăn cơm chiều. Mà cứ kể thì cũng chả cần phải nhờ đến cụ Tư ở bên cạnh sang trông hàng hộ. Bảo chú Chín chú ấy ở nhà, không ra sở Đạc Điền một buổi thì đã làm sao.

Cả một ngày rằm tháng tư năm 1940, chuyến ô tô ray thứ nhất chạy qua Thanh Hóa đã làm một câu chuyện thời sự nằm sẵn ở đầu lưỡi mọi người ra vẻ thành thạo ở đây.

Đoàn ô tô ray đã đi qua.

Người ta nhắc đến nó ở ngã ba đường cái, ở xóm Nhà Giông, ở

hiệu cao lâu chú Lít, ở sở Ba Bò, ở vườn ông Me Sừ, ở Ty Phiên Ty Niết, ở xóm Cầu Chanh, Quán Giò, Cửa Hậu và vân vân.

Đối với cái tỉnh hiền lành và xinh xắn này, cái ngày có một cái tầu mới mới chạy qua tỉnh, quả đã là một niên hiệu có cái giá trị của một niên hiệu lịch sử. Nó cũng làm cho người ta nhốn nháo lên như một ngày hai mươi ba tháng năm Ất Dậu của Huế thất thủ.

Mợi và Nguyễn một tối gần đấy túng chuyện nói cho nhau nghe, Mợi Nguyễn lại cùng nhau gợi đến một vài ngày khác của dĩ vãng tỉnh này, nó om xòm quá như thế này; nghĩa là hàng phở đầy đường, đám tôm cua cò cá che kín mặt hè và người ta mỗi khi ra đường là y như lại cứ va phải một bác bếp khố xanh say rượu và nói bẩn.

– Anh Nguyễn có còn nhớ cái lần mà có quan Thượng Reynaud ghé tỉnh mình và đi xem cái đập Bái Thượng không?

– Hứ, đâu đã ghê bằng cái chuyện đức Tiên Đế ngự giá bắc tuần có ghé ở đây. Năm Mậu Ngọ, phải rồi.

– Tức là 1918. Thế nhưng mà cũng chưa tợn bằng cái chuyện ông *Dốp* ở Tây qua Đông Dương, nhất định đến đây thăm cái cảnh cũ, bắt bày lại trận Ba Đình và gọi ông Đội Vinh ra mà ban cho mề đay Bắc Đẩu ấy mà. Hồi xưa lúc nhà nước Tây chưa đặt xong cuộc bình định ở đây, ngài Joffre mới chỉ là ông quan ba của toán quân giao chiến với các cụ Văn Thân và lúc bị thương thì ông cụ Vinh cõng ngài chạy. Hình như cái ông cụ Vinh gác nghĩa địa Tây mất rồi thì phải.

Mợi và Nguyễn cũng đều cảm thấy cái vô vị của những mẩu chuyện đại loại như thế. Nhưng hai người thỉnh thoảng vẫn cứ phải dùng đến để lừa đôi phút hiện tại. Chẳng nhẽ gặp nhau mà không nói chuyện gì thì nó cũng trơ trẽn quá. Mà nói lên thì hai người lại càng cảm thấy cái đểnh đoảng của phút tuy sống chung mà tâm trạng mỗi người thì đều ở riêng một thế giới tư tưởng của mình. Cái thái độ ấy thực không xứng đáng chút nào với cái nhân phẩm của hai người này về mặt tài đức. Đáng lẽ họ phải chuyện trò với nhau một cách khác kia. Mợi vẫn có tiếng là một người học rộng, ở Hà Nội chàng đã nổi danh là một cuốn bách khoa tự điển sống. Cái học của Mợi không những đã có bề sâu mà lại còn đáng kể ở bề rộng nữa. Ở một vài cái tiểu đoàn trí thức nơi kinh sư, Mợi đã từng lưu được cái tên mặc dầu cái tuổi của chàng chưa là mấy. Người Mợi trẻ nhưng não Mợi đã chín lắm.

Kém Mợi về mặt học, Nguyễn lại hơn bạn được một chữ tài. Nguyễn là người sinh ra để mà thờ Nghệ Thuật. Nghệ Thuật với hai

chữ hoa. Người ấy quý Nghệ Thuật hơn cả cái thân mình. Bảy tám năm nay ở Hà Nội, Nguyễn mưu sinh bằng Nghệ Thuật và sống cho Nghệ Thuật. Việc ấy tuy không có giấy tờ nào của nhà đương chức thông báo đi trong toàn hạt nhưng đa số chung quanh đều biết cả và công nhận cho việc ấy là một chuyện có như thế.

Để được gửi cái sở năng mình vào một công cuộc gì, trong mấy năm trời ở chỗ kinh đô ánh sáng, Mợi đã cho trưng cái tên mình vào một vài tập nguyệt san. Mợi đang theo đuổi việc phát huy tinh thần nước bằng những tìm tòi tỉ mỉ và suy luận hằng ngày. Công việc trước thư lập ngôn có một chương trình vững chắc ấy đâu cũng đã có bóng mây hơi nước đến cả đến những chỗ thanh khí nhiệt huyết hẻo lánh. Và từ đấy, những cảm tình độc giả ở chỗ xa xôi đều lấy làm trọng cái tên ký *Mã Giang Khách* – một biệt hiệu của Mợi. Người Khách Sông Mã quả đã là một người trẻ tuổi có cái học sáng suốt đủ làm quảng cáo tốt cho tỉnh Thanh Hóa quê hương.

Trong khi ấy thì cũng ở Hà Nội, Nguyễn đã làm những cái gì để cho mỗi một ngày đi qua không đến nỗi là một sự hoang phí, một cớ hận tiếc?

... Chàng sống! Chàng chỉ sống. Chàng đã dám sống. Nghĩa là chàng muốn chứng tỏ ra mình đã được là mình. Nguyễn đã lấy cuộc đời làm một chỗ thí nghiệm. Thí nghiệm bằng cả một kho tình cảm phong phú của mình, thí nghiệm bằng cả một quãng hoa niên tươi thắm của mình.

Những cuộc thí nghiệm thành thực và can đảm thường để lại vô khối là sứt sẹo trên thân hình một cái trí tuệ muốn ngược lại dòng chúng nhân, muốn vượt ra ngoài những khuôn sáo hèn nhát.

Tuổi hoa niên đã đi qua.

Thành kính và tin tưởng cũng đã đi qua.

Bây giờ lòng Nguyễn mệt mỏi. Ở trong một người mệt mỏi ấy, tín thành đã nhường chỗ cho khô cạn và ngờ vực.

Cuộc thí nghiệm nào cũng trị giá rất đắt.

Và có một lúc, người ta không thể trì hoãn được món nợ đã tới kỳ phải thanh khoản.

Nguyễn đã trở nên hoài nghi và cay cú với nỗi sống. Từ một người trẻ tuổi bình dị, Nguyễn đã thành một kẻ có một tâm hồn phiền phức đến điều. Chốc buồn đấy, chốc vui đấy, ngủ lúc đứng, ăn

lúc nằm, đi tản bộ trong cơn mưa rào: khi không, tại một tiệc thọ vui và đông lại đi khóc một người cố hữu đã khuất bóng từ bao giờ và gợi ra toàn những chuyện đề chủ cùng mũ mấn áo trảm thôi giữa một tiệc cưới mà thực khách đều mặc toàn áo gấm trần. Với Nguyễn, những điều như thế, kể sao cho xiết.

Người chung quanh thực đã đến lúc không chịu được Nguyễn. Người ta không e dè nữa: người ta đã bất bình mà nói thẳng vào mặt Nguyễn rằng trước mặt họ, chàng là một cái bướu nhọn nếu chàng chưa hẳn là một cái đinh, một cái gai. Trông chướng mắt lắm. Phải nhổ đi, nếu đôi bên còn muốn sống chung với nhau để mà "làm ăn"!

Nguyễn cũng thừa biết rằng giữa chàng và chung quanh, thực khó lòng mà có được sự hòa thuận. Cái hố cách biệt mỗi ngày một rộng thêm mãi. Như thế này sẽ đưa đến cuộc ly dị. Muốn "cho được mình vẫn là mình" Nguyễn cứ phải gắng mãi với chung quanh. Phải đương đầu. Phải khai chiến. Phải đánh nhau với chung quanh. Nguyễn vẫn bướng bỉnh. Chàng vẫn còn sung sức. Chàng tin chắc ở chàng, không sợ hãi chút nào.

Và chưa bao giờ chàng nghĩ đến chiến bại.

Bởi vì chàng thấy mình còn khỏe lắm, răng khỏe, miệng khỏe, chân khỏe, óc khỏe, chàng vội cần gì đến đời. Đời chung quanh chàng, nếu cứ như thế này mãi thì chán mớ đời!

Bao giờ tồi và yếu tràn ngập thân thể, bấy giờ sẽ hay.

Lúc bấy giờ có lẽ – có lẽ thôi – Nguyễn sẽ trông vào độ lượng của cuộc sống. Chàng sẽ bớt kiêu hãnh, bớt kênh kiệu, chàng sẽ nhượng bộ ít nhiều. Rồi có khi chàng còn phải đi ăn mày lấy cảm tình của chung quanh nữa kia. Để mà níu giữ nổi được chút ít tình cảm riêng của mình. Cái lúc suy yếu, biết đâu!

Ngay bây giờ, nếu chàng muốn được yên thân thì thực cũng chẳng khó gì. Chàng chỉ ngỏ ý giảng hòa với chung quanh một tiếng thì tất cả mọi người lại.nhận chàng ngay. Người ta chỉ yêu cầu chàng có một điều là chớ nên làm khác với chung quanh. Phải sống với chung quanh. Làm khác, nghĩ khác tức là giặc, là không thể làm thế được.

Ở một chỗ mà mọi người đều cho cuộc đời tạo hóa đã an bài đến như thế này là "cừ" lắm rồi, ở một chỗ mà mọi người đều lấy làm hả hê với số phận, ai để yên cho "hắn ta" dấy loạn? Cho hắn ta làm khác? Thôi, nên hòa đi, nên nhường đi.

Những lúc này Nguyễn đã cần gì đời. Bao giờ phải cần đến sự đỉnh chung với thế nhân thì sẽ hay. Đời cái thằng Nguyễn ngỗ ngược và can đảm này dẫu sao cũng còn dài đằng đẵng, đã lấy gì làm vội, đã lấy gì làm chậm!

Vậy là Nguyễn cứ tin ở điều mình nghĩ và trên con đường đời y lượm những hòn đá thực to ném lung tung, bất kể là trúng đích hay là trật sang bên cạnh. Chàng hãy cứ biết là phải ném đã. Chàng ném đá vào đầu vào mặt rất nhiều người. Cả người quen nữa. Có nhiều hòn lại dính cả máu người thân trong nhà. Viên đá quăng, có khi là tỏ một tiếng cười phẫn nhưng thường thì đều là những lời khóc than.

Chàng đã cúi xuống nhặt những viên đá tai mèo cạnh rơm rớm máu và tự nhủ rằng "Rồi một ngày kia ta sẽ có dịp xây dựng nên một cái gì bằng những hòn đá có thương tích và tang chứng đỏ ngòm này đây".

Thế rồi, cũng như những người khác ti toe, chàng cũng trước thư lập ngôn. Chẳng lập công, chẳng lập đức ở cái thế kỷ "bố láo" này, ai dám cả gan nói đến chữ đức? – Chàng lập ngôn vậy.

Ngôn của Nguyễn lủng ca lủng củng dấm dẳn cứ như đấm vào họng. Đọc đến, nghĩa tối quá lời sấm ông Trạng. Người ta càng đọc, càng không hiểu Nguyễn định nói cái gì với chung quanh. Văn gì mà cầu kỳ quá, kênh kiệu quá và chẳng có chương tiết nào là hồn hậu cả, Người ta "kêu văn hắn không có hậu". Nghĩa là nếu Nguyễn có viết một cuốn Kiều thứ hai lẽ tất nhiên là không bao giờ có cái đoạn Kim Trọng tái hợp! Ở cái thời và cái xứ Nguyễn đang sống, người ta xét lời của sách có như là phê bình thơ bát cú Đường luật về quãng hậu bán thập cửu thế kỷ, nghệ thuật chưa hả hết mùi luân lý của thời đại.

Có những vị độc giả, muốn làm được một điều thiện rất ngu, rất kệch cỡm và rất hời giá đối với tác giả, đã bảo thẳng vào mặt Nguyễn rằng muốn có nhiều độc giả thì "chúng tôi xin ngài nên giản dị và sáng sủa cho nhiều nhiều vào".

Một người bạn đồng nghiệp có địa vị ngồi một chiếu cạp điều riêng trải ở giữa làng văn, lúc đọc sách chàng đã phải đeo đến hai cặp kính tuổi chồng lên nhau mới nhìn thấy mặt chữ, đã nói kháy tác giả, lúc tan một buổi họp thảo luận dự án về thể lệ Hội Nhà văn.

– Tác phẩm của tiên sinh quả là đi trước thời đại, e những người đồng thời của tiên sinh không theo ngang cho kịp được. Nên kìm cái đà của mình lại thì có hơn.

Nguyễn cũng biết ông bạn già có ý nói mát mình: ăn miếng phải trả miếng, chàng cũng lạm mượn luôn một câu của một danh sĩ kia mà kính đáp:

– Thưa túc hạ, bỉ nhân cũng ngờ rằng độc giả của bỉ nhân chỉ rải rác ở tận tương lai thôi. Những lời túc hạ chỉ giáo, bộc này xin cám ơn lắm.

Thế rồi bất chấp những lời chỉ giáo ấy, Nguyễn cứ lập ngôn một cách bướng bỉnh. Đời, nó ngu thế, không bướng thì sao có được? Chàng đã thành thực trong cái bướng bỉnh, thành thực cho đến sống sượng, cho đến phũ phàng. Sự thành thực tàn bạo ấy đã làm cho người chung quanh lấy làm tưng tức và từ chàng.

Nhưng cả một nỗi hậm hực của chung quanh cũng chẳng làm cho chàng thay đổi chiều mà phát ngôn. Bởi vì Nguyễn tin sự thành thực là một đức tính, là một quan điểm của nghệ sĩ chính hiệu.

Nguyễn đã dùng một quyển sách in để tỏ rõ cá tính mình. Cuốn sách đã đánh dấu sự chàng có mặt ở cuộc sống này – một cuộc sống đầy bất mãn và uất kết của người trong cuộc phán lại nổi lèm nhèm lẹt đẹt lờ mờ, luộm thuộm và bằng lòng của tất cả chung quanh.

Lúc Nguyễn mới giao thiệp loàng xoàng với chung quanh, người ta đã không chịu được chàng rồi. Bây giờ Nguyễn lại "làm sách" để ghi lại những cái lố bịch mà sự chung đụng mỗi ngày càng vạch rõ thêm, người ta lại càng không thể tha thứ cho chàng được nữa.

Có người đòi đánh Nguyễn.

Chưa bao giờ Nguyễn thấy mình cô đơn đến thế.

Nói cho thực, có một người vẫn còn chút công bằng đối với Nguyễn. Người ấy là Mợi.

Mợi không muốn a dua, không muốn thiên lệch và lại còn muốn lân tài nữa. Nhưng chết một nỗi, cái tài ấy lại là Nguyễn. Nguyễn lại là người không cho ai thương mình. Tài vốn hay tự phụ mà lòng tự phụ của Nguyễn bấy nay đã thành một câu ngạn ngữ. Mợi thừa tư cách để bênh vực Nguyễn ở trước mặt mọi người, ở những nơi hội họp lựa lọc kỹ, quý hồ là Nguyễn có tìm tới mình để than thở với mình ít ra là một lần, bằng một giọng thân mật.

Mợi cũng là một người giầu lòng tự ái lắm. Chàng muốn người bạn cùng tỉnh với mình phải khuất phục mình đi một chút và phải tìm lấy một dịp phải chăng nào để nhận mình cũng là một cái gì ở

cõi đời này. Mợi nhất định tin mình cũng là một bó đuốc. Về một câu chuyện tự ví mình là một bó đuốc, đến bây giờ mỗi lúc nhớ đến, Mợi vẫn lấy làm cay cú mãi với Nguyễn.

Đâu một lần có một người hay đôi co mách lẻo, đã bảo Mợi rằng "Thằng Nguyễn nó có nói chuyện đến anh, nó cũng nhận anh là một bó đuốc thực đấy. Nhưng nó bảo cái bó đuốc ấy chỉ đủ dùng để bắt một con ếch ở một thửa ruộng đêm xâm xấp nước thôi".

Chẳng biết Nguyễn có ý bắn tin ấy cho mình để châm chọc khinh thị mình, hay là chỉ nói để mà nói theo một cái tính quen trào lộng, nhưng nghĩ đến, Mợi không thể không giận và không báo thù được.

– "À ra nó lại khinh cả mình"!

Tính Mợi dễ dãi và lại hay nhũn nhặn và thích đánh bạn. Đối với những người quen biết vướng phải sa ngã chàng hay viện những trường hợp giảm đẳng ra để bào chữa cho họ. Chàng không giận dỗi ai được lâu. Một chai rượu bé của một buổi ăn tạ lỗi là đủ gột sạch hết phiền giận cũ khỏi lòng chàng. Mợi thường lấy cái nghĩa trung dung ra làm cái đạo xuất xử ở đời. Chưa hề bao giờ chàng đứng vào thái cực để nhìn tới một cái gì ở chung quanh.

Đời chàng vậy mà cũng có vài cái mộng.

Nhưng chưa bao giờ chàng dám mơ ước đến những cái to tát mặc dầu chàng cũng biết rằng những cái hoài bão hùng vĩ ấy chỉ là những vọng tưởng vui vui cần có, để giữ mình trong cái sống khó khăn và đạm đạm này. Chàng vốn không quen với những cái lồng lộng.

Về quan niệm nhân sinh, Mợi chủ trương rằng sự nghiệp con người ta là nên hoành chứ không nên tung. Tung thì nó vang dội ầm lên một thời nhưng không bền bằng hoành. Mợi muốn tỏ hết cái khôn ngoan của mình khi nói thế.

Không ai chối cãi rằng Mợi không phải là một người khôn ngoan. Chàng lại khôn quá nữa kia. Trong cuộc sống riêng của Mợi, vì khôn quá mà chàng đã làm mất hết cả cái thú của việc mình tìm mình. Mợi khôn quá thành ra hèn nhát.

Đời chàng xếp tính gọn quá, thành ra không có một cái gì là bất thình lình cả. Cả đến những văn phẩm của chàng về mặt tiểu thuyết cũng thiếu hẳn cái đẹp của đột ngột. Những công trình ấy rất thông minh nhưng vẫn thiếu sôi nổi của cảm hứng mạnh, thiếu những hơi thở nồng.

Mợi là một người công chức cả đến trong công việc sáng tạo – cái công việc duy nhất có thể lưu một cái tên mình cho nghìn sau.

Những nhân vật, những anh hùng, anh thư trong tác phẩm Mợi, người nào cũng cẩn thận suy tính và khôn róc mấu. Văn vốn là người. Ơ hơ.

Nguyễn đã rẻ rúng Mợi. Vậy mà có lần Mợi lại làm thơ nữa. Con người như thế mà cũng bắt thiên hạ in thơ mình thì có gan dạ không? Đọc tập thơ Mợi, Nguyễn đã lấy làm khó chịu quá. Chàng phán xuống một câu:

– "Thơ gì mà cục gạch thế này?"

Câu ấy chưa ác bằng câu này:

– "Hắn nếu có bỏ nghiệp văn theo nghiệp võ, làm đến đại tướng thì có mạt kiếp cũng không dám hành binh bằng một cuộc đại tấn công nào. Chỉ có đánh úp vặt vặt mà thôi. Y như những cuộc chiến tranh sài mòn ở Y Pha Nho hồi Nã Phá Luân thời Đế Chính thứ nhất".

Câu ấy lại lọt vào tai Mợi. Lại giận nữa, lại thù nữa. Nhưng Mợi vẫn tự an ủi mình rằng những cái tài ở cùng một thời và một nước, lẽ thường là ít chịu phục nhau và dễ dèm pha nhau lắm. Trời đã sinh Mợi, sao còn sinh Nguyễn!!!

Ở Hà Nội, nhiều ngày đẹp như nạm xà cừ, buổi sáng cũng xanh đỏ trắng tím vàng, buổi chiều cũng xanh đỏ trắng tím vàng. Nhớ đến quê nhà Thanh Hóa, Mợi không thể ngồi yên mà làm việc được.

Chàng đội mũ đẹp đi ra đường.

Chàng muốn tìm một linh hồn bầu bạn để gạn xẻ vợi đi một chút lòng quê.

Chàng nhớ sang bên phải, chàng nhớ sang bên trái, chàng nhớ tới Nguyễn.

Ồ, Cái thằng Nguyễn là một tâm hồn thi sĩ. Nó lại cũng đã sống nhiều với Thanh Hóa. Tìm nhau để ăn một cái gì, xem một cái gì, uống một cái gì. Vào khoảng hai tợp, vào khoảng hai miếng, hai người sẽ nhắc đến dăm bẩy cái kỷ niệm cũ ở tỉnh nhỏ quê nhà nhỉ!

Đáng thương hại thay! Những người đi xa khỏi cố hương mà lại không có lấy ít ra là một người bạn ở cùng tỉnh với mình để mà nhắc nhỏm đến chốn chôn rau. Mợi thành thực muốn cầu thân. Chàng liền đi tìm Nguyễn.

Chàng đã co cong ngón tay chỏ lên, định gõ ngay vào tấm cửa nhà Nguyễn trọ.

Nhưng Mợi lại bất giác nghĩ đến cái thái độ khinh bạc của Nguyễn. Chàng ngập ngừngrồi đành phải quyết định. Mạnh bạo, Mợi lại đặt mũ lên đỉnh đầu rồi đi thẳng con đường của mình.

Ánh sáng ngày vui lọc qua những vòm lá cây sấu mọc bên thông cù. Tia sáng ngày đẹp lọc qua lớp lá xanh trong thấm xuống đường rộng, thấm vào lòng Mợi đang cởi mở. Chàng muốn trở gót lại gọi: "Nguyễn ơi! Bao giờ hai ta được gần nhau cho đỡ mệt trong sự sống?" Nhưng giữa Nguyễn và chàng vẫn day dứt mấy câu chuyện về "bó đuốc bắt ếch", "câu thơ cục gạch", "và những cuộc chiến tranh sài mòn ở xứ Y Pha Nho". Thế này thì quá lắm, Nguyễn ạ.

Mợi đành cứ để nguyên bộ quần áo đẹp quá như thế mà đi chơi một mình. Buổi chiều ấy chàng ăn tiêu vung lên như một cậu học sinh mượn tiếng đi du học phương xa gặp ngày cha mẹ gửi cho một tấm măng đa thừa thãi.

Tiền vung lên đã hết, Mợi mới buồn rầu khi phát minh ra được một sự thực rất ghê gớm là cái bọn cầm bút chúa là hay đố kỵ lẫn nhau.

Ông nào cũng một chứng một tật. Không ai chịu ai cả. Trong cái chính phủ cộng hòa của văn học, ra chưa có bao giờ người ta hòa thuận cả.

Từ cái buổi cầu thân hụt với Nguyễn, Mợi yên trí rằng không bao giờ hai người còn có thể gần nhau được nữa. Chàng đã đi quá sự chịu khó rồi.

*

*   *

Nói cho đúng thì thỉnh thoảng hai người cũng có dịp bắt tay nhau ở những nơi đông đúc.

Ở một tiệc cưới, ở đuôi một đám ma. Ở cửa một hý viện hoặc ở gian hàng sách tây những ngày có kỳ tầu Pháp mới tới.

Có lẽ hai người đã gặp nhau nhiều nhất ở cái cửa hàng sách bán báo tây này. Hai người niềm nở bắt tay nhau.

– Ông Nguyễn lâu nay có về Thanh Hóa không?

– Kìa, ông Mợi. Tôi mải chọn báo không nhìn ra ông, ông thứ lỗi.

– Lâu nay ông có năng về Thanh không?

– À... không ông ạ.... Ồ, thế ra ông cũng không hay về. Vậy chắc hai cụ ở nhà lại phải năng ra chơi với ông?

– Hay là mai kia chúng ta cùng hẹn nhau về chơi Thanh một chuyến. Ông Nguyễn nhỉ? Ông nghĩ sao?

– Cái việc đó tôi cũng chưa từng nghĩ tới. Có lúc tôi cũng mong được như thế, nhưng tính tôi bất thường và bất định lắm. Chưa bao giờ tôi định trước được lấy nửa ngày, trước khi đi. Tôi đã đi thì đùng một cái là tôi đi thôi ông ạ. Tôi đi đâu – giả thử có đi đến ngoại quốc chăng nữa – thì cũng chỉ có cái cặp nhỏ, cùng giả lắm là một cái va ly. Gọn lắm, ông Mợi ạ.

Nguyễn cười rất xã giao rồi lại cúi xuống chọn tiếp đống báo mới.

– Này ông Nguyễn, tôi nói thực với ông, đến ngày kia tôi về Thanh đấy. Đi bằng ô tô nhà. Tôi sẽ lại đón ông nhé? Về một mình trong ấy, tôi không có ai là bạn tri âm cả. Buồn lắm.

– Không có tri âm thì cũng là đáng buồn thực. Nhưng này ông Mợi, ông tưởng chỉ có một mình ông là không có tri âm thôi hay sao?

Còn vô khối người khác cũng bị khủng hoảng về bạn; có lúc cô quạnh quá tưởng có thể lăn đùng ra mà chết ngay được. Nhưng tôi chưa thấy ai chết vì thiếu bạn cả. Trái lại, tôi chỉ thấy người ta chết vì "đã" có nhiều bạn quá, ông ạ.

Nguyễn khoan thai nói, chàng rất lễ phép: lễ phép ở khuôn mặt, ở cả hai chân, ở cả hai cánh tay. Thế mà xưa nay cứ tin vào lời người khác nói thì Mợi tưởng Nguyễn phải có những cử chỉ láu lỉnh dấm dẳn và cà khịa nữa kia.

Nhưng Mợi lại ngờ ngợ rằng những cách lễ phép đó là một khí giới riêng của Nguyễn dùng để giữ mình trong cuộc sống. Chẳng có lẽ một thằng tự phụ và khinh người như mẻ ấy lại tôn kính được mỗi người chung quanh một cách quá đáng đến dường ấy hay sao? Có lẽ Nguyễn dùng phép xã giao lạnh lẽo và lễ độ để ngăn rào mình và không cho chung quanh đứng gần khít mình quá. Hình như đã có một người quý tộc nào nói rằng: "Lễ độ là một cái gậy đặt từ khoảng mình cho tới một bọn thất phu – một cái gậy nó tránh cho ta khỏi phải đánh đập nữa kia".

Ngẫu nhiên nhớ một cách mơ hồ đến một câu tư tưởng bâng quơ, Mợi thấy bực mình quá. Nếu thực như thế thì ra cái thằng Nguyễn lịch sự kia là một thằng đểu cáng đến tuyệt luân.

Chàng lại thấy mình dại dột và hớ. Bỗng dưng đi lôi từ trong đầu ra cái câu nói cay chua của nhà quý tộc nọ mà làm gì?

Không, nhưng không phải thế. Nguyễn nó lễ phép là bởi vì nó lịch sự, là bởi vì nó là con nhà gia giáo, bởi vì nó có học. Chỉ có thế mà thôi. Đừng nên bàn ra bàn vào và mạc mãi ra. Đã bới đến bèo thì thế nào cũng ra bọ. Mợi thấy dìu dịu trong người.

Muốn bắt lại câu chuyện ban nãy, Mợi bèn ghé sát vào Nguyễn.

– Người ta nói ông hay có tính khôi hài và trong đùa bỡn thường ngụ một ác ý. Vừa rồi ông khái luận sơ sơ về cái nghĩa tri âm, chẳng hay là câu nói đùa hay là câu nói đứng đắn? Có lẽ lần này là lần đầu tiên mà tôi với ông nói chuyện dài dòng với nhau.

Nguyễn lại để bó báo xuống. Chàng cố nhớ lại xem ban nãy mình đã thốt ra câu gì mà xem chừng cái ông Mợi này lấy làm băn khoăn lắm thế.

– A, tôi nhận thấy ông than thở về sự thiếu tri âm ở quê nhà nên tôi cũng nói theo vào rằng xưa nay chính vì người ta có nhiều bạn mà sinh ra lụy. Ông tưởng tôi đùa sao? Ông ngẫm kỹ mà xem, xem có phải rằng cái người cướp vợ mình thường chỉ quanh quẩn ở đám bạn thân của mình không? Và biết được những nhược điểm của mình để hại mình đến không ngóc được đầu dậy nữa thì thường vẫn là một người tri kỷ của mình không? Người ngoài, người sơ giao mấy ai đã biết rõ lòng mình để hại nổi mình cho thấu đáo? Hại nổi được mình thì chỉ có hoặc là Giời hoặc là người tri kỷ thôi, ông Mợi ạ.

Nguyễn nín bặt và hình như lấy làm hối tiếc về mình đã nói nhiều quá. Chàng không ngờ rằng mình có thể vui miệng và rườm chuyện đến như thế, chàng tự nhủ: "Thôi thì lần sau nhỡ gặp phải Mợi ta không như thế nữa. Ta sẽ không bép xép một cách tầm thường như vừa rồi. Ta chỉ lễ phép chào hắn và nếu sợ như thế là không tiện thì ta hỏi thăm hắn thêm một tý về sức khỏe của hắn, để cho hắn khỏi trách ta là lãnh đạm".

Mợi cũng không ngờ rằng Nguyễn lại có một cách nói chuyện vồn vã như bữa nay. Ồ thế ra người chung quanh hay đặt điều thực. Ra họ đặt điều ra để nói xấu Nguyễn. Họ nói Nguyễn là một thứ người có một bộ mặt lạnh như người Ăng Lê và quả ngôn cũng như người Ăng Lê. Đâu có thế.

Một lần khác gần Nguyễn, thấy chàng không có ý gì lánh mình, Mợi đánh bạo mời một câu:

– Chẳng mấy khi được gặp, nhân tiện hôm nay được gặp ông, ông ở đây, tôi muốn mời ông đi xơi cơm chiều cùng tôi. Chỉ có ông và tôi thôi...

Nguyễn vẫn nhìn xuống đống báo hiệu sách. Mợi nói tiếp, giọng thân mật hơn:

– Chỉ có hai chúng mình thôi. Trời hôm nay đẹp lắm. Mình ở đây đi ra ngắm vài phố tây rồi nhẩn nha đến hiệu ăn là vừa. Ông Nguyễn thường hay dùng cơm ở tửu điếm nào?

Mợi lịch sự, muốn dò ý xem Nguyễn thường hay thích ăn uống ở hiệu nào thì chàng sẽ mời luôn bạn đến ngay hiệu ấy. Mợi có được nhã ý ấy vì chàng vừa chợt nhớ đến một thói quen của những người đi hát lịch thiệp, người khổ chủ chầu hát thường phải chiều bạn đưa ngay người bạn xuống nhà cái cô đào nhân tình thân của người bạn.

Nguyễn lễ phép không nhận bữa cơm mời, chàng đã nói dối rất khéo để từ chối:

– Tôi rất lấy làm tiếc, chiều nay tôi nhịn cơm vì vào khoảng tám giờ tối tôi phải đi tiêm thuốc. Thuốc Novar – senobenzol. Tiêm vào mạch máu.

Mợi biết ngay là Nguyễn nói dối. Người hắn chắc chắn như thế, tính không chơi bậy, trên người không có sẹo đen của chứng giang mai thì việc gì mà tiêm 914? Nhưng thôi được đã muốn xa nhau thì cũng xa nhau. Có khổ gì chuyện ấy. Nguyễn muốn lánh chàng thì hà tất từ rầy trở đi chàng há cầu thân nữa.

Thế rồi hai người trịnh trọng bắt tay nhau ở cửa hiệu sách. Cái bắt tay sốt dẻo ấy đã đánh lừa được hết thảy khách qua đường. Người ta gọi xã giao là một nước sơn sì rất loáng.

Còn gì khó chịu bằng sự hai người đã ồn ào từ biệt nhau rồi mà lại còn đi chung một đoạn đường, và lại cùng một bờ hè, cánh tay sát cánh tay. Mợi và Nguyễn bắt tay nhau rồi mà lại không ngờ rằng cùng phải đi ngược lên phố Bôn Be.

Bực nhất là đà chân người này lại đều ngang với chân người nọ. Hai người tuy không muốn, mà thành thử cứ song song trên lề gạch. Mỗi hòn gạch vượt qua bực như một ngày sống gượng.

Cái tình thế của hai người bộ hành Mợi và Nguyễn lúc này thực là mập mờ và gian lận nữa.

Không muốn kéo dài nỗi bực mình cứ theo gót mình mãi, đến

tầm nhà Địa ốc ngân hàng, Mợi rẽ ngang, vờ vào trong ấy, ngắm lũ cà vát bầy nơi tủ hàng một hiệu thợ may tây.

... Từ đấy trên những con đường Hà Nội... hai người không gặp nhau. Bây giờ thì hình như Mợi lại tránh Nguyễn.

Ác nhất là những người chung quanh, họ hỏi chuyện. Có lắm câu cứ như móc được từng miếng thịt lòng người trong cuộc. Thà họ cố tình hại nhau thì cũng không sao. Nhưng đằng này chỉ là họ vô ý thôi. Họ đã vô ý hỏi Mợi:

– Ông Nguyễn cũng người Thanh Hóa đấy ông Mợi nhỉ? Người cùng tỉnh mà sao các ông không hay chơi với nhau nhỉ? Người ngoài họ nói chán ra đấy. Họ nói chắc các ông có hiềm khích gì.

Muốn cho hết những lời bàn tán tò mò của chung quanh, Mợi đã vờ nói chuyện một cách úp mở, cố nói láo cho thật khéo để cho họ phải hiểu lầm rằng: giữa Nguyễn và chàng đã có một kỷ niệm đàn bà rất khó chịu.

"Có hai người đàn ông cùng tỉnh đã xa nhau vì giữa họ đã có một người đàn bà".

Cả một cốt truyện; cái đầu đề ấy vui đấy và người chung quanh thế nào cũng "nuốt" phải, Mợi tự nhủ mình với một cái cười láu lỉnh.

*

* *

Hai người thiếu niên trí thức ấy tưởng suốt đời sẽ không bao giờ gần nhau. Họ đã nhận xa cách ấy như là nhận lấy định mệnh. Mợi và Nguyễn là Sâm và Thương trên một nền trời kinh đô.

Nhưng sự tình cờ của một chuyến cùng về đã làm cho họ gần nhau. Những ngày tẻ tẻ ở Thanh Hóa đã làm cho Mợi và Nguyễn được sống cạnh nhau. Nói là phải sống cạnh nhau thì đúng hơn. Lòng họ chửa chắc đã gần nhau. Nhưng hình xác họ đã chạm nhau ở một sân ga, ở bàn hiệu ăn, ở quanh những bữa cơm gia đình.

Ở Thanh, một buổi tối ngồi đánh đắm lòng mình vào đáy một cốc rượu đỏ như máu Chúa lúc xả thân cứu thế, Nguyễn ngồi co tay tính đếm đến những ngày nghỉ ngơi ở đấy. Thế mà đã được đúng mười ngày rồi. Gọi là về chơi thăm nhà thì như thế cũng đã là nhiều lắm.

Nguyễn ngấc đầu nhìn lên bức tường tửu quán; ở đấy có dính một bản cáo thị giờ xe lửa sở hỏa xa vừa xếp đặt giờ tầu lại. Cốc rượu đỏ trên mặt bàn ăn kẻ ô con cờ màu xanh bể vẫn bồn chồn sủi lên những cái tăm men.

Mợi hỏi Nguyễn:

– Anh đang nghĩ gì?

– Mai tôi đi.

– Tôi còn giở việc nhà. Mất vài hôm nữa. Anh xem có thể nán lại vài hôm nữa được thì chúng ta sẽ cùng ra cả. Đã cùng về một chuyến tầu, giá lúc ra lại cùng đi với nhau một chuyến thì thú biết mấy.

– Ôi, vẽ. Ở người anh vẫn còn nhiều tình cảm lặt vặt quá. Thôi, mai tôi đi. Anh ra sau vậy. Chúng ta gặp lại nhau ở ngoài ấy.

– Nhưng khoan đã, ở đây ra về anh hãy tạt qua lại đằng tôi một lát. Nào ta cùng đi.

Ý Mợi muốn Nguyễn sẽ lại chào cha mẹ mình một tiếng trước khi đi Hà Nội. Chàng không muốn nói to cái điều nghĩ thầm ấy, bởi vì chàng vừa tính rụt rè và một phần nữa vì chàng tin sự giao hữu chưa lấy gì làm thân mật giữa hai người đâu đã cho chàng cái quyền đòi hỏi đến bạn một cử chỉ lễ phép đối với cha mẹ mình. Vả chăng, những cử chỉ ấy để nó xuất tự lòng người ta ra hơn là tự mình mách bảo.

Chẳng hiểu Nguyễn có xét đến băn khoăn đó của lòng Mợi không, hay là chàng có nghĩ đến mà không lấy làm đều. Chàng chỉ lạnh lùng bắt tay Mợi với một câu "Anh ở lại cho vui". Mợi nhìn Nguyễn thoăn thoắt bước đi, dáng cứng cỏi, cái mặt lạnh không một nét cười. Chàng không ngoảnh đầu lại, theo thường tình con người ta muốn lưu lại cho nhau chút dư vị của phút đã chia tay.

Mợi lại hồi tưởng đến cái tình thế giao thiệp rất găng giữa hai người ở "ngoài ấy", trước khi chàng và Nguyễn có dịp gần nhau trong ít ngày vừa rồi. Lúc hai người còn lấy chữ "ông" ra xưng hô; chàng xét lại thì Nguyễn vẫn thế nào ấy? Cái tình giao hữu trong ít ngày vừa rồi ở Thanh, tuy ở phía chàng thì chàng đã chịu nhượng bộ rất nhiều mà Nguyễn thì vẫn đuểnh đoảng lừng khừng không ra hàm dưỡng mà cũng không ra hẳn phóng túng. Nhưng nói cho cùng thì kỳ này về Thanh, có Nguyễn ở bên cạnh để nói chuyện phiếm thế mà cũng hay. Chẳng gì Nguyễn cũng còn lý thú hơn chán vạn kẻ ở đây. Trong cái đám bạn cũ của Mợi ở cái tỉnh nhỏ này thì họ tầm thường

quá, họ thiển cận quá. Kiến thức họ đã không có gì, mà xét về đời sống của họ tủn mủn lẫn cả trong cái đức cái nết làm người và cả trong những tật lỗi của hành vi.

Nguyễn đi rồi, bỏ trơ lại Mợi cho cuộc đời bằng phẳng ở tỉnh nhỏ. Mấy lần trước thì không sao; nhưng chuyến này có Nguyễn ở cạnh để mỗi buổi tối dạo phố bàn hão về trời nắng trời mưa, bỗng chốc vắng Nguyễn, Mợi thấy thiếu một cái gì. Chàng vẫn đến cái tửu điếm cũ để uống cà phê như mấy bữa nọ và tự hỏi lòng xem những lúc nao nao độc ẩm như thế này, có thật là mình đang thèm nhớ đến ai không. Và một người khinh bạc và chướng và tự phụ như Nguyễn thì có đáng cho mình nhớ đến không? Cõi đời này thiếu gì thanh khí, thiếu gì người hay để chơi mà lại cứ phải đuổi theo hình ảnh của một người kiêu bạc đã xa vắng!

Sự giao tình giữa chàng và Nguyễn chẳng qua còn đang ở thời kỳ thí nghiệm. Một cuộc thí nghiệm ở trong hoàn cảnh không chắc chắn một tỉnh nhỏ, thiện cảm của chàng đối với Nguyễn vẫn chưa có thể gọi là định được.

Dẫu sao buổi tối này, giá có được "hắn" ngồi cùng bàn với chàng, trước mắt chàng, thì chén cà phê của Mợi vẫn có thể dậy hẳn mùi thơm lên.

Nguyễn vừa trở về Hà Nội mới được có hai hôm thì có người bạn cố giao tên là Bình đến chơi và sừng sộ hỏi luôn ngay:

– Tao cấm mày chối. Có phải dạo này mày đã là bạn thân của tên Mợi không? Mày đang kết giao với nó phải không?

– Ai bảo?

– Hôm nọ tao cũng vào Sầm Sơn ba ngày. Tao thấy mày và thằng Mợi cùng tắm với nhau. Áo tắm của mày màu tím, thằng Mợi đỏ, tao cũng tắm ở gần cái mảng luồng mà bọn chúng mày không biết. Tao thấy mày và Mợi lấy tay vớt bọt bể sóng, bạc đầu đưa cho nhau nếm một cách thân yêu nhau quá, thành thử tao phải lánh đi ra chỗ khác. Tao không chịu được thằng Mợi cũng như nhiều lần mày đã cả tiếng phê bình như thế về nó.

– Sao thấy tao ở bãi bể mà mày lại cố tránh mặt tao hở Bình?

– Bởi vì lại chào mày, chẳng nhẽ lại không chào cả thằng Mợi thì nó cũng khó coi lắm. Tao đã làm một việc từ thiện mà chúng mày không biết đấy thôi. Tao tin rằng lúc ấy tao lại gần chúng mày để

bắt được mày và Mợi đang quả tang đánh bạn với nhau thì chúng mày sẽ ngượng với tao lắm. Nếu tao không nhớ nhầm thì từ trước đến giờ, có hai đứa nào nói xấu lẫn nhau, thú vị nhất và nhiều nhất thì là mày và thằng Mợi. Mày mà "sực" được thằng ấy thì cũng là giỏi lắm đó.

Nguyễn mỉm cười, nghển mình dậy, thắp thêm một điếu thuốc nữa, gửi tầm mắt vào khoảng không.

– Mày có thể cho tao biết về sự hiển linh gì mà mày lại chơi được với thằng Mợi không?

Câu hỏi đột ngột ấy đã làm Nguyễn phải suy nghĩ. Chàng suy nghĩ trong bốn hôm, năm hôm, trong cả một tuần lễ để đến một hôm thứ tám thì có một người quen đến vào nhà với một lũ hành lý và bộ quần áo nhem nhuốc của đường trường. Kìa Mợi, mặt và cổ Mợi lấm chấm những than bụi tầu hỏa.

– Tôi vừa mới ra, ở ga về luôn đây.

Mợi chẳng cần phải nói, Nguyễn cũng thừa biết rằng chàng ở ga về luôn đây. Nhưng sao lại về luôn đây? Mấy ngày chung đụng vừarồi ở Thanh Hóa đã lấy gì làm đảm bảo cho thân tình để một người có quyền xông vào nhà một người? Cái cử chỉ này của Mợi chẳng hóa ra hớ và sỗ lắm sao?

Nguyễn kéo ghế mời Mợi ngồi, rất lấy làm nghĩ ngợi. Chàng vốn là người khủng khỉnh, ở chỗ công chúng nhưng lại là người rất lịch sự khi phải tiếp bất cứ là ai ở nhà mình, và thường thực hành phép xã giao với khách đúng với trường hợp tương đương. Nguyễn bèn gọi thằng nhỏ lấy thau nước để Mợi rửa mặt. Mợi vội cản lại.

– Thôi tôi đi ngay bây giờ đây mà. Tôi có cái này gửi anh.

Nguyễn trố mắt nhìn một cái nồi bằng a-luy-mi-nhôm. Cái nồi rất đẹp ấy lại chồng lên một cái nồi bằng sắt nhẹ khác, cũng đẹp như thế, nhưng miệng nhỉnh hơn một chút. Mợi để ra bàn cái nồi nhỏ ở trong lõng bõng một thứ nước đỏ cành cạch.

– Đấy là tôm he, mẹ tôi kho lấy để cho tôi mang ra ngoài này ăn. Mẹ tôi tưởng tôi ở ngoài này phải kham khổ trong sự ăn uống nên lần nào tôi ra, mẹ tôi cũng bắt đèo một vài thứ ăn ra. Ấy là không kể những lần mẹ tôi ra thăm tôi, lỉnh kỉnh tha ra những là nem, giò, cua bể hoặc cá thu kho. Các cụ lẩm cẩm quá... À còn cái nồi này mẹ tôi biếu riêng anh đấy... Mẹ tôi dặn đi dặn lại thế nào cũng

phải đưa ngay lại đằng anh, kẻo chậm thì lại hỏng mất. Tôm này tuy là kho, nhưng kho nhạt, không thể để được lâu, tôi ở ga xuống, phải rẽ vào anh ngay, sợ về thẳng nhà ngủ quên đi một cái hay là hoặc có việc gì gấp phải đi ngay mà chậm đưa lại anh thì nó trở vị và uổng cái công đem từ trong ấy ra. Gặp anh có nhà, giao tận tay được, tôi lấy làm bằng lòng quá.

Nguyễn định nói một câu mà chàng chưa kịp nghĩ ra câu gì, thì Mợi đã chào chàng, đùng đùng xuống cầu thang và nói với lên: "Thôi tôi mệt lắm. Phải về ngủ. Mai kia chúng ta sẽ gặp nhau. Tôi sẽ lại tìm anh".

Sau những ngày chơi thử, chơi gượng với Mợi ở Thanh Hóa, Nguyễn có thể dự đoán tất cả mọi kết quả xảy đến cho một cuộc làm quen tạm bợ, nhưng chàng không thể chờ đợi đến một việc như vừa rồi. Một nồi tôm kho. Trời ơi! Một nồi tôm do tay một bà mẹ hiền thương yêu con kho nấu lấy để cho đứa con ra ngoài này ăn để khỏi thấy sểnh nhà là thất nghiệp, là cực khổ! Bà cụ yêu con và lại còn nghĩ luôn đến người bạn của đứa con nữa.

Nhưng tiếc thay. Nguyễn đâu đã là bạn của Mợi. Bà cụ lầm mất rồi! Nguyễn ngồi ngẫm nghĩ rất lâu, trước nồi tôm kho ngon đẹp cả trong ý nghĩa và cả ở hình sắc hương vị nữa.

Đây là một cái nồi bằng sắt nhẹ trắng, bóng như chùi, xứng đáng với một thời đại khoa học cơ khí. Trong cái nồi gọn gàng ấy nằm lặng im một chất nước lèo đỏ như son tàu đang nhấp nhánh những chùm sao mỡ.

Nguyễn lấy làm khó nghĩ quá.

Đem trả lại Mợi chăng? Sẽ lấy cái cớ gì viện ra để từ chối một món quà mà sự tổn phí về tiền không là mấy, nhưng về ý tình thì rất là nhiều? Đến ngay ban nãy mà từ chối được cũng là khó, huống hồ là bây giờ. Bây giờ chậm quá rồi.

Không trả được thì chỉ có việc nhận lấy rồi ăn đi. Nhưng ăn hết một nồi tôm ấy rồi chàng sẽ nói chuyện với chàng thế nào cho khỏi mâu thuẫn đây? Giá Nguyễn mà lại được là bạn thân của Mợi; giá chàng đã chịu đựng được Mợi, chịu đựng được đến cả những tật xấu của nhau thì còn gì thú vị bằng sự đón nhận nồi tôm này rồi đem bày thêm nó vào cái mâm cơm thường ngày.

Chàng hết sức bực mình và không ngờ một nồi tôm vô nghĩa lý ấy lại có thể quấy nhiễu lòng mình mất cả một buổi chiều mà chàng

ước ao được luôn luôn không bận bịu. Nguyễn nhất định chiều hôm ấy không ăn cơm nhà. Chàng sẽ đi ăn hiệu.rồi thì sẽ mặc kệ sự gì sẽ xảy đến cho một nồi tôm kho nhạt không có người đụng đũa tới.

Có anh Bình lại chơi, may quá!

Nguyễn chỉ luôn nồi tôm vẫn còn để nguyên góc bàn giấy:

– Bình có thích cái món ăn kia không?

– Gì thế? Tôm he?

– Tôi có một bà dì ở Thanh ra trưa nay, đem cho. Bà cụ kho tôm có tiếng là khéo. Tôi tiếc hôm nay đúng vào ngày rửa ruột, phải nhịn ăn. Tôi xin biếu anh cả. Để thằng nhỏ nhà tôi nó đưa lên trên anh. Nếu không phải kiêng cữ, thì hôm nay tôi giữ anh ở đây ăn cơm và hai đứa mình sẽ thẩm đến một món ăn giản dị mà tôi chắc nó cũng làm cho anh ngon miệng lắm. Tôi nó phải cái vô duyên thế nào ấy anh Bình ạ. Động có ai bất thường rủ đi tiểu ẩm hoặc đúng những ngày hẹn dự tiệc thì y như là trong người lủng củng. Phi trọng thương thì cũng ngúng nguẩy.

Nguyễn lấy làm khoái: chàng đã nói dối được một câu rất thông và rất lịch sự đẹp đẽ như thế. Chàng lại còn sướng hơn nữa khi đùn được nồi tôm cho Bình. Bình đi rồi, Nguyễn ngờ mình có ác ý trong việc vừa làm. Hôm nọ Bình chẳng lồng lộn mãi lên vì thấy mình lại đi đôi với Mợi và anh còn kêu rằng anh không thể nào "sực" được cái. thằng Mợi. Anh không sực được Mợi, nhưng hôm nay anh đã sực được nồi tôm của Mợi. "Mai kia mà Bình đã tiêu hết món thực phẩm đó rồi, nếu ta nói rõ ra, thì cái mặt Bình lúc đó chắc sẽ rúm lại. Chắc hay lắm".

Cuộc sống nơi thị trấn lớn không phải là cuộc sống nơi tỉnh xép. Người ta có cái cảm giác đầy đủ, chẳng cần phải gần ai, hoặc nhất định tìm riêng một ai. Ở Hà Nội ít người, được chuyện nhất trong tình bạn, cũng như bây giờ có nhiều người đàn bà đẹp ở đây đã bằng lòng quên mất cái nết chính chuyên.

Mợi cũng không tìm đến nhà Nguyễn. Từ sau hôm ở Thanh ra, chàng tới nhà Nguyễn vỏn vẹn có hai lần. Một lần để đưa nồi tôm kho của mẹ gửi. Một lần nữa để lấy lại cái nồi không.

Và như thế cũng là hay. Vì Nguyễn cũng muốn tránh Mợi. Người đàn ông ấy lại tránh đàn ông có như là lánh mặt một người đàn bà mình biết không thể yêu thương được, nhưng nếu cứ năng

gặp, lửa lâu ngày bén rơm thì rồi thế nào cũng phải có con sống con chết với nhau.

... Nước Hồ Tây chẳng chảy thoát đi đâu cả. Nước Hồ Gươm cũng chẳng chẩy đi đâu cả và chỉ quanh quất vỗ vào ven bờ rủ bóng liễu. Vậy mà cũng xong một năm Hà Nội.

Cũng vào ngày tháng ấy năm ngoái, năm nay Mợi lại về Thanh, Nguyễn cũng về Thanh. Hai người đều có chút việc nhà cả. Người ta ngờ việc ấy là một niên hiệu trong một gia đình ghi trong một gia phả, người ta ngờ việc ấy là một ngày kỵ, ngày giỗ.

Nhưng trái với năm ngoái hai người đã tình cờ được làm đôi bạn đồng hành thì năm nay trở về tỉnh quê hương, Mợi về trước một ngày. Nguyễn về sau một ngày.

Nguyễn ở ga về đến nhà thì vợ chàng, sau một mẻ chuyện hàn huyên, đã bảo chàng:

– Sáng nay bác Mợi đi qua đây. Bác có nhìn mãi vào nhà nhưng không trông thấy tôi.

Nguyễn ậm ừ để cho vợ nói sang chuyện khác. Nguyễn hỏi vợ về tình hình cửa nhà, về sức khỏe đàn con. Đàn con lúc bấy giờ đã ngủ lăn cả ra vì gần nửa đêm rồi còn gì nữa – lúc tầu tốc hành về đến ga thì đã mười giờ rưỡi đêm.

Vậy mà vợ Nguyễn vẫn cứ bắt lại cho được cái mẩu chuyện ban nãy:

– Chiều hôm nay tôi đi chợ có gặp bà cụ đẻ ra bác Mợi. Bà cụ hồn hậu lắm, khác hẳn tính nết mẹ ở nhà, mình ạ. Cụ có hỏi thăm về mình và tôi có nói là đâu tối nay mình cũng về. Cụ có nhắn tôi mời mình lại chơi vì "em Mợi nó cũng đã về". Thường thường tôi đi chợ về vẫn gặp cụ luôn.

Nguyễn quay mặt vào tường cố ngủ ngay vì mệt lắm. Giấc ngủ chậm đến, bất giác chàng lại nhớ đến cái nồi tôm bà cụ gửi cho năm ngoái. À, thế này thì ra lôi thôi lắm rồi đây. Trong một cuộc giao tình bấp bênh với Mợi, bây giờ lại có những người đàn bà đáng kính và rất hiền lành đổi chen vào. Một bà cụ Phán đẻ ra Mợi chưa xong, bây giờ lại còn thêm vợ chàng nữa.

Sớm ngày sau, Nguyễn trở dậy, đầu còn nặng một câu chuyện đêm vừa rồi. Đứa con nhớn chàng vội khoe với chàng rằng: "Hôm qua con đi ngang hiệu cao lâu, bác Mợi gọi con vào và cho con ăn kem ca ra – men".

Ồ, thế ra trong những việc tình cảm riêng của chàng đối với Mợi, những người đàn bà chen vào hình như chưa là đủ hay sao mà bây giờ lại có cả con trẻ nữa.

Nguyễn vẫn ngờ đến cái tình bạn của Mợi đối với mình cũng như chàng đã không tin chắc được lòng riêng mình đối với Mợi.

Trót đi lại với Mợi bắt đầu từ năm ngoái, vào giữa hồi này đây, chàng muốn việc ấy sẽ bị xóa nhòa đi, đừng để lại một vết gì trong lòng mỗi người. Chàng tin có lẽ Mợi cũng đã nghĩ giống như mình nên suốt một năm ròng ở Hà Nội, Mợi chỉ lại tìm chàng có hai lần, một lần để đưa một cái nồi – làm việc ấy, Mợi chỉ tuân theo ý mẹ muốn thế – và một lần khác để thu về cái nồi của mẹ. Nghĩa là Mợi tìm đến chàng vì có chuyện, chứ không phải là để kết giao cho khăng khít thêm.

Mà khăng khít thế nào được khi mà Mợi một tính chàng một tính. Mỗi người một cá tính, tư tưởng không giống nhau, hoài bão không... chung, đấy là nói tới những chuyện to lớn trong một đời người, đến như những việc vặt hằng ngày giải trí như sở thích riêng về mồm, về tai, về mắt thì lúc ăn uống và lúc tìm thú giải phiền, mỗi người đều một chứng một tật, vậy thì chơi với nhau bằng chỗ nào?

Chàng có thể phục Mợi – ngồi xa xa, ở xa nhau mà phục nhau – nếu Mợi có rõ chân tài (nhưng đấy lại là chuyện khác mất rồi). Nhưng đánh bạn thì là một việc không thể có được. Chàng và Mợi về phương diện "người" thật không có một mối tương quan nào cả. Nếu cứ miễn cưỡng mà buộc nhau đi sâu vào lòng nhau thì chỉ sinh ra chán nhau và oán nhau thôi. "Người ta không quen nhau, không được đánh bạn với nhau nhiều khi thì lại là hay. Đã không chơi với nhau thì có bao giờ phải nói đến hai chữ phụ nhau. Cái lầm của nhiều người là cứ đi vét lấy những linh hồn bầu bạn để rồi về sau lại làm đau khổ lẫn nhau, phụ lẫn nhau".

Nguyễn – cái người hoài nghi ấy – đang có một luận điệu tiêu cực như thế về tình bằng hữu thì từ một góc nào của cuộc đời, Mợi đã hiện ra và va mạnh vào đời chàng.

Cuộc gặp gỡ ấy bây giờ lại có những người thân thích của đôi bên – một bên là bà cụ thân sinh ra Mợi, một bên là vợ và con Nguyễn– định lấy những cử chỉ vặt vãnh nhẹ nhàng nhưng rất chắc ra để giữ cho nó đừng tan, đừng đi qua như cái bóng để nâng nó thành hẳn

một biến cố đánh dấu vào hai gia đình vô tội và vô can. Đã nguy hiểm chưa?

Nguyễn và Mợi, năm nay ở Thanh Hóa lại vẫn cặp kè nhau nói chuyện phiếm như dạo năm ngoái. Người ta lại cùng đi cao lâu với nhau, xem tuồng, đi hát và ra ga xem tầu chạy. Ở một cái tỉnh xép, tưởng có được bấy nhiêu cuộc chơi chung, kể cũng đã là nhiều lắmrồi.

Một buổi tối, muốn đổi thú chơi, Mợi và Nguyễn bèn nẩy ra cái ý kiến là rủ nhau đi ăn bánh cuốn đêm và phải ngồi ngay cạnh bếp lửa nhà hàng ấy thì mới thú. Ngọn lửa nơi gian nhà gianh kia đã cho họ thấy cái hứng thú của phút phóng túng hình hài. Chẳng thế mà sau buổi đi chơi đêm ấy, Mợi lại tặng Nguyễn một cuốn sách của mình mới cho xuất bản và đề luôn vào đấy: *"Tặng anh Nguyễn, với cái kỷ niệm một đêm Thanh Hóa, chúng ta ngồi bên một cái bếp lửa đỏ rực những cảm tình"*.

Nguyễn cũng biếu Mợi một tấm ảnh nửa người với một câu tặng: *"Vô hạn cảm"*.

Phút nồng nàn cao hứng đã qua, trấn tĩnh lòng mình lại, nhìn cuốn sách Mợi tặng, đọc lại dòng đề tặng, Nguyễn buồn rầu mà than một câu tràn trề những từng trải về lòng người: "Mỏng manh thay chút kỷ niệm này. Bây giờ đọc câu đề tặng này, kể cũng vui đây..." Nhưng có một ngày rất gần đây, giở đọc lại ta sẽ thấy nó vô nghĩa. Và rồi có một ngày nữa cũng gần đây, Mợi cũng bẽ bàng khi ngắm lại bức ảnh mình vừa đưa". Nguyễn mênh mông buồn cho mình, buồn cho lòng mình và lòng người. Và tự hỏi rằng sao đã biết như thế mà vẫn còn cứ đi lại với Mợi. Nguyễn thấy cái sức mạnh của thói quen mà ghê quá. Ra người ta cứ có dịp gần nhau là dung được nhau, chịu đựng được hết cả.

Nguyễn đã hiểu rõ tại làm sao có những gia đình có những lứa đôi mà mỗi người là một người của một thế giới riêng, họ chịu luộm thuộm sống cạnh nhau trong một tình trạng tâm tưởng lờ mờ cho đến lúc cùng bạc đầu mà không một ai dám nhờ đến ly dị giải quyết hộ. Sức mạnh của thói quen. Ôi! Chàng nghĩ đến cái đẹp của giải tán.

*

* *

Những ngày trở về Thanh riêng đối với mỗi người đều chỉ đầy những nhạt nhạt. Mợi và Nguyễn đều biết trước rằng những cuộc xê dịch ngắn ngắn này là do bổn phận dun đẩy họ. Bổn phận đối với nhà.

Cứ mỗi năm đúng vào ngày, vào mùa ấy, bổn phận lại cho nổi lên một cơn gió. Gió đã lên, hai hạt bụi ấy của nhân gian lại đổi chỗ từ một cái đô thành lớn để cùng rụng xuống mặt đất một cái tỉnh nhỏ. Và Mợi cùng Nguyễn lại có dịp được gặp nhau, lắm phút nồng nàn thành thực, hai người lại than thở, lại tường thuật tâm sự lẫn cho nhau nghe nữa kia. Nhưng hễ động trở lại Hà Nội thì họ lại "không phải" gần nhau nữa. Có khi gặp nhau ở giữa phố mà họ làm ra bộ lạ nhau.

Chẳng cần phải trở về đến hẳn kinh đô, Mợi và Nguyễn mới cảm thấy gần nhau là thừa, là tẻ. Họ đã xa nhau từ trên cái chuyến tầu mỗi lần đem họ từ Thanh ra trả lại cho đời sống Hà Nội. Đến Nam Định họ nói chuyện đã đâm ra nhát gừng. Tới Phủ Lý, câu chuyện đã thành ra chuyện của người mơ ngủ. Đến ga Hàng Cỏ, họ lật đật rời nhau, đưa những bàn tay nhũn nhùn nhùn ra để chào nhau trong một cái bắt tay rất chóng vánh.

Tâm lý hai người ấy trên một chuyến xe lửa bắt đầu từ ga Thanh cho tới ga Hàng Cỏ khác gì tình trạng tâm tưởng của một du học sinh Việt, lúc trang xong nợ sách đèn, trên con tầu bể về cố hương, được làm quen với một vài vị quan cai trị vốn ở Đông Dương nghỉ giả hạn về Pháp, mà bây giờ lại sang cung chức lại. Rời bến Marseille, người ta có cảm tình với nhau ngay vì cùng là bạn đi cho đến chỗ cùng tột của một chuyến lữ hành sang Cực Đông. Trong lòng bể Địa Trung Hải, phía tay trái. Kia là những ven bờ rất cổ tích. Bờ Ý, sâu quá trong đó là La Mã. Bờ Hy Lạp. Quê hương của cổ điển học, của nghệ thuật, của đẹp.

... Và cuộc kết thân của Mợi và Nguyễn cũng chỉ đến ga Hà Nội là hết. Ở đấy, mỗi người đã có một cuộc sống riêng chờ đợi mình.

Tình cảnh này quả phải là mệt nếu cứ kéo dài như thế mãi để làm cho lòng người ta mòn dần; mòn đến đâu thì hối tiếc đến đấy.

Nhưng có một Ông Trời rất thương người, đã bắt những kẻ kia không phải chịu đựng cực hình ấy lâu quá sức họ. Ông đã bắt một người trong hai người phải chết đi để cho cái người còn sót lại khỏi phải bận lòng vì một cái tình giao hữu gắng gượng.

Ôi, nếu không có cái chết rút được Mợi ra khỏi cái lòng phiền phức của Nguyễn thì mỗi lần về Thanh, Nguyễn lại càng bực dọc đến chừng nào? Vạn tuế cái Chết! Cái chết phải có mãi.

*

* *

Mợi cảm xoàng có một hôm mà chết ngay được. Ra chết được cũng không phải là một việc khó khăn như cô Kiều đã nói sưng sưng lên trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Mợi chết ở Thanh, ở bên cạnh cha mẹ. Con người ta ăn ở lành thì được nhắm mắt trong cảnh thuận là thế.

Đi theo đám, Nguyễn đi gần cỗ đòn. Lúc đám phải rẽ ngoặt ở một ngoẹo đường vuông thước thợ đến 90 độ, chàng đi ở đuôi đám, được trông thấy cả đầu đám và trông thấy bức trướng dạ xanh chữ nhung đen của mình phúng có năm chữ "Du du tống biệt tình". Cạnh chàng có một người đàn bà nạ dòng rất xấu, rất bẩn, vừa ăn trầu vừa hút thuốc lá tổ sâu kèn ướp hoa ngâu, vừa nói một câu chuyện mà chàng chỉ nghe rõ thấy một đoạn có những tiếng: "Ôi, nghĩa tử là nghĩa tận..." Nguyễn muốn được biết cái tình nghĩa giữa người đàn bà nạ dòng này với kẻ chết lúc còn sinh thời là như thế nào, và chàng có cái ý cáu kỉnh muốn cùng với người đàn bà nọ đi tách ra ngoài đuôi đám để sống vài phút hội đàm trong cái kỷ niệm của kẻ đã khuất bóng cách lời.

Nguyễn theo đám đến tận huyệt, cũng bốc một hòn đất ném xuống một cái hố mới đào, còn có những đoạn giun bị nhát mai mới xén đang quằn quại trong lòng huyệt xâm xấp nước. Hòn đất ném xuống đụng ván thiên kêu đánh bộp một tiếng rất hổng. Cái tiếng không chắc ấy đã tả đúng cái tình hời hợt bề ngoài của Mợi và Nguyễn. Có những vật vô tri và nhỏ bé như thấy rõ được lòng mình khi nó bị xô động bật lên thành tiếng.

Nguyễn lấy làm xấu hổ vô cùng khi bà cụ Phán bà bù lu bù loa vịn vai chàng: "Ôi bác ôi, tôi trông thấy bác, lòng tôi càng đau. Bác Nguyễn còn đây, bạn của con còn đây mà con bỏ mẹ con đi đâu, ối Mợi ơi, Mợi ơi! Ơ hờ hờ...".

Nguyễn muốn kính cẩn gửi mấy lời đại tâm sự vào lòng người mẹ đang thương con: "Thưa cụ, đến bây giờ mà cụ vẫn còn nhầm. Lúc

anh Mợi còn sống con không dám nói rõ. Giờ anh Mợi nhà chẳng may không được làm người của cõi đời này nữa, con muốn thưa lại để cụ biết cho rằng chưa bao giờ con là người bạn của anh Mợi. Anh Mợi con cũng nghĩ như thế. Tất cả phần lỗi đều ở anh Mợi đã không trình rõ cụ hay. Để đến nỗi tình thế ấy kéo dài mãi, dài mãi cho đến lúc này đã có một người chết. Con sở dĩ có mặt ở đây, vì con "đã trót" quen một người trong lúc sống, và để cho một số người quen con không khinh con là một người thiếu luân thường, đối với việc bạn bè lúc chết. Thực khổ lắm cụ ạ. Nhà con nó cũng hiểu nhầm như cụ".

Nhưng đứng trước một suối lệ không ngăn được của một bà già tiếc con, Nguyễn không dám gây thêm phiền não cho lòng người nữa. Chàng im, tưởng mình đã làm được việc thiện, và lại tự nghĩ rằng: Mợi đã chết, và khi người ta đã chết thì cũng chẳng cần phải cải chính nữa. Vì thế, có một người chết đã được nằm yên và yên trí rằng mình vẫn còn có một người bạn gửi lại trên cõi dương. Lại cũng vì thế có một bà cụ già, những lúc nhớ đứa con bây giờ chỉ còn là ma, lại tìm đến nhà Nguyễn. Nếu Nguyễn còn ở Hà Nội chưa về thì bà cụ lại dềnh dàng chuyện vãn với vợ Nguyễn. Những lúc được gần những người có dính líu với con mình lúc nó còn sống, bà cụ thấy lòng mình cũng vời vợi.

Kỳ giỗ đầu Mợi năm ấy, bà cụ Phán khẩn khoản mời cả hai vợ chồng Nguyễn lại ăn giỗ. Trông thấy Nguyễn góp thêm phần nhang vào bát hương còn mới, cụ Phán sụt sịt. Tiễn khách ra cửa, cụ mếu máo "Tôi chả dám buộc hai bác nhớ ngày giỗ em. Nhưng khi nào tôi lại mời các bác hoặc tôi bận làm cơm cúng em mà người nhà dưới này lên trên ấy mời hai bác, thì xin hai bác quá bộ xuống cho. Em nó mất đi rồi, nhà vắng lắm". Nguyễn thấy lòng mình nao nao một cách rất thành thực.

Và, bây giờ mỗi lần về Thanh đúng ngày ấy tháng ấy như mọi năm, ngoài cái kỵ chính nhà mình, chàng lại còn phải đi ăn giỗ ở nhà cụ Phán nữa. Đi ăn giỗ Mợi.

Ngồi ở nhà cụ Phán phảng phất mùi hương hoa, và khói nến béo ngậy xa xôi, Nguyễn lại liên tưởng đến những lần đi đến thăm nhà các người bạn đồng chí cũ hiện đang đi tù, bị phát vãng ra đảo, ở nhà chỉ còn trơ có một ông cụ già, một bà cụ già, hoặc một người vợ bâng khuâng. Những lúc ấy sự đời nhạt nhẽo đã bắt chàng phải tư lường nhiều cũng bằng lúc này.

Trở ra Hà Nội, nhân gặp lại Bình, nhân đưa cho Bình xem cuốn sách có lời Mợi tặng mình một đêm ăn bánh cuốn nọ, Nguyễn đã kể hết những tình cảm của mình đối với Mợi và chàng bảo Bình:

– Trong đạo ngũ luân, trong năm tình: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn, bốn tình trên đều có dính dấp đến phép nước.

Những trường hợp của bốn tình trên, luật pháp có săn sóc đến và phải can thiệp tới vào những lúc cái tình ấy sinh biến.

Tại làm sao nhà làm luật lại bỏ lửng mất cái thiên bằng hữu? Sao một cái tình giầu như thế, phiền phức như thế, hay bị diễn lầm như thế mà lại không có cái gì định nghĩa cho nó và quy nó vào những trách nhiệm nhỉ? Xã hội chưa ngả vạ ai, phạt tù ai, vì một người bạn đã lợi dụng, đã phụ một người bạn khác hoặc lừa dối nhau trong tính tình.

Người ta chỉ nói: Chớ nên đùa với ái tình.

Chưa ai nói: Không nên đùa với sự bằng hữu.

Ở đời, chơi được với nhau là khó lắm.

Đánh bạn tức là lụy.

Đánh bạn gượng lại càng mệt nữa.

Bình nhìn cái đầu điếu thuốc có tàn đỏ dài:

– Bởi thế nên tôi có dám tham lam trong sự giao du đâu. Vơ vét cho lắm, chỉ thêm nặng lòng mình và có khi mang hận suốt đời. Hóa cho nên ai muốn nghĩ thế nào thì cứ nghĩ, riêng tôi, tôi cho giữ nổi được những người bạn cũ thôi, cũng đã là giỏi lắm rồi – không nên làm quá cái sức mình.

1940

CÁI CÀ VÁT ĐEN

Tặng Đoàn Phú Tứ

Từ bỏ cái áo the thâm quốc phục, đổi sang ăn mặc tây, trang phục sức mới, Nguyễn khổ bận nhất về chiếc cà vát tết múi mở cổ! Tiền sắm cà vát, chàng quăng ra kể cũng đã nhiều lắm. Mua cứ hàng hộp. Xa xỉ. Nghĩa là không thiếu, không rách, không cũ nhàu.

Cổ Nguyễn lộ hầu đã hứng chịu lấy cái buộc trói của bao nhiêu là dải lụa dệt đủ hình bài trí và sáng ánh đủ các màu sắc, hoặc là hòa hợp hoặc là tương phản. Đã có bao nhiêu đời cà vát lìa rời khỏi tủ pha lê lũ lái xa xỉ phẩm để đến gá nghĩa với da thịt một cái cổ lúc nào cũng thêm đến sự tô điểm của tơ nõn, của màu đẹp.

Nhưng những dải lụa diêm dúa ấy cũng chỉ sống đủ cái đời của một dải lụa. Và đâu có phải là chúng thiếu cái đức bền vững của vật tốt.

Thật tình ra, những cà vát của Nguyễn đều là thứ dệt bằng hàng tốt. Vò không nát, tuốt mạnh không đứt, rút không rão, sợi không giãn thớ. Nguyễn còn muốn gì nữa?

*

* *

Nguyễn vốn có một lối sống hỗn độn. Trong lòng chàng và thứ nhất là trên đời chàng, luôn luôn có mưa gió và bão giông. Bọn cà vát lụa sinh ra là để sống một cuộc đời yên nghỉ ấm rợp của mỹ nhân, vì thế cũng phải theo luôn Nguyễn mà đi sâu vào cái mưa gió nó cứ quyện lấy tháng ngày của Nguyễn, chỉ biết có xê dịch và xa lìa. Hỡi thương ôi những dải lụa màu! Cứ theo Nguyễn mà lăn xả vào cái thất thường ghê gớm của thời tiết – với sương muối gió nồm, nắng chói lòa và trắng của ẩm mốc – thì nhan sắc nào mà chẳng sớm tàn. Cái gì quá đẹp thì lại chóng tàn. Trong cái phút giây chớp mắt của mùa lên đường, cánh bích đào ngày này năm này đã có đủ cái nhợt phai của đào năm trước.

Ấy thế mà đám cà vát tơ kia đã không đến nỗi phụ Nguyễn, người nhân tình bất diệt của lụa màu. Tất cả màu sắc luôn luôn khôi ngô trong trẻo trên các dải lụa dệt lòng thòng trong tủ áo Nguyễn chừng như muốn trêu nhạo cả thời gian – cái thời gian tuyệt đối mỗi lướt trên mọi vật tươi sáng là chỉ muốn mọi vật trở nên cũ xấu và hóa theo cái bản sắc vàng bệnh của mình.

Những dải lụa yêu của Nguyễn vẫn tươi bóng không chịu úa rầu xuống mặt.

Ấy thế mà Nguyễn đã phụ tình. Ngày nay chàng đã quên, chàng đã ghẻ lạnh với lũ lụa màu. Lại còn giam cầm. Trong cái tủ áo kia, những thân tơ óng ả ấy đã là những phận tù của không biết đến bao

giờ. Bao nhiêu dây cà vát rủ rù rù trong cái đen ngòm của tủ đứng đã khép kín hai cánh. Ở đấy, lạnh lẽo vô cùng và tối om om vô cùng. Tơ nõn dệt màu ấy sinh ra là để được phô phang, trình bày cái diễm lệ của mình ra giữa cái sáng thơm ngon của Tự Nhiên hay giữa cái sáng ma túy quyến rũ của quán rượu gac ca có tiếng cười chen tiếng xô động của thủy tinh và sứ mỗi rớt xuống thềm là lại làm xao xuyến cả một bầu khí đượm phấn ngát nước huê hồng. Lũ tơ nõn dệt màu ấy giờ đã phải đau khổ âm thầm với Nguyễn đã ỷ mình nhiều tiền, lấy về để rồi mà ghẻ lạnh và hạ ngục. Chiếc tủ áo là một cái đề lao xinh xinh, là một thửa lãnh cung và bấy nhiêu cà vát là tất cả số phận của những cung nhân bị bỏ rơi, ngày đêm thầm trộm nhớ đến một khuôn mặt rồng ở xa trên những nơi chín bệ. Tiếng đàn ca thưa nhạt não nùng của một đô thành hoa lệ, nhiều đêm khô nỏ và thuận chiều gió về đã lẻn qua kẽ tủ gương mài cạnh và dội vào nơi lãnh cung này của đám cà vát bị thất sủng, bị rẻ rúng, rẻ rúng cho đến tàn cái kiếp một sợi tơ tầm nhuộm thắm.

Ở những đâu đâu xa xôi đùa vui là thế mà trong tủ gương này thì chỉ có lạnh vắng. Đùn đùn hơi ẩm. Dằng dặc mùi mốc. Giây lát một con gián bị luồng long não băng phiến đuổi theo sột soạt chạy, quấy nhầu cái tịch liêu của lãnh cung. Có những con nhạy con dài đuôi phụ họa vào. Rồi pha thêm vào những mùi thuốc sát trùng ấy là cái mùi phân gián và chuột chù nhiều khi rất tanh rất đặc. Đã tội nghiệp thay cho cái đời của những màu sắc bị đầy ải vào đen tối và tẩm mình trong hôi mửa.

Khi không, Nguyễn đã trở nên một bạo chúa trong lịch sử loài tơ quấn cổ. Người ta héo dần trong oán tiếc ở các thâm viện bạo chúa của sử xanh như thế nào thì ở đây, trong cái tủ gương sáng chói chỉ có bề mặt ngoài này thôi, bọn cà vát cũng giận chờ khổ đợi như thế. Cái tủ gương đứng có khi hàng mấy tuần, Nguyễn không mở đến. Có những buổi chiều mà một giời ráng vàng còn cố níu lấy hoàng hôn chưa cho trụt xuống vội, tủ gương lách cách tiếng thìa khóa đâm quay trong trong ổ khóa đã gỉ.

Đám cà vát tỉnh giấc và mừng và hy vọng như lũ tội nhân cấm cố đợi phút được đưa từ buồng tối ra chỗ ánh sáng muôn năm. Luồng gió lạnh tạt từ ngoài vào làm động đậy mấy dây cà vát cọ mình vào nhau. Lũ dải tơ ngả ngốn lả lơi, xê xích lại. Lũ phi tần nghìn xưa gần kề nhau trong thâm niên rồi xì xào tâm sự với nhau xem hôm nay dê

của Thánh thượng dừng xe trước bó lá dâu phòng nào thì cũng hồi hộp đến nhường ấy thôi.

Bấy nhiêu dải tơ dệt màu, mỗi cái đẹp một vẻ. Cái thì kẻ ô vuông xanh màu thạch xương bồ chen vào những gạch tréo màu lựu ngày nắng tháng năm – hình như đây là thứ cà vát dùng vào buổi lữ hành. Cái thì nhờ nhờ màu hạt trai điểm những hình quả đậu tươi sáng. Cái thì trong vắt sắc da giời lác đác ít ngôi sao màu cá vàng. Cái thì biêng biếc một màu âm thầm của nước biển chiều trên ấy chạy ít đường sóng lệch, nhăn nheo như mình lá hổ thiệt. Có thứ lại đẹp một lối chắc chắn khiêm tốn với màu huyết dụ toàn thể hoặc tím than một sắc. Và chao ôi, từ ngày thời thượng phục sức bước vào một kỷ nguyên mới, người ta đã dệt được bao nhiêu là thứ hình cầm, thú, cây, cỏ và hoa lá, rất xinh và cũng rất quái đản để làm nền cho một dải cà vát. Nói ra cho hết, sao cho tới chỗ cùng được.

Nghe tủ động tiếng khóa mở, chiếc cà vát nào cũng tự cho mình là đẹp là đủ điều kiện đẹp để hôm nay rời khỏi lãnh cung ra mà vòng ôm lấy cổ người yêu đã có một phút nghĩ lại.

Nguyễn mở rộng hai cánh tủ, điểm hết mặt bấy nhiêu dải tơ. Hai mắt Nguyễn rầu rầu.

Đám cà vát óng ả bị tay Nguyễn quơ phải, giạt cả về một phía, nép xát mình vào nhau, tỏ rõ cái yếu thơ rất khiêu khích của một giống đẹp sinh ra để mà làm nũng và biết lấy ngay cái sở đoản kiều nhược của mình ra mà làm một thứ khí giới lợi hại. Có mấy chiếc cà vát khỏe quá, tươi thắm quá lại đứng riêng ra một chỗ nơi đầu dây, như chiều ta đây không muốn lẫn vào với đám chị em tầm thường, đã chẳng dám tách riêng ra mà can đảm đòi lại quyền sống ngoài ánh sáng.

Bữa nay tủ cà vát nhộn nhịp.

Sợi dây cà vát rung rinh rồi mấy mươi dải cà vát cũng đều rung rinh theo trong bóng tối. Một luồng ước vọng thấp thỏm vừa chạy qua tâm linh đám mụn tơ. Chưa cái cà vát nào biết rõ trước là "chị" nào sẽ được ra khỏi chỗ tối tăm này, dầu là chỉ có một buổi. Quyền lựa lọc ấy là quyền của đấng chủ nhân – đấng chủ nhân thì chỉ có một mà họ, những lụa đẹp, thì là rất đông. Lũ cà vát đợi, phút dài như năm.

Nguyễn vẫn rầu rầu gửi mắt vào lòng tủ mà không để tâm đến dải cà vát nào cả. Chàng uể oải tháo múi một dải cà vát đeo ở cổ không biết từ bao giờ, rồi vứt nó xuống cạnh đám cà vát cũ kia. "Ta

lại chôn vào đây một ngày vui nữa vừa đi qua" Nguyễn lẩm bẩm, đóng ập cửa tủ đang kêu một tiếng rầm.

Thì ra đám cà vát hy vọng và thất vọng kia lại đang thêm được một số phận bạn bầu nữa, bị vứt vào đấy để làm lạnh thêm không khí tủ đã thừa mùi thê lương. Nơi lãnh cung, Thánh thượng lại vừa thêm được một nàng phi thất sủng.

Khốn nạn, đã không dùng đến đám cà vát này nữa, đã không muốn thắt cà vát lộng lẫy nữa thì Nguyễn nên đem mà nhường lại cho các bạn thân, hoặc tiện và thấp xoàng hơn nữa, thì nên đem cả cái lô hàng tốt ấy gửi vào nhà hàng tầm tầm nào cho họ bán đấu giá đi như cái lối bán đồ vật của những vị Tây phải hai năm mươi ở xứ này. Không muốn cho "người ta" ở với mình nữa thì nên phóng thích người ta ra, thải cho về, để cho người ta đi tìm những bộ cổ xinh tròn khác mà làm bạn mà gửi thân. (Cuộc đời chung quanh đâu phải là không còn có cái cổ nào nữa. Người đao phủ vẫn còn thèm sống kia mà). Giữ làm gì người ta trong một cái tủ lạnh hơi người vắng mùi hương ấm để cho nó mai một những màu sắc chóng vánh nhất thời ấy đi. Đã phụ tình nhau thì nên buông nhau ra, chẳng có hơn sao.

Chiều nay ngồi tháo giầy bên tủ gương mài cạnh, cổ sơ mi để hở, Nguyễn lắng lòng mình. À, cái đời tiềm tàng của riêng mỗi người, Nguyễn chán lắm rồi, không thể chán được hơn thế này nữa. Chàng đã mất hết cả tin tưởng trong cái lối sống riêng biệt mà trước kia chàng cho là màu nhiệm kỳ thú lắm.

Ra cái hạnh phúc con người ta không thể đặt lên, Truy Hoan được. Khi mà người ta thừa thãi sức khỏe và tiền bạc, và lại được hai đấng cha mẹ thừa bát ăn để cho mình ăn học để có lấy một quan niệm đại khái về sự sống theo chiều mặt, thì ai mà lại chẳng vui và đùa hát và nói to cho nó qua ngày đoạn tháng. Đã từ một ngày xa thẳm nào, Nguyễn tưởng cứ ướm mãi được nụ cười như thế trong ca hát và lúc nào cũng nắn mãi được một múi cà vát xinh tươi trước cúc áo cổ sơ mi. Nhưng có một buổi chiều không gian nặng trĩu nhựa sống thuần túy, Nguyễn đã bị không khí mới sai bảo đắc lực và hiểu cuộc đời theo một chiều sâu để rồi lại đem mình lắng mình vào một đời sống bên trong. Thì Nguyễn mới nhận ra rằng một cốc rượu màu đào nồng men cũng như một món tóc thề, cũng như một miếng dê béo, đều đã không nói cho chàng nghe thấy một điều gì hết. Hay là tất cả bấy nhiêu chỉ có

bảo cho chàng hiểu rằng tất cả bấy nhiều là vô vị, là nhạt nhẽo, là thối nát và chàng không tiếc gì mà thay bỏ hết.

Cái lô cà vát kia là dấu vết của một thời đã được coi là đứt đoạn hẳn. Và để đánh dấu lại cái bóng quang âm ấy của một thời đã đi qua, Nguyễn đã cất hết bấy nhiêu cà vát đẹp vào tủ kín. Rồi để lúc nào buồn lại thử mở ra xem. Trong cái tủ áo cánh gụ chặt khóa, nhiều kỷ niệm lắm. Nào là những buổi chiều lộng lẫy và hí hửng bên một vòng đua ngựa. Nào là những buổi sớm ngày chúa nhật đàn đúm đi rong phố Tây sắm những đồ vật không cần dùng gì cho sự sống hằng ngày, nào là những đêm... ôi! Mỗi dải lụa tơ dệt màu là một ngày náo động được hồi tưởng đến. Ví chẳng khác một cuốn *an bom* lúc được giở lại từng tờ một.

Bây giờ Nguyễn đi tìm những thức ăn mới và đã biết trốn xa những nơi hội họp cũ. Nguyễn đã muốn thay thực đơn cho lòng mình.

Và Nguyễn đã thay luôn cả cái bề ngoài của mình. Những cái gì là lộng lẫy là hào nhoáng, chàng thải hết. Và giờ, trước ngực nơi cổ, người ta chỉ thấy chàng tết có một nút cà vát đen kịt. Có người trưởng tộc ngứa mồm, biết trong họ nhà – về chi Nguyễn – không có ai nằm xuống hồi gần đây, hỏi nghịch chàng là để trở ai thế, thì Nguyễn trả lời rất gọn rằng "Thưa cụ, cháu đang để tang cháu đấy ạ".

LỬA TRẠI

Gửi cho một người con

Cái đêm thức vừa rồi sao mệt đến thế. Ấy là cái đêm trăng không có nhựa độc pha thêm nữa vào mà còn thế đấy. Nếu có nha phiến thấm tràn vào người như những năm trước thì phải biết! Có mà giặc giã ập ngay đến lúc này thì mới dựng nổi được Nguyễn dậy. Nguyễn bẻ tay kêu lắc rắc.

À, cái thằng Xuân lại đang ôn lại những bản nhạc cổ điển, nắn nót nhún nhẩy, mài mười đầu ngón tay trên lũ phím ngà chiếc dương cầm lù lù chiếm mất hẳn một góc phòng. Sao hôm nay người bạn đàn

hay và du dương đến thế. Xuân, cái người bạn tốt – đã vui vẻ đánh chó và mở cửa cho Nguyễn vào ngủ nhờ một đêm – thấy Nguyễn cựa mình, tay vẫn nhún phím đàn, ngoái đầu lại, nói chõ vào tấm màn trắng rung rinh:

– Còn sớm, ngủ lại đi; để tôi tìm một bài gì ngồ ngộ đàn cho anh ngủ thêm nhá. Bài "Bữa cỗ của con nhện". Anh thử nghe kỹ xem cái đoạn giữa bản đàn có toàn là những tiếng ruồi tiếng muỗi rung vẫy cánh chực phá bung cái lưới tơ nhện giăng không nhá?

Mặc kệ bạn đánh bài "Bữa cỗ của con nhện" Nguyễn thầm lặng đuổi theo những ý nghĩ mình đầy tiếc thương và rẻ dúng. Chao ôi! Đêm qua Nguyễn lại đi chơi. Đến lúc này mà vẫn còn trong mồm chàng trên da lưỡi chàng, nơi đáy họng chàng cái mùi vị chát xít và ma túy của mấy bình rượu. Cánh tay sơ mi đưa lên mũi, có mùi thơm của chất dầu bôi tóc đàn bà. Và ở đấy vẫn còn đọng lại chút hương phấn của một thứ phấn đậm. Lại còn cái gì mà đỏ lem nhem thế này nữa? Trời! Sáp môi.

Đêm qua, lúc gần về sáng, Nguyễn mò về nhà Xuân xin ngủ nhờ. Cái giường vẫn thừa chỗ cho hai người nằm, tại sao Xuân lại không cùng nằm chung với chàng? "Tôi ngủ đẫy giấc rồi. Cho anh nằm một mình cho dễ chịu. Tôi dậy làm việc đây! Mấy giờ thì đánh thức anh?" Nguyễn suy nghĩ về câu nói và cử chỉ của Xuân. Có lẽ người bạn tốt của chàng đã ghê tởm chàng. Nguyễn đã tha lê về đây bao nhiêu dư vị dư hương chẳng thơm tho ngon lành gì của một đêm chơi nhảm. Xuân có quyền coi thường chàng. Và tính vốn kín đáo, nó đã giả vờ dậy làm việc để khỏi phải ngủ cạnh mình. Tính Xuân nó sạch sẽ và lòng nó trong sạch, chốc nữa mình đi rồi, chắc chỗ vải gối vải giường vải bọc chăn này, nó sẽ đưa ra thợ giặt hết. Nguyễn lại đưa hai cánh tay sơ mi nhầu lên mà ngửi. Chàng thấy mình đang chán mình. Nguyễn càng thấy chán hơn nữa: Cách cái tâm cảnh rơi rạc của chàng có một thước, người ta đang làm việc rất vui vẻ và lương thiện. Xuân nó đang đánh đàn. Xuân nó đang tìm tòi một cái gì trong cõi thanh âm huyền bí. Bên một cỗ đàn dương cầm bóng nhoáng, Xuân nó đang cần cù phụng sự cái lý tưởng của nó. Đẹp vậy thay là âm nhạc. Đẹp vậy thay là anh bạn Xuân đang khảo phím cỗ đàn.

– Thế nào? Anh lại mặc quần áo đi đâu? Chưa đến còi mười giờ mà.

– Ra thư viện và tạt qua nhà in một lát.

– Có cần viết gì, sẵn cả giấy bút ở bàn ấy. Người anh trông mệt

lắm đi làm quái gì. Ở đây đến trưa đợi tôi đi dạy mấy bài đàn về rồi cùng đi ăn cơm. Có buồng tắm đấy. Quần áo tây và sơ mi tôi, anh mặc vừa có cần thay thì cứ lấy mà thay. Ừ, hôm nay vừa kỳ thợ giặt tới lấy quần áo, đồ cũ của anh cứ vứt vào bồ kia cho nó giặt luôn thể. Sao? Độ này anh có viết được quyển gì mà tự mình lấy làm bằng lòng không? Lâu không thấy họ in tên anh.

Nguyễn giở một cuốn tự vị, lơ đãng nhìn mấy hình vẽ, lắc đầu. Chàng đã vội vàng bỏ một bàn tay ngón mềm nhũn lạnh toát mồ hôi vào cái lòng bàn tay ấm áp rắn rỏi của Xuân. Xuân tiễn chàng ra cửa, nhìn theo người đang lỡ một bước chân, lúc tạt ngang qua đường phố, loạng quạng suýt đâm vào một cỗ xe rác.

Bác tùy phái nhà in đưa cho Nguyễn một bức thư:

– Thưa ông, thư này tới đã một tuần lễ. Không biết chỗ ở nhất định của ông, nên đành phải giữ lại đây.

Nguyễn bóc thư – một bức gia thư.

Thưa Cậu,

Con vừa được lên đoàn trên. Đúng ngày kia con làm lễ tuyên thệ. Anh đoàn trưởng có viết giấy lại đằng nhà mời Cậu và Mợ đi dự lễ tuyên thệ của con. Mợ con bảo con viết thư ra mời Cậu về. Có Cậu cùng đi thì Mợ con mới đi. Vậy thế nào Cậu cũng về. Các em đều ngoan cả. Em Thi thì vẫn đi học. Còn em Thư thì kỳ vừa rồi, cô giáo bắt phạt vì đi học đến trường chậm luôn và hay khóc.

Cái mũ nồi giờ không dùng được nữa, cái mũ nồi chỉ dùng được khi con còn đi họp đoàn Sói Con thôi. Bây giờ con là thiếu sinh đoàn Hướng Đạo. Phải đội mũ khác. Bằng vải vàng may có vành rộng. Cái thứ mà chỏm mũ bóp thành quả núm có bốn mui ấy. Cậu ạ. Cậu mua mũ nhớ đầu con số 48.

Ký tên: CON.

T.B. – Hôm qua em Vinh đánh đổ cả chai mực tím vào áo lụa. Mợ con đánh cho đến mấy cái phất trần. Rồi cả em Vinh và Mợ con cùng khóc. Mợ con bảo Cậu đi vắng mãi thì các em con đến hư hết thôi... À, cái con sáo đã bay mất rồi, Cậu ạ. Thế là từ giờ, không còn gì đem ra mà tắm chơi nữa, Cậu ơi. Lại còn mấy con lợn đất đựng tiền của chúng con. Mợ con hôm vừa rồi cũng đập ra hết lấy cái mua sữa cho em bé. Ông nội đi Huế đã gần một tháng chưa về. Nhà vắng.

Bà nội hay gắt và mắng chúng con là đi ra Hà Nội với thằng bố chúng mày. Mỗi lần bà nội gắt là mợ con lại kêu rức đầu, bỏ ăn đi vào buồng nằm. Thành ra các em con đùa nghịch bên mâm cơm, đánh nhau chí chóe, đổ canh đổ nước mắm ra giường, con thường bị bà nội mắng lây.

Nguyễn dạo qua các phố, dính mũi vào nhiều miếng kính tủ hiệu bán mũ. Chàng ngắm mãi cái mũ hướng đạo vừa chọn xong. Tuy là vải vàng máy chỉ vải mà đẹp khéo vô cùng. Sẵn tấm gương của nhà hàng, Nguyễn đặt mũ lên đầu, ướm thử. Phiến gương to trả lại cho chàng bóng một cái mũ rất bé đặt chênh vênh trên một cái đầu lớn quá. Đầu mình và mũ trẻ làm bạn với nhau một cách không xứng đáng đã gợi cho Nguyễn thấy hình ảnh bộ mặt một hề xiếc hay đội và mặc lố lăng để làm trò cười cho thiên hạ. Tay vẫn nghênh ngang cầm chiếc mũ vải vàng đi giữa phố, Nguyễn gặp dăm bạn tay chơi quen:

– Mày làm cái điệu gì mà nghênh ngang giữa phố với cái mũ kia thế. Định đội à? Lập dị thế! Mày mà đội mũ thì trời xập đó. Mấy năm nay, có ai thấy mày mũ mãng gì đâu.

Trái với cái tính chàng mọi ngày hễ gặp những bạn tay chơi là khôi hài ngay, Nguyễn nhìn họ rất lâu, rồi trả lời mệt mỏi:

– Tôi mua về cho thằng con vừa được lên đoàn Hướng Đạo.

– Nói đùa hay thực... Khốn nạn, nào ai biết được ông là bố trẻ con. Trông cái mặt nghịch ngợm thế kia và được rõ cái lối sống bạt mạng của ông, ai dám ngờ ông đã lập gia đình. Với lại ông có khai ra bao giờ. Nhưng hãy gác chuyện đứa con ông lại đã. Nhân gặp ông đây, chúng tôi vui vẻ báo cho ông một cái tin buồn này là chiều nay, chúng tôi kéo nhau ra ngoại ô đánh chén. Một con dê. Mà chỉ có ba người ăn. Có ông nhập vào nữa thì vuông cỗ. Ăn xong lại rủ nhau sang nhà con Tuyết gầy. Ông nghĩ sao?

Chẳng cần nghĩ sao cả, Nguyễn không nhận nhời và không kềnh càng chuyện gẫu thêm như mọi lần, chàng rảo bước đi thẳng. Lũ bạn ngạc nhiên nhìn theo Nguyễn đang lom khom ở quãng cây cột đèn trên, cúi xuống rãnh nhặt một cái gì cho một đứa trẻ hàng phố đang chỉ tay vu vơ và sụt sịt khóc.

Tối hôm ấy, Nguyễn đã về đến nhà, sau bốn giờ tầu tốc hành. Chàng đánh thức ngay thằng Tuyền đang ngủ dậy. Lồm ngồm trở

dậy, thấy đèn sáng trưng, thằng bé Tuyền hấp hay dụi mắt. Nguyễn đội ngay lên đầu trẻ cái mũ Ka – ki sì – cút, xoay đi xoay lại mấy vòng. Mũ vừa đầu con, Nguyễn cười, trẻ Tuyền cũng cười, lộ hai hàm răng không đều và chưa đủ. Thế rồi nó lại lăn ềnh ra ngủ. Nguyễn thấy đứa con ngủ ngon lành như vậy, chàng lại nhớ đến những giấc ngủ đứng ngủ ngồi của mình vào những đêm nể bạn cũ phải căng mãi mắt và rộng miệng cả hơi làm vui cho bạn ngả ngốn bên đèn và bên hoa. Lại nhìn thêm đến lũ con nhỏ khác ngủ rải rác ở mấy bộ giường, Nguyễn không muốn đánh thức chúng dậy vì, chót cẩu thả trong việc về thăm nhà, chàng đã chẳng mua được tí quà bánh và đồ chơi cho trẻ, giờ lại đi khua chúng dậy, bố con nhìn nhau, lại có đều tủi bẽ thêm chăng! Nguyễn chỉ vội thực hành ngay một ý vui vừa chớm qua đầu óc. Rón rén chàng lật tà áo cánh mỗi trẻ lên, buộc một đồng kẽm năm vào đầu dải rút mỗi chiếc quần hồng đũng. Rồi trở ra bên mâm cơm bất thường vợ vừa bưng lên, Nguyễn đã xoa tay với sự bằng lòng của một ông cụ Noel sau một đêm phát chẩn tết Giáng Sinh. Cơm có rượu, chàng lại uống, vừa uống vừa ngẫm. Quái, cũng là một thứ rượu ấy – chàng đã nâng mãi cái chai rượu nút còn nguyên vẹn dấu si vừa mở có dán nhãn hiệu rất quen thuộc kia lên, đọc đi đọc lại tên rượu – mà hôm nay chàng nhấp thấy ngọt dịu chứ không cay gắt và đắng như mọi lần uống với đám anh em tửu đồ ở "ngoài ấy". Ngất ngưởng một mình trên cả một cái gác, đêm đó, Nguyễn lại muốn làm thơ, để ca tụng đến cái hương thơm dịu đượm mùi xúc cảm bốc lên khỏi chén rượu của một "Cuộc trùng lai của đứa con hoang toàng".

Từ buổi mang mũ về cho thằng con đứng đầu lũ con đàn, Nguyễn lần lữa ngày một ngày hai, không chịu trở vội lại Hà Nội và mặc kệ bao nhiêu "những thằng những con Hà Nội", chàng không trả lời một lá thư nào cả. Có lúc nhận những cái bì thư hoa mỹ này, chàng đã muốn xếp xó lại đấy, nhất định không mở đọc, giống như cái lối chán chường của một người nợ nhiều quá, lúc phải nhận những bì thư đảm bảo của chủ nợ thúc. Mỗi buổi ăn cơm được luôn luôn đổi bữa bằng những món tầm thường như cá kho tương, riêu cua, cà bung, tay bí sào, nõn khoai, thịt thuôn, Nguyễn cảm thấy cái sinh thú cám dỗ của cuộc sống có gia đình. Bây giờ chàng mới thấy cơm cao lâu là nặng và rượu nơi nhà hát là cay. Mỗi buổi ăn điểm vài chén rượu – vài chén thôi – cho ngon miệng lúc và cơm, mỗi lúc mâm cơm bưng đi

rồi, vợ chàng quét giường giải chiếu khác. Nguyễn nằm đùa với lũ con đàn. Nguyễn ít ở nhà, lũ con nhỏ không quen mấy, chưa dám đùa ngay, chúng giạt cả vào phía tường, trố mắt nhìn. Có đứa sợ quá lại òa lên khóc, mặc dầu có mợ chúng cũng ngồi đấy, Nguyễn hơi cáu với trẻ. Vợ chàng lại một phen phải đứng ra nói nhiều câu đến là buồn cười để hòa giải cái việc hiểu lầm giữa chồng đùa nhả đùa vụng và lũ trẻ đàn đang sợ người lạ. Một hôm, hai hôm... dần dần bọn trẻ cũng hiểu được cái người lạ hay đùa với chúng kia là ai rồi. Chúng không sợ nữa, nhưng những cuộc đùa nghịch trên giường kia, trông nó vẫn đểnh đoảng thế nào ấy. Ở mọi nhà, bố con họ đùa với nhau, trông nó vui và dịu êm dịp dàng hơn kia. Vợ Nguyễn đứng quạt màn trong buồng nhìn ra, lấy làm ái ngại cho một người bố trẻ con vì lỗi đạo đã lâu ngày rồi nên dầu mấy bữa nay tập tành riết mà vẫn chưa chơi được với đàn trẻ cho nó nên hồn. Nàng cười rất có lượng: "Bấy nay chồng mình chỉ quen đùa với những đàn ông và đàn bà lớn tuổi ở chỗ ngoài gia đình thôi!" Nguyễn cũng biết mình chưa lấy được tín nhiệm của đàn con, chưa quen những thói tục, chưa hiểu tâm hồn trẻ cho thấu đáo. Có nhiều buổi, Nguyễn ngồi cặm cụi tước lá chuối, làm mãn làm mèo cho trẻ chưa xong thì lại ngắt hoa hồng bứt cánh để tươi cho trẻ khác thái ra làm cỗ. Đến như trẻ con mà chơi thì nhiều cái kỳ cục thực. Chúng lấy một cái buồng cau tươi đã bị cắt hết quả, chúng kẹp hai chân cưỡi lên một bộ xương cau xanh, giả làm cưỡi trâu cưỡi ngựa nhông ếp ầm ỹ vui vẻ như thế được luôn mấy ngày liền mà không chán thì cũng thú thực. Nguyễn ngồi rình lũ con nô đùa, và cố hiểu những ngón chơi của chúng. Cái thế giới nhi đồng ấy có nhiều cái bí ẩn bắt Nguyễn phải nhận chân đến một thứ nghệ thuật làm cha con trẻ. Hiện bây giờ chàng chỉ là đang tập làm bố.

Chờ mãi tối nay thằng Tuyền mới đi họp bạn sì – cút và đốt lửa trại thì trời lại phăn phăn mưa. Nguyễn đưa vợ con ra bãi cắm trại chen lẫn với đám cha mẹ kia cũng đang đi xem con cái mình diễu qua trước một ngọn lửa và chút nữa sẽ làm trò. Đứng trên bãi cỏ ướt đầm, vợ Nguyễn chỉ cái đống củi lạ cháy đỏ ngòm và nói chuyện với chồng rằng: "Trông y như là Tết nấu bánh chưng ấy". Lũ con nhỏ thì say mê với những cái tàn lửa nổ bật lên nền trời mưa và nghĩ đến những cái pháo hoa cải được đốt hồi đầu năm chơi tết mua bằng cái tiền ông bà nội phong bao cho lúc chúng mừng tuổi. Chúng thì thào:

– Mãi mà chưa thấy anh Tuyền ra đóng trò vua Lê Lợi nhỉ?

Hạt mưa mau vẫn xèo xèo trên ngọn lửa xanh li đang vật vã đè lên mặt cỏ bãi lấp lánh những cái bóng người áo cụt, đầu mũ tay gậy, linh động như bóng một chiếc đèn kéo quân sống và to tát. Rải rác trên bãi, nhiều lều lẻ loi ngọn đèn soi vào cái bóng một tráng sinh cầm gậy đứng gác bên cửa lều như một người lính canh thành, Nguyễn nhìn ngọn lửa cháy vù vù. Cùng với tiếng lửa reo, trong lòng Nguyễn có cái gì mới là muốn trào ra khỏi khóe mắt về cảm xúc. Nguyễn muốn đem nửa đời tội lỗi mình đánh đổi lấy một đêm đốt lửa thiêng liêng của cái nhân loại Sói Con ấm sáng trong trẻo kia. Nguyễn muốn đem bao nhiêu là hoài nghi cũ của mình nhớ cái lò lửa trung tâm bãi trại này chế hóa hộ ra thành được một giây lát tin tưởng chân thành của người tráng sinh yêu đời và đang vui sống kia.

Đã đến lượt thằng Tuyền ra làm trò vui bên ngọn lửa trại. Tưởng chồng chưa nhận ra đứa con trá hình để hát và múa kia, vợ Nguyễn giật lay vạt áo chàng. Đứng cạnh vợ, Nguyễn đang ngây cứng ra như đá tượng. Cặp mắt Nguyễn bị một ngọn lửa cả cháy đang thôi miên. Bằng sức dẫn của thương dấu và tủi nhớ! Nguyễn giật lùi về một cái quá vãng tối mù.

1941

Nhà xuất bản Thời Đại, Hà Nội, 1945.

XÁC NGỌC LAM

(Truyện ngắn)

Làng Hồ Khẩu có nhà họ Chu làm giấy nổi tiếng đã đến mấy mươi đời liền. Ông tổ bốn đời nhà họ Chu đâu suýt nữa đã có lần ra làm quan. Thời ấy, nhà vua xuống chiếu cho quan địa phương phải làm sổ đệ dâng về những môn bách nghệ trong nước và tên họ những người có tài thủ công trong các môn ấy; về các phường làm giấy bán giấy, một hạt Hà Đông, nhà họ Chu được đứng vào đầu sổ kê khai bách nghệ. Ý chừng quan địa phương đã cho giấy là mặn thiết với văn chương khoa bảng của một nước sùng thượng kẻ sĩ nên liệt họ Chu lên đầu sổ. Chẳng rõ như thế có phải không, nhưng cứ cái chất giấy dó của nhà họ Chu đem ra xét thì đến giấy trúc của Tầu cũng xê lui chứ đừng nói là giấy dó của bất cứ lò nào xứ ta nữa.

Nhà họ Chu vốn không làm giấy moi bao giờ. Chỉ làm toàn giấy lụa và giấy lệnh hội để viết bằng, viết sắc. Và vào khoảng đầu những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu có khoa thi, thì nhà ấy mới làm đến thứ giấy để học trò đóng quyển gọi là giấy thi. Giấy của họ Chu chế ra bao giờ soi lên cũng có hai chữ Chu Hồ, in lối thủy ấn. Hai chữ thương tiêu viết theo lối triện cổ đời Tần nhắc cho người dùng giấy biết rằng đấy là giấy của họ Chu làng Hồ Khẩu. Trông đến tờ giấy dó của nhà này là ai cũng biết ngay, chẳng cần soi lên mà tìm dấu thương tiêu thủy ấn nữa. Cái đám đàn bà con gái buôn tạp hóa họ đã đố nhau là xếp ra trước mặt rất nhiều loại giấy của rất nhiều nhà làm giấy bán ra rồi người bị đố sẽ nhắm mắt lại, chỉ được lấy tay rờ mà phải gọi được tên giấy của lò nhà nào ra chẳng bao giờ các bà các cô ấy gọi sai các loại giấy của nhà họ Chu cả. Thì ra gồng gánh ăn phường ăn hàng mãi khắp kẻ chợ thôn quê họ đã hiểu hết những đức tính của loại giấy nhà họ Chu. Nó nhẵn mặt mà không cứng mình mà chất lại dai và lắm tờ khổ rộng mình dầy thế mà bắc đồng cân lên thì nặng chỉ đến như cái lông hồng. Mặt giấy xốp, nghiêng giấy ra sáng mà nhìn chất cát dó thì nó như lần da má trinh nữ phẳng đượm chất tuyến của lớp lông măng. Vuốt vào mặt giấy, người ta có cái cảm tưởng được sống là một điều dễ chịu; mùa

nực, rờ vào giấy thấy mát cả lòng và về tiết đông áp tay vào giấy nhà Chu, thấy nó âm ấm như có sinh khí. Đưa lên mũi, tờ giấy đượm hơi thơm của một thứ mộc thảo còn tươi sống, Thật là một vật quý trên thế gian. Tờ giấy dó từ lò nhà Chu đưa ra thị trường, ai nhìn thấy cũng đều lấy làm sung sướng. Nó đẹp đến nỗi mọi người yên trí rằng dẫu đứa thất phu có cầm bút vẽ bậy vào đấy thì những nét lếu láo ấy cũng vẫn cứ thành được chữ. Nhưng hồi ấy người ta còn trọng nho phong và chúng nhân đều là người trí sĩ cả, nên tờ giấy nhà họ Chu còn được may hơn là phận những vách đá giơ mình ra cho người dốt thích thơ vào. Người có chữ nhưng mà văn xoàng và viết xấu thì đều không nhẫn tâm đem giấy họ Chu ra mà viết. Người dốt thì biết kiêng sợ và chỉ trông thấy giấy có thủy ấn Chu Hồ là đã chạy ra rồi. Thành ra kẻ sĩ ở vào cái thời ấy thấy ai dùng đến giấy Chu Hồ là họ tìm đến, ví chẳng được văn đại khoa thì âu chữ cũng phải có nét bút thiếp. Mà sự dùng giấy dó nhà họ Chu Hồ đã thành một lối biểu dương của riêng một phái quý tộc trong làng văn mạc.

Cái lần ấy được triệu vô kinh và được hầu lạy quan Thượng thư Bộ Lễ để tỏ bày những đức tính của giấy dó lò nhà ông cụ họ Chu đã làm cho bực lão thần và tất cả thuộc Nho một bộ phải kinh ngạc và trầm trồ. Ông cụ đã bày các thứ giấy các loại ra án thư và bắt những con gián, con nhậy con dài đuôi thả vào đám giấy ấy. Thì lạ quá, cả một lũ côn trùng kẻ thù truyền kiếp của sách và giấy đều chạy lảng xa rất nhanh khỏi chồng giấy và lẩn trốn đi đâu hết cả. Bộ Lễ bèn làm sớ đệ dâng lên chỗ chín bệ và nhà vua bèn xuống chỉ cho ông già họ Chu sung vào một chân trong Cẩm tín viện để ở luôn nơi thành vàng sớm tối chế giấy cung cho cả một hoàng tộc và cả một triều đình. Bộ Công đã có chỉ phải xây hai lò giấy dó bên sông Hương và ông già họ Chu sẽ là vị quan trọng dụng lần thứ nhất để coi mấy lò giấy mới mở đó. Nhưng ông già họ Chu lấy làm sợ hãi mà tâu lên rằng hiện trong mình đang mang cái tang mẹ và xin được lộn về Bắc, cứ ở nơi Tây hồ nguyên quán mà chế giấy Ngự chỉ và thường niên đệ vào Kinh do quan địa phương săn sóc việc đưa đi theo những kỳ hạn nhất định. Triều đình thấy ông già họ Chu cũng thuộc về một trường hợp đình gián [1] nên cũng ưng và không nghị tội.

---

1. Ngày xưa người đương làm quan mà vướng phải việc đại tang, thường phải cáo đình gián, xin lui nghỉ cho hết tang ma rồi mới lại xin ra sau để triều đình bổ dụng. Ai ẩn nặc bị tội nặng.

Vậy từ ấy giấy Chu Hồ lại càng bay rộng xa. Thường niên, gặp kỳ vạn thọ hoặc khánh đản triều đình vẫn nhớ đến công người làm giấy, ban ra cho nhà họ Chu hết tưởng lục này đến tưởng lục nọ và ân tứ cho vô khối là vàng lụa. Đời một người thôn dã lái buôn mà được đắc sủng đến dường ấy, thực cũng là một sự đáng ghi lại nơi ngoại sử của một thời trong một nước chỉ biết quý yêu có kẻ sĩ. Và cổng lò giấy nhà họ Chu làng Hồ có nhiều ngày lại vui nhộn quá cửa hầu quyền. Lối xe vệt móng trước nhà người thương nhân, hãn hữu lắm mới chịu ăn rêu đậu cỏ. Những bực cao sang tài tuấn của một thành đô vẫn thường lấy chỗ nhà ông già Chu làm nơi hẹn hò với hạnh phúc. Được cái nhà họ Chu có cái đức làm người bình dị rất vững, nên vẫn cứ cố giữ mực thường, không vì thế mà thành kiêu lộng và lại càng vui với cần lao và nghề nhà ngày một càng tinh xảo. Vào nhà ấy, người ta không thấy có gì là lộ ra cái lối phú quý chơi trèo. Giá vào kẻ khác thì ít ra ở đấy cũng đã điểm những vệt vàng lớp son – vả cũng chính đáng lắm chứ sao. Nhưng không, ở đấy vẫn chỉ có cái tầu dó gỗ xù xì, tảng đá ép giấy nhẫn lặng và hòn đá nghè giấy rất khiêm tốn nằm giữa nền đất trị. Từ đời ấy đến đời khác vẫn chỉ có bấy nhiêu. Rất cổ điển, cổ kính và đơn bạc. Cái gì mà cả dòng nhà ấy biết quý yêu thì vẫn lại là cái tờ giấy của mình chế ra, cho người có chữ dùng.

Cho đến bây giờ.

Cái tảng đá xanh xanh màu núi mùa thu và vuông mỗi chiều hai thước ta, dùng để nghè tờ giấy cho nhẵn mặt, vẫn chỉ là một vật rất thành thuộc ở với họ nhà Chu đã đến sáu bảy đời. Nó câm lặng mà phụng sự như không biết là có mình nữa. Và người ta quý nể nó như là nương nhẹ một người lão bộc, ít khi người nhà họ Chu nỡ nặng tay gieo đầu chầy xuống miếng đá của tổ phụ lưu lại, những khi nghè mặt dó giấy. Mà người ngoài cũng làm nghề này thì cũng chỉ thấy viên đá là một viên đá, dành cho nó cái giá của một viên đá thôi. Cả đến nhà họ Chu cũng nghĩ vậy.

Nhưng... hòn đá ấy vốn có một đời sống thuộc về tâm hồn cũng hơi lạ.

Rừng Hoành Bồ có một nương dó. Rộng sâu lắm. Cũng gần thành một cánh rừng riêng. Gió thung lũng thổi vật vào nương dó, mỗi đợt muốn đi gấp qua hết lòng nương thì cũng phải tàn mất nửa điếu thuốc quấn. Trong cái chỗ cùng tịt của nương dó, có một cây dó không

rõ mọc từ đời nào mà cao vút, cành lá át cả những cây thiên niên tùng gần đấy. Loài dó vốn là một loài cây trung bình thường chỉ cao hơn đầu người, mấy khi đã có được chút bóng dài. Vậy mà cây dó cổ thụ này mình to như mình lim mỗi lúc mặt trời chỉ lệch quá ngọ độ phần nén nhang là bóng nó đã rợp cả một khoảng lòng suối xa kia để làm vui cho một đàn cá bương ngự. Người trung châu mình thường hay khiếp lánh những cái gì lớn quá, không dám nhận những cái cao to là hẳn vật riêng của thế giới mình, bèn gọi luôn cây đại thụ ấy là Gốc dó thần, phải nhắc đến thì chỉ dám nói thầm và mỗi lần gặp mùa mọc dó, họ đều lảng xa khỏi Gốc dó thần. Đời ấy và đời khác, góc nương dó có Gốc cây thần, chả mấy mà đã thành hoang vu và trở nên bí mật như một rừng cấm, gió ngàn có lách qua được kể cũng còn là mệt. Chỉ có bọn thổ dân sơn cước muốn mở một lối đi tắt là còn dám lần vào đó chứ đến bọn người kinh đi bóc dó thuê là đều lùi cả.

Nhiều buổi rừng dó lặng gió quang mây, từ góc rừng cấm nổi lên tiếng hát, giọng không ra Bắc không ra Nam mà hơi hát thì toàn bắt chênh đi cả; lúc xa lúc gần, cái thứ tiếng nói không ai hiểu là tiếng gì đó đi khắp cả nương dó. Tiếng nói, đôi khi lại có chen vào ít tiếng trúc. Bọn người kinh đi lên rừng Hoành Bồ bóc dó, nghe thấy tiếng hát giữa một nơi mênh mông đìu hiu, giá đừng có những cái lối khiếp đảm tầm thường – thấy bất cứ cái gì không quen thuộc như là cơm áo và tiền y như đã sợ – thì vào những ngày gió tạnh mây quang nơi nương dó ấy, là họ đã có dịp gần nghệ thuật và tai nghe được cái tiếng thuần túy của nghệ thuật rồi đấy. Họ nghe tiếng hát lần lần vẳng lên thì cái lòng kinh hãi nơi lòng họ cũng tăng lên dần dần. Thậm chí có người ngất đi và cấm khẩu, phải đốt đến hàng đống lá khô mới tỉnh lại. Mới hay tiếng hát u hiểm và tiếng trúc tuyệt vời có khi lại cũng làm tội cả đến những kẻ đi làm thuê ăn công nhật. Rồi có bao nhiêu người kinh đi bóc dó thuê kia lấm lét bỏ cả việc. quây quần lại sát thít vào nhau bên đống lửa cho đỡ sợ. Tiếng hát tắt đã lâu lắm, bọn họ mới lò dò làm nốt buổi. Những người thổ dân cùng đi bóc dó chung với họ, lấy thế làm cười và bảo họ:

– Không việc gì phải thất đảm như thế. cô Dó hát đấy. cô Dó không làm hại ai bao giờ.

– Các bác bảo cô Dó hát? Ai là cô Dó?

Đám thổ dân sơn cước vui vẻ chỉ đúng cái cây Gốc dó thần ở phía xa:

– Cô Dó ấy đấy. Cô ở cái cây ấy. Cô là hồn sống của cây ấy.

Chúng tôi vẫn thấy luôn. Hôm nào đi làm về, gặp cô thì y như về đến nhà, ở mãi trên kia – bọn tôi cũng đều vui và quên mệt. Cô lúc nào cũng mặc một cái áo màu chàm.

Họ còn nói cho bọn thợ kinh nghe rằng cứ năm nào cô Dó hát trong nương thì giấy dưới vùng xuôi làm ra rất nhiều. "Chắc dưới vùng xuôi có khoa thi thiếc gì, nên năm nay cô Dó lại hát". Bọn thợ kinh tính ra thì năm họ đang bóc dó vụ chiêm đây là một năm Mão. Và nghe đám người núi nói chuyện giọng thành thực, nên bọn thợ kinh cũng đỡ sợ, và từ đấy một vài người lại còn sinh ra tò mò nữa. Họ rình cô Dó ra hát. Bọn thổ dân nói đúng đấy. Cô mặc áo xanh màu lam và cứ đi đến Gốc dó thần thì vụt mất. Nhiều lần thấy thái độ bọn thợ kinh là suồng sã lộ liễu quá, cô Dó giận dỗi mất hàng mấy hôm. Bây giờ thấy nương vắng tiếng cô Dó, bọn thợ kinh phần đông mới thấy nhớ và thấy hình như ngày làm của họ thiếu mất một cái gì. Nhưng sau đấy ít ngày rừng dó lại vang tiếng sáo tiếng hát, bởi vì vui hát là bản tính của cô Dó và cô vốn không phải là một sinh vật trong nhân loại nên lòng tha thứ ở người cô rất quảng đại.

Chuyện này đồn về đến vùng xuôi.

Có cậu Năm nhà họ Chu ở ven hồ Lãng Bạc nghe chuyện lấy làm mê lắm. Vụ bóc dó mùa năm sau cậu Năm bèn dặn dò lại công việc làm ăn cho người nhà trông đỡ lấy lò giấy làng Hồ Khẩu rồi theo luôn bọn thợ bóc dó lên rừng Hoành Bồ. Cậu tìm vào nương dó đánh tranh làm nếp nhà bên suối, ngày ngày ăn cơm lam chấm với tro giang tàn nứa đốt ra làm muối. Cậu Năm nhất định chờ cô Dó. Đôi khi cậu Năm có bắt chợt được tiếng hát tiếng trúc, nhưng đến bóng người áo chàm thì từ ngày vào nương, thật cậu chưa được thoáng thấy một lần nào. Thì ra, cái giống tình xưa nay vẫn là thế; lúc không thì chẳng sao, mà khi một bên đã hơi hiểu đến tình ý thì y như là e lệ thẹn lánh rồi là bày ra cái trò bất diệt đi trốn đi tìm. Biết có người trai đẹp dưới kinh tìm lên đến chỗ cỏ cây muôn năm xanh tươi để chỉ tìm cầu đến cái thanh sắc của mình, cô Dó trở nên mất hết tự nhiên rồi lảng hết lối mọi ngày tung tăng trong nương. Và giờ, có cao hứng lắm thì cô Dó chỉ ngồi trong Gốc dó thần mà hát cho đủ thành điệu thôi. Thế mà cậu Năm đã chờ bên gốc cổ thụ từ hôm nào không rõ. Cậu Năm vốn là người có chữ nên cậu ngờ rằng điệu hát cô Dó mang máng như lối trong giáo phường đọc phú và nhiều khúc thì lại có cái âm luật xốc vác của thơ cổ phong năm chữ ngâm bằng một giọng bi

tráng khê nồng của người khách hiệp gặp đường cùng. Đến một đoạn sau thì dài hơn, trong trẻo như pha lê và vui như tiếng thông reo giữa trời nổi gió. Có rờn rợn chăng thì là cái đoạn chót của bài hát. Nó lơ lớ âm ê ối a như lối Ma Hời đưa võng ru con. Dứt câu hát, lại có tiếng cười gằn và tiếng thở dài. Buồn cho hoang vu và cám cho lé loi, tay rờ rẫm Năm ta bấm móng tay vào vỏ dó thì thấy từ ruột cây tuôn rơi xuống hai dòng lệ đặc. Trời, như vầy thì đến phải lấy nhau mới xong. Cậu Năm bèn khấn xin cô Dó cho thấy mặt. Bóng dương đã ba lần chênh chếch bên cây to mà cậu Năm vẫn một niềm chôn chân đứng chờ giữa trời. Cây to vẫn im lặng. Gió rừng chiều gỡ một cái lá thả từ chỏm cây vào lòng cậu Năm như trao cho nhau một bức thư không lời.

Ngày thứ tư, mặt trời vừa vươn lên khỏi ngàn trước mặt là đã thấy cậu Năm đứng dưới gốc dó, tay cầm một cây rìu lưỡi sáng quắc. Người tình nhân ấy bữa nay trông quả quyết như một người sơn tràng sắp ngả một cây gỗ rừng rồi tay đè vào đẽo sao rồi cốn nốt rồi thả đà. Cậu Năm vỗ vào thân cây, tiếng nói thất thanh, kêu rằng cậu không đợi được lâu hơn nữa - trong người cậu đã thấy rề rề mầm bệnh sốt rét rừng – và nếu hôm nay cô Dó còn lánh mặt nữa, thì cậu phải phá nhà cô nghĩa là chém cây cổ thụ mà “còn tình chi nữa là thù đấy thôi” rồi, cậu xuôi luôn về kinh đây này cho mà biết. Đến nước này thì cô Dó phải ra. Dưới gốc, kẻ khóc người cười. Cả hai cùng e ấp rồi cùng khấu đầu tạ lỗi. Sóng vai trên cỏ sương hai người bàn đến chuyện đưa nhau về kinh. Chợt nhìn đến lưỡi tầm sét?... sáng như nước nằm dưới chân, hai người cười liếc nhau và cậu Năm cầm liệng luôn xuống lòng con suối bạc. Sợ người ta ngượng vì mình và yêu nhau kém tự nhiên đi, con bướm đậu ra những ngọn lau xa. Đàn chim – má cũng ửng hồng lên vì chút thẹn, lông bay đãi lạc đậu trên chòm xanh, chừng cũng cho thế là phải, bèn rủ nhau đi sang rừng khác, sau khi gáy lên mấy dịp tươi nhanh để tỏ mừng; mấy bụi sim quanh quất gần đấy đều cho mở một loạt cánh tím, mặc dầu mùa hoa tím hết đã từ ngày hạ.

Cô Dó sụt sùi hỏi cậu Năm rằng:

– Trên này tôi đã quen ở với thảo mộc. Về dưới kinh, cây cỏ cằn vắng, chất xanh nghèo nàn, biết sẽ gửi mình nơi nào và ở vào đâu?

– Em sẽ ở với đá với nước. Lấy cái xanh của nước thay tạm cho cái xanh của lá, lấy cái lành vững của đá thay cái mềm lạnh của cây, anh tưởng cũng tiềm tiềm được.

– Đá nào? Nước nào?

– Nước Hồ Tây. Và đá phiến làng Hồ Khẩu. Nhà anh làm giấy ở kẹt vào giữa một con sông và một cái hồ rộng. Có hòn đá nghè giấy, mỗi chiều bằng vai em, tưởng em ở cũng không đến nỗi chật quá. Vả em vốn sinh trưởng bằng nhựa dó và dưới ấy là nhà làm giấy, sự sống hàng ngày có thêm em nữa, cũng không phiền thêm chút nào. Thế giờ liệu đã xuống núi được chưa?

Cô Dó gật gật. Rồi cô xin phép cậu Năm cho cô khóc một lúc để tỏ nghĩa với Rừng cao cả. Cô quỳ xuống lạy Ngàn Xanh hai lạy, giọt dài không khác người con gái lạy sống cha mẹ đẻ lúc bước chân về nhà chồng. Cậu Năm mắt cũng rớm lệ. Con suối bạc cảm động quá ngừng hẳn lại, không chịu chảy xuôi nữa. Lòng suối im ả như gương tầu phản chiếu, không nhòe lấy một đường viền nào, cái bóng hai người đang lấy tà áo chùi lẫn cho nhau những lệ châu Hạnh phúc sớm mới. Hai người say sưa và mệt mỏi, đi trên một cái lối mòn ăn ra dốc đèo.

Chúa rừng cho nổi một cơn gió nồng tiễn đưa cô Dó ra cửa ngàn. Có một con hươu đực đang vươn cổ cao nhìn cô Dó xuống đồng bằng, mỗi lúc một bé dần. Nó quật sừng nó vào cái cây đại có những cành ngang và lá to làm bận tầm mắt nó.

Cái chấm áo chàm người sơn thần nữ vu quy đã tan lẫn vào cái xanh lớn lao của ngàn già. Bữa ăn chiều ấy, hươu đực ngốn tấc cỏ thấy chát đắng. Nương Dó mất tiếng hát từ đấy. Sớm ngày sau rừng dó bỗng kêu một tiếng ầm như ngọn núi nào lở thụt ngã xuống vực. Gốc dó thần đổ vật. Giai nhân đã đi. Đất này trở lại những lá úa rầu. Nhưng mà từ nay ven Hồ Tây và trên dòng sông Tô Lịch lại có tiếng cô Dó bây giờ xuống hát ở dưới đồng bằng.

Hát riêng cho cậu Năm nhà họ Chu nghe thôi. Hôm về tới làng Hồ Khẩu, trời đã canh hai, cả nhà đều đã ngủ say. Cậu Năm đưa cô Dó về nhà mà không ai biết tý gì cả.

Trông thấy phiến đá xanh nghè giấy đặt chìm xuống nền đất trị, cô Dó cười hỏi chồng:

– Đấy phải không?

Cậu Năm đang giơ tay đốt đèn quay vội lại vui vẻ gật gật. Thế là cô Dó lẩn mình ngay vào tấm đá, sau khi ăn hết hương thơm của mấy trăm tờ giấy sắc vừa xeo xong còn ướt để ở ngoài hiên – Mấy ngày đi đường cô đói quá. Lại vừa mệt nữa. Nên chỉ kịp chào cậu

Năm và nói có một câu "Đầu canh tư, anh đánh thức em dậy với" là cô đã ngủ ngay trong lòng đá.

Riêng cậu Năm thì không ngủ được. Ngồi uống rượu một mình cho đỡ lạnh, Năm thấy độc ẩm có ý buồn buồn, bèn thành kính rót một chén xuống mặt phiến đá và tuy mới sang canh ba được có một lúc, cậu cũng đánh thức vợ dậy để cùng nhắp một chén tân hôn.

– Này em này, đã sang tư rồi. Sao tua rua tháng mười đã gần tụt hết xuống phía đoài rồi đấy. Em ngồi dậy, uống một chén mừng cho đỡ lạnh.

Từ lòng phiến đá lạnh có một tiếng ngáp mệt mỏi đưa lên:

– Anh lấy ít bột dó chưa xeo rắc lên mình đá cho em kẻo trong này lạnh lắm. Ngày thường, anh bắt đầu làm việc từ lúc nào?

– Cứ trời gần hửng sáng thì anh đã trở dậy nghè giấy. Đúng ngọ, ngừng tay một lát ăn cơm. Mặt trời lặn thì anh nghỉ hẳn tay chầy.

– Từ nay có em về ở cùng, anh nên đổi thời khắc biểu cũ đi. Em thuộc chất âm, ít chịu được cái nóng sáng của mặt trời. Em muốn từ bây giờ, anh thay đổi giờ làm việc, lấy đêm ra mà làm ngày. Như thế nó tiện cho em những lúc phải đỡ đần anh một tay. Vả chăng cái việc em về làm bạn với anh, cũng không nên cho người khác biết, cả đến người nhà nữa. Muốn giữ bền được hạnh phúc, chúng ta nên mai ẩn ít nhiều tung tích mình đi để tránh những việc dòm dỏ của chung quanh. Lại còn thế này nữa: là thỉnh thoảng em có muốn lánh mình ra khỏi đá để hát cho anh nghe hoặc đánh bóng mặt giấy cho anh mà phải lộ tấm hình hài cho người ngoài thấy thì thực là một điều không những là bất tiện mà lại còn nguy hiểm cho hai mình nữa. Nào anh đổ xuống mặt đá cho em một chén rượu nữa, người em vẫn còn mệt lắm, nhưng đã là ngày vui nhất trong một cuộc đời thì phải say và phải hát chứ. Em sẽ hát một bài ngắn thôi, rồi đi nằm. Lúc nào gà gáy canh một đêm nay, em sẽ dậy. Anh cũng đi ngủ, để tối hãy làm giấy.

Cậu Năm nghe theo lời vợ hiền. Và từ bấy giờ, cả nhà đều phải để ý đến những giấc ngủ ngày triền miên của cậu Năm. Hỏi, cậu bảo rằng cậu vừa tìm được một phương pháp mới để chế giấy cho tốt hơn; Giấy nghè vào lúc đêm hôm thì mặt bóng hơn, chất chắc hơn vì... vì có hơi sương và tia trăng tia sao! Cậu nói thế mà cũng có khối người trong nhà nghe được đấy.

Ở ven Hồ Tây, giờ cảnh đêm đông không còn lặng lạnh như mọi khi nữa. Trong sương, đùng đục những dịp tiếng chầy nhà cậu Năm giã dó và lắm buổi còn lẫn một thứ tiếng hát, âm thanh lơ lớ và nhịp lúc mau như khổ dựng dọng nhà Tơ và lúc thưa thì giống hệt lối ngâm thơ Thiên Thai rồi ngân dần dần lên và lại dần dần ngân mà xuống đúng như hơi hát cung bắc lúc đổ con kiến. Đêm đêm, cậu Năm làm giấy và cô Dó cũng lách mình ra khỏi đá, nghè giúp chồng. Cả ngày chỉ ngủ không ăn, giờ bữa cơm chính của cậu Năm thường lại là một bữa síu–dê có điểm mấy chén rượu. Vợ chồng vui vẻ, nói không nên lời. Ái tình và cần lao. Lắm khi ngà ngà mà say, phất phơ mà đi, nhìn đêm lạnh trăng suông, nhớ rừng cũ cô Dó lại càng hát nhiều nhiều. Khuya im một bầu sương muối, cỏ cây đùng đục vẩn trong sữa trăng loãng, trời đất trông ra như lúc hỗn mang, cô Dó đánh bạo ra ngoài. Đêm đông trường, chỉ có một thứ tiếng hát của cô Dó chập chờn đi từ giới hạn một bờ Tây Hồ đến bờ một khúc sông Tô Lịch. Tiếng huyền diệu và mờ mù bao la.

Từ đây, lò chế giấy nhà cậu Năm họ Chu làng Hồ Khẩu biết một kỷ nguyên mới – giấy tự nhiên thơm đẹp lên và bỏ xa sự cạnh tranh của nghìn vạn người sống bằng vỏ dó. Loại giấy Chu Hồ có từ bấy giờ. Áp tờ giấy đẹp vào lòng, biết nó làm do công ơn của người vợ hiền đêm đã cần cù vì mình. Cậu Năm đê mê vì chân hạnh phúc và thú cần lao, nhiều phút ban ngày sướng quá, ngất đi và tỉnh cơn cuồng lại vỗ mãi phiến đá nghè có ý đánh thức vợ dậy mà xem mình đang khóc vì... hoan lạc.

Có một lần cô Dó dở trời khó ở mất đến một tuần, giấy Chu Hồ tự nhiên xuống hẳn mặt. Đã có bao đêm liền, cậu Năm bó gối gác chầy bên phiến đá, nghiêm và rầu như kẻ sắp gieo mình xuống dòng. Dưới lòng đá, có tiếng phào phào đưa lên:

– Em rõ chứng bệnh em rồi anh ạ. Ra em không chịu được cái mùi hoa hòe nhà ta vẫn mua để nhuộm giấy sắc. Để cái chất vàng ấy lên mình em, em ăn phải cho nên đầy và cứ phù dần người ra. Anh thử bỏ vứt bột hòe đi em xem. Có như thế. Sau khi cậu Năm cho đổ hết hòe xuống hồ – làm vàng ố cả một vùng xanh trong – thì cô Dó cất cơn ngay. Lò giấy nhà họ Chu thôi hẳn việc chế giấy sắc vàng, lại cũng từ đấy. Ngày tháng. Hai người yêu nhau trong ca vui và lao cần; trăm năm cũng già. Không, cô Dó vẫn trẻ. Chỉ có cậu Năm là già đi vì cậu vốn thuộc chất dương và vốn bị thời gian chi phối. Cậu Năm

chính là ông cụ tổ ba đời của ông cụ họ Chu được nhà Vua cho quan bộ Lễ vời vào kinh để sung một chức ở Cẩn tín viện đấy.

Cậu Năm trăm tuổi đi rồi, cô Dó đêm đêm ra ngồi ở ven Hồ Tây và ven sông Tô có mấy tháng liền, sự nhớ thương lại biến thành nhiều khúc hát buồn và những bài ca điệu ấy. Cô có chép một tập đề là "Chu Ngũ Lương hoài nhân khúc" giữ luôn dưới lòng đá và nét chữ cô Dó lởm chởm nhọn hoắt và so le như ngọn cỏ bồng. Mấy mươi đời sau, đâu có một người tài về môn cách vật trí tri bảo đấy là thứ chữ không phải của loài người chế lấy mà dùng; nó là thứ chữ Sơn Hoàng của Chúa Rừng truyền dạy cho các hồn cây hồn quả biến viết lúc dâng bài Chúc Thọ và chỉ có những người nào có số hổ vồ là đọc thông được thôi.

Phiến đá xanh nghè giấy, từ cụ Năm về trời bỗng trắng toát ra. Phiến bạch thạch lẫn vải bố góc bàn thờ mới. Sau ba năm cô Dó rất có thể lộn về rừng – cái quê hương cũ muôn năm xanh vui của mình. Nhưng không, cô vẫn còn thương cậu Năm nhiều lắm và thề ở lại giúp và dựng cho lũ con lũ cháu và lũ chắt nhà chồng, có cái định kiến là đến bao giờ dân trung châu hạ bạn tuyệt nghề làm giấy bán thì cô mới bỏ nhà chồng mà lộn về rừng. Từ ngày theo chồng về Hồ Khẩu cho đến quá về sau cái thời chồng chết, người quả phụ ấy chỉ có một lần tìm đường quy ninh về rừng thăm lại Mẹ Ngàn (cô Dó quy ninh đâu vào cái khoảng người cháu bốn đời nhà cậu Năm).

Từ cậu Năm mất đi, con cháu nhà họ Chu lại trở lại tập quán cũ, nghĩa là nghè giấy vào lúc ban ngày. Dưới đá trắng cư tang, nghe những âm chầy non dại đổ xuống dó ướt, cô Dó mỉm cười. Thương lũ trẻ, đêm đêm cô lại lén hiện ra hà ít hơi mình vào giấy và lấy tay vuốt từng tờ một. Giấy Chu Hồ vì thế vẫn giữ được vẻ quý mà riêng lũ con cháu nhà cậu Năm thì vẫn không hề biết mảy may về sự hiển linh nhà mình. Đời ấy và đời khác.

Năm 1925 vào lúc cuối đời Hoàng Tôn Tuyên, Hoàng đế đất Nam Kỳ trấn Gia Định... có một ông Huyện... tên là Khỏe. Ông Huyện Khỏe là một người phú quý tột bực, hay gây ra nhiều điều phúc đức. Lúc trẻ tráng, cái ngông lối hợm của ông Huyện Khỏe lại... vô địch nữa. Điền địa của cha mẹ để lại cho thì là bờ xôi ruộng mật, đều là nhất đẳng điền cả. Thưở ấy ông thực là công tử số một, chơi vàng cả một giời và đến ngay đám công tử Bạc Liêu nghe đến danh ông thảy đều xanh cả mắt... Khoảng đời thiếu niên của ông Huyện Khỏe, thật

lúc nào cũng là vui như hồi Tây. Đấy, ông Huyện Khỏe vào lúc thiếu thời. Giờ ông đã có tuổi vẫn giàu có như xưa nhưng đã trở nên phải chăng trong cử chỉ hằng ngày. Ông chỉ còn đi xe hơi hai mươi bốn ngựa thăm ruộng xa rộng như một đất phong cương và các nhà máy xà phòng, gạo và dầu cù là của ông rải rác ở khắp lục tỉnh. Người thương nhân này lúc về già lại còn buộc thêm vào cái đời con toán của mình một cái thị hiếu chơi những vật hiếm trên đời. Những đồ vật không cứ là cổ và đẹp nếu là độc nhất vô nhị trên trần thì bao nhiêu ông Huyện Khỏe cũng bỏ tiền ra mua. Và những bực có tài xem đồ cổ, ông đều giữ luôn trong nhà, lấy thứ lễ hạng nhất ra mà đãi. Trong đám thực khách nhà ông Huyện Khỏe có một người tên là Chiêu Hiện được chủ nhân tin trọng lắm, coi gần như quản gia. Ông Chiêu Hiện quê vùng Phủ Quốc, bỏ xứ Bắc vào trong Nam đã lâu, lúc bỏ nhà đi, có chỉ vào cái cầu Phùng mà thề độc rằng "bất thừa xa mã bất quá thử kiều". Ở Sài Gòn được ít năm, ông Chiêu Hiện bị vướng vào một vụ cướp có án mạng tại Chợ Lớn... Chiêu Hiện thụ cái ơn ấy canh cánh để bên lòng và tự nhủ trong suốt một đời thế nào cũng phải tìm lấy dịp để mà trả ơn lại ông Huyện nghĩa là lúc nào cũng nghĩ đến việc đi tìm vật báu cho ân nhân. Xứ Bắc Kỳ cũng như về mặt nhân vật, về đường bảo vật vẫn còn nhiều cái lạ lắm. Đôi ba năm Chiêu Hiện lại lộn về một lần để sục mót xem có thấy được cái gì không. Lần ấy lộn về Hà Nội, không hiểu tại sao Chiêu Hiện lại thuộc cái sự tích phiến đá nghè giấy nhà họ Chu làng Hồ Khẩu, tìm cớ lân la rồi không rõ dùng chước thuật gì mà đánh tráo ngay phiến bạch thạch đó, đem về cho ông Huyện Khỏe.

Thâu ngày thâu đêm, dù đã qua hết các giang khẩu và những con đèo rất hiểm nghèo. Về đến biệt thự ông Huyện Khỏe, đá bỡ ngỡ với thời tiết ở đấy quanh năm nóng như lò nung vôi, đã bỏng đổ mồ hôi. Cầm chén rượu rũ bụi lúc đã thong dong, ông Chiêu Hiện mới đứng lên kể lai lịch đá cho người ân nhân mình nghe. Và quả như lời ông Chiêu Hiện nói, đêm ấy lúc canh đã dịu lạnh, trong phiến đá có tiếng người hát giọng buồn. Không rõ lời, nhưng nghe cái âm tiêu sái ấy đến như ông Huyện Khỏe mà cũng sụt sùi. Chiêu Hiện bèn dẫn giảng rằng đấy là một trong những bài thương ở tập "Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc" của hồn đá làm ra từ lúc thiếu chồng. Tính hay khoe của, ông Huyện Khỏe ngay ngày hôm sau, gửi luôn thiếp danh đi mời các khách quý đến ăn tiệc và "xem một hòn đá biết sụt sịt trong đêm". Tàn rượu tiệc, có một cuộc dạ vũ. Chiêu Hiện mặc đồ lễ... ra xin với

quan khách chỉ nên vui nhộn đến đúng giờ Tý thôi, nếu có bụng chân thành muốn nghe những tiếng thương xót của hòn đá "nó là cái cô đẹp của buổi họp hoan này". Trong biệt thự im vắng và tắt hết điện chỉ còn leo lét có một ngọn đèn cầy. Sau đấy một giờ lòng đá lại như đêm trước bật nổi lên những tiếng tương tư thê thảm. Tân khách thảy đều rơi châu. Tờ mờ sớm, họ ra về và bắt chủ nhân phải hứa là có một ngày gần đấy phải cho họ được xem đến mặt người sương phụ trong đá kia. Và từ đêm ấy, còn tiếp theo bao nhiêu dạ hội khác. Mới hay, chẳng cứ là tiếng người mà cái tiếng ly khổ của hồn một phiến đá lương thiện có tình lại còn là cái cớ vui cho người đứng ngoài nữa.

Muốn đánh lừa cô Dó phải nhầm lẫn về hoàn cảnh mới gắt để thỉnh thoảng hiện hình ra như trước, ông Chiêu Hiện đã xui ông Huyện Khỏe cho đào cả hai bên biệt thự lên, một bên giả làm dòng con sông Tô Lịch, một bên giả làm vùng nước ven Tây Hồ, tiền nhân công tính theo lối nhà nước ngăn đắp đập. Ngày tạo thành cái mẫu hồ bên sông và cái khúc sông giả vờ đó lại tiệc yến. Những tân khách của những kỳ dạ hội cũ đã được nghe đá khóc thì bây giờ lại theo ước cũ đến đây uống rượu nữa để xem mặt cái hồn đá sầu. Nửa đêm ấy, cô Dó hiện ra thật, mình vẫn mặc tấm áo chàm như ngày ở rừng xưa, nhưng dưới gấu đã xé xơ ra cho nó thành tấm áo trảm thôi và mớ tóc tang rối như xơ dó vừa ăn vôi. Có bao nhiêu người bừng bừng hơi rượu rải rác núp trong xó tối, khẽ trầm trồ với nhau là đẹp và đoan chính đến bực ấy là cùng.

cô Dó chập chờn trên nước sông đào, trên nước hồ đập, tỉ mỉ rờ vào các lá cây thân cây quanh đấy. Cô thấy không phải là cây quen thuộc của xứ Bắc. Đấy chỉ là những lá cành của kè, cọ, dứa xiêm, vú sữa, măng cụt, sầu riêng thôi. Ngờ sợ đến một sự mạo hiểm của một hung thổ lạ, cô lại vội lẩn ngay vào lòng đá trắng. Từ đấy không ra nữa và cũng ít khi lên tiếng nhớ cậu Năm.

Sau đêm ấy ông Chiêu Hiện bỗng nấc lên mấy tiếng rồi lả dần đi. Vực vào buồng bệnh, thấy Chiêu Hiện cứ mở thao láo mắt mà thiếp đi đã một ngày một đêm. Ông Huyện Khỏe biết là chứng bệnh cũ của người quản gia lại phát lại và chỉ dặn người nhà phải ngày đêm túc trực nơi giường bệnh, ngâm giấy phèn vào nước, cứ mỗi giờ lại đổ cho uống, chứ tính không phải thuốc thày gì cả. Mọi khi vẫn thế. Nhưng lần này thì hơi phiền hơn; là đã quá mươi ngày rồi mà Chiêu Hiện không thấy tỉnh lại. Mọi lần trước chỉ ba bốn ngày đêm

thôi. Bệnh này trong sách thuốc Y dược đại toàn gọi là bệnh miên nhất khí và người nào hay có cái khiếu về hư linh học thì thường hay mắc phải.

Thế mà đến ngày thứ mười hai, Chiêu Hiện đã tỉnh lại. Nghe ông Huyện Khỏe thuật lại cho hay rằng mình ngủ đã mười hai đêm ngày có dư, Chiêu Hiện đã bốc đứng người dậy, kêu xong hai tiếng "hỏng rồi" thì lăn đùng ra giữa nền cẩm thạch, mồ hôi vã ra như tắm. Không hiểu là cái gì "hỏng rồi", ông Huyện Khỏe mặt như chàm đổ, sợ sệt nhìn con bệnh bây giờ đang lăn lộn như có ai cấu rốn. Đến lúc tỉnh lại lần thứ hai, hai mắt dại dột Chiêu Hiện chán chường nhìn vào khoảng không và miệng tiếng đã thất thanh, lại nhắc lại: "hỏng rồi", đầu lắc mãi như từ chối một cái gì. Chiêu Hiện tập tễnh bước lại chỗ đặt phiến đá tràng, ấp tay vào mặt đá, ấp tai vào mặt đá vẫy ông Huyện Khỏe lại:

– Đến phải đập vỡ đá này, thì may ra mới chữa được người trong ấy. cô Dó không khéo chết mất rồi ông Huyện ạ!.

– Ông Chiêu nói chuyện cho tôi rõ đầu cuối với.

– Nguyên là thế này. Hòn đá này phải ăn chất vỏ dó. Thiếu dó thì cái người nằm khóc trong đó mọi ngày cho ông nghe sẽ phải chết khô. Ông nhiều việc không hay để ý đến, chứ thực ra từ ngày mang đá về, tôi đã mang theo về bao nhiêu là bó vỏ dó để ngày ngày ấp lên đá cho người trong đó ăn. Gần hết, tôi lại đánh giấy ra Bắc cho người bà con gửi vào. Từ hôm bị bệnh, đột ngột nằm xuống, không kịp dặn ai thay cho việc hòn đá, đến nay là quá mươi ngày, người trong ấy chết đói rồi chứ còn gì nữa.

– Vậy bây giờ nếu phải đập phiến bạch thạch ra để cứu lấy người trong đá thì ông cứ tùy tiện mà làm.

Một nhát búa. Một tiếng xé rất khô gọn và ít mảnh vỡ bắn vung lên. Hòn đá chẻ ra làm hai theo chiều ngang và phần trên khi đã bật ra thì quỷ thần ôi! Có một người đàn bà rất xinh bé đang nằm ngủ. Nàng mặc một cái áo lam, xiêm cũng màu lam. Lúc ông Chiêu Hiện đã nhẹ nhàng ẵm nàng ra đặt lên giường thì mảnh dưới phiến đá vỡ vẫn còn in khuôn những nét hình một tấm thân người nhỏ, nhiều khoảng trũng xuống như chỗ đựng nước trong một cái nghiên dùng viết đại tự.

Chiêu Hiện rờ vào ngực cô Dó thấy còn nóng, vội gọi gia đình

đem cái bó vỏ dó ông cất trong kho ra ngay mau. Chúng đều trả lời rằng không biết ai đã tưởng là thứ dây dợ gì lấy đi gói buộc hết cả rồi. Cái tia hy vọng cuối cùng lại đã tắt nốt. Ông Chiêu Hiện dẫm chân kêu giời, nước mắt đỏ như máu, tiếng mất hẳn đi. Bèn lấy giấy, bút đàm cùng ông Huyện: "Ông phải làm ngay hai việc: nhất diện là cho đánh xe đi lên Sài Gòn về các miền Lục Tỉnh vét lấy hết những giấy bản của ta, chứ giấy moi và giấy tầu của các Chú chế ra thì vô dụng. Một mặt nữa thì cho đánh ngay dây thép ra Bắc – theo địa chỉ này – bảo phải gửi ngay vào cho dăm kiện vỏ dó theo lối đại tốc".

Trong lúc chờ giấy bản, vớ được mươi quyển chép dở những thi ca của mấy chỗ thế gia ngoài Bắc, ông Chiêu Hiện đem xé vò ra, chất thành một đống to, đốt sưởi cho cô Dó hồi lại. Người đã chết lả đã dần dần tỉnh lại, ngón tay động làm buột rơi một cuốn sách nhỏ ngoài bìa bằng lá cây có nét kim khí vạch sáu chữ "Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc". Cô Dó mắt vẫn còn nhắm nghiền nhưng môi đã mấp máy được và đang hé cười. Nhưng những luồng khói đặc ở đống giấy bản đã thưa loãng dần. Khói tắt, hương giấy tan đi, người cô Dó càng lạnh, lạnh thêm lạnh mãi rồi cứng chắc lại, mồm ngậm kín một khóe cười không kịp nở hết. cô Dó đã trở nên người thiên cổ. cô Dó đã thành người của một thế giới khác, của một thế giới ngọc đá muôn năm. Cái màu xanh ở tấm áo đã đậm và bóng hẳn lên thành một thứ ngọc lam trong sáng.

Bên tử thi đá lam, có một người nấc lên mấy tiếng. Ông Chiêu Hiện tưởng còn có thể điên cuồng thêm nữa khi lũ gia nhân sai đi mua giấy bản về đưa trình vẻn vẹn được độ ba trăm tờ hoen nhàu với một câu: "Dạ chúng con đang cho xe lên Sài Gòn và về cả Lục Tỉnh mà cũng chỉ vơ vét được có bấy nhiêu. Dạ bẩm trong này ít dùng cái thứ giấy này. Việc quan và tư thảy đều dùng có giấy Tây thôi." Ngẫm nghĩ một hồi lâu: Chiêu Hiện trấn tĩnh được lòng tiếc và tự nhủ rằng thôi chẳng qua ông huyện Khỏe có cái số không được làm quý nhân nên quý vật nó mới không chịu ở với. Và cô Dó đã nhất định đi, giá cô nấn ná lùi lại đến lúc này chờ giấy về kịp, thì cái đập giấy khốn nạn mỏng và biển lận kia cũng không đủ để sưởi nóng cô, hồ cầm lấy chút hơi tàn mà chờ vỏ ở Bắc gửi vào theo lối đại tốc. Sau phút lấy nước ngũ vị tắm cho thi hài đã lạnh, Chiêu Hiện thấy lòng chứa chan hối lỗi vì đã phạm vào tội giết chết mất một thứ ngọc sống. Ví có biết thế này thì đã không khi nào ông dìu ngọc vào đất Sài Gòn để

đến nỗi đắc tội với ngọc đá và đánh hỏng của cuộc đời một vật báu. Chiêu Hiện lại khóc lên ba tiếng để sau ba tiếng của mình khóc ngọc tị trần vừa dứt thì tiếp nghe đến ba tiếng cười của ông Huyện Khỏe. Ông Huyện Khỏe đã ôm lấy xác cô Dó vui reo ồn ào:

– Trời, té ra là ngọc thạch. Thúy ngọc, ông Chiêu ạ. Một khối ngọc toàn bích. Việc gì mà ông buồn khóc. Thì ra trước kia nó là thứ ngọc biết nói. Mất người nhưng chúng ta vẫn còn lành vẹn một phiến ngọc vì bán đi thì có thu về được cơ man là tiền bạc. Hoặc là bán, hoặc là để đem làm vật tạ lễ một vị quan thầy. Người ngọc ví có còn sống để lên tiếng một đôi khi mà làm vui cho đám tửu đồ nhà tôi thì cũng vẫn là một sự đáng quý đấy. Mất đi ai chẳng tiếc. Nhưng mất người mà còn sót lại ngọc, thì cái di hài này có lẽ còn quý giá hơn người lúc sống kia đó vậy. Để tôi đem dâng cho quan thầy tôi...

Thôi nín đi mà, bác Chiêu.

Chiêu Hiện đã nín thật. Nghe giọng lưỡi ông huyện Khỏe, ông Chiêu thấy khắp mình toát ra một thứ mồ hôi dầu. Trời, thế này thì ra từ bao nhiêu lâu nay, ông đã thờ nhầm một người có nhân cách đê hạ quá. Đã thấm chưa! Ở vào một trường hợp tang tóc ngập lòng này, lòng người ta phải đau rầu gấp bội lòng người chết vợ trẻ hiền, mà ông huyện Khỏe đã vội tính đến nước bán xác Ngọc, cùng là cho Ngọc đi ở vào cửa hầu nhà khác thì tưởng không còn có sự tuyệt tình nào phụ bạc được hơn nữa. Nhớp đến thế là cùng... Một người đã vô sỉ mất chí đến như thế thì còn cái gì ở thế gian này mà hắn không làm đến. Có khi rồi, nếu không sớm liệu, thì ông ta sẽ bán đến cả mình nữa như bán một tên nô lệ cho chủ khác. Ngọc về ở với ông ta, chẳng may xấu số về giời sớm, ngọc đấy mà ông ta còn đòi bán đi nữa, huống chi là mình. Ở sát cạnh một người thiên về danh lợi quá đến nỗi không còn lấy mảy may tình ý về kỷ niệm; cứ ở gần kề đứa bạo ngược, không sớm liệu thì rồi vạ kéo đến cũng chỉ một sớm một chiều đấy thôi.

Ngay đêm ấy, Chiêu Hiện đã bỏ ông huyện Hàm. Lúc bỏ đi, không thèm chào, không thèm đem theo một vật gì là tặng phẩm của ông huyện vẫn đưa từ trước tới giờ. Chỉ để lại có mỗi một lá thư, trong nói là về Bắc để chữa cho khỏi ít cố tật trong người; không dám hứa là có quay lại với ân nhân cũ không, nhưng dẫu sao ơn ngày trước tưởng cũng đã đáp lại được chín mười bằng một cái tử thi ngọc xanh đó.

Mười mấy năm bỏ làng đi vào miền trong làm ... cho một tên bạo phú, giờ về quê cũ, một tấm áo vải đắp lên cái thân dầu dãi đã cuối châu, ông Chiêu Hiện qua sông Hát Giang lại nhớ đến lời thề cũ là không có ngựa xe thì không chịu qua cầu Phùng đây mà lộn về Phủ Quốc. Nỗi buồn ấy đã thấm vào đâu khi Chiêu Hiện lộn lại làng Hồ Khẩu hỏi thăm về sự làm ăn của nhà họ Chu. Thì ra từ khi bị đánh tráo phiến đá nghè, nhà ấy làm ăn mỗi ngày một xuống và giấy Chu Hồ bây giờ đã là một câu chuyện gần như cổ tích, một câu chuyện chỉ còn thuộc về lịch sử giấy đẹp của nghìn xưa.

Để duy trì cái sống hàng ngày nhà họ Chu bây giờ cũng làm giấy nhưng là giấy moi...

Lòng nặng về tội ác, ông Chiêu Hiện có chép lại việc này, đủ ngành ngọn vào cuối cuốn gia phả, tỏ ý ăn năn nhiều về chỗ đã giết chết mất ngọc biết nói và dặn con cháu từ sau chớ nên xúc phạm vào bất cứ một phiến đá, tảng đá, hòn đá nào; mặc dầu nó có là đá bên đường đi nữa.

Sau đấy một tháng, chứng bệnh cũ miên nhất khí bỗng phát lại và lần này thì ông Chiêu Hiện ngủ luôn một giấc để lũ con đưa ra một cánh đồng tỉnh Sơn Tây huyệt đào sâu xuống mới có nửa thước, đã thấy lởm chởm lổn nhổn những đá tổ ong.

Thanh nghị các số 28 (13–1–1943)
và 32 (1–3–1943).

RƯỢU BỆNH
(Truyện ngắn)

Một chén xuân vắng nhớ người đã khuất
NGUYỄN TUÂN

"... Ẩm giả lưu kỳ danh".
Kính gửi vong linh ông bạn rượu Nguyễn Khắc Hiếu

Người ta không rõ ông cụ ấy tên là gì và người ở đâu. Một buổi sớm lúc trời đất còn lờ mờ, ông cụ đã ngồi sẵn ở các cửa ô Hà Nội. Không ai rõ người có tuổi đó làm nghề gì. Nếu là đi buôn thì sao lại không có tay nải.

Nếu là xem số hoặc thầy bói sáng thì sao không có tráp. Và làm nghề gì mà đóng chỗ sớm thế? Tất cả những đồ vật đem theo nếu người gặp ông già ấy luôn mà chịu ý nhận một chút, thì chỉ vẻn vẹn có một cái ghế gỗ và một cái chén gỗ to gần bằng cái lồng gỗ mít đóng oản của nhà chùa.

Mỗi buổi sớm ông già ấy ngồi ở một cửa sô. Ông cụ không bỡ ngỡ với một cửa ô nào cả. Ô Chợ Dừa, ô Cầu Giấy, ô Yên Phụ, ô Quan Chưởng, ô Đông Mác, ô Cầu Dền, mỗi buổi mặt trời gần hửng, cửa ô nào đối với ông già cũng đều là một cái quê hương trong chốc lát của mỗi ngày. Ông cụ đó là một đứa con nuông già nua hom hem tất cả những cửa ô vào kinh thành. Nhưng có một cửa ô ông cụ thích nhất: cửa ô Quan Chưởng. Mỗi buổi tinh mơ ngồi ở một cửa ô, đi hết các lượt thì lại lộn vòng lại. Nhưng đến cửa ô Quan Chưởng thì bao giờ ông cụ cũng đóng chỗ ở đấy liền hai buổi sáng để đón rượu, thứ rượu làm ở bên kia sông. Thứ rượu ngon cất ở tả ngạn sông Nhĩ, đưa qua bán bên đất Kinh đô, các gô gái vùng Bồ Đề bao giờ cũng ghé đò ngang đi vào lối cửa ô Quan Chưởng này.

Giời còn nhạt mặt người, ông cụ đã đặt ghế gỗ xuống nền cạnh chân tường cửa ô, ngồi xuống đấy rồi bày ra trước mặt mình cái chén gỗ tùy thân. Ông già cử động rất trịnh trọng, mặt ngóng ra phía bờ sông lấm buổi sương mù dềnh dàng mãi không chịu tan. Thấy có

bóng nào của quang gánh tiến lại cửa ô thì ông già bắt đầu xoa tay. Cả người ông cụ lúc bấy giờ là sự vui sướng hồn nhiên. Bóng cô hàng gánh rượu đã chọc thủng màn sương, gần lướt qua, ông lão đằng hắng, gọi: "Có rượu ngon cho lão mua vài cân", rồi ông lão liền đưa cái chén gỗ cho cô hàng rót đầy vào để nếm thử. Nếm xong, ông già kêu nhạt, hoặc chê là chê, xua tay cho cô hàng đi. Buổi sớm mai đi hàng, gặp người khách khó tính, cô hàng đành chịu vậy, lặng lẽ nhấc gánh đi nốt con đường vào kẻ chợ, lẫn mất vào mù sương. Ông già nhìn theo cô hàng, móc túi lấy ra một cái đinh đóng thuyền chấm vào chén rượu mút đánh chụt một cái rất gọn và làm tiếp mãi như thế, trông rất ngon lành. Một cô hàng rượu, hai cô hàng rượu, dăm bảy cô hàng rượu đã qua đều đều. Mỗi cô qua là một chén gỗ rượu nếm thử. Mỗi lần nếm thử các thứ rượu cất ở các thứ nồi nấu khác nhau không phải trả tiền và nhắm bằng cái đinh đóng thuyền ấy, ông già lại khoan khoái nhìn theo những đám quang gánh xinh gọn kia nhòe biến vào sương khói dầy đặc bên hữu sông như những nhân ảnh của một giấc chiêm bao thú vị hồ tỉnh là muốn nối lại ngay. Đến lúc ông già đã đủ chếnh choáng để giác quan thừa sức mà nhầm lộn về cuộc đời thực tại quanh mình, thì đám sương khói cũng vừa quét tan. Cửa ô Quan Chưởng đứng sững trước trời hửng đông. Cũng đã vừa cho bụng ấm rồi, ông già liền đứng dậy cho chén gỗ vào túi và cắp ghế vào nách, chập chững trên đường vào phố như trẻ mới tập đi. Những tia lửa đầu tiên của vầng hồng đuổi theo cái lưng còng một người say đang về. Về đâu? Mấy ai đã rõ được cái chỗ nằm chết giấc của một người say! Và cả ngày cả tối ấy đố phố phường có thấy mặt ông già này. Muốn tìm ông lão ấy – tìm để mà nhìn qua nhìn chơi cho biết thế thôi, chứ còn ai dại gì tìm ông để mà làm ăn và chưa chắc ông cụ ấy đã chịu tính chuyện làm ăn gì với ai – thì lại cứ đầu canh năm, đi lục hết sáu cái cửa ô của Hà Nội. Bao giờ cũng chỉ có thế. Một cái chén gỗ lớn, một cái ghế gỗ con, phục sức chưa tã rách nhưng cũng đã quá tầu tầu, ông ngồi thu hình trên nền đất lạnh của buổi tinh mơ, rình những gánh men lướt trong màn sương: dáng điệu lúc thì khuất nhục, ngôn ngữ lúc thì hóm hỉnh, chơi chơi thật thật cứ y như là tiên hiện hình xuống thử lòng những người đi qua. Mỗi buổi sớm ở mỗi cửa ô, ông già đã lại ra ngồi bầy hàng ở đấy để đánh thuế rất khéo vào những gánh hàng các cô bán rượu quẩy vào chợ tỉnh. Và ngày tháng của bực bõ tửu đồ ấy đi qua một cách rất nhàn đậm có như là giọt sương mới thấm rơi trên một cái chén gỗ nồng. Rồi có

buổi, các cô gái bán rượu đều nhận rõ ông già nọ. Mỗi lúc đi hàng vào kẻ chợ, gặp cái người ngồi ghế và đưa chén gỗ đòi nếm rượu, họ sững người ra mà kêu: "Thế ra lại cụ. Ở cửa ô nào cũng thấy cụ nếm rượu. Lúc nào cũng cụ. Cụ là cái chức gì ở Hà Nội mà ngày nào cũng phải đánh thuế vào lũ rượu chúng tôi? Thế này thì mấy lúc thì hết vốn chúng tôi hả cụ tiên?" Buổi sớm mai đi hàng các cô gánh rượu không dám nói nặng với bất cứ ai trêu ám mình sợ rông buổi hàng, nên họ đã dùng những lời nhẹ nhàng như thế để vấn lại một người có tuổi và có cái tật cứ đi nếm chằng rượu để rồi không bao giờ mua thật cả. Và có lẽ vì họ thấy ông khách không đứng đắn ấy tóc râu trắng lông mày trắng mà họ gọi trêu là ông tiên. Được thể ông tiên bèn xoay câu chuyện đùa gọi là xí xóa cái việc làm bậy của mình: "Lão nghèo, các cô buôn trăm bán nghìn, các cô tiếc chi lão một chén rượu nếm. Những lúc rơi vãi đồng hàng, còn gấp mấy ngần cái chén gỗ con con này ấy chứ. Đời các cô còn dài rồi còn tha hồ mà hưởng lộc giời. Lão không có con, không có vườn, lại không có rượu nữa thì lão buồn lắm. Lão cũng sống chẳng mấy nữa. Sự thiệt thòi và chịu khó của các cô cũng không đến nỗi lâu lắm đâu...". Thấy lời ông già quen nếm rượu chằng kia có vẻ hữu lý và nghe nó cũng tội tội, từ bấy giờ họ nhận lấy việc mỗi buổi mai mỗi người cấp cho ông già đầy một chén gỗ rượu là một việc dĩ nhiên. Rồi họ bèn đặt tên luôn cho cái ông già đánh thuế rượu một cách kỳ dị đó và gọi đùa là Bố Ô. Bố Ô từ sau đó, đã thành một hình ảnh quen thuộc đối với họ. Bắt đầu mỗi ngày, chờ đò chợ bên sông sang, họ bàn tán về ông khách hàng nghèo và già của họ:

– Không rõ hôm nay Bố Ô ngồi ở cửa nào? Có ngồi ở cửa ô Quan Chưởng để chị em mình cúng mỗi người một chén không?

– Mà này, có cái lạ là hôm nào gặp ông cụ ấy nếm rượu là đắt khách ra phết nhé. Mặt giời độ con sào là đã vơi cả hai đầu gánh. Các chị ấy cũng đều nhận lấy thế.

– Hay ông cụ đúng là người Giời!

– Trông Bố Ô uống rượu ngon tệ cứ ngọt sớt đi thôi. Chẳng bao giờ thấy nhắm như mọi người khác. Uống đẹp quá. Nếu tôi mà không neo vốn thì có buổi chợ tôi dám đưa không cả gánh hàng cho Bố Ô nếm đấy.

– Ông cụ uống em trông thấy ngon lành và thèm thuồng quá. Mình cứ tưởng như là đang uống nước đường. Có lẽ chuyến này em cũng tập uống và nghiện được rượu đấy.

Và về sau này, thân thuộc nhau quá, buổi đêm trước, lúc làm hàng chợ sớm sau, nhân nhà sẵn những be nậm sành con con, thậm chí có nhiều cô lại còn đong sẵn một be nhỏ cho Bố Ô, để gánh hàng qua cửa ô, sẽ dúi vào tay ông già không phải dừng gánh lại nữa, cho nó đỡ mất thêm thời giờ. Cái nghề buôn bán, thời giờ bao giờ cũng vẫn phải là quý hơn hết mọi thứ khác. Dúi nhiều be đựng sẵn rượu vào tay Bố Ô là cô Cốm người bên bãi Bồ Đề. Cô Cốm mồ côi cha mẹ và Bố Ô vốn có khổ người và nét mặt phảng phất giống cha mình, nên trong bọn bán rượu gánh, cô Cốm là người có thiện cảm nhiều với ông già. Riêng về phần ông già thì cũng chỉ có đối với cô Cốm là ông hay lộ cái tính vui của ông và nhiều khi – bằng giọng đùa cợt của bề trên – ông bảo ban lắm điều hữu ích về lẽ xuất xứ của một cô gái ngồi hàng ở chợ, một nơi mà người thì không biết là bao nhiêu tầng và của thì không rõ là bao nhiêu loài. Sớm nào, ông già gặp bọn bên Bồ Đề trẩy chợ là ông cũng hỏi thăm nhiều nhất về cô Cốm, nếu cô chậm gánh qua hoặc nghỉ buổi hàng để trông nom việc đồng áng. Kế đến một hồi, cô Cốm không thấy qua đò ngang vào chợ tỉnh nữa. Có đến hai ba phiên chợ rồi chứ chẳng ít. Ông già hỏi ra thì mới rõ cô Cốm vừa bị vướng vào một chuyện hãm hiếp và không rõ tính mệnh và danh tiết cô giờ có còn được toàn không? Cậu Tư con quan Thượng mà cho lính bắt đi thì không phải là chuyện chơi. Cụ Thượng tuy là chính trực, nhưng cậu Tư vốn là cậu ấm con quan về ngành thứ, thường hay ỷ thế cha để làm chuyện bậy giữa cả lúc ban ngày trong đám dân gian. Cậu có cái bệnh thèm sự gần đàn bà và hay cho lính vào lùng gái quê trong chợ; người nào coi chừng gọn gọn và sạch sẽ là bọn lính lôi luôn về phủ riêng của cậu. Cái thân người thôn nữ một vào đây thì mỗi ngày ở cái phủ đầy mùi dâm bôn ức hiếp ấy là như nghìn thu ở ngoài và nhiều cô gái bị hãm vào đấy thì tự coi như là đành cướp công đấng sinh thành rồi. Kêu oan cùng quan Thượng thì ong kiến làm gì to họng và cửa hầu thêm một nỗi là sâu như rốn bể.

Được tin cô Cốm gặp nạn, ông lão cũng biết vậy. Sớm tinh mơ hôm ấy, ông lạc quyên các cô hàng một số rượu gấp đôi mọi lần, đổ tất cả vào cả miệng, ngồi lịm đi ở cổng ô như một khối tượng đá. Chờ cho mặt giời thổi tan hết mù mai vươn lên độ nửa con sào, ông lão bèn đi thẳng vào dinh quan Thượng, gạt phăng cả lính canh cổng ngoài và bất chấp cả lũ lính hầu vòng trong. Chẳng rõ giáp mặt quan Thượng – quyền trấn một góc trời lấy đầu người trị hạ cứ dễ như bỡn– ông lão đã nói những câu gì. Đứng ngoài vòng, mọi người chỉ

nghe tiếng quan Thượng quở lính sao canh phòng không được nghiêm cẩn để giữa ban ngày có thích khách lẻn vào và ngài quát tả hữu trói tên giặc lại để chút nữa bêu đầu ngoài cổng tỉnh. Mọi người lại còn nghe tiếng ông già la hét om sòm giữa chốn thâm nghiêm. Không rõ người ta có làm gì ông già không, nhưng hôm sau, ông già được tha ra. Mọi người thấy ông già được tha ra về, mới lấy làm vững lòng và ngay sau đó cô Cốm cũng được tha về cuộc đời cũ nơi thôn ổ.

Người ở kẻ chợ biết được tin này đều lấy làm khâm phục cái người say rượu có tuổi vừa làm được việc lộng hiểm có hiệu quả. Chẳng rõ đấy là lòng can đảm nghĩa khí đã xui ông cứu cô hàng trẻ hay đấy chỉ là cái sức phản kháng mãnh liệt dĩ nhiên của chứng rượu lúc lên tới cùng độ ở một người liều mạng, nhưng đám đàn bà quang gánh trẩy rượu vào các cửa ô, từ bấy giờ, càng lấy làm quý Bố Ô không còn để vào đâu cho hết nữa. Họ càng lấy làm ngạc nhiên thêm là từ hôm xảy ra việc đại náo dinh quan Thượng thì cái ông già uống rượu chằng mọi khi ấy cũng biến mất. Ô, một người kỳ dị. Riêng cô Cốm thì càng lấy làm nghĩ nhiều quá. Ông cụ đi đâu? Sao vào những lúc này thì lại không ngồi ở cửa ô mà đưa cái chén gỗ ra để cho người ta và các chị em cùng đi hàng rót vào đầy gấp năm gấp mười mọi khi! Mà tìm ông cụ thì tìm vào đâu? Muốn hỏi thăm thì hỏi vào ai?

Bỗng một buổi mai, lúc các cô đang quẩy gánh tiến vào cửa cổng ô thì từ trong màn sương hiện ra một đứa bé đầu còn để trái đào, một tay cắp cái hũ sành lớn bằng nửa người nó, một tay giơ ra một cái chén, miệng lắp bắp: "Bác tôi nói với các cô đổ rượu vào đây cho đầy". Và nó chìa luôn hũ cùng chén ra. Cả bọn gánh rượu nhận ra cái chén gỗ quen thuộc, bèn reo to: "Bố Ô đây rồi!". Và hỏi dồn đứa bé xem ông cụ giờ ở đâu và sao lại không ra đóng chỗ tại đây như mọi ngày. Đứa bé lắc đầu, trả lời là ông cụ bác nó giờ hai chân không đi được. Người không đứng dậy được, cả ngày chỉ nằm bệt trên chõng tre, đã lâu không ăn uống gì, chỉ nói mê, mãi đêm qua mới tỉnh lại và dặn nó đưa hũ chén ra chờ ở đây để xin rượu. Hỏi thêm về cận trạng ông lão bí mật, đứa bé không biết thêm được điều gì nữa, cả bọn gánh rượu càng thêm ngạc nhiên. Bàn qua loa, họ bèn vui lòng lỡ một buổi chợ sáng để theo đứa bé tìm đến thăm ông già tại nhà.

Bây giờ họ mới có dịp biết nhà cửa Bố Ô. Đấy là một cái túp lều nhà gianh dựng bên một Ông Đống ở phía sau một nếp đình cổ. Đẩy một cái cổng cành tre gai, qua một mẩu sân con là vào đến nhà. Nhà rộng độ một gian, kê vẻn vẹn chỉ có một cái chõng, trên chõng Bố Ô

nằm cứng đờ, chân tay duỗi thẳng. Một cỗ màn nhuộm nâu rủ thõng xuống trùm lên thân hình Bố Ô không khác gì một cái nhà táng. Trên tường đất, treo một bức tranh Thập Điện Diêm Vương có những mầu đen tối của địa ngục tương phản với vàng chói của mũ quan tòa luận tội, với màu đỏ của lửa vạc và của máu tội nhân. Cách bức tranh cũ là mấy bức liễn giấy viết bài *Tương tiến tửu* – mấy dòng trên bài phú bị rách nát vất đi, thành thử bài phú lại mở đầu bằng câu “Minh kính bi bạch phát, triêu như thanh ti”. Trên tường đất sóng với tranh và liễn là một cái nỏ Mán và một cái ống định trúc Hồ quản. Tất cả chỉ có thế. Nỗi quạnh hiu và cô đơn ở gian lều cỏ này, đến kẻ nghèo khổ nhất – dưới mực đứa ăn mày một tý – cũng phải rùng mình vì nỗi đơn lạnh. Thấy các cô hàng rượu để ý ngắm cái nỏ Mán, đứa bé chỉ ra phía bụi chuối ngoài hàng rào trỏ vào một cái nồi bọng đất úp ngang lên đầu một cây tre cụt: “Ấy mọi khi còn đi lại được, mỗi buổi sớm bác tôi đi uống rượu – không biết ở những đâu – về là lấy nỏ Mán ra tập bắn vào cái nồi đất có vẽ mặt người đó. Phát nào đâm thủng con mắt vẽ vôi kia thì bác tôi lại mang ống trúc ra thổi một lúc rồi ngồi bưng mặt khóc cho tới lúc lặn mặt giời. Mỗi lần bắn thủng mắt ở nồi, thì lại thay nồi đất khác. Cả đêm không ngủ, mỗi lúc có tiếng gà gáy lại ngồi cười một mình trong bóng tối và tặc lưỡi thi với con mối trên vách, hoặc mang cái bát sứ xanh rộng miệng ra – không biết bác tôi cất cái bát đó đâu rồi – lấy lòng bàn tay nhổ nước bọt vào rồi vuốt nhanh vào lợi bát, uốn vòng lòng tay ướt theo đường tròn thành bát tự nhiên cái bát kêu vo vo như sáo diều. Gần sáng thì lại ra đi và lúc nào về cũng say mèm”. Ông lão cựa mình mạnh rung lá màn, rên hừ hừ. Đứa bé tất câu chuyện, thấy gọi đến nó, nó liền thưa:

– Thưa bác, có các cô hàng rượu đến nhà.

– Ối chao ôi. Quý hóa quá. Các cô lại còn nghĩ đến cái nghĩa rượu cũ mà tìm đến thăm lão nữa kia à. Lâu lắm, lão không được ra các cửa ô. Nhà nước có dựng thêm cửa ô nào nữa không? Phải thêm cửa ô chứ! Ồ, lại cả cô Cốm nữa đấy à? Cháu bé đưa chén gỗ ra xin ngay cô Cốm một chén đầy cho bác.

Cô Cốm khom khom rót. Một chén. Bốn, năm chén. Mười chén. Ba mươi chén. Chén nào Bố Ô cũng chỉ làm có một hơi. Nhanh và ngon như kẻ khát đường vớ được nước suối rừng, vực nón xuống mà múc lấy múc để. Và rượu vào đến đâu, là chân tóc ông già lại đẫm

tuôn mồ hôi ra đến đấy, làm dầm dề cả vải gối – Nhiều dòng nước trắng cứ theo mỗi chân tóc mà tuôn mạnh ra. Hết cả hai đầu gánh cô Cốm mà Bố Ô còn gào rượu nữa. Rồi ông già bèn cười sằng sặc, nét mặt thắt nhăn lại, thanh âm càng rợn lảnh mãi lên – diện sắc lúc ấy chép đúng biến chuyển của mặt các bạo chúa, lúc đắc ý về những việc phá hoại báo ân báo oán vừa gây lên với sinh linh. Lũ hàng rượu sợ quá, không biết đứng ngồi ăn nói bây giờ thế nào cho phải với chủ nhân.

Bố Ô mới thu nét cười bạo ngược lại, giọng trở nên ôn tồn van vỉ:

– Lão tỉnh lại rồi. Bây giờ là buổi sáng hay buổi chiều các cô nhỉ? Hay là giời đất đã đến lúc được trở nên vô thể rồi đây! Mà trông ra cứ mờ mờ nhân ảnh cả thế này. Tôi chẳng nhận rõ cô nào vào mới cô nào cả. A, mà các người ơi, nay còn họp đông đủ mặt với nhau đây, lão muốn phiền các người hứa chắc với lão rằng từ nay sớm nào các người cũng ghé qua lều cỏ này, mỗi vị đổ vào cái hũ kia cho lão một chén đầy. Lão bây giờ nửa phần dưới thân hình tự nhiên đâm trệ hẳn đi, phải nằm liệt ở đây không lê người ra các cửa ô như mọi buổi sớm trước để ăn mày rượu các người nữa. Bây giờ lão không nuốt được miếng gì. Ăn gì cũng thổ ra hết và thiếu rượu thì bị chứng nôn khan, ruột gan đảo lộn cứ như có người sàng sẩy trong lòng mình. Bụng dạ lão chỉ còn chịu được cái chất ngũ cốc dầm trong nước men thôi. Các người gắng chịu phiên nhau mà cấp nước đó cho lão đến ngày lão chết. Cũng chẳng lâu la gì đâu. Khéo lắm là hết vụ xuân năm nay.

Miệng Bố Ô líu lại, bọt mép ông già phồng bong bóng lên, to như bọt dãi ông kễnh lúc say giấc. Tay Bố Ô phác họa trong khoảnh không trước mặt vài cử chỉ đại nghịch, mặt đỏ rực những tia máu và con ngươi như muốn phọt ra ngoài. Bọn gánh rượu tưởng ông già hóa dại đến nơi, sóc gánh muốn ra đi ngay thì Bố Ô kêu to: "Rồi hãy đi. Tôi đã chết đâu. Đứng đấy mà xem. Thằng cháu tôi đâu? Mày đưa cây nỏ cho bác". Ông già với giật cây nỏ khỏi tay đứa cháu, cong cánh tay lên và lồng khuỷu tay vào tầm dây nỏ, lấy gân căng dây. Gân mặt ông già hằn oẹo lên những đường đau gắng. Khuỷu tay căng dây mạnh quá, một bên cánh nỏ gãy đánh rắc một cái. Ông già cũng ngất người đi, nằm thiếp trên gối ướt. Chừng đứa cháu cũng được thấy bác nó thỉnh thoảng lại có cơn ngất người đi như thế, nên nó không lấy gì làm thảng thốt và bảo luôn các người gánh rượu: "Thế này thì bác tôi ngủ luôn có khi hai ba ngày và lúc dậy, không có ăn gì cả. Chỉ có

uống thôi. Và số rượu uống lại dùng tăng gấp bội số uống hàng ngày. Hình như có bao nhiêu uống cũng cứ là thiếu. Vâng, các cô cứ rót rượu đầy vào hũ đó cho bác tôi. Vâng, tôi trông nom bác tôi quen rồi. Bác tôi không việc gì đâu".

Đám quang gánh rượu ra đi. Bố Ô vẫn lịm giấc. Đứa cháu lặng lẽ ngồi đánh cờ chân chó một mình trên nền đất trị. Lúc nào đói khát thì nó lại lần vào trong làng xin ăn xin uống những bà con trong họ chứ ở nhà Bố Ô này, lâu nay quanh năm không có thổi nấu gì cả. Bố Ô đã không ăn cơm ăn cháo mà lại cũng không uống nữa, cái người lạ ấy không bao giờ thấy đói và chỉ có biết khát thôi. Mỗi lúc tỉnh bữa rượu trước, thấy khát thì lại đem luôn rượu của bữa sau ra mà giải khát rất tiện. Cái bếp nhà ấy, giờ cỏ mọc um tùm, bò kín lấy mấy ông đầu rau lạnh. Ở đấy không bao giờ có khói. Và cũng tịnh không bao giờ có lửa nữa. Tối đến chẳng cần lên đèn, chẳng cần chặn cổng – nhà còn có gì nữa mà sợ trộm – đứa cháu lăn kềnh ra ngủ. Trước khi đi ngủ, bao giờ nó cũng mắc một múi dây vào đầu ngón chân cái nó và buộc một đầu khác vào tay ông bác, phòng lúc khuya khoắt, ông bác có cần đến nó thì cứ việc giật dây gọi (cái trò này sinh ra từ lúc ông già ấy trệ bại hẳn nửa người).

Tật cũ của Bố Ô ngày một thêm biến chứng. Có người biết việc ông già đại náo trong dinh ông lớn đầu tỉnh, ngờ bệnh hoạn của ông bây giờ là khơi nguồn từ ngày ấy. Biết đâu lúc bị cầm ở đấy hai hôm, người ta đã chẳng dùng đến ngón đòn âm mà hình phạt trả thù cái tính bộc trực của ông. Nhưng có người lại bảo rằng cái thảm kịch bấy giờ chỉ là cái kết quả rất đau buồn của chứng rượu, trả nợ cho rượu. Đấy là bệnh rượu. Họ nói gọn thế.

Bệnh rượu ghê thực. Giờ nó đổi được cả diện mạo và thân hình Bố Ô. Ai là cố nhân của ông già, giờ gặp lại cũng không nhận ra được nữa. Mặt Bố Ô bị rượu chuốt theo hình một cai hũ – cái cằm dài ra đúng đường lượn của cổ hũ – bụng chửa ưỡn lên như dáng chóe và hai cái chân thời thật là một đôi nậm: bắp đùi thu ngắn và banh phồng lên, ống chân thì thót ngẳng dài mãi ra, những đường cong có bao nhiêu đường cong nơi thân thể con rượu là đều dập đúng những đường lượn của những đồ vật bằng sứ, bằng thủy tinh vốn dùng vào việc đựng rượu xưa nay. Hai tay người uống rượu ấy trước kia còn cử động được để với một cái hũ nghiêng rót nó ra một chén rồi đưa vào miệng. Nay nó cũng theo cặp chân mà trệ nốt, và cứ buông xuôi thế.

Sự chết bắt đầu sống trong người Bố Ô. Ở khắp mình kẻ có tật nguyền kia, những thứ ung thư rất kỳ quái cũng bắt đầu phát ra. Nó to bằng quả trứng ngỗng. Có đến hàng chục cái trứng ngỗng nổi rõ trên khắp thân thể. Lúc nó nung chín, nổ vỡ bục ra, rồi theo sau... phì phì là một cái thứ nước trắng như sữa dừa, quệt để vào mũi không thấy tanh. Chỉ thấy hăng xè. Nước cay ấy nhầy nhờn nơi lá màn, chăn gối và áo quần. Lũ ruồi nhặng tưởng bở đậu xuống đưa vòi ra hút phải là đều say ngất đi như bị thuốc mê, cánh cụp lại và chân càng co ngửa lên giời, rụng ngã xuống mặt chiếu. Đứa cháu vốn hay nghịch được một dịp lấy ngón tay gẩy lũ trùng ấy lăn ra, vun chúng lại thành đống rồi thả vào những cửa tổ kiến lửa ở chân giường. Cái thứ nước trắng nhờ ấy xông lên cay thực. Đến ngay đứa cháu nhiều khi con ngươi cũng sót chảy nước mắt ra, những lúc nó phải đứng hầu cạnh lâu quá. Từ ngày ông bác trệ thêm, cả hai tay nữa thì cái việc phục dịch ở nó cũng thêm nhiêu khê nhiều ra. Bác nó vốn không nói được nữa từ luôn với ngày không dùng được tay, nó bèn nghĩ sẵn ra một cách rất gọn để bác nó lên tiếng những lúc muốn nó đến hầu rượu. Đứa cháu mua ngay một cái còi đất để cắm sẵn vào miệng ông bác. Lúc nào cần đến thì ông già liệt cả người kia chỉ việc thổi mạnh vài dịp là nó đã chạy vào. Dạo sau này, đứa cháu họ Bố Ô đâm ra buồn, càng đàn đúm rông dài tệ. Nó bỏ nhà luôn, suốt ngày chơi quay đánh đáo ngoài sân đình, ít chịu ở bên người bác phế nhân. Lắm khi ông già huýt còi đến ba bốn dịp nó mới chịu bỏ dở trò chơi với trẻ làng mà chạy về, hầu rượu xong một cái là nó lại tuông ra đường ngay. Trông đứa cháu bón rượu cho ông già tê liệt kia thì không còn ai ở đời này muốn nghiện rượu. Thảm quá, Bố Ô huýt xong mấy dịp còi, mắt tháo láo chờ đứa cháu, mũi thở phì phò, môi mỏi mà không dám há miệng, sợ rơi mất còi mà nó chưa về thì làm thế nào mà gọi tiếp. Thành thử cả ngày đêm Bố Ô cứ phải ngậm còi liền miệng. Bố Ô chỉ rời cái còi ra khỏi miệng mỗi khi nào đứa cháu nghe hiệu chạy về đổ vào mồm cho vài chén rượu. Nuốt ực xong rượu, ông già mắt đã lim dim thì đứa cháu lại cắm còi vào miệng méo kia xong là nó lại đi ra sân đình ngay để khi nào có còi hiệu thì nó lại mới chạy về, có ngày đến ba bốn lần. Trước, chỉ có mỗi ngày một bữa rượu sáng thôi. Vào hồi này, Bố Ô uống càng tợn. Đến cô Cốm mà cũng phải kêu lên là sự không vừa. Cô tưởng giá Bố Ô trường thọ mãi thì có ngày vốn của cô đi hàng cũng cạn hết. Mà chẳng nhẽ lại nuốt lời hứa với một vị ân nhân mang tật! Nhưng giời đã thương cô Cốm và sớm gỡ cho cô

một lời nguyền. Bố Ô đã tận số vào cuối mùa xuân năm ấy. Bố Ô chết cháy.

Chả một hôm, không hiểu tại sao lại có tên dân cày nọ đem nùn rơm vào cái nhà lạnh vắng này mà thổi bùng lên để thắp một điếu thuốc lào. Lúc ấy bắt ngay vào chăn màn quần áo của ông già Ô và thiêu luôn cả cái túp lều ấy ra gio. Ngọn lửa xanh lè vờn lấy mình ông già đang say mèm. Xác Bố Ô nứt đến đâu là mùi thịt thui ấy thơm lừng như mùi cá mực nướng bằng rượu không có chút gì là hôi khét cả. Và lúc mà lửa đã hoại xong cái xác kia thì cỗ xương ấy bệch ra như thạch cao ải vụn ra trông trắng nhỏ không khác gì thứ bột để luyện những hòn men. Ngửi cái vụn xương tàn vô tự ấy, lại còn thấy thơm và ngây ngất nữa trong khi dờ tay vào thì thấy nó ấm như tinh bột men. Gần đống gio xương ấy, cái chén gỗ cũ Bố Ô dùng mọi ngày vẫn nguyên vẹn, không bị xém tí nào. Lửa chỉ tráng lên toàn thân chén một lần men khói bóng. Biết chén ấy có công dụng kị lửa, một người làng chuyên buôn đồ châu bảo bèn nhặt về bán cho một bực cự phú nọ lấy trăm nén bạc và chén đó sau tiện thành một bộ khay và lạc vào tay một vị Thái bộc, mang theo luôn trong người để phòng việc hỏa hoạn.

Thời nhân, có kẻ rỗi thời giờ, ngồi điều tra vụ chết cháy này, bảo rằng đích nhà Bố Ô phát hỏa vì lửa đã bắt đầu bén vào những khí rượu ở miệng mũi tửu đồ phì ra, ở những đồ dùng bằng vải của tửu đồ đã tẩm chất nước men khô đông lại. Không khí túp gianh ấy, nặng những hơi men như thế gặp được tia lửa mùn rơm, làm gì mà chẳng cháy vèo. Có nước thác đổ cũng không cứu kịp.

Am Sông Tô, 23-12-1943

Thanh nghị các số 51, 52, 53
và 54 năm 1944

VÕNG NGÔ ĐỒNG

(Tùy bút)

Một thiên "tùy bút" lại càng não nhân

Một đêm không muốn nghĩ về mình nữa, nằm trên bãi cá bể Cửa Đại, tôi lấy luôn hai cổ tay tôi làm gối. Mình lại cho luôn đôi tay quý báu của mình xuống dưới đầu mình, gối ngay lên những cái gì xưa nay vốn được việc nhất cho mình và vốn cũng làm hỏng nhiều việc của mình. Tôi nằm như thế nhìn cái lồng lộng của trời thẳm và lắng cái dồn dập của bể cả. Trời đè lên tôi và tôi đè xuống bãi cát. Giá cái sao băng qua trời có làm bận lòng tôi thì hạt cát nín thít dưới trọng lực của hình hài mình lúc ấy cũng làm tôi bận lòng ngang thế. Bãi ẩm. Nước triều của chiều hôm từ từ hiếp dải bờ. Vai tôi, lưng tôi và tất cả người tôi thấm muối dần dần. Tôi cựa mình vài lần. Chiếc gối cũng thay chiều tay luôn luôn và tâm ý tôi cũng đổi hướng. Rồi tôi mới biết rằng còn lâu lắm – lâu lắm có nghĩa là có khi một đời người cũng không đủ – tôi mới có được cái đức nhẫn lặng của con nhà chài chỗ hải tần nằm im trên bãi có khi thấy mấy canh liền rình cái màu sắc chuyển biến rất huyền bí của một đại dương tinh tú và chờ đón một ngọn gió lợi chiều có khi một đôi tuần mới thổi đến. Và tôi lại vẫn hiểu luôn rằng cái công khổ nén ấy của kẻ nằm chờ kiên gan trên bãi là có bao giờ mà không được đền đáp. Sau những ức triệu giây phút mong tưởng của ngư phủ thì bãi khổ bao giờ cũng vang lên một cơn gió hữu tình và cái người nằm im đấy từ bao tuổi đã vùng tay nhỏm dậy, đưa mạnh chân bước xuống một con thuyền cánh phồng chứa những toại nguyện của tin gió.

Những điều trang nghiêm đó tôi nằm trên cát bãi cũng biết cả đấy. Nhưng tôi không nằm im được nữa. Tôi thay chiều nằm luôn. Trên cái mặn và chát của bãi sũng dần, tôi vật vã thân hình tôi nhại cái bóng của người bị một nỗi oan khiên lớn đến như không tỏ được với ai và đêm tối này lại phải đem ra tận chỗ bể trời vô hạn đây mà trần tình. Ban nãy nằm ngửa, nhìn thấu vào lòng đại dương tinh tú, tôi đắm đuối trong các ý niệm là mình đang rơi tõm vào cái bể sao; rồi lòng tôi thấy sợ. Bây giờ người tôi chỉ còn phảng phất cái dư vị

ngờm ngợm ấy. Và bể dồn vào bờ, mỗi lúc dứt một chân sóng, tiếng ầm đục ngắn gọn của đợt triều bằng trong khoảnh khắc sao mà giống cái tiếng dứt của cuối hồi trống tuồng thúc rền khi sân khấu có những cảnh ra quân. Từ hôm xuống bể, ý nghĩ bận vì điều gì thì không kể chứ mỗi lúc tai phải vướng vì tiếng sóng, thì tôi lại quay về với mấy khoảnh sân khấu ở Huế, Cửa Hàn, Phố và suy nghĩ về mấy đêm mình diễn kịch tại mấy đô thị ấy. Sóng bể, sóng lòng dạ quang của sân khấu, sóng mắt khán giả, sóng câu nói của những người cùng sắm kịch lúc giao lời với mình. Và những cái sóng ngầm của lòng mình, giữa hai lúc bỏ màn và kéo màn, khi mình vừa thấm mồ hôi trên lớp phấn mặt vừa nghỉ thoát ra ngoài vai tuồng mình đang đóng.

Sóng bể vẫn đổ vào ven bãi. Bọt bể tràn cát bờ. Hết ầm ĩ, ầm ì thì lại xèo xèo. Cái tiếng cả của bể lớn có lẽ đến lúc tận thế cũng chưa chịu nín bặt. Giận dỗi gì với ai mà ngày đêm lúc nào cũng chồm chồm lên như thế? Lòng tôi mỏi lắm. Thấy cái lối vô cùng bất quyện của bể mà mình lại càng hết muốn mỏi. Há chẳng nên nhập thiền ở trên bãi cát để mà tìm rút lấy một điều gì?

Sóng bể lại đổ ào như bao giờ và vang reo như dư âm của tiếng quân chạy hiệu giữa sân khấu. Ám ảnh. Ra ngoại cảnh chỉ là hưởng ứng của một nội tâm mình và dễ mấy khi mình đã trốn được mình. Trước kia, tôi chỉ là một người cầm bút, ít lâu nay tôi lại còn là một người diễn kịch. Độc giả, khán giả. Mình khó mà hoàn toàn còn là của riêng mình nữa rồi. Công chúng! Ngày bãi khóa xưa xa, sau khi bỏ trường gửi lại chữ giả thầy phụ đến việc thi cử và lòng mong mỏi của thân quyến, có đọc được ít sách không ở trong phạm vi giáo khoa. Tôi còn nhớ một câu của một danh nhân đồng thời: "Mỗi đứa chúng ta có một công chúng riêng" tôi đã không hiểu nghĩa. Phải đợi mười lăm năm – không sớm hơn, không chậm hơn Vương Thúy Kiều – tôi mới nhận rõ thấy ý nghĩa đáng kinh sợ của danh từ này. Công chúng, ôi cái công chúng "chỉ biết nhớ đến có cái việc cuối cùng mình vừa làm". Những ngày vừa qua, tôi đã làm những gì nhỉ? Tôi đã làm những gì để lúc bây giờ người tôi phải thắc mắc đến như thế này? Đi ra bể mà nghĩ ngợi. Ý chừng đây là ý niệm của những người không ra bể bao giờ hoặc là có độ lượng và có sẵn nhiều thành kiến tốt đối với đời sống. Chẳng cho mình nghĩ ngợi mà lại buộc mình nghĩ ngợi, tôi thấy cái bể lớn không biết chán mỏi đang dồn vào lòng mình kia là một điều mệt lắm. Người tôi nóng ran lên. Tôi nhẩy ùm vào một

khúc sóng đang dâng lên. Sóng bạc đầu cao hơn một ngọn tường hoa. Nó nhào tôi xuống và xoáy mãi tôi xuống đáy nước vấn cát bờ. Ví không sủi tăm nữa! Tôi cho đây mới là cái hình thức hoàn toàn của yên ổn. Nhưng tay tôi lại quơ lên làn nước. Nước lóe những chất lân. Tôi nhìn rõ hai cánh tay tôi – hai cái tay mà từ ngày đời tôi có khán giả, tôi nhiều khi muốn vứt đi những lúc qua lại trên sân khấu. Tôi nhớ lại những buổi tập kịch đang nói đang đi mà riêng không biết gửi đôi tay vào đâu cho nó ổn. Chẳng nhẽ dấu mãi vào túi quần túi áo và cứ phải cầm mãi một vật gì. Mới hay sân khấu là một chỗ để cho người ta thấy người ta là có thừa một cái gì cũng như cuộc đời là một chốn để chúng ta cảm thấy mọi nỗi thiếu thốn.

Bể Cửa Đại rộn sóng khuya rót vào người tôi như một thứ rượu mạnh có công dụng xáo lộn lên những tầng lớp cảm tưởng và kỷ niệm đã tưởng được yên nghỉ chỗ đáy lòng. Người tôi trở nên một cái bình pha lê đựng một khối nước đã hết trong lặng. Ở đây, đang vẩn lên những chân rêu và tăm bọt của ngày xa khuây. Trên cát khô, tôi liền trở về với hình dáng mảnh dẻ của chiếc thuyền xứ Huế. Tôi tương tự con sông Hương – một con sông không có sóng, nhưng hay chuyên chở những ngọn sóng của lòng người lỡ chơi trên mặt nước nó. Ra tôi vẫn không quên được tỉnh Huế. Cô Tư Nam Phố thế mà là một người có tài đọc trước được lòng người. "Tui e rằng chuyến ni ông không ghét được Huế nữa". Trong đêm lẻ bạn ở Cửa Đại động bể, bằng tưởng nhớ không cưỡng được, tôi đã vẽ vào không gian trước mặt cái dáng điệu khiêu khích của cô Tư Nam Phố, lúc cô nói với tôi câu ấy trong một khoang thuyền lả lay ngọn đèn dầu phụng và mặt sóng đã thưa những tiếng thuyền rao bán thực phẩm.

Bể dứt chân sóng, lúc đổ bọt hoa xuống, lại dội lên như vang hưởng một hồi trống tuồng cổ. Cô Tư Nam Phố là một đào hát bộ mà cuộc sống đã ghép vào đoạn đời làm kịch của tôi ở Huế gần đây. Ám ảnh. Những vòng luân chuyển của máu trong tôi quay gấp rút hơn mực tuần hoàn mọi lúc. Tôi vùng đứng dậy, từ giã cái bãi cát chỉ còn có gây cho tôi nỗi khó chịu. Gió bể giục tôi nghĩ đến một việc gì nên làm ngay đi kẻo lại muộn lỡ mất. Làm gì? Còn làm gì ngay được lúc này nữa nếu không là mình làm khổ mình. Trời, giá việc giao thông hồi này không bị nghẽn tắc vì dao động của chuyện binh lửa thế giới, giá việc đài tải còn được dễ dàng chóng vánh như ngày trước thì tôi đã hiểu ngay là tôi phải vụt lên phố Hội An, thuê một chuyến xe hơi đi tuột ra cửa Hàn rồi từ đấy qua đèo

Hải Vân phóng ra Huế và lúc bỏ xe thì lại xuống một cái đò đang đậu sẵn trên sông đêm. Tôi đã làm chi đến đời ai và ai đã phá phách sự đơn giản của đời tôi mà cái đêm ngụ ở bể phải vất vả đến nhường này!

Mặt cát sáng hơn cái trần sao cao của một trời đêm đẫm hơi nước. Những bóng đen thuyền chài kéo lưới lướt qua đều có đường viền gẫy gọn như ở cạnh góc một phong cảnh của ký vãng âm u của mình không dứt nổi. Tôi dẫm trên cát bãi, thấy cát là một sự vướng bận. Hôm đầu đi bể Cửa Đại đặt chân lên bãi phẳng là một nỗi sung sướng nhẹ nhõm hoàn toàn kia. Có đâu thế này. Tôi trở về quán trọ, châm ngọn đèn dầu, nhìn vào cái lạnh vắng của một ngôi hàng nghèo nàn lộng gió bể. Đàn gió gẩy rền qua rừng thông bãi làng mạc mạnh thêm cho cuộc sống nghèo nơi quán. Soạn lại giường chiếu, tôi đụng phải một vật cứng bật ra khỏi chiếc gối mây. À, một quyển sách chữ Pháp. Không cần phải tìm xem thêm dưới đèn mà tôi cũng biết ngay rằng đó là một quyển sách rất quý làm bạn với tôi hơn một tháng nay và tôi đã phụ hơn một tháng nay, tôi vẫn chưa đi qua được mươi trang đầu của bài tựa. Người bạn đồng hành – cuốn sách thơ quý – theo tôi xuống bể để cứ nằm dí dưới gối. Tôi cầm cuốn sách, lòng thấy mình đang rẻ rúng mình, nhưng không làm thế nào được. Giá có ai đứng bên cạnh thì tôi cho luôn, mặc dầu tập thơ ấy – đã đóng lại toàn da quý, gáy cạnh mạ vàng, mặt thúc những đường lèo lộng lẫy vàng – là một vật rất hiếm trong thời khan sản phẩm văn học như bây giờ. Vứt đi thì không nỡ, nhưng giữ lại thì cũng tội. Tôi biết rằng còn xơi tôi mới trở về với sách được. Phải khi hình ảnh cô Tư Nam Phố đã bừng dậy trong người tôi thì sách vở nào đã lọt được vào. Tâm óc tôi, người đàn bà ấy đã choán hết chỗ rồi, chữ nghĩa còn lẻn vào đâu được nữa. Và Trời hãy thương mà tha thứ cho tôi, cái ngày mà tôi không còn tin tưởng tí gì ở sách nữa. Bởi cái lẽ rằng người hiền có tài thì đã khuất mà các người hát có tình thì vẫn ở ngay cuộc sống này cứ như sờ sờ trước mặt.

Gió hạ nổi trên bãi thông vào khoảng canh tư đã có cái sức lạnh gây nổi sự rùng mình và đem tôi trở về Bắc – cái xứ Bắc có thượng du – các tỉnh đường ngược hiu hắt từ buổi chưa sang thu...

Bên ngọn đèn quán ngủ, tôi ngồi như chờ một người nào hẹn đến mà quá chậm. Mồ hôi vã trên trán mỏi. Như một luồng gió núi xứ Bắc, gió bể thổi se cả mình tôi. Ra không phải chỉ một đêm nay thôi mà đã có nhiều đêm, tôi ngồi như thế này chờ một người không chịu

đến. Tôi bèn soạn giấy bút, viết mấy bức thư. Có một bức viết về Bắc, định gửi cho một chị bạn, nhưng sau tôi lại giữ lại vì cái lẽ giản dị là rất đột ngột tôi thấy mất cái hứng đề tên bạn cũ vào mặt bì thư. Lúc cất thư đi, tôi lại còn tìm ra được một lẽ này nữa là giải cái tâm sự mình với người của cuộc đời thực tại không bao giờ bằng gửi nó vào miệng những người trong truyện viết của mình; những con người trong tác phẩm văn chương bao giờ cũng tha thiết hơn, thành thật hơn, quý yêu mình hơn, phong phú hơn và thân mật hơn là hết thẩy những người thân mến ở cuộc đời ngoài nghệ thuật, và thứ nhất là biết trung thành với mình, trung thành đến gửi cả sinh mệnh vào tay mình. Đây là những dòng thư ấy:

Chị Giang.

Tôi cố tình không tìm chị để gửi một lời chào, trước khi rời Hà Nội. Vì gần đây tôi thấy chị xấu đi nhiều lắm rồi. Tôi không muốn gặp lại, sợ có điều không hay cho việc giao hữu.

Tôi còn nhớ một đêm mưa gặp lại chị ở nhà bà Trần. Ấy là một đêm mưa chấm hết cho mùa xuân. Bà Trần pha trà, bà Lê soạn mứt ra đĩa, rồi cùng quay lại để nói với chị và tôi về cái tính khắc khổ trái lý của mấy cô giáo đưa các trẻ em ra nghỉ mát ở bãi bể. Ngoài trời vẫn mưa, chừng như mau hột hơn trước. Chị có vẻ nghe mưa hơn là nghe chuyện. Bà Trần tưởng chị không ưa cái đề chuyện khô khan đó, bèn đổi ra chuyện văn thơ và đả động đến thi pháp của Sấu Quyên phu nhân. Chị đứng dậy, vội đi. Không ai hiểu ra sao. Nửa tháng sau, vì một sự tình cờ, tôi mới hiểu rằng hôm đó chị lãi được hơn hai nghìn bạc. Chị đã thừa một đêm mưa nặng hột cho chở bao nhiêu súc vải phin lên những cái xe tay kín mít áo tơi cánh gà, đưa xuống. Ấp cho một người vẫn ăn giá hàng chợ đen với chị. Chuyện này, rồi sau bà Trần cũng biết. Đó là chỗ tôi buồn và xấu hổ bởi vì muốn gì đi nữa thì chị cũng là một người bạn thân, thân đến nỗi chỉ còn thiếu một chút nữa thì đã làm bạn với nhau rồi. Chị hãy nghe bà Trần nói về chị: "Cười nhất là trước kia, hễ thấy mưa là chị Giang chị ấy cứ buồn dúm cả người, tưởng chết ngay được dưới cuốn sách mở. Ai ngờ bây giờ mưa không là của riêng của tứ thơ nữa mà mưa lại ra tiền".

Nay nghĩ lại chuyện đó, không những tôi không giận mà lại còn thương chị nữa. Sống giờ khiếp lắm. Phải nhanh lắm, và khéo lắm. Chị

không thể thoát ra luật lệ của đời thực tế và những thói tục của thời đại. Sự vất vả ngày nay lại do từ cuộc đời bên ngoài đưa vào. Chị sức vóc được mấy? Tôi chỉ ngại một điều là chuyến này lộn về Hà Nội, tôi chưa thấy chị giàu mà đã thấy chị già...

Kính thư

(ký tên)

Cái hứng viết thư đương còn thừa đà và thấy sự thổ tận can tràng lúc canh khuya này là một điều không nên tiết kiệm nữa, tôi lại soạn giấy để kể thêm chút niềm riêng với một người bạn khác ở Sài Gòn. Cũng như bức trước không chịu phó cho nhà dây thép đệ về Bắc, lá thư này cũng bị tôi giữ lại, dành cho nó một cái giá trị của trang nhật ký ghi lại ít nhiều bồn chồn trong một lúc nhỡ độ đường bên dòng thời gian. Lá thư này, chữ viết xấu và sít dòng quá.

Cô Lan Khanh ạ.

Trước khi tôi bỏ Hà Nội, cô có gửi tôi một lá thư hỏi tôi độ này làm được những gì và tha thiết buộc tôi phải hồi âm cho thật dài. Rồi chỗ tái bút cô phải kêu lên rằng tôi lười lắm, gần đây chẳng chịu làm gì cả. (Làm nghĩa là viết, phải không? Chứ tôi thì còn làm được cái thá gì ở cuộc đời này nữa, phải không cô Lan Khanh?)

Thật vậy, gần đây tôi lười lắm, nghĩa là không viết được ít nào. Việc trứ thuật chừng như chỉ còn hứng thú ở chỗ dự tính trong đầu thôi. Làm việc thấy khó khăn quá. Nhìn xuống cái màu trắng của tờ giấy, đã có bao nhiêu lần tôi lo sợ. Tôi không phải là một kẻ nghèo hèn trong lòng; vậy mà cầm đến bút định viết thì chữ không chịu ra (cũng như đã nhiều buổi, tôi mở sách đọc thì chữ không chịu vào), rồi tôi lại bỏ giấy bút nguyên thế mà chạy ra đường, ngồi lên một cái xe trong bụng lấy làm chê trách mình đến điều. Cái xe bao giờ cũng phải đỗ mình ở một chỗ nào. Thì cái chỗ ấy là một quán rượu. Tôi hoang mang, tôi không rõ mình có ra hiệu cho xe đỗ ở tửu quán không hay đấy là một cái ý riêng của người làm xe; nhưng thôi, đã không ngồi yên bên bàn giấy được, đã muốn đi ra đường thì thế tất là mình phải đến một chỗ nào. Tức là lại đến cái hàng rượu quen này. Và đã vào đây thì mình phải tự tử mình đi trong muôn một, tôi phải gọi người ta đem ngay chất độc đến cho tôi. Rất nhanh. Một cốc, hai cốc. Năm cốc. Và, và... đã thấm chưa, hỡi những người không biết tiếc thương và không có cái gì để phải quên đi ở cuộc đời này! Tôi đánh rơi một cái cốc đẹp xuống thềm hoa quán rượu, đánh một dấu chấm than cho ý nghĩ vừa

chớm về với lòng mình đang vẩn dần. Nhìn đống vụn thủy tinh lóng lánh nhọn sắc, tôi ngờ rằng đấy mới là cái thâm ý của pha lê: đã trong sáng đến ngần ấy thì phải reo vang lên – dẫu chỉ được có một lần thôi – rồi tan nổ, rồi trở về cái chỗ không có hình thể; tôi liền rút cuốn sổ tay ra, định ghi ít cảm tưởng chân thành.

Tôi muốn ghi ngay xuống trang sổ những cảnh sắc của cái thế giới bên trong tôi đây mà ít khi tôi được thấy rõ bằng lúc ngây ngất này. Tôi nhìn sát vào đầu ngòi vàng cây bút máy. Đầu ngòi nhỏ thế này, đâu có phải là chỗ đủ thoát cho một dòng tư tưởng xô bồ hỗn loạn. Tôi quăng bút cầm lấy cốc tự nghĩ giá lúc này mà cầm được bút lông, viết đại tự, mỗi nét sổ của chữ "thân" phải dài trên bốn thước ta thì mới hả. Chứ ngòi bút tây bé quá và diện tính trang viết hẹp lắm, nhỏ lắm. Có như thế này thì tôi mới biết so bì và thèm khát cái đời họa sĩ. Bột đấy, dầu đấy, phẩm đấy, tha hồ mà bôi lên giấy, lên vải, lên gỗ. Xanh đỏ trắng tím vàng đen, tùy theo cái sức phẫn uất của mình. Không, nói cho cùng thì giá lúc này được làm nhà điêu khắc thì phải hơn hết. Khi mình thật lòng mình muốn nói nhiều lắm mà tội một cái là không thể nói thẳng với chung quanh bằng lời nói được thì cầm một cái búa và một cái đục trèo lên giàn mà nói chuyện với một hòn đá đặt ngay giữa phòng làm việc, nói đến đâu, cái hòn non bộ lù lù nín thít kia lại rung bắn nẩy lửa lên, chẳng là hả lắm sao? Cô chưa được thấy một người nào làm việc với đá trắng. (Những người quen cô, chỉ mới có làm việc với con chữ thôi, với giấy trắng thôi). Làm việc với tảng đá đẹp lắm. Sau bao nhiêu ngày ốm nghén vì một điều ám ảnh, bây giờ ta trèo lên cái hòn núi xinh đặt ở phòng kia mà tự thoát thai lên đấy gửi cái ẩn khuất của lòng mình lên đó, gửi đến đâu đá kêu khóc rã rời đến đấy, cái lối làm việc như thế, tôi cho nó rộng rãi khỏe mạnh và thích hợp với những tâm trạng hay vướng phải khủng hoảng. Tôi thấy nhà điêu khắc cầm búa có chỗ sướng hơn nhà văn cầm cán bút... Làm một bài thơ bằng đá, tra tấn đá bắt đá phải hiện lên thành một cái tâm sự, buộc đá phải uốn theo làn đau thương mong mỏi của mình; cầm búa đục, đục mãi, bắt đá phải trả lời cho mình, kỳ khi nào mình hài lòng thì mới chịu nằm nghỉ – nếu nghỉ luôn được nữa thì cũng không sao, cô ạ. Ta gửi xuống tờ giấy mỏng manh tất cả những cái gì đã làm cho ta trở nên con người bất mãn ở ngay cuộc đời thật tại. Tôi hiểu như thế lắm và lắm lúc thèm ngồi được mãi mãi bên bàn giấy. Nhưng quái lạ, ngồi trước tờ giấy trắng là lòng tôi đã thấy chia rẽ lắm rồi. Tôi không vững tin như lúc sắp ngồi vào bàn. Xưa kia, mỗi khi cầm bút ướm thử nó lên tờ giấy

trắng trong tinh khiết, tôi thấy sung sướng vô vàn, sung sướng đến chảy nước mắt ra, đến nỗi có thể tưởng rằng mình sẽ chết ngay được nếu bị mất cái quyền viết. Bây giờ khác lắm. Nó ngang trái hết. Chẳng hạn tôi định đem vào cái thế giới tiểu thuyết một ít con người rất yêu đời sống, rất bồng bột, rất hồn nhiên, thì chỉ có chuyển từ cái lòng mình sang, đến lòng trang giấy, những con người mình ấp yêu kia đều đã biến tính biến thế hết không rõ vì cái sức ma quái gì mà những con người ấy đều trở nên ẻo lả, vị kỷ và quá thông minh. Tôi chỉ còn ngậm ngùi trước cái cảnh phản trắc và nổi loạn này và tự hiểu rằng mình đã thiếu hẳn sự thức tỉnh trong việc điều khiển. Đã có bao giờ cô trông thấy cảnh một nghệ sĩ cùng đồ? Người ta ngơ ngác như một kẻ bị mất cắp tình cảm; mất cắp hết, mà chỉ còn có việc khóc to lên cho mình nghe thấy mình khóc thôi. Có người khuyên tôi như thế thì nghỉ hẳn đi. Bởi vì khi nào một người làm việc sáng tạo muốn tìm lại mình, thì chỉ có làm việc rất nhiều hoặc là dừng lại, nghỉ, đứng im hẳn. Tôi đã theo lời chỉ giáo đó. Thế là cái lọ mực bắt đầu đóng vẩy. Và đêm ấy, nhân có người bạn thân đến đòi thức khuya với tôi tại am nhà, có một đôi nến bạch lạp, tôi đem ra đốt cả. Từ ngày có chiến tranh tôi không đủ tư cách thắp nến làm việc đêm. Đôi nến trắng này, tôi nhờ một anh bạn đi đạo nài lại của nhà chung từ đã lâu, cứ để dành đấy, không nỡ đem ra thắp; trong bụng cứ đinh ninh hễ có người bạn thân nào từ giã cõi đời này thì đem đến góp vào một cái đêm nhập quan. Vậy đem nó ra đốt lên, ánh sáng nến soi xuống những giọt lệ sáp đổ hình sao trên án sách, tôi lại bùi ngùi như lúc sắp chia tay với ai. Uống hết hai tuần trà tầu và một tuần rượu, bạn tôi hỏi:

– Sao, độ này có làm được gì không?

– Tôi sắp đi chơi xa.

– Lại để viết?

– Cũng mong được như thế. Nhưng không chắc. Thôi nói chuyện khác.

Đêm ấy cách đêm nay đã gần hai mùa. Ngồi cầm bút nói chuyện với cô ở bãi vắng đây, tôi cứ tưởng như đêm nào còn ngồi ở nhà am. Lòng vẫn ngơ ngác. Và trong những phút nhỡ độ đường này, tôi tự hỏi xem mỗi lúc mình đánh mất mình thì đó là một điều đáng mừng hay là đáng tiếc?"

Kính thư

(Ký tên)

Đăng trên *Thanh nghị*
(từ số 79 đến số 82 (tháng 8, 9 – 1944).

CHÉN RƯỢU VĨNH BIỆT

(Chân dung văn học)

Cữ thượng tuần tháng tư năm nay, tôi có chút việc phải về làng Mọc. Tôi nghĩ ngay đến việc ghé thăm ông Tản Đà. Từ chỗ ông ở đến làng Mọc tôi, cách nhau độ năm trăm thước. Sẵn có bó đóm diêm gỗ bồ đề, tôi gói đi gọi là làm chút quà cho ông bạn già vốn đặt cái thú hút thuốc lào ngang với cái thú uống rượu. Con người ta chơi với nhau, đã mến được nhau, đã kính nhau, thường hay có những cái tỉ mỉ như thế. Cái thanh đóm dùng để châm thuốc lào, ở người khác tôi không hiểu nó như thế nào, nhưng giữa ông Tản Đà và tôi, thanh đóm đã là một cái gạch liên lạc nối một trẻ vào một già.

Lần đầu tiên tôi giáp mặt ông Tản Đà là ở tòa soạn An Nam tạp chí phố Hàng Da. Đầu năm 1932 gì đó, sau cái hồi rời bỏ phố Hàng Khoai, lúc ông Hiếu còn cộng sự với ông Cử Ngô Thúc Địch. Sau bài thơ trường thiên của tôi gửi đăng ở An Nam tạp chí lấy tên là *Tương tư hành*. Vũ Lang đưa tôi lại giới thiệu cùng ông Tản Đà. Tôi còn nhớ buổi đầu đó, chúng tôi nói rất nhiều về bản dịch bài *Tỳ Bà* của Bạch Cư Dị, mà nhiều người gán cho Nguyễn Công Trứ và một số người nữa thì bảo là của ông Đồ Phù Long (?). Những đoạn nhắc đến chữ dịch hay quá, hay đến nỗi hóa được cả chữ của nguyên văn như chữ *tẩm* (biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt) mà dịch là *dầm* (nước mênh mông dầm vẻ trăng trong) chẳng hạn, ông Tản Đà hút một điếu thuốc lào, tôi cũng hút một điếu thuốc lào. Chúng tôi thông điếu lẫn cho nhau và người hút thuốc thường giữ một thanh đóm lúc vẫn cháy để chờ người sau kịp dịt một mồi thuốc thứ hai vào nõ điếu. Lẽ cố nhiên, tôi thông điếu và giữ thanh đóm cháy nhiều hơn ông Tản Đà. Tôi rất vui vẻ giữ cái địa vị đàn em như thế có đến nửa giờ đồng hồ vì hai cớ: Cớ thứ nhất là trước mặt tôi, tôi có cả một cái tài hoa già dặn của thời đại; cớ thứ nhì là ông Tản Đà cao hơn tôi những hai chục tuổi đầu. Lúc đứng dậy xin cáo, ông Tản Đà tay sẵn thanh đóm còn cháy dở, nèo tôi hút một điếu thuốc lào nữa và cười khà khà:

– Ngon nhất là cái điếu thuốc lào hút thế nào cho được nhất khí.

Thấy bao diêm của tôi đã vợi hết ruột, ông xé cho mấy chục que ở cái bao đầy của ông:

– Ngài cầm ít que dùng tạm. Bên đầy quá bên vơi quá.

Tôi lĩnh mươi cái que đóm diêm sinh, cảm tình vô hạn cái buổi đầu gặp ông Tản Đà, buổi đó, để lại cho tôi nhiều thiện cảm. Nhớ đến cái tàn lửa đóm của ngày cũ năm 1935, hồi ông Tản Đà thất thế lùi về Khê Thượng, tôi có gửi lên cho tiên sinh một bó đóm diêm gỗ bồ đề. Có người bạn quen, bắt gặp tôi ra nhà dây thép gửi cái bưu kiện đóm diêm lên tận tỉnh Đoài cho thi nhân, người đó đã đùa nhả một câu:

– Anh định diễn lại cái kịch rau sắng Chùa Hương, có phải thế không?

Bó đóm đi không bao lâu thì ông Tản Đà gửi lại một bài thơ lục bát trong đó có hai câu:

"...
Tay cầm bó đóm con con,
Nhớ người xa nước xa non như gần".

Đã có bao nhiêu đêm đông lạnh, tôi ngồi xổm khoác mảnh chăn bông lên bả vai, châm một thanh đóm, và nhớ đến người xa xa tôi cất tiếng ngâm một bài "Thề Non Nước" giữa một vùng khói thuốc lào dầy đặc, như màn đất núi.

Mãi đến đầu năm ngoái, tôi mới có dịp gần ông Tản Đà luôn luôn. Mỗi dịp gần nhau lại là một dịp để say sưa, để hút thuốc lào với thanh đóm cũ để nói chuyện dịch Liêu Trai, dịch Đường thi và phê bình về người và việc trong *Đông chu liệt quốc*.

Biết là đóm đã hết, cữ này về làng Mọc, tiện đường qua nhà ông Tản Đà ở Cầu Mới, tôi đem về biếu một bó đóm nữa.

Bấy giờ vào quãng chín giờ sớm. Ông Tản Đà đang uống nước trà, thấy tôi vào đã vội cười với một câu: "Cố nhân lai!" Cái mừng rỡ này xiết bao thành thực. Đúng như vậy, đã mấy hôm nay rồi, ông Tản Đà đang khát gặp người nói chuyện. Những bạn năng lui tới thường đã rõ ông Tản Đà vì sao phải rời xóm Bạch Mai chạy về vùng Ngã Tư Sở. Mở ngôi hàng xem số tử vi Hà Lạc, không có khách. Mở lớp Quốc văn hàm thụ và lớp Hán văn diễn giảng cũng lại không có học trò nốt. Rốt cùng đến thiếu tiền nhà, chủ nhà đuổi người thuê nhà và giữ lấy đồ đạc. Chỉ tay vào chồng sách cũ xếp trên cái ghế

mọt dài, chỉ tay vào hai chiếc ghế mây đã gần thành bẩy chân choãi, ông Tản Đà vẫn còn hài hước:

– Nhiều lắm mà làm gì. Hai chiếc ghế cũng đủ chán. Chủ ngồi một chiếc, khách ngồi một chiếc.

Tôi bâng khuâng. Tôi cố tìm trong đầu tôi, lục lại trong cái mớ chuyện Đông Tây cổ kim, để tìm lấy tên một thi sĩ giàu có. Thì ra, cái nghèo của thi nhân đã là một nghiệp dĩ. Sự giàu sang người ta chỉ thấy ở một kẻ buôn bán, ở một nhà viết tiểu thuyết. Có bao giờ, có mấy khi, một thi nhân được nằm lên đống vàng mười. Tôi muốn bỏ đi ngay, để được phơi những ý nghĩ đen ngòm này ra một chỗ thoáng.

Ông Tản Đà giữ tôi lại:

– Này, đi đâu? Lâu lắm không uống với nhau một chén nào cả. Ở đây rồi ta tiêu ẩm.

Rồi ông chỉ cái thẩu rượu có ngâm đôi ba con cáp – giới còn nguyên hình:

– Của một ông bạn ngoài Quảng Yên làm quà cho. Để đợi hôm nào khỏe, chúng ta sẽ dùng hết. Cái giống này tráng dương lắm. Lai ơi!

Lai là tên một người hầu cận thi nhân, cũng là người Khê Thượng, theo ông từ ngày ông lùi về quê vùng Bất Bạt. Trước kia Lai thất học, nhưng từ ngày ở với ông Tản Đà đã biết đọc, biết viết và nhiều khi ngồi bên bếp lửa thăm dòm một bát canh, một niêu cơm, còn ngâm nga (!) nữa. Đã từ bốn năm năm nay, mọi việc chuyên trà, xào nấu món ăn và những lúc đêm hôm phải cầm cái hũ đi lấy rượu từ đầu làng đến cuối làng những lúc có khách, nhất nhất mọi việc đều qua tay Lai cả. Nếu ông Tản Đà ở lùi vào thời trước, thì nhất định Lai phải để hai trái đào như một hề đồng ngày ngày đeo một cái lẵng hoa quả theo thầy lên núi lau một cái sườn đá cho thầy đề mấy vần thơ. Chiều cho được ông Tản Đà, tôi tưởng cũng chỉ có một mình Lai thôi. Lai lúc nào cũng vui vẻ đứng hầu rượu. Với những phong tục rất êm đềm ấy ở trong một khung cảnh rất thanh bạch ấy, hai thầy trò ông Tản Đà đã gần như chọn nhầm thế kỷ.

Lai đã bưng siêu nước ra, đứng vòng tay chờ ông Tản Đà sai bảo.

– Này Lai, con chạy ra đầu phố xem có cái gì mua về uống rượu. Con tùy tiện lấy.

Nghe mà thấy dài quá! Nghe mà thấy sang quá! Ai dám bảo ông Tản Đà là luôn luôn túng quẫn. Tôi tủm tỉm cười.

Lai ở chợ đã về và đã nhanh nhảu bày lên bàn những món tửu hào. Trên mặt cái bàn gỗ mộc tròn vốn dùng luôn làm bàn giấy (!) – những lúc dịch thơ Đường bán cho báo *Ngày nay*, những lúc dịch Liêu trai bán cho nhà Tân Dân, những lúc chấm số Hà Lạc bán cho khách bốn phương trời – trên cái bàn gỗ mộc, Lai đã đặt lên đấy một cái hỏa lò than hồng. Một đĩa bún Thanh Trì trắng phau điểm vài ngọn rau húng Láng xanh ngát. Và mươi gắp chả thịt lợn ba dọi có bóp riềng mẻ. Cái "tác phẩm" xinh xắn, gọn gàng này là của Lai.

Khói mỡ bay đầy phòng

Ngoài đường nắng chang chang.

Gió nồm quạt lửa hạ vào nhà.

Lai cũng phành phạch quạt nan quạt lửa than hồng vào người chúng tôi. Rượu nặng phân bắt đầu ngấm, bốc mãi nhiệt độ trong người. Nếu không yêu và kính chủ nhân, thì có mà phải tội mới ngồi hầu một bữa rượu chín được người như thế này. Cũng như bao giờ, ông Tản Đà là người nói nhiều nhất trong những lúc cử tửu. Giữa cái nóng nực của bữa rượu trời hè, tôi, mồ hôi chảy ròng ròng, ngồi nghe ông Tản Đà luận bàn về người trong thanh sử. Nói xong cái tâm trạng Khổng Minh lục xuất kỳ sơn, ông quay sang cái cảnh Phạm Lãi chu du Ngũ Hồ. Rồi ông chê người Đại phu Văn Chủng, rút những câu trong sách cũ về đoạn ấy: "Cao điểu tận, lương cung tàn, giảo thỏ tử, tẩu cẩu phanh; địch quốc phá, mưu thần vong..."

– Con người ta ở đời, có hai thái độ đáng quý, một là làm thánh hiền, hai là làm hào kiệt. Nhưng đem so sánh thì làm hào kiệt vẫn sướng hơn. Cái cuộc đời ấy mới là ồ ạt.

Rồi không cần câu chuyển, ông Tản Đà đổi sang một câu chuyện khác.

– Nội trong loài cá, chỉ có con diếc là sạch nhất và khó câu nhất. Giống nó chỉ hay ở chỗ nước trong và ăn toàn bọt nước. Thả cái mồi gì nó cũng chê cả. Định lấy một cái mồi thơm mà dử nó như là người ta thường dử một con rô hay một con chuối, thực cái anh đi câu đã làm một việc tối vụng về.

Tôi liên tưởng mang máng nhớ tới câu tản văn của tiên sinh viết trong cuốn "Giấc mộng con"; "Có người, cho cái áo vải thì chê, đợi cho đến cái áo gấm mới mặc...". Vừa ăn, vừa triết lý, vậy mà mặt trời đã đứng bóng. Nhìn đồng hồ. Ông Tản Đà nói:

– Đến một giờ, tôi phải ra ga. Hôm nay Nguyễn Tiến Lãng ở Huế về. Trước khi theo Hoàng hậu đi Tây, hắn muốn về qua nhà, để bàn tính cùng ông cụ Huyện cho nó xong cái việc vợ con đi. Tôi muốn gặp mặt Lãng vì có tí chuyện.

Thế rồi ông Tản Đà đưa tôi xem một lá thư. Lá thư của ông Nguyễn Tiến Lãng gửi về giục ông Tản Đà gửi sách (?) vào để ông tâu với vua Bảo Đại "trợ cấp" cho một số tiền năm trăm đồng.

Tôi cũng biết thế vậy. Tôi lặng lẽ trao lại lá thư cho ông Tản Đà. Vẫn lặng lẽ, tôi nhấp một chén rượu. Rượu lúc này sao cay, sao đắng lạ – Ông Tản Đà sắp được triều đình Huế ban cho năm trăm đồng! Thi sĩ lúc túng còn gì bằng. Nhưng có phải lần này ông Tản Đà mới được cầm một số tiền to đâu. Từ năm xửa, năm xưa, có người hiệp khách ở Nam Kỳ đã biếu ông Tản Đà một số tiền lớn hơn thế. Những nghìn đồng. Người hiệp khách có bụng liên tài ấy đã biếu không số tiền đó và trái lại, không có đòi hỏi ông Tản Đà một điều kiện gì cả. Với số tiền ấy, thi nhân đã làm những gì? Thi nhân đã uống được mười vò rượu Bồ đào, dùng thêm được mấy mươi thạp trà tàu, và du lịch thêm được ít vùng nữa với sự thừa thãi hàng mấy tháng ròng. Giở lại tập thơ làm vào thời kỳ ấy, đã thấy nhẹ hẳn phần tiêu sát. Và có nhiều người đã không lấy làm thích lắm vì, đọc lên nó đã không làm cho người ta lạnh và rùng mình như cái khối thuở tình xa xôi. Số bạc ngàn lúc trước dùng cũng được có thế thì bây giờ có thêm được nửa cái số trước nữa, đã chắc hơn gì chưa? Mà rồi từ giờ trở đi, người ta sẽ đưa thi nhân của chúng ta vào cái thế giới nào đây? Tôi tin rằng từ nay trở đi, cái đời văn chương của một thi nhân sẽ bước sang một giai đoạn khác. Tôi ngờ rằng, với một số tiền trợ cấp kia, ông Tản Đà sẽ không già tay để hạ những văn rất sái và tác phẩm sau này sẽ nhan nhản những câu thơ rất có "hậu". Sao lại không như thế được?

Cái buồn của tôi vẫn không vợi, khi ông Tản Đà đọc lại mấy câu lục bát rất hay làm từ những bao giờ:

"Cho vơi hũ rượu, cho đầy túi thơ
Trăm năm thơ túi, rượu vò,
Nghìn năm thi sĩ tửu đồ là ai".

San sẻ cho tôi một gắp chả sốt, ông Tản Đà nói đến kế sinh nhai.

– Tôi có lên trên báo *Ngày nay*, nói chuyện cùng Trần Giư để lại

dịch thơ Đường. Nhưng ông ta có bảo công việc ấy bây giờ giao cả cho ông Thạch Lam.

Chuyến tàu điện Hà Đông đã nổi hiệu chuông ra gần tới Ngã Tư Sở. Tôi lặng lẽ cầm tay ông Tản Đà, hẹn một ngày khác rất gần đây, sẽ xin trở lại.

Cái ngày khác rất gần đấy mà tôi lại trở lại căn nhà 71, Ngã Tư Sở, là ngày hai mươi tháng tư, tây lịch là ngày 7 Juin 1939. Tôi trở lại để không bao giờ gặp lại ông Tản Đà nữa. Tôi, một kẻ ở, đến để ngắm chủ nhân đã là một người về. Lúc bấy giờ quá giờ Ngọ.

Sớm nay (7–6) ở thư viện ra, Vũ Bằng rủ tôi đi uống một cốc rượu mạnh. Dọc đường phố Hàng Bông, người trưởng Nam ông Nguyễn Khắc Hiếu mếu máo tin cho tôi biết rằng ông già cậu vừa mất. Thế là từ phút này, làng rượu đất Bắc mất một tửu đồ và tao đàn mất một vị nguyên soái. Và cái bữa rượu bún chả tôi uống hôm đầu tháng ở Cầu Mới với ông Tản Đà là bữa rượu vĩnh biệt một thi nhân mà từ bây giờ chúng ta có quyền gọi sách mé là Tản Đà, là Nguyễn Khắc Hiếu không cần chữ đệm.

Ngồi ở một điếm Bờ Hồ tôi vừa quấy cốc rượu Borgia cho nổi bọt lên, tôi vừa nghĩ đến một câu mà ông Tản Đà đã gở miệng nói giữa bữa rượu hôm trước.

"– Này bác Tuân, làm thế nào mà lúc chết được để mả ở chỗ Hàm Rồng Thanh Hóa, ngay chỗ bên cầu treo. Ở đấy mát lắm".

Rồi nghĩ đến cái việc trợ cấp năm trăm bạc chỉ một chút nữa là thành sự thực, tôi lại mừng cho cái thơm tho của một thi nhân. Có lẽ ông Trời muốn giữ cho thi nhân được trong sạch nên đã sớm gọi ông Tản Đà về. Người trích tiên đánh vỡ cái chén ngọc ở Tiên cung đã đến lúc mãn hạn đi đầy! "Cái hạc" đã "bay lên vút tận trời"! Năm mươi mốt tuổi đầu, thế cũng là đến cõi. "Của trời, tham được có ngần ấy thôi!" Tôi nâng cốc rượu còn đầy chỉ định nhớ chứ không thương thi nhân vừa đặt chân vào cõi Bất diệt.

Nhưng lúc tôi vào nhà 71 Cầu Mới, lòng tôi thắt lại. Ông Tản Đà còn hấp hối và đang thở hắt ra. Cứ đều đều, cứ nhẹ thế cho đến hơi thở cuối cùng. Hai môi mím khít lại, ông Tản Đà có nết mặt dăn dúm của một người chết khó khăn. Phải, chung thân làm một người bất đắc chí, sống đã chẳng được toại lòng, người nằm sóng sượt đây khó mà đi cho nó nhẹ nhõm được. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi lạnh. Ở đầu

giường bệnh, vẫn bên chồng sách bừa bãi đây đó mấy trang bản thảo. Tập di cảo! Trời! Và lẻ loi ở góc bàn vẫn cái hũ rượu cáp giới ngày nọ. Tất cả, chỉ có thế thôi, với một đoàn thê tử yếu và đuối!

Cuối thế kỷ trước, một buổi chiều Avril 1939, tại Paris, nhà viết kịch trứ danh Cenri Becque đã nhắm mắt giữa cảnh nghèo nàn và cô chiếc. Không có vợ, không có cha anh, không có thừa tự, Becque đã để lại cho đời vẻn vẹn có mấy vở kịch Les Corbeaux, La Parisienne v.v... Cứ lời viên thừa phát lại thời bấy giờ làm bản kê khai, thì ngoài tác phẩm kể trên, gia sản của nghệ sĩ để lại, còn có mấy khoản này:

Một cái tượng bán thân do Rodin nặn cho, một cái nồi nấu, một cái nệm, tất cả bán đấu giá được 0f50:

Một chồng sách in, bán được 30f;

Một cái va ly, bốn chiếc khăn mặt: 2f;

Và ba chai rượu vang Mariani (vẫn rượu)

Và năm vạn ba nghìn quan tiền nợ.

Cái đám ma của Becque, lẻ tẻ vài lăm người.

Tao đàn, số đặc biệt về Tản Đà,
ngày 1-7-1939.

MỘT ĐÊM HỌP ĐƯA MA PHỤNG

Tôi bước vào nhà in báo *Con Ong* và hỏi luôn cái người to lớn lù lù đang cầm bút trên giấy:

– Gì mà điện thoại nhắn nhe ầm lên thế?

Tam Lang – người to lớn lù lù ấy – bảo tôi hãy ngồi xuống đã, đợi một vài bạn nữa đang bận tay chữa bài dưới nhà in lên. Tôi nghĩ thầm chắc lại hội họp để cắt cử người đọc điếu văn Vũ Trọng Phụng ngày mai đây. Ngồi kéo nốt mồi thuốc đang tàn trong lòng điếu, tôi nghĩ đến người vừa nằm xuống và nghĩ luôn đến cái chết lạnh lẽo của cái giống nghệ sĩ ở đời. Tôi nhớ đến một chiếc lá vàng vừa rụng khoảng đầu năm nay trên lối đi vắng vẻ nơi ruột rừng văn An Nam. Đầu năm nay, Tản Đà mất. Chiếc lá vàng ấy chưa kịp mục, thì rừng mùa thu lại hái thêm một chiếc lá xanh ném xuống đất. Người ta tiếc thi nhân chưa nguôi, thì giờ người ta lại được khóc một văn nhân nữa. Cái làng văn An Nam vốn đã thưa thớt, lại càng quạnh quẽ muôn phần.

Chợ Hôm về chiều tháng chín mùa thu, vào lúc gần tan, càng gợi thêm cái mệt mỏi trong lòng một thứ người sống với một chút hoài bão riêng ở đời.

Tia nắng hanh cuối cùng đã tắt. Gió heo gửi cho cửa sổ tòa báo *Con Ong* một chiếc lá vàng cuộn tròn mép.

Tam Lang bó những bản thảo và giấy má bừa bộn vào tủ và không vui, không buồn, bảo tôi:

– Tí nữa đi sang sông. Bây giờ đi ăn.

– Au de là du Rhin?

– Phải.

Thế nghĩa là tối nay, nhân một cuộc hội họp về tin Vũ Trọng Phụng vừa mất, chúng tôi qua bên kia sông nghe hát ả đào. Thường mỗi khi rủ nhau qua cầu Sông Cái để thức đêm ở xóm Thượng Cát,

chúng tôi sẵn có một câu nói lòng: Au de là du Rhin. Con sông Rhin đây là sông Nhĩ Hà. Và sau cái bờ sông Rhin này là những căn nhà hát... thứ nhà hát không sạch sẽ, không sáng sủa. Chúng tôi có cần gì đến căn nhà rộng sáng, đến con hát đẹp và hay. Chúng tôi tối nay chỉ cần một nơi để họp nhau cho trọn đêm để sớm tinh mơ ngày mai, lại cả đoàn kéo nhau qua cầu chạy theo một cái xe đám ma người bạn chết non. Thấy người cùng tuổi cùng nghề phải chết một cách sớm sủa mau mắn như thế, chúng tôi thấy đời là ngắn lắm mà chúng tôi càng phải gần sát mãi nhau lại cho đỡ lạnh. Hạng người cầm bút trong xứ không nhiều nhõi gì: mỗi khi có một người ngã vì bệnh nạn, chúng tôi càng phải dồn nhau lại để hàng ngũ đỡ trống trải. Cái giây phút này, ta thương buồn cho người vừa chết, ta thương buồn cả cho ta. Hỡi những người chỉ sống cho luân lý, sống bằng luân lý, tôi không khi nào van xin các người đừng cười chế chúng tôi sao lại dám khiêu vũ chung quanh một chiếc quan tài chưa gắn kín sáu con cá. Có lẽ cũng chỉ vì những tiếng chày, đang nện cá nặng nề bên quan tài kia đã dội nhiều vào lòng bọn người sống một cách hốt hoảng, vô thường định với cái cô quạnh của tinh thần như bọn tôi, nên chúng tôi đã rủ nhau đêm nay sang sông mà uống rượu cho say, mà nghe hát, cũng cho đến say, và điên cuồng mà nhẩy đầm quanh một cái xác chết. Có như là gần thời chiến tranh, lúc này người ta lấy tốc lực ra mà sống cuộc đời mình. Biết đâu ngày mai chẳng là không còn gì nữa. Nếu lúc này gọi được hồn Vũ Trọng Phụng lên mà hỏi câu này, chắc anh lia lịa gật đầu.

Người bạn tội nghiệp của chúng tôi chết. Ngày hôm sau, đưa đám buổi sớm. Nhận cái tin buồn ấy – chúng tôi hát và hút thuốc phiện. Đã buồn chưa? Tôi muốn hỏi tất cả những người bạn tha thiết với Phụng, những người sống với phụng sự nghệ thuật bằng một chuỗi ngày chìm chìm tẻ tẻ, xem những ai là người chịu ngủ cái đêm ấy ở nhà mình?

Đêm ấy, bên kia sông, nhà hát lạnh như nhà mồ. Bọn ca nhi trông người nào cũng cao lênh nghênh. Sự nghèo đói làm cho người họ dài hẳn ra. Ngọn đèn dầu lạc chỉ là một ngọn đèn thờ. Người kép khẳng khiu như một cây khô, cũng chỉ đủ là nhạc công một phường bát âm cho nổi lên một bản hòa nhạc chết khi người ta dâng cơm cúng. Chúng tôi cười một cách điên dại như đám thủy thủ một con tàu ngầm gặp nạn, tàu cặm vào rốn biển cả.

Chúng ta thương nhớ thằng Phụng nhiều nhất là giữa giờ này. Hỡi ôi!

Một người nói. Một người hút. Một người không làm gì cả. Hai người úp mặt vào tường, cười và thở dài với cái bóng in trên tường đầy máu rệp và xác muỗi khô. Tôi đánh trống, gãi hai chiếc roi chầu. Cố đánh cho tử tế, mà tôi nhận thấy tiếng trống của tôi chỉ là tiếng trống bản. Và tiếng phách của Tỳ bà đủ là những tiếng sênh chấp hiệu cho một cỗ đòn đám khởi hành xuống huyệt. Cũng phong phanh như đám ca nhi, chúng tôi cảm thấy đêm thu cứ thấm dần qua lần vải mỏng sơ mi và đi mãi vào lòng. Những manh sơ mi này phải nương nhẹ, giữ sao cho vẹn màu hồ để ngày mai đưa Phụng nó lên đường. "Chúng ta nên đẹp, quanh cái chết một người thân".

Đêm lạnh lắm. Nhà hát nghèo, không có chăn. Chúng tôi hút thuốc lá nhiều như bọn lính Tây cho nó được ấm bụng. Và nằm dịch mãi vào nhau. Một người kêu không khéo mai về ốm mất. Khói thuốc ba thứ thuốc, thuốc phiện, thuốc lào, thuốc lá đã có vị chát và ngửi nhiều quá, thấy lạc cả mùi ngày thường.

Bây giờ giữa cái thấm thía của đêm nhà hát, chúng tôi mới bắt đầu nói đến Vũ Trọng Phụng. Mỗi lúc nói đến chuyện bạn lại phải kèm thêm những câu: lúc sinh bình, hồi còn mồ ma hắn.

– Nhiều người còn sống sờ sờ kia, oán thằng Phụng lắm. Chúng nhìn thấy hình ảnh chúng ở Nghị Hách. Xuân tóc đỏ v.v...

– Thằng Phụng mà đánh đàn nguyệt thì có giết người không? Ừ, nó đàn có những tiếng nắn dễ thương và lẳng lơ lạ.

– Lại còn cái chướng nữa là hắn thích làm thơ. Các anh thử tưởng tượng xem cái phản động lực văn chương của quần chúng độc giả sành xem nó ra sao, khi họ đọc thơ Vũ Trọng Phụng?

Chúng tôi cười rộ. Và tiếp:

– Thế nghĩa là cụ Minh viên Huỳnh Thúc Kháng, viết truyện ngắn đấy.

– Và cụ Phan Bội Châu nhận lời giữ mục phê bình "Màn ảnh và Sân khấu" cho một tuần báo văn nghệ. Chúng tôi lại cười ồ.

– Thằng Phụng, về đức tính, có điểm này khá nhất là nhận thầu tờ báo nào là không hay quỵt tiền anh em viết giúp. Trong bọn cầm bút có những thằng đứng lên nhận "đẩy" sách và bán bài giúp cho

bạn, rồi lại ăn cả tiền nhuận bút không chia cho bạn lấy một đồng xu nhỏ, kể ra Phụng là một người đáng được nêu lên làm khuôn mẫu.

– Về tiền nong, Phụng phân minh về chỗ tài thượng lắm, nhưng nhiều khi hắn cẩn thận như một con người công chức. Về xã giao, hắn quan tâm nhất về chỗ kẻ cười người khóc. Ai phúng nhà mình một nghìn vàng, một thẻ hương; ai mừng một chai rượu hắn đều có biên cả. Để rồi chờ đợi mà biếu lại, mà mừng lại. Có ai quen Phụng, dầu là sơ sơ, mà ốm, là Phụng là người đầu tiên vào cửa nhà thương để thăm hỏi.

– Thế là hắn tốt chớ sao? Nhiều người đọc sách của Vũ Trọng Phụng lầm nhiều về cái người ở Phụng. Họ đều cho Phụng là nham hiểm, là cơ tâm, là tâm điền xấu. Để sinh ra ngộ điểm ấy, cái lỗi của Phụng là đã đem những cái thối mọt, cặn bã nhân tâm vào trong tác phẩm mình đến đầy rẫy.

– Riêng gì Phụng, có chán vạn nghệ sĩ khác, từ trước tới đây, bị hiểu nhầm như thế.

– Những anh nào ở đây đi lại với Phụng nhiều nhất nhỉ? Bà cụ đẻ anh Phụng, đáng quý lạ. Thật là một bà mẹ chí từ. Hai mẹ con, một người chí từ, một người chí hiếu. Cái hồi Phụng ốm lại về dạo sau này, Phụng nằm mãi, buồn tay muốn ngồi dậy viết, bà cụ ngăn nhiều lắm. Rồi cứ thế mà ngồi quạt cho con cả đêm.

– Phụng chết trẻ. Cái đáng tiếc nhất trong đời người bạn chúng ta là Phụng thiết thực quá. Đời Phụng chưa có một cái mộng nào để mà ôm, chưa mơ màng đến một cái gì để thỉnh thoảng lìa khỏi cái tẹp nhẹp mè nheo ở đời này. Trong đời Phụng, Phụng cứ hành động theo suy nghĩ nhiều quá. Chưa có một giây phút nào, hắn dám điên cuồng lấy một tị.

Tôi nằm tiêm thuốc bên khay đèn, tôi đã đánh cháy điếu thuốc... Tôi nhớ đến cái chuyện tôi mua một bức tranh lụa này ở phòng triển lãm mùa đông năm ngoái. Hồi ấy, thấy tôi rước một bức thủy họa về để đến nỗi chậm cả áo mặc mùa rét đã dồn về từ lâu. Phụng tìm đến tôi, ngắm bức họa với sự chế nhạo và "chửi" tôi là một thằng điên và nói: "Tao không bao giờ lại có thể điên như thế". Tôi lặng thinh. Từ đấy về sau, không bao giờ tôi thuật lại cho Phụng biết những cái phút điên khác của tôi nữa.

Bạn tôi, sống ở đời, thực là một người thích sự phải chăng quá. Phải chăng khi đụng chạm với người khác, phải chăng trong cái mặc,

trong cái ăn. Nói đến cái ăn tôi lại thêm buồn cười. Từ khi đánh bạn với Phụng, tôi biết Phụng chưa hề "mạo hiểm" ăn một thực phẩm lạ bao giờ. Chỉ hết phở xào rồi lại áp chảo và quanh quẩn chỉ đậu rán, bún chả, bún bung. Có lẽ có một số tiền vài trăm dắt túi chẳng hạn, Phụng cũng chỉ đòi ăn có thế và buộc bằng hữu ăn như thế. Nói đến ăn uống, tôi lại nhớ thêm đến một buổi họp có cả Phụng, có cả Tản Đà. Thấy có ông Tản Đà, Phụng thành tâm đi mua hai gói kẹo lạc va ni đưa về tiệm hút, cố mời người thi sĩ già.

– Mời cụ sơi kẹo lạc.

– Ông bảo cái gì?

– Dạ, kẹo va ni, ròn và thơm lắm.

– Kẹo lạc! Ăn ra cái quái gì.

Buổi ấy, nhà thơ có tuổi đã làm tiêu hết chút ít cảm tình của Vũ Trọng Phụng. Ngày thường, Phụng, với cái tính cách thiết thực của một người phóng sự, đã không chịu được Tản Đà kềnh càng rồi... Hai người ấy giờ đã là ma, cùng thở hơi cuối cùng ở một xóm Cầu Mới, nhà số 71 và 73; cùng yên nghỉ ở một nghĩa trang. Chắc ở dưới ấy, giờ gặp nhau, hai người tránh sao được nhiều cái lủng củng, nếu hai hồn ma không chịu nghĩ đến cái tàn lạnh cuộc đời chung của tài hoa mà chịu đựng lấy nhau!

Trong cái sống phải chăng của Phụng, có một cái phải chăng này đáng cảm động hơn hết. Là những thứ văn phòng tứ bảo. Mực anh dùng viết là một thứ mực tím ít khi tươi màu, phần nhiều là loãng và luôn luôn là nhạt, là chết. Giấy anh dùng là thứ giấy sáu xu một thếp đã kẻ sẵn. Đấy là thứ giấy của vô danh với cái khuôn khổ của tất cả mọi người. Ngòi bút Phụng thích dùng nhất là cái thứ ngòi Incomparable, xu ba ngòi. Giấy, bút, mực ấy là giấy, bút, mực của học trò. Thật là bình dị quá. Thế mà lời văn dùng bút ấy mà ký thác lên giấy ấy lại chẳng xoàng xĩnh chút nào. Những người cầu kỳ về văn phòng tứ bảo như chúng ta, nghĩ tới cái tiểu tiết này trong đời văn sĩ của Phụng, há chẳng nên lấy làm nghĩ ngợi? Phụng còn phải chăng cả đến những cái thèm muốn ở tương lai. "Tao chỉ mong sao mỗi khi chúng mày đàn đúm kéo nhau về chơi tao, thì có được mãi mãi một mâm cơm cho tươm tất và cái khay đèn không phải thiếu thuốc". Đấy là câu Phụng nói vào một buổi chiều tết Trung thu năm nay, khi còn ở phố Hàng Bạc và trước hôm dọn về Cầu Mới được hai ngày. Dạo ấy, Phụng vì thấy bệnh ấy phá phổi mình rõ ràng quá, theo lời thầy

thuốc, đã phải rước tĩnh về bầy ở nhà. Nếu quả việc một người trẻ tuổi mà vướng nghiện á phiện là có lỗi với danh giáo thì Phụng đã bằng lòng chịu xấu với dư luận để cố mà lùi lại kỳ hạn của ngày lên đường. Lên đường về xứ chết. Phong, lao, cổ, lại, tứ chứng nan y! Vả chăng ông bạn đầu xứ Ngô Tất Tố cũng đã nói với tôi rằng chả chắc Phụng có qua được mùa rét năm nay không. Mùa lạnh chưa tới. Mới là có tiết thu thôi mà cái lá xanh đã lìa ngàn, một cái ngàn văn mà cây cối còn thiếu những cổ thụ um tùm rắn rỏi.

Tôi đã lấy làm bằng lòng tôi là vào những ngày cuối cùng của Phụng, tôi đã phóng túng hình hài với con bệnh lao chờ lúc lên đường ấy mà ăn, mà uống, mà hút với Phụng cứ hàng nửa ngày. Phụng cười, chừng muốn hỏi: "Một người thèm sống, sợ già, tránh chết như mày mà cũng dám coi thường vi trùng lao của tao thả ra sao?". Những buổi ấy, tôi không cần giữ gìn vì tôi tin rằng làm thế, sẽ tủi lòng người bạn thân mà ngày giờ đã bị đếm trước. Vả chăng, trong người tôi ngầm cũng đã nhiều vi trùng lắm rồi. Có thêm một ít của Phụng nữa cũng không sao.

Nhân Phụng vừa nằm xuống, tôi lại tìm trong đầu xem trong bọn nhà văn trẻ, những người nào là cầm lỏng được cái chết. Thế Lữ, Tchya, Lưu Trọng Lư, Lan Khai, Đoàn Phú Tứ, Thạch Lam..., đều là những người đủ tư cách để sớm lên đường lắm... Ngực người nào cũng lép như cái đồng hồ Ômêga trông nghiêng. Những người trẻ trung này có nằm xuống cũng đều nhẹ nhõm lắm đây.

Tôi không độc mồm nguyền rủa ai. Trái lại. Và buồn thương lắm.

Ngẫm đến cái mỏng manh về thể chất người đồng điệu, tôi đã tự hào khoe với mấy bọn nằm trong nhà hát rằng tạng tôi vững vàng và cứ cái thể chất chắc chắn này thì cứ tha hồ mà lấy đêm làm ngày cũng còn lâu tôi mới chịu mòn. Một anh bạn đã làm vỡ điều tin tưởng ấy của tôi bằng một cái thí dụ lấy ở Đinh Huy Hạo, một người cầm bút có luôn cả sức khỏe và sức mạnh, đã từng viết cuốn "Nòi giống tốt".

– Trong bọn ta, đứa nào khỏe bạo bằng tên Đinh Huy Hạo. Vậy mà cũng chỉ một sớm, một chiều thôi.

Tôi buồn rầu, thiếp dần. Thế rồi, trong gian nhà hát đã về sáng, như ngọn đèn bốc mạnh lúc gần tắt, cả bọn chúng tôi mệt mỏi lại muốn nhổm cả dậy để nói chuyện thương tâm. Thuốc đã làm chúng tôi vỡ giọng và tiếng nói ồ ồ.

– Phụng chết nhiều người thương tiếc hơn là Tản Đà. Một người chết trẻ bao giờ cũng lấy được nhiều nước mắt hơn là người chết đứng tuổi.

– Thằng Phụng còn hứa hẹn cho văn học nhiều tác phẩm lắm. Sao trong làng văn, những người như thế đã chết mà lắm thằng bất tài khác thì lại cứ sống mãi để anh em phải sốt cả ruột?

Tôi cho rằng nghệ sĩ nên chết trẻ, nếu mình có quyền chọn tuổi chết. Tài sắc con người ta ở đời, ai cũng chỉ có một thời thôi. Con tằm nhả được tơ óng mãi hay sao? Sống quá lâu, nhiều khi cũng hớ. Nó chỉ tỏ ra rằng mình có cái da thịt cứng quá, trùng khó đục thủng mà thôi. Ai mà chịu được một nàng Tây Thi tóc bạc da mồi. Một người tướng tài mà không chịu hết tất với dặm nghìn da ngựa mà lại chết già trong giường vợ, thì còn gì dại dột hơn nữa.

Chúng tôi thức cả đêm bàn tán về chuyện nên sớm nghĩ đến việc Hội Ái hữu nhà văn. Vào khoảng năm giờ sớm ngày chủ nhật 15–10, bọn tôi lại từ Thượng Cát kéo bộ về Hà Nội. Trời thu thả sương sớm tựa như vào một buổi thả lưới bắt chim mòng, chim két. Qua chín nhịp cầu Bồ Đề trên con sông lạnh, bụng chúng tôi cồn cào hết sức.

– Đám đi sớm quá nhỉ, 7 giờ đã cất. Đi hết cầu, về đến bờ bên kia sông ít ra cũng mất 45 phút. Lại còn kéo ra đến ga tàu điện Bờ Hồ. Và từ đấy vào Cầu Mới. Thế mà cũng vừa thời giờ thôi đấy. Nhanh bước lên! Các anh.

– Phải tìm cái hàng cháo mà ăn chứ không có lạnh bụng lắm.

– Ừ, phải đấy, chỉ giữ lại đủ sáu suất vé tầu điện thôi, còn thì chén hết. Còn được đồng bạc không?

Trời chưa hửng hết. Cái phố Hàng Bè. Chúng tôi sà vào một hiệu cháo lòng vắng vẻ. Tiết canh, dồi mỡ, lòng chay. Và cháo khói. Sì sụp húp với nhau như một lũ con đàn một gia đình kẻ khó ăn cháo canh bồi thay đồ ăn chắc, tôi vốn giầu tưởng tượng, tôi nghĩ đến một cuộc tụ họp của các bạn phóng viên báo hàng ngày, một buổi sớm tinh sương mùa lạnh ở một quán cơm Cửa Nam rồi đi "xem" hành hình ở cửa Hỏa Lò vào khoảng những năm 1930, 1931. Chưa bao giờ tôi thấy một bữa điểm tâm cảm động như sớm nay. Sớm nay húp quanh lợi bát cháo nóng như người phải trả nợ dần, tôi tưởng đến người chết mà bùi ngùi, tôi nghĩ đến người còn sống lại mà thêm thương tủi.

Thế mà đám đã khởi hành được mấy phút.

Tôi vốn có một tập phóng sự về tiệm hút. Chính Phụng đã xui gọi tôi viết thiên "Tàn đèn dầu lạc" vào một tờ tuần báo và lúc góp những bài đăng ấy để đưa xuất bản thành sách, ở trang đầu, đề lời tặng, tôi viết: "Những tập phóng sự này, biết nên tặng ai?" Ngụ một cái ý đùa diễu cả mình và luôn cả những bạn thân có duyên nợ với Ả Phiền nghiệt chướng.

Theo xe tang, tưởng đến người bạn đã khuất, tôi đã đổi lời tặng trào lộng đó thành một lời tặng hoài niệm: "Kính, Thành, Tiếc tặng vong hồn Vũ Trọng Phụng".

Tạp chí *Tao đàn* số đặc biệt về
Vũ Trọng Phụng (12–1939).

THANH CHÂU

(Sinh 1912)

Thanh Châu tên thật là Ngô Hoan, quê gốc ở Diễn Châu (Nghệ An), nhưng sinh ra và sống với gia đình chủ yếu ở Thanh Hóa, vì ông thân sinh là công chức sở công chính Thanh Hóa. Đã học Cao đẳng tiểu học Vinh (Nghệ An), tốt nghiệp trung học ở Hà Nội. Bỏ dở thi Tú tài Pháp, đi làm báo, viết văn. Cộng tác với các báo hàng ngày, hàng tuần ở Hà Nội từ 1934 đến 1943, chủ yếu là với tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy và các cơ sở của nhà* Tân Dân của Vũ Đình Long và được coi là một cây bút tiêu biểu của nhà Tân Dân.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Thanh Châu tham gia nhóm tuyên truyền kháng chiến với Trần Huyền Trân (nguyên Trưởng nha thông tin tuyên truyền Bắc Bộ), cùng Thâm Tâm, Chu Ngọc, Nguyễn Xuân Khoát, chủ yếu viết những vở kịch ngắn để diễn lưu động. Từ ngày toàn quốc kháng chiến, về quê ngoại (xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), làm Chủ tịch xã, rồi Huyện đoàn thanh niên cứu quốc huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh đoàn thanh niên cứu quốc Thanh Hóa. Sau nhập ngũ, năm 1949, công tác ở Ban văn nghệ phòng chính trị Bộ tư lệnh quân khu 4; năm 1950, chuyển sang sư đoàn 304, phụ trách báo Vệ quốc quân và thông tín viên báo Quân đội nhân dân.

Sau ngày giải phóng thủ đô (10-1954), Thanh Châu về hẳn Hà Nội, làm biên tập báo Văn nghệ, từng làm phóng viên đi đến vùng giới tuyến Vĩnh Linh, tham gia chống cưỡng ép di cư ở Phát Diệm (Ninh Bình), biệt phái đi khu mỏ Hồng Quảng. Từ 1960, công tác ở Hội nhà văn đến khi nghỉ hưu. Hiện sống ở Hà Nội.

TÁC PHẨM CỦA THANH CHÂU

– *Trong bóng tối* (tập truyện ngắn), Ngô Ngọc Trương xuất bản, Hà Nội, 1936.

– *Người thày thuốc* (tập truyện ngắn), in trong *Phổ thông bán nguyệt san*, 1938.

– *Sám hối nửa đêm* (tiểu thuyết), đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy*, in lại trong *Phổ thông bán nguyệt san*, 11-1940.

– *Bóng người ngày xưa* (tiểu thuyết), đăng trên báo *Nam Cường*; Đông phương xuất bản, Sài Gòn, 1941.

– *Tà áo lụa* (truyện ngắn), Tân Dân xuất bản (trong tủ sách *Tác phẩm hay*), Hà Nội, 1942.

– *Cùng một ánh trăng* (tiểu thuyết), đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy*, in lại trong Phổ thông bán nguyệt san, 1942.

– *Cái ngõ tối* (truyện ngắn), đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy*, Thăng Long xuất bản, Hà Nội, 1944.

– *Cún số 5* (truyện thiếu nhi), loại sách *Truyền bá* của nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.

– *Vàng* (truyện thiếu nhi), sách *Truyền bá*, Tân Dân xuất bản.

– *Mẹ và em* (sách *Truyền bá*), Tân Dân xuất bản.

– *Hai người cháu*, kịch vui, đăng *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1937.

– *Cuộc đời người khác*, kịch ngắn.

– *Một tấn kịch*, kịch vui (*Một tấn kịch* và *Hai người cháu*, đã được ban kịch Hà Nội dàn dựng để diễn).

– *Những ngày trao trả tù binh*, phóng sự, Văn nghệ xuất bản, Hà Nội, 1954.

– *Không rời quê hương*, phóng sự chống cưỡng ép di cư ở Phát Diệm, Văn nghệ xuất bản, Hà Nội, 1955.

– *Con bồ câu trắng*, dịch tiểu thuyết của A.Đuyma, in trong Phổ thông bán nguyệt san, Tân Dân xuất bản, Hà Nội, 1941.

BÓ HOA QUÁ ĐẸP

(Truyện ngắn)

Từ lúc ngồi tiếp chuyện Thúy Lan, Chương thấy tâm hồn mình nhẹ bỗng, bàng hoàng như bay lên mấy từng mây. Mà chàng không cảm động sao được, Thúy Lan là tiêu biểu cho cái đẹp trong lý tưởng của chàng, Thúy Lan lại thuộc về phái thượng lưu, tri thức, lanh lợi, thông minh, nói năng hoạt bát. Thời thường, Chương vẫn ao ước có dịp được biết nàng; thế mà hôm nay gặp nàng ở nhà bạn, Chương lại bối rối không biết làm thế nào để kéo dài câu chuyện cho nó có duyên.

Mỗi lần ở Nam lên chơi Hà Nội, Thúy Lan thường ở nhà bạn là Vân Anh. Tuy Vân Anh đã có chồng nhưng đôi bạn gái thân yêu nhau từ thuở nhỏ, cùng chơi đùa, cùng học tập một trường, chẳng vì thế mà giảm phần quyến luyến. Chương là bạn thân của chồng Vân Anh, cho nên chàng đã nhiều lần xem ảnh của Thúy Lan; đã nhiều lần chàng được nghe vợ bạn ca tụng những nết hay, vẻ đẹp của người mà hôm nay chàng được cái hân hạnh ngồi đối diện.

– Mời ông xơi nước kẻo nguội...

Tiếng nói trong trẻo của Thúy Lan, Chương cho là tiếng đàn tuyệt diệu ở cõi xa xăm đưa lại. Chàng ngây ngất, kề chén nước vào môi: Chàng vừa nhận thấy cái hương vị thơm tho của chén trà ngon mà chàng cho là nhờ có cái bàn tay xinh xắn, ngọc ngà của Thúy Lan pha nên mới có.

Chàng ngảnh nhìn Thúy Lan. Lúc đó bóng trăng đã rọi quá lên thềm, soi thẳng vào mặt Thúy Lan làm cho cái đẹp cao quý, đài các của nàng thêm vẻ mơ màng, huyền bí.

Ngoài vườn gió thoang thoảng thổi, lá cây rung động xạc xào. Quả tim của Chương lúc đó cũng rung động, là vì đêm đã hơi khuya mà vợ chồng bạn đi chơi từ chập tối vẫn chưa về. Chương muốn rốn ngồi nhưng không tiện mà bỏ ra về thì tiếc những phút êm đềm được ngồi cạnh người mình yêu dấu bấy lâu. Nhưng sau cùng, chàng cũng phải đứng dậy, rút điếu thuốc hút rồi quả quyết cáo từ Thúy Lan, hẹn hôm sau sẽ lại.

Về đến nhà, Chương trằn trọc mãi mà không ngủ được. Hình ảnh của Thúy Lan vẫn phảng phất trước mắt chàng. Chàng vừa cảm ơn sự tình cờ đã xui khiến cho chàng được gặp gỡ Thúy Lan, chàng đã lại trách ngay sự tình cờ sao lại bày ra cái cuộc gặp gỡ éo le ấy. Vì, tự xét thân thế mình, Chương thấy nó chẳng đáng là một kẻ học sinh nghèo, sao lại có cái ý tưởng điên cuồng chực yêu một người xa xôi như trong mộng, một người từ thuở lọt lòng đã quen với cái sống đài các, xa hoa.

Ôi! Ở đời sao lại có chỗ cách biệt tầm thường mà quan hệ thế, để cho lòng người phải tan nát?

Tại sao Thúy Lan lại chẳng là con gái một gia đình cũng thường thường như chàng? Tại sao Chương có quyền yêu Thúy Lan mà vẫn không có hy vọng một ngày kia nàng yêu lại?

Nhưng sáng hôm sau ngủ dậy, Chương đã lại vui vẻ như con chim thấy ánh sáng mặt trời, vì tâm hồn thiếu niên bao giờ cũng vậy, những điều lo nghĩ chỉ thoảng qua như cơn gió. Họ chỉ biết cái vui hiện tại, dù cái vui đó rồi cũng chỉ thoáng tan như bọt nước trời mưa.

Chương vui vẻ tưởng đến buổi lại được gặp mặt Thúy Lan, mà lần này thì hẳn Thúy Lan cảm thấy được lòng yêu tha thiết của chàng, vì chàng vừa mua một bó hồng đắt tiền thật đẹp để tặng Thúy Lan.

Đàn bà bao giờ cũng thích hoa, mà nhất là Thúy Lan, một cô gái về phái mới, nàng chẳng yêu hoa sao được. Nghĩ thế, Chương lấy làm hớn hở, trân trọng bọc bó hoa vào một mảnh giấy lụa mỏng rồi chàng đến gõ cửa nhà bạn.

Nhưng chàng thất vọng biết bao, khi chàng được tin Thúy Lan vừa có ô tô của người anh họ đón đi Đồ Sơn nghỉ mát.

Những hai tháng nữa Thúy Lan mới về, mà bó hoa đẹp của Chương chỉ tươi thắm được hai ngày là héo hắt, khác nào tấm lòng của Chương chỉ vui vẻ một lúc rồi tuyệt vọng mà hao mòn.

Cái lâu đài đẹp đẽ chàng vừa xây xong đã đổ nát. Cái hy vọng làm đẹp lòng ai một phút cũng không thành. Thúy Lan đã vô tình giày xéo lên trên quả tim thổn thức vì nàng mà nàng không biết.

Buồn rầu và chán nản, Chương định vất bó hoa xuống đất mà dẫm cho tan nát ra, nhưng nghĩ lại hoa kia vô tội, phải là kẻ phàm phu mới có cái cử chỉ ấy được.

Một thiếu niên thông minh, học thức mà lại giàu tình cảm như Chương thì dẫm nát một bó hoa đẹp sao đang.

Về đến nhà trọ, Chương định tìm cái lọ để cắm những bông hồng không may mắn ấy để trên bàn học. Nhưng chẳng có cái nào đáng để cắm những bông hoa đẹp quá ấy. Chẳng có cái nào vừa ý Chương.

Chàng bỗng thở dài vì một ý nghĩ chua chát vừa hiện ra trong óc. Chàng tự ví mình với những chiếc lọ tầm thường không xứng với những bó hoa quý giá như Thúy Lan.

Chương đương nghĩ ngợi lan man thì bỗng nghe văng vẳng có tiếng hát ở nhà dưới. Chàng nhận ngay ra là tiếng hát của cô Thu, con gái bà chủ nhà trọ đương ngồi khâu bên cửa sổ.

Chương mỉm cười. Chàng đã nghĩ được một cách để khỏi bận bịu với bó hoa. Chàng đem tặng cô Thu bó hoa ấy, thế là xong. Rồi chàng cầm ngay bó hoa xuống nhà đặt bên cạnh cô Thu:

– Sáng nay có người bạn cho tôi bó hồng hái ở vườn nhà. Tôi chắc cô Thu cũng thích hoa nên tôi mang biếu...

Thu sung sướng quá, không dám ngẩng mặt lên, bủn rủn cả tay chân, hai má nàng đỏ bừng. Nàng ôm bó hoa vào lòng mà không tìm được một câu để cảm tạ Chương đã nghĩ tới nàng.

Thu cảm động như thế là vì đã một năm nay, từ ngày Chương đến trọ học nhà Thu, Thu yêu Chương, yêu một cách âm thầm tuyệt vọng, có lẽ suốt đời, Thu còn cảm thấy cái tình yêu ấy, nhưng thà chết chứ không khi nào Thu dám thổ lộ với Chương. Vì Thu biết là Chương không hề để ý tới nàng, vì Thu tự biết mình không đáng được Chương yêu.

Thu cũng có chút nhan sắc đấy, nhưng Chương còn ước vọng những chỗ cao xa, còn lòng đâu mà nghĩ tới một cô con gái cửa nhà đạm bạc như Thu còn phải may thuê, vá mướn để nuôi một mẹ già và săn sóc một đàn em dại.

Biết vậy mà Thu vẫn yêu Chương. Nàng săn sóc tới Chương như một người em gái săn sóc cho người anh ruột.

Ấm nước của Chương lúc nào cũng nóng, chỗ học của Chương bao giờ cũng sạch sẽ, ngăn nắp hẳn hoi.

Hễ Chương ngủ trưa là Thu nhẹ nhàng khép cửa sổ, sợ chàng chói mắt và dặn các em khẽ mồm "để anh Chương ngủ".

– Anh Chương hôm nay về chậm.

– Anh Chương hôm nay thức khuya.

Những câu nói ấy nàng cố lấy giọng tự nhiên để nói với Chương, nhưng nó ngụ biết bao tình âu yếm, nếu Chương hiểu được lòng Thu.

Thu hy vọng một ngày kia - cái ngày ấy phải quan trọng mà hoang đường như ngày một cô con gái thường dân lấy được ông Hoàng – Chương sẽ biết cho cái tình khổ tâm và u ẩn của Thu, rồi Chương sẽ ôm Thu vào lòng mà thỏ thẻ bên tai Thu những câu êm ái:

– Chương xin lỗi Thu vì đã để cho Thu phải đau lòng, Chương cũng yêu Thu lắm...

Cái ngày ấy Thu chờ đợi mãi. Có lẽ lúc này đã đến, vì không phải là vô cớ mà Chương lại đem tặng nàng bó hoa đẹp như thế kia.

Thường thường trai gái tặng hoa cho nhau, chỉ là tỏ cho nhau biết nỗi lòng yêu.

Thu thẹn thùng, vuốt ve mấy bông hoa cũng tươi thắm như đôi má của Thu rồi khẽ nói:

– Bó hoa đẹp quá!

Nhưng lúc nàng ngẩng mặt lên thì Chương đã vội vã quay gót bước đi rồi.

Thôi thế là hết, giấc mộng êm đềm của Thu đã hết. Chương chẳng ôm Thu vào lòng, Chương chẳng nói thêm một câu nào nữa, Chương chẳng phải vì yêu Thu mà tặng Thu hoa.

Thế là cái tình tuyệt vọng vẫn theo Thu mà vò héo tấm lòng nàng những ngày gió mưa không người an ủi.

Chương vẫn lạnh lùng đạp bước lên trên quả tim của Thu thổn thức vì chàng mà chàng chẳng biết. Chàng tặng Thu bó hoa là vì chàng chẳng nỡ vứt nó đi. Chỉ có thế thôi.

Nhưng bó hoa đẹp quá! Ôi! Bó hoa chàng tặng Thu đẹp quá, đời Thu không có cái hạnh phúc được chơi. Nàng đối với Chương cũng chỉ như cái lọ tầm thường không đáng dùng để cắm những bông hoa quá đẹp.

Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1934; in lại trong *Trong bóng tối*, tập truyện ngắn,

Ngô Ngọc Trương xuất bản, Hà Nội, 1936.

TRONG BÓNG TỐI

(Truyện ngắn)

Bệnh nhân sực tỉnh giấc, cái chăn dạ xám, để lộ ra một khuôn mặt võ gầy, xanh rớt của những người "ăn phải nước ngược" về.

Hai con mắt sâu hoắm nhìn vơ vẩn quanh phòng như mất hết cả tinh thần, hai bàn tay gân guốc đặt hai bên cạnh giường run lẩy bẩy... Trong phòng còn bốn chiếc giường nữa đều có người nằm, người nào cũng chùm kín từ đầu đến chân trong những chiếc chăn dạ xám.

Cái im lặng, lạnh lùng, ghê sợ nơi bệnh viện làm cho bệnh nhân phải rùng mình. Có lẽ anh ta thấy lạnh. Có lẽ anh ta đã nghe rõ tiếng đập cánh cửa tử thần bay lượn quanh mình. Có lẽ anh ta đã nhìn thấy cái bàn tay xương xẩu, nặng nề của thần chết giơ gần đến cổ anh ta để chực bóp...

Nhưng chưa! Cái giờ cuối cùng ấy chưa đến được, vì anh ta vừa nghe có tiếng rên la thảm thiết của một người bạn "đồng viện" ở góc phòng. Cái tiếng rên thoát ở miệng một người cũng đương đau đớn như anh, làm cho anh tỉnh táo, vì anh ta nghĩ:

"Trên đời còn có kẻ cùng chung đau khổ với ta thì ta còn có bạn, ta chưa đến nỗi trơ trọi lắm".

Trên đường sinh kế, anh ta là một tên lính cảm tử xông pha mũi tên, hòn đạn đến kỳ cùng. Nhưng, đến nay thì thật hết! Cuộc chiến đấu với đời để cướp miếng ăn, anh đành chịu bại; anh ta cố gắng mãi nhưng quá sức rồi, anh ta đã bị thương.

Quanh mình anh, những bệnh nhân khác biết đâu không phải là những tên lính như anh, cũng thua trận, cũng bị thương vì phải xông pha trên đường sinh kế, đến nay mòn mỏi cả xác thịt lẫn linh hồn.

Họ chỉ là cái rơm rác, bẩn nhơ đối với xã hội. Ngày mai, ngày kia... sẽ có một ngày, một buổi tối trời, người ta đem hắt những rơm rác đó xuống những cái hố đen chẳng ai biết đến. Thế là xong!

Đến lượt anh? Rồi cũng thế! Nhưng không, anh muốn sống, muốn được sống như mọi người, dù có phải lăn lóc, ê chề, đau đớn, dù có

phải bước lại cái quãng đường anh ta vừa bước khỏi, đầy những sự thảm khốc, bất công, tàn ác, đầy những sự lo lắng, mệt nhọc, nặng nề, anh ta cũng vui lòng trở lại. Rồi, không rên, không la, anh ta cũng vui lòng chịu hết mọi thứ cực hình trên cõi thế. Miễn là anh thoát khỏi bàn tay ghê tởm của tử thần, miễn là anh lại kiếm được ngày hai bữa no hay đói, để sống với ngày qua, tháng lại.

Mặt trời lên cao, chiếu qua cửa sổ bên cạnh giường bệnh nhân, rải những ánh nắng vàng lên trên tấm chăn dạ xám. Cùng một lúc, phía ngoài cửa sổ, trên hàng rào dâm bụt nở hoa đỏ ối, những con chim sâu buổi sáng đi kiếm mồi ăn, ríu rít kêu những tiếng êm đềm. Ngoài trời đầy ánh sáng, vạn vật như vui mừng, hớn hở, thắm tươi...

Bệnh nhân cảm thấy lòng mình như hồi hộp vì một sự gì mới lạ vừa xảy đến. Anh ta biết chỉ hai bước, cách chỗ mình nằm, bên ngoài cửa sổ là cõi thiên đàng của đồng loại, đầy sinh thú. Còn trong phòng chỗ mình nằm, tối tăm, ẩm thấp là cõi chết hay là quãng giữa của cõi sống và cõi chết. Nhưng làm thế nào mà thoát ra được?

Bệnh nhân định trở mình để quay mặt ra chỗ có ánh sáng của trời đất, định quay về phía cửa sổ có hoa nở, có chim kêu, nhưng nghe trong mình đau đớn như dần, anh ta không nhúc nhích, không động đậy được một chút nào, toàn thân tê liệt như bị dán xuống mặt giường.

Anh ta nằm im, nhắm nghiền mắt, cố ôn lại những thời khắc của buổi đời qua:

Anh ta nhớ đến những buổi sáng đầy ánh nắng lúc thiếu thời, quả tim anh đập rộn ràng, vì tình yêu đời vì say mê tạo vật.

Anh ta nhớ đến một người thiếu nữ dịu dàng đã làm cho anh biết yêu, biết cảm. Cái gương mặt hiền lành, đôi mắt long lanh thường nhìn anh trong những lúc ân ái, nay lại hiện ra trước mắt, trên quãng không gian, rõ rệt như trên màn ảnh... nhưng xa xôi quá, xa xôi như trong cõi mộng. Anh ta lại nhớ đến buổi anh phải ra đời, chật vật vì mưu sống, khổ sở vì miếng cơm, manh áo, ước vọng không thành, hi vọng không đạt, chí tiến thủ nhụt dần, anh đem mình đến chốn rừng xanh, núi đỏ, nước độc, ma thiêng. Suốt ngày làm việc, làm như một con vật, đổi bát mồ hôi lấy bát cơm...

Anh lại nghĩ đến lúc mình bị thương, họ thải, họ chở về xuôi, họ quẳng vào một xó bệnh viện, họ quên... rồi anh nghĩ đến ngày mai, nếu anh sống. Ôi!...! Nếu có thể sống được! Sống được để lại chịu

đựng những sự bất công của đồng loại, những sự gian lao, thảm cực của cái đời tôi tớ khốn nạn... nhưng mà được sống, sống với ngày qua tháng lại như tất cả mọi người.

Nghĩ đến "sự sống" bệnh nhân lại mỉm một nụ cười... hy vọng. Nhưng cái nụ cười ấy chỉ thoảng qua rất chóng trên bộ mặt gầy hốc hác, xanh xao, vì bệnh nhân đã thấy lạnh trong người.

Cố nhích tấm thân tàn cỗi, bệnh nhân định quay mặt về phía cửa sổ đầy ánh sáng, có hoa nở, chim kêu, nhưng vô ích và phí sức! Toàn thân bệnh nhân đã tê liệt như bị dán xuống mặt giường.

Cuộc đời của bệnh nhân là phải *sống trong xó tối rồi chết trong xó tối: ngoài ánh sáng, dưới mặt trời không có chỗ cho anh ta...*

Bệnh nhân biết mình không cưỡng được nữa, đành nằm yên lặng, nhắm nghiền mắt lại, rồi như một kẻ tàn quân bị tử thương, một buổi chiều kia trên bãi chiến trường mà bóng tối lan dần, bệnh nhân thở hắt ra một tiếng thở dài thảm đạm. Có lẽ đó là hơi thở... cuối cùng của người bại trận chịu thua đời.

Septembre 1934

In trong *Trong bóng tối*, tập truyện ngắn,
Ngô Ngọc Trương xuất bản, Hà Nội, 1936.

LỚP CUỐI CÙNG

(Truyện ngắn)

La thôn mở hội đã được năm ngày mà đêm nào cũng như đêm nào, chỉ có đám hát là đông người xem nhất. Vì các cậu trai tơ chỉ để ý đến hai cô "nữ chèo" thường đóng Thúy Vân, Thúy Kiều, vì các cô gái quê mùa mộc mạc chỉ thích những giọng hát lẳng lơ, dễ nhớ.

Những đoạn biệt nhau thảm thiết, những đoạn gặp gỡ tình cờ, những hồi tái hợp lâm ly hay những cảnh gian nan mà cô Kiều của cụ Nguyễn Du từng trải đã khiến cho đám người chất phác, hiền lành kia bồi hồi, cảm động, thương vay.

Rồi, đám hát tan, trong lòng mỗi cậu trai quê vì thế đã có bóng hình một người yêu dấu, một người đoan trang, nết hạnh, đủ tài, đủ sắc như Kiều; rồi trong những giấc mộng vẩn vơ của các cô gái đương xuân, các cô thường thấy xuất hiện lên "con người mơ tưởng", văn nhân cốt cách, tình tứ, thủy chung giống đúc chàng Kim, giống đúc người gặp gỡ của Kiều nương một buổi thanh minh, ngựa trắng tuyết in, áo pha màu cỏ...

Suốt một năm trời ròng rã, một năm chân lấm tay bùn, bồ hôi nước mắt, cặm cụi, cấy cày, gặt hái trong những thửa ruộng nắng chang chang về mùa hạ, gió rét buốt thịt lúc trời đông, họ chỉ trông mau tới ngày ấy, ngày trong làng mở hội.

Tháng Giêng ấm áp, trời xuân, mưa bụi... một chiếc áo the thân, một vành khăn mới, cái yếm hồng hay trắng, chiếc dây lưng màu cá vàng hay hoa lý... thế thôi, rồi chen chúc nhau bên đám cờ người, rồi la lết bên các hàng quà, hàng kẹo rẻ tiền chỉ có dịp này mới được nếm, nhất là tối đến, bên đám hát chèo có những "ông tướng" quần áo, mặt mày bôi thuốc hò hét om sòm, có những "cô đào" chân đi guốc hay đi... đất, tay múa dẻo, mắt đưa tình, cầm quạt vẽ hoa, hát những điệu, những câu mà họ đã nghe đến trăm bận, họ đã thuộc lòng, họ đã hát cho nhau nghe quanh năm những lúc làm ăn ngoài đồng ruộng, hát để khoe cái giọng trong, cái tài nhớ, hát để cùng nhau quên cái nhọc nhằn, nhưng họ vẫn còn muốn nghe hát lại.

Vậy, đêm ấy là đêm cuối cùng mà phường Tư Vinh diễn ở làng nên họ lại diễn lại tích "Kim Kiều tái hợp". Cái đêm cuối cùng của ngày hội bao giờ cũng đông người. Người ta hay nghĩ đến "ngày mai" của cuộc vui, cái ngày mai trống rỗng buồn tẻ mà người ta bắt buộc phải trở lại với cái đời cũ tạm đình, nặng nề, không thay đổi, vì thế nên ai cũng muốn vui chơi nốt đêm cho bõ lúc làm ăn.

Tư Vinh đêm ấy lại sắm vai Từ Hải, vai sở trường của chàng từ buổi mà chàng mới tập nghề. Những dáng điệu oai nghiêm của một tên tướng giặc "chọc trời quấy nước" anh hùng, bạo dũng, những cái "đá giáp" gọn gàng, những cái "quất ngựa" dẻo dang, những câu hét vang lừng làm khiếp vía đàn bà, con trẻ, chàng đã thuộc lầu. Nhưng đêm nay, trước khi từ biệt những cô con gái trong làng má đỏ hây hây đương mê mẩn nhìn mình, nhìn đôi lông trĩ dài cắm trên đỉnh mũ phất phơ, uốn éo, nhìn bộ áo thêu rồng, thêu phượng, nhìn cái thắt lưng điều tết hoa giữa ngực – nhìn đôi hia, nhìn ngọn giáo, chàng muốn đem hết bộ điệu, hết khóe tài tình để tả cho đúng hệt anh Từ Hải của chàng, đường đường một đấng anh hào, vẫy vùng quen thói.

Ngày mai, trong lúc đưa gánh hát của mình đi tìm một làng khác, một làng sắp mở hội hay đương mở hội, trong lúc lặn lội trên những con đường dài mưa phùn, gió lạnh, Tư Vinh muốn hình ảnh mình còn ở lâu trong các cô con gái thơ ngây, tiếng hát của mình còn văng vẳng bên tai họ luôn luôn, mãi mãi... Nhưng trong lúc Tư Vinh đang trổ tài trước đám đông chúng say sưa im lặng, Tư Vinh không ngờ có một đôi con mắt lóng lánh căm hờn: Hai Giò, một kép hát già của La thôn, một anh say rượu suốt đời, một ông thầy đã đào tạo ra nhiều Từ Hải, Thúc Sinh, Lưu Bình, Dương Lễ, Phạm Công, nhiều Thúy Kiều, Cúc Hoa, Châu Long... một "ngôi sao sáng" đã lu mờ trong bóng tối. Hơn ba mươi năm lăn lộn với nghề, hết chợ thì quê, Hai Giò đã đặt gót chân khắp chốn. Một bọn con em, một vài đầy tớ quẩy dăm cái hòm gỗ sơn vuông đựng mũ mãng, hia, đai, quần áo. Hai Giò lần làng này sang làng khác, trong mấy tháng xuân đem cái vui đi gieo rắc cho khắp mọi người, đến đâu là thấy họ đón mời, hậu đãi. Vài tấm phên che, một cái buồng trò nho nhỏ, một cái ghế đẩu vừa là "ngai rồng" "trào đình" "gia đình" của một vì thiên tử, của một phú ông, một viên ngoại, vừa là "vườn hoa", "trượng gấm", "công đường"; dẹp ghế đi là thành ngay "bãi chiến trường" của hai tướng giao phong

đọ sức. Dân quê nhiều tưởng tượng; tâm hồn giản dị, hiền lành của họ cho thế là đủ rồi, không cần vẽ vời, trang hoàng, bày biện lôi thôi, phiền phức. Hát! Hát thâu đêm suốt sáng, hát cả ban ngày, hát cho đến lúc tướng tá, vua quan, đào thảm, đào lẳng, đào thương khan cả giọng.

Những phút thiên hạ chú ý, lắng tai, há mồm như muốn nuốt hết những câu "Nam", câu "Khách", những phút người cầm chầu khoái chí điểm gần vỡ trống, Hai Giò đã từng hưởng; Hai Giò đã từng biết những ngày oanh liệt mà tài chàng nức tiếng mọi nơi. Hai Giò lại còn từng biết những cuộc ái ân đổi thay chốc lát trong cuộc đời gió bụi, nay đây mai đó; Hai Giò đã được những cô gái con hơ hớ cảm tài chàng, đem trao tặng trái tim vàng; Hai Giò đã chiếm được lòng nhiều cô thiếu nữ đáng yêu, Hai Giò đã khiến bao anh kép khác nghe danh đến phải thèm thuồng, ghen tức.

Nhưng bây giờ? Thân tàn, ma dại, danh vọng về chiều, gánh tuổi trên vai nặng trĩu, không vợ không con, Hai Giò sống khổ sở, điêu linh, cô độc. Còn đâu thời gian phong lưu dễ dãi ngày xưa. Lẩn quất trong làng cho qua ngày đoạn tháng, kiếm chẳng đủ ăn, Hai Giò lại còn nghiện rượu. Chén rượu đối với Hai Giò lại còn cần hơn cơm gạo, rượu tức là một thứ thuốc để cho anh kép già đỡ khổ, đỡ buồn trong cái cảnh quạnh hiu. Mỗi lúc say sưa, nhớ lại cuộc đời xưa, Hai Giò thường cất tiếng hát huyên thiên, lảm nhảm; trẻ con hễ động nghe anh ta hát là xúm xít lại gần cười, ghẹo, sung sướng như được trêu nghịch một người điên.

Thế mà, lạ lùng nhất! Mỗi khi trong làng mở hội, có phường hát, là người ta thấy mất mặt Hai Giò. Không bao giờ người ta gặp Hai Giò đi xem chèo hát. Hình như anh ta cho đi xem như thế tức là mỉa mai thấm thía cái "đời tài tử" của mình.

Nhưng, đêm nay, đêm cuối cùng của những ngày hội linh đình, không hiểu tại sao Hai Giò lại lẩn vào giữa đám người làng, hơi rượu sặc sụa, mặt đỏ bừng, ngồi nghe hát. Trong lúc mọi người đương chăm chú xem Tư Vinh sắm vai Từ Hải, trong lúc Tư Vinh dương dương tự đắc trổ hết tài nghề thì bỗng một người ôm bụng cười lăn ra đất. Trăm miệng cùng kêu một tiếng:

– Hai Giò!

Phải, Hai Giò say bí tỉ, ngồi thu hình một xó tự nãy đến giờ mà không ai để ý.

Tức thì một dịp cười vang cất lên giữa đám dân quê. Con trẻ reo hò, đàn bà bưng miệng:

– Hai Giò! Hai Giò!

Hai Giò không cười nữa. Hai Giò bỗng nghiêm nét mặt, trịnh trọng đi ra giữa sân khấu, mắt sáng quắc, dữ tợn đến nỗi con hát, người xem chẳng ai dám nói một câu. Họ thì thầm với nhau:

– Hai Giò định làm gì vậy?

Nghe những tiếng gọi tên mình như tiếng gọi hoan hô, cổ vũ của đám muôn dân đón chào một ông tướng thắng trận khải hoàn, nhớ lại cái thời mình được người yêu chuộng, được người phục tài đọc đến tên mình như tên một bực đáng tôn sùng, Hai Giò lúc này, tưởng đâu như cả đám người chen chúc nhau kia hôm nay đến xem Tư Vĩnh biểu diễn, vẫn chửa quên mình, vẫn chửa quên anh kép có biệt tài, có thực tài trong buổi đầu xanh đã từng làm rung động, thổn thức tâm can họ. Đời vẫn chưa quên "người tài tử" sống trong bóng tối. Lòng nhớ nghề bỗng sôi nổi, tưng bừng, phút hiển hách ngày xưa như đã vẫn trở lại với anh kép già, ốm mòn, tiều tụy. Vẻ tự đắc, dáng khinh người hiện ra nét mặt, Hai Giò đứng phưỡn ngực lườm Tư Vinh:

– Tư Vinh! Anh hãy về học vài mươi năm nữa rồi hãy đóng trò!

Tiếng cười lại nổi lên bốn phía. Tư Vinh cũng cười góp, cười gằn...

– Tư Vinh! Anh làm xấu nghề chèo hát! Trông Hai Giò sắm vai Từ Hải đây này! Trông lão đây này!

Rồi lảo đảo xốc quần, vén áo tả tơi, Hai Giò lấy điệu bộ, ra roi, quất ngựa, đá giáp, cười ha hả, trợn mắt, vuốt râu, múa hát một hồi. Như một cái máy. Hai Giò diễn lại cái vai trò xưa kia đã sắm không biết bao nhiêu lần, diễn lại một cách hoàn toàn, khéo léo đến nỗi chính Tư Vinh và con hát cũng phải ngẩn người, cả đám dân làng đi xem đêm ấy cũng bấm nhau thì thầm, không hò reo như trước nữa.

Mọi người đương ngạc nhiên, im lặng xem Hai Giò múa hát thì Hai Giò bỗng đứt tiếng đứng trơ trơ... Hai Giò quên mất những câu hát cũ rồi! Anh kép già thẹn thùng dừng lại, cố nhớ mà không ra.

Tiếng khúc khích, cười cợt, tiếng con nít hò reo lại bắt đầu nổi dậy.

Điên cuồng và tức giận, Hai Giò vung tay hét lớn, lấy hết hơi hết sức hát huyên thiên như những hôm anh ta say rượu đi vơ vẩn trong làng; gân cổ nổi lên bằng chiếc đũa.

Bỗng nhiên giữa tiếng dân làng reo gọi ồn ào, anh ta nằm vật xuống như một cái thân cây người ta vừa chặt gốc, mê man, bất tỉnh, thiếp dần...

– Hai Giò say rượu!

– A ha! Từ Hải chết đứng!

Hai Giò đã diễn lớp cuối cùng của đời anh hát bội. Mọi người xúm lại vực Hai Giò, Hai Giò chỉ còn là một cái xác cứng đờ, lạnh ngắt, người ta sắp khiêng đi để nhường chỗ cho phường Tư Vinh diễn lại lớp hát đương bắt đầu vui.

In trong *Trong bóng tối*, tập truyện ngắn,
Ngô Ngọc Trương xuất bản, Hà Nội, 1936.

HOA "TI GÔN"

(Truyện ngắn)

Hoa "ti gôn" bà đầm! "Ti gôn" bà đầm! "Ơi dê" bà đầm! Cái "chợ hoa" ở phố Tràng Tiền, cạnh Hồ Gươm, làm tăng vẻ tươi thắm, mỹ miều cho Hà thành nhiều lắm. Một buổi sáng mùa thu, không gì thú bằng đứng nhìn những thiếu nữ đẹp như hoa, tha thướt đi chọn hoa, những người đàn bà Pháp áo màu rực rỡ đi qua lại đó, một đôi khi, một vài chàng trai trẻ nữa, có lúc người ta còn thấy cả những ông già cũng đến đó "hỏi thăm hoa". Thực là một cảnh tượng tưng bừng, trẻ trung gợi cảm. Tiếng mời chào của các cô hàng hoa vui vẻ như lưu luyến khách, ríu rít như chim họp chuyện buổi mai:

– "Ơi dê" bà đầm! "Viôlét" bà đầm!

Mỗi mùa lại một tên hoa: hết sen thì đến cúc, thược dược, hết trà lại đến cẩm nhung, huệ trắng, hướng dương..., những cái tên êm ái như tên thiếu nữ. Nhưng có ai nghĩ đến rằng: những bông hoa mà các cô hàng tươi trẻ buộc gói nhanh thoăn thoắt, đưa trả khách mua, những bông hoa đó sẽ về đâu? Có những bông sẽ được cắm vào những chiếc lọ pha lê quý giá, đặt trong một gian phòng khách êm đềm, được những bà nội trợ nhẹ tay sắp đặt cho có vẻ dễ thương, để mong làm đẹp lòng người chồng sắp sửa ở những chỗ làm ăn vất vả trở về, mệt nhọc. Có những bông sẽ được lọt vào tay những chàng trẻ tuổi, những thiếu nữ mới biết yêu, những bông đó thực là có diễm phúc, vì chúng nó sẽ được nâng niu, trân trọng, quý báu vô vàn, chúng nó sẽ được để bên giường ngủ, trên bàn học. Và lúc tàn rồi, người ta cũng không nỡ vứt nó ra ngoài rãnh, người ta sẽ bỏ cánh hoa rơi vào hộp mà cất kỹ dưới đáy hòm, trong góc tủ, để lúc "già rồi" hay đến lúc hết "yêu nhau" người ta mới lục ra để mà rỏ lệ vào đấy..., như trong tiểu thuyết. Cũng có những bông đi ra ngoài nghĩa địa, mang đi bởi những bàn tay gầy, trắng, của những người đàn bà góa đương còn trẻ, để đặt lên mồ của những ông chồng bất hạnh, và để nhắc cho những ông chồng ấy hiểu rằng: *"Em chẳng bao giờ quên anh được... nhưng, đời đẹp lắm! Em sắp lấy chồng đây!"* Lại cũng có những bông hoa đã an

ủi được nhiều linh hồn cô quạnh, linh hồn khắc khoải của những kẻ chung tình đến chết vẫn còn yêu, những kẻ vì yêu mà chết!

Như những bông hoa "ti gôn" mà họa sư Lê Chất đã đặt trên mồ Mai Hạnh, đã cắm trong phòng vẽ suốt một mùa thu.

*

* *

Sáng nào cũng vậy, hết giờ dạy vẽ ở trường Mỹ thuật về qua phố Tràng Tiền, họa sư Lê cũng không quên mua một bó "ti gôn". Đó là cái thói quen của họa sư mà không một người bạn hay một người học trò nào thân là không biết rõ. Đến mùa hoa "ti gôn" nở nhiều nhất, thì trong nhà họa sư Lê, người ta chẳng còn thấy một thứ hoa nào khác nữa. Và có người nào tẩn mẩn ngắt một nụ hoa nho nhỏ ấy xem thực kỹ càng, người ta sẽ phải cho lời nhận xét của họa sư là đúng: "Hoa "ti gôn" hình quả tim vỡ làm mấy mảnh, màu hồng dịu như nhuộm máu đào". Rồi người ta phải tự hỏi thầm:

– Tại sao họa sư Lê lại thích chơi cái thứ hoa trông như giấy ấy, để trong phòng quá một ngày đã rụng rồi? Chắc lại có điều tâm sự chi đây...

*

* *

Một buổi trưa – hồi đó Lê Chất 24 tuổi, còn là một họa sĩ nghèo mới ở trường ra – một buổi trưa đạp xe về các vùng lân cận Hà thành, họa sĩ Chất rẽ vào làng Mọc với cái giá vẽ buộc trước xe. Người thiếu niên ấy vừa huýt sáo vừa đi tìm cảnh đẹp. Mà cảnh đẹp đây là một thiếu nữ yêu kiều chàng mới gặp chiều qua.

Đến gần một ngôi nhà cũ kỹ trông ra dáng biệt thự của một vị hưu quan dùng làm chỗ nghỉ ngơi, Chất hãm xe lại, và nghển cổ nhìn qua một cái hàng rào cây xanh tốt um tùm. Chiều qua, lúc Chất sắp đạp xe rất nhanh qua đó, tình cờ liếc mắt vào nhà, chàng thấy một thiếu nữ đương đứng trên một chiếc ghế cao, với tay lên những dây hoa đỏ trên giàn nứa. Người con gái mặc áo cánh lụa cụt tay, hở cổ,

để lộ một lớp da hung hung khỏe mạnh, thứ da được phơi nắng của những cô gái nhỏ. Hai má người ấy đỏ hồng, vài sợi tóc tỏa trên vừng trán. Cảnh "con gái hái hoa" ấy như một bức tranh linh động, khiến thiếu niên họa sĩ phải dừng chân ngắm không chán mắt. Cái khuôn mặt đều đặn: một vẻ đẹp cao quý vô cùng, nhất là đôi môi có một nét vẽ lạ, mà Lê Chất chưa được trông thấy ở khuôn mặt một người thiếu nữ cùng nòi giống bao giờ: lớp môi trên mỏng, thực mỏng như là có một bàn tay cố ý làm ra thế, còn môi dưới thì chề ra, hơi sưng sưng, như một thứ quả chín ngon lành khiến ai trông thấy cũng phải thèm thuồng ao ước. Đó là thứ nhan sắc rất hiếm hoi, người ta trông thấy một lần là phải ghi sâu trong tâm tưởng. Thiếu nữ vô tình, bận gỡ những dây hoa leo trên giàn, đã để cho Lê Chất có thì giờ nhìn ngắm kỹ. Để khi nàng bước xuống đất, sắp vào nhà, đưa mắt ra đường, trông thấy có người đứng nhìn mình mới cau mày tỏ vẻ không bằng lòng con người bất lịch sự.

Nhưng từ đó, hôm nào họa sĩ cũng đạp xe vào làng Mọc, giá vẽ buộc trên xe, mà chẳng vẽ bao giờ, vì còn bận quanh quẩn gần biệt thự. Thiếu nữ động thấy bóng chàng là lẩn vào nhà. Lê Chất được gặp nàng vài lần nữa rồi thôi, mà ngôi nhà hình như không có chủ nhân ở nữa, ngày nào cũng chỉ thấy có một ông lão già cuốc cỏ ở trong vườn.

Rõ lâu, Lê Chất mơ màng đến người thiếu nữ ấy. Chàng cố nhớ lại khuôn mặt, thân hình, hai cánh tay đẹp để trần, nhất là đôi môi của thiếu nữ. Chàng vẽ nhiều bức "croquis" trong tập "al bum" của chàng để ghi lấy những nét đẹp của người mình mơ màng..., rồi dần dần cũng quên nàng...

*

* *

Lê Chất đã nổi tiếng. Thầy học cũ của chàng vì mến tài chàng đã đưa chàng lên một địa vị mà nhiều kẻ phải ghen. Tranh của chàng được nhiều báo nước ngoài nói đến và bán giá rất cao. Là vì Lê Chất đã biết bỏ lối phong cảnh để vẽ người, tranh vẽ người của chàng, nhất là tranh vẽ đàn bà đã khiến các bạn chàng tặng chàng cái tên: "Người lấy máu để vẽ các cô gái đẹp". Chàng đã trở nên giàu có, ăn

mặc rất sang, và rất khó tính, chàng đã đứng tuổi, đã lâu chàng không còn là gã họa sĩ nghèo, vui tươi, huýt sáo đi tìm cảnh đẹp quanh vùng lân cận Hà thành, giá vẽ buộc trên xe nữa.

Một mùa lạnh, Lê Chất đi vẽ ở vùng Vân Nam phủ, trong một bữa tiệc khiêu vũ ở tòa lãnh sự Pháp, chàng trông thấy một thiếu phụ An Nam đẹp, một vẻ đẹp buồn có dáng cao kỳ, kiêu ngạo. Chàng nhớ ra là đã gặp người ấy một lần. Ở đâu? Bỗng nhiên Lê Chất rùng mình. Tám năm rồi, nhưng quên làm sao được khuôn mặt ấy, đôi môi ấy? Lê Chất nhờ một người bạn quen giới thiệu: thiếu phụ là vợ một viên chức trong tòa lãnh sự, nói tiếng Pháp rất thông. Trong một bản "tango", đột nhiên Lê Chất hỏi thiếu phụ:

– Bà vẫn thích hoa "ti gôn" chứ?

Thiếu phụ nhìn chàng rất ngạc nhiên:

– Ông nói gì, tôi không được hiểu.

– Có lẽ bà đã quên cả Hà thành..., làng Mọc..., cái biệt thự xinh xinh có một giàn hoa...

Người đàn bà ấy kêu lên, mắt long lanh:

– Có phải ông là cái anh chàng họa sĩ vẫn thường rình tôi ngày trước đó không? Thảo nào mới nhìn thấy ông tôi cũng tự nghĩ không biết đã gặp ở đâu. Tám, chín năm rồi đấy! Thế mà chúng ta còn nhận được nhau.

Mai Hạnh - tên thiếu phụ - rất buồn rầu ở Vân Nam phủ. Nàng không có bạn nữa, nàng đã lấy một người chồng gia thế cân đối với nhà nàng, cuộc đời rất bằng phẳng nơi đất khách. Đến giờ, gặp được người cùng xứ, – người đó lại dự vào dĩ vãng tươi đẹp của nàng – một họa sĩ nổi danh, nàng không có cảm tình với Lê Chất làm sao được? Nàng thường đến chỗ chàng ở trọ thăm chàng, và thuận ngồi cho chàng vẽ một bức tranh.

Một buổi sáng, hai người đi thăm một cảnh chùa Tầu cheo leo trên một đỉnh núi, Lê Chất nói với nàng:

– Tôi biết thể nào trong đời tôi cũng còn gặp Hạnh, bởi vì tôi vẫn không bao giờ quên cái buổi chiều ở làng Mọc. Nhưng số mệnh khiến chúng ta gặp nhau lần này có phải là để chúng ta chỉ có thể thành một đôi bạn mà thôi ư? Hạnh có đoán được lòng tôi lúc này không?

– Mai Hạnh, giọng run run và mặt tái nhợt, giơ tay bịt miệng Lê Chất lại. Lê Chất ôm lấy nàng, nàng không cưỡng:

– Em cũng yêu anh ngay từ buổi đầu...

Thế là, hai người như sống trong một cơn mê. Mai Hạnh cố chống chọi lại với Ái Tình. Lê Chất thì lo ngại, tính toán, như ngồi trên đống lửa. Chàng định cùng người yêu trốn đi Nhật Bản, chàng không can gì danh dự, chức nghiệp, dư luận của đời nữa. Khi mà người ta yêu thì còn có cần gì? Mai Hạnh thì yếu đuối hơn, rụt rè, e ngại. Nhưng sau cùng nàng nhận lời.

Lê Chất sắp đặt xong mọi việc, chàng trở về Hà Nội, lo lót, lấy được giấy đi, tiền bạc, đồ dùng đi xa đã sẵn sàng cả, thì phút cuối cùng, chàng nhận được một bức thư:

"Chất, anh hãy đi một mình và quên em đi, vì em không có thể theo anh. Đừng giận em, tội nghiệp! Em không phải là hạng đàn bà có thể vượt hết những khó khăn như anh đã tưởng. Đến phút cuối cùng, em bỗng sợ, em sợ gia đình tan tác, khổ tâm thầy mẹ em, chồng em khinh bỉ, tai tiếng ở đời, những lo ngại ở tương lai... em thấy rằng: "Nếu chúng ta đi với nhau, chưa chắc chúng ta đã sung sướng". Anh thấy chưa? Em là một đứa liều! Em không yêu anh được như anh tưởng đâu, vì em đã hi sinh anh cho tất cả những lo ngại trên kia. Vậy mà em yêu anh có thể chết vì anh được. Trong đời anh còn nhiều chuyện anh có thể quên em được đấy! Nhưng còn em thì thực chẳng bao giờ, chẳng bao giờ! Vì em biết sẽ không bao giờ tự an ủi được bởi em đã làm hỏng đời em nếu em chẳng theo anh...".

Trong thư, một dây hoa "ti gôn" nhỏ ép rơi ra: những nụ hoa chúm chím hình như quả tim vỡ làm mấy mảnh đỏ hồng như nhuộm máu đào. Chất đặt một cái hôn trên những cánh hoa và khóc, nhưng đó là một kẻ đàn ông có nghị lực: chàng đi du lịch xứ Phù Tang có mỗi một mình.

Bốn năm sau, một hôm họa sư Lê Chất thấy trên bàn giấy mình một phong thư viền đen báo tang. Chàng mở ra xem thì ra của người chồng Mai Hạnh báo tin rằng nàng đã chết. Họa sư đáp xe lửa đi Vân Nam ngay để một buổi chiều đặt trên mồ Mai Hạnh những dây hoa "ti gôn" màu máu đào, hình quả tim vỡ làm mấy

mảnh. Rồi trở về Hà Nội, chàng mới sực nhớ ra rằng quên không hỏi để xem Mai Hạnh chết vì sầu muộn, hay vì một cơn cảm, sốt... chết về một bệnh gì?

Ngày nay, họa sư Lê Chất đã già rồi, nhưng cứ đến mùa hoa "ti gôn" nở nhiều nhất, không buổi sáng nào họa sư quên mua một ôm về để thay cho hoa cũ trong phòng vẽ, vì thứ hoa ấy chóng tàn. [1]

Tiểu thuyết thứ bảy, 9-1937.

---

1. Truyện ngắn *Hoa ti gôn* (1937) đăng trên báo *Tiểu thuyết thứ bảy* được ít lâu thì tòa soạn nhận được hai bài thơ gửi đăng báo, ký tên T.T.Kh. Người đọc chú ý nhất bài *Hai sắc hoa ti gôn*. Bài thơ có câu: *Buồn quá hôm nay xem tiểu thuyết – Thấy ai cũng nhắc cánh hoa xưa...* Vậy là tâm sự người thơ gặp tâm sự người trong truyện, đã nảy ra thơ. Và tác giả tức thì được nhiều người mến mộ. Trong tập *Thi nhân Việt Nam*, nhắc đến thơ T.T.Kh., ông Hoài Thanh có cho rằng "Ai đó nói thơ T.T.Kh. là kiệt tác cũng hơi quá..." Nhưng sức sống của thơ T.T.Kh. cũng thật lạ. Từ 1937 thơ ra đời, đến năm nay (1989), vẫn được nhiều bạn yêu thơ T.T.Kh. nhắc đi nhắc lại (trong nước cũng như kiều bào hải ngoại).

T.T.Kh. là ai ? Lúc trước, tác giả đã không chịu cho nhà báo biết địa chỉ (để gửi báo biếu) cũng như không chịu "xuất đầu lộ diện" cho tới ngày nay. Nếu còn sống T.T.Kh. phải là lớp người "cổ lai hy" rồi. Vậy nên quý trọng sự khiêm tốn của nhà thơ hẳn, có lý do "ẩn tích" của mình.

(Chú thích của Thanh Châu khi truyện được in lại trong *Văn xuôi lãng mạn Việt Nam 1930-1945*, tập 8, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989).

NHỚ QUÊ

(Truyện ngắn)

Có dễ đã lâu lắm tôi không có dịp nhìn lại quê hương cũ. Mà cả xưa kia nữa, cũng rất ít khi tôi được về quê. Về quê! Hai tiếng đó, trong gia đình tôi, người ta chỉ nói vào lúc cuối năm, gần Tết. Bởi vậy ngày nay nếu có những phút nào mà tôi động lòng quê nhất, tức là vào những buổi tàn năm.

Gia đình tôi là một gia đình viên chức. Cái sống ở thành thị đã chôn chân mọi người vào một chỗ, làm cho dễ nhãng quên những nỗi nhớ thương vơ vẩn trong đời, do đó cái nơi mà người ta không yêu mến, không thấy có gì là thiêng liêng ràng buộc cả, thì lại hóa ra quê hương chính thức. Tôi còn nhớ, xưa kia, cứ mỗi lần nghe nói đến "về quê" mẹ tôi lại gắt lên: "Về làm gì cho thêm tốn kém? Thôi, ăn Tết ở đâu mà chả được". Nhưng, tuy nói thế mà tôi biết mẹ tôi, cũng như tất cả nhà, rất muốn được ăn Tết ở quê. Than ôi, người đàn bà đáng thương kia giữ lấy một mình trên vai tất cả gánh nặng của gia đình, lúc nào cũng nghĩ rằng nếu trong nhà túng thiếu là do lỗi ở nơi mình chẳng khéo tính toán mọi chuyện. Vì thế, những lần mà cái gia đình ấy thu xếp về quê ăn Tết là những lần được đứa trẻ là tôi ngày đó coi như những việc hệ trọng, thay đổi lớn trong đời. Thực là những dịp rất hay để làm náo động cả mọi cảnh nhà vốn buồn bã vì phẳng lặng.

Thường thường thì chúng tôi khởi hành vào buổi sáng ngày ba mươi Tết. Từ cái thị xã tỉnh Thanh nơi bố tôi làm việc đến cái làng hẻo lánh ở bên một con sông kia chỉ xa nhau độ hơn ba mươi cây số là cùng. Nhưng mà đường đi thực là vất vả. Vì đó là những con đường đất nhỏ, có những đoạn dốc rất dài, có những quãng men sườn núi, những chỗ phải qua đò; nhưng về mùa mưa gió thì bánh xe ngập xuống bùn lầy nhiều lúc phải nhờ đến cả người đi đường giúp tay vào đẩy hộ. Thực có đúng như câu: *Vó câu khấp khểnh bánh xe gập ghềnh.* Con đường ấy bây giờ đã rộng ra nhiều, đã được sửa sang luôn, và "buồn thay", cũng đã có ô tô chạy qua rồi, nhưng tôi vẫn nhớ

cái thời mà tôi được ngồi trên chiếc xe bánh sắt để kéo qua đấy với tâm hồn một đứa trẻ thấy gì cũng bỡ ngỡ lạ lùng.

Vì hành lý đem theo lủng củng, vì nhiều người cùng đi một chuyến, nên thường chúng tôi phải đi thuyền cho đỡ tiền xe.

Ồ, những chuyến đi thuyền! Tất cả thi vị của những chuyến đi kia còn sống ở lòng tôi cho đến tận bây giờ. Tôi còn nhớ cả tiếng nước reo khi thuyền đi ngược dòng với một chiếc buồm nâu căng gió trên sông Mã (vì đó là con sông Mã). Sông Mã nước xuôi tựa ngựa phi.

Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.

Ngày nay, nếu có một buổi chiều mà tôi trở về làng cũ trên một chiếc thuyền như thế nữa, thì có lẽ tôi đã ngâm hai câu thơ của thi sĩ Tản Đà [1] rất hợp với cảnh kia rồi. Nhưng hồi đó, cái trí não ngây thơ của tôi chỉ biết thu nhận tất cả những hình ảnh huy hoàng trên sông, để rồi giữ lấy, tưởng không bao giờ mờ nhạt được.

Ngày nay tôi còn ghi nhớ được những gì? Đó là những cồn cát trắng chạy dài theo dọc bờ sông, có hàng đàn chim cốc đen đỗ phơi mình sưởi nắng. Đó là những bãi dâu thưa lá, những bãi rau hay thuốc lá tốt tươi, những cái bến nước làng có bực đá xanh mà đàn bà con gái ra gánh nước, đãi đậu, vo gạo thổi xôi, hay gội đầu tắm giặt nốt ngày trước Tết. Đó là những cây nêu ở hai bên bờ sông vọt lên trên những nóc nhà dân và những ngọn cây, những cây nêu mới cắm. Đó là những đám thuyền bè thấy dần dần trời tối, đã rủ nhau đậu lại ở một quãng sông quen nào đó, lên đèn hương cúng tổ tiên để đón ông vải. Những thuyền của dân thủy cư, cái dân trôi nổi quanh năm, từ nguồn ra bể, rồi lại từ bể về nguồn, họp thành tổng, thành làng trên mặt nước.

Nếu thuận gió chỉ trong nửa ngày là chúng tôi tới được bến làng. Nhưng thường thì cứ gần đến nửa đêm, mẹ tôi chừng nóng ruột cứ chốc chốc lại hỏi người nhà lái:

– Đã đến Ba Bông chưa ông lái?

– Thưa quá đã lâu rồi ạ. Dễ mà bây giờ đã đến Chè.

---

1. Dịch thơ Thôi Hiệu:
"Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yến ba giang thượng sử nhân sầu".

Chè... Nổ... Hang... Cung... Những cái tên làng, tên bến mà thuyền phải đi qua, tôi nghe như những tên thuộc về một cõi đời cổ lỗ nào, những tên tôi tưởng không thể nào còn có ở thời đại bây giờ nữa.

Trời tối hẳn. Những ngọn lửa trong các khoang thuyền đương thổi nấu, những ánh đèn đỏ tù mù chiếu nhấp nhoáng trên mặt nước đen, những tiếng gọi chào nhau vội vã của người trên sông khi nhận được thuyền nhau, những tiếng nước rào rào đổ xuống khi những tay sào cúi rạp người để đẩy thuyền đi băng băng rồi lại rút sào lên mà chạy rất đều trên mui lá, tất cả những cái đó làm cho tôi lo sợ hoang mang, làm cho con sông có một vẻ gì huyền bí thêm lên đối với tôi. Nhưng chính vào lúc đó mắt tôi thường díu lại. Và khi thuyền đến bến người ta phải đánh thức tôi dậy để vào làng.

Những phút đổ bộ ấy thực là rộn rịp. Suốt một ngày tù cẳng trong thuyền, bây giờ được đặt bước lên trên cát người nào cũng tỏ vẻ khoan khoái vui vẻ cả. Những tiếng lội nước bì bõm của những người đi đón chúng tôi, đã đứng chực sẵn ở bến với một cây đèn bão từ bao giờ không biết, những tiếng chào hỏi của các người trong họ đã biết tin chúng tôi về nên ra đón làm vang cả một khúc sông. Vì như trên tôi đã nói, những dịp chúng tôi về được như vậy là rất hiếm. Trong cơn ngái ngủ bàng hoàng bao giờ tôi cũng nghe thấy một vài người nhắc đến tên tôi. Đó là những bà cô, ông bác già nghèo đói. Họ có vẻ mừng rỡ thực tình vì lại được thấy chúng tôi, bởi, tội nghiệp, họ biết thế nào cũng sẽ được mẹ tôi giúp đỡ hoặc một món tiền nhỏ, hoặc cho họ một cái quà gì đó, một cái quần áo cũ nào mẹ tôi đã chịu khó vá víu lại, để chờ những dịp đó, trong khi nhàn rỗi. Thế là cả một đoàn người bỏ lại chiếc thuyền đã hạ buồm trên bến nước khuya vắng lạnh, chẳng mấy chốc vì không có ánh đèn soi sáng, nên trở lại tối đen. Chúng tôi đi theo người dẫn lộ cầm đèn đi trước, vì đường hẹp, đi băng qua một bãi ngô hay một bãi thầu dầu rồi mới tới được đầu làng. Đoàn bộ hành ấy thường gấp bước vì mong chóng tới nhà cũng có, mà còn vì sợ đêm đã khuya phải tới nhà vào lúc quá giao thừa chăng. Tới nhà không kịp giao thừa! Đó là một điều không may rất kỵ, mà bà tôi ở quê, tuy rất mong chúng tôi về cũng không thể nào tha thứ được. Còn tôi nửa thức, nửa ngủ từ lúc rời thuyền, bám cổ người đầy tớ cõng tôi đi. Tôi nghe những tiếng nói rì rầm, tiếng bước chân của đoàn người rầm rập trong bóng tối, trong im lặng của xứ quê lúc nửa

đêm mà có cảm giác như chúng tôi đặt bước lần đầu tiên lên một chốn hoang vu, đầy bí mật.

Không khí có một ý nghĩa thiêng liêng, ghê lạnh thêm vì tiếng chó sủa ran mỗi lúc chúng tôi đi qua một túp lều nào đã kín liếp, và câm tiếng như một cái mồ.

Nhưng cứ đến đầu một xóm nào, chúng tôi cũng gặp vài người tuần tráng cầm gậy dài ở tay, đứng ngồi xúm xít quanh một ngọn lửa.

– Đây là tuần canh ngõ Thẳng.

Một người trong bọn nói lên như vậy.

– Đây là tuần canh ngõ Chửa (hay ngõ Đình, ngõ Hát).

Thôi, chúng tôi đã đến nơi rồi! Tôi chẳng còn sợ sệt như ban đầu nữa. Cứ nghe những tên ngõ làng ngộ nghĩnh kia tôi cũng đủ nhận ra là nơi này chính thị "của mình" rồi. Những kẻ tuần tráng ấy mỗi lần nhận ra chúng tôi đều đứng lên chào rất lễ phép. Tôi thấy mẹ tôi thường hỏi họ:

– Anh em đốt *đình liệu* cho làng đó à?

Đốt đình liệu? Đó là cái tục của làng. Đêm ba mươi năm nào người ta cũng phải đốt lửa từ chập tối cho đến giao thừa từ đầu làng đến cuối làng, và trong mỗi ngõ thuộc về mỗi xóm. Không hiểu cái tục kia có tự bao giờ và đốt lửa như vậy để làm gì? Sao lại không đốt quanh năm mà chỉ đốt trong cái đêm ba mươi đầy vẻ hãi hùng này? Cái trí não đầy mê tín của tôi ngày ấy cho rằng đêm ba mươi trời tối quá, những vong hồn của người chết ở xa xôi nơi góc núi, bờ sông không thấy đường nẻo nào rõ cả, phải "trông" theo ngọn lửa mà tìm về. Đó là một cách mời người đã khuất trở về làng ăn Tết với gia quyến, với người thân.

Đình liệu! Bây giờ chỉ nhắc lại hai tiếng ấy, tôi cũng đủ thấy lại cả một thời xưa cổ, với những ngọn lửa sáng rực rỡ, thấp thoáng bóng người lố nhố chung quanh để nuôi giữ cho ngọn lửa khỏi tàn. Đó là một cảnh lính canh trại trong thời loạn cũ, hay là cảnh nơi địa ngục: quỷ sứ tay cầm khí giới nhảy quanh ngọn lửa nướng người. Cái óc tưởng tượng trong hồi thơ dại của chúng ta thực có dồi dào lắm vậy.

Lúc tiếng trống chùa làng nổi lên tế giao thừa dễ thường tôi đã buồn ngủ rũ ra rồi. Mắt tôi chỉ kịp nhìn qua cái cảnh lộng lẫy ở nhà thờ một lát thôi. Nhưng trong giấc ngủ, vẫn mơ màng đến đèn nến, lư trầm, những mâm ngũ quả đầy những thứ tôi ưa thích và nhất là

cái ngai thờ của ông tôi mà năm nào tôi cũng thấy khoác một chiếc áo trào thêu rồng phượng, thủy ba, với đủ cả cân đai bố tử uy nghi như là người thật giữa bàn thờ. Ôi cái áo trào của ông tôi, cái vật "bất khả xâm phạm" của một gia đình đã lâu không còn có người hiển hách nữa. Tôi đã được nhiều dịp nhìn thấy nó mà không dám lại gần, bởi vì không ai cho lũ trẻ lại gần những vật ấy bao giờ. Những hôm trời nắng ráo người ta đem phơi nó ra giữa sân chốc lát cho khỏi ẩm và khỏi mốc. Đó là những dịp cho cả nhà bàn nhắc lại cái thời vinh hạnh của người đã từng được triều đình ban cho cái áo, cùng với cái hốt ngà, cái mũ cánh chuồn, cái đôi hia, tất cả trông rất "tuồng" kia. Những người đàn bà thì vừa bổ cau, chẻ dưa, vừa nghe những kẻ có tuổi trong họ kể lại bằng một vẻ rất kính phục. Một vài ông khách đến chơi nhằm vào lúc đó mân mê cái áo dệt bằng thứ gấm Tầu rất tốt đời xưa mà khen ngợi mãi. Thực là cảm động! Thực là buồn, cái cảnh một bọn người hèn kém bám vào cái huy hoàng cũ của một người đã khuất để mà kiêu hãnh, và thèm thuồng, giữa một cảnh đã suy vi, nhưng vẫn cố giữ lấy nếp thế gia. Hồi đó, hẳn cũng đã có lúc tôi đã mơ tưởng đến một ngày có được cái sự nghiệp lừng lẫy, to lớn gì ở trên đời để được mặc vào người cái áo trào sặc sỡ, cái áo mà tất cả người trong họ đều kính sợ, đều say mê mà chẳng một ai dám ao ước mơ tưởng kia.

Nhưng, hình như tôi vẳng nghe có tiếng pháo rồi, có lẽ trong nhà đã cúng xong. Bây giờ tôi lại mơ màng đến những bạn nhỏ của tôi, phần nhiều là những đứa trẻ thiếu ăn thiếu mặc, bẩn thỉu, con cái của các người bà con lân cận. Tôi nghĩ những cái pháo chia cho chúng nó, đến những trò chơi rất lạ mà trẻ con ở nhà trường, ở thành thị chẳng bao giờ nghĩ được ra. Thực là những người bạn rất phục tòng. Than ôi, chúng đã biết phục tòng từ bé, vì chúng trông thấy ở quần áo tôi một dấu hiệu gì hơn chúng nó rồi. Chỉ vì chúng hiểu rằng phần nhiều quần áo của tôi mặc cũ là đến phần chúng nó, do tay mẹ tôi "hoạn" lại và "bố thí" cho. Tôi không hiểu những con người bé nhỏ ấy nghĩ ra sao lúc mặc lại những quần áo của tôi thải đó, nhưng tôi thì lại nhớ rõ rằng, tôi đã ngạc nhiên hết sức. Tôi nghĩ rằng những ngón tay của mẹ tôi là những ngón tay của một bà tiên. Tôi không thể ngờ được những quần áo cũ, rách của mình mặc cho người khác lại có thể ăn sát, và "dễ coi" được thế.



Cái thời dễ tin, dễ yêu của tuổi ấu niên kia qua đã lâu rồi. Sự từng trải của cuộc đời và sách vở đã luyện cho tôi trở nên một kẻ khác. Ngày nay tôi có trở về làng cũ thì biết còn chăng những cảm tưởng trong trẻo và đẹp đẽ như xưa kia? Tôi đã đi đây đi đó, tôi đã dừng chân trước bao nhiêu cảnh non sông diễm lệ ở đời, biết có còn giữ được những hứng thú, những cảm giác như lúc này nhớ lại quê hương?

Hôm qua đi thơ thẩn trên một hè phố đông thiên hạ đi sắm Tết, có một kẻ nào đó vỗ vai tôi và hỏi:

– Tết này đi đâu? Về quê chứ?

Về quê!

Hai tiếng đó bỗng gợi cho tôi cả một thế giới thần tiên đã mất. Than ôi, tôi đã làm gì tuổi trẻ của tôi rồi? Và cả những người bạn nhỏ của tôi nữa? Có dễ họ đã hóa ra một lũ "nửa người nửa ngợm", một lũ ngây ngô ở nhà quê rồi. Có lẽ trông thấy tôi bây giờ họ sẽ nhìn bằng những con mắt sợ sệt, như con mắt của những con vật rút rát. Có lẽ họ đã đói khổ, thất học, hôi hám, càng nhớn lên càng ngu độn, càng rách rưới, nhất là càng rách rưới, vì đã lâu không có ai "hoạn" lại những chiếc áo cũ của tôi cho họ mặc nữa.

Về quê!

Hai tiếng đó ngày nay chỉ gợi cho tôi một cảnh tối tăm, một cảnh thương tâm, một cảnh nghèo nàn với tất cả sự đầy đọa của một lớp người sống mà không biết rằng mình sống, một lớp người cùng với mình cách biệt vô cùng, cách biệt về vật chất, cách biệt về tinh thần, cách biệt như hai thái cực.

Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 295 (số Tết Canh Thìn), ra ngày 3-2-1940. In lại trong *Tà áo lụa*, tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.

CƠN GIÔNG

(Truyện ngắn)

Thuở bé, tôi có một người cô mà tôi yêu mến hơn là mẹ đẻ. Đó là một người đàn bà góa trẻ, hiền lành rất đáng thương. Nhưng mà tôi đã ghét oan cô một độ, bây giờ có muốn xin lỗi cô cũng không được nữa, vì người qua đời đã lâu rồi. Than ôi, ở đời không có gì chua xót hơn là không thể xin lỗi được người đã chết. Chồng chết, cô tôi đã nghèo lại không con, bố mẹ chồng ác nghiệt, chỉ còn cách xin ở nhờ nhà chị. Mẹ tôi thì buôn bán ngược xuôi, bận bịu quanh năm, được cô đến giúp đỡ việc nhà, trông nom con mọn cho mình lấy làm vui bụng lắm. Mẹ tôi thường vắng nhà luôn, có lúc hàng nửa tháng để vào trong Quảng mua cau. Như thế ở nhà chỉ còn hai cô cháu.

Cô tôi tính yêu trẻ mà lại không con nên quý chiều tôi hết sức. Tôi vì quen vắng mẹ gần gũi với cô luôn, nên thấy trên đời không ai đáng là mẹ hơn cô.

Tôi vòi, tôi khóc, làm khổ làm cực cô đủ trăm chiều.

Tôi chỉ rời cô ra lúc ngủ say. Suốt ngày cô không đi đâu được với tôi nửa bước. Tôi gọi cô là "má", những lúc mẹ tôi về tôi cũng không theo. Ngoài người cô ấy tôi không chịu để ai cho ăn, cho uống. Tôi không ngủ dễ dàng ngoài tiếng ru êm ái của người cô ấy. Tiếng ru buồn bã của bà cô góa bụa. Tiếng ru có thể ảnh hưởng đến tính tình người đàn ông khôn lớn là tôi sau này. Cả một quãng đời thiếu niên trở nên mơ mộng, vẩn vơ vô ích của tôi sau này biết đâu chẳng vì tiếng ru kia? Vì trong khối óc còn rớt lại những âm thanh buồn não đó. Có biết bao nhiêu đứa trẻ ở đời nên hung ác, từ tâm hay anh hùng vì đã ảnh hưởng, vì đã bú sữa của người nhũ mẫu chăm nuôi mình thuở bé.

Không những thế nét mặt cô tôi thường là rười rượi, rất ít nụ cười nở trên đôi môi, như cánh hoa khô héo chỉ khi nào có ánh mặt trời lướt qua mới hé nở, nhưng chẳng được bền.

Những ngày mẹ tôi ở nhà được lâu, và dần dần làm quen được với tôi, mẹ con lại yêu nhau, thì đó là những ngày vô vị nhất của cô

tôi. Không muốn làm bận rộn cảnh yêu đương ấy, cô tôi thường lấy cớ trông nom cơm nước mà ở lỳ dưới bếp. Hay bỗng chốc cô kêu chóng mặt, váng đầu để tránh vào buồng nằm. Thương thay cuộc đời người đàn bà ấy chỉ có ý nghĩa khi nào được đứa trẻ khó chịu là tôi bám lấy mà làm khổ, làm bận, mà quấy rầy vòi khóc, và ban cho một ít tình yêu trẻ dại tự nhiên.

*

* *

Một hôm tôi đang ngủ say trên chiếc giường nhỏ cạnh cửa sổ trông ra vườn thì trời nổi cơn giông. Cửa đóng chặt nhưng gió thổi tạt những giọt mưa nặng hạt rào rào vào đôi cánh gỗ làm cho tôi thức giấc hoảng sợ. Một cơn mưa giông bất thình lình giữa trưa hè, sấm chớp thực dữ dội. Tôi mở mắt thấy nhà vắng lặng càng kinh hãi. Mẹ tôi đi vắng đã mấy hôm, có lẽ còn lâu mới về. Hình như cả buổi trưa hôm ấy tôi hờn lâu lắm, cô tôi đã phải nựng nịu vỗ về mãi tôi mới chịu nằm yên ngủ lại.

Thức dậy lúc ấy, đoán là cô tôi đang bận gì dưới bếp, tôi toan khóc gọi, bỗng một hồi sấm nổi lên làm rung động cả cửa sổ, cả cái giường bé nhỏ của tôi. Hét một tiếng to, tôi tung chăn vùng dậy chạy chân không trên đất tuốt vào trong bếp.

Một cảnh bất ngờ khiến tôi dừng lại ngay nơi bậc cửa: trên tấm phản gỗ dùng làm chỗ nằm cho thằng ở nhỏ – lúc đó cũng vắng nhà– cô tôi đang gục đầu trên vai một người đàn ông đã đứng tuổi. Hai người say mê ngồi ôm nhau như vậy, không nghe, không biết gì hết. Người đàn ông ấy tôi biết lắm, đó là ông giáo dạy mấy đứa trẻ ở nhà bên cạnh. Có lẽ ông sang nhà tôi bằng cửa sau.

Không hiểu sao tôi quay lại giường ngay. Tôi không dám đến phá đám cô tôi, tôi một đứa trẻ khó chịu, xấu nết, tôi vừa sửng sốt vừa hổ thẹn.

Đến mãi bây giờ tôi cũng không thể giảng giải được tại sao như thế. Hình như đó là một "tai nạn" đối với tôi. Phải chăng vì cái điểm luân lý di truyền sẵn có trong tôi làm cho tôi trông thấy cái cảnh "khác thường" ấy hóa ra một điều nhơ bẩn. Hay đó chỉ là lòng ghen? Lòng ghen của một đứa trẻ con còn trong sạch quá, thấy "người mẹ"

của mình không còn trong sạch như mình vẫn tưởng. Lòng ghen đó tựa tựa cái ghen của một người chồng, bắt quả tang cuộc ngoại tình của người vợ quý, vì kiêu ngạo không muốn làm ra to chuyện, đành ngậm cái đau thương mà khinh bỉ một mình.

Tôi về gần đến chỗ giường cũ, lại một tiếng sét long trời giáng xuống cành cây cao nhất trong vườn, xé đôi thân cây ra như xé một tờ giấy. Một ánh sáng hồng nhoáng lên lúc đó làm tôi nhắm mắt. Tôi vừa vịn lấy thành giường vừa khóc thét. Mãi một lúc sau cô tôi mới nghe tiếng chạy lên. Chỉ thấy một mình cô hốt hoảng chạy lên. Có lẽ người đàn ông đã ra về bằng cửa sau rồi.

Người tôi run như một cây sậy trong gió lốc.

Mặt cô tôi xám xanh đi, nửa cảm động, nửa vì lo sợ. Cô ôm chầm lấy tôi, nhưng tôi vội tránh ngay. Tôi không muốn người đàn bà ấy mó vào người tôi lúc đó. Nước mắt bắt đầu giàn giụa trên mặt con người đau khổ:

– Con! Con lại với cô, tội nghiệp con... tội nghiệp cô...

*

* *

Tôi biết kể gì thêm. Từ đó cho đến lớn khôn, tôi không âu yếm cô như trước nữa. Chúng tôi, hai người cùng cảm thấy một sự gì ngượng ngập, chia cách, giữ gìn đau xót. Cho cả đến khi lớn khôn đi học rồi vẫn vậy.

Ít lâu sau, cô tôi lấy được một người chồng có cửa hàng buôn bán trong phố khá giàu.

Cuộc hôn nhân này nghe đâu như mẹ tôi bắt ép, vì lo rằng em mình đã là gái góa, không còn đám nào hơn, không còn dịp nào may mắn hơn cho cô nữa. Nhưng người chồng sau cũng chẳng làm cho cô sung sướng như mẹ tôi đã tưởng. Đó là một kẻ đàn ông thô bỉ, tầm thường.

Lấy chồng rồi cô tôi vẫn đi lại nhà tôi luôn, lúc nào cũng có quà bánh, hoa quả cho tôi như cũ.

Cô vẫn quý chiều tôi như hồi tôi còn nhỏ dại.

Nhưng đó là quãng vui chơi ham hố nhất đời của đứa con trai là

tôi đang tuổi lớn lên, chỉ thiết ham mê đùa nghịch với chúng bạn ở trường. Tôi biết đâu đến sự săn sóc của mẹ tôi, của cô tôi.

Hình như có một lần, nhà có giỗ, cô tôi đã đợi tôi suốt cả một buổi chiều, trước một mâm cỗ đủ thức ăn và bánh kẹo mà tôi vẫn thích. Nhưng hôm đó tôi đã đi đá bóng, và lúc về tôi lăn ra ngủ, quên luôn bữa cỗ công trình của cô tôi, người cô khốn khổ. Mẹ tôi nói cô đã khóc vì không thấy tôi sang.

Ngày nay đã trải đời, đã từng khổ, từng yêu, từng đợi những kẻ vô tình trước một bàn ăn, trong một vườn hoa, để ngóng kẻ thân yêu chẳng tới.

Tôi đã hiểu, đã biết thương cô, thì cô đã không còn. Biết làm sao tạ lỗi với người được nữa?

Tình cảm của chúng ta đến với chúng ta thật chậm. Hình như ở người chúng ta quả tim là kẻ thức giấc sau cùng. Trong cuộc đời đàn ông thường có lúc không để cho những đau khổ chính mình gây nên chạm đến lòng mình. Lắm khi chúng ta thật tàn nhẫn và độc ác. Chúng ta chẳng khác những tượng đồng, những tấm đá đối với những đau thương thiết thực kia. Thế rồi một vài kỷ niệm thật nhỏ nhặt, thật cũ kỹ, bỗng không len lỏi được đến với chúng ta những lúc không ngờ nhất, và để lại một vết thương sâu không ngày tháng nào hàn gắn được.

Tiểu thuyết thứ bảy (1940)

RƯỚC XUÂN VÀO

(Truyện ngắn)

– Lại mưa được rồi giời ạ!

Hai Tích nghe vợ vừa rửa bát vừa kêu như thế, tức thì anh đạp thốc cái cửa phên bước ra hè. Anh giơ tay ra ngoài trời nghe ngóng. Những hạt mưa bụi nhẹ như tơ bông rơi xuống bàn tay. Anh cười ha hả:

– Tiết xuân không mưa còn ra cái cóc gì!

Ban chiều mâm cơm cúng có rượu, Hai Tích "làm" hơn một cút. Tích không hay thế, nhưng thỉnh thoảng đi về mệt, anh ta cũng xin vợ mấy chén. Có rượu vào dễ ngủ. Cả đời, Hai Tích lúc nào cũng chưa được ngủ đẫy giấc. Có khi cầm dao cạo mặt cho khách anh ta cũng ngủ. Nhưng thần tình một cái là chưa cắt đứt tai mũi người nào. Cũng như tài xế đã thuộc đường nhiều khi ngủ gà xe cũng không đâm xuống ruộng.

Một buổi, ở chợ Bưởi về, bạn đồng nghiệp rủ Tích vào hàng cơm đầu phố Cửa Nam. Ở đây thường khi có dồi chó rất ngon, và ngày nào cũng có tiết canh lòng lợn.

– Bác sẽ nếm một cái cốc rượu thuốc ở đây, cứ gọi là hơn thuốc bổ, tha hồ ngủ.

Rượu thuốc? Mụ hàng cơm chế lấy. Cho một ít cam thảo vào, thế là rượu có màu và có mùi thơm.

– Bạn làm xe cả ngày khắp Hà Nội, chiều đến đều quen vào đấy uống cho giãn gân trước khi về. Hai Tích cho là được lắm! Anh ta biết "uống" từ chiều hôm đó.

*

* *

Tuy khắp bãi bờ sông lúc bấy giờ đã đóng kín cửa, nhưng nhà nào cũng có tiếng nói rì rầm. Hai Tích nghe như có bước chân ai đi về phía đê cao, và xa xa có tiếng hai mụ đàn bà đòi nợ chửi nhau,

tiếng người, tiếng chó sủa ran. Anh thợ cạo sực nhớ rằng cái tết nhà mình đã đủ. Có hoa giấy ở bàn thờ, bánh chưng, tranh gà lợn, lại còn ít tiền trong đáy hòm, thế là sung sướng. Không ai "tần phiền" Hai Tích mà anh cũng chẳng cần lụy ai. Ý nghĩ đó làm người đàn ông có chén đâm kiêu ngạo, anh ta cười khanh khách và bỗng ngâm: *Tối ba mươi mở cửa rước xuân vào.*

Chỉ nghĩ được một câu như thế anh lấy làm bực. Hai Tích cũng không hiểu câu thơ đó ở đâu ra. Nhưng lúc này chị Hai Tích lại sực nhớ: đứa bé đẻ sau cùng chưa có áo tết.

Chị Hai Tích bận nhiều việc quá, bao nhiêu là việc, từ sáng đến chiều, chị nhớ làm sao xuể? Đáng lý ra chồng chị phải nhắc chị từ chiều chứ! Thế là bao tội lỗi chị quy cả vào chồng. Anh chồng đoảng, anh chồng vô vị, anh chồng chè rượu, năm hết tết đến còn say bét. Chị hét lên:

– Này, điên ruột lắm rồi!

Thấy chồng im, người đàn bà hạ giọng:

– Có biết gì không? Con Thu chưa có áo.

Hai Tích nhìn lên cái phản gỗ có ba đứa trẻ nằm co quắp ôm nhau ngủ, hai đứa con trai, một đứa con gái nhỏ. Ánh sáng chiếc đèn dầu tây vàng đỏ treo vách trải lên người chúng. Chúng ngủ rất say.

Hai Tích với cái khăn quấn cổ, lườm vợ, mặt hầm hầm:

– Làm cái nỡm gì mà bây giờ mới nói? Bỏ tiền đây!

*

* *

Ra khỏi nhà, Hai Tích mới biết rằng trời lạnh quá. Tuy vậy, mưa bay vào mặt rất dễ chịu. Anh ta nhìn tứ phía, thấy dân cư trên bãi nhà nào cũng có ánh đèn. Anh nghe được cả tiếng nước sông Nhị Hà óc ách. Nhìn về phía thành phố sáng rực điện, anh thấy bờ đê cao quá, đen quá. Bờ đê như một bức thành ngăn cách bọn người ở phố và người ở bãi. Tối, tối mênh mông quanh người Hai Tích. Anh thu tay vào bụng và bước về phía ánh đèn, đường đi thấm mưa từ chiều trơn và lội.

Hai Tích đi đến Hàng Đậu thì rẽ sang Hàng Giấy, để xuống Hàng Đào. Anh ta biết chỉ ở đây mới có bán đủ thứ người ta cần đến.

Chưa bao giờ Hai Tích được ung dung chơi dạo như đêm ba mươi tết này. Ngày thường buông đũa đã lăn ra ngủ. Đi làm về mệt còn đi đâu nữa, mà có đi chắc vợ cũng chẳng bằng lòng. Hai Tích đến phố Hàng Gai lúc nào không biết. Cái gì cũng ngắm, cũng cho là lạ mắt. Chốc lại sờ qua tờ bạc giấy nằm đáy túi áo trong, "nó" vẫn nằm yên ở đấy. Nhưng, không có cái áo trẻ con nào vừa ý, mà giá bán lại bằng số tiền trong túi của anh. Tủ kính sáng choang, các cửa hàng chưng bày biết bao nhiêu hàng đẹp mắt, bao nhiêu thứ xa hoa, khách đi đường ai cũng phải thèm, ai cũng phải dừng chân lại. Từng này tiền? Từng này tiền thì mua cái nợ gì? Hai Tích nghĩ đến người vợ chi li, keo kiệt ở nhà, và thấy bực. Anh không dám vào một cửa hàng nào hỏi giá nữa. Anh sợ người ta chế nhạo. Anh không quen mua bán như thế bao giờ. Đó là phần việc của đàn bà, của chị Hai, sao lại để anh đi?

Đến phố Hàng Bông, một tiếng nói to về phía tay phải làm cho Hai Tích giật mình đứng lại. Trên bậc cửa một hiệu húi tối tân, một người thợ cạo khoác áo choàng trắng tinh đã tiễn khách ra về. Người thợ đang còn trẻ, đầu chải bóng, lại đi giầy, cúi đầu rất lịch sự chào người khách cuối cùng của một năm sắp hết.

Hai Tích nhìn rất chăm chú người đồng nghiệp, và thấy hắn không phải là một tay thợ cạo. Hắn khác mình đến chừng nào.

Hai Tích bỗng thấy trong lòng rầu rĩ quá. Hình ảnh Hai Tích, người thợ cạo rong, áo quần tiều tụy, xách một hòm gỗ đựng vuông khăn bẩn, con dao cùn, một cái "toong đơ", một cái gương Tầu... hiện ra, đi thất thểu trên các vỉa hè thành phố,các vùng chợ ngoại ô lầm bụi. Hai Tích rầu rĩ quá. Đêm ba mươi tết, cái nhà húi tóc tân thời sạch sẽ và làm dáng quá chừng! Hai Tích nhìn vào đấy như người ta nhìn một cảnh thiên đường. Ngày nào cũng vậy, từ sáng sớm đến sẩm chiều, người thợ cạo rong cũng đã làm cho thiên hạ tất cả độ vài ba chục cái đầu hóa ra mới mẻ. Chao là những đầu! Những cái đầu mới sạch làm sao! Những cái đầu ở ngã ba, ngã bẩy, hôi hám và đầy gầu. Những cái đầu của trẻ sài, lở, bôi phẩm xanh, để cho ruồi họp chợ. Những cái đầu tóc cứng như đanh, để rụng xuống vuông khăn quàng cổ những đám gầu, cả những con chấy nữa.

Hơn bù kém, mỗi ngày mười cái, như vậy một năm trời, hóa ra anh đã húi chừng ba ngàn sáu trăm năm mươi cái đầu người tứ

chiếng rồi ư? Con số ấy làm cho Hai Tích nổi khùng. Chừng ấy cái đầu mà phải húi đứng, phải cạo, phải lấy ráy tai, không một chút nào nghỉ cả. Có thể phát điên!

Hai Tích không dằn được nữa. Anh sinh ra đời có phải để đi ngoài đường như vậy mãi thôi ư? Anh thấy mình có thể còn làm nhiều chuyện khác. Hai Tích thọc mạnh tay vào túi áo. Tờ bạc giấy của vợ đưa vẫn nằm yên trong đó. Từng ấy tiền? Đi uống rượu với anh em cũng không đủ dính môi, nữa là mua áo! Cả năm sao không mua áo, lại để đến ngày tận tháng cùng này? Con bé có thể mặc áo cũ ăn tết, can chi phải làm tội bố?

Hai Tích đâm ra thù tất cả. Anh thấy mình khốn nạn quá, không có một chút sinh thú gì trên đời. Người ta thở hết không khí của anh. Người ta sống hết cả phần anh. Hai Tích nhớ đến cái quán cơm của những người phu xe ở Cửa Nam.

*

*   *

Lúc người thợ cạo rong về đến bờ đê, đến chỗ rẽ xuống bãi thì trời đã khuya lắm, mưa bụi vẫn bay xuống như chập tối. Đầu anh nặng như chì, anh đi xiêu vẹo từ bờ đường trái sang phải, mồm vẫn hát huyên thiên. Tuy vậy có lúc nhớ đến vợ, và áo tết của con, cũng thoáng lo, nhưng chỉ lát sau anh lại thấy mình có quyền làm bất cứ sự gì. Đường đi trước mặt vắng tanh, nếu không anh có thể gây sự với bất cứ ai lúc đó. Nhưng, có tiếng người nào rên ghê gớm thế kia? Người hay quỷ mà giờ này còn lù lù một đống cạnh cái xe bò ai quẳng ở chân đê vậy? Tiếng rên như một con vật bị chọc tiết, một con chim lạ. Hai Tích phát rùng mình, trố mắt cố nhìn qua đêm tối. Anh đoán, đêm ba mươi hẳn đó là một tên gian phục đấy để rình "mồi". Hay đây là một kẻ ăn mày vô gia cư, một thằng điên? Gần như tỉnh rượu, Hai Tích đánh bạo bước lên mấy bước, và tự nhủ:

– Mày sợ à? Sợ cái gì mới được, tiền thì uống rượu hết rồi, còn gì để cho ai ăn cướp? Không khéo ở đây có người sắp chết, sao mình lại bỏ đi?

Hai Tích nghe như ai nói trong đầu mình vậy, nào để xem ai... Anh đi từng bước thận trọng về phía xe bò. Ô, đó chỉ là một người đang gục

đầu vào càng xe mà nôn thốc tháo. Một người say rượu nữa? Anh đặt tay run run lên vai người lạ. Bỗng người đó thấy động kêu lên:

– Các ông các bà mặc xác tôi, tôi ngủ ở đây, tôi thích thế đấy!

Hai Tích bật cười, nhưng lại thấy mủi lòng: "Hẩn lão ta có gì phẫn đây!".

Anh đập vào vai người lạ:

– Này, để tôi đưa về nhà chứ?

Người say cười rinh rích:

– Đưa tôi về thật chứ? Xin thề với ông là tôi chưa từng có một cái nhà... cả đêm nay nữa, tôi đếch có cần!

Hai Tích vốn là người có sức, mặc dù đang chếch choáng anh cũng cứ xốc nách người đó đứng lên. Hai cái bóng dìu nhau chập choạng trong đêm mưa ướt. Hai Tích nghĩ: "Không thể để lão này ngộ cảm chết như một con chó hoang ở bãi này... Ta đưa hắn về nhà, chắc chắn vợ ta không thích".

*

* *

Chị Hai Tích thu vén trong nhà xong ngồi nghỉ ăn một miếng trầu. Nhưng chị nghỉ không lâu, chị không quen ngồi rỗi bao giờ. Chị đứng lên tìm mấy cái áo rách của chồng con, đó là thói quen của tất cả đàn bà suốt đời vá víu.

Gió lồng lộng từ phía sông lên, mưa rõ trên mái lều càng nặng hạt. Chị Hai Tích thương chồng. Chị lo người ta bán đắt cho chồng, lo không đủ tiền mua nổi áo cho con, khéo mặc cả thì mua được chiếc áo len, con bé sẽ ấm hơn, nó sẽ mừng biết mấy!

Chị lại nghĩ: Hắn thật thà quá, một đứa trẻ cũng đánh lừa hắn được.

Người vợ phó cạo đang tính vậy thì nghe có tiếng chân người bước gần nhà. Chị lắng tai và nhận ra tiếng Hai Tích đang hát như người hóa dại.

Cánh cửa mở ra, một mùi men ghê gớm bay vào mũi người đàn bà vất vả. Chị Hai Tích run lên, chị hiểu rồi, chị hiểu rồi: người ta đem tiền của chị đi uống rượu với quân vô lại, uống mất áo của con rồi! Để cho hai người đàn ông vào nhà, chị chưa muốn nói gì vội. Chị

nén giận xuống như người ta nén thuốc pháo. Chị dò xét người lạ, chị thấy hắn đứng sững như trời trồng giữa nhà và không cử động, đầu cúi gục. Chị nghĩ: nó không dám nhìn ta, nó sợ, ta sẽ đuổi nó đi ngay bây giờ.

Bỗng Hai Tích giơ tay ra mời người lạ:

– Bác ngồi xuống đây bác ạ, rồi chúng ta ăn một miếng gì cho ấm bụng... bác có uống nữa không... sẽ còn rượu cho bác uống, yên tâm, bác sẽ ngủ lại đây ăn tết với tôi...

Nói vậy người thợ cạo nghển cổ lên bàn thờ, nhận ra lờ mờ một chồng bốn cái bánh chưng, một quả bòng, một đĩa cam ngô, và đĩa bánh thờ, và rượu...

Người lạ mặt vẫn im, gục đầu xuống nữa và nôn ọe.

Chị Hai Tích nhảy chồm lên dữ tợn như một con muông đang chửa, chỉ một bước chị đã tới gần chồng, chị hét vào tai người thợ cạo:

– Tiền đâu hả? Tiền đâu?

Hai Tích không thèm nói lại, anh kéo người "bạn mới" lại giường anh, cố ấn người lão ta nằm xuống chiếu. Làm xong việc ấy anh mới thọc tay vào túi áo, và quẳng ra mấy đồng xu còn sót lại.

Chị Hai Tích bò ngay ra đất và la trời. Chị kêu khóc, lu loa như trong nhà vừa có kẻ từ trần. Chị kể lể những chuyện mười năm trước, chị oán mẹ gả mình cho một kẻ thất phu, chị phân bua với hàng xóm rằng mình quả là một người đàn bà nhục quá, rằng gầm trời không có ai khổ hơn mình. Chị chạy băng ra bãi, tìm đến những chị em cùng cảnh.

*

* *

Đêm đã khuya, nhưng chị Hai Tích không sao ngủ được. Chị vẫn lắng nghe tiếng ngáy của chồng nằm phủ phục trên giường và càng thấy giận. Người lạ mặt nằm cứng đờ như một xác chết. Người đàn ông nằm không đắp chiếu. Chị Hai Tích thấy lo, nhỡ có thế nào... chị rón rén đứng dậy đi tìm đèn, rón rén đến gần người lạ nghe ngóng. Thấy lão ta còn thở, chị thấy mừng, trở lại chỗ nằm.

Chị Hai Tích vẫn không ngủ được, nằm với một lũ con ba đứa tỏa hơi ấm trong đêm về sáng, chị nhớ lại những ngày hàn vi cực nhục

của đời mình... Hai vợ chồng lấy nhau cùng xơ xác, vợ đi bán quà rong, chồng đi cạo... Cái túp lều đầu tiên trên bãi... Những ngày nhịn đói, những ngày thai nghén ốm đau, những ngày bồng con chạy lụt trên đê... Nước sông Nhị Hà như máu đuổi dân cư ở bãi lên đê mỗi năm một bận, cái lều của chị tan tành... Những người mất con, mất của than khóc, chung quanh ai cũng khổ cũng rách, cũng kêu trời... Chị Hai Tích ôm con ngồi đợi nước rút, đói khát, không còn sữa cho con... Hai đứa đẻ đầu lòng ngày nay đã lớn, một đứa đi đánh giầy mũ thuê trong thành phố, một đứa theo trẻ làm xiếc trên xe điện, hai đứa đã kiếm được tiền... còn con bé út, lớn lên nó sẽ đi khâu hay đi bán hạt dẻ, hạt bí rang, nó cũng giúp được chị phần nào... Trời sinh voi sinh cỏ... Con người cứ đắp đổi lần hồi, trời không để chết ai... Hai Tích cựa mình nói mê lảm nhảm. Nhìn sang chỗ chồng nằm, chị bỗng thấy mình quá đáng: hắn làm ăn suốt cả năm... Chị lại đứng lên đi tìm chiếu đắp cho chồng, và cũng nhẹ tay đắp một chiếc khác cho người lạ mặt.

Người lạ mặt, hình như hơi tỉnh, lão ta cựa quậy như một con sâu, tự nhiên bật nói:

– Tôi xin phép hai bác, tôi đi ngay bây giờ không dám phiền hai bác...

Và bên phía giường Hai Tích, cũng có tiếng người thợ cạo cất lên, như đang nói với một khách quen vẫn cạo mặt thường ngày:

– Không dám, cụ lại nhà... Cháu xin cụ thế thôi...

Chị Hai Tích suýt bật cười, chị mím môi cố nén, như thấy tiêu tan hết thảy giận hờn trong bụng. Chị đi nhóm bếp, đốt củi lên cho ấm cả nhà. Ngoài bãi, gió sông thổi vào các khe hở những túp lều trên bãi vi vu như sáo.

Tiểu thuyết thứ bảy, số Tết Tân Ty,
ra ngày 1-2-1941.

VƯỜN CHANH

(Truyện ngắn)

Hồi đó, tôi có một ông chú già làm quan đã về hưu thường một năm thì sáu tháng ở quê, trong cái trại rộng của ông mà ông gọi là Vườn Chanh.

Tôi vẫn có ý muốn nói với ông cho mượn chốn đó làm nơi đọc sách mấy tháng nực. Bởi biết rằng những bạn quen không ai ưa cái lối "ẩn" mà họ cho là chưa hợp tuổi này. Tôi mặc họ đi chơi núi, đi ra bể, tôi không rủ một ai đi cả.

Khi tôi từ giã ông chú ra đi, ông vỗ vai tôi bảo: "Chắc cháu không ở được lâu đâu. Khi cháu bằng tuổi chú, cháu sẽ biết rằng giá trị người đời thực không đáng bao nhiêu. Chỉ có hai thứ đáng kể: cỏ hoa và sách vở".

Lời nói của ông già kiêu bạc lúc đó càng làm cho tôi mến yêu nơi mình sắp sống một mình. Người ít tuổi cũng thường có chỗ này giống người già, tuy chưa trải nhiều vị đắng cay đã có tật làm ra chua chát.

Vườn Chanh đúng như tên gọi là một cái trại chỉ trồng nhiều chanh hơn là các giống cây cối khác. Lúc tôi đến đang mùa hoa nở. Buổi chiều khi trời gần chập choạng, màu hoa trắng hiện ra trên đám lá xanh đã trở thành màu tối. Có lúc làm cho người ta tưởng cả vườn sẽ thành ra trắng cả. Chỉ có một người đầy tớ cũ của chú tôi ở trong khu đất mênh mông. Người kẻ quê ấy không hay nói. Có lẽ sống một mình từ lâu trong một chốn yên lặng quá, nên cũng sinh ra trầm tĩnh như tạo vật. Dầu sao, ngay buổi đầu tôi đã bằng lòng nơi tôi chọn để cho qua mấy tháng hè. Khi cửa trong nhà đã mở ra, tôi như có cảm tưởng ngôi nhà từ đây sẽ tỉnh giấc triền miên của nó. Tôi nghĩ rằng một ngôi nhà đã thay đổi chủ, lẽ tự nhiên cũng thay đổi cả linh hồn.

Nhưng sự thực, chỉ có tôi là thay đổi, sau khi tôi rời bỏ chốn này. Những cuộc dạo chơi trong cảnh hoàng hôn thê lương của Vườn Chanh đã ghi lại dấu vết đậm đặc trong tôi hồi đó, các anh đã nhận thấy rằng tôi thường hay xa lánh các anh từ đấy, như một kẻ "mệt đời" lúc nào cũng tưởng nhớ đến tự do và quãng rộng.

Một hôm tôi đi chơi rất xa về phía núi gần làng. Lúc trở về trăng đã lên cao quá ngọn tre. Tôi vừa qua khỏi khúc sông ở đầu làng thì trên con đường đi vào trại bỗng thấy xuất hiện bóng một người đàn bà mặc áo trắng dài. Ở xứ quê đó là một điều lạ mắt. Ta chỉ quen nhìn màu nâu của những người làm việc đồng áng lẫn cùng màu đất. Một cái chấm sáng hơn tức thì khiến ta chú ý ngay.

Cái bóng trắng kia đi vào bên ngõ cạnh Vườn Chanh. Người đầy tớ của chú tôi bảo đó có lẽ là người bên hàng xóm, vì thỉnh thoảng bên hàng xóm vẫn có người ở trên tỉnh về, nhất là người con gái lớn của chủ nhà. Tôi để tâm về việc ấy suốt cả đêm. Tôi đã nói là hồi bấy giờ tôi mơ mộng lắm. Chưa chi tôi đã nghĩ đến một cuộc làm quen đầy thi vị với người áo trắng cạnh vườn nhà. Tôi tự nhủ: ở đời không chỉ có Hoa và Sách là đáng kể. Ngoài hai thứ ấy còn nhiều cái đáng bận lòng hơn.

Người đàn bà đẹp? Phải, trong tưởng tượng người tôi mới gặp thoáng qua kia phải là một người rất đẹp. (Ta có thấy một người đàn bà nào tả trong tiểu thuyết mà lại xấu bao giờ? Người đàn bà ở cạnh Vườn Chanh đối với tôi hồi ấy có khác gì một nhân vật trong tiểu thuyết?).

Từ đó tôi ngày ngày đọc sách không chăm như trước nữa. Tôi dậy sớm và thức khuya hơn trước, để lắng nghe một tiếng nói, một tiếng động ở bên hàng xóm.

Một tuần sau, tôi mới lại được trông thấy người đó ở trong vườn, nhưng hôm đó trời đã tối. Nhìn qua lớp hàng rào bằng cây tôi chỉ nhận được hình dáng của nàng thôi. Nàng vẫn mặc áo trắng và người gầy đến nỗi tôi thương hại. Tôi cố ý gọi tên người đầy tớ trong nhà rất to, để cho nàng biết rằng bên Vườn Chanh cũng có người đang ở. Không hiểu sao tôi lại cho rằng nàng cũng là một người ưa tĩnh, thường rời bỏ tỉnh thành tức là để đi nghỉ như tôi. Nghe thấy động, người đàn bà vội lánh vào nhà. Và từ buổi ấy, nàng có ý giữ gìn hơn trước. Bên hàng xóm hình như không còn người sống, sự đó càng làm cho tính hiếu kỳ và lòng say mê của tôi tăng.

Tôi cố rình mò lắm mới lại trông thấy nàng một lần nữa, nhưng người đàn bà thầm lặng chỉ bước ra khỏi nhà vào quãng đêm đã xuống rồi.

Tôi chỉ có thể biết được rằng nàng có một thân hình mảnh dẻ, dáng đi cao quý, thế thôi! Còn mặt mũi ra sao tôi không bao giờ được rõ.

Tháng thứ hai của tôi ở Vườn Chanh đã khiến tôi thấy lối sống cô độc như mình trở nên rất nặng nề. Tôi ngồi câu cá hàng ngày trên bờ ao để có cớ nhìn sang nhà hàng xóm. Tôi bồn chồn khi nghe thấy tiếng cười hay tiếng nói vang lên ở vườn bên.

Cuối cùng tôi nghĩ ra rằng tôi chỉ có thể làm quen với nàng bằng cách viết thư. Tôi sẽ viết cho nàng một bức thư. Vì viết những lời nói của mình ra trên mặt giấy bao giờ cũng dễ dàng hơn là giáp mặt một người mình chưa quen biết. Khi bắt đầu yêu người trai trẻ nào chẳng rụt rè như vậy?

Bao nhiêu đêm tôi nằm tưởng tượng những câu hoa mỹ, để viết cho nàng. Tôi sẽ viết những gì đây? Tôi sẽ nói là: "Tôi cũng giống như nàng, một người ưa hiu quạnh, tôi yêu hoa cỏ và thơ văn, tôi chắc sẽ gặp một người bạn hợp với mình..., những ngày hè của tôi ở đây đã trở nên dài quá...". Tôi nghĩ vậy, và tôi viết thực.

Bức thư đã xong, tôi chờ suốt hai ngày mới nhờ được đứa ở nhỏ– mà tôi biết là đầy tớ gái vẫn gần nàng nhất – đưa đến tay nàng.

*

* *

Bức thư không có hồi âm.

Đứa đầy tớ nhỏ cũng không được đi đâu từ đấy.

Tôi đâm ra lo ngại. Tôi trở nên chua chát như một người không được ai hiểu cả.

Hai tuần sau, tôi thu xếp hành trang để về Hà Nội cũng không quên viết cho người đàn bà mà tôi gọi là Kiêu Kỳ vài hàng từ biệt trong đó để lộ cả sự buồn nản của người con trai bị "vết thương lòng" đầu tiên...

Bức thư này không ngờ lại đem đến cho tôi tới một tin mừng. Buổi chiều tôi sắp ra đi bỗng đứa đầy tớ nhỏ của nhà bên cạnh chạy sang và đưa cho tôi một cái khăn tay. Tôi mở ra thấy có một tờ giấy nhỏ. Nét chữ trong thư cũng gầy nhỏ như người tôi vẫn yêu thầm. Nàng hẹn sẽ đợi tôi khi trăng lên ở bờ sông, nơi tôi gặp nàng lần thứ nhất, nàng cũng không quên xin lỗi vì đã làm cho tôi thành kẻ bi quan.

Tôi không nghĩ gì đến cái va ly đã xếp đầy quần áo và sách vở. Những giờ còn lại của ngày hôm đó trước khi trời tối, tôi chỉ sống để chờ mong cái phút được gần nàng.

Nhưng, đến lúc này tôi mới chợt thấy sự táo bạo của tôi không còn nữa. Tôi lo sợ, vì cái việc viết thư với việc giáp mặt một người xa lạ là hai điều khác hẳn. Trong lúc viết mình là tạo hóa, là một người si tình, rất bẻm mép. Nhưng lúc đứng trước một người đàn bà chưa quen thuộc nết, chưa hiểu tính tình, nó sẽ ra sao? Đó là điều tôi chưa từng rõ. Biết đâu người kia không già dặn hơn mình, nhỡ mình vụng về lúng túng thì nguy quá! Tôi băn khoăn cho đến lúc trăng lên.

Nhưng khi trăng đã lên rồi, tôi lại thấy mình có thể đi trong cái ánh sáng không rõ rệt ấy mà không ngượng lắm.

Ban đêm mùi lá cây, mùi đất, mùi ao bèo ở thôn quê làm tôi ngây ngất như một hơi rượu mạnh. Ban đêm, hình như cỏ mới thật là đua sống. Ta thấy chúng nở nang ra, tỉnh táo hơn cả ban ngày. Hình như chúng sợ phí mất một giây khắc sống của cái đời hoa cỏ ngắn ngủi.

Cuộc gặp gỡ của chúng tôi cũng thật là ngắn ngủi. Tôi đi với nàng vài bước trên bờ sông. Tôi không còn nhớ tôi đã nói những câu gì. Đêm đó trời có nhiều mây tôi chỉ chờ lúc mặt trăng hiện ra chỗ quang đãng để nhìn cho rõ mặt người thiếu nữ. Tôi lấy làm sửng sốt mà thấy nàng đẹp hơn người tôi hằng tưởng tượng. Thân hình nàng cũng đẫy hơn. Người tôi gặp trên bờ sông đêm đó là một thiếu nữ khỏe mạnh, dáng đi khác hẳn người mà tôi vẫn nhìn trộm qua hàng rào cây ở vườn tôi. Nàng cho tôi biết tên nàng là Thủy, và vì nhà đã hứa hôn với một chỗ rồi, nên cuộc gặp gỡ nhau đêm đó là đêm đầu mà cũng là đêm cuối của nàng. Vì không muốn tôi trở về Hà Nội với một kỷ niệm không vui, nên buộc lòng phải đến.

*

* *

Mấy năm sau, tôi đã là một sinh viên trường thuốc. Anh cũng hiểu rằng từ độ nhà tôi sa sút thì tôi không còn "lãng mạn" như xưa kia nữa. Tôi nhờ có ông chú giúp đỡ nên có thể theo học thuốc trong bảy tám năm trường. Tôi không có thì giờ nghĩ đến những chuyện viển vông như trước. Tôi không làm thơ nữa, nhưng một đôi khi vẫn nhớ đến cái vườn cũ của mình.

Bao nhiêu năm tháng đã qua. Tôi không có dịp nào trở lại Vườn Chanh, và cũng không hề có tin tức gì của Thủy. Cho đến một hôm kia, đi thăm bệnh cho một ông cụ già ở phố B.N., tôi gặp một phụ nữ trạc ngoài ba mươi tuổi trông hãy còn xuân sắc. Khi tiễn tôi ra cửa, người đàn bà nói với tôi:

– Ông hẳn không còn nhớ tôi là ai... nhưng tôi thì bao giờ cũng nhận ra ông... Ông có còn nhớ vụ nực năm nào ở Trường thôn?... Tôi là hàng xóm của ông ngày ấy.

Tôi giật mình nhìn lại người đã thốt ra câu ấy:

– Bà là cô Thủy phải không?

– Không, Thủy là chị tôi. Chị tôi mất đã lâu rồi.... Một năm... sau năm ông về quê nghỉ mát.

– Vậy... sao bà lại nhớ ra tôi?

– Bởi vì cái người đi đến chỗ hẹn bờ sông, trong cái đêm sáng trăng ấy... là tôi.

– Là bà? Tôi xin thú thực là không hiểu.

Người đàn bà, mặt có vẻ buồn, như cố nhớ lại việc xưa, thong thả nói:

– Nguyên chị tôi đau đã lâu năm nên ngày đó thường về quê dưỡng bệnh. Một hôm tôi đến với chị tôi, chị đã đưa cho xem bức thư của ông... rồi bảo tôi đi thay, đến nơi đã hẹn với ông. Ông không thể hiểu trong vụ nực ấy bệnh tình của chị tôi đã nặng thêm lên nhiều lắm. Biết mình chẳng còn sống được bao lâu, nhưng cũng không muốn bỏ phí một cuộc tình duyên đẹp đẽ, mà có lẽ suốt đời chị tôi không bao giờ được hưởng. Nên chị tôi mới nghĩ ra cách đó: mượn em thay mình một buổi để giữ cho cả ông và chị tôi một kỷ niệm không đến nỗi nhạt nhẽo, trong một vụ nghỉ hè. Đó là "trò chơi" của người tuyệt vọng, một người trọng bệnh. Bây giờ ông đã rõ, ông cũng nên tha thứ cho chúng tôi.

Tôi bàng hoàng như người tỉnh mộng. Tôi nhìn lại mặt người đàn bà đã cùng tôi một buổi sáng trăng đi lững thững trên bờ con sông nhỏ như... hai kẻ tình nhân.

Tôi nhớ lại lúc phân tay trong ánh trăng mờ, bàn tay của người con gái tôi vẫn đinh ninh là Thủy run lên trong bàn tay của tôi ngày đó.

Rồi tôi nhìn lại bàn tay của tôi, tôi nhìn lại mặt người đàn bà đang đứng gần tôi. Tôi sực nhớ rằng chúng tôi không còn niên thiếu nữa.

Và tôi hiểu rằng cô thiếu nữ tên là Thủy ngày nào đã có một ý muốn đáng thương: nhờ người khác đem lại cho người con trai đã yêu mình cái ảo tưởng rằng mình cũng là một người đàn bà đẹp, đủ tư cách để được yêu, và cũng đa tình như các cô gái đương xuân khác.

Tôi sắp lên xe còn quay lại hỏi người đàn bà đang tiễn tôi ra cửa:

– Thế sao từ ngày ấy... tôi không bao giờ được tin tức của bà?

Người phụ nữ cúi đầu, đôi má hơi ửng đỏ:

– Bởi vì, chị tôi đã xin tôi không hở ra điều gì hết, trong khi chị tôi còn sống, chị tôi cấm tôi tìm đến ông, hoặc viết cho ông.

Ngừng một chút, bà nói tiếp:

– Ông cũng hiểu, đó là một kẻ đáng thương, một người có bệnh.

*

* *

Có một lần tôi đã lại Vườn Chanh, nhân một buổi đi bắn cùng vài người bạn thân thiết. Đó là một đêm trời tối. Tôi nhìn sang nhà bên cạnh không thấy có ánh đèn, và cũng không nghe một tiếng người. Tôi chợt có cảm giác thế giới đã hồi kiếp từ lâu lắm, và tôi bây giờ là một hồn ma trở lộn về thăm một chốn mà xưa kia tôi đã yêu dấu nhất thời.

Trong Vườn Chanh, mùi hoa chanh thơm ngát lên lẫn cùng mùi đất cỏ và ao bèo... Ban đêm, đó mới là lúc các loài thảo mộc đua nhau sống. Một trận gió nhẹ thổi qua làm run rẩy và rời rụng những cánh hoa trên đám lá đen. Tôi chợt hiểu tại sao đến cây cỏ cũng sống vội vàng, mãnh liệt.

Đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* (1942);
in lại trong tập *Tà áo lụa*, Nhà xuất bản
Tân Dân, Hà Nội, 1942.

TÀ ÁO LỤA

(Truyện ngắn)

Đến trước cửa nhà giải khát Thủy Tạ, Phương dừng lại nói:

– Chúng ta đi hết vòng thứ hai rồi.

Bình tiếp:

– Có nên làm một vòng thứ ba nữa hay thôi? Chiều chủ nhật ở Hà Nội chỉ đi bộ quanh Hồ Gươm là thú.

Vừa khi ấy một điệu nhạc nổi lên trong nhà Thủy Tạ. Người ta vừa để một đĩa hát khiêu vũ cho khách nghe.

Quý nhìn vợ nói liền:

– Hay ta vào uống cái gì. Phương thấy mỏi chân chưa?

Phương cười, nàng quay sang Bình đáp:

– Mỏi thì chưa, nhưng thử nghĩ xem có nên vào đấy "uống cái gì" không?

Bình cho là Phương hỏi ý mình. Anh đi rảo bước lên:

– Tôi thì nhất định là không rồi, vì tôi không khát.

– Không phải, anh không thích chỗ ồn.

Quý lạnh lùng nói thế trong khi nhìn vào nhà Thủy Tạ. Quý có ý tìm xem có một người bạn quen nào của mình không.

Bình không cãi lại, nhưng rồi anh nói:

– Hà Nội bỏ mất cái thú ăn kem ngày xưa trên những chiếc ghế nhẹ nhõm bày ra đến tận sát hồ, ở chỗ này.

Anh bắt chước giọng những người bán hàng kem cũ: "Xơi nước ba ông! Ba ông xơi nước!".

Phương vui vẻ nói theo:

– Phải đấy, ngày xưa đi học, ở Hàng Bài hay về qua chỗ này em cũng bị mời luôn. Các cô hàng kem thực nhanh nhẩu.

– Nhưng lắm lúc cũng thực khó chịu. Họ làm như ở các xóm cô đầu lôi kéo khách chơi.

Một người đàn bà ăn mặc lộng lẫy, đẹp lối khỏe mạnh, ngồi trên một chiếc xe từ phía Hàng Đào tới mỉm cười chào Bình. Bình cười đáp lại một chút rồi làm ra vẻ thản nhiên ngay. Tuy vậy, Bình cũng thấy trong lòng sung sướng vì kiêu hãnh. Bình thấy cần phải nói ngay một câu gì nên nói lảng:

– Bao giờ Hà Nội lại đuổi hết những cô hàng hoa ngồi ở phố Tràng Tiền đi nơi khác nữa thì mới thực chán chết.

Quý tủm tỉm nhìn theo người thiếu nữ, hỏi Bình:

– Một cô bạn gái?

Bình nhún vai "ồ" một tiếng. Chàng vẫn đợi cho Phương hay Quý hỏi mình về người đàn bà kia để chàng được tỏ rằng chàng quen biết nhiều, không những một người "xoàng" như thế. Nhưng Phương không tỏ vẻ gì khác cả. Mãi một lát sau nàng mới bĩu môi:

– Không hiểu hai tiếng "bạn gái" có từ bao giờ nhỉ? Nghe giả dối ghê. Một người bạn, hừ, người ta đã làm mất vẻ thiêng liêng của chữ bạn đi nhiều quá.

Quý mở hộp thuốc lá của mình mời Bình một điếu. Buổi chiều đã sẫm thêm một chút nữa. Về phía phố tây đã có một vài cửa hiệu bật đèn. Người đi chơi mát đông thêm. Một bọn bốn năm cô gái mặc áo trắng lẫn áo hàng mầu, đi sát nhau nói cười ầm ỹ và tiến đến rất nhanh làm cho ba người phải tránh. Quý liếc nhìn bọn trẻ tuổi, bảo Bình:

– Những buổi chiều đẹp thế này, đáng cho người ta sống mãi.

– Anh thật là một người sung sướng, còn trẻ, mà đã nổi tiếng, lại chưa vợ con gì.

– Thế còn anh! Anh khổ lắm?

– Chỉ có những kẻ không thành thực mới không dám nhận rằng mình sung sướng. Tôi cũng sung sướng, có phải không Phương? Nhưng không thể bằng anh Bình được.

– Bởi vì anh đã có Phương?

Phương vừa hỏi vừa nắm chặt lấy cánh tay Quý và nhìn vào mặt Quý. Quý cười ngặt nghẽo:

– Anh Bình xem vợ chồng chúng tôi có hiểu nhau không?

Phương nói tiếp:

– Cái khổ của người là do lòng ham muốn nhiều quá mà ra cả.

Bình ngạc nhiên nhìn vào mặt Phương dò xét. Nhưng thấy Phương nhìn ra hồ nói thế thì chàng cười:

– Triết lý cũ rích! Ai không biết vậy. Nhưng cái thú là biết mà vẫn phạm tội như thường.

Quý nói tiếp luôn:

– Thế mới thực là "người" có phải không anh?

Phương quay lại. Nàng thấy Bình đương chăm chú nhìn mình liền thêm:

– Người không tốt.

Rồi cúi xuống.

Tự nhiên Bình thấy buồn thấm thía, muốn được đi một mình trong chỗ vắng. Chàng nhớ đến cái nhà nhỏ của mình ở ấp Thái Hà mà chốc nữa chàng sẽ trở về một mình trên toa tầu điện cuối cùng hết khách. Chàng sẽ đi bộ một quãng xa trên con đường đất men cạnh cái hồ đen tối thoảng hơi sen mát vang lên những tiếng giun, dế, ễnh ương. Chàng sẽ thắp đèn trong phòng làm việc. Ánh đèn "măng sông" xanh lạnh lẽo như ánh đèn sáng trong những gia đình các ông giáo học quê. Ngoài xa sẽ nổi lên một cơn gió làm xao xác cả một góc vườn có nhiều tầu chuối và lá mía. Cái đêm của Bình sẽ thê lương đến thế nào? Cái đêm của một ngày chủ nhật mà Bình đã định là vui vẻ, đầy hy vọng mới viển vông. Hai vợ chồng Phương đương nói với nhau những chuyện gì, Bình không hề để ý nữa.

Những cảnh vui chơi cũ lần lượt hiện ra, Bình thấy dửng dưng. Lòng chàng nguội ngắt. Bình có cảm tưởng từ đây mình không thể lại sống như trước nữa. Cơn gió nổi lên, mát lạnh, thổi bay tơi tả những lá liễu đã bắt đầu xơ xác bên hồ. Có một vật gì rất mỏng mảnh, rất nhẹ chạm vào tay Bình. Chàng cúi xuống. Đó là cái tà áo sau của Phương đương bay lên với gió, Bình đột nhiên thấy đau xót và hối tiếc như một kẻ biết rằng chính mình đã làm lỡ mất đời mình, không làm sao cứu chữa được nữa. Anh thấy tất cả cái mỉa mai chua chát của cuộc đời. Xưa kia, nếu Bình muốn thì người đàn bà dịu dàng đi cạnh anh chiều nay đã thuộc về mình. Trong những ngày hè sáng sủa đã xa rồi, đã bao lần cái tà áo của Phương cũng có gió thổi chạm nhẹ vào tay Bình như vậy, nhưng Bình đã không nắm lấy. Bình đã để cho gió thổi vào một bàn tay khác, tay người bạn của mình, do lỗi

của mình. Để bây giờ mỗi chủ nhật thấy lòng trống trải, lại tìm đến nhà vợ chồng Phương để nói chuyện hay rủ họ đi chơi phiếm.

Bình nhận ra rằng ít lâu nay mình đi lại nhà vợ chồng Phương nhiều quá, trái với ý định, anh vừa buồn, vừa bực cho mình.

Khi ba người đã tới đầu Hàng Trống, Bình dừng lại:

– Thôi, tôi về ấp.

Phương sửng sốt:

– Vậy anh không ăn cơm với chúng tôi?

Quý cũng nắm lấy tay Bình kéo:

– Ai cho anh về ấp bây giờ?

Nhưng thấy Bình gỡ ra một cách quả quyết, Quý vội hỏi:

– Có bận việc gì không?

Bình trả lời luống cuống như một người vừa phạm một lỗi gì đáng thẹn:

– Phải, tôi có một cái thư cần gửi đi ngoại quốc cho kịp tàu bay.

Phương hỏi:

– Thế đêm về viết không được à?

– Sợ về khuya quá, tôi hay ngủ sớm.

– Gớm, anh Bình ngoan nhỉ, thật con gái nhà lành.

Quý đoán là Bình có một cái hẹn nào với đàn bà hay định đi chơi đâu, nên lúc đã thấy Bình bước lên một chiếc xe kéo rồi, anh mới nói to lên bằng tiếng Pháp:

– Chúc anh đêm nay vui vẻ nhá!

Rồi nhìn vợ cười ranh mãnh.

Bình lên xe rồi nghe thấy thế, quay lại giơ tay lên chào theo lối những người trẻ tuổi.

Chiếc xe chạy thật nhanh qua phố Tràng Thi bây giờ đã bật đèn.

Phương và chồng cũng lững thững đi theo lối ấy xuống Cửa Nam để về Hàng Đẩy phố nhà.

*

* *

Nhìn thấy cái cổng sơn của nhà Bình từ xa, Quý bảo vợ:

– Mỗi lần đến anh Bình thật vất vả, đi một xứ đường, mà lại còn lo chủ nhân đi vắng nữa!

Phương ngửa mặt lên nhìn, lim dim mắt vì chói nắng:

– Mình có ngửi thấy mùi hoa gì như hoa dẻ không? Cứ mỗi lần đi đến đầu ngõ nhà anh Bình là thấy...

Quý quay lại cười:

– Không, chả thấy gì cả. Có lẽ mũi tôi là mũi gỗ, nhưng cứ mỗi lần vào ấp là tôi lại nhớ Huế...

– Và đàn bà Huế?

– Không, Huế với những cái xóm an nhàn của các vị quan già, hưu trí ở ngoại vi thành phố... Nam Phổ, Vĩ Dạ hay An Cựu... những ngôi nhà yên tĩnh giữa những vườn cây rộng...

– Ở đây cũng thế. Phần nhiều nhà trong ấp này là nhà của các ông "quan lớn" Bắc dưỡng nhàn.

Trong một thửa vườn sát đường đi có bóng mấy người thiếu nữ vừa hái quả vừa đùa nghịch với nhau. Tiếng cười nói vui vẻ của họ làm Quý đi chậm lại. Anh nhón chân lên để nhìn qua hàng rào cây rậm:

– Tôi hiểu tại sao Bình thích ở xa Hà Nội thế này.

Phương cũng nhìn về phía vườn có tiếng cười rồi giục Quý:

– Thôi, đi nhanh lên, cổng nhà anh Bình sơn cái màu vàng kia đẹp thật! Trông nổi bật hẳn lên giữa đám lá xanh trong vườn.

– Lại đi khen họa sĩ khéo chọn màu nữa.

Hai người đi đến trước cổng nhà Bình.

Quý tìm cái dây chuông giật mạnh.

Có tiếng "leng keng" từ trong nhà vẳng đưa ra. Một con chó Nhật bé nhỏ chạy lon ton ra vườn sủa lên vài tiếng. Phương vui vẻ luồn tay qua khe cửa vừa vẫy gọi nó.

Tức thì con vật chạy tuốt lại phía nàng, phe phẩy đuôi mừng rối rít và nhẩy chồm lên tận tay nàng. Con chó xinh xắn ấy trước kia là của vợ chồng Phương. Bình đã xin đem về nuôi lấy cớ rằng ở một mình vắng vẻ.

Vừa lúc đó thằng nhỏ của Bình cũng đã chạy ra. Thấy khách quen, nó cứ việc chào rồi mở cửa.

Quý vừa đi vào nhà vừa hỏi:

– Ông mày ngủ hay làm gì?

– Ông con chưa về ạ.

Quý và Phương cùng ngạc nhiên quay lại nhìn nhau.

– Ông con đi từ hôm kia.

Quý lắc đầu:

– Ông mày bảo bao giờ về?

– Không ạ.

Phương bước lên hiên nhà:

– Vậy mặc kệ, mày mở hết cửa ra, và đi pha nước. Chúng tao vừa mỏi chân, vừa khát, vừa bực mình đây!

Quý cũng nói theo:

– Ừ, mặc kệ, chưa chừng chúng tao ăn cơm trong này chiều mới ra Hà Nội, cho mày chết! Mày biết làm cơm chứ?

– Con vẫn làm cơm cho ông con.

Phương bật cười:

– Ông mày, tao biết, cái gì cũng "xong thôi".

– Tại vì ông con không ăn cơm nhà luôn một tuần bao giờ cả. Trừ những khi bận việc không ra tỉnh.

Quý cười phá lên:

– Ra tỉnh?

– Vâng, ra Hà Nội. Con thành ra vừa làm bếp, vừa mài sơn, vừa trông nhà...

Phương nói tiếp:

– Vâng, ông giỏi lắm! Vậy ông đi đun nước pha chè nhanh lên cho chúng tôi thì mới thực là...

– ... Thầy tớ của ông Bình.

Thằng nhỏ đi rồi, hai vợ chồng Phương cùng cười rũ rượi bước vào nhà.

Các cửa sổ mở ra, ánh nắng chảy ùa vào phòng làm việc của Bình. Những bông hoa tàn đã từ mấy hôm rồi gục đầu trên miệng lọ cạn nước mệt lả, rầu rĩ tiết ra một mùi chết của cỏ cây. Chúng hình như ngơ ngác vì bỗng dưng thấy nhiều ánh sáng quá giữa lúc mình đã hết còn tươi đẹp.

Quý ngồi vào một chiếc ghế rộng nhìn quanh nhà một lát rồi hỏi Phương:

– Phương có hiểu tại sao anh Bình cần trang hoàng nơi làm việc của mình sang trọng thế này không? Bởi vì anh ấy khôn lắm. Anh ấy muốn bảo khách hàng của mình đại khái thế này: "Các ngài hãy trông lại nơi ăn chốn ở của tôi trước khi mua tranh của tôi mà đã chực mua được bằng giá rẻ".

Phương chỉ tủm tỉm cười. Nàng có một cảm giác rờn rợn mỗi lần bước vào nhà Bình. Cảm giác ấy lần này vắng Bình, Phương lại càng thấy rõ. Nàng nhớ lại lần đầu tiên đến với chồng, sau ngày cưới được nửa năm, vừa khi Bình ở Cao Mên về. Lúc trông thấy mặt Bình, Phương còn nhớ là nàng bối rối lắm, nhưng nhờ Bình rất tự nhiên nên nàng lại trấn tĩnh được ngay. Bây giờ, những đồ vật, những tranh ảnh của Bình đối với nàng không xa lạ nữa, nàng đã trông thấy chúng nhiều lần rồi, nhưng mỗi thứ lại nhắc nhở cho nàng, một điều gì về cái đời thân mật của kẻ đàn ông vắng mặt mà nàng biết rõ từ lâu. Phương chăm chú ngắm những bức tranh cuối cùng của Bình vẽ sau chuyến du lịch ở một miền biên giới Trung Hoa, và nhớ lại những câu chuyện Bình đã kể về các nơi xa lạ đó. Nàng đưa mắt tìm những bức tranh cũ treo trên tường. Đây là một bức tĩnh vật, kia là một cái mặt người khắc khổ, ở xa hơn là một bức phong cảnh miền quê. Bỗng, mắt Phương dừng lại trước một bức tranh than vẽ dở treo ở gần cái ghế dài dùng làm chỗ nghỉ ngơi của Bình ở một góc nhà. Nàng cảm động gọi chồng:

– Quý lại xem cái này đi!

Hai người đi đến gần bức vẽ. Phương hỏi Quý:

– Mình trông giống ai, có biết không?

Quý nhìn một lúc lâu lắc đầu:

– Chịu. Ông ấy vẽ bao nhiêu người, làm thế nào mà biết được.

Phương ngồi xuống chiếc ghế cạnh bức vẽ, thong thả nói:

– Ừ, Quý nhận ra làm sao được. Ngày đó em mới có mười sáu tuổi.

Quý mở to mắt nhìn Phương:

– Vô lý! Phương mà tôi không nhận ra ngay?

Chàng lại nhìn kỹ bức vẽ một hồi lâu nữa rồi cười:

– Bây giờ Phương nói tôi mới thấy hơi giông giống. Nhưng cái đồ cổ này ở đâu ra thế? Sao mãi giờ mới thấy Bình lôi ra.

– Cái đó thì phải hỏi anh Bình.

Phương nói vậy, và thấy má nóng bừng lên. Nàng không muốn nói gì thêm nữa, nghĩ thầm:

"Quý không dự gì vào cái cuộc đời đã xa này. Đó là thời kỳ ta mới lớn. Bình là người đàn ông ở gần ta nhất, và đã nhận thấy vẻ đẹp đầu tiên nảy nở ở người con gái mới lớn lên là ta... ngày ấy...

Nàng nhìn qua cửa sổ trông ra thửa vườn sau. Trời thu trong vắt. Những cành lá đầy ánh nắng lấp lánh bị gió heo thổi ngả nghiêng kêu lên lào rào như đã bị cái hơi lạnh của mùa đông chớm phải. Phương âu yếm bảo chồng:

– Em ra vườn xem có cái gì lạ không? Nước được thì mình pha chè hộ, gọi em vào uống đấy!

Quý lấy một tờ báo trên mặt bàn con gần đấy rồi ngả lưng xuống chiếc ghế dài:

– Vâng, mời bà. Nhưng xin nói trước là tôi pha chè rất tồi kéo lại kêu như mọi bận.

Phương thấy nhẹ nhõm cả người khi đã ra ngoài. Nàng bước đến cạnh cái ao sen nhỏ đầy lá sen khô xơ xác. Mùa hè, đó là nơi Phương ưa nhất. Bờ ao có hai cây roi đầy những quả chín đỏ hồng. Ao sen thì đầy những bông hoa trắng xanh nở giữa những tầu lá rộng tỏa một mùi thơm mát. Phương ngồi xuống một cái ghế đá nhìn vào ngôi nhà nhỏ của Bình thấp thoáng trong đám cây lá chung quanh. Một sự êm lặng nghỉ ngơi bao trùm trên cảnh vật. Bên nhà hàng xóm có tiếng một người đàn bà ru con ngủ. Phương lắng tai chú ý đến từng câu, và thấy lòng rung động nhẹ nhàng như được nghe một giọng ru kể lại những ngày thơ ấu của mình.

Cái buổi sáng nắng ráo ở một góc ngoại ô Hà Nội này chẳng khác những buổi sáng ở đồng quê. Cũng có những con gà đi bới tìm thức ăn trong những bờ rào rậm. Người ta không trông thấy chúng, nhưng nghe tiếng kêu "túc túc". Cũng những con chim sâu lách tách trên những cành cây. Phương ngồi lặng yên mà lắng, để cho hơi nắng thấm qua lần áo dạ mỏng một chốc nóng ran lên. Nhưng Phương không nghĩ đến đứng lên.

Có tiếng chân bước rất nhẹ trên đường rải sỏi sau lưng, Phương quay lại, con chó đã tìm đến được với người chủ cũ. Phương ôm nó lên lòng, đập nhẹ tay lên đầu nó. Con vật rít lên mấy tiếng nép vào

người Phương tỏ ý sung sướng vì lại nhận được những cái vuốt ve của một bàn tay quen thuộc.

Tiếng ru con đã nín bặt. Phương đoán là đứa bé hàng xóm ngủ say rồi. Nhưng Phương lại ao ước nó sẽ khóc thét lên để người mẹ phải cất cái giọng ban nãy lên ru lại. Ý tưởng một ngày kia nàng cũng sẽ có con, sẽ thành một người mẹ, làm cho lòng nàng xao xuyến. Nhưng nàng không thể phân biệt được rằng đó là xúc động hay vui mừng, hy vọng. Có lẽ nàng đã xúc động vì nghĩ đến sự thay đổi của đời nàng sau này, như lúc còn con gái nàng đã nghĩ đến đời mình sau việc hôn nhân.

– Nếu mình có con thì mẹ sẽ là người sung sướng trước nhất. Cũng như khi người thấy mình lấy được chồng giầu.

Phương thở dài nhớ tới bà cụ Lãng, mẹ nàng. Cả một cảnh nhà nghèo khổ và buồn bã hiện ra. Nàng ôn lại những ngày chua xót nhất. Những ngày túng thiếu, công nợ, những ngày lục đục giữa gia đình trong khoảng mấy năm gần nhất. Cuộc đời của Phương đã sắp đặt xưa kia, bây giờ nó ra sao? Phương thấy nó đã trái đi tất cả. Hạnh phúc có lẽ không bao giờ có ở đời, còn cái đau thương cũ thì cứ sống vĩnh viễn trong lòng những kẻ đã bước ra khỏi cảnh nghèo, cảnh khổ. Phương không thể nào quên được cái đoạn đời tủi cực ấy. Cứ mỗi lần nghĩ tới mẹ, nàng lại thấy hiện ra cảnh một người đàn bà say rượu, mặt chín dừ, cười nói huyên thuyên giữa những người thân. Cái đau ngấm ngầm của bà Lãng, chỉ có một mình Phương là thấu rõ nhất trong gia đình. Ôi, một cái gia đình mà hai kẻ đàn ông có quyền thế nhất, có bổn phận gìn giữ cho êm ấm nhất là người bố và người anh, thì cả hai đều là những kẻ lãnh đạm và ích kỷ. Phương chẳng làm gì được, nàng chỉ có một ước vọng: học chóng xong, thi đỗ, đi làm một cô giáo ở một chốn xa nào đấy, và nuôi mẹ. Nhưng cái mộng bé nhỏ ấy cũng không thành. Ông Lãng đã chết giữa một lúc không ai ngờ nhất. Phương phải bỏ học nửa chừng, thế là bắt đầu những ngày sống tiêu điều ở một tỉnh nhỏ buồn tẻ. Phương lại nhớ tới Liên, em gái của Bình.

– Nếu không có Liên thì ta chịu sao được những ngày như thế?

Phương nghĩ thầm vậy trong khi nhắc đến tên người bạn gái. Nàng hình dung lại nét mặt hiền hậu của Liên. Nàng cố nhớ lại vẻ mặt bà Đức Long. Nàng nhận ra rằng cả hai anh em Bình và Liên cùng giống mẹ. Ở cái gia đình ấy vẻ mặt người nào cũng từ thiện cao

quý. Người nào cũng vui vẻ một cách thành thực. Ông Đức Long cả ngày loay hoay trồng hoa xén lá trong vườn cảnh, lúc nào rỗi thì ông xem sách thuốc. Bà Đức Long bận buôn bán ở cửa hàng buôn gạo lúc nào tiếng nói của bà cũng giòn giã, lúc nào bà cũng tươi tắn đón chào. Còn Liên, thì khâu vá hay làm những công việc nhà một cách nhẹ nhàng, khéo léo, không khi nào người ta thấy một nét ủ dột trên khuôn mặt.

Hình như tất cả những đau phiền bất hạnh ở đời đều dừng lại ở ngoài cửa cái gia đình ấy.

Đời họ thực dễ dàng, êm ái.

Những lần đến chơi với Liên về, Phương thấy lòng mình như muốn khóc lên. Nàng đem so sánh hai cảnh nhà. Rõ thực là trái ngược. Ông Lãng thì nghiện hút, gắt gỏng, bà vợ thì buồn khổ quá nên thường uống rượu, anh trai Phương ở chỗ làm về, ăn uống xong là đi chơi bời với chúng bạn ngay. Phương thấy mình cách xa bạn quá. Cái thế giới của những người sung sướng, đối với nàng là một thiên đường, một thiên đường không có chỗ cho nàng. Một đằng là trong sạch, sáng sủa, yên vui thân mật. Một đằng là buồn khổ, âm thầm, mỗi người đau riêng cái đơn độc của lòng mình.

Giữa lúc đó, Phương biết rằng mình đã yêu Bình. Cái ái tình mà nàng quyết giữ kín đó đốt cháy nàng. Nàng mang nó trong lòng như một cái nhọt độc. Và đã có lúc nàng tìm cách xa Liên, xa Bình, xa cái gia đình mà nàng kính trọng mỗi khi nghĩ đến cảnh mình. Như những loài chim của xứ lạnh thấy mùa nực đến thì bay tìm xứ lạnh. Cái không khí ở đấy không hợp với nàng. Cái khí hậu ấy không phải là khí hậu quen. Phương tránh họ, những người bạn thân nhất của mình chỉ vì họ sung sướng quá.

Nhưng cũng có lúc Phương thấy hạnh phúc thật là giản dị chỉ cần bước vào cái cửa mở rộng của nó, không có gì ngăn trở cả, vậy mà không thể. Chỉ việc giơ tay ra hái như hái một quả chín bên đường, vậy mà... Ôi, nếu Bình hiểu được, nếu Bình đã nói một câu gì đó trong các buổi đi chơi cuối cùng của hai người. Phương còn nhớ rõ như việc mới xảy ra. Trời cũng nắng như sáng hôm nay, và không khí khô hanh, da mặt người ta muốn nứt nẻ. Có những miếng mây trắng trên nền trời biếc như trong những bức tranh. Ở sườn núi một con dê nhai cỏ nghe rào rạo. Bỗng Liên cất tiếng cười chỉ hai cái bóng của Bình và Phương trên đám cỏ, kêu lên:

– Hai cái bóng trông đẹp quá!

Phương cũng thấy có tiếng gì như tiếng dứt cỏ ở lòng mình, nàng dừng lại, mặt nóng bừng cúi nhìn hai cái bóng gần nhau trước mặt.

Phương bỗng thấy cái bóng của mình bé nhỏ và dài, và tiều tụy quá, nhưng đẹp làm sao! Một cái bóng đàn ông và một cái bóng đàn bà song song nhau, kéo dài ra trên thảm cỏ. Nàng cảm ơn Liên quá, bỗng thấy yêu Liên hơn lên, yêu hơn yêu một người bạn gái. Bao nhiêu buồn tủi của nàng tiêu tan hết. Còn Bình, chàng không nhìn vào hai cái bóng mà lại đang chú ý nhìn một cái lá. Bình nhặt chiếc lá dưới chân lên, đó chỉ là một chiếc lá thường đã vàng, có những chấm đỏ ở hai mép lá. Bình chỉ những cái chấm đỏ ấy và khen: "Chưa từng trông thấy một màu đỏ nào đẹp hơn màu đỏ ấy". Phương sửng sốt nhìn Liên. Hai người con gái cùng cười rũ rượi. Nhưng tiếng cười của Phương làm chảy nước mắt trong lòng nàng. Phương nhớ đến một buổi chiều khác Bình đã chỉ cho Liên và nàng ngắm một cái cây đứng trơ trọi giữa một cánh đồng rộng mênh mông và bảo:

– Đây mới thực là một cảnh đẹp, một cảnh vĩ đại.

Rồi chàng nhìn Phương nói thêm:

– Vĩ đại bởi vì cái cây trơ trọi một mình.

Phương xót xa rằng cái người đàn ông mà nàng mơ ước khó hiểu cho nàng quá, xa nàng quá. Làm sao chàng có thể cúi xuống gần cái đau thương nhỏ mọn của nàng? Nàng chỉ nghĩ đến một tình yêu an ủi, vừa sức của mình mang nổi. Nàng chỉ có những cái mộng rất đơn sơ. Nàng không sao hiểu được người đàn ông khó tính ấy. Nàng thấy Bình có đủ ở đời để mà sung sướng, thì lại hình như không bao giờ bằng lòng cuộc đời mình.

Phương không dám đi xa hơn nữa, vội quay về hiện tại. Những kỷ niệm cũ hiện ra sáng chói như một hòm châu báu lẫn bạc vàng bị mở bật ra trước mắt một kẻ nghèo tuyệt vọng. Phương cũng có những cảm giác xôn xao, choáng váng ấy.

*

* *

Bình cầm lấy gói hàng sắp đi ra chợt nghe một giọng nói quen ở gian bán len về tay trái. Chàng đưa mắt về phía ấy thì thấy Phương

đương vừa chọn len vừa nói chuyện với cô đầm trẻ bán hàng đứng cạnh. Bóng hai người đàn bà chiếu vào một tấm gương to gần đấy. Bình liền đứng lại ngắm hai người trong gương.

Ánh sáng trong nhà hàng dìu dịu, không khí ấm áp hơn ở ngoài đường. Kẻ mua người bán đi lại tấp nập chung quanh Bình. Chàng thấy buổi sáng vui hơn lên, và muốn Phương phải chọn rất lâu để được lặng lẽ ngắm nàng mà nàng không biết.

Có hai người trai trẻ đi qua chỗ Phương. Bình thấy họ đưa mắt cho nhau khi nhìn thấy mặt nàng. Hai người cười nói với nhau những gì không rõ, nhưng Bình đoán chắc là họ nói về Phương. Tự nhiên Bình nhận ra rằng Phương đã thay đổi rất nhiều. Phương không còn gì là dáng điệu người con gái ở tỉnh nhỏ ngày xưa nữa. Phương đã hóa ra cái khuôn mẫu tạo ra tất cả những đàn bà sang, đẹp ở Hà Nội mà chàng quen biết. Những người đàn bà mà cách phục sức hay lối trang điểm theo thời làm cho họ giống nhau như những chiếc xe cùng nhãn hiệu.

Bình nhớ đến em gái, và những bạn của Liên: các cô gái nhỏ ở tỉnh Thanh ngày trước. Những cái tên đã lâu ngày không nhắc đến, bỗng vang lên một cách vui vẻ trong đầu chàng: Trung, Chi, Nghĩa, Minh, Hằng, Mỹ... Những khuôn mặt tươi trẻ không phấn sáp, những con mắt đen lay láy, những thiếu nữ mặc áo trắng dài đội nón lá, kéo nhau đi, tiếng guốc kêu giòn trên đường như những cô học trò xứ Huế. Bình cố hình dung lại Phương trong lối ăn mặc giản dị, nhẹ nhàng hồi đó. Lòng chàng thoáng một chút buồn. Cái áo nhung làm tôn sắc đẹp của Phương sáng nay không hiểu sao đã nhắc Bình nhớ lại những chiếc áo cũ rầu rĩ của Phương ngày còn con gái. Có một lần Bình đi với em gái đến nhà Phương. Phương đương giặt quần áo ở sân. Trời rét, tay nàng thâm tím. Thấy hai người đến, Phương bỏ công việc chạy vào nhà mặc áo dài. Chiếc áo Phương mặc vội vàng hôm đó là một chiếc áo rách vai.

Vô tình Bình đã nhìn vào chỗ rách đó và làm Phương đỏ mặt. Cảnh ấy khiến Bình ái ngại mãi. Hôm nay nhớ lại, Bình thấy hả hê gần như một kẻ thù ai điều gì đã nghĩ ra được cách báo thù.

Phương đã đi theo người bán hàng ra chỗ trả tiền. Lúc đi qua chiếc gương, nàng dừng lại một chút, giơ tay đỡ món tóc ở sau đầu và ngắm vội mình trong đó. Phương bỗng ngạc nhiên thấy có bóng một

kẻ đàn ông đương tiến đến và đương cười. Nàng rụt rè quay lại. Khi đã nhận ra Bình, Phương lại càng luống cuống hơn. Nàng vội nói:

– Gớm, anh Bình! Tôi lại tưởng là ai...

Bình phá lên cười:

– Ai bảo hay làm dáng?

Rồi chàng nhìn Phương từ đầu đến chân mà tiếp:

– Tôi trông Phương lạ hẳn đi. Phải nhìn mãi mới nhận ra là người quen.

Hai má Phương đỏ hồng. Nàng mỉm cười hỏi lại:

– Người quen xoàng thôi chứ?

Bình nhìn vào đôi mắt của Phương, chàng thấy ngợp như người đứng trên một dịp cầu không vững nhìn làn nước cuộn. Chàng thấy hối hận. Ở mặt Phương hình như tỏa ra một vừng ánh sáng. Bình đã quên những hình ảnh cũ. Chàng chỉ còn thấy Phương xứng đáng với giầu sang. Chàng thấy rằng Phương sống cảnh nào cũng hợp, cũng tự nhiên. Ở nàng, người ta không tìm ra được một dấu vết gì tầm thường, hèn hạ. Bình thân mật bảo nàng:

– Thôi, trả tiền đi mà về chứ?

– Thế còn anh, anh mua gì?

– Tôi mua mấy đôi tất, trả tiền rồi, sắp đi ra thì gặp Phương.

Phương đã trả tiền xong. Hai người lững thững đi ra phía cửa. Phương nhìn Bình, giọng nàng như trách:

– Độ này trông anh gầy lắm thì phải. Sao lâu anh không đến với chúng tôi?

– Gầy thế kia à? Tôi cứ tưởng tôi béo ra đấy.

Phương hỏi lại:

– Sao đã lâu anh mất mặt thế?

– Vậy hôm nay xin đến hầu đây. Không sợ tốn cơm à?

Đến đầu phố Hàng Khay, hai người phải dừng lại chờ cho hết mấy chiếc ô tô từ phố Gia Long qua Hàng Trống, Bình nói như một người đương đau đớn thực tình:

– Dạo này buồn quá, không làm việc được. Cứ phải đi chơi luôn, càng đi lại càng buồn. Có lẽ đến phải thuê nhà ngoài này cho vui thôi. Ở ấp mùa đông này những hôm mưa đi về khổ lắm.

Phương không ra vẻ để ý đến lời Bình, nhưng lòng tự ái của nàng thỏa mãn. Nàng bước rảo lên hè phố Trường Thi. Nàng cho rằng đó là những lời than thở của kẻ đàn ông xưa kia đã yêu nàng, và hiện giờ đương khổ vì thấy nàng đã không còn như xưa nữa. Nàng vừa buồn vừa sung sướng vì chính cái người đã khiến mình đau xót, bây giờ đương đau xót ở cạnh mình.

Phương chẳng cần biết là Bình đau khổ đến bực nào. Hạnh phúc là gì nếu chẳng phải là sống trong cái nửa tối nửa sáng của cuộc đời? Biết rõ là bận lòng, là tê tái. Nàng vừa đi vừa nghĩ vậy. Rồi chỉ hai dãy cây không còn lá ở một con đường rẽ vắng người, Phương nói lảng:

– Trông cái phố này như là một phố ở xứ lạnh Âu châu.

Thấy Bình tủm tỉm cười, nàng cũng cười và tiếp:

– Những xứ mà mình chỉ trông thấy trong sách vở có tranh, và trên màn ảnh.

Hai người lại trở nên vui vẻ từ đấy đến cửa nhà Phương ở Hàng Đẫy.

Không thấy Quý, chồng Phương ở nhà, Bình ngạc nhiên và hơi bối rối khi bước vào phòng khách. Chưa lần nào chàng đến mà không có Quý tiếp chàng. Bình toan hỏi thì Phương đã nói:

– Quý đi Hòa Bình từ hôm trước. Có việc thầu ở đấy. Có lẽ chiều nay đã về rồi.

Nàng gọi người ở đi mua thuốc lá. Trong nhà không còn ai nữa. Bình nhìn một bức tranh của mình ở trên tường. Cái đó đã thành thói quen, mỗi lần Bình đến nhà vợ chồng Phương. Bức tranh vẽ một cái cổng thành cũ và một dãy tường trên hào nước. Người ta nhận thấy vẻ buồn của ánh nắng buổi chiều soi trên những cái gì cũ kỹ, hết thời. Phương cũng nhìn vào đấy và thong thả nói:

– Anh phải đến chơi luôn mới được. Chúng tôi lắm lúc cũng buồn khiếp lên ấy. Mỗi lần có anh đến hình như chúng ta họp thành một cái tỉnh Thanh bé nhỏ ở góc Hà Nội ồn ào này.

Bình cảm động. Chàng vụt nhớ đến những tiếng kèn đồng của mấy người lính khố xanh thổi tập rời rạc trong buổi chiều trên một chòi canh xơ xác về phía Cửa Hậu.

Những tiếng kèn hát lại cái thời trai trẻ của chàng mất dần nơi tỉnh xép.

Chàng nhớ đến những con đường phố Ga, con đường "Ba lít", con đường Cánh nhạn trong ánh đèn vàng hiện ban đêm. Chàng nhớ đến

cái mặt nhà lối cổ nhà ông Lãng. Ngọn đèn dầu lạc trên khay bàn đàn thuốc phiện của ông chiếu qua bức mành mành treo cửa. Người thư ký gầy sau bữa thuốc, ăn cơm chậm rãi như một con mèo ốm, đôi kính trắng của ông lấp loáng trên khuôn mặt hốc hác và tiều tụy...

Bình nhớ đến những cái rất nhỏ nhặt, như tiếng mõ rao trong một phố nhà ngói lẫn nhà tranh, vào buổi chập choạng, không trông rõ mặt người. Tiếng rao quê mùa của người khán phố báo cho mọi nhà trong tỉnh phải treo cờ hoặc thắp đèn vì là ngày hội: Cốc! Cốc! Cốc! Hai bên hàng phố lắng tai mà nghe... tiếng mõ rao như lùi cuộc đời về cõi xưa, làm cho kẻ tỉnh thành tưởng mình sống ở nơi thôn dã. Bình không hiểu ở các tỉnh nhỏ khác người ta có được nghe tiếng mõ ấy không, nhưng mỗi lần nhớ lại thời trai trẻ hay nhớ đến tỉnh Thanh là chàng phải nhớ ngay đến tiếng mõ kia.

Bình lại đi xa hơn nữa, chàng nhớ đến cả cái thời tỉnh Thanh còn thắp toàn đèn đất lù mù. Từng quãng rất xa mới có một ngọn đèn vuông lắp kính. Hè phố thì một vài nơi cỏ mọc xanh. Mặt đường chưa rải nhựa. Mỗi đêm, một người cai già của sở lục lộ đem một hòm đất đèn đi thay và đánh diêm thắp từng ngọn một rất công phu.

Người họa sĩ tưởng chừng còn ngửi thấy một mùi đất đèn bốc lên ngây ngất, và trông thấy bóng mình hồi nhỏ dại lẫn trong đám trẻ đi nhặt trộm đất của người cai già để thắp lên rồi xúm xít nhau nhìn ngọn lửa xanh xanh...

Thực là cái thời khắc lạ lùng mà bao nhiêu những điều thầm kín mờ mịt trong lòng người sống lại, thoát ra từng cái một. Đó là một lời nói đã nghe rồi, nhưng quên đi đã từ lâu, bây giờ vang lại rõ ràng. Đó là những mặt người, tất cả những mặt người thân, sơ, quen thuộc, hay thoáng qua... Bức màn che đã được kéo lên, nhờ một sự nhiệm mầu nào đó, để cho những bóng ma dĩ vãng hiện ra. Đám rước gồm những cái gì già cũ đi qua, rầu rĩ như đi trong một ngày lai rai mưa bụi.

"Chúng ta họp thành một cái tỉnh Thanh bé nhỏ ở cái góc Hà Nội ồn ào này". Bình tưởng nhận ra trong câu nói ấy của Phương một chút tiếc thương cuộc đời qua. Chàng thấy thấm thía cái buồn đơn chiếc của một người đàn bà dù ở chốn nào cũng thấy mình cô độc. Người đàn bà mà xưa kia Bình đã nhiều lần thấy hiện ra trong cõi tối tăm của những đêm mất ngủ, trong khoảng hai mươi tuổi của đời mình. Một thiếu nữ đồng trinh, một nàng tiên đứng đợi Bình ở đầu

một con đường xa vút và hiểm trở. Nàng tiên đứng kiên nhẫn đợi chàng, trên tay là một cây đèn bằng bạc cổ.

Nàng đứng trong khung cửa của bậc đá cuối cùng một ngôi đền. Ánh sáng cây đèn ấy sẽ giúp chàng đi tìm sự thật và cái đẹp...

Bình ngồi xuống một chiếc ghế rộng. Trước mặt chàng là cửa sổ trông ra đường. Những cành án mộc rủ xuống, lá dài và nhọn nhưng mềm mại, đưa qua đưa lại bên cửa sổ. Ngoài đường, một người đàn bà bán hoa và cây cảnh cất tiếng rao: La phơ lơ mà đàm! Tiếng rao kéo dài một cách tự nhiên, hình như người bán hàng tin chắc rằng những người ngoại quốc trong phố đều đã quen giọng ấy. Bình mỉm cười.

– Cái góc Hà Nội này cũng không ồn ào lắm đâu. Phố này đã có tiếng là một phố sang, trưởng giả...

Một đoàn tầu điện vừa lúc ấy chạy qua rầm rĩ, từ phía Cửa Nam tới, và đứng lại ở ngay đầu phố.

Phương bất giác bật cười:

– Cũng không ồn lắm.

Đoạn nàng nói tiếp:

– Cái phòng này nhờ có mấy bức tranh của anh nên sáng hẳn lên, nhất là bức vẽ mấy người dân quê miền bể, nhìn ra bể đầy ánh nắng.

Phương sực nhớ đến một bức vẽ chì trông giống mình thấy ở nhà Bình hôm vào ấp, nàng định hỏi Bình tại sao mãi giờ mới thấy mang ra treo. Nhưng, thấy Bình nhìn mình bằng một vẻ khác thường, nàng bỗng đâm lo sợ viển vông rồi quên ngay mất. Phương đưa mắt quanh phòng một lượt, hỏi Bình:

– Anh trông bày thế này có được không? Tôi muốn nhờ anh vẽ cho một kiểu ghế ngồi giản dị hơn, nhất là anh chọn cho một hàng vải bọc. Tôi chỉ quanh quẩn cả ngày ở phòng này. Tôi như là một thứ chim ưa làm tổ trong những ngày yên lặng...

Phương nói thế, và thấy trong lòng ấm áp. Phút đó, nàng thấy yêu cái phố của mình, bằng lòng cái phòng của mình. Nàng mong Bình cứ là một người bạn như thế mãi, thỉnh thoảng đến thăm nàng, và đừng đem cho nàng một chút gì sầu khổ cả. Ngày tháng đã qua rồi, cuộc đời nào rồi cũng vào khuôn của nó cả. Phương cũng đã đau đớn nhiều rồi.



Bình đặt cuốn sách đương xem xuống cạnh mình và cố lắng để đoán xem những tiếng người nào ở phòng bên. Từ lúc vào tiệm hút, chàng chỉ nằm đọc sách, và bởi đương mải miết xem, nên bọn người bên cạnh đến tự bao giờ chàng không biết. Bây giờ chàng mới nhận ra là mấy người viết văn và làm báo quen chàng. Những người thường lui tới tiệm, nhưng cũng như Bình chẳng một ai nghiện cả.

Tiệm hút ở vào một phố vắng, người đứng chủ trương lại là một cô đầm lai, nhờ vậy phòng nào cũng sạch sẽ và không huyên náo như những chỗ ô hợp rẻ tiền. Đây thường là chốn đi lại của những người tìm yên tĩnh. Bình lần đầu đến với mấy người bạn đã ưa ngay chỗ đó và đinh ninh rằng sẽ có ngày trở lại một mình, một hôm nào cao hứng, hay có sự gì buồn bực. Bình đã dùng chỗ này làm phòng đọc sách. Nhiều bận chàng không hút một điếu nào nhưng cũng gọi thuốc đãi người bồi tiệm hút thực đã nghiện. Vì thế, chàng được người bồi kính trọng và sợ hãi, và nhất là chàng được nằm yên tĩnh. Đèn trong phòng hắt sáng yếu ớt trong buổi chiều tàn lạnh. Hai người đàn ông nằm cách nhau một cái khay đèn, trên hai chiếc đệm bông. Khói thuốc bay mù mịt. Hai người không ai nói với ai một câu nào. Cái thú nằm tiệm hút của Bình chỉ vậy.

... Bọn chúng ta không thể sống với những người "lương thiện" và trật tự được. Nghệ sĩ ở đời là một con vật lạ đối với người đồng loại, một sự không thường. Chúng ta cũng như một thứ gà ba chân ở trong một chuồng gà thường chỉ có hai chân. Thấy khác, thấy lạ là chúng xúm lại mà vặt, mà đánh cho bị thương, cho đau đớn. Bởi vậy người nghệ sĩ cần phải có một sức chống lại mãnh liệt vô cùng mới được. Nếu không biết giữ gìn sự cô độc bên trong, nếu không biết sống một mình một cách thực vững vàng thì là hỏng cả...

Tiếng nhựa cháy, tiếng nói chuyện rì rầm ở phòng bên của bọn nhà văn cũng không quyến rũ nổi Bình rời đoạn sách mà chàng đương đọc giở. Chàng lại say sưa đọc tiếp:

... Sự tàn ác của kẻ khác sẽ làm cho bạn ngã lòng. Cũng như gã Gilliver đến xứ của người Lilliputiens bé nhỏ kia, bạn sẽ để cho những tình thương yêu, thù ghét, những bổn phận nhỏ nhen ràng buộc lấy thân, như những sợi chỉ vô hình nhưng bền chắc.

Sự cô độc của những kẻ tu hành là một điều định sẵn rồi. Nghệ sĩ cũng vậy, cũng phải từ chối những vui thú tự nhiên. Bởi vì nghệ sĩ tức là những kẻ phải tạo ra một cái gì. Tạo hóa ở trong chốn cao xanh kia bao giờ cũng hoàn toàn cô độc...

Bình đọc tiếp mãi, tiếp mãi. Và trời tối lúc nào cũng không để ý. Người bồi đã hút hết thuốc từ lâu đứng dậy giục chàng:

– Ông đã xơi cơm chưa? Ông có muốn xơi gì để bảo đi mua về?

Bình ngồi lên xem đồng hồ ở tay thì đã bảy giờ. Mùa đông, trời tối sớm. Lúc Bình bước ra đường Hà Nội đã lên đèn tự bao giờ. Trời lất phất mưa, thiên hạ đi rất vội vàng, đi nép vào dưới mái hiên các cửa hàng.

Bình thấy một nỗi rạo rực, một cái gì gần như là hạnh phúc tràn ngập trong lòng. Chàng thu tay vào hai túi quần bước rất mau. Ở tiệm hút ra, Bình định gọi xe để tránh mưa và đi tìm một hiệu nào ăn tối. Nhưng ra đến đường thấy phố xá lạnh lùng ướt át thì chàng lại muốn đi bộ như vậy mãi.

Đến Hàng Buồm, Bình bước vào một hiệu ăn lạ mà một người bạn của chàng vừa giới thiệu.

Bình nhớ rằng món đậu phụ ở đấy mới được nhiều người nói đến. Chàng vui vẻ bảo người hầu sáng làm ngay món đó trong khi chờ rượu và đồ nhắm. Bình đưa mắt nhìn khắp mọi người đương ăn uống xô bồ hay đi lại rộn rịp quanh chàng. Mọi người hình như có vẻ sung sướng trên nét mặt.

Bình ngồi một mình một bàn, nhìn sang bàn trước mặt. Bàn trước mặt một ông ngồi ăn với hai đứa nhỏ. Người cha cẩn thận đút từng miếng một cho mỗi đứa như người ta đút mồi cho chim quý. Cảnh ấy làm cho Bình vừa cảm động vừa vui. Món ăn đã bưng lên ngon lành và bốc khói.

Bình ngồi đến chín giờ trong hiệu ăn, uống từng chén chè long tỉnh, hút từng điếu thuốc lá mà nhìn ra đường đầy xe qua lại trong những ánh đèn ướt át. Một điệu hát vẳng đến từ một máy truyền thanh của một cửa hàng nào đó đầu phố, Bình chợt nhớ đến nhà khiêu vũ "Hương Cảng" mới mở phố Khâm Thiên. Đó là nơi Quý thường hay tới đó, và nhiều lần đã nói với chàng về những cô vũ nữ Tầu mới đến. Bình đứng lên trả tiền, rồi ra đường gọi một chiếc xe tay.

Quả nhiên Bình bước vào nhà khiêu vũ "Hương Cảng" đã thấy

Quý ngồi ở đấy. Quý ngồi cạnh một cô vũ nữ Việt Nam trẻ đẹp trông có dáng một cô học trò mới vừa rời khỏi nhà trường. Quý trông thấy Bình thì tủm tỉm cười và nháy mắt làm như những kẻ ăn chơi liều lĩnh gặp nhau ở một chỗ mà thiên hạ cho là "hư hỏng". Quý gọi bồi lấy rượu cho Bình.

Sân khiêu vũ đông đặc những cặp đương ôm nhau nhảy. Một vài người Tây mặc binh phục, phần đông là vũ nữ Tầu. Bình nhận ra một người bạn làm thầy thuốc và một ông thày kiện. Người thầy thuốc nhảy với một cô gái Tầu béo gấp hai, mặt vênh lên có vẻ kiêu ngạo, tuy rằng nhảy vụng về nhất đám. Bản nhạc vừa dứt thì đèn trắng bật lên tứ phía. Bình ngoảnh nhìn Quý và người vũ nữ thấy hai người đương chụm đầu nói chuyện nhỏ với nhau, mặt Quý trông say đắm.

Một người bồi ăn mặc sạch sẽ lễ phép mang rượu đến và rót cho Bình một cốc nhỏ. Bình cũng không hiểu là rượu gì và cũng không cần biết rõ. Chàng đưa mắt nhìn khắp phòng khiêu vũ. Mọi người đều nói chuyện lầm rầm quanh chàng, thỉnh thoảng một dịp cười nổi lên ở một góc nào đấy, nhưng không ai để ý. Các cô vũ nữ Việt Nam phần nhiều xinh hơn các cô vũ nữ Tầu nhưng có lẽ vì là Việt Nam nên không được khách chơi chuộng lắm. Các vũ nữ Tầu ăn mặc lộng lẫy ngồi riêng một đám. Một vài cô có những cánh tay rất đẹp nhưng ngực thì lép, đầu tóc uốn theo kiểu Tây phương.

Bình rất chú ý đến những cánh tay thoa phấn tròn, lẳn hình như được các cô gái Tàu chăm nom đến một cách đặc biệt. Xưa nay chàng vẫn lấy làm lạ rằng ít khi người ta để ý đến những cánh tay của đàn bà như người ta đã để ý đến bộ mặt, hay bộ ngực.

Bỗng Bình để ý đến một tấm vải căng phía trên đầu các cô vũ nữ Tầu. Chàng đọc mấy hàng chữ kê giá tiền nhảy mỗi bài và giá mời ngồi bàn. Nhìn xuống người những cô vũ nữ, chàng thấy họ không lộng lẫy và đắt giá nữa, liền nghĩ đến những miếng thịt bày hàng, những thúng khoai tây có cắm một mảnh bìa đề giá.

Âm nhạc lại nổi lên. Quý cùng người vũ nữ trẻ xin lỗi Bình bước ra sân nhảy. Hai người ôm nhau nhảy như một đôi tình nhân mới được gặp nhau lần đầu đương du dương trong tình ái.

Nhìn cái xã hội phong lưu của Hà Nội vui chơi, nhìn cái mặt phẳng lỳ tự mãn của người thầy thuốc quen chàng và vẻ mặt đắm đuối, ngây dại của Quý cạnh vẻ non nớt của cô gái trong tay Quý, Bình nhớ lại một lần đã lâu rồi, lần đầu Quý gặp Phương. Vẻ mặt

Quý cũng đắm say ngây ngất như phút này Quý ôm một cô gái nhảy, Quý cũng đã nhìn Phương bằng đôi mắt ham muốn ấy.

Bình nghĩ đến cái phòng ấm áp của Quý ở con đường Hàng Đẫy. Lúc này hình ảnh Phương hiện ra trong khung cửa sổ, bên cạnh một cành lá án mộc run rẩy trong mưa gió.

Chàng ngồi giữa chốn đàn hát, vui chơi, mà thấy mình như con ốc đã thu mình vào vỏ, không dự gì vào cuộc hành lạc của thiên hạ trong nhà khiêu vũ đêm nay.

*

* *

Gió heo thổi lào rào như chạy trên cây lá. Đã lâu trời mới lại quang đãng và nắng ráo như vậy. Mấy hôm vừa qua Bình đã làm việc rất chăm chỉ. Bây giờ chàng nghỉ ngơi trong vườn như một người già. Con chó theo chàng từng bước quanh nhà, hớn hở như mừng vì đã có bạn. Thỉnh thoảng, Bình dừng lại ở một gốc cây và yên lặng ngắm cái nhà bé nhỏ của mình giữa miếng đất rộng đầy cây cối. Chàng đã bằng lòng mình, bằng lòng công việc của mình, bỗng có trong lòng cái thú của một vị sư già đi dạo quanh chùa vắng, nhặt một miếng rêu hay một cành hoa đại rụng, sau bữa nước chè sáng. Tinh thần và xác thịt nhẹ nhõm, chàng yêu từ một cái lá, từ một bông hoa nhỏ mọn nở trong đám cỏ sương. Ngôi nhà và thửa vườn là của một họa sĩ bạn để lại cho. Người bạn vì phải đi dạy học ở miền Nam nên nhường lại. Bình lấy làm kiêu hãnh vì đã dùng đồng tiền của mình kiếm ra một cách có ích. Một buổi bày tranh bán riêng đã đem lại cho chàng được cái cơ nghiệp cỏn con kia. Bình đã tự an ủi được mình khi nhớ lại những cuộc vui chơi hoang phí thì giờ và tiền bạc.

Ngôi nhà nhỏ của chàng, cái vườn xanh của chàng, chỉ có ở đây chàng mới tìm thấy yên tĩnh cho tâm hồn: một tâm hồn luôn luôn thắc mắc. Mỗi lần Bình trở về nhà là chàng thấy mình chỉ còn nghĩ đến công việc sáng tạo trong hiu quạnh. Như con sâu đã chui vào tổ của mình chờ ngày mọc cánh.

Bình bước vào nhà, đi qua phòng vẽ thay áo, chàng dừng ngắm những bức tranh mới màu sơn còn ướt. Phút đó chàng quên hết những nỗi băn khoăn của người nghệ sĩ lúc còn đứng trước khung vải, hay mảnh lụa còn trinh bạch. Bình ngắm những tác phẩm của mình

như một người mẹ đã qua thai nghén, yên lặng nhìn đứa hài nhi mới lọt lòng đương chập chờn giấc ngủ.

Có tiếng giày bước lên thềm nhà, Bình giật mình quay lại. Chàng sắp sửa cau mặt bỗng vội cười ngay. Một người đàn ông vẻ mệt nhọc bước vào. Bình vui vẻ kêu lên:

– Thảo?

– Vâng, Thảo. Sao anh nhìn tôi như vậy?

– Bởi vì anh đến chơi sớm quá.

Bình thân mật cầm tay Thảo:

– Có việc gì không? Chắc lại cần tiền mới bổ vào tận đây sớm thế chứ gì? Bè bạn quái gì anh.

Hai người đàn ông cùng cất tiếng cười.

Thảo là một nhà tiểu thuyết. Nội các bạn của Bình, Thảo được Bình mến nhất, tuy nghèo nhất đám. Thảo cũng sống cuộc đời lang thang của các nghệ sĩ ở Hà thành, nhưng điêu linh hơn cả, bởi vì chàng chỉ chuyên có một nghề văn. Nhưng bao giờ thì Thảo cũng vui tươi hơn tất cả. Chàng đi đến đâu là vui đấy. Câu chuyện của chàng có một vẻ khôi hài chua chát mà Bình rất ưa nghe. Bình thường phải giúp đỡ Thảo luôn, và lâu lâu không gặp Thảo là chàng phải đi tìm cho được.

Thảo không phải là một kẻ dễ tìm, chỗ nào ở Hà Nội cũng có thể là nhà chàng. Bởi vậy mỗi lần gặp Thảo là Bình mừng rỡ thực tình.

Bình thắt lại nút "ca vát" lỏng lẻo ở cổ áo sơ mi của Thảo rồi nhìn vẻ mặt phờ phạc của bạn làm ra vẻ khinh bỉ:

– Chắc lại đi đâu suốt đêm rồi bò về đây định ngủ chứ gì?

Thảo điềm tĩnh đáp:

– Cũng hơi đúng đấy. Nhưng trước khi ngủ hãy cho ăn đã.

– Thế thì sướng thật! Tôi thấy lúc nào anh cũng nhàn nhã lạ....

Thảo cười nhạt chỉ vào đầu:

– Nhưng cái này lúc nào cũng làm việc: làm việc suốt đời, làm việc như một kẻ khổ sai chung thân. Đó là cái kiếp của những người làm tiểu thuyết. Một anh cu ly xe kéo hết ngày còn được nghỉ, một anh phu mỏ làm hết giờ còn được nghỉ. Đằng này chúng tôi không bao giờ. Thực là một cái nghề thú vị: ai cũng cho là nhàn nhã, thực ra thì bận rộn suốt đời.

– Thế sao anh không đi kéo xe hay đi làm thợ có hơn không?

Thảo thở dài:

– Đời tôi thực là trái ngược. Bao giờ tôi cũng làm trái điều tôi định cả.

– Cả những tiểu thuyết anh đã viết?

– Nhất là những cái tôi đã viết. Tôi không bao giờ viết được những sách mà tôi muốn, không hiểu sao lại như vậy được. Hình như tôi cứ bị lôi kéo đi theo những con đường lầm lạc, chứ không phải con đường mà tôi đã chọn, như một kẻ bị ma làm.

– Vậy anh còn viết làm gì nữa?

– Vì tôi không thể không viết được. Tôi viết tiểu thuyết như con trai nhả bọt để làm thành cái vỏ cho mình. Tôi ẩn vào trong "tác phẩm" của tôi, như con trai ẩn mình trong vỏ cứng.

Bình và Thảo sau câu nói đó đều yên lặng. Hình như cả hai đều nghĩ đến cái đời đơn độc sâu kín bên trong của mình và cùng thoáng thấy buồn.

Thằng nhỏ đem đồ ăn sáng bầy ra bàn. Giữa tiếng thìa bát đụng nhau, Bình sửng sốt nhìn, Bình đoán là Thảo vừa đau khổ về một chuyện riêng gì nên hôm nay chàng cay đắng hơn mọi bữa. Nhưng Thảo đã lại nhìn Bình tủm tỉm cười:

– Còn anh? Độ này cũng tươi lắm thì phải? Tôi thấy mấy người quen họ bảo anh đương họp thành một bộ ba vui vẻ ở phố Hàng Đẫy phải không?

Thấy Bình không trả lời, Thảo nói thêm:

– Bà Quý kể cũng là một người đẹp đấy. Nhưng tiếc rằng đã có chồng. Người ta bảo anh quen nhà ấy đã lâu rồi thì phải?

Bình cau có đáp:

– Quen từ hồi ở tỉnh Thanh, từ hồi...

– Phải, người ta chỉ yêu cái gì đã đi khỏi tay mình, không phải của mình. Một người đàn bà đẹp đã có chồng. Cũng không có gì lạ lắm.

Bình đứng lên:

– Thôi không nói nhảm nữa.

Thảo cũng đi lại phía bàn ăn, vừa đi vừa nói:

– Một cái ái tình vô hy vọng như trong tiểu thuyết? Như thế quả tim sẽ có chỗ dùng, và sống mãi. Một người nào đấy đã nói: "Quả tim sinh ra là để mà tan nát. Người ta phải tan nát thì chết mới đáng đời. Và điều tai hại nhất là lúc lòng ta trơ ra, thành gỗ đá".

Nhìn vẻ mặt bực tức của Bình, Thảo lại càng muốn trêu thêm. Thảo vừa ăn rất nhanh, vừa nói tiếp:

– Nhưng đàn bà họ phải dại dột lắm mới yêu được bọn chúng mình. Đối với chúng mình, họ chỉ là cái trạm để mình trú ẩn một chốc trên quãng đường dài mưa nắng thất thường. Chán cái quạnh hiu thì ta mới tìm đến họ. Câu nói của thi sĩ Byron về đàn bà bao giờ cũng đẹp: "Anh không thể sống cùng em được, mà cuộc đời anh cũng không thể không có em". Ái tình! Ái tình chỉ để cho những đồ vô dụng không có việc làm gì khác hơn quỳ dưới gối người đàn bà và ca tụng sắc đẹp thần tiên của họ...

Thảo quỳ một chân xuống đất, hướng về phía Bình bắt chước giọng một kẻ si tình:

– Em ơi! Em là cái lẽ sống của đời anh. Mời em xơi cái bánh tây này cho anh chết!

Bình giật lấy cái bánh đập lên đầu Thảo. Cả hai cùng cười rũ rượi, Bình đã lây cái vui của Thảo. Cả hai đều thấy lòng vui vẻ như lòng trẻ thơ nghịch ngợm.

Ăn xong, mỗi người nằm một chiếc ghế dài hút thuốc. Nói chuyện bông đùa một lúc Thảo lim dim mắt ngắm bức tranh than treo ở gần chỗ Bình nằm. Đó là bức tranh của Bình vẽ Phương hồi con gái, Bình thấy Thảo không nói nữa thì tưởng bạn đã ngủ rồi liền rón rén đứng lên. Nhưng Thảo đã gọi lại ngay:

– Anh Bình, bức vẽ nào thế này? Tôi trông hơi giống bà Quý ở Hàng Đẫy có phải không?

Bình gật đầu đỏ mặt trả lời:

– Đây là Phương ngày ở tỉnh Thanh. Ngày đó Phương 16 tuổi.

– Phương? Tên bà Quý? Thôi tôi xem ra anh yêu mất rồi anh Bình ạ. Anh đừng chối. Có thực không? Anh yêu bởi người ta đã có chồng cũng như tôi, tôi yêu cô con gái nhà hàng xóm bởi vì tôi biết không bao giờ cô ta chịu lấy tôi, nếu tôi nói đến hôn nhân. Cô ta rất thích tiền, mà tôi thì lại rất ít tiền...

– Bởi thế nên anh hóa ra chua chát?

– Cũng hơi đúng ấy. Nhưng thực tình, làm gì có những kẻ yêu nhau ở đời bây giờ. Chúng ta đã trở nên hèn quá mất rồi bởi vì chúng ta văn minh quá. Khéo không nhầm đấy anh Bình ạ. Chân ái tình, cái đó chỉ là tính tình của những giống người còn man mọi. Chúng ta đã trở nên giả dối quá rồi.

Thảo nói xong câu ấy liền ngủ thẳng. Nhưng Bình thì thấy khó chịu. Những lời nói sống sượng của Thảo không làm cho Bình thấy vui thích như mọi hôm. Lòng chàng không bình tĩnh như trong buổi sáng tinh sương nữa, như lúc Thảo chưa đến với chàng. Bình nghĩ đến những người đàn bà chàng đã gặp gỡ trong đời. Hình ảnh Phương bao giờ cũng hiện ra rõ nhất và lấn hết mọi hình ảnh khác. Chàng đưa mắt nhìn bức tranh than và bỗng nhận thấy rằng Phương hơi giống những người mẫu của một họa sĩ Hà Lan mà chàng ưa nhất.

*

* *

Phòng triển lãm đông như hội. Khói thuốc lá, hơi người, tiếng nói chuyện lầm rầm ở mọi góc phòng. Bình thấy mệt, mệt về những câu chuyện xã giao, mệt về những lời bình phẩm của công chúng, mệt vì trước ngày bầy tranh, chàng đã làm việc rất nhiều. Từ buổi sáng chàng đã có ý đợi vợ chồng Quý đến, nhất là Phương. Nhìn những công trình của mình bầy lẫn lộn giữa những tác phẩm của đủ mặt họa sĩ đã có danh và mới xuất hiện, Bình có một chút tự kiêu. Chàng tưởng tượng đôi mắt của Phương sẽ nhìn vào đấy. Thế là đủ cho chàng sung sướng. Trên đời, có một kẻ nào đó đã không lãnh đạm với những công việc của chàng theo đuổi. Ý tưởng đó cho chàng một nỗi vui đầm ấm, một cái gì như tình thân ái của một người bạn ở xa, nhưng mình biết là vẫn trung thành.

Người vào cửa càng đông thêm vì là chiều chủ nhật. Những người đàn ông ăn mặc sạch sẽ, những người đàn bà lộng lẫy, dáng đi làm ra cao quý, những cô thiếu nữ tươi cười lượn đi lượn lại quanh phòng. Hình như họ đến đây vì thấy đông người đến, như họ đã đến trường đua ngựa hay đến nhà hát lớn một đêm dạ hội, để khoe quần áo và sắc đẹp. Bình nghe thoáng thấy một câu bình phẩm tranh mình. Một

vài kẻ làm ra quan trọng đương giảng cho bạn bè hay người quen về chỗ được chỗ hỏng trên các bức tranh. Họ ghé vào tai nhau mà nói, họ lùi ra xa mà ngắm, nheo mắt lại, hay sẽ gật đầu. Bình tủm tỉm cười. Chàng nghĩ thầm rằng Hà thành là một đô thị có nhiều kẻ tài giỏi nhất mà cũng nhiều kẻ vô vị nhất.

Có người đập vào vai chàng. Quý mặt mày hớn hở và áo quần mới mẻ hiện ra trước mắt chàng. Thấy vắng bóng Phương, Bình ngạc nhiên nhưng không hỏi. Quý bắt tay chàng và nói ngay:

– Phương không chịu đi. Hình như mệt.

Rồi Quý nói ngay đến những tranh của Bình mà chàng đã xem qua một lượt.

Bình hơi cau mặt. Chàng nghi ngờ câu "Hình như mệt..." và chàng đoán gia đình Phương mới xảy ra một sự gì. Ít lâu nay, Bình nhận thấy Quý chơi bời liều quá, vắng mặt luôn, và nét mặt Phương thường ủ dột. Nàng đã cố giấu Bình một sự gì.

Bình thấy ghét lối ăn mặc chải chuốt của Quý ngay lúc đó. Chàng nhìn lên đầu Quý. Một đường rẽ thẳng tắp chia hai món tóc chải bóng ra hai bên. Bình khó chịu vì thấy cái đường rẽ ấy trắng quá và thẳng quá. Một mùi thơm thoát ra ở người Quý làm Bình nghĩ thầm:

– Người hắn thơm như một cửa hàng thợ cạo.

Bình kéo Quý ra đường. Quý sôi nổi kể cho chàng nghe những chuyện ăn chơi vừa qua.

Quý nói đến những đàn bà mà chàng đã biết với một giọng kiêu căng, tự phụ. Bình nghe bằng một tai lơ đễnh. Đến một hàng rượu tây hai người vào uống một cốc bia rồi chia tay nhau. Quý nói là đi tìm một người bạn có việc cần. Trời đã tối. Bình đoán là Quý đi tới một cuộc hẹn hò nào của đàn bà hay của một vũ nữ nào. Bình nhớ tới người con gái vẫn thường ngồi mẫu cho chàng vẽ. Buổi sáng, chàng đã gặp thiếu nữ trong đám đông đến phòng triển lãm. Nàng đã đứng rất lâu để ngắm hai bức tranh mà nàng ngồi cho Bình vẽ. Bình nghĩ thầm.

– Có lẽ cô ta đã được bằng lòng vì thấy không giống mình, vả lại đẹp hơn nhiều.

Việc đó làm cho Bình thấy vui vui. Chàng nghĩ đến nỗi lo ngại của người con gái kiếm tiền, nghèo, tối tăm, mà còn sợ dư luận. Nàng sợ Bình vẽ giống quá thì sẽ có người nhận ra và cười nàng là gái

kiếm tiền. Nàng đã khẩn khoản xin Bình đừng vẽ giống. Và khi bức vẽ đã xong, nhìn thấy người trong tranh có vẻ thanh tú và cao quý quá thì nàng lại ngạc nhiên như một đứa trẻ con. Nàng không ngờ mình lại "sang" đến thế. Thiếu nữ đó, Bình mượn được là do một họa sĩ bạn chàng giới thiệu. Bình nhận thấy ở người mẫu của mình có những dáng điệu giống Phương, nhất là lúc đi lại trong phòng vẽ. Nếu Bình muốn, đêm nay thiếu nữ đó sẽ ở trong tay chàng. Bình nhớ lại giọng nói lẳng lơ của thiếu nữ.

– Hôm nào rỗi anh lại thăm em. Em ở một cái gác con, phố Phạm Phú Thứ.

Nhưng, hình ảnh Phương hiện ra ngay, Bình tự bảo:

– Có lẽ Phương mệt thực. Có lẽ nàng đang buồn lắm.

Ta đến lúc này hẳn nàng sẽ vui mừng.

Bình không muốn tự thú với mình là đã lâu chàng chưa thấy mặt Phương, và nhân lúc này Quý đi chơi vắng...

Bình gọi xe đến nhà Phương.

Ở phòng khách không có ánh đèn. Thằng nhỏ nghe chuông gọi chạy ra bảo cho chàng biết là Phương nằm ở buồng bên và đương xem báo. Bình hỏi rất tự nhiên:

– Ông bà mày vừa mới cãi nhau có phải không? Độ này ông mày hay đi đêm lắm chứ gì?

Thằng nhỏ cười và nói nhỏ:

– Bà con bỏ cơm tối không ăn.

Phòng khách đã sáng đèn. Bình ngồi được một lát thì Phương ra. Nàng mặc một chiếc áo đen, mặt không phấn sáp, nhưng dưới ánh đèn trông nàng có một vẻ rầu rĩ rất hợp với nước da mặt hơi xanh. Trông thấy Bình, Phương làm ra vui vẻ hỏi ngay:

– Anh ở phòng triển lãm về có phải không? Anh không gặp Quý?

Bình nhìn nàng dò xét, trả lời:

– Quý vừa đi uống bia với tôi. Tôi tưởng đã về rồi. Sao Phương không cùng đi với Quý.

Phương cười nhạt nhẽo:

– Không hiểu sao tôi không muốn đi đâu cả. Tôi là một hạng người tỉnh nhỏ không bao giờ quen được với cái đời sống ào ạt ở kinh thành.

Nàng ngừng một lát rồi nói tiếp:

– Tôi biết có một bức tranh anh thích lắm...

– Tôi chỉ chờ có một mình Phương.

– Anh vẽ gì trong đó?

– Hai người thiếu nữ đứng trên một đồi cỏ. Tôi đã nghĩ tới Liên và Phương trong khi vẽ. Tôi đã nghĩ đến núi Mật ở tỉnh Thanh, nơi mà ngày xưa chiều chiều chúng ta cùng đi hóng mát. Hai thiếu nữ mà tôi yêu quý nhất đời. Họ dẫm chân trên cỏ xanh, đằng trước mặt là nền trời biếc như nước bể một hôm trời lặng. Một vài đám mây nhỏ như những sợi bông bay lơ lửng. Hai thiếu nữ như muốn bước vào chốn khinh không cao rộng.

Phương đi đến bên cửa sổ nhìn ra đường. Mắt nàng long lanh nước mắt. Bình đi lại bên nàng:

– Phương... Hình như Phương không sung sướng...

Phương quay lại nhìn Bình sẽ gật đầu. Giọng nàng hạ thấp mặt tái hẳn. Đó là lần đầu Bình thấy Phương như vậy, lần đầu nàng nói với Bình bằng cái giọng như cầu khẩn ấy:

– Anh phải yêu em như là Liên, như là em gái của anh mới được. Ở đây em chỉ có anh. Em cần một tấm lòng như thế biết chừng nào. Anh hãy yêu em cho dẫu không hy vọng... Phương không nói hết nhưng Bình hiểu. Chàng nắm tay Phương, thấy như mình đương nắm trong tay một con chim nhỏ run rẩy hồi hộp. Bàn tay Phương cũng bóp chặt tay chàng một cách thất vọng và đau xót. Chưa bao giờ Bình thấy một bàn tay đàn bà khiến chàng cảm động như vậy. Chưa bao giờ chàng có một cảm giác sâu xa như vậy. Chàng tưởng tượng hình như bao điều đau khổ của Phương chính chàng đã gây ra.

Một cái ô tô đỗ rít lên ở hè phố trước nhà làm hai người hoảng hốt bỏ tay nhau ra. Phương buồn rầu bảo Bình:

– Thôi anh về đi. Anh phải nhớ đến luôn đấy, dù là trong vài phút...

Ra đến đường, Bình quay lại:

– Tuần lễ sau tôi đi Thanh Hóa.

Phương mở to mắt nhìn chàng:

– Anh đi Thanh có việc gì?

– Thăm Liên, và nhìn lại... Tôi cũng muốn đi đâu nghỉ một dạo. Tỉnh Thanh có lẽ hơn cả. Tôi sẽ đi ra bể...

Phương thờ thẫn nói:

– Phải, tỉnh Thanh, anh nên về đấy mà nghỉ. Biết đâu chúng ta chẳng lại gặp nhau ở núi Mật như ngày xưa. Em cũng vừa nghĩ tới tỉnh Thanh lúc anh chưa đến...

*

* *

Hai người nhìn nhau một lúc. Bình ngờ ngợ đưa tay lên mũ. Chàng tự bảo thầm: "Chính phải rồi! Chính anh Tùng ", nhưng người kia đã kêu lên:

– Anh Bình có phải không? Trông vẫn trẻ như thường. Anh mới về đây?

Bình đã nhận ra người bạn học cũ của chàng ở giọng nói. Chàng cảm động nhìn cái áo the đen rầu rĩ trên thân hình bé nhỏ của người đàn ông và nét mặt như mệt nhọc, như ẩn một vẻ gì chán nản. Bình cố đoán xem vẻ mặt ấy nói với chàng những gì, như người chăm chú đọc cái bìa sách để đoán xem cuốn sách chứa đựng những gì. Chàng nắm tay bạn vồn vã:

– Anh Tùng, lâu ngày lắm đấy! Anh đi dạy học về? Có gì lạ không?

Tùng cười nhạt, chống cái đầu ô xuống đất, cúi đầu bẽn lẽn tự thấy mình hèn mọn quá trước người bạn ở xa về. Một người bạn đã có danh tiếng ở kinh đô, đã có một cuộc đời khác với cuộc đời tối tăm của mình nơi tỉnh nhỏ. Chàng trả lời bằng tiếng Pháp:

– Còn có gì lạ nữa, đời một người giáo học, ở cái tỉnh này người ta không làm gì được cả.

– Anh vẫn làm thơ như ngày trước?

– Làm thơ? Anh định giễu tôi đấy chứ? Bốn đứa con với một bà vợ ốm đau luôn, anh tưởng ai cũng được như anh?

Tùng nhìn những đứa trẻ nhỏ tan học về đi nhởn nhơ trên đường, nói tiếp:

– Nếu tôi còn làm thơ như trước, có lẽ tôi sẽ ca ngợi lòng can đảm anh hùng của những kẻ chịu nhận cuộc đời mình, sống nhẫn nhục trong chật hẹp.

Bình thấy lạnh trong lòng. Hình như cái đau, uất ức của bạn thố lộ ra lời đó đã khiến chàng ghét ngay cái tỉnh hiền lành, yên lặng mà vừa đây thăm lại chàng cho là dễ chịu, là êm đềm, cái tỉnh đã thấy chàng ra đời, đã giữ bao nhiêu kỷ niệm của đời chàng.

– Tôi đã làm hỏng đời tôi rồi anh Bình ạ. Đời tôi, tôi định cho nó thế khác kia.

Bình siết chặt tay người bạn cũ:

– Không có người nào như nguyện về cuộc đời mình cả.

– Đó là một câu an ủi. Xưa kia lòng tôi có lẽ cũng đã như anh. Nó đã chứa những cái gì cao xa, khác thường kia. Bây giờ những cái đó đã chết cả rồi, như con chim chết ngay trong tổ giữa lúc nó sắp giương cánh bay lên những khoảng không rộng rãi. Nội các bạn bè ngày trước, giờ chỉ có anh là hơn cả.

Bình tủm tỉm cười. Câu nói của Tùng không làm cho chàng vui lòng được chút nào. Chàng nghĩ đến sự hiểu lầm đáng thương của người ta. Chàng nghĩ đến cái vẻ ngoài hào nhoáng của mỗi người đi trên đường đời. Thực đáng buồn! Không ai nhìn rõ ngọn lửa cháy bên trong mỗi cuộc đời: ngọn lửa cháy yếu ớt, nghèo nàn, chẳng đủ ấm lòng người. Người bạn học cũ của Bình hôm nay cũng chỉ nhìn thấy cái lấp lánh bên ngoài cuộc đời Bình.

– Nếu Tùng hiểu được rằng lòng mình cũng chưa có gì mãn nguyện và nhiều khi nó tiêu điều đến thế nào.

Hai người đàn ông đi cạnh nhau, cùng ôn lại cuộc đời học sinh vui vẻ trước. Những cái tên bè bạn cũ được nhắc tới, mỗi tên là một cuộc đời, mỗi cuộc đời là một chuyện buồn rầu hay vô vị. Mỗi người đã đi theo con đường của mình, miễn cưỡng hay tự lòng, nhưng rút cục chẳng làm cho ai vừa ý cả.

Và, đó là Tùng giơ tay ra từ biệt trước:

– Anh còn ở đây lâu, xin đến chơi tôi. Tôi phải về, thằng cháu nhỏ sốt đã hai hôm nay...

Bình nhìn người bạn đi tiều tụy với cái ô của mình rẽ sang một phố, và chàng hiểu chẳng bao giờ còn gặp người bạn đó nữa, mà chính Tùng cũng không muốn gặp chàng làm gì nữa. Biết bao lần người ta chia tay nhau với một câu nhạt nhẽo như vậy rồi: "Hôm nào thong thả đến chơi tôi".

Từng phố lại từng phố. Bình đuổi theo những cái bóng vang của dĩ vãng. Không có gì thay đổi mấy. Lòng chàng không hồi hộp như khi bước xuống sân ga Thanh Hóa trong ban đêm nữa. Cuộc đời ở cái tỉnh này vẫn tẻ nhạt như xưa. Một vài người ở lâu trong thành phố nhận ra chàng và nhìn chàng dò xét. Bình rẽ sang một phố vắng và định đi đến vườn hoa thành phố. Chàng muốn được ngồi trong cái vườn thuở nhỏ của mình để lắng những tiếng nói của ngày qua. Bỗng nhiên Bình nhớ đến một ông cố đạo ở nhà thờ, một người bạn già hồi trước, một ông thầy học cũ của chàng. Ý tưởng muốn được gặp lại một người cũ có lẽ nay đã già yếu lắm khiến chàng lo ngại không biết có còn được thấy mặt nữa không. Lần cuối cùng Bình đã thấy sức khỏe ông già suy đốn lắm. Nhưng không biết ông có còn ở tỉnh này nữa chăng?

Than ôi. Ông cố đạo vẫn còn ở trong cái phòng rộng mông mênh của mình bên cạnh nhà thờ. Lúc Bình đến ông đang xem sách. Cả người ông già chỉ còn có đôi mắt là tinh anh, đôi mắt lóng lánh như mắt trẻ con khi ông bỏ kính ra. Lưng còng, đầu râu sương tuyết. Ông đã như một chiếc thuyền mục nát phủ rêu và bọt bể, trong chiếc ghế dài đọc sách của ông.

– Con đến thăm cha lần này có lẽ lần cuối cùng đây, cha rầy đã yếu nhiều rồi, không mấy khi rời cái ghế này.

Giọng ông già run như khóc. Bình thấy lòng mình như thắt lại. Một đời người! Một đời người sống như một cái cây chỉ tìm một con đường vươn lên cao, không ước vọng gì hơn là được chết trong lòng Chúa. Một đời người cô độc ẩn nấp trong một phòng sách rộng và lạnh lẽo mà tiếng vang động ngoài kia của cuộc đời đã bị át đi bởi tiếng kinh nhật tụng.

Buổi chiều dâng lên ngoài cửa sổ như một cơn nước triều mầu xám trùm lấp lên mỗi đồ vật trong phòng. Đây là bức tượng Đức Bà. Đây là cái điếu cổ, người bạn độc nhất sớm khuya.

Bình nhìn qua cửa kính, nhận thấy mấy bóng người đi âm thầm về phía nhà tu. Đó là bóng mấy "bà xơ" mặc áo đen đã sắp lẫn vào bóng tối. Một tiếng sáo vui vẻ bỗng vang lên trong phòng ông cố đạo. Bình giật mình quay lại: ông già đương thổi một giọng sáo quen quen. Dứt bài, ông cất tiếng cười:

– Đây là một bài đàn cha thường nghe những người nhà quê bên xứ cha hát và khiêu vũ trong những ngày xuân tươi tốt được mùa.

Bình sực nhớ ra rằng mình đã nhiều lần được nghe ông cố đạo thổi bài sáo đó ngày xưa. Có lẽ ông già tin rằng lần này là lần đầu ông thổi cho Bình nghe. Tội nghiệp! Tuổi già lẩn thẩn và hồn nhiên như con trẻ. Trong tai Bình còn dư âm của điệu sáo xưa văng vẳng khiến chàng nghĩ đến nỗi buồn của ông già xa cách quê hương trong những ngày gần đất xa trời.

Lúc Bình đi khỏi nhà thờ trời đã gần tối hẳn. Ngoài phố đã nhiều nhà có ánh đèn, chàng đi trên con đường ăn thông ra làng Hạc giữa hai ruộng lúa gió động lao xao. Về phía Hàm Rồng một đoàn xe lửa chạy, tiếng chuyển ầm ầm trên đường sắt nhắc chàng nhớ tới lúc xe lửa qua cầu lòng chàng nôn nao mong đoàn xe chóng vào tới ga Thanh.

Phố xá đã rộn rịp hơn vào buổi chiều hôm. Cái rộn rịp đầu tiên của một tỉnh nhỏ vào quãng bảy tám giờ tối. Bình về đến nhà đã thấy em gái bồng con đứng đợi chàng ở cửa. Từ ngày lấy chồng Liên vẫn ở nhà với bố mẹ. Dưới ánh đèn Bình nhận thấy Liên xanh gầy hơn trước, và hình như lại đương có chửa. Bình giơ tay ra bế đứa bé cháu vào lòng và nhìn em âu yếm. Cảnh đầm ấm của gia đình khiến chàng nhớ tới Phương. Tự nhiên Bình ao ước được gặp Phương, được nhìn Phương bên cạnh Liên như mấy năm về trước, khi cả hai còn là hai thiếu nữ chưa chồng. Chàng tưởng như bàn tay của Phương còn run rẩy trong tay mình xinh xắn như tay đứa bé. Lòng đượm một nỗi buồn tiếc bâng khuâng, Bình ôm chặt đứa trẻ vào bên ngực.

*

* *

Bình nhìn lên ngọn núi, Bình nhìn những ruộng lúa non. Không có gì lạ cả, một đống đá đen chồng chất lên nhau, nhưng đẹp biết chừng nào. Một bên là cái đẹp ngạo nghễ rắn rỏi, không cần đến tay người. Một bên là cái đẹp dịu dàng với những màu sắc dịu dàng để điều hòa những nét cứng thô của tạo hóa. Một rặng núi, một cánh đồng, có gì đâu? Ai không trông thấy?

Vậy mà, người ta vẫn cố gắng từ bao nhiêu thế kỷ để tìm hiểu cái điều bí ẩn tiềm tàng trong đó. Người ta cố vọc vạch diễn ra bằng lời nói, bằng âm nhạc, trên vải lụa, và trên mặt giấy. Người ta còn sẽ tìm kiếm đời đời cái linh hồn của sự vật.

Như một kẻ nông phu ngồi trầm ngâm trong sương chiều, Bình hồi tưởng lại thời mới nhớn lên, tâm tư xáo động bởi trăm ngàn tiếng vọng của cuộc đời. Đây là núi Mật. Đây là nơi ngày trước thường tìm đến những buổi chiều xa thành phố, với một tấm lòng trai thơ mộng. Hình ảnh một thiếu niên mon men bên cạnh cuộc đời với tất cả sự náo nức và khao khát những điều mới lạ chưa hề thỏa mãn. Chàng đã tới đây những vụ nghỉ trường ngồi hàng giờ dưới chân núi, trên đệm cỏ, lắng gió chiều và bày xếp tương lai. Đi đường nào đây? Yêu cái gì đây? Quả tim căng quá, vì đầy quá, vì chứa đựng bao nhiêu mơ ước tưởng là thực hành được hết.

Đến bây giờ, đến bây giờ đã bao nhiêu đổ nát, đã bao nhiêu tan vỡ, bao nhiêu mộng đẹp sẩy thai.

Dĩ vãng như một quả tim thứ hai đập dồn dập trong người chàng. Chàng nhìn lại chốn xưa, và ngậm ngùi như một chiến sĩ nhìn lại bãi chinh chiến cũ trong đó đã để bao nhiêu cố gắng sức lực. Không có gì nữa cả. Vẫn như xưa, cây cỏ vẫn như xưa. Tạo vật vẫn vô tình, vẫn lạnh lùng, vẫn rực rỡ. Tâm cảnh dù có tơi bời đến bao nhiêu chăng nữa cũng bằng thừa.

Vài người đàn bà xứ Nghệ đi bán nước mắm ở chợ Nấp về nói cười vui vẻ trên bờ sông Nông Giang. Tiếng họ nặng nề quê kệch. Một người chăn vịt đuổi dưới đồng lên một đàn vịt con xinh xắn và ngoan ngoãn. Đàn vịt rất đông, đi theo nhau, đi trước người chăn. Như một dòng nước chảy. Người đàn ông da đỏ như sành vì dãi dầu sương nắng, im lặng theo đàn vịt của mình, tay cầm một cái sào dài. Hắn nhìn những người đàn bà con gái, đương tắm dưới sông để lộ những mảng thịt trắng nhưng mặt không chút cảm động.

Cuộc đời thực giản dị và yên lành, Bình nhìn theo người chăn vịt và nghĩ đến cái đời cô độc của người đàn ông đó. Nay một cánh đồng, mai một cánh đồng xa lạ, anh chàng đi theo đàn vịt của mình như một nghệ sĩ giang hồ đi theo những cái mộng cao xa, không ở lâu đâu một chỗ, không quyến luyến, không bằng lòng một cảnh nào đã quen rồi.

Tiếng reo của một cây lạ mà Bình ngồi dưới gốc khiến chàng ngửa mặt lên nhìn. Ngọn cây mềm, gió thổi ngả nghiêng. Trời xanh ngắt. Đâu đâu cũng là một màu xanh: trời, cây, cỏ, ruộng... Bình thấy mình ngập lụt trong màu xanh. Tiếng cây rì rào như tiếng một người bạn cũ kể chuyện say sưa thân mật. Bình thấy say cùng cảnh và tự hỏi xem từ kẻ thiếu niên ngày trước đến người đàn ông đứng tuổi bây

giờ có thực đã có nhiều thay đổi hay là vẫn chứa một tâm hồn mơ mộng cũ?

Tiếng hát véo von của một bé gái ngồi trên lưng trâu từ thửa ruộng trước mặt đưa vẳng tới nhắc Bình nhớ lại một bài hát quê mùa thường được nghe hồi nhỏ. Chàng không hiểu là trẻ mục đồng ngày nay còn giữ cái tục hàng năm đến tháng ba thường rủ nhau, từ đồng ruộng đi vào các nhà trong thành phố để hát và quyên tiền. Những đứa trẻ con rách rưới đầu để trái đào bưng một khay gỗ đựng vài ba bông hoa dâm bụt, đi từng nhà để quyên tiền như các bà vãi, bà sư đi quyên giáo. Hình như bọn trẻ quyên tiền như vậy hàng năm để sửa sang, tu bổ một ngôi đền nào đấy mà chúng thờ chung một vị thần ủng hộ các mục đồng. Bình bất chợt thấy mình đương ôn lại những câu hát chứa đầy vẻ ngây thơ cổ kính mà lúc này chàng vẫn chưa quên: *"Chúng tôi con trẻ mục đồng ông bà thờ phụng mở lòng trông ra, chúng tôi con trẻ tháng ba v.v..."* Những phong vị hiền lành thuở trước của nơi sinh trưởng, như một luồng gió mát thổi vào lòng chàng. Cái đẹp thấm vào giác quan của chàng như một dòng nước suối thơm thấm vào trong đá.

Giữa lúc đó, một vệt nắng chạy từ một cánh đồng xa lại làm sáng dần những mảnh đất ruộng từ trước vẫn nhuốm một vẻ rầu rầu trong bóng mây râm, ánh nắng như một làn nước lụt tràn lấn mãi. Ánh nắng đi qua cả chỗ Bình ngồi. Có lẽ đó là ánh nắng cuối cùng của chiều hôm. Bình thấy tâm trí mình cũng sáng bừng lên, và tức thì, chàng liên tưởng đến một chiều nào đó trong buổi hoa niên, Bình cũng đã đứng gần đâu ở chốn này với hai người con gái, Liên và Phương. Cả ba người cùng nhìn vệt nắng chạy trên cánh đồng từ xa lại và cùng đợi nó tới chỗ mình như người ta đợi chờ một sự nhiệm mầu.

Bình có cảm giác rằng cuộc đời dừng lại trong phút đó, thời khắc xưa kia tức là thời khắc bây giờ. Liên và Phương vẫn ở bên chàng, cái không khí đầm ấm của mùa xuân cũ có phảng phất mùi hương phấn của hai người trinh nữ, chàng đứng lên đi tìm cho được đúng chỗ chàng đã đứng ngày xưa. Không khí bao bọc người chàng như hơi thở của một người đứng trước mặt mình. Chàng cảm thấy có hai con mắt ngước nhìn chàng từ trong chốn sâu thẳm của ký ức: đó là đôi mắt của Phương, sáng chói và cầu khẩn, dò hỏi và tuyệt vọng. Chàng như nghe rõ quả tim của Phương đập nghẹn ngào trong lồng ngực, như quả tim của chàng giữa lúc này.

Có tiếng chân người dẫm lên cỏ sau lưng Bình. Chàng quay lại, sự kinh ngạc khiến chàng choáng váng. Phương? Người thiếu phụ đương tiến lại chỗ chàng, có thực là Phương hay là cái bóng của người con gái ngày nào mới hiện ra, nhờ sự nhiệm mầu của buổi chiều xưa trở lại? Bình không dám bước lên bước nữa. Chàng sợ chỉ một cử chỉ rất nhẹ nhàng cũng đủ làm tan cái bóng người mới hiện ra kia. Chàng có cả vui mừng và lo sợ. Cả hai cùng xúc động về sự gặp gỡ nhau ở một nơi không hẹn trước.

Phương nói:

– Bình xem, thế nào rồi cũng có một buổi chúng ta gặp lại nhau giữa chốn này.

Bình ngạc nhiên nhìn khuôn mặt mà ngày đêm mình mơ tưởng. Trong giờ khắc đó Phương đẹp quá. Thân hình nàng mong manh quá.

Bình vội nói:

– Chúng ta gặp nhau như trong cảnh chiêm bao. Nhưng Phương về đây bao giờ? Và sao lại tìm được tôi ở xó này?

Phương mỉm cười tinh nghịch:

– Tôi có đi tìm anh đâu? Tôi đến đây chỉ cốt thăm lại nơi mình yêu thích ngày nào...

Ngừng một lát, nàng nói tiếp:

– Nhưng tôi biết là thế nào cũng gặp một sự gì ở chốn này....

Bình tiếp: Một chút vang bóng của những ngày tàn tạ. Chỉ có thế thôi. Nhưng, giời sắp tối đến nơi rồi. Ta cùng về chứ? Phương đã gặp Liên chưa?

Phương vội kêu lên:

– Anh đợi tôi một chút. Biết khi nào còn trở lại đây...

Phương nhìn theo một cánh cò bay về cánh đồng xa đã mờ hơi sương, và biến mất vào chân trời. Một vài người ở ruộng lên, rảo bước đi. Mầu nâu sẫm của quần áo họ đã lẫn vào mầu đất. Nỗi lạnh lẽo cô đơn lại xâm chiếm lòng nàng. Tự nhiên nàng đi lại gần Bình:

– Thôi, chúng ta về. Trời đã lạnh.

Hai người đi sát nhau không nói. Bình nghĩ thầm rằng trong phút này Phương đã ở trong tay chàng. Chàng hiểu rằng Phương chỉ đợi chàng gọi tên nàng, nói lên một tiếng là nàng sẽ ngã vào chàng. Bình sẽ hứng lấy nàng như một cánh hoa thơm quý trong tay, như

hứng một giọt nước mưa trong. Bình sẽ nghiêng đầu nhìn Phương. Đôi môi của Phương hé mở trong bóng tối như nụ hoa nở ban đêm chờ gió. Tự nhiên Phương cũng quay đầu lại nhìn chàng. Cảnh rộn rịp của một phòng khiêu vũ đêm bỗng thoáng hiện ra trong đầu người họa sĩ. Không hiểu sao Bình nhớ lại nét mặt tầm thường của Quý khi ghé sát mặt người vũ nữ... Bình không phân biệt được sự xôn xao trong lòng mình nữa. Quay đi một cách thất vọng, chàng tự bảo thầm.

– Không! Không! Ta không muốn yêu Phương cách đó! Ta không muốn...

Tiếng nói không thoát ra lời ấy vang động trong cổ họng, và làm chàng đau đớn. Bình hiểu là không bao giờ chàng ôm lấy cái thân hình kiều diễm của Phương, không bao giờ chàng đặt môi chàng lên đôi môi ấy... Không bao giờ cả. Đến gần nghĩa địa thành phố, chàng chỉ những ngọn cây phi lao lờ mờ in bóng đêm trên trời điểm sao thưa:

– Bao giờ già, ta sẽ về đây cũng sẽ nghỉ ngơi bên cạnh những người bà con đã nằm ở nơi kia.

Phương thở dài, im lặng. Một lát sau nàng khẽ bảo Bình:

– Thôi đến đầu tỉnh rồi, để em đi về trước...

Bình dừng lại. Chàng đã hiểu Phương không muốn đi bên cạnh mình vào trong phố. Nàng đã có chồng, những lời dị nghị của đám người thóc mách trong tỉnh nhỏ... Đời đã lại chia rẽ hai người.

Chàng cười nhạt, rẽ sang một con đường khác. Trời lạnh, nhưng đêm sao sáng sủa. Bình ngửa mặt nhìn trời. Đêm tối như muốn bắt đầu làm dáng, đã bỏ ra tất cả đồ trang điểm. Sông Ngân Hà lấp lánh những sao trong lòng. Bầu trời như một cái áo tơi rộng lớn sẫm mầu, dát toàn châu ngọc chiếu lửa ra khắp mặt.

*

* *

Bình kéo tấm chăn len đến ngực, rồi ngoảnh mặt ra vườn. Ánh trăng mon men liếm dần vào cửa sổ. Bình chợt nghĩ khi nào ánh trăng chiếu đến mình thì sẽ lạnh. Chàng nằm im lắng từng tiếng động rất nhỏ ngoài vườn. Chiếc đồng hồ để trong buồng tích tắc đều đều như ru ngủ. Nhưng Bình không thấy buồn ngủ chút nào, mặc dầu

chàng mới đi vẽ về, và đương cần ngủ cho lại sức. Bình nhìn ánh trăng và nhớ lại một đêm ngủ ở châu Lương Sơn. Chàng cũng nằm như thế, vừa hút thuốc lá vừa nhìn ra ngoài trời. Khói thuốc lá tỏa ra, lẩn vào ánh trăng xanh. Bình nghĩ đến Phương. Bởi vì hôm nào có trăng Bình cũng nghĩ tới Phương. Đêm trăng ở đâu cũng có vẻ huyền bí nhưng bao giờ cũng thân mật với lòng người. Thế là Bình ngồi dậy bật đèn tìm thuốc hút. Trong ngăn kéo chiếc bàn con kê ở đầu giường. Bình tìm thấy một cuốn sách nhỏ. Đó là cuốn nhật ký, đã gần ba năm rồi, Bình không viết gì vào đó cả, và cũng chưa lúc nào xem lại. Mỗi lần nhìn thấy sách, chàng lại mỉm cười nhớ đến hai câu thơ của một người bạn mình ưa đọc:

Đã qua rồi cơn mộng,
Đừng vỗ nữa tình ơi!... [1]

"Đừng vỗ nữa tình ơi", đêm nay nhạc điệu của câu thơ lại làm động tâm Bình. Chàng tưởng như mình là một chiếc thuyền đã kéo lên bờ, nhưng lòng thuyền vẫn còn vang lên những tiếng róc rách của sông nước. Chàng với lấy cuốn sách bỏ quên, chàng lắng lại lòng mình như kẻ kia lắng tiếng xôn xao của đại dương tự lòng vỏ ốc. Từng trang lại từng trang, Bình giở mãi cho đến đoạn cuối cuốn sách. Và chàng dừng lại đó như người đọc truyện dừng ở trang mình bỏ dở ngày nào.

Bình đọc lại những dòng này:

"... Tôi nhìn Phương đương mải cúi xuống chiếc nôi của đứa con đầu lòng. Tóc Phương bỏ lửng trên vai tiết ra một mùi nước gội đầu quen. Đó là mùi nước lá ngũ vị hương mà tôi vẫn thường thấy em gái tôi ưa gội. Cái dáng điệu của người mẹ trẻ khom lưng trên giấc ngủ của đứa con có một vẻ gì thiêng liêng khiến tôi ngồi lặng im mà ngắm. Phương gầy đi một chút, nàng không còn được như xưa nữa. Nhưng lúc này, tôi thấy Phương đẹp hơn bao giờ hết. Và cũng vì thế, nàng lại xa tôi hơn chút nữa. Khi tôi nhìn lại Liên, sau kỳ sinh nở đầu tiên, tôi cũng đã có cảm tưởng này. Tôi thấy xa em hơn một chút, khi Liên đã có một đứa con ở trên tay. Tôi nhìn Liên và nghĩ: "Đứa con kia đã chiếm hết cuộc đời của Liên. Người đàn bà nào cũng kiêu hãnh vì đã tạo ra được một sự sống. Từ đây em tôi sẽ chỉ biết có cái "tác phẩm" của mình...

---

1. Thơ Lưu Trọng Lư

Bây giờ, nhìn Phương đứng bên chiếc nôi của đứa con, tôi thấy Phương là một người đàn bà hoàn toàn hơn trước, bởi nàng đã là mẹ. Nàng sẽ đỡ cô đơn hơn trước. Và trong mắt nàng đã thấy lóe lên cái ánh êm đềm của buổi chiều. Ngoài kia cửa sổ tiếng còi xe, tiếng tầu điện chạy, tiếng chân người qua lại rộn ràng trong buổi ngày tàn của một kinh thành, không ảnh hưởng gì, không kinh động đến đời sống của một thiếu phụ đã nấp vào con thơ như một tín đồ nấp vào tôn giáo. Ở phòng bên, đương dọn bàn ăn, tiếng bát đĩa chạm nhau làm cho tôi nghĩ đến Quý. Ông chủ nhà có vắng mặt trong bữa cơm tối này cũng chẳng hề gì. Phương sẽ không trông thấy chỗ trống của người chồng vẫn thường ngồi ăn trước mặt. Còn tôi nữa, giá tôi đứng lên rất sẽ, giá tôi bước ra khỏi nhà này, có lẽ Phương cũng không trông thấy nữa. Ý nghĩ ấy tự nhiên khiến tôi buồn. Tôi vừa đứng lên thì đứa bé trong nôi cất tiếng khóc. Tiếng khóc bé nhỏ vang lên làm ấm áp cả gian phòng.

Phương bế con lên âu yếm. Nàng ôm chặt lấy nó và áp mặt vào mặt nó như muốn hít lấy tất cả không khí bao bọc quanh người đứa bé. Nàng nói những câu nựng nịu buồn cười không hiểu có tự bao giờ của những bà mẹ khác. Tôi bước lại gần Phương, đứa bé mở mắt nhìn tôi trong bóng tối. Tôi không còn ngửi thấy mùi ngũ vị hương thơm nhẹ nữa. Một mùi sữa hoi hoi thoát ra ở người đứa bé. Phương đưa nó lại gần tôi và cố ý muốn tôi bế nó. Tôi giơ tay ra đỡ nó vào lòng như người đỡ một vật gì nặng lắm. Đứa bé cựa quậy trong tay tôi, tôi thấy nao nao.

Phương cười ngặt nghẽo đứng xa ra mà ngắm:

– Trông anh bế con có vẻ lắm. Còn đợi gì mà chưa lấy vợ.

Giữa lúc đó thì người u em đi vào phòng và bật đèn lên. Tôi trao lại con cho Phương. Trong ánh đèn trơ tráo tôi có cảm tưởng như một người vừa tỉnh ngủ thấy hiện ra trước mắt mình cái cảnh thực kia khác xa với những diễm ảo trong mê.

Lúc Phương tiễn tôi ra cửa trăng đã mọc. Nàng nhìn trời vui vẻ nói:

– Trăng mười sáu có khác, đẹp như con gái.

Tôi cũng nhìn theo Phương và nghĩ đến cái tuổi mười sáu của mọi người thiếu nữ.

Tôi đi đã hơi xa, ngoảnh đầu lại còn thấy Phương đứng nhìn theo ở cửa nhà. Tà áo trắng của nàng bay lên vui vẻ trong ánh trăng:

Làn gió thổi hây hây,
Em nghe tà áo bay,
Em tìm hơi chàng thở
Chàng ơi, chàng có hay? [1]

Tà áo vẫn bay trong gió. Tôi cúi đầu đi, trong tai hình như nghe thấy tiếng lụa reo. Cái hình ảnh đẹp đẽ ấy gợi cho tôi tất cả những gì là trong sạch và nghĩ thầm: “Không có gì đẹp hơn sự trinh bạch ở đời”. Tôi như nói một mình:

– “Đàn bà chỉ đẹp có tà áo bay trong gió...”

Bình tủm tỉm cười gập sách rồi với tay vặn tắt đèn. Chàng để cuốn nhật ký lên ngực nằm im. Chàng nằm lặng nghe từng tiếng động rất nhỏ ngoài vườn. Ánh trăng đã chiếu đến tấm chăn đắp ở người chàng.

Cả đêm, Bình mơ thấy một tà áo mỏng như sương bay trong ánh trăng thanh.

1942

Đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy*, in lại trong *Tà áo lụa* (tập truyện ngắn), Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942. Tác giả có sửa lại một số câu, chữ (1991).

TRUYỆN QUA RỒI

(Truyện ngắn)

Mùa xuân năm 1935 khi tôi đi vẽ ở miền núi về, người nhà nói anh T. đến chơi, đã ở lại hai tuần. Rồi chừng đợi tôi nóng ruột anh lại ra đi, cũng không hẹn ngày trở lại. Hình như anh có đi thăm ngôi tháp cổ gần vùng, định vẽ, nhưng chắc không thấy có gì vừa ý, nên chỉ ở nhà đọc sách và thường viết lách rất khuya trong buồng ngủ.

Tôi mở hết cửa cho mùi thuốc lá của anh sót lại bay đi hết. Vốn không ưa mùi tàn thuốc vương vất trong nhà, nhưng lần này lại thấy dễ chịu. Trong lúc đi vắng, một bạn thân cùng nghề đã đến ở đây, hắn ta đã nghĩ ngợi gì, đã làm gì trong phòng mình, có đọc những sách tôi ưa đọc, có ưa những đồ vật tôi dùng, tôi chọn? Vài vệt nến còn đóng lại trên bàn viết. Tôi lấy móng tay sẽ cạo, tần ngần. Mỗi lần nghĩ tới T., tôi thường hình dung ra một nghệ sĩ đi hàng dặm đường hăng hái một mình, áo quần sờn rách, đầy bụi. Người ngoài chỉ trông thấy vẻ luộm thuộm, có thể chế giễu, thương vay, còn anh, anh biết rằng mình mang một tấm lòng chứa đựng biết bao sôi nổi, khác chi mặt biển tràn đầy, ào ạt lúc trăng lên.

Bỗng nhiên, tôi có cảm giác anh T. có thể để lại một vài vật gì trước khi đi, một mảnh giấy, một cuốn sách đọc dở, một cái quà gì. Tôi lục lọi khắp nơi, và sau cùng thấy trong ngăn kéo bàn giấy của tôi một tập bản thảo, như người ta viết cho báo chí. Tôi kéo chiếc ghế mây lại gần cửa sổ – lúc bấy giờ trời đã về chiều, mấy hạt mưa xuân bay xuống ngọn cây mơ dưới vườn nhà – tôi mải miết đọc cho đến khi trời tối hẳn mới chịu thắp đèn.

Đây là lần đầu, anh bạn đã hé lộ cho tôi một chuyện lòng, một chuyện đã qua trong cuộc đời sâu kín của anh, mà tôi chỉ mong manh biết. Đọc xong tập giấy viết tay này, tôi mới càng hiểu thêm T., người họa sĩ mà anh em cùng giới vẫn mến tài, mến đức. Cái giá trị của người ta không chỉ ở chỗ tài hoa, phong cách... mà chính ở sức yêu đương, ở tấm lòng ân hận của mình.

Từ đây, là lời của anh T.



... Trong đời, thường có những cuộc gặp gỡ bất ngờ và kết cục toàn ân hận. Chúng ta như bị lôi cuốn vào một cơn lốc từ đâu đến không lường trước. Và khi cơn gió qua rồi, mảnh vườn của chúng ta đã thành hoang dại, tơi bời.

Năm tôi sắp tốt nghiệp ở trường mỹ thuật là năm tôi gặp Đ. lần thứ nhất. Đến bây giờ tôi vẫn tự hỏi thầm, nếu ngày hôm đó tôi vắng mặt, thì cuộc đời chúng tôi biến đổi ra sao? Cuộc gặp gỡ khoảnh khắc đó, như đã định đâu từ kiếp trước.

Hồi đó, tôi thuê chung với anh C. một gian gác phố H.B., vừa đi học vừa vẽ cho một tờ tuần báo ở ngay trong phố đó. Mỗi tuần tôi phải cung cấp cho họ một ít tranh để khắc vào bản gỗ. Cái công việc nhỏ mọn kia, bất cứ người thợ vẽ tầm thường nào cũng làm được, vậy mà cũng có nhiều người nhớ đến cái tên ký cộc lốc trong tranh. Vinh dự đó đáng lẽ phải thuộc về những nhà văn sáng tác ra truyện viết mà tôi chỉ góp phần minh họa. Nhưng lâu lâu tôi lại nhận được một lá thư khen ngợi, hoặc có muốn gặp để làm quen. Tôi đã gặp Đ. vào chính lúc này.

Ngày hôm đó vào dịp nghỉ lễ của nhà trường, một người bạn rủ tôi đi vẽ hai hôm ở quê anh. Chúng tôi ra ga lấy vé xong, đang đi bách bộ ở sân ga hút thuốc chờ giờ xe chạy, bỗng tôi nghe có người gọi đúng tên mình. Tôi quay lại mừng rỡ nhận ra chị H., một người chị họ lâu ngày không gặp. Chị H. đi cùng một thiếu nữ, thoạt trông tôi chưa thấy có gì cần chú ý. Hai người nói rằng vừa ở N.B. lên định đáp xe đi luôn H.P. để dự đám cưới một chị em bạn học cũ, nhưng vì xe lên chậm, nhỡ mất chuyến H.P., nên đành phải ở Hà Nội một ngày. Vì chả quen biết một ai đang băn khoăn không biết trọ nơi nào cho tiện. Tôi chợt nghĩ đến cái phòng vẽ của tôi, cái phòng trọ của những "sinh viên nghệ sĩ" bừa bãi những tranh với thuốc vẽ, và áo quần, chăn gối... Tôi vừa ngỏ ý mời cả hai người về ở tạm nơi tôi, thì họ vui vẻ đi ngay. Người dân các tỉnh thường như vậy, họ bằng lòng ở chật hẹp với một bà con quen thuộc, còn hơn phải thuê buồng khách sạn. Đến lúc này tôi mới nhớ ra rằng đã hứa đi vẽ cùng người bạn. Tôi bỏ lại anh chàng đứng tức tối một mình ở sân ga.

Người chị họ từ một tỉnh xa thình lình tới, như đem lại cho tôi

một chút phong vị nơi tôi sinh trưởng. Khi tôi từ biệt cái tỉnh N.B. thân mến, thì người chị họ cũng chỉ trạc tuổi tôi. Vậy mà lần này gặp lại, chị có vẻ già dặn hơn, trong mắt như vương một chút buồn, không thấy ánh lên cái tinh nghịch ngày son trẻ. Tôi không tiện hỏi chị kỹ càng trước mặt người thiếu nữ lạ, trong lòng bỗng bùi ngùi nhớ lại những ngày trong sáng thuở ấu niên cùng chia sẻ với chị. Người thiếu nữ lạ, ngồi im nghe chúng tôi hỏi han nhau một cách ân cần, ý tứ đứng lên lảng ra sân thượng. Cô làm như chăm chú ngắm con chim bạch yến tôi nuôi trong lồng treo, đang hứng khởi hót liên hồi. Cử chỉ lịch sự của cô gái đến lúc này mới khiến tôi để ý. Sau này nhớ lại tôi vẫn hình dung Đ. ra một người rất trẻ, áo màu xanh nhạt đứng ngửa mặt nhìn lên cái lồng trong đó có con chim màu vàng nhạt đang ngửa cổ lên cao mà hót say sưa. Cảnh đó gợi cho tôi cái đẹp giản dị và trong trẻo. Chưa một người đàn bà nào ở nơi đô hội khiến tôi có hứng vẽ ngay như vậy. Đ. không có gì lộng lẫy, chói lòa. Khắp người nàng là một sự chìm lặng, phải dần dà mới khám phá ra những nét tuyệt vời ở mặt, ở sống mũi, ở đường viền cổ, ở dáng đi... Với nhan sắc ấy, cũng như viên ngọc quý, thợ ngọc lành nghề mới đánh giá công bằng.

Tôi hỏi bà chị họ xem người đi với chị là ai, thì được biết đó là bạn rất thân của chị ở N.B. Sau đó, chị nói thêm: “Cô ta sắp lấy chồng, mà chồng là một gã con nhà giàu ít học, nổi tiếng chơi bời, người trong tỉnh coi thường...”.

Tôi mỉm cười, nghĩ đến những cảnh hôn nhân vị lợi nơi tỉnh nhỏ, cảnh ép duyên, và cuộc đời râm tối của các thiếu nữ đương xuân nấp dưới bóng những ngôi nhà cũ, như những cái cây mọc trong chỗ rợp. Tự nhiên tôi đem lòng thương ngay số phận người cùng đi với chị tôi. Từ đấy, đối với Đ. tôi ít tỏ ra cách biệt như khi mới gặp ở sân ga. Tôi còn năng gợi chuyện Đ. như muốn đi sâu tìm hiểu tâm hồn một người mình thấy có cảm tình.

Ngày hôm đó qua đi rất vui. Tôi dẫn hai người đi ăn cơm hiệu, đưa họ đi xem một phim ảnh hay nhất trong tuần. Chị họ tôi cũng như Đ. hình như đã trút bỏ trong phòng tôi cái vỏ ngoài của đàn bà tỉnh lẻ. Mắt họ sáng hơn lên, nụ cười có duyên hơn, nói nói cười cười hóm hỉnh chả khác các cô gái thủ đô. Tôi còn thấy Đ. là một thiếu nữ khá thông minh. Cô đối đáp, chế giễu tôi như một người em gái nhỏ. Đ. thấy bằng lòng nơi ăn ở bề bộn của tôi, và khi biết rằng tôi vẽ cho

tờ báo mà cô vẫn đọc ngày thường trong tỉnh nhỏ của cô, thì tỏ ra rất ngạc nhiên. Cô nhìn tôi như tôi vừa biến thành một người đàn ông khác. Đ có vẻ thích thú vì cái người ký tên trong các bức vẽ mình thường thấy trên báo lại là tôi được. Những tranh có khung gỗ treo tường, tranh vẽ dở dang, những đồ vật liên quan đến nghề họa của tôi trong phòng vẽ bỗng hóa quan trọng đối với nàng. Trong người Đ. như mới có sự gì thay đổi. Nàng nói với tôi bằng một giọng vừa như âu yếm vừa kính phục:

– Từ giờ, cứ mỗi ngày nhận được báo xem, em đã biết những tranh vẽ trên đó là do ai rồi!

Đ. vui một cách hồn nhiên, nhưng rồi bỗng tư lự chợt cảm thấy cái hiu quạnh của mình lúc trở về cái tỉnh của mình. Đ. nói với tôi ngày đi học nàng cũng ưa vẽ lắm và thường bỏ qua các môn khác để chỉ siêng năng trong giờ vẽ. Khi xem truyện, thấy bức vẽ nào tả đúng cái không khí của truyện do nhà văn sáng tác, có khi nàng còn cất giữ tờ báo, như đối với một kỷ niệm cần trân trọng. Đ. cho rằng ở đời không có nghề nào thú vị hơn nghề vẽ, một người được trời ban cho cái tài tô điểm, làm đẹp hơn lên cuộc sống, hẳn là một người hạnh phúc. Buồn thay, cái tẻ nhạt của đời nàng khiến nàng tưởng tượng ra những hào quang ở đời kẻ khác.

Tôi để yên cho Đ. nói, và mặc nàng trong sự lầm lẫn của mình. Tai hại thay lòng tự ái. Nghe Đ. nói tôi lại cũng thấy cái "thiên chức" của tôi ở đời là quan trọng. Tôi im lặng nhận sự kính phục của một người con gái đầy lòng tin, vô tư, lương thiện. Chẳng khác một pho tượng gỗ nhận sự hinh hương thờ phụng của những người mù quáng. Nhưng đồng thời tôi cũng thấy tôi cách xa Đ. nhiều quá, tôi già cỗi hơn Đ. nhiều quá! Nàng cũng chỉ như phần đông những người chỉ để ý đến tôi vì cái bề ngoài. Mà cái bề ngoài của một họa sĩ thì đầy màu sắc đáng yêu, như những bức tranh màu trong phòng vẽ. Đột nhiên tôi cảm thấy cái chua chát của những kẻ được người ta quý yêu mình không phải đã đi sâu vào tâm hồn mình, mà chỉ vì bộ mặt ngoài lừa dối. Dưới mắt Đ. tôi là một kẻ đàn ông có cuộc đời rộng rãi, một kẻ tự do, phụng sự một nghề tự do. Người đang bị tù hãm trong một gian buồng tối, nhìn con chim nhảy nhót ngoài trời phải ao ước viển vông.

Sáng hôm sau, khi tôi tiễn hai người ra ga để kịp đáp xe đi H.P., thì tôi là người đàn ông ăn mặc lịch sự, chải chuốt hơn mọi ngày. Nhưng lúc xe gần chạy, bà chị họ bỗng vẫy tôi lại gần, nói nhỏ:

– Anh không thấy nét mặt của Đ. à? Anh làm thế nào mà hôm nay ra đi nó đâm ngơ ngác thế? Tôi bắt đền anh đấy!

Tôi vội gọi tên nàng mà vẫy chào lại một lần nữa trước khi về. Sắp đi hết sân ga. Không biết sao tôi còn quay lại nhìn chỗ khung cửa xe có Đ. ngồi. Nàng vẫn nhìn theo tôi với một nụ cười buồn rượi. Lần nữa lòng tự ái của tôi lại được thỏa mãn một cách tầm thường, tự nhủ thầm: "Từ đây lại có một người ở xa xa hằng nghĩ đến ta...".

Chính những ý nghĩ như vậy thường gây hệ lụy, nhưng người ta vẫn coi thường lúc ban đầu. Chính đó là đầu mối buộc mình vào những chuyện khiến mình đạp lên cuộc đời kẻ khác, làm cho dở dang, có khi tan nát mà vẫn cứ vô tình bước tới. Nửa tháng sau, tôi nhận được thư của người chị họ nhờ mua vài thứ hàng lặt vặt, và dặn tôi về N.B. chơi nếu có dịp nào được rảnh. Thư chị có kèm theo một mảnh thư của Đ. cám ơn tôi đã tiếp đãi... hai người ân cần. Nàng cũng tỏ ý mong tôi trở lại N.B. thăm quê cũ. Và, cũng không quên hỏi thăm cả con chim bạch yến nhỏ của tôi.

Tôi vội trả lời là: con chim bạch yến không hiểu sao từ lúc nàng đi khỏi hóa ra ủ rũ, không chịu "ca hát" như xưa nữa.

Lạ thay! Lúc đó là lúc tôi đang bận nhiều việc lắm, kỳ thi ra gần tới, công việc, bạn bè, đời sống tấp nập của thủ đô hầu như đã làm tôi không mấy khi nhớ đến hai người đàn bà tỉnh nhỏ. Không hiểu sao tôi lại trả lời Đ. như vậy? Không hiểu sao tôi lại cố tình quên rằng thiếu nữ này đã sắp thành vợ một người, chỉ còn chờ cưới? Chao ôi, một hàng chữ viết không đứng đắn, một lời nói vu vơ, bỡn cợt, biết đâu không gây ra đổ nát cho đời người? Cái bệnh của thiếu niên là vô tâm, là tàn nhẫn, là chơi đùa cả với những điều nghiêm trọng. Tại sao tôi lại tự cho mình cái quyền quấy rối cuộc sống yên ả của một thiếu nữ mới vừa quen? Một thiếu nữ sắp tới thời kỳ làm vợ? Sẽ xảy ra sự gì ở lòng nàng khi nhận được thư tôi? Tôi cũng chỉ như một người đàn bà làm dáng, chẳng bao giờ để ý đến cái kết quả do mình gieo rắc trên đường đi.

*

* *

Thế rồi, tôi dần dần bước tới cái quãng u ám, do một chuyến tầu về chậm kia gây nên không ngờ tới. Ngay cái lần trở lại N.B. theo lời hẹn cùng người chị họ, tôi và Đ. càng quyến luyến nhau hơn. Tôi như

tìm thấy tuổi trẻ của mình, tiếng vang êm ái của ngày xanh dội lại. Những ngày ở N.B. thực là những ngày nghỉ ngơi dễ chịu. Chiếc áo khoác ngoài không còn bụi bậm kinh thành, giữa chị H. và Đ. tôi không phải nói những chuyện xã giao, nghệ thuật, tự thấy lòng mình dễ dàng cởi mở.

Còn Đ.? Thời gian này nàng như sống trong một nguồn vui mới, cuộc đời thật của nàng như bắt đầu từ đấy. Ngày nào nàng cũng tìm cách tới nhà chị H. để được thấy có tôi ở đó. Tôi lúc này có khác gì một người sức lực, đứng trên bờ sông nhìn cảnh đắm đuối của kẻ khác chơi vơi trong dòng nước. Đ. lúc này có khác chi một cây non đang lung lay trước gió. Tôi thoáng có cái tự phụ trẻ con rằng tình cảm của Đ. đem gửi nơi tôi không phải là nhầm chỗ. Tôi cố tình quên rằng về N.B. chuyến này chỉ để thăm bà chị họ, thăm lại nơi quê cũ. Tệ hại hơn, tôi cố quên rằng quả tim của tôi trước đó đã có lần rung chuyển vì một tình yêu bất hạnh. Tôi không khuyến khích, không làm cho Đ. hy vọng điều gì, nhưng cứ lặng hưởng cái thú được yêu thương bởi một thiếu nữ đầy tin cẩn. Đã vậy, ngày sắp từ biệt Đ. tôi lại tỏ ý muốn vẽ tặng nàng một bức chân dung. Đ. hớn hở thuận ngồi mấy buổi liền cho tôi vẽ, trong khu vườn cây rất đẹp của chị H. Cái chỗ góc vườn đó, bây giờ tôi cũng còn nhớ rõ. Đ. mặc áo trắng dài, ngồi cạnh một gốc cây có những lá bóng lên như mỡ. Khi bức tranh đã xong, trong buổi chiều chia tay, tôi bàng hoàng đi lại gần nàng bỗng nói:

– Tôi sẽ chẳng bao giờ quên buổi hôm nay...

Nói xong liền hoảng sợ thấy mình phạm tội, chợt hiểu ra cử chỉ rồ dại của mình. Một lời nói như vậy vô cùng quan trọng lúc này. Nó sẽ ăn rễ trong lòng người ở lại, tạo ra những chua cay, hay những ảo mộng trong thanh vắng. Một tiếng nức nở vang lên trong vườn. Tôi hoảng hốt nhìn Đ. gục đầu trên cánh tay, mặt đầy nước mắt. Nàng ra hiệu cho tôi vào nhà trước:

– Thôi anh vào đi... rồi đây ở nơi xa, có công việc của anh, cuộc sống rộn rịp của anh, danh vọng, bạn bè, những cuộc vui chơi... còn em ở đây, không còn gì nữa...

Thấy tôi đứng sững, nàng lau nước mắt:

– Tôi sẽ sống ở những ngày tiêu điều hơn trước, tuổi trẻ đi qua vô ích nơi này...

Đ. đi về nhà nàng lâu rồi, tôi vẫn còn đứng giữa vườn, như một người mất trí. Tôi đã định gọi nàng trở lại để thổ lộ cho nàng hiểu tôi đôi điều, nhưng lại tự nhủ thầm: "Liệu có nên để cho Đ. được biết cái "bí mật" của đời mình. Cái dĩ vãng của chuyện riêng. Có nên hé mở bức màn. Đó là một điều đau xót từ lâu mình mang nặng. Đ. liệu có cảm thông được sự hy sinh của tôi không?"

Tôi đứng lặng hàng giờ trong tiếng lao xao của cây lá lúc hoàng hôn, chưa bao giờ thấm thía sự cô đơn đến thế. Ánh sáng cạng ngày càng nhợt nhạt, đỉnh núi Thúy ở xa chỉ còn là một vệt tím mơ hồ, tôi bước vào nhà đã thấy sáng đèn. Chị H. nhìn tôi một cách băn khoăn, nhưng không hỏi. Một cơn gió mạnh thình lình ập tới, báo trước một cơn giông.

Đêm đó trời mưa tầm tã cho đến sáng. Tôi nằm mở mắt lắng nghe cái lạnh thấm người chờ sáng. Và khi trời đất vừa bừng giấc sau đêm phong vũ đó, tôi đã trên đường về Hà Nội.

*

*   *

Cách đó chừng ba tháng, một đêm sắp đi ngủ tôi nghe có tiếng người gọi cửa. Vừa thoáng nghe cái giọng hoảng hốt và yếu ớt kia, tôi đã biết ngay có sự không thường. Tôi vừa mở cửa vừa hồi hộp. Một người tay xách chiếc "va ly" nhỏ, đầu trùm khăn lụa mỏng bước vào: người đó là Đ.

Cũng may mà lúc này, anh C. ở chung với tôi trước đó đã đi rồi, anh là sinh viên khóa trước tôi đã được bổ nhiệm đi Cao Miên dạy học.

Buổi gặp lại thật bất ngờ. Đ. vừa trông thấy tôi đã òa khóc:

– Anh hãy cứu em! Lúc này em chẳng còn biết chạy đi đâu nữa, ngày kia ở N.B. người ta đã cưới em về...

Đ. bỏ rơi chiếc va li rồi ngồi xuống chiếc ghế gần nhất, thờ thẫn như đã trải nhiều đêm không ngủ. Thấy trên người nàng chỉ có một chiếc áo mỏng, tôi đoán nàng đã bị lạnh, nên vội vàng khoác lên vai nàng một chiếc áo dạ. Trong lúc vội vàng ra đi, nàng cũng không kịp nghĩ nên mặc áo gì. Cử chỉ của tôi bấy giờ cố làm ra điềm tĩnh, nhưng sự thực trong lòng đã rối bời. Một người con gái lương thiện,

đang đêm đến với mình trước ngày làm lễ cưới, việc đó không phải không đáng ngại. Nhưng cùng lúc lại thấy trong lòng có mối tự kiêu. Tôi vừa lo lắng vừa sung sướng khi thấy Đ. đã vượt qua hết để tìm mình, vì đã tin mình. Tôi ngắm nàng dưới đèn và thấy nàng đẹp lên gấp bội. Đ. bắt chợt được cái nhìn của tôi nên đã thấy yên tâm đôi chút. Cởi bỏ chiếc khăn trùm đầu lúc đi đường, nàng đảo mắt nhìn lại gian buồng quen thuộc, lộ vẻ cảm tình như gặp lại người thân tín. Nhớ lại hình dáng người con gái hôm xưa đến ở buồng này, tôi không khỏi nhói lòng so sánh cái tâm trạng của người hôm đó với hôm nay. Đời người có lúc chỉ cần nhỡ một chuyến xe cũng đủ khiến số phận mình đổi khác.

Đêm hôm đó, thật là một đêm sảng sốt, lạ lùng của hai kẻ không phải vợ chồng mà bỗng cùng nhau chung một mái nhà ấm cúng. Cửa buồng đóng lại, gió lạnh không lọt vào. Kẻ nào thóc mách thấy đôi lứa trẻ trung ngồi bên nhau chuyện trò tâm sự, hẳn phải nghĩ đến những điều xằng bậy. Vậy mà không, cái đau thương, cảnh ngộ của hai người lúc đó, khiến họ lòng trong, ý tịnh, chỉ còn một mối cảm thông chung, với ý thức gần như hạnh phúc được gần nhau trong hoạn nạn. Một hồi chuông nhà thờ thành phố ngân nga trong vắng lặng. Nửa đêm, giờ tội lỗi. Tôi đã thắng mình trong thời khắc dễ lung lay nhất, bên cạnh một thiếu nữ, từ lâu biết rõ thân thể mình đã trĩu nặng như quả chín trên cây. Tôi nhấc ghế ngồi cạnh giường nằm của Đ. Trước vẻ thơ ngây tin tưởng, đẹp lồ lộ đó, tự thấy mình như ngồi nấp trong cái già cả của tuổi tác – mặc dù đang độ thanh xuân– nấp trong phiền muộn của đời mình, nhìn ra mà kinh sợ. Nhưng, đồng thời tôi cũng thấy chưa bao giờ tôi yêu nàng như vậy. Ta chân thực yêu ai, đó là một sự thiêng liêng, những tư tưởng nhỏ nhen, phàm tục không còn đất nảy mầm. Chốn cao thanh không có lối vào cho tình dục, cho sự điên rồ hèn hạ. Trong cảnh đêm thanh, hai người trẻ tuổi ngồi sát bên nhau mà tấm lòng sạch sẽ như những bậc tinh anh thoát tục. Đó không phải là sự kỳ diệu của ái tình sao? Đẹp thay quả tim niên thiếu mà lửa yêu đương đã làm cho trong sáng. Và cũng chỉ cái tuổi thiếu niên cao quý chưa vẩn đục mới vượt qua bến mê kia!

Tôi để cho Đ. nói hết những điều mong ước, những lo toan thầm lặng bấy nay, như trút bỏ gánh nặng giữa đường. Cuối cùng, nét mặt rạng rỡ, đầy hy vọng, nàng nắm chặt tay tôi.

– Anh hứa đi, anh nói với em đi, là anh sẽ cho em theo anh suốt một đời, suốt một đời em sẽ là người bạn nhỏ của anh, người giúp việc, người chịu ơn chung thủy. Chỉ có anh là người đàn ông em tin cậy, yên tâm nương tựa, để không bao giờ còn thấy mình trơ trọi nữa...

Tôi lắc đầu, ngao ngán và tuyệt vọng:

– Trời ơi! Chị H. không nói cho em biết chút gì sao? Nếu em hiểu, không thể nào anh nhận được... nếu em biết rõ...

Đ. vùng ngồi lên sửng sốt:

– Làm sao? Làm sao anh lại hất hủi cái tình chân thật của em? Em không xấu, em biết lắm. Anh sống một mình không vướng víu. Anh là người có tài...

– Em chớ lầm tưởng như vậy. Anh chưa có vợ thật, nhưng đời anh đã buộc vào một người rồi... anh không có quyền vương thêm một...

Câu nói chưa nói hết cũng đủ là một nhát búa cắt đứt mớ hy vọng đang bồng bột của Đ. Tôi không dám ngẩng nhìn nàng để xem nét mặt nàng đau khổ đến chừng nào. Thế rồi tôi kể hết cho nàng câu chuyện đã qua, về tôi trước khi được gặp nàng cùng đi với chị họ tôi.

– Em đã lầm tưởng rằng đời anh không mắc míu điều gì, điều đó tại anh, hãy tha lỗi cho anh, nhưng nếu em biết rằng anh đã biết, đã yêu một người cũng dịu dàng, xinh đẹp như em... hiện giờ còn sống mà cũng như đã chết...

Tôi vẫn cúi đầu nói, không dám nhìn Đ. như một kẻ hèn nhát, có tội trước một kẻ quang minh chính đại. Đ. nôn nóng giục tôi, giọng lạc đi, cổ nghẹn ngào. Im lặng một lát, tôi kể tiếp:

– Trước đây năng đi lại gia đình một bạn thân anh đã hứa hôn với một người con gái của gia đình đó. Mọi việc đang tốt lành, hứa hẹn, thì xảy ra việc không hay: bà mẹ của gia đình lâm bệnh qua đời. Mọi người yên trí cuộc hôn nhân đó sắp thành, nhưng người con gái, vì quá thương tiếc mẹ, khóc lóc ngày đêm, được ít ngày bỗng phát... chứng điên. Vậy là mọi việc đều ngừng lại. Trong họ nhà này, cứ cách một hai đời, lại có người mắc qua chứng ấy. Nhưng cũng có trường hợp không lâu sau đó người bệnh trở lại bình thường. Anh không muốn là người bất nghĩa, nên cố đợi, hy vọng người thiếu nữ sắp thành bạn trăm năm kia, nhờ một sự may, một phép lạ nào đó sẽ tai qua nạn khỏi...

Tôi nghe một tiếng thở dài não nuột, một tiếng nấc cố nén, nhìn lại Đ. mặt đã chan hòa nước mắt.

Nàng kêu lên:

– Khốn khổ cho anh! Em tin anh, anh kể tiếp đi!

– Vậy là hết...; bây giờ mỗi năm vài bận, anh vẫn đi lại thăm viếng người bạn gái bất hạnh đó, như thăm một cái mồ người ta không có quyền quên lãng và phụ bạc. Đôi khi anh cũng gặp bóng hạnh phúc thoáng qua cái đời hiu quạnh của mình, nhưng không có quyền giữ lại, như kẻ khác.

Thời khắc nghiêm trọng lúc đó khiến tôi càng nói càng hóa ra chua chát:

– Thôi, thế là hết. Anh bây giờ là kẻ đàn ông đi cạnh cuộc đời người khác, anh không làm gì được cho em cả.

*

* *

Cái đêm hôm đó, chắc rằng Đ. đã già đi, đã sống nhiều hơn cái tuổi của nàng. Nhưng rồi nàng sẽ thông cảm hơn với nỗi bất hạnh của nhiều người khác, ở những nỗi đau khác còn to lớn gấp nhiều lần nỗi khổ của mình.

Thế rồi trời sáng bạch ngoài cửa sổ lúc nào không rõ. Một vài tiếng rao quà dưới đường phố mở đầu cho cuộc xôn xao của kinh thành đang tỉnh giấc.

Tôi đứng lên lao đao vì một đêm trắng có nhiều lần xúc động. Rồi tôi mở tung cửa sổ cho ánh sáng lọt vào buồng. Ánh sáng chảy vào đem theo một làn gió lạnh. Giữa ban mai xám lạnh đó, chúng tôi bỗng rụt lại như con ốc bị kéo lên bờ. Cái huyền ảo đêm khuya đã mất. Bây giờ là sự thật rõ nét và tàn nhẫn. Có lẽ Đ. đã thấy mình như xa quá rồi chăng? Sau đây có lẽ nàng sẽ ngượng ngùng vì đã sống một đêm ân ái lạ lùng bên cạnh một người đàn ông mà nàng tưởng có thể "trao xương gửi thịt". Và cái luân lý tầm thường của tỉnh nhỏ đã hiện ra khắc nghiệt rồi chăng?

Lúc tôi tiễn Đ. ra ga – vẫn cái nhà ga gặp gỡ lần đầu – và lấy vé cho nàng trở lại N.B., nàng vẫn nói:

– Em rất tiếc anh không làm gì để giữ em lại, vì lúc nào em cũng sẵn sàng bỏ hết để theo anh, cho dẫu là phạm tội. Những ngày sống gần anh, và cả cái đêm thất vọng vừa qua, đêm cuối cùng của chúng ta, đó là tất cả những gì tốt đẹp nhất đời em vậy.

Khi trở lại căn buồng Đ. vừa đi khỏi, tôi chợt thấy cái khăn hoa của nàng còn lại trên giường. Nhặt khăn tay lên, một mùi hương nhẹ còn vương vất. Vô tình hay hữu ý. Đ. đã để lại một di vật của nàng?

Gập chiếc khăn bỏ vào ngăn tủ áo, tôi lặng ngắm nơi in dáng hình thanh tú của người đã nằm đó đêm qua, bây giờ còn để lại một chỗ trũng trên chiếc giường xa lạ...

Tiểu thuyết thứ bảy, số 452
ra ngày 13-3-1943.

CÁI NGÕ TỐI

(Truyện ngắn)

Xe lửa dừng lại trước một ga lớn. Hành khách đua nhau lên xuống.

Có lẽ đêm đã khuya. Tạo ngủ từ quãng nào cũng không nhớ nữa. Chàng bừng mắt nhìn xuống sân ga lúc ấy đường sáng một ánh đèn lạnh lẽo. Đó là thứ ánh sáng ở tất cả các nhà ga trên thế giới, lúc đêm khuya cũng chỉ gợi cho người ta sự hiu quạnh chia rẽ. Tạo vội vàng quờ tay sang bên cạnh. Tay đụng phải một cái gì âm ấm, lòng chàng bỗng vui mừng như đứa trẻ nửa đêm thức giấc nắm được vào người mẹ hay người bố. Sâm vẫn còn ở cạnh và đang ngủ trong cái hạnh phúc bao bọc cả hai người. Nàng cất tiếng hỏi:

– Ga gì thế hử anh?

Tạo ngoái cổ ra ngoài một lát rồi quay lại:

– Vinh! Hà, dễ đến Vinh rồi?

Chàng tự hỏi mình như vậy. Rồi im lặng. Trong bóng tối, Sâm và chàng không nhìn được mặt nhau, nếu không, nàng đã thấy rõ vẻ cảm động trên mặt người yêu.

Đoàn xe chuyển bánh, Tạo đứng sát vào người Sâm:

– Chúng ta sắp đi qua trường cũ của anh, Sâm ạ.

– Trường gì? Trường học ấy à? Làm sao?

Ừ, như vậy thì không sao cả, đối với Sâm, đối với tất cả mọi người đang ngủ gà ngủ gật trên chuyến xe tốc hành. Nhưng đối với chàng, đó là một điều quan hệ. Đoàn xe vút đi như một cái tên bắn. Nhưng Tạo đã nhìn thấy hết, qua cái cửa sổ nhỏ. Những cây dương liễu đứng ở sân trường trung học từ cái thuở chàng ôm sách trên tay, giờ vẫn còn đứng đó. Cái sân cỏ rộng cũng vậy vẫn còn nguyên như cũ. Những hàng hiên vắng vẻ đi từ lớp nhà ngủ sang lớp nhà học vẫn như xưa. Và chung quanh là đồng ruộng. Tạo nhớ lại như vừa mới đó, chàng đi thui thủi trên những nơi kia, không dự gì vào cái vui tươi chung của chúng bạn. Tạo là một anh học trò cô độc, nghèo và rút

rát. Đêm đến, chàng nhìn ngọn đèn xanh để suốt sáng trong buồng ngủ của lưu trú học sinh, rồi chàng nghĩ đến gia đình như một anh già. Chàng nghĩ đến tương lai nữa.

Bây giờ tương lai đã ở trong tay chàng. Chắc chắn rồi. Tạo lại có một người đàn bà ở bên mình. Tiền và đàn bà, hai tiếng đó vang lên trong đầu Tạo như tiếng guốc của bọn học sinh ngày trước kéo lê trên nền xi măng những hàng hiên, trong cái trường trung học cũ. Nỗi đơn độc ngày trước cũng làm cho tim chàng đập rộn rã lên một lúc, khi chàng quay về dĩ vãng, nhưng chẳng còn làm cho đau xót nữa. À, ra chàng cũng có quyền hưởng hạnh phúc như mọi người. Chàng có thể hưởng được? Vậy mà xưa kia chàng nghĩ lẩn thẩn rằng: "Có những người suốt kiếp không bao giờ được sung sướng. Và chàng là một trong số đó. Có những cuộc đời cởi mở và rộng rãi như những con đường đi đến các thành thị lớn lao và các đại dương. Nhưng cũng có những con đường bí tắc, không đi đâu cả: những con đường nghẽn".

Tạo nắm nhẹ cánh tay Sâm như muốn chuyển cho nàng một ít thỏa sướng đầy ắp cả ngực chàng. Tiếng bánh xe nghiến rít trên đường sắt, tiếng một vài hành khách ngáy hay nói chuyện ở cạnh chàng, tiếng thở của Sâm trong giấc ngủ mỏi mệt chập chờn, chàng nghe thấy hết. Và Tạo cảm thấy tất cả những cái gì ở chung quanh chàng đều không phải là làm ra để cho mình, vậy mà mình có hết. Cái cảm giác được sống sâu xa, thực sự cái đời mình giữa những vật vô can, cái cảm giác đó khiến chàng thấy lòng mình thắt chặt như trong một cơn khoái lạc.

Chàng đẩy cửa sổ trên xe cho nó rộng thêm ra một chút. Như vậy gió đêm sẽ đập vào mặt chàng và xua đuổi được ít nhiều hơi thở nặng nề của mọi người khiến chàng dễ chịu hơn. Trên trời sao đêm chen chúc lẫn nhau mà lấp lánh như bực tức vì chật chỗ. Chưa bao giờ Tạo thấy một đêm đẹp đẽ như thế. Chàng muốn gọi Sâm dậy kể hết quãng đời thiếu thời cực khổ của chàng nhưng chàng sợ Sâm không hiểu được. Và nàng rất có thể gắt lên vì đương hám ngủ. Tạo nói thầm với một mình mình:

– Này Tạo, anh thấy rõ ràng đấy chứ? Mười lăm năm trước anh đã qua con đường này. Anh buồn và khổ sở. Bố mẹ anh làm vàng hồ cả ngày lẫn đêm chỉ được hai hào chỉ. Anh đi học nhờ lương nhà nước, anh thèm tất cả mọi thứ ở đời. Anh thù giận xã hội. Anh không có bạn. Anh không có hơn hai cái quần lành để mặc. Buổi tối, khi các bạn

anh ngủ yên lành rồi, anh gấp quần để xuống lưng nằm để cho có nếp li. Anh không có sách và anh phải chép hàng trang chữ in cho đến tê cóng cả tay. Những con nhà giàu gớm anh như gớm hủi. Chúng gọi anh là "người hà tiện". Nhưng nếu anh không hà tiện, thì anh còn trông cậy vào ai? Nhà anh năm sáu anh em đều khổ hơn anh cả.

Vậy mà bây giờ anh kiếm ra tiền. Anh có tiền trong túi của anh. Anh mặc Tây và thắt cà vát tựa như tất cả mọi người trưởng giả. Anh chải đầu chứ không để bù xù. Anh lại lấy một người con gái mà anh thích, mặc dầu họ hàng, chúng bạn bảo anh người đó không đứng đắn. Anh gặp hắn và anh mê, rồi anh lấy, không kể gì tất cả. Anh đã đem người yêu đi chơi Huế. Như những kẻ tình nhân trong tiểu thuyết. Anh đi chơi thuyền, anh đi thăm lăng tẩm của các bậc đế vương ngày trước, anh nghe ca. Anh giống những mặc khách tao nhân tối thị phong lưu ở đời này. Và Huế là cái kinh đô huyền ảo nhất trên mặt đất.

Tạo tự bảo mình như vậy, trong tai còn văng vẳng tiếng thông reo trên các con đường núi đỏ bao bọc kinh đô. Anh nhắm mắt lại để thử nhớ một lần nữa những nơi vừa mới đi qua. Trời xanh ngắt. Những ngàn thông nghiêng ngả trên đồi, bóng Tạo và bóng Sâm song song nhau đi giữa đó. Ái tình hát lên ở trong đầu chàng. Nước sông Hương lững lờ trôi. Bao nhiêu là âm thanh, bao nhiêu là màu sắc. Tạo chẳng dám ngờ mình lại có lần đi đến chốn lạ lùng này với một người đàn bà đẹp như Sâm. Thật là quá mức! Nhiều lúc chàng chợt giật mình cho rằng chàng đã không xứng đáng được hưởng cái ân huệ đó. Huế? Làm sao chàng chọn Huế? Là bởi trong tất cả cái thuở thanh niên mơ mộng của chàng, chàng đã nghĩ đến tỉnh thành này như người ta nghĩ đến thiên đường. Chàng đã đọc ở đâu đấy nhiều đoạn văn nói về xứ Huế. Tạo cho rằng khi có đủ tiền, thì việc đầu tiên mà chàng làm, là đi tới đó, với một người đàn bà đẹp.

Điều dự định lớn lao kia chàng đã thực hành xong. Tạo thấy rằng mình đã trở thành to lớn. Trong đời Tạo có hai điều đáng kể: việc chàng dám bỏ gia đình để tự sống một mình, và việc chàng dám tới chốn kinh đô ao ước kia với một người đàn bà mình chọn. Lần đầu chàng có cái kiêu ngạo của người đàn ông thấy cái vỏ của mình đã cứng, đã dám chống lại gia đình để sống theo chí nguyện. Ôi, những năm tù hãm trong cái không khí ngạt thở, cứ nghĩ lại mà sởn da lên được. Cái gia đình thê thảm của chàng gồm có một người cha

mê vợ lẽ đến bỏ mẹ chàng chết rụi vì sầu muộn trong cảnh đời chiều. Và những người em hèn hạ vì cờ bạc, thuốc sái, chỉ rình chực chiếm đoạt gia tài của bố. Vậy mà xưa kia, đã có ngày cái gia đình ấy đoàn tụ và vui sướng trong cảnh nghèo an phận.

Ngọn đèn gia đình le lói trong đêm khuya khoắt. Những cái đầu xanh xúm quanh hai cái đầu điểm bạc. Và người ta làm, người ta hát hay cười. Người ta ký cóp từng đồng, có khi thức suốt đêm mà chẳng một ai ta thán. Chao ôi, thế mà có đồng tiền thì người ta chia rẽ. Không ai thương ai cả. Người ta thù oán và ganh tỵ. Người ta gây nên thảm trạng trong nhà.

Đó, chỉ có cái lần Tạo dám bước ra khỏi ngưỡng cửa thân yêu của nhà mình mà ra đi cùng thiên hạ ấy mới đáng kể nhất mà thôi. Tạo sẽ sống bằng cái sức của mình, không hèn đớn như những người thân của chàng trở nên ti tiện vì tiền bạc. Tạo sẽ bỏ mặc tiền bạc với cái sống hẹp hòi của mọi người cùng máu mủ với chàng, và không bao giờ chàng quay lại, dù là chàng chết đói. Chàng sẽ như con chó hoang thả giữa giống thú. Nhưng chàng có cái tự do của mình, cái đời sống của chính mình. Tạo nhớ lại cái đêm mình trở dậy với gói hành lý nhỏ mọn trong tay để bước ra đường. Trời nổi gió, chàng đi như một cánh buồm đã căng lên. Đầu chàng rối loạn. Trong tai như có một đám hội nổi lên. Chàng ngờ cái sức của mình, cái vốn liếng của mình mang ra đóng góp với "đời". Đời! Cái kẻ địch ghê gớm ấy sẽ nuốt chửng chàng vào bụng như nó đã từng nuốt bao nhiêu kẻ non yếu và khờ khạo. Không, không, chàng sẽ thắng, bởi vì chàng là một thiếu niên. Mà một thiếu niên tức là một kẻ anh hùng. Chàng đã cầm gươm lên ngựa thì rồi chàng sẽ phải xông vào cuộc.

Cái kiêu ngạo khi xưa lúc này Tạo lại thấy có ở lòng mình. Chàng đã không giống một con người nào của gia đình. Chàng đã có một con đường riêng để mà đi, anh em họ hàng không dự gì vào đó, và họ cũng không hiểu được cái hân hoan hay cái chua chát của người phấn đấu, của con chim bay bằng cánh của mình ở giữa trời.

Tạo đã thấy được Đời. Chàng nghĩ vậy và cúi xuống nhìn khuôn mặt đẹp của người yêu trong giấc ngủ. Chàng cởi chiếc áo tây đương mặc ở người ra để đắp cho Sâm, âu yếm như một người mẹ. Trời gần về sáng, gió đồng ở hai bên đường xe lửa đưa lên đã lạnh hơn. Một ông già ngồi gần đấy ho xù xụ. Tạo ngồi sát vào người Sâm mong rằng nàng sẽ ấm hơn. Mấy người đàn bà đi buôn ngồi trước mặt

chàng thấy vậy thì thầm với nhau không hiểu "đôi kia" là vợ chồng hay là kẻ tình nhân? Tạo cũng biết là họ đương bàn tán về mình. Và sự đó, càng khiến chàng thêm sung sướng.

*

*   *

Chị Sâm ạ, cứ mỗi lần tôi nhìn thấy khuôn mặt chị tôi lại nghĩ đến người thiếu nữ mà tôi yêu hồi mười chín tuổi. Sao lại giống nhau đến thế?

– Thực à?

Sâm hỏi một cách tin tưởng vậy. Nàng chắc rằng người đó cũng đẹp như mình. Và nàng thương hại người đàn ông bé nhỏ đối diện. Nhưng vốn tính không chịu được buồn lâu nàng hỏi lại :

– Vậy thì chắc anh làm nhiều thơ vì "cô ta" lắm nhỉ?

– Suốt một đời tôi, câu thơ nào làm ra cũng vì người đó. Chao ôi, chị có thể nào hiểu được? Khi người ta bị chia lìa trong lúc yêu nhau...

Sâm ngẫm nghĩ : "Khi người ta bị chia lìa trong lúc yêu nhau". Câu đó nghe như một tiếng đàn. Nàng nhìn lại mặt Tôn, người thi sĩ. Và nàng thấy anh chàng không bé nhỏ nữa. Nàng kính phục. Một kẻ đàn ông chung tình là một người hiếm có và đáng kính đối với đàn bà. Nàng nói :

– Hừ, lạ thực! Cái đời anh với đời anh Tạo thật khác nhau quá sức!

Tôn đứng dậy như một người sắp sửa làm một việc gì quan trọng lắm. Nhưng Tôn không làm gì cả. Chàng hỏi :

– Chị cũng thấy vậy à?

– Ừ, anh Tạo thì hoạt động, nói ít làm nhiều, kiếm nhiều tiền, còn anh...

– Còn tôi thì nhàn rỗi, nghĩa là lười biếng, và không kiếm ra tiền mấy.

Tôn ngồi phịch xuống như một khối thất vọng. Câu chàng nói tiếp như một câu trách móc, nhưng chính là sự thực. Tôn cũng biết là mình vô dụng. Sâm sợ hãi, chữa vội vàng :

– Không, tôi muốn nói rằng anh và anh Tạo rất khác nhau,

nhiều lúc tôi không hiểu nên cho cái đời nào là giá trị. Anh Tạo khô khan, tính toán, thiết thực...

Sâm chưa nói hết thì Tạo đẩy cửa đi vào. Nàng mừng như người vừa thoát nạn :

– À, anh Tạo đã về! Em và anh Tôn đương nói đến anh. Nhưng làm gì mà tươi tấn thế?

Tạo xoa tay phá lên cười :

– Không tưởng tượng được! Chỗ đinh khóa và bản lề đó, tôi được lời ngót một ngàn! Ngót một ngàn! Tối hôm nay chúng ta đi ăn hiệu, đừng làm cơm nữa.

Mắt Sâm bỗng sáng lên. "Đinh, khóa, bản lề", đây cũng là một bản đàn. Mà cũng chẳng kém phần réo rắt. "Khi người ta bị chia lìa trong lúc yêu nhau" và "đinh khóa bản lề", đằng nào nghe cũng được. Nhưng lúc đó, nàng coi như trong phòng không có bóng Tôn nữa. Nàng nhìn cái trán rộng rãi và rám nắng của Tạo, và nàng nghĩ đến một cuộc vui chơi như kỳ đi Huế, hồi mới gặp Tạo.

Cái thời khắc mơ mộng đã xong. Tôn lơ đãng nhìn qua cửa sổ. Chàng nói với hai người :

– Tôi phải đi ra nhà báo một lát, chưa chắc đã đi ăn với anh chị được.

Tạo đập vào vai bạn :

– Anh không đi đâu cả. Làm báo là cái nghề chết đói hiểu chưa? Anh sẽ đi với chúng tôi, bởi vì tôi còn kiếm ra tiền.

Tạo quay lại phía Sâm mà tiếp :

– Có phải không Sâm? Cái gia đình của chúng ta neo người quá! Nếu không có anh Tôn đi lại thì vui sao được?

Sâm phụ họa vào ngay :

– Anh Tôn thế nào cũng phải đi với chúng tôi.

Tôn không có cách nào từ chối nữa. Đã mấy tháng nay, Tôn tự coi mình như đã thuộc vào sự thân mật của cái gia đình son trẻ ấy. Tôn và Tạo là đôi bạn cũ. Tôn được Tạo mời đến nhà mình giữa lúc chàng vừa xây xong cái tổ. Hạnh phúc của Tạo đầy tràn quá. Phải có một người thứ ba trông thấy chàng sung sướng và thèm thuồng. Chàng đã chọn Tôn, một kẻ xấu hơn mình, nghèo hơn mình, để dắt về nhà. Như vậy Tạo sẽ không có điều gì lo ngại. Tôn sẽ làm nổi bật

cái lộng lẫy của đời kẻ khác lên. Tôn hiểu như vậy lắm. Các bữa cơm do tay Sâm sửa soạn, các bữa cơm hiệu đầy đủ cao lương mỹ vị mà Tạo thết chàng cũng còn hơn là bữa cơm đạm bạc cô độc của chàng trong nhà trọ. Huống chi Sâm lại là một một người đàn bà nói chuyện có duyên. Và nàng lại thích đọc thơ và tiểu thuyết. Tôn ngắm Tạo kỹ càng và Tôn không thấy Tạo có gì là xuất chúng cả. Cái gì ở Tạo cũng thường thường. Mặt mũi thường, dáng điệu cũng thường. Vậy mà Tạo đã có tất cả những cái mà một người đàn ông mong ước. Tạo đã có một cái nhà để ở với một người đàn bà mình thích, chứ không phải đi trọ như Tôn. Tạo ăn và mặc, và đi chơi một cách tự nhiên, chứ không chật vật như Tôn. Tạo lại đi buôn bằng nước bọt mà lãi bạc ngàn như bỡn. Tạo vẫn nói :

– Ở Hà Nội, thường ngày có những kẻ vác cặp da đi nói khoác mà làm ra bạc. Trong số đó tôi là một.

Chao ôi, giá mà Tôn cũng sống được dễ dàng như Tạo giữa cuộc đời! Giá mà Tôn làm được những việc của Tạo dễ dàng như Tôn đã làm thơ hay tiểu thuyết. Giá có thể đổi lấy một nửa cái tài của bạn. Thật là chua chát! Bao nhiêu sôi nổi của lòng Tôn đã biến ra thơ văn hết cả. Trong khi đó thì bao nhiêu điều suy nghĩ ở đầu Tạo đã biến thành ra bạc. Mà bạc thì mới làm cho con người sống được một cách đường hoàng.

Tôn không đến nhà báo như chàng nói. Tôn đi ăn với cặp Tạo – Sâm, và khi cả ba người tới một tiệm ăn hạng nhất của người Tầu ở phố Hàng Buồm thì chàng không còn những tư tưởng yếm thế trong đầu nữa. Mùi chim quay và mùi rượu Thanh Mai bốc lên ngào ngạt. Tạo gọi hết món ăn này đến món ăn khác, mà toàn món bổ. Hình như đời Tạo chỉ có hai việc chính : kiếm ra tiền và ăn cho bổ. Sâm cũng vậy, từ lúc ngồi vào bàn ăn hình như nàng trẻ đẹp thêm ra. Chung quanh ba người cũng có những người đàn bà khác ngồi ăn uống, nhưng Tôn không thấy có người nào tươi tắn mặn mà như Sâm. Nàng cũng uống một ngụm rượu khiến cho hai má hồng thêm và đôi mắt tinh anh thêm chút nữa. Tay nàng nắm đũa có nhẫn kim cương lóng lánh. Cái dáng điệu nàng ngồi ăn trông cao quý quá chừng. Tôn cười với bạn :

– Bữa tiệc vui mà không có giai nhân thì cũng uổng. Anh xem bao nhiêu người nhìn vào bàn chúng mình, làm tôi cũng được thơm lây. Xin uống vì hạnh phúc vô song của anh cho rõ thực say.

Tạo nâng cốc uống một hơi như một con trâu khát nước. Tôn tưởng tượng Tạo có thể nốc cả bát rượu đầy mà thân hình vẫn bền vững như thường. Đến sự uống, chàng cũng chịu thua Tạo nốt. Chàng làm thơ mà không uống được rượu. Đó là một điều thất bại nữa. Nhưng có một chút hơi men thấm vào cái quả tim bé nhỏ của chàng cũng đủ làm cho nó rung lên một điệu riêng. Tôn thấy mình không ăn nhập gì vào cái xã hội của những người no nê đầy đủ và tự mãn sống ồ ạt quanh mình. Tôn thấy mọi vật là thường hết. Chỉ có linh hồn thanh khiết của mình trong hiu quạnh là hơn cả. Có làm gì những tiếng vàng tiếng bạc chạm nhau trong tay những người buôn bán tầm thường kia? Chàng biết rằng rượu ngon, thịt ngon và Sâm đẹp. Chàng hưởng thụ mọi sự ở đời bằng cách riêng. Và Tôn chắc chắn rằng nếu bây giờ hai người đàn ông ngồi cạnh người đàn bà kia, có một người biết rõ cái giá trị của sắc đẹp, của tình yêu thì người đó là Tôn, Tôn chứ không phải Tạo. Mà ví thử bây giờ đem hỏi Tạo xem cái màu mắt của Sâm nên ví với màu gì, thì hẳn là Tạo chịu không trả lời ngay được. Tạo chỉ sống hời hợt, sống ở từng trên sự vật. Còn Tôn, Tôn biết rằng mình sống ẩn vào trong. Và đó mới là cái sống. Tôn muốn làm ngay một bài thơ lúc đó. Một bài thơ chỉ gồm có một câu, theo lối những nhà thơ sợ phí thì giờ cũng được. Nhưng bàn rượu bỗng có một người đến quấy rầy, làm cho nguồn thơ chàng biến mất. Đó là một loại "cầm cặp da đi nói khoác mà ra bạc" như Tạo. Hai người "buôn nước bọt" gặp nhau, vồn vã một cách niềm nở, nhưng giả dối. Họ ghé vào tai nhau mà bảo cho nhau biết những giá hàng có thể "làm ăn được". Mắt Tạo nảy ra những tia đắc ý khiến Tôn trông mà phát ghét. Tôn nhìn Sâm mà tự bảo :

– Hừ, làm quái gì cái đồ tự túc đó? Sâm đêm nay đẹp thế kia, nhưng có ai để ý đến đâu? Tôn uống một tợp rượu nữa và chàng nhìn ngắm bàn tay trắng trẻo của mình, thanh tú như một bàn tay đàn bà. Một bàn tay chưa từng làm việc gì bẩn cả. Tôn nghĩ vậy. Và chàng có dáng điệu một ông hoàng thất thế, chàng nghĩ rằng cái tay của mình chưa bao giờ nắm nhiều giấy bạc cả, vì nó chỉ viết ra văn thơ. Chàng hơn đời ở chỗ đó. Và kém đời cũng vì chỗ đó.

Người lại mặt đi rồi, Tôn thở ra khoan khoái, những câu chuyện buôn bán của Tạo và người đó làm chàng chán nản. Mà Sâm cũng vậy, hình như nàng cũng không thấy gì làm chú ý đến câu chuyện của hai người.

Tạo gọi một người hầu sáng đến tính tiền. Chàng mở cái ví da khá lớn của mình ra. Tôn đánh diêm hút thuốc nhìn đi chỗ khác. Bữa ăn đương tiêu hóa. Đời đương đẹp. Chàng không muốn biết rằng bữa cơm vui vẻ, ngon lành kia, người ta đã trả bằng tiền, bằng đồng tiền kiếm rất khó khăn chật vật. Sâm cũng lấy ví sửa lại cái nhan sắc của mình bằng son phấn. Dáng điệu của nàng ung dung điềm tĩnh như cố ý bảo hai người đàn ông ngồi trong bữa tiệc : "Có làm gì những sự thờ phụng của các anh. Chỉ có nhan sắc này là đáng kể". Tạo đẩy ghế đứng lên và nói :

– Ngày mai tôi xuống Phòng sớm. Có món sợi này bở lắm.

Ngoài đường, không khí đầm ấm như trong giữa mùa xuân. Người ta đi đi lại lại như ai ai cũng có một nỗi vui ở lòng mình. Tạo nện gót giầy đi giữa bạn và người yêu như một ông tướng trận. Bỗng chàng nghe Tôn nói :

– Bây giờ tôi trở về nhà. Tôi sẽ leo lên cái gác hẹp và thấp. Tôi sẽ thức suốt đêm để nghĩ đến một người đàn bà đã chết rồi.

Tạo cười chế nhạo :

– Đồ thi sĩ!

Nhưng Sâm nói tiếp :

– Anh Tôn nói đúng. Những đêm như đêm nay lòng người có nhiều sự nhớ tiếc bâng khuâng lắm. Những người làm thơ như anh Tôn mới hiểu.

Tạo quẳng điếu thuốc đương hút dở. Chàng hơi kinh ngạc nhìn Sâm. Chưa bao giờ nàng nói một câu lạ tai như vậy.

*

*   *

Anh Tạo,

Chuyến này anh về nhà chắc anh buồn lắm. Em cũng vậy anh Tạo ạ. Nhưng không hiểu sao vẫn có một sức mạnh gì lôi kéo em đi. Em biết là anh Tạo yêu em lắm, thương em lắm. Em không phải là đồ vong ân bội nghĩa. Anh đã chiều em hết sức, em không ao ước gì hơn là ở với anh hết đời hết kiếp, để hầu hạ anh, làm kẻ tôi đòi cho anh. Nhưng em là đàn bà, anh Tạo ạ. Em hèn yếu lắm. Vậy thì chỉ còn mong anh tha thứ mà thôi. Em đi với anh Tôn đây. Vâng, Tôn, người bạn nghèo của anh. Em đi để chia xẻ cái đời bất hạnh đó. Em biết rằng em sẽ không được như khi ở với anh, nhưng số kiếp như

vậy, "lại tìm những lối đoạn trường mà đi". Em cũng không hiểu em yêu Tôn tự bao giờ. Trong từng ấy tháng trời, anh ấy đi lại nhà này, chính anh cũng biết đó, em vẫn tỏ ra là một người đoan chính. Nhưng sự đó có lẽ do duyên kiếp. Em thấy em hợp với anh Tôn hơn là hợp với anh. Anh đừng giận, anh Tạo của em, anh Tạo mà không đời nào em quên được. Anh đừng giận bởi vì chính ra cũng tại anh. Tại sao anh không có lấy một phần tình cảm của anh Tôn.

Ngoài sự ấm no, người đàn bà còn cần đến món ăn đó nữa cho linh hồn. Anh có những công việc của anh, anh bận rộn quá, anh không để ý đến việc gì khác ngoài việc kiếm tiền. Trong lúc đó thì em sầu não quá. Lòng em có đâu được cứng cỏi như bọn đàn ông. Chao ôi, anh không hiểu được, em chắc vậy. Em có nói ra chắc anh cũng không hiểu được cho em. Như cái hôm anh đi Nam Định mà em sốt mê man đó. Nếu anh Tạo của em có nhà! Em đã gọi anh suốt cả đêm, nhưng chỉ có anh Tôn. Em sốt đến bốn mươi độ, mà anh thì đi vắng. Anh Tôn đi gọi đốc tờ, anh Tôn đi mua nước đá. Anh Tôn vất vả cả ngày hôm sau nữa. Bạn anh đã trông nom em, trong lúc anh mải mê kiếm tiền. Bạn anh đã có những cử chỉ dịu dàng, những lời an ủi nhẹ nhàng, khiến cho em cảm cái tấm lòng tốt của người ta quá. Người ta nghèo thật, nhưng mà tốt phải không anh. Khốn nạn, em đã đến cái chỗ anh Tôn trọ, em đã trông thấy cái nơi anh ấy nằm. Thật là thảm hại. Anh Tạo ơi, anh đã có một đời sung sướng như vậy thì anh không hiểu được người nghèo. Nhà em xưa kia cũng nghèo nên em hiểu và thương hại cho anh Tôn. Em chắc anh là một người có hạnh phúc từ trong trứng. Vậy thì anh không thể nào hiểu và tha thứ cho em và anh Tôn được.

Em thấy rằng đời em không sống yên ổn trong sự giàu sang no đủ. Như thế là dại lắm, em biết lắm, nhưng em vẫn theo tiếng nói của lòng mình. Những người như em và Tôn, hình như trời sinh ra để chịu sự nghèo khó hơn là hưởng sự an nhàn êm ấm. Không hiểu mãi đến lúc gặp anh Tôn, em mới có tư tưởng ấy hay là em đã có từ lâu rồi? Nhưng dù sao em cũng xin anh Tạo của em tha tội. Và nhất là anh đừng giận anh Tôn. Trăm sự đều tại em, đứa đàn bà khốn nạn này. Anh đã được đời chiều chuộng, anh đã có một số phận hơn người từ bé, anh nên biết thương những kẻ không may mắn như em và bạn của anh"

Người đàn bà phụ bạc lạy anh.

Sâm.

Tạo đọc xong bức thư không biết mình nên đập hết đồ đạc và phá nhà rồi chạy ra đường, hay nên đi tự tử. Tay chàng run lên như sốt rét. Nếu lúc đó có một cái gương lớn cho Tạo nhìn vào, chàng sẽ thấy cái vẻ mặt mình là vẻ mặt một kẻ giết người. Chàng không chạy đi đâu cả. Chàng ôm đầu ngồi rũ xuống bàn như một cái cây bị chặt gốc. Có một cục đá lớn đè lên cổ họng chàng. Rồi nước mắt cứ việc tuôn ra ở hai con mắt của chàng. Nó tuôn ra cả hai lỗ mũi. Người Tạo là một cái đê vỡ. Chàng mặc cho đau xót chảy ngang dọc tung tóe khắp cơ thể mình như những làn nước lụt. Chàng nghĩ đến mẹ mình chết héo hắt vì người chồng già phụ ngãi. Chàng nghĩ đến cái gia đình chia rẽ của mình mà từ lâu chàng không nhớ tới. Chàng nghĩ đến đoạn đời tủi nhục của mình thuở bé. Chàng rên lên tuyệt vọng :

"Chao ôi, chúng tưởng ta không có một quả tim nhiều tình cảm như của chúng? Đã khốn nạn chưa hở Tạo? Cái quả tim yếu ớt dễ rung động nhất đời kia của mày, mày đã làm gì nó? Mày đã cắn răng bóp chết nó đi rồi. Và mày đã luyện cho nó rắn chắc như hòn đá. Mày có một hòn đá cuội ở trong lồng ngực, ở chỗ mà Thượng đế đặt quả tim của con người ta vào đó. Mày đã cố thay đổi cuộc đời. "Sống khỏe để mà vật lộn". Vì không vậy, vì nhiều tình cảm thì chết đói. Khốn nạn cho thằng Tôn! Khốn nạn cho con Sâm! Đời mình tháo vát thế này mà còn chửa ra gì, huống hồ nữa là làm thơ mà sống được, mà yêu nhau được. Cái khờ dại của chúng đã giết hại luôn cả đời mày rồi Tạo ạ. Bây giờ ta định xử trí thế nào đây? Giết cả hai đứa hay là quên chúng đi, quên cái việc đồi bạc, đau đớn chúng đã gây cho đời mình. Quên. Giết. Máu. Đầu Tạo có những chữ đó sáng lòe như chớp."

Người đàn ông khốn khổ không còn biết hành động ra sao nữa. Chúng là một con tầu mất hướng. Chàng không còn một sự sáng suốt nào trong người nữa. Nếu giữa lúc này mà chàng làm "công chuyện" của mình thì là thua lỗ, là sai hỏng hết. Mà Tạo còn lòng nào nghĩ đến chuyện làm ăn nữa. Bây giờ là ngày hay đêm, chàng cũng không nhớ nữa. Chàng đã đổ sụp như một cái nhà tuy mặt ngoài hào nhoáng nhưng cốt trong thì già yếu đã lâu rồi.

Tạo đứng lên đi đi lại lại trong gian phòng mới cách mấy ngày đây vốn sực mùi hương phấn của Sâm. Cô độc! Cô độc! Từ đây thì Tạo lại sống cái đời cô độc của chàng như cũ. Đứa đầy tớ không có việc làm, ngủ trong bếp co quắp như một con vật bị người ta trói chặt

chân tay trên chõng. Cái nhà của Tạo có hơi y như nhà đám. Chàng mở cửa buồng, đứng ngắm những đồ vật do tay Sâm sắm sửa, trang hoàng. Này đây là tủ áo. Chàng mở tủ ra, chùm chìa khóa để nguyên trong lỗ khóa. Áo quần còn nguyên như cũ, có lẽ Sâm chỉ mặc có một cái áo thường và cũ nhất mà ra đi với Tôn. Nàng không mang theo một vật gì khác ngoài cái tình của nàng, để bước khỏi nhà này với người yêu. Đã thấm chưa? Người ta không cần gì cái giàu sang của Tạo cả. Người ta đi với bàn tay trắng. Và người ta biết yêu nhau. Thôi, cái tai họa của chàng thực là không cứu được nữa rồi. Tiền bạc làm hỏng hết! Chàng đã biết vậy, sao chẳng đề phòng? Chàng nản hết! Chàng nản hết!

Tạo gọi thằng ở dậy. Chàng giao nhà cho nó như khi người ta giao của cải cho một người nào đó giữ để đi sang thế giới khác cho thoát kiếp. Chàng không còn gì nữa hết! Chàng nghĩ đến rượu và chàng bước ra đường. Ngoài đường, thiên hạ vẫn sống như thường, xe cộ vẫn rộn ràng, người đi lại vẫn tấp nập không ai biết rằng trên đời có một kẻ tên là Tạo đang đau khổ và đang chán ngấy sự đời. Chàng nhìn mọi người đi trong phố với những nỗi lo toan hay hy vọng của riêng mình. Chàng nhớ lại cái hình dáng chàng mọi ngày vác cặp đi chen chúc trong đám đông. Chàng cười nhạt một mình. Bỗng tự dưng chàng cười nhạt một mình. Và Tạo thấy lòng mình tuy chứa đầy nỗi đau xót, nhưng đã nhẹ biết bao nhiêu phiền muộn. Chàng ngửa mặt nhìn lên một cái cây cạnh đường đi, trời không có gió, nhưng tầng lá dưới cùng của cái cây lại lay động. Đã lâu lắm, bây giờ Tạo mới để ý đến rằng ở đời còn có những cái cây nẩy lá xanh. Và những cái cây ấy vẫn sống, không dự gì vào cuộc xôn xao vô ích của người ta cả. Có lẽ trong người Tạo, tại một chỗ nào sâu kín cũng có một sự rung động hiu hiu như từng lá dưới cùng ở cái cây kia. Tạo không thiết tha gì sự sống lắm, nhưng mà phút này, chàng không muốn chết như vừa đây nữa. Chàng cũng không muốn giết một người nào nữa. Chàng đi lang thang hết phố nọ đến phố kia như một triết nhân. Những kẻ bất mãn ở đời đều có thể làm triết nhân được cả. Chàng tìm những đường phố vắng mà đi, sợ rằng mình có thể gặp Sâm, hoặc Tôn, hoặc một người bạn làm ăn buôn bán với mình. Tạo thấy mình xa hẳn họ rồi. Và sau cùng chàng đi ra mãi ngoại ô lúc nào không biết.

Trời lúc đó đã về chiều. Có một đám đông, phần nhiều là con trẻ, tụ họp nhau xem bọn khách bán thuốc làm trò các cửa ô. Tiếng

phèng phèng của bọn khách mỗi lúc lại kéo thêm được một dúm người tò mò lại gần mình. Như mọi hôm thì không bao giờ Tạo lại phí thời giờ "vàng ngọc" của chàng cho những việc làm tầm thường như vậy. Nhưng lần này không hiểu sao chàng cũng lại tò mò như lũ trẻ. Chàng bước gần cái vòng người bậu quanh đám khách bán thuốc mãi võ. Chàng thấy một người Tầu cao gầy đương làm trò nuốt lửa. Người Tầu vừa hò hét bằng tiếng nước mình vừa đấm vào ngực thình thình. Thỉnh thoảng hắn lại ngửa người bỏ cái bùi nhùi lửa vào mồm mà không tỏ vẻ gì khác cả. Người xem cảm động không ai nói một tiếng. Cứ xong mỗi trò, bọn khách lại lôi một hai con rắn bỏ trong một hũ rượu thuốc ra quảng cáo và bán rượu cho một vài người. Muốn tỏ cho công chúng biết là rượu tốt, hai thằng hề trong bọn bán thuốc rong chốc chốc lại cởi trần ra đánh võ. Chúng đấm vào ngực, vào mặt nhau làm cho da thịt đỏ hằn lên, rồi cuối cùng đều múc một chén rượu để uống, làm như không hề gì cả. Gió chiều thổi lạnh. Chỗ đánh võ bụi bốc lên. Người lớn và trẻ con reo hò. Tạo cũng quên cả cái sầu đè trĩu trong lòng mình một lát. Chàng nhìn hai con khỉ gày xơ xác ngồi nép mình bên đùi người khách. Hai con khỉ phải làm trò gánh nước và kéo xe xong, được bọn trẻ con thích lắm. Bây giờ chúng mệt, vừa nhìn đám đông vừa thở. Ở chân mỗi con có một cái xích sắt dài. Chúng nhìn đám người xem một cách buồn rầu, và hình như chúng nghĩ : "Chúng ta sinh ra ở rừng xanh đẹp đẽ kia. Ở đấy có suối mát, có hoa quả ngon lành. Và chúng ta không trông thấy có giống người độc ác. Chúng ta làm cái trò gì thế này? Chúng ta kiếm tiền để làm gì? Rừng núi! Thiên nhiên ôi!".

Trời sắp tối. Trong một vài nhà gần đó đã có ánh đèn. Bọn bán thuốc đã mệt, mà tiền nhặt được chả là bao. Đám đông tan rã. Tạo không đói, nhưng chàng cũng không quay trở về đường cũ. Có lẽ chàng sẽ trở về nhà và sống như thường. Chàng sẽ ăn và rồi làm việc và kiếm được tiền như trước. Chao ôi, đời không là gì cả. Nhưng nó đè bẹp người ta. Tiền bạc không là gì cả, nhưng không có nó thì không được. Tạo thấy trong mình tự nhiên mỏi mệt, như cơ thể bỗng trống rỗng. Kể cả lúc đi làm ăn khó nhọc nhất cũng chưa bao giờ chàng thấy thế. Chàng biết lúc này chỉ có bàn tay mát dịu của Sâm đặt lên trán chàng, sục vào tóc chàng mới làm cho chàng dễ chịu được. Nhưng Sâm, Sâm thì chẳng bao giờ nữa. Chàng thề không bao giờ nhìn lại mặt người đàn bà đó nữa. Đời có thiếu gì những người đàn bà nhan sắc. Đêm nay chàng sẽ uống rượu thật say và chàng sẽ

đi hành lạc trong những kỹ viện có tiếng là sang trọng. Đồng tiền của chàng sẽ đem lại cho chàng nhiều thứ lạ. Chàng sẽ hành hạ những người đàn bà đẹp như Sâm cho xứng đáng với đồng tiền, như những kẻ phàm phu tục tử. Đàn bà theo ý Tạo lúc này chỉ là một giống ưa nhận tiền bạc đãi. Họ chỉ có thể nhận hạnh phúc trong cay đắng, trong sự dằn vặt bởi giống đàn ông mà họ phục tòng. Họ chỉ có thể sung sướng trong sự đọa đày.

*

* *

Tạo nhìn bàn tay Sâm đặt trên bàn. Bàn tay nổi gân xanh, và không còn nhẫn. Nhưng bàn tay vẫn còn đẹp lắm. Có lẽ chiếc nhẫn kim cương đã bị tiêu vào lúc Tôn ốm và Tôn mất. Chiếc áo trên người Sâm vẫn là chiếc áo lúc ra đi. Nhưng đã hơn một năm trời rồi. Chiếc áo đã bạc màu. Một mùi ẩm mốc phảng phất trong gian nhà hẹp tối. Trên bàn thờ lạnh lẽo, chiếc ảnh của Tôn lồng trong khung kính cười với Tạo một nụ cười gượng gạo. Trong hai người, bây giờ Tạo biết mình là một kẻ bại rồi. Tôn đã bước sang cõi bên kia, không ai chạm đến người được nữa. Tôn đã làm gì người đàn bà yêu mến của Tạo rồi? Hắn đã làm thành một cái giẻ rách. Chao ôi, sự đời đến thế này ư? Một bên là no đủ, một bên là đói khổ. Người đàn bà đã chọn cái thứ hai. Tạo không thể tưởng tượng được rằng lớp cuối của đời Tôn và Sâm, và đời mình lại diễn ra trong một cái nhà lá hẹp, ở một vùng ngoại ô lầy lội thế này. Hình như trời vẫn mưa bụi ở bên ngoài. Tạo hỏi Sâm bằng một giọng hơi phẫn uất:

– Thế cái nhà này của ai mà Sâm lại đến đây?

Sâm chùi một giọt nước mắt và đáp lại :

– Nhà của bà cô em. Khi anh Tôn ốm nặng, và không còn đồng nào nữa thì chúng em dọn về đây.

– Thế ai bảo Sâm viết thư gọi tôi lại? Cũng bà cô ấy à?

– Không, anh Tôn khi hấp hối...

Tạo tiếp lời Sâm chua chát :

– Anh Tôn khi hấp hối liền nghĩ đến tôi, vì anh biết tôi là một người yếu đuối, tôi còn có thể yêu Sâm, và tôi sẽ tới.

Tạo nhìn vào chiếc ảnh của Tôn mà nói. Chàng cay đắng rằng Tôn không còn sống để cho chàng rửa được thù. Chàng bỏ hai tay rơi thõng xuống. Người chết, anh chàng thi sĩ thực là quá quắt. Hắn đoán hiểu được lòng tất cả mọi người. Hắn biết được đàn bà ao ước cái gì, và đàn ông chỉ là những đồ hèn nhát. Một giọt nước mắt của giống yếu làm cho quả tim cứng rắn đến đâu cũng phải tan.

Bây giờ Tạo sẽ nói những chuyện gì với Sâm? Trách móc hay giận dữ? Cái gì bây giờ cũng không có ích cho cả hai rồi. Sâm bây giờ là một kẻ bơ vơ. Chàng là một người đàn ông cô độc. Người đàn ông ấy mặc dầu thế nào cũng chưa quên được chuyện cũ. Chàng ngao ngán. Chàng chỉ còn nên ngao ngán. Chàng không đánh được ai. Và chàng biết rằng không bao lâu nữa, chàng lại sẽ yêu Sâm như là Sâm không làm điều gì xằng bậy đối với chàng.

Ngoài ngõ, trời vẫn sụt sùi mưa. Thôi thôi cái số kiếp của chàng là như vậy. Hạnh phúc thừa của thiên hạ mới đến phần chàng. Những người như chàng, chàng tin rằng không bao giờ được hưởng một cái gì trọn vẹn. Xưa kia chàng đã mặc những áo thừa của các anh, do bà mẹ chàng hoạn lại. Không bao giờ người ta may cho chàng một cái áo riêng. Tạo không bao giờ có một cái gì riêng cho mình mình hết. Chàng nhìn Sâm bây giờ gầy võ, nhưng còn đủ đắm say chàng. Và chàng tự an ủi : "Thôi, ta có vậy thì ta cứ giữ. Số kiếp ta là thế. Đời nó chẳng là gì hết. Nhưng nó đã đè thì ta phải chịu". Tạo nghĩ vậy, và chàng nhìn quanh gian nhà của bà cô Sâm lần nữa. Cái mùi mốc nhạt nhẽo của những gia đình nghèo khổ lại đưa lên mũi Tạo, khiến chàng nhớ lại thuở hàn vi của bố mẹ mình. Chàng đoán rằng Sâm cũng như chàng, không ai muốn ở lâu trong một cái nhà như thế. Ở ngực chàng, cái tức hận vẫn nằm ngang như một hòn núi chặn đường. Nhưng chàng đã thương hại Sâm ngay khi chàng bước vào cửa nhà này. Ôi, cái lòng của chàng bao giờ cũng vậy, bao giờ cũng yếu, bao giờ cũng nặng những tình thương làm thiệt hại cho đời mình. Chàng biết lắm. Chàng thở dài ảo não :

– Lầm hết! Người ta lầm nhau hết!

Sâm tưởng là Tạo vừa thoát ra một câu trách oán, mỉa mai. Nàng ngước mắt nhìn chàng cầu khẩn :

– Thôi, tôi xin anh quên hết! Tôi biết tự tôi làm ra cái cảnh này đây. Anh thương được phần nào may phần ấy. Bằng không, xin anh cứ coi như là việc đã rồi. Tôi nghĩ cũng không dám làm bận đời anh nữa.

Cái giọng Sâm quả quyết như là nàng lại sắp dự định một điều gì ghê gớm. Người đàn bà này phải coi chừng. Tạo không phải là địch thủ của hạng người như vậy, về tình cảm. Chàng có thể được lãi rất nhiều trong khi nói những chuyện về "đinh, khóa, sắt", nhưng bước vào cái địa hạt này thì chàng là một người yếu vậy. Bước vào những trận này thì chàng là người thua lỗ trước.

Chàng đấu dịu :

– Không. Sâm lầm! Tôi đã quên hết trước khi bước vào đây. Nếu không, tôi đã không tìm gặp lại Sâm. Tôi cũng có một tấm lòng Sâm ạ, mà nó không phải là bằng sắt.

Chàng nói vậy rất nhanh, cho thế là quá đủ. Rồi chàng đứng phắt lên, sợ rằng tình thế ấy sẽ kéo dài ra một cách bất lợi cho chàng.

– Thôi, chúng ta đi, tôi vẫn còn giữ cái nhà thuê lúc trước!

Tạo mặc áo mưa vào, rồi nắm cái cán ô ở trong tay.

Sâm nói:

- Anh ra ngõ trước chờ em một lát.

Tạo quên rằng Sâm còn có một bà cô, và nàng không thể đứng lên đi một cách đột nhiên như thế được. Chàng có nghe tiếng ho nhè nhẹ ở buồng bên. Chàng đưa mắt hỏi Sâm có nên lên tiếng chào chăng? Sâm giơ tay ra hiệu cho chàng bước lùi ra cửa.

Ngoài ngõ, bóng tối đã phủ dày, gió thổi từng trận một. Tạo thấy ngực mình nhẹ nhõm hơn. Chàng giương ô lên đợi.

Vài người thợ đi làm về hát nghêu ngao trong ngõ tối. Một hai cửa hàng tạp hóa con con thắp những ngọn đèn dầu cháy lù mù. Có tiếng ru em trong một căn nhà không có ánh đèn. Cái xó tối tăm, nghèo nàn nhất trần gian cũng chứa đựng lúc nhúc những mầm sống dồi dào mãnh liệt như trên đống phân chuồng, ánh lên cái ánh biếc của các loài sâu bọ.

Tạo hít từng hơi gió lạnh vào trong ngực. Những cảm giác nặng nề lúc mới bước vào đây không còn nữa. Sự khinh khi buồn phẫn bây giờ nhường chỗ cho một sự ngạc nhiên lớn trong khi chàng nghĩ đến muôn ngàn trạng thái khác nhau của những cuộc đời. Trong mỗi căn nhà tối mịt kia đều có một cái vui riêng, không chuyện nào giống chuyện nào, mỗi một cánh cửa lại mở ra trên một cuộc đời đang nở, đanh nhóm, đang tàn. Và nước mắt, tiếng thở dài trộn lẫn tiếng cười. Tạo nghe một tiếng kẹt cửa, đoán là Sâm đương khép cửa để ra đi. Đôi guốc gỗ của nàng nện trên nền đất vang dội đến cả lớp sâu xa nhất trong người kẻ đàn ông đứng đợi.

Tạo thấy mình bối rối như lần đầu đến chỗ hẹn hò với một người con gái. Tái hợp! Tạo và Sâm tái hợp trong một cái ngõ hẻm sau hơn một năm trời, dưới mưa. Tạo thấy mình đã khác mà Sâm cũng khác. Chàng cố nhìn xem ở tay Sâm có bọc gì không. Chắc chắn nàng phải đem theo một thứ gì để ra đi, để thay đổi cuộc đời. Nếu vậy Tạo sẽ đỡ lấy hộ nàng. Cử chỉ ấy sẽ như một lời nói xử hòa của đôi vợ chồng trẻ sau cơn giận dỗi. Tạo cố nhìn trong bóng tối. Không, ở tay Sâm không có cái bọc gì hết cả. Sâm đi về nhà chàng để ở với chàng, cũng như khi Sâm bước ra khỏi nhà chàng để theo Tôn, trên tay không vướng bận một vật gì. Thật là dễ dàng và kỳ lạ. Tạo nghiêng cái ô của mình về phía người Sâm.

Những giọt mưa nhỏ rơi trên đó nghe như tiếng nói thì thầm.

Bốn bước chân đều đều, song song trên mặt đường tối ướt. Thật là dễ dàng và kỳ lạ.

Tạo không muốn gọi xe tay. Khi hai người ra đến đường cái rộng, chàng bảo Sâm :

– Chúng ta chờ xe điện ở đầu ô lên phố thì tiện hơn.

Sâm không đáp lại làm sao cả. Nhưng nàng hiểu. Nàng cũng rất bằng lòng như vậy. Ngồi trên xe điện đông người, Sâm và Tạo sẽ không ngượng nghịu. Cả hai người đều cùng muốn kéo dài buổi tối ra.

Khi xe điện chạy, một người đàn ông ở đâu tới đập vào vai Tạo và chào:

– Hai bác đi đâu về mưa thế?

Sâm nhìn kỹ, nhớ ra rằng đó là một người bạn "làm ăn" của Tạo. nàng đã gặp người này ở một bữa ăn có cả mặt Tôn và Tạo. Hơn một năm rồi! Người này không biết đã có sự đổ vỡ giữa Sâm và Tạo.

Tạo cuống quýt nhìn Sâm có vẻ dò hỏi xem cái màu áo của nàng có còn coi được dưới ánh đèn không? Nhưng ánh đèn buổi tối thực đã khéo nịnh màu da và nhan sắc của những người đàn bà gần phai nhạt.

Sâm không còn được lộng lẫy như trong bữa tiệc đắc thắng của chàng năm nào, nhưng nàng cũng không phải là đã xấu.

Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1943,

Nhà xuất bản Thăng Long, Hà Nội, 1944.

CÚN SỐ 5

(Truyện thiếu nhi)

Cún mở mắt chào đời thấy mình nằm cạnh bốn anh em giữa ổ rơm, trong bếp của nhà bà Cả Lé, Cún không được hưởng êm ấm bên cạnh mẹ bao lâu. Chỉ vì Cún gầy nhất, xấu nhất trong ổ chó nhà. Các anh các chị sinh trước Cún lông mượt, lanh lợi, ai trông thấy cũng muốn ẵm vào lòng. Lông Cún vừa cứng vừa thưa, màu chó gio. Đầu Cún lại to, mắt buồn thiu, giống mắt người buồn ngủ hay sắp khóc. Cũng như những trẻ con xấu xí, Cún không được người ta ưa thích.

Một buổi sáng, bà Cả Lé vào bếp thăm ổ chó nói với chồng:

– Này ông ạ, cái con đẻ sau cùng, tôi không ưa một chút nào. Hình như nó ốm, không chịu ăn cháo lắm. Nó sắp chết thì phải, ta bảo đem quẳng nó ra sông thôi, kẻo lây cả đàn chó khỏe mạnh này thì hỏng.

Ông Cả Lé vốn người hà tiện, không muốn quẳng đi bất cứ vật gì ở trong nhà, nhấc Cún ra khỏi ổ:

– Bà này chỉ được cái phí của! Ừ, coi như con thứ năm này có sán không sống được bao lâu. Ta đem biếu con mẹ Ba Mành. Ta còn nợ tiền của nó, hẳn là con trai nó thích.

Khi bà Cả Lé mang Cún đến nhà bà Ba Mành, Cún rên lên thảm thiết.

Bà ba Mành cũng rên lên khi trông thấy Cún:

– Bà cho tôi cái của nợ gì thế này? Khiếp, chó má gì mà xấu thế? Độ này chúng tôi túng lắm bà Cả ạ...

Vừa lúc đó, thằng Tòng, con trai bà Ba Mành đi học về. Nó reo lên:

– A ha, Cún! Bà cho cháu con Cún này đấy chứ? Trời ơi, thích quá! Con chó này lành quá!

Cún có tên từ đấy, cái tên cũng không đẹp đẽ gì. Tòng sung sướng có một "người bạn" mới. Bà Ba Mành cũng lấy cái vui thích của con hóa ra dễ dãi. Bà Cả Lé dung dăng được món nợ. Mọi người đều hài lòng. Duy có Cún là chịu thiệt. Cuộc đời lênh đênh của Cún bắt đầu từ đây.

Bà Cả Lé vừa ra khỏi ngõ thì Tòng ôm lấy Cún vào lòng ngay. Cún kêu lên mấy tiếng sợ hãi, một lát sau, người ta thấy vạt áo Tòng ướt loang. Bà Ba Mành vội hét toáng:

– Thả nó ra đồ khốn! Nó đái ướt cả người rồi!

Tòng thả người bạn mới xuống đất. Cún chạy lon ton trông rất ngượng nghịu khiến cả nhà phá lên cười. Tòng đuổi theo Cún ra sân. Rồi Tòng đi ăn trộm sữa bò của em bé cho Cún uống.

Lần đầu trong đời Cún được nếm một thứ đồ ăn thơm mát như vậy. Cún ngước mắt nhìn Tòng sau khi liếm sạch bát. Tòng nhận thấy ngay rằng Cún đã thân mến ngay mình từ phút ấy. Tấm lòng tốt của Tòng đã có kẻ biết ơn. Cún phải xa mẹ và anh em, nhưng Cún đã gặp một người biết thương loài vật, biết quý mình như một con chó đẹp. Những ngày hạnh phúc bắt đầu.

Cún được Tòng lấy bàn chải áo của bố chải lông, tắm rửa luôn cho, thành ra một tuần trông Cún cũng không đến nỗi gì cho lắm. Cún được ăn uống ngon lành, và được chơi đùa với chủ suốt ngày nên thành ra dạn và khôn vặt. Cún không có vẻ ngù ngờ, sợ sệt khi mới đến nữa. Cún lại biết nghĩ ra một trò chơi lạ: Cún đi tha những chiếc giày chiếc guốc đến cho chủ, hay là giằng co với chủ một sợi dây, một cái que. Cún lấy làm thích chí, muốn tỏ ra mình giỏi hơn thế nữa, Cún tha ngay một chiếc tất mới của ông Ba Mành ra cổng và dầm nước bùn cho ướt sũng đi, rồi lại tha chiếc tất ấy vào phòng khách. Cún suýt bị ông Ba Mành vụt cho một cái thước lên lưng. Nhưng Cún bây giờ đã tinh ý, Cún trốn ngay vào gậm tủ và ở lỳ trong đó.

Cún ngày càng lớn, nhưng bởi cuộc đời Cún ở nhà bà Ba Mành phong lưu dư dật quá, nên chẳng mấy chốc hóa ra lười biếng, đâm ra kiêu căng hống hách. Cún ngủ cả đêm lẫn ngày bên cạnh bếp. Cún đuổi theo những người ăn mày đói rách vào xin tiền, và sủa rất lâu, nhưng cả nhà bà Ba Mành đều biết là Cún nịnh xằng. Ban đêm chả ai nghe một tiếng nào của Cún. Người ta thấy Cún chui vào gậm giường tránh rét. Một hôm người ta lại thấy trong bếp có người kêu: "Không biết ai ăn vụng thịt đông mà vẹt ngay mất nửa đĩa vừa dọn ra mâm". Và người ta để ý. Tòng người bạn, người chủ đáng quý của Cún không ưa Cún như trước nữa. Tòng cũng để tâm rình. Thế là Cún bị bắt quả tang vào bếp ăn vụng cá kho. Ông bà Ba Mành đá cho Cún một cái lộn mấy vòng. Cún chạy biến ra đường. Người ta đóng ập ngay cửa lại để trị tội một tên ăn cắp, không cho nó vào nhà vội.

Đó là một đêm tháng chạp.

Trời rét buốt và mưa bụi. Cún co ro nép người vào cánh cửa nhưng không ai mở cho vào cả. Cún rên rỉ thực thống thiết, cạo sồn sột vào cánh cửa, nhưng vô ích. Đêm càng khuya, Cún càng thấy lạnh. Bởi đã quen chui vào bếp, vào gậm giường khi trời tối, bởi không chịu tập cho quen rét mướt ngoài vườn để giữ trộm như những con chó khác, Cún vừa run lên vì gió lạnh, vì sợ tối. Cún lại rít, lại cạo vào cánh cửa. Cánh cửa vẫn đóng im ỉm như thường. Cún lấy tai nghe ngóng thì hình như trong nhà ngủ cả rồi. Hình như không ai để ý đến Cún.

Cún tủi thân rầu rĩ bước đi trên đường. Lần này là lần đầu Cún đi khỏi một cái nhà ấm áp, lúc nào cũng sẵn đồ ăn thức uống cho mình.

Nhưng trên đường không chỉ có một mình Cún khổ mà thôi. Trên đường một cái bóng bà lão ăn mày vừa lò dò đi vừa xuýt xoa kêu rét. Cún mừng rơn vì lại thấy có bóng người trong đêm vắng. Cún đi theo bà lão ăn mày.

Cún không sủa, không có ý xua đuổi người ăn mày rách rưới như mọi lần. Cái khổ đã khiến Cún biết mình hơn. Cái bóng người đàn bà đói rách kia có thể là một sự che chở cho mình trong đêm tối. Cún theo bà lão ăn mày đi mãi, đi mãi ra ngoài thành phố. Bà lão ăn mày bước vào xó cổng một ngôi nhà không đèn đóm rồi ngả lưng vào một bức tường mà ngủ. Cún cũng rón rén nép vào bên người bà lão.

Gió thổi vi vu suốt cả đêm. Càng về sáng, cái lạnh càng tăng. Nhưng Cún, dẫu sao cũng chỉ như một đứa trẻ con, cái sợ, cái nhọc mệt không làm cho mất ngủ. Cún thiếp đi, mơ màng thấy người ta đánh đuổi mình. Cái đêm hãi hùng thật đã qua rồi. Bà lão ăn mày cũng đã đi đâu mất.

Cún đang phân vân chưa biết làm gì, bỗng thấy một con vật mình đen, đuôi dài và mềm như hình rắn, hai tai giương lên nhọn hoắt, hai mắt xanh như lân tinh, có lúc lại như hai chấm lửa đang nhìn mình chòng chọc. Cún chực làm quen bước lại gần sủa lên mấy tiếng vui vẻ. Tức thì, một bàn chân đầy móc sắc cào ngay vào mõm Cún. Con vật lạ lùng hét lên một tiếng "meo" và phun phì phì rất là quái gở. Đuôi nó cuốn lên như sóng, lưng gù lại, râu tua tủa quanh mồm, hàm răng nhọn hoắt và trắng nhởn, mắt nó lại xanh lè, căng đến tận tai, và hình như chiếu ra ánh điện. Cún hoảng hồn chực chạy, thì một người đàn ông ở đâu đến cầm cái chổi xua đuổi con vật

đáng ghét ấy đi, rồi cúi xuống vuốt ve lưng Cún. Đó là một người nông dân vẻ mặt thật thà, chất phác. Cún biết rằng mình đã lại gặp một người bạn tốt ở đời. Cún đi theo người đó.

*

* *

Lửa trong bếp cháy đỏ rực quanh những nồi cơm và nồi cám lợn. Người ta ném cho Cún một miếng xương còn dính rất nhiều thịt nạc. Sau khi đã trải qua một cơn đói rét như Cún, người ta mới biết quý một ánh lửa, một hạt cơm, một miếng ăn dù là một miếng xương. Cún đã lạc vào một cái trại trồng rau và làm ruộng ở xa thành thị. Cún không hối hận gì nữa. Một cuộc đời mới lại bắt đầu. Cún sống lẫn cùng bọn người vui tính và giản dị. Họ không xua đuổi Cún. Cún ở đâu tới, họ không cần biết. Họ chỉ biết Cún có dáng khổ sở, buồn rầu và đói khát, là họ nuôi thôi.

Cún mủi lòng muốn tỏ ra mình không phải là đồ vô dụng, ngay hôm đó, Cún đã bạo dạn đi ra tối một mình. Cún sục sạo khắp nơi trong trang trại. Cún nhìn những ông sao lấp lánh trên trời, Cún sủa lên vài tiếng thật hùng dũng. Người trong trại nghe thấy vậy bảo nhau:

– Con chó này khá đấy!

Cún thích nghe những người thôn quê vừa hút thuốc lào vừa bàn chuyện trồng trọt, cày cấy. Cún muốn được ngồi cạnh họ hóng chuyện. Nhưng vừa bước vào nhà đã lại trông thấy hai con mắt xanh lè của con vật khó chịu đã gây chuyện với Cún từ khi mới đến. Con vật gầm ghè bảo Cún:

– Ta là Mèo đen. Ta không muốn thân thiện với những quân đầu đường xó chợ. Ta sống ở đây từ nhỏ. Ta không muốn anh đến gần ta.

Cún giận sôi lên muốn nhảy xổ vào mèo mà cắn cho một miếng, nhưng nghĩ mình mới đến không tiện đánh nhau, nên chỉ đáp lại thế này:

– Mày là một đứa ích kỷ, mày tưởng ta muốn gần mày đấy hẳn? Mày đáng thương hại và buồn cười quá!

Cún lẳng lặng quay ra ở đầu hè. Đằng xa có những tiếng gà vịt, tiếng lợn kêu, tiếng trâu bò nhai cỏ, không khí có mùi lúa rạ.

Cún khoan khoái nằm lắng nghe từng tiếng động lạ tai cẩn thận như một ông tướng đang dò xét nơi mình vừa cắm trại. Bỗng nhiên Cún nhớ thằng Tòng con trai bà Ba Mành, Cún nghĩ thương người bạn cũ và hối hận. Nhưng cứ nghĩ đến cái cánh cửa đóng im ỉm nhà bà Ba, lúc người ta đá Cún ra đường, Cún lại sợ, không còn lòng nào trở về chốn cũ nữa.

Suốt đêm, Cún canh phòng khu trại chu đáo, mãi đến gần sáng bạch Cún mới chợp ngủ đi một chút. Thế nhưng khi nghe ông Năm Bính là chủ trại đi guốc lộc cộc qua mình thì Cún vội vàng đứng lên phe phẩy để đón mừng ngay.

Mặt trời chưa hiện, nhưng từ bà Năm Bính cho tới mọi người làm ăn trong trại đã dậy, Cún liền đi ngay ra chuồng lợn. Vì cả đêm Cún chỉ nghe thấy tiếng lợn ủn ỉn mà không rõ hình dạng chúng ra sao cả. Khi thấy những con vật bụng xệ lê mình không nổi, đuôi nhỏ, mắt ti hí, mõm dài xục xạo trong vũng hôi hám giữa chuồng thì Cún tỏ vẻ ghê tởm, vội lảng chân ngay sang phía cây rơm, Cún trèo ngay lên đỉnh cây rơm đứng ngắm vòng quanh trại.

Tất cả loài vật trong trại đều đã kéo nhau đi ăn sáng. Hai đàn gà con có gà mẹ dẫn đầu che chở kêu ríu rít vui tai, rủ nhau ra phía cổng. Một con bò con đang gặm cỏ tươi bên cạnh bố mẹ. Hai con vịt bầu đi đủng đỉnh, tiếng kêu quàng quạc thì tiến về phía ao bèo. Cún quan sát tất cả hồi lâu rồi tự nhủ "Ở đây không có trật tự gì hết. Bắt đầu từ hôm nay ta phải cai quản bọn này và bắt chúng tuân theo mệnh lệnh mình mới được?" Cún nghĩ vậy, lấy làm kiêu hãnh rồi chạy ngay đuổi hai con vịt dáng bệ vệ như hai vợ chồng một ông phú hộ. Hai con vịt bầu hoảng sợ vừa chạy lạch bạch vừa đập cánh, làm cho lông cánh và bụi đất bay lên mù mịt... Cún sủa lên mấy tiếng thị uy và chắc thế nào mình cũng tóm được hai con vịt béo. Nhưng, đến bờ ao, nhanh như cắt hai con vịt lội ngay xuống nước và lướt trên mặt ao như hai chiếc thuyền rất nhẹ. Cún tức mình chạy quanh bờ ao, sủa càng to, nhưng chịu không dám nhảy theo xuống nước. Bỗng hai con vịt như ngã lộn cổ xuống nước, đít chổng lên trời. Cún không từng trông thấy những con vịt bơi lội kiếm mồi dưới nước bao giờ, bởi thế nên Cún hoảng, Cún cho là mình vừa gây ra tai vạ.

– Không khéo hai con này chết đuối! Mà chính ta đuổi chúng xuống ao.

"Mình đã thành kẻ giết hại loài vật trong trại rồi", Cún nghĩ

thầm như vậy. Cún lấy làm lo ngại, xấu hổ. Cún vung cẳng chạy. Cún đâm bổ vào chân một con dê gần đó. Con dê lấy sừng húc cho Cún ngã quay lơ vào giữa chân bò con. Bò con giật mình chạy tuốt ra phía ruộng. Đàn gà mẹ gà con nháo nhác kêu lên như có loạn. Bà Năm Bính đang đổ cám cho lợn ăn thấy thế giơ tay lên trời mà rủa Cún rồi vác gậy đuổi.

Cún hiểu ngay mình là một kẻ vô tích sự. Cún hiểu rằng nếu mình không đuổi được bò về cho chủ, thì rồi địa vị mình ở trại khó yên. Cún chạy theo con bò. Cún đến trước mặt con bò lên giọng mắng:

– Mày làm gì mà chạy như hóa dại thế kia? Quay về đi! Quay về tức khắc!

Con bò ngần ngừ không quay lại, Cún tức thì nhe răng làm bộ cắn vào chân nó. Con bò hoảng chạy tuốt về phía trại nhà. Cún vẫn không rời một bước, vừa đuổi theo vừa sủa dọa thúc bò về.

Ở trong sân trại, vợ chồng ông Năm Bính trông thấy vậy ôm bụng cười ngặt nghẽo, bảo nhau:

– Con muông này khôn lạ!

Cún hoàn hồn vội chạy nép vào chân ông Năm Bính, thở lên hồng hộc. Bà Năm Bính quẳng gậy, đi vào trong bếp. Ông chồng cúi xuống vỗ về Cún, như người ta vỗ về một con ngựa quý.

*

* *

Thế nhưng trong việc đó cũng không có gì đáng kể, Cún còn tài giỏi hơn thế nhiều.

Một đêm, Cún đang ngắm sao trên trời nghĩ đến tương lai, bỗng nghe có tiếng động sột soạt ở mé tường. Nhờ có ánh trăng, hôm ấy Cún nhìn thấy rõ một tên trộm đầu bịt khăn đen, chỉ hở hai con mắt. Tên kẻ trộm dò xét kỹ càng một lúc rồi, mềm như rắn, hắn trèo qua tường mà nhảy nhẹ nhàng xuống đất. Cún nhìn thấy cả một lưỡi dao sáng loáng trong tay kẻ gian phi.

Tên trộm kề dao vào khe cửa cậy. Vừa lúc đó, Cún lấy hết sức nhảy vọt lên lưng thằng trộm và sủa oang oang. Tên trộm hất Cún ra, chạy nấp vào xó tường nhà bếp. Ngay lúc đó, ông Năm Bính đã

đánh thức người trong trại dậy. Họ cầm khí giới và rọi đèn ra sân. Cún đuổi theo tên trộm, càng sủa to hơn trước vì thấy có thêm người nhà trợ lực. Dáng điệu của Cún thực dữ tợn, miệng há ra đến mang tai, mình xù lông dựng ngược, nhảy trúng chân thằng trộm cắn ngay một miếng thật đau. Tên trộm thuận tay đưa lưỡi dao vào mũi Cún, Cún càng hăng tiết, máu tươi chảy ra lênh láng cả mặt mày, nhưng vì không thấy rõ ràng được nữa nên tên trộm thừa thế bỏ chạy. Cún vẫn không tha, vừa sủa, vừa đánh hơi chỉ đường cho chủ trại kịp bám sát chân tên trộm. Ông Năm và người nhà cầm mác lăm lăm không dám đâm, sợ đâm nhầm phải Cún. Tên trộm sắp vượt qua tường thì Cún nhảy lên cắn ngay được vạt áo nó mà kéo xuống. Bí thế tên trộm lại lia mũi dao vào người Cún lần nữa làm Cún đứt một mẩu đuôi. Cún bị thương lần này đau quá, đành nhả tên trộm vượt tường tẩu thoát. Nghe ông Năm Bính hô hoán rầm lên, cả trại đều náo động, mọi người đổ xô đến. Bà Năm Bính vội vàng ôm Cún vào nhà bảo hâm nước chè rửa những vết thương cho Cún. Bà xót xa, âu yếm Cún như đứa con nhỏ của bà khi nó ốm đau. Bà xé hai miếng vải màn thật mới để băng bó cho Cún.

Khi mọi người đều trở về, họ đốt lửa lên để sưởi và nhìn mặt Cún cho thêm rõ. Ai cũng muốn vuốt ve an ủi Cún một vài câu. Cún tuy mệt lả, nhưng thấy mọi người nhắc luôn đến mình đến cử chỉ anh hùng của mình cũng lấy làm vinh dự.

*

* *

Từ đấy, Cún là một kẻ quan trọng ở trại ông Năm Bính. Kẻ ăn người làm không dám khinh thường Cún. Có miếng gì ngon, hai vợ chồng ông Năm cũng gọi Cún cho ăn. Tất cả trại đều nể Cún. Hễ ai muốn làm vui lòng vợ chồng ông Năm Bính chỉ cần nhắc đến cái việc bắt trộm thần tình của Cún. Trẻ con các nơi gần đấy đều muốn chơi với Cún. Người ở những làng xa thường đến đong thóc ở nhà ông Năm Bính đều biết tiếng Cún và muốn xem mặt Cún. Dần dần người ta thêu dệt cho câu chuyện có vẻ ly kỳ rùng rợn hơn lên. Bà Năm Bính thuật lại với những người đàn bà khác là "suýt nữa thì trộm nó đâm chết ông Năm nhà tôi, cũng may có con chó quý này". Cún thành ra một con chó quý, một ân nhân của gia đình. Nhiều lúc nhắc

lại cuộc đời ở tỉnh thành khi trước, Cún tự bảo thầm: “Giá mình không dám ra đi, cứ ru rú ở một nơi, làm gì có ngày nay?”

Cún sống những ngày rất êm đềm trong trại giữa sự yêu mến của mọi người, mọi vật. Cún biết trọng đời sống riêng của lợn, gà, bò, vịt, bồ câu... trong trại, không hống hách xằng như trước nữa. Chỉ còn Mèo đen là vẫn cách biệt với Cún thôi. Nhưng chẳng làm gì sự đó. Mèo đen chỉ là một con vật lười nhác, ích kỷ, đời sống của Mèo đen không có ích cho ai. Cún bây giờ đã trở thành một con chó đúng đắn và có uy tín, có chấp nhặt gì một con mèo vô dụng.

Nhưng mùa xuân đã đến. Mùa xuân làm cho ngày hóa dài ra và đêm đến trời không giá lạnh lắm nữa. Trẻ con trong trại thường đạp tung chăn ra mà ngủ. Người ta và loài vật tự nhiên vui vẻ hơn, hoạt động hơn. Cún thấy bà Năm Bính thỉnh thoảng lại hát một vài câu trong khi giặt giũ ở cầu ao, tuy giọng bà không lấy gì làm trong lắm. Rau cỏ trong vườn xanh um cả lên như có phép lạ. Ông Năm Bính bấy giờ lại còn chăm cả mấy luống hoa ở trước sân và thường hay uống rượu. Con bò con cũng lớn lên một cách dị kỳ, tiếng nó rống lên như một anh con trai vỡ giọng. Cún chạy ra ngoài ruộng và thấy một con sên đang tha nhà đi phương khác. Con vật thật lạ lùng, nó có hai cái sừng rất đáng yêu. Cún đặt chân lên đấy, tất cả người con sên liền co lại, trốn vào vỏ bọc ngoài. Đang sửng sốt thì một con chim trong ruộng lúa bay vụt lên trời kêu từng hồi một: “Mùa xuân, mùa xuân đã đến!”.

Mùa xuân? Cún không hiểu gì cả, trở về nằm sưởi nắng trong sân, lim dim mắt, thấy trong người rộn rạo, hình như máu chảy mạnh hơn. Cún đâm mơ mộng. Cún mơ đến những phương trời xa lạ. Cún nhớ lại cái mùi thơm của đất ngoài đồng nội, màu áo xanh đỏ của cào cào, châu chấu bay lên trong ruộng lúa mỗi khi Cún tuông vào. Cún ao ước mình cũng mọc được cánh để bay, để bay đi từng quãng một, đến khắp mọi nơi. Cún buồn quá, Cún muốn châm chọc hết cả mọi người, mọi vật quanh mình. Thấy ai đi qua Cún cũng ôm lấy chân và gặm đùa cho một miếng. Cún bỗng chạy như điên ra đường cái, rồi lại quay vào. Cún thấy những con ong trong bọng nhà bay tán loạn đi tìm hoa. Cún tò mò lại gần chúng để trêu ghẹo, Cún vẫn cho chúng là một bọn ruồi vô hại, chỉ biết tìm hoa, làm mật. Cún lấy chân đập mấy con đang canh phòng trước bọng. Tức thì, một bọn xông ra đốt Cún tối tăm mặt mũi. Cún xuýt xoa sủa vang lên. Rồi

đêm đến, nhớ lại những điều trông thấy ban ngày, Cún cho cái mùa xuân là một mùa lạ lùng hết sức, hoa cỏ bỗng dưng thay màu, đổi lốt, loài vật và người thì ca hát như hóa dại, còn những con ruồi tự nhiên lại có răng cắn được người ta. Mùa xuân đến cũng đã làm cho Cún khác đi, một sức lực mới chảy trong thân thể Cún. Cún muốn được tự do chạy nhảy trên những con đường dài có bụi bay trắng xóa. Cún thấy ngán cuộc đời mình bên cạnh Mèo đen, bên cạnh người chủ trại. Cún chán những cảnh trông thấy hàng ngày, nhưng đôi khi cũng tự bảo thầm: "Mày còn lạ gì những nỗi khổ dọc đường hở Cún? Có một nơi yên lành, sung sướng đến thế còn đòi hỏi gì nữa? Mày nghĩ dại rồi mày sẽ khổ, Cún ơi, sẽ khổ...".

Song, những đêm thức canh khu trại mênh mông, nghe gió từ phương xa rít trong lá cây, Cún vẫn ao ước một cuộc ra đi kỳ thú.

*

* *

Khi đã làm được những sự phi thường như Cún, mà cứ ở chết mãi một nơi là hèn. Ngày đêm bây giờ Cún chỉ còn nghĩ vậy. Nhưng vốn không cương quyết Cún còn do dự. Sau cùng, đó là một con chó khác đến rủ rê Cún. Con chó tên là Vàng, một con chó không có chỗ ở nhất định, sống ở đâu cũng được, trơ tráo và la liếm.

Vàng gặp Cún trong khi Vàng đi qua cổng trại chực bắt gà. Vừa trông thấy Cún hắn lại gần nịnh nọt:

– Chào anh! Tôi vẫn thường được nghe nói đến anh ở vùng này, anh thực tài giỏi, tôi rất phục.

Cún sung sướng đứng ngây người ngắm kỹ Vàng. Vàng cao gấp hai Cún, mõm nhọn, tai vểnh lên thẳng cứng, lông thì vàng nhạt, nhưng vàng thì bụi đất nhiều hơn. Bốn chân Vàng to thô, gân guốc, Cún rụt rè cố ý không tin những lời tán tụng của Vàng:

– Anh là ai vậy? Anh muốn hỏi gì tôi?

– Tôi là "Vàng giang hồ" đây, nội vùng này, ai làm gì mà tôi chả biết, tôi rất phục anh. Ta đi chơi nói chuyện với nhau một lát.

Cún theo Vàng đến chỗ gốc đa râm mát đầu làng. Vàng dừng lại ở đấy và kể lể:

– Tôi là dòng dõi một giống chó săn khỏe nhất, bởi vì tôi chẳng sợ ai cả. Tôi sống một mình, nghĩa là tha hồ rong chơi, chả phải làm ăn gì cả..

Chỉ rong chơi thôi mà cũng có ăn, mà chẳng bị ai bó buộc, muốn đi đâu thì đi, cuộc đời như vậy thật đáng thèm thuồng. Cún thốt lên:

– Như thế thì cậu sung sướng thực!

Vàng được dịp gạ ngay:

– Nhưng mà đi một mình mãi cũng buồn. Giá được một bạn đồng hành can đảm như anh thì thú quá! Anh có muốn cùng đi với tôi không?

Liếc mắt coi chừng Cún đã xiêu xiêu, Vàng lại tấn thêm:

– Anh đi với tôi không còn điều gì phải lo ngại cả. Ngay đêm nay chúng ta sẽ lên đường, lúc nào nghe tiếng tôi sủa ngoài cổng trại, anh cứ lẳng lặng theo tôi.

Cún trả lời yếu đuối:

– Vâng... đêm nay... tôi sẽ đợi.

– Nhưng trước khi đi, anh phải vào bếp xem có cái gì ăn được thì liệu tha đi làm lương thực chứ?

"Như vậy là ăn cắp! Như vậy là ăn cắp đúng không?" Trong tai Cún vang lên câu hỏi ấy cho đến khi trở về nhà. Nhưng, tiếng gọi từ phương xa đang giục giã, mặc dầu Cún chưa quên cái lần ăn vụng cá bị đuổi đi một cách nhục nhã.

Tuy thế, khi trời đã tối, nghe chừng trong bếp không còn ai nữa, Cún cũng lẻn vào ngoạm một cái chân giò lợn chạy ra đường đợi Vàng như đã hẹn. Vàng gừ lên một tiếng báo hiệu đằng xa. Cún theo hút cùng đi ra khỏi trại, dáng điệu như hai kẻ bất lương.

Được một quãng xa, Vàng rẽ vào một rừng cây rậm bên đường bảo Cún:

– Đưa cái giò tôi ăn một miếng. Tôi sẽ để phần anh một nửa. Anh có mệt thì ta nghỉ ở đây, sáng mai sẽ đi xa hơn. Đến đây chẳng còn ai tìm chúng ta được nữa.

Cả đêm, Cún lắng nghe những tiếng động rất đáng lo ngại ở trong rừng. Cún không ngủ được, cũng không buồn ăn nữa. Những tiếng chồn cáo đuổi nhau lạt sạt trong bụi rậm. Những tiếng chim lợn, chim cú rờn rợn trong bóng tối, tiếng chân thỏ rừng giẫm lên

cành khô, tiếng rắn bò quanh đâu đấy làm Cún đầu óc hoang mang. Trái lại Vàng vẫn thản nhiên, vừa gặm xương vừa rít lên coi bộ ngon lành. Vàng giống một kẻ chết đói lâu ngày mới lại vớ được mồi ngon, nên quên cả mình đi có bạn.

Lúc mặt trời lấp ló ở chân trời thì Vàng đánh thức Cún để lại lên đường. Bây giờ Cún mới thấy mình đói bụng. Nhìn đến cái chân giò, chỉ còn trơ cái xương không. Cún gặm nhấm miếng xương hồi lâu càng khiến bụng mình xót như cào. Cún chợt hiểu, Vàng không phải là một kẻ tốt. Cún đang nghĩ vậy thì chợt một người kiếm củi đi qua ném cho Cún một hòn đá vào lưng. Tức thì Vàng dẫn Cún chạy qua con đường "cỏ cháy", con đường khuất nẻo, lá sắc như dao đâm tua tủa vào mình Cún. Con đường bí mật ấy chỉ có bọn gian phi trộm cướp hay qua lại mà thôi. Một đêm nào đấy, bọn chúng đã nghỉ chân chia của với nhau ở đây, vì tàn lửa hút thuốc, nấu ăn đã bén vào cỏ gianh, vào lau sậy, làm cháy sém cả một quãng um tùm gai góc.

– Chúng ta đi về đâu thế này, Vàng? – Cún nhọc mệt lo lắng hỏi.

– Chúng ta đi săn, xem có gì ăn sáng được không. Gần đây có mụ Tư Huề vẫn làm nghề kiếm củi, nhà thường bỏ vắng, thỉnh thoảng cũng có một nồi tép kho ăn tạm được.

Cún nghe vậy lại càng hiểu rõ Vàng hơn, thì ra cái đời tự do của Vàng chỉ là một đời tự do bất chính, Vàng lẩn lút mà đi, ăn cắp mà ăn. Vàng còn làm gì nữa?

Đây này, Vàng đang dừng bước rón rén đi theo một con gà rừng, ý chừng để xem ổ trứng của nó ở đâu. Đích thực rồi, Vàng ra hiệu cho Cún là Vàng sẽ tiến lên, Vàng sẽ chộp lấy một con chim non mới ra ràng đang nhô đầu lên miệng tổ trong cỏ rậm. Con chim thơ dại đang ngẩn ngơ tìm mẹ. Thế là xong! Vàng đã nhai nát đầu con chim tội nghiệp.

Cún buồn rầu cúi đầu xuống, và tuy đói cũng không muốn tranh cướp làm gì một cái mồi mà Vàng đã giết một cách dã man như vậy. Cún lẳng lặng đi đến gốc một cây gạo lớn, rồi nằm lì ở đấy không buồn bước nữa. Cún nhìn chung quanh một cách lo ngại, bỗng nhớ nhà, nhớ cái chỗ vẫn nằm ấm áp trong trại ông Năm Bính. Cún nhớ vợ chồng ông và những người làm ruộng. Cún nhớ cả Mèo đen, tuy Mèo đen vẫn ác cảm với mình. Kể ra Mèo đen còn có tư cách hơn Vàng nhiều lắm. Mèo đen chỉ tìm diệt những con chuột ăn hại thóc.

Cún đã muốn tự do, tự do như Vàng vậy, muốn làm gì thì làm, nhưng đó không phải cái tự do Cún thường mơ ước. Cún thích đi đây đi đó cho rộng tầm hiểu biết, còn cái tự do của Vàng chỉ là tự do của những kẻ lúc nào cũng phải trốn tránh những hòn đá, những chiếc dây bất thình lình ném vào lưng. Vậy mà Cún đã nghe theo một kẻ trông bề ngoài cũng đủ biết là phường không lương thiện. Cún đã đi theo một kẻ xui Cún ăn cắp, giết hại và lẩn lút như đồ hèn hạ.

Cún mệt và buồn, nhưng dẫu sao đó cũng là một bài học, một sự từng trải thêm cho Cún.

Chiều hôm sau, khi mặt trời sắp lặn, khi những con chim sẻ còn ríu rít chuyện trò với nhau trong những cành cây trước cổng trại thì Cún đã bỏ Vàng để trở về.

Ông Năm Bính và vợ đang ăn cơm trong thấy Cún lù đù, cụp tai bước vào sân thì bỏ đũa reo lên:

– Bà nó trông! Tôi biết thế nào nó cũng về mà, vào đây con! Đi đâu suốt hai hôm nay vậy hử?

Giọng nói ấm áp làm cho Cún muốn khóc lên rưng rức, nhưng khi trông thấy những người quen thân đầy đủ thì mừng quá quên cả khóc. Cún vẫy đuôi rối rít chạy qua chạy lại gần bà Năm Bính. Bà đặt bát cơm xuống mâm, đập khẽ vào đầu Cún mà cười:

– Ông ơi, không biết nó chui ở xó nhà nào mà lấm như ma vùi thế này này!

Những người nông dân ngồi quanh đấy cũng nói xen vào:

– Dễ thường mùa xuân đến, con này muốn lấy vợ đấy, ông bà cưới vợ cho nó!

Cả nhà cười vang lên vui vẻ quá. Một bát cơm do tay bà Năm Bính trộn đầy thịt cá đưa ra trước mõm anh chàng vừa bỏ nhà về. Cún chưa bao giờ thấy mình ăn một bữa ngon lành như hôm đó.

Một hôm, bà Năm Bính đi chợ tỉnh về dắt theo một con chó cái đẹp và béo tốt. Cả trại trông thấy đều reo mừng. Mọi người đều hiểu: đó là cô dâu mới. Cô dâu ấy sẽ là bạn trăm năm của Cún, Cún, con nuôi ông bà Năm Bính, Cún, vị anh hùng đã bắt trộm tài tình, đã cứu vợ chồng ông Năm Bính thoát khỏi lưỡi dao nguy hiểm của gian phi.

Những chuyện ly kỳ khác về Cún nhiều lắm, không ai nhớ hết.

Bây giờ Cún đã già rồi.

Cún cũng đã có con. Mỗi lúc nằm ngoài sân sưởi nắng lim dim đôi mắt nhìn đám con nhỏ chơi đùa quanh quẩn bên mình, Cún hồi tưởng lại quãng đời thơ ấu đầy gian nan của mình, và Cún lấy làm cảm động. Những đứa con của Cún sẽ lớn lên, sẽ ra đời, sẽ trải qua nhiều điều sung sướng và gian khổ. Cũng như những người cha nhiều kinh nghiệm. Cún muốn tránh cho chúng những bước không hay. Bởi vậy, nhiều lúc chơi giỡn cùng con nhỏ, khi vui vẻ Cún thường kể lại đoạn đời của mình từ lúc mở mắt chào đời trong gian bếp nhà bà Cả Lé:

– Ngày xưa... ta là một đứa con ốm yếu, xấu xí nhất nhà. Ta là đứa thứ năm, đứa đẻ sau cùng, Cún số 5...

Loại sách *Truyền bá* (viết cho thiếu nhi),

Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1940.

BÓNG NGƯỜI NGÀY XƯA

(Tiểu thuyết)

Cơm nước xong bốn chị em quây quần dưới ánh đèn như thường lệ. Ở tỉnh nhỏ người ta hay ngủ sớm. Nhưng trong gia đình của bốn người con gái, ánh đèn dầu bao giờ cũng le lói khuya hơn tất cả mọi nhà. Xương còn phải lo giúp đỡ u già Ái về những công chuyện bếp nước sau bữa ăn, hay tính sổ với bà Thông về những khoản chi tiêu vặt vãnh trong nhà. Trong bốn chị em, Xương là cô thiếu nữ ham xem truyện nhất, nhưng bao giờ nàng cũng là "người đàn bà tháo vát" nhất nhà. Nếu không có Xương thì một mình bà Thông cũng nhiều khi vất vả. Vậy mà Xương lại không phải là chị cả. Nàng đẻ sau Thịnh một năm nhưng trông mặt nàng thì ai cũng phải nhầm nàng là chị cả. Hình như Xương sinh ra để mà gánh lấy tất cả gánh nặng của gia đình và của cuộc đời trên đôi vai gầy guộc, Khuôn mặt nàng có một vẻ khắc khổ như khuôn mặt của những kẻ đàn ông mà số mệnh bắt phải phấn đấu nhiều sau này trong cuộc sống.

Thịnh thì tuy đẻ trước, nhưng nàng chỉ có được cái vẻ hồn hậu mà trời phú cho những người sẽ được hưởng nhiều phúc lộc của trời thôi. Về phần sắc sảo khôn ngoan thì nàng phải thua Xương. Thịnh là cô học trò làm dáng nhất nhà. Áo quần Thịnh bao giờ cũng mới mẻ thơm tho. Không bao giờ người ta thấy Thịnh mặc một cái áo dài có vết. Thịnh thường nói rằng dẫu nghèo đến đâu, người ta cũng cứ vẫn giữ được cái vẻ "đài các" của người con gái. Bởi vậy, tuy gia đình bà Thông thật thanh đạm, nhưng đi đến trường, đi đến đâu, người ta cũng phải khen Thịnh là một cô gái gọn gàng, lịch sự. Thịnh không thích đi chơi với Xương ở ngoài đường, bởi vì nàng bảo: Xương không có dáng một người "quý phái", Xương trông như một kẻ đàn ông rất "du côn". Xương nhìn vào mặt tất cả mọi người, và hay la cà mọi chỗ.

Thịnh lúc nào cũng chăm là áo và khăn. Nàng chải tóc cẩn thận như một con mèo làm dáng. Nàng cố tập lấy một dáng điệu đứng đắn riêng, như một người tập "làm bà". Bà Thông thấy vậy thường mỉm cười một mình. Bà biết rằng cô con gái trưởng của mình tuy vậy vẫn

giấu một tấm lòng hiền thảo. Nhưng cái bề ngoài của Thịnh chỉ tỏ ra rằng trong bốn chị em nàng là người đàn bà thiết thực, có tính quyết định, và sau này lớn lên sẽ có một cuộc đời chắc chắn an nhàn.

Thịnh chỉ "ăn cánh" nhất cô em thứ ba tên là Ái.

Ái cũng đương đi học. Nàng là cô bé thông minh nhất lớp. Nhưng nàng chỉ thích có ba món: ngụ ngôn đọc thuộc lòng, bài luận và tập vẽ. Vẽ thì bao giờ nàng cũng bỏ xa chúng bạn. Vì vậy, cô giáo ở trường thường giao cho nàng tất cả các việc "tô điểm" trong lớp học. Những ngày nghỉ người ta trông thấy Ái nằm bò trên giường để vẽ xanh, vẽ đỏ vào những cái bảng "dùng thời giờ" trong lớp hay vẽ những loài động vật để dán vào tường, hay kẻ những câu phương châm cho học trò tập đọc. Những ngày có thanh tra đến khám trường, bao giờ Ái cũng được cô giáo gọi ra khoe với các bà giáo khác. Bởi vì Ái đã làm vẻ vang cho lớp học. Nhưng đến món địa dư và toán pháp, thì Ái lại thường bị phạt quỳ luôn. Đã vậy, Ái lại còn lợi dụng cái tài vẽ giỏi của mình để vẽ cô giáo và các bạn cùng lớp với mình. Ái đã nhiều lần bị cô giáo tóm được về tội ấy. Những hôm như thế, thì Ái trở về nhà mắt đỏ hoe và nàng sà vào lòng Thịnh để cho Thịnh dỗ dành như một người mẹ trẻ.

Hình như Ái và Thịnh hợp nhau ở chỗ tính tình cùng vui vẻ hồn nhiên.

Xương thì trái lại, có vẻ yêu mến nhất Thuần, cô em bé sau cùng. Thuần ốm yếu nhất nhà, và cũng là cô bé rút rát nhất nhà. Thuần rút rát đến nỗi bà Thông không dám cho nàng đến trường như các nữ học sinh khác bằng trạc tuổi Thuần. Một chuyện cỏn con gì cũng có thể làm cho Thuần sợ hãi. Đọc một bài hơi dài hay phải đi lên bảng để làm tính, đối với nàng đều là những cực hình. Một lời mắng nhẹ, một cái cau mày của bà giáo, một câu chế nhạo của học trò, cũng làm cho nàng tái mặt.

Bà Thông đành để cho Thuần ở nhà. Thỉnh thoảng, lúc nào Xương được rảnh tay thì nàng lại đọc cho em một bài ám tả, hay luyện cho nàng vài bài tính ngắn. Còn thì suốt ngày người ta để mặc cho Thuần đi theo u Ái vào trong bếp nhặt rau, hay chơi đùa với lũ mèo con mới đẻ. Không bao giờ Thuần theo các chị đi chơi đâu cả. Thiếu nữ như không bao giờ muốn đi xa cái nhà nhỏ của mình. Nàng yêu những cây cảnh trong vườn cũng như những đứa con nhà nghèo bên hàng xóm. Nàng mang những quần áo cũ và đồ chơi hay bánh

kẹo của mình cho chúng. Nhiều khi, người ta thấy Thuần ngồi kiên nhẫn trong một xó nào đấy để vá víu lại manh áo cũ của một con búp bê què quặt.

Buổi chiều, người ta thường thấy Thuần ngồi đan ở cửa để chờ ba chị ở ngoài về, hay chờ cái bóng của bà Thông hiện ra ở đầu phố, với cái dáng đi tất tưởi của những bà mẹ già sớm vì sự lo phiền về cái êm ấm của gia đình.

Và khi bóng tối đã trùm lên thành phố, thì mọi người đều đã có mặt ở trong nhà. Ánh đèn tuy không lấy gì làm rực rỡ như ánh đèn ở các nhà giàu hay các cửa hiệu, nhưng đó là sự dịu dàng rót vào lòng tất cả mọi người. Ai ai cũng thấy yên ổn vì được sống chung quanh những người thân. Ai ai cũng thấy lòng nở ra như những cánh hoa nở khi trời đã tối. Người ta thấy rằng giàu nghèo ở đời không đáng quan tâm bằng sự được sum họp yên lành dưới mái gia đình. Bà Thông không thấy lo ngại mấy nữa, khi bà đã ngồi bên bốn người con.

Lúc bấy giờ tất cả nhà đều chỉ còn nghĩ đến ông Thông ở Hà Giang. Mẹ con đều nhắc nhở đến người vắng mặt. Và người ta lo rằng ở Hà Giang nước độc, nhỡ ông Thông không được khỏe chăng?

Nếu có một món ăn ngon thì tất cả đều cùng ý nghĩ:

– Tội nghiệp, thầy vẫn ưa ăn cái món cá kho này.

– Thầy ở trên ấy, không biết ăn có được ngon không?

– Chắc thầy thấy chúng ta nhắc, thế nào cũng nóng ruột.

Những ý nghĩ như thế thường làm cho Thịnh và Ái cảm động, nếu phải hôm hai cô không học thuộc bài hay phải phạt. Còn Thuần thì mãi mới lên tiếng góp:

– Em sẽ đan cho thầy một cái khăn quàng, và một đôi tất.

Nói xong, Thuần đỏ mặt, bẽn lẽn nhìn tất cả mọi người, tự cho mình là táo bạo.

Cả nhà nói đến ông Thông làm như ông Thông ở bên mình họ. Một đôi khi nếu có một cái thư từ chỗ ông làm việc gửi về thì cả nhà cho là sự long trọng, cần phải ngồi sát vào nhau mà đọc. Cũng có lần bức thư của người cha làm cho cả nhà cùng khóc. Nhưng đó là thứ nước mắt thiêng liêng, cần phải rỏ, cho đời người có ý nghĩa thêm ra. Giọt nước mắt của những kẻ quên cảnh yên vui của mình để nghĩ đến người xa xôi trơ trọi.

Tiếng xe cộ bên ngoài, tiếng hàng quà rao đêm, tiếng gì cũng

không lấn át được tiếng đập của những trái tim hòa chung một điệu dưới đèn. Mùi nước chè vối thơm bốc lên trong ấm. Cửa đã đóng kỹ càng rồi. U Ái có thể lên ngồi cùng bà Thông và bốn cô con gái như một người ruột thịt. Trong cái gia đình cũ kỹ này, u Ái đã nuôi Ái từ ngày mới đẻ. Không ai bằng lòng cho người đầy tớ trung thành kia trở về làng. Người ta giữ u như giữ một người đã có địa vị vĩnh viễn trong lòng tất cả mọi người. U Ái có thể góp vào câu chuyện thân mật của bà Thông như là chuyện nhà mình.

Tuy đã nhớn, Ái cũng vẫn còn làm nũng u như thuở nhỏ. Ái bắt u kể chuyện, bắt u ru và hát. Bà Thông tuy phiền vì chồng ở xa và nước độc, nhưng bà cũng hả lòng khi nhớ lại rằng tất cả phố ai cũng khen bà có bốn cô con gái ngoan ngoãn.

– Cô Xương lại mới mua được cuốn truyện gì rồi đấy mợ ạ. Con Thu nó kêu ở trường cô giáo bắt được cô ả đương xem truyện trinh thám.

– Con Thu là đứa làm bộ, vì nhà nó mới giầu lên, ai chả biết. Tôi không làm bạn với những người như nó.

– Nhưng cô cũng ham tiểu thuyết vừa vừa chứ. Con gái mà đọc truyện nhiều không tốt, thầy thường nói thế.

Thấy hai con sắp cãi nhau, bà Thông liền lên tiếng:

– Thôi, các cô liệu đi ngủ sớm đi, kẻo tốn dầu đèn vô ích. Tôi đi nằm nghỉ một chút đây.

Bao giờ bà Thông cũng đứng lên đi vào buồng trước. Bà đã quen tính đi ngủ sớm để dậy được sớm trước cả mọi người. Bà làm lụng suốt ngày nên tối đến cơm nước xong là thấy mỏi rần lưng. Những lần sinh đẻ vất vả trong thời trẻ đã làm suy mòn sức khỏe của người đàn bà làm ăn chăm chỉ.

Xương đứng lên xách giỏ nước và cơi trầu vào buồng cho mẹ. Còn lại ba chị em với u già Ái thì mỗi người đều nghĩ ra một việc cỏn con để vừa làm vừa trò chuyện. Thuần thì cắt một cái áo nhỏ, hay giúp u Ái chẻ tăm, hay chẻ rau làm dưa. Thịnh thì giúp Ái làm bài vở nhà trường, hay hai chị em cùng làm những việc thủ công tỉ mỉ mà cô giáo thường hay nhờ Ái.

Thì giờ cứ êm đềm trôi như vậy giữa cuộc đời của bốn cô gái cùng suýt soát tuổi nhau trong một gia đình "hèn mọn", bên cạnh một người mẹ hiền từ. Cứ cuối tháng thì ông Thông ở Hà Giang gửi tiền lương về cho cả nhà tiêu dùng. Ông chỉ giữ lại cho ông vừa đủ ăn

tiêu, chứ không muốn để thừa đồng nào, e vợ con ở nhà sẽ thiếu. Đã lâu, ông biết rằng gia đình ông nhiều phen túng quẫn, chỉ vì lương ông có hạn mà con cái thì ngày một lớn dần lên. Trong thư lần nào ông cũng tỏ vẻ lo ngại là mình phải xa các con mà cảnh nhà thì eo hẹp. Nhưng có một điều ông chắc chắn là dẫu sao ông cũng lấy làm tự phụ vì đã có người vợ đảm đang, với một đàn con mà ông vẫn gọi rất xứng đáng là "chuỗi ngọc quý" của ông. Mỗi lần nhận được thư của các con, ông tưởng như được trông thấy mặt bốn người con gái, với tiếng cười, giọng nói trẻ trung của họ. Lòng ông tức thì sáng sủa lên. Ông quên hết ưu phiền, nhọc mệt.

Đồng hồ ở nhà thờ trong tỉnh đánh 10 giờ. Những tiếng động ngoài đường đã thưa thớt. Gió đập tầu cau vào mái nhà như có người cầm chổi quét. Có tiếng mọt gặm trong một cái tủ đựng đồ ăn.

Xương gọi Thuần vào buồng ngủ chung của bốn người. Nàng vẫn ưa nằm chung với Thuần một giường từ bé. U Ái cũng thu xếp việc và cầm đèn xuống bếp.

Trong buồng ngủ của bốn người chỉ còn một ngọn đèn hoa kỳ nhỏ cháy tù mù. Đêm nào Xương cũng không quên thắp nó lên, như người ta săn sóc đến một người bạn giữ phần hạnh phúc của gia đình. Chiếc đèn nhỏ cháy nhấp nháy như một con mắt lúc nào cũng mở để canh cho giấc ngủ của mọi người được yên lành. Trong đêm khuya vắng, đó là cái linh hồn giản dị và tốt lành của nhà cửa hiện ra ở cạnh ta.

Một đôi khi người ta quên khép cánh cửa sổ trông ra đường cái. Thì chính Xương lại phải ngồi lên đi ra khép cửa. Đêm về khuya, nếu trời lạnh, em Thuần có thể ho chăng? Hay nếu trời nổi cơn giông thì gian buồng sẽ bị nước mưa hắt ướt. Xương như là một người chị, lúc nào cũng phải để tâm đến các em. Nàng thường có những nét mặt ưu tư trên trán như một người trải đời đứng tuổi.

Nhưng tại sao Xương lại hay đứng lâu bên cửa sổ và nhìn ra đường để làm gì? Các chị em vẫn thường hỏi vậy, trong khi mắt đã gần ríu lại vì buồn ngủ. Xương vẫn là một thiếu nữ kỳ quặc nhất nhà. Điều đó ai cũng biết. Có lẽ vì Xương đã đọc nhiều truyện quá rồi sinh ra khác tính đi chăng?

Không một ai biết rằng Xương vẫn thường đứng ở bên cửa sổ để nhìn lên một cái cửa sổ khác có ánh đèn, ở nhà xế cửa.

II

Như người ta đã thấy, không có gì giản dị hơn cuộc đời của mấy mẹ con bà Thông trong cái tỉnh nhỏ êm đềm kia. Và cũng không có gì trong sạch hơn trái tim của bốn cô thiếu nữ.

Buổi sáng mai ngủ dậy, gian buồng của bốn cô đã đầy những tiếng cười và ánh sáng. Bà Thông không muốn để cho con mình quen tính ngủ trưa, nên từ lâu đã tập cho họ dậy sớm như gà.

Chỉ có Thịnh và Ái là bao giờ cũng cố nằm rốn lại năm ba phút để được cuộn tròn trong hơi ấm của chiếu chăn. Nhưng u già Ái đã đến kia. U phát mạnh vào mình các cô, và lôi các cô ngồi thẳng lên, như người ta phải xử tệ với những cậu học trò lười biếng. Nhiều khi Xương cũng phụ vào một tay, Xương cầm một chiếc gối bông ném vào đầu hai người, hoặc lôi mất chăn đắp trên người. Thế là cả bốn chị em đuổi nhau khắp gian buồng cho đến khi nghe tiếng bà Thông gọi mới thôi.

Thuần không mấy khi dự vào cuộc chơi đùa của các chị em. Thường gà ở chuồng nhà lên tiếng gáy thì nàng đã đi ra sân múc nước rửa mặt, chứ không đợi cho u già phải hầu mình. Nàng đi xuống bếp xem nồi cháo sáng của bà Thông có được ngon không. Hay nàng bước ra vườn giúp mẹ tưới mấy luống rau thơm. Vả lại Thuần cũng còn mấy cây hoa của mình nữa. Nàng chăm nom những cây hoa của nàng cũng âu yếm như nàng đã chăm nom những con mèo nhỏ đáng yêu.

Thỉnh thoảng trong nhà có việc vui mừng hay giỗ chạp gì, thì trên bàn ăn hay trong buồng của bốn chị em, người ta lại thấy vài bông hoa tươi của Thuần mới hái xinh đẹp như màu hồng trên môi đứa trẻ con.

Cả nhà đều biết tính Thuần ưa thích những cái "nên thơ" như vậy, nên ai cũng có vẻ kính trọng người con gái nhỏ. Những con mèo của nàng, những cây hoa của nàng đều được mọi người kính trọng như nàng. Và u Ái thường nói đùa Thuần là ngày sau lấy chồng, nàng phải lấy một người đàn ông thực là lịch sự và ý tứ. Nhưng Thuần đã đỏ mặt lên ngay, và trả lời u Ái:

– Thuần không bao giờ lấy chồng đâu u Ái ạ. Thuần sẽ ở mãi trong nhà này với mẹ và các chị cũng giống như u Ái ở suốt đời với mẹ và các chị.



Những ngày thứ năm, chủ nhật hay nghỉ lễ, Xương thường phải đến chơi nhà cô Cả ở cách nhà cũng không xa. Cô Cả là chị ruột ông Thông, bà rất giầu, nhưng góa chồng đã lâu và không con cái.

Tính bà rất khắc nghiệt, nên bốn cô cháu gái cũng không ưa lắm. Mặc dầu thế, bao giờ bảo con sang thăm cô, bà Thông cũng cho con mang hoa quả hay quà bánh gì sang biếu chị chồng.

Ông Thông lúc phải đổi đi xa có dặn chị thỉnh thoảng sang với vợ con mình và trông qua nhà cửa xem có điều gì cần giúp đỡ thì giúp đỡ. Nhưng đó là ông nói lấy lòng chị mà thôi. Ông vẫn biết tính chị mình keo kiệt và bẳn gắt.

Tuy nhà nghèo, nhưng chưa bao giờ ông ngỏ ý gì nhờ vả hay vay mượn chị. Có lẽ vì thế mà bà Cả lại càng tức tối. Bà biết mình trơ trọi mặc dầu có của, bà chỉ còn có em và các cháu là những người thân thuộc trong cái tỉnh của mình. Những người đó lại không có ý gì thiết tha đến của cải của mình để mà phải khuất phục mình.

Bởi vậy, những lần bà Cả đến là bà Thông cùng các con phải khổ sở vì những lời đay nghiến của bà.

Bà kêu ông Thông sở dĩ phải chịu túng nghèo là vì vợ con chỉ toàn là những kẻ nhàn rỗi, không biết lo toan hay buôn bán làm ăn thêm, chỉ trông vào món lương tháng của ông Thông. Bà kêu Xương đã nhớn rồi mà ăn mặc không gọn gàng, đi đứng nói cười không ý tứ, như những con nhà không ai dạy bảo.

Thế nhưng, không ai lấy thế làm điều cả. Ông Thông đã dặn vợ con là dẫu sao cũng nên nhịn cô đi. Cô đã có tuổi, vì không có con cái nên cô buồn bã mà sinh khó tính. Chỉ còn có hai chị em ở trên đời, người ta phải ăn ở cho phải đạo. Ông Thông là người cổ, vợ ông cũng thuộc về một gia đình lễ giáo, nên những lời ông căn dặn ở nhà đều nghe theo. Bà Cả tha hồ muốn nói gì thì nói. Lâu dần không ai cho là quan trọng nữa. Người ta lại lấy thế làm vui vui. Mỗi lần bà cô đi rồi thì bốn chị em lại ôm nhau cười rúc rích. Xương thường bắt chước dáng điệu của bà cả để làm trò cho cả nhà cười.

Nhưng khi Xương phải đến nhà cô thì khác hẳn. Nàng cho là

không còn có sự bực bội nào hơn nữa. Bà Cả có khi bắt Xương phải nấu nướng cho bà ăn hay lau cửa lau nhà như một con ở. Bà bẻ hành bẻ tỏi như chính mình đẻ ra Xương. Bà bảo Xương hư vì bà Thông không biết dạy con dạy cái.

Xương là một người thiếu nữ nhẫn nại và đã từng sốc vác từ bé, nên có thể nói là cả nhà chỉ có một mình nàng là chịu đựng được cô. Nàng lại nhanh tay nhanh chân hơn tất cả, nên chẳng bao lâu bà Cả xem chừng có ý mến Xương hơn tất cả.

Những lần bà đi lễ, đi chảy hội chùa xa với các bạn già, bà thường giao phó nhà cửa cho cô cháu gái. Xương được giữ tiền nong và coi sóc, thu vén mọi việc trong nhà bà cô như một người nội trợ từng trải và đứng đắn.

Bà Cả tuy mặt ngoài vẫn làm ra nghiêm nghị, nhưng trong lòng thường vẫn đinh ninh rằng nội các cháu mình chỉ có Xương là đáng cho bà để ý sau này. Mỗi lần trái gió giở trời bà Cả chỉ cho gọi cô Xương sang hầu hạ, đấm bóp hay đọc truyện cho bà nghe.

Trong gian nhà sạch sẽ như ly và ngăn nắp, như phần nhiều nhà các cụ già, tiếng Xương đọc truyện vang lên rõ ràng, chậm chạp. Bà Cả không thích Xương đọc làu làu như ăn cướp chữ, bởi vì mỗi lần đọc nhanh như vậy là Xương bỏ quãng từng đoạn một, chẳng còn hiểu ra sao được nữa. Xương bỏ quãng cho chóng xong, để xin phép cô về, vì thiếu nữ cho là ở đời không có công việc gì khó chịu hơn là việc đọc truyện hầu một bà già như vậy.

Ngày giờ hóa ra chậm chạp quá chừng. Chiếc đồng hồ cổ thỉnh thoảng đánh lên vài tiếng buồn rầu như linh hồn các người già lão. Bà Cả ngáp. Những vai trong truyện *Mạnh Lệ Quân*, *Thủy hử*, *Song phượng kỳ duyên* cũng hóa ra uể oải theo giọng đọc uể oải của cô thiếu nữ tinh ranh. Bà Cả dần dần nhắm mắt thiu thiu ngủ. Thế rồi, đến khi nghe bà cô ngáy to lên là Xương đọc thấp giọng dần dần đi, như ru ngủ, rồi Xương lùi rất nhẹ ra đường.

Lúc bấy giờ nàng mới khoan khoái thở ra một hơi dài như cất một gánh nặng. Và khi thuật lại cho các chị em ở nhà nghe thì ai cũng rùng mình.

Số phận của Xương là như vậy. Hình như trong gia đình có việc gì khó khăn nặng nhọc là Xương phải giơ vai ra hứng lấy, còn mọi người thì cứ việc sống trong sự an vui rất dễ dàng.

Ngày giờ cứ qua đi như vậy. Thú gia đình hòa thuận. Tình mẹ con đầm ấm hôm mai. Đấy là hạnh phúc rất đơn giản của hạng người lương thiện.

Những người đàn bà trong tỉnh nhỏ này mỗi lúc lên đèn lại càng thấy rằng mỗi ngày sợi dây thiêng liêng mầu nhiệm của tình thân ái cứ buộc chặt thêm người cùng máu mủ vào nhau, tưởng không có tai nạn gì trên đời chia rẽ được. Và trong thâm tâm của mỗi người đều có một tin tưởng vững bền về sự vĩnh viễn của những ngày vui trong suốt như da trời xanh giữa trưa hè không vẩn màu giông tố.

Nhưng cứ mỗi đêm đóng cửa sổ để lên giường, Xương vẫn nhìn lên cái cửa sổ ở nhà xế cửa. Có khi Thuần tưởng là chị mình đứng như vậy để lắng nghe một tiếng dế vọng vào phòng từ bãi cỏ um tùm mọc ở hè đường, có khi nàng nghĩ rằng Xương mơ màng đến những người trong cuốn tiểu thuyết mà nàng vừa mua giấu chị em nhà để đọc trong những giờ trưa nàng không ngủ.

Nhưng không phải, ở trong khung cửa sổ nhà xế cửa thường thường có bóng dáng một người con trai đương tuổi lớn lên qua lại. Cả nhà đã biết đó là ai, nhưng không một ai để ý, trừ Xương ra.

Bóng người con trai mỏng mảnh như thân hình một người thiếu nữ ốm yếu vì không bao giờ rời khỏi phòng mình. Người con trai đó là Hòa. Bốn cô thiếu nữ vẫn thường nghe tiếng cụ Án gọi đến cái tên này những buổi sáng mai khi cụ thức dậy đi thơ thẩn trong vườn hoa của cụ.

Hòa là cháu nội cụ. Nhưng Hòa không còn cha mẹ nữa. Chàng ra đời thì cả cha và mẹ đã theo nhau sang bên kia cõi đời rồi. Chàng là kết quả của một tình yêu vụng trộm và bất hạnh.

Cụ Án là một người cha nghiêm khắc. Cụ không thể nào chấp nhận được việc người con trai độc nhất của cụ, ông Hoàng Mai lại đi mê một người đào hát và nhất quyết lấy nàng làm vợ. Người con nối dõi tông đường, nối dõi một thế gia lệnh tộc! Cụ đuổi ông Mai ra khỏi cửa nhà. Người đào hát đã đẻ được một đứa con trai trong khi đôi tình nhân mang nhau đi nương náu ở một tỉnh xa về miền thượng du.

Đứa con ra đời thì người đàn bà vì kham khổ, vì khí hậu không quen, đau ốm mà từ trần. Người con cả cụ Án thất vọng, chết theo người yêu dấu. Hòa còn một mình ở trên đời. Một người từ thiện thương tình cứu vớt đứa hài nhi vô tội. Hòa lớn lên trong cảnh chia lìa tan tác, nhưng chẳng bao lâu cụ Án đổi lòng hối hận. Cụ thương thân mình cô độc lúc tuổi già. Cụ sai người đi tìm cho được Hòa về.

Đã bao nhiêu năm đứa cháu sống bên cạnh ông nội, nhưng mà vẫn có một cái gì cách biệt hai người. Cụ Án vẫn không quên được rằng vì người đào hát mà con trai mình tự tử. Cụ ghét lây cả đứa con của người đào hát. Cụ sống một mình trong một nếp nhà rộng lớn như một con gấu dữ.

Hòa thuộc về loại những đứa bé đã đoán biết được cái thống khổ của cuộc đời, từ khi mới lọt lòng. Nét mặt người con trai có vẻ buồn lạnh như nét mặt những người suốt đời giữ một mối tang ở trong lòng. Chàng không hiểu biết vì sao ông mình lại ghẻ lạnh với mình. Và chàng sợ ông như sợ một người xa lạ mà mình không thuộc tính tình. Chàng thui thủi trong ngôi nhà rộng không bạn bè.

Những ngày tháng ở trong nếp nhà cụ Án là những ngày tiêu điều tẻ ngắt. Một già một trẻ sống với nhau trong đó, không những xa nhau, mà xa cả người đời.

Hàng phố không ai còn lạ câu chuyện bi thương xẩy ra trong gia đình cụ. Buổi chiều, những người dân trong tỉnh Hà Nam đi qua nhà cụ Án, nếu họ trông thấy cụ chống gậy đi lững thững trong vườn nhà, là họ thì thầm nhắc lại cho nhau nghe câu chuyện cũ.

Bốn người thiếu nữ cũng đã nhiều lần nghe u Ái và bà Thông nói chuyện với nhau về người cháu sẽ hưởng gia tài của cụ Án. Mọi người thường thở dài, hình như cũng cảm động về những sự không may xẩy ra cho gia đình cụ Án.

Bên kia đường là sự phú quý, là quyền thế, là danh giá, nhưng dưới mái nhà không có tiếng cười, không có sự sum họp, như dưới mái nhà bốn cô thiếu nữ thơ ngây sống cạnh mẹ và người đày tớ cũ.

Hòa thường đứng trên sàn gác nhà ông mà buồn rầu nhìn sang vườn nhà bà Thông trước cửa với một tấm lòng khao khát, thèm thuồng.

Bên này, mấy người con gái cũng thường chỉ sang nhà cụ Án và đoán thầm rằng trong đó hẳn là nhiều bảo vật và nhiều thức quý giá nhìn không chán mắt.

Chỉ có một mình Xương là nghĩ tội nghiệp cho người con trai đương tuổi nhớn lên mà bị giam cầm trong một gian nhà đẹp quá, nhưng mà vắng quá!

Sự đó cũng không lấy gì làm lạ. Xương là một người con gái tinh ranh nghịch ngợm như con trai. Nàng không thể tưởng tượng rằng người ta có thể sống một cách vô vị và âm thầm như vậy trên đời

được. Một người con trai phải có bạn bè, phải được đi đây đi đó chứ không thể cứ ru rú cả ngày với một người thầy giáo trong nhà như Hòa được.

Xương nghĩ thầm như vậy. Và đêm đêm trước khi đi ngủ nàng lại đứng bên cửa sổ mà nhìn sang cửa sổ nhà Hòa. Trong tâm nàng đã có một mối thiện cảm êm đềm cho cái bóng người con trai mảnh dẻ và đơn độc đứng lặng im ở trong khung cửa sáng đèn.

III

Những ngày hè oi ả tới, mang theo tiếng ve sầu, làm nóng ruột những cô học trò đương mong được nghỉ. Và làm cho các thí sinh nhỏ tuổi trong tỉnh hóa ra đứng đắn.

Trên bờ sông Châu, một vài cành phượng vĩ đã nặng những bông hoa sắc lửa. Tơ bông gạo bay trong không trung và rụng trắng cả cỏ xanh.

Chẳng bao lâu đã đến ngày đóng cửa trường. Nhờ dịp ấy Thịnh, Xương, Thuần, Ái bốn cô thiếu nữ con bà Thông đã làm quen được với Hòa cháu trai ông cụ Án. Hàng năm trong tỉnh vẫn có cuộc phát phần thưởng long trọng chung cho cả hai trường nam nữ. Về dịp đó bao giờ người ta cũng nghĩ đến cụ Án bởi năm nào cụ cũng gửi sách vở giấy bút tặng học trò nghèo mà thi đỗ hay chăm học, năm nay phần thưởng của cụ Án lại to hơn, bởi vì cụ có cháu học ở trường.

Trong đời cụ Án có dễ chỉ lần này là cụ được vui lòng. Nhưng ông già kín đáo vẫn làm ra gắt gỏng. Mãi hôm đến chứng kiến cuộc phát thưởng, người ta mới thấy cụ nở một nụ cười.

Nụ cười của con người ta đã nở thì nó cũng như một bông hoa nở. Nó làm thơm cả chung quanh và dễ chịu cho cả chung quanh. Cụ Án ngồi nhìn cháu ôm chồng sách kiêu hãnh như chính mình trẻ lại và đương là một cậu học trò trẻ tuổi đi lĩnh thưởng để nghỉ hè. Giữa lúc đó thì người ta gọi đến tên Xương. Tất cả mọi người đều nhìn lại phía người con gái thứ hai của bà Thông. Xương được thưởng về gần đủ môn, và cũng đỗ như Hòa.

Xương bước lên lĩnh thưởng, dáng điệu rất tự nhiên. Nàng không cảm động, không thẹn thùng đỏ mặt như phần nhiều các cô gái khác. Nhưng thực tình, Xương cũng hơi kiêu hãnh, bởi vì Thịnh cũng đỗ và Ái cũng được thưởng rất nhiều sách vở. Ba chị em mỗi người một vẻ,

làm cho mọi người bàn tán và chỉ trỏ. Cụ Án cũng để ý đến Xương như tất cả mọi người. Hòa đương thấy ông nhìn về phía ba chị em Xương thì vội ghé vào tai ông nói thầm vài tiếng. Cụ Án mở to mắt ra dáng ngạc nhiên. Cụ không ngờ những người con gái đáng yêu kia chính là những người con gái bà Thông, ở nhà trước cửa. Thế rồi, đột nhiên cụ nhớ lại cái đời sống cô độc và ích kỷ của mình bấy lâu nay. Cái sống của con sâu nằm trong tổ kia, không dự gì đến cuộc đời ở bên ngoài. Cái sống của những người không sống, của những người chỉ thiết tha đến cái đau thương hay cái hạnh phúc riêng của mình thôi.

Cuộc phát thưởng đã xong. Hai ông cháu ra về cùng hể hả. Đó là lần đầu, Hòa thấy không sợ ông. Người con trai thấy mình thở được dễ dàng, cử động được dễ dàng hơn mọi bữa. Nỗi vui sướng của tuổi thanh xuân đầy hy vọng mới ca hát lên trong lòng chàng. Hòa lấy làm lạ rằng cuộc đời tưng bừng đẹp đẽ như vậy, mà đã bao năm hai ông cháu không được hưởng. Cả cụ Án cũng vừa đi vừa nghĩ thầm như thế. Những học trò ăn mặc sạch sẽ tản mác mỗi người đi về một ngả. Cái thành phố nhỏ như trở nên mới mẻ, và chứa đựng một linh hồn vui trẻ của học trò.

Hòa đi bên cạnh ông đã nghĩ đến những mộng cao xa mà mình ấp ủ từ lâu. Chàng sẽ đi Hà Nội. Chàng sẽ được học ở những trường học to lớn và có danh tiếng. Chàng biết rồi chàng sẽ còn đi xa lắm. Chàng sẽ bước vào nhiều lớp cửa đời, khó khăn, nhưng lòng chàng sẽ không bao giờ nản. Hòa ôm chặt bó sách thưởng vào ngực, ngước mặt nhìn những con chim sẻ nhảy nhót trên cây. Chàng thấy tự phút này, đã có một sự gì khác trong mình rồi. Hòa không còn là đứa trẻ sợ sệt và rầu rĩ ở trong phòng học của mình như một cành cây héo nữa.

Về gần chỗ ngã ba đường rẽ đến phố nhà thì Hòa và cụ Án trông thấy Xương đương đánh rơi sách thưởng xuống đường và đương ngồi xệp ở hè đường mà buộc lại. Chiếc áo trắng của nàng nhầu nát và hoen bẩn, guốc của Xương cũng đã đứt quai. Nhưng không sao, Xương xách nó lủng lẳng trên tay như không có chuyện gì đáng ngại cả. Cụ Án và Hòa thấy Thịnh đương nhăn nhó vì thấy Xương ngồi cả xuống đường làm cho khách đi đường để ý.

Khi cụ Án đến gần ba chị em thì Thịnh lại càng thấy bực mình hơn. Nhưng Xương vừa thoáng trông thấy Hòa đã vội vàng đứng dậy. Nàng phủi bụi ở quần áo, luống cuống, làm cho Hòa phải che miệng suýt cười. Cụ Án vui vẻ nói:

– Các cô còn ở đây ư? Tôi có nhời mừng cụ Phán, về bảo thế nhá! Các cô học giỏi và ngoan lắm! Tôi khen đó.

Ba chị em Xương đều sửng sốt. Họ không biết đáp lại thế nào cả, nên đều nói cùng một lúc:

– Vâng ạ.

Cụ Án chỉ Xương nói tiếp:

– Cô này đầu lòng phải không? Trông giống ông nội lắm, các cô không rõ! Ông nội các cô ngày xưa là học trò ông đẻ ra tôi.

Cụ ngừng một lát để cười khà khà rồi lại nói:

– Ông cụ Huyện đẻ ra tôi ngày xưa dạy chữ Nho. Mà ông nội các cô học chữ Nho cũng giỏi như các cô bây giờ học chữ tây. Con nhà nòi có khác.

Cụ nói xong thì đi lại gần Xương và vuốt tóc nàng. Xương vội nói:

– Thưa cụ, con là thứ hai ạ. Chị Thịnh con đây mới là đầu lòng. Chị con không bằng lòng cho con ngồi xuống đất, bởi vì ngồi như thế không có vẻ là người “đài các” ạ.

Ông cụ Án và Hòa không hiểu ra sao cả, cùng cười. Nhưng Thịnh và Ái thì lo sợ quá. Xưa nay, ai cũng bảo cụ Án là nghiêm khắc, là dữ tợn. Thế mà Xương dám nói đùa với cụ. Hai thiếu nữ vội vàng nắm tay Xương ra hiệu cho Xương đừng nói nữa.

Cụ Án gần đi còn quay lại bảo:

– Chắc ông Phán được tin các cô học giỏi thế thì phải vui lòng lắm.

Rồi cụ âu yếm nhìn đứa cháu mà lâu nay cụ vẫn thương thầm cho cảnh mồ côi cả cha lẫn mẹ... Hòa vừa đi vừa quay lại nhìn ba người con gái ở nhà trước cửa. Chàng định nói nhiều điều quá khi mới nhìn thấy họ. Nhưng không hiểu sao, chàng chỉ cười, không nói được điều gì. Có lẽ vì có ông ở đấy nên chàng không nói được. Nhất là đối với Xương thì Hòa lại càng muốn nói nhiều điều hơn nữa. Xương, người con gái vẫn thường đứng ở cửa sổ mà nhìn lên cửa sổ của chàng với một đôi mắt hiền từ đầy thiện cảm. Không hiểu sao, Hòa cho rằng trong bốn người con của bà Thông, chỉ có Xương là người hiểu được cảnh ngộ của mình hơn cả. Hòa vẫn đinh ninh rằng những nỗi buồn rầu, đau khổ của mình nếu một ngày kia có phải nói với một người nào, thì người đó phải là Xương.

Vậy mà hôm nay, gặp được dịp may mắn nhất để nói với Xương

và hỏi han chị em Xương một vài câu gì đó, thì Hòa quên khuấy ngay đi.

Và rồi Hòa đi về thẳng với ông. Cả ngày hôm đó, chàng buồn như đã đánh mấy một thứ gì quý giá trên đời, mà không có dịp tìm ra được nữa.

*

*   *

Trái lại, ở nhà bà Thông thì thực là một ngày đại hội. Bà Thông thấy các con mình ngoan thế, đã đi chợ từ sáng sớm. Bà nấu chè, xếp đầy hoa quả vào giỏ mây của các con. Thuần cũng dậy sớm và đã cắm đầy hoa vào các lọ độc bình. Cả nhà ăn tiệc mừng hai cô thi đỗ và một cô được lên lớp nhất.

Riêng Thuần biết rằng mình chẳng bao giờ lên lớp hay thi đỗ gì được cả. Nhưng, tin mừng đến cũng làm cho cô gái ít tuổi nhất nhà thấy nao nao trong dạ.

Nàng không thấy nẩy ra sự ghen tị gì hay tức tối gì đối với chị em mình.

Nàng chỉ thấy càng yêu thêm mọi người ở trong nhà. Và lại càng lo sợ rằng hạnh phúc đã đến nhà mình nhiều quá, nhiều quá sức mình mang nổi. Nhưng khi Thuần nghe Ái và Thịnh thuật lại việc gặp cụ Án và Hòa ở dọc đường thì nàng mới cho đó là việc lạ lùng hết sức.

Thuần bao giờ cũng vẫn là người sợ cụ Án nhất nhà. Từ thuở bé, nàng đã nghe mọi người chung quanh thì thầm những sự dị kỳ về cụ Án. Cụ Án là một người dữ tợn. Cụ Án là một người ác đức. Cụ Án đã làm cho vợ chồng người con trai cụ phải đem nhau đi, và chết ở xứ xa. Cụ Án không ưa gì đứa cháu trai của cụ.

Thuần vẫn yên trí là một người như cụ Án thì không ai dám tới gần.

Vậy mà Xương đã dám trêu cụ Án. Thuần nhìn chị bằng đôi mắt kính phục khác mọi ngày. Và nàng lại khám phá ra rằng người chị thứ hai của mình hễ gần ai, thì người ấy tức thì yêu thích.

Xương đáng lẽ là đàn ông mới phải. Nàng sống một cách dễ dàng. Không có sự gì là quan trọng đối với người con gái ấy. Thuần nghĩ thầm như vậy và nàng cho rằng nếu trong gia đình của bốn chị

em, giá Xương là con trai, thì mọi người không còn phải lo ngại gì hết nữa. Ông Thông có thể đi Hà Giang hay đi xứ nào rất xa xôi trong suốt một đời người cũng được.

Giữa lúc cả nhà đương ăn cơm vui vẻ, thì một đứa ở bên nhà cụ Án cầm một mảnh giấy đưa sang. Cả nhà không hiểu ra sao, đều buông đũa ngồi im lặng. Xương chạy ra cửa cầm lấy tờ giấy ở tay đứa ở nhà cụ Án và nàng đọc to lên cho mọi người nghe:

Bà Phán,

Ông cụ đẻ ra ông Phán xưa kia là học trò ông cụ đẻ ra tôi. Đáng lẽ tôi cũng năng đi lại với những người quen thân mới phải. Nhưng đã bao lâu tôi buồn rầu vì chuyện nhà, nên không muốn đi đâu cả.

Ngày mai là ngày giỗ cậu thằng Hòa. Giá ông Phán ở nhà, thì thế nào cũng mời ông sang uống với tôi một chén rượu. Nhưng ông đi vắng thì bà cho phép các cô sang chơi một lát. Tôi đã sửa tiệc mừng cháu Hòa thi đỗ. Và tôi cũng muốn thưởng thêm các cô con gái đáng yêu và học giỏi của bà. Nghỉ hè này, tôi vẫn nhờ ông giáo Phúc dạy thêm cho cháu Hòa. Bà nên cho các con sang tôi học thêm cho mát mẻ.

Lòng tôi thành thực, bà thuận cho như thế thì vui vẻ lắm. Nhà tôi rộng rãi và rất neo người. Các cô sang học sẽ tha hồ chạy nhảy trong vườn.

Nay kính

IV

Bức thư của cụ Án đã làm cho hai nhà bỗng chốc trở nên thân mật. Và cả đến Thuần là người sợ cụ Án nhất nhà, bây giờ cũng đã dám thỉnh thoảng mang quà sang biếu cụ. Khi thì bà Thông bảo Thuần nấu mấy bát chè, khi thì bà bắt các con làm vài thứ bánh mang sang cụ Án.

Mỗi lần nhận được quà là cụ Án lại sai người nhà mang biếu lại bà Thông một gói chè hay một vài thứ hoa quả gì mà các người đi Hà Nội về thường mua cho cụ.

Nhưng chỉ có Hòa là thấy mình sung sướng nhất. Đương là đứa trẻ mồ côi sống lặng lẽ trong một ngôi nhà rộng quá, bây giờ có bạn, Hòa mới nhận ra rằng người đời nếu không đoàn tụ, nếu không chia được cái vui cái khổ cùng nhau, thì những ngày tháng trở nên dài rỗng, nặng nề, vô vị.

Gian phòng học âm u của Hòa bây giờ mở cửa suốt ngày, và suốt ngày vang lên những tiếng cười nói của mấy cô thiếu nữ. Ông giáo Phúc là một người có họ xa với cụ Án, hết sức luyện tập cho mọi người trong mấy tháng nghỉ hè. Bởi vậy cả Hòa và Xương, Ái, Thịnh đều tấn tới lạ lùng.

Sự đó cũng nhờ Phúc là một ông giáo vui vẻ đương còn trẻ tuổi. Thày trò cũng tương đắc như anh em một nhà nên cái không khí ở nhà cụ Án thực là dễ chịu khác xưa.

Những hôm nghỉ học, cả đoàn đã đem nhau đi chơi các vùng nhà quê gần tỉnh. Hay họ đi ra bờ sông Châu nhìn những mảng bèo Nhật Bản, những chiếc thuyền trôi lơ lửng theo dòng nước. Hôm nào ở nhà thì cả bọn lại ra ao sen câu cá, hái doi hay chạy nhảy trong vườn.

Cái vườn của cụ Án không thiếu thức hoa quả gì, tha hồ cho mấy cô con gái bà Thông đùa nghịch leo trèo thỏa thích.

Thuần tuy vẫn ở nhà với bà Thông và u Ái, không theo học nữa, nhưng thỉnh thoảng cũng dự vào cuộc chơi đùa của chị em ở trong vườn nhà cụ Án. Cụ Án cũng biết rằng tính Thuần rút rát, nên cụ thường tránh đi chỗ khác mỗi lần thấy bóng Thuần ở nhà mình.

Cụ biết rằng một cái nhà trật tự quá, một cái nhà mà người ông hay người cha nghiêm khắc quá, thì không bao giờ được nghe những tiếng cười của lũ trẻ.

Thực là một sự lạ lùng! Những tiếng cười của những cô gái ở nhà trước cửa đã làm đổi tính được một người già khó tính như cụ Án, và làm cho đôi má của Hòa hóa hồng hào. Cụ Án mỗi lần nhìn cháu lại thấy mắt người con trai lóng lánh thêm lên. Dáng điệu của Hòa thành rắn rỏi, không phải là dáng điệu ẻo lả của một người ốm nữa.

Cụ Án thấy cháu mình thành thực sung sướng giữa thầy học và bạn hữu. Lòng cụ hơi thắt lại vì cảm động. Nhiều lần cụ tự hỏi có phải xưa kia mình đã bất công và độc ác đối với đứa cháu của mình chăng?

Nhưng, một người già hơn sáu mươi tuổi rồi thì làm sao hiểu được tính tình một đứa con trai mười tám tuổi đầu? Vả lại, cảnh cụ cũng thật là bi đát. Hòa không hiểu rõ hết được sự thể ra sao, nhưng chàng đã đoán được từ bé rằng tính của ông, người đàn ông độc nhất ở đời mà mình có bổn phận phải yêu đối với mình có một vẻ gì gượng gạo. Mỗi lần chàng nhìn vào mắt ông thì chàng nhận ra ngay điều đó.

Còn cụ Án thì mỗi lần nhìn vào mặt cháu lại nhớ đến nét mặt

đứa con trai và nét mặt người đào hát, nhất là nét mặt đáng ghét của người đào hát.

Cụ thấy cảnh Hòa tuy giống bố ở dáng người cao, vai rộng, cái cằm khỏe mạnh, cái trán cao, nhưng vành môi, và miệng thì có vẻ mềm mại quá. Rõ ràng đó là cái miệng của người mẹ mà cụ yên trí là lẳng lơ mất nết.

Đã vậy dáng điệu của Hòa lại không có vẻ đàn ông cứng cáp như cụ muốn. Cả dòng họ cụ, người đàn ông nào cũng hiên ngang khẳng khái. Cụ không chịu được rằng giọt máu của cụ lại là giọt máu yếu đuối của một dòng giống hạ tiện pha vào.

Thế là, trong bao nhiêu năm, ông cháu thành ra cách biệt, tuy cùng sống với nhau dưới một mái nhà. Người con trai tự nhiên thấy sợ ông, hễ lúc nào có mặt ông thì chàng câm lặng. Hòa trốn vào buồng học của mình có khi suốt một ngày.

Sự sợ sệt đó càng làm cho cụ Án bực mình. Cụ không hiểu nên làm thế nào để cho Hòa quen với cụ và dần dà yêu cụ được. Vì dẫu sao đó cũng là cháu cụ. Cụ biết rằng cụ vụng về, vì thế cụ lại càng tức tối. Cụ thấy Hòa ngày một buồn rầu, kém ăn, và không bao giờ có một tiếng nói to, một nụ cười.

Ngờ đâu bỗng chốc mấy cô gái nhỏ ở nhà trước cửa đi vào nhà cụ, và họ làm thay đổi hết như là phép nhiệm mầu. Tất cả gánh dĩ vãng nặng nề trên vai cụ Án rơi đổ tức thì. Cụ săn sóc đến tất cả mọi người chung quanh. Cụ đã tìm thấy hạnh phúc được sống ở đời. Cụ mừng thầm rằng cháu cụ khỏe mạnh ra, và ham học, ham chơi hơn trước.

Mà thực vậy, mỗi lần ông giáo Phúc chấm bài ông giáo cũng ngạc nhiên thấy Hòa rất chịu khó, rất cố gắng trong sự học. Hình như trong lòng người con trai đương tuổi lớn lên đang có một nguồn hy vọng dồi dào, bồng bột. Nó như một ngọn suối nhỏ đã gặp được một dòng sông chảy mạnh để cùng tìm ra bể rộng.

Và mỗi buổi chiều đi bên cạnh Xương trên bờ sông, Hòa cũng thường bảo với cô bạn thân mến của mình rằng :

– Hòa muốn chiếm hết cả các bằng ở trên đời này, Xương ạ. Hòa muốn học mãi để giúp ích cho đời. Bởi vì nhiều người khổ quá! Hòa muốn tất cả mọi người sẽ bằng lòng Hòa. Hòa sẽ học và yêu... tất cả mọi người.

Trong lúc Hòa nói thế thì Xương nhìn người bạn trai của mình

bằng đôi mắt kính phục. Mà Xương cũng tin rằng Hòa sẽ làm được như mình đã định. Ánh sáng trong đôi mắt Hòa có một cái gì vừa cương quyết vừa dịu dàng. Xương nói :

– Hòa có ông Hòa giầu như thế thì học đến đâu mà chẳng được. Sau này Hòa sẽ đi ngoại quốc học thêm, bao giờ về thì mọi người sẽ được bằng lòng và sung sướng, vì thấy Hòa sung sướng.

Hòa vội trả lời :

– Không phải thế đâu, Xương ạ. Nếu ông Hòa giầu mà Hòa không được gặp chị em Xương thì chưa chắc Hòa có thích học như bây giờ không kia đấy!

Hình như đã lâu, Hòa vẫn coi gia đình chị em Xương như gia đình của mình rồi. Cả trước kia cũng vậy, những hôm đứng ở gác nhìn sang nhà Xương, được chứng kiến cái cảnh hòa thuận êm ái của nhà Xương, Hòa cũng thấy vui lòng và đỡ trơ trọi. Hòa biết rằng thế nào một ngày kia, Hòa cũng được dự một phần vui ở giữa cái gia đình ấy. Hòa sẽ có một địa vị trong lòng những người mà Hòa yêu mến. Và rồi mọi người cũng sẽ yêu Hòa như vậy.

Chàng ngừng một lát nhìn Xương rồi nói tiếp :

– Ngày nay đã là sự thực, Hòa thấy vang trong lòng một nỗi vui mới mẻ, dịu dàng mỗi khi trông thấy Thịnh, hay Thuần, hoặc Ái chạy quanh Hòa. Cũng như trước kia, Hòa đứng trên gác nhìn sang nhà Xương mà được nghe tiếng bà Thông ở trong nhà gọi đến tên mấy chị em Xương đương chơi đùa ở trong vườn. Những cái tên Xương, Thịnh , Ái, Thuần, Hòa đã nhớ rõ như chính tên mình. Nó đã vang lên vui vẻ trong lòng Hòa từ ngày Hòa đến ở với ông.

Rồi Hòa kể đến cái thuở bé của mình ở miền rừng. Những ngày đó đã xa xôi quá, Hòa chỉ còn nhớ lờ mờ như chuyện đã xảy ra trong mộng. Hình như cha mẹ Hòa yêu nhau lắm. Hai người thường dắt Hòa mỗi buổi mai đi hóng mát ở bên bờ một con sông chảy giữa hai hàng núi. Nước có khi nông trông thấy cả đáy rêu xanh và cuội trắng. Hai người thường nhặt những hòn cuội cho Hòa chơi. Thế rồi hai người cùng đi mất. Hòa sống với một gia đình xa lạ, Hòa không được yêu chiều như trước nữa. Chờ đến một ngày kia ông Hòa cho người đón Hòa về.

Những chuyện đó đã làm cho chị em Xương cảm động, và vì thế họ càng thương người bạn trai của họ.

Tình bạn giữa mấy thiếu niên càng ngày càng thêm khăng khít. Và trong bức thư nào gửi đi Hà Giang cho ông Thông, bốn cô con gái cũng nói đến tên Hòa và cụ Án. Ông Thông thấy mình ở xa nhà, mà được cụ Án để tâm giúp đỡ cho gia đình mình như vậy cũng rất lấy làm cảm kích. Ông Thông càng vui lòng hơn khi thấy vợ con nhắc đến chuyện ông thân mình ngày xưa là học trò ông đẻ ra cụ Án.

Ông Thông là người biết ăn ở lắm. Chuyện ân nghĩa trước kia, ông vẫn để tâm, chứ không phải là ông không biết. Ngặt vì ông thường thấy cụ Án tỏ ra ghẻ lạnh và cao kỳ với tất cả mọi người hàng xóm, nên ông không muốn đi lại, sợ có kẻ không hiểu mình lại cho là ông cầu cạnh, làm quen với kẻ giầu sang quyền quý. Ông nghèo nhưng bao giờ cũng rất giữ gìn.

Bây giờ, thấy vợ con ca tụng cụ Án bằng những lời chân thành sốt sắng, ông cũng thấy hả lòng. Ông lại càng dặn vợ con ăn ở với cụ Án cho phải phép để đáp lại chỗ tốt của một ông già chỉ đáng thương mà không đáng trách.

V

Người trong tỉnh không mấy ai là không biết rằng bên nhà cụ Án và bên bà Thông quý mến nhau, đi lại với nhau mật thiết, chỉ vì những người trẻ tuổi thân nhau.

Thế nhưng cũng đã có nhiều kẻ rỗi thì giờ bàn tán, đặt điều những tiếng xấu. Họ kêu bà Thông có những bốn cô con gái nhớn, bà nghĩ đến việc sau này của các cô sớm như vậy là hơn. Họ bảo nhà ông Thông cũng chẳng giàu có gì, mà bên cụ Án thì chỉ có độc một người cháu trai để thừa hưởng gia tài của cụ. Một vài người đàn bà mỉa mai khen bà Thông biết lo liệu khôn ngoan.

Ở tỉnh nhỏ, không làm sao người ta ăn ở cho vừa lòng khắp mọi người được. Nhà nào cũng là cái bia cho dư luận. Bởi vì đời người phong lưu ở trong tỉnh nhỏ thường tẻ nhạt. Phần đông người ta không biết làm thế nào để tiêu cho hết ngày giờ, nên người ta thường thích soi bói và để ý đến đời riêng của kẻ khác.

Bà Thông cũng đã nhiều lần nghe u Ái đi chợ về kể lại cho nghe như vậy. Vì có nhiều kẻ tò mò không nhịn được, họ phải hỏi ngay người ở cùng nhà với bà Thông cho rõ chuyện mới thỏa lòng. Nhưng

u Ái đã trả lời họ những câu mát mẻ để tỏ lòng khinh bỉ của người đầy tớ trung thành không chịu được người ngoài miệt thị chủ mình.

Còn bà Thông bà chỉ mỉm cười. Bà biết rằng nhà mình tuy nghèo thực nhưng lương thiện. Và các con mình tuy đương tuổi nhớn lên, nhưng lòng vẫn trắng trong. Bà chỉ nghĩ mừng cho cụ Án đã đổi được tính tình xưa, nhờ thế đứa cháu trai của cụ mới trở nên khỏe mạnh, vui vẻ và chăm học.

Bà Thông kính trọng cụ Án như một người cha có tuổi, hơn thế nữa, như một người mà gia đình nhà chồng đã chịu ơn. Một đôi khi, nếu buổi chiều mát mẻ, cụ Án cũng bảo cháu đưa sang nhà trước cửa. Bà Thông bảo các con pha nước, và chính bà thường thân hành đứng tiếp chuyện cụ và chuyên nước trà vào chén cụ. Cụ Án cũng nhân dịp đó kể những chuyện ngày xưa, những kỷ niệm lúc thiếu thời, cho bà Thông và các con nghe. Nhưng không một lần nào cụ đả động đến việc người con trai của cụ và người đào hát.

Từ đó, không ngày nào là Hòa và Xương không gặp mặt nhau, Hòa mỗi ngày lại tấn tới thêm lên một chút trong sự học. Bây giờ không cần ai nhắc nhở, Hòa cũng học hành ăn ngủ rất đều. Cụ Án không thấy chàng thỉnh thoảng lại cáo ốm, vào buồng mình nằm hàng buổi như trước nữa.

Và người thầy giáo của Hòa cũng vậy, cũng mỗi ngày lại ngạc nhiên thêm vì thấy cậu học trò mình thương mến như em không còn tỏ ra nhọc mệt, ngại ngùng trước những bài ra nhiều lúc khó khăn hóc hiểm.

Thầy giáo của Hòa là con trai một người thuộc hạ của cụ Án, một kẻ tay chân người đồng hương của cụ trong khi cụ còn làm tri phủ ở một vùng xuôi. Chàng mất bố đã lâu, tuy đã đỗ bằng sư phạm nhưng vẫn chưa được bổ. Biết chàng cần phải kiếm tiền nuôi mẹ, vì thương tình người cũ của mình, cụ Án nhắn chàng ở quê nhà lên kèm dạy cho Hòa. Nên Xương, Thịnh và Ái vì vậy cũng thành ra học trò của chàng trong một vụ hè.

Thầy giáo Phúc tuổi hơn học trò không mấy nên chẳng được ai gọi bằng "ông" cả. Mà Phúc cũng không cần gì hơn thế. Tính tình chàng vui vẻ, rất hợp với bốn người trai gái mà chàng yêu quý ngay tự lúc đầu.

Buổi học nào cũng có vẻ anh em thân mật làm cho mọi người cùng cố gắng.

Những ngày hè trong sáng đi qua rất êm đềm. Khu vườn của cụ Án ngày nào cũng vang những tiếng đọc sách, tiếng cười nói của bọn thiếu niên sung sướng. Buổi chiều cụ Án cho phép ông giáo dẫn học trò của mình đi ra bờ sông hóng mát. Người ta thường thấy Hòa đi bên cạnh Xương bàn chuyện lên Hà Nội học. Xương thường giễu Hòa gọi đó là câu "chuyện tương tai".

Còn Phúc thì người ta nhận thấy rằng chàng săn sóc nhất đến cô chị cả tên là Thịnh. Trong lúc học, trong lúc chơi, bao giờ Thịnh và Phúc cũng có vẻ quyến luyến nhau hơn cả. Có lẽ bởi vì Thịnh chỉ kém ông thầy của mình hai tuổi.

Xương thì lúc nào cũng hình như không có gì thay đổi, dáng điệu vẫn nghịch ngợm như thường ngày. Thế nhưng Hòa biết rằng thiếu nữ vẫn có một sự gì giấu giếm mình. Hòa lấy làm bực tức một chút về chỗ đó.

Đã lâu, chàng coi Xương như một người ruột thịt của mình, không có việc gì là chàng không nói với Xương. Vậy mà Xương tuy thân mật với chàng nhưng bao giờ chàng cũng có cảm tưởng là xa cách.

Nhiều khi chàng thấy thiếu nữ đứng thờ thẫn một mình dưới gốc cây ở bờ ao, hay là Xương tuy vẫn nói chuyện với chàng, nhưng chàng biết là Xương nghĩ đâu vào chỗ khác.

Ở gác nhà Xương có một gian buồng xép dùng làm chỗ chứa đồ đạc cũ. Xương thường thích ngồi trong đó một mình hằng giờ để lúc đi ra ngoài ánh sáng thì mắt long lanh và má đỏ bừng lên như người sốt rét.

Mấy chị em đã hiểu tính Xương thường "khỉ" thế, nên chẳng ai lấy làm lạ cả. Duy chỉ có Hòa là sửng sốt và lo lắng mỗi lần thấy mặt Xương biến đổi như một phong cảnh vừa qua khỏi cơn giông tố.

Hòa để tâm rình. Và chẳng bao lâu chàng thỏa nguyện. Cái bí mật của Xương không có gì là bí mật nữa, Xương làm văn giấu mọi người. Thiếu nữ thường ngồi hằng giờ trên gác xép của nhà mình, chính là để viết tiểu thuyết gửi đăng một tờ báo nhi đồng trên Hà Nội.

Hôm đó, Xương đi ra nhà dây thép để gửi bài, thì Hòa nấp ở bên một gốc cây chạy xổ ra giật lấy. Xương giật nẩy mình, nhưng lúc biết là Hòa thì nàng giận lắm.

– Hòa! Giả ngay đây! Tôi không bằng lòng Hòa chơi thế.

Hòa thấy rằng Xương giận thực. Chàng nhìn qua cái phong bình rồi đưa trả.

Lòng đầy căm tức, chàng nói dỗi :

– Đây, mới đùa thế mà đã cáu. Tôi cứ tưởng là Xương không bao giờ giấu tôi một cái gì.

Sự thực thì Xương và Hòa đã hẹn nhau là không được giấu nhau một sự gì. Nhưng Xương cũng cứ trả lời rất ích kỷ :

– Nhưng việc này thì khác. Tôi không thể cho Hòa biết được.

Hòa mặt buồn thiu, lủi thủi quay đi. Chàng lẩm bẩm :

– Đàn bà chỉ được cái nuốt lời là giỏi.

Xương thấy hối. Thiếu nữ vội chạy theo Hòa và nắm vai người bạn lại. Nàng cúi đầu đưa cái phong bì ra cho Hòa đọc, và giảng nghĩa :

– Tôi sở dĩ giấu mọi người là vì tôi đương tập viết, sợ Hòa lại cười tôi. Nhưng ở trên Hà Nội, người chủ bút đã khuyến khích tôi và giục viết...

Hòa phá ra cười. Chàng gọi bạn gái của mình là "nữ sĩ". Rồi chàng lại giật phăng cái phong bì ở tay Xương :

– Để tôi đi bỏ vào thùng thư cho! Như thế, tôi cũng được hân hạnh lây một chút.

Chàng nhìn Xương bằng con mắt ngạc nhiên mừng rỡ của người con trai mới tìm ra ở bạn thiết của mình một cái tài kín đáo. Chàng không phải nghi ngờ gì nữa. Xương thực xứng đáng là bạn chàng. Đây là một thiếu nữ kỳ quặc, nhưng không phải là không đáng phục. Xương không giống một người nào trong mấy chị em nhà.

Không hiểu sao Hòa bỗng thấy mình kiêu hãnh vì Xương. Chàng nhìn kỹ lại người bạn gái, và lòng chàng đầy hạnh phúc, đầy hy vọng. Hình như chàng vừa tìm ra một người mới lạ trong bạn cũ của mình. Hòa nói :

– Cũng may mà Xương cho tôi biết rõ chuyện này. Nếu không tôi đã giận Xương rồi, và tôi không bao giờ kể cho Xương biết một câu chuyện lý thú mà Xương cần biết.

Xương tươi cười đứng sán lại Hòa có vẻ tò mò :

– Chuyện gì thế? Hòa kể ngay đi không tôi sốt ruột. Kể ngay đi! Kể ngay đi!

Hòa nhìn hai hàng cây lá xanh rờn mọc ở hai bên đường, lòng hớn hở. Chàng nói ngập ngừng :

– Tôi vừa bắt gặp Phúc và chị Thịnh ở trong vườn, lúc tôi chạy theo Xương đến chỗ này.

Xương nở một nụ cười chân thực. Nàng sốt ruột :

– Họ làm gì thế?

– Chị Thịnh đưa cho anh giáo một cành hoa hồng trắng. Và anh giáo nói rằng anh ấy sẽ giữ suốt đời...

Mặt Xương đương tươi cười bỗng trở nên cau có. Hòa nhìn Xương lo lắng :

– Xương làm sao thế?

– Làm sao? Thế là không tốt chứ làm sao? Tôi rất ghét những chuyện không đứng đắn như vậy. Thật là xấu hổ!

Hòa rất đỗi ngạc nhiên. Chàng thấy đôi môi của Xương hơi run tỏ rằng thiếu nữ cho việc đó là quan hệ. Chàng không hiểu. Nhưng Xương thì sực nhớ ra rằng ít lâu nay chị mình đã có cái gì thay đổi thực. Xương nhận thấy rằng ít lâu nay Thịnh có vẻ làm dáng nhiều hơn trước. Thịnh luôn hỏi khắp mọi người trong nhà xem tóc mình chải có đẹp không, hay áo mặc có vừa không? Thịnh đi qua cái gương là thế nào cũng phải dừng lại ngắm mình một chút. Có lúc thì Thịnh vui quá, có lúc lại buồn rầu quá... Và có một đêm, Xương thấy Thịnh nói mê lảm nhảm và cười một mình trong giấc ngủ.

Nhưng Xương không ngờ cái tên người đàn ông mà Thịnh thường nhắc tới trong giấc mộng thiếu nữ thanh tân lại tên là Phúc. Nàng dậm chân như nói một mình :

– Không thể như thế được! Làm sao chị Thịnh lại phải yêu một người nào khác chị em và bố mẹ!... Thịnh không sung sướng giữa chúng tôi? Tại sao Phúc lại làm siêu lòng Thịnh được? Trước kia, có việc gì Thịnh cũng nói với tôi. Bây giờ Thịnh lại có chuyện riêng tây. Thịnh đã thay đổi lúc nào rồi? Cái nhà anh giáo Phúc kia thật đáng ghét... Có lẽ hạnh phúc của chúng tôi sẽ do bàn tay anh phá vỡ...

Hòa nghe vậy thì tủm tỉm và cho Xương rất đáng buồn cười. Chàng quàng tay Xương âu yếm đáp :

– Ồ có gì là lạ? Trái lại lời Xương nói... một ngày kia đến lượt Xương, rồi Xương sẽ hiểu...

Xương giật tay ra mà chạy. Hòa tức thì đuổi theo ngay. Hai người chạy trên đường như hai đứa trẻ. Lúc đó không còn ai nghĩ đến chuyện nghiêm trang nữa. Hòa đương đuổi theo một cô bạn xưa nay vẫn chẳng chịu kém mình trong một cuộc chơi đùa nào ở vườn nhà. Hòa không sao đuổi kịp Xương, bởi vì Xương nhẹ nhõm hơn. Vả khi bắt đầu chạy được một quãng thì Xương đã bỏ dép ra cầm ở tay rồi.

Hai người tới gần nhà đã thấy Thịnh đương tiễn Phúc ra đường. Tay Phúc còn cầm cành hoa hồng trắng, và chàng có vẻ dùng dằng chưa nỡ rứt ra về.

Xương bỗng sa sầm mặt lại, khi trông thấy Thịnh. Nàng nhớ lại tất cả chuyện vừa qua. Sự tức giận ban nãy vùng nổi dậy. Nàng chạy vào quãng giữa Phúc và Thịnh như để chia rẽ hai người ra. Rồi nàng kéo tay Thịnh rất mạnh vào trong cổng.

Nhưng khi cánh cửa cổng ngoài đã khép lại rồi, thì Thịnh òa lên khóc, và xỉa xói Xương như chưa bao giờ thấy thế. Thịnh vừa tức vừa tủi thẹn, nên về đến nhà nàng liền trút tất cả những câu nặng nề cố nén ra ngoài.

Mắt Thịnh đỏ hoe và đầy lệ. Mặt nàng xanh xám, tay nàng run lên khiến Xương phát sợ. Xương không ngờ rằng chị mình thường nhật dịu dàng, mà lúc này biến đổi ra đến thế. Nàng chợt hiểu rằng giữa phút này, Thịnh có thể thù ghét được mình. Thiếu nữ không nói lại được câu gì. Nàng cũng òa lên khóc như Thịnh, và chạy tuốt lên căn gác xép của mình, nàng gục đầu vào tay mà nức nở rất lâu.

Đó là lần đầu Xương thấy một đám mây đen đóng trên hạnh phúc của mình... Thịnh bây giờ đã có những mộng riêng nàng, những hy vọng khác, một tình yêu khác, ngoài tình quyến luyến gia đình... Một ngày kia Thịnh sẽ rời bỏ hết để ra đi... Rồi dần dần mỗi chị em trong nhà cũng ra đi như vậy. Gian nhà sẽ trống trải chẳng còn ai. Cái tổ chung của mọi người có lẽ rồi cũng sẽ về tay khác. Gian nhà thân yêu sẽ chứng kiến nhiều sự vui buồn khác, không phải sự vui buồn của nhà Xương.

Giữa cái phút chua chát trong đó mầm phân ly đương nẩy nở, Xương đã cảm thấu được hết nỗi thê lương của lòng u hoài dĩ vãng mà tương lai sẽ lấp đầy cả cuộc đời nàng.

Thu mình trong gian gác nhỏ, Xương nhặt nhạnh từng tiếng động, từng hơi thở, từng mùi gỗ mục, như muốn chôn tất cả vào một góc linh hồn, để sau này có thể nhớ lại mỗi lần nghĩ tới. Nàng nghe

thấy như từ chốn xa vọng lại tất cả tiếng cười giọng nói của mọi người yêu quý ở gia đình.

Những tiếng đó, sau này từ nơi dĩ vãng sâu thăm thẳm sẽ còn trở lại tỉ tê bên tai người thiếu nữ chiều nay, nhẹ như những bước đi trên nhung dạ, nhẹ như tiếng nói của những người đã khuất. Tất cả những cái gì sau này có thể trở nên cho nàng là an ủi, là cay đắng, Xương đều thấu rõ ngay tự lúc này, một cách vô cùng thấm thía... Hình như Xương đang cầm trong tay mình một kho báu sắp bị người ta chiếm đoạt : những giờ khắc tưng bừng của tuổi hoa niên, những ngày đầy hạnh phúc của cuộc đời êm lặng mà rồi đây nàng sẽ cố tìm lại, nhưng chỉ thấy hiện ra khoảnh khắc trong tưởng nhớ. Bởi vì, dòng nước chảy qua rồi không trở về nguồn cũ nữa, ta giơ tay hứng, chỉ thấy nước lọt qua kẽ tay thôi. Và lúc ta rút tay về, thì tay ta giá lạnh...

Xương khóc suốt cả buổi chiều hôm đó, một buổi chiều mùa hạ đã tàn. Nước mắt chảy ra được rất nhiều cũng khiến lòng nàng dìu dịu.

Xương nghe có tiếng Thuần và Ái gọi nàng ở dưới hiên nhà. Nàng lau mặt, lững thững bước xuống thang, trong tâm đã rắp chịu theo số mệnh.

VI

Vào một buổi sáng đầu tháng bảy, u Ái đương nấu ăn ở dưới bếp thì nghe có tiếng gọi ở cổng vườn. Đó là người nhà dây thép. U Ái mang một bức điện tín màu xanh đi tìm bà Thông. Thịnh, Xương, Thuần, Ái đều xúm cả lại quanh mẹ. Trong gia đình bà Thông chưa bao giờ người ta làm quen với cái lối báo tin này. Bởi vậy người nào cũng hồi hộp, và thầm đoán là có việc chẳng lành : Xương được bà Thông giao cho tờ giấy và được mở ra đọc trước. Hình như cả nhà đều cho Xương là rắn rỏi hơn tất cả, nên hễ động có việc gì quan trọng là mọi người nghĩ đến nàng trước hết.

Quả nhiên, dây thép báo cho cả nhà một tin dữ dội : Ông Thông ốm nặng ở Hà Giang, và có ngỏ ý muốn vợ lên với mình, nhưng đừng làm cho con trẻ sợ.

Bà Thông tái mặt đi. Bà hiểu rằng chồng mình ốm nặng hơn lời nói trong dây thép. Chỉ vì ông vốn thương con...

Bốn cô thiếu nữ ôm nhau khóc, làm cho u Ái cũng phải chảy nước

mắt lây. Thực là một cảnh tượng não lòng. Người ốm thì ở xa xôi quá. Lúc này đáng lẽ là lúc cần phải có vợ con ở bên mình, thì ông Thông chỉ có một đứa ở nhà quê thật thà như đếm.

Thực là một tiếng sét đánh vào giữa một buổi sáng nắng vàng rực rỡ. Nhưng rồi mọi người đều phải nghĩ đến sự thu xếp cho bà Thông lên đường. Xương liền thu vén tất cả tiền nong trong nhà lại. Xương vốn là một thiếu nữ khôn ngoan sớm, nên nàng chạy sang nhà cô ngay để "cầu cứu" thêm một ít tiền. Thiếu nữ cho rằng lúc này chính là lúc không nên câu nệ, bởi vì ai mà chẳng động lòng. Và cô tuy làm ra mặt ác, nhưng cũng nhiều lúc tỏ ra tha thiết đến gia đình của em và các cháu. Lúc này Xương chỉ nghĩ đến cha nằm yếu đuối, trơ trọi ở một miền rừng núi.

Bà Cả cho đó là một dịp để mình mắng nhiếc ông Thông, và nói cạnh nói khóe bà Thông, nên vừa thấy Xương kể lể xong là bà lườm cháu :

– Gớm, thảo nào hôm nay mới thấy cô tự dẫn đến nhà tôi. Mẹ con cô chỉ được cái tiêu tiền là giỏi. Bố cô thì cũng thế, cũng đần độn chẳng kém gì! Lúc lành mạnh thì không lo để dành để dụm. Tôi xem rồi các cô cũng khó lấy chồng cho mà xem. Nhà nghèo thế, ai người ta dại gì mà hỏi đến?

Xương tức cô đến nghẹn họng, nhưng nàng chỉ tím mặt đứng lỳ ra đấy thi gan, nên lúc về nàng chỉ được bà Cả đưa cho có chục bạc. Nàng chảy nước mắt, định giả lại cô, nhưng nghĩ đến ông Thông, nàng lại phải bỏ tiền vào túi. Nếu phải Thịnh hay bà Thông thì dù túng thiếu đến đâu cũng không ai chịu nhẫn đến thế rồi.

Về đến nhà, mọi người đều vây lấy nàng để hỏi, nhưng Xương chỉ bỏ nắm giấy bạc ra, mà tay nàng thì run lên. Thiếu nữ không muốn khóc, khi tất cả mọi người cần phải tĩnh tâm.

Cụ Án được tin cũng chạy sang ngay, cụ bảo người nhà cầm sang đưa bà Thông một ít quế tốt và một vò rượu thuốc bổ. Cụ hết lời an ủi bà Thông nói rằng ông Thông chắc chỉ sốt xoàng thôi. Cụ lại sai ông giáo Phúc đi theo bà Thông đến Hà Giang. Cụ dặn dò Phúc phải săn sóc, giúp đỡ bà Thông mọi việc lúc dọc đường, và khi ở lại Hà Giang nếu có việc gì hệ trọng phải đánh giấy cho cụ ngay tức khắc.

Thế là cả nhà đều được yên lòng chút đỉnh. Nhất là Thịnh, mỗi lúc nghĩ đến rằng mẹ mình sẽ có Phúc ở cạnh trong khi đường sá, thì

nàng lại cảm động và cảm ơn Phúc quá. Trong trí nàng, đường đi lên đến tận Hà Giang thì nguy hiểm khó khăn không biết thế nào mà kể. Nhưng nàng tin đã có Phúc cùng đi thì không còn việc gì đáng lo ngại nữa.

Một tuần sau đã có thư của Phúc ở Hà Giang gửi về.

Bệnh tình ông Thông không có gì đáng sợ như người ta tưởng. Ông chỉ sốt nặng mấy hôm đầu, nhưng từ hôm có bà Thông và Phúc thì ông vui vẻ thêm lên, và ăn uống được chăm nom hơn, nên chẳng mấy nỗi mà ông bình phục. Nhưng dù thế nào bà Thông cũng phải ở lại Hà Giang ít lâu đến khi chồng thực khỏe mới về. Việc nhà bà cậy ở u Ái cả. Bà lại không quên dặn dò Xương nhiều chuyện về sự trông nom cho mọi việc đâu vào đấy, như khi bà có mặt ở nhà. Bà Thông thuộc về hạng những người đàn bà hễ phải xa nhà thì băn khoăn, lo lắng về đủ mọi sự. Việc đó thì không phải dặn, tự Xương cũng hiểu rồi. Nàng giúp đỡ u Ái nấu nướng, giặt giũ hay lau quét trong nhà ngoài vườn sạch sẽ như khi có mẹ ở nhà.

Mọi người không thấy thiếu thốn sự gì, ngoài cái bóng hiền từ của bà Thông.

Nhưng, tai họa thường không đến một lần trong một gia đình.

Một buổi chiều Thuần theo u Ái đi thăm một người bà con nghèo ở ngoại ô về thì người ta thấy mặt nàng đỏ rừ lên, và trán hâm hấp sốt. Thiếu nữ không nói với một ai, chạy vào chỗ chân thang gác, nằm trên chiếc ghế mây dài thường bỏ không ở đấy. Thuở nhỏ, mỗi khi có người khách lạ nào làm cho cô thiếu nữ rút rát phải sợ, thiếu nữ thường chạy vào đấy trốn.

Linh tính của Thuần hình như đã báo trước cho nàng biết rằng một người khách nguy hiểm đã đến nơi ngưỡng cửa gia đình. Người ta đã thấy cái bóng hãi hùng của hắn làm giá lạnh bầu không khí trong gian nhà cổ kính lâu nay chỉ biết có những ngày đầm ấm.

Trên giường bệnh, Thuần nằm thở mệt nhọc. Thiếu nữ đương lên cơn sốt rét. Có lẽ nàng đã lây bệnh thương hàn của một đứa bé con trong mấy lần đi chơi với u Ái. Thuần xưa nay vẫn yêu quý trẻ con nên thường hay gần chúng.

Ban đầu Xương không dám viết thư cho bà Thông biết, sợ bà lại thêm sốt ruột trong lúc ông Thông chưa khỏi hẳn. Nhưng, một hôm

bệnh tình Thuần xem chừng nguy kịch quá, ông đốc nhà thương trong tỉnh quen cụ Án bảo với Xương rằng nên nhắn cho bà trở về ngay. Đến lúc đó cả nhà mới hiểu rằng tính mệnh Thuần chỉ còn như treo sợi tóc, Xương, Thịnh cùng khiếp đảm...

Hai chị em đã hiểu ông đốc nói thế là thế nào rồi. Nếu vậy, sự chờ đợi lại càng làm cho người ta thêm đau đớn.

Trên giường bệnh, Thuần thở nặng nề hơn, và lắm lúc mê man... Gương mặt xinh xắn của nàng đỏ rực như da một quả cam nhiều nắng, và mồ hôi vã ra thấm ướt tóc nàng dính chặt vào hai bên thái dương nhơm nhớp như mồ hôi người sắp chết, đến nỗi người ta sợ không biết rồi nàng có chống lại với bệnh mình được lâu chăng?

Giời đất hình như cũng lại phụ họa vào cái bất hạnh của một gia đình mà đổ mưa xuống như là trút nước. Cây cối trong vườn tơi bời rũ rượi. Cả một sự ngao ngán tiêu điều khóc lên ở tiếng mưa rơi, nước chảy. Lòng mấy chị em như xé. U Ái và mọi người đều suốt ngày chầu chực quanh giường Thuần. Thiếu nữ ngày thường vẫn hiền lành ngoan nết nhất nhà nên giờ đau yếu, ai cũng đem lòng thương xót. Đau thương tuy vậy càng làm cho mấy chị em sát lại nhau, âu yếm nhau còn hơn trong những ngày đầy hạnh phúc. Một mình Xương vẫn sáng suốt. Trong khi chờ đợi mẹ về nàng đã không rời em một lúc nào. Nhưng thấy Thuần càng ngày càng ẻo lả thì lòng thiếu nữ cũng không còn vững nữa.

Nàng chạy vào cái xó gác của mình ôm mặt khóc. Thuần bao giờ cũng được nàng yêu dấu nhất nhà. Gian gác âm u buồn lạnh. Buổi chiều xuống chầm chậm, ngoài vườn mưa gió tả tơi. Xương ngồi trên nắp một cái hòm quần áo cũ nhìn trời đất, và đó là lần đầu nàng cảm thấy sự thống khổ ở đời. Xương úp mặt vào hai bàn tay mà khóc im lặng một mình. Giờ phút qua, Xương vẫn không nhúc nhích. Hình như cuộc đời nàng ngừng lại, nàng không biết là mình sống nữa.

Trong óc nàng chỉ có một câu cầu nguyện :

– Lạy trời lạy phật, để cho em Thuần tôi sống! Để cho mẹ tôi về kịp!

Giữa lúc đó thì Hòa bước lên gác tìm Xương. Hòa thấy gian gác tối mà có tiếng nức nở của Xương đâu đó thì ngừng lại. Mưa rơi đều đều trên mái ngói, và trên cây lá bên ngoài. Chàng cất tiếng gọi :

– Xương! Xương việc gì mà phải khóc? Rồi Thuần sẽ khỏi mà...

Xương không nói lại. Nhưng nàng đã nhận ra tiếng bạn. Nàng đứng lên.

Ánh đèn tỏa chung quanh một màu vàng dịu.

Hòa nhìn Xương và bảo :

– Có lẽ tàu đêm nay về là bà Thông đã có ở đây rồi. Xương đừng lo gì cả.

Xương đáp khẽ :

– Tôi chỉ sợ mẹ tôi không về kịp Hòa ạ. Không hiểu sao tôi lo quá!

Rồi nàng lại ngồi ở chỗ cũ mà khóc.

Hòa động lòng đi lại bên nàng. Chàng cầm lấy tay nàng bắt đứng lên mà nói :

– Không hề gì đâu Xương ạ, dẫu sao đã có Hòa ở gần Xương.

Xương thấy yếu đuối mặc cho Hòa kéo dậy. Hai thiếu niên đứng sát nhau nhìn ra ngoài trời đen tối.

– Đêm nay ông tôi bảo tôi phải đi ra đón bà Thông ở ngoài ga. Tôi sẽ bảo thằng xe bên nhà tôi đánh xe đi đón. Thế nào mẹ Xương cũng về chuyến tầu này.

Xương bỗng thấy ấm áp trong lòng. Bà Thông về, thế là đủ cho nàng hy vọng. Hình như bà Thông về được thì bà sẽ đuổi xua được hết lo phiền bất hạnh ở trong nhà. Xương nghĩ vậy và thấy ngực nhẹ hẳn đi khiến mình dễ thở. Và thế là lòng tin trở lại với người thiếu nữ. Nàng cảm động reo lên :

– Ồ Hòa, thực chứ Hòa?

Hòa nắm chặt lấy tay người bạn gái trong tay mình : Tóc Xương có một mùi thơm của cây cỏ. Trong ánh đèn dầu, mặt Xương có những nét lạ lùng, cảm động và ý nghĩa. Đột nhiên, Hòa không nhận ra được người bạn gái vẫn thường đuổi nhau với mình ở trong vườn nữa. Một mối cảm dịu dàng đến với lòng chàng. Lần đầu, Xương hiện ra trước mắt chàng với cái vẻ dịu dàng của người thiếu nữ. Ngày thường Xương cũng chỉ như một người bạn trai nghịch ngợm của chàng thôi. Nhưng lúc này đứng cạnh Xương, Hòa mới thấy nàng hoàn toàn con gái.

Bỗng Xương rút tay ra và cầm đèn đi xuống gác :

– Thôi Hòa về sửa soạn để ra ga đi! Tôi đi lấy thuốc cho Thuần. Có lẽ Thuần ngủ được một lúc lâu rồi đấy nhỉ?

*
* *

Lúc Hòa ở ga về với bà Thông và Phúc, thì cả ba người cùng ngạc nhiên, thấy mấy chị em Xương và u Ái đương xúm xít quanh giường Thuần mà nói chuyện rì rầm.

Hòa đi khỏi thì người ta liền thấy một sự rất lạ kỳ. Thuần vật vã một hồi trên gối hình như đau đớn lắm rồi bỗng lăn ra ngủ như một người thiếp dần đi. Cả nhà đã hoảng hồn khóc ầm lên. Nhưng, thế là cơn sốt đi rồi! Nhiều khi có sự bất ngờ như vậy. Và thế là Thuần thoát khỏi tay tử thần. Bây giờ Thuần ngủ một giấc ngủ yên lành, lại sức.

Thuần đã thoái khỏi tử thần.

Mà bà Thông cũng đã về. Không còn lo sợ điều gì nữa. Người khách nguy hiểm và tàn ác đến thăm cái gia đình nhỏ mọn của nhà Xương đã bị đuổi ra khỏi cửa rồi. Cái bóng dáng, cái bàn tay của người mẹ đã như bàn tay mầu nhiệm của người phù thủy xua đuổi nổi tà ma.

Xương đột nhiên được nếm biết một cuộc đời mới lạ lấy làm sửng sốt. Sau những ngày lạnh nhạt sống trong hạnh phúc hiền lành, thiếu nữ bỗng làm quen với một cuộc đời mới có lẫn nước mắt và nụ cười. Chỉ trong khoảng vài giây, vài giờ đã qua, tâm hồn trẻ thơ của nàng đã già đi nhiều lắm. Chẳng khác chi một trái cây nhiều lúc cũng phải cần đến nắng gió và sương mưa mới chín được hoàn toàn.

Cô thiếu nữ trước kia đã biến vào trong dĩ vãng với những cái áo có vết mực, cái quần rách vì móc phải gai, những đôi guốc đứt quai, những cuốn chuyện khờ khạo, những vẻ nghịch ngợm hồn nhiên. Xương thấy rằng mình đã trở nên một kẻ đàn bà... người đàn bà với những sự lo lắng, băn khoăn, với những tính tình phải trái, với quả tim dễ động, với những yếu đuối và sức đảm đang cứ nảy nở dần khi đụng chạm với đời.

Bên kia giường của Thuần là mẹ nàng, là Thịnh, là Ái, là u Ái, là Hòa và Phúc. Xương nhìn nét mặt hân hoan của mọi người, lòng nàng xao động. Nhưng thấy Hòa nhìn nàng âu yếm mỉm cười nàng lại thấy trong lòng êm ả.

VII

Ba năm sau, Thịnh lấy Phúc, thầy học cũ. Việc đó không phải là dễ như người ta tưởng.

Sau trận ốm của Thuần, Xương lại càng thấy cái hạnh phúc yêu quý của gia đình mình là mỏng manh. Xương đã cố hết sức giữ cho Thịnh và Phúc khỏi yêu nhau. Xương đã cố làm cho Thịnh thoát khỏi tay người đàn ông xa lạ đến chia rẽ chị em nhà. Nhưng vô hiệu, Xương không đủ sức thắng.

Thịnh bao giờ cũng yêu mến gia đình, và coi đó là cái tổ êm vui nhất đời người, nhưng, vốn là một người con gái khôn ngoan và thiết thực, nàng nghĩ rằng cái tình yêu của Thịnh đối với Phúc không có gì là đáng sợ, không có gì đáng làm phiền lòng cha mẹ, chị em. Thịnh chỉ vâng theo cái luật tự nhiên của trời đất. Nàng đã là thiếu nữ, nàng đã là chị, nàng sẽ thành vợ, và bao giờ có con, nàng sẽ thành một người mẹ, như mẹ nàng. Có gì là trái ngược?

Thế là lâu dần, Xương cũng phải cho là Thịnh có lý hơn mình. Lòng ghen tuông của nàng đối với mối tình tha thiết của chị cũng nhạt dần.

Và rồi chẳng mấy chốc mà Xương hiểu rõ được người chị cả. Với lại, Xương cũng không còn là một người con gái nhỏ dại như xưa nữa. Cuộc đời đã mỗi ngày đem lại cho nàng một bài học từng trải và kinh nghiệm. Không muốn trở nên kẻ thù của Thịnh và Phúc, người đàn ông đã chiếm được lòng yêu của chị mình, Xương lại trở nên "đồng đẳng" của hai người để bênh vực hai người mỗi khi có chuyện lôi thôi với bà cô.

Bởi vì, người ta đã đoán ra, cả phố và gần cả tỉnh, không mấy người là không để ý đến Thịnh, cô con gái lớn nhất của bà Thông, và người thầy giáo bên nhà cụ Án.

Một vài người đã nói đến tai bà Cả. Và bà Cả cho đó là một điều không thể tha thứ được. Nhà ông Thông, vì vợ con vụng dại nên nghèo, nhưng Thịnh, cháu bà, không có thể lấy một người không danh giá, không tiền của như giáo Phúc được. Cái chức giáo học ở một tư gia đối với bà cô ác nghiệt, chỉ là một cách để "kiếm cơm" tạm bợ thôi.

Bà Cả xưa nay vẫn cho rằng Thịnh nhan sắc hơn tất cả nhà, thì ít ra cũng có thể làm dâu một nhà giầu có và danh tiếng nào trong

tỉnh để ý tới. Mà nếu vợ chồng ông Thông nghèo, không lo được việc cưới xin cho chu đáo, thì đã có bà ở đấy. Bà sẽ giúp tiền cho cháu gái làm vốn khi xuất giá. Bà sẽ lo liệu hết. Nhưng, nếu đã lấy anh chàng giáo khổ này thì mặc kệ.

Nhà ông Thông còn những ba cô con gái phải gả chồng, không phải là ít ỏi gì. Nếu đứa đầu không lấy được nơi khá giả, thì những đứa sau này thành ra khó lọt.

Bà Cả rất lấy làm bực tức. Bà không hiểu sao em mình lại dung túng cho con gái đến như vậy được. Và không hiểu ông Thông có biết gì đến những lời đồn trong tỉnh rồi không?

Một buổi trưa, bà nhất định đến để nói cho ra chuyện, bởi vì bà nghĩ dù sao mình cũng là chị ông Thông, dù sao mình cũng có một chút quyền hành ở trong gia đình của em mình.

Hôm đó ông Thông đương nằm nghỉ ở trên gác. Từ buổi xin về hưu sớm vì sức yếu, ông vẫn ở nhà. Thường thường ông chỉ nằm xem sách vở trên gác một mình.

Thịnh ra mở cửa cho cô. Nhìn vẻ mặt người cô hôm đó, nàng đã hiểu là cô mình định đến để làm gì rồi. Bởi thế khi bà Cả hỏi đến ông Thông, thì Thịnh nói ngay là ông Thông đi vắng. Nhưng bà cô nào có tha đâu. Bà thấy chỉ có một mình Thịnh ở trong nhà, thì bà bỗng lại nhớ ngay đến những lời đồn đại về cô cháu gái. Thế là bà phát cáu. Bà không muốn trở về mà chưa nói được câu gì, nên bà nói thẳng ngay với Thịnh:

– Này, tôi hỏi, thế ra bây giờ cô định bêu xấu cả họ hàng, và cô đi chơi ngoài đường với một người đàn ông có phải không? Con gái đời bây giờ thực là hư hỏng quá!

Thịnh đỏ mặt lên hỏi lại:

– Thưa cô, cô muốn nói gì con không hiểu.

– Tôi muốn nói gì, cô không hiểu? Vậy chứ cô đi chơi với ai ở ngoài đường để cho thiên hạ người ta bàn tán, cô có hiểu không?

– Cô định nói đến ông giáo Phúc?

– Hà, ông giáo Phúc... Bố mẹ cô thực là quý hóa! Ai đời lại để cho con gái như vậy bao giờ? Ông giáo Phúc hay là một anh khố rách? Cô phải biết là bổn phận cô phải giữ gìn, đứng đắn. Và mặt mũi cô như vậy, thì có thể chọn được nơi sang trọng hơn nhiều.

– Bổn phận?

– Ừ, bổn phận cô là phải làm đẹp mặt đẹp mày cho họ hàng một tý thì hơn. Tôi cũng định cho cô ít tiền làm vốn bao giờ cô lấy chồng. Nhưng đã thế thì đừng hòng. Không có một xu nào cô ạ.

Mặt Thịnh đương đỏ bừng, bỗng trở nên tái mét. Môi nàng run lên, mắt nàng sáng quắc:

– Thưa cô, bao giờ cô cũng nói đến tiền của cô. Nhưng dẫu anh Phúc là một thằng khố rách, dẫu chúng tôi là những kẻ không danh giá, chúng tôi cũng cứ lấy nhau, và không bao giờ cần đến tiền của cô cho mới sung sướng được. Xin cô hiểu thế. Và xin cô cũng đừng khuyên bảo chúng tôi vô ích!

Bà Cả đứng nghẹn ngào như tắc thở. Bà không ngờ Thịnh ngày thường lễ phép là thế, mà bây giờ bỗng nhiên đổ đốn thế. Nhưng Thịnh nói dồn luôn:

– Anh Phúc là một người lương thiện, là một người tốt bụng. Anh ấy không xúi giục tôi và cũng không bắt buộc tôi. Anh ấy đối với tôi là một người bạn quý mà tôi chịu nhiều ơn, vì anh biết giúp đỡ tận tâm người khác trong lúc cần phải giúp. Cô xem vậy thì thiên hạ có nói gì cũng vô ích. Vì thưa cô, tôi biết là tôi yêu anh ấy, và anh ấy cũng yêu tôi thành thực. Tôi không bao giờ lấy một người nào khác người tôi đã chọn.

Bà Cả định nổi giận và mắng nàng một chập, nhưng nàng lại nói luôn ngay:

– Bây giờ thì xin cô trở lại nhà nằm nghỉ cho khỏe, để mặc xác người khác lo liệu lấy đời mình. Như vậy còn hơn là cô làm ầm lên vô ích!

Bà Cả uất người lên, vội vã đi về và thề sẽ không bao giờ còn bước chân đến nhà em và cháu nữa. Tuy vậy bà vẫn đợi vợ chồng ông Thông sẽ đem con đến xin mình nghĩ lại.

Nhưng cả ông Thông bà Thông cũng lại cho con gái mình không trái. Và sự can đảm của Thịnh đã làm cho Xương thầm kính phục chị dám đương đầu với bà cô ghê gớm để bênh vực cho cái tình yêu của đời mình.

Trong hai tháng, không ai đi lại nhà bà Cả nữa. Vậy là, người đàn bà giầu có đành nhượng bộ. Vì bà hiểu là dẫu sao bà cũng vẫn yêu các cháu bà, nếu bà cứ nhất định không đi lại nhà em nữa, thì rồi bà sẽ chết một mình trong ngôi nhà rộng vắng, mà của cải của bà cũng sẽ thuộc về tay kẻ khác. Như vậy thì ai oán quá!

Một hôm, bà Cả sai người gọi Xương sang ngay để cho bà nhờ một chút, nói rằng mình ốm. Cả nhà biết là bà Cả nói thác ra thế để gợi lòng thương của mọi người, nên giục Xương phải sang ngay.

Khi Xương tới, bà Cả liền lấy ra hai đôi vòng vàng và hai chiếc nhẫn đưa cho nàng mà gắt:

– Đây, tôi biếu cô và cô Thịnh. Chúng mày đều là đồ vô lễ vô phép cả, nhưng con gái nhớn rồi, chẳng lẽ không có một chút đồ nữ trang gì ở trên người, thiên hạ họ cười cho thì đẹp mặt!

Rồi không để cho Xương kịp cám ơn, bà nói ngắt luôn:

– Bây giờ thì cô cầm cuốn truyện này đọc cho tôi nghe vài đoạn... Đừng thấm nước bọt vào tay mà giở thế trông không lịch sự chút nào! To xác bằng này rồi mà ngu lạ!

Vậy là vẫn như xưa, Xương đọc cóc nhảy từng quãng một, khi đã nghe có tiếng ngáy của bà cô. Những nhân vật trong truyện hành động nhanh như chớp, cho đến khi bà cô ngủ rất say, thì Xương lại rón rén ra về...

*

* *

Thịnh và Phúc đã làm lễ ăn hỏi. Nhưng vì Thịnh còn trẻ quá, nên người ta muốn hôn lễ để lâu một chút.

Ngày tháng qua dần, Thịnh sửa soạn gối chăn sống áo để bước sang đời làm vợ. Nàng vui như một con bướm trong nắng mới. Xương thấy chị mình hơi gầy đi một chút. Nhưng nàng hiểu đó là cái gầy của những người thấy hạnh phúc đầy tràn quá trong lòng:

Còn Thuần từ ngày khỏi bệnh, da mặt Thuần lại càng xanh hơn trước. Nàng héo lả như một cánh hoa hồng giữa tiết hè thiêu đốt. Thiếu nữ không còn hay đi ra vườn và dự các cuộc vui đùa của chị em như trước nữa.

Ái phải thay Thịnh trong việc bếp nước và xếp đặt mọi việc trong nhà. Nàng không phải đi học nữa, và lấy làm kiêu hãnh vì được đóng vai nội trợ. Nhưng thiếu nữ vẫn không quên nghề vẽ. Ái thường sao nhãng cái cán chổi lông gà phủi bụi để cầm những bút chì xanh đỏ và hộp thuốc vẽ còn sót lại. Vì thế, tuy đôi khi nhà cửa không được ngăn nắp lắm, nhưng bù lại, phòng khách đã có được

thêm một hai bức vẽ của nàng. Ái vẽ những góc vườn yên tĩnh mà nàng yêu mến. Ái vẽ những con mèo nhỏ của Thuần, Ái vẽ những phong cảnh trên bờ sông Châu. Những bức vẽ của nàng cũng nhiều khi linh động và đầy ý nghĩa, đầy sáng kiến.

Chỉ có Xương là thay đổi nhiều hơn hết. Nàng thường xa lánh chỗ đông người. Và người ta thường thấy nàng ngồi viết lách rất lâu trong cái xó gác cũ của nàng. Nàng xóa gạch bao nhiêu hàng chữ. Nàng mất bao nhiêu là trang giấy trắng. Nàng đuổi theo bao nhiêu là câu chuyện do mình tưởng tượng ra, hoặc buồn rầu, bi đát, hoặc khôi hài hay rùng rợn để viết cho những tờ báo có đăng tiểu thuyết.

Nhiều khi, Thuần mon men đến với nàng, thì Xương thường đọc cho em nghe vài đoạn văn mình, khiến Thuần phải hoảng sợ vì những cử chỉ quá tàn bạo, quá sỗ sàng của những người trong truyện. Hay là Thuần rưng rưng khóc vì một cảnh buồn thảm quá do Xương bịa đặt trong truyện của mình.

Ngày tháng dần qua...

Hòa đã theo học ở một trường lớn trên Hà Nội.

Và cụ Án cũng đã nhờ người vận động cho Phúc được bổ giáo học ở một miền quê Thanh Hóa. Với cái lương đi dạy học của chàng và chút vốn riêng mà bà Cả đã cho, Thịnh có thể sống với chồng một cách phong lưu được.

Không bao lâu, đã đến ngày cưới Thịnh. Nàng mặc một chiếc áo thêu kim tuyến màu hồng. Nàng đẹp như một cô tiên, làm cho chị em nhà ngơ ngác.

Đó là một ngày nắng ráo giữa tháng mười. Tia nắng ấm áp chiếu qua các cành cây kẽ lá ngoài vườn. Trời đất cũng như vui mừng mà chia sẻ nỗi hân hoan của người thiếu nữ buổi vu quy.

Bà Thông thấy lòng mình thắt lại khi nhìn trộm người con gái đầu sắp sửa về nhà chồng nhẹ nhàng đi lại trong phòng khách. Bà mẹ đã thấy con nhớn lên từng lúc một. Ngày nay Thịnh đã là một người đàn bà hoàn toàn xinh đẹp. Thịnh sắp đến giờ từ giã gia đình.

Ái thì mải lúng túng với cái áo mới may cùng màu với cô dâu. Lòng nàng cũng bối rối hơn lòng người thiếu nữ khi xuất giá. Ái nhìn gương đến trăm bận, chỉ lo không được đẹp lúc người bạn học của Hòa cùng ở Hà Nội về ăn cưới Thịnh với Hòa. Hòa mấy hôm trước đã báo tin cho Xương biết là thế nào cũng mời một người bạn học cùng lớp ở trong trường về để đưa dâu cho thêm phần vui vẻ.

Tất cả mọi người đều lộ vẻ vui mừng. Chỉ có Xương là thờ thẫn như người mất trí. Nàng đi lại trong vòng rộn rịp của mọi người, nhưng lòng nàng thì vắng ngắt. Nàng nhìn từng thứ đồ vật trong nhà và nàng thấy chúng đều có một bộ mặt lạ lùng khác hẳn trước kia rồi. Cái ngày sung sướng này sẽ thấy Thịnh bước đi xa khỏi chị em... mãi mãi. Và gia đình chung của bốn người sẽ không giống khi xưa nữa.

Xương lại thấy cái đau đớn lần đầu nghe tin Thịnh có tình cùng kẻ khác bóp chặt trái tim. Nàng đi ra vườn, bước trên bãi cỏ xanh mà bốn chị em vẫn chơi đùa ngày bé. Đến một gốc cây ổi, nàng không quản đến bộ quần áo mới, liền ngồi xuống đó, và lặng người đi.

Trong nhà tiếng cười nói ồn ào của họ hàng lọt đến tai nàng từ nơi cửa rộng. Xương thấy quả tim nặng nề như muốn vỡ. Bỗng nàng nghe thấy có bước chân tiến lại gần mình.

VIII

Trong nhà chỉ có một mình Hòa là đoán ra rằng Xương có vẻ buồn rầu và nàng đã lánh ra vườn, nên Xương đi một lát thì chàng cũng theo ngay.

Hòa thấy mắt Xương đẫm lệ thì chàng biết là người bạn gái của chàng đang ở trong một phút mà người ta cần hiu quạnh.

Chàng đứng lại lặng im bên cạnh Xương. Thiếu nữ tuy hiểu là Hòa đã ở cạnh mình, nhưng mãi một lúc sau nàng mới nói:

– Hòa đi vào nhà, để mặc tôi chỗ này.

Nàng nói xong thì lại gục đầu xuống gối, vai nàng rung động trong cơn thổn thức.

– Xương đừng khóc như vậy... Xương xem có việc gì đáng khóc đâu? Cả nhà cùng vui vẻ vì thấy Thịnh sung sướng đi lấy chồng. Tôi cũng vậy.

Những lời nói đó làm cho Xương càng bực tức, nhưng Hòa không biết nên chàng nói:

– Tôi cũng vậy, tôi cũng rất mừng vì thấy Thịnh lấy được người chồng mà Thịnh đã yêu. Nhưng tôi thì không bao giờ tôi xa Xương cả... Phải, những người khác sẽ dần dần đi chỗ khác, bởi vì đó là số

phận của các gia đình. Người ta có chia ra như vậy, thì những gia đình khác mới lại lập nên và nẩy nở thêm ra được. Những người thân mến của Xương sẽ đi chỗ khác để lập gia đình, nhưng còn Hòa thì Hòa sẽ ở bên Xương mãi mãi...

Hòa ngồi xuống cạnh Xương và giọng chàng bỗng trở nên cảm động:

– Xương... Tôi muốn nói với Xương một điều này...

Xương vội lấy tay bịt mồm Hòa lại. Nàng có vẻ sợ hãi thực tình:

– Không... Tôi xin Hòa đừng nói gì cả. Tôi đã hiểu...

Hòa gạt tay thiếu nữ ra. Chàng nắm chặt lấy bàn tay ấy:

– Xương phải nghe tôi mới được. Tôi thấy cần phải nói lắm rồi. Ít lâu nay tôi không hiểu Xương ra sao nữa. Hình như Xương cứ như muốn tránh xa tôi vậy. Vậy mà Xương có hiểu không? Tôi học hành như thế, tôi đỗ đạt như thế cũng chỉ vì Xương...

Thiếu nữ lại vội vàng ngắt lời Hòa:

– Tôi biết vậy lắm... Tôi lấy làm kiêu hãnh vì Hòa lắm!

Hòa nghe vậy liền lộ vẻ vui mừng ra mặt:

– Nếu vậy thì lại càng hay lắm. Tôi chỉ sợ Xương không hiểu. Xương ơi, thực vậy, tôi học hành chăm chỉ, tôi biết yêu đời, cũng chỉ vì có Xương, cũng chỉ vì tôi đã yêu Xương tự những ngày tôi thấy bóng Xương trong vườn này lần đầu đứng ở cửa nhà. Vậy mà chưa bao giờ cả, chưa bao giờ tôi có dịp ngỏ cho Xương biết. Mà hình như Xương có ý sợ một điều gì hay sao ấy. Bây giờ Xương phải nói cho tôi biết, tôi mới yên lòng được.

Thiếu nữ nhìn ra xa, và trả lời Hòa chậm chạp. Giọng nàng lúc đó bình tĩnh quá làm cho Hòa đau đớn:

– Hòa ạ, có lẽ chúng ta không bao giờ có thể yêu nhau được. Hòa sẽ lấy một người nào ở cái xã hội của Hòa. Một người đàn bà lịch sự và mềm mỏng, biết sắp đặt cho gia đình Hòa cho thêm bề tươi đẹp. Xương chỉ là một người con gái vụng về. Chúng ta không hợp tính nhau... Hòa thì chịu đựng được cái đời lộng lẫy vui vẻ của những người sung sướng, còn tôi thì tôi lại muốn lánh xa. Tôi có những hy vọng nhỏ, những sự băn khoăn mà mọi người cho là vô lý, nhưng mà tôi quý. Tôi viết những chuyện mà Hòa cho là đáng buồn cười, nhưng mà tôi thì tôi thích viết. Chúng ta vẫn là một đôi bạn thân thiết, một đôi bạn thân nhau như thể anh em... Chúng ta đừng nên làm

hỏng mất cái tình đáng quý đó, bởi vì nó đẹp vô cùng. Ta cứ để nguyên nó như một bông hoa quý nếu không có ngón tay của người đời chạm phải thì lâu bền được mãi.

Hòa sửng sốt, chàng không ngờ Xương lại trả lời chàng như vậy. Chàng có cảm tưởng nếu không nhanh tay hái cái hạnh phúc của đời mình mà bỏ lỡ phút này, thì rồi chàng sẽ phải suốt đời ân hận:

– Sao Xương lại nói lạ lùng như thế? Tôi thực chẳng bao giờ ngờ vậy. Tôi thực chưa bao giờ nghĩ đến rằng Xương sẽ không nhận lời tôi. Mà có lẽ tất cả mọi người cũng vậy. Tất cả đều coi chúng ta như là một đôi vợ chồng chưa cưới, và ông tôi thì đã quý Xương như con gái của mình rồi. Xương không biết rằng từ bao lâu, tôi chỉ sống vì Xương đấy thôi ư?

Chàng vừa nói vừa nắm chặt tay Xương kéo Xương sát vào mình. Nhưng thiếu nữ đã giật tay ra một cách đau xót và thất vọng:

– Không, Hòa, tôi xin Hòa, tôi không thể nhận lời Hòa được...

Nàng nói thế, nhưng trong phút ấy nàng cũng không hiểu là mình nói câu gì. Cái xót thương gây ra bởi cuộc chia lìa ở gia đình đương còn tươi rói ở lòng nàng. Nàng hành động như một đứa trẻ con trong cơn phẫn uất.

Nhưng, trong mắt Hòa, Xương vừa đọc thấy một nỗi đau đớn không thường nên nàng liền hối hận. Chưa bao giờ Xương thấy Hòa thân yêu đối với lòng mình như lúc bây giờ. Nàng muốn bảo Hòa đặt đầu chàng vào lòng mình để mình an ủi người bạn như một đứa bé đã dại dột chơi với một trò chơi nguy hiểm. Nhưng nàng chỉ nói bằng một giọng rất buồn rầu, rất dịu dàng:

– Hòa, tội nghiệp Hòa! Hòa không hiểu, tôi cũng yêu Hòa, nhưng đó là một tình yêu khác. Nhưng tình yêu ấy thì Hòa không muốn, biết làm sao được?

Hòa tái mặt. Vậy ra cái tình bè bạn từ trẻ thơ của chàng chỉ đem chàng đến chỗ kết cục này thôi? Vậy ra cái tình bạn của chàng đã đổi ra tình yêu mà Xương không nhận? Than ôi, bao giờ Xương cũng là người mà chàng yêu như yêu một người bạn trăm năm mình kén chọn từ lâu, kén chọn kỹ càng.

Chàng đã thấy Xương nhớn lên ở cạnh mình. Chàng đã thông thuộc nết hạnh của Xương.

Nhưng còn Xương thì bao giờ nàng cũng giữ mãi tấm lòng hồn

nhiên, trong trẻo của thời thơ dại. Nàng chỉ coi Hòa như một người bạn của mình thôi, một người bạn không bao giờ thay đổi. Đối với nàng, Hòa bao giờ cũng vẫn thế. Bao giờ Hòa cũng vẫn là người con trai yếu ớt, sợ ông, bao giờ Hòa cũng vẫn chạy chậm hơn mình, bao giờ Hòa cũng phải nhờ nàng trèo lên cây cao để hái quả hộ mình! Tất cả những kỷ niệm sâu xa làm nung nấu thêm, làm thắm thiết thêm mối tình của Hòa, trái lại, đối với Xương chỉ là những điều cản trở. Người ta đã có một quãng đời như vậy thì nếu yêu nhau là phạm lỗi.

Xương lùi lại trước tình yêu của người đàn ông đã ở cạnh mình từ bé, chỉ vì nàng sợ nếu mình yêu, thì tức là mình ném một cái bóng đen lên trên những ngày tươi sáng, trong sạch của ngày qua.

Tất cả những điều suy nghĩ đó làm rối loạn, làm mờ tối lòng người thiếu nữ.

Nhưng còn Hòa thì Hòa đã ngoài hai mươi tuổi từ lâu. Và chàng cũng yêu Xương đã từ lâu. Ở cái tuổi đó, người ta thường chua chát và độc ác...

Hòa đứng lên, mắt chàng đỏ vì tức giận:

– À, nếu vậy ra Xương chẳng khi nào yêu tôi cả. Nếu vậy tôi nhầm... Ồ, tôi không cần gì Xương phải thương hại tôi đâu... Tôi cũng không cần gì cái tình bè bạn của Xương đâu. Tôi không còn là một đứa trẻ con. Và Xương cũng vậy. Chúng ta đã đi xa cái quãng ấy rồi. Tôi yêu Xương, mà tôi cũng cần được Xương yêu lại. Tôi không thể ở suốt đời bên cạnh Xương để chờ cho đến khi Xương gặp một người nào mà Xương sẽ yêu, để đóng cái vai "người anh hờ", để nghe Xương kể chuyện tình riêng, hay tâm sự đâu.

Vì rằng thể nào rồi Xương cũng sẽ yêu, một ngày kia... mặc dầu lúc này Xương là một người con gái lạnh lùng và kiêu ngạo. Xương sẽ yêu một người đàn ông nào đó nó làm cho Xương đau khổ, và chính vì vậy mà Xương yêu. Lúc đó, Xương sẽ chạy đến tôi để khóc lóc, kể lể, để cho tôi an ủi, dỗ dành, như một người anh. Như một người anh, thôi đi! Không bao giờ như thế cả.

Hòa nói một thôi như vậy. Và chàng cười một tiếng khô khan, chàng nói những lời tàn nhẫn ấy vào mặt người bạn gái của mình, rồi chàng quay lưng đi thẳng, Xương muốn chạy theo ngăn chàng lại. Nhưng Hòa bước những bước rất nhanh và trước khi đi khỏi bụi cây um tùm chỗ rẽ vào cửa nhà, chàng quay lại, giơ tay nói:

– Xin từ biệt!

Những tiếng ấy vọng vào đáy lòng thiếu nữ như những tiếng khóc từ trong cổ họng Hòa thoát ra lời. Xương không đủ sức chạy theo Hòa nữa. Nàng đứng lại giữa vườn. Đầu óc nàng choáng váng. Nàng vịn tay vào một cành na. Hòa đã đi khỏi đời nàng. Hòa, người bạn gần với tấm lòng nàng mà nàng không thể làm cho sung sướng được...

Và đó là một ngày đẹp đẽ, trong không khí có mùi thơm của hoa lá, có tiếng vo ve của những con ong say nhị mới, có tiếng chim cãi cọ tranh mồi, có tiếng cười của những kẻ thân bằng say rượu cưới.

Xương hiểu là nàng đương sống một giờ quan trọng nhất trong đời mình. Nàng cũng chưa kịp hỏi xem sau này mình có sẽ hối vì đã làm lỡ mối tình đầu của mình không. Nàng chỉ thấy một sự trống rỗng lớn lao ở trong người. Một sự trống rỗng xé lòng.

Nàng có cảm giác như Hòa bỏ nàng mà đi như vậy tức là bỏ đi vĩnh viễn. Rồi cuộc đời sẽ thay đổi hết. Rồi suốt đời nàng sẽ một mình, không ai hiểu biết cho tấm lòng phiền phức của mình.

Một tràng pháo nổ trong nhà càng làm cho Xương tê tái. Hai tay nàng giá ngắt. Nàng nhìn vùng khói tỏa từ các cửa ra vườn, và trên bực cửa chính của nhà, nàng thấy hiện ra cái bóng mỏng mảnh của Thuần, người em gái yêu quý nhất của nàng.

Thuần thấy vắng mặt Xương lâu ở trong nhà thì cũng chạy đi tìm. Lúc thấy chị, mặt nàng tươi lên rất đáng yêu. Trong ngày vui của Thịnh, người ta thấy Thuần cũng chẳng khác ngày thường mấy chút. Tuy là áo quần có mới, tuy là Thịnh đã tô phấn vẽ môi cho, nhưng trông Thuần vẫn không có cái vẻ rực rỡ của cô dâu hay của Ái. Cái sắc đẹp của Thuần hình như chỉ có mỗi một mình Xương là hiểu. Nó có một vẻ trinh tiết, ngoài cuộc đời. Như cái đẹp thanh khiết, trắng ngần của những thứ hoa bạc mệnh rung rinh trong bóng chiều mùa lạnh.

Thuần đi lại gần chị và nở một nụ cười hiền hậu:

– Chị lại sắp nghĩ đến chuyện gì để viết hay sao thế? Lần này chắc chị tả một đám cưới mà cô dâu đẹp như sao băng.

Những lời nói của Thuần lại làm cho Xương thấy trong lòng lạnh lẽo thêm. Nàng nhìn em và thấy mình thèm thuồng cái đời thầm lặng của Thuần nấp dưới bóng những người thân yêu ở gia đình. Hình như là cái vui buồn ở đời này không làm cho Thuần để ý tới lâu

như Xương. Thuần đã có những bạn riêng của Thuần, những vật rất vô hại, những con mèo nhỏ, những cây hoa. Thiếu nữ yêu chúng bằng một mối tình vô hại, và không nghĩ đến cái gì xa hơn nữa. Nàng chỉ ước ao được ở mãi trong cái nhà cũ của mình, với những vật thân yêu từ bé. Lòng người con gái ấy bao giờ cũng như một vũng nước suối, nước bao giờ cũng trong suốt đáy, và không chảy đi đâu cả.

Cây cỏ và những vật gì ở gần một vũng nước như vậy cũng thấy mát mẻ và dễ chịu.

Thuần không biết rằng một việc hệ trọng đến cả đời Xương vừa xảy ra ở giữa vườn. Nàng cũng không hiểu rằng lòng người chị phút này đương tơi bời chẳng khác một phong cảnh trong giông tố. Nàng kéo tay chị lại góc hiên phía tây để khoe với chị một cây hoa leo của nàng trồng:

– Chị thấy chưa? Cây hoa leo Nhật Bản của em đã có một chùm hoa rồi đấy. Nó ra đúng vào dịp vui mừng của chị Thịnh thì có lẽ là một điềm hay. Thầy bảo thế. Sang năm nó còn ra nhiều hơn thế nữa. Khắp hè nhà sẽ đầy những chùm hoa tím nhạt này trông như là một ngày hội của hoa. Lúc đó chị Thịnh chắc đã có con rồi. Chị sẽ bế con ngồi dưới dàn hoa. Và anh Hòa chắc cũng sẽ có mặt ở đấy ngày hoa nở vui như thế, để khen em là chủ nó khéo tay trồng. Không khí sẽ đầy mùi hoa thoảng...

Xương không giữ lâu được nữa. Câu nói của Thuần vô tình đã đem lại cho nàng hối tiếc. Nàng ôm mặt khóc nấc lên một tiếng làm cho Thuần kinh hãi. Thuần ôm lấy chị gỡ tay chị ra, lo lắng hỏi:

– Có chuyện gì vậy chị Xương? Chị nói cho em biết kẻo em sợ lắm. Em đã làm gì cho chị khóc?

Xương vội lau nước mắt trả lời:

– Không em ạ, không làm sao cả. Chị nghe em nói vậy nên cảm động đó thôi. Bởi ngày mai chị Thịnh đã đi rồi.

IX

Hòa đi rồi, thì trời đất ở Hà Nam đối với Xương hình như tối sầm ngay lại. Bóng dáng và hơi hướng của những người còn sót lại trong nhà không đủ làm ấm lại lòng nàng. Khu vườn trở nên u tịch quá. Con đường ngăn đôi nhà nàng với nhà cụ Án hóa ra nhạt nhẽo,

không hồn. Bờ sông Châu, các vùng ngoại ô, không một chỗ nào không gợi cho Xương cái cảm giác trống rỗng và vô tình.

Xương cố tìm khuây khỏa bên Thuần, bên người em thân mến nhất, nhưng Thuần cũng trở nên ít nói ít cười. Thuần càng khiến Xương nghĩ đến Thịnh, đến sự chia ly không tránh được của gia đình.

Xương mượn cớ khâu vá, ngồi suốt ngày trong gian gác nhỏ của mình. Và có nhiều lúc ngồi ăn đông đủ cả nhà, nàng tuy là nói chuyện với mọi người, nhưng mà trí não thì đi vắng.

Trước kia, trong khi Hòa đi học, thì tuy hai người mỗi năm chỉ gặp gỡ nhau một vài lần, trong những dịp Hòa nghỉ lễ, nhưng lúc đó Xương không thấy người bạn của mình cách biệt như hiện bây giờ. Xưa kia thì cách trở bởi không gian. Nhưng bây giờ thì xa nhau bởi tấm lòng. Đó mới là điều chua chát. Không một ai hiểu như vậy cho Xương cả.

Xưa kia Hòa là bạn. Nhưng bây giờ... nhưng bây giờ... Xương vừa lo sợ không bao giờ gặp lại Hòa, vừa lo sợ cái buổi sau này gặp lại Hòa... Nàng hiểu rằng người bạn thân nhất của đời nàng sẽ không tha thứ cho nàng. Nhưng cớ sao Xương lại không dám nhận một mối tình chân thành như thế, của người bạn gần với tấm lòng nàng nhất! Chính nàng cũng không hiểu nữa.

Bởi vậy, Xương chỉ muốn đi đâu cho thoát khỏi cái khung cảnh hàng ngày thân mật quá với mình, nó nhắc nhở cho mình bao nhiêu điều tiếc hận...

Bà Thông thấy con ngày một héo hắt như cái cây mọc trong chỗ tù túng, trong chỗ bóng râm, liền nghĩ đến sự cho nàng đi đâu xa một độ. Bà bàn với chồng, và cả hai người cùng đồng ý gửi nàng lên Hà Nội.

Bà Thông có một bà em họ buôn hàng tấm ở phố Hàng Đào. Ở đây phố xá lúc nào cũng rộn rịp, ồn ào. Vả lại trong nhà cũng có trẻ con đi học. Xương có thể bảo thêm cho chúng, vừa đi học thêm, nếu như nàng muốn. Bà em họ bà Thông mỗi lần ghé chơi với bà Thông vẫn thường có ý mến Xương và đã nhiều lần nói về chuyện đó.

Xương muốn rủ cả Thuần đi cho vui nhưng Thuần sức khỏe không đều. Tính nàng lại sợ những chốn đông người, nên sau cùng chỉ có một mình Xương đi Hà Nội.

Bà em họ bà Thông đối với nàng rất là tử tế. Luôn luôn bà tìm dịp làm cho Xương vui vẻ, làm cho nàng không thấy mình là khách ở

gia đình bà. Bà góa chồng đã lâu năm, một tay tần tảo nuôi các con đi học. Bởi thế nên gần gụi Xương hôm sớm, bà đã đem lòng yêu quý Xương ngay.

Thế là ở Hà Nam, trong nhà bà Thông chỉ còn có hai vợ chồng già và hai cô con gái: Thuần và Ái với người u già cũ kỹ trung thành. Mỗi lần Ái đọc thư của bà Phán Hàng Đào trên Hà Nội gửi về, là cả nhà cùng hiểu rằng Xương cũng không được vui vẻ lắm ở trên Hà Nội. Xương ăn được, nhưng da mặt nàng vẫn xanh như trước. Nàng không muốn kết bạn bè với những thiếu nữ trong họ thường lui tới nhà bà Phán Hàng Đào. Chỉ thỉnh thoảng Xương mới đi chơi phố, dạo Hồ Tây, đi chơi quanh hồ Hoàn Kiếm với đứa con gái lớn nhất của bà Phán. Xương thường thức rất khuya để viết lách gì lâu lắm, hàng giờ trong buồng ngủ.

Cái mộng của Xương là, nếu nàng được ở ngay Hà Nội, tất nàng sẽ có dịp đi lại những nhà báo vẫn thường nhận đăng những bài tiểu thuyết của mình. Sự đó đã làm nàng vui lòng hơn hết. Người ta đã nhận giả tiền nàng hàng tháng. Xương hy vọng sẽ giúp đỡ được bà Thông bởi vì ông Thông bây giờ về hưu trí, trong nhà lại có bề quẫn túng hơn trước. Vả trong khi làm việc, nàng có thể nguôi quên hết được mọi điều.

Ban ngày thì Xương đi học đánh máy chữ để hòng sau này sẽ có một nghề thông thạo trong tay. Ban đêm nàng viết truyện. Tay nàng nhiều hôm cũng cứng mỏi như lòng nàng vậy. Còn tiểu thuyết của Xương thì vẫn là những chuyện hoang đường, bi đát, thê thảm, rùng rợn... như ngày trước. Những độc giả của tờ báo mà Xương đăng cũng ngây thơ như tấm lòng nàng. Họ không cần gì hơn nữa. Mặc kệ! Miễn là Xương có tiền thỉnh thoảng mua thuốc cho em Thuần, hay gửi cho bà Thông là được.

Và thấm thoắt, Xương đã ở Hà Nội được một năm trời, xa cái tổ thân yêu của mình. Cái tổ mà trước kia Xương tưởng là không bao giờ nàng có thể rời xa được. Việc đời đã dần dần khiến cô thiếu nữ xưa kia nhận thấy rõ ràng cái ý nghĩa của sự sống, nó chẳng giản dị như tấm lòng người chưa từng trải.

Nhưng có một điều Xương lấy làm đau đớn nhất, là tuy ở cùng một thành phố với Hòa, mà Xương lại càng thấy xa Hòa như bởi muôn ngàn sông núi. Hòa trọ ở đâu? Sự học của chàng đã đến bực nào? Chàng thường hay đi tới những chỗ nào? Cái tâm sự của Xương,

bà Phán Hàng Đào rõ làm sao được? Những đứa bé con bà hiểu làm sao được? Hòa có thường đi qua nhà nàng ở? Hòa có thường nhắc đến nàng không?

Trong những bức thư của Ái gửi lên, không có dòng nào đả động đến Hòa. Nhiều lúc Xương tưởng là đời nàng không còn lần nào lại gần Hòa nữa. Hai người thế là chia rẽ suốt đời.

Những lúc đó, phần thì mệt mỏi vì nghĩ ngợi, vì thức khuya, vì chán nản, Xương thường chép vào cuốn nhật ký của mình tất cả những thầm kín của quả tim. Nàng nghĩ đến sự gì là viết ngay vào đấy. Vẫn là những cái mà ta đã biết... Vẫn khung cảnh ở tỉnh nhà... với cái cửa sổ bên nhà cụ Án, với mảnh vườn rậm lá, với cái nhà cũ kỹ, cái gác xép, những hôm mưa, những bóng dáng của người cha mẹ, chị em, những lá vàng rụng trên hiên, những con mèo của Thuần, nhưng câu hát của u Ái xưa kia thường ru cho Ái ngủ, ánh đèn buổi tối trong nhà... Và Hòa, Hòa, Hòa, người bạn cũ với thân hình mỏng mảnh, lúc chưa quen, với cảnh xé lòng bên gốc ổi...

Đã một năm rồi, Xương không có tin tức gì của người bạn cũ. Liệu Hòa đã nguôi giận hay chưa? Liệu Hòa đã quên chuyện cũ, và trong lòng chàng liệu có còn một chỗ nào kín đáo nhất cho hình ảnh của Xương?

Những giờ hiu quạnh nhất của mình, Xương vẫn tự hỏi thầm như vậy. Bởi vì đến bây giờ Xương mới hiểu cái mầu nhiệm của lòng yêu. Phải có sự giận dỗi của Hòa, phải có sự xa cách, Xương mới nhận ra rằng Hòa cần thiết cho đời nàng đến bực nào. Xưa kia lòng Xương non dại quá, ái tình chạm đến một cách thình lình làm cho nàng sợ, như con chim bỡ ngỡ bị bàn tay quá bạo làm cho kinh khủng. Bây giờ, đến bây giờ Xương mới rõ thế nào là ngờ vực, là hi vọng, là chờ đợi... Nàng đợi, và ngày tháng cứ qua đi, tẻ ngắt như một đời vô ích.

Thế là một hôm kia, có một sự thay đổi bất ngờ đến làm rộn rịp nơi Xương ở. Một người đàn ông nghèo, một người cháu bà Phán Hàng Đào đến ở chung với cô, bỗng trở nên một người bạn mới của Xương. Nhà còn một cái gác trong vẫn để hàng, và hai đứa con trai của bà Phán cũng cần phải học thêm giờ, nên bà Phán đã bằng lòng để cho chàng đến ở để dạy con mình luôn thể.

Người đàn ông đó là Tâm, Tâm vừa đi dạy học tư vừa làm báo. Ở Hà Nội chàng cũng cô độc hơn là Xương nữa. Chàng mặc áo quần cũ kỹ nhưng sạch sẽ. Nét mặt chàng sớm in dấu vết của một đời vất vả

lúc trẻ thơ, nên thiếu vẻ trẻ trung. Nhưng nhờ hàm răng trắng, nên nụ cười hóa ra tươi tỉnh, và dễ gây thiện cảm với mọi người.

Lần đầu thấy Tâm, Xương đã hiểu ngay rằng đó là một kẻ vụng về, và ít giao du bè bạn, vì nghèo túng, nhưng trong ngực chàng thì giấu một trái tim vàng.

Xương thấy rằng Tâm cũng như mình, chứa đựng trong lòng một nỗi đơn độc nặng nề giữa chốn kinh kỳ rộn rã. Hai tâm trạng cùng như một nên dễ khiến hai người thành thực thân nhau.

Buổi tối, khi không có việc gì làm, Xương thường đính hộ Tâm một cái cúc áo, hoặc khâu lại cho chàng vài đường chỉ tuột ở quần áo của chàng.

Và Xương cũng không sợ thiệt. Bởi vì Tâm là người học rộng. Chàng lại kể cho Xương nghe những chuyện về công việc của chàng. Tâm đọc rất nhiều sách lạ. Chàng nói đến văn chương ngoại quốc. Chàng như là một ông thầy học của Xương. Thiếu nữ chỉ nhờ chàng mà hiểu biết thêm nhiều điều cần thiết cho nàng.

Xương thấy rằng Tâm hình như cái gì cũng biết, cũng đã từng trải qua rồi, nên lại đem lòng kính phục. Nhờ vậy đời nàng cũng đỡ bề tịch mịch.

Nàng kể cho Tâm biết qua gia đình mình, cái gia đình thân mến lúc nào nàng cũng đem theo ở lòng mình. Tính nết ông Thông, vẻ hiền từ của bà mẹ, sức khỏe của em Thuần... Xương kể hết, như kể với một kẻ thân tình mà người ta không còn có điều gì ngờ vực nữa.

Nàng kể cả với Tâm rằng mình vẫn viết tiểu thuyết cho một hai tờ báo. Và người ta trả cho nàng không được bao nhiêu, nhưng nàng viết có phải đâu vì nàng. Xương viết vì em Thuần, vì bà Thông cần tiền, lúc nào cũng cần tiền, tuy hai người đó không bao giờ bắt nàng phải kiếm. Xương kể cả cho Tâm biết rằng Thịnh cũng vừa báo tin với nhà rằng nàng đã đẻ con trai. Và em Thuần cũng báo tin rằng giàn hoa Nhật Bản của nàng đã nở một bận nhiều hoa nhưng mà vắng bóng Thịnh, Xương, Hòa ở đấy.

Xương nói đến Hòa với Tâm như nói đến một người bạn chung của hai người. Làm như Tâm cũng dự vào cái quãng đời trước kia ở bên bờ ao sen nhà cụ Án. Vì vậy, nhiều lúc Tâm rất lấy làm sửng sốt nhưng chàng cũng đoán thầm rằng có lẽ đó là một người thân yêu nhất của chị em Xương. Tâm nhận thấy rằng Xương nhắc đến Hòa

nhiều quá. Mà mỗi lần nhắc đến cái tên Hòa thì mặt nàng sáng lên một vẻ khác thường.

X

Buổi chiều hôm đó, Xương đương nhờ Tâm đọc hộ mấy trang tiểu thuyết của mình vừa viết để dò xem ý kiến của Tâm, thì con ở chạy vào báo rằng Xương có khách. Thiếu nữ sửng sốt, vì nàng chẳng quen ai ở Hà thành. Nàng đoán thầm rằng có lẽ có người ở tỉnh nhà lên nhắn nàng việc gì quan trọng.

Đầu gối run run, nàng đi xuống gác, ngực nàng đập mạnh. Nhưng chẳng phải ai xa lạ. Đó là cô Cả và em nàng: Ái. Xương mừng rỡ có thể òa lên khóc được. Đã lâu ngày nàng chưa gặp một kẻ thân tình nào. Hai chị em ôm lấy nhau một lúc. Rồi Xương đẩy Ái ra mà ngắm. Ái quả đã thành một cô thiếu nữ rất xinh tươi. Ái ăn mặc sang trọng chẳng kém gì các thiếu nữ con nhà giàu mới nhớn lên ở Hà thành. Xương thấy nổi lên trong lòng một niềm kiêu hãnh và vui sướng thực êm đềm.

Trong thời kỳ Thuần đau ốm, Ái thường phải đi sang ngủ ở nhà cô Cả. Bà Thông không muốn có đông người ở trong nhà lúc đó. Ái thường phải thay Xương để đọc truyện, và trông nom nhà cửa cho cô. Đến khi Xương lên ở Hà Nội thì Ái đã thành một cô cháu "chính thức" của bà cô khó tính. Vốn xưa nay mềm mỏng. Ái chẳng bao lâu đã rất hợp với cô. Nàng quen ngay với cái đời sống của một nhà giàu trưởng giả. Ái ở hàng tháng với cô, và được cô coi như là con gái quý.

Bà Cả cho thế là đã báo thù được mấy cô cháu cứng đầu cứng cổ xưa kia. Thịnh đã bằng lòng theo một anh giáo học nghèo, Thuần thì ốm yếu quanh năm, Xương đã bỏ nhà lên ở trên Hà Nội, vậy thì Ái sẽ hưởng tất cả mọi điều sung sướng đáng thèm.

Cô Cả vẫn biết Xương là một thiếu nữ thông minh thực đấy, nhưng bà thấy Ái dễ bảo và đáng yêu hơn. Bởi thế bà cho Ái theo bà đi chơi Huế và Sài Gòn một chuyến. Như phần nhiều các người giầu có tuổi, bà cũng muốn đi đây đi đó một lần để dối già.

Hai cô cháu chỉ đến thăm Xương được một buổi thôi. Chuyến tàu tốc hành tối nay sẽ đưa hai người vào Huế.

Ái vui vẻ thuật tất cả những điều đó cho Xương biết, trong khi cô đương nói chuyện với bà Phán Hàng Đào ở ngoài hàng.

Xương nghe xong, người cứ tái dần đi. Nàng thấy mọi vật đều quay tròn ở quanh mình. Tiếng Ái nghe ròn như tiếng nói của những người con gái ít tuổi đang sung sướng. Ái khoe với Xương những đồ trang sức mà cô vừa mới sắm cho để đi chơi xa. Xương thấy trong mình lạnh ngắt.

Thôi! Thế là hết cả! Cuộc đi chơi xa này cũng không đến phần nàng. Vậy mà xưa kia, bà Cả đã bao lần hứa với nàng, những lúc nàng đọc xong một cuốn truyện làm bà có cảm động. Đã bao nhiêu lần, Xương du lịch trong tưởng tượng. Thiếu nữ cho là cả nhà chỉ có mình là hiểu được cái đẹp của sông núi, của cảnh sắc nơi xa lạ. Nàng thường tả trong truyện của mình những buổi hoàng hôn, những buổi sáng trăng trên những con sông, những phong cảnh chưa bao giờ đi tới. Một ngày kia, nàng sẽ đi cùng cô Cả. Nàng sẽ đi thăm cung điện và lăng tẩm Huế. Nàng sẽ bước trên những sân gạch mà các vị đế vương đời trước đã bước lên. Nàng sẽ được thấy Sài Gòn, cái thành phố đẹp như hòn ngọc mà mọi người ca tụng. Nàng sẽ đi Cao Miên, hay Đà Lạt, là các chốn người ta ca tụng bằng những lời văn diễm lệ trong sách vở. Nàng sẽ đi...

Nhưng, thôi thực hết! Bây giờ đó là Ái thay nàng. Ái, một cô em không bao giờ ham đọc sách như nàng, không hiểu được tâm hồn của sự vật như nàng.

Xương cố nén lòng để cho qua cái cơn đau đớn ấy. Nàng hỏi thăm em về tin tức ở nhà, về Thuần, về đứa con đầu lòng của Thịnh. Sau cùng nàng hỏi tới Hòa:

Ái kêu lên sửng sốt:

– Thế chị không biết rằng Hòa hiện cũng ở Sài Gòn với cụ Án? Hòa đi chơi với cụ đã gần một tháng nay. Vì hình như Hòa độ này có vẻ buồn bã làm sao ấy.

Câu nói của Ái chẳng khác một cái dùi nhọn đâm vào tim người chị. Xương bàng hoàng, rời rã cả tay chân. Hòa cũng đi Nam với ông? Thế thì Hòa tệ thực. Ai ai cũng có phần hạnh phúc của mình. Duy chỉ có Xương là chịu thiệt. Ngày xưa đã có lần Xương và Hòa cùng bàn tán với nhau về "cuộc du lịch lớn lao" kia. Hai người cùng tưởng tượng với nhau những non nước thực là kỳ ảo.

Đến bây giờ người bạn của nàng đã quên nàng, đã không thèm viết cho nàng một cái thư, từ ở chốn vui kia. Một mình Xương ở giữa Hà Nội. Nàng như một con vật thả hoang, không được nếm một chút vuốt ve âu yếm.

Trời tối. Bà Cả cơm nước xong đã giục Ái sửa soạn để ra ga Hàng Cỏ. Xương bùi ngùi tủi phận, và nghĩ thầm rằng có lẽ cô mình và em gái mình ghé thăm mình, là chỉ vì bà Thông khẩn khoản mà thôi. Nàng thấy mình đã cách biệt với mọi người. Và trừ tấm lòng tốt của mẹ ra, thì không còn gì nữa.

Ra đến sân ga, Xương thấy không còn gì để nói với những người đương nóng lòng đợi giờ xe lửa chạy mang mình đi đến những xứ lạ nhiệm màu. Nàng nhìn em và cố nuốt những giọt lệ vào cổ họng.

Nhưng cái nhìn của nàng tuyệt vọng nhường kia, Ái làm gì mà chả thấy. Ái bỗng nhớ ra rằng trước kia, đã bao lần Xương khoe với các chị em rằng, bà cô sẽ cho mình đi để hầu cô. Ái hiểu rằng vô tình mình đã cướp phần của chị. Thiếu nữ vội cầm lấy tay chị mà nắm chặt:

– Ồ Xương! Đáng lẽ ra thì chị đi mới phải. Chị vẫn ước ao... Hay là để em nói với cô...

Xương bịt mồm em lại. Vừa lúc đó, tiếng còi xe đã rúc lên, Xương đẩy em lên bực cửa:

– Không. Đó là phần thưởng của em. Bởi vì em biết cách hầu cô. Em đi cho vui vẻ... Và nếu vào trong Nam, em có...

Nàng định nói: "Nếu em có gặp anh Hòa...".

Nhưng, không nói được tên Hòa. Nàng tiếp:

– Nếu em có được xem nhiều cảnh đẹp, thì em viết thư cho chị... Thế cũng như là chị đã đi.

*

* *

Ở ga về, Xương toan đi nằm ngay, để được khóc một mình chiếc gối quen thuộc của mình. Nhưng xe kéo vừa đỗ, nàng đã t. Tâm đứng trong sân, dưới giàn nho leo như có ý đợi nàng. Quả nhiê Tâm chạy lại phía nàng và nói:

– Tôi chờ mãi. Tôi đã đọc xong cái truyện ngắn mà cô đã vui

lòng cho xem. Nhưng tôi phải thành thực mà nói. Bởi vì đó là bổn phận một người bạn. Cho dẫu có phạm...

Xương thấy chán nản lạ thường. Trong lúc này, nàng còn thiết tha gì nữa? Nàng phải cố quên đi, quên hết, Ái, Hòa, cuộc đi chơi... để trở về với cái đời nhạt nhẽo mọi ngày.

Thấy Tâm lúng túng không nói hết câu, Xương cũng không còn lòng nào mà khuyến khích chàng nói nốt. Tâm ngừng một chút rồi lại tiếp:

– Tại sao cô lại đi viết thứ truyện như vậy để làm gì? Cô nên để công ấy cho những kẻ vô tài, những kẻ tâm hồn khô khan, trống rỗng.

Tôi biết cô có thể có nhiều ý tưởng cao hơn thế. Ừ, tại sao lại cứ phải những chuyện tình không lý thú, những chuyện hoang đường, rùng rợn, chuyện diễm ảo, ly kỳ? Không phải là tiếng vang của cuộc đời. Tại sao cứ phải tả những thiếu nữ ngây thơ giả dối, những anh hùng với những cử chỉ lố lăng, những kẻ gian ác cử chỉ bạo tàn. Không, lòng người có muôn ngàn trạng thái, có bao nhiêu tình cảm đẹp...

Tâm nói một hơi, nhưng bỗng chàng ngừng bặt. Xương đã dựa mình vào cạnh tường hoa mà khóc. Cạnh nàng là một khóm hoa dạ hợp, tay nàng nắm lấy một cành, nên lá rung lên. Tâm hoảng sợ, chạy đến gần nàng:

– Tôi xin lỗi Xương. Tôi không ngờ... Tôi nói thực... Tôi chỉ muốn...

Xương ngửng đầu lên. Trời tối, Tâm không thấy những hạt lệ long lanh dưới mắt nàng.

Xương nói:

– Không! Không phải là lỗi tại anh... Nhưng tại sao tất cả mọi sự không may lại hùa nhau đến cùng một lúc thế này?

Nàng nói như là nói với một mình mình, Tâm không hiểu được ra sao cả, nhưng chàng biết là Xương có điều gì đau xót lắm, nên chàng chỉ đứng im.

– Ừ, thì được đi hay không cũng không cần... Nhưng còn Hòa? Có sao Hòa lại nỡ lòng như vậy được? Hòa đi qua cửa nhà này mà cũng không vào. Hòa đi xa mà cũng không thèm cho biết...

Xương càng nói, nước mắt lại càng chan chứa:

– Nhưng chẳng qua cũng là lỗi ở tôi... Bao giờ tôi cũng có lỗi...

Chính tôi đã làm cho Hòa lánh xa tôi. Đó là hình phạt của trời. Nhưng cô Cả đã hứa với tôi sao lại quên lời được? Và bây giờ thì đến anh lại trách tôi viết những truyện chẳng ra gì.

Tâm cảm động muốn kiếm lời an ủi nhưng chàng chưa biết nói gì thì Xương lại tiếp:

– Không, tôi biết lắm. Tôi biết là những truyện của tôi viết ra chẳng giá trị gì. Nhưng tôi viết những truyện hợp với tờ báo trả tiền tôi như vậy, tôi mới có thể giúp được nhiều người...

Tâm vội nói luôn:

– Tôi cũng hiểu lắm. Nhưng cô không có quyền viết văn như vậy, trong khi mình...

– Sao lại không?

– Không, là bởi vì cô đã phí cái tài thực của mình ẩn trong tâm hồn và rồi cô sẽ làm hỏng nó đi. Cô không có quyền, thực vậy. Cô chỉ nên viết những gì chỉ ở lòng mình. Người viết phải biết chống lại cái lợi nhỏ nhen, mới hòng tiến đến chỗ tinh vi của nghệ thuật được.

Tâm chỉ lên giàn nho và nói tiếp:

– Đây này, trên đầu chúng ta, chung quanh chúng ta có bao nhiêu là điều đáng nói. Cô hãy viết cho tôi một truyện về cái cây nho này chẳng hạn. Cây nho giờ không có lá, và có vẻ cằn cõi như một ông già. Nhưng không, nhựa sống tràn đầy trong lòng cây, và biết đâu nó cũng có một linh hồn như chúng ta đây? Bao giờ đến mùa hè, nó sẽ lại tươi tốt để hiến cho đời lá xanh và quả ngọt. Cái hại là người đời không biết đợi chờ...

Xương chưa từng thấy Tâm nói hăng hái, say sưa như vậy bao giờ cả.

Xương nghĩ đến những trang nhật ký mình đã viết trong những giờ mỏi mệt và chán nản, những giờ xa mái gia đình và các người thân. Những dòng chữ viết rất nhanh, vội vã từ một cõi lòng cởi bỏ trong hiu quạnh. Có lẽ Tâm sẽ thích đọc những trang thành thực như vậy chăng? Xương tự nhủ: Nhưng lúc này chưa phải là lúc nên cho Tâm rõ. Trong cái vườn của dĩ vãng, chỉ có những kẻ thân yêu của mình mới có quyền bước chân vào.

Vả lại, trong cuốn nhật ký của Xương, nàng đã nhắc đến Hòa nhiều quá. Dưới bút nàng, cái tên người bạn thuở xưa trở lại luôn luôn. Nàng không muốn cho người ngoài đọc đến.

XI

Từ hôm đó, Xương và Tâm lại càng trở nên thân mật. Xương sẵn lòng nghe những lời khuyên bảo của Tâm. Còn Tâm thì cũng thấy lòng mình đầy kiêu hãnh, đầy bối rối...

Tâm đã đọc nhiều và đi khắp mọi nơi. Chàng thường kể lại cho Xương biết những nơi chàng đã đi qua ở miền Nam. Bởi thế câu chuyện của chàng kể lại Xương cho là đầy lý thú. Nhưng trong khi nghe chuyện của Tâm, nàng đã thấy cái bóng của Hòa hiện đến, và lượn quanh chỗ hai người. Trong mỗi phong cảnh đẹp đều có khuôn mặt của Hòa hiện ra mờ nhạt, nhưng chẳng dễ cho người xua đuổi.

Thỉnh thoảng Ái lại gửi cho Xương một bức ảnh, một phong thư ngắn ngủi. Xương đọc thấy những câu: *"Em và cô đương ở Huế. Huế đẹp lắm, để khi về em sẽ kể..."*. Hay là: *"Em và cô đã tới Sài Gòn..."*, và thiếu nữ đoán ra rằng Ái đã viết cho chiếu lệ, để cho người không được đi có thể an ủi là mình vẫn có người nhớ đến. Rồi nàng lại tự hỏi xem Ái có đem theo bút và giấy để vẽ trộm bà cô một vài cảnh đẹp chăng? Ái có còn giữ được cái tính thích vẽ, và cái tài hơi khô khan ngày xưa đã khiến cho Ái nổi tiếng là người con vẽ khéo trong nhà chăng?

Không. Chắc là không đời nào cô Cả cho phép Ái làm như thế ở dọc đường. Cô Cả sẽ cho thế là không lịch sự. Một cô gái ngồi ở đường để vẽ? Người ta sẽ bàn tán thế nào? Thực ra, được mặc quần áo đẹp và đi du lịch với cô, Ái cũng phải bỏ mất cái thú vô hại của mình ngày bé, cái mơ mộng trở nên một nghệ sĩ tài hoa, danh tiếng.

Đối với Ái hay với ai cũng vậy, cuộc đời không có cho không một cái gì. Được một chút vui, thì người ta lại phải trả lại gấp hai lần bằng những sự buồn, sự tiếc.

Xương nghĩ vậy, và nàng cho cái cuộc du lịch trong tưởng tượng của nàng qua lời nói của Tâm, lại còn đầy đủ mặn mà hơn là cuộc du lịch của Ái bên cạnh một bà cô khó tính.

Ái đi được hai tháng, thì một đêm, bà Phán Hàng Đào rủ cả Tâm và Xương cùng đi xem diễn kịch ở nhà hát lớn với mẹ con bà. Đêm đó người ta diễn một tích mới quá, bà Phán không hiểu nên nửa

chừng bà dặn hai người ở lại xem và đưa mấy đứa con bà về sau, vì bà buồn ngủ. Lúc tan hát, Tâm và Xương cùng mỗi tay dắt một đứa trẻ đi bộ về nhà.

Trời đã trở thu, không khí mát mẻ, dễ chịu. Tiếng chân người đi trên hè phố vang ròn. Xương khẽ nhẩm lại theo điệu hát vừa nghe vai đào chính ở trên sân khấu hát. Âm nhạc của ban thanh niên đã giúp vui thêm cho buổi diễn đã khiến lòng nàng rộn rã. Nhiều lúc Xương nắm lấy cánh tay Tâm mà bước. Còn Tâm thì sung sướng nhìn thấy vẻ hân hoan trên nét mặt nàng.

Xương mặc một cái áo lụa mỏng trắng tinh có điểm hoa thêu nhỏ, mặt nàng rực rỡ hồng hào, mắt nàng cũng sáng lên khác ngày thường. Tâm nắm lấy bàn tay gầy nhỏ của Xương. Chàng nghĩ rằng đêm nay chàng sẽ nói cho Xương rõ...

Nhưng chàng còn sợ đến phút cuối cùng lại ngập ngừng không nói ra lời. Đó là một dịp hiếm có. Không mấy khi hai người được đi cạnh nhau trong đêm khuya với hai đứa trẻ nhỏ trên hè phố như thế này. Nên chàng không có can đảm nói...

Tâm vừa nghĩ vậy, thì Xương cất tiếng:

– Tôi vừa mới nhận được thư của em tôi ban chiều. Ái và cô tôi đã gặp Hòa và cụ Án ở Đà Lạt, và họ sẽ cùng đi chơi nhiều chỗ khác với nhau.

Tâm mừng thầm khi nhận ra rằng Xương đã nói đến cái tên "Hòa" một cách lãnh đạm khác mọi khi. Chàng tự nhủ bây giờ không còn gì ngăn cách chàng và Xương nữa... Tâm chỉ cần nắm chặt lấy tay Xương mà nói ra tất cả nỗi lòng mình bấy lâu là đủ... Tâm không dám nghĩ đến việc nó sẽ xảy ra cho mình cách thế nào. Nhưng mà chàng chắc nó sẽ khiến được chàng vui sướng lắm...

Tuy vậy hai người vẫn đi cạnh nhau, rất lâu mà Tâm chưa nói được ra. Lòng chàng đau xót khi thấy chỉ còn một phố nữa đã tới nhà. Chàng hoảng lên, và liền nói:

– Cô Xương ạ. Cô có thể cho phép tôi viết thư về Phủ Lý được chứ? Tôi có một điều rất quan hệ để nói với ông Thông... quan hệ lắm!

Tâm cho cách đó là hơn cả. Chàng biết rằng không bao giờ mình dám nói ra câu chuyện ấy với Xương. Từ lâu, chàng định sẽ viết thẳng thư cho ông bà Thông để hỏi Xương. Như vậy thì không "lãng

mạn" chút nào, có lẽ Xương giận chàng cũng nên. Nhưng làm thế này thì đứng đắn, và đỡ ngượng.

Xương hơi lấy làm sửng sốt. Nhưng lòng nàng lúc đó đương hớn hở, nàng bắt chước dáng điệu của vai đào trong vở kịch vừa nghiêng mình vừa nói với Tâm:

– Tại sao lại không cho phép? Cả nhà tôi đã biết ông Tâm là ai rồi. Tôi vẫn thường kể chuyện ông Tâm với các em tôi.

Rồi nàng lại hỏi trêu:

– Nhưng mà ông Tâm muốn viết thư về nhà tôi làm gì vậy? Để phàn nàn về cô học trò hư và dốt của ông Tâm chăng?

Tâm thấy máu chạy bừng bừng trên mặt và trong đầu. Chàng không biết nói gì thêm nữa. Chàng là một kẻ đàn ông vụng về và lương thiện. Chàng chỉ biết rằng mình nên tự cho mình là sung sướng nhất đời. Bởi Xương đã nói đến mình trong những bức thư gửi về nhà.

Mấy đứa trẻ đương buồn ngủ thấy đã tới nhà thì đấm cửa ồn lên gọi người mở cửa. Bà Phán nằm trong màn vừa tỉnh giấc liền gọi Xương lại gần và đưa cho nàng một cái dây thép vừa gửi tới lúc bà ở nhà hát lớn ra về. Bà bắt Xương mở ra để xem ngay có việc gì hệ trọng không. Mặt Xương bỗng nhiên tái ngắt. Nàng biết là cơ việc không hay xảy ra giữa gia đình nàng rồi. Cái thứ giấy báo tin kia bao giờ chẳng báo những tin làm cho người ta đau khổ. Tâm nhìn Xương và cũng lo lắng như chính việc của mình. Cái dây thép đã mở ra trên tay run rẩy của Xương "Thuần ốm nặng, Xương phải về ngay tức khắc".

Xương biết là lần này thì hết. Thuần sẽ đi khỏi gia đình vĩnh viễn. Nàng hối rằng trong lúc Thuần đau yếu, nàng lại không có mặt ở đầu giường em. Nàng đoán thầm những nỗi lo sợ của các em, của bà Thông, và nàng khóc. Nàng khóc ngay ở cửa màn bà Phán.

Mấy đứa trẻ con cũng xúm lại bên nàng mà khóc theo người chúng vẫn yêu. Bà Phán cũng thấy nghẹn ngào nước mắt. Còn Tâm thì chàng hiểu rằng trong trường hợp ấy, chàng hóa ra một người vô dụng. Chàng biết rằng Xương đang đau khổ lắm. Nhưng mà những lời an ủi của chàng sẽ hóa ra vô ích.

XII

Thuần nằm ngủ chập chờn trên giường bệnh... Người ta chỉ còn tính từng ngày số mệnh của nàng..., người ta chỉ còn tính từng giờ...

Nhưng trông mặt thiếu nữ thì bình tĩnh lạ. Hình như nàng không đau đớn một chút nào. Nàng lả đầu như những cành hoa bị cắt rời cây trong một sáng hè.

Bấy giờ thiếu nữ cũng có trên mặt nàng cái duyên ẻo lả ấy, những con mắt đẹp tuyệt trần, cái vẻ buồn yểu mệnh của những đứa trẻ không sống lâu được bao nhiêu. Và ngày thường bao giờ Thuần cũng rút rát, e dè, như là thiếu nữ do dự, ngập ngừng trước cuộc đời. Nàng hoảng sợ vì những điều tê tái nàng chưa biết nhưng thầm đoán ra trong đó. Những điều tủi cực, và thất vọng, và gắng gượng, với lại những nỗi vui ngắn ngủi phải trả đắt gấp mười lần. Thuần muốn rằng mình sẽ không đi sâu vào cuộc đời giống mọi người.

Thiếu nữ nằm một mình, cái giường trở nên rộng quá từ buổi Xương và Ái đi xa. Nhưng chính cái nhà thân yêu cũng đã thành ra rộng quá, và buồn rầu như một cái tổ chim mà các chim con đã nhớn lên, đã bay xa.

Ở cạnh cửa sổ buồng Thuần, một cây mộc già, một lần nữa, trong lúc không ai để ý lại ra hoa. Những cành khẳng khiu, đen mốc lại trở nên tươi trẻ vì những chùm hoa lấm tấm một màu trinh bạch. Mỗi năm người ta tưởng lè nó đã chết rồi, nhưng cứ bất thình lình nó lại có hoa như vậy, chẳng khác những tấm lòng già, tuy mỏi mệt, tuy cằn cõi, nhưng mỗi lần có chuyện yêu thương lại thấy đập xôn xao.

Xương không rời em một phút. Bây giờ chỉ có một mình nàng săn sóc đến Thuần. Bà Thông và mọi người trong nhà đều mệt yếu cả rồi.

Xương sắc thuốc cho em như một người mẹ trẻ. Mấy ông thầy thuốc vẫn thường được mời đến, không tỏ ra là thất vọng hẳn rồi, cứ vẫn cho Thuần uống vài vị thuốc cầm chừng, để yên lòng những người thân thích. Xương hiểu là bây giờ chỉ còn có cách chịu phục tòng số mệnh, và chờ...

Những sự đó không lừa nổi được Thuần. Bởi vì nàng biết. Nàng đương kiên nhẫn đợi. Nàng im lặng đợi. Nàng lành như một con vật nhỏ dễ thương, khiến ai trông thấy cũng lấy làm chua xót. Nàng không kêu rên, không oán hận một điều gì. Khi gặp chị, thiếu nữ thở dài một chút, và mừng rỡ nói:

– Nếu Ái và Thịnh cũng có mặt ở đây, thì có phải là bốn chị em đầy đủ như xưa không chị nhỉ?

Xương quay mặt đi không dám nhìn Thuần mà khóc. Như xưa! Vậy ra Thuần cũng thế ư? Thuần cũng thương tiếc những tháng năm đã mất? Những năm mà tiếng cười nói của bốn chị em vang lên gọi nhau ríu rít trong vườn và trên gác?

Một buổi trưa, chỉ có một mình Xương nằm cạnh giường Thuần, để trông cho Thuần ngủ. Thiếu nữ thấy em cựa mình và nói sảng. Một nụ cười thoáng trên môi nhợt và khô của Thuần. Xương không nỡ đánh thức em, nhưng Thuần đã mở to mắt đầy nỗi vui mừng và ánh sáng:

– Ô này chị Xương ạ, em vừa nằm mơ thấy... em vừa nhớ đến ngày chủ nhật đã lâu lắm chúng ta ăn bánh đa và ném cho cá, trên cầu ao, bên vườn cụ Án. Hôm đó chị định lội xuống ao để hái nụ sen, nhưng chị Thịnh không cho. Còn anh Hòa thì ngắt một cái lá to đội lên đầu làm nón.

Xương thổn thức nhìn ra vườn đầy ánh nắng thu. Cái giờ khắc giữa trưa im lặng ấy, có một vẻ huyền bí thuộc về cõi chết. Chiếc mành mành che cửa hơi động đậy vì gió thổi qua. Thiếu nữ rùng mình như chạm phải hơi lạnh của tử thần. Nàng nhớ tới cảnh vui ngày trước. Nàng định bỏ guốc để lội xuống ao, nhưng Thịnh mắng và đuổi nàng khắp vườn. Nàng lách sau những gốc cây nhãn to ngả bóng râm trên vườn cỏ. Hòa giật được một con cá rô to và hét lên làm cho cả bọn giật mình. Nàng nhớ hết...

Nàng lại nghe Thuần tiếp:

– Anh Hòa, có lẽ em, không bao giờ được gặp anh Hòa nữa...

Xương suýt òa lên khóc. Nhưng nàng giữ được. Nàng đặt tay lên trán Thuần lấm tấm mồ hôi:

– Em đừng nói nhảm. Em phải ngủ đi cho khỏe để đợi lúc nào anh Hòa về, chúng ta lại đi câu cá như xưa.

Nhưng Thuần khẽ lắt đầu:

– Không, không thể được đâu chị Xương ạ. Chị cũng biết rằng em không bao giờ đi câu cá cùng các chị và anh Hòa nữa...

Xương lại quay mặt đi một lần nữa để giấu Thuần những giọt lệ đã tràn ra đầy cả má nàng. Nhưng Thuần đã tìm tay chị và nắm lấy:

– Chị Xương ạ, chị đừng nên sợ.

Thiếu nữ nói câu đó xong thì bỗng lại nở một nụ cười thảm hại:

– Thực là kỳ lạ. Ngày xưa chính chị thường bảo em: *“Đừng nên sợ gì hết cả”*. Vậy mà ngày nay lại đến em khuyên chị. Chị còn nhớ chứ? Chị bảo em rằng cụ Án không có gì là dữ tợn, chị bảo rằng em có thể đưa rổ cho anh giáo Phúc và anh Hòa ra vườn hái đậu giúp u già. Chị bảo: *“Đừng sợ cái gì hết cả”*. Và em tin chị. Em tin rằng chị phải. Chị bao giờ cũng bạo, cũng cứng cỏi hơn em. Chị khiến người ta nghĩ đến những con chim lạ, càng có gió cản, càng giông tố lại càng bay khỏe.

Thuần vừa nói vừa thở hình như mệt lắm. Xương muốn bảo em ngừng lại. Nhưng không được vì Thuần lại tiếp:

– Còn em, thì mẹ vẫn bảo em là một đứa tồi. Em chỉ được cái quấn chân mẹ và u Ái ở nhà thôi, đi đâu thì co rúm lại. Mẹ cũng tưởng không bao giờ em đi đâu cả. Vậy mà bây giờ lại đến lượt em đi xa tất cả mọi người. Em sắp từ biệt tất cả mọi người vĩnh viễn. Không... chị đừng nói gì cả... để cho em nói... Bây giờ thì khác hẳn. Em cũng chẳng biết nói ra thế nào cho được rõ. Nhưng em tin rằng chị hiểu. Chị bao giờ cũng là người hiểu thấu đáo được mọi điều, hơn cả mọi người. Bây giờ em thấy em không sợ gì nữa cả... Cuộc đời có thể chia tán chúng ta... nhưng bao giờ em cũng trông thấy được ngôi nhà nhỏ thân yêu của chúng ta, như khi mà bốn chị em còn thơ ấu, còn đoàn tụ dưới một ngọn đèn. Em dù ở cõi đời nào cũng không quên cảnh đó. Như vậy cũng như không có gì chia rẽ được chúng ta.

Nàng ngừng lại để cười, lại bóp chặt tay Xương và nói:

– Nhưng em lại chỉ lo cho một mình chị mà thôi. Dẫu có được vào đến chốn thiên đường sung sướng an vui nào rồi, em cũng cứ không yên lòng vì chị. Bởi chị khác hết tất cả chị em nhà.

Thuần nhắm đôi mắt lại. Hàng lông mi dài của thiếu nữ in bóng lên trên gò má cao gầy võ của nàng. Xương kéo chăn lên quá ngực cho em. Và nàng gục đầu xuống cạnh gối em. Có tiếng trống trường ở xa vọng đến. Học trò nhỏ năm ba đứa mới lững thững tới trường cười nói ồn ào ở ngoài đường. Xương nghe như là tiếng vọng ở một thế giới nào xa lạ.

Buổi chiều hôm đó Thuần qua đời. Không một tiếng động, không một tiếng kêu, không một lời than... Nàng tắt như một ngọn đèn đã hết dầu nên cháy chập chờn một hồi lâu trước khi biến hẳn...

Thuần chưa đến hai mươi tuổi. Một ngôi mộ ở ngoài thành phố giữa một cánh đồng cỏ xanh... Xương giồng một cây hồng trắng và một nhánh hoa leo Nhật Bản bên giàn mộ cho em. Mỗi khi có gió mưa thì cánh hoa rụng tả tơi trắng cả nơi Thuần ở.

Xương phơi hết quần áo của em ra nắng, và gấp từng chiếc một bỏ vào hòm, như sửa soạn hành trang cho một kẻ đi xa. Nàng thu thập hết những đồ vật mà Thuần vẫn thích từ ngày bé để bỏ vào ngăn rút trong tủ áo. Nàng treo ảnh em ở đầu giường. Nàng chăm chút mấy con mèo của Thuần để lại.

Bà Thông bây giờ không còn hơi sức nào mà coi sóc việc nhà như trước nữa. Bà nằm liệt một nơi, và những ông lang đã cắt thuốc cho Thuần, bây giờ lại cắt thuốc cho bà. Bao nhiêu công việc đều vào tay Xương hết. Xương định không lên Hà Nội nữa. Bà Phán xuống thăm đã mang theo hòm xiểng của nàng về. Nàng tìm thấy một hai cái truyện ngắn chưa viết trọn, và cuốn nhật ký mà nàng đã gửi vào đấy bao nhiêu là tâm sự lúc xa nhà.

Cách một vài hôm, nàng lại một mình đi thăm mộ của em. Nàng ngồi hàng giờ trước cây hồng và hòn bia mộ chí. Đấy là tất cả những cái gì nhắc nhở cho người còn lại về cô thiếu nữ hiền lành thường nấp sau các chị em nhà mà nghe chuyện, mà sợ sệt... Cô thiếu nữ chỉ yêu những con mèo nhỏ, và thích chơi với trẻ con. Và hễ trong vườn nở được đóa hoa nào là chạy gọi cả nhà ra đứng ngắm.

XIII

Bây giờ, Xương đã sống lại dưới mái gia đình, nhưng sự thương tiếc lần này càng khiến cho lòng nàng tê tái. Nàng biết là không thể nào lại còn được như xưa nữa. Ngôi nhà bây giờ chỉ còn chứa những bóng ma.

Xương phải làm lụng suốt ngày thay mẹ. Nàng dậy sớm như gà. Nàng giặt giũ, nấu nướng và sửa sang vườn tược. U Ái đã già đi thêm một chút nữa, không giúp đỡ được nàng bao nhiêu. Nhiều hôm cơm nước xong thì người Xương tưởng chừng gẫy rời ra được. Thế nhưng công việc cũng khiến nàng nguôi quên được nhiều điều.

Buổi chiều, khi trời sẫm lại, Xương thường một mình ngồi trên gian gác xép của nàng mà chờ tối.Và khi tiếng giun dế đã đua nhau rỉ ran ở mọi xó vườn, xó hè nhà, thì nàng thắp đèn lên. Ông Thông bà

Thông, từ ngày Thuần mất, không mấy khi thức khuya nên trong nhà chỉ còn có một bóng Xương. Hôm thì thiếu nữ xem sách, hôm thì nàng viết truyện.

Từ buổi đưa Thuần về nơi thiên cổ, lòng Xương lại giá lạnh thêm một chút nữa vì đời. Nàng muốn nhờ cảnh ngộ mình lúc đó để sáng tạo nên một cuốn sách sâu xa, thành thực. Một cuốn sách viết bằng chính những rung động của lòng nàng, như Tâm thường nói. Xương viết hàng giờ trên gian gác vắng, quản bút hình như có phép nhiệm mầu của những kẻ vô hình đưa đẩy giúp. Những kỷ niệm ngày xưa lần lượt hiện ra nhảy múa quanh nàng...

Xương viết rất dễ dàng chứ không khó nhọc như xưa nữa. Nàng đi trong những thế giới thần tiên của dĩ vãng tưởng còn gần ngay đó, nhưng mà đã bị cái chết, sự vắng mặt, sự oán hận, sự biệt ly ngăn cách hẳn rồi...

Sợi dây thiêng liêng buộc tất cả mọi người trong gia đình vào với nhau, đã đứt. Chuỗi ngọc đã sổ dây, mỗi viên lăn đến một chỗ mà số mệnh định đâu từ trước. Thịnh đã có một mái nhà ở chốn xa, và nàng đương hưởng cái hạnh phúc ích kỷ bình tĩnh của những người sung sướng. Việc gì cũng không quan trọng cho nàng lúc này bằng chồng nàng với con nàng. Dĩ vãng đối với nàng nay chẳng đáng để tâm bằng hiện tại với tương lai... Ái thì vẫn đi chơi xa với bà cô giầu có. Thiếu nữ không về được để chôn Thuần. Những giọt nước mắt của người ở xa thấm ở trong thư cũng không làm gì được cho Xương cả. Thuần đã đi ra khỏi cổng nhà để ngủ giấc muôn năm ngoài đồng nội, bên cạnh một cây hồng run rẩy. Còn Hòa thì vẫn không có một lá thư để thăm hỏi đến Xương...

Như là nhớ một phép lạ, Xương hội họp mọi người lại dưới ánh đèn. Mỗi đêm, nàng tìm lại với những kẻ thân yêu ngày trước. Những cái bóng người xưa đều chạy đến với nàng và xúm quanh nàng, với những tiếng nói cười, với những quần áo ngày cũ. Họ vẫn nói những câu nói cũ, họ vẫn giữ được dáng điệu ngày xưa. Và đó là chính họ đọc cho Xương viết bằng một ngọn bút nhanh chóng, không bao giờ mệt mỏi...

"Phải viết những cái gì thoát ra ở chính tấm lòng mình". Câu nói của Tâm vẫn vang lên bên tai thiếu nữ, mỗi lần nàng cầm bút.

Bây giờ thì chính thực nàng đã sống trong những hàng chữ nàng viết ra, nàng và tất cả những kẻ xưa kia đã làm thành cuộc đời nàng, với những ngày vui, với những ngày buồn...

Một đôi khi Xương đọc lại những trang mình đã viết vào buổi sáng.

Nhìn đám giấy đen những mực, những chỗ gạch, xóa, nàng nghĩ đến những cơn mê đắm say sưa trong lúc viết. Và nàng do dự, nàng tự hỏi mình có quyền mang tất cả một thuở thiếu thời ra gạn lọc lấy những cái gì sáng sủa ngọt ngào của nó, mà làm thành một câu chuyện giải trí mua vui cho kẻ khác được chăng?

Nhưng Xương lại nghĩ rằng chỉ có thế mới lột được hết chỗ tài nghệ đáng kể nhất của mình thôi. Và nàng biết rằng trừ Thuần ra, thì tất cả mọi người không ai hiểu cái giá trị của một kho tàng quý báu như thế nữa. Nàng không chiếm đoạt của ai một cái gì. Những cái mà nàng lượm lặt từng mẩu vụn, từng ly từng tý ở cuộc đời chung của những người thân, nếu không có nàng, thì đã chết hết, chết phí đi trong một xó lãng quên, trong lãnh đạm...

Cuốn truyện cứ như vậy mà thêm trang, mà dài thêm ra mãi, trên gian gác thân mật của Xương, nhưng không một ai biết cả. Khi đã chấm dấu hết trên trang giấy cuối cùng, Xương mới đem cả tập ra bờ sông Châu để ngồi hóng mát mà đọc lại. Buổi chiều gần tắt nắng.

Thuyền bè vẫn qua lại trên sông như cũ. Xương ngồi đúng ở một chỗ mà ngày xưa Hòa và bốn chị em nàng vẫn cùng ngồi xem nước chảy với thầy giáo Phúc. Gió chiều hơi lạnh, thổi rạp những cỏ cao mọc ở ven sông. Những nóc nhà trong tỉnh còn một chút màu vàng ốm yếu sắp tàn trên mái. Mấy cô thiếu nữ đi học về đuổi nhau trên đường đá. Một đám muỗi bay vòng quanh trước mặt Xương kêu vo vo như mừng trời sắp tối. Phía bên kia bờ sông Châu có người đốt cỏ khô và rác. Ngọn khói bốc lên cao, bị gió tản ra, mờ nhạt dần đi. Mùi khói, trong buổi chiều cuối thu có cái hương vị chát của những cành cây đầy nhựa cháy.

Lúc Xương đọc xong tập giấy của mình thì trời vừa chập choạng. Áo nàng đã ẩm vì hơi sương.

Nàng trở về nhà thì u Ái đã thắp đèn trong gian giữa. Đó là hiệu gọi của gia đình. Xương nhớ lại những ngày còn đi học mải chơi cùng chúng bạn, lúc trở về đã thấy lên đèn thì trong lòng lo lắng. Nàng đẩy vội cửa bước vào nhà.

Sáng hôm đó, Xương gửi tập truyện của nàng đi Hà Nội. Nàng hy vọng rằng Tâm làm báo chắc hẳn phải quen nhiều nhà in có thể in cho nàng cuốn truyện đầu tiên ấy. Nàng gửi đi như vậy tất cả của cải của đời nàng, và nàng cũng không hiểu số phận nó sẽ ra sao, tùy ở sự phê bình sau này của Tâm, người bạn chân thành nhất của nàng trên Hà Nội. Nàng tin rằng Tâm sẽ giúp nàng sửa đổi một đôi chút về những chỗ vụng về không thể tránh được trong lúc nàng ham viết mà không để ý.

Tâm có thể in được cuốn truyện cho nàng hay không? Xương cũng không bận lòng lắm về sự đó. Nàng viết ra chỉ cốt để cởi bỏ hết được tâm sự của mình, được cái gánh dĩ vãng đè nặng trong lòng mình từ ngày hiểu biết cuộc đời. Lòng nàng đã nhẹ nhõm. Không có gì ám ảnh, đuổi theo nàng nữa. Từ nay, có lẽ không bao giờ Xương lại viết văn.

Ngay hôm đó, Xương trở lại với công việc nội trợ của mình một cách yên lòng hơn trước. Nàng lại vá may giặt giũ, chăm nom cha mẹ cơm nước, và giúp đỡ u già Ái.

XIV

Thịnh lần thứ hai đã có mang, và nghe nói bà Thông ốm yếu luôn luôn nên nàng đem cả con về nhà cha mẹ đẻ, định sẽ ở lâu cho vui cửa vui nhà.

Xương thay chị trông nom cháu những khi Thịnh đi chợ mua thức ăn, hoặc đi đâu có việc. Nàng khéo dỗ cháu đến nỗi đứa bé cả ngày cứ quấn lấy nàng. Nhưng cũng nhờ có đứa trẻ mà gia đình bà Thông cũng đỡ tịch mịch.

Một buổi sáng Thịnh nhận được một phong thư vội đi vào bếp tìm Xương. Xương trông thấy một vẻ lo ngại bồn chồn trong mắt chị. Nàng sợ hãi hỏi ngay:

– Có việc gì thế chị? Hay là anh Giáo mệt, chị phải về...

– Ồ, không, không phải thế nhưng...

Thịnh ngập ngừng một lát rồi mới hỏi:

– Chị hỏi thật em, nếu bây giờ em được tin rằng anh Hòa đã yêu người khác... thì em nghĩ thế nào?

Xương đương rán dở mấy con cá trên bếp lửa. Nàng không tỏ vẻ gì ngạc nhiên hết nhưng nàng quay lại, nhìn thẳng vào mặt chị, như để tìm cho ra một cái tên. Sau cùng nàng hỏi:

– Người đó là ai vậy? Có phải là em Ái của chúng ta chăng?

Thịnh gật đầu... Xương lại trở nên bình tĩnh như thường. Nàng cúi đầu trên bếp lửa. Thịnh nhìn ra sân nói:

– Chị cũng đoán thế thôi, chứ cũng chưa lấy gì làm chắc. Ái nó viết trong thư rằng nó và Hòa đã cùng đi Đà Lạt... và Đà Lạt là một chốn thần tiên... và nhiều câu tương tự thế. Bởi vậy nên chị ngờ rằng có lẽ...

Thịnh không nói hết. Nhưng mặt nàng đã đỏ bừng. Xương nhìn chị vẫn còn đẹp trẻ như ngày con gái. Nàng nói rất thản nhiên:

– Nếu vậy càng hay chị ạ.

Sự bình tĩnh của Xương làm cho Thịnh hơi sửng sốt. Nàng lại ngập ngừng:

– Nhưng... thực là không việc gì đến em cả chứ? Vậy mà bấy lâu chị cứ tưởng...

Thế rồi cố vượt qua sự ngạc nhiên, Thịnh lại nói bằng cái giọng của người chị cả, như ngày trước:

– Nếu vậy, có lẽ chị nhầm, Xương ạ. Hay đó là một điều bí mật mà em không muốn cho chị rõ. Chị cứ tưởng em vẫn có lòng yêu quý anh Hòa, và nếu anh ấy trở về...

Xương vội phá lên cười và ngắt lời chị:

– Không. Như thế thì hơn. Phải, có lẽ chỉ em Ái mới hợp anh Hòa, mới là người mà Hòa muốn chọn. Họ cùng trẻ, đẹp, và cùng giống tính nhau. Phải, thế là hơn...

Nhưng nàng bỗng cúi đầu, và trong phút nàng không giữ nổi lòng mình được nữa:

– Nhưng mà chị ạ, nếu lần này anh Hòa trở lại, và nếu anh ấy còn nhớ tới em, thì lần này hẳn là em không từ chối.

– Đấy em xem, em vẫn yên Hòa. Chị có nhầm đâu.

– Vâng, em vẫn yêu Hòa, nhưng chẳng phải như chị tưởng... Lòng em lúc này cũng vẫn chẳng khác gì trong ngày cưới chị, ngày em không dám nhận mối tình chàng... Nhưng bây giờ thì chị cũng đã rõ rồi, em cũng cần được yêu hơn bao giờ hết, để khỏi phải sống một mình hôm sớm thế này... Em cũng ước ao một cảnh đời như của chị...

Hiu quạnh. Phải, chưa bao giờ Xương cảm thấy sự quạnh hiu đến thế. Thiếu nữ tưởng tượng giờ khắc này em gái mình đương đứng

cạnh Hòa, trước một cảnh thông reo nước chảy. Ôi, họ đã xa mình, họ đã bỏ mình. Cái xa cách vì đường đất, vì không gian có lấy gì làm đau đớn bằng cái xa cách giữa lòng mình với những lòng người đương sung sướng.

Xương tưởng tượng rằng Hòa lúc này đương thỏ thẻ bên tai Ái những lời êm ái như xưa kia chàng đã nói với Xương: *"Tôi không thể nào sống không có em bên cạnh..."*.

Phải, có lẽ cũng lại những lời nói ấy. Và Hòa cũng lại cúi xuống sát đầu Ái, mắt chàng cũng sáng lên những vẻ dịu dàng như nàng đã thấy. Và cảnh đó đã xảy ra ở trên một bờ bể đẹp, ở giữa một rừng thông, ở cạnh một con suối nhỏ. Nhưng đáng lý ra thì Xương mới là người giờ khắc này được ở gần chàng. Đáng lý ra thì Xương mới được theo cô đi du lịch, và trở nên xinh đẹp trong ánh nắng một buổi chiều, trong con mắt của Hòa. Đó là cái phần hạnh phúc của Xương. Nhưng em nàng đã hưởng.

Nghĩ cho cùng đó cũng là sự dĩ nhiên: Hạnh phúc đến tay ai thì người ấy hưởng. Ai bảo Xương đã quá vụng về. Cái may mắn không chờ đợi những người chậm chạp. Xương có một tâm hồn sôi nổi quá. Xương hay lo ngại viển vông, Xương không có được tính tình giả dối, lọc lừa, khéo léo mà cuộc đời bắt buộc những kẻ muốn an thân phải có...

Xương đã như người đánh bạc để lộ bài. Vậy là nàng thua thiệt!

Buổi chiều, gió đã lạnh dần. Xương nhìn ra vườn đã thấy một vài thứ cây đổi lá. Bên nhà hàng xóm có ai đương chặt một gốc cây. Tiếng chặt cây vọng vào lòng Xương một nỗi cô đơn, một niềm thương tiếc vô cùng đau xót.

Nàng nghĩ rằng Ái và Hòa đứng ngắm một cảnh hoàng hôn sáng lạn ở miền Nam. Trong lòng những kẻ tình nhân rộn lên một khúc yêu đương ấm áp... Nhưng trong lòng nàng thì gió lạnh buổi tàn thu đương thổi lạnh lùng.

XV

Ái đã báo tin về, và trong gia đình bà Thông bây giờ mọi người đều rộn lên về việc sửa soạn đón tiếp những người đi chơi xa sắp phản hồi. Xương và u Ái thi nhau lau quét khắp mọi nơi. Bàn tay thiếu nữ đã thành chai, nhưng Xương vẫn không tỏ vẻ gì khác cả.

Tuy vậy lòng nàng thực là rối nát như tơ vò. Nàng nghĩ đến cái buổi gặp mặt Hòa, và nàng run sợ. Nàng tự bảo thầm rằng Hòa đã sắp thành người chồng của em nàng. Và nàng phải gượng cười gượng nói thế nào đừng để lộ ra một điều gì cả. Những nỗi băn khoăn chua chát, những giọt nước mắt đã rỏ trước kia, trong lúc vắng Hòa, Xương định không bao giờ để cho Hòa biết cả...

Nhà cửa đã sạch sẽ, ngăn nắp đâu vào đấy, Xương thường tạ sự cắt những áo mới cho cháu nhỏ để lên ngồi trên gác xép một mình.

U già Ái thấy Xương bây giờ không hay đùa cợt với u như ngày xưa và thường có vẻ trốn lẩn mọi người, thì kêu với bà Thông rằng Xương đã hóa ra đứng đắn quá. U Ái cho rằng Xương đã đến cái tuổi mà người đàn bà đã bắt đầu nghĩ đến những bổn phận của mình ở tương lai, cũng như mình trong thuở trẻ trung.

Nhưng Xương không nghĩ đến một cái gì nhất định. Nàng nằm dài trong gian gác nhỏ, mắt lim dim như người chờ giấc ngủ. Và chỉ có vậy nàng mới tìm được một chút yên ổn trong trí não. Xương lắng nghe tiếng động của một con chuột nhắt gặm một tờ báo cũ trong xó tối, hay tiếng nước mưa chảy rì rì trên lòng máng mái nhà.

Nhiều khi bóng tối lọt vào phòng lúc nào nàng cũng không hay. Xương uể oải thắp ngọn đèn dầu lớn, nhìn những cái mạng nhện giăng trên cánh cửa, và những con nhện kiên nhẫn nhả tơ dệt lưới âm thầm bằng những đốt chân dài lông lá.

*

*   *

Và, một hôm kia, chính ở trong gian gác đó, Xương đã gặp lại Hòa trong một lúc bất ngờ.

Có lẽ Xương đã lặng người đi lúc đó, trong một cơn mê mộng, trong ánh đèn vàng của một buổi chiều mưa. Có lẽ nàng sắp ngủ thiếp đi một giấc, nhưng mắt còn mở được.

Xương không nghe bước chân của Hòa bước trên thang và tiến lại chỗ nàng. Vì trời mưa to, ở ga ra, trời tối ít xe, Hòa phải mang hành lý về trước cho ông và cho bà Cả. Mọi người còn ở ngoài ga để chờ thuê cho được đủ xe. Chỉ có Hòa là nóng ruột muốn về ngay trước. Chàng muốn đến thăm Xương trước nhất.

Xương không nghe tiếng chân Hòa rụt rè bước tới gần mình. Nàng tưởng mình mê ngủ. Đã bao lần nét mặt của người con trai thân yêu kia hiện ra trước mặt nàng như vậy, trong giấc ngủ, trong những giờ mỏi mệt và chán nản của đời nàng.

Nhưng không, đây chính thực là Hòa, người bạn cũ. Nàng giơ tay ra định chạy lại phía Hòa và ôm chặt lấy chàng. Nhưng nàng chỉ kêu lên một tiếng nghẹn ngào:

– Hòa? Hòa... về bao giờ vậy?

Nghe tiếng của mình vang lên Xương đã biết đây là sự thực. Hòa đã trở về. Chàng đã ngồi xuống cạnh Xương:

– Xương có mừng không?

– Ồ, mừng mà thôi ư?

Xương thấy cổ họng như tắc lại. Nước mắt đã tràn ở khóe mắt nàng. Nhưng Hòa không thấy. Nàng vội gượng cười và hỏi:

– Thế còn Ái ở đâu? Cô Cả...

– Họ về sau... Tôi nóng ruột quá nên về trước để...

Hòa không nói hết. Nhưng Xương hiểu. Cái tên "Ái" nói được ra đã giúp nàng can đảm. Nàng lại phải khỏe một phen này nữa. Xương nhìn kỹ lại mặt Hòa. Hòa đã cao lớn hơn xưa, da mặt rám nắng, mạnh khỏe, mắt lóng láng đầy nghị lực. Chàng có dáng vững vàng hơn trước, đàn ông hơn trước. Hòa cũng biết là Xương đã xét lại mình nên miệng mỉm cười:

– Thế nào? Xương đã thấy Hòa khác trước những gì?

– Hòa đã có râu xanh ở cằm và ở miệng, nếu cạo ngay đi thì có lẽ vẫn như xưa.

Phải, Hòa vẫn có đôi mắt vừa như khẩn cầu vừa như chế giễu ngày xưa. Hòa vẫn giữ cái nụ cười thực thà điểm một chút buồn. Hòa cũng nhìn lại Xương chăm chú:

– Còn Xương thì...

Hòa nhìn Xương chăm chú. Nước mưa chẩy ào ào trên mái ngói. Ngọn đèn dầu tỏa ánh sáng vàng xưa kia soi bóng hai người như trong cái buổi tối đã xa xôi, ngày Thuần ốm. Hòa đã tìm thấy Xương trong cái xó gác này. Chàng đã nhớ lại rõ ràng nét mặt tơi bời của Xương ngày ấy. Chàng đã nhận ra người đàn bà mà suốt đời chàng đinh ninh sẽ là người "bạn đời" mình, người đàn bà "của mình", trời

sinh ra là để dành cho mình, để cùng chia sẻ những đau khổ vui buồn trong kiếp sống. Vậy mà chàng đã đi xa nàng, và để cho lòng mình mềm yếu trước những cảnh thiên nhiên kỳ ảo. Chàng đã bị quyến rũ bởi một khúc ca ân ái khác, một khuôn mặt khác, một chuyện tình duyên khác.

Nhưng... trong phút này, Hòa mới hiểu là không có ai thay đổi được Xương ở lòng mình. Nàng là người độc nhất. Người thiếu nữ xưa kia, vẫn thường đứng trong cửa sổ mà nhìn lên cửa sổ nhà chàng... người đã hiểu biết hết những hy vọng và những điều đau khổ trong đời trai trẻ của chàng... người đàn bà đã khiến chàng vỡ nghĩa cái huyền bí của hạnh phúc yêu đương.

Hòa đã vụng về không biết nói được cho Xương hiểu... nhất là chàng không biết đợi chờ... Đến bây giờ...

Hòa ghé gần mặt Xương. Người chàng run rẩy và mặt chàng tái ngắt:

– Xương, thể nào tôi cũng phải nói với Xương...

– Không.

– Thế nào cũng phải một lần... Một lần cuối cùng này nữa... Rồi không bao giờ nữa...

Nhưng Xương, cũng như trong ngày cưới Thịnh, Xương lại vội vàng đặt tay lên miệng người đàn ông đã thú với nàng tất cả mối tình thầm lặng, Xương cũng vẫn run sợ như ngày trước. Những lời nguy hiểm ấy, Hòa đừng bao giờ nên nói nữa. Những lời ấy nó sẽ mọc rễ ở trong tâm hồn của hai người, khiến không đời nào người ta quên đi được. Như thế thì khổ cả...

Hình ảnh Ái bỗng hiện ra chia rẽ hai người...

Bại liệt, Hòa cúi đầu xuống ngực. Chậm mất rồi, chậm quá rồi! Chàng cũng hiểu. Giữa chàng và Xương, không thể có lời gì được nữa...

Chàng thở dài, chua chát nói:

– Vậy ra, bây giờ chúng ta lại trở lại như xưa... Có phải thực tình Xương muốn vậy?

– Như xưa, không Hòa ạ, không bao giờ ta lại tìm thấy tuổi trẻ thơ của ta ngày trước nữa. Cả cái tâm hồn ngày đó nữa... Anh đã là một người đàn ông đứng tuổi rồi, tôi cũng đã thành một kẻ đàn bà không có nhiều mơ mộng nữa... Nhưng chúng ta lại có thể từ đây trở

nên hai kẻ "anh em thực sự". Anh em với tất cả cái nghĩa tin cẩn, mến yêu, dịu dàng của nó.

Những tiếng động, và tiếng cười nói ồn ào ở nhà dưới nhắc hai người rằng bà Cả và Ái đã tới nhà.

Xương vội đứng lên kéo tay Hòa vui vẻ chạy xuống cầu thang:

– Nhanh lên, nhanh lên, họ đã về rồi!

Họ đã về rồi, đúng như Xương nói. Nhà cửa đã chật những người. Người ta lính quýnh, ồn ào, rộn rịp. Người ta không biết cất cái ô, hay cái va ly sũng nước mưa vào một chỗ nào. Cô Cả thì gắt với trời với nước, mặt cô vẫn nhăn nhó như xưa. Cụ Án thì ho lên sù sụ và đương hỏi chuyện Thịnh về ông Giáo học của nàng. Đứa con nhỏ của Thịnh thì khóc thét lên vì lạ Ái và không cho nàng bế.

Xương để cho Hòa xuống trước. Và nàng dừng lại ở cửa thang gác mà nhìn cảnh sum họp tưng bừng của gia đình. Lòng nàng bỗng nhiên lại thổn thức. Nàng nhớ đến Thuần. Chỉ còn thiếu Thuần nữa là cửa nhà lại đúng như xưa rồi. Nhưng dù là ở đâu, hẳn Thuần cũng đã nhìn thấy cảnh đó rồi, và chắc Thuần cũng phải lấy làm vui dạ như Xương.

Xương vừa trải qua cái cảnh khó khăn nhất đời nàng. Và nàng đã thắng... Nàng đã có đủ sức để tránh những lời thú mà nàng chờ đợi từ lâu ở người bạn cũ. Bây giờ nàng đã yêu Hòa bằng một cái tình huynh đệ, và nàng lại lấy làm mừng vì lại thấy Hòa có địa vị mới của một kẻ thân tình giữa họ hàng mình. Thế là yên ổn cả.

Xương nói một mình:

– Vậy em cũng bằng lòng chứ em Thuần?

Chúng ta sum họp đúng như ngày trước.

Nàng nói với một cái bóng hình mảnh dẻ hiện trên đám khói bốc lên ở ấm chè nóng đặt giữa mọi người. Nàng nói với người thiếu nữ hiền lành, rút rát, lúc này cũng như nàng, không muốn bước chân vào phòng khách để làm bận rộn cái hạnh phúc của những người đương sống...

*

* *

Ngày hôm đó trước khi đi ngủ, Thịnh gọi Xương lại bên giường, trao cho em một bức thư đóng dấu nhà bưu điện trên Hà Nội mà

Thịnh để quên dưới gối từ chiều. Bức thư đó, Xương mới thoáng nhìn đã biết ngay là của Tâm ở Hàng Đào.

Nàng nằm xuống giường mình, vặn to chiếc đèn con lên đọc.

Tâm báo tin cho nàng biết rằng cuốn tiểu thuyết "*Bóng người ngày xưa*" của nàng đã có một nhà xuất bản nhận in, và vài hôm nữa nàng sẽ nhận được một cuốn để xem. Tâm có đưa cho một vài nhà văn nổi tiếng đọc qua, mọi người đều tỏ lòng khen là chuyện cảm động vì thành thực.

Xương không ngủ được. Nhưng nàng vẫn nằm im để khỏi làm rộn giấc ngủ của chị em nhà. Cái vui sướng của nàng nói ra cũng không ai hiểu. Xương nằm im, và nàng nghĩ rằng tất cả mọi người thân yêu ở quanh nàng từ bé đã dệt cho đời nàng bao nhiêu tình cảm lạ lùng, và bao nhiêu kỷ niệm. Nhưng chỉ cái quãng thời gian rất ngắn ở gần Tâm mới làm cho nàng hiểu thấu được cái giá trị của những giờ cô độc và đau khổ của nàng. Chỉ ở gần Tâm nàng mới nhận thấy hết được cái đẹp và cái vui rải rác khắp trong đời.

Thịnh cựa mình, nhìn sang giường Xương, thấy Xương chưa ngủ nên nàng bảo:

– Ngày mai, có lẽ chị phải xin phép thầy mẹ đi Thanh, Xương ạ. Chị thấy nóng ruột quá chừng. Chị chỉ lo anh Giáo...

Thịnh nói thế, rồi chợt nhớ ra rằng mình đã để lộ cho em gái biết rằng lúc nào mình cũng để tâm đến chồng con hơn cả bố mẹ, chị em nhà, nên Thịnh chẳng nói thêm gì nữa.

Nhưng Xương tủm tỉm cười. Bây giờ Xương đã hiểu nàng. Xương cũng không đáp lại làm sao cả. Xương nhớ lại cái dáng điệu vụng về bẽn lẽn của người anh rể, ngày xưa, khi chàng cầm bông hoa của Thịnh tặng ở trên tay.

Đăng báo *Nam Cường*;
Đông Phương xuất bản, Sài Gòn, 1941.

ĐÁM TANG VŨ TRỌNG PHỤNG

(Bài báo)

Không kèn không trống. Đám tang lặng lẽ ở trên đường Ngã Tư Sở – Thanh Xuân.

Trong cái đám đông đi sau chiếc xe thiên cổ phủ mấy vòng hoa, có những cái đầu bù rối, có những bộ mặt thông minh nhưng già sớm, có những người bận những áo quần nhàu nát, mỏi mệt trong bước đi của họ. Đó là những ngôi sao của văn học mới ở Kinh đô. Đó là những kẻ mỗi ngày thường làm náo nức, vui buồn cả một thành thị, cả một nước. Họ là những nghệ sĩ, những nhà văn nhà thơ, nhà báo đã có tên tuổi, hay đương còn mờ tối. Những người thợ cần cù, tận tụy đương xây đài vinh quang cho một giống nòi.

Họ cúi đầu đi, buồn nản, ngùi ngùi.

Tôi nhìn họ và nghĩ thầm:

– Rồi đến lượt ai đây? Trên con đường này mới trong vòng bốn tháng trời, tôi đã đi tiễn hai người "về nơi yên nghỉ cuối cùng". Hai cái thiên tài lỗi lạc đã để lại nhiều cho đất nước. 7 Juin 1939, Tản Đà chết giữa cảnh nghèo; 13 Octobre 1939, Vũ Trọng Phụng chết vì bệnh phổi. Cái đám người còn lại, sống vì cán bút, đi cạnh tôi hôm nay thưa thớt, và không được mấy ai khỏe lắm...

Gió sáng mát mẻ quá. Ánh nắng thu trong suốt và dịu dàng. Những ruộng lúa ở hai bên đường xanh tốt và nặng trĩu bông. Giá không có chiếc xe thảm đạm kia, giá không có những đứa trẻ rắc vàng hồ trên mặt đường để cho người ta thỉnh thoảng đạp chân lên nghe lắc rắc, thì có lẽ nhiều nhà thơ đã tưởng đó là một cuộc đi chơi vùng quê trong một ngày chủ nhật.

Giá không có người vợ góa kia bận sô gai, khóc đã lả người vịn vào kẻ đi bên cạnh mà lê khóc. Giá không có đứa con gái nhỏ mồ côi, xinh xắn và ngây thơ kia mà người ta bồng trên tay cho đi theo chiếc xe tang. Trời! Tôi không muốn nghĩ đến lúc hai kẻ khốn nạn ấy trở

về gian nhà trống lạnh với đau đớn và túng thiếu ở ngoại ô Hà Nội. Ngoại ô, quê hương của những nghệ sĩ nghèo nàn, của những kẻ đã mang hết tinh hoa của đời họ để cống hiến, để giải trí cả một thành thị xa hoa và bội bạc.

Đám đông lặng lẽ đi.

Tôi buồn vì không thể nói được là tất cả Hà thành đều có đấy như ý muốn. Vì đám tang này còn kém bề long trọng còn kém đông hơn đám tang thi sĩ Tản Đà.

Bảy giờ sáng người ta đã bắt đầu đi. Hôm nay chủ nhật. Mà trời lại đẹp quá! Hà Nội còn bận nhiều chuyện khác.

Một người lạ đi cạnh tôi bỗng thở dài:

– Vũ Trọng Phụng mới 28 tuổi đầu, mà đã để lại những gần hai chục cuốn. Vậy mà...

Tức thì một người nữa lên tiếng ngắt:

– Anh ta đã chọn nhầm đất sống. Viết! Viết làm gì nhiều thế? Viết làm gì cho đến lao? Cái xã hội này không đáng được hưởng nhiều như vậy.

Nhưng chiếc xe tang đã dừng bánh trước cổng nghĩa trang rồi. Sao chóng vậy? Có lẽ vì người ta đã thuộc đường.

Cái cảnh quen mắt và xé lòng kia lại diễn thêm một lần nữa ở nơi này. Những tiếng khóc nổi lên. Những người phu khênh chiếc quan tài đi vào một con đường hẹp, rồi đặt xuống bên một cái hố sâu đã đào sẵn. Những bạn hữu, thân quyến của người chết đã xúm đen lại đấy. Một người ở đám đông, rút trong túi ra một tập giấy đọc, đọc...

Một người nữa cũng làm y như thế sau người trước. Người ta rút khăn tay lau mắt. Người ta cảm động. Người ta ném những hòn đất nhỏ xuống huyệt để vội vàng trở ra về. Có gì đâu! Đám tang Vũ Trọng Phụng cũng như trăm nghìn đám tang kẻ tầm thường khác đã gửi thịt xương ở chốn này. Người gác nghĩa trang hôm nay không tỏ vẻ gì khác cả.

Trên đường về, tôi đã nghĩ đến một truyện của Vũ Trọng Phụng viết hồi chưa nổi tiếng, đầu đề là: "Chống nạng lên đường". Tôi tưởng tượng con người ốm yếu tàn tật cả trong truyện kia chính là Vũ quân. Vũ quân cũng vừa kiệt lực, chống nạng lên đường. Nhưng đây là đường vinh quang của những vị bất tử. Vũ quân đã bước qua khải hoàn môn của các nhà văn.

Bây giờ thì Vũ Trọng Phụng không cần phải ở ngoại ô thành phố để tránh nạn đắt đỏ, khó khăn chật vật vì mùi hôi khẳn, như Tản Đà khi trước nữa. Đã có một thế giới thực yên lành đón đợi anh.

Từ nay anh không cần viết nữa. Và, trước cửa căn nhà lẹp xẹp số 73 đường Cầu Mới, nếu có một ngày mà đất nước này biết nhớ ơn những đứa con đã hy sinh cho đất nước, thì con cháu chúng ta sẽ có khi được đọc trên một tấm biển môn khắc những chữ này:

"Đây là nơi nhà tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng đã từ trần bốn tháng sau thi sĩ Tản Đà, ở gian bên cạnh".

Tạp chí *Tao đàn* số đặc biệt
về Vũ Trọng Phụng, 12-1939.

NGỌC GIAO
(1911-1997)

Tên thật là Nguyễn Huy Giao. Sinh ở Huế trong một gia đình nhà Nho, nhưng sống và viết văn chủ yếu ở Hà Nội. Ngọc Giao có truyện đăng báo từ 1930. Khi tờ tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy* ra đời (1934) thì Ngọc Giao trở thành người cộng tác thường xuyên và là một trong những cây bút chủ chốt, được coi là tiêu biểu của tờ báo, cũng như của các cơ sở khác của nhà Tân Dân do Vũ Đình Long chủ trương. Ông còn cộng tác với các báo *Ngọ báo, Tri Tân* ở Hà Nội.

Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12-1946), Ngọc Giao tản cư ra vùng tự do một thời gian, sau trở về Hà Nội đang bị giặc tạm chiếm. Thời kỳ này, ông cộng tác với Vũ Đình Long ra tiếp *Tiểu thuyết thứ bảy* và tiếp tục sáng tác. Sau 1954, ông sống ở Hà Nội cho tới khi mất (1997).

TÁC PHẨM CỦA NGỌC GIAO

– *Một đêm vui* (tập truyện ngắn), 1937.

– *Phấn hương* (tập truyện ngắn), Tân Dân xuất bản, Hà Nội, 1939.

– *Cơn gió bấc* (tiểu thuyết), đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1938.

– *Đất* (tiểu thuyết), Cây thông xuất bản, Hà Nội, 1940.

– *Cô gái làng Sơn Hạ* (tập truyện), Tân Dân xuất bản, Hà Nội 1942; Nhà xuất bản Văn học tái bản có bổ sung, Hà Nội, 1989.

– *Chuyện người trẻ tuổi* (tập truyện ngắn), *Phổ thông bán nguyệt san*, 1944.

– *Nhà quê* (tiểu thuyết), Bách Việt xuất bản, Hà Nội, 1944.

– *Con người* (tiểu thuyết), Ngày mai xuất bản, Hà Nội, 1947.

– *Quán gió* (tiểu thuyết), Văn Hồng Thịnh xuất bản, Hà Nội, 1949.

– *Mùa thu* (tiểu thuyết), Trần Văn Huy xuất bản, Hà Nội 1953.

– *Cầu sương* (tiểu thuyết), Thế giới xuất bản, Hà Nội, 1953.

– *Ông chọc tiết* (phóng sự trào phúng), Ngày mai xuất bản, Hà Nội, 1950.

HẰN HỌC

(Truyện ngắn)

Cô đầm lai, bằng một ngón tay, vẫy Thông đến bàn giấy để đưa chàng tập thư.

Thông về chỗ cho giấy vào máy chữ sao lại những bản thư ấy. Tiếng máy kêu lách tách một chập như mưa rào. Đọc lại rất kỹ, Thông đứng lên sang phòng ông Sếp. Ông Sếp còn bận tiếp khách, Thông phải đợi một lúc mới được vào. Như mọi khi, Thông cầm sẵn chiếc bàn thấm lăm le chờ ông Sếp hạ xong một chữ ký, chàng lại thấm cho khô.

Có lúc ông Sếp, dáng mỏi mệt, bỏ bút xuống bàn, ngả ra lưng ghế thở khói xì gà. Trong khi ấy thì Thông, chẳng có việc gì làm, đứng thừ người nhìn ra ngoài công viên: một cặp nhân tình đang ôm chặt lấy lưng nhau.

Thông nghĩ ngay đến một người đàn bà, ngày trước, cũng thường đi như thế với bất cứ một kẻ đàn ông nào và bất cứ ở đâu... để kiếm cho chàng cơm áo và giấy bút đến nhà trường.

Chàng nhắm mắt lại cho khỏi nhìn thấy người đàn bà ngoài c viên kia nữa. Nhưng mà còn một người đàn ông, một người đàn đã bao nhiêu lần ôm chặt lấy lưng người đàn bà ấy, người đàn thân ái nhất đời chàng, hiện lúc này ngồi kia!

Chàng nhìn vào tấm gương lớn treo trên lò sưởi, bên cạnh két bạc. Mặt gương vẩn khói xì gà, in lờ mờ một cặp kính cưỡi tı cái sống mũi gồ và bộ râu quai nón.

Nhờ người ấy mà Thông được vào làm ở sở này và đã hai lần chàng ký sổ lương.

Đó chỉ là một cuộc đánh đổi mà thôi. Là vì người đàn bà thân yêu của chàng trước kia đã không dám ngửa tay nhận tiền của người đàn ông này sau những đêm hành lạc, thì bây giờ người ta trả cho chàng. Chàng phải ngửa tay nhận lấy. Cảm thấy tất cả sự bẩn thỉu của loài người và tất cả sự hèn hạ, khốn nạn của mình. Thông nghiến răng lại, muốn ném thật mạnh chiếc bàn thấm vào tấm gương.

– Anh mơ gì thế?

Giật mình đánh thót một cái, người thanh niên đau khổ ấy vội vàng khom người xuống thấm, thấm, thấm những chỗ ướt trên những mảnh giấy xinh xinh.

Chàng ra khỏi phòng ông Sếp, tất tả về chỗ mình, và tất tả làm cái việc đáng lẽ của người loong toong, cẩn thận, chàng đóng dấu bên cạnh chữ ký ông Sếp, rồi bỏ thư vào phong bì, dán tem.

Xong việc, Thông ngồi cầm miếng giẻ lau mấy cái máy chữ cho nó bóng và cho có việc, kẻo sợ cô đầm lai thấy chàng rỗi lại sai làm việc khác.

Chàng xếp các giấy má bỏ ngăn kéo, và sau cùng không biết làm gì hơn nữa, chàng với tay bóc một tờ lịch.

– Tháng này 31!

Chàng đang nói bâng quơ như thế thì một ông Phán già thò đầu vào cửa buồng gọi chàng sang buồng bên cạnh lĩnh lương.

*

* *

Đèn thành phố vừa mới sáng. Thông ở sở ra, không về thẳng ngay nhà như mọi buổi chiều. Chàng lang thang trong các phố tây vắng, hai tay đút túi quần, mặt cúi gầm nhìn những chiếc lá sấu rải trên những viên gạch xám.

Gió không thổi để làm dịu tiết hè oi ả. Trời rộng lên cao và xa gần lác đác một vài ngôi sao.

Thông cứ lùi lũi bước. Chàng đi giầy đế cao su êm quá. Chàng nghĩ giá có đôi giầy đế da mà nện rõ mạnh xuống nền gạch cho có tiếng kêu có lẽ là cái thú. Tiếng kêu ấy làm tan được ít nhiều cái hằn học đè trĩu trong lòng.

Thông đã đến Hồ Gươm. Và đi qua một khách sạn lớn của người Pháp. Nhìn vào đó, chàng nhận thấy cái người có cặp kính gọng vàng cưỡi trên cái sống mũi gồ và có bộ râu quai nón. Người ấy đang ưỡn bụng ra thở khói xì gà, uống rượu và đọc báo như tất cả những người tây khác ngồi ở đấy.

Mặt Thông sầm lại.

Chàng rảo chân đi, mặt cúi gầm hơn trước. Mồ hôi toát ra nhiều, ướt cả cái sơ mi mới thay buổi sáng. Chàng nhăn mặt, cởi áo vắt cánh tay.

Hồ Gươm cũng không có gió. Nước phẳng lì như tờ giấy lam trải rộng. Dưới hồ, một con thuyền nhỏ không người, thường ngày dùng chở đi nhặt lá rụng trên mặt nước, cột chặt vào rễ cây si.

Cảnh ấy, Thông có ngắm đâu. Mà chàng cũng không buồn tránh những người xuôi ngược chen lấn quanh chàng, hoặc là vì công việc, hoặc là hưởng thú thừa lương. Bây giờ qua một tiệm cao lâu, chàng bước chầm chậm, vì một mùi thơm vừa thoảng đưa vào mũi.

Lòng đói thức ngay dậy, và ý thèm muốn một bữa ăn ngon xui giục Thông quay lại quả quyết nhảy vào trong tiệm.

Thông tìm một chỗ ngồi vừa ý, rồi gọi một cốc nước cam. Ngậm cái cuống rơm, hút một hơi dài, lòng khoan khoái đón lấy những giọt nước mát lạnh ngọt ngào rỏ xuống, mắt khoan khoái nhìn cái khối nước màu vàng bị rút xuống dần dần trong cốc, Thông cảm như tâm hồn nhẹ hẳn đi, tựa hồ vui vui nữa.

Chàng nhìn lên tấm bảng kê các món ăn. Mắt chàng tìm, chọn một món rẻ tiền mà ngon để gọi.

Chờ mấy phút, một món ăn nóng hổi đã đặt ngay trước mặt. Thông cầm đũa, mắt sáng lên.

Chàng ăn đang ngon miệng thì khốn khổ! Cái thằng bé con ngồi ở quầy hàng có lẽ đang dở làm bài, cầm chiếc bàn thấm đập xuống trang giấy luôn một chập. Những tiếng *"thình thịch"* ấy khiến Thông rầu mặt lại.

Hình ảnh ông Sếp, kẻ đã ôm ấp *người đàn bà thân yêu nhất trong đời chàng*, hiện ra trong một phòng giấy, mà chàng thì lom khom đứng cầm chiếc bàn thấm, thấm những chữ ký trên các tờ giấy công văn.

Người đàn bà đó là Sâm, chị ruột chàng.

Ngày ấy..., Thông thì đi học, Sâm thì mở ngôi hàng sách. Sách không ai mua, bụi phủ dần lên các cuốn tiểu thuyết thảm tình.

Bố mẹ chị em Sâm chết cả. Một mình nàng nuôi em. Tiền tiêu không có, tiền học của Thông cũng chịu nhà trường. Thông khóc, không dám đi học nữa. Một hôm, thương em quá, Sâm dắt em đến trường, nàng xin ông Đốc cho khất nợ. Ông Đốc tiếp Sâm lần đầu ấy

trong phòng giấy. Lần sau, ông tiếp Sâm ở nhà riêng. Ông xin Sâm ái tình. Nếu được vậy, ông, đoan không bao giờ nhận tiền học của Thông, và còn giúp đỡ Sâm là khác. Nghĩ đến việc học và tương lai của đời em, nàng để yếu lòng. Cuộc yêu đương ấy được ít lâu rồi tan vỡ. Sâm đã là người con gái nhuốc nhơ. Nhưng việc học của em, nàng không nỡ cho dang dở, vì Thông đã thi được vào trường Bảo hộ. Nàng phải tìm cách kiếm tiền nuôi em.

Có một buổi tối, một người đàn ông vận âu phục vào cái cửa hàng tối tăm của nàng hỏi mua cuốn *"Tuyết hồng lệ sử"*.

Có một buổi tối, một người đàn ông, vận quần áo ta vào hỏi mua quyển *"Giọt lệ sông Hương"*.

Có một buổi tối, một người đàn ông, có ba chiếc răng vàng, mặc quần áo cánh lụa, không hỏi mua gì cả, hắn liếc vào trong nhà không thấy ai, rồi ghé tai nàng nói nhỏ...

Ba tối ấy, ba lần Sâm vội vàng xoa lại phấn, nắn lại khăn, mặc chiếc áo nào đẹp nhất để len lén ra lối cổng sau, nhảy lên một chiếc xe tay chờ sẵn đầu đường, trong khi ấy thì người em trai hiền lành đang cắm cúi đọc sách làm bài trên gác, tin rằng người chị đã ngủ yên ở dưới nhà.

Nhưng rồi một hôm, người em ngây thơ ấy ở trường ra, đã vào vườn Bách thú, trèo lên ngọn núi đất vứt sách trên bãi cỏ, ôm mặt khóc.

Thì ra Thông đã nghe thấy những lời chế giễu xỏ xiên của các bạn trong trường ám chỉ chị mình.

Thông ngờ đâu lại có thể xảy ra như thế!

Hôm ấy Thông giận chị, bỏ cơm nằm lỳ trên gác.

Buổi tối đóng cửa hàng xong, Sâm rón rén bước lên cầu thang. Nàng vén màn ngồi xuống cạnh giường khẽ đặt tay lên trán em. Trán Thông nóng hổi vì cơn sốt. Nàng gọi, Thông không đáp. Cúi xuống sát mặt em, nàng thấy má Thông nước mắt chảy ròng ròng. Nàng cũng khóc "Làm sao thế hả em?" Thông vẫn nằm yên.

Bỗng có tiếng gõ cửa dưới nhà, Thông vùng dậy, nắm chặt hai tay chị, mắt quắc lên:

"Tôi cấm chị không được xuống mở cửa cho chúng nó... Chị không được làm nhục vong hồn thày mẹ... chị không được làm nhục tôi, làm nhục chị...".

Thông nhảy xuống giường, với con dao trên bàn học, chạy ra cầu thang gác, định xuống dưới nhà mở cửa.

Sâm chạy theo, nắm tay Thông kéo lại. Thông ngã xuống giường, khóc rưng rức. Một lát, Thông đau đớn bảo Sâm: "Sao chị lại có thể làm việc đê hèn, nhơ nhuốc ấy?... Tại làm sao... Tôi không còn có gan trơ trẽn vác mặt đến trường học nữa, người ta làm nhục tôi hàng ngày...".

Cổ họng Thông tắc nghẽn, nấc lên, úp mặt xuống chăn.

Sâm vuốt tóc Thông, thổn thức: "Chỉ tại chị thương yêu em quá... Đời chị đành lẽ bỏ đi rồi. Nhưng chị còn trông cậy vào em. Hãy xét cho lòng chị, em ơi!...".

Nàng cũng nghẹn lời. Hai chị em cùng khóc. Một hồi lâu, Thông cầm tay người chị, khẽ thở dài, rồi nằm xuống. Sâm lấy lọ bạc hà xoa trán Thông, kéo chăn đắp kín người Thông.

Nàng thổi tắt ngọn đèn dầu...

Thông vẫn đến nhà trường, cắn răng chịu những lời chế giễu. Người chị vẫn ngày ngày ngồi trong cái cửa hàng nhỏ hẹp, tăm tối ấy để chờ những người đàn ông tối tối vào hỏi mua những cuốn tiểu thuyết "Tố Tâm", "Thuyền tình bể ái...", – nhưng khách không cần lấy sách, khách chỉ cần cười một nụ cười rất đĩ, và nói một vài câu rất nhỏ bên tai cô hàng.

Có người giới thiệu cho Sâm một người tây. Người tây ấy đã mời nàng vào một khách sạn lộng lẫy nhất Hà thành. Người ấy lợi dụng ái tình nàng nhiều lắm. Nàng hiến thân như một cô gái điếm thượng lưu, nghĩa là không lần nào nhận tiền ở tay người đó. Như thế để chờ một đêm, nàng kể lể như cô Thúy Kiều, rằng vì việc nhà nên phải bán mình. Bây giờ, nàng chỉ cầu xin người ấy cho em trai nàng một việc làm. Người ấy nhận lời. Tuần lễ sau. Sâm vui vẻ báo cho em tin mừng đó. Thông tủi nhục, không muốn hèn hạ thế. Nhưng mà Sâm khóc. Mà Thông thì không nỡ nhìn người chị thân yêu khóc mãi vì mình.

Thế là Thông đã làm ông Phán, đã ba lần ký sổ lương, đã bao nhiêu lần khom lưng đứng cầm cái bàn thấm, thấm chữ ký của ông Sếp, như ta đã thấy ở trên.

*

*   *

Thằng bé con ngồi ngoài quầy vẫn còn làm bài. Mỗi lần chiếc bàn thấm gieo thình thịch xuống trang sách học, lại mỗi lần làm rầu rĩ thêm, làm tối tăm thêm gương mặt con người đi làm công sầu khổ ấy.

Bóng người chủ béo tròn và bóng chị Thông hiện ra trong một căn phòng, trên một chiếc giường, phảng phất ngay trước mắt, ám ảnh Thông như một đoạn phim khả ố. Thông buông đũa xuống, xỉa tiền ra mặt bàn, bước nhanh ra cửa.

Thông lại lang thang trong các phố, hai mắt mờ đi.

Khi đường đã vắng người. Thông mới về nhà.

Đoán chị ngủ rồi. Thông ngần ngại không muốn gọi cửa, chàng định đi vơ vẩn suốt đêm nay, – ồ, từ thuở nhỏ đến giờ chưa một lần nào chàng dám đi như thế để biết Hà Nội về đêm nó ra sao, trừ vài lần chàng bị các bạn cùng sở rủ góp tiền đi hát, nhưng đúng mười hai giờ chàng đã lẻn về.

Chàng bước đi vài bước, lại quay trở lại, do dự một lát, rồi giơ tay gõ.

Cái Sen mở cửa. Thông mệt nhọc vừa tháo ca vát vừa bước lên thang gác.

Chàng đứng dừng ở cầu thang. Là vì chàng thấy trên bàn thờ có đèn hương và Sâm thì đang ngồi thái đồ nấu cỗ.

Sâm ngẩng nhìn em, niềm nở:

– Sao về muộn thế? Em đi tắm cho mát rồi ăn cơm. Hôm nay giỗ mẹ đấy, nhưng mới là tiên thường. Ban trưa chị quên không bảo cho em biết trước.

Thông nhìn lên ảnh mẹ. Mùi hương và mùi hoa làm cho tâm hồn rời rã của Thông tỉnh táo. Thông đứng lặng yên, hối hận sao chiều hôm nay không về đúng giờ như mọi khi. Thông lo sợ về một tội lỗi may mà Thông chưa phạm phải là vì ban nãy, Thông định quay đi để sa ngã vào một căn phòng cho thuê nào đấy, và biết đâu ở chỗ bẩn thỉu này, thể nào chẳng có một cô gái giang hồ nằm cạnh mình.

Thông nhìn chị, thầm thì:

– Chị giận em lắm phải không?

Thấy vẻ mặt băn khoăn của Thông. Sâm động lòng thương. Nhưng vụt nghĩ đến phận mình, Sâm bỗng đỏ bừng hai má, nước mắt dân dấn trào ra.

Nàng cúi đầu xuống, nghĩ thầm: "Em tôi còn trong sạch quá! Mà trong sạch như thế để làm gì khi người ta đã được làm một người con trai ngoài hai mươi tuổi đầu rồi".

Nàng chợt nghĩ đến một ngày kia, Thông sẽ có một người đàn bà sống với Thông, rủ Thông đến một nơi nào xa lạ..., rồi Thông sẽ bỏ quên nàng. Mà Sâm thì thực quá, Sâm yêu thương em lắm, nàng chưa thể nào để mất người em ngoan ngoãn ấy lúc này, dù mai sau có lẽ nàng cũng phải lấy chồng.

Nỗi lo sợ xa xôi khiến lòng Sâm se lại, nàng lẩm bẩm tựa hồ đang ở giấc mơ: "Thà Thông cứ trong sạch như thế mãi, còn hơn...".

Thông đã rửa mặt xong. Chàng đứng trước bàn thờ lễ mẹ.

Sâm cũng đứng lên thu dọn, rồi ra sân gác rửa tay.

Lúc Sâm vào đã thấy Thông bưng mâm cơm trên bàn thờ xuống, bày sẵn cả ra mặt bàn ăn.

Sâm vừa lau tay vừa cười:

– Em đói lắm phải không?

Thông gật đầu, xới cơm cho chị, sau xới cho mình.

Chàng đang ăn, thốt nhiên lại nghe thấy tiếng *thình thịch* ở đâu, hình như ở nhà bên cạnh có một ông Ký già hay làm sổ ban đêm thì phải.

Cái ám ảnh, tức thì, lại quấy rối chàng, chàng nghĩ ngay đến một căn phòng làm việc của ông Sếp – cái con người đã ôm ấp người đàn bà thân yêu nhất đời chàng! – trong đó, chàng đang lom khom đứng cầm chiếc bàn thấm đập xuống những chữ ký ướt của ông.

Thông thừ người, bỏ rơi đũa xuống bàn. Sâm ngạc nhiên, gõ vào bát của em và hỏi:

– Thông nghĩ gì?

Chàng cau mày, nhìn thẳng vào mặt Sâm, hai môi mím chặt, mặt chàng gân guốc hẳn lên.

Nhưng thấy chị sợ hãi nhìn mình, chàng hối hận dịu ngay mặt lại, gượng cười:

– Không, em chẳng nghĩ gì. Nhưng chị cho em uống rượu nhé, không biết tại sao mà tự nhiên em thèm giấc ngủ của người say.

– Để quên phải không?

Thông đỡ cút rượu trên tay chị cười phá lên:

– Không, có gì đâu mà quên. Em chỉ muốn nếm cái thú say xem nó thế nào.

Chàng uống một hơi cạn cả chai, rồi bỏ cơm, đứng dậy ra giường nằm. Sâm lắc đầu, nhìn em buồn bã. Nàng cởi giầy, cởi áo cho Thông, đoạn buông màn xuống.

Nàng thu dọn bàn ăn. Tiếng bát đũa chạm vào nhau làm Thông cựa mình, vén màn ngó ra ngoài bảo chị:

– Sáng mai, chị nhớ đánh thức em sớm hơn mọi khi. Mai sở nhiều việc.

Sâm xuống dưới nhà. Khi tiếng giầy của người chị đã tắt, Thông mở mắt cho lệ tràn ra. Lòng chàng vẫn không thể nhờ men rượu làm cho bình thản được, làm cho quên được.

Chàng nhìn trừng trừng vào đêm tối, quằn quại trong đêm tối...

1934

Theo *Cô gái làng Sơn Hạ*,

Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1989.

ĐỜI TƯ LÃ BỐ

(Truyện ngắn)

– Tối nay đình làng Thượng có phường Lê hát.

Bà Trương tất tả bước vào sân, vừa nói vừa đặt rổ bèo xuống miệng cối đá dưới cây na.

Mai mừng rỡ reo lên:

– Thực ư u? Để con sửa soạn gánh hàng xuống bán, u nhớ.

Dứt lời, Mai ném mấy quân tam cúc xuống chiếu, nhặt mấy đồng tiền trinh bỏ túi, đứng lên.

– Đáng lẽ ván này em kết tốt đen vì có tướng điều.

Một cô, là chị họ Mai, đập đùi cô bên cạnh, nói đùa:

– A, phải rồi, nó còn có ông tướng Sinh ở phường Lê thì làm gì mà chẳng kết.

Tảng lờ không nghe thấy, Mai chỉ mỉm cười chạy lên nhà.

Các cô tan cuộc, chào bà Trương, kéo nhau ra cổng. Trăng đã lấp ló đầu ngọn tre. Bọ bèo ẩn trong những bè rau muống, bè rau dút dưới ao đã dần dần hóa thành đom đóm, lập lòe bay lên. Chúng lượn chơi dưới ánh trăng rằm vằng vặc, vút lên ngọn cau, khóm chuối, xà xuống bờ rào dâm bụt, xuống đầu các cô gái tơ nói cười ríu rít.

Các cô nghịch tinh như trẻ, đón bắt đom đóm bỏ vào trứng gài lên tóc, đeo vào cổ yếm, dắt nhau ra ngoài bờ giếng đá hát trống quân, quan họ với nhau mãi tới lúc trăng khuya đã bơi qua dải Ngân Hà, các cô mới rủ nhau về ngủ.

Những cuộc vui chơi chỉ có trong những đêm trăng ấy, tối nay Mai không được hưởng cùng các bạn, vì Mai còn bận sửa soạn gánh hàng để kịp xuống đình làng Thượng bán trước khi phường hát lên trống giáo đầu.

Mai bảo cái Ba mang dao ra vườn chặt vội mấy cây mía dẫn thành tấm xếp vào hai bên thúng. Còn Mai thì ra giàn trầu không bứt vài chục lá đem bỏ lẫn vào tráp đựng diêm, thuốc lá, thuốc lào.

Giúp đỡ con, bà Trương vác chiếc thang tre ra vườn sau nhà, trẩy buồng cau, mươi trái bưởi vội đem vào. Bà luôn miệng dặn dò con gái:

– Phải có ý tứ, nghe chưa? Con giai họ chòng ghẹo thì không được híp mắt cười, mà cũng chớ nên gắt gỏng "Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu". Tiền nong phải cẩn thận, con gái mà lơ đễnh thì ruột cũng không còn.

Bà vặn cao ngọn đèn hoa kỳ, ngắm nghía Mai.

– Vào mở hòm lấy cái thắt lưng sồi mới của u mà thắt. Mà phải mặc cái quần lĩnh vào chứ, mặc váy trong đám hội nhỡ ngồi vô ý thì mày bỏ xác mày, con ạ.

Mai thẹn đỏ mặt, cãi bà Trương:

– U đến hay nói! U đã thấy con vô ý bao giờ chưa?

Mai vui vẻ cầm cây đèn con vào buồng sắm sửa.

Một lát, Mai bước ra, bẽn lẽn như cô dâu mới. Thấy con xinh đẹp. gọn gàng, mặt bà Trương hình như tươi lên một chút. Là vì, bao giờ bà cũng muốn giữ trọn câu "Giấy rách giữ lấy lề" của ông Tú, chồng bà, căn dặn lúc lâm chung. Bà không dám để làng xóm khinh rẻ bà về nỗi sa sút cửa nhà, chỉ vì việc làm ma cho ông Tú, bà đã bán ruộng giết bò thết đãi khắp mặt dân. Đã nhiều bữa, mẹ con gài chặt cửa ăn khoai húp cháo trừ cơm. Cũng có khi khoai, cháo chẳng đủ mà ăn nữa. Bà cùng Mai cố tần tảo tháng ngày. Bà nuôi lợn, trồng rau, làm đậu phụng bán cho người trong làng. Mai dành dụm được chút vốn, sắm đôi tráp sơn đựng thuốc lào, thuốc lá, rồi chờ phiên, gánh ra chợ bán. Công sức tần tảo ấy, bình thường cũng tạm đủ, sau những lúc không may gặp phải chuyện gì, hoặc cái Ba ốm, hoặc Mai hay bà Trương ốm, lại thiếu ăn.

Bao nhiêu năm sống như vậy, bà Trương đã mất nhiều nước mắt, mà Mai cũng vì cảnh nhà mà sắc đẹp giảm dần đi. Song Mai được cái tính ít lo buồn. Sầu khổ mấy cũng chỉ khiến Mai ngồi thừ ra một lát rồi chợt thấy đôi chó mèo cắn nhau ngoài sân, hay thấy cô bạn thân nào đến trò chuyện, đùa bỡn, tức thì Mai lại cười giòn giã, lại nói liến láu, át cả tiếng thở dài của bà Trương ở trong buồng. Vô tư lự như thế, Mai luôn bị mẹ mắng. Mai không chừa được, tuy đã thử cố buồn, cố khóc. Có lúc bị mắng xong, Mai dớ dẩn hỏi bà Trương: "U nhỉ, có lẽ kiếp trước con là con chim sáo sậu, là con chích chòe cho nên kiếp này ông giời cứ bắt con phải nói cười

luôn, chạy nhảy luôn. U có tin thế không? Nếu tin thế từ rày, u đừng mắng chửi con nữa nhé".

Mai nhí nhảnh thế nên bà Trương mắng mỏi miệng, rồi cũng phải bật cười.

– Thôi đi đi, kẻo chưa đến nơi, tuần đinh họ đã đóng cổng đình thì khốn đấy.

Mai nhai miếng trầu cho đỏ miệng, soi vội mặt vào mảnh gương vỡ gài trên liếp, rồi đặt gánh lên vai.

Hai chị em ra khỏi nhà mấy bước, Mai dừng chân lại, đổi gánh sang vai, quay đầu nhìn bà Trương đang lích khích chèn chốt cửa. Lòng Mai tự nhiên chua xót, Mai thương mẹ già suốt đời vất vả không bao giờ được an nhàn như các bà Lý, bà Bá trong làng. Chợt nghĩ đến những vụ trộm, vụ cướp xảy ra luôn trong hàng tổng và cũng thường xảy ra ở chính làng mình, Mai băn khoăn lo cho mẹ. Mai toan dặn bà Trương soi đèn kỹ dưới gầm giường, gầm phản, nghe ngóng tiếng chó cắn, tiếng chân đi ngoài xóm, nhưng bà Trương thấy chị em Mai chậm chạp, đã nhìn ra khe cửa mắng:

– Hai con ranh kia không đi, còn nhí nhảnh gì nữa đấy?

Mai khẽ "vâng", rồi rảo bước ra bờ giếng đá, lũ bạn Mai gọi lại, Mai chẳng trả lời. Các cô chế Mai ban nãy, giờ lại chế:

– Cái Mai hãy ngồi chơi ván tam cúc nữa để chờ kết tốt đen. Mày đã có ông tướng điều thì làm làm gì mà chẳng kết.

Họ cười vang lên. Mai cũng vừa cười, vừa rảo cẳng.

Ra khỏi cổng làng, men theo một dải sông đào rất rộng nước lên cao gần mấp mé bờ, chị em Mai đi mải miết. Dưới trăng, đôi bóng mờ mờ in ngang xuống mặt nước sông lấp loáng đậu chỗ này, chỗ khác mấy con thuyền.

Đi hết một ngọn đồi, chợt Mai lắng nghe tiếng trống văng vẳng bay trong gió, cô bồn chồn cả dạ, rối rít giục cái Ba:

– Người ta đã hát rồi! Em chạy đi trước xem có phải đúng phường Lê, nhìn kỹ xem có Tư Sinh không nhé.

*

* *

Tới sân đình, Mai đặt gánh, xuống cầu ao sen rửa chân. Lúc nãy trăng lẫn vào mây, Mai vô ý dẫm phải vũng nước, bùn bắn ướt cả ống quần.

– Kìa, cô hàng thuốc! Từ tháng giêng năm ngoái, đến tháng tám năm nay mới gặp. Chúng tôi buồn, tưởng cô đã lấy chồng.

Mai ngẩng lên nhìn bọn trai làng đứng đông trên cầu sắp sửa ghẹo mình thì đã thấy tức nhưng vụt nghĩ tới lời mẹ dặn, Mai lại dịu dàng đáp:

– Thưa các bác em đã lấy chồng dạo tháng trước rồi.

– Nhà tôi đấy, các anh em chớ có trêu vào.

Cậu con trai ông Chánh trâng tráo gạt bọn kia ra, rồi đỡ hộ quang gánh của Mai vào thềm đình, đắc chí.

Mai khó chịu, song lời mẹ dặn trước khi đi cứ vẳng bên tai, nên Mai chỉ lẳng lặng ngồi bày hàng ra mẹt, cầm dao têm trầu mời khách.

Lòng xốn xang, mấy lần Mai định đứng lên nhòm vào bên trong đình, kiếm cái người Mai vẫn nhớ vụng yêu thầm. Mai chỉ còn trông cậy vào sự che chở của Sinh, mặc dầu Sinh với cô vẫn chưa có dịp nào ngỏ mối tình.

May lúc đó trong sân đình, đám xóc đĩa vừa tụ họp, bọn trai kia kéo cả vào. Thoát nợ, Mai mừng quá, đứng phắt ngay lên, toan sán vào chỗ buồng trò, nhưng cái Ba nắm áo Mai lôi lại.

– Chị không bán hàng ư?

– Chị ngó xem có đúng phường Lê không đã.

– Xem làm gì. Ngồi đây cố bán cho u lấy tiền giả nợ còn hơn...

Nghĩ đến cảnh quẫn bách của nhà, Mai thừ người ngồi xuống. Càng về khuya, trò hát càng hay, mọi người đều ở cả trong đình nghe hát, hàng Mai không ai ra ngồi nữa. Mai dỗ cái Ba nhờ nó coi hàng hộ, rồi Mai đến dãy chấn song gỗ nhòm vào chỗ buồng trò.

Mai thấy kép Sinh, chính thực kép Sinh, đội chiếc mũ lông công dài vút, mặc bộ áo giáp vàng, trước ngực tết bông hoa to bằng lụa trắng, đang ngồi trước gương vẽ lại cặp môi son.

Mai tấm tắc khen thầm:

– Sao lại có người đẹp giai đến thế kia! Ước gì mình được...

Nhưng thầm thẹn với ý nghĩ của mình, cô mỉm cười, đôi mắt

bỗng long lanh sáng, nhìn Sinh. Còn Sinh thì vô tình không để ý đến Mai đứng ngoài bóng tối.

Ngay lúc đó, một cô đào cũng xinh đẹp, cầm chiếc quạt tầu đập vào má Sinh, nhí nhảnh:

– Này anh Lã Bố! Tí nữa Điêu Thuyền này chuốc rượu nằm ngả vào lòng anh, thì cấm anh không được ghì chặt lấy ngực đấy nhé. Tôi dặn trước, kẻo lại như năm ngoái, làm thằng chồng tôi nó ghen đến hộc máu tươi ra.

Nghe những câu cợt nhả ấy, lòng Mai tựa hồ như nổi lên một cơn ghen. Mai rít răng rủa thầm:

– Đồ đĩ dại! Đồ đĩ dại!

Mai chú ý xem kép Sinh có trả lời cô đào ấy không, nhưng Sinh nín lặng. Mai đánh bạo khẽ gõ con dao têm trầu vào chiếc chấn song gỗ. Sinh ngẩng lên nhìn. Thấy mặt Mai, Sinh có vẻ mừng, gật chào Mai, liếc nàng rất đa tình. Mai sung sướng, cơ hồ ngất lịm đi.

Lát sau, đến lượt Lã Bố ra trò. Người ta diễn tích "Phụng Nghi Đình", tích hát Mai chưa có dịp nào xem. Cuống quýt, Mai len vào bên trong coi cho rõ. Giọng hát trong, điệu bộ khéo, lại giỏi trai, kép Tư Sinh tối nay trổ hết tài nghề hiến vui công chúng, nhất là trong số công chúng ấy có cả cô hàng thuốc xinh đẹp, cô hàng thuốc mà đã bao nhiêu năm lăn lóc trong nghề chèo hát, đã gặp bao nhiêu thôn nữ trong bước giang hồ, anh chưa từng thấy cô nào xinh đến thế.

Người ta khen Sinh không ngớt miệng. Roi chầu điểm đến vỡ cả tang trống cái, bọn gái làng ngắm Sinh ngây ngất.

Mai vui thích, má ửng hồng. Cô chưa từng có một cảm xúc nào say sưa, mơn trớn rung động tâm hồn cô như lúc ấy.

Đây là lớp Điêu Thuyền chuốc rượu cho Lã Bố, theo mật kế của Vương Tư Đồ, cha nuôi.

Điêu Thuyền với các bộ điệu lẳng lơ, khi ngửa mình, khi áp má, lúc quàng vai, lúc nũng nịu, lúc lả lơi trên đùi Lã Bố, làm cho mọi người phải đê mê, nhất là các cặp trai gái trong làng đã có tình ý sẵn, lúc này, đưa mắt nhìn nhau cười khúc khích.

Vai đào đã có nhan sắc, lại có tài, ưỡn ẹo trong lòng anh kép đẹp trai, thực là xứng lứa. Cảnh ấy khiến Mai khó chịu. Có khi cô nhắm mắt không thèm nhìn, có khi hậm hực ngảnh trông chỗ khác, rủa thầm:

– Con đĩ! Con đĩ!

Càng đến những lúc Lã Bố ôm Điêu Thuyền nằm ngửa mình trên lòng chàng mà uốn éo, hoặc Lã Bố hôn hít Điêu Thuyền một cách thành thật mê man, Mai càng lồng lộn, càng điên tiết, lắm lúc cô muốn nhảy xổ ra túm đánh Điêu Thuyền một trận mới hả lòng ghen.

Mai mê Sinh quá mất rồi. Cô không muốn một cô đào nào trong gánh hát tranh đoạt nổi yêu thương thầm vụng ấy. Lòng ghen đã khiến Mai quên phắt đi rằng kép Sinh với cô đào kia ôm ấp nhau như thế chỉ là một sự cần trong lúc đóng trò, chỉ là chuyện nghề nghiệp mà thôi.

Những tiếng cười rinh rích của những cặp trai gái xung quanh càng như châm chọc Mai. Cuồng lên, Mai đẩy mọi người, chạy xô ra ngoài sân đình, ngồi ôm mặt. Mai ngồi một mình dưới ánh trăng. Mai tấm tức như một người đau khổ nhất đời.

Cái Ba đã thu dọn gánh hàng cất đi một chỗ. Nó cũng vào đình xem hát tự lúc nào rồi.

Khóc một lúc lâu, nỗi đau dường như dìu dịu, Mai đứng dậy ra ngoài bến sông. Dưới bến có vài con thuyền không biết ở ngả sông nào chở khách đến xem chèo. Mai gặp một người lái thuyền quen sắp nhổ sào đi, Mai gọi:

– Bác gái Năng cho thuyền đi đâu đấy?

– Tôi qua Sơn Tự, cô có về nhân thể thời về.

Để trốn cảnh làm mình đau đớn, Mai muốn về nhà tìm sự an ủi của mẹ già, nên cứ liều mặc em ở lại xem hát, gửi gánh hàng, Mai bước xuống thuyền.

Dưới trăng, thuyền trôi lững lờ. Lòng Mai còn vương vấn với Tư Sinh.

Đến ngã ba sông, thuyền bác Năng vừa rẽ thì Mai chợt nghe rõ tiếng ai gọi tên mình. Mai vội vàng ngảnh lại. Một người đàn ông đứng trên một chiếc thuyền đuổi vừa sát tới. Người ấy nhanh nhẹn nhảy tót sang bên thuyền Mai và nắm chặt tay Mai.

– Cô làm tôi giục bác lái chèo hết hơi đuổi theo mới kịp. Tôi tưởng tôi đang đóng tích "Triệt giang phò A Đẩu" mà tôi là Triệu Tử Long.

Đấy là kép Tư Sinh. Mai hả lòng, hả dạ nguýt dài:

– Ôm ấp con Điêu Thuyền đã sướng chưa? Cái con Điêu Thuyền ấy, tôi ghét cay ghét đắng...

Tư Sinh cười vang:

– Thì ra cô ghen à? Đó là đóng trò chứ có thật đâu mà ghen. Rõ thật đàn bà!

Mai khẽ tát má Sinh.

– Cả cái mặt này cũng đáng ghét lắm kia.

Hai người ngồi xuống đầu thuyền.

Thuyền qua bến Vị Tự lúc nào mà Mai không biết. Mãi đến lúc gà xao xác gáy trong xóm bến, Mai mới khẽ gỡ tay Sinh, rùng mình rũ những giọt sương khuya bám trên mái tóc.

*

* *

Bọn con gái chiều nay lại ngồi bên đống rạ chơi tam cúc như mọi buổi chiều, khi công việc đồng áng xong rồi.

Một cô vỗ đùi Mai:

– Con này lại kết tốt đen à? Ván nào nó cũng có tướng điều giữ kết.

Một cô khác chêm vào:

– Nó có nhân tình làm tướng mà lại. Chả thế, mấy tối nay đình Thượng có hát, có đều chịu khó bò lên, bán hàng.

Bị các bạn chế giễu, Mai không giận, vì lần này cô cho là lần cuối cùng cô vĩnh biệt các bạn, sẽ ra đi.

Nhưng cứ bị giễu mãi, Mai mượn cớ đỗi ra về.

Đi rất chậm trên các con đường nhỏ trong xóm vắng, Mai lẩn thẩn đếm từng chiếc hoa râm bụt, ngắt từng chiếc lá bờ rào, đếm từng ngọn cau, ngọn chuối trong các vườn lân cận.

Trong khi ấy, trí Mai đang mải suy nghĩ một việc quan trọng nhất đời Mai: Mai sẽ liều, Mai sẽ nhắm mắt giữ một lời nguyền, nó có thể làm đau khổ linh hồn ông Tú, phá hoại danh giá của gia đình.

Về đến nhà, Mai đi thẳng ra chuồng lợn. Mai cúi xuống vuốt ve con vật mà Mai đã mất công giã bèo, quấy cám nuôi cho nó lớn, từ đây Mai sẽ không còn được nhìn nó nữa.

Mai rẽ vào vườn, ngẩn ngơ nhìn những luống rau, bồn cỏ, những cây chanh, cây bưởi, cây cam mà hai mẹ con cô bấy lâu nay vun xới

để sinh nhai lần hồi. Bây giờ, Mai bỏ ra đi, mẹ cô sẽ phải làm lụng một mình, khó nhọc một mình.

Nhưng biết làm sao được! Tình mẹ với tình chàng, Mai còn đang cân nhắc bên nào nặng hơn.

Cô xuống cầu ao đứng. Hết nhìn trời, Mai lại nhìn bóng mình rung rinh trên nước. Rồi tẩn mẩn, Mai vén quần đưa một chân xuống nước khỏa, mấy đám bèo trang từ bụi ruối phía bờ bên kia lềnh bềnh trôi tới. Bị sóng, những đám bèo giạt ra xa.

Mai chua xót ví thân mình rồi đây sẽ như đám bèo trôi nổi ấy. Là vì Mai nghĩ đến những ngày, khi đã làm vợ Tư Sinh, sẽ thành một kẻ lang bạt kỳ hồ, lẽo đẽo đi theo phường hát, với một bó giáo, gươm bằng gỗ, đôi hòm vuông cũ kỹ, cùng một bọn người, lang thang kéo nhau đi khắp làng này, tổng khác kiếm ăn. Nhưng tuy vậy, mặc lòng, Mai vẫn khao khát được vào nghề.

Chẳng đã bao lần, Mai được trai gái làng Mai, khi làm việc ngoài đồng, thường khen Mai có giọng hát chèo rất trong, rất đúng là gì? Lời khen ấy đã từ mấy năm nay khiến Mai mơ ước được theo một phường hát nào để đóng vai Thúy Kiều, Cúc Hoa, Thị Kính... tiếng tăm cô sẽ lẫy lừng.

– Chị ơi, u đã xếp xong gánh hàng rồi. U giục chị đi xuống Thượng kẻo muộn như hôm kia đấy.

Mai chậm chạp bước lên bờ. Tần ngần nhìn em một lúc, ruột như thắt lại, Mai ôm em vào lòng thổn thức.

Lại nghe tiếng bà Trương gọi, Mai vội cởi nút thắt lưng bao dốc ra mấy đồng xu nhét vào tay cái Ba, đoạn chạy lên sân.

Mai dừng chân bên đống rạ. Cô não nùng nhìn bà Trương cởi trần, mồ hôi nhễ nhại, đang đổ bèo vào cối giã một cách nặng nề, yếu ớt. Mai cảm thấy lòng mình như tan vỡ. Nước mắt lại chảy xuống ròng ròng.

Bà Trương ngạc nhiên, gắt:

– Cái con ranh này lại làm trò gì đấy. Cứ như con điên ấy, lúc khóc, lúc cười. Khăn áo nhanh lên mà đi chứ, còn trù trừ gì nữa?

Để mẹ giục mấy lần. Mai mới vào buồng, lục hòm lấy mấy cái quần áo cũ giấu xuống đáy chiếc quả sơn đựng thuốc. Cô vấn khăn, chải tóc qua loa, rồi quảy gánh hàng ra.

Mai rụt rè không dám bước qua ngưỡng cổng. Cái ngưỡng cổng mà hồi bé, Mai vẫn ngồi cùng các bạn đánh chuyền, đánh chắt, đánh giải gianh, ngồi mãi đến nỗi khúc tre bương đã lên nước bóng. Cái ngưỡng cổng ghi bao kỷ niệm sâu xa ấy, phút này, Mai bước qua tức là đi hẳn, không bao giờ còn trở lại.

Mai ngần ngừ đứng sững, ngảnh đầu trông mẹ. Cô cố nén tiếng khóc để giã từ:

– U ở nhà, con đi! Em Ba ở nhà, chị đi!

"Đi" đây, là "chết", là vĩnh biệt. Nước mắt lại trào xuống như mưa. Mai phải cắn môi dưới cho đau, phải kéo khăn vuông mỏ quạ xuống che kín mặt cho mẹ khỏi ngờ.

– U làm nhớ... con đi! Em Ba hầu u cho ngoan ngoãn... em giã bèo giúp u nghỉ tay một lát...

Bà Trương gắt mấy lần nữa, Mai mới ngập ngừng bước qua ngưỡng cửa ra đường.

Những con dơi trên các ngọn cau đã bắt đầu tới tấp bay ra săn muỗi trong bóng tối. Cái Ba lúi húi thổi mồi rơm châm đóm đốt đèn.

Nặng nề, bà Trương gạt mồ hôi, giơ hai cánh tay chỉ còn da bọc xương cố nâng chiếc chày nặng giã bèo. Tiếng chày đâm thình thịch xuống lòng cối đá, âm thầm như tiếng chày người ta nện xuống nắp quan tài.

*

* *

Có lúc bước nhanh như người chạy trốn, có lúc đi chậm, đổi gánh nặng sang vai, Mai buồn rầu nhìn lại phía làng Trung Tự đã mịt mờ. Nhưng hình ảnh bà Trương với cái Ba, hình ảnh mái nhà tranh với vườn rau cải, vũng ao bèo vẫn phảng phất hiện ra trước mặt Mai. Mấy lần, Mai đặt gánh ngồi bệt xuống bãi cỏ rìa sông, bưng mặt khóc. Mai cảm thấy lúc này mình là người đau khổ nhất đời. Khóc như vậy một hồi lâu, mà nỗi đau khổ ở lòng sao chẳng vơi được tí nào, Mai bực tức nhổ cả một mảng cỏ lên ném xuống nước sông; sau cùng, Mai nắm tay đấm vào ngực, vào mắt, tự mắng mình như hóa dại: "Tại sao mày nỡ bỏ mẹ già, em dại, theo giai? Mày là con đĩ, con đĩ!...".

Khóc chán, Mai gục đầu xuống cánh tay, nhắm mắt, mặc cho lòng chết lịm trong cơn đau đớn. Rồi bàng hoàng, Mai tưởng tượng Mai là một đứa trẻ thơ ngồi đây chờ một ông Bụt, một ông Tiên nào

đó hiện thành ông lão ăn mày, tóc bạc phơ phơ, tay cầm gậy trúc sắp đi qua. Ông lão ấy sẽ an ủi Mai, hoặc khuyên can Mai phải trở về với mẹ già, em dại, y như trong truyện cổ tích mà thuở bé Mai đã vòi bà Trương để đi kể lại biết bao lần.

Thực vậy, chỉ có ông Tiên, ông Bụt mới khuyên nhủ Mai trở lại được thôi. Chứ chính Mai, cô đã chịu thua lòng, chịu thua sức cám dỗ của tình yêu, của Tư Sinh.

Gió đồng thổi lộng, chợt đưa đến bên tai Mai những tiếng trống chầu khoan nhặt ở phía đình làng Thượng.

Như bị ma run rủi, Mai đứng phắt dậy, lau nước mắt, đặt gánh hàng lên vai, bước rất nhanh. Cô không quay đầu ngoái lại, rặng tre xanh mờ mịt lùi dần, xa dần sau chân bước.

*

* *

Con gà trên đầu thuyền bác lái Năng đã ba lần gáy sáng.

Mai ra mạn thuyền nhúng chiếc khăn xuống nước sông rửa mặt, rồi cô đứng ngoài khoang rũ tóc, cầm lược chải. Gió mai hây hẩy mát, thổi tóc bay phất phất. Cô nghiêng mình soi bóng trên mặt nước trong, vội vấn khăn, vuốt lại thân áo nâu non bị nát nhầu.

Bẽn lẽn, Mai cảm ơn bác đĩ Năng đã cho ngủ đỗ một đêm, đoạn Mai bước lên bờ.

Mai bỡ ngỡ đi sâu mãi vào các xóm làng Sơn Thượng. Gặp anh mõ, Mai nhờ hắn chỉ bọn phường Lê ngụ ở chỗ nào sau đêm hát. Hắn chỉ lối cho Mai đến điếm canh cuối xóm Đông.

Mai rảo chân tìm tới đấy. Đấy, chỉ là một túp lều gần đổ nát, bốn bề vách thủng, bịt bằng lá chuối xác xơ. Đấy, chỉ là một túp lều quá tồi tàn mà ngày thường dùng cho ăn mày chúi nấp, ngày làng đình đám thì dành cho phường chèo tạm trú để chờ đến tối lại dắt díu nhau gánh hòm mũ áo ra đình làm tướng, làm vua.

Rón rén đứng ngoài vách nhòm vào, Mai thấy cả phường Lê trong đó.

Ôi chao lúc này, Mai cảm thấy vùng trời xanh đổ xuống đầu cô, cũng như một thế giới đầy mộng đẹp mà mấy ngày nay cô ôm ấp, bỗng nhiên vụt biến đi, tàn nhẫn, bất ngờ.

Mai lặng người trước một cảnh tượng mà Mai cầu rằng nó chỉ có trong giấc mộng hãi hùng mà thôi.

Cô giương mắt nhìn mấy người đàn bà da mặt nhăn nheo xanh như bọc một lớp rêu, đang bắc nồi cơm lên ba hòn gạch, chúi đầu xuống thổi cho củi cháy. Thỉnh thoảng một người lại chạy ra chỗ ổ rơm vỗ đứa trẻ gày còm khóc thét lên vì đói. Cạnh đấy, cạnh đôi hòm vuông nước sơn bong gần hết, dăm ba người đàn ông, kẻ cởi trần trùng trục da đen thui thủi, kẻ quần nâu, áo vải rách rưới, nằm co quắp lấy nhau, há miệng ngáy khò khè. Bên trong, một người mà Mai trông ngờ ngợ: một người gày guộc bộ mặt hom hem, da nhợt như chàm, thâm trứng cá, tóc rũ rợi dính mấy sợi rơm, bọt mép chảy lầy nhầy xuống dưới cằm, nằm ép sườn bên khay thuốc phiện tắc đèn, nghẹo đầu bên chiếc gối gộc tre mà ngủ.

Liền bên cái "xác chết" ấy một cô gái mà Mai trông cũng quen quen: một cô gái mặt phù, da sần sùi gần như da cóc, cởi trần, yếm tuột hở cả đôi vú sữa, nằm gối đầu lên cánh tay ghẻ lở của một lão già, còn hai chân thì gác lên cả bụng anh chàng nghiện ngập kia.

Mai hồi hộp nhìn thật kỹ. Cô đau lòng nhận ra hai người đó chính là chàng... Lã Phụng Tiên Lã Bố với ả Điêu Thuyền. Hai người đã làm cho cả phường Lê nổi tiếng. Hai người đã khiến bao nhiêu già, trẻ, gái, trai đều yêu tài, mến sắc! Hai người đã làm cho Mai ghen và cảm, đã làm Mai bỏ mẹ, lìa em để đi theo mà yêu, để chiếm đoạt mà thắng, để nhập nghề... lang thang khắp nơi, khắp chốn, theo chàng cùng say kiếp bèo mây...

Hoài vọng tan như huyễn mộng. Bây giờ đây, Mai chỉ còn một tấm lòng nguội lạnh, một cảm giác chán chường, ghê tởm.

Cô nhẹ như chiếc bóng, đi giật lùi mấy bước, rồi vội vã quay mình chạy vụt ra ngoài xóm.

Đến bờ sông, thấy thuyền bác đĩ Năng vừa nhổ sào về Trung Tự, Mai cuống quýt đuổi theo, vẫy gọi, nhờ bác cho đáp trở về làng.

Khi bước được xuống thuyền rồi, Mai tựa hồ mới thoát được một tai nạn gì ghê gớm. Cô xiết chặt tay bác đĩ Năng, nhìn bác bằng đôi mắt sáng:

– May quá! Chậm chút nữa thì cháu bị nhỡ chuyến đò!

1938

Theo *Cô gái làng Sơn Hạ*,

Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1989.

PHẤN HƯƠNG

(Truyện ngắn)

Bạn làng chơi chẳng lạ cái ngõ hẻm đầy người, đầy rơm rác, nặng một... "mùi bần tiện", một "mùi hạ lưu" ấy, tại Hà thành.

Nhưng đấy là một chỗ ăn chơi, thật là một chỗ ăn chơi huyên náo, cuộc vui bắt đầu từ lúc sáng đèn.

Bước chân vào ngõ ấy, vào giờ vui ấy, tức thì người ta quên mùi nước cống mà để cho khứu giác xúc tiếp ngay với mùi thơm của một tiệm cao lâu ầm ĩ những tiếng hò hét của các ông chiệc đang đánh bài cào, mạt chược, và những tiếng đàn ca lanh lảnh của các cô đào Tầu mua vui cho khách đến ăn.

Liền đấy là rạp hát tuồng, một rạp hát tuồng trường thọ nhất và được khán giả hoan nghênh nhất. Ngoài cửa bao giờ người ta cũng thấy treo tấm biển: "Tối nay đại diễn..." chữ viết bằng phấn nước mềm mại quá, khiến người ta càng ngắm càng yêu. Mấy tầu lá gồi quấn ngoài cửa rạp đã héo vì nắng gió, chiếc đèn lớn làm theo hình tấm hoành phi, phơi mãi ngoài trời, nên những chữ cắt dán hồ đã rơi rụng từng nét một, và giấy bạc hết màu, thủng rách từng miếng lớn, trơ lại khung tre.

Đó là buổi hát đặc biệt, người ta nô nức đi xem. Vì người ta chú ý ngay tự lúc chiều: một chiếc ô tô tã phun khói mù đường, trên chở một tấm biển lớn kê tên tích hát, và năm bảy đào kép, mặt phấn môi son, mũ giáp lịch sự như Tiết Đinh Sơn, Phàn Lê Hoa nhà Đường; dữ dội, xấu xí như Chung Vô Diệm, Bao Công đời Tống. Những danh nhân thời chinh chiến ấy ngồi chồng chất lên nhau, chiều chiều đi riễu hết các phố ta trong tỉnh, phơi mặt hề dưới nắng chiều hè còn nóng rát, hoặc dưới mưa gió buốt những chiều đông. Họ đã quen với khán giả lắm rồi, mà dân các phố cũng thích nhìn những bộ mặt ghê gớm ấy, vì họ cho là một trò vui mắt, vui tai.

Hà thành thời đó không thiếu gì những sự ngang tàng. Muốn gặp những cái ngang tàng ấy, phải đến cái ngõ hẻm này, chỗ đấu chọi của các tay chơi.

Phong trào đâm chém của đảng Càn Long đang thịnh, cho nên những tay anh chị luôn luôn giắt roi da, dây điện, dao, búa làm khí giới cần dùng trong lúc thị uy để tranh cướp một con đĩ thập thành, hoặc một con sen ngoài máy nước. Nhất là ở cửa rạp hát tuồng trong cái ngõ đầy người, đầy rơm rác, đầy ruồi muỗi – âu là tôi cứ gọi thẳng tên nó là ngõ Sầm Công – dân Càn Long càng muốn trổ oai, hoành hành như những ông tướng đóng tuồng. Người lịch sự phải gớm mặt các ông tướng đó, vì mỗi khi họ cần cà khịa, nhe chiếc răng đồng cười nhạt để thử gan một ông diện sang đi với một cô nhân tình xinh đẹp, thì tốt hơn là ông ấy cứ lẳng lặng mà đi.

Nhưng các ông tướng Càn Long lại rất nhún nhường, nịnh hót những ông tướng đóng tuồng, vì họ cần những ông này truyền cho họ dăm ba miếng võ tuồng.

Được nói chuyện với một kép hát trứ danh là một điều hãnh diện. Vừa thấy mặt ông kép, mặt xanh xao đầu tóc rối bù, vận quần áo cánh lụa, nghênh ngang rẽ đám đông người vào rạp, là mấy ông tướng Càn Long chạy đến chào hỏi, mời kéo ra một hàng nước để thết miếng trầu, hay cốc nước chanh.

Ở thời ấy, đào kép hát tuồng được người ta yêu mến như bây giờ người ta yêu mến những màn ảnh..., nhưng thời ấy qua rồi!

Ngày nay người ta thích chớp bóng, thích cải lương Nam Kỳ, người ta quên hẳn nghề hát bội, quên những người, chừng mươi mười lăm năm trước, đã được họ nhắc nhở luôn luôn, đã được họ ngắm những chân dung lồng trong kính treo ngoài cửa rạp, như ngắm một bậc vĩ nhân thế giới.

Phong trào của kịch trường mới đã đẩy họ lùi vào dĩ vãng tối tăm, hoặc đưa họ về những nấm mồ. Họ đã chết hay đang sống không nghề nghiệp, hay là đang hấp hối, thở nặng nề và tiếc than nghề cũ, thời xưa.

Đã lâu lắm rồi, tối nay mới đi qua cái ngõ chật người, đầy muỗi, ngạt mùi hôi hám ấy.

Tôi đã vì một sự bất đắc dĩ mà chui qua một khung cửa gần như đổ sụp xuống đầu tôi, và tôi đã đứng trong một căn gác gần như hũ nút. Bạn tôi bảo tôi ngồi xuống chiếc giường có sẵn một người nằm bên khay đèn thuốc phiện chưa lên lửa. Người nằm đó ngồi nhỏm lên, vơ chiếc rẻ lau khay đèn để chùi mũi, nhìn chúng tôi không biết

nói câu gì. Bạn tôi lẳng lặng đặt giữa lòng khay đèn một hộp thuốc một đồng rồi giới thiệu cho tôi rõ người đàn bà ấy xưa là một danh ca của nghề hát bội.

Nàng là Bảy Hoa.

Tôi tưởng đó là lời giễu cợt, nhưng không, ai lại giễu cợt một cái đau thương, một hiện hình của cái dĩ vãng sầu thảm ấy. Vậy thì Bảy Hoa, chính thị nàng. Nàng xưa là Sắc đẹp, xưa là Tài hoa, xưa là tất cả những lời Tưởng lệ, mà nay, trái lại... tôi rất ngại ngùng vì phải tìm những chữ chẳng văn hoa để tả hình dung người đàn bà ấy.

Bảy Hoa! Tên nàng đã in vào óc tôi tự ngày còn nhỏ. Tôi bỏ học, nhịn ăn quà để lấy tiền xem hát, cũng như để thuê những truyện La Thông tảo bắc, Chinh Đông, Chinh Tây, Thủy Hử, Tùy Đường. Mê xem hát và ham đọc tiểu thuyết Tầu đến nỗi bị thầy tôi treo ngược chân lên cành cây mà đánh, bắt nhịn cơm đến hai ba bữa, me tôi xin hộ mới thôi.

Tôi thuộc tên các đào kép hơn là thuộc tên các cổ nhân trong sử ký, tôi thuộc tích hát hơn là thuộc những bài học ở trường.

Nhất là Bảy Hoa, cái tên dễ nhớ làm sao! Tôi mê sắc đẹp của nàng – tôi chỉ biết mê thôi, bởi vì tuổi thơ ngây tôi đã biết gì là yêu. Tối nào đi xem mà Bảy Hoa không sắm trò thì tôi chán ngán chỉ muốn về. Không được đi xem, tôi nằm mê thấy Bảy Hoa, tôi thấy Bảy Hoa hiển hiện trên trang sách học, trong bóng ngọn đèn. Tôi vui thích mỗi khi Bảy Hoa đóng võ chém một tướng Phiên; tôi hồi hộp mỗi lần Bảy Hoa bị trúng mũi tên, xõa tóc than thảm thiết bên bức phông vẽ cảnh núi rừng.

Không bao giờ Bảy Hoa sắm vai đào phụ, vì người ta phải kính trọng cái danh tài nghệ của nàng. Nhiều lần, chen lách vào lấy được chiếc vé hàng ghế cuối xong, tôi ra cửa thở, và tôi đã phát ghen với mấy ông người rất sang, khoác tay Bảy Hoa lên chiếc xe hơi, đưa đi ăn uống trước giờ nàng vào rạp sắm tuồng.

Bảy Hoa đẹp như thế, tài danh như thế, ai mà chẳng đón đưa.

Bảy Hoa lại được hãng thu thanh mời hát vào đĩa nhựa. Tôi xin thầy tôi mua tất cả những đĩa có bài hát của nàng, và tôi cam đoan rằng được vậy tôi sẽ không dám trốn học đi coi hát nữa.

Thế là ngày đêm tôi đã có Bảy Hoa ở bên mình, ở chung quanh giường ngủ, ở trên bàn giấy, và Bảy Hoa theo tôi về tận nhà quê,

trên bãi cỏ, hát cho tôi nghe dưới bóng cây râm mát giữa cánh đồng. Trời ơi! Giọng ngân dài và thảm như tiếng tiêu sầu, nỉ non và thấm thía như lời than thở ấy, tôi không mê mệt làm sao: Này là lớp Hán Sở tranh hùng, Ngu Cơ khóc biệt Hạng vương trên bến Ô Giang vắng buồn khúc địch *Trương Lương*... Này là lớp Bàng phi quỳ ôm gối Nhân Tôn, kéo dải bào vân lạy quân vương xin cho khỏi tội tử hình... Này là lớp Bạch xà bị tiên ông hãm trong tháp ngọc... Đát Kỷ làm nũng Trụ vương đòi ăn gan nuốt mật kẻ hiền thần...

– Bảy Hoa ơi! Thời xưa mất hẳn rồi.

Tôi ngậm ngùi thương người đẹp ấy, nàng danh ca ấy, tối nay, một tối mưa đông buồn lạnh, một tối mà không biết vì đâu, lòng tôi cũng lạnh buồn như mưa. Cuộc gặp gỡ Bảy Hoa, hình sắc Bảy Hoa càng khiến lòng tôi thêm chán ngán, và quả như lời kẻ chán đời thường than thở, cuộc sống của con người ngắn ngủi quá chừng.

– Vừa mới năm nào!

Ừ, vừa mới năm nào Bảy Hoa còn được đời mến chuộng, đón đưa... mà nay thì thân tàn ma dại, mình gày bọc mảnh áo vá tanh hôi.

– Bảy Hoa hiện nay làm nghề gì cho đủ sài, đủ hút?

Nàng tiêm thuốc trả lời:

– Con biết làm gì nữa! Nghề hát đã phế bỏ rồi. Chỉ còn một cách tự tử, hoặc sống mà ăn xin cho qua bữa.

Câu nói ấy se lòng tôi lại, nhưng Bảy Hoa vẻ mặt thản nhiên, vì có lẽ nàng đã dùng câu đó để đáp nhiều người, như tôi, đã thương hại hỏi nàng.

– Ông ạ, bọn anh em chúng tôi nay sống ít, mà chết thật là nhiều. Tôi đã đi đưa đám những bạn tôi, hồi còn có sức; nhưng nay yếu đuối rồi, tôi chẳng còn sức mà đi đưa đám nữa. Sau khi mất nghệ, chị Tám mà nay còn đĩa hát đấy, đã chết vì đau phổi, anh Sáu đã bỏ mạng bởi thiếu xài... còn kẻ sống sót như anh Hải thì soạn vở cải lương, như chị Thanh, chị Cường thì đi làm đĩ... "Còn tôi, tôi chỉ còn đủ hơi chờ một ngày rét quá một buổi chiều u ám quá...".

Bảy Hoa thở dài.

Tuy căn gác tối như hũ nút, tôi cũng cố tìm xem có vật gì đáng giá ít nhiều, nhưng không. Tôi chỉ thấy trên tường đầy khói ám, mấy tấm ảnh lồng trong khung kính vỡ treo lệch lạc: ảnh Bảy Hoa chụp hồi còn trẻ. Bức thì chụp nàng mặc áo giáp tầu sấm vai nữ

tướng trên sân khấu, bức thì chụp nàng ôm bó hoa to che gần kín ngực, tươi cười.

Bảy Hoa của thời xưa sắc tài đang lừng lẫy đấy! Bảy Hoa trước mười năm đã qua rồi!

Tôi lại bước chân vào cái ngõ hẻm đầy người, đầy rơm rác, đầy ròi nhặng, đầy "mùi bần tiện, mùi hạ lưu" ấy một đêm sau, mưa gió lạnh lùng hơn, trời đất thảm sầu hơn. Và tôi lại khom lưng chui qua khung cửa thấp, trèo lên cái thang ọp ẹp gần sụp đổ, ngồi nhìn Bảy Hoa tiêm hết hộp thuốc lớn tôi mua tặng, nhìn những bức ảnh lúc thiếu thời treo trên vách bẩn nhện trăng.

Nàng ôn cho tôi nghe những tích hát nàng thích, những đoạn tình kỳ dị, những người yêu thủy chung, si ngốc hoặc là đểu giả lọc lừa...

Tôi ngỏ cho nàng biết lòng tôi yêu mến sắc tài nàng hồi còn thơ nhỏ. Nàng ngước mắt nhìn tôi:

– Trời ơi, đã lâu lắm tôi mới được nghe một người, là ông nhắc đến sắc đẹp của tôi, nhắc đến một cảm tình gửi tặng tôi... tôi sung sướng quá...

Bảy Hoa ngồi nhỏm dậy, lôi một chiếc hòm gỗ đầy bụi bặm ở gậm giường, mở lấy một gói giấy to... Nàng run tay trịnh trọng mở gói giấy đó ra, khẽ đặt lên lòng tôi.

–Đây là những bó hoa năm xưa, nhân dịp diễn giúp dân bị nạn, quan Đốc lý đưa tặng tận tay tôi..., đây là bó hoa của một người... một người đã mất cả gia tài, cơ nghiệp vì tôi..., đây là những bó hoa của một số đông khán giả..., đây là..., nhưng thôi, nó nào phải là những bông hoa tươi thắm như nhan sắc tôi năm ấy... nay chỉ là một đống lá khô, cánh héo, hương sắc không còn.

Tôi bùi ngùi đưa trả lại nàng những bó hoa khô...

Nàng khẽ tiếp:

– Giờ trót đời tôi ước gì lại được bó hoa tươi của ai tặng nhỉ!... Có một đêm tôi nằm mê thấy được như thế đấy,... Song đùa vậy mà chơi, chứ đó chỉ là một giấc mơ mà!

*

* *

Mấy ngày sau, vào một buổi chiều trời u ám, lá rụng nhiều, gió thổi nhiều, tôi đi lang thang trên bờ hồ Hoàn Kiếm, rồi qua chợ Đồng Xuân... Chợ đã tàn, chỉ còn một cô gái bán hoa, trên rổ còn một bó hoa gần héo úa. Nhìn cô gái bán hoa mặt buồn rười rượi, quần áo tồi tàn, tôi tưởng tượng đến cảnh gia đình nghèo túng của cô, tôi vét tất cả xu trong túi mua bó hoa tàn úa rồi đi.

Đang lúc không biết dùng bó hoa ấy làm gì, thì một chiếc lá rơi xuống đầu tôi, một hơi gió nhè nhẹ thổi qua tai tôi như hơi thở của một người gần chết tôi vụt nhớ đến Bảy Hoa. Vội vàng, tôi quay lại nhà nàng.

Nghe tiếng giầy vừa dẫm cọt kẹt trên sàn gỗ nát, Bảy Hoa đang thiêm thiếp bên khay đèn không lửa, bỗng mở mắt nhìn tôi, gượng cười...

Ngồi bên nàng, tôi ngạc nhiên vì thấy đầy mình nàng rắc kín những cánh hoa khô héo mà người ta đã tặng nàng, nàng đã cho tôi xem đêm nọ. Nàng nắm tay tôi, thở phì phào:

– Ông làm ơn mở rộng cái cửa sổ kia ra, cho tôi nhìn thấy trời một lần chót nữa.

Tôi kính cẩn nâng bó hoa mua ban nãy, ghé tai nàng:

– Bảy Hoa, tôi tặng bà bó hoa này, tôi tặng bà tất cả tấm cảm tình của tôi hồi thơ nhỏ... và tôi cầu cho linh hồn bà siêu thoát...

Mắt sáng hẳn lên, nàng đỡ bó hoa đặt lên miệng hôn, rồi ấp trên ngực, hơi nhếch đôi môi xám nhợt:

– Ông đã làm giấc mơ của tôi thành sự thực, ông đã cho bó hoa cuối đời..., ông ơi, tôi mãn nguyện quá, vui thỏa quá...

Rợn người, tôi cúi đầu trước thi thể Bảy Hoa trong căn gác khi ấy ngoài trời mưa gió vẫn thở dài.

In trong *Phấn hương*, tập truyện ngắn,
Tân Dân xuất bản, Hà Nội, 1939.

ĐẤT

(Truyện ngắn)

Ông già Bút đầm mình trong ruộng nước với con trâu. Người và vật làm việc quần quật từ buổi ngọ. Nước trắng trải rộng đến chân trời. Những cột dây thép xi măng đứng chôn chân dưới nước, chạy một hàng xa tắp. Đôi chỗ, có một vài lùm cây nhô lên, như nổi bồng bềnh. Những bụi cói và những bụi liễng xanh phơ phất. Một hai chiếc cò bay đến đậu, không kêu một tiếng, mất bóng đi trên cánh đồng ngập nước vút hơi may.

– Vrắt!... Họ!

Con trâu bước hụt vào chỗ trũng. Nước bùn bắn tóe lên. Con vật lắc sừng, phì, hục hặc. Nó đi mấy bước rồi đứng lại bướng bỉnh. Tiếng con nghé kêu trên mặt đê cao xanh rờn cỏ non. Con mẹ nghếch mõm, vểnh tai, mắt đỏ ngầu, lơ lác.

– Vrắt!... Vrắt...

Con vật bị thúc giục lại nặng nề cất bước. Nước vẩn đục chấm ngang bụng nó. Chiếc cày chìm hẳn, cán chỉ thò lên một tí khỏi mặt nước. Ông Bút lừ lừ theo con vật như người đánh dậm theo lưới. Nửa mình ông nhô lên, hạ xuống, lắc lư tựa cái phao trên dòng sông có sóng.

– Vrắt!...

Đầu con trâu chúi xuống. Tiếng phì thêm mạnh, mũi cày vướng, nặng, có lúc không nhúc nhích.

– Khổ! Mệt rồi, vừa đẻ ít ngày đã phải cày non.

Người thương vật, ông già Bút cũng thở phì phì, lấy sức lay cày, vuốt nước bùn bám lên đầy râu tóc.

Hai chân ông lần mò, đờ đẫn tìm bờ ruộng, tìm gò bố, cho trâu lên chân đê.

Mây mù. Cả ngày hôm ấy không có mặt trời, bóng tối xuống nhanh, tưởng chừng trông thấy.

Ông Bút còn cách bờ đê một quãng. Con nghé đang gặm cỏ trên mặt đê, vừa kêu vừa chạy xuống đón mẹ. Một chiếc xe tay đi tới.

Người phu lật đật tránh con nghé, cáu kỉnh, chửi mấy câu. Anh ta chửi con vật, chửi cả kẻ nào đi chăn mà không trông.

Ông Bút ngẩng lên. Ông ta mở to đôi mắt lèm nhèm nhìn người ngồi trong xe, lẩm bẩm:

– Quái, ai như cậu Tú nhà...

Ông bì bõm khẽ hất cái cày cho con trâu đi nhanh. Xe trên đê cũng vừa vặn đến gần. Ông Bút không ngờ gì nữa, gọi rối rít:

– Cậu cả, cậu Tú! Cậu mới về.

Thái bảo đỗ xe. Nhìn thấy người lão bộc già nua của gia đình anh, làm lụng khó nhọc, anh thấy lòng nao nao buồn và thương xót.

Nước ruộng bắn lên mặt khô đi thành những mảng bùn lờ đờ đổ chát loang lổ trên mớ tóc hoa râm búi củ hành và bộ mặt đen bóng có cái trán hói, vết nhăn chằng chịt, bộ râu cằm ngắn cụt.

– Khốn khổ, suốt tháng quanh năm nhem nhuốc vì ruộng đất.

Con trâu đã tới bờ. Khi nó cất được hai chân sau lên thì bùn và nước cũng bắn theo. Con nghé vừa xuống tới, chạy quanh mình mẹ, rúc vào bụng mẹ như lúc bú. Con mẹ phì phì hít hơi con, rồi ra sườn đê gặm cỏ nhai rào rạt.

Ông già Bút mình chỉ còn có mảnh khố, đặt cày xuống đất, tươi cười:

– Lâu lắm cậu mới về.

Thái đáp:

– Về, buồn chết đi ấy. Vả có việc gì mà về.

Mặt ông Bút hơi tối lại. Thái biết ông đau đớn vì câu nói kia, tuy anh cho là thực tình, nhưng ông, một người suốt cả một kiếp chỉ bám chặt lấy làng, lấy xóm ắt phải cho là tàn nhẫn. Nên anh nói lảng đi:

– Nước đã lên, lại mưa mãi...

Câu nói bỏ lửng không đâu. Anh trèo lên đê. Ông Bút gạt mấy con đỉa bám ở đùi mình và ở bụng con trâu, chắp tay đáp:

– Vâng, xin rước cậu về trước. Cháu ra sông tắm qua cho trâu rồi cháu về thổi cơm cậu xơi.

Thái hơi khó chịu về dáng điệu quá lễ phép của người đầy tớ già.

Ngồi lên xe, anh nghĩ đến ngày nào, mỗi lần anh theo ông cụ thân sinh về làng là họ hàng, gia nhân ra tận đây đón rước làm ra quan trọng lắm. Ai nhìn cậu con cụ lớn cũng tỏ vẻ kính cẩn, mặc dầu anh chỉ mới là cậu bé mười tuổi, học ở tỉnh còn ăn quỵt tiền quà và đánh nhau như giặc.

Thái đưa mắt nhìn chung quanh. Ruộng nước, cỏ cây, con đê chạy dài, cột dây thép sừng sững trên bến đò Tân Đệ. Cảnh vẫn như xưa. Thái mỉm cười, ngửa mặt hứng những hạt mưa bụi lúc bấy giờ bắt đầu bay trắng như sương chiều.

Ờ, cảnh thì vẫn như xưa. May mà mình có thay đổi đi đấy chứ, nghĩ là mình đã ba mươi tuổi và bây giờ thì đứa con hoang trở về làng thui thủi có một mình với chiếc va ly nát và đôi giầy rách.

Nhìn xuống đôi giầy, anh muốn cười to một tiếng. Nhưng ý nghĩ hoan lạc mà chua chát đó bị bạt đi vì tiếng động cơ của chiếc ôtô hàng chạy dưới con đường thuộc địa. Thái nhìn xuống. Cái ôtô sơn đỏ bên sườn xe vẽ rồng vẽ phượng chật ních người ầm ầm chạy đến. Trong xe sau lưng tài xế, có một thiếu nữ mặc áo tím, đeo kiềng vàng. Nhìn cái búi tóc trễ tràng rơi xuống cái cổ trắng tròn thon thon, tuy xe chạy nhanh, Thái cũng nhận ra cô gái ngồi trên xe là con ông Bang tá Trịnh.

"Chờ ngày chúng nó lớn lên là ta cho chúng thành vợ thành chồng. Chỗ anh em mình, có con ta gả cho nhau...".

Lời đính ước của ông thân sinh Thái với ông Bang, vụt trở lại tâm tưởng Thái. Anh mỉm cười:

– Thế mà chẳng nên duyên số gì.

Anh chặc lưỡi:

– Càng hay! Và cũng may!

Nhưng bóng dáng một bàn tay nhỏ trắng muốt vịn ra ngoài thành xe, còn mơ hồ hiện ra như con bướm trắng đang bay trước đôi mắt lim dim của Thái.

Khuôn mặt một người có bệnh lao bỗng làm rợp tối tâm hồn anh lại. Người bạn thân nhất, trơ vơ như anh ở cõi đời. Sáng hôm nay, anh vừa cầm tay chào bạn ở nhà thương Cống Vọng. Anh hẹn bạn về thăm quê ít ngày.

– Thưa cậu, cầu Ngải kia rồi.

Thái xuống xe. Anh có ý nhìn người phu. Thấy hai hố mắt sâu tím của anh ta giống hệt mắt bạn mình, Thái ngảnh vội đi. Một cảm giác ghê lạnh chạy khắp da thịt Thái. Anh cho anh ta thêm tiền và xách va ly vào trại.



Không khí rộng rãi đượm mùi hoa lá, mùi đất ẩm, khiến Thá ngây ngất một đêm sống hiền lương. Anh lắng nghe tiếng gió thầm thì xô động trong khu vườn tối. Tiếng sàng gạo ở gian nhà bếp ngh rào rào như mưa khuya.

Một ánh lửa le lói sáng, qua lại sau các gốc chanh, gốc bưởi.

Thái ngồi ở thềm nhà trên. Anh biết cô con gái ông Bút đan vừa làm gạo, vừa sửa soạn một bữa cháo khoai đãi mình. Cô ta m đâu chừng mười lăm, mười sáu tuổi. Da đen ròn, được cái đôi m sáng và khuôn mặt trái xoan, càng nhìn càng thấy duyên.

– Con bé mới ngày nào bé tí, thấy mình về là xin xu, thế mà bây giờ đã biết thẹn, biết trốn lẩn rồi.

– Cậu Tú xơi cháo nhà quê nhé. Để cháu nấu một thứ cháo ngon lạ lắm.

Cô ta đánh bạo cười nói với anh như vậy và lúc nãy ngồi bên bể nước gọt vỏ khoai lang, cô ta đã đứt tay và cố ý để cho Thái ở trong nhà nhìn thấy ngón tay mình chảy máu.

Lúc này bàn tay đen đủi của cô gái quê mùa lại nhắc anh nhớ tới bàn tay cô gái con ông Bang. Con bướm trắng chập chùng trong bóng tối. Con bướm ấy giờ này đậu vào đâu, trên mớ tóc nào? Anh hình dung một cái mặt béo tròn, đôi lông mày rậm, cặp môi dày trong đêm tối đặt lên bàn tay ai, – như lúc này, đôi mắt anh, đôi mắt buồn thờ ơ tìm cái bóng xa mờ của con bướm trắng.

Thái bước ra vườn. Ánh lửa điếu thuốc lá chấm một vệt đỏ lửng lơ và di động theo chân bước.

Bóng một đứa trẻ chập chững chạy reo, ngã vào cánh tay người mẹ đưa ra đón...

Vết chân đứa trẻ rêu xanh năm tháng đã phủ kín đi rồi. Dư âm của ngày xưa cũ thầm thì trong tâm tưởng anh, xa lạnh như luồng gió may.

Hai cánh tay ấm áp kia không bao giờ còn có nữa. Chỉ có những bàn tay hững hờ.

– Mời cậu Tú vào xơi cháo cho nóng.

Que diêm lóe sáng lên châm điếu thuốc khác. Cô gái con ông

Bút tiến đến gần. Ánh lửa khiến cô nghiêng đầu và đôi mắt đen khẽ chớp.

Thái quên châm thuốc. Anh nhìn cô gái dậy thì e thẹn. Bụi cáu bám trắng tấm khăn vuông vải chéo go, dưới nếp khăn mấy sợi tóc rủ bơ phờ xuống khuôn mặt thơ ngây, trong sáng.

Ăn cháo xong, ông Bút cầm đèn đưa Thái vào buồng ngủ. Mùi ẩm hôi hám của căn buồng xông lên khó chịu. Anh ngồi xuống cái giường nan tre. Anh hoang mang nhớ xưa kia bà mẹ đã sinh ra anh ở gian buồng này và ngày bị bệnh đã nằm và chết ở đây. Kỷ niệm đến với anh, như vệt nắng tàn trong đám bụi mong manh xa vắng.

*

* *

Ông Bút hôm nay nghỉ cày, ở nhà cuốc đất vườn.

Thái dậy muộn. Suốt đêm qua rệp, muỗi đốt, anh chỉ chợp mắt đi về hồi gần sáng.

Anh ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ. Ánh nắng nhạt yếu lọt qua lá cây hắt xuống cái mình đen trũi của ông Bút.

Những nhát cuốc reo mạnh, cánh tay ông Bút tuy già rồi mà vẫn nổi hằn bắp thịt.

Ý định của anh, anh thấy sáng hôm nay cần phải ngỏ qua cho ông Bút biết. Anh chỉ còn ít ngày giờ, việc ấy xong rồi, anh sẽ lên Hà Nội ngay.

Anh ra bể rửa mặt rồi đến chỗ ông Bút đang cuốc, xới. Sự quả quyết, trước người lão bộc trung thành đang đổ mồ hôi vì mảnh đất cha mẹ anh để lại, tự nhiên bị giảm đi. Anh thấy cái ý định ấy, với anh thì là thường, nhưng với ông già, tất ông cho là tàn nhẫn. Cha con ông Bút sẽ bơ vơ như chim mất tổ. Còn anh sẽ là một thân cây bật rễ, không bao giờ về đây nữa. Nhưng, dù sao, anh cũng thử dò xét ý ông Bút:

– Tôi về, là vì có chút việc...

Ông Bút vẫn cuốc, chỉ khẽ đáp:

– Dạ.

Thái nhìn thẳng vào mặt người đầy tớ già, giọng anh không khỏi run run vì cảm động:

– Tôi cần tiền làm việc ở Tỉnh. Ý tôi muốn bán cả ruộng cả nhà, đất này đi.

Lưỡi thép mòn ngập sâu dưới đất, ông Bút không lôi lên được nữa. Hai tay ông mềm nhũn đi, mắt ông mở to nhìn Thái:

– Cậu!

Thái làm ra thản nhiên:

– Lão quản Bính muốn mua lắm đấy. Ông đến nhà lão hỏi xem. Tôi cần xong ngay để tôi đi sớm.

Từ nãy, đôi mắt ông Bút vẫn nhìn vào một chỗ trống không. Cơn phẫn uất làm cho nét mặt ông quằn quại. Những ngọn cau sai buồng, những cây bưởi, cây cam trĩu quả, cả một khu trại lá xanh reo sự sống. Chính ông đã gây sự sống cho cây cỏ, chíng ông đã gây màu mỡ cho đất cát. Chính ông, từ hai mươi nhăm năm xưa, đã trần lực ra khai nhát cuốc đầu tiên để biến một khu đất cỏ mọc hoang đầy, thành một cái trại phì nhiêu, cây cối tươi tốt như bây giờ. Cái nhà gạch này, cũng chính ông cùng thợ đào móng đóng cọc, đã cùng thợ đặt gạch trát vôi xây lên nó. Gió táp, mưa sa mấy chục năm dư, đã làm cho tòa nhà đổ nát ít nhiều. "Hai cụ lớn thì quy tiên rồi, cậu thì lang bạt kỳ hồ quanh năm suốt tháng. Thôi thì còn tôi, hai cụ phù hộ cho sống được ngày nào, tôi còn xin trông giữ lấy nơi tổ đường này cho trọn vẹn để đền ơn cụ thương tôi từ ngày nhỏ...".

Ông Bút đã một lần khóc nói với Thái như vậy. Lần ấy, Thái đương theo học thi tú tài. Ông Bút nhớ hôm ấy, trời mưa bão, Thái ở tỉnh về bảo ông Bút đưa tiền. Ông đã vội vàng vét thóc đem bán hết và phải bán cả mấy sào ruộng lẻ mới đủ số tiền Thái hỏi. "Sau đó, mấy lần nữa, Thái lại về bảo cần tiền. Ông Bút lại bán thóc, bán ruộng đi. Ruộng thóc bán gấp vội, kẻ giàu ở làng được dịp bắt chẹt mua giá rẻ. Ông Bút mỗi lần đứng nhìn Thái ký văn tự, lại nghẹn ngào, rưng rưng nước mắt. Ruộng thóc bán dần mòn, ông thấy như là bán tất cả mồ hôi, sức lực của ông đi. Từ một bông lúa lúc còn đòng đòng cho đến ngày gặt hái, từ một nụ hoa cho đến ngày thành quả, tất cả đều là mồ hôi ông, tất cả, tất cả! Của, bây giờ là phần Thái thừa hưởng hết, nhưng cái công lao cấy cày, giồng giọt, giữ gìn, ông không thể nào cứ để Thái coi là thường, bán lúc nào cũng được, bán

đi cả, bán không còn gì nữa. Đất cát của Thái? Không, chính là của ông. Mồ hôi, đã đành rồi, những cả linh hồn ông, từ mấy mươi năm nay, ông cùng với đất. Mồ hôi rỏ xuống theo từng nhát cuốc, luống cày. Linh hồn ông đã trộn lẫn với lòng đất, trong những ngày lo mưa, sợ nắng. Cho đến bây giờ, giữ đất cát cho cố chủ, tóc ông đã bạc đi rồi.

– Không. Không thể nào thế được! Cậu bán hết, bán hết, bán cả tổ đường đi, rồi thì biết thờ cúng ở đâu? Không, không, không. Tôi xin cậu, tôi lạy cậu, tôi lạy cậu!

Hai tay rời cán cuốc, người đầy tớ già ôm mặt khóc.

Thái thấy lòng đau thắt lại. Anh hiểu, anh đọc được hết ý nghĩ trong đôi con mắt đỏ ngầu của ông Bút. Bản năng anh sáng suốt và tế nhị. Bản năng ấy, hơn nữa, lại đã chứa bao nhiêu giông bão, lửa và gai.

Thái nắm chặt cánh tay ông Bút. Môi anh run trong hơi thở mạnh:

– Ông Bút! Ông Bút!

Anh không thể nói gì hơn nữa. Cái yên tĩnh của khu trại chỉ có tiếng động nhỏ của bầy gà con tha thẩn kêu ở các khóm cây, bóng lá ướt đẫm vì trận mưa đêm qua.

Bỗng ông Bút từ từ ngẩng lên. Mặt ông đờ đẫn. Sự nhẫn nhục, sự khổ cực quen chịu của một tâm hồn quê mùa tăm tối lại khiến ông hối hận đã hỗn xược với chủ mình. Ông nắm lấy cán cuốc, nhìn chăm chăm vào luống đất đang cuốc dở.

Đất sét quánh, vẫn đỏ như tia máu.

– Máu! Mồ hôi! Mồ hôi!

Mắt ông càng đỏ thêm, trợn ngược. Răng ông nghiến chặt. Hai cánh tay giơ cao lên, thật cao lên. Lưỡi thép loáng nhanh trong ánh nắng. Lòng đất xé vỡ ra. Một tiếng "cạch" rất mạnh.

Thái đang khoanh tay nhìn ra mặt ao, ngoảnh lại. Ông Bút ngồi thụp xuống, thò tay bới đất. Ông rít lên thảm hại:

– Cậu Tú! Cậu Tú!

Thái vội bước đến, ngơ ngác nhìn những mảnh nồi đất trong bàn tay người bõ già.

– Nồi nhau của cậu! Cái đêm bà ở cữ cậu, bà đã sai cháu chôn nhau cậu ở đấy. Thế mà...

Ông ta ngậm ngùi định nói: "Thế mà chả mấy chốc, bây giờ cậu đã ba mươi tuổi".

Người thanh niên trở về làng, đứng trên mảnh đất của tổ tiên, cha mẹ, thấy lòng đau nhói như vừa bị chính lưỡi thép kia khơi xuống. Anh tưởng ông Bút định trách mắng anh: "Thế mà cậu nỡ bán cả mảnh đất cắt rốn chôn nhau của cậu. Cậu tàn nhẫn quá!"

Ý nghĩ ấy khiến Thái bùi ngùi, khổ sở. Anh cúi nhặt những mảnh nồi đất vụn nát cầm lên mân mê và ngửi.

Mùi đất. Mùi đất thơm, tưởng như lẫn cả mầm rễ một thứ cỏ gì quý hiếm.

Thái hít một hơi sâu vào phổi. Một cảm giác mát rượi chạy lan trong mạch máu, rung động cả tâm hồn.

Đầu anh cúi xuống, cúi xuống, đón mùi hương của đất. Giọng anh thầm thì, nóng hổi như giọng đứa trẻ thơ trong lòng người mẹ:

– Thôi, ông Bút ạ!

1942

Theo *Cô gái làng Sơn Hạ*,
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1989.

YÊN HOA

(Truyện ngắn)

Nửa giấc yên hoa cười mộng cũ
Hai hàng si lệ khóc tình xưa.
TCHYA

– Bà đã về ạ. Mời bà vào hàng nhà cháu xơi chén nước. Có riêu cua ngon lắm. Rước bà vào.

Người đàn bà đon đả chào mời cô gái tỉnh thành. Quế cười không đáp. Cô cúi đầu dưới mái rơm tối thấp, bước vào quán nước. Hai người đàn ông quần vén cao đến bẹn, bắp chân đầy bùn, nhích ra mãi đầu ghế, nhường chỗ cho cô gái tỉnh thành. Quế xé mảnh báo trong chiếc làn mây lau ghế rồi mới ngồi. Không ai lấy cử chỉ ấy làm lạ, người ta nghĩ rằng cái vạt áo lụa màu hoa râm bụt kia, cái đũng quần lụa trắng nõn kia không thể đặt dễ dãi xuống cái ghế cụt què bẩn thỉu. Phí của đi, vả người tỉnh thành bao giờ cũng sạch.

Bà hàng hai tay bưng bát bún riêu đặt lên chõng, trước mặt Quế. Bà ta rút đôi đũa trong ống tre, lau cẩn thận rồi mới đưa cô. Quế "xin phép quà" tất cả mọi người. Bà hàng và hai người thợ cầy vội đáp: "Không dám ạ". Họ đáp cùng một lúc, sốt sắng và kính cẩn. Quế ăn ngượng nghịu, cô liếc thấy không những lũ trẻ xúm đến nhìn cô, cả hai người thợ cầy cũng ngắm cô chăm chú.

"Cô tân thời, đẹp quá nhỉ?" – Lũ trẻ bảo nhau.

"Chuyện! Ăn trắng mặc trơn mà lại không đẹp. Chứ như bu chúng mày ấy nhá!" Một bà già ngồi phơi nửa mình da cóc, nghiêng mái tóc bạc, tuốt trứng rận ở mảnh áo cánh nâu, cười, bảo với lũ trẻ.

Quế ăn xong, bưng bát chè tươi tráng miệng. Mùi ngái của những lá xanh khiến cô nao nao nhớ lại những buổi chiều ngày xưa trên mảnh sân lát gạch bát tràng rộng của nhà, về vụ gặt, sau những bữa cơm ầm ỹ, cũng có những bát chè tươi vàng nóng thế này, dưới ánh giăng, tiếng đập thóc và tiếng hát của bọn thợ gặt cất vang làng xóm.

– Nước ngon đậm quá! Bà nấu bằng nước sông?

– Thưa bà, sông dạo này cạn, bẩn lắm. Nhà cháu nấu bằng nước giếng, nấu khéo cũng ngon.

Quế trả tiền, đứng lên. Ở sân nhà bên kia, cách quán một bờ rào râm bụt có tiếng người con gái hát. Không phải câu hát ví von của gái đồng ruộng, mà là bài hát "gửi thư". Cái hơi – gió đoạn trường thấm ngay vào lòng Quế, như hơi sương giá thấm mái tóc con người cô độc đi trong đêm khuya. Quế vén cành lá, ghé mắt nhìn vào sân. Người con gái mặc những chiếc áo lót mình màu hồng đã vá, rách, đang ngồi giặt bên chum nước. Quế nghĩ tới phận mình. Năm sáu năm trời, đã có biết bao nhiêu buổi sáng, buổi chiều. Quế cũng ngồi giặt như thế kia, cũng đôi khi buồn miệng thì hát lên vài câu hát thuộc lòng mà Quế đã hát đêm đêm cho người ta nghe. Hai cánh tay yếu đuối giũ vò mớ áo quần nát bẩn vì canh rượu nô đùa, vì cuộc yêu đương ô trọc phần nhiều là uy hiếp. Giặt giũ xong thì mắt Quế hoa lên, hâm hấp sốt. Những lúc đó Quế chỉ mong được giấc ngủ bù cho đỡ ốm, không thiết gì ăn uống.

– Khổ, ở đây thì ma nó hát ư!

Quế tắt vội ý nghĩ trên kia bằng câu nói thầm thì ấy. Cô rẽ ra xa. Người đàn bà bán bún riêu cũng chạy ra, chừng đi đâu, nhổ cốt trầu rồi quay lại toe toét cười:

– Ấy, thưa bà, cái nhà tơ này mới dọn được hai tháng nay. Cũng có khi có khách liền năm sáu tối. Khách toàn là bọn các thầy đề, thầy lại, chánh, phó, lý cả. Cũng có khi ba bốn đêm ngồi ế. Cứ sáng giăng mà vắng khách là các cô ấy mặc quần áo trắng lồm lộp dắt nhau đi nhởn nhơ như ma trơi, trông mà ghê.

Người đàn bà vui tính, hay nói, lấy câu chuyện làm quà cho người hàng tỉnh. Nhưng Quế không muốn nghe. Cô đi vội ra cái xe ngựa chở khách ở dẫy cây bàng cách sân ga một quãng.

Cái xe ngựa tồi tàn, thay xe kéo, đã có mấy người đàn bà, đàn ông ngồi giữ chỗ trước. Trên mui xe chất đầy thúng mủng. Xe đi khỏi nhà ga. Hình ảnh người con hát gầy còm trong góc vườn chuối kia nhắc Quế nghĩ đến bao nhiêu hình ảnh người con hát nữa ở thị thành. Quế sáng nay vừa ở đấy lọt ra, giải thoát linh hồn xác thịt dăm ba ngày. Dăm ba ngày sẽ qua đi rất chóng. Quế sẽ lại phải quay trở lại cái đời người con hát, sáng tắm rửa giặt giũ, chiều đưa đón, đàn ca.

Nỗi buồn làm ê ẩm lòng Quế, cô quay nhìn ra bên đường. Khách đàn ông, đàn bà chuyện trò ầm ỹ. Vó ngựa giẫm lộp cộp trên mặt đất rắn khô đầy đá vụn. Gió mát cánh đồng lúa xanh mướt, câu chuyện ồn ào về việc ruộng nương buôn bán trong xe làm cho Quế khuây dần. Cô cũng góp dăm ba câu chuyện với họ. Cái vui sống nơi đồng ruộng, quê hương, bị mất đi trong cái thân hình héo tàn vì son phấn, chợt trở lại một cách thư thái, hồn nhiên. Quế để ý nhìn người đàn bà ngồi trước mặt. Ở người đàn bà ấy. Quế nhận ra cái miệng nhai trầu, cái giọng nói nho nhỏ giống mẹ mình. Người đàn bà mở khăn tay lấy trầu cau ăn. Bà ta mời một bà bên cạnh, tiện tay mời cả Quế. Bà bên cạnh cười bảo:

– Bà ấy răng trắng, ăn gì cái của nợ này đấy!

Quế nhanh nhảu đáp:

– Có ạ, cháu xin cụ một miếng làm phần cho... đẻ cháu.

Quế toan nói là u. Nhưng gọi là u thì quê mùa. “Mình là người tỉnh phải gọi là mẹ hay là đẻ”. Quế vẫn nghĩ thế mỗi lần gặp mẹ, hay về quê.

Quế nhặt một miếng trầu, bỏ vào “sắc”. Mọi người chú ý ngắm chiếc ví da đen. Miệng ví mở ra, cái khóa mạ kền bóng nhoáng bấm vào nhau kêu “tách” một tiếng làm cho họ lấy làm lạ lắm.

– Bẩm, cụ lớn nhà có khỏe mạnh không?

Người đàn ông xanh xao, rách rưới ngồi ở cuối ghế gãi đầu nói thế.

Quế sửng sốt quay sang phía người đó. Bác ta lại gãi tai, cặp cổ con chó vàng ghẻ lở vào giữa hai cái đùi gầy nhô xương.

– Bẩm bà lớn không biết cháu. Cháu là cu Hĩ, ở xóm Ruối làng bên đấy ạ.

Mặt Quế đỏ bừng lên. Năm năm giời, bỏ Bình khang lấy lẽ một ông quan già, chửa đẻ hai lần, rồi lại về Bình khang, Quế đã đành coi là một giấc mộng hồng nhan, hồ quên đi thì kẻ kia lại nhắc nhủ Quế nhớ đến nỗi chua cay của số kiếp mình giữa một trường hợp bất ngờ, đột ngột.

Quế ngượng nghịu, khẽ đáp:

– Cám ơn ông... nhà tôi vẫn mạnh.

“Bà Phủ đấy”. Người đàn ông ôm chó ghẻ thì thầm với một ông già. Chừng ý anh ta muốn khoe khoang, sĩ diện với mọi người là anh

ta quen biết một bà vợ quan. Cũng như những người làng bên, anh ta yên trí Quế vẫn là bà Phủ như thường. Người làng Quế thì đều biết Quế đã bỏ chồng, bây giờ đành phận gửi hai con cho bố mẹ ở quê nuôi. Họ còn tin rằng Quế mở một cửa hàng thóc gạo ngoài Hà Nội.

"Vâng, cháu nó buôn bán ngoài ấy, nhờ giời phật cũng khá, bận lắm, thỉnh thoảng mới về thăm cháu được".

Bà mẹ Quế thường đáp mọi người như vậy. Duy ông cụ sinh ra Quế, là nhà Nho, chỉ thở dài lặng lẽ.

Từ nãy chiếc xe ngựa đã chạy qua mấy cánh đồng và bao nhiêu quán nước cô độc bên đường vắng ngắt.

Quế mong chóng đến nơi. Quế rất lo người đàn ông ôm chó kia gợi đến chuyện chồng con, chuyện "danh giá" của mình ngày cũ, những chuyện đã khiến Quế khóc nhiều rồi.

Xe đỗ, Quế đi trên con đường nhỏ vào làng. Làng vào đám Cửa đình cờ lọng uy nghi. Dân đang tế. Quế qua cửa đình, đầu cúi xuống. Bao nhiêu người chào. Nhất là những bà, những cô đang xem tế. Ông cụ sinh ra Quế ngồi trong sân đình với các bô lão trông ra thấy con, vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Bà mẹ Quế thì tất tưởi dắt hai cháu chạy ra đón. Quế tay ẵm đứa nhỏ, tay dắt đứa nhớn, chào hỏi mọi người, nói với mẹ, nựng hai con, rối rít.

Về đến cổng nhà, con chó vện sổ ra sủa ầm ỹ. Bà mẹ quát mắng chó. Quế cười bảo mẹ:

– Mẹ đừng mắng nó. Tại lần này nó trông con khác đi chăng, nên nó lạ.

Bà mẹ nín lặng, rồi đáp:

– Ừ, ta trông độ này cô béo đẫy ra đấy. Chó lạ là phải.

Quế vừa bước lên thềm vừa nói:

– Nhưng sao con vện gầy ốm thế kia?

Bà cụ lại nín lặng. Một lát, bà mới chép miệng:

– Giời đất này, con tính, ở nhà quê người chẳng có mà ăn, lại còn đi trách chó gầy.

Quế nghe mẹ nói, rầu mặt lại. Cô nhìn xuống đôi giầy mới và chiếc áo lụa màu rượu vang lộng lẫy của mình. Quế nghĩ đến những bữa cơm gạo hẩm, cà mặn, rau già ở nhà quê để so sánh với những canh rượu trắng đêm của bọn khách chơi nói tục, uống say, đập phá, ném tiền như rác.

Quế thở dài, bà mẹ mắng:

– Cái con bé này cứ thấy mặt là thấy thở dài. Không trách, trong tử vi, bố mày bảo còn là khổ.

Nỗi đau xót nén nuốt từ bao lâu đến lúc này Quế không còn nén nuốt đi được nữa. Quế lăn ra giường nức nở.

Bà mẹ nhìn con, lại chép miệng cúi đầu bước ra sân. xuống bếp. Một lúc, bà lên, đập vào chân con gái:

– Con ngủ đấy à. Dậy ăn cơm. Có xôi thịt lộc thánh ông ấy dặn để phần cho con gái ông ấy đây. Chả báu lắm đấy!

Quế bừng mở mắt, vươn vai, ngồi lên, cười:

– Thế mà con ngủ thật à. Đêm qua thức suốt tới sáng mà lại.

Hai đứa con sán đến gần mẹ. Quế ôm con vào lòng hôn hít. Bà mẹ ngồi xuống giường, xới cơm cho con ăn:

– Mày là mẹ trẻ con rồi mà vẫn như con trẻ, khóc ngay đấy, cười ngay đấy. Giá mày đi hát chèo thì đóng vai Vân dại được. Ăn đi, rồi tối ra đình. Đón được một phường, thấy bảo là hay lắm.

Quế buông đũa, nhìn ra sân. Bóng nắng chiều đã tắt. Quế mỉm cười nghĩ bụng: "Ừ, anh ấy, một lần, cũng viết thư bảo mình khóc cười như Vân dại".

Anh ấy là Phong, một người đàn ông trẻ tuổi đã thương và yêu Quế. Ái tình gặp gỡ trên chiếu rượu, thường như mọi sự gặp gỡ của ái tình. Nhưng có lẽ do nợ nần, duyên nghiệp gì đó, nên Quế đã thấy ngay cái tình che chở, cái tình đùm bọc lâu bền có thể trông chờ được ở con người này. Anh không nhìn Quế như nhìn một con hát. Quế mỗi lần ngồi trước đôi mắt anh ấy, lại nhận thấy ở đáy lòng nẩy ra những tình cảm kính nể, trong đó chứa cả một sự phục tòng.

Quế đã thú lòng mình. Người đàn ông ít nói, chỉ lặng lẽ dang cánh tay ra đón lấy mái tóc đen ngả xuống, và chỉ im lặng "nghe" những giọt lệ rơi trên má người đoạn trường.

Quế đang nghĩ miên man, thì ngoài ngõ lao xao tiếng người cười nói. Mấy người bước vào sân. Đó là mấy cô bạn ngày nhỏ của Quế. Bây giờ họ đã có chồng, có con. Cô nào cũng làm ra đứng đắn, ăn mặc thì già nua, sồ sề.

– Bà đã về đấy ư!

Một cô khác nói:

– Ăn cơm ngoài tỉnh quen, về quê gạo thế kia thì bà nuốt sao được nhỉ!

Họ nói thực tình, chứ không có ý gì. Nhưng Quế tưởng đó là những câu mai mỉa. Quế đáp:

– Các chị đến hay! Bạn đánh chắt với nhau cả, mà sao bây giờ các chị cứ gọi em là bà. Em còn ít tuổi hơn các chị. Gọi thế còn gì là thân tình nữa.

Sự thực thì Quế cũng biết rằng họ kính nể cái danh "bà lớn" của Quế, tuy đã hai năm nay Quế bỏ chồng. Cho nên, sự tôn trọng kia càng thêm gợi tủi hờn cho Quế, và càng bắt Quế đau đớn cái oan nghiệp hiện giờ. Quế đứng lên. Các cô bạn vui vẻ kéo nhau ra ngõ, họ sẽ đến rủ Quế đi xem chèo. Tiếng guốc dép khua lẹp kẹp, tiếng cười nói nô đùa của các cô vang ngoài ngõ tre.

Quế đứng lặng giữa sân, lẩm bẩm:

– Ấy, thà rằng cục mịch nhà quê. Các chị ấy thế là yên phận. Có chị tốt số đã được nhà chồng có trâu cày ruộng cấy. Có chị đã gây nên cơ nghiệp, ruộng cá ao liền. Cũng có chị gặt thuê, cấy mướn, nhưng thôi thì cũng lần hồi đủ áo mặc cơm ăn cho chồng cho con. Còn mình thì... lênh đênh đâu nữa vẫn là lênh đênh, chả ra làm sao cả!

Quế chạnh thương phận mình, nấc lên khóc. Bà mẹ đã dắt hai cháu đi nhờ người đến trèo cau trẩy một buồng cho cô con gái chốc nữa ra chùa lễ.

Quế đứng khóc một mình giữa sân. Bóng giăng non mờ xanh giãi tà tà trên nền sân gạch. Một lần nữa, trong cái vắng lặng, thấy mình trơ vơ. Quế lại vụt nghĩ đến ngày xưa, ruộng đất còn nhiều, đã có những tối sáng giăng về vụ gặt, trên khu sân rộng rãi này ngát mùi rơm mới, vang lên tiếng đập lúa, tiếng hát ví lẳng lơ của phường giai gái gặt thuê. Bây giờ sa sút đi rồi, ruộng đất đã về tay kẻ khác. Bố mẹ thì già. Quế thì không chồng mà vẫn đèo bồng hai con. Thân tàn đi, tuổi thêm lên mãi, Quế chưa biết rồi mai sau ra thế nào.

"Anh Phong ơi!"

Người kỹ nữ xót xa ngửa mặt ngước nhìn ngôi sao mọc trơ vơ giữa vùng trời cao rộng. Nàng nghĩ đến hình bóng đôi cánh tay ai giơ lên trong ánh giăng lạnh đêm xuân.

Người đàn ông trẻ tuổi, buổi chiều nay, cùng đi với Quế một chuyến tàu. Mỗi người xuống một ga. Cảnh chia tay trên đường

trường lần thứ nhất đã khiến Quế lo sợ ngày biệt ly. Vẫn đã biết "Ca trường nào thiếu biệt ly". Quế trải biệt ly nhiều rồi. Nhưng lần này, tạm chia tay người đàn ông trẻ tuổi kia trong cuộc đồng hành, Quế thấy lòng muốn khóc, tưởng như là chia tay trọn kiếp. Quế tưởng tượng giờ này người ấy cũng đang đứng một mình giữa cái trại mênh mông ở quê nhà, và có lẽ người ấy cũng nhìn sao để nghĩ đến mình đây. Quế nhớ, một lần, người đàn ông ấy đã ngỏ lòng mình trong một phút rung động nhất. "Đêm kia, ở trại, anh đã ngủ dưới một tà áo xanh". Quế không hiểu. Nhưng rồi Quế cũng hiểu được rằng: anh ấy nằm dưới một vòm trời đêm xanh, mà nghĩ rằng nằm dưới tà áo xanh của Quế. Thâm tình đó khiến Quế kiêu hãnh với chính mình, nhưng càng khiến Quế phải khóc thêm nhiều.

Bà mẹ đã nhờ được người về bẻ cau. Bà vui vẻ giục con rửa mặt để ra đình.

Quế dắt con, cùng mẹ ra ngoài xóm. Trong đình, phường chèo đã khua trống mõ giáo đầu.

Quế bước vào đình. Ai cũng ngảnh ra nhìn người đàn bà tỉnh thành sang trọng, xinh đẹp, thứ nhất người đàn bà ấy đã là một bà quan. Quế cúi chào các cụ. Các cụ bèn truyền cho phường hát tạm im trống mõ. Quế đưa ông thủ từ cái khay đồ lễ, kèm ba đồng bạc giấy mới. Ông từ mời Quế vào lễ. Một hồi chuông trong cung thánh vang lên. Không khí u tịch. Lễ xong, các cụ sai "giai hóa" mời "bà phủ" ngồi lên chiếu hoa nghe hát.

Quế cáo mệt, xin về. Sau lưng, Quế nghe thấy người ta xì xào khen mình trẻ đẹp. Họ bàn với nhau "bà ấy buôn bán chắc phát tài lắm. Người cứ mỗi ngày thêm béo trắng ra".

Ra khỏi chỗ ồn ào. Quế thấy dễ chịu. Vẻ trang nghiêm mà người ta đã tạo nên vì cái sự "lễ thánh", và chính cũng vì cái "danh giá không còn nữa" của mình khiến Quế hổ thẹn và khó chịu.

Bà mẹ giữ cháu ở lại xem hát. Một mình Quế ra khỏi đình, đi về xóm.

Ánh giăng trắng các ao bèo và loáng trên những cành tre.

Về đến nhà, Quế đã thấy ông Khóa đang buông màn ở cái giường vẫn dành riêng cho Quế những khi về đình đám hay giỗ Tết. Ông quạt muỗi gài màn cẩn thận rồi bảo con, giọng nghiêm mà nhân hậu:

– Thôi con đi mà nghỉ. Đi xa về mệt.

Ông chỉ nói vậy thôi, rồi lẳng lặng ngồi bên đèn, mở sách xem.

Quế biết tính cha vẫn thế. Từ ngày Quế lạc vào nơi yên hoa, rồi thì cuộc đời chìm nổi bao lần, ông chỉ nghiến răng, vuốt bụng thở dài. Ông không mắng, không han hỏi, cũng không bao giờ nhìn dung nhan con gái.

Do thế, Quế càng kính sợ cha, kính sợ để thương xót thêm nhiều.

Quế lén ra ngoài thềm, ngồi phệt xuống dựa lưng vào thân cột. Quế nhìn bóng ông Khóa in lên vách, câm lặng như một tượng hình khổ hạnh nghìn đời, Quế nhắm mắt lại, mơ trong ánh giăng đôi mắt đăm chiêu và nghiêm nghị của người đàn ông trẻ tuổi chắc đêm nay cũng ngồi câm lặng như cha mình.

Tiếng trống chèo ở ngoài đình đưa văng vẳng vào trong xóm, tiếng tù và rúc xa ngoài cánh đồng giăng.

Ông Khóa, không ngẩng lên, khẽ gọi:

– Quế vào thầy bảo.

Quế rón rén bước vào.

Ông nạp mồi thuốc lào vào điếu, hút. Giọng ông thấp xuống như những khi tàn canh rượu, ông, một mình, thủ thỉ với sách đèn:

– Số con đào hoa thủ mệnh. Bấy lâu tình duyên lênh đênh, âu chẳng qua số mệnh. Nhưng tới hạn năm nay khá, Thiên khôi, Thiên việt, quý nhân tới, Đào, Hồng, hỷ, hội ở cung phu, chiếu vào cung mệnh. Tất năm nay con gặp được người tử tế.

Quế đỏ mặt cúi đầu, tay mân mê vạt áo. Dáng điệu thẹn thò như cô gái đào tơ lần đầu nghe đến chuyện lương duyên.

Một lát, Quế ngẩng nhìn ra sân. Quế có cảm tưởng ánh giăng xanh hơn ban nãy.

Tiểu thuyết thứ bảy số 458, năm 1943.
In theo *Cô gái làng Sơn Hạ,* Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1988.

CÔ GÁI LÀNG SƠN HẠ

(Truyện vừa)

I

Trong đêm tối, một mình, anh đi như thế mãi, đầu cúi thấp, chân bước nặng nề, guốc nghiến rào rạo mặt đường đầy than vụn.

Mưa phùn dai dẳng từ mấy ngày nay vẫn chưa ngớt cơn. Từng vũng nước đục lấp loáng ánh sáng lạnh lẽo của mấy cây đèn dầu trồng rải rác trên bến tàu. Những con đường goòng chạy dọc theo bến, khuất sau những trái núi than lù lù đột khởi trong bóng tối mênh mông. Từng chỗ nhô lên trên mặt đất một tảng sắt hoặc một đoạn gỗ lim tròn, quấn chặt vào sợi xích lớn hay sợi thừng chắc khỏe của những chiếc tàu buôn ở các ngả sông xa vừa tới cắm neo.

Nước sông ngầu đỏ, cuồn cuộn chảy, sóng ào ào vỗ mạn tàu, mạn thuyền, khiến chúng va vào nhau lộp cộp. Gió rít làm lảo đảo những cột buồm cao vút trên trời tối, kéo căng những đầu dây neo trên bến.

Anh ngẩng đầu lên. Rặng núi đen sì sừng sững kề ngay đường cái. Dưới chân núi, một đốm lửa vàng le lói. Đó là ngọn lửa ấm áp của gia đình anh. Buồn phiền, anh nghĩ đến người mẹ già giữa lúc khuya khoắt này đây, đang ngồi co ro trong xó bếp, tay nhem nhuốc nắm những hòn than nắm chất thành đống cao để sáng mai đội xuống tàu bán cho khách trú; và anh nghĩ đến người cha, có lẽ lúc này vẫn ngồi khoác chăn ôm chai rượu vào lòng.

Đầu lại cúi xuống, anh chậm chạp bước theo dọc bờ sông. Chán nản, anh không muốn về nhà, định bụng đêm nay gặp đâu ấm chỗ thì ngủ nhờ ngay đấy, rồi mai lại thức dậy từ mờ đất, còng lưng đẩy hết chuyến xe goòng này đến chuyến xe goòng khác, vác hết bao than này đến bao than khác, như tất cả những con người sống lam lũ ở bến sông.

– Bác Vĩnh! Hãy vào uống nước đã nào.

Anh dừng lại. Ánh sáng gắt của cây đèn phẫn trong nhà hàng

cơm làm chói mắt anh, và giọng nói thân mật của cô gái dậy thì kia khiến anh phải mỉm miệng cười.

– Thế nào, canh tài bàn đêm qua Vĩnh phát tài, đãi chúng tớ một bữa rượu đi.

Mấy người phu mỏ bạn Vĩnh đang ngồi đồ quýt với nhau, xúm quanh Vĩnh, cười nói huyên thuyên. Một người có vẻ say, quay lại cô gái nhà hàng:

– Có thế thì mới đúng lẽ chứ, phải không, cô Nhàn? Nhàn cười tít đôi mắt bồ câu:

– Cái đó ở như bác Vĩnh, chứ em biết đâu ạ.

Nhàn mở nắp cóng trà tươi, múc nước đổ vào cái bát đàn Vĩnh vừa lật ngửa trên mặt chõng hàng. Hơi khói ở miệng cóng bốc lên nghi ngút, trong làn hơi khói ấy lóng lánh cặp mắt đen nháy và hàm răng hạt huyền đều đặn của Nhàn.

Thấy Vĩnh ngắm mình, mặt Nhàn đỏ bừng lên. Cô ngượng nghịu cúi xuống têm trầu bày ra đĩa.

Mấy người bạn quay sang Vĩnh:

– Kìa, tiếc chúng tớ một bữa chén xoàng ư?

Vĩnh trừng mắt nhìn bọn họ, rồi anh trật cái mũ cát két sũng nước mưa trên đầu xuống, đập mạnh vào mặt chõng, làm nẩy lên những chiếc bánh gai, bưởi, quýt và khiến những bát chè tươi sóng cả ra ngoài.

Lũ bạn Vĩnh không cười đùa nữa. Họ đã đoán Vĩnh đang buồn bực chuyện gì. Cử chỉ ấy, Vĩnh thường có; lắm khi người bạn mới nào chưa biết tính anh mà trêu cợt mãi, tất bị anh lẳng lặng đứng dậy đánh liền. Ở đây, từ mấy năm nay, người ta đã biết cái tính nết kỳ quặc đó. Người ta cũng biết là anh có khá nhiều miếng võ, ngoài ra anh còn một cái vốn chữ Nho. Những cô gái trên bến tối tối thường tụ họp trong quán nước đua nhau bói truyện Kiều, nhờ anh xem hộ. Mùa xuân, họ đi lễ về, tìm anh nhờ đoán thẻ. Đó là những quẻ thẻ cầu duyên. Vĩnh khéo tán nghĩa, giọng ngọt ngào, gương mặt sáng sủa, giỏi trai, khiến các cô càng xúm xít quanh anh. Nhưng chưa cô nào được Vĩnh thực tình yêu lại. Tuy vậy, các cô vẫn không ghét Vĩnh. Các bạn trai đối với anh cũng thế, họ mến anh, vì vậy họ nhường nhịn anh, nhiều khi khiếp sợ nữa. Những lúc thấy anh mắt đỏ ngầu, lầm lì không nói không cười. Nhưng vào những buổi chiều

nào thấy Vĩnh chải đầu, cạo mặt sạch sẽ, điếu thuốc lá trên môi, miệng nhai bỏm bẻm miếng trầu là các bạn Vĩnh reo lên, kéo anh vào hàng nước, giục anh kể chuyện. Anh kể rất có duyên. Những chuyện anh kể khiến họ nghe chăm chú.

Ông Cử khó tính, nên các bạn Vĩnh chỉ dám đến nhà Vĩnh khi biết ông đi chơi vắng. Bà Cử dễ dãi, hiền lành, thấy bạn con đến nhà là vội vàng rửa tay đi têm trầu, đun nước. Có khi họ chung tiền mua chó về mổ thịt, chè chén với nhau suốt cả ngày.

– Kìa, bác Vĩnh xơi nước đi cho nóng. Nước ban nãy nguội, em đã múc bát khác rồi đấy ạ.

Vĩnh từ nãy chống bàn tay vào má, cúi gầm mặt xuống không nhúc nhích, bỗng ngẩng lên. Các bạn anh đã không còn đấy nữa, mà Nhàn thì đang ru đứa em bé trong lòng, đôi mắt đen đăm đắm nhìn Vĩnh.

Vĩnh đưa bát nước lên môi, không thể không ngắm đôi mắt đẹp của Nhàn qua những sợi khói nóng tỏa lên miệng bát.

Nhàn e lệ, vờ cúi xuống hôn em. Cô sung sướng lắm vì chỉ có tối hôm nay cô mới được người con trai mà cô thầm yêu mến ấy nhìn đôi mắt bồ câu và hàm răng mới chiết của mình. Hàm răng đen cô nhuộm riêng vì Vĩnh. Đã bao nhiêu đêm khuya lạnh, trở dậy ra sân nhổ thuốc để rồi vào thay lá khác, cô đã đứng run cầm cập nhìn lên nhà Vĩnh trên đường núi, thở dài.

Mưa ngoài sông và gió bấc trên núi hất lùa vào làm cho cây đèn phẫn dòng giây từ trên mái xuống. Gió mạnh quá làm đổ tấm dại dựng bên ngoài. Nhàn toan đứng lên, nhưng Vĩnh đã ra dựng lại, rồi anh vào ghế ngồi, vẫn im lặng như lúc nãy.

Nhàn đã vào giường đặt em. Cô ra mở cái tủ kính nhỏ lấy bao thuốc lá, bóc đầu giấy sẵn đặt vào đĩa trầu. Giọng thân mật, cô bảo Vĩnh:

– Nhà em sẵn nồi than hồng sấy cau, bác Vĩnh có rét, em bưng ra bác sưởi.

Vĩnh ngước nhìn Nhàn, anh khẽ lắc đầu:

– Thôi, cảm ơn cô, trời này đã lấy gì làm rét.

Vĩnh uống cạn bát chè tươi, chụp mũ cát két lên đầu, đứng dậy. Anh móc túi, đặt vào đĩa hai đồng chinh, bước ra thềm.

Bóng Vĩnh in chếch lên bóng cây bàng khẳng khiu ngoài mảnh sân hẹp sũng nước mưa.

Tiếng guốc Vĩnh rào rạo, mất dần trên những lối đi đầy than vụn lờ mờ dưới ánh sáng mấy cây đèn dầu trồng theo dọc bến tàu.

Giọng hát ru em của Nhàn buồn rười rượi, vẳng bay theo gió bên tai Vĩnh. Anh cắn môi, anh nhai nghiền đầu mẩu thuốc lá đang lóe cháy trong bóng tối đen đặc, quấn lấy mình anh. "Sao con bé mãi chẳng lấy chồng cho xong chuyện. Yêu mình làm gì, thêm bận bịu mình ra thế này!".

*

*   *

Vĩnh vào nhà Cai Cửu. Đây là sòng bạc của Cai Cửu mở ra lấy hồ, bóc lột bọn phu mỏ và phu bến. Anh nào say gỡ, say đánh mà không có tiền thì hắn cho vay, rồi đến ngày lĩnh tiền, hắn sẽ trừ, tính thêm cả lãi. Có lắm anh, kỳ lĩnh lương không còn dính một đồng xu.

Vĩnh thấy cái tai họa ấy đã khuyên nhủ anh em nhưng đó là một việc làm vô ích. Đêm mùa đông ở cái bến tàu hẻo lánh này, người ta, sau một ngày làm ăn cực nhọc, nếu không đánh bạc thì cũng phải hút thuốc phiện, hay uống rượu cho say khướt mà thôi.

Bọn phu phen ở đây phần nhiều ở các phương xa tới làm ăn, số đông không có vợ con gia đình. Họ chia nhau từng tốp ba bốn người dựng một cái lều trên núi hay dưới bãi, sống chung đụng với nhau. Ngày tết họ bỏ lều không, kéo về quê hương tất cả, chỉ còn lại gia đình Vĩnh. Những ngày đó vắng tanh vắng ngắt, các ống khói ở trong sở mỏ, sở than không nhả một tia khói lên trời. Xa các bạn, Vĩnh một mình đi thẩn thơ dưới bãi, nhìn mấy con tàu đầy khách chạy ngoài sông. Ông Cử thì tay chắp sau lưng, ngửa mặt ngắm những đám mây tan tác, ngậm ngùi nhớ tới quê nhà miền Kinh Bắc.

– Anh Vĩnh, lẻ rền luôn sáu tiếng rồi, đánh đi cho vui.

Cai Cửu, chiếc mũ chào mào úp lệch trên mớ tóc rối, mặt rỗ nhằng nhịt, mấy vết sẹo ghi rõ hình tích những nhát dao sâu lõm, hắn sặc sụa hơi men quàng tay vào cổ Vĩnh. Hắn làm ra thân mật ghé vào tai anh:

– Đánh đi. Nếu không mang tiền thì tớ có sẵn đây.

Nói rồi, hắn móc ví, rút ra tờ giấy năm đồng, dúi vào tay Vĩnh. Vĩnh lắc đầu cười nhạt. Anh rẽ đám đông rảo bước ra.

Thoát khỏi hơi người nặng nề hôi hám, và cái mặt gớm ghiếc kia, Vĩnh thấy nhẹ cả mình. Anh lại lủi thủi đi dọc theo bến, định xuống một cái bè quan nào ngủ qua đêm.

Bỗng có tiếng ai đó rú lên. Thì ra, trong lúc cắm cúi đi, Vĩnh đã vô ý chạm phải một người. Người đó đứng phắt dậy: một cô gái, Vĩnh móc túi lấy đèn bấm soi. Cô ta đang lúi húi buộc sợi dây thừng vào các cọc gỗ lim trên bến để giữ thuyền khỏi bị sóng đẩy ra xa.

Cô ta nheo mắt trước ánh đèn sáng chói. Vĩnh đã kịp nhìn kỹ gương mặt xinh đẹp của cô. Thốt nhiên tâm hồn Vĩnh xáo động lên như gặp phải một sự lạ lùng tốt đẹp mà từ đâu kiếp trước anh mong đợi, và bây giờ điều ấy trời đưa lại cho anh.

Vĩnh hỏi dịu dàng:

– Cô ở đâu đến chơi đây mà phải đi thuyền?

Cô gái trả lời, giọng êm mượt như gió thoảng:

– Em ở bên sông.

Vĩnh không biết nói gì hơn nữa; anh tắt đèn bấm, lặng im.

– Thế... gió đêm thổi dữ, sóng mạnh như thế mà cô dám sang ngang với chiếc thuyền thúng kia à?

Cô cười tự nhiên, miệng cười xinh quá, xinh hơn Nhàn nhiều.

– Gió thế này, sóng thế này đã thấm vào đâu ạ. Em là con nhà chài lưới, nếu thuyền có lật thì em bơi cũng được. Lượt sang em chở, lượt về đến phần anh em... Anh em vẫn đi nghề, ra biển hàng sáu bảy ngày đêm còn được, nữa là qua một con sông lành này.

Cô ngừng nói, nhìn người đàn ông đứng trước mặt cô. Cái anh chàng giỏi trai này sao thoạt nhìn đã thấy gần ngay. Cặp mắt to sáng ấy chứa đựng biết bao là ý tình êm dịu, vóc người và dáng điệu hiên ngang ấy hẳn là ấp ủ một tâm hồn mạnh khác người.

– Cô ở về đâu nhỉ?

– Em ở làng...

Cô nín lặng, ngoảnh nhìn lên bóng núi.

– Làng nào? Hình như cô muốn giấu tôi, tôi hỏi cho biết... khi nào tiện qua, tôi sẽ vào thăm các cụ nhà...

Cô e dè một lúc, rồi đáp nhanh:

– Em ở làng Sơn Hạ.

Sơn Hạ! Một tiếng sét đánh bên tai Vĩnh. Bởi Sơn Hạ là một thôn vạn khuất nẻo bên kia sông, trai làng thì vừa làm nghề chài lưới, vừa làm nghề trộm cướp, gái làng thì đĩ thõa, lẳng lơ, anh em trong họ cũng cứ hỗn dâm là thường.

Vĩnh khẽ kêu lên:

– Cô là con gái làng Sơn Hạ thực à?

Bất giác, anh lùi trở lại.

Không phải Vĩnh sợ cái tên ghê gớm đó như những người quanh vùng này vẫn sợ, anh chỉ thầm tiếc cho người con gái ấy, có cái nhan sắc ấy mà sao lại sinh ra giữa cái làng bạo nghịch này.

Như đoán biết ý nghĩ của Vĩnh, cô quắc mắt nhìn mặt anh:

– Ông khinh làng tôi lắm phải không? Cũng như bao kẻ khác. Tôi biết. Nhưng mà người ta không có quyền khinh như thế, khi người ta chưa dám đến gần.

Mặt đỏ bừng, cặp mày tơ liễu hơi xếch lên, cau hẳn lại, người con gái lúc này càng tức giận, càng xinh đẹp, đẹp đến rợn người. Vĩnh thấy nhủn cả lòng, anh vội đáp:

– Không, tôi không hề cảm nghĩ như mọi người. Tôi tin rằng họ nhầm tất cả. Mà sao họ lại nỡ đồn đại ra như thế trong khi ở cái làng ấy, có một người con gái đẹp tuyệt vời như cô...

Giọng nói êm ngọt, miệng cười có duyên của Vĩnh làm tan ngay cơn giận của cô.

Vĩnh thân mật nói tiếp:

– Tôi có thể sang thăm các cụ nhà được không, cô cho tôi biết.

Cô gái cũng thân mật trả lời.

– Còn gì vui cho cụ em và anh em hơn nữa.

Cô quay đầu lại trỏ tay về phía bờ sông xa.

– Kia kìa, nhà em ở dưới những bóng dừa cao vút ấy. Sáng mai, em sẽ trèo lên buộc một tờ giấy hồng điều vào một ngọn cây cao nhất để ông dễ tìm.

Vĩnh hoan hỉ, ghé gần tai cô gái:

– Tên em là gì?

Cô đưa con mắt sắc như dao cau liếc cái anh chàng có giọng nói dịu dàng, vóc người gân guốc, đôi vai rộng.

– Tên em ông sẽ biết sau, bây giờ thì... kia kìa, anh em đã ở sòng bạc đang ra đấy. Thôi em xin phép xuống thuyền. Xin ông tránh ra xa một quãng, kẻo tính anh em khó chịu lắm cơ, nhất là khi anh ấy vừa thua bạc.

Vĩnh quay lại phía nhà Cai Cửu. Một người con trai cao lớn, tay cầm chiếc gậy vuông, tay kia xách chiếc đèn mỏ đang xăm xăm bước đến.

Vĩnh đứng yên, lấy thuốc lá ra châm hút. Người con trai kia nhìn Vĩnh, Vĩnh điềm tĩnh nhìn trả lại.

Giá không có cô em gái xinh đẹp kia ngồi dưới thuyền nhoẻn miệng cười với Vĩnh, thì Vĩnh đã lẳng lặng quẳng anh ta xuống nước sông. Anh chàng này thấy Vĩnh to lớn và ngang ngạnh thì cúi xuống cởi sợi dây chão buộc đầu cọc lim, rồi anh ta nhảy xuống thuyền đẩy ra khỏi bến.

Vĩnh đứng lặng nghe tiếng mái chèo khuấy trên dòng sông gió hú. Khi ngọn lửa đèn nơi tay cô gái đã thu dần dần lại bằng cái chấm đỏ ở tít đằng xa, anh mới thở dài, buồn bã, thấy rằng dưới trời khuya chỉ còn trơ lại một mình anh.

II

Vĩnh trèo lên con đường núi ở mãi tận trên cao. Nhà anh, ánh lửa vẫn còn le lói lọt ngoài cánh liếp. Đến gần, anh dừng gót bên một gốc cây mọc cạnh vách nhà. Anh ngồi thụp xuống dưới cái cửa sổ con, rồi từ từ nhô lên nhòm vào. Một bóng người cúi lom khom bên chum nước; tiếng bát đĩa kêu lạch cạch trong cái chậu sành mà bàn tay bà Đồ run lẩy bẩy vì nước giá đang cọ rửa. Bữa rượu của ông Đồ mãi đến tận canh hai này mới xong. Bà Đồ phải thức để hầu hạ ông chồng, để ngồi nắm than trong khi ông đã ngậm cả que tăm nằm lăn ra ngủ. Rồi giữa cái tịch mịch của đêm khuya, bà luôn ngóng chờ tiếng guốc của con. Đêm nào Vĩnh cũng la cà dưới bến, có khi ngủ nhờ nhà bạn, có khi ngủ nhờ dưới thuyền. Đêm mùa hè, anh nằm ngủ ngay trên bến, trên những tấm ván thuyền bắc cầu lên xuống.

Nếu quá canh tư mà Vĩnh chưa về, bà Đồ lại phải cầm đèn xuống bãi tìm từ lều này qua lều khác, không thấy thì bà lại xách đèn lom khom đi suốt bến, hỏi khắp các thuyền bè. Bà chỉ lo Vĩnh quá buồn bực mà bê tha cờ bạc, lăn vào những chỗ có bàn đèn, hay là quá chén mà ngã rúi vào một xó nào thì khốn.

Từ nãy, mắt Vĩnh mờ đi, nhìn theo bóng mẹ. Lòng Vĩnh xót xa khi thấy mẹ úp xong bát vào chạn, rón rén ôm cái chăn của bà đắp thêm vào mình ông Đồ đang ngáy. Bà thổi tắt đèn. Vĩnh nghe tiếng chiếu sột soạt trong bóng tối: mẹ anh đã nằm xuống tấm ổ rơm, co quắp dưới manh chiếu rách. Có cái giường tre bà đã nhường cho chồng nằm, có hai tấm chăn bông cũ bà cũng nhường cả cho chồng đắp.

Lúc này, anh biết, mẹ anh tuy nằm đó nhưng vẫn còn mở mắt đợi nghe tiếng guốc của anh.

Nước mắt bỗng dưng giàn giụa, anh càng thương mẹ vô ngần, anh muốn lẻn ngay vào ngủ bên chân mẹ, song nghĩ đến ông Đồ, anh lại cắn chặt môi, gục đầu vào thân cây. Anh khóc như một đứa trẻ còn thơ dại. Lời ông Đồ sỉ vả anh giữa đêm khuya hôm anh ở nhà bạn, hay vui chơi trong quán nước về, lời ông nhiếc mắng tàn nhẫn mẹ anh khi ông quá chén lúc này lại như theo tiếng ngáy ở trong lều vẳng đưa vào tai anh. Anh thấy anh không còn thể phục tòng người cha khó tính, cố chấp, rượu chè như vậy mãi, mặc dầu anh đã viện tất cả chữ nghĩa thánh hiền chứa trong đầu anh để dẹp lòng uất phẫn. Đã nhiều lần Vĩnh định bỏ nhà, nếu chẳng còn vướng mẹ.

Tối nay, tránh cơn say của ông Đồ, Vĩnh phải xuống bến đi lang thang dưới cơn mưa gió, và sự tình cờ dắt anh đến chỗ cô gái lạ kia. Men say của mối tình mới mẻ, lúc này sực nghĩ tới, làm anh rạo rực. Vĩnh bước đi, xa tiếng ngáy của ông Đồ, xa cái gác bếp tối tăm trong đó người mẹ thân yêu đang nằm ngóng đợi anh.

Gió trên đỉnh núi rùng rợn rít từng hồi, quật vào da thịt anh như những ngọn roi. Đến một túp lều bên khe núi, anh đứng lại. Đó là túp lều của người phu già vừa chết thương hàn được mấy hôm nay, bây giờ bỏ hoang không ai dám ở. Vĩnh bước vào, ngồi xuống đống rơm. Dưới chân anh, ở cái bãi tối mịt mù và rộng mênh mông kia, những ống khói của sở than, sở mỏ nhô lên trên những mái thấp đen sì nối liền như bát úp. Đó đây có ánh lửa chập chờn; đấy là một hai sòng bạc mà bọn áo rách đang bóc lột nhau, và đấy là những hàng cơm mở gần tới sáng bán cho khách ở sòng ra, kẻ thua cũng như kẻ được ăn cho no, nốc rượu cả chai để chờ rạng sáng lại đi làm tiền.

Vĩnh nhìn sang cái làng xa tít bên kia sông. Những bóng dừa ở đâu, người con gái xinh đẹp ấy đang nằm ngủ say bên gốc dừa nào, trong khoảng nước trời đen đặc tối?

Vĩnh chỉ thấy ở ngoài biển, xa, rất xa, ánh ngọn hải đăng sáng

lập lòe. Lắng nghe, tiếng sóng biển đêm vọng lại rõ hơn cả mọi đêm khuya khác, Vĩnh cảm tưởng trời đất đêm nay cao rộng hơn thường, người con gái mất hút vào trong đó, chẳng còn bao giờ thấy...

Chưa bao giờ Vĩnh phải buồn vì một người con gái bởi anh chưa khi nào thất vọng. Nhờ vẻ đẹp trai, miệng nói có duyên, lại có chút Nho học, có sức khỏe, và nhờ cái tính nết ngay thẳng khí khái, Vĩnh đã được hầu hết cô gái ở bên này yêu mến. Thường ngày Vĩnh ít nói cười là tại Vĩnh buồn vì cha, thương mẹ già cực khổ. Thực ra, Vĩnh là người vui tính. Hôm nào được thư thái, anh cất tiếng ca hát thì các cô gái đang ngồi sẩy than đãi cát trên bến đều ngẩng lên nhìn Vĩnh, lắng tai nghe. Tiếng hát ấy cũng giúp sức cho những cánh tay rắn khỏe của các bạn anh đang còng lưng đẩy những xe goòng chạy rầm rập trên đường sắt.

Vậy mà đêm nay, Vĩnh đã tê tái buồn vì cô gái bên sông. Cô gái làng Sơn Hạ! Cô gái đã dám chở con thuyền thúng nhỏ đè ngang sóng mạnh qua sông dưới trời khuya mưa gió. Cô gái đã cười bảo anh rằng: “Nếu thuyền có lật thì em đã biết bơi”... và cô cũng đã ngỏ tình cảm với anh, nếu không, sao cô lại hẹn: “Ngày mai, em trèo lên một cây dừa cao nhất, buộc một tờ giấy hồng điều cho ông dễ tìm thấy nhà”. Vĩnh nhủ lòng: “Sao người con gái ấy lại sinh ra ở làng Sơn Hạ! Một làng ăn cướp!” Sơn Hạ, đó là một địa danh heo hút mọc lên không biết tự thuở nào trên con bơn dài rộng giữa ngã ba sông lớn thông ra cửa biển Đông. Dân thôn xóm đất liền xưa nay vẫn coi Sơn Hạ là hoang đảo, ít khi tiếp xúc. Người lương thiện không mấy ai nói đến nó, hoặc có nói thì cũng bằng một giọng rẻ khinh. Nhưng điều đó không hề làm suy giảm tình yêu trong lòng Vĩnh lúc này. Anh muốn yêu một cô gái khác thường, một mối tình liều lĩnh, dù rằng anh hình dung cô gái xinh tươi ấy đã nhiều lần cầm vũ khí đi cướp bóc ở một làng nào, đã xông xáo chém đứt một cánh tay, một cái đầu, đâm thủng bụng kẻ này, xuyên ngập lưng kẻ khác. Cái bàn tay thon nhỏ ấy đã múa lưỡi dao sáng loáng đỏ máu người. Cái bàn tay ấy vừa rồi đã dịu dàng giơ lên vuốt mấy sợi tóc mai bay trên làn da mát mịn, đã như con bướm nhỏ ngoan ngoãn nằm trong bàn tay rắn chắc của anh tối trước, khi cô bước xuống thuyền.

Vĩnh nhìn xuống quán nước của mẹ con Nhàn. Người con gái lành hiền ấy cũng có cặp mắt bồ câu, miệng cười tươi tắn, đôi bàn tay mềm mại, trắng muốt lành hiền như tất cả đức hạnh của cô. Bàn tay

hiền dịu ấy, lúc nào Vĩnh đi qua, cũng nựng vỗ đứa em nhỏ trong lòng, hoặc têm trầu mời anh. Mới đêm nào chớm rét, bàn tay ấy đã vá áo cho anh.

"Nhàn ơi!". Tên cô gái lành hiền gợn rung trong tâm tưởng Vĩnh như cơn gió bấc. Anh tự trách lòng tại sao lại hững hờ với Nhàn. Còn mấy cô gái khác. Hiền, Thoa, Cúc, Lộc, họ cũng yêu anh lắm mà anh có thực tình lưu ý đến họ đâu. Có lẽ tất cả tâm tình thầm kín, mạnh mẽ ở lòng anh, anh chờ đêm nay sẵn sàng dâng cả cho người thiếu nữ xa lạ ấy. Anh cho là duyên số, và anh thấy rằng cuộc đời anh cũng từ đêm nay phải thay đổi ít nhiều.

Vĩnh ngả lưng xuống nệm rơm, mệt mỏi, thiu thiu ngủ.

Mờ sáng, mở mắt ra anh đã thấy mẹ ngồi bên cạnh. Bà nhìn con, lắc đầu.

– Con cứ ngủ xó xỉnh thế này à, lỡ ngộ cảm chết còng queo ra thì mẹ biết làm sao được. Về ăn cơm, rồi còn xuống bến làm. Bố mày đã thức dậy đâu. Đây, mặc thêm áo vào. Cứ cậy khỏe mà phong phanh thế, ho thì lại khổ mẹ thôi.

Vĩnh đỡ cái áo vàng ở tay bà Đồ. Anh vờ cúi đầu cài khuy áo cho bà khỏi biết mắt anh đang ướt. Anh đi sát vào bên mẹ. Bà Đồ xuýt xoa, lập cập giẫm đôi guốc mòn lên những hòn đá vụn.

Vĩnh nhìn làn khói trắng ở mái bếp nhà anh đang bốc lên cao, loãng dần trong gió.

*

* *

Còi tầm vừa dứt. Vĩnh xuống bờ sông rửa mặt, chân tay bám đầy bụi than. Buổi trưa nay mưa phùn đã tạnh. Trời khô hoe hoe nắng, mù núi đã tan, nước sông chảy êm đềm. Vĩnh nhìn ra cái cù lao nhỏ, ở xa xa. Thốt nhiên Vĩnh reo lên một tiếng. Mắt anh rực sáng. Thái độ ấy khiến Lũy, bạn anh, phải ngạc nhiên, ngẩng đầu lên hỏi:

– Cái gì vậy, Vĩnh?

Vĩnh không trả lời. Anh đăm đăm nhìn một ngọn dừa trên dải cù lao xanh ấy, có một tờ giấy hồng điều bay phấp phới.

Tâm hồn Vĩnh bỗng dưng xao xuyến tưởng như mọc cánh bay ngay đến đấy. Cô gái làng Sơn Hạ đã giữ lời hẹn ước, đánh dấu nhà

cô cho anh dễ kiếm tìm. Vĩnh sung sướng thấy mình được yêu "Chắc người ấy đang mong mình lắm". Nghĩ vậy, lòng Vĩnh càng xao động, tươi tỉnh thêm ra. Chưa có cuộc đắc thắng trong tình yêu nào làm cho anh xúc cảm đến mức điên rồ lên được như cuộc đắc thắng này. Là vì chiếm được tình yêu cô gái lạ kia, anh chưa hề phải tốn công, anh chưa từng phải chờ đợi, kết quả tới mau chóng quá đến nỗi anh tưởng rằng người đẹp bên sông ấy cợt đùa anh.

Nhưng lúc này Vĩnh muốn tin tưởng hơn là ngờ vực, mặc dầu cái tên "Cô gái Sơn Hạ" vẫn làm rờn rợn lòng anh. Đây là một cuộc chơi dao sắc, không phải là yêu một cô gái nhà lành, ngoan ngoãn như Nhàn. Anh biết thế, song dải giấy hồng điều trên ngọn dừa xa xa ấy bay rướn lên theo gió, tựa hồ vẫy gọi anh sang. Vĩnh đấm mạnh vào lưng Lũy, làm cho anh này ngã lộn đầu xuống nước. Anh ta ngoi lên nhìn theo Vĩnh, miệng há hốc ra, lẳng lặng cúi xuống lau đầu tóc. Vĩnh lao mình chạy trên bãi, nhảy qua cả những xe goòng. Thấy anh bỗng vui vẻ thế, mọi người cười rộ cả lên. Vĩnh cũng cười theo, âu yếm nhìn các bạn.

*

* *

Thuyền ra quá giữa sông. Vĩnh chèo mải miết. Mắt anh ngắm thẳng vào tờ giấy hồng điều bay phấp phới, mỗi chốc mỗi gần thêm. Da thịt nóng bừng, anh không còn biết rét. Con thuyền mỏng mảnh chồm lên chúi xuống trên làn sóng, trườn nhanh, nước bắn cả vào lòng thuyền.

Gần hơn, gần hơn nữa, thuyền Vĩnh đã sắp tới rừng dừa. Bao nhiêu sức mạnh dồn cả vào đôi cánh tay to bắp. Vĩnh lướt mái chèo. Tim anh cũng đập rộn theo sóng vỗ. Đôi cánh tay anh chợt như mềm lại. Mái chèo sũng yên dưới nước. Anh chăm chú nhìn về phía cô gái dáng hình thon thả, khuôn mặt trái xoan, cặp mắt dài hơi xếch đen lanh lánh, làn môi mọng hé ra, lộ hàm răng trắng muốt. Cô đứng tựa vào một thân cây dừa, giơ tay vẫy. Mái chèo lại mạnh mẽ khuấy dòng nước xám xanh, mũi thuyền xé sóng vút nhanh hơn trước. Thuyền đã lách vào khóm sậy.

Vĩnh nhảy lên bờ. Cô gái vẫn đứng yên, tình yêu trong sóng mắt – đôi mắt sắc như dao cau, đôi mắt đẹp hơn đôi mắt của Nhàn.

Vĩnh nắm chặt hai bàn tay cô. Quanh đảo dừa, gió hú. Lá dừa quất vào nhau sàn sạt. Dải dây lưng màu cánh chả của cô gái cũng múa bay lên.

– Hồi chờ anh lâu quá. Em nói dối anh Phiên em là em đi chợ, để ra đây đứng ngóng anh. Anh chở thuyền nhanh nhỉ. Nhanh hơn cả anh Phiên em đấy. Hôm nay biển lành. Anh Phiên em vừa mới cùng các anh trai đảo rủ nhau đi nghề, có lẽ dăm hôm nữa mới về. Em đã nói trước với thầy em, hôm nay anh sang chơi...

Hai người đi bên nhau, len lách qua những gốc dừa cao vút, rợp bóng xanh. Lá reo trên đầu, cỏ mềm nép dưới chân.

– Kia, nhà em đấy.

Nhà Hồi là một gian nhà xinh xinh, bên một gốc đa cổ thụ. Ngoài có dậu nứa đan cánh sẻ bao quanh. Trong vườn trồng hoa, rau cải, xu hào. Hồi mời Vĩnh vào sân. Thấy một cụ già ngồi vá lưới, Vĩnh đưa mắt hỏi Hồi. Cô khẽ nói:

– Thầy em đấy.

Nói rồi cô lùi lại rẽ vào bếp. Vĩnh bối rối chưa biết khi đến trước ông già, anh sẽ tự giới thiệu thế nào. Nhưng ông cụ đã ngừng tay kim, gật đầu, hiền từ nhìn Vĩnh:

– Mời cậu vào chơi trong nhà.

Nghe giọng nói dịu dàng của ông già, Vĩnh thấy yên lòng.

Anh theo ông vào ngồi trên chiếc giường tre, dưới chiếu trải ổ rơm. Ông ngồi xếp bằng tròn, nạp thuốc lào vào điếu, hai bàn tay xương xẩu, run run dí đầu que đóm vào ngọn đèn con, mắt mở to nhìn cho rõ ngọn lửa đèn bé bằng hạt đỗ. Làn khói trắng che mờ mái tóc bạc và khuôn mặt quắc thước đen sạm của ông già. Ông trầm ngâm, chờ cho khói thuốc tan đi, mới từ từ với tay nhắc cái khay chén trên bàn thờ xuống, cầm mảnh vải điều lau từng cái chén.

Cử chỉ chậm chạp của ông lúc này trái hẳn với vẻ niềm nở lúc Vĩnh mới vào sân, khiến Vĩnh lại hồi hộp, lo lắng. Anh đưa mắt ngắm quanh nhà. Trên hai cột giữa treo một cây đàn nguyệt, một ống tiêu. Mặt vách, chỗ nào cũng toàn là câu đối Hán tự viết lối đá thảo, gân guốc, bay bướm. Anh lẩm nhẩm đọc từng bức một. Văn hay ý đẹp khiến anh thích chí, bất giác đùi anh khẽ rung mà anh không biết.

Hồi ở dưới bếp lên, nhè nhẹ bước đến sau lưng Vĩnh, hai tay đưa cho ấm nước sôi. Thấy Vĩnh rung đùi hệt như một thư sinh thời

nghiên bút, cô suýt bật cười. Vĩnh giật mình đưa mắt nhìn Hồi. Má cô, ở bếp ra, đỏ hồng hồng và đôi mắt thêm đen lánh.

Cô cúi đầu đưa tay che miệng rồi e lệ bước ra sân. Vĩnh ngượng nghịu, mặt anh cũng đỏ bừng.

Trà đã ngấm, ông già rót nước ra chén. Lúc này ông mới để ý ngắm người con trai lạ ngồi trước mặt ông. Vĩnh ngượng nghịu thêm, anh vờ nghếch mắt nhìn bức hoành phi treo bên gian hữu.

Ông già nhẹ gật đầu. Trong khi để ông già ngắm diện mạo mình, Vĩnh đã tự tin dù khó nết đến đâu ông cũng không chê anh được. Buổi trưa, nhìn thấy tấm giấy hồng điều bay phấp phới ngọn dừa anh đã chạy như bay đến nhà người bạn hỏi mượn bộ cánh thắng vào, cũng không quên đến bác thợ cạo già cắt tóc cạo râu. Chị Năm, vợ bạn anh cười với chồng, khen rối rít: "Khuôn mặt bác Vĩnh hồng hào, vuông vắn, thành ra đội chiếc khăn của nhà tôi đẹp lắm. Chứ nhà này mặt quắt lại đen, đội xấu xấu là. Cặp áo the bác Vĩnh mặc thì vừa vặn, nhà này mặc thì dài rộng quá! Gớm, con nhà Nho có khác, thắng bộ vào thế kia thì gái nào chẳng bỏ nhà theo".

Ông già nhấc chén trà mời Vĩnh:

– Cậu xơi nước đi cho nóng.

Vĩnh lễ phép đỡ chén nước của ông đưa. Ông nhấp từng ngụm nhỏ, chậm rãi nói:

- Con em Hồi nó đã nói chuyện với tôi về cậu. Nó tin chắc hôm nay thế nào cậu cũng sang chơi. Ấy, lúc sáng thấy chim khách hót ngoài bụi trúc, tôi cũng đoán ngay là có khách. Thế nào, cụ Cử bên nhà có mạnh không. Cụ vẫn làm thơ như thường đấy chứ?

Vĩnh ngạc nhiên:

– Bẩm, cụ cũng biết thầy con?

Ông già vuốt râu cười:

– Tôi thường nghe người ta nói bên bến có cụ Cử thơ hay, chữ đẹp. Tết năm nay tôi định sang mừng tuổi cụ, xin bức đại tự treo nhà. Bình sinh, tôi chỉ thích chơi câu đối, cậu ạ. Nhờ tổ ấm khi xưa, tôi cũng được đôi năm đèn sách, nhưng rồi cũng chẳng nên công cán gì. Con em Hồi và thằng anh Phiên nó, tôi vẫn bắt học khi nào rảnh rỗi, song chúng tối dạ lắm, học đâu bỏ đấy ngay. Thấy em nó nói cậu là con cụ Cử, có lòng mến em, mến tôi mà hôm nay sang chơi, thực

bụng tôi rất mừng. Ở cái đất làng này, nói nhỏ riêng với cậu, con trai con gái chẳng ra sao cả. Tôi vẫn buồn phiền lắm. Nay được cậu thỉnh thoảng có thời giờ sang đây làm bạn với hai em, dạy bảo cho hai em mỗi khi dăm ba chữ, thật là quý hóa. Tôi bây giờ yếu rồi, lẫn cẩn rồi, sinh lười ra cậu ạ. Ở gần sông, gần biển rét lắm, cứ ốm đau luôn. Hễ trời ấm ráo như hôm nay mới ngồi dậy được, cất nhắc một vài việc vặt cho dãn tay chân một chút.

Những lời thân mật của ông cụ làm cho Vĩnh cảm kích, mừng vui. Anh biết những lời lẽ ấy cũng đã lọt vào tai Hồi đang đứng nghe trộm đằng sau vách, vì thỉnh thoảng anh nghe thấy tiếng động.

Vĩnh kính cẩn đáp lời ông già:

– Mới buổi đầu cụ đã thương con như là con cháu trong nhà, không còn gì may mắn cho con hơn.

Anh ngừng lại, bởi anh ngượng nghịu vì câu anh sắp muốn nói ra. Trong khi ấy anh thò ngón tay út vào chén nước, cời ra một con ruồi mới sa vào.

– Thưa cụ lát nữa về, con sẽ thưa chuyện với thầy mẹ con để thầy mẹ con có lời sang thưa cùng cụ.

Ông già rót nước vào chiếc chén khác, mời anh:

– Cậu xơi đi. Cái con em Hồi nó ướp nhiều hoa sói vào trà, thành ra uống nước đầu, hương nồng quá. À thế nào, những vế chữ này, cậu thấy có tạm được không? Cứ hôm nào con em Hồi nó đi chợ, thằng anh Phiên nó đi biển vắng, ở nhà một mình buồn, tôi lại viết nhảm nhí chơi. Gân tay yếu rồi, chữ trông run lắm nhỉ?

– Thưa cụ, câu văn nào cũng rất chỉnh, điển cố dùng rất đắt. Còn bút pháp thì con thấy thực là già, mạnh. "Bút linh diện nhập thần". Có thần trong nét chữ, thưa cụ.

Ông già vuốt râu, khà một tiếng, ngửa mặt nhìn người khách trẻ, biểu lộ tình cảm trìu mến.

Có một bóng người qua ngoài cánh dại. Vĩnh nhìn ra. Hồi đứng giữa sân, tay bưng chiếc rá. Bỗng ở đâu kéo tới một đàn ngan trắng kêu vang, xúm xít dưới chân Hồi, tranh nhau những hột cơm hạt thóc mà cô đang rắc xuống. Mấy con bồ câu trắng trên mái rạ bay sà xuống đậu vai Hồi, rồi bay tản ra các góc sân.

Vĩnh say sưa ngắm cô gái đẹp giữa đàn ngan trắng, bồ câu trắng. Anh cảm thấy đó là một bức tranh tuyệt đẹp.

Ông già khẽ gọi:

– Hồi à, con liệu làm cơm khách nhé. Ra chợ xem có cá mè tươi mua về làm gỏi. Hôm nay ấm trời, ta đánh chén với gỏi cá thì tốt lắm, phải không cậu?

Vĩnh chưa bao giờ cảm động sung sướng bằng lúc này, có lẽ là lần đầu trong cả cuộc đời anh. Hồi đã cắp rổ ra ngoài ngõ. Anh liếc trông theo, thấy Hồi ngoảnh lại nhìn anh, miệng cười chúm chím.

III

– Lấy cho tôi chai nữa, cô Nhàn!

Vĩnh đặt mạnh vỏ chai xuống chõng. Mặt anh đỏ ngầu.

Nhàn ngồi nép bên cái tủ nhỏ và cóng nước trà tươi, rung rung đứa em bé trên tay đang khóc.

– Thôi, anh Vĩnh, say rồi đấy, về mà nghỉ.

Vĩnh quay nhìn ra ngoài sông tối, giọng anh thấp xuống như nói với ai kia đang mong chờ anh ở bên sông.

– Tôi không về..., không bao giờ tôi còn về nữa. Có lẽ tôi sẽ phải bỏ nhà bỏ cửa mà đi....

– Đấy, anh Vĩnh, say thực rồi. Về đi kẻo cụ bà lại phải xuống tìm. Trời rét mướt...

Vĩnh gục mặt vào lòng bàn tay, tóc anh rũ rượi. Anh lẩm bẩm:

– Cơ sự thế này thì tôi đến phải bỏ nhà mà đi mất... Ai lại mắng chửi mình, xô đuổi mình như con vật...

Hớp rượu cuối cùng chưa kịp nuốt đã sặc ra, rồi thì nôn thốc nôn tháo, Vĩnh ngả đầu tựa vào cột tre, mắt nhắm nghiền.

Một lúc, mở mắt, anh thấy Nhàn đứng đắp chiếc khăn dúng nước nóng vào trán anh. Vĩnh nắm lấy cổ tay Nhàn, Giọng anh mệt nhọc:

– Cô Nhàn!

– Dạ...

Nhàn không rút tay lại, má đỏ bừng, cúi nhìn xuống đất. Vĩnh kéo Nhàn sát lại gần:

– Tôi cám ơn Nhàn...

Cổ anh nghẹn lại. Anh nhớ đến những lần ông bố quá say, mẹ anh cũng sợ hãi đắp khăn nóng vào trán ông như thế này. Anh nhớ đến vẻ mặt buồn phiền và đôi mắt chứa đầy thương xót của bà nhìn cha anh, rồi bà buồn phiền cúi xuống, cũng như Nhàn...

Nhàn lúc này đây, săn sóc anh như là người vợ, cũng có vẻ mặt sầu khổ và đôi mắt ướt lóng lánh nhìn anh vô cùng thương cảm. Anh xiết chặt hơn cổ tay Nhàn:

– Tôi cảm ơn Nhàn lắm...

– Có gì đâu ạ, anh Vĩnh!

Hơi thở Nhàn rộn lên vì xúc động. Bỗng Vĩnh rời tay Nhàn ra, gọi một cái bóng vừa thoáng qua ngoài bến tối:

– Lũy! Xuống thuyền chờ tôi nhé!

Anh đứng dậy, chụp chiếc mũ nồi bẩn thỉu lên đầu, lảo đảo bước ra.

Nhàn lắc đầu chán ngán. Cô thu hàng, khép tấm dại, trèo lên ghế thổi tắt đèn.

*

* *

Lũy khép ván cửa khoang thuyền cho đỡ gió. Rồi anh thổi mồi rơm châm đèn, rít một hơi điếu cày.

Khói tỏa lên, lởn vởn đọng trên vòm mui nứa. Sóng vỗ óc ách. Thuyền khẽ tròng trành như ru.

Vĩnh nằm yên, mở to mắt nhìn vào mặt Lũy. Anh này đưa bàn tay sần sùi gãi cái sẹo ở cằm.

Lũy kể:

– Ngày bé, đã có lần tôi theo mấy người anh em sang Sơn Hạ. Bên ấy mở hội to, người các làng vạn quanh đấy kéo nhau đến xem đông lắm. Những kẻ dám đặt chân vào đất Sơn Hạ ấy thảy đều là những tay chơi liều lĩnh và cần nhất là phải dắt dao trong mình.

Tôi nhớ rằng, sợ không được đi, tôi đã lẻn xuống thuyền trước, cậy ván chui xuống nấp.

Khi đến Sơn Hạ, chờ cả bọn lên bộ rồi, tôi mới chui lên đuổi theo sau. Lúc này, thấy tôi, họ chỉ trợn mắt nhìn, đành cho theo vậy.

Chúng tôi đứng xem họ đấu vật. Tôi nhớ cái anh đô vật của Sơn

Hạ to lớn lạ lùng, thắng tất cả đô vật khác trong mấy ngày liền. Anh ta thách những đô vật các nơi. Có một người cũng to lớn chẳng kém gì anh ta, xông vào. Mọi người đứng xem thì thầm bảo nhau đó là một tay thuyền chài ở vùng khác, vật có tiếng xưa nay. Rút cuộc, anh đô vật làng Sơn Hạ bị thua. Lúc sẩm tối, chúng tôi đang ngồi uống rượu trong quán, cô con gái bà hàng chạy về cười rú lên báo cái tin ngoài rừng dừa mới có một cái xác lòi cả ruột. Cô ta thản nhiên nhổ cốt trầu rồi tiếp: "Đó là cái xác anh đô vật thuyền chài bị anh đô vật làng Sơn Hạ mình giết đấy!"

Ăn uống xong thì sẩm tối. Chúng tôi vào đình. Mới bước đến sân đình, tôi đã sởn tóc gáy vì thấy những cây thiết lĩnh, những ngọn giáo mác sáng loáng cắm trên hai cái giá tre bày hai bên, dưới những lá cờ ngũ hành xanh đỏ. Bọn tuần tráng anh nào cũng khỏe mạnh đi đi lại lại. Trong đình, ở hai gian bên có mấy đám thò lò, xóc đĩa. Tiếng cười thét ầm ầm như chợ vỡ. Thỉnh thoảng lại có cuộc đánh nhau; con gái, trẻ con chạy ùa cả ra ngoài. Giữa đình, phường chèo đang hát. Phường hát này mà dám nhận đám ở đây chắc cũng phải là một phường hát có gan, tay trùm cũng phải là tay ăn chơi giỏi võ.

Có một người kể chúng tôi nghe: "Một năm, phường hát này có cô đào đẹp lắm. Anh con trai một ông vạn ngỗ nghịch, võ nghệ giỏi xưa nay, tròng ghẹo cô đào hát. Bố cô đào đánh ngay con trai ông vạn ở giữa đình. Anh trai này bị thương, nhưng anh ta không tính việc báo thù. Sáng hôm sau anh làm cơm rượu ra đình mời cả phường vào thết đãi. Từ đấy, phường hát này được trai làng Sơn Hạ phục và cũng từ đấy hễ có hội hè đình đám là phường lại được dân Sơn Hạ đi mời.

Chúng tôi ra đám hát trống quân. Gái làng này đẹp lắm, cô nào hát cũng hay. Trai trong làng, trêu các nơi, hễ anh nào hát thua thì bị các cô làm cho xấu hổ, cho nhục nhã. Các cô bảo trẻ con lẻn vào đứng sẵn sau lưng, anh nào thua, tức thì chúng đổ ngay nước tiểu vào đầu, vào quần áo. Mà anh nào thắng thì có thể bế xốc ngay cô gái lên đầu, cũng có thể dắt cô ấy vào rừng dừa, ra bờ sông, vào ruộng rau, cắt tàu lá chuối trải xuống đất thay manh chiếu.

Cái trinh bạch của các gái tơ làng Sơn Hạ không có nghĩa lý gì, – kể cả đàn bà có chồng có con rồi. Trinh tiết, họ không cần giữ. Chỉ chết những thằng đàn ông. Anh nào bị phỗng tay trên thì lẳng lặng đến nhà hàng nốc cho say, rồi tìm bác thợ rèn cuối chợ, mua một con

dao nhọn sắc. Công việc tính toán với nhau rất chóng. Một cái xác buộc vào hòn đá vất ra sông, nó sẽ từ từ trôi ra biển.

Một đêm hội hè vui vẻ, một đêm trai gái mặc sức nô đùa, vài ba cái xác trôi đi là thường lắm. Trong khi ấy thì những cặp nhân tình cứ tự do dắt nhau đi dưới ánh trăng, ra rừng dừa, ra vườn rau, ra bờ sông, trải tàu lá chuối xuống nằm, trải ngay trên miếng đất còn ướt máu, còn vài ngón tay bị chém vương vào chân cỏ. Án mạng trên cái đất Sơn Hạ này, ngày thường cũng như ngày hội, xảy ra nhanh chóng, dễ dãi như là ta nhai dập một miếng trầu. Là vì cái xác buộc vào hòn đá nặng cứ việc trôi ra sông biển, để cá nó ăn cho béo. Mà cá béo thì lại lọt vào lưới của chính những kẻ đã giết người, không cần hối hận. Họ đem cá đi bán cho cha mẹ, vợ con những kẻ xấu số đã nằm trong bụng cá kia. Quan không làm gì họ, bởi huyện ở xa, phủ ở xa. Đến nơi thì tang tích không còn. Thực ra quan cũng ngán, chẳng muốn dây vào làng hủi.

Nhưng đó là làng Sơn Hạ mười mấy năm về trước. Bây giờ, anh Vĩnh ạ, tôi chắc dân đã khá thuần rồi.

Một điều ta nhận thấy là từ khi anh đến ở bến này, có nghe thấy nói làng Sơn Hạ đi cướp bóc ở đâu chưa? Có thấy một cái xác trai gái nào trần truồng giạt sang bến này không? Xưa kia, chính mắt tôi luôn thấy. Đã một lần, tôi ra đây vo gạo, thế nào mà đặt ngay cái rá lên mớ tóc nổi lềnh bềnh".

Lũy cười phá lên, cái miệng đã méo sẵn của anh ta xếch hẳn sang một bên, má đầy những hột cơm, sẹo nhỏ.

Vĩnh không cười. Mặt anh đượm một nỗi buồn thầm kín.

Lũy, thấy Vĩnh không cười thì ngẩn mặt ra. Anh nói:

– Có phải thế không? Tôi cũng nghe đồn bên Sơn Hạ, mấy năm nay, người ta dãy cả vườn hoang để cày cấy. Một nửa dân làm ruộng, một nửa dân phải theo nghề chài. Thỉnh thoảng con trai bên ấy chẳng sang đây mua than bán cá là gì đấy? Họ cũng lương thiện y như chúng mình.

Thí dụ như cái anh chàng đêm nọ vào đánh bạc trong sòng bạc bác Cai, dắt theo một cô gái xinh đẹp ấy mà. Vĩnh còn nhớ chứ? Anh ta lành ra phết, thua sáu bảy đồng mà chẳng cáu kỉnh gì. Thế mà bây giờ người ta vẫn khinh ghét làng Sơn Hạ. Ai cũng yên trí ở Sơn Hạ trai thì ăn cướp, gái thì làm đĩ, loạn dâm. Cái miệng người đời chó lắm!

Lũy thở khói thuốc lào, dụi mạnh tàn đóm xuống sạp thuyền. Đoạn anh nằm xuống, kéo chiếu đắp cho bạn và đắp cho mình.

Lát sau, anh ngoi đầu lên khỏi mép chiếu, giọng chán nản:

– Vĩnh ơi, thế anh có hết lòng giúp đỡ tôi cái việc hệ trọng nhất đời đó không?... Cái việc Nhàn ấy mà...

Vĩnh ngồi lên, âu yếm vỗ vào đầu Lũy:

– Tôi giúp anh. Anh có thể tin chỉ từ giờ đến tết, Nhàn sẽ là vợ anh. Cứ cố dành tiền đi, rượu ít chứ.

Lũy vẫn chán chường:

– Ít lâu nay tôi sinh ra rượu chè là tại tôi rất buồn vì Nhàn. Cô ấy không yêu tôi, có thể nói cô ấy ghét tôi. Tôi biết mình xấu xí, chẳng bằng ai, nhất là chẳng bằng anh. Nhàn mê anh lắm, tôi biết. Tối nào tôi cũng phải đi qua nhà Nhàn, chứ không dám vào. Vào thì ra về thêm tủi, lại phải nốc thêm dăm cút rượu nữa mới đặt mình ngủ được. Ban nãy tôi đứng bên ngoài, nhìn Nhàn chườm khăn nóng vào trán anh. Giá Nhàn làm thế cho người khác thì tôi đã xông vào, nhưng Nhàn săn sóc cho anh như thế là đáng lắm. Đã có một lần tôi khổ sở quá, uống cả một chai trước mặt Nhàn, rồi gục xuống. Thế mà Nhàn cứ mặc xác tôi nằm đấy. Như vậy anh bảo tôi còn hy vọng nỗi gì?

Lũy gần như muốn khóc. Vĩnh ấn đầu bạn xuống, mỉm cười:

– Anh cứ tin lời tôi. Tôi chắc mai mốt anh sẽ được ngồi nói chuyện với Nhàn.

Lũy thò tay ra ngoài chiếu, giơ lên một chuỗi dây xà tích bạc.

– Đây này, tôi đã nhịn may áo, mua cái này định biếu Nhàn. Nhưng gặp Nhàn, tôi lại hồi hộp..., thế rồi thì không dám bỏ ra, không dám nói câu gì cả.

Vĩnh bật cười thương hại bạn:

– Sáng mai anh đem bán lại nó cho hàng bạc, lấy tiền may áo rét, hay bỏ ống để mai mốt mà mua trầu cau.

Vĩnh kéo chiếu lên đắp kín đầu Lũy, rồi anh với tay ra mở cửa thuyền. Đêm nay, ánh trăng mùa đông lạnh lẽo rải trên sông, trên bến. Nhìn tảng đá bên đường goòng. Vĩnh nghĩ đến tối qua anh ngỏ lời xin cha mẹ cho anh lấy Hồi. Ông Cử thét: “Mày mà lấy nó thì tao từ. Tao như thế này mà lại đi thông gia với quân kẻ cướp à? Tao còn

sống đây, lại để mày mang con giặc cái ấy về nhà này ư? Giấy rách phải giữ lấy lề. Mình tuy nghèo khó, nhưng ở cái bên này ai cũng có lòng kính nể. Nay mày rước đứa con gái ở cái làng ăn cướp ấy về làm dâu tao, thì phỏng mày định bôi gio trát trấu vào mặt bố mẹ mày ư?"

Anh đã đau đớn, tức giận đến nỗi không sao nhịn được: "Ấy là thầy chỉ nghe người ta đồn đại những tiếng xấu cho cái làng ấy mà thôi. Hiện giờ, người ta cũng làm ăn lương thiện như mình. Cha anh cô ấy cũng có chữ nghĩa như mình, cô ấy cũng lành hiền trong sạch như là mẹ con...".

Ông Cử vơ lấy cái chén ném vào anh, ông thét: "A, thằng này hỗn láo! Mày ví những quân ăn cướp với cha mày, so sánh con đĩ với mẹ mày".

Rồi ông bước xuống giường, kéo tay anh ra cửa. Bà Cử cuống quýt níu lấy áo ông: "Thôi, tôi lạy ông, con nó dại ông để tôi bảo nó...". Nhưng ông hất tay bà ra, ông lôi Vĩnh xuống bến. Đến cái tảng đá bên đường goòng, ông đẩy Vĩnh ngồi xuống đất, chỉ tay ra ngoài biển mịt mù: "Tao nói cho mày biết, bao giờ ngọn hải đăng kia tắt, tao chết, thì mày muốn gì mặc ý mày. Chứ ngọn lửa ấy còn, tao còn, thì tao quyết không cho mày lấy con giặc ấy. Tao để mày ngồi trên hòn đá này suốt đêm nay mà ngẫm". Rồi ông lại trèo lên dốc núi. Vĩnh một mình gục đầu xuống cánh tay.

Vĩnh lắc đầu, cay đắng nghĩ đến lời ăn tiếng nói của người cha. Anh trông lên chân núi, gian nhà anh lờ mờ dưới ánh trăng khuya, trong đó người mẹ già đang khóc vì anh.

*

* *

Tinh sương, Vĩnh đã sang Sơn Hạ. Phiên, anh Hồi, đang cuốc đất trong vườn rau, bước ra niềm nở đón anh. Vào giường ngồi, đã uống hết hai chén trà mà chưa thấy tiếng Hồi, anh băn khoăn nhưng hỏi thì không dám. Ông già cũng vừa ngủ dậy, từ trong buồng bước ra. Trông thấy anh, ông có vẻ bằng lòng lắm. Có tiếng cười của Hồi ngoài ngõ. Hồi bước lên thềm tình cờ thấy Vĩnh, mặt cô ửng đỏ. Có lẽ Hồi mừng thầm, nghĩ hôm nay Vĩnh sang sớm thế, chắc là để báo cho mình một tin mừng.

Phiên tinh ý mỉm cười, hỏi cho em đỡ thẹn:

– Cô ra chợ mua gì thế?

– Em mua một cái gương. Nhà chả có cái gương nào, em cứ phải đội khăn mò, có soi thì lại ra chum nước.

– Em tôi dạo này sao hay làm dáng thế! Đưa anh coi gương có đẹp không.

Xem gương rồi Phiên cười, nhìn em bảo:

– Chiếc gương sáng quá! (Và quay lại cười với Vĩnh). Chú Vĩnh ạ, em tôi về việc mua bán thì kén chọn sành đáo để, chẳng mấy khi bị hớ đâu.

Má Hồi lại thêm ửng đỏ. Vĩnh đưa mắt nhìn Hồi. Cả hai cùng hiểu ý nghĩa câu nói của Phiên. Lúc này Vĩnh thấy quý người con trai ấy quá, muốn nắm lấy bàn tay Phiên thật chặt.

Một lát sau, Vĩnh bấm Phiên ra vườn. Vĩnh thú thật việc cự tuyệt của ông bố, giọng anh thành thực, đau buồn.

Phiên cắn môi dưới, lắc đầu. Hồi nấp sau một bụi chuối, bước ra. Mắt Hồi đã ướt, nhìn Vĩnh:

– Thày em và chúng em cũng đoán trước sự việc này rồi. Cái làng này, ai chẳng có quyền khinh. Bây giờ, tùy anh...

Vĩnh cúi nhìn xuống đất. Rồi bỗng anh nắm lấy tay Phiên và tay Hồi, mắt anh như rực lửa:

– Cơ sự đã thế này thì ngay từ hôm nay tôi không về nữa. Tôi sẽ dựng một căn nhà gianh ở làng này, để theo bác ra khơi, đợi khi nào thầy tôi hồi tâm lại, sẽ hay.

Hồi ngước mắt nhìn Vĩnh. Hai bàn tay họ nắm chặt nhau, thầm trao tình gắn bó.

IV

Phiên và Hồi đã giúp Vĩnh dựng xong một gian nhà gianh vách đất bên cây đa cổ thụ gần ngay giếng nước. Hai nhà cách nhau chỉ một quãng, nên ngày nào ba người cũng qua lại chơi bời thân mật. Mới được chừng nửa tháng, Vĩnh đã theo Phiên ra biển hai ba bận. Vĩnh khỏe mạnh, can đảm, sáng ý, thành ra học được nghề chài lưới chẳng khó khăn gì.

Một sớm, ông Trùm Vạn, bố Phiên bảo con đưa Vĩnh đi xem cảnh đảo, cùng lúc, thăm hỏi bà con trên đảo. Ông nói:

– Tôi cần báo trước với anh Vĩnh: dân đảo dừa này đều là tứ chiếng quần cư. Phần đông ông cha họ xưa kia là những người cầm vũ khí trong các cơ đội hùng mạnh của Đề Thám, Tán Thuật, Cai Vàng. Những cơ đội nghĩa quân ấy đã dần dần tan rã chỉ do cái hèn nhát của một tên vua. Đọc sách sử, anh đã rõ.

Nghe ông Trùm giới thiệu gốc nguồn dân đảo, Vĩnh kinh ngạc, lạnh sống lưng. Ông Trùm tiếp:

– Qua nhiều năm, họ rủ nhau kéo đến đây sinh sống, một lòng, một trí, chịu sự dìu dắt của tôi. Họ thay tên đổi họ, tất cả chung một họ Trần. Tôi đã tình cờ tìm ra cái đảo này, đặt nhát cuốc đầu tiên xuống mảnh đất hoang này. Bởi thế, họ xây cho tôi cái sinh phần ở cuối đảo, lát nữa, anh sẽ thấy.

Vĩnh đã cùng Phiên đi hết đảo, đã thăm hỏi khắp mặt cư dân. Vĩnh nhận thấy họ rất đàng hoàng trong thái độ và ngôn ngữ. Phút giây đầu, anh mến họ và họ cũng quý anh.

Thấm thoắt qua nửa tháng. Một buổi trưa, Vĩnh ra sông tắm; về, thấy đông nam nữ hội nhau trên mảnh sân rộng nhà cụ Trùm, người cầm đoản côn, người cầm mã tấu, đoản dao, giáo mác. Vĩnh đứng khuất mình ở một góc sân. Yên lặng như tờ. Ông Vạn ngồi chiếc ghế to đặt trên thềm. Ông giảng giải cho môn đồ nghe về võ thuật.

Vĩnh thêm kinh ngạc về lai lịch ông Trùm. Thì ra ông già này, thoạt nhìn hình dáng, có vẻ suy nhược, tàn phế đến nơi kia (cho là ông chờ chết) lại là một con người toàn tài văn võ, khéo ẩn mình!

Cuộc thao diễn vũ thuật kéo dài đến tận chiều. Lòng náo nức, Vĩnh vẫn đứng ở góc sân, sau một cây đại thụ, nhận xét tài lực của đám môn sinh ông Vạn. Cả nam lẫn nữ, người nào cũng mạnh, nhanh, song cách sử dụng binh khí đôi lúc, đôi người, còn khiếm khuyết, cần phải kịp sửa ngay. Bỗng ông Trùm cất tiếng, lệnh cho Hồi ra đấu mã tấu với một thanh niên tráng kiện, khôi ngô. Hồi không chút dụt dè, vâng lệnh. Hồi bận lối võ sinh, đầu quấn khăn túm đầu rìu, quần mầu mận ống bó chân chẽn, áo màu xanh quấn ngang lưng giải lụa hồng, chân dẫm đất. Vào cuộc, hai thanh mã tấu chạm nhau tóe lửa. Đường đao của cô gái biến hóa khá lanh lẹ, có những nhát chém ngang, chém bổ thượng xuất thần. Địch thủ cô,

không kém. Vĩnh tấm tắc khen. Qua mấy đường đánh hụt, Hồi nghe như đã thở. Đôi võ sinh dồn nhau tới sát vòng vôi, gần ngay chỗ Vĩnh. Chàng trai dần dần dồn cô gái vào thế bí. Đỡ một đòn quá mạnh của đối phương, Hồi vô tình xoay lưng về Vĩnh. Quá hồi hộp, Vĩnh nói đủ Hồi nghe, mách người yêu một thế thủ, thế công. Tình yêu luôn sẵn luồng giao cảm, Hồi nghe tiếng Vĩnh, nghe hơi Vĩnh, thốt khỏe ra. Nhanh như làn gió, cô phá đòn địch, hạ mình thấp xuống, phóng đao quét ngang chân, tung mình lên, phóng cước. Đối thủ của Hồi kêu một tiếng, ngồi bệt xuống. Cả võ trường hò reo. Ông Trùm vuốt râu cười. Đôi mắt tưởng như kèm nhèm của ông già, thực tình, đã nhận rõ toàn thể hiện trường. Ông biết chừng và mừng, thấy thằng rể tương lai ông đã khéo giấu mình ít ngày nay trước mặt ông. Anh chàng mách cái nước đỡ đòn hạ địch cho con gái mình, phải là một tay cao thủ, cũng là trúng ý ông lúc đó, song ông không thể lên tiếng "gà" cho con gái.

Hồi cúi đỡ anh chàng bại trận đứng lên, nói mấy câu nhún mình xin lỗi, rồi quay lại phía Vĩnh, đôi mắt đã sẵn đen nhánh càng thêm lóng lánh, chớp động hàng mi cong vút. Mồ hôi đọng trên vầng trán, cặp má anh đào, Hồi loay hoay nắn túi tìm khăn lau mặt. Vĩnh nhanh tay đưa Hồi mùi xoa của anh, Hồi lau xong, nở nụ cười duyên, đút mùi xoa vào túi áo: "Cám ơn, cám ơn anh Vĩnh!"

Cách đó ba hôm, ông Trùm muốn biết thực tài Vĩnh, tự đánh cồng, triệu tập đủ mặt võ sinh tại sân nhà. Ông mời Vĩnh thao dượt một bài quyền, bài côn, bài kiếm. Thế chẳng thể đừng, Vĩnh đành phải vâng lệnh ông Trùm một mình đứng giữa sân, trước mấy trăm cặp mắt, biểu diễn mấy môn anh đã được một võ sư người Nghệ Tĩnh truyền dạy ban đêm trên đỉnh núi bến than.

Dân đảo, không thiếu mặt nào, hết lời thán phục người khách lạ. Từ buổi ấy, họ tìm đến với anh, khách lạ thành người quen, bạn quý. Riêng Hồi, kể làm sao xiết cái vui, cái mừng, cái trọng đối với Vĩnh, đóa hoa diễm phúc của đời cô.

Một hôm, Vĩnh nằm trong lều, nghe mưa gió. Anh nghe tiếng chân người rậm rịch chạy qua. Vĩnh vặn cao ngọn lửa đèn hoa kỳ, khẽ rút then cửa, ló đầu ra. Phiên và Hồi vừa đi tới. Thấy Vĩnh, Hồi ghé tai nói nhỏ:

– Em có lỗi, không nói anh biết từ chiều. Canh ba đêm nay, thám báo của bố cho biết có hai thuyền Tàu Ô ở Móng Cái sang, đem

hàng lậu vào Cửa Tùng bán. Bố cho lệnh đánh, thuyền mình phục sẵn tại ngã ba sông gần cửa biển. Chúng em sắp khởi sự cất quân. Anh ở nhà, chờ sáng tỏ, em về. Đừng nóng ruột, đừng lo gì cho em hết, nghe anh!

Nói rồi. Hồi vuốt má Vĩnh, thầm thì, giọng ngọt ngào, mát rượi: "Nghe, anh! Đừng lo gì cho em nhé. Em đã quen rồi, anh Vĩnh à!"

Vĩnh nhìn thẳng vào mắt Hồi, giọng như đao kiếm:

– Hồi thưa với bố, cho anh góp sức trận đánh này. Anh rất muốn coi tận mắt lũ giặc Tàu Ô khét tiếng hung ác xưa nay. Anh rất muốn coi tận mắt trai gái đảo dừa tung hoành hoạt động ra sao, nhất là trong đó có em, cô gái làng Sơn Hạ, cô gái yêu quý của anh, của cả đời anh.

Hồi đưa mắt nhìn Phiên. Người anh vui vẻ gật đầu. Tiếng cồng vẳng tới. Hai anh em vội kéo tay Vĩnh cùng rảo bước đến "đại bản doanh", sân nhà cụ Vạn. Thấy Vĩnh trong ánh lửa những cây đuốc nhựa thông, ông Trùm giơ cao cánh tay vẫy mời. Vĩnh bước đến ông già. Ông bảo: "Tôi chưa muốn để anh dự trận là vì còn e ngại. Nay anh có bụng hào hùng, muốn cùng sinh tử có nhau, tôi xin mời anh đi. Anh giám sát thế trận, thấy điều gì lợi hại, bảo ngay cho chúng biết. Không cần giữ ý".

Vĩnh khẽ vâng. Ông lại dặn thêm: "Điều này, bác nói thật. Cái con bé Hồi của cháu ấy, nó gan dạ, liều lĩnh lắm đấy. Phải canh chừng nó, luôn luôn để mắt đến nó. Bác tin ở hành động khôn ngoan của cháu".

Canh hai, đoàn thuyền trai gái đảo dừa lặng lẽ tiến ra cửa biển. Canh ba, thuyền Tàu Ô đến, bị đánh bất ngờ. Tàu Ô nổ súng. Hồi, đoản kiếm cầm tay, né mình sau cột buồm to, bảo Vĩnh: "Anh tưởng ta không có súng à? Anh chờ nghe đấy!" Lập tức, súng ở mấy thuyền dân đảo liên hồi trả lại súng Tàu Ô. Đạn giặc nhả thưa dần. Hồi, Phiên thét hiệu lệnh, cùng Vĩnh và quân nhảy cả sang thuyền giặc. Quần chiến bằng mã tấu, côn kiếm một hồi, giặc biển chết nhiều trên mặt sóng, một số nhảy xuống bơi trốn chạy.

Hồi cầm quân trận ấy, toàn thắng kéo về với hai thuyền hàng của Tàu Ô. Ông Trùm chia đều cho dân đảo. Cả ngày sau, Hồi nói cười vui vẻ. Hồi rủ Vĩnh đến bãi lau, ngồi đón cơn dông đang kéo đến. Vĩnh vuốt ve bàn tay trắng mịn của Hồi, bàn tay này, đêm qua,

đã thọc lưỡi kiếm suốt bụng qua lưng tên cướp biển. Bàn tay dính máu. Tuy nhiên, Vĩnh vẫn thấy yêu bàn tay ấy, bàn tay người đẹp dám diệt cái ác, trừ cái hại cho thiên hạ. Cái đẹp chỉ có thực trong hành động. Vĩnh bồi hồi, đặt bàn tay ấy lên ngực Vĩnh.

Tuần sau cách đó, ông Trùm Vạn chỉ định Vĩnh cầm đầu một trận đánh thuyền cướp biển, có Hồi và Phiên bên cạnh. Trận ấy, Vĩnh vận dụng toàn trí lực, thắng rất nhanh, rút quân về cùng chiến lợi sớm hơn giờ ông Trùm chờ tin tức. Ông ôm Vĩnh, vỗ vỗ vào lưng, cũng không quên xoa đầu con gái quý.

Hồi bưng khay rượu, đồ nhắm đặt lên bàn. Ông Trùm rót rượu mời Vĩnh. Rượu ba tuần, ông vào buồng mở rương sắt, lấy ra thanh kiếm đưa Vĩnh xem:

– Thanh cổ kiếm đã nhuộm nhiều máu giặc. Kiếm tùy thân của ông Tán Thuật để lại cho ông cụ sinh ra tôi đó. Thuở ấy, ta còn trai tráng, theo bố sung quân, chuyên giữ ngựa cho ông Tán Thuật, sau chuyển sang theo hầu ông Cai Vàng, được hai ông thương yêu, truyền võ nghiệp. Ông Tán Thuật trao ta thanh kiếm cổ này, dùng trừ diệt lũ quan văn bán nước, ôm chân giặc Pháp.

Giọng ông thấp xuống:

– Bữa nay, ta trao cho cháu. Ta yếu già rồi. Kiếm báu cất lâu hoen rỉ. Cháu dùng nó thay ta, thỏa mãn linh hồn các bậc tiền nhân, tiền bối.

Hai tay, Vĩnh đón nhận cổ kiếm, cúi đầu:

– Cháu ghi ơn bác trọn đời. Cháu ở lều tranh trống trải, sợ kẻ gian trộm mất. Xin gửi bác, khi nào dùng sẽ xin bác trao tay.

Ông Trùm ưng ý, cười ha hả, tiếng cười già trẻ tương tri.

Tiết trời sang hạ. Khắp rừng cây đảo, ve sầu lảnh lót. Vĩnh, một mình, ngồi bên bãi sậy, ôm cây đờn nguyệt mượn của cụ Trùm. Mặt trời đã khuất nơi chân mây đỏ ráng. Anh đờn đôi khúc, tiếng đờn gợn gợn oán than. Tâm trạng anh rối loạn, nỗi đau nghĩ đến mẹ già bên kia bến, thấm vào đường tơ, rung lên những âm thanh não nuột. Vĩnh có ý đợi Hồi. Cô đi đâu từ sớm, anh không biết, chỉ đoán là Hồi đi lo việc của ông Trùm.

Bóng tối đổ xuống rừng cây, nhuộm đen sông nước. Có tiếng động rất nhỏ đâu đây. Vĩnh ngưng đờn, chưa kịp quay đầu lại nghe hơi gió, thì, như tia chớp, một mũi lao xuyên vút tới. Vĩnh nghiêng mình, cúi

thấp, phóng cánh tay ra gạt. Nhưng không kịp né, mũi lao đã cắm ngập vào mạn sườn, cán gỗ rung rinh. Vĩnh ôm vội vết thương, định nhổ lưỡi lao. Một bóng người nhào tới. Ánh thép loáng lên. Một vế đùi anh bị bồi thêm nhát chém cực kỳ hung hiểm. Thân hình Vĩnh liền đổ xuống. Gian nhân co chân chạy, chưa kịp rút lại ngọn lao cắm ở sườn Vĩnh, bởi nó nghe tiếng chân ai chạy đến. Phiên bấm đèn soi. Nhận rõ mặt thằng Sói, Phiên vừa tri hô ầm ỹ, vừa rượt đuổi tên hung thủ. Rừng cây đen đặc tối giúp nó biến đi đâu mất. Phiên quay lại. Mấy người trai nhà gần đó đã đứng quanh vũng máu. Họ cùng Phiên khiêng Vĩnh về lều.

Lát sau, Hồi đi việc ở thôn bên về, nghe tin, chạy đến. Cái gan, cái liều của cô gái trong trận đánh, lúc này, không còn nữa, nhường cho tiếng kêu than, nức nở, nước mắt của cái "nhi nữ thường tình". Hồi ngất lịm bên cạnh Vĩnh. Ông Trùm, vẫn bình thản như thường, bảo người trai thủ hạ:

– Chạy mau tìm anh Dềnh Xảy, mang cả thuốc men, đến ngay đây!

Bố Dềnh Xảy, xưa là thủ túc chữa bệnh cho gia đình cụ Hoàng Hoa Thám, Dềnh Xảy học được nghề cha, lưu lạc đến đảo này từ ngày đảo mới được ông Trùm Vạn dựng lên. Anh chữa mọi bệnh toàn bằng lá thuốc, được mọi người tin cậy.

Hồi tỉnh dậy, nghiến răng rút mũi lao ở sườn Vĩnh. Máu ộc ra. Máu ở đùi cũng chảy ròng ròng. Lòng dạ cô đau như cắt. Dềnh Xảy tận tình bôi thuốc, rịt lá, băng bó, và đổ thuốc cho Vĩnh uống. Anh dần tỉnh, hé mắt trước hết nhìn Hồi, mỉm cười. Đầu óc anh đã sáng ra. Anh bắt đầu nhớ đến lời một bà già ở xóm lau nói với anh bữa nọ: "Cháu nên cẩn thận giữ mình. Ở cuối bãi kia, có cái thằng Sói thiên lôi đánh không chết, đã lâu rồi, nó mê say theo đuổi, rình mò con bé Hồi, mong cướp cô làm vợ. Ông Trùm cự tuyệt không cho nó đặt chân vào ngõ. Cô Hồi cũng đã có lần tát vào mặt nó ngay giữa chợ cá tôm. Nó thù, uống rượu say dọa giết cô Hồi. Hơn một tháng nay, biết cô Hồi sắp làm vợ anh, nó lại rêu rao hàng quán thề phải giết anh bằng mọi cách..."

Vĩnh nghe bà già nói vậy, anh vẫn không để dạ, coi thường. Bởi, trong thâm tâm Vĩnh, nỗi chán chường, mệt mỏi khiến anh coi sống chết là chuyện không đáng quan tâm lắm.

*

* *

Ông Trùm Vạn, anh em Hồi, bà con thôn xóm đảo cho đến thầy thuốc Dềnh Xảy, ngày đêm chăm nom cứu chữa, canh gác cho Vĩnh nằm tĩnh dưỡng. Vết thương ở sườn tuy đã đỡ đau, nhưng dù thuốc gì đi nữa, máu vẫn rỉ ra, khiến Vĩnh cứ gày yếu đi, nhắm mắt là mê sảng, oán cha, thương mẹ. Vết chém ở đùi thịt có lành rồi, nhưng xương vỡ nát, thuốc đều vô hiệu.

Hồi sớm tối ngồi bên Vĩnh hăm hở an ủi Vĩnh: Hồi sẽ trả thù, lấy đầu thằng Sói. Vĩnh nhìn Hồi âu yếm, chỉ lắc đầu cười mỉm. Ông Trùm, sau hôm Vĩnh bị thương, sai người truy lùng thằng Sói. Ngay hôm đó, Sói đã tự đốt gian lều con của nó trên bãi sú, tại đó, nhiều năm nay, nó sống chơ vơ, không hề một ai lui tới. Cả tài sản của Sói là một con thuyền, tấm lưới. Nó đốt lều rồi đẩy thuyền đi mất hút, biệt tăm. Người ta không biết lai lịch Sói, chỉ đoán phỏng là nó vượt tù, giết người cướp của, bị Tây truy nã, trốn vào đây, ngay từ ngày đầu ông Trùm mới đến. Vì thế, ông Trùm không nỡ trục xuất nó ra khỏi đảo. Không ai ưa nó. Thân hình nó to cao, mắt lồi, râu quai nón nối liền với râu cằm, râu mép. Quanh năm uống rượu với cá sống thay cơm. Ở đâu có đàn bà, có nó, là có máu rửa oán thù.

Qua một tháng, Vĩnh đã được Hồi nâng đỡ ngồi lên tập lần ra cửa. Tấm thân cường tráng của Vĩnh, sút rạc đi nhanh chóng. Chân phải gẫy xương, khó lê thành bước, luôn luôn Vĩnh nhọc mệt, đau nhức, phải dựa mình vào vai Hồi, cho khỏi ngã. Hồi càng rên rỉ, xót xa, càng căm thù thằng Sói.

Thương Vĩnh không kém gì Hồi, ông Trùm, một buổi ban mai, ngồi kỳ cạch làm cho Vĩnh đôi nạng gỗ. Vĩnh tập đi đu mình giữa cặp nạng, như cái chuông, khi bước. Hồi nhìn anh, lau nước mắt. Vĩnh chỉ mỉm cười.

Trong cơn ốm, hai bức thư của bà Cử nhờ Lũy – bạn thân Vĩnh ở bến than – ghé thuyền, lên đảo, tìm Vĩnh trao thư. Nhưng Hồi dặn mọi người không cho Lũy gặp Vĩnh, sợ rằng Vĩnh xem thư mẹ, anh càng thêm ốm.

V

Vào một ngày hè oi nóng. Mây trắng xốp như băng tuyết trải bồng bềnh khắp nền trời xanh sáng. Chiếc thuyền gỗ nhẹ hình lá trúc uể oải rẽ sóng lướt tới đảo xanh làng Sơn Hạ. Thuyền ghé bãi lau ven đảo. Ông Cử, bố Vĩnh, khăn lượt, áo the, quần lụa trắng đã ngả màu, tay chống ô lục soạn, tay cầm chiếc roi tre gai lớn bước lên bờ. Lũy, bạn chí thiết của Vĩnh, mặt buồn rười rượi, vẫn ngồi yên dưới thuyền, không nhúc nhích. Anh thương bạn, biết rằng Vĩnh sắp bị người cha khắc nghiệt kia làm nhục.

Chó sủa vang. Gia nhân ông Trùm chạy ra ngõ, thấy khách lạ hỏi chủ mình, vội đưa khách vào nhà. Ông Trùm đứng trên thềm đón khách. Nét mặt chủ nhân ân cần, tươi tỉnh bao nhiêu thì nét mặt khách hầm hầm, bực tức bấy nhiêu. Linh cảm đã thầm báo ông Trùm vị khách quý là ai, nên nét mặt ông nghiêm lại. Ông giơ tay mời khách:

– Xin lỗi mời cụ ngồi. Quý nhân cho kẻ già nua thô lậu này được biết lý do cuộc thăm viếng bất ngờ này...

Ông Cử chau mày, quắc mắt, ngó mặt ông Trùm, dằn giọng:

– Tôi cất công sang cái đất này, chính vì cần gặp thằng con tôi, thằng Vĩnh. Đã mấy tháng nay, nó bỏ nhà đi lang bạt, có thể nay làm đạo tặc, có thể mai bị tù đày. Nó trốn lẩn tại nhà này, tôi biết. Ông mau gọi nó ra đây.

Ông Trùm ù tai, tím ruột. Ông nhìn sững mặt ông Cử, chợt cắn môi. Hình dáng một con người cũ, lâu rồi, đúng hơn, một cái bóng ma này đây, đang rõ nét, nổi hình trước mắt ông. Một kẻ thù. Một tên phản bội, đã qua nhiều năm, ông lặn lội đi tìm kiếm, mà chưa thấy. Lão đây rồi!

– Ông có nghe tôi nói đấy không? – Ông Cử gắt – Mau bảo thằng nghịch tử, thằng đạo tặc ra đây. Nhà ông là một ổ dâm loạn, một nơi nhà chứa. Ta sẽ sai người đốt. Ta sẽ triệt hạ cái làng quỷ dữ này...

Cơn tức giận khiến nước miếng chảy ra, cổ tắc nghẹn, không thốt nên lời nữa, ông Cử hầm hầm, đập ngọn roi tre xuống chiếu.

Ông Trùm vẫn ung dung cười nhạt, hướng ra sân, lên tiếng:

– Phiên đâu, anh ra lều, dắt anh Vĩnh lên đây. Mau!

Có tiếng dạ ran. Giây phút chờ đợi Vĩnh đến, khách chủ không hề nói năng gì cả. Lát sau, tiếng nạng gỗ khua lọc cọc lối đi lát đá, Vĩnh tới thềm, nắng dãi chói chang. Anh nhìn lên, nhận thấy cha mình. Bất giác một bên nạng tuột nách rơi xuống đất. Cả thân anh treo vào một nạng, muốn nhào sập xuống.

Ông Cử, cơn điên giận nén dồn từ nãy, thấy mặt Vĩnh, bốc lên, bật lên như sức lò so. Ông bật dậy, bước xuống thềm, giơ thẳng cánh tay quất, vụt, đánh tới tấp vào đầu, vào mặt, vào khắp cái thân hình què quặt, ốm đau. Vĩnh nghiến chặt hai hàm răng, không tránh, không đỡ, không kêu một tiếng. Chiếc roi tre gai xé thịt da, rạch bật máu Vĩnh. Anh vẫn đứng lặng như cục đá, trợn mắt nhìn người bố. Ông Cử thở rốc lấy hơi sức, lại vụt, lại quất, lại đánh. Vĩnh vẫn nghiến răng đứng trơ trơ.

Từ nãy, Hồi nấp sau bụi cúc tần, giận, thương, uất ức, làm cô run lập cập. Bất thần, Hồi một bước, nhảy vọt ra, giơ lưng, giơ mặt, hứng lấy, đỡ lấy ngọn roi gai vun vút xuống. Máu ở mặt Hồi ứa chảy. Vai áo lụa rách toan dưới sức roi, rạch da thịt hằn hai ba lằn máu. Ngọn roi gẫy làm đôi. Ông Cử vứt roi xuống đất, hầm hè bước lên thềm, gieo phịch người xuống ghế.

Từ đầu đến lúc này, ông Trùm vẫn ung dung tự tại – trầm tĩnh vuốt râu, uống nước, mắt nhìn vòm trời nắng đổ sao vàng, miệng như muốn cười, không muốn nói.

Ông Cử thở một hồi, nhìn xuống. Vĩnh vẫn đứng trơ trơ. bên Vĩnh, một cô gái yêu kiều, thanh nhã, gương mặt như hoa, đang lay động Vĩnh, cố dìu Vĩnh bỏ đi. Nhưng Vĩnh vẫn trơ như đá, vững như đồng, bất động với bàn tay ấp ủ, xoa vuốt của Hồi.

Ông Cử vơ chén nước, uống một hơi, quát Vĩnh:

– Thằng Lũy chờ ngoài thuyền đó. Thằng nghịch tử mau ra thuyền mà về bến. Tao còn phải dạy mày đến nơi đến chốn, không phải trận đòn này đã đủ đâu!

Vĩnh vẫn không động đậy, mắt đỏ vằn tia máu, mở to ra, nhìn người bố không hề chớp.

Ông Trùm, tới lúc này, xoay người lại, dịu dàng bảo Vĩnh:

– Thôi thế đủ rồi. Ta đã hiểu ra tất cả. Hồi hãy đưa anh Vĩnh về lều nghỉ. Ta có câu chuyện cần nói riêng với khách. Các con hãy lùi mau.

Vĩnh từ từ nhích động. Hồi cúi nhặt chiếc nạng gỗ. Hai người khuất dạng sau những bụi cây, tiếng ve sầu rả rích trong nắng lửa.

Tư thế vẫn ung dung, ông Trùm đưa tia mắt như lưỡi dao vào thẳng mặt ông Cử, cao giọng nói:

– Nào, bây giờ, tôi nói chuyện với ông Cử Văn đây! Ông dỏng tai nghe cho rõ.

Cái tiếng Cử Văn làm ông Cử giật bắn mình. Ông lẩm bẩm: "Sao lão quê mùa hủ lậu này biết tên ta?" Ông Trùm nhận thấy cái giật mình của ông Cử, ông điềm nhiên tiếp:

– Ta biết ông. Ông không thể biết ta bởi ta là người đi truy lùng, còn ông là kẻ đi trốn lẩn.

Mặt ông Trùm đanh lại:

– Cách đây khá nhiều năm, Cử Văn, tức Huyện Văn đã nhúng ngòi bút lông vào máu. Cử Văn đã viết thư tố cáo với triều đình Huế, với cha con thằng giặc bán nước họ Hoàng, với quan Tây, bắt tù tội, xử tử tất cả năm bậc sĩ phu khoa bảng về tội gia nhập Cần Vương. Trong hàng ngũ Cần Vương đó, có cả ngươi, thằng ngụy Nho liếm gót giặc. Tây cho ngươi một chức quan. Nhưng ngươi sợ chết, ngươi bỏ ghế quan, đi lẩn trốn. Nghĩa quân Bãi Sậy giao cho ta lệnh tìm kiếm giết ngươi, rửa oán cho năm mạng.

Cử Văn mặt như chàm đổ, cúi gằm mặt xuống. Ông Trùm cười nhạt, tiếp:

– Nhiều năm rồi, ta nghe ngóng tin ngươi. Hóa ra kẻ thù ta ở ngay sát nách. Nếu biết, ta đã sang bến "thăm" ngươi với lưỡi kiếm này rồi!

Ông với tay lấy thanh cổ kiếm, soạt một tiếng, kiếm ra khỏi vỏ, sáng ngời, dường như nồng tanh hơi máu.

Cử Văn run sợ, hai tay xoắn vào nhau, như muốn van xin, lạy lục ông Trùm. Nhìn thấu tâm trạng hèn nhát của kẻ thù, ông Trùm lặng lẽ nhìn sân nắng, vút chòm râu cước, cười khẩy:

– Cái đầu ngươi có đáng được hưởng lưỡi kiếm này không, ngươi tự xét xem. Lúc này, mệnh ngươi ở tay ta. Ngươi tự đâm đầu vào máy chém nhưng ta rộng lòng, mở đức mà nghĩ lại. Ta cho ngươi tạm sống mà về, chính bởi ta nghĩ đến cái tình của đôi trẻ, trai tài gái sắc, chúng thương yêu nhau. Giết mi, trừ đi một lão ngụy Nho phản phúc, ta chỉ đưa một nhát gươm, nhưng ta không nỡ làm đau lòng con trẻ, mặc dầu chúng chẳng coi ngươi là người cha hiền đức.

Ông Trùm ngừng lại, rũ áo đứng lên, quát lớn:

– Thôi, ta nói thế đủ rồi. Ngươi có thể ra thuyền rồi đấy. Cút mau!

*

* *

Qua mấy hôm sau, người bến than biết tin ông Cử vội khăn gói gió đưa, xin tiền bà vợ làm lộ phí trở về quê quán vùng Kinh Bắc. Bà Cử xin đi theo. Ông nhất quyết không cho, thề không bao giờ nhìn mặt vợ và thằng nghịch tử.

Cũng một tuần sau, ngoài bến than lại nghe tin ông Cử chết bệnh ở dọc đường, mất xác. Bà Cử kêu khóc, ốm, không dậy nổi.

Hồi bàn với Vĩnh, xin sang sông rước đón bà Cử về xóm đảo thuốc thang, hầu hạ, cho người bến than khỏi chê cười Vĩnh, cho Hồi trọn đạo dâu con. Vĩnh không muốn về bến cũ với tấm thân tàn tật, ngại thiên hạ xì xào, ngại hơn nữa là Nhàn. Vĩnh sợ, không dám thấy mặt người gái thủy chung, hiền đức ấy. Vĩnh viết thư, năn nỉ xin mẹ sang bên đảo. Trong thư có cả lời mời mọc chân thành của ông Trùm Vạn. Một sớm, Hồi cùng Phiên chở thuyền sang bến, Hồi trình bày hết lẽ, sụp lạy "mẹ chồng", sau đó, bà Cử mới ưng thuận sang sông, sống với con trai.

Thấy đôi trẻ yêu nhau, ông Trùm khôn cầm nước mắt. Nhân có bà Cử đã sang chung sống với con, ông Trùm quyết định hôn lễ cho con. Vĩnh không muốn cưới. Anh nghe trong mình khó thọ, không nỡ để người vợ trẻ sớm thành góa bụa. Vĩnh xin khất năm sau. Ông Trùm không bằng lòng, mà Hồi thì khóc, tủi phận mình. Vĩnh đành tắc lưỡi nghe lời. Đám cưới rất xuềnh xoàng, đơn giản. Không hoa, không pháo, không cỗ. Chỉ có chén trà suông, mời bà con chứng giám. Hồi não ruột thở dài, cầm tay Vĩnh: "Thôi, thế cũng là xong!" Sớm chiều, Hồi hết lòng nâng niu chồng, hết lòng hầu hạ mẹ chồng, ai cũng khen Hồi dâu hiền vợ thảo.

*

* *

Thằng Sói, từ hôm định giết Vĩnh, rồi tự đốt lều, trốn tránh nơi xa, không ai thấy bóng Sói quay lại đảo dừa. Người xóm dần cũng quên đi, duy có Hồi, không bao giờ cô gái ấy nguôi thù khi vợ chồng cô còn tồn tại ở xóm làng Sơn Hạ.

Cơn mưa vừa dứt, nắng hoe lên. Hồi dắt Vĩnh ra ngồi chơi bên bờ lau sậy mọc um tùm. Ở đây, mọc lên một thân cây lớn, quá cỡ vòng ôm. Người đảo không biết tên nó là loại cây gì, thân to cao vút, suốt cả bốn mùa cành lá tươi xanh. Người ta gọi nó là cây xanh. Hồi yêu mến cây xanh, vì Hồi đã tập đi, tập chạy dưới vòm lá cây này. Hồi tựa lưng vào thân cây. Vĩnh nằm trên rêu cỏ, gối đầu lên đùi vợ.

Thốt nhiên, Hồi rú lên một tiếng: "Nó kia rồi! Nó, đúng nó!" Hồi nhấc đầu Vĩnh lên, đứng vùng dậy, nhanh tay với cây lao của kẻ thù mà lúc nào đi đâu Hồi cũng mang theo phòng khi gặp Sói, giết Sói bằng mũi lao thù truyền kiếp.

Hồi cầm lao, chạy xuống bãi lau; ở đấy, luôn đậu chiếc thuyền nan, sẵn đôi chèo gỗ tốt. Thuyền Sói đang rẽ nước ngược dòng sông, không biết có Hồi trong bãi sậy. "Nó đấy! Nó đấy! Em đuổi theo, giết nó, một mất, một còn!...". Thấy vợ một mình chọi nhau với con ác quỷ, Vĩnh không đành lòng ngồi đợi. Anh tập tễnh đuổi theo, cũng xuống thuyền. Hồi kêu lên: "Anh để em đi. Em quyết giết nó, không cần anh giúp sức..." Nhưng Vĩnh mỉm cười, bình tĩnh trong bất cứ tình huống khó khăn nào: "Kẻ thù của anh. Phải để chính bàn tay anh giết nó. Chèo đi, kẻo nó chuồn mất đấy!"

Hồi dồn hết sức chèo. Thuyền nan, nhẹ, trườn nhanh cỡi lên đầu sóng ngược. Thằng Sói quay lại nhìn thấy vợ chồng Hồi. Nó nổi cơn ghen, quát to một tiếng, lao cả thuyền gỗ vào chiếc thuyền nan mỏng manh. Nhưng trước khi mũi thuyền nó đâm tới, tay Hồi đã phóng mạnh ngọn lao, mũi sắc loáng cắm ngập vào lưng Sói. Nó rú lên. Cán lao rung trên cái lưng trần to như lưng trâu mộng. Máu nó đổ ra. Nó gào thét, nhảy xuống nước, dang hai bàn tay sắt, lật úp thuyền nan, làm cho Hồi và Vĩnh chìm xuống nước. Vẫn mang cây lao run bần bật trên lưng, máu hòa với nước, Sói ngụp xuống, quờ quạng tìm Hồi, Vĩnh. Hồi vốn giỏi bơi hơn Vĩnh. Cô bơi vòng ra sau lưng Sói, cố rút mũi lao ra, đâm Sói. Vĩnh dồn hết lực tàn còn lại trong tấm thân đau ốm vào đôi bàn tay trước kia bẻ sắt, chém gạch tựa chém bùn, gắng sao bóp được cổ kẻ tử thù. Sói bơi không bằng Hồi, chỉ ngang sức Vĩnh. Dưới sóng nước, bọt ùng ục nổi lên, nó xoay ngang, lộn dọc,

tránh đòn của hai đối thủ. Nhân lúc Sói đạp sóng ngoi lên, nó bị hở đòn. Mười ngón tay Vĩnh đã nắm được cổ Sói. Vĩnh nghiến răng gồng hết sức mình, bóp chặt, xiết chặt. Tiếng sặc, tiếng thở của Sói đã đuối hơi, khiến nước sủi tăm, hòa với máu Sói ùa cả vào miệng Vĩnh – Hồi. Không bỏ lỡ, Hồi luồn lách, rút được mũi dao nơi lưng Sói, Hồi giữ đứng tư thế, cắm ngập mũi lao vào trúng sườn Sói. Nó giãy mạnh, rú lên, rồi chân tay nó cứ đờ dần. Thân con trâu mộng từ từ chìm xuống.

Vợ chồng Vĩnh mệt, không còn đủ sức bơi. Thuyền nan của Hồi đã lật, sóng cuốn ra xa, Vĩnh – Hồi cố gắng bơi đến thuyền của Sói, kéo nhau lên. Hồi ngồi thở rộn. Vĩnh nằm duỗi chân, gối lên đùi Hồi cũng thở. Nụ cười quen thuộc, nụ cười bình thản lại nở trên môi Vĩnh. Anh vuốt tóc Hồi, khẽ nói: "Vậy là chúng ta rửa được hận thù. Anh có ra đi cũng được thôi! Cũng nhẹ thôi!". Vĩnh nhìn trời xanh, cười thành tiếng: "Anh có ra đi..." Hồi thốt rùng mình, nhìn Vĩnh ôm chặt Vĩnh: "Anh ơi, sao anh gở vậy, em sợ lắm, em khổ lắm, anh ơi..."

Thuyền trở về, xuôi nước, đậu vào bụi lau. Hồi lấy đôi nạng vẫn dựa gốc cây, đưa Vĩnh. Lắng nghe tiếng nạng gỗ lọc cọc trên lối đi lát dày đá sỏi, Vĩnh ngửa mặt hát mấy câu vui nhộn Vĩnh thường quen hát. Hồi lên nhà trên, thuật câu chuyện giết Sói cho ông Trùm nghe. Ông cười khoái trá, tợp liền ba chén rượu.

*

*   *

Sau cuộc rửa thù một mất một còn, Vĩnh mỗi ngày thêm đau yếu. vết thương cũ của ở mạn sườn ngâm nước quá nhiều, bị nhiễm trùng loét lở ra. Đôi chân gần như bại liệt. Cơn sốt nóng lạnh kéo dài ngày đêm. Vĩnh gầy rạc, không ăn không ngủ. Thày mo Dềnh Xảy trên đảo bó tay, chịu không chữa nổi. Vĩnh nằm chờ đi, không rên la, không buồn tiếc, coi nhẹ như đợi chờ một cuộc viễn du giải kiếp.

... Cho đến một đêm dông bão nổi động trời, bàn tay Vĩnh rời mấy ngón tay mềm trắng của vợ yêu, thở dốc lên mấy tiếng, rồi đi, nụ cười không tắt.

Hồi sống cô đơn, vò võ. Người gái góa không còn thấy đâu là biển hồ, rừng núi, cỏ cây, trời đất. Hồi thoi thóp sống với hình ảnh Vĩnh không thể chết trong cô.

Mộ Vĩnh kề ngay gốc cây xanh đại thụ. Đôi nạng gỗ treo ở thân cây. Một buổi tinh mơ, Hồi lại treo lên ngọn dừa cao tấm giấy hồng điều gió bay phơ phất, như bàn tay ai vẫy gọi đi tấm giấy đỏ đưa duyên buổi trước, giờ đây tựa như cành phướn đón hồn ma nơi hoang đảo.

Người con gái góa làng Sơn Hạ thốt thở dài, quen miệng nói:

– Thôi! Thế cũng là xong.

1936

Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* các số 245, 246, 247; Tân Dân xuất bản, Hà Nội, 1942. In lại theo *Cô gái làng Sơn Hạ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1989.

VŨ BẰNG

(1913 [1] – 1984)

Vũ Bằng quê gốc ở làng Lương Ngọc (tên cũ là Lương Đường) thuộc tỉnh Hải Dương. Ông sinh ở Hà Nội trong một gia đình làm nghề xuất bản (nhà sách Quảng Thịnh phố Hàng Gai), chuyên ấn hành những truyện kể dân gian như Tấm Cám, Tú Xuất, Ba Giai.... Đã học trường Lítxê Anbe Xarô – trường trung học Pháp nổi tiếng "quý tộc" thuở ấy. Vũ Bằng viết báo, viết văn khá sớm; năm 16 tuổi đã xuất bản tác phẩm đầu tay: *Lọ văn*, tập văn châm biếm. Ông đã viết cho các báo: *An Nam tạp chí, Đông Tây, Trung Bắc tân văn, Công dân, Ích Hữu*..., đã làm thư ký tòa soạn các báo *Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san* (đều của cơ sở Tân Dân do Vũ Đình Long chủ trương), *Vịt Đực* (tuần báo trào phúng)... Ngoài tên thật, Vũ Bằng còn có nhiều bút danh khi viết báo: Tiêu Liêu, Vịt con (khi viết trên tờ *Vịt Đực*), Thiên Thư, cô Ngã Ngửa, Vạn Lý Trình, Lê Tâm, Vũ Trường Khanh, Đồ Nam, Hoàng Thị Trâm...

Sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12-1946), Vũ Bằng đi tản cư một thời gian. Sau ông trở về Hà Nội (thuộc vùng Pháp tạm chiếm), và từ 1954, di cư vào Sài Gòn, tiếp tục viết báo viết văn. Các tác phẩm đáng chú ý nhất thời kỳ này là: *Bốn mươi năm nói láo* (hồi ký cuộc đời làm báo, 1971) và *Thương nhớ mười hai* (bút ký, 1972).

Vũ Bằng mất ngày 8-4-1984 tại thành phố Hồ Chí Minh.

---

1. Có tài liệu ghi năm sinh của Vũ Bằng là 1914.

TÁC PHẨM CHÍNH CỦA VŨ BẰNG

– Lọ văn,

– Một mình trong đêm tối (tiểu thuyết) Trung Bắc Tân văn xuất bản, Hà Nội, 1937.

– Truyện hai người (tiểu thuyết), Tân Dân xuất bản, Hà Nội, 1940.

– Tội ác và hối hận (tiểu thuyết), Phổ thông bán nguyệt san, Hà Nội, 1940.

– Để cho chàng khỏi khổ (tập truyện), Phổ thông bán nguyệt san, Hà Nội, 1941.

– Khảo về tiểu thuyết (lý luận phê bình văn học), đăng dần trên Trung Bắc chủ nhật 1941-1942, Phạm Văn Tươi xuất bản, Sài Gòn, 1955.

– Cai (tự nguyện), đăng trên Trung Bắc chủ nhật 1940, Tân Dân xuất bản, Hà Nội, 1944; Nhà xuất bản Thế Giới tái bản, với tên mới: Phù Dung ơi! Vĩnh biệt! (1969); Nhà xuất bản Hải Phòng tái bản lần thứ hai (1997) đã lấy lại tên tác phẩm ban đầu.

– Thư gửi cho người mất tích (tiểu thuyết), Tân Dân xuất bản, Hà Nội, 1950.

– Trong đất Hà (phóng sự về sinh hoạt Hà Nội những ngày đầu tiên bị chiếm đóng), đăng trên Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội, số 3, 1949.

– Chớp bể mưa nguồn (tiểu thuyết), ký tên Hoàng Thị Trâm, xuất bản ở Hà Nội, 1947.

– Miếng ngon Hà Nội, Nam Chi tùng thư xuất bản, Sài Gòn, 1960.

– Bốn mươi năm nói láo (hồi ký đời làm báo), cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản, Sài Gòn 1969.

– Thương nhớ mười hai (tùy bút – bút ký), Nguyễn Đình Vượng xuất bản, Sài Gòn, 1972.

v.v...

Ngoài sáng tác, Vũ Bằng còn dịch văn học nước ngoài: Hai mươi bốn tiếng trong đời một người đàn bà, dịch Stêphan Xvaigơ (Thanh Bình xuất bản, 1953), Tết Thủy tiên và Sống đời giản dị, dịch Lâm Ngữ Đường...)

(Dưới bút danh Lê Tâm, ông còn viết một tiểu luận về Hồ Xuân Hương (Cây thông xuất bản, Hà Nội, 1950) và một số sách phổ biến y học, vệ sinh.

TRUYỆN HAI NGƯỜI

(*Tiểu thuyết*)

LỜI TÁC GIẢ

Nếu người ta muốn tìm ở truyện này một truyện gì, tôi xin nói ngay truyện này không có truyện gì cả.

Bạn đọc xem hết, sẽ thấy nó thường lắm, bởi vì nó xảy ra luôn và còn cứ xảy ra mãi mãi.

Nhưng cái đó không quan hệ.

Cái quan hệ là nhân vật. Trong rừng cây, không có hai cái lá giống nhau, thì trong rừng người, làm sao mà lại có hai người giống nhau cho được?

Vậy, cái khó của một nhà văn, phải đâu là chụp lại nhân vật để các bạn khác cùng xem. Tôi nghĩ nếu công việc của nhà văn có khó thì chính ở chỗ "sáng tạo" ra nhân vật vậy.

Hai người. Hai người trong truyện này là hai kẻ đọa đầy. Linh hồn họ đau đớn, họ là những người đáng thương. Sự đau khổ nâng cao họ lên gần trời.

Những người thực cao thượng đều phải thấy một cái buồn mênh mông trên trái đất.

V.B

I

Một đêm mưa gió, có một người trẻ tuổi nằm không ngủ được... Kéo cái chăn chiên lên cổ, y lắng nghe cái đêm khuya rơi não nùng ở một góc vườn. Hoa rụng, gió gào. Trời sầu thảm tựa một linh hồn đau khổ. Những hạt mưa hình như mang lại những lời trối trăng cuối cùng của cây cỏ và phố xá. Không có một tiếng rao.

Một đêm mưa gió, có một người trẻ tuổi nằm không ngủ được... Y vò võ nằm thu hình ở trong một cái buồng con. Bóng tối dầy thăm thẳm. Ngủ được thì thực tốt. Nhưng y không ngủ được, và y nghe

thấy những tiếng động ở chung quanh cuộc đời của y. Y nằm cái giường của y và y nghe tiếng động ấy, y ở cái gác của y và y nghĩ miên man đến đời của y.

Một đêm mưa gió, có một người trẻ tuổi nằm không ngủ được... Ấy chính lúc ấy, y thấy hai mươi tuổi của y tiến lại trước mặt y. Tại sao? Y không phải là một người ốm quay lại nhìn dĩ vãng. Nhưng mà những hạt mưa kêu lên như một linh hồn bị xiềng xích và những tiếng kêu ấy đã làm những tiếng kêu của y thức dậy. Người ta có thể bảo rằng đời người sắp xảy ra một cái nạn gì đây. Y thấy cái tuổi hai mươi của y đến ở giữa tấm lòng giá lạnh và y buồn, bởi vì hai mươi năm mà y đã trải qua không phải là hai mươi năm y ước định. Không, cái đời của y, y định nó khác lắm, chứ có đâu như thế này...

Lúc mười tám tuổi, y nghĩ: Đến hai mươi tuổi ta sẽ lập thân ta. Ta không biết rồi ta làm gì, nhưng ta biết chắc là ta làm nên to lắm bởi vì ta được theo học đến tú tài mà bất cứ về môn nào ta cũng đứng vào hạng nhì, ba cả.

Đến mười chín tuổi, y có những ý muốn rõ ràng hơn: Hai mươi tuổi, ta sẽ đỗ tú tài, ta vào học thuốc và, sau dăm bảy năm theo học, người ta sẽ thấy ta đi lại ở trong tỉnh như một bức tranh nhân đạo. Nhưng chỉ ít lâu sau, y lại đổi ý kiến ngay bởi những ông bác sĩ có cái trách nhiệm nặng nề quá và chỉ vô ý một chút cũng có thể làm chết được người như chơi. Lại nữa, y có một người bạn học ở ban văn chương tìm đủ lý lẽ để cho y hiểu rằng: học luật và học thuốc đều không làm gì được cả. Y bèn sang học ban văn chương và ra công khảo về Boileau, về Rousseau, về Goethe. Văn chương có thể đưa người ta đến tất cả các nghề: nghề dạy học, nghề thư ký, nghề tham biện, và không ngăn cấm ta làm báo, làm họa sĩ, làm giáo sư âm nhạc. Những học trò tú tài ban văn chương đi diễu trong một cánh đồng đầy mộng và chứa chan hy vọng.

Y chứa chan hy vọng quá thành thử những cái thích của y không bờ bến. Nhưng mà đêm nay...

Một đêm mưa gió, có một người trẻ tuổi nằm không ngủ được...

Tâm hồn y rung động những tiếng vang lạnh lẽo. Từ những sự rầu lòng đến hy vọng, đó là những năm tháng bị giam hãm ở bốn bức tường trường học nó kêu rên, nó đi lại, nó kể lể những hình phạt của những ông giám thị, nó nhắc nhở một quãng đời bó buộc và buồn rầu, nó đem diễn lại những buổi chiều ngồi ngủ gật trong "ê – tuýt".

Ngọn đèn hoa kỳ để ở trên bàn ngủ của người trẻ tuổi chiếu một thứ ánh sáng não nùng. Người ta thấy những quyển sách viết trong bốn năm học trường Bưởi của y. Gió đập cửa thình thình, mưa rào rào xuống như một người khóc không bao giờ nín. Y tưởng như nghe thấy từng bài thơ của Villon, của Chénier, của Lamennais.

Y nhớ lại cả những giờ toán pháp.

Nằm nghe gió thỉnh thoảng rít lên, y lại tưởng như nghe thấy những chữ X, Y, Z vậy. Những chữ x, y, z ấy ở trong những bài kỷ hà học của y: F(x, y, z); x= (y+z)/2, y thấy chúng là những kẻ khốn nạn làm ăn vất vả quá, đến tận lúc chết có lẽ cũng không được nghỉ.

Tâm hồn y cũng rít lên như là gió ở bên ngoài. Những con số; những tên người; những chữ vô nghĩa; những bài thơ hồi trước học thuộc lòng mà bây giờ không nhớ lấy được một câu; những niên hiệu không còn bao giờ dùng đến nữa... tất cả, tất cả những cái ấy đều buồn như là một mối hạnh phúc đã mất rồi... Chỉ di tích là còn lại! Một chồng sách học, đó, tất cả cái tuổi hai mươi còn lại; đó, cái tuổi hai mươi với những mùa xuân đầu tiên, với những lộc cây tươi tốt, với những bạn bè trong sạch. Mất. Mất hết cả rồi. Bao nhiêu những cái tốt đẹp ấy, bây giờ chỉ còn là một sự nhớ nhung. Trong tất cả sự nhớ nhung đó, y có một việc cũng đáng ra cho ta kể lại.

Việc này như thế này: Hồi đó, y vừa mới lên năm thứ ba. Ông cụ sinh ra y làm Chánh tổng ở một làng ở Hải Dương. Một hôm, nhân dịp được nghỉ lễ, y về quê thăm nhà, và ông bố cưỡi ngựa đèo con đi sang làng bên cạnh để khoe con mình học ở trường Cao Đẳng trên Hà Nội về chơi. Bất ngờ đến một cái dốc kia, con ngựa ngã. Hai bố con văng mỗi người một nơi. Ông cụ nói:

– Hải ơi, con đã thấy chưa? Thầy độ này suy lắm. Gân cốt kém, mắt mũi cũng kém, thế mà con chẳng biết thương thầy. Hải ạ! Thầy cặm cụi một sương hai nắng để gửi con lên học ở Hà thành, thầy cho con cái vốn đấy, thế mà con không chịu khó học hành gì cả. Kỳ thi nào con cũng gần bét. Con là con cả của thầy, con còn các em, con phải nhớ lời thầy bảo: Con không treo gương tốt cho các em con đâu, con ạ!

Hai bố con nói thế xong rồi về, mang một khối nặng ở trong đầu.

Thế rồi, cách ba tháng sau, vào giữa lúc buổi học chiều bắt đầu, người cha khốn nạn ấy không còn sống nữa. Một bức điện tín đến báo tin, chính ông giám thị đã mở ra đọc trước.

Nước mắt không đếm được, nhưng mà hình như suốt đời, ông già đã chết ấy vẫn còn nói câu này: "Con phải nhớ lời thầy bảo: Con không treo gương tốt cho các em con đâu, con ạ!".

Chịu tang đâu đấy cả rồi, Hải lại quay lại sân trường cũ. Y không kể chuyện của y cho ai nghe hết, nhưng chuyến này, đầu y không theo chân y nhưng chính là chân y theo đầu y.

Y xếp hai chân ngang hàng với nhau. Còn hai tay, y để vào hai thái dương. Mười ngón tay của y kẹp chặt lấy cái trán để cho những cái gì đã đọc được ở sách, bằng hai con mắt, đều phải ở lại cả trong óc, không thoát ra được ngoài. Sự thực thì cũng hơi khó khăn một chút: những bàn tay thì ở lại, nhưng hai con mắt thì vẫn để đi đâu... Tuy vậy, cuối năm y cũng được hai giải thưởng: giải thưởng cách trí và giải thưởng sử ký và địa dư. Lúc ông hiệu trưởng gọi tên y để lên trên bục nhận thưởng, y nhìn tròng trọc vào gói sách, rồi đánh đùng một cái, như hệt một cái máy nước chảy, y khóc, khóc bao nhiêu là nước mắt, đến nỗi ông hiệu trưởng phải kêu hai người học trò lớn đến dìu ra ngoài.

Người bố đã chết rồi, y mới được thưởng thực là chậm quá.

Bây giờ, Hải như một người nhà quê đã cày xong thửa ruộng của mình. Một trận gió thổi ở trên những bông lúa sắp cấy, và người nhà quê ấy tìm ở trên mặt đất xem còn có gì sót lại hay không.

Nhưng mà những việc chua chát ở đời bao giờ cũng có ngày mai.

Một đêm mưa gió, có một người trẻ tuổi nằm không ngủ được...

Y thấy cuộc đời của y bỗng có một buổi chiều chua chát. Nhà y hết tiền. Mẹ y thì già yếu. Y lại có nhiều em. Cái chí nguyện của y bị bật rễ như một cây cổ thụ: mảnh bằng tú tài này mong mỏi bây giờ chỉ còn là một cái đích để không bao giờ tới nữa. Y bỏ học. Y đem mẹ và em lên buôn bán lặt vặt ở Hà thành. Thôi thế là thôi, bao nhiêu mộng tan tành, bây giờ y chỉ là một kẻ dở dang, những đêm mưa lạnh, nằm nghĩ đến hồi đi học trông đợi ngày thi ra.

Buổi sáng, y thức dậy và hỏi bốn phương trời. Y không muốn có một ý nghĩ bi quan nào cả. Đây này: khí trời buổi sáng đem bao nhiêu là sự mát mẻ ở những phương trời xa lạ. Y nghĩ đến cách kiếm ăn. Y biết kiếm nghề gì bây giờ được? – Y, một người đã đỗ bằng thành chung và đã học ba năm ban tú tài! Có chức thư ký nhà nước, thăng từng trật một, mà trật nào cũng chứa một mẩu tương lai. Có

chức thư ký nhà buôn, mới nghe thì tưởng chẳng nên trò gì cả, nhưng chính ra thì lương bổng hậu lắm, lấy được vợ đẹp và làm được nhà cho thuê là khác. Có chức giáo học tư gia nhàn rỗi, cơm ăn nước uống tử tế, mà mỗi tháng, nếu chịu khó thì lại còn để được ra vài chục.

Này này, đời nhiều hứa hẹn lắm! Chỉ sợ mình không có sức mà thôi, chứ có sức thì trăm hai mươi chỗ làm vừa Nhà nước, vừa tư gia kia kìa. Người ta không thiệt gì cả. Một ông cử nhân luật chẳng đã bảo y rằng những bực tài giỏi xưa nay đều là những hạng rẽ ngang ư? Mà chính vì có rẽ ngang như thế nên một người bạn của ông ta mới xoay làm nghề báo, mỗi năm kiếm đến vài ba nghìn đồng!

Hải sống với cái tâm trạng ấy trong hai năm. Mẹ y cũng vậy, nhưng hơi lo một chút...

– Đời mỗi lúc một khó khăn, con ạ.

Hải cười. Y đứng lên. Mẹ ơi, cuộc đời nó có những lý luận riêng của nó. Mẹ ở nhà nghe thấy những lý luận ấy và thấy nó đi qua cửa sổ. Mẹ nghi ngờ sự thực.

Hải lấy làm phiền không thể làm cho mẹ hiểu rõ hơn. Y có năm vạn ước vọng, mà ước vọng nào cũng bị mẹ hơi ngờ cả. Tại sao? Y cũng có những lý luận riêng. Mỗi lý luận, y lại tìm ví dụ cho thêm cứng. Những bạn cũ của y bây giờ đều có việc làm cả. Y cũng như họ, y sẽ theo những đường mà họ đã đi. Tiện lắm. Mà y lại lợi hơn là khác: bởi vì y đi sau, y chỉ bắt chước những người đi trước, chứ không phải nghĩ ngợi mưu cơ gì cả.

Bà cụ nghe nói mà sợ hãi thay. Gần trải hết một cuộc đời rồi, bà còn lạ gì cái nghề nghiệp nó cũng như của cái ở đời. Những người nghèo không có nghề.

Ở trong gian nhà lụp sụp, y lại nằm đợi ngày mai, đợi mãi rồi sau quên không đợi nữa, mà quên lúc nào y cũng không hay. Thì chính giữa lúc ấy, cái lúc không ngờ nhất ấy, một tin tốt đẹp đến tìm y. Trong số bè bạn cũ của y có một người gặp y ở ngoài đường. Người này học dốt có tiếng mà bây giờ kiếm ra mỗi tháng hai trăm bạc. Người ấy dắt y vào hiệu cao lâu ăn bánh, nói chuyện về các bạn cũ hồi lâu rồi mách cho y một việc. Hải theo đúng lời dặn dò của người bạn, sáng hôm sau đến sở thì ông chủ nhận lời ngay và cho Hải mỗi ngày lương chín hào.

Người ta không làm chủ nhật.

Ông chủ nhì đưa cho người làm những tập giấy bằng bàn tay.

Xong, anh đi về chỗ của anh. Mỗi sáng, Hải lại bị gọi một lần như thế. Chàng làm như thế rất quen. Chàng ngồi xuống ghế, hai khuỷu khuỳnh ra, hai cánh tay tự do ở hai bên vai của chàng bởi vì viết là công việc của tay, mà tay có tự do thì mới viết được. Bên tay phải, có ba cái quản bút: cái thứ nhất viết mực đen, cái thứ nhì viết mực đỏ, cái thứ ba viết mực xanh. Ba cái bút để song song nhau: chàng chỉ phải giơ tay lấy chứ không cần trông gì hết. Cùng phía ấy có một cái tẩy, cái thước và một cái bàn thấm để không, ngăn nắp lắm, nhưng bên tay trái thì chỉ chuyên để đanh ghim, cặp giấy và thước kẻ. Tối đến, tan giờ làm, Hải cất tất cả những thứ ấy vào trong ngăn rút.

– Bác Hải, bác đưa cái chìa khóa của bác cho tôi mượn.

– Không, ngăn rút này của tôi. Tôi không đưa chìa khóa ngăn rút của tôi cho bác mượn.

Nhưng mà một người dù ngăn nắp thế nào cũng có khi lơ đễnh. Một buổi chiều, Hải bỏ quên chìa khóa trên bàn.

– Anh em ạ! Đổ trời rồi! Thằng Hải nó bỏ quên chìa khóa.

Từng thứ một, tùy từ nặng nhẹ mà để, người ta thấy ở trong ngăn rút ấy: thước kẻ, bút chì hay bút mực, tẩy, kim, cặp, thứ nào đi thứ ấy, không thể nào lẫn được. Ba năm trời vất vả ở sở này đã đem đến cho chàng cái tính cẩn thận ấy: cái tính cẩn thận ấy in như hệt của ông bà ông vải chúng ta. Cái gì cũng mới, cái gì cũng sạch. Những cái gì dùng đến luôn thì để ở ngoài cùng, cạnh cái khóa để sờ tay vào là thấy ngay. Phía trong cùng ngăn rút, người ta thấy hai hộp bút: một hộp bút còn nguyên và một hộp bút đã dùng rồi. Muốn cho khỏi lầm lẫn, vì bề ngoài hộp bút ấy giống nhau, Hải dán ở trên hộp bút dùng rồi một mảnh giấy và viết mấy chữ này – bằng bút "rông".

HỘP BÚT

(đã viết đến rồi)

Người ta ăn cắp nhiều thứ của chàng lắm, người ta làm bừa cả lên. Sáng hôm sau, Hải lại tìm thấy chìa khóa. Chàng mở ngăn rút ra xem, và quên bẵng mất rằng tội nào cũng phải có lỗi, chàng làm rầm cả lên một trận.

Cả sở phá lên cười. Hải tức lắm. Chàng đã định cầm mấy miếng gỗ chặn giấy để ném vào lũ anh em cùng sở nhưng may quá, chàng lại nghĩ ngay ra rằng những miếng gỗ ấy là những miếng gỗ của sở, sở dùng chặn giấy cho giấy khỏi bay mà bây giờ mình lại lấy để ném, ngộ nó văng ra đường thì chết! Thế là Hải lại thôi, chẳng làm gì được bọn anh em cả.

Thời giờ cứ trôi, người đời ai cũng có con đường riêng của người ấy. Ở sở này, thực ra, thì cũng chẳng có gì đáng nói cả, nhưng khốn một cái lại có những người phải nói như phải sống.

– Thôi, làm mãi làm gì cho khổ. Chủ đi rồi. Tao hỏi chúng anh em nhé: anh em có đố tôi bóp mũi thằng Hải không? Hải! Tôi bóp mũi anh cho anh xem đây này...

Tức thì, Hải thành ra một tia chớp:

– À! Anh lại bóp mũi tôi! Đây, anh cứ bóp mũi tôi đi. Tôi bảo cho anh biết: anh chưa bóp mũi được tôi thì cái mặt của anh đã tan ra rồi...

Người vừa hỏi thực không ngờ mà người đáp lại nhanh như thế. Y chỉ còn biết nói:

– Anh Hải, thôi tôi không bóp mũi nữa đâu, đừng sợ!

Không ai hiểu Hải ra sao cả. Không ai hiểu rằng người ta quên mất Hải, hay bởi người ta thấy Hải ở trong lòng người ta.

– Thôi, chỗ anh em cả. Xin bác! Xin bác!

Và như thế, Hải nguôi giận liền.

– Anh Hải, buổi tối anh về làm gì ở nhà? Anh anh có đi chim gái không? Anh có đi cô đầu không? Hay là anh đọc sách?

– Thú thực với các anh, lúc mới vào làm ở đây, độ hai, ba tháng

tôi cũng đọc hết một cuốn truyện Tây, nhưng vì sau buổi tối về, tôi mệt quá – mà vì lười cũng có – tôi chỉ xem những tin tức ở một tờ báo hàng ngày mà thôi. Sự thực, tôi cũng không lấy làm thích lắm bằng những truyện kiếm hiệp: những truyện ấy xem ham lắm mà lại không phải nghĩ.

– Thế chỉ có thế thôi à?

– Sáng chủ nhật, được nghỉ, tôi đi chơi. Tôi lên Hồ Tây ngồi ở trên bãi cỏ để hít thở không khí buổi sáng. Trưa, tôi ăn. Cũng có khi tôi đi xem bóng đá giải buồn, nhưng nếu có chợ phiên thì tôi bỏ đá bóng vào xem chợ phiên cho lạ.

– A! A! Anh em ơi, bác Hải lại đi cả chợ phiên nữa đấy, ghê không?

Và câu chuyện ấy thế là tự nhiên được anh em trong sở đem ra bàn luận.

Bàn luận đến chợ phiên tức là phải bàn luận đến đàn bà mà đàn ông đã bàn luận đến đàn bà là phải bàn luận đến sự chơi bời giấu vợ.

Một người đứng lên nói:

– Hôm qua, nhà tôi phải về Nam Định để thăm con cháu ốm. Tôi được tự do nên đập trống suốt đêm. Gớm! Cái nhà ấy có con bé sao mà hẩu thế! Mình dắt nó đi ăn. Nó kết với mình quá và đến sáng hãy còn khóc rưng rức vì cảm động.

Một người khác tiếp theo:

– Tôi, tôi thích nhảy đầm hơn. Nhảy đầm có vẻ Tây mà lại không tốn tiền như đi hát. Đây nhé: các anh thử tính xem. Tôi làm một tháng được ba mươi nhăm đồng. Một tháng bốn lần phải gom tám đồng bạc để đi Vạn Thái hay Chùa Mới chẳng hạn thì có phải là hết ngoém mất cả lương. Âu là "đằng" này cứ công ty với một thằng nào, mỗi tuần lễ đồng bạc, đi uống chai bia, chai nước chanh xì xằng gì đó rồi nhảy đến một hai giờ đêm thì về. Vừa ngủ được lại vừa không hại tiền.

Một người khác nữa nói:

– Thế cũng hay. Nhưng tôi thì ngổ hơn các bác. Đập làm gì? Nhảy làm gì? Tôi buồn thì tôi ngủ. Nếu tôi không ngủ thì tôi đi phòng cho thuê: như thế, vừa rẻ mà lại vừa không bận rộn. Đóng cửa buồng lại thì chẳng còn ma nào biết đấy vào đâu, dù người ấy là "ma phăm" đi nữa.

Câu pha trò nhạt nhẽo đã được người ta nhắc đi nhắc lại thành nhàm rồi, bây giờ nói ở đây, ấy thế mà cũng được tán thưởng rầm rộ lắm. Bởi vì cuộc đời ở đây bằng phẳng quá, một cái gì hơi khác thường một chút cũng được người ta cho là lạ và hoan nghênh vô cùng.

Người nào, tuần lễ một lần, mà chung tiền nhau lại để đi hát, đi nhảy, đi chơi như thế đến hôm sau lại khoe được như thế với anh em là những người bán trời không văn tự! Người ta cười là phí phạm tiền nong thực đấy, nhưng trong thâm tâm, người ta có sự kính phục khó tả. Hải cũng vậy. Tuy cắm cổ xuống bàn mà ký lia ký lịa, chàng không bỏ một lời nào của những người bạn thạo đời kia. Chàng nuốt nước bọt như thèm một của chua nhưng chàng nhắm mắt lại mà nói với mình rằng:

"Tôi kiếm mỗi ngày được chín hào. Tôi là một người thư ký khổ và tôi làm để kiếm lấy bát cơm ăn".

Ông chủ đã đến. Bao nhiêu chuyện vui như Tết của bọn phán, ký kia đều im cả một loạt. Họ như bị điện giật, họ không phải là những người bán giời không văn tự nữa, họ chỉ lại là những ông cạo giấy mắt lấm la lấm lét.

Hải vừa cúi đầu viết sổ vừa nhìn họ mà buồn cười. Chàng nghĩ:

"Ối! Các ông ấy chỉ chạy theo những cái lóe mắt người ta, những cô ả đẹp đẽ, những cô ả tiêu nhiều tiền. Những cô ả tiêu nhiều tiền làm cho các ông ấy không biết quí cái của kiếm bằng mồ hôi nước mắt, và những cô ả đẹp lừa dối các ông ấy, sẽ mở mắt các ông ấy mà bảo cho biết ái tình chỉ là một thú vui giản tiện. Để rồi mà xem: các "bố" ấy sẽ hối ngay".

Những ý nghĩ ấy của Hải không đủ khuây khỏa chàng và chàng thấy như bao nhiêu những cái đầu ở chung quanh chàng đều kêu lên: "Thôi, đừng có bịa, có một người đàn bà ở bên cạnh vẫn thú hơn, Hải ạ". Hải lại nghĩ: "Ta có mẹ già thương xót ta và quý ta, ta có những em trai và em gái mến yêu ta hơn cả vợ các anh yêu các anh ở nhà". Những cái đầu kia hình như lại trả lời: "Cóc cần! Cóc cần! Hiện bây giờ tôi chỉ biết anh cô độc và anh buồn. Chúng tôi có vợ mà lại có nhân tình nên chúng tôi cười và chúng tôi vui".

Hải lơ đãng đưa mắt nhìn qua cửa sổ.

Ấy là một buổi chiều tháng hai. Không khí ở bên ngoài hình như rung động. Những chiếc ô tô đã có ánh sáng, những xe điện, ở đằng

đầu và đằng cuối, đỏ ửng lên như hai con mắt đầy ham muốn. Những thiếu niên đi vào ánh sáng và trong túi có tiền. Họ nhìn người đàn bà khi có một cặp nào đi qua. Nhiều ông tham khệ nệ đi làm về ở trên những cái xe nhà và nghĩ: "Ta là một viên chức cao cấp của Nhà nước tháng kiếm hơn một trăm đồng bạc".Trai gái đi qua. Ấy là một thiếu phụ đẹp nồng nàn, quàng tay một thiếu niên cũng nồng nàn: nàng, thì nàng sung sướng vì có vẻ lắm xu; chàng, thì chàng sung sướng vì được nhiều người ham muốn. Cũng có những cặp vợ chồng, mỗi người nhìn mỗi ngả: tâm hồn họ và người họ đã quen nhau lắm rồi.

Họ đi qua. Bọn này đi qua thì lại có bọn khác đi đến. Một người trẻ tuổi ghì chặt lấy lưng một người đàn bà áo mặc thướt tha. Người ta thấy ngay rằng: chàng ấy có thể theo nàng ấy đến tận cùng trái đất.

Sự vui vẻ, sự cao kỳ, sự xa hoa bước những bước dài trong ánh sáng của kinh thành. Những tiếng cười, tiếng nói vọng đến bên tai Hải, bóng bẩy như những cái nhìn của đàn bà mà Hải đã gặp trên đường. Ôi! Lúc ấy, đến tận lúc ấy Hải mới đành chịu nhận rằng những lời nói của bạn hữu chàng là đúng: sự vui thú ở đời có nhiều ý nghĩa hơn cuộc đời cô độc của chàng lắm lắm. Chàng cố sức bám lấy một cái gì để cho khỏi bị chìm. Chàng muốn đắp một con đê để ngăn cuộc sống trẻ đẹp kia và kêu lên rằng: "Tôi cũng sống đây. Tôi đứng dậy bằng gạch với xi măng và tôi ngăn các ngài lại trong khi các ngài đang kêu".

Hải thấy một mối buồn não nùng khóc lên trong lòng. Chàng ngót ba mươi tuổi rồi mà vẫn cô quạnh, vẫn không biết ái tình, vẫn không biết một người đàn bà nào cả ở giữa cái Hà Nội quyến dỗ người như mẹ mìn!

Chao ôi, tiền bạc, học vấn và sự yên ổn làm sao cho bằng được cái thú sống ở đời. Vài ba cái hình ảnh đàn bà đã trông thấy vụt hiện ra trong tâm trí chàng, và chàng đã để cho tâm trí đuổi theo những hình ảnh ấy để "du dương" một lát. Rồi bao nhiêu những ngọn lửa của tuổi thiếu niên bừng bừng lên, ngũ quan chàng đều thấy rung động ở trước những cái có thể chứa được ở trong một người đàn bà đi qua.

IV

Trong sở Hải làm, có một ông Ký cổ.

Ông Ký cổ ấy chít khăn, mặc áo đen trong có áo trắng dài, đi giầy ta, mặc quần không nhầu nếp và có dáng lúc nào cũng nghĩ ngợi ở trên xe nhà. Ông ta đã thi tam trường rồi và mỗi khi đi đâu về thì lại chắp tay lại mà nói với mẹ: "Thưa mẹ, con đã về rồi ạ". Lớn, bé, già, trẻ trong sở, đều gọi là "bác" cả cho thân. Ông không giận, ông không say rượu. Cái quản bút tay ông cầm hình như là một đồ vật lạ lùng cần phải giữ cẩn thận lắm, ông ngồi ở đấy và ông giữ gìn những tư tưởng của ông. Khi nào ông đi vắng, anh em rất nhớ ông và nếu có một buổi sáng nào ông đến chậm độ hai phút thì ai ai cũng hỏi: "Hay là ông ấy ốm?"

Ông ấy lúc nào cũng có vẻ ốm thực. Mặt ông xanh lắm, chân tay ông lại gầy, người ta bảo: "Có lẽ ông xơi thuốc". Chẳng biết ông ta có xơi thuốc thực không, chứ hai mắt ông thì nghiêm lắm mà buồn lắm. Râu ông dày mà dài, nó che mất hết cả hai lỗ mũi. Ông ta ngồi ở cạnh anh, anh nhìn ông ta, anh nghĩ đến anh liền: ông có tất cả những tính tốt mà anh không có. Thế tưởng đã đủ quá rồi. Không ngờ ông ta lại muốn hơn thế nữa. Vì muốn khác hẳn những người ở chung quanh ông, vì muốn có vẻ một người hiền, đương yên lành chẳng làm sao cả, ông bỗng thuê thợ cạo cạo trọc đầu lông lốc.

Biết ông, cũng là một việc hay. Ở gần ông, thế nào cũng thấy có một cái gì lạ lắm, và khi nào ông đã nói với anh, anh phải yên trí thế nào cũng có những chuyện mà anh không tài nào tưởng tượng được.

Ông tức là một cái cân rất đúng.

Hải yêu ông và trọng ông. Buổi chiều nào ở sở về, Hải cũng đi thong thả nói chuyện với ông hai ba phố. Đến ngã ba, mỗi người chia mỗi ngả, Hải ngả mũ "Lạy cụ ạ!". Thì ông Ký của Hải mới giơ tay bắt thực mạnh một cái rồi trèo lên xe về nhà.

Một hôm, sau khi ngần ngừ mãi, Hải đem nói tất cả những nỗi buồn cô độc của mình cho ông bạn già để xem ông này nghĩ ra sao.

– Bác Hải! Hôm nay là thứ bảy. Tôi cho thằng xe tôi về trước. Tôi có cái ý kiến mời bác lên Hàng Buồm ăn phở tái với tôi.

Hải trả lời:

– Vâng, đi thì đi, cần gì!

Ở trong hiệu cao lâu, Hải và ông bạn già vừa ngắt từng lá rau thơm vừa uống một cút rượu "con hươu". Uống một chén, khà một hơi, để đôi đũa ghếch lên cái đĩa đựng xì dầu bằng nhau, thực cẩn thận rồi, ông Ký cổ mới trịnh trọng nói rằng:

– Bác Hải ạ, câu chuyện bác nói với tôi lúc nãy thế mà quan hệ lắm đấy, chúng ta phải họp ý kiến của nhau lại mà đem bàn cho kỹ. Riêng tôi thì tôi nghĩ thế này: bác đã biết chứ gì? Bác với tôi, hai chúng ta đương ngồi ở cái bàn này ăn phở. Tay chúng ta để ở trên bàn. Những người nào có làm thì phải có ăn. Ăn xong thì nghỉ. Chúng ta đủ hết cả. Chẳng dám giấu gì bác, tôi đi làm lấy lương chi dụng ở nhà, bà nó nhà tôi buôn bán thêm vào một chút. Tôi không phải lo đến ngày mai. Vậy tôi khuyên bác, bác nên lấy vợ. Trước là có người phụng dưỡng mẹ già mình, đỡ đần mình, sau là có con có cái cho vui cửa vui nhà và giỗ chạp thờ cúng một khi mình trăm tuổi.

Hải nói:

– Đã đành thế rồi. Nhưng cụ tính, tôi đi làm được độ hai mươi nhăm đồng một tháng, ăn uống tằn tiện còn chẳng đủ, còn lấy tiền đâu mà lấy vợ? Lấy vợ bây giờ xoàng ra cũng mất dăm bảy trăm, một nghìn.

– Thưa bác, thế thì hơi khó đấy. Hay là ta chơi họ?

– Tôi nghèo nên chẳng có ai rủ tôi chơi cả.

– Thế thì lại khó hơn. Bác có biết hiện giờ, tôi nghĩ gì không? Tôi nghĩ rằng: "Cuộc đời này như một phim chớp bóng. Tôi đã có hồi thiếu niên rồi. Tôi đã biết tất cả những sự sôi nổi, những sự rung động của tuổi ấy".

Tôi chẳng dám giấu gì bác, tôi lấy nhà tôi từ năm mười sáu. Tôi còn dại lắm. Tôi không biết quý vợ ở nhà, tôi cứ theo cái lửa dục của tôi, năm hăm sáu tuổi, tôi bị anh em bạn rủ rê, mắc phải một con nhà trò. Chơi láo chơi lếu như thế hại người lắm, bác ạ. Mẹ tôi mắng tôi thậm tệ. Tôi bị ốm là khác, bác ơi, tôi xin nói với bác tôi hối cho đến già.

Tôi lạy bác nhé, nếu bác có thương tôi thì bác nên trông cái vết xe mà tôi đã đi qua. Bác chớ nên chơi bậy.

– Cụ dạy, tôi xin vâng. Nhưng... nhưng... cái tuổi trẻ, thưa cụ, tôi thấy... là một sự cần dùng khẩn cấp.

– Ấy đấy, chính thế. Tôi đã đọc mấy quyển sách về ái tình dịch của Tầu và của Tây. Tôi biết lắm. Tình cần lắm. Tôi đã có hồi trẻ. Tôi nhớ lại hồi ấy, và tôi nghĩ rằng: "Những người nào thiếu tình khổ quá. Thực là những người đáng thương vậy". Tôi tưởng tượng thấy lòng họ trống trải lắm, tôi tưởng tượng thấy họ không còn thiết sống làm gì hết.

Thưa bác, ấy là tôi nghĩ riêng tôi thế. Chứ bác đừng tưởng rằng thiếu tình thì nên chết đi đâu. Có một câu danh ngôn này: "Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân". Tôi tin tưởng câu ấy lắm.

Bác chưa có tiền lấy vợ. Bác không thể đi chơi tầm bậy. Mà cái tuổi của bác hiện giờ nó lại làm bác sôi nổi, bừng bừng. Thế thì! Bác có muốn tôi khuyên bác không, bác Hải? Trời không có đãi riêng ai, hay phụ riêng ai đâu, bác ạ. Nắng lắm thì lại mưa. Hết đêm thì lại sáng. Tôi nhớ có đọc thấy ở trong một bài văn có cái luật thừa trừ. Không bao giờ ở đời lại có những kẻ suốt đời không thay đổi. Trời không để cho người ta ngủ gật đâu. Trời tài lắm, mầu nhiệm lắm, để cho người ta yên nghỉ một hồi mà đừng tưởng là không có mục đích đâu. Tôi thì tôi sợ lắm. Tôi yên thân như thế này đã lâu rồi. Bác cô độc mãi rồi. Chúng ta đều là hạng bất thường cả.

Bác Hải ạ, để bác xem, đời chúng ta tất sẽ xảy ra chuyện gì.

Ông Ký cổ và Hải nói xong câu chuyện thì vừa hết hai bát phở. Họ đứng dậy và đi về nhà. Đến sáng hôm sau, ông Ký cổ hãy còn hả về những câu triết lý hùng hồn nói với Hải.

Người già nói có khác. Thực là những câu sấm. Chỉ một tuần lễ sau, Hải thấy nghiệm ngay. Đời Hải bỗng xảy ra một việc.

Hải có một bà cô không có con cái ở Hàng Rươi. Bà ấy buôn bán và cũng đủ ăn. Tự nhiên, bà ta ốm. Hải, là cháu đích tôn, chiều nào ăn xong cũng phải lên hỏi thăm cô. Nhưng em chàng còn bé, không biết gì về thuốc Tây. Chính chàng, chàng phải xem đơn thuốc và phải thân hành đi mua thuốc cho người bà cô ấy.

Cũng như mọi ngày, chiều nay, Hải ăn cơm nước xong rồi, đội mũ, lần theo con đường Bờ Hồ, ra Hàng Gai, lên Hàng Cót rồi rẽ về Hàng Rươi. Đến Cổng Đục, chàng thấy ở cạnh hiệu sách cũ, một đám người xúm lại chung quanh một bọn xẩm. Lúc ấy chưa đến chín giờ. Bọn xẩm này chắc vừa mới bắt đầu họp; và, từ tối, bài hát của họ đương hát là bài hát đầu tiên vậy. Người bố, mắt lòa mà đỏ chói như

là vẫn còn đương chảy máu, bập bung một cái đàn bầu đã gãy cả cần. Hắn chặn đầu gối lên thành đàn và gẩy đến chỗ nào như ý thì cúi mặt xuống chiếu và rung cái đầu lia lịa. Đứa con gái, cái bụng chảy xuống như cái bụng lợn sề, có ở giữa một cái mặt vàng ủng và hom hem, hai con mắt thực to và sâu hoắm như hai cánh hoa bẩn thỉu. Con này hát, và giọng hát của nó rít lên. Còn hai đứa bé con trai – dáng chừng là em con bé hát xẩm – thì ngồi dựa vào nhau như là hai con vật dữ tợn; chúng có vẻ mệt nhọc quá, chỉ rình rình ngoạm những người đứng chung quanh.

Một họn hát xẩm bốn người. Một gia đình đi kiếm ăn ở cùng đường. Hà Nội đã vơ lấy chúng vào tay và bóp bẹp. Cổ con bé hát xẩm như gần tắc. Nó hát thế này:

... Muốn tắm mát thì lên ngọn sông đào,
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh
Đôi tay em ngứt đôi cành,
Quả chín thì hái, quả xanh thì đừng...

Những con sen, thằng nhỏ ở máy nước gần đấy lắng nghe. Nhiều người đi đường dừng chân lại, nhìn một tí rồi đi. Có mấy cô con gái mặc áo xanh đỏ cười và vứt chinh vào cái chậu của mấy bố con người xẩm.

Hải dừng chân lại. Người ta nhìn bởi vì người ta phải nhìn một cái gì. Những gái giang hồ ở những nhà chơi gần đấy cũng vậy. Họ biết rằng khi nào có đám đông tụ họp thì họ có nhiều dịp may. Và tiếng đàn bầu từng tưng lấn hết cả những tiếng khác. Tiếng đàn bầu khắc khổ, không đều và thỉnh thoảng lại phựt phựt lên điếc cả tai:

Ba bốn năm em ăn ở trên rừng,
Chim kêu vượn hót nửa mừng nửa lo.
Đã trót xa chân mà bước xuống đò,
Gieo mình xuống sạp những lo cùng phiền.
Chợ tỉnh Đông một tháng sáu phiên,
Gặp cô hàng xén kết nhân duyên vừa rồi...

Hải nghe thú lắm. Chàng thấy tất cả cái tinh thần của người mình ở trong câu hát, chàng thấy một cái buồn nhẹ nhàng như một lời hứa hẹn, một lời trăng gió. Chàng không cho bọn xẩm một đồng trinh nào cả, nhưng, trong lúc chàng đương ngây ra để ngắm cái miệng của con bé hát xẩm và khen "Hay! Hay" thì có một ai chạm phải vai chàng khe khẽ. Chàng quay lại thì thấy một người đàn bà

xinh xẻo nói bâng quơ rằng: “Cũng chẳng lấy gì làm hay lắm. Mà nó lại còn bỏ dở đấy, chứ đã hết bài hát đâu!”

Hải liếc thật nhanh và thấy người con gái vừa nói búi tóc đẹp quá và có vẻ hiền lành, dí dỏm như con mèo.

Hải cảm động quá, ngập ngừng mãi mới nói được:

– Thế bài hát ấy còn nữa, thì đoạn dưới ra thế nào?

Nàng trả lời:

– Đoạn dưới như thế này:

Trong bồ cô có những quế cùng hồi,
Có mẹt bồ kếp, có nồi phèn chua,
Bó hương thơm cô để cạnh bồ...

“Và thế cũng chưa hết đâu. Để một tí nữa, em nhớ hết”.

Nhớ hết hay không, thôi, bây giờ Hải có quan tâm đến làm gì. Hải chỉ biết rằng một thiếu nữ xinh xắn mà lại có duyên đem lại cho ta nhiều sự lạ hơn những bài hát cổ. Tức thì, Hải không nghe hát xẩm nữa. Hải nói với người con gái: “Thưa cô, chắc cô nhớ nhiều bài hát lắm và giọng cô trong lắm nhỉ”.

Nàng trả lời rằng:

– Em hát cũng chẳng lấy gì làm hay lắm nhưng mà nghe tàm tạm được. Thế nhưng mà ai lại hát cho anh nghe ở đây bao giờ?

Mười giờ tối sắp đánh rồi mà cái tiếng đàn bầu khốn nạn cứ kêu lên thống thiết cho đến khi nào đội xếp cấm mới thôi. Hải và người con gái nhanh mồm nhanh miệng kia rẽ đám đông ra ngoài. Họ đi về phía gầm cầu. Đến đầu Hàng Đậu, thấy người bạn gái của mình không tỏ vẻ gì là vẻ dữ tợn hay khó chịu. Hải mời vào xơi nước ở một quán bán nước chanh gần đấy. Chàng chỉ sợ người con gái kia không nhận lời.

Ấy thế, Hải đã gặp Trâm một buổi chiều. Chàng cười sung sướng vì Trâm đẹp và có cái miệng xinh mà có duyên.

V

Hải, sau đêm gặp Trâm, thấy lòng dịu dịu đi một chút. Chàng thấy một sự dễ chịu gần như là một sự tự phụ và hôm nay chàng đợi Trâm ở Bách Thú. Chàng khoác tay nàng đi chơi vùng Hồ Tây và ước

ao có một người bạn của chàng trông thấy thế.

– Trâm ơi, anh yêu em có thể chết đi được.

Trâm nở một nụ cười đĩ thõa, cái nụ cười, cười với tất cả những người trả tiền nàng. Nàng đáp:

– Thực chứ?

Buổi chiều xuống chầm chậm và nhẹ nhàng như một người bạn thân. Không khí chuyển động. Gió reo vào lá, lá reo lên trời, và trời rơi xuống nước trong xanh. Người ta thấy yêu tất cả những cái gì ở chung quanh người. Hồ Tây, hồ Trúc Bạch, trời cao và xe cộ chiếu sáng một cách êm đềm. Con đường Cổ Ngư, với những cây cối rườm rà, với những bãi cỏ xanh mát, hình như là một con đường thần tiên để người ta đi chơi ở đấy mà cũng để người ta trốn tránh cuộc đời ở đấy.

Hải khoác tay Trâm đi và Hải nghĩ rằng họ có vẻ là một đôi bạn tình. Người đàn bà trẻ và đẹp kia thực y như những người đàn bà khác mà ta đã gặp đi ở phố phường với những người đàn ông lấy tay quàng vào lưng họ. Khi nào trời tối lại mà có những người đàn bà như thế ở chung quanh ta, cuộc đời có một cái thú vị mông mênh. Trời ơi! Đức tối cao ơi! Xin ngài ra tâm ban cho chúng tôi những người đàn bà trẻ như Trâm để cho chúng tôi hôn hít, để cho cái tuổi hai mươi của họ thêm vào những cái hôn của chúng tôi. Hải lúc ấy không còn nghĩ rằng mình là một người đi làm công nhật, mỗi ngày được chín hào bạc lương. Tâm hồn chàng yên ổn như cuộc đời mà cuộc đời thì trong sáng và yên ổn như khí trời và nước. Nước chảy đều đều, lướt qua những ánh sáng và theo con đường của nó mà đi.

– Hồ trông đẹp quá, Trâm ơi!

Hải lại nói:

– Em hãy nhìn mà xem kìa. Về phía chùa Trấn Quốc, có đến hai ba trăm đám mây đỏ. Ở trong lòng này (Hải chỉ vào ngực) cũng có hai ba trăm cảm giác đương sôi nổi vì em, em ạ.

Trâm sát người vào Hải và trả lời:

– Anh nói nghe sao mà hay thế. Em, em yêu anh lắm.

Hải thấy sướng tê tái cả người. Chàng đi bên cạnh nàng với một tâm hồn đầy đủ. Chàng nói:

– Em ạ, hay là ta đi ra phía Hàng Đậu, tìm một cái cao lâu nào, vào ăn đi.

Trâm và Hải vào một cái cao lâu rẻ tiền. Người ta ăn uống một cách rộn rịp. Trâm và Hải cùng uống rượu. Thời khắc êm đềm và thú quá. Họ ngồi ở một góc phòng; hai tay họ để trên mặt bàn; họ xa hẳn những người làm ầm ĩ và họ có thể nói được nhiều chuyện lắm. Chuyện đủ các thứ. Hải nói:

– Anh ngồi đây mà lại nhớ đến cái tỉnh Hải Dương nhỏ bé khi xưa...

Hải không nói thực, nhưng chàng ngồi ở cạnh một người đàn bà và muốn cho người đàn bà ấy, biết hết cả tâm sự mình để cho người ấy nghĩ: À! Anh chàng trẻ tuổi này có một trái tim tốt lắm và nguyên là sinh đẻ ở một tỉnh chứa chan tình ái và bóng mát. Chàng muốn đem tâm sự mình để chiếm tấm lòng của Trâm:

– Anh ngồi đây mà lại nhớ đến cái tỉnh Hải Dương nhỏ bé khi xưa. Nhà anh ở Thanh Miện và chung quanh nhà anh có vườn. Ở Hà Nội, em không thể tưởng tượng được những cái vườn như thế. Có cây cỏ, có suối reo. Cây cỏ thì xanh. Suối thì mát. Em ơi! Trâm ơi! Ước gì chúng ta được về với nhau ở đấy nhỉ. Chúng ta sẽ ngồi ở bờ suối, dưới bóng cây và chúng ta cùng cười.

Trâm nói:

– Em không biết nhà quê. Thầy me em mang em ra Hà Nội từ năm em lên bốn. Em chỉ ở Hà Nội từ đó em không có dịp nào về quê nữa.

Hải lại nói:

– Anh xem em hôm nay có vẻ không được vui. Nhưng anh thì anh vui lắm. Rồi em xem: Em với anh biết nhau lâu hơn chút nữa thì em mới biết rằng đối với đàn bà, anh có thể làm tất cả những việc tốt mà người ta có thể làm được... Mẹ anh cũng nhân đức lắm, thấy anh làm như thế thì chính mẹ anh cũng bằng lòng.

Đến tận lúc ấy, Hải mới biết cái đời của Trâm.

Trâm nói như thế này:

– Anh ơi, anh thì anh có mẹ, mà em, thì mẹ em chết từ khi em lọt lòng. Em không biết mặt mẹ một ngày nào. Vậy em không khóc mẹ em. Em ở với thầy em. Thầy em nghiện rượu và cho em đi hát. Em đã

hát ở Gia Quất và Ngã Tư một độ. Nhưng bởi vì chủ nhà xử với em khắc nghiệt quá, em bỏ trốn đi và em về ở với chị em, mở một ngôi hàng xén để sống cho qua ngày đoạn tháng. Và em đã lấy chồng.

Em không biết rằng chồng em có yêu em không: nó ác lắm, nó nghiện và đánh bạc. Khi nào không có thuốc cho nó hút hay không có tiền để nó đi đánh bạc, nó đánh em thừa sống thiếu chết và nó dọa bỏ em.

Nó hơi điên thì phải. Một hôm, nó quăng cả chồng bát vào đầu em, và hình như chưa lấy thế làm thỏa, nó lại lấy dao thái thịt dọa đâm em nữa. Mọi người can nó. Nó không đâm em được, nhưng nó đánh, đánh, đánh đến nỗi chị em bạn phải đưa em vào nằm nhà thương. Em hãy còn tật ở tay đây. Nhưng nó, thì nó bị vào nhà pha rồi, ba năm nữa mới được ra, bởi vì nó can vào một vụ đi lừa ôtô của một người Tây làm báo.

Hải nghe chuyện mà rầu rĩ cả tấm lòng. Chàng thấy tất cả những chuyện ấy vào tuổi ba mươi và gục đầu xuống bàn như Đức Phật khi thấy cõi đời là bể khổ. Đức tối cao tối đại ơi! Ở đời này nhiều tội lỗi thái quá, ở đời này nhiều sự làm nẫu lòng người quá. Ở dưới mắt ngài, có những đàn bà là tôi con của ngài. Ngài sinh ra họ và ngài đặt ở bên cạnh chúng tôi như một món ăn ngon. Họ trông đẹp quá, mỏng manh quá đến nỗi chúng tôi không dám mó tay vào. Đức đại từ đại bi ơi! Đức đại từ đại bi ơi! Ở dưới mắt ngài lại có những người đàn bà khác suốt đời không được một tình thương, một tình yêu nào cả. Đức đại từ đại bi ơi! Ví dụ như Trâm chẳng hạn: một người đàn ông cưỡi lên cổ nàng, đè lên vai nàng. Người đàn ông có nanh vuốt và đâm những nanh vuốt ấy vào người nàng để cho nàng không thoát đi đâu được. Nó bắt nàng đi. Nó ép nàng khóc. Nó đọa đầy nàng. Với tất cả sức lực của một đứa phàm phu, nó dìm đầu nàng xuống đất để cho kiệt sức như một con vật, để cho người đàn bà không ngửng lên được, không nhìn thấy giời nữa, không nghe thấy tiếng nói của ngài nữa. Đức đại từ đại bi ơi! Đức đại từ đại bi ơi!

Hải nhìn Trâm bằng đôi mắt chứa chan thương xót. Chàng không nói gì cả. Chàng cầm lấy tay nàng và nắm chặt lấy những ngón tay nàng như để truyền một tấm lòng thương bao la sang cho nàng, để mang ít an ủi cho nàng, để mang ít an ủi cho tâm hồn nàng.

Đoạn, hai người đau khổ ấy đứng dậy trả tiền rồi cùng đi. Ở ngoài phố, Hải giữ lấy tay Trâm, không cho ai đụng đến. Chàng cúi

mặt xuống với Trâm và nói hai câu tha thiết để tỏ cho nàng biết rằng chàng yêu nàng một cách xót xa.

– Em Trâm của anh ơi, em Trâm của anh ơi!

Trâm đi bên Hải và không nói gì. Hải lại nói:

– Anh yêu em đời đời. Em ơi, em sẽ sung sướng với anh. Em cứ để cho anh xử dần dần: thế nào đôi đứa mình cũng phải sum họp với nhau, em ạ. Anh sẽ có tiền, anh sẽ thuê nhà ở với nhau, chúng ta sẽ có con và anh sẽ về nói với mẹ cái cảnh tình của chúng ta và người sẽ nhận em là con dâu. Em ơi, em có biết rằng hiện bây giờ có lắm lúc anh thấy trái tim cô quạnh như muốn vỡ, tuy đã có hình ảnh của em. Chúng mình vẫn chưa được sum họp hẳn với nhau thì chúng mình còn khổ. Em phải biết một người đàn ông và một người đàn bà mà lại cùng chịu đau khổ với nhau thì sẽ sướng như thế nào!

Hải nói thế và nhớ lại lúc ngồi ở trong sở, những cái đầu quen thuộc hình như nói ở bên tai chàng: "Có một người đàn bà ở bên cạnh vẫn thú hơn, Hải ạ".

Hải nghĩ như thế và chia tay với Trâm ở đầu phố, đi một mình về nhà.

Chàng đi như hy vọng đi. Mấy người đàn bà trẻ tuổi nhìn chàng cười. Để ý đến làm gì! Hải bây giờ đã có Trâm rồi, chàng sẽ xây hạnh phúc với Trâm.

Chàng đi như hy vọng đi. Trâm sẽ có con. Chàng sẽ được tăng lương. Chàng sẽ có một cuộc đời đầy đủ.

Chàng đi như hi vọng đi, đi mãi cho đến lúc không còn hy vọng nữa. Ôi! Chàng đã hứa thuê nhà cho Trâm ở, chàng đã nói với Trâm rồi sẽ có tiền cưu mang nàng. Chàng biết bói đâu ra tiền ấy – chàng, một người thư ký kiếm chín hào một ngày?

Hải sầu rũ người ra. Chàng muốn ăn cắp, chàng muốn ở tù, chàng muốn chết, chứ không muốn nói dối một người đàn bà đau đớn như một vị thần đó. Chàng kêu lên:

– Tôi biết làm thế nào đây, hở Trời!

Hải ơi, ông bạn già của Hải đã chẳng bảo với Hải câu này hôm ăn phở tái rồi sao?

"Trời mưa rồi trời lại nắng. Trời chẳng phụ riêng ai hay hậu đãi riêng ai bao giờ".

Quả thế thật.

Đêm hôm ấy, Hải về nhà thì đã thấy rộn rịp về việc bà cô chàng chết để chúc thư lại cho riêng phần chàng nghìn rưởi bạc.

VII

Tự nhiên là Hải phải nói dối mẹ ở nhà. Một ngàn rưởi bạc hưởng được của bà cô, chàng nói dối mẹ là đem đi gửi ở nhà băng lấy lãi.

Mẹ chàng tin chàng lắm. Chàng rất khốn khổ vì chỗ đó nhưng chỉ ít lâu thôi. Sự vui thú, sự khoái lạc dần dần đem sự quên đến cho chàng, chàng chỉ biết có Trâm, chàng chỉ sống vì Trâm, chàng chỉ sống cho Trâm. Thảm hại! Người mẹ nào nuôi con cũng vậy. Tận tụy cả một đời để con khôn lớn nên người, đến khi nó hiểu sự đời một chút thì nó thương gái, yêu gái và đi với gái... Hải bắt đầu đi suốt đêm đã nhiều. Bà cụ già hơi nghi ngờ, có hỏi thì Hải lại tìm cách che đậy. Bây giờ, công việc bận quá, phải làm đêm ạ! Bây giờ, trong sở, người ta hay mời ăn cơm khách nên phải ngủ đêm nhà bạn ạ!

Chung quanh chàng, trong sở, người ta than thở bây giờ... (*Kiểm duyệt bỏ*)... cuộc sống thực là eo hẹp quá; ở nhà, mẹ già chàng còm cọm và em chàng thì đầu tắt mặt tối để kiếm thêm nuôi mẹ. Hải, Hải không nghe thấy gì cả, không trông thấy gì cả. Trưa nào, chiều nào chàng cũng phải gặp mặt Trâm. Không có thì nhớ lắm. Chàng nhớ bất cứ cái gì của Trâm bởi vì chàng yêu Trâm lắm lắm và Trâm yêu chàng lắm lắm. Bộ tóc mây khéo quấn lẳng lơ, da mặt thơm phưng phức, một chuỗi hạt ngọc xanh quấn cổ, cái áo mùi, cái quần xa tanh gấu có viền đăng ten..., một cô tân thời đặc! Một cô tân thời đặc! À! Trâm đã nói đúng. Trâm không phải là một người đàn bà ta gặp luôn luôn ở quanh mình. "Anh Hải ơi, anh ôm lấy em đi" nàng rỉ vào tai Hải. Hải ôm lấy nàng. "Anh Hải ơi, anh ôm thật mạnh vào". Hải ôm Trâm thật mạnh. Trâm yêu Hải lắm lắm, bởi vì Hải chiều Trâm, bởi vì Hải có tiền, bởi vì Hải không từ chối cái gì với Trâm bao giờ.

Xem ngay cái gác Trâm đương ở bây giờ thì biết.

Thoạt tiên, không phải Trâm và Hải tìm thấy cái gác này ngay đâu. Họ đi xem nhà đã chán rồi. Một ngày... hai ngày... ba ngày... Hải muốn cho công việc chóng xong, kiếm một cái gác độ mười lăm

đồng cũng được. Trâm thì Trâm nhất định không nghe, cái thì chê là chật quá, cái thì kêu là tối quá, nàng lấy làm buồn lắm. Hải thấy thế không đành lòng bèn thuê ngay một cái gác hai mươi đồng, có đủ cả nước và điện. Trâm cười ngay, và hôn Hải, bởi vì Trâm bảo: "Thà về nhà quê mà ở, chứ đã ở Hà Nội thì phải cho ra hồn không có chúng bạn họ cười cho thì nhục".

Tủ, giường, bát, đĩa, chăn, màn, chậu, vân vân lục tục sắm một ngày... Rồi xếp, rồi dọn, rồi lau, rồi chùi, rồi rửa, thế là cái gác Trâm ở đã thành ra một cái gác xinh xẻo, cái gác của ái tình. Mặt trời chiếu vào những cửa kính có màn xanh. Không khí ở trong phòng, vì vậy, là không khí dịu dàng và sạch sẽ. Thế rồi thì, ở sau những cái cửa sổ sơn xanh lại bày hoa rất nhiều hoa có những màu sắc đẹp hơn cả sơn ở tường. Người ta mới vào chưa biết là hoa gì đâu. Có mở hẳn cái màn ở cửa lên mới biết và như thế thì thú lắm. Người ta phải tìm từng cái tên hoa. Chỉ một lúc, người ta biết ngay rằng những cái hoa ấy là "la giơn", là "mõm chó" hay là "thược dược".

Này, mở to cái cửa sổ ở bên tay phải ra đi. Ôi! Ánh sáng, ánh sáng sao vào mà nhiều thế. Ánh sáng vào như một cái cổ tay trắng muốt, ánh sáng chảy khắp phòng... Ấy thế mà, ngoài ánh sáng ra, lại có cả một cái giường to, trải đệm trắng nữa: thực có thể quên đời được. Cái giường ấy thấp, làm bằng một thứ gỗ bóng lộng lên và có những cái diềm bằng một thứ đăng ten lạ. Thực là phải quá: người ta phải coi trọng giấc ngủ cũng như là miếng ăn vào miệng. Trông thấy cái giường, người ta thích đời ngay: cái giường ấy không những giơ tay đón ta nằm một cách êm đềm, nhưng lại làm cho ta quên hết cả, chỉ nhớ lại có mỗi một cái bụng người đàn bà giăng gió trai lơ.

Hải nằm ở cái giường ấy vài tiếng đồng hồ xong, đứng dậy, hơi mệt nhọc một tí thôi, ra dựa vào cửa sổ nhìn sang cái vườn hoa dãy phố trước mặt thì lại càng thú nữa. Phong cảnh ở trước mắt lúc nào cũng đẹp. Buổi chiều cũng như buổi sáng, những con chim chuyền cành nọ sang cành kia như để hớp vội lấy một tia sáng nó luồn qua kẽ lá rồi bay đi một chỗ khác luôn luôn kêu "chích chích". Chích chích! Chích chích! Chim ơi, có phải mùa xuân đã lại ở phía ngoài không? Mùa xuân đầm ấm, mùa xuân tươi tốt! Những cây lan tiêu đã chớm lộc non từ mấy hôm nay; những tàu lá xanh dầy quá; những mùi thơm ngào ngạt bay lững lờ trong không khí. Thực là mùa của ái tình. Hải lơ đãng nhớ lại đã bao nhiêu ngày như thế này, đã bao

nhiêu mùa xuân vui thú như thế này, chàng đã hao phí bỏ qua, hiện giờ không để lại một chút kỷ niệm êm đềm nào cả. Hải muốn sống quá! Chàng muốn "sống" thế nào để gỡ lại những mùa xuân đã mất, những mùa xuân không ai săn sóc cả, những mùa xuân không có ai yêu cả.

– Mùa xuân này thì...

Trời đã chiều. Phố xá đã bật đèn. Một ngọn gió mát đưa vào phòng; ở xa xa có một tiếng đàn thánh thót. Một đêm của sự yêu đương. Chàng kéo màn xuống, chàng muốn đóng cửa vào. Ở vườn hoa phía trước mặt chàng, những cặp nhân tình trẻ tuổi đi đi lại lại. Hải nhìn thấy bóng họ ở trong những bụi cây um tùm, ở trên những ghế đá, chân tay quấn lấy nhau, như chỉ có một người. Những cảnh ấy, một người cô độc cho trông thấy, tất phải thèm.

Không, Hải đã có Trâm bên cạnh. Trâm, với tất cả những cái liếc ưa nhìn, những cái uốn éo não nùng, những cái hôn nồng cháy như ăn thịt... Chàng muốn suốt đời ở cạnh Trâm mà tiếc thay, không được. Bởi vì mẹ chàng độ này thấy chàng thẫn thờ và về khuya luôn đã đâm nghi lắm lắm rồi, bà khuyên giải chàng xa xôi, nhưng những lời của bà cụ đã nhìn thấy gần hết cuộc đời rồi, bây giờ sắp chết, cũng không thể giữ được con như trước. Tuy vậy, Hải cũng thưa những cuộc gặp gỡ đi ít nhiều. Những đêm phải ở nhà với mẹ, với em như thế, Hải bực dọc lắm, Hải không muốn nói gì và làm gì. Sáng hôm sau, đi làm, chàng quành lối này quành lối khác để nhìn lên cái gác mà chàng thuê cho Trâm ở và cái cửa sổ của căn buồng mà nàng đã ngủ đêm qua một mình. Đôi khi, Trâm đã dậy thực sớm mà đứng đợi chàng ở đó rồi. Nàng cười và lấy cái bàn tay xinh xẻo ra vẫy chàng và hôn gửi một cái hôn đỏ thẫm. Có khi nàng bảo: "Trưa, đi làm về, mình về với tôi nhé. Tôi có chuyện này lạ lắm". Có khi nàng lại làm ra dáng nũng nịu, vừa thấy chàng thì quẩy quả đi vào, hai cái tay trắng mịn thò ở cái áo cánh lụa, vất vẻo như đuổi mà lại như mời vậy.

Tức thì, trái tim của Hải phồng lên, rực lên; chàng có cái ý muốn bỏ hết cả công việc làm ăn, bỏ cả sở, để trèo như bay lên gác. Hải đã có phen làm như thế. Hôm sau, chàng đến xin phép chủ và nói dối là mẹ ở nhà ốm nặng.

Bao nhiêu anh em làm trong sở, thấy một sự thay đổi lớn lao như thế ở người Hải, hỏi dò nhau và bàn tán... Họ cố cắt nhau đi "do thám" và, chỉ một tuần lễ, họ đã tìm ra sự thực.

Một người nói:

– Này, có đông đủ anh em đây, tôi nói để anh em cùng biết. Anh nào có vợ thì không nói gì chứ anh nào chưa vợ, mà có nhân ngãi, nếu cứ lặng im không nói rõ tên, rõ tuổi, rõ cửa, rõ nhà thì tôi "chim" mất, đừng có oán!

Hải lặng cả người đi. Chàng trằn trọc đến một giờ đêm mới ngủ. Sáng hôm sau, chàng nhớ ra rằng từ khi được hưởng gia tài của bà cô, chàng chưa mời anh em chén lần nào. Chàng bèn viết mấy chữ truyền cho tất cả anh em trong sở.

Thưa các bác,

Tôi có việc vui mừng riêng, có chén rượu nhạt, xin các bác hạ cố xơi rượu với tôi thì tôi lấy làm may lắm lắm.

Ký tên

T.B. – *Chúng ta họp mặt ở khách sạn X phố Hàng Buồm.*

Ăn uống xong đâu vào đấy, Hải hút một điếu xì gà và nói:

– Tôi không dám giấu gì các bác. Xin nói để các bác biết: Trâm là vợ sắp cưới của tôi, các bác có gặp thì xin coi như anh em trong nhà vậy.

Vợ sắp cưới! Vợ sắp cưới!

Anh em nghe Hải nói đều phá lên cười một loạt. Họ đã biết cả Trâm rồi. Trâm chỉ là một gái chơi đã lũa. Còn ai lại bị nó đánh lừa được nữa.

– Bác Hải, bác nói đùa đấy chứ? À! Trâm nào nhỉ... Trâm... Gậm Cầu, thì còn ai lạ gì.

Những lời nói của bạn bè Hải không khác gì nhát búa. Hải nghe mà chết điếng cả người, chàng muốn nôn hết cả những thức vừa ăn ra, chàng muốn bị một bệnh thật nặng để chết ngay lúc ấy.

Khinh bỉ vợ chàng đến thế là cùng! Làm nhục chàng đến thế là cùng! Hải không biết nói gì cả, đi về nhà và lại thấy càng thương Trâm.

Nửa tháng sau, trong khi anh em đương làm việc ở trong sở, Hải, trịnh trọng, lại mời anh em đi ăn và nói rằng:

– Hôm qua, tôi có một người bạn ở Nam Định lên chơi. Anh ta nói chuyện với tôi nhiều lắm và nói cả về đạo nữa. Tôi không biết có phải anh ta rủ tôi đi đạo không. Nhưng lúc ra về, anh ta có cho tôi

mượn cuốn Kinh Thánh dịch ra Quốc ngữ. Tôi buồn lắm, có giờ ra xem một đoạn. Đoạn ấy đại khái thế này:

"Một hôm, người Pharisi mời đức Chúa Giêsu đến ăn cơm ở nhà. Đức Giêsu nhận lời đến ăn. Đương ăn nửa chừng thì có một người đàn bà tính hạnh rất xấu – cả vùng ấy ai cũng biết người đàn bà ấy là một người đàng điếm trai lơ – đội một bình dầu thơm đến quỳ khóc dưới chân Ngài. Nước mắt của người đàn bà ấy rỏ xuống ướt cả chân Chúa. Người đàn bà ấy lại lấy dầu thơm trong bình để rửa chân cho Ngài.

Người Pharisi mới nghĩ thầm: Nếu Chúa Giêsu là người của Trời thì tất phải biết người đàn bà ấy xấu tính như thế nào?

Chúa Giêsu bèn nói: Hỡi Simông! Hãy nghe ta nói. Có hai người cùng nợ của một nhà giầu kia. Một người nợ năm trăm đơniê. Một người nợ có năm mươi đơniê. Hai người đó cùng không có tiền để trả. Chủ nợ cho cả không đòi ai nữa. Hỡi Simông! Trong hai người không phải trả nợ đó, người có biết ai yêu mến chủ nợ hơn không?

Trả lời:

– Người nợ nhiều hơn tất phải yêu mến chủ nợ hơn.

Chúa Giêsu bèn rằng:

– Phải đó. Người đàn bà xấu nết này tin tưởng và yêu mến ta hơn người. Cái lòng tin ấy sẽ tha thứ cho nó. Cái lòng yêu mến của nó sẽ làm cho nó trong sạch ra. Người không quỳ ở chân ta và rửa chân cho ta. Nó thì nó nằm ở dưới chân ta và rửa chân cho ta bằng dầu thơm. Bao nhiêu tội lỗi của nó đều được tha thứ hết".

Hải nói xong, nhìn hết cả mọi người một cách tự phụ.

Sự thực, cái học và cái biết cho chàng hiểu hết cái uyên thâm ở trong câu chuyện ở trong Thánh Kinh. Nhưng chàng đọc và nhớ lại để đem ra kể cho bạn chỉ cốt là để bênh vực Trâm và trả thù mấy anh bạn hôm nọ đã chế nhạo chàng.

Và chàng lấy làm thỏa mãn lắm. Chàng muốn tìm ở trong cái tình của chàng yêu Trâm một ý nghĩa cao thượng.

VIII

Trong khi ấy, Trâm đặt chàng lên một cỗ xe của Dâm Thần có bốn ngựa kéo đi.

Má Hải hóp, lưng Hải còng, con mắt chàng lờ đờ, chàng ba mươi hai tuổi mà người ta ngỡ là bốn mươi nhăm. Chàng ốm đau luôn. Chàng thường thường lại đến xin ông chủ nghỉ. Người ta gặp chàng lúc nào cũng cặp kè lấy Trâm.

Một hôm, có một người bạn trong sở đi chơi ở Hàng Khay và nhìn chung quanh mình. Bỗng anh ta thấy một cặp khoác tay nhau đi giữa đám Tây đầm, mà người đàn bà thì tuyệt: một phần người ở trong lụa, một phần người ở trong nhung và còn lại thì là ở trong ngọc, vàng. Chính thế! Người đàn ông đó là Hải vậy.

Hôm khác, có người bạn khác làm một việc mà đàn ông, suốt một đời, thế nào cũng phải làm một bận: vào một tiệm nhảy, uống một ly rượu mạnh. Gái nhảy dập dìu. Các bà sang trọng dắt tay chồng đi lượn theo điệu kèn.

– Tôi nhìn cẩn thận lắm. Tôi không lầm: người đàn ông đó chính là Hải vậy.

Lại có một người trẻ tuổi nọ, một buổi trưa mùa nực ra Đồ Sơn để tắm. Trong khi anh ta đương di chân xuống cát để giết chết những con dã tràng, một người bạn níu anh ta lại:

– Anh! Anh có thấy con Trâm với thằng Hải không?

– Có, khỉ ạ. Và tôi bảo nó: "Thế nào? Anh không đi làm à?" Nó trả lời tôi: "Chán chết!"

Cũng có hồi mà không gặp Hải và Trâm đâu cả.

Những người nào đã thấy họ, lúc ấy, mới lên tiếng rằng:

– À! Các bác ạ, tôi cứ quên mãi, bây giờ có nói thì mới lại sực nhớ ra. Con Trâm, con Trâm nó vẫn cứ quấn lấy thằng Hải của chúng mình như thể con móc rách. Tôi thấy thế bèn hỏi Hải xem đến hôm nào nó mới lại đi làm, thì con đĩ ngựa ấy nó cướp lời mà trả lời thế này: "Gớm! Sao mà bác ác thế? Bác định để cho em trơ trọi một mình hay sao?"

– Không, không, Trâm ơi, Hải đời nào lại để cho Trâm trơ trọi một mình cho Trâm buồn.

– Ừ. Nếu mình không muốn cho tôi buồn thì từ giờ chiều chiều mình phải dắt tôi đi chơi mát lấy không khí. Như thế, chúng ta sẽ ăn được và ngủ ngon.

Trâm là một người đàn bà nói là làm luôn. Nàng nhanh nhẹn lắm, nói thì ít nhưng mà nói đâu ra đấy.

Cuộc đi chơi của họ giản dị lắm. Một người đứng đắn đến đâu mà thấy họ đi như thế cũng không thể bảo là chướng mắt.

Họ đi và họ nhìn chung quanh họ. Rất nhẹ nhàng. Trâm thỉnh thoảng mới chêm vào một câu:

– Mình ạ, lắm lúc nghĩ cho thực kỹ thì Hà Nội cũng có nhiều cái lạ lắm.

Nàng ghì lấy tay Hải, đi sóng đôi với chàng.

Một lát sau:

– Nói đến những cái lạ, em mới lại sực nhớ ra. Ở kia, anh ạ, có một đôi dép đỏ, gót cao, trông thực lạ lắm, mình cứ tưởng tượng nếu đi vào thì mát lạnh cả chân.

– Ơ! Em thích à? Bao nhiêu?

– Úi giời! Đắt lắm! Thôi, mua làm gì cho tốn tiền. Thế nhưng mà nhân tiện ta đi qua đây, chúng ta cũng cứ thử vào xem nào. Anh chưa đói chứ? Em chắc là anh mà trông thấy đôi dép đó thì "mê tít cù lỳ" đi ngay...

Chàng là một người lịch thiệp:

– Anh đã thích thì ắt em phải thích. Không thích, em cũng phải chiều anh mua đôi dép này.

– Gớm! Mình... sao mình tình tứ thế? Ừ thì mình mua đi, cần gì!

Những buổi đi chơi sau, Hải nói trước:

– À này! Có hàng bán coóc – sê đẹp chưa này. Em có muốn mua một chiếc không? Mua đi, rồi chúng mình đi ăn.

– Thôi, tôi lạy mình. Mình phí phạm quá. Đi ra đằng này, đi.

Bởi vì Trâm đã cho là phí phạm, Hải mua ngay cả coóc – sê đắt tiền nhất cho mà xem.

– Không sợ, không sợ. Cái tình ở với nhau là quý, chứ đồng tiền, anh không cần!

Trâm đánh đu vào tay Hải:

– Mình ơi, mình yêu quý ơi... Mình yêu em lắm nhỉ, em sẽ đền mình nhé...

Những câu chuyện của Trâm và Hải nói trong những buổi đi chơi mát đại khái đều như thế cả. Nói xong rồi, tiền trả rồi, họ lại đi như không có gì xảy ra.

Vào hồi ấy, Hà Nội có những ngày rất đẹp, không nắng, không mưa, không gió – những ngày êm dịu, đi ngoài đường mà tưởng như là ở trong nhà. Người ta không thấy mặt trời. Chỉ ở trên ngọn cây cao lắm mới có gió gieo vào những lá cây xanh rờn: người ta bảo đó là mùa thu sắp tới. Đi quanh quẩn và đi bước một ở giữa sự vật mà người ta trông thấy là một việc rất nên thơ.

– Cửa hàng ở bên trái, cửa hàng ở bên phải, cửa hàng ở trước mặt, cửa hàng ở sau lưng. Chúng ta lại xem đi.

Hải đã nói đúng. Hà Nội có lắm cửa hàng thực. Những cửa hàng ấy phần nhiều là để cho đàn bà dùng. Hình như bởi tại đàn bà thấy nhiều sự cần dùng hơn đàn ông. Có thứ dù bằng lụa vạch tím trông rất đẹp; có thứ quần đùi nhỏ bằng bàn tay nó làm cho bà có cảm giác rằng trước khi bà mặc nó, bà không biết một vài đức tính của bà; có thứ nhẫn đeo vào ngón tay một tí thì thấy mình có giá trị nhiều hơn lên. Ngoài những thứ ấy ra, về riêng phần Hải, Hải lại thấy những cửa hiệu ấy có những ca vát tốt khác hẳn những "ca vát rayonne" chỉ có đồng hai một cái. Có những thứ lược bằng sừng mà trong suốt như thủy tinh; có những thứ "eau de cologne" để xức tóc bởi vì lúc nằm giường hay lúc đi lại tóc cũng phải cho thơm và mượt.

Chứ không ư? Người đàn ông, ở ngoài phố, cũng cần phải ăn bận cho xứng đôi với vợ hay nhân tình...

Thật là một thời kỳ đẹp đẽ nhất trong đời người. Chân thì đặt ở giữa đất Hà Nội mà mắt thì mở to nhìn ánh sáng, Hải thấy mình ít ra cũng là một kẻ có nghĩa lý trên trái đất, có đâu như những bè bạn của chàng, mới đi hát được dăm bảy chầu chay rồi về ăn cơm với rau cải mà đã tưởng là sống một cách "ông hoàng" lắm.

Hải đã biết: trong bọn bạn làm cùng sở với chàng, cũng có lắm người đủ ăn không đến nỗi nheo nhóc lắm. Có người bây giờ thỉnh thoảng đi xem hát; có người, mỗi khi mùa xuân đến, lại xin phép nghỉ một buổi để đi hội Lim tròng ghẹo đàn bà, con gái ở Chợ Dầu, Đình Bảng. Có người, mỗi kỳ lĩnh lương, lại chơi ngông, cổ động bạn

hữu chung tiền lại để đi nhảy đầm đến một giờ sáng mới về; có người lấy vợ lẽ cô đầu giấu một chỗ mà lại có con, mỗi khi có xu thì lại ra những hiệu tạp hóa mua một cái vú bò cho con ngậm; có người, vì một sự tình cờ, một bữa ở sở ra, gặp một người đàn bà trẻ tuổi rồi cùng với người ấy, cả đêm hôm ấy, đi đâu không biết...

Bao nhiêu người... bao nhiêu chuyện!

Nhưng bao nhiêu người ấy, sao cho bằng Hải được? Hải đã bỏ xa họ quá. Chỉ dăm bảy năm của Hải bằng anh em sống cả một đời người: Hải đã đi xa hơn nhà hát, Hải đã đi xa hơn cả Chợ Dầu, Đình Bảng, Hải đã đi xa hơn sự tình cờ, Hải đã đi xa hơn cả bất cứ đâu nữa.

Hải đi xa vậy và hình như sẽ không ngừng lại bao giờ. Anh em trong sở, thấy thế đem ra bàn luận:

– Nói láo. Rồi nó cũng phải có ngày ngừng lại chứ!

– Chưa chắc.

– Ừ, anh bảo nó ngừng lại thì nó ngừng lại ở chỗ nào?

– Chỗ chết!

IX

Những người đã nói như thế không phải là những người nghĩ rộng.

Giam kín mình trong bốn bức tường, mà hàng chục người khỏe mạnh chỉ có chung nhau độc một cái cửa sổ để hít thở không khí của Trời cho, họ làm sao mà có đủ một cái trí khôn tốt lành để xét đoán những việc tầy trời có quan hệ đến sự sống, chết của người ta được.

Không, không, Hải có chết đâu. Hải sống, với tất cả nghĩa của sự sống. Cứ nhắm mắt mà nói thì người ta cũng có thể biết là Hải chưa chết được.

Trái lại, và một chứng cớ:

Sáng nay, đến sở, Hải đã cho một người bạn ngồi gần mượn một cái tẩy chì. Chàng không cầm từng quản bút một đặt lên bàn, nhưng cầm một lúc cả ba quản bút. Cái nhựa chảy trong người chàng mạnh mẽ thay, chàng quay bên phải, chàng quay bên trái, chàng không làm gì cả, chàng nghĩ, chàng cười, chàng chống tay vào hai má.

Thì ra Hải có một mối băn khoăn trong lòng.

Nguyên do thế này:

– Cái nhà mà Trâm ở, có ba gian. Gian dưới thì người đứng trưởng nhà ở với một bà vợ béo ghen như sư tử và có một đàn con trứng gà trứng vịt. Hải không lấy gì làm sợ cả.

Cái gác Trâm ở trông ra một cái vườn hoa, cái đó đã đành rồi.

Nhưng gian thứ ba... gian thứ ba. Một bọn học trò chung tiền thuê ở đó với nhau. Họ có cả thẩy bốn người. Bốn người còn trẻ cả, trông xinh trai cả. Bốn người ấy là bốn người của Đời Mới và có những con mắt lẳng và chẳng có lấy một mống ái nam ái nữ. Bốn người ấy nhảy đầm, hát tiếng Tây mà mỗi khi thấy gái đều lấm lét như thể mèo thấy mỡ.

Tuy vậy, những cái đó vẫn chưa quan hệ.

Cái quan hệ là bốn người ấy lại có mỗi người một cái miệng để cười.

Mặc chúng! Cái đó cũng chưa quan hệ lắm.

Cái quan hệ lắm lắm là cái miệng của chúng lại để cười với Trâm mà Trâm thích! Mà Trâm lại cười với chúng!

Ai còn biết lúc vắng mình thì chúng nó còn làm với nhau những trò gì? Hải thấy thế không thể nào chịu được. Trâm đã dạy chàng lắm điều hay: cái da bụng của nàng rộng rãi lắm, một bàn tay che không đủ. Hải không ngủ gật. Hải cũng biết ghen. Chàng bèn khinh bỉ tất cả bọn bốn anh học trò mất dạy. Nhưng thế cũng chưa đủ. Buổi sáng hôm ấy, chống hai tay vào má để ngồi tính toán chuyện đời, chàng bèn nghĩ ra một kế và chàng sung sướng lắm. Ngay buổi chiều hôm ấy, chàng thắt cái ca vát cẩn thận, đến tìm vợ chồng ông chủ nhà dưới mà nói rằng:

– Thưa ông bà...

Hai vợ chồng người chủ nhà mời Hải ngồi chơi ở ghế.

Không đợi cho họ mời chàng xơi nước, Hải nói tiếp luôn:

– Thưa ông bà, "nhà tôi" hãy còn trẻ người non dạ. Cái tính nó hay la cà, nhờ ông bà coi sóc giúp hộ tôi và khi nào nó có xuống dưới này chơi thì ông bà cũng làm ơn lấy lời phải trái mà khuyên hộ.

Hải lấy làm thú lắm. Như thế, chàng không phải băn khoăn nữa. Bởi vì hai vợ chồng ông chủ nhà sẽ bảo riêng cho chàng biết về cái

tình của Trâm đối với chàng, và "nói dại đổ đi" ngộ Trâm có đi chơi khuya, hay bậy bạ gì thì Hải biết, không tài nào giấu được.

Chàng nghĩ thầm: "Ở đời, phải khôn thế mới sống được. Hàng ngày mình đọc báo chẳng thấy chán vạn anh ngờ nghệch, không biết cách giữ vợ nên mất vợ như chơi là gì!"

Hải nghĩ như thế là nghĩ xa. Thực ra, chàng không thể nghi ngờ Trâm điều gì cả. Phải, phải, nếu Trâm có hay cười và trò chuyện với bốn người học trò ở cùng nhà, đó cũng chẳng qua là nàng vui tính mà thôi. Hải là bạn lòng của Trâm, một kẽ tóc chân răng của nàng, chàng cũng biết: Trâm không phải là một người bậy bạ. Cái tính đằm thắm của nàng, những sự chiều chuộng chàng ở trên giường, những cái thở dài, những con mắt... những con mắt, không thể làm cho ta nghi ngờ một tí gì. Chàng nghĩ như thế và chàng chắc lắm bởi vì chàng có chứng cớ. Chứng cớ ấy là: Hải chưa bắt được quả tang Trâm phụ tình ở trên giường của nàng hay trong một căn phòng cho thuê bao giờ.

Hai tháng qua đi. Những cây phượng vĩ ở trước cửa Trâm đã bắt đầu đâm nhiều lá xanh non và những cánh hoa đỏ như là máu ở tim đã nở và đã rụng ở trên những thảm cỏ xanh. Ve kêu óng ả: mùa hè đã đến từ lâu rồi. Người ta nặng nề, mệt nhọc và lười biếng. Mẹ Hải cũng vậy. Bà cụ già đã bảy mươi tuổi đầu rồi mà vẫn còn phải lam lũ làm ăn, mùa hè năm nay, thấy trong người suy quá. Bà ăn uống kém đi. Hai ngày lại một chén thuốc. Tuy là mê gái đã quá độ rồi, Hải cũng không thể bỏ mẹ ở nhà với các em mà đi, đi biền biệt như trước nữa.

Hải phải ở cạnh mẹ và có hôm cách một ngày mới lại đến Trâm một lần.

Một hôm, vừa đến cửa nhà Trâm ở, chàng vội vàng sắp trèo thang lên gác – vì đã bốn mươi giờ đồng hồ rồi, chàng chưa được gặp Trâm – thì bà chủ nhà gọi giật Hải lại và nói:

– Bà nhà vừa đi khỏi, có dặn tôi nói hộ với ông độ năm giờ mới về được, bởi vì bà nhà phải đi đốc tờ xem mạch.

– Nhà tôi làm sao thế, thưa bà?

– Thế bà nhà không nói chuyện với ông sao? Nghe đâu bà mệt lắm nên đã hai tháng nay cứ độ vào khoảng từ hai giờ đến bốn, năm giờ gì đó thì lại đi đốc tờ...

Bà chủ nhà đã đứng tuổi và khôn ngoan lắm nên rất giữ gìn lời nói. Bà đã ngần ngừ biết bao lần. Bà thừa rõ Hải là một gã mê gái lắm. Nhưng... nhưng... bà thương Hải bởi vì Hải hiền lành, Hải thực thà, Hải ít lời, bà muốn, – là lần đầu mà cũng là lần cuối – bảo một cách xa xôi cho Hải biết để mà chàng mở mắt ra.

Nghe nói thế, Hải nhắm mắt lại mà cười:

– Thưa bà, ấy, nhà tôi nó tốt thế đấy. Nó ốm lơ ốm lửng mà không nói cho tôi biết chỉ là tại nó sợ tôi lo phiền.

Bà chủ nhà "vâng" một tiếng bình thản rồi lại cúi xuống ăn trầu. Cái đời nó thế, nó muốn ra sao, mặc nó.

Trước khi Hải đứng dậy xin phép để ra về, bà chủ lại nói thêm:

– Thưa ông, thế cụ nhà ta, mấy hôm nay đã được mạnh chưa?

– Cám ơn bà, cụ cháu đã khá, nhưng vẫn còn phải uống thuốc.

– Các cụ mỗi tuổi mỗi già. Nếu ông cho bà nhà ta được hầu hạ cụ, để cho ông đỡ vất vả chút thì có phải là hơn không?

Hải nói:

– Thưa bà, tôi cũng đương nghĩ thế. Nhưng để còn phải liệu.

Sự thực, việc ấy, Hải đã liệu từ lâu. Chàng đã biết bao lần dò ý mẹ chàng, mẹ chàng lần nào cũng nói như lần nào: "Con là con trai đã lớn tuổi rồi. Con cũng nên nghĩ đến chuyện gia thất để cho mẹ còn được một chút cháu để bồng. Còn các em con đấy, mẹ nẫu cả ruột gan, con ạ. Con cái đã lớn rồi mà chưa đứa nào nên thân người... ". Những câu nói ấy, những khi nào Hải một mình, chàng thường nhắc đi nhắc lại một cách buồn rầu. Biết bao nhiêu lần chàng đã định quả quyết về nói hết cả tình đầu với mẹ để xem mẹ thương phận nào thì được nhờ phận ấy. Không ngờ... thực không ngờ, ngồi mà nghĩ một mình thì dễ, mà về nhà gặp mẹ thì khó hở môi ra, thành thử Hải cứ trùng trừ mãi, chưa nói được. Sau cùng, chàng cũng chẳng để ý đến việc nói với mẹ cho Trâm về hầu hạ nữa. Bởi vì, chính Trâm, nàng cũng có vẻ không muốn về làm dâu bà cụ.

Trâm nói:

– Anh ơi! Chúng ta như thế này chẳng sung sướng rồi sao? Có gì anh lại cứ phải nói với mẹ cưới em mới được?

Trâm nói rất phải: cưới nhau nghĩa là gì? Cưới nhau là lấy nhau về để ở cạnh nhau. Mà Hải với Trâm, thì Hải đêm nào và ngày nào chẳng ở cạnh Trâm.

Vả lại, tự mình sinh ra những việc khó khăn để làm gì? Ai mà chẳng còn biết ở nước mình, vấn đề mẹ chồng nàng dâu là một vấn đề rất khó giải quyết? Hai hạng người đó ở thời nào cũng như nước với lửa, mặt trăng với mặt trời. Họ coi nhau như quân thù. Ở giữa hai người ấy, chỉ anh đàn ông là khổ: được lòng vợ thì mất lòng mẹ, mà được lòng mẹ thì mất lòng vợ.

– Ô thế thì khổ quá! Thế thì khổ quá!

Hải đã nghĩ như thế và Hải đã cho thế là chí lý.

Nhưng bây giờ, chàng thấy như thế mãi không được nữa. Không được nữa, bởi vì chàng ghen Trâm, sợ những lúc vắng mình, Trâm bậy bạ, cái đó đã đành rồi. Nhưng sự quyết định hôm nay có một cớ khác mà cớ ấy mới là cớ chính: ngàn rưởi bạc của Hải đã gần hết, chỉ còn có vài trăm thôi!

Chàng đã giật mình khi thấy túi tiền. Túi tiền một khi đã hết, chàng biết bói đâu ra để thuê nhà cho Trâm ở nữa, để cung phụng Trâm nữa và để sống với nhau như trước nữa?

Đã đành là Hải còn có lương mỗi tháng. Mỗi tháng, bây giờ, chàng đã được ba mươi bảy đồng lương thật, nhưng chàng còn em chứ! Chàng còn mẹ chứ! Chàng còn phải đưa cho nhà để đóng họ đã mua sổi những lúc chưa có việc làm ăn chứ!

Hết vài trăm bạc còn lại, Hải không còn biết trông vào đâu nữa. Cái việc nói với mẹ cho Trâm về hầu hạ ở nhà và đỡ đần công việc làm ăn buôn bán là một việc cần.

Chàng đi một mình ở chung quanh bờ hồ. Chàng nghĩ những câu nói đáng thương để làm lay chuyển lòng mẹ.

X

Tối hôm ấy, ăn cơm xong, trong lúc các em chàng bật đèn lên để ra ngồi trông hàng, Hải rót một chén nước và đưa một cái tăm cho mẹ.

Đoạn, chàng chắp tay, lại gần mẹ, ngập ngừng nói một câu như thế này:

– Thưa mẹ, con có một chuyện muốn thưa với mẹ.

Rồi quả quyết, can đảm, Hải không đợi cho mẹ hỏi, nói luôn về câu chuyện của chàng. Giọng chàng run lên, môi chàng mấp máy,

tiếng nói của chàng nhỏ rồi sau to dần dần. Chàng có lúc tưởng rằng mẹ chàng sắp ngăn trở duyên chàng, chàng cần phải bênh vực hạnh phúc, chàng đã ba mươi mốt tuổi, chàng có quyền, chàng có tự do của chàng.

Bà cụ già nghe nói, im lặng. Mắt bà như ứa lệ, vì sung sướng cho con hay là lo sợ cho con gặp một người vợ không ra gì?

– Thưa mẹ, con là con của mẹ, con không dại gì đâu mà mẹ sợ. Sở dĩ con chậm lấy vợ, đó chỉ tại vì con muốn kén chọn cho thực kỹ mà thôi. Đời bây giờ, con đã biết, phân biệt vàng thau khó lắm. Những người đáng làm dâu của mẹ thì ít có, chứ những đồ ăn hại thì nhiều. Bộ cánh tân thời thì chẳng còn ai bằng, nhưng đến công việc thường thức ở trong nhà như thổi nồi cơm cho chín, quét cái cửa cái nhà cho sạch thì thực cũng chẳng lấy gì làm nhiều cho lắm. Ấy, con ngần ngừ mãi về chỗ đó. Bây giờ, con mới dám nói với mẹ là bởi con đã xem xét nó kỹ lắm rồi, con không thể lầm lẫn được...

– Thế bố mẹ người ta làm gì, hở con?

Hải hơi ngần ngừ một lát:

– Bố mẹ nó chết cả rồi, nó ở với dì ghẻ nó ở nhà quê. Bà dì ghẻ ấy ác nghiệt, nó không chịu được nên bỏ nhà ra tỉnh đã lâu nay rồi. Nó ở thuê một cái gác nhỏ và ngày ngày vẫn khâu áo trẻ con và ca vát để bán cho những hàng tạp hóa.

Hải lại nói dối mẹ. Chàng đành lòng về câu nói dối ấy lắm, nhưng mà người mẹ già kia, tuy thế, cũng thấy phân vân trong bụng.

– Mẹ sợ cho con lắm... Người hay thì ít mà kẻ dở thì nhiều...

Hải tìm đủ lý lẽ để làm xiêu lòng mẹ. Chàng nói, cảm động và thiết tha đến nỗi, chính bấy giờ, chàng tưởng như Trâm ở bên cạnh, nghe những lời nói và gật đầu khuyến khích. Đợi một chút nữa, Trâm ơi, mẹ trả lời một tiếng, chúng ta sẽ đường hoàng là một đôi vợ chồng. Trâm sẽ không phải chờ mong chồng ở căn gác quạnh hiu kia nữa, Trâm sẽ về cái nhà của chúng ta để ăn ở với nhau, và rồi Trâm sẽ là một người đàn bà được người ta kính nể như là mẹ bây giờ vậy.

Hải nói:

– Thưa mẹ, vậy mẹ định đoạt cho con thế nào?

Những lời nói cảm động của đứa con mà bà cụ già sắp chết đó chắt chiu từ thuở bé không làm cho bà cụ dùng dằng được nữa. Bà cụ

thương con và hy sinh suốt cả một đời rồi, bây giờ chẳng lẽ lại làm trở ngại một việc, mà lại là việc trăm năm của nó? Khó lắm, trời ạ!

Không để thư thả mà xem xét, ngộ nó lấy phải vợ dở thì khổ cả một đời nó, mà nếu mình kén chọn cho nó một đám theo ý mình thì đời bây giờ lại bảo là ép duyên.

– Hải ơi, con nói thế thì mẹ biết thế. Mẹ nuôi con cho khôn lớn nên người, mẹ thương con như trời bể, con cũng nên để cho mẹ được ngậm cười chín suối, không vì chuyện con mà nhắm mắt không yên. Vậy thì việc trăm năm của con, con nên nghĩ rất kỹ càng. Đời mẹ thì chẳng còn bao lâu nữa, nhưng mà đời con thì còn dài, còn hy vọng. Đã lâu, con ạ, mẹ đã thấy con đối với mẹ có nhiều cái khác xưa. Con bỏ cả cửa nhà, con đi đêm đi hôm, con chẳng hỏi gì đến các em con cả. Trong thâm tâm mẹ, mẹ cũng muốn cho con không phải sống lang chạ như thế mãi... nhưng... nhưng...

Thôi, cái việc vợ chồng cũng là việc trời cả. Cứ để xem sao đã. Chẳng biết vợ con ra thế nào? Tân thời hay cũ kỹ? Răng trắng hay răng đen? Nó rồi có làm cho con sung sướng hay không, chẳng biết? Hôm nào con dắt nó về cho mẹ xem...

Hải thấy như được cởi mở tấm lòng, sau khi nghe những lời nói đắn đo và nhân đức của mẹ già. Sáng hôm sau, chàng đến sở, nhẹ nhàng như con sáo. Đi qua cái gác nhà Trâm ở, chàng thấy cửa sổ còn đóng nên chưa lên báo tin mừng. Chàng nghĩ: "Giờ này, tất Trâm còn đương ngủ, mình chẳng nên làm phiền vội. Để đến trưa về, có nhiều thì giờ, mình mới nói được hết cả đầu đuôi. Ba bốn giờ đồng hồ, mình hãm lại, đến lúc thuật lại càng thêm hứng thú".

Cả buổi sáng hôm ấy, Hải ngồi không làm gì cả. Chỉ khi nào chủ đến, chàng mới giả cách cúi đầu tẩy, xóa, kẻ... còn thì chàng cứ ngồi thờ thẫn nhìn ra cửa sổ, và lần thứ nhất trong đời chàng, chàng thấy cái cửa sổ ấy bé quá mà không khí trong buồng giấy là thứ không khí nặng nề khó thở. Chàng chán cái sở chàng làm quá. Những anh em nhìn lâu quá hóa nhàm. Chàng chỉ có một bạn thân: Trâm. Chàng chỉ có một ý nghĩ: Hải ơi, chỉ dăm bữa nửa tháng, Trâm sẽ là vợ của anh – một người vợ được tất cả mọi người công nhận, kể cả tòa Đốc lý!

Chàng vừa nghĩ vừa đưa quản bút trên những trang giấy trắng. Chàng vẽ những hình người đi lại, có hai chữ T.H chằng vào nhau. Chàng ngoáy chữ ký cho đều để ngộ nay mai còn phải ký trên tờ giá

thú. Chàng tính những người phải mời ăn và, không lấy gì làm nóng nẩy quá, chàng đã tập thảo cái thiếp mời như sau này:

Thưa bác,

Thừa lệnh thân mẫu, định đến ngày... thì làm lễ thành hôn cho tôi với Mlle Phạm Thị Trâm, vậy đến ngày... xin mời bác lại tệ xá ở... xơi chén rượu nhạt mừng cho chúng tôi thì chúng tôi lấy làm cảm tạ vô cùng.

Nay kính

Trần Văn Hải

Chàng viết phác tấm thiếp và không quên chữ *"xin miễn tái thỉnh"* như thường lệ.

Mười một giờ rưỡi tan sở, chàng gặp ai cũng cười và bắt tay. Chàng nói với một hai câu rồi nhảy xe đi thẳng về chỗ Trâm trọ, vừa đi vừa nghĩ:

"Phải biết. Cả bọn chúng nó rồi sẽ phải ngạc nhiên. Cho mà chết! Cho mà giễu! Rồi xem anh nào anh nấy có phải nhận cái nhân duyên Trâm-Hải là một việc rất tự nhiên không – và cho mà thèm rỏ dãi, những quân đểu ạ!".

Đến nhà Trâm ở, kém mười lăm đầy mười hai giờ. Ông chủ nhà cũng vừa mới đi làm về. Hai vợ chồng người này sắp ngồi lên ăn cơm với cái lũ "trứng gà trứng vịt" thì Hải đẩy cửa vào, giơ cao mũ lên mà chào thật to:

– Lạy ông, bà ạ. Tôi có một tin nói để ông bà mừng cho: cụ tôi đã nhận lời cho nhà tôi được về hầu hạ! Tôi xin phép ông bà tôi lên gác.

Không đợi nghe những lời "mừng" của vợ chồng ông chủ nhà, Hải trèo ba bực thang một để lên trên gác. Chàng nóng muốn gặp nàng biết bao! Chàng nóng muốn gặp nàng biết bao!

Năm phút... Bảy phút... Bỗng người ta nghe thấy đánh "sầm" một tiếng. Vợ chồng ông chủ ở dưới nhà đưa mắt nhìn nhau. Sau người vợ lên tiếng hỏi:

– Ông Cả ơi! Ông đánh đổ tủ ở trên gác đấy à?

Không một tiếng thưa,

Ông chồng đoán già hơn, hỏi tiếp theo:

– Ông Cả ơi! Trần nhà sụt đấy à?

Vẫn không một tiếng thưa,

– Ông Hải! Ông Hải!...

Thế là vợ chồng ông chủ bỏ cả cơm nước, chạy như bay lên gác.

Cái cảnh họ trông thấy ở dưới mắt là một cảnh bi hài kịch.

Hải, hãy còn nguyên cả mũ trên đầu, nằm thẳng cẳng như một cái xác chết trên sàn gác, cạnh giường Trâm. Mắt chàng trợn lên như là để dọa nạt trời. Mồm chàng sùi bọt, tay chân thẳng đườn ra. Hải vừa bị ngã. Đầu chàng đập phải cái cạnh bàn, lọ hoa có những màu sắc đẹp hơn cả sơn ở chân tường đổ vỡ và bắn vung cả nước vào mũi và má Hải. Mấy cánh hoa sen trắng cuối mùa tơi tả chung quanh đấy.

Nước đái quỷ! Gừng! Rượu! Nước giải!

Cái khăn mặt bông rấp nước!

– Mau lên, mau lên, không có thì khốn cả bây giờ.

Hai vợ chồng ông chủ tha hồ mà sợ...

Đến khi khênh được Hải lên giường, một mảnh giấy nhỏ rơi ra và người ta thấy "xoẳn củ tỏi" câu này:

"Monsir Hải,

Tôi ở với anh chán bỏ mẹ ra rồi: tôi lấy quần áo của tôi, tôi đi Sề-goòng với anh Phúc ở gác ngoài đây.

Trâm"

XI

Mãi đến tận bốn giờ chiều. Hải mới tỉnh. Chàng mở mắt ra, thấy vợ ông chủ ngồi gần đấy với một con sen. Chàng cố nhớ mãi tại làm sao lại có việc như thế được. Tại sao lại không phải là Trâm? Tại làm sao chàng lại thấy mình mẩy nặng nề như thế này?

Hải nghĩ mãi, và sau mãi chàng cũng nhớ ra dần dần. Nước mắt chàng ràn rụa như chẳng bao giờ cạn được. Chàng nhắm mắt lại, chàng muốn nôn ra, chàng muốn nôn hết cả những sự sung sướng mà chàng đã hưởng với Trâm: cái con chó! Ai có ngờ nó lại đổi trắng thay đen đến thế!

Chàng kêu nước ầm lên. Cổ họng chàng như bỏng. Nằm như thế này thì nghĩ đến phát điên lên mất. Chàng phải dậy. Không cái gì có thể làm cho chàng quên được sự thống khổ này: chàng phải đi. Và chàng đi được thật. Không có ai ngăn được. Mặc kệ cho chàng chết.

Lúc ấy bắt đầu tháng tám. Một thứ không khí trong trẻo hơn, một thứ không khí âu sầu hơn chan chứa ở cõi đời. Ở trên đường, lá cây đã bắt đầu vàng. Gió như là một đứa trẻ đùa với những lá cây ấy và thỉnh thoảng lại làm rơi vài lá. Những cái lá ấy đã vàng hầu hết. Mùa lá chết! Mùa lá chết! Con chim nhỏ kêu chim chíp như lo sợ ngày đông sắp tới. Nó có vẻ chia buồn với anh. Anh nói với nó như thể nó là người vậy.

Hải thở dài, não ruột: Một năm nay, ta trông thấy mày ba bận. Bận thứ nhất, vào một ngày xuân, ta đứng ở cửa sổ nhìn sang cái vườn hoa trước mặt. Bận thứ nhì là mùa hè, ta thấy mày trên cây phượng vĩ, hôm ta nằm bàn với Trâm về chuyện có nên xin phép mẹ để đem Trâm về nhà hay không. Chim ơi, chim đã nói dối ta, và bây giờ là mùa thu, ta lại gặp người bạn cũ của mùa xuân.

Hải đút hai tay vào túi, tiến lên.

Chàng tiến lên như thất vọng và chàng có rất nhiều ý kiến trong đầu. Trời tối dần dần, gió đã bắt đầu lạnh nhưng chàng cứ tiến, tiến lên như thất vọng.

Chàng tiến lên như thất vọng là, mỗi bước cũng như mỗi ý kiến, chàng thấy vang lên "bây giờ là mùa thu, ta lại gặp người bạn cũ của mùa xuân".

Trâm ơi, Trâm là một hạng đàn bà cũng như chim trên cành vậy. Nàng có trẻ được mãi đâu. Trời sẽ hại nàng. Theo lời bạn hữu ta đã nói, nàng đã lừa nhiều đàn ông lắm, thể nào cũng có một bữa, một người đàn ông nào đó lại lừa nàng cho ta.

Hải thấy tất cả người chàng khóc. Chàng đi quanh mấy phố rồi lại trở về nhà Trâm ở: "Ngộ nó có quay lại tìm ta chăng!" Căn gác vẫn không một người nào cả. Hải tìm bà chủ, hỏi:

– Thưa bà, tôi nói thế này khí không phải. Tôi nhờ bà có mỗi một việc, thế làm sao bà lại chẳng bảo trước tôi. Nếu tôi biết sớm một chút, có phải là tôi đã giết được nó rồi...

– Tôi nào có biết đấy vào đâu. Vả lại, ví dụ tôi có biết mà bảo ông chăng nữa thì ông cũng chẳng tin tôi nào.

Hải gật và nghĩ thầm: "Có lẽ! Có lẽ thật! Giả thử bà ấy mà có bảo trước thì ta không tin thực!".

Chàng thấy tim chàng muốn vỡ ra, chàng lại thẫn thờ ra phố và đi sang đứng ở cái vườn hoa trước cửa, đưa mắt nhìn cái cửa sổ căn gác của Trâm.

Gớm! Sao hoa lan tiêu hắc thế? Chàng không muốn đứng một phút nào ở chỗ đó nữa – cái chỗ mà mùa xuân vừa đây, chàng và nàng cùng đứng trên gác ngắm sang. Trâm bảo chàng ghì thật mạnh lấy người nàng, và chàng, và nàng đều thấy từng đôi trai gái đi trong bóng tối hay ngồi trên ghế đá, tay chân họ quấn quít lấy nhau như một người.

"Những cảnh ấy, một người cô độc trông thấy, tất phải thèm rỏ dãi".

Thôi! Đứng nữa làm gì. Những kỷ niệm của chàng đều bị đầu độc bởi câu chàng đã nói – câu nói bây giờ như đầy những sự mỉa mai. Chỉ trong một phút đồng hồ, những cái hôn nồng cháy, những sự uốn éo ru lòng cùng những thú vui trong đêm tối đều bay đi mất hết, không còn lại một chút gì.

Ôi! Cái gì cũng là ký vãng mất rồi, ở hiện tại, bây giờ, chỉ còn một cái thực là sự đau khổ. Hải thấy mình tàn úa, đời chàng đi chóng quá chừng. Chàng có một hồi thích sống. Và chỉ một loáng, bây giờ còn có cái gì làm cho chàng tha thiết cuộc đời?

Trời mùa thu, càng về khuya càng lạnh. Chàng kéo cổ áo lên, chàng gò hai vai xuống và thọc thật mạnh hai tay vào túi áo. Bờ hồ quạnh hiu. Những cành cây như cái móc, móc cổ người lên. Nước đen lắm và sâu thẳm.

Hải dừng bước, nghĩ thầm: "Đời đã bạc bẽo như thế thì ta còn sống làm gì? Bước chân lên bãi cỏ, đưa cái đầu ra đằng trước một chút, can đảm lên, Hải ơi, thế là hết, không phải phiền não đau khổ nữa". Chàng nghĩ như thế nhưng mà không làm gì cả.

Một ngọn gió lạnh thổi hắt vào mặt chàng. Chàng cúi đầu xuống, lên hè, đi về nhà. Chàng đi qua chỗ Trâm ở một lần nữa. Lòng chàng trống rỗng như một bãi tha ma. Nước mắt chàng ứa ra, chàng nhìn mờ mờ thấy, như một giấc mộng, những cái lá thu nhẹ nhàng bay lượn trước khi rơi xuống đất.

Than ôi! Những cái lá này khi còn là mùa xuân, khi hãy còn đang xanh... Những cái lá ấy rậm rạp và kết thành một cái riềm mát mẻ, che gần kín cả cửa sổ gác Trâm, trước đây, mỗi khi Hải đi làm, thì lại thấp thoáng thấy Trâm ở phía sau, vẫy tay và cười...

XII

Hôm sau, Hải xin ông chủ nghỉ. Chàng nằm vạ nằm vật trên giường. Ánh sáng của mùa thu chiếu vào tận chỗ nằm và lấp lánh trên đình màn. Hải thấy nặng nề, ê ẩm. Cái ánh sáng, tiêu biểu cho sự sống rộn rịp, làm chàng nhìn không chán mắt. Chàng ngửi thấy mùi thuốc ở chung quanh. Chàng lợm giọng. Và đứng dậy mở hết cả cửa sổ ra. Đi qua chiếc gương lớn treo ở tường, chàng thấy mặt mũi chàng hốc hác và da chàng xanh xao: chàng ốm. Bóng chàng mờ đi dần dần. Trong gương, chàng thấy lần lượt hiện ra tất cả cảnh dĩ vãng. Toàn là sung sướng. Chàng tiếc những cảnh đã qua và có cảm giác mình sẽ hối hận mãi mãi, vì đã bỏ qua những ngày vui vẻ có mẹ già, có em bé, có bạn hiền mà không biết hưởng, cắm đầu theo đuổi một thú vui, bây giờ, chỉ còn để lại một khối nặng cho linh hồn.

Những tiếng động nhẹ nhàng và xa xôi ở ngoài đường vọng lên cái gác chàng nằm. Chàng đoán ngoài phố bấy giờ tấp nập sáng sủa và có muôn màu rực rỡ.

Từ hôm đứng ở cửa sổ gác Trâm, để ngắm cái vườn hoa trước mặt với những cây phượng vĩ, với những cặp tình nhân, với khoảng trời xanh thẳm, Hải mới biết rằng mọi vật chung quanh mình đều có một màu riêng, tươi nhạt thay đổi từng lúc, nhưng đại khái màu nào cũng đẹp. Không khí chảy khắp trong vũ trụ, đôi khi lại tráng cho những màu ấy một vẻ thần bí phù du, những khi ta khỏe mạnh, sung sướng không tài nào thấy được, chỉ khi nào ta ốm đau chẳng hạn, nằm một mình, nhớ đến và lấy trí khôn lý hội được mà thôi.

Hải định giơ tay lên nắm lấy cái mảnh ánh sáng bấy giờ chạy đi chạy lại trên chiếu chàng nằm. Chàng không giơ tay được nữa. Đầu chàng nặng, mắt chàng hoa lên, chàng vừa thiếp đi một lát thì cái cửa ra vào bỗng kẹt lên ở trên bậu. Hải mơ mơ màng màng thấy một bà cụ già tóc trắng như bông, lưng gập làm đôi, đẩy cửa bước vào, khó nhọc. Đôi mắt già của bà cụ nhăn nheo, cái miệng cay đời ngấn

reo hai vạch như là đang mếu. Đó là mẹ chàng thật! Người mẹ bưng một bát thuốc vào cho con.

Rất khẽ, bà cụ già sắp chết hãy còn phải lo sợ cho con, khẽ tiến lại phía giường Hải, vén màn lên, lấy tay để vào trán chàng. Hải nằm im cho sự êm dịu ở tay mẹ tan vào trong người chàng. Chàng cứ giả làm như ngủ, một lát sau mới lim dim mở đôi mắt nặng nhọc ra nhìn mẹ và nói rằng:

– Me mới vào?

– Phải, con ạ. Me vào con đang ngủ. Me làm mất giấc ngủ của con. Hôm nay con xem trong người ra thế nào?

– Con đã đỡ rồi, me ạ. Con chỉ còn sốt về đêm thôi.

– Sáng nay, me lại đến kể bệnh con cho cụ lang rồi. Cụ thay đơn khác, me đi cân thuốc và xắc lấy nước thứ nhất này cho con đây.

Thảm hại thay bà cụ! Thảm hại thay tuổi già!

Hải gắt lên với mẹ:

– Me cứ hay lôi thôi. Con đã thưa với me cho trẻ con nó đi cân thuốc và xắc lấy cũng được, tội gì me cứ phải nhọc thân? Me vừa ốm dậy, hãy còn yếu, me cứ lom khom vì con như thế, rồi lại có ngày to bệnh đấy!

Bà cụ không trả lời. Sự im lặng làm đau lòng Hải thêm. Chàng biết mẹ chàng thương chàng lắm hy sinh cho chàng nhiều: “Ôi! Bà cụ già nào có phải lọm khọm để mà không có ích gì đâu: Bà cân thuốc lấy, bà xắc thuốc lấy, không dám giao cho người khác chỉ tại giao cho người khác thì bà thắc mắc không thể yên tâm được.

Hải nhắm mắt lại, có cảm giác là cuống họng có một vị đắng cay – đắng cay hơn thứ thuốc đen nghịt, buồn nôn mà chàng vẫn phải uống mấy hôm nay.

Than ôi! Lòng mẹ thật như biển trời, mà chàng, – chàng là phận làm con – thì từ khi ra đời đã bị bao nhiêu lầm lỗi? Mẹ chàng thì tìm con để thương xót, để an ủi, để săn sóc nâng niu, mà chàng, thì đã từ bao giờ đến nay đã dối mẹ, đã trốn tránh cái tình yêu bao la đó để đi tìm một huyễn mộng, nó đã bay đi mất như thể con chim trời? Chàng thấy lòng mẹ thật vô biên, mà lòng chàng thì bây giờ chỉ còn lại toàn là hối hận. Chàng hối hận nhất là về chỗ mẹ chàng vẫn tin chàng, vẫn không biết chuyện nghìn rưởi bạc gửi nhà băng của

chàng. Hải nói dối như thế đã lâu rồi. Càng giữ cái tội lỗi ấy ở lâu trong mình bao nhiêu, chàng lại càng thấy mẹ già mình đáng thương hại bấy nhiêu.

"Ôi ta biết, ta biết hết. Bây giờ mà mẹ ta biết sự thực thì người sẽ khổ sở lắm đây, nhưng ta vẫn phải nói, để cho đến khi nhắm mắt, mẹ ta không phải đau xót vì đã sinh ra một đứa con nó lừa mình. Mà ta chắc rằng, dù sao đi nữa mẹ ta cũng lặng im chịu đau khổ một mình, không trách mắng mà cũng không giận dữ".

Hải nghĩ đến mẹ và thương mẹ vô cùng. Chàng sợ tử thần sẽ đem chàng đi mất để cho mẹ chàng trơ trọi lúc mặt trời bóng xế.

Chàng nhắm mắt lại, đập vào trán và kêu lên rằng:

– Mẹ ơi, con thấy một mùi gì rất lạ ở trong buồng này. Hay là mùi chết?

Người mẹ già nghe thấy con nói gở tái mặt lại và run lên. Lòng thương con dào dạt, bà cụ ứa nước mắt ra khóc, khóc như khóc chồng lúc chết.

– Con đừng nói dại. Bệnh con có gì đâu. Con cứ chịu khó uống thuốc, chỉ dăm bữa thì con khỏi. Cụ lang bảo thế.

Cụ lang bảo thế? Cụ lang bảo thế? Hải cười gằn một tiếng và thấy rằng đó chỉ là một ảo ảnh: Hải sẽ không bao giờ khỏi được bệnh, nếu chàng không kể hết cả chuyện phụ mẹ và dối mẹ cho mẹ nghe. Chàng thấy một cái cần cấp bách phải thú tội và không những thú tội với mẹ, với em, nhưng thú tội với tất cả mọi người.

Mẹ Hải nghe Hải nói mà tưởng thấy lòng mình tan nát.

Nghìn rưỡi bạc! Nghìn rưỡi bạc! Thì ra Hải không gửi nhà băng nào cả. Hải đã đem tiêu với cô gái phù du. Mà cái nhân duyên của Hải cũng chỉ là một chuyện không bao giờ có nữa.

Ôi! Bà cụ khóc bao nhiêu là nước mắt. Bà cụ thương con suốt một đời gặp bước chẳng may, không trách con một điều gì cả, chỉ tự trách mình sinh ra nó mà không gây cho nó được một mối hạnh phúc như những con nhà khác.

– Nhưng mà nghĩ lại, con ơi, con cũng đừng nên trách trời gần trời xa nữa. Me đã già, me đã trông nhiều rồi: ở đời, trăm việc chẳng qua cũng quy vào hai chữ số mệnh. Số mệnh định đoạt cả, số mệnh cai quản cả... Me nói thế, có lẽ con không chịu, nhưng rồi một ngày

kia con sẽ phải chịu những lời của me. Đời người khổ lắm. Nước mắt chúng sinh...

“Nhưng mà thôi, con ơi, con nên thương me. Con cố cơm ăn thuốc uống đi, khỏi được là quý chứ tiền bạc cũng không làm gì đâu. Có, thì cũng đến ngày hai bữa, mà không có thì cũng đến ngày hai bữa...”.

Hải nghe mẹ nói, mà như thấy con dao cắt lòng. Chàng nhắm mắt lại. Mẹ chàng tưởng con ngủ, đi ra. Chàng trùm chăn kín từ đầu đến chân và ngáp, và thở dài, và càng thấy là mình sắp chết.

Chàng cắn môi lại để cho khỏi kêu to:

– Ngáp đi, thở dài đi, chết đi! Khốn nạn cho mày thằng Hải... khốn nạn cho mày thằng Hải...

Tai chàng inh lên. Một tiếng vo ve bất tuyệt kêu lên trong đầu chàng. Chàng tưởng như đó là một tiếng vang. Đó là một tiếng vang thật.

Tiếng vang ấy thế này:

– ... Khốn nạn cho mày, thằng Hải! Khốn nạn cho mày, thằng Hải!

ĐOẠN KẾT

Một buổi chiều mùa nực, giữa cái nóng kêu tanh tách ở ngoài vườn, có một ông già hom hem như sắp chết.

Có người, một hôm phải nói rằng:

– Giời này, thì đến voi cũng không sống được.

Hải ốm nằm ly bì đến hai tháng ở trên giường. Mẹ chàng lo sợ chỉ còn có nửa người. Bè bạn chàng đến thăm và định chung tiền mua đồ phúng và vòng hoa. Cái đời nó như là người nhà rồi, dù thế nào mình cũng phải chịu. Ấy thế mà cũng chưa chắc. Đời còn nhiều rắc rối. Một buổi chiều mùa nực, giữa cái nóng kêu tanh tách ở ngoài vườn, có một ông già hom hem như sắp chết. Cửa trong sở mở ra. Bao nhiêu bè bạn đều kêu lên:

– Bác Hải!

Đó là Hải thực.

Bè bạn nói rằng:

– Gớm! Làm cho cả bọn anh em giật mình...

Chính Hải, Hải là người giật mình thứ nhất, khi lại bước chân vào sở, mà trước kia, Hải làm. Cái sở ấy, bây giờ, vẫn nguyên như thế, không thay đổi tí gì. Chỗ này là cái lò sưởi. Chỗ kia là cái tường. Ở giữa cái tường và cái lò sưởi, người ta đặt một người vào đấy. Người ấy ngồi cạnh một người khác. Người khác ngồi ở gần một người thứ... ba, bốn, năm, sáu... chín, mười, mười một... mười bảy, mười tám... Mười tám người. Đủ cả. Ông Ký cổ, gầy gò, ốm yếu, ít lâu nay không thấy mặt, Hải có lần tưởng ông đã chết rồi. Không ngờ vẫn thế. Ông cụ ấy không già đi tí nào. Cả những người chung quanh cũng thế. Một cái gương treo ở tường chiếu cái hình của chàng lên. Thì ra, trong tất cả những người ấy, chỉ có chàng là thay đổi. Ở người chàng, người ta thấy mùi không khí, mùi đất và mùi không gian. Còn các người khác thì hình như đời bỏ quên ở một cái xó Hà thành đó, nên thời gian cũng chẳng làm việc khốc hại của nó làm gì. Người ta vẫn đi, người ta vẫn làm việc, người ta vẫn sống. Mà người ta sống thực. Sống một cách êm đềm, nhũn nhặn, không có ai để ý tới làm gì. Sống một cách bình dị, làm việc cả năm chí tối, không có một người nào thương hại, để cứ cuối mỗi tháng thì lại lấy dăm chục bạc lương về nuôi mẹ già, vợ dại và từng đàn con nheo nhóc...

Hải thấy quý trọng những người ấy lạ. Chàng chạy lại bắt tay từng người một, rung động, thiết tha, hai con mắt rưng rưng như muốn trào lệ.

– Các bác vẫn như thường chứ?

– Như thường... như thường...

Câu trả lời như điệp khúc của một bài ca chán nản. Hải thấy vang lên ở bên tai, ngân ra và kéo dài mãi mãi. Cái thời kỳ yên phận của Hải bây giờ đã xa quá rồi.

Chàng nhớ lại cái hồi, lòng hãy còn lâng lâng, ngày đi làm chín tiếng đồng hồ, trưa về nghỉ một chút, tối về ăn cơm và đọc kiếm hiệp tiểu thuyết, yêu mẹ, yêu bạn và yêu em.

– Ôi! Nếu hồi ấy ta cứ cặm cụi làm lấy một cái vốn để dành, cưới vợ, thì có lẽ ta cũng đã như những anh này rồi. Những cuộc đời tăm

tối nhưng đáng cảm động biết bao, đáng kính trọng biết bao, đáng thương xót biết bao!

Hải thấy như đánh mất một cái gì. Chàng ngồi xuống ghế. Này là những quản bút, này cái tẩy, này là những hồ sơ, giấy má.

Chàng nói:

– Các bác! Bây giờ công việc ở trong sở có bận lắm không?

– Có điều bận hơn trước một chút. Nhưng đại khái cũng phải xong.

– Chứ lại gì? Không xong cũng không được.

– Bác nói thế là nói thế nào?

– Tôi nói thế là nói rằng ta đi làm lấy tiền thì ta phải làm hết công việc của người ta giao phó. Ta làm sáng, ta làm chiều, ta hít không khí của gian phòng chật hẹp, ta không biết rằng ở quanh ta người ta sống, mà không những sống ban ngày, lại sống cả ban đêm. Ôi! Ở ngoài... ở ngoài... các bác ạ, người ta sống đầy đủ lắm.

Người bạn, ngày trước đây, trong một buổi nói chuyện đã dọa lôi mũi Hải, ngồi từ lúc nãy không nói gì, bây giờ mới cười gằn một tiếng mà rằng:

– Bác Hải, bác nói phải. Bác biết thế hơn cả chúng tôi. Bởi vì bác đầy đủ. Nhưng thưa bác, chúng tôi không phải bất cứ một người nào cũng có một bà cô, không phải bất cứ một người nào cũng được chia gia tài.

Bác chớ chế chúng tôi. Trước khi có ngàn rưởi bạc, tôi tưởng bác cũng làm ăn khám khổ như chúng tôi bây giờ. Ai chẳng muốn hưởng cuộc đời, nhưng có tiền thì người ta mới có thể hưởng cuộc đời theo ý muốn của người ta được.

– Chưa chắc.

Lòng Hải như thắt lại. Người chàng thù nhất khi xưa, không hiểu sao bây giờ lại hóa ra người chàng mến nhất. Chàng muốn ôm lấy cổ anh ta mà khóc những chuyện não nùng ở cõi đời, chàng thấy một tấm lòng thương bạn thiết tha, chàng muốn quên hết cả những chuyện trước và tha thứ cho anh ta để anh ta thương lại mà tha thứ và xót xa cho chàng.

Đêm hôm ấy, nằm trên giường, để hai tay gối dưới đầu mà dán mắt lên trần như suy nghĩ, chán rồi, Hải ngồi dậy, vặn to cái đèn dầu, hì hục viết bức thư này cho người anh em "lôi mũi":

"Thưa bác,

Buổi chiều hôm nay, lúc tôi lại thăm các bác ở sở, tôi đã nói một câu có ý nghĩa làm cho tôi rất bằng lòng. Chắc các bác không để ý. Bác bảo tôi rằng: "Người ta có tiền thì mới hưởng được cuộc đời theo ý muốn của người ta". Lúc ấy, bác có biết không? Tôi đã trả lời rằng: "Chưa chắc".

Tôi về càng nghĩ thấy câu nói kia càng đúng.

Tiền không thể gây hạnh phúc cho người đời. Tôi đã có tiền, chẳng phải nhiều nhặn gì cho cam, nhưng mà tôi đã có tiền. Tôi đã ăn, tôi đã chơi, tôi đã cười. Tôi biết: tiền nhiều đến đâu rồi cũng phải hết, nhưng mà có một tâm hồn yên ổn thì hạnh phúc, mà người ta gặt được, không có bao giờ cùng. Những sự sung sướng vật chất qua đi rồi, người ta chỉ còn lại một quả tim đầy hối hận và đầy tiếc nhớ. Một buổi trưa kia, tôi nằm tiếc nhớ lại hồi chúng ta còn bình thản ngày ngày làm việc với nhau. Tôi nghĩ: "Thú nhỉ! Hay là ta đến chơi với anh em một buổi".

Và tôi đã đến chơi với anh em một buổi thực. Tôi vui vẻ, tôi nói, tôi không biết tôi nói gì. Bác bảo tôi rằng: "Anh đừng chế chúng tôi". Không, không, bác ơi. Tôi không dám chế nhạo ai cả. Tôi bây giờ tôi chỉ cần có người chế nhạo tôi. Nói thực bác nghe, cái đời tôi đương sống, chán không sao tả được. Cái đời trước ở trong sở của tôi – mà là của các bác bây giờ – nói cho đúng, tôi lúc nào cũng vẫn quý, nhưng nếu nó không có bốn bức tường thì tôi càng quý hơn lắm lắm. Tâm hồn ta, dạo ấy, thực là yên tĩnh. Nếu cuộc đời cứ như thế kéo dài ra cho đến chết thì tôi tưởng suốt đời ta không có một tội lỗi, không có một việc gì cắn rứt lương tâm.

Những việc tội lỗi ở đời, tôi tưởng, một phần lớn, đều là do những bữa ăn ngon quá, hay trong túi chúng ta thừa tiền quá. Trâm của tôi đi mất rồi. Cái tội lỗi của nàng lại do ở thiếu tiền mà ra. Tiền thừa quá cũng chết, mà tiền thiếu quá cũng khổ. Cuộc đời chỉ là một trò thử thách mà thôi, những sự cám dỗ nhiều lắm chẳng có ai tránh nổi. Trời sẽ xá tội cho những người biết rõ những tội lỗi của mình làm ra.

Tiền của tôi hết rồi. Hôm qua, về, tôi đã toan đi tự tử ngay. Nhưng túi tôi còn đồng bạc cuối cùng. Tôi đã ăn hết đồng bạc ấy, tôi no quá, tôi nằm và nghĩ đến cuộc đời thử thách tôi. Thưa bác, tôi xin

nói để bác rõ, tôi thua rồi, tôi mệt rồi, tôi không còn sức nữa: tôi phải chết.

Khúc sông nào tôi chết, tôi đã định rồi. Sáng mai, ăn quà sáng xong, tôi sẽ vào lạy mẹ tôi rồi cam chịu tội bất hiếu với mẹ mà đi ra cái chỗ tôi đã định. Tôi biết anh em sẽ thương tôi và sẽ đi đưa đám ma tôi. Tôi nhờ bác gửi những lời, trước khi tôi chết, tôi cám ơn và chúc tất cả anh em trong sở.

Trần Văn Hải

bái

Lúc Hải viết thư xong thì đồng hồ đánh ba giờ. Đêm dầy thăm thẳm, ngọn gió đầu tiên của mùa đông rít lên ở khe cửa. Trời buồn như một đám tang.

Hải thấy lạnh tâm hồn. Chàng kéo cái chăn chiên lên cổ, định cố ngủ một giấc để lấy can đảm, sáng mai làm việc.

Tiếng chó sủa ở xa xa, những cây tre kẽo kẹt trong vườn như những người chết nói thầm với nhau những chuyện tâm sự nghìn thu.

Hải không tài nào ngủ được.

Hải không tài nào ngủ được, bởi vì Hải thương mẹ, thương mình và thương em. Than ôi, cõi đời bao nhiêu là hạnh phúc, mai chàng đã phải bỏ nó rồi, chàng thấy lòng thắt lại và tiếc nhiều điều quá.

Hải không tài nào ngủ được. Chàng nói:

– Thế thì ít ra mình cũng phải làm một cái gì chứ ai lại cứ nằm đợi chết như thế này? Chàng nhớ lại ánh sáng, chàng nhớ lại Trời, chàng nhớ lại Đất, chàng nhớ lại những cái nhà... Chàng nhớ lại cả những tiếng kêu, tiếng cười, tiếng khóc... Và chàng nhớ lại mẹ, nhớ lại em, nhớ lại bạn, nhớ lại Trâm.

Vụt một cái, ý tưởng được nhìn cái Hà thành có bao nhiêu những người, những vật thân yêu đó một bận cuối cùng, ý tưởng đó đến với chàng; nhưng sau, chàng nghĩ rằng bấy giờ đã ba rưỡi sáng, mọi người đang ngủ, nên lại nằm xuống mở mắt ra nhìn trừng trừng vào ngọn đèn dầu để ở bàn, bên cạnh đấy có bức thư báo chết.

– Chết! Chết!

Chàng quả quyết lắm lắm. Chàng nghĩ đến tất cả các thứ chết và nhớ lại các người xưa trước khi đi tìm cái chết thì hay làm gì. Có

người đi đánh bạc, có người vào một hàng đồ cổ, có người đi uống rượu, có người xem sách.

Lúc ấy, Hải mới thấy rằng chàng cũng còn có một đống sách trên đầu giường. Những sách này, chàng bỏ đã lâu lắm không đọc, từ khi kiếm được việc làm. Bấy giờ, cầm một quyển lên tay, chàng thấy như lâu ngày mới được gặp bạn cũ, một đêm mưa gió hai người nằm trong một gian nhà kín kể lể với nhau tâm sự.

Tâm sự nào cũng thiết tha cả: bạn lâu ngày mới gặp, còn chuyện gì là chuyện chẳng hay... Nhưng Hải chú ý vào một truyện ngắn này của một nữ sĩ Thụy Điển viết, bà Selma Lagerloff. Đã đành là Hải không biết chữ Thụy Điển. Chàng đọc bài dịch và truyện ấy đại khái như sau này:

"Ngày xưa, ở sở Dobbrichsen có một người làm công nhật. Y vất vả cả ngày. Tối đến mới được nghỉ. Mà được nghỉ về thì là để thấy ở nhà một mụ vợ nhọc mệt và một lũ con nheo nhóc.

Một hôm, anh ta đến nghe một ông giáo sĩ giảng đạo trong một túp lều tranh. Ông ấy nói về tội lỗi và địa ngục. Người làm công sở Dobbrichsen không cảm động một tí nào. Anh ta không hối hận mà cũng chẳng muốn được lên thiên đường.

– Cả đời đã phải ở sở Dobbrichsen mà lúc chết lại còn phải xuống địa ngục, thực chẳng còn cái gì thú vị được sinh ra trên đời.

Tất cả mọi người, cả đàn bà con gái, đều nhắc lại câu nói chán đời của anh ta. Bởi vì đó là sự thực, không thể thực hơn được nữa. Lâu dần, câu nói ấy thành châm ngôn.

Bà Selma Lagerloff mới nghĩ rằng: cái anh làm công nhật nọ không thể có một số phận thảm hại như thế được. Chẳng lẽ nào mà anh ta lại không có một hy vọng gì?... Nếu quả thật anh ta không thể hối lỗi được, thì chẳng lẽ anh ta lại không có cách nào để rửa tội cho linh hồn đi sao? Vớt một người chết đuối... cứu một người trong một đám cháy nhà, giúp đỡ một người nghèo đói... há lại chẳng được ru?

Ác hại! Những việc đó chỉ là những việc tốt mà thôi. Muốn sạch tội, những việc ấy không đủ. Cái hình ảnh người làm công nọ, vì vậy, ám mãi bà Selma Lagerloff. Bà nghĩ chẳng biết anh chàng này có được tha thứ các tội lỗi hay là phải sa địa ngục?

"Địa ngục tưởng là chỉ để cho những kẻ giết người mà thôi".

Bỗng một đêm...

Đêm ấy là đêm ba mươi Tết. Bà Selma Lagerloff nằm mơ thấy anh chàng làm công ở sở Dobbrichsen. Bà theo anh ta đi lên Trời.

Trời xem tên tuổi anh chàng và ôn tồn gọi anh ta lại gần.

Bà Selma Lagerloff kêu lên:

– Thế thì có lẽ nhầm...

Trời hỏi:

– Sao vậy?

– Lạy Trời! Con thực không biết có phải quả là anh chàng nay được tha thứ hết cả lỗi lầm ở trần gian mà được lên Thiên đường thực không?

– Thực thế, con ạ. Anh ta được tha thứ. Anh ta không còn tội lỗi gì cả. Bởi vì anh ta đã làm việc, đã đau đớn, đã khổ cực, không được lúc nào nghỉ ngơi, từ thuở nhỏ cho đến già.

Cửa Thiên đường mở rộng ra. Anh công nhật ở Dobbrichsen bước vào.

Bà Selma Lagerloff tỉnh dậy và nhắc lại câu này: "Cửa Thiên đường mở rộng cho những kẻ nào đau đớn và khổ cực...".

Hải đọc truyện đó hai lần.

Một thứ ánh sáng nặng nề và mờ ám của mùa đông chiếu vào chỗ chàng nằm.

Gà gáy sáng.

Hải tắt đèn và nhắm mắt.

Buổi chiều hôm ấy, chàng cầm cái thư viết cho bạn, lấy một que diêm đốt.

Ngọn lửa bùng lên, tờ giấy đầy chữ kia chỉ còn là một cái tàn than mỏng và khô, các góc quăn lại rồi vỡ ra từng miếng bay là là trước khi rơi xuống đất.

Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1940.

CAI
(Hồi ký)

I

Câu chuyện bắt đầu như thế này:

Bấy giờ, nước ta đương trải qua một thời kỳ hỗn độn. Thanh niên mắc phải "bệnh thời đại"; hầu hết không có lý tưởng để theo. Một số rất đông sống một cuộc đời không tin tưởng. Không có ngày mai. Sa ngã. Trụy lạc. Và còn gì nữa?

Tôi, cũng như một số đông bạn trẻ không có tinh thần mạnh, cả ngày chỉ nằm đọc những sách chán đời. Dần dần, mình đâm ra chán cả mình, tôi tìm những cuộc dật dục vong nhân để tiêu ma sức khỏe. Tinh thần càng bạc nhược thêm. Tôi mới hai mươi mốt, hai mươi hai tuổi mà sức khỏe đã bay đi mất. Tôi ốm yếu như một ông cụ sắp đi về cõi thọ. Tôi làm ra mặt già. Như vậy, thú lắm. Tôi chít khăn và mặc áo the để tiếp anh em. Tôi vái họ. Trong câu chuyện, tôi lại đá dăm ba câu chữ Hán cho ra vẻ con người cổ kính. Rồi, thưa ông, tôi còn muốn một điều nữa – là gì, ông có biết không? Tôi muốn về nhà quê dưỡng lão trong một căn nhà lá, chung quanh có mảnh vườn và ở đằng sau có một cái ao con. Ngày ngày, tôi sẽ đi nhổ cỏ và trồng rau. Tôi nuôi mấy con muông, con cầm để thỉnh thoảng có thân hữu nào đến thì vật cổ ra nhắm rượu say khà khà. Chà chà, cái mộng tưởng mới đẹp làm sao! Tôi chắt chiu nó, nuôi nấng nó trong đầu óc. Và tôi lại quyết với tôi rằng thế nào một ngày gần kia, mộng tưởng đó cũng phải thành sự thực. Sao lại không thể thành sự thực được? Mộng tưởng đó nào có phải to tát gì cho cam! Nhưng muốn thực hành được, ít ra người ta phải làm việc để kiếm ra tiền, nhiên hậu mới tậu nhà, tậu cửa, tậu vườn, tậu ao được chứ? Mà tôi thì tôi chả làm ăn gì cả. Thỉnh thoảng, tôi chỉ viết một bài văn. Thế rồi tôi cho là Trời khắc bạc với tôi, Trời độc ác với tôi nên tôi mới khổ cái thân tôi như thế! Tôi bèn kiếm cách trả thù Trời cho hả giận. Bởi vì Trời sinh ra tôi thì Trời phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tôi, tôi khổ thì tôi hủy

hoại thân tôi cho Trời biết tay. Từ đó, tôi thức thâu đêm suốt sáng với bè bạn trên chiếu rượu, cạnh bàn đèn, bên hoa đẹp. Điều mà các ngài tiên đoán đã thành sự thực: tôi không tậu được tấc đất ở nhà quê, nhưng tôi đã ngã vào cánh tay sắt bọc nhung của phù dung tiên nữ.

Thoạt đầu, thuốc phiện không đem đến cho tôi những thú sướng mà người ta vẫn tả. Nó đắng mà lại nhạt làm sao! Anh Ba, tiêm cho tôi điếu nữa xem thế nào. Nhạt thế này thì sao bằng được thuốc lào, thuốc lá! Điếu nữa, điếu nữa... và, kẻ nhát gan này, đã nhập môn làng thuốc sái với mười hai điếu tướng. Thế mà hắn vẫn chẳng làm sao cả!

Người ta thường bảo thuốc phiện, cũng như rượu, là những thứ giải phiền có tính cách làm cho ta quên hết mọi đường sầu não.

À! Họ làm văn cả. Sự thực thì khác xa. Tôi vẫn khổ, tôi vẫn tức, – tức một cách bâng quơ. Và tôi đã toan bảo anh Ba làm giúp dăm điếu nữa, nếu ngay lúc đó tôi không nghe thấy tiếng sôi trong bụng. Lấy nước! Trời ơi! Khát quá! Một nửa ấm chè mạn đối với tôi lúc ấy không vần gì. Bụng tôi có thể chứa được nước của cả một đại dương và không vì thế mà tan vỡ. Tôi nói to lên như vậy với anh em. Các bạn tôi trả lời. Nhưng quái lạ, tại sao tiếng nói của họ lại cứ bé dần đi? Mà chung quanh tôi, sao lại có tiếng ong vỡ tổ? Ông chủ tiệm này nuôi ong đấy à? Này, cái phép nuôi ong này khó lắm đấy nhé. Nó có quân, quân đẻ ra quan; quan lại sinh ra tướng. Hễ có tướng non thì nó chia quân. Nếu không kịp san ra tổ khác, nó bay đi mất. Thế gọi là nó bốc. Bốc thì trong nhà làm ăn xúi quẩy. Phải coi chừng đấy ông chủ ạ.

Tôi muốn tìm ông để nói điều đó, nhưng mắt không tài nào mở được. Sau một cuộc gắng sức ghê gớm, mắt tôi mới hé được một chút nhưng không nhìn rõ được một vật gì trong tiệm. Tất cả đều như bọc trong một lần thủy tinh dầy và mờ. Đồng thời, từ chỗ sâu thẳm nhất của dạ dày tôi, khơi lên một trận thủy chiến dữ dội mà từ thuở cha sinh mẹ đẻ tôi chưa thấy bao giờ cả. Đó là cuộc đánh nhau của nước chè mạn với những thức ăn ban chiều. Bên nào cũng muốn tranh lấy "khoảng sinh sống". Nhất định không chịu nhường nhau. Chân tay tôi bủn rủn, vì sợ cuộc vật lộn đó hay vì lo rằng sẽ không đủ sức lấy mình ra làm trung điểm cho cuộc xô xát đó? Không. Tôi ơi, nếu tôi không ngồi dậy về ngay, kẻ bại trận trong dạ dày sẽ chui ra mất thì thật là xấu hổ với bà con trong tiệm. Mà trong cái đời trác táng của tôi, thực tôi chưa thấy có tiệm nào nuôi chó...

Gọi hết can đảm vào hai tay, tôi ngồi dậy xin về. Tôi đi rất từ từ và không dám cử động mạnh, chỉ sợ "chớ" ra thì khốn. Cái cầu thang. Mảnh sân. Đường cái. Sao mà xe cộ đi lại như mắc cửi thế này? Lúc đó, tôi không có cái gương "tư mã" để soi, nhưng tôi biết chắc là mặt tôi tái lại. Thuốc ngấm quá mất rồi. Tôi không về nhà vội, bởi vì tôi mong khí trời sẽ làm tan cơn say thuốc phiện đi. "Không làm gì..." "Không ích gì...", "Không ăn thua gì...". Tôi vừa đi vừa đánh nhịp gót giày để họa những câu tôi đương nghĩ vẩn vơ trong óc. Và chân tôi, có trời hiểu làm sao, dắt tôi ra đền Ngọc Sơn. Lúc viết thiên hồi ký này, tôi nhớ rõ như mới ngày hôm qua cái chàng thanh niên tóc bợp đi bập bà bập bỗng như một thằng lật đật từ cổng đền vào giữa cầu Thê Húc, một đêm thu lạnh, lất phất mấy hạt mưa xanh. Những người khờ dại thấy tôi lúc đó chắc tưởng tôi là một thi sĩ đương đi tìm một vần thơ hay một nhà văn gớm ghiếc nào sắp viết một truyện dã sử trường giang về đức Lê Thái Tổ.

Chao ôi, chao ôi, không phải. Tôi tìm một nơi vắng vẻ như thế chỉ là để đứng, và đứng bằng hai chân.

Chân tôi không đứng vững. Nếu tôi cứ đi thất thểu ở ngoài phố như một con chim tha mồi, người ta sẽ lấy tôi làm một anh hóa dại hay một gã "tiên thiên bất túc" thì xấu lắm. Tôi mong gió mát và không khí ở hồ trong mười lăm phút, sẽ làm cho tôi tỉnh thuốc. Nhưng nửa giờ qua đi, tôi cứ đứng vịn thành cầu mà rỏ rãi xuống hồ. Toàn thân tôi không còn phải bằng da, thịt hay gân, sụn. Nó là một cái gì rỗng mà nhẹ. Bảo là một con búp bê nhựa có lẽ đúng, bởi vì chân tôi như không còn bám được trên mặt đất. Giá lúc đó có một vài ngọn gió to, tôi đến bay lên trên không mất rồi. Bởi thế, nếu có ai đi sau tôi mà quan sát, tất sẽ thấy tôi vùng vằng với chính tôi: hai khuỷu tay tôi cứ khoành khoành lại đằng sau như kiểu một cụ lý đến ăn cỗ nhà người khác, rượu chè đã say rồi, lại không chịu để người ta kéo về nhà cứ nhất định "xin nghỉ lại đêm" ở đấy. Tôi không có ý định làm một thằng "bắt tê" muốn ngủ ở cầu. Thực quả lúc đó, tôi chỉ làm mấy phép thể thao Thụy Điển để chống lại với gió, không cho nó quăng tôi xuống hồ. Xuống hồ! Dưới một đêm lạnh lẽo như thế này, mà chết ở dưới hồ! Thú thực, những lúc giận nhà và thù xã hội, tôi đã nghĩ ra nhiều cái chết mà ít người tưởng đến. Nhưng say thuốc phiện mà ngã xuống hồ rồi chết, chết giữa một đêm thu đẹp, có nước xanh, mưa tím, và liễu rủ với một con thuyền già như của Tô Đông

Pha – một cái chết chua chát như thế, thực, tôi chưa bao giờ nghĩ đến! Cái đầu xuống trước, hai chân "giồng cây chuối" xuống sau, Bằng ơi, mai thì cả thành phố sẽ bàn tán về mày. Nhiều người sẽ nặng lời mạt sát vì mày đã tự tử – có ai biết tôi vì say thuốc phiện mà ngã xuống hồ đâu! – Vì mày đã tự tử, làm bẩn cả hồ thành phố. Lập tức, một con thuyền sẽ thả ra để câu cái xác bẩn thỉu của mày lên. Đẹp chửa! Quần áo đi đâu mất cả rồi? Chỉ còn trơ lại một cái bụng xanh lè vì uống nhiều nước quá nên to sềnh sềnh lên. Cá nó rỉa mất mắt mày, mất tai mày, mất cằm mày... Mày không phải là người nữa, nhưng là một đứa hủi cùn hủi cụt. Một con quái vật!

Tôi dựa vào thành cầu mà tưởng như mình đã trông thấy chính xác mình. Một cái gì tanh tưởi, hôi hám bỗng vận từ ruột tôi lên cuống họng. Tôi đã tưởng như không giữ được thế quân bình trong bụng nữa. Nhưng không, tôi chỉ nôn khan và chớ ra nước rãi, như kiểu người có giun. Lập tức tôi nghĩ ngay đến những viên thuốc giun "quả núi" mà thuở bé mẹ tôi vẫn mua ở trên Hàng Buồm về cho uống. Tôi muốn thuê ngay xe lên, mua một vài quả uống xem có dịu đi chút nào. Nhưng hồ giơ chân ra bước tôi có cảm tưởng như cả người tôi sắp nhão ra thành bùn. Người tôi đẫm những mồ hôi: mồ hôi ở lưng, mồ hôi ở trán, mồ hôi gót chân, mồ hôi ở bụng và mồ hôi cả ở lòng trắng con mắt chui ra nữa. À, à. Say thuốc phiện là thế này đây. Say thuốc phiện thì say thực. Tôi nhớ lại hồi nhỏ, đi học ở Hàng Vôi. Một hôm, tôi được trông thấy một cảnh tượng có thể gọi là ghê rợn. Một đứa trẻ chạc lên sáu, lên bảy, tay cắp một quyển sổ họ đi khật khà khật khưỡng ở lề đường. Cái đầu đi trước, hai chân đi sau, thằng bé mất thăng bằng, cứ đâm chúi xuống và có vẻ muốn húc vào tất cả những bức tường nhà người ta. Một người đàn bà trông thấy hét lên "Trời ơi! Thằng bé nhà ai ngộ cảm!". Lập tức những ông bà nghĩa hiệp đổ xô ra. Kẻ xoa dầu. Người đổ thuốc. Lại có ông giựt tóc mai mà gọi đứa bé như phù thủy gọi âm binh vậy. Đứa bé cứ đờ ra. Hai mắt trợn ngược chỉ còn toàn lòng trắng. Mọi người đã toan đưa nó vào nhà thương. Thì chính giữa lúc ấy, một người kéo xe không, đi đến nhòm vào, rồi thong dong nói rằng: "Vẽ. Việc gì mà chết. Nó hút thuốc lào đàng kia say đấy mà!"

Câu chuyện cũ trở lại với tôi. Tôi lấy trí óc tự đem mình ra so sánh với thằng bé đó. Và tôi nghĩ, bây giờ tôi về nhà, có lẽ cả nhà tôi cũng ngỡ tôi ngộ cảm như đứa bé cầm quyển sổ họ kia. Tôi buồn cười một mình. Nhưng không lâu. Tôi lại nôn khan. Nước rãi tứa ra

ồm ộp. Tôi tự bảo: "Ấy, cứ đùa thế mà khéo chết cũng chưa biết chừng".

Chết? Tôi chưa chết lần nào cả. Nhưng tôi biết rằng trước khi chết, người ta thường vã mồ hôi thật nhiều. Các cụ gọi thế là thoát dương.

Lập tức, tôi cho là tôi thoát dương thực. Trong đầu, rộn lên những tư tưởng u buồn, thương cha nhớ mẹ! Tôi đã định khóc tôi. Nhưng say thuốc phiện có ai chết được bao giờ nhỉ? Ờ. Say thuốc phiện, chưa ai chết bao giờ cả. Tôi lại hy vọng sống.

Tôi đặt chân phải xuống đất cẩn thận, tôi lại đặt chân trái xuống đất cẩn thận rồi mới bước. Tôi bước ra được đến đường thì mồ hôi ra như tắm. Miệng khô. Lưỡi đắng. Hai mắt nảy lửa. Cái gì cũng hóa ra những vòng tròn đương xoay xoay... những vòng tròn đương xoay xoay... những vòng tròn đương xoay xoay... những vòng tròn đương xoay xoay...

II

Làm sao bây giờ? Đường tối. Gió lạnh. Người đi lại ít. Chỉ vài bước nữa thì khuỵu mất. Không ai trông thấy tôi để vực lên. Tôi phải gọi một cái xe thuê về nhà mới được.

Việc đầu tiên của tôi khi ngồi chắc chắn lên nệm rồi là nhắm mắt lại như một người bình tĩnh nhất. Người phu xe đã kéo tôi đi trong những thành phố bằng bông. Tất cả gió trong vũ trụ lùa vào hai cái lỗ tai nhỏ bé của tôi. Tội nghiệp. Đầu tôi liệu có khỏi vỡ từ đây về đến nhà hay không?

Có những người mắc bệnh kinh niên, tuy thương vợ nhớ con thực, nhưng không muốn sống. Họ cho rằng thà chết còn hơn để cho bệnh hoạn day dứt ruột gan. Tôi cũng thế. Tôi cũng muốn chết, nhưng không muốn chết đường. Về nhà, giải một cái chăn ra, nằm xuống rồi nhắm mắt lại để không bao giờ dậy, như thế yên cái thân của mày hơn, Bằng ạ. Và có như thế mày mới sẽ không bao giờ hút nữa.

Hút nữa? Nghĩ đến hai chữ ấy, tôi rủn cả mình lên. Nhờ ơn cha mẹ sinh dưỡng, tôi không phải là một thằng loạn óc. Tôi không có can đảm đốt đình đốt chùa hay giết người lấy của bao giờ cả. Đời nào tôi lại dám có cái tư tưởng kinh khủng và điên cuồng là hút nữa, hở Trời?

Nằm trên giường, tôi nhai những tư tưởng ấy với nước bọt ứa từ dạ dày lên. Bỗng nhiên, tôi rụt mình đánh thót. Tôi ngã từ mép giường xuống đất. Khổ cho thân mày chửa! Xác bằng ngần ấy mà nằm ngủ trên giường còn ngã. Trước khi tôi có ý tưởng trở dậy để lên giường, tôi nghĩ như thế này: "Ngã đánh huỵch thế này, ít ra cũng phải bươu đầu hay sưng mặt. Rõ đẹp! Mai ra đường, đừng có hòng vác mặt mà trông con gái ông Đắc Kỷ ở Hàng Khay nhé! Tôi giơ tay soát lại mũi, lại trán, lại má, xem có bị thương tích ở đâu không. Tôi thấy mũi tôi lạnh toát. Máu! Chảy máu mũi mất rồi! Vội vàng, tôi mở mắt ra trông xem có máu ở tay không. Kẽ mắt tôi như nứt. Ồ này lạ chửa, mẹ ơi! Tôi vẫn nằm nguyên trên cái giường ghế ngựa. Thì ra tôi không ngã xuống đất bao giờ. Tôi mê, không, các ngài lầm. Tôi có mê đâu. Tôi tỉnh. Nhưng một cái gì bí mật vừa vật tôi xuống đất. À, ra đi gió về mây là thế. Thế thì tôi không muốn đi gió về mây tí nào. Tôi đến mắc bệnh đau tim mất. Mồ hôi toát ra mỗi lúc nhiều hơn. Tôi xin lạy thuốc phiện từ giờ mà đi! Tôi nói với tôi như thế. Phải cố ngủ mới được, không có thì chết mất? Vậy thì tôi ngủ. Nhưng cái gì lù lù một đống thế kia? Tiến lên bước nữa, và tiến lên bước nữa... Đùng! Đùng! Quái chửa! Lúc này là lúc thiên hạ thái bình, suối ngọt mà đất nục, dân gian đâu đó đều chăm chỉ về sự trồng thóc, thì cơn cớ làm sao giặc giã lại nổi lên lung tung ở đàng kia? Tôi định thần nhìn lại thì hóa ra giặc khách ở đâu kéo đến. Trời ơi là trời! Tôi tiếc sao trời sinh ra tôi mà lại chỉ cho có hai chân! Tôi chạy nhé! Tôi quàng chân lên cổ mà chạy nhé! Rõ ràng tôi nghe thấy giặc khách líu lo ở sau lưng. Tôi phải tìm chỗ ẩn. Tôi phải trốn vào trong quả đồi kia mới được. Tôi liều chết mà trèo. Một bước nữa thì đến đỉnh! Cố lên! Tôi sắp thở ra cho nhẹ ngực thì không biết cơ man nào là hồ lô, trông y như những cái bánh xe lăn đường, ở trên đỉnh đồi lăn xuống. Tôi ngửng lên nhìn vội. Giặc khách đương đứng nhìn tôi, chỉ trỏ. Chúng đốc thúc người lăn thêm những cái hồ lô xuống cho tôi không lên được. Tôi ngã đánh bịch một cái từ trên đỉnh đồi xuống, không kịp kêu cha gọi mẹ. Thế là hết một đời người. Một đời người chưa đi hết được một phần ba! Thực là ai oán. Tôi hét lên một tiếng rất to. Khốn nạn! "Nó" lại là một giấc chiêm bao. Tôi thấy mắt còn ướt. Tim tôi đập mạnh như một thằng ngộ dại. Có ai cứu tôi không? Mày không pha cà phê cho tao uống thì chết mất thôi Xuân ạ.

Xuân là tên đầy tớ vẫn hầu tôi. Nó vội đi pha một cốc cà phê đặc. Tôi uống một hơi và thầm cầu trời khấn phật cho chất cà phê

đuổi hết cái say ở trong người tôi ra. Vô ích. Mười lăm phút đã qua. Tôi lại càng thấy nôn nao hơn nữa. Tôi có tư tưởng muốn được giời đánh chết đi cho rồi. Trông không còn cái gì rõ nữa. Giường nằm quay đi. Giun dế càng kêu ti tỉ dưới bóng trăng mờ mờ. Mình ở trên giường mà thực không khác đương nằm trong mả!

Thôi, thuốc phiện đã ngấm vào trong các thớ thịt và cơ thể mất rồi. Bây giờ có trời gỡ. Hay là ta vào nhà thương rửa ruột? Năm lần bảy lượt, tôi đã đứng dậy toan đi. Nhưng hễ nghĩ đến việc xin giấy, tôi lại mềm xỉu người lại. Nguyên hồi ấy, Hà thành chưa có nhà thương Rôbin, mới chỉ có nhà thương Bảo Hộ. Từ nhà tôi đến nhà thương Bảo Hộ cũng gần. Chỉ phiền một nỗi là tôi có một người bác làm trong ban phát giấy. Ngoài ra, bên nhà xác, tôi lại có một người em họ và bên nhà thử máu tôi lại có một người anh thúc bá.

"*Ma lát* kia tên là gì?" – "Thưa, tôi tên là Bằng" – "Nguyễn Văn Bằng phải không? – "Vũ Bằng".

Một cái đầu nhô ra. Bác tôi! Bác tôi kêu: "Ô, anh Bằng! Anh làm sao mà lại xin rửa ruột? Uống thuốc phiện dấm thanh đấy à?"

Cứ nghĩ như thế, tôi đã thấy xấu hổ đến chân tóc rồi. Huống chi ngày mai cái tin ấy lại đồn đến tai người anh thúc bá với tôi là anh Lý! Lý sẽ phóng xe đạp đến nhà tôi báo cho bà tôi biết, mẹ tôi biết, anh em tôi biết: Tôi còn mặt mũi nào mà bước chân về nhà! Tôi sợ xấu hổ lắm. Tôi sợ nhất mẹ tôi sẽ nói: "Hút thuốc phiện đã sung sướng chưa con?"

Tuy thế, mới còn là thường. Tin này mà truyền ra đến ngoài thì cứ gọi là bỏ xứ mà đi. Bởi vì có đời thuở nhà ai "con trai con đứa" hút thuốc phiện mà đến nỗi phải đi rửa ruột! Làm người sao được? Có cần phải nói rằng hồi đó tôi là một tay chơi không? Ối! Được một cái tiếng hay như thế mà bây giờ té ra hút thuốc phiện say đến rửa ruột thì nhục quá!

Tôi xin thú thực rằng hồi đó, tôi có những ý tưởng rất là rồ dại. Theo tôi, những người con trai có nổi tiếng là ăn chơi thì mới đáng sống trên đời. Đi hát. Uống rượu. Bợm bãi. Nói tục. Nhân tình với me tây và cô đầu. À không được thế thì anh là thằng quỷch!

Không muốn mang tiếng quỷch, tôi tập uống từng chai rượu lớn mà chỉ nhắm với một hào phá xa. Tôi thức thâu đêm suốt sáng. Và, tuy từ hôm đó trở về trước, tôi chưa từng làm một điều bao giờ,

nhưng nếu ai hỏi "có hút bao giờ không?" tôi vẫn lên mặt thạo, trả lời bằng một câu khiếp lắm: "Ối, gì chứ cái đó thì đây thường lắm!"

Đã trót nói lớn như thế với các bạn và có khi cả với chú bác rồi, mà bây giờ lại lộ ra cái việc say thuốc đến nỗi phải rửa ruột, thì xấu, ối cha cha là xấu! Không, tôi không thể vào nhà thương được.

Chết vinh còn hơn là sống nhục!

Tôi đành cứ nằm ở đây thôi. Cái giường này đã từng được chứng kiến lúc ta ra chào đời, hãy nhìn cho kỹ lúc ta chết vì say thuốc phiện! Tôi nghĩ thế và suýt khóc. Thầy tôi chết đi để lại được tất cả chín người con. Người em gái sau tôi mất vì bệnh thương hàn. Anh em tôi còn có tám. Mẹ tôi nuôi cả tám đứa con. Bây giờ, tôi chết nữa chỉ còn có bảy. Bảy đứa để đỡ mẹ tôi, tôi cũng chẳng ân hận lắm.

Duy đáng thương có cô tôi.

Cô tôi già rồi mà lại không có con nối dõi. Bao nhiêu tình thương của cô đều đem đặt vào đứa cháu là tôi đây. Cô cho tôi tiền và săn sóc tôi từng tí. Người đàn bà ấy chẳng thiết gì đến đời mình. Cô không có chồng và ở với chị cùng các cháu. Cả nhà không ai biết là có cô. Cô như cái bóng hiện ra từng lúc rồi lại mờ vào trong bóng tối, không ai nhớ. Từ bé, tôi đã biết thương cho đời cô vất vả. Không phải tôi thương vì thỉnh thoảng cần tiêu cái gì, cô lại cho tôi vay, mà không bao giờ phải trả đâu. Tôi thương vì cô cũng là một kiếp người mà bị trời bắt tội phải thiếu thốn hết, không gặp một sự may mắn bao giờ cả! Ngày, cô trông hàng và ăn hai bữa cơm không lấy gì làm vui vẻ lắm? Đêm, cô lẫn cẫn khâu vá một mình trên gác đến hai ba giờ. Người cô gầy như một nhánh huệ. Ai cũng có thể càu nhàu với cô. Nhưng mỗi khi trong nhà có việc gì quan hệ, ai cũng gọi tới cô và ra bộ vô cùng tử tế. Nhất là khi các cháu sinh nở bao giờ cô cũng là người trước nhất đến nhà bà đỡ, xếp đặt giường màn và tã cho đứa bé sắp sinh. Cô sẽ ngồi hàng tuần để ẵm cháu cho đến khi dọn về nhà. Về nhà, người ta lại quên cô và cô lại lặm cặm ở trên gác một mình, chẳng biết hờn giận ai bao giờ.

Hình như cô biết số kiếp mình như thế nên khiêm nhượng, an phận lắm. Vì vậy, cô vẫn thường để cả nhà hỏi trước rồi mới trả lời, chứ không dám hỏi trước ai bao giờ. Lần này thì khác. Lần này, thấy tôi vật vã đến hơn một giờ đêm không ngủ mà thỉnh thoảng lại rên lên như một người ngã nước, cô cất tiếng trước và hỏi tôi thấy trong người ra sao.

Lạy trời, xin trời chứng giám cho tôi! Tôi vốn không phải là người độc ác. Không, tôi thương cô lắm. Bởi vì từ thuở bé tôi đã có một tâm hồn mềm yếu dễ khóc cho những cảnh khổ của lòng người? Tôi lúc nào cũng nhớ rằng cô không chồng không con, không có một tình thương yêu nào ấp ủ; tôi lại biết cả rằng đối với những người như thế, một tí gì vô ý cũng có thể làm mủi lòng, tủi thân... Nhưng... Nhưng ba mươi sáu con quỷ sứ khốn nạn nào đã nhập vào người tôi lúc đó? Tôi gắt ầm cả lên. Thuốc phiện day dứt tôi, xui tôi bẳn tính và làm tôi thành ra một con chó, một con chó dại.

– Thôi, cô đừng hỏi nữa. Cô biết gì? Tôi say thuốc phiện, sắp chết đây...

Thái dương thì rức lắm mà mắt vẫn hoa lên, nhưng tôi nhớ như in dáng điệu và cử chỉ của cô tôi lúc đó. Nghe thấy mấy chữ "Tôi say thuốc phiện", cô tôi thiếu một chút nữa thì khuỵu xuống. Mặt cô tái lại như một miếng tôn. Hai tay cô run run. Cô phải bíu chặt lấy cái cạnh bàn một lúc. Mãi mãi, cô mới nói lên lời. Cô không dám trách mắng nhưng van xin tôi. Cô nói:

– Hừ. Sao anh dại thế? Chơi cái gì chẳng chơi, lại chơi điếu thuốc điếu sái vào, gỡ ra không kịp đấy!

Chà chà! Cái lối đàn bà thì bao giờ chẳng thế. Cứ động nói đến thuốc phiện, y như là sắp chết đến nơi. Tôi đầy cả ruột. Bởi vì tôi mệt quá, không nói được, nên đành chỉ lấy tay ra hiệu bảo cô đừng nói nữa và đi ra chỗ khác đi. Ôi! Lòng người mà đến như tôi lúc đó thực là "sơn cùng thủy tận". Tuy vậy, tôi không hối hận chút nào. Tôi đanh lắm. Tôi kéo chăn lên cổ, nằm im, nhắm mắt lại để nghe chính bụng mình sôi réo lên. Cô tôi, dáng chừng còn muốn nói thêm điều gì nữa, thấy thế, im bặn bặt. Qua hàng mi của đôi mắt lim dim, tôi thấy hiện ra ở má cô hai nếp dăn sầu thảm. Miệng cô như mếu. Tôi cảm giác như trông thấy một bà già bóng xế về chiều khóc đứa con độc nhất của mình, số kiếp vất vả, đã bỏ thân ở chỗ rừng thiêng nước độc.

Lặng lẽ như đi trên nhung, cô tôi ra đóng cửa sổ lại cho khỏi gió. Cô lấy một lọ dầu Vạn Ứng để ở cạnh tôi, xem tôi có cần dùng đến chăng.

Trời khuya lắm. Nằm ở trên cái gác nhỏ bé, chung quanh toàn là những cây to cả, tôi nghe thấy gió thổi mạnh như có hàng trăm con quỷ sứ lấy tay lay cửa sổ và gõ lên trên mặt kính nhà tôi. Thế rồi thì lạch cạch... lạch cạch... lạch cạch... Tiếng cô tôi ở dưới nhà bỏ cái

chặn cửa và rút mấy cái then chỗ cửa đi xuống bếp. Cô làm trò gì vậy? Tôi nhắm mắt và chợp đi một lúc. Mở mắt ra thì đã thấy cô đứng ở cạnh tôi, giơ một bát nước và bảo tôi uống đi cho thực nóng. Không nghĩ ngợi, tôi cầm bát uống luôn – uống không phải vì tôi tin bát nước ấy sẽ làm cho tôi khỏi say thuốc phiện, nhưng chính tại tôi khát quá. Xong, tôi hỏi:

– Cô cho tôi uống nước gì thế?

– Nước nóng pha với đường tây đấy. Uống đi.

Tôi không hiểu tại sao cô lại cho tôi uống như thế, nhưng tôi không hỏi làm gì. Tôi chỉ nằm thẳng cả chân tay ra để hưởng cái cảm giác dễ chịu mà nước đường đã đem đến cho cơ thể. Tôi khoan khoái dần. Độ vào khoảng hai giờ rưỡi sáng, tôi ngủ được.

Sau này, hỏi ra, tôi mới biết rằng lúc tôi chưa đẻ, ông tôi ăn thuốc và thường say dữ lắm. Ông có môn thuốc bí truyền, thường bắt cô tôi pha nước nóng với muối hay nước nóng với đường tây để uống cho dã thuốc.

Tội nghiệp cho người đàn bà ấy!

Cô ghét thuốc phiện, ông tôi mất đi, tưởng thế là thoát được thuốc phiện rồi. Có ngờ đâu hai mươi bốn năm sau, một đêm đông lạnh, cô lại phải trở dậy hầu một thằng cháu cũng say thuốc phiện như ông nó đã say ngày trước.

III

Bạn đọc, ông đã có lần nào ốm nặng chưa? Có. Tôi biết. Đêm ấy là một đêm cuối hạ sang thu. Rét về. Người ta thấy sôi nổi ở trong lòng những sự thương nhớ vẩn vơ. Lại điểm mấy hạt mưa lất phất. Hỡi ôi, ngồi một chỗ, người ta có thể sầu mà chết bỏ đời. Dưới một trời thu lạnh có gió bấc và quạ kêu, ông đi bách bộ trên một hè phố vắng. Nếu không muốn thế, ông đến một chỗ nào ấm cúng có con gái đánh đàn và đọc thơ. Cảm lắm. Nhưng cái trò thế: sương muối cuối năm rất độc. Về, ông gây gấy sốt, rồi ông sổ mũi, ông đau mình, rồi ông liệt giường liệt chiếu: ấy là ông ốm. Ông chữa thuốc tây không khỏi. Ông chữa thuốc ta không khỏi. Ông rủa trời, rủa đất ầm lên. Và ông thề rằng: "Đứa nào từ giờ mà còn cảm thu đi chơi khuya, không còn phải là người". Tốt quá: ông đã khôn ra rồi. Ai cũng tưởng

từ giờ đến lúc xuống lỗ, ông vẫn còn nhớ lời thề đó. Không. Ông khỏi bệnh ít lâu, ông tẩm bổ, rồi ông khỏe. Thế là ông quên hết. Người ta bảo thời gian là một người khán hộ tài nhất để chữa những vết thương lòng. Thực đúng. Năm sau, rét về, ông lại thấy túng tứng một mối cảm thu bát ngát, mênh mông. Ông lại ra đi nữa và ông lại bị.

Kẻ dồ dại này cũng thế. Y say thuốc phiện thấy... ông bà. Y cũng thề như vậy. Y thề rằng: "Ta mà còn hút nữa thì ta là kiếp... chó!". Một ý định đáng mừng cho thanh niên. Nhưng chỉ được vài ngày thôi, ông ạ. Một buổi đẹp trời kia, có bạn ở xa về rủ hắn đi chơi. Ăn uống. Rượu chè. Và một điếu sì gà ngậm ở mỏ đi rong chơi ngoài phố. Đi ngoài phố làm gì? Chúng ta không còn ở cái thời kỳ mười bảy mười tám, chải đầu bóng, tết ca vát đẹp, đi chim gái. Ghét lắm. Chúng ta phải chơi cái lối đúng đắn hơn: nghe trống. Ít ra cũng mất mười lăm đồng, hai chục. Phí lắm. Mà hai người đi hát lại buồn. Thật, ta nên cám ơn giời đã cho chúng một lối tiêu phí thời giờ mà mất ít đồng tiền. Nhảy đầm? Hồi đó, nước ta chưa có lối chơi hứng lòng có một không hai đó. Ông đã đoán trúng: chỉ có đi tiệm là rẻ nhất. Này, thuốc phiện hồi đó có đắt như bây giờ đâu. Ông vào tiệm. Ông nằm hút. "Cho ba cối lớn nhé!" Tất cả độ đồng hai. Tiền cho bồi tiêm, hai hào. Ông bảo mua quýt hãm độc một hào. Tất cả, đồng rưỡi bạc. Bao nhiêu người liếc trộm và phục ông là một tay chơi "chơi được!" Chà chà, hai tiếng "chơi được" chẳng là đủ rồi sao?

Tôi không còn nhớ rõ tất cả những cảm giác lúc ngậm cái dọc tẩu lần thứ hai. Tôi chỉ biết rằng, tự thâm tâm, tôi cũng thấy hơi sợ sợ. "Nó mà cho một trận say thất điên bát đảo như lần trước thì cay đắng!"

– "Mình cứ quen mui hút mãi thế này, lỡ bắt nghiện thì nguy!"

Phải nói rằng, tôi cũng như trăm nghìn thanh niên khác, đã từng được nghe cha mẹ, anh em, bạn bè hét vào tai "Thuốc phiện là thuốc độc". Tôi đã có cái hân hạnh được nghe dưới xóm bài hát "Ả phiền": *Ả phiền làm bạn với ả phiền; cợt bỡn nhau chi hóa ra nghiền; xoay ngang trời đất vào trong lọ; xóc dọc sơn hà một mũi tiêm...* Và tôi cũng đã đọc bài phú Thuốc phiện của Ngô Điền, cùng những bài khảo cứu thuốc phiện trong các sách nguyệt san và tuần báo.

Bao nhiêu bài luân lý! Bao nhiêu hàng rào ngăn chắn thuốc phiện cho tôi! "Mày may mắn đến thế là cùng. Xã hội giữ cho mày. Sách vở ngăn cấm mày. Những người thương yêu mày khuyên răn

mày. Vậy mà không hiểu làm sao mày lại đâm đầu vào thòng lọng để đưa thân vào cõi chết?"

Sau này, suy nghĩ mãi, tôi mới biết rằng tôi bê tha điếu thuốc sái, chỉ vì tự phụ. Thế này: tính tự phụ, chẳng riêng gì tôi mới có. Một số lớn thanh niên đều tự phụ như tôi. Nói ra thì ghê lắm. Người này tự phụ rằng mình là một bậc thiên tài ngang với Mohamet hay Lycurge. Người kia ước lượng sức mình có thể ôm quả địa cầu vào trong tay. Người kia nữa cho là mình khôn hơn hết cả thế nhân, có thể giơ ra một tập nguyện vọng mà thay đổi được cả tình hình thế giới.

Hồi đó, vụ Stavisky vừa mới phát giác ra. Các báo đều đăng lên trang nhất bức ảnh của "ông hoàng đẹp trai" có bao nhiêu là tình nhân. Nhiều thanh niên ta chưa làm được Mohamet, Lycurge, bực mình đành ngồi một chỗ đợi thời. Chán lắm. Họ bèn ao ước làm được tồi ra là một Stavisky nước Việt. Họ đi chim gái và anh nào chim được nhiều gái nhất, được chúng bạn suy tôn là "tay pho". Tay pho thì phải khôn. Không ai chịu "kém nước" ái tình. Ai cũng tưởng sẽ đùa với nó. Không ai tin có số mệnh, có Trời. Họ làm chủ họ và họ yên trí rằng bất cứ vào trong cuộc thử thách nào, họ cũng thoát được ra, lớn lao hơn và gớm ghê hơn. Kết cục: họ thua Số mệnh, họ thua Ái tình, họ thua hết cả. Đó là vì tại tâm hồn họ yếu. Đó là vì tại họ đã chơi với lửa. Đó là vì tại họ không biết tránh những con đường dốc thì tài mấy cũng không giữ được thăng bằng. Chỉ cần trượt chân một cái, tức thì ông ngã. Nghĩa là ông chết.

Chưa chết hẳn vì chưa trượt chân xuống hố thuốc phiện, tôi vẫn có đủ thời giờ để tự phụ một mình: "Ta không bao giờ để cho thuốc phiện hành hạ được".

Nay một điếu. Mai một điếu. Thuốc phiện không làm cho tôi nôn nao khổ sở nữa. Tôi hút tới hai mươi điếu mà không việc gì. Tài thật! Sao buổi đầu tôi lại kém thế, hở ông? Bây giờ, tôi hút, tôi ngậm khói, tôi bồi một hơi thuốc lá thơm, tôi hãm một ngụm nước nóng rồi tôi thở: không có một tí khói nào thoát ra. Thế mà không say đấy. Giỏi không?

Một năm qua. Mùa xuân cũng như mùa thu, tôi cứ để cho tháng ngày bay đi như làn khói xanh bay vào cõi hư vô. Có khi tôi hút liền bảy ngày trong một tuần. Có khi một ngày, tôi hút hai bận và có khi

ba bận. Người ta bảo rằng hút thuốc phiện mà không đúng giờ thì khó mắc. Tôi làm theo như thế. Vậy tôi có khôn không?

Bao nhiêu tiệm trong thành phố, tôi biết hết. Tôi la cà hết tiệm nọ đến tiệm kia. Không phải tôi giữ tiếng, không muốn cho ai thấy tôi ngày nào cũng hút. Không, tôi cần nhắc lại rằng tôi không sợ xấu hổ vì hút thuốc phiện đâu. Trái lại. Tôi lấy thế làm danh giá. Bao nhiêu nhà văn, nhà báo đi trước tôi đều biết làm dăm khói. Sao tôi lại không làm dăm khói như họ? Tôi yên trí rằng không hút thuốc phiện không thể nảy ra văn được. Tôi hút. Tôi hút. Hình như trời lại giúp cho tôi hút nữa: hồi đó, tôi gặp nhiều sự may mắn về tiền nong. Lấy cớ rằng phải viết nhiều mệt óc và cạn mất tiệt cả nguồn văn, tôi lại càng hút lắm. Tôi chưa đến nỗi phải chấm chiếu, nhưng tôi đã bắt đầu hút sái.

Thuốc phiện rẻ lắm mà! Tôi, một gã trai hai mươi ba tuổi trên đầu, cơm cha mẹ nuôi, áo cha mẹ mặc, mà lại chẳng vợ chẳng con gì cả thì tiền đi đâu mà hết? Không, tôi hút sái chỉ vì có người bơm vào tai tôi rằng hút sái thì mới đậm. Tôi thấy hút sái đậm thực. Từ đó, mỗi tối đến tiệm cụ Vạn, người ta bê cho tôi mấy cối và không bao giờ quên kèm theo mấy thỏi sái để "bao".

Tôi hút đã có vẻ con nhà chức sắc. Ở chung quanh, người ta không ngớt lời khen tôi. Mỗi khi tôi đến tiệm, tiếng chào nổi lên ôi ổi. Tôi thành ra quen tiệm.

– A, để tôi phải liệu mới được, tiên sinh ạ.

Một bữa, cụ Vạn xoa hai tay vào nhau như lối rét lắm, cười ha hả mà nói với tôi như thế.

Liệu cái gì? Tôi lim dim mắt, với lấy cái dọc của người bồi tiêm đưa. Tôi hút như một người đói thuốc đã hơn tuần lễ. "Này này, tôi hút thuốc phiện của cụ thì tôi trả tiền. Nếu có thiếu tôi chịu. Nhiều lắm, mỗi tháng cũng chỉ ba bốn chục. Cụ không bằng lòng thì thôi. Liệu gì?"

Tôi lại bắt lấy cái dọc tẩu mà hút nữa. Bình tĩnh lắm. Chính thực, trong lòng tôi lúc đó nổi lên một sự bất bình ghê gớm. Tôi nhớ lại lời của một ông bạn nghiện đã nói với tôi hôm trước: "Tiệm này không chơi được. Chắc lép lắm. Anh em ta liệu mà chuồn đi. Tiệm chú Coóng ở Hàng Buồm chiều khách lắm. Mai, sang bên ấy mà đóng đô!"

Lời nói của ông bạn văng vẳng bên tai tôi. Tôi nhắm mắt ngủ? Không. Cụ lầm đấy, cụ Vạn ơi. Tôi đương nghĩ cách từ giã cụ. Nhiều

người sẽ bắt chước tôi. Rồi cụ chết. Mà không những thế, tôi lại còn nguyền rủa cụ. Tôi sẽ còn nguyền rủa nữa, nếu ngay lúc đó, chủ nhân không vuốt bộ râu cà nhốt mà nói tiếp:

– Tôi liệu thế này, tiên sinh ạ. Bọn nhà văn chúng mình không thích ồn. Vậy tôi quyết định từ tối mai, sẽ để riêng hẳn cái buồng nhỏ này cho tiên sinh. Tĩnh lắm. Xem báo hay viết văn, tùy thích. Cứ đóng cái cửa lại là chẳng anh nào vào quấy, mà cũng chẳng anh nào vào "gạ" tiên sinh được. Bởi vì tôi giận tiên sinh lắm: tiên sinh tốt quá nên nhiều bạn tòng quá, tôi thấy tiêu mà sốt ruột!

Cụ chủ tiệm nói thế, tôi nghi nghi trong bụng. Nhưng mãi về sau không thấy cụ cười, tôi mới thấy tất cả sự nghiêm trang bao bọc tôi nó to tát như thế nào.

Tôi thấy ruột gan tôi như có ai mắc cái bơm xe đạp vào bơm lên như thổi. Chắc là cái mũi tôi phồng to lên bằng quả táo tây, chứ không chơi. Tôi cám ơn cụ chủ tiệm không để đâu cho hết. Tôi muốn ôm lấy cụ, hôn cái bộ cà nhốt của cụ để xin lỗi, vì lúc nãy tôi đã nghi oan cho cụ. Nói có thần phật chứng minh, cụ là một người rất tốt. Để riêng một cái phòng cho tôi? Ối chao! Còn gì hay hơn nữa. Thực tình, hút chung đụng ở bên ngoài, tôi không sợ gì người ta đến ám ảnh hay gạ gẫm. Nhưng quả tôi thấy rằng ở tiệm nào cũng vậy, nhiều chuyện vào chuyện ra quá lắm. Mình lừ lừ đi vào không nói chuyện với ai, họ cho là mình làm bộ vì mình là nhà văn, nhà báo. Mà mình nói, thì biết nói với họ chuyện gì? Bất quá cũng chỉ chuyện hút. Cùng lắm lại là những chuyện ông này chơi sòng phẳng, ông kia có tính lúc nào cũng tự xưng mình là "cụ Phán ông" và bắt bồi tiêm gọi vợ mình là "cụ Phán bà". Ngồi lê đôi mách như thế, xấu lắm! Tôi không muốn. Hút trong buồng riêng, ít có người vào nhiễu, thế tất ít phải nghe những lời nói xấu hay vu oan giá họa bên tai. Còn như họ có nói xấu mình, mặc họ. Vả chăng, tôi cần nói thêm rằng ít lâu nay tự nhiên, không hiểu làm sao, tôi đã thấy e sợ nhiều người biết rằng tôi hút. Tôi lại sợ rằng, tiếng hay đồn đi, tiếng dở đồn đi, mẹ tôi sẽ biết rằng tôi nghiện.

Cụ chủ tiệm chu đáo lắm. Cụ muốn giữ tiếng cho tôi. Tốt lắm. Tôi không biết làm thế nào để tạ tấm lòng cụ quá yêu. Nhưng, nói vụng cụ, chính cũng vì tấm lòng quá yêu đó mà tôi thành ra nghiện nặng thêm: từ ba cối, tôi hút tăng lên bốn cối! Dần dần, không khí ở tiệm cám dỗ tôi. Hôm nào không đến, tôi nhớ quá. Y như thể một anh ốm tương tư vậy.

Nếu Phan Tất Chính còn sống, tôi quyết đi tìm gã mà hỏi rằng ngày xưa gã tương tư Trần Kiều Liên thì có khổ thế không. Ông như mất trí. Ông buồn rũ người ra. Ai hỏi bên cạnh tai, ông tưởng người ta quát. Ông thấy là ông thừa. Bụng ông thừa, cả mắt, cả mũi, cả tai và đầu ông nữa đều là thừa cả. Ông gắt ngậu nhà lên. Cái gì nhà bếp làm cũng tồi cả. Ông ăn một quả chuối cho đỡ đói: chuối có vị chua. Ông phập phồng hai cánh mũi đánh hơi: Ồ này lạ! Sao ở trong buồng ngủ lại có hơi thuốc phiện? Thế là thần trí ông đưa ông đi khắp đó đây. Ông đến tiệm ông. Ông mần một câu tuồng: *"Đuổi dê ra ải Bắc, lòng luống những sầu lây... cảm Hán hoàng còn ngự đài mây, thân chi xá nài bao lao khổ... hà!"* Ông thấy rằng cái tiệm mới chính là nhà ông vậy. Vui lắm! Đẹp lắm! Ông sẽ "sang nam" ngay, nếu lúc ấy tâm can tì phế ông không giục ông cho chúng làm dăm điếu. Không thế, người mệt lắm. Lập tức, ông cởi giày, để nguyên bí tất, nhảy lên giường mà nằm co quắp lại như một con tôm kho. Đệm êm lắm. Ông có rét thì lấy cái chăn mỏng hay cái ba đờ suy mà đắp. Nào, ai dám bảo cõi đời này là vô vị? Đời có một vị lạ lắm: nó thơm mà lại béo, mà lại bùi, mà lại bổ. Một điếu chưa mùi gì. Hai điếu. Tiêm nhanh lên một tí, anh Ba! Ba điếu. À, đã khá đấy. Đời lại càng đẹp đẽ. Vạn tuế ả Phù dung! Vạn tuế ả Phù dung! Ông đứng lên trên giường, hét một câu: *"Như mỗ đây..."*, xoay một vòng, rồi giơ chân phải lên đá vào áo giáp, kiểu một viên tướng nhảy lên lưng ngựa băng mình ra trận...

Than ôi, tôi xin chia buồn: ông rơi đánh bịch một cái từ trên trời xuống. Ông có sống ở trong thực cảnh đâu? Ông đương tưởng tượng đấy mà. Thực cảnh đây này: tối hôm nay, ông chưa hút. Ông đương nằm ở trên giường ngủ của ông. Ông nhớ đến cái cảnh linh lung ở tiệm, đây đó có mấy ngọn đèn dầu mờ tỏ, đẹp như con đường lên Nam Giao. Cảnh đó "gợi" lòng người nghiện lắm. Thế mà ông không được hưởng. Lòng ông rộn rã như có ai vò xé. Tai ông ùm lên những tiếng trống hộ đê. Thật quả nhà ta không có ông bà cả nào nằm xuống, vậy mà không hiểu nước mắt ở đâu cứ bò nhoài ra. Ông nhớ đến tiếng nói của ông chủ tiệm? Đến tên bồi tiệm mỗi khi làm xong điếu thuốc lại cầm cây tiêm gõ vào dọc tẩu mời ông xơi? Đến tiếng hát của bà Lucie mỗi khi no thuốc lại ngân lên như tiếng than thở của Chiêu Quân lúc ở Phiên bang sầu nhớ cung điện Hán hoàng thuở trước.

Ông nhớ tất cả. Nhưng ông không nhớ rõ một cái gì. Cái gì như cũng phảng phất mung lung trong một màn sương muối. Chán lắm đời ơi! Ông ngáp! Ông không ngáp một cái. Ông không ngáp hai cái. Ông không ngáp ba cái. Ông ngáp một lúc tới hai mươi cái. Rồi ông ngáp nữa. Có ai đã từng ngáp hàng thôi hàng thốc như ông mới hiểu rõ được cái ngáp ra thế nào. Cũng lạ. Cái lạ đó như thế này:

Hôm qua ông làm việc đến hai giờ khuya mới đi ngủ. Sáng nay, ông lại phải đi làm. Mười một giờ về, ông ăn quấy mấy bát cơm. Rồi ngáp. Ngáp một cái. Cùng lắm là hai cái. Ngáp được thế ông thấy dễ chịu trong người một chút, tuy người ông vẫn mệt. Nhưng đến cái ngáp thuốc, ngáp luôn một lúc hàng vài chục cái, thì người ông lại mệt hơn. Ông giữ cho cái ngáp thứ nhất không kêu thành tiếng. Tốt. Cái thứ hai, thứ ba, cũng được. Nhưng đến cái thứ tư, thì tôi đố ông giữ không kêu được đấy. Ông vừa ngáp, vừa vặn mình kêu. Ông vừa ngáp, vừa vươn vai và giơ tay lên trời. Ông vừa ngáp vừa kêu. Người ta bảo "ngáp hộc lên" là thế. Ông không có một tư tưởng gì nhất định. Mỏi mệt trong mình thì người ta ngáp chứ sao! Lý đó cứng lắm. Nhưng chỉ một lát sau, ông thấy như rờn rợn. Mỗi khi ngáp, chính tai ông lại nghe thấy hai cái quai hàm kêu đánh "khục". Thế là gân kêu hay bắp thịt kêu? Hay sai xương vậy? Có phải "ngáp xái quai hàm" là thế không?

Lúc đó, ông thật đã muốn làm một nhà khoa học để giải phẫu xem cái tiếng "khục" ở đâu ra. Mà không hiểu ở quai hàm có cái gân gì nối liền với mũi chăng mà cứ mỗi khi ngáp lại kêu đánh "khục" thì nước mũi lại chảy ra như tưới? Ông vừa chùi, nó đã ra rồi. Đồng thời, ở chỗ yết hầu ông lại có một cái gì vương vướng. Thoạt đầu, ông tưởng là buổi chiều ông xơi cá, mà ăn vội, nên hóc phải cái xương. Rồi ông lại tưởng rằng vừa rồi ông tráng miệng bằng một phần oản bánh khảo nên bây giờ cái bột nếp hãy còn mắc trong cuống họng. Mãi về sau mới vỡ lẽ ra rằng bao nhiêu điều ông tưởng đó đều không đúng. Cuống họng ông nghẹn chỉ là để báo hiệu một cơn ho sắp tới. Cơn ho ấy đã tới rồi. Nó tới như một cỗ chiến xa hạng nặng. Nó làm bật cả những làn da mỏng trong cuống họng lên. Ông uống nước: vô ích. Ông ngậm gừng: vô ích. Ông nằm ép bụng xuống giường rồi lấy dầu quất thần ra uống: vô ích nốt. Ấy là may mà ông biết trước rằng chỉ có đàn bà chửa mới "ho mọc tóc" thôi. Không thế, tôi cam đoan rằng ông sẽ tưởng là ông ho mọc tóc – mọc tóc trong cuống họng. Cổ

rát quá. Hẹ hèm! Hẹ hèm! Ông đứng dậy đi đi lại lại. Mắt ông nảy đom đóm. Tai ông vẫn ù. Ông không thể bình tĩnh nữa. Ông giận hết cả sự vật. Ông giận hết cả mọi người. Và ông giận cả... ông. Ông bịch vào ngực ông. Ông vật ông lăn ra giường. Quái, rõ ràng có ai hút thuốc phiện ở trong buồng ngủ ông. Ông đánh hơi nữa. Ông đánh hơi nữa. Thôi, có lẽ ông Ba Căng bên cạnh, đâm vào cái nghiện từ bao giờ không ai biết, đã đem bàn đèn về nhà rồi, chưa biết chừng. Ông mở cửa ra bao lơn, vọng về cái gác ông Ba Căng y như nhà thơ Đỗ Phủ lúc bị đày ra làm Tư công ở Hoa Châu đêm đêm vọng về Thiếu Lăng để làm thơ. Ông vọng về cái gác ông Ba Căng để tìm thuốc phiện, nhưng cần gì! Cái cần là làm thế nào ngửi được một hơi thuốc phiện. Thế là thỏa một kiếp người. Trời hại ông! Chẳng đâu có thuốc phiện cả. Và chỉ cần thiếu một thứ ấy, đời thành ra sa mạc! Ông thở dài. Ông nằm thẳng cẳng ra như chết. Ông nhắm mắt lại và nghe thấy từng bước đi của thằng bếp ở dưới nhà. Vợ ông mắng con: ông thấy tiếng nói của bà ấy như cứa vào gân ông vậy. Giá ông Ba Căng mà hút lúc nãy, quyết là ông có thừa can đảm để trèo qua tường, gõ cửa gác ông ta, vào nói chuyện. Nếu ông ta mời ông làm dăm điếu, nhất định là không chê. Làm khách làm gì, phiền lắm! Thôi. Thế nhưng mà thôi. Tối nay, ta không hút. Ông hút thuốc lào, thuốc lá, thuốc sì gà để xem có thể thấy được thuốc phiện không. Rồi ông theo phương pháp của các bác sĩ người Âu, tập trung tư tưởng mà nói một trăm lần câu này: "Tôi không nghĩ gì nữa. Tôi ngủ. Tôi phải ngủ". Từ một trăm, ông đã đếm đến một nghìn. Hai con mắt "thất giáo" của ông cứ long lên xòng xọc, không chịu nhắm. Ông vẫn ho. Nước mắt và nước mũi vẫn chảy. Tai vẫn ù. Ấy là ông đã nghiện mất rồi. Bè bạn, vẻ mặt buồn như đi phúng đám ma bảo với ông như thế. Họ tưởng tượng nhiều chuyện xấu xa, bi đát nữa. Ông hét lên một tiếng, không để cho họ nói dằng dai: "Đời nào!" Và ông lại nhắm mắt lại, không buồn đuổi muỗi. Cho nó đốt! Ông là tiên đây, ông không thèm để ý đến cái thấp hèn của thế nhân. Vợ ông lên, thấy thế, cho rằng ông ngủ. Bà ấy rón rén đi nhè nhẹ xuống nhà. Thế là bà ấy bị lừa: ông vẫn có ngủ được đâu! Ông đương nghĩ. Ông nghĩ rằng: "Mình hôm nay dở giời, chứ có phải lên cơn nghiện, cơn thuốc gì đâu. Khó lắm! Mình thế này mà lại nghiện? Còn xơi!"

Đánh cho chết, chúng ta vẫn không thể chừa tự phụ. Biết bao nhiêu đêm trằn trọc không ngủ được, tôi cũng đã nghĩ như ông. Tôi tự bảo: "Không, nghiện không phải là chuyện dễ như đàn bà vẫn

tưởng. Có thế nào mới nghiện được chứ! Hút chơi hút bời như mình thì mỗi lúc đã việc gì! Chẳng qua là họ dọa". Nghĩ thế xong, tôi giơ tay lên tập võ. Nhìn xuống, thấy ngực mình và bắp đùi mình cũng khá, tôi thấy nở lên trong lòng một mối tự phụ không tên. Tôi cho rằng tôi khỏe lắm. Và khôn nữa. Tôi chơi thuốc phiện chứ thuốc phiện không chơi tôi được. Tôi còn đi xa hơn thế nữa. Nằm bên bàn đèn, biết bao lần tôi quắc mắt lên nhìn vào dọc tẩu mà tự nhủ với mình rằng: "Ta không nghiện được. Nếu vạn nhất giời có bắt tội ta nghiện, xin chào cõi đời này! Mà Sông Cái! Mày sẽ thấy ta đâm đầu xuống lòng mày để cho sóng nước của mày cuốn ta đi mất tích. Chứ không ư? Một kẻ như ta mà nghiện! Không đời nào!"

IV

Nói thế xong, tôi lại hút như thường. Tôi bắt đầu hút nặng. Hồi đó, đồng rưỡi bạc cả sái đã là nhiều lắm. Tôi không nhớ rõ môi tôi đã thâm chưa và bề ngoài của tôi đã có cái gì báo hiệu cho mọi người biết rằng tôi là một dân hút hay chưa. Nhưng cô tôi, tuy rằng từ trước tới sau, cô tôi vì thương cháu, sợ cháu bị đánh mắng, không nói với mẹ tôi gì cả. Mẹ tôi thấy tôi đêm nào cũng đi đến một, hai giờ khuya mới về, không nói một câu, nhưng lúc nào cũng để ý dò xét tính tình tôi. Tôi biết thế và tôi đã làm sai hết cả những sự dò xét tâm lý của người. Người lầm thật. Mẹ tôi tưởng là tôi mê một cô gái nào đây. Tối nào không được thấy mặt thì khổ sở nên tối nào cũng phải bò đi.. Tuy vậy, cái thời giờ nghi ngờ một cách sang trọng như thế cũng không lấy gì làm lâu lắm.

Mẹ tôi trách mắng nhưng chẳng bao lâu cũng thôi, mặc, không nói nữa. Bởi vì hồi đó việc buôn bán của người rất bận. Mỗi ngày có hàng hai chục phường ở các tỉnh về lấy sách: cả nhà đứng ra bán mà vẫn không thể nào xuể được. Tối, mẹ tôi lại trông nom cho mọi người đếm giấy xem thếp nào thiếu thì bù, thếp nào thừa thì để lại, vất vả có khi đến mười một, mười hai giờ đêm, mà nào đã được ngủ yên.

Người còn phải kiểm lại tiền nong và nhầm những người nào còn chịu. Bởi vì người buôn bán theo lối Tầu, giao hàng cho các bạn buôn bạn bán mà tuyệt nhiên chẳng có tờ bồi gì cả. Đến một hai giờ sáng, người mới được nghỉ lưng. Cố nhiên, người ngủ say lắm lắm. Chính

lúc đó thì thằng con "trời đánh" này mới lò dò ở tiệm về. Nó gõ cạch cạch vào cửa sổ và gọi khe khẽ như một thằng ăn trộm. Có khi bà tôi dậy mở cho tôi: có khi em tôi dậy mở cho tôi. Nhưng sau, thấy mình đêm nào cũng làm thế thì hơi phiền – nhất là về mùa rét là cái mùa mà ai đã nằm vào trong chăn thì có súng trái phá nổ bên cạnh cũng không buồn trở dậy – tôi bèn nghĩ ra một cách khác là tôi "hối lộ" thằng Xuân, tên đầy tớ của tôi. Việc hối lộ do thế này: tôi bỏ tiền riêng ra làm một cái chuông điện, ăn vào trong bếp. Cái chuông mắc ngay chính ở đầu giường thằng Xuân. Bấm một cái: Keng! Keng! Nó dậy. Nó sẽ ra mở cửa cho tôi. Nhưng phải đi cẩn thận, kẻo mẹ tôi thức dậy thì nó chết! Để đền bù công dậy sớm thức khuya, tôi sẽ cho nó mỗi tháng một đồng diêm thuốc.

Cái mừng đó không lâu. Thằng Xuân dậy mở cửa cho tôi chỉ vỏn vẹn được có hai đêm đầu. Đêm thứ ba, bấm chuông thế nào, nó cũng không dậy mở. Đừng có ai nghi oan nó là tên đầy tớ hư, nghe thấy chuông hẳn hoi nhưng vì ngại rét nên giả vờ ngủ, làm như thể không nghe thấy. Không. Tôi biết lắm. Nó kéo xe bò; nó đi giao giấy; nó lại kiêm cả công việc đòi nợ và có khi lại tính cả những đơn hàng – mà nó lại không phải là voi! Đã hẳn là tối đến, nằm xuống, nó ngủ như một con rím vậy. Tôi không hiểu sức mạnh gì? – Có phải là sức mạnh của tiền không? – Đã xui nó tỉnh ngủ hai đêm đầu. Thoạt tiên, tôi phục nó và thương nó. Nhưng đêm thứ ba, bấm chuông hàng nửa tiếng đồng hồ vẫn không thấy thằng khốn nạn đó ra mở cửa, tôi không tiếc lời nguyền rủa nó và cả nhà nó ở nhà quê. Tôi đánh nó. Đi hút tối, tôi hay cầm ba toong. Cứ cái ba toong ấy mà tôi nện. Tội nghiệp cho thằng bé! Tôi nện nó có khi tưởng đến gẫy chân. Nó kêu ầm cả lên. Sợ mẹ tôi biết tra hỏi nó, tôi bịt miệng nó lại và tôi cho tiền nó. Hình như tiền đắp vào những chỗ bị đánh, thằng bé cũng không hẳn khỏi những nỗi đau. Nó tam tứ thứ xin về. Nhưng được cái nó tốt, nên về quê chỉ dăm bữa nửa tháng, nó lại ra xin ở. Mỗi lần ra xin ở lại như thế, nó lại mở cửa cho tôi được một hôm. Thế rồi lại thôi. Mà tôi, vào thời kỳ này, tôi bắt đầu phải có mặt hàng đêm ở tiệm. Như vậy, có ai biết tôi làm thế nào để về nhà không?

Tôi phải nghĩ mưu mới được. Tôi chẳng nghĩ được mưu gì cả. Cứ liều. Bấm chuông mà được thì về, không có lại đi. Tôi bắt đầu ngủ tiệm. Tôi đắp một cái chăn lạnh, ngủ độ vài tiếng đồng hồ rồi cứ độ chín giờ vùng dậy đi. Tôi đi làm việc. Tôi đi làm việc, không có giờ

giấc bao giờ cả. Nhưng ngủ cả một đêm như thế, mà lùi lũi đi ra không, không tiện lắm. Tôi phải mở hàng cụ chủ: tôi "làm" hai cối.

Có lẽ sau này tôi mắc thêm cái bữa thuốc buổi sáng cũng từ chuyện này mà ra. Nhưng ta chưa đi đến thời kỳ đó. Hiện giờ, tôi mới chỉ hút có một bữa thôi mà, một bữa cũng đã nhọc lắm rồi. Không phải vì hút nhọc, hay trả tiền nhọc, nhưng nhọc vì gọi cửa. Tôi không bao giờ quên được những đêm khuya lạnh, một mình đi ăn, rồi lê gót trên những hè phố vắng, về nhà. Gió hun hút vào tai, lên óc. Chân tay giá lạnh như ngâm nước đá. Sờ lên mũi, lắm khi mình không biết mũi mất hay còn. Mặc một cái ba đờ suy, không thấm. Tôi có hai ba đờ suy: một cái mới và một cái cũ. Tôi mặc cái cũ ở trong, tôi mặc cái mới ở ngoài. Đêm mùa đông nào, tôi cũng mặc hai ba đờ suy đi hút. Mà vẫn rét. Rét từ trong ruột rét ra.

Từ đó, tôi thấy việc đi hút là một cái khổ – khổ hơn tội cực hình. Khổ nhất là hút xong, say, trong mình lại mệt – có khi buồn ngủ là khác nữa – mà cứ phải rón rén đứng bấm chuông rồi... đợi! Cả thành phố đều ngủ im. Chỉ còn mình mình thức. Đứng nhìn những con chuột cống đuổi nhau ngoài đường, tự nhiên mình thấy mình là cái quỷ gì chứ không phải người. Người thì làm việc ban ngày và ngủ ban đêm. Thuận với lẽ trời lắm. Tôi sống nghịch với lẽ trời và tôi thấy cái thân tôi nhục nhã. Biết bao lần tôi đã thề: "Đến tối mai, nhất định phải ở nhà, nghỉ hút vài hôm, chứ đi về khuya khoắt thế này, tủi lắm". Ấy đó, thuốc phiện phè phỡn, người ta khôn như thế. Có khi người ta nhân hậu nữa. Đủ cả: nhân, trí, tín, dũng; như những người hiền thời xưa. Nhưng đến chiều mai, chưa có thuốc, chào ông! Chân trước chân sau, ông lấm lét chỉ chực mò đến tiệm. Ông không muốn thế. Nhưng không đi không được. Tôi cũng như ông, chúng ta thua mất rồi. Tuy vậy, chúng ta vẫn nói cứng, chúng ta chưa nghiện. Tôi thành thực tin như thế. Nhưng tối nào tôi cũng phải hút mới yên. Tôi bấm chuông khe khẽ để gọi. Sau, cùng quá hóa liều, tôi bấm chuông om cả nhà lên, mà không sợ cả nhà sẽ khổ vì mình. Tôi là thằng hủi đấy. Chớ có ai dây vào tôi mà phiền! Tôi nghĩ như thế vì tôi yên trí rằng cả nhà ghét bỏ tôi, cả nhà hại tôi, cả nhà cố ý không mở cửa để cho tôi chết rét ở ngoài đường phố.

Thực ra, tôi không đêm nào bị ngủ ở ngoài đường phố cả. Trong đêm tối, có một người lúc nào cũng băn khoăn về sự đi, về của tôi. Một người thức vò võ để chờ tôi về, mở cửa. Đó là cô tôi. Cô ơi, cháu

bây giờ biết thương cô thì đã chậm quá rồi. Sự đời đã đến cái mực đổ vỡ hoàn toàn, không còn cơ cứu vãn. Cô đã là người của thế giới bên kia. Cháu có thương cô đến bao nhiêu đi nữa cũng là vô ích. Lúc mất, cô chỉ nhận được ở cháu những cảm giác nặng nề. Bây giờ nghĩ đến, cháu lấy làm nhục sao có một thời kỳ đã có thể tàn ác thế!

Chắc không bao giờ cô nhắc đến những đêm khuya nín thở để mở cửa cho cháu vì sợ mẹ cháu dậy; chắc không bao giờ cô nhìn thấy nét mặt hầm hầm của cháu tức giận tất cả mọi người mà trong số đó có cả cô; chắc cô không biết tấm lòng cô đối với cháu lúc đó cao cả như thế nào. Không. Cháu biết cô là một kiểu mẫu đàn bà của một thế hệ đã qua, hy sinh hết mà không cần thu lại, nhưng bao giờ cháu lại quên được những đêm cháu bắt cô tung chăn dậy mở cửa cho cháu và dặn "đi khẽ chứ, không có mợ mày dậy mắng cho thì khổ".

Cô tôi dặn thế, nhưng rất ít khi tôi nghe lời. Bởi đã nuôi sẵn một tấm lòng tức tối với mọi người; bởi yên trí rằng mình bị trời phật và cả loài người hùa lại mà ghét bỏ và đầy đọa; bởi muốn tỏ cho tất cả nhà biết rằng mình là một thằng "liều thân hoại thể", tôi cố ý đá vào cái chặn cửa hay lê cái ba toong xuống đất cho cả nhà biết rằng "tôi đã về đây, chứ không sợ gì ai mà phải giấu".

Bỏ mặc cho cô tôi phải chặn cửa như một người vú già, tôi lên gác trước và cởi áo ra đi ngủ. Mỗi chỗ, tôi quăng một thứ: đôi giầy xuống gầm giường, cái áo trên đầu tủ, chiếc khăn quàng dưới cái mâm, mũ ở xích đông, và cà vạt trên sàn gác. Đêm nào cũng vậy, cô tôi cũng lọm khọm đi thu những thứ đó một lượt cất vào trong tủ rồi hỏi tôi ở ngoài có lạnh không. Cô thương cho số kiếp cháu vất vả nên không hôm nào quên cho cái quà. Hôm thì một đĩa mơ, hôm thì vài cái bánh. Những thứ đó, buổi tối cả nhà cùng ăn vui vẻ. Mẹ cháu chia cho cô, cô không ăn hay ăn rất ít; còn để dành cho cháu. Cháu lại còn biết có khi cả nhà bỏ quên cô, không đưa cô xơi nữa. Nhưng cô đã lấy dấm lấy dúi cho cháu, sợ cháu về khuya, đói. Cho những việc đó là lẽ tất nhiên không có không được; cho những việc đó là một bổn phận của cô phải có đối với cháu, cháu ngồi xổm lên ghế, ăn; ăn mà cũng chẳng hỏi rằng cô đã xơi chưa.

Nhưng thường thường, những lúc đó, phở Hàng Bạc đã no è lên đến cổ rồi, tôi chẳng buồn rờ đến những thức đó làm gì cả. Có cầm, thì tôi cũng chỉ nếm qua quít rồi vứt tung ra bàn. Sợ hãi và lặng lẽ, cô tôi chọn những quả mơ, quả táo tốt nhất, những cái bánh ngon

nhất đưa mời tôi ăn. Trăm lần như một, tôi cau mặt lại. Cô tôi biết ý, thôi ngay. Vì cô biết rằng nếu đi quá một tí nữa, tôi sẽ phát bẳn mà gắt gỏng. Nhưng từ đó, việc để một thức gì lại cho tôi ăn trước khi đi ngủ đã thành ra lệ. Có lẽ cô tôi thương tôi hút lắm sót ruột, thức đêm lắm háo người, nên vào khoảng mười một mười hai giờ, cô lại lọm khọm đi xuống bếp nấu cho tôi bát chè đậu xanh. Ăn được mấy hôm, tôi kêu chán. Cô lại đổi món, nấu chè đậu đen. Có khi cô lại nấu cháo hoa hay chè trứng. Cũng có hôm tôi vừa húp suỵt soạt như một tên đồ tể, vừa khen ngon. Nhưng thường thường, tôi cứ lầm lầm cái mặt, chẳng nói năng gì hết.

Cháu biết lắm, cô ơi. Cháu biết rằng cô muốn, nhân lúc cháu ăn uống thư thả, ngồi kể lể dăm câu chuyện gia đình. Cô vốn là một người cô độc. Cả nhà, không ai nói chuyện cùng. Cô ủ trong lòng biết bao nhiêu tâm sự không tỏ bày ra được. Có khi một đứa cháu gái, cậy thế mẹ giàu, mắng cô xa xả chả ra gì. Có khi bà thương cô Cả, cô Hai mà xử thiên lệch với cô. Có khi mẹ cháu trong một cơn tức giận đã mắng oan cô không trông nhà để người thợ mộc ăn cắp mất cái ấm gan gà Thế Đức. Chao ôi, cô ơi. Những chuyện oan ức đó, cô còn biết tỏ cùng ai. Họa là chỉ để lòng, đợi đến khuya cháu đi hút thuốc về thì tỏ bày với cháu. Có bao giờ cháu buồn để tai nghe những lời cô lải nhải đâu! Đời cháu đã buồn, cháu không thích những chuyện dây cà ra dây muống. Nghe bực lắm. Cháu còn sợ rằng hết chuyện này sang chuyện khác, cô lại đưa đến chuyện chè rượu, thuốc xái rồi kết thúc bằng những câu luân lý trối tai thì khổ. Đã đọc bao nhiêu sách rồi, còn có gì mà cháu không biết nữa! Chán chết! Cô đi ngủ đi!

Có khi không phải nói, tôi chỉ cần khẩn cái mặt lại cũng đủ đuổi cô tôi đi nằm. Bao giờ tôi quên được vẻ sượng sùng của cô mỗi lúc bị tôi hành hạ. Tay cô vốn đã run, những lúc đó, lại càng run lắm lắm. Muốn dấu sự xấu hổ và sự xúc động, cô tôi nuốt nghẹn ngào trong cuống họng và lấy trầu ra ăn. Cô ăn một miếng trầu thuốc rồi lên giường đi ngủ. Trước khi vào màn, không bao giờ cô quên rót cho tôi một cốc nước thực đầy và thực nóng. Cô chất chiu cái ấm bình tích trong chiếc giỏ tự tay khâu lấy để giữ cho sức nóng của nước được bền.

Thường thường, những lúc đó là hai ba giờ sáng. Cả nhà im lặng như một bãi tha ma. Nằm một mình trong căn gác riêng nhỏ hẹp, lổng chổng những rui, mè, hòm trang kim và thùng hương, tôi bật

một ngọn đèn xanh năm nến và bắt đầu đọc sách. Từ thuở mười sáu, tôi tập được của cha tôi một tính quen là phải đọc một cái gì khi đi nằm thì mới mong ngủ được. Bây giờ, tôi vẫn giữ tính đó và sẽ còn giữ mãi. Nhưng hồi đó, thực là tôi đọc sách báo mà ít khi biết mình đương đọc gì. Chưa xem được nửa trang sách hay một bài báo, mắt tôi đã hoa lên, óc tôi như loãng, và chân tay tôi rời rụng, tuy thần trí tôi vẫn tỉnh. Bao nhiêu việc cửa việc nhà lần lượt diễn ra trước mắt tôi. Anh em hục hặc nhau vì người thì bênh vợ, kẻ lại tham tiền. Chú cháu hồi nào sum họp với nhau vui vẻ mà bây giờ mỗi người ở một nơi. Cái mộ thày tôi không biết cất ra Bưởi có yên hay lại động? Ngày hôm đó, ai đã nói cạnh tôi, tôi nhớ; ai đã có những cử chỉ hèn hay cậy giàu mà coi thường coi khinh, tôi nhớ; ông chú bà bác nào xin tiền bà tôi không được, nói láo nói lếu những gì, tôi nhớ. Dù không muốn, tôi cũng không thể giữ cho khỏi thở dài. Tôi vùng dậy xếp lại tủ sách hay lấy bàn chải ra chải áo. Có những đồ cổ của các cụ tôi để lại không được bao giờ tôi nghĩ đến, tự nhiên, vụt ra trong trí óc tôi. Tôi lạch cạch mở các tủ, chui xuống bàn thờ thánh và trèo lên gác xép để tìm cho đủ một bộ đồ trà. Tôi lau ấm rồi để ngược xuống thành bàn xem quai ấm, vòi ấm có đều không. Tôi lấy khăn ướt lau cái tống và xem từng chân con ngựa. Đoạn, tôi lau những cái quân và đĩa dầm, cẩn thận như một người mẹ tắm cho một đứa con đầy cữ. Xong xuôi, tôi xếp vào trong khay, đặt chính giữa bàn rồi lại đi nằm như cũ. Lần này, tôi không nghĩ đến gia đình nữa. Tôi nghĩ đến bộ ấm. Rồi tôi lan man nghĩ đến một buổi chiều thu nào đó, trời đất mờ mờ, gió mưa mờ mờ, tôi ngồi trước hiên nhà ngắm cây ngô đồng và lấy bộ đồ trà ra pha một tuần nước uống một mình, không cần mời ai cả (bởi vì tôi vẫn còn thù tất cả mọi người). Theo tôi, những sự thù hằn ghen ghét ở đời này đều phát nguyên tự cái văn minh vật chất. Ngày xưa, ở phương Đông này, gạo đủ ăn mà lòng người thì tốt, trí có, dũng có, nhân có, nghĩa có, người ta hơn đứt hẳn người ở phương trời bên kia được cái tâm. Bây giờ phàm người nào lớn lên cũng phải học để mưu sự sinh nhai kẻo lo chết đói, thế là mất dũng; ai cũng tranh giành nhau về lợi, dù hại nhau cũng không từ, thế là mất nhân; óc mỗi ngày một kém vì đủ ăn là thỏa mãn, không cần phải nghĩ, thế là mất trí; chẳng còn ai nghĩ đến ơn nước nợ nhà, thế là mất nghĩa.

Phải sống ở một cõi đời đã không nhân, không nghĩa, không dũng, không trí, lại phải cứ bôn ba như những người máy, còn thế

nào mới đáng thở dài? Tôi tự hỏi thế và lại thở dài đánh thượt. Bên tôi, không có một tiếng động. Chính tai mình nghe thấy mình thở dài mà tóc gáy dựng lên. Tôi trằn trọc giở mình. Có trời hiểu làm sao, tôi bỗng nghĩ đến những người chưa chết hẳn, bị chôn vùi xuống đất. Cả một tấn bi kịch của kiếp người! Ở cõi đời này, bao nhiêu kẻ đã sống trong trầm ải? Tôi thấy mình là một nạn nhân trong bọn đó. Chưa hết hẳn mà bao nhiêu cửa vàng đã khép cánh lại từ bao giờ rồi! Tôi cảm giác không bao giờ tôi lại được sung sướng nữa. Tôi sẽ là một đứa con bất hạnh nhất trong gia đình. Thế nào tôi cũng chết non. Ý tưởng sau này luẩn quẩn trong trí tôi mãi đến khi eo óc tiếng gà gáy sáng. Tôi ngủ một giấc chập chờn đầy những ác mộng cho đến lúc cả nhà dậy, người nào việc ấy, làm ăn tấp nập. Ở ngoài kia, chim hót. Tiếng cái xẻng riết vào đường sắt của người sửa xe điện phải đi nậy rác giất vào trong những kẽ đường tàu. Một vài lời rao bánh tây nóng cất lên đàng đầu phố. Gân thịt tôi nhão ra. Toàn thân tôi là một cái lò xo cũ đã căng giãn quá không co vào được nữa. Tôi muốn cất đầu, đổi phía nhưng không được. Đó là thời kỳ tôi bắt đầu đâm ra bệnh mồ hôi trộm. Nằm cuộn trong một cái chăn bông nặng, tôi chập chờn, chập chờn. Bất cứ tiếng động khẽ gì ở dưới nhà cũng không thể lọt khỏi tai tôi. Sáng nào, tôi cũng thấy mẹ tôi hỏi cả nhà: "Hôm qua thằng Bằng đến mấy giờ đêm mới về?".

Ít khi có tiếng ai trả lời. Tức giận, mẹ tôi đánh thằng Xuân và tra hỏi ầm cả dưới sân lên. Sau hết, tôi thấy mẹ tôi mắng cô tôi "sao không để cho nó chết ở xó xỉnh nào có được không?" Tôi nằm lặng trong chăn, không thở. Người tôi là một cái chum đựng một mối phẫn uất không tên. Ước gì mình được chết một cách thực nhục nhã để cho cả nhà, cả họ phải xấu xa, hối hận. Tôi muốn khỏe như Hạng Vũ, đạp vào cột nhà cho đổ dí xuống, đè chết hết mọi người. Tôi muốn vùng ngay dậy, cãi lại mẹ: dù sao thì cũng chỉ một lần thôi. Cứ để tình thế này kéo dài ra, sáng nào cũng mất giấc ngủ, thì khổ quá.

Một ý kiến hay. Phải thực hành ngay bây giờ. Nhưng tôi chưa kịp tung chăn dậy, mẹ tôi đã bước sầm sầm ở dưới nhà lên. Người ngồi bên cạnh giường tôi và chả tiếc lời mắng mỏ. Ta thường bảo chân huyết người ăn thuốc xấu và khô lắm. Tôi không biết câu ấy có đúng không. Tôi chỉ biết chắc rằng, lúc đó, máu tôi chạy nhanh lắm và chỉ chạy có một vòng. Đầu nhức như búa bổ. Lưỡi đắng. Mắt tôi mờ hẳn đi. Nếu cứ nằm im nghe mãi những lời bà cụ nói sa sả bên

tai, tôi đến phát điên lên mất. Mẹ ơi! Mẹ đã không thương con lấy một ly thì xin mẹ con đi cho khuất mắt. Tức thì, tôi vùng dậy, không nói một lời. Rửa mặt. Đi giày. Mặc áo. Lầm lầm như một kẻ bị người ta làm nhục chỉ còn cách tự tử để rửa nhục mà thôi, tôi lấy tiền cho vào ví rồi đi. Ông Castlereagh, ngày xưa, trước khi cắt cổ còn ra đàng sau tiểu tiện, ông hàn lâm Auger trước khi đoạn tuyệt cõi đời, còn chạy về nhà lấy hộp thuốc lá vừa đi vừa hít. Nhưng tôi! Nhất định, tôi không làm một việc gì. Tôi quyết gọi xe đi thẳng đến tiệm, hút kỳ cho chết. Nhưng ý định đó không bao giờ tôi thi hành được. Bởi vì hễ tôi ra đến cửa hàng thì cô tôi lại giữ lại và bảo tôi hãy ngồi đợi, ăn quà sáng đã. Tôi chả buồn ăn gì cả. Nhưng, nể lời người độc nhất ở đời này đã ái ngại cho tôi, tôi cũng dừng chân lại hồi lâu. Cô tôi lại dúi cho tôi vài đồng bạc và dặn "Tối nay về sơm sớm không có sương muối độc lắm, nhỡ cảm hàn thì khổ". Nước mắt chạy vòng quanh, cô nhìn tôi và hỏi có đủ bí tất không.

– Cháu cứ mua bí tất lụa làm gì! Đẹp thật nhưng không ấm. Hay đi về khuya thế, mình cứ chọn những thứ dày là hơn. Để cô mua cho nửa tá. Nhưng cháu độ này gầy quá. Phải ăn uống thế nào, không có thì nguy. Mà đêm có ngủ được không? Sao cô thấy cứ vật mình mẩy và thở dài luôn thế?

V

Đến lúc đó, tôi mới biết rằng nhiều khi cô tôi không ngủ được cả đêm. Sau này, bệnh tiêu nhục đã cướp mất cô tôi có lẽ cũng một phần do đó mà ra vậy. Nhưng biết thì đã muộn quá mất rồi. Không còn cách nào cứu nữa. Khởi đầu, bệnh ấy ra thế nào? Tôi bỏ nhà bỏ cửa đi hàng tuần, nên chả biết. Chỉ biết hễ khi nào tôi về thì cô lại gắng gượng ngồi thức để nói chuyện với tôi. Vẫn những chuyện tôi không muốn nghe một chút nào, nhưng vì muốn thỏa tính tò mò nên cũng không từ chối. Tôi nghe chuyện không phải vì yêu cô. Chính vì tôi muốn biết trong khi tôi đi vắng thì ở nhà ra thế nào. Ai đã lộng quyền? Mẹ tôi chửi mắng tôi ra sao? Người nào đã hùa vào mà nói xấu tôi? Bao giờ cô tôi cũng giấu những chuyện có thể làm cho tôi tức giận hay phiền tủi. Tôi hết sức tìm hiểu những câu nói của cô tôi. Lạy trời! Đây là cái án trời xử lần cuối cùng! Bao nhiêu bận, muốn rõ

sự thực, tôi đã bẻ cô, vặn lý cô, dò xét cô như một ông quan tòa dùng mẹo để buộc tội một tên trọng phạm.

Cô tôi cuống lên vì những câu hỏi lắt léo của tôi. Mặt cô tôi nhợt hẳn. Cô rót từng cốc nước đầy ra uống để che nỗi cảm xúc đi. Tôi "xì" một tiếng nhạo báng và cục cằn. Rồi sang gác riêng xem sách.

Từ đó, những đêm của tôi thao thức hơn trước nữa. Tôi băn khoăn muốn biết mẹ tôi đã nghĩ về tôi ra thế nào. Mẹ tôi muốn từ tôi? Mẹ tôi ghét bỏ tôi? Mẹ tôi đã nghe ai nói xấu tôi. Sự thù oán mỗi ngày một lớn. Những ý nghĩ sâu thẳm mỗi ngày một đen hơn. Tôi bắt đầu hút thêm một bữa trưa. Từ mười một giờ đến hai, ba giờ chiều. Lúc đó, tôi vừa thôi giúp cho mấy tờ tuần báo. Tôi viết cho một tờ báo hàng ngày có tiếng là cổ nhất. Tôi giữ vị trí tường thuật những cái án lớn ở tòa như những vụ thuốc phiện, vàng Sầm Sơn...

Báo chí quốc văn hồi đó chưa tiến mấy, nên công việc nhàn nhã lắm. Kẻ trợ bút, ngoài việc ra tòa, chỉ phất phơ dịch dăm ba cái công văn. Đáng lý, buổi chiều, mấy tay tân học phải là soạn bài cho những số phụ trương ra ngày hôm sau. Nhưng làm thế, mệt lắm. Họa hoằn, tôi mới đến. Trong thời gian đó, tôi nằm tiệm. Hôm nay tiệm này, mai tiệm khác. Không nhất định. Chỉ buổi tối, tôi mới hút ở tiệm Cụ Vạn thôi. Một người bạn ở tỉnh xa muốn gặp tôi thật là một sự thiên nan vạn nan. Ngay tòa báo, đôi khi muốn tìm để dịch một tin thế giới hoặc đi phóng sự cũng không tìm được. Đời thật lông bông. Sức khỏe tôi kém hẳn. Mặt tôi đã bắt đầu ám khói. Môi thâm mất rồi. Mỗi khi hút xong một điếu, ngậm vòi ấm mà hãm một ngụm nước chè, tôi đã lo sợ cho hai cái môi tái xám như hai con đỉa. Đồng thời, bộ máy tiêu hóa và bộ máy tuần hoàn đều giảm sức làm việc cả.

Tôi ho thúng thắng về đêm. Đờm kéo khò khè lên cổ. Ăn không được. Cả ngày, nhịn cũng xong. Sợ vì thế mà kém lực đi, tôi cố nhắm mắt ăn bát cơm hay cái bánh chưng con với lạc. Nhiều bạn thấy tôi ăn uống như thế hàng năm, ngạc nhiên mà hỏi tại sao tôi không chết. Ừ, tại sao tôi không chết? Chính tôi cũng lạ. Dù sao, sức tôi không vì thế mà cứ giữ nguyên mãi được. Từ năm chục cân, tôi rút xuống bốn mươi bảy cân, rồi bốn mươi nhăm, rồi chỉ còn bốn mươi ba. Nhiều bệnh lạ lùng đến hành hạ tôi: rức đầu, xổ mũi, tê chân, thiên đầu thống, đau bị oản... Cứ hút vào, những bệnh đó nghỉ ngơi. Hễ chậm hút, chúng lại ở đâu kéo đến như vũ bão.

Chao ôi, thuốc phiện đối với tôi hoàn toàn là một "lẽ sống" mất rồi. Hồ chậm hút thì rức đầu xổ mũi, buồn chân, buồn tay, ho gần, hoa mắt, sống giở chết giở, trông rất là ai oán. Phải đi tiệm hút luôn. Mỗi bữa thuốc, tôi hút đến bốn năm chục điếu. Nhưng kể từ đó trở đi, vĩnh biệt những ngày hoa mộng về thuốc phiện! Thứ nhựa đen mà nhiều người ca tụng là liều thuốc giải phiền kiến hiệu, là một thú tiêu khiển thanh cao, là một cái sướng tơ lơ mơ đệ nhất, bây giờ, chỉ còn là một cái tội cái nợ, mà trời bắt mình phải đeo. Người bố đẻ ra đứa con trai thất giáo đi ăn cắp, người mẹ lỡ sinh ra phải một cô con gái đàng điếm hư thân, không lẽ mỗi lúc một vứt cho ai nuôi được. Tôi gá nghĩa với phù dung chốc cũng là bốn mươi mốt tháng trời: cái tình đã nặng, chữ duyên đã nồng, không phải mỗi lúc mà bỏ nó như một cái khăn tay rách. Thôi, giời đã bắt ăn ở với nhau thì cũng đành nhắm mắt, chứ biết nói năng sao?

Tôi bắt đầu sợ những bữa thuốc, nhưng không thể làm khác được, cứ phải hút cho đủ liều, hút quấy quá cho xong bữa. Tuyệt nhiên không thấy cái thú ả phiền là gì, cái lơ mơ là gì, cái bùi, cái ngon là gì. Không thế, cơn nghiện nó dằn vặt cho đủ tình đủ tội. Tôi cảm giác bây giờ tôi là một người đàn bà tội lỗi của Stefan Zweig nhất cử nhất động đều có một con mắt trông theo dòm ngó.

Kiếp sống rõ não nùng. Tôi không sợ gì cả, nhưng sợ chết và sợ không được hút đúng giờ giấc. "Nếu nghiện, ta đâm đầu xuống sông!" Câu quyết định ngày nào vẫn còn lẩn vẩn trong trí nhớ, nhưng tôi tự thấy không còn sức để làm theo nữa. Thì ra đến bây giờ tôi mới biết rằng: thuốc phiện làm cho người ta muốn sống không được, mà muốn chết cũng không được nữa. Bao nhiêu cái thanh cao nâng loài người lên trên loài vật đều thu vào trong cái dọc và làn khói nâu.

Trong óc, trong lòng, trong phổi, trong ruột, trong gan tôi chỉ còn có một cái bàn đèn và mấy thanh sái cắc. Trừ hai ba giờ làm việc ở tòa soạn, tôi hút, lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm. Cứ vào ba, bốn giờ chiều, tôi lại bê một chồng báo, sách về nhà, cố ý đánh lừa mẹ tôi. Làm việc vất vả chứ sung sướng gì mà "cụ" nghi oan cho con cháu! Phải, phải. Mẹ tôi nghi tôi hút thuốc phiện từ mấy tháng nay rồi. Làn da mặt sạm. Đôi môi xám ngoét. Hai cái vai so. Bao nhiêu thứ tố cáo sự nghiện ngập của tôi. Lại còn bao nhiêu người nói đã gặp tôi ở tiệm. Bà phải cấm tiệt hẳn cậu ấy đi. Con giai chưa có vợ mà lại bê tha điếu thuốc điếu sái, có ma nó lấy.

Sẵng mãi chẳng ăn thua, mẹ tôi dở ngọt với tôi. Nguyên bên họ ngoại tôi, có ba người nghiện: ông ngoại tôi và hai cậu tôi. Ông tôi mất đã lâu, không nói đến làm gì nữa. Nhưng hai cậu tôi thì thực là sự khủng bố của gia đình. Vì thiếu thuốc phiện, một người về nhà định tự tử, nhưng may cứu được; đến lúc lành mạnh, tha phương cầu thực kiếm ăn, không ai biết còn sống hay đã chết. Người thứ hai lại làm hơn thế nữa: ông ta viên đất, tẩm mực tàu, bán cho một anh quých, bảo đó là thuốc phong tình, lấy mỗi bận vài chục bạc. Thế là ông ở luôn ở tiệm, ăn luôn ở tiệm và ngủ luôn ở tiệm, kỳ cho đến lúc hết nhẵn mới bò về nghĩ cách lừa đám khác. Ông lừa như thế cũng không được lâu la gì. Sau cùng, ai cũng tránh ông. Ông hết tiền hút thuốc. Một người khác, đến chặng đường này, có lẽ đã về ngửa tay xin tiền chị em, bè bạn. Ông cậu tôi thì khác. Chẳng biết nói khôn nói khéo thế nào, ông được ba bốn chủ tiệm bằng lòng cho hút chịu. Có lẽ ông chịu nhiều lắm nên không ngày nào không có chủ tiệm hay bồi tiệm đến tận trước cửa nhà đòi nợ. Bà ngoại tôi già yếu, cả ngày còm cọm làm vàng hồ và sửa trang kim, thấy thế lại phải đi nhặt tiền để trả cái "nợ khói" cho con. Thường thường những món nợ đó dàn xếp một cách yên lặng và ổn thỏa. Nhưng một đôi khi, những tên bồi tiệm vô hạnh, không hiểu vì lẽ gì, cứ đứng trước cửa làm om lên. Tức thì trẻ con kéo đến xem; rồi hàng phố mỗi người một câu; chuyện đi hút thuốc phiện chịu, không có tiền trả chẳng mấy lúc đã được đem ra đàm tiếu. Ôi cha! Bà tôi khóc biết bao nhiêu là nước mắt. Bốn năm hôm liền, bà không dám đi đâu mà cũng chẳng dám ngồi hàng. Từ thuở bé đến giờ – lúc đó bà tôi đã bảy mươi sáu tuổi – bà chưa hề bị một sự nhục nhã nào gớm ghê như thế.

Cũng như tất cả những người đàn bà gia giáo, bà tôi cho là nhà có con trai hay cháu trai nghiện ngập cũng xấu ngang những nhà có con gái nhỡ nhàng. Nghe thấy nói đến hai chữ thuốc phiện, cả nhà tôi sợ như nghe thấy nói đến thần trùng. Và mẹ tôi mỗi khi muốn kể một thí dụ kẻ hút sách bê tha, trăm lần như một, đều bắt đầu bằng câu:

– Mày xem hai cậu mày đấy. Có nhục nhã tổ tiên không? Thật là bôi tro, trát trấu vào mặt ông bà, cha mẹ.

Tôi làm ra bộ ngạc nhiên, không hiểu tại sao mẹ tôi lại nói những chuyện thuốc sái với tôi. Mẹ tôi bèn hỏi vặn sao đêm nào tôi cũng đi đến hai, ba giờ. Tôi trả lời: "Con ở nhà buồn, đến các bạn hữu uống nước chè tàu nói chuyện".

Nói dối luôn một điệu, nghe cũng chán. Tôi thay đi, như một tên hỏa đầu quân thay đổi thực đơn: "Con phải dịch điện tín ban đêm" – "Con phải đi họp hội đồng" – "Con phải đến nhà ông Hải để bàn về một cốt truyện đương xây dựng".

Nghe được lắm. Nhưng mẹ tôi không để cho tôi nói hết. Người xỉa vào mặt tôi mà bảo:

– Tôi đẻ ra anh, tôi không lạ. Anh đừng có giấu tôi. Môi thế kia, vai thế kia, mặt thế kia, có họa là mù mới không thấy là anh nghiện. Thôi, anh cứ thú thực với tôi đi rồi tôi bảo. Bà Cả Thịnh vẫn buôn bán với nhà ta, hôm nọ, sang chơi có mách một ông lang chữa cái môn thuốc phiện này hay lắm. Ông ta ở Bắc Ninh thì phải. Nhiều người bỏ được. Bỏ đi, anh ạ. Chẳng hay hớm gì đâu. Anh muốn sang ở luôn bên ấy một hai tuần để người ta chữa cho cũng được. Hay muốn mời sang xem bệnh rồi kê đơn cho, cân thuốc uống ở nhà cũng được.

Tôi vẫn cứ một mực nói tôi không nghiện. Muốn cho mẹ tôi tin một cách hoàn toàn, tôi tìm đủ các danh từ nhơ bẩn để mạt sát thuốc phiện và những quân chấm chiếu. Tôi không quên nói trúng vào chỗ yếu của mẹ tôi:

– Mợ cứ nghĩ vẩn vơ. Con còn lạ gì nữa mà không biết thuốc phiện là ma, phàm ai ngậm cái dọc tẩu vào miệng thì suốt đời không bỏ được. Bởi thế, muốn chơi gì thì chơi, có bao giờ con dám dùng đến cái thuốc phiện đâu. Vả lại, thày con chết đi, để lại có mấy anh em con. Chúng con đã chẳng làm cách nào trả ơn bà, ơn mợ được thì chớ, đời nào lại còn dám bê tha điếu thuốc sái để cho cả nhà ta phải mang tiếng và mợ phải buồn rầu vì con.

Tôi vừa nói vừa cười thầm trong bụng rằng mình ăn nói khá. Thế nào bà cụ cũng lấy làm cảm động! Y như rằng. Mẹ tôi ràn nước mắt ra. Không biết vì thương cho số kiếp mình? Hay xót xa cho tôi? Hay nhớ đến thày tôi lúc lâm chung có nhờ nuôi các con cho nên người?

Một lát sau, mẹ tôi xuống dưới nhà và sai thằng Xuân lên hỏi tôi muốn ăn gì.

– Không ăn gì cả. Mày xuống thưa với bà nếu có ai bán cao ban long tốt thì bà mua cho mấy lạng.

Hôm sau, đi hút bữa trưa về, tôi thấy đến hai chục miếng cao treo lủng lẳng trên các dây thép, ngay đầu giường tôi lên. Tôi lấy dao

cắt ra từng miếng nhỏ, ăn một lúc hàng chục miếng, yên trí chỉ trong dăm bữa thì người lại khỏe. Nằm co quắp trên giường, tôi nhắm mắt vừa nhai cao vừa nghĩ ngợi. Tôi thấy tôi lại béo tốt như trước: da không sạm nữa, môi lại đỏ và khỏi hẳn bệnh ra mồ hôi trộm. Ai cũng sẽ thì thầm: "Mình đoán lầm! Ra không phải là nó nghiện!". Hân hoan vì những điều vừa tưởng tượng, tôi ngủ một giấc nhẹ nhàng. Tự nhiên, lão Khiễng vẫn chữa ống máng cho nhà tôi leo từ trên mái nhà xuống chỗ cửa sổ trông sang bên láng giềng. Y móc túi lấy một cái cưa con và một chai át xít. Y phết át xít vào chấn song sắt rồi lấy cưa ra cưa xoèn xoẹt. Đoạn y lách đầu vào gác tôi, nhìn ngang nhìn ngửa rồi rạch mình bò xuống dưới gầm giường tôi. Máu tôi không chạy được nữa. Toàn người tôi giá lại. Tôi nói thầm với mình rằng: "Mình đụng đậy thì nó lên nó giết". Tôi thấy chính tôi kéo chăn che kín cả đầu và thu nhỏ người lại nữa để cho tên kẻ trộm ở dưới gầm giường thương hại. Không ăn thua. Tên kẻ trộm, chẳng rõ có phép lạ gì, biết rằng tôi còn thức. Trong nhà có người thức, đã đành là nó không thể thi hành thủ đoạn. Vùng một cái, y leo lên giường và bẻ ghì tay tôi. Chỉ ú ớ trong miệng, tôi không thể kêu ra tiếng. Nhưng tôi cũng cứ cố đem cái sức yếu ớt của mình ra thử chống cự lại xem sao. Vô ích. Vô ích. Y là một tên lực điền. Một bàn tay y đấm vào ai thì người ấy chết. Mà y chỉ thiếu một chân thôi, nhưng vẫn đủ cả hai tay! Tôi đành phải theo y, làm đầy tớ những lời của y. Y không nói với tôi. Y truyền. Y truyền rằng:

– Mày mà kêu một tiếng, hay cựa quậy, ta đấm cho một cái thì "người mày bẹt lại như một tờ giấy bản".

Tên khốn nạn đó rút một con dao ra ngậm ngang miệng, lấy tay rờ vào ngực tôi rồi đưa xuống bụng tôi. Chắc chắn là đã tìm được chỗ định tìm rồi, y cầm con dao, thè lưỡi liếm vào cái cạnh thép sắc, đâm một nhát vào mỏ ác tôi, rạch ngang một cái nữa rồi luồn tay vào bụng lấy dạ dày, lá gan và bộ ruột lòng thòng ra. Tôi hét lên một tiếng. Mở mắt thì ra chiêm bao. Tôi nằm im không cựa quậy.

Sau khi biết cái thế giới mình đương sống có đàn bà đi lại ở ngoài phố, có đàn ông làm việc và có gió thổi, chim kêu, tôi mới chắc là tôi còn sống. Đưa tay sờ trán, sờ cổ và sờ bụng, tôi thấy không biết cơ man nào là mồ hôi. Tôi cảm giác mình là một cái "Cao su tổ ong" những viên kế toán các sở vẫn tẩm nước đặt ở trên bàn để dấm ngón tay khi đếm bạc. Vắt một cái, nước chảy ra hàng bát. Chứng

này, các ông lang ta bảo là suy về âm đây. Không biết làm thế nào cho khỏi được. Đương lầm bầm, tôi lại đã nhắm mắt lúc nào. Lại những ác mộng khác. Có lúc, tôi thấy đến những phương trời lạ, có quân mọi đi bè đến dìm đầu tôi xuống nước. Có lúc, tôi thấy bị nhân viên nhà đoan bắt giải tôi đi vì tôi bán thuốc ngang. Có lúc tôi mê thấy thầy tôi về tra vấn và không đợi trả lời, người bưng mặt khóc lên ba tiếng như lối Khiển Thúc khóc con, lúc Tần Mục Công nghe Kỷ Tử giấy quân đánh Trịnh.

Bao giờ giấc ngủ của tôi cũng là những ác mộng không ngừng. Hồ mở mắt thì mồ hôi lại ướt dầm. Nhưng tôi không vì thế mà không ngủ nữa. Cả đêm thức, mi mắt bây giờ như khâu lại: giấc ngủ là chủ tôi. Tôi ngủ độ vài tiếng đồng hồ. Hôm nào mở mắt ra được thì trời cũng đã sang hôm. Nhà tôi vốn là nhà cổ nên gác thấp bé và chật chội. Sách giấy chất đầy chung quanh, chả có chỗ nào mà thở.

Nằm trên giường nghe hoàng hôn với tiếng trùng trong mưa phùn, tôi như thấy bàn tay Giời khâm liệm cho mình. Chỗ tôi nằm không còn phải là một cái giường nữa, nhưng là một cái áo quan. Mà sách giấy ở chung quanh chính là những thứ mà người ta chèn bên cạnh người chết để bưng ra huyệt, cái xác khỏi lắc đi lắc lại. Gian gác của tôi mới thảm đạm làm sao! Nó chính là một cái mả sâu hoắm mà những người phu đám bỏ ra về, không lấp.

Tôi chết mở mắt, trời ôi! Không biết lúc sống tôi đã làm những tội gì mà lúc chết trời lại không cho yên lành mát ngọt thế này? Bao nhiêu tư tưởng về nhân, quả của nhà phật đến với tôi. Tôi nghĩ bụng nếu như lúc đó trời lại cho tôi sống lại thì không bao giờ nữa, người ta thấy tôi làm hay nói một điều gì thất đức.

Mỗi ngày tôi chỉ ăn một bát cơm nguội để cảm thông với trời. Tôi sẽ chịu khổ cái thân tôi để cho những người chung quanh được sướng. Tôi có thể mặc bộ quần áo vải nâu tự tay mình dệt lấy để làm những việc cực nhục nhất – dù phải đào hào, xẻ núi cũng cam... Nghĩ đến đó, núi non trùng trùng điệp điệp ở trên xà nhà đổ xuống và chụp lấy tôi, như kiểu những cái chuông chụp lấy người ta trong những truyện phong thần, kiếm hiệp. Mặt mũi tối tăm cả lại. Tôi cố bám lấy cái thành giường, ngồi dậy. Chung quanh tôi là bóng tối nặng nề. Bóng tối loang lổ và bẩn thỉu nói hết cả những sự não nùng của kiếp người. Ngồi lâu một tí nữa, chết mất. Vùng

dậy, tôi đi lại phía cái bấm đèn, bật lên và mặc vội quần áo vào đi hút. Tôi vừa lẩm bẩm:

– Có lẽ mẹ nói phải. Chuyến này đến phải cai.

VI

Cai! Đó không phải là chuyện tôi nghĩ lần này là một. Từ khi thuốc phiện, đối với tôi là một thú, tôi đã nghĩ đến chuyện chừa. Nhưng đó chỉ là dự định.

Có một hôm, tôi đem bàn với Tính là một người bạn ăn thuốc với tôi. Y tán thành ngay. Một lát sau, y dễ dàng kể cho tôi hàng trăm chuyện cai thuốc phiện, chuyện cuối như thế này:

– Nói đâu xa làm gì. Cứ lấy ngay tôi làm ví dụ. Tôi cai, anh có biết bao nhiêu bận rồi không? Sáu bận. Ấy thế mà không bận nào được đến hơn ba tháng. Bận thứ nhất, tôi nhớ được năm hôm. Bận thứ hai, được đến chín hôm; nhưng đến ngày thứ mười thì tôi bay đi hút, không có thì lạnh dạ đứt hơi mà chết. Lần thứ ba, tôi cai được hai tháng chín ngày – lần này lâu nhất – giở chứng gì tôi trị ngay, nhưng sau phù, tôi lại chịu. Xong lần đó, tôi hút gấp bội và tôi cai lần thứ tư, lần thứ năm. Trước đây một tháng, tôi lại cai lần thứ sáu. Rồi tôi lại hút. Hút, và tôi có được một sự kinh nghiệm này. Tôi xin truyền cho anh. Anh nhớ nhé! Thuốc phiện có ma. Người nào nói đến chuyện cai, tôi chỉ buồn cười mà thôi.

Lời nói ngạo nghễ thay! Nghe mà lộn ruột. Nhưng tự thâm tâm, tôi cũng thấy chờn chợn vì tôi biết lời y nói không phải là hoàn toàn bịa đặt. Tôi đã nghe thấy nhiều người nói về những chuyện này. Nào là có người cai rồi sinh ra ho hen đờm xuyễn. Nào là có người cai rồi róc thịt đi. Nào là có người cai rồi sinh ra phù sũng. Nào là có người cai rồi cấm khẩu. Nào là có người cai rồi sinh ra chứng bệnh ở cơ quan bài tiết rồi róc người đi mà chết như một con mèo. Nào là có người cai rồi bị thiên đầu thống, hỏng cả hai con mắt...

Chính tôi cũng đã có lần chứng kiến một cái chết vì cai thuốc phiện. Cái chết của ông Hai Bạng. Ông Hai Bạng là con trai một nhà giàu. Không phải đi làm, ông ta cũng thừa tiêu. Vợ buôn bán, lãi có hàng bạc vạn. Nhưng theo người mình, đàn ông không đi làm sở nhà nước ít ai vì nể. Ông Hai Bạng cứ đi làm kiếm mỗi tháng tám mươi

nhăm đồng. Ông chỉ đủ tiền mua thuốc lá thơm và đi xe pháo. Còn nay chầu hát, mai bữa tiệc, ông vẫn phải giựt tạm ở nhà. Kết quả không cần nói, ai cũng biết. Ông nhân tình với ả đào. Ông thức sáng đêm với họ. Muốn lấy sức, ông đã bập phải ả phù dung. Có nhiều người vợ biết chồng tập tọng hút thuốc, nhưng vì nhiều lẽ im đi không nói. Không biết là bà Hai Bạng có thuộc vào hạng đó không? Dù sao, cứ im mãi cũng không thể được. Thấy chồng hút sinh gầy còm, ốm yếu bà thấy đến lúc phải can ngăn. Muộn quá. Ông đã là một quan viên chức sắc trong làng bẹp. Bà cắn hai hàm răng lại kêu trời và khóc bố mẹ ầm lên. Ba năm qua. Bà sắm bàn tĩnh để ông hút ở nhà. Chính bà cân thuốc cho chồng hút, mỗi ngày có ý rút dần đi mong cho chồng bỏ được.

Vô ích. Rình lúc bà đi vắng hay bận hàng, ông vẫn đánh cắp thuốc, hút thêm. Hôm nào không được, y như là ông bà xô xát. Tức mình, vả lại cũng tiếc cho cái xuân xanh của người đàn bà chỉ có một lần, bà hết ngọt đến nhạt bắt chồng phải cai. Không có, bà ly dị. Buộc lòng lần này ông phải theo bà. Ông cai. Ông tiêm yên tĩnh và rút bớt liều dần đi. Ông uống thuốc ta, thuốc tàu và bao nhiêu là sâm, nhung, cao quế. Quả vậy, ông cai được thực. Cai được bốn tháng. Sang đầu tháng thứ năm, ông phù lên to tướng như một con bò mộng. Hai chân phềnh ra như ống khói tàu. Mặt ông bạc phếch, má phình ra, đôi mắt ti hi chỉ còn như hai sợi chỉ. Không ai dám chạm đến ông. Người ta cảm giác hễ chạm vào ông thì ông "vỡ" và bao nhiêu nước sẽ đổ ra lênh láng. Đồng thời, bụng ông trương lên cực nhanh. Trương lên như một cái bong bóng trâu đựng nước. Thoạt đầu, nước ấy đục, sau dần dần trong ra, rồi trong suốt. Y như thể một khối thủy tinh to vậy. Đặt một bàn tay bên này bụng, người ta nhìn bên kia bụng có thể trông thấy rõ từng ngón tay. Tò mò hơn một chút nữa, ta sẽ thấy cả dạ dày và ruột ông Hai Bạng với con gan và lá lách. Ông sắp chết mất rồi. Thuốc tiên cũng không lại nữa. Mọi người khuyên bà Bạng nên để cho ông hút lại. Bà cương quyết không chịu. Bà cầu cứu đến khoa mổ xẻ. Người ta lấy nước ở trong bụng ông ra. Được ba thùng. Như nước lọc. Tốt. Ông Bạng có cơ khỏi được. Thôi, ăn mừng. Nhưng nỗi vui chưa quá được một đêm, sáng hôm sau đâu lại đóng hoàn đấy: cái bụng thủy tinh lại vẫn là cái bụng thủy tinh. Cả nhà khóc váng lên. Em gái ông Bạng đã đi mua vải và sắm "áo". Tuy thế, ông Bạng vẫn còn tỉnh táo. Nhưng cả ngày, ông chẳng nói được một câu gì cả. Ai đến hỏi: "Thế nào ông Cả, ông có nhận ra tôi là ai không?" thì ông

gật gật mấy cái rồi ngáp như một con cá bày ở chợ. Vợ ông thấy thế nguy, chịu để cho ông hút lại. Nước mắt dài hơn người, bà hỏi ông: "Để tôi gọi người tiêm cho cậu dăm điếu nhé?" Ông ứa nước mắt, lắc đầu sang tay phải, lắc đầu sang tay trái.

Còn nước còn tát, bà Bạng cầu đến một vị bác sĩ đại tài xem có còn phương nào cứu được chăng. Vị bác sĩ xem xong, hỏi:

– Ông này trước có hút thuốc phiện phải không?

– Vâng.

– Thôi, tôi khuyên bà nên cho hút lại đi. Thuốc uống, không ăn thua nữa.

– Nhưng thưa quan lớn, bây giờ không hút được nữa rồi. Quan lớn dạy làm sao?

– Thì ta cứ thử mượn một người nào hút rồi hà hơi vào cho ông ấy.

Bà Bạng làm đúng như lời bác sĩ. Hơi thứ nhất ông ta còn hít được. Nhưng đến hơi thứ nhì thở ra thì ông ta đã ngủ tự bao giờ rồi. Ông ngủ liên miên như thế ba ngày. Tỉnh dậy thì ngáp. Ngáp xong lại ngủ. Sang đến ngày thứ tư, ông không ngủ nữa. Ông vĩnh biệt cuộc đời và vĩnh biệt cái bàn đèn: ông chết.

Bởi đã có cái hân hạnh hút cùng mâm, nằm cùng chiếu với ông một vài lần, tôi có mặt hôm ông ra yên nghỉ nơi cuối cùng. Tội nghiệp, ba đứa trẻ như trứng gà trứng vịt mồ côi bố; một mẹ già; một vợ dại chưa đầy ba mươi cái xuân xanh. Đến tận bây giờ, tôi tưởng như còn trông thấy rõ ràng ở trước mắt ba đứa trẻ đội mũ rế, đứa còn phải ẵm, đứa còn phải dắt; người vợ góa ngất đi bên cạnh huyệt chồng, không ngớt tiếng "Anh ơi!"

"Anh ơi! Anh ơi!" Nghe tiếng khóc, tôi giận không để đâu cho hết. Ở đời, sao lại có những hạng keo kiệt như mụ Hai được nhỉ? Ừ, cho rằng chồng mụ ta có hút, cùng lắm, mỗi ngày cũng chỉ hết dăm đồng. Mỗi tháng bất quá trăm rưỡi, hai trăm bạc. Số tiền đó, thấm vào đâu với số tiền lãi mụ kiếm ra? Huống chi chính chồng mụ lại làm lụng để tự kiếm ra tiền được!

Tôi tự cho phép làm một viên trưởng lý một phiên tòa đại hình đứng ra buộc tội mụ giết chồng. Tôi mạt xát những ai đã nghĩ ra cách cai thuốc phiện. Tôi thù ghét tất cả những người bắt chồng, cha, con, cháu phải chừa.

"Đã bảo thuốc phiện có ma mà! Bỏ nó không dễ đâu. Có mà chết sớm!"

Ý kiến này của tôi được khắp các bạn mây khói tán thành.

Soạn, một người bạn nằm ở giường bên tôi, khụt khịt:

– Bao nhiêu thuốc cai đều giả dối.

Cạnh đấy, người ta trả lời:

– Nhưng chính mắt tôi đã được nhìn thấy một người hút đã lâu mà cai được mười hai năm nay rồi.

– Anh tưởng thế thôi! Láo đấy. Thằng nào cai rồi cũng đi hút trộm cả.

– Không, tôi biết. Nếu hút trộm, sao nó lại béo tốt hồng hào được?

– À, nó hút ít đi, chứ gì! Đáng nhẽ trước hút hàng ngày thì bây giờ nó hút tuần lễ một bận, hay ba ngày một bận.

Trong tiệm, đồng nhận cho lời nói sau cùng là "đúng tâm lý con nhà người ta". Họ tán thưởng ầm cả lên.

Ông Ích kết luận:

– Tôi biết, các bạn ạ. Có là bỏ cái phải gió! Càng bỏ, càng nghiện nặng thêm thì có. Người ta vẫn thường kể chuyện có anh trước chỉ hút mỗi bữa có hai chục điếu, sau bỏ. Bỏ không được, hút lại, phải ba mươi hai điếu một bữa. Rồi lại bỏ. Rồi lại hút nữa. Đến lần thứ ba, y hút mỗi bữa tới bốn mươi nhăm điếu. Thế là mỗi bận bỏ lại tăng lên hơn chục điếu. Bỏ thế thì bỏ làm gì cho... nhục?

Một hồi "vo...vo...vo" ròn tanh tách nổi lên. Ấy là họ hoan hô người anh hùng đã tìm ra được những lý lẽ xác đáng để phản đối chuyện cai. Cai làm gì? Bao nhiêu dự định cai thuốc phiện của tôi phút chốc bị tiêu tán hết. Đời người được mấy chốc. Lại sinh, bệnh, lão, tử, trăm thứ nữa. Không chơi cái này, buồn chết. Chơi cái gì? Âu là cứ hút! Đến đâu hay đó!

Tôi cứ hút như thường. Tối tối, vào khoảng lên đèn, một sự nhớ nhung vơ vẩn đến làm loạn óc tôi. Tôi mặc quần áo sẵn, làm bộ ra hàng bán nhăng nhít mấy quyển sách để cho mẹ tôi không để ý. Lừa lúc mọi người đang bận rộn, tôi bước một cái ra bờ hè. Tôi ù té chạy. Rồi dừng lại một giây. Tôi trốn sau một bức tường hay một cái mái hiên to nào đó. Xem có gì lạ không. Phải làm như thế, ấy là vì ít lâu nay ngón tay út của tôi báo rằng nhà tôi, lừa lúc tôi đi khỏi, sai đày

tớ đi theo rình. Rình làm gì mới được chứ? Ừ, hút đấy, đã sao? Tôi lý luận với tôi gân lắm. Tôi liều mất rồi. Thằng bần cùng thối thây đây.

Nhưng lý luận đó vẫn chỉ là lý luận. Thực tâm tôi vẫn sợ một cái gì không tên. Tôi sợ nhiều thứ lắm. Sợ nhất là mẹ tôi bắt được ở tiệm thì bêu riếu quá. Bởi vậy tối nào đi hút tôi cũng phải đứng trốn một chỗ xem động tĩnh. Chắc chắn là không có biến, tôi mới dám thuê xe đến tiệm.

VII

Những đêm hút như thế thật là một thú. Tôi phải dặn trước chủ tiệm có ai vào hỏi thì chối hộ. Có khi, tôi phải la cà vào một nhà cao lâu uống cốc nước chanh quả rồi mới thuê xe đi tiệm. Thời kỳ này, tôi thay đổi tiệm luôn luôn. Đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma. Một ngày thu lạnh, lác đác rụng lá ngô, tôi nghĩ được ra một kế.

Kế chẳng lấy gì làm hay lắm. Dù sao, tôi cũng cứ phải cám ơn nữ thần phù dung. Nói không dám phụ công nàng, thực đôi lúc nàng cũng giúp tinh thần người ta minh mẫn, xử việc thật là chu đáo.

Việc tôi sắp làm đây, có hại gì không? Tôi chỉ biết nó giúp cho tôi hai cái lợi.

Lợi thứ nhất, tôi sẽ được hút một cách kín đáo hơn: người đi rình có tinh quái lắm mới mong bắt được.

Lợi thứ hai, tôi tiết kiệm được mỗi tháng hơn chục đồng.

Nguyên do như sau này:

Hồi đó, nhà cửa còn rẻ mạt. Một cái nhà lớn thuê mỗi tháng chỉ có vài chục thôi.

Nhờ có người mách, tôi thuê được một căn nhà hai tầng ở phố Hàng Phèn. Phố ấy đi lại tiện. Nhà lại ở trong một cái ngõ có vài gốc cây hoàng lan và một cây đề lớn. Nên thơ lắm. Tôi ở gác ngoài. Gác trong, có người thuê lại: một gia đình ông Tham, có hai ông bà, hai đứa trẻ và một cô em gái. Dưới nhà, một thiếu phụ Sài Gòn có chồng đi làm xa, ở một buồng. Gian trong, một cô gái Huế ở với mẹ già cho vay lãi. Bà cụ lúc nào cũng kêu trời gọi đất như một con gà mái đẻ.

Tôi xin thú thực đến tận lúc này bắt đầu hút sái sảm rồi, tôi cũng vẫn chưa biết thế nào là một cái dọc bảy mấu trúc Thất Hiền

Quyến, chửa bụng, bão đăng; thế nào là cái tẩu Trức Phong thái cổ, hút không nóng mà tách sái; mà tôi cũng không biết những đồ dùng cần thiết trong một bộ bàn đèn có những thứ gì. Trăm công nghìn việc tôi đều nhờ cậy vào người bồi tiêm. Người này, rủ tôi về làm thuốc riêng cho tôi hút. Y sắm sửa cho tôi hết. Cứ mỗi đầu tháng tôi lại đưa cho y một số tiền nhất định – trong số đó có cả tiền công của y. Tối tối, cứ việc đến nhà là đâu có đấy. Một đồng cân rưỡi thuốc ngang, ba điếu thuốc lá thơm và một bao thuốc lá tồi có vẽ bên ngoài con quạ đỏ. Tôi hút không nói một lời gì cả, từ bảy, tám giờ đến một, hai giờ sáng. Xong, tôi đi. Có khi tôi đi về nhà. Có khi tôi đi chơi ngoài phố hay rủ một hai người bạn đi trác táng đến độ bốn năm giờ sáng. Về, lại hút. Thường thường, tôi ngủ lại đấy, không về nữa. Bởi vì hễ thấy mặt tôi, mẹ tôi xỉ vả nhục nhã quá, không chịu được. Thế rồi quen đi. Ngày, tôi cũng không về nhà nữa. Ngoài một buổi làm, tôi chỉ nằm vạ vật ở bên cạnh khay đèn như một ông già chân thận kém mà lại có tính cả ghen với vợ lẽ, không muốn rời đi đâu nửa bước. Cả một cuộc sống ồ ạt bên ngoài, tôi rút lại một chữ “không”. Chỉ có khói là đáng kể. Họ hàng, bè bạn, tôi không cần ai hết. Ai cũng nói xấu tôi. Ai cũng ghét ghen tôi. Cần gì! Tôi chỉ cần có mỗi một tên bồi tiêm thôi. Đối với tôi, y hơn là một người vợ. Bởi vì một người vợ còn có khi bận buôn bận bán phải đi xa vài ngày. Y thì không thể rời tôi một bữa. Tôi ăn với y. Tôi ngủ chung giường với y. Y biết hết cả sở trường, sở đoản của tôi, không nặng mày nặng mặt. Bởi thuốc phiện càng ngày đối với tôi càng mất thú – nó là một sự bó buộc phải hút, không còn là một thú chơi giải phiền nữa – bây giờ, tôi đến với nó như một tội nhân đến ngày ra mắt quan tòa. Ghét lắm. Chẳng buồn nhìn cái khay đèn ngắm xem hương vị phù dung ra thế nào. Miễn là hút đủ bữa. Miễn là nó không vật. Miễn là ta sống.

Tên bồi tiêm kia chắc là kiếp trước cũng nợ nần gì tôi hẳn, nên kiếp này phải trả nợ đây. Cứ tiêm xong một điếu, y lại cầm cái đầu dọc chọc vào má tôi, đánh thức. Nửa thức nửa ngủ, tôi hút không điếu nào hết cả. Khó tiêm lắm. Nhiều điếu lại mũ nữa. Ai đã tiêm thuốc chắc đã rõ điếu trước mà mũ thì điếu sau tiêm rất phiền. Tên bồi tiêm của tôi càu nhàu. Tôi không giận y. Y có quyền lắm. Y có quyền về tôi, bất cứ về phương diện gì thuộc vấn đề hút sách. Huống chi một tháng, đến mười ngày tôi lại là khách nợ của y. Tôi thường giựt tạm tiền đi ăn đêm và rủ bạn bè đi hát nữa! Y là một giác bộ thứ sáu để cho những mối cảm động bên ngoài thấu đến mình tôi. Y biết

rằng tôi hút xong ba điếu thì hãm; xong ba điếu, y đã rót một chén nước đầy và châm thuốc lá cho tôi rồi. Tôi không phải thèm muốn hay sai bảo y nghĩ hộ tôi, làm hộ tôi, sống hộ tôi. Chỉ có hút thì tôi hút lấy. Quần áo hôm nào phải thay, y cũng định trước. Cái tiêm này hỏng, cái tẩu kia phải gắn lại hay cái thông phong đèn phải thay, y cũng phải liệu xuất tiền ra chữa, rồi bảo tôi sau, tôi trả. Những việc vặt đó mà cứ phải bận tâm nghĩ đến thì long óc ra, còn gì! Ai mà đến chơi với tôi, y cho phép vào hay không; ai muốn hút, y bằng lòng hay từ chối. Hôm nào tôi phải viết bài để sáng mai đưa sớm cho nhà in, y bảo:

– Hôm nay, ông phải viết.

Giấy và bút chì, y sắp sẵn cho tôi. Tôi nằm mà viết. Tôi viết như đến bữa thì tôi hút, không có tin tưởng gì. Đến bữa, ông không muốn xơi cơm mà bà ấy cứ ép ăn, cũng thế. Ngấy cho cái đời này quá!

Tuy vậy, tinh thần nghề nghiệp chưa mất hẳn ở tôi. Hút xong, nằm viễn vọng về cái tương lai văn chương của mình, tôi vẫn thấy sôi nổi một cái gì cấp bách. Tôi bắt chước vua Lô – y thập tứ, củng vào sọ mình mà nói: "Trong này, hẳn có cái gì đây".

Có cái gì? Đến bây giờ tôi cũng vẫn chưa biết trong sọ tôi có cái gì. Nhưng cứ đoán ra thì chắc hẳn là có khói. Nhiều khói lắm. Khói không thể tụ lại một nơi. Nó bay đi. Bao nhiêu huyễn mộng của tôi cũng theo khói mà bay đi nốt. Mai, tôi sẽ viết! Mai, tôi sẽ làm! Mai, tôi sẽ khởi công! Bao nhiêu công việc, tôi đều quy vào ngày mai cả – cái ngày xa lắc không bao giờ đến. Và trong khi đó tôi yên trí thế nào tôi cũng có một tác phẩm ghê gớm lắm. Cho thiên hạ đàm tiếu bây giờ! Tác phẩm đó sẽ làm cho họ câm như thóc. Không còn ai trông thấy ở ta một đứa con hư của thời đại, một đứa trẻ bất hiếu bất mục của gia đình, một công dân hèn đớn của xã hội. Rousseau ăn cắp; Verlaine giết người; Tom Kromer lừa gái vẫn được ghi tên trong văn học sử. Nếu ta viết được một tác phẩm giá trị, sao người đời lại không có thể quên ta là một anh nghiện "oắt sà lai"?

Trong những tác phẩm hay thế nào chẳng có sự cộng tác của thiên tài và con quỷ sứ! Không cần! Miễn ta có một tác phẩm hay là đủ. Tác phẩm hay đó, tôi chả bao giờ viết được. Một dòng chữ cũng không. Tôi nghiệm thấy rằng người ta đã nói lầm: "Hút thuốc phiện thì nguồn văn ra". Không. Với tôi, thuốc phiện không giúp được một tí gì về phương diện văn chương cả. Tôi chỉ mụ người đi thôi. Không

muốn cầm bút viết. Nếu bất đắc dĩ phải viết, y như là ngủ gật. Có khi ra làm bài tường thuật ở tòa án, tôi ngủ gật luôn ở tòa.

Nhưng tôi chỉ ngủ gật ban ngày thôi. Từ một hai giờ sáng trở đi, tôi lại tỉnh tớm như một con chim cú. Chờ cho bồi tiêm xếp gọn bàn đèn xong, tôi bò dậy đi đi lại lại trong gian gác như một người mê ngủ. Tự nhiên, tôi vụt thấy tôi ốm nặng. Tôi lẩm bẩm: "Hiện giờ, có con mọt đương đục ở cái mễ kê giường. Nó đục có lẽ đến nát tấm mễ ra. Nghe mãi thì chết, không sống được". Đến tận bây giờ, tôi vẫn không hiểu tại sao tôi lại có những ý tưởng rời rạc và ngơ ngẩn thế. Bất cứ cái gì, tôi cũng quy vào sự chết. Và bao nhiêu câu hò hát của cô Huế dưới nhà đêm khuya vẳng lên căn gác của tôi, tôi đều gán cho những ý nghĩ biệt giã, tối đen, sầu thảm mà có lẽ chính những câu hát đó không bao giờ có:

Buổi mơi ăn một bụng cơm cho no,
Em xuống bến đò mua chín cái trách,
Em bắc quách lên lò,
Một cái kho ngò,
Hai cái kho củ cải,
Ba cái kho nải chuối xanh,
Bốn cái nấu canh rau má,
Năm cái nấu cá chim chim,
Sáu cái kho rim thịt vịt,
Bảy cái nấu thịt con gà,
Tám cái kho cà thu đủ,
Chín cái nấu củ môn tây...
Em theo anh cho đến ngày nay,
Công bất thành, danh bất toại,
Thời chín cái trách này cũng chẳng ra chi!

Câu hát chỉ có thế. Không sâu sắc gì. Nhưng phiện vào rồi, trí óc tôi tưởng tượng ra đủ các cảnh thảm sầu. Một cô gái Huế mắt bồ câu, tóc búi cánh phượng, đầu đội nón bài thơ, đi trên cầu Bạch Hổ và nhìn xuống dòng sông Hương, chỗ nước xoáy nao nao nhất. Người ta đồn hằng năm, cứ vào khoảng cầu này, thể nào cũng phải có một người ra trẫm mình. Cô gái này cũng vậy. Cô ra trẫm mình bởi vì đã hát câu kia: anh chồng cô, dận guốc, đeo bài ngà, mặc áo the, cưỡi xe lết những nghe mà tức giận. Anh ta hét lên một tiếng như kiểu Tề Hoàn Công đi săn ở trong đại trạch nghe thấy tiếng ma kêu quỷ

khóc. Anh đứng im một lát để định thần. Sau khi biết chắc chắn rằng muốn giết người thì cần phải có đồ khí giới, anh ta chạy vào trong bếp lấy một con dao thái thịt. Tiếng kêu khóc ở trong nhà nổi lên như ri. Anh quả quyết. Quả quyết ném con dao xuống đất. Rồi kêu: "Đồ quỷ! Hè!" Đoạn, đánh vợ một trận thừa sống thiếu chết. Từ đó, anh cho vợ anh là phường trăng gió vật vờ, nhất định không thèm nói với. Quanh năm, gia đình có một vẻ tang tóc ủ ê. Chồng hồ mở miệng là chửi vợ, vợ hồ mở miệng là kêu trời. Máu và nước mắt... Bóng tối và số mệnh... Sự đau khổ và âm cung... Họ sống chung dưới một mái nhà, nhưng tư tưởng chia hai ngả. Họ đợi như những người dân ở trong khu vực chiến tranh đợi một cái gì sắp đến. Vì đợi thì cái gì mà chẳng đến?

Một hôm thức giấc, người con gái đẹp thấy một cái thây ma tòn ten nơi trần nhà. Húy trời, anh chồng thắt cổ! Thế là mới có hai mươi, hai mươi mốt tuổi xuân, người kiều nữ đã thành ra gái góa.

Hàng phố xì xào bàn tán về nàng. Sân gạch vắng tanh, bè bạn ra vào thưa thớt. Nàng không thể ở đất Thần Kinh được nữa. Bèn cùng bà mẹ già ra Hà thành để tìm kế sinh nhai. Bà cụ cho vay lãi. Nàng thì mùa hè ngồi đan áo cho người ta mặc rét và mùa rét thì làm các thứ bánh trái để người ta ăn với đồ giải khát mùa hè.

Một cảnh đời ly phụ! Thảm ơi là thảm! Buồn ơi là buồn!

VIII

Sự thực, về cô gái Huế ở chung nhà với tôi, tôi không biết mảy may. Song những khi say thuốc, nghe những câu ca não nuột, tôi thích tưởng tượng đời cô ra thế.

Sau này, ngồi nghĩ lại, tôi cho rằng nguyên chỉ tại thuốc phiện mà ra. Thuốc phiện làm cho trí óc ông tăm tối. Gân cốt ông trùng lại. Cả ngày chỉ chúi vào một xó buồng, sợ ồn ào, ganh đua, ánh sáng. Sức nghĩ bị tê liệt. Ông hóa ra một người đau ốm. Người đau ốm bao giờ lại có thể có những tư tưởng lạc quan?

Tôi thích nghe tiếng khóc. Tôi không ưa tiếng cười. Hàng đêm, tôi nằm đợi tiếng hò mái đẩy, một câu Quả phụ hay một bài Nam Ai. Sự thực đó rồi thành ra lệ. Cũng như cái lệ trên sông Hương, mỗi khi đàn xong bài Nam Ai thì người ta đàn câu hiệu đầu bài Nam Bình:

“*Sàng sàng phan họ...*” Hay đàn xong bài Nam Bình thì đàn bắt câu hiệu bài Nam Ai “*xê líu cống, xê líu sàng*”... Đàn câu hiệu như thế, người ca phải bắt buộc ca tiếp ngay, không chờ đợi. Tôi cũng vậy, không chờ gì cả. Một đêm kia bao nhiêu tư tưởng u buồn với lòng thương người bạc mệnh tự nhiên dồn dập đến óc tôi. Tôi không nghe khóc nữa. Tôi khóc thật. Tôi khóc và bảo người thiếu phụ mà tôi đã tạo cho một cảnh sống kia rằng:

Biển rộng âm thầm,
Thấy trời sầu mù mịt,
Bốn bề sóng vỗ,
Tứ phía mây dăng,
Đó có thương đây nhờ sợi xích thằng
Nhứt tâm như thiết thạch, chớ có cợt gió trêu trăng tui buồn...

Từ dưới nhà, trong cảnh mưa đêm lai rai, một tiếng hò nổi lên:

Thuyền chìm đáy nước,
Con cá lừng dừng lặn lội
Ngửng mặt trông trời,
Nhạn ngẩn ngơ sa,
Ví dầu thiếp có đắm nguyệt say hoa,
Ví dầu trời cao soi xét, anh chớ thiết tha mà đau lòng!

Tri kỷ phương trời... hai con đò nát gặp nhau... Mặc cho trời cứ đổ...

Bên cạnh bàn đèn, từ đó, Liên Hường – tên cô gái Huế – đã lên chơi. Có ngày, cô lên gác tôi một bận. Có ngày, lên hai bận. Cô nói thác với mẹ rằng lên để mượn sách báo của tôi xem. Bà mẹ cô, cũng ưa nghe những truyện phong trần kiếm hiệp, thoạt đầu cũng chả ngăn cấm gì con gái.

Phần tôi, lấy cớ rằng muốn cho tên bồi tiêm có một nghề lương thiện, tôi kiếm cho y một chỗ làm thêm: xếp chữ cho một nhà in nọ. Cơm nuôi. Lương ít đồng. Y làm ngày hai buổi. Trưa, y tiêm thuốc và tối y tiêm thuốc. Như thế, kể cũng tươm. Y cám ơn tôi vô kể. Sự thực, y chỉ đáng cám ơn tôi một nửa thôi. Bởi vì tự thâm tâm, tôi muốn giúp y có một chút, còn thì tôi muốn giúp cho tôi cả.

Nguyên do như sau này:

Liên Hường muốn giữ gìn không cho một người thứ ba được rõ sự quen biết giữa tôi và cô ta. Cô muốn lên "xem tôi hút thuốc phiện" và "thắp thuốc lá cho tôi hãm". Nhưng sợ rằng tên bồi tiêm của tôi thấy thế đem "méc" mẹ cô chăng, cô vẫn trách rằng tôi không kín đáo. Hiểu ý cô, tôi kiếm việc cho tên bồi tiêm làm. Ấy chính là để cho sự vụng trộm của đôi lứa chúng tôi được thập phần kín đáo như ý cô mong mỏi.

Y như rằng: cô được vừa lòng lắm lắm. Hàng ngày, hễ mẹ cô đi khỏi hay bận bịu việc gì, cô lại lên gác tôi chơi. Cô chọn những lúc mà tên bồi tiêm đi mần việc. Không lần nào lên chơi như thế, cô quên mang cho tôi một cái quà. Có khi là một nải chuối ba lùn. Có khi là vài trái đào lông. Có khi là bánh nhị thịt.

Nhiều phen, mẹ cô và cô lại mời tôi xuống ăn cơm nữa. Những bữa cơm thanh đạm mà ngon rất là ngon! Chính cô đi làm món "cật heo" cho tôi ăn – cô biết là tôi thích ăn món đó – và sau mỗi bữa, không bao giờ cô quên mời tôi một điếu thuốc lá thơm. Bởi vì lên chơi, ngồi ở cạnh bàn đèn, cô vẫn thường thấy tên bồi tiêm của tôi đi mua lẻ thuốc lá thơm. Cô dặn đừng mua như thế nữa. Đến bữa hút, cứ bảo y xuống lấy. Cô đã mua sẵn cho tôi từng hộp. Không đem cả hộp lên gác, ấy là vì cô lo bè bạn tôi hút hết. Và chính cũng vì lẽ nếu có cả hộp ở trước mặt, tôi sẽ hút bất phân mộ dạ.

Bao nhiêu gân của tôi trùng cả lại trước những cử chỉ mềm mỏng, chiều luyến kia. Tôi bỏ cả công việc không làm nữa. Liên Hường lên ngồi bàn đèn tôi luôn. Nàng vừa tập tiêm thuốc vừa hò "ờ ơ" khe khẽ. Nàng nằm xem tôi hút và thích nghe tôi kể chuyện đời. Sao tôi lại nghiện? Nghiện có thú gì không? Ví dụ đương nghiện bỏ đi không hút thì làm sao?

Liên Hường hỏi tôi như thế vì tò mò. Tuyệt nhiên, nàng không bao giờ can tôi cả. Đó cũng là một cớ nữa để cho tôi quý nàng thêm. Theo trí óc của nàng, việc hút của tôi là một sự thể tất phải có, không thể nào khác được. Nàng kính phục những người viết văn, viết báo vô cùng. Từ thuở hãy còn đi học, nàng đã yên trí bao nhiêu nhà văn, nhà báo đều nghiện hết. Sự yên trí đó cũng đẹp: cứ để mặc như thế, chả sao!

Bởi vậy, thuốc phiện đối với Liên Hường không là một sự xấu xa, nhơ bẩn. Nó là cả một cái gì thần tiên, huyền bí, nên thơ. Nàng hết sức tiêm cho điếu nào cũng tròn quít. Chẳng bao lâu, đã thạo. Những

đêm mà mẹ nàng mắc sang những nhà bên cạnh đánh bài hay đi buôn bán xa xôi, nàng thường lên nằm bên tôi cho đến mờ mờ đất mới dậy đi xuống nhà. Cái cảnh tối chưa đi hết, sáng chửa ló ra, không khí như mang mang, như phiêu phiêu, như có tiếng tiêu tiếng địch ở trên lưng chừng trời, dễ làm cho những đôi lứa thấy hoa lòng hé cánh. Phù dung và nhan sắc... phù dung và nhan sắc... phù dung và nhan sắc... Ôi thôi, bao nhiêu tư tưởng "cai" từ trước, không còn một lúc nào đến quấy rầy trí óc tôi. Tôi chỉ biết hiện tại. Tương lai là cái chết thảm khốc cạnh bàn đèn, trong một gian buồng lạnh lẽo, bên một người đàn bà có sắc đẹp làm tan vàng nứt đá. Một cái chết trẻ đau đớn biết bao – bởi vì còn gì đau đớn hơn chết trẻ? – Nhưng làm một kiếp người mà được trải như thế, chẳng cũng là đủ lắm?

Chao ôi, cái tư tưởng đớn hèn! Ấy vậy mà tôi vuốt ve nó như một tấm nhung. Hút nữa. Hút say đi. Hút cho say mê ly. Liên Hường, tiêm nữa đi. Và em hút một điếu với tôi đi, để chúng ta tạm quên trong chốc lát sự mệt nhọc và nỗi đau khổ gây ra bởi những cuộc tao phùng bi thống.

Nay một điếu, mai một điếu, Liên Hường hút để chiều tôi hơn là để tìm cái thú du dương. Thuốc phiện tết thêm chặt cái tình của chúng tôi. Và ở đây bắt đầu một cuộc tình duyên đau khổ nhất – bởi còn gì đau khổ hơn một cuộc tình duyên làm cho người ta nhục nhã, xấu xa và hối hận?

IX

Bao nhiêu ngày tháng trôi qua rồi? Nhạn yến đã đổi thay. Liên Hường với tôi dắt nhau đắm đuối vào bể dục và khói thuốc đã hòng đầy niên rồi thì phải. Tôi không rời nàng ra nữa. Có ai đã từng hút thuốc phiện và nằm bên một người đàn bà biết hò, biết lý và biết trước những ý muốn của mình, sẽ thấy đời có thể chỉ rút vào một chữ "không". Vì ngại về mẹ mắng cũng có, vì chán nản cuộc nhân sinh cũng có, tôi không về nhà mẹ nữa, tuy Liên Hường đã bắt chước Kiều, bảo tôi:

Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao,
Hoặc là trong có làm sao chăng là?

Không cần. Tôi không cần. Ai chết thì chết, tôi vẫn hút. Hút đối với tôi bây giờ không còn phải là một câu chuyện làm trong hàng giờ, hàng phút, nhưng chính làm trong hàng ngày, hàng đêm.

Tôi bắt đầu nghiện thêm bữa sáng.

Sáng, thân thể mỏi như dần, trí óc lờ mờ và rối tung, tôi cất đầu đứng lên làm sao được, nếu không điểm tâm dăm bảy điếu? Tôi đi làm việc độ hai tiếng đồng hồ thì lại đến trưa. Rồi Liên Hường... Rồi bữa cơm trắng... Rồi lại đến bữa cơm đen buổi tối... Công việc chỉ có thế, nhưng tôi bận vô cùng. Mở mắt ra không được. Bao nhiêu lời nàng khuyên tôi về thăm nhà đều bị gác bỏ ngoài tai. Tôi chỉ muốn hút và quên hết. Nàng chiều tôi, thỉnh thoảng hút với tôi. Không nhiều, chỉ một điếu, hai điếu. Nhưng bao giờ chúng tôi cũng say ngang nhau. Chúng tôi rầu rĩ thở than cho kiếp vận. Nhất là những khi được tin mẹ tôi buồn khổ vì tôi, mái tóc đã gần trắng xóa, thì chúng tôi không thể giữ cho không khóc được. Chúng tôi hút rất nhiều và khóc như hai kẻ bị trời xử bất công, bắt chịu thua thiệt hết. Nhiều khi, những tư tưởng thảm sầu, quyết liệt đến với trí óc tôi: tự tử. Kéo dài mãi cuộc đời như thế này, không chịu được. Tôi không muốn tự tử bằng cách trầm mình xuống dòng sông Cái nữa. Tôi muốn tự tử như gã có miếng da lừa: tự tử bằng thuốc phiện và sắc dục. Phải phải, cứ nằm như thế này rồi yếu dần đi, rồi lả ra, rồi chết hẳn như một ngọn đèn hết dầu! Chết như thế, âu cũng là một lối chết không nhàm lắm để phản đối sự bất công của ông Tạo Hóa bất lương kia vậy!

Chẳng bao lâu, khí lực kém sút, mặt mũi tôi tiều tụy. Mình trông vào gương thấy quầng mắt vàng hoe, vẻ mặt rơi đâu mất thắm, thì chính mình cũng lấy làm quái lạ cho mình. Thêm vào, bệnh mồ hôi trộm của tôi lại nặng thêm. Không ăn được. Không ngủ được. Thân thể cứ róc đi trông thấy. Sợ có ai trông thấy thế mà đem mách với mẹ tôi chăng, tôi hết sức trốn lẩn mọi người. Một đôi khi, thằng Xuân vâng lời mẹ tôi đến chỗ làm việc mà tìm, tôi bảo người gác cửa cấm không cho nó vào. Có hôm, nó tìm cách vào được đến buồng giấy, tôi lại lẩn ra cửa sau đi mất.

Tìm mãi tôi không được, nhà tôi chán, cũng không buồn tìm.

Chắc nhà tôi đã coi như tôi là một kẻ bị hai cụ Nam tào, Bắc đẩu xóa tên trong sổ nhân gian; nếu không, cũng là một kẻ bất lương đã bị nhà nước kết án đầy biệt xứ.

Thế cũng may. Không bị quấy rầy nữa, tôi sẽ được yên thân mà chết dần chết mòn ở trong cái xó này. Những người hăm nhăm, hăm sáu tuổi, hàng ngày, chẳng chết hàng đống ra đấy à? Tôi đành lắm.

Tôi bằng lòng về cái chết của tôi lắm lắm. Nhưng chết không phải là một chuyện dễ như người ta tưởng lầm. Đến lúc cùng đường, cứ chết là xong thì thiên hạ đã không còn ai khổ.

Một buổi sáng kia, đến bàn giấy, tôi thấy một bức thư để trên bàn.

Thư rằng: "*Cô mệt nặng, anh về ngay. Mợ nhớ anh lắm, đêm nào cũng khóc, Em*".

Thoáng trong giây lát, cảnh gia đình hiện ra dưới mắt tôi. Tôi nhớ đến cô tôi và tôi mới lại thương đến mẹ tôi. Nhưng dù sao, buổi trưa hôm đó tôi cũng về... hút đã.

Hôm đó, người bồi tiêm của tôi có việc xin đi vắng. Liên Hường lên tiêm thuốc cho tôi. Biết chuyện, nàng hết sức ép tôi về nhà.

Nàng thân hành chải quần áo cho tôi và chọn hộ một cái sơ mi sạch. Còn nhớ lúc ra đến cửa, tôi lần chần định quay lại không đi. Nhưng không được. Nàng đẩy tôi ra ngoài, đóng cửa lại, sau khi đã thuê xe và trả tiền xe trước. Tả làm sao được những cảm giác hoang mang lúc ngồi trên xe về! Nhưng tôi nhớ rằng lúc đặt chân lên bực cửa nhà tôi, giá có phép độn thổ, tôi chui tuột xuống dưới đất không dám nhìn ai cả. Tôi đổi khác hẳn đến thế ư? "Sự trở về của đứa con hoang" khi trước cũng đau xót và thấm thía đến thế là cùng vậy. Tôi đứng dựa vào cái quầy hàng bỏ mũ ra: không ai hỏi gì cả. Sau này tôi mới biết rằng mẹ tôi và bà tôi, ít lâu nay mắt kém, không trông rõ ra tôi, cứ tưởng tôi là một ông khách mua hàng. Em tôi cũng ngẩn ra một lát, sau mới vồ vai mẹ tôi mà bảo: "Anh ấy đã về, mợ ạ!".

Như vừa tỉnh một giấc mơ, mẹ tôi hoảng lên một chút rồi gọi tôi vào trong sập. Ai tưởng rằng tôi lại về? Em tôi, sau khi gửi bức thư đến nhà báo, cũng tưởng như mọi lần trước tôi xem xong thì bỏ đi. Bây giờ thấy tôi về như một cái bóng, như một con ma, nó lộ một nét vui mau chóng. Đây cũng là một sự lạ mà rồi tôi còn nhớ mãi: nó tái mặt, run lên trong giây phút.

Người tôi như cái máy. Cái đầu, tôi không hiểu để làm gì. Cái miệng không nói, tôi chả biết nên há ra hay khép lại. Hai cánh tay vô ích quá, tôi đút xuống dưới đùi. Tôi nhìn thẳng và cố làm cho mình nhỏ bé lại để cả nhà thương hại. Dù sao, tôi cũng không tránh khỏi được trận lôi đình của bà tôi và mẹ tôi! Này, mẹ tôi sắp kể tội đến nơi rồi. Này, bà tôi sắp mắng! Tôi đã sắp sẵn tai để nghe đây. Da mặt tôi dày lắm: tôi không xấu hổ với kẻ thầy người tớ. Thêm

vào, trời lại còn cho tôi một cái đặc ân là có hai cái lỗ tai rỗng, thông với nhau: lời nói vào lỗ bên này thì lại chui sang bên kia, ra ngoài. Thế, cũng như tôi không nghe thấy gì. Tôi điếc. Trong thiên hạ, những người điếc chẳng có hàng tạ là gì đấy?

Năm vài phút đồng hồ qua. Mẹ tôi không nói gì. Người sai đun nước, pha trà cho tôi uống. Rồi liếc mắt nhìn tôi. Tôi cúi mặt. Tôi không dám nhìn. Nhưng tôi cảm giác là người mím môi lại để giữ tiếng khóc trong cuống họng. Có lẽ người muốn nói nhiều điều lắm. Nhưng, sợ nói ra thì òa lên khóc mất, người lại ngồi im, uống nước. Mãi sau, mới nói:

– Thôi, lên gác mà thăm cô.

Vẫn cúi gầm mặt xuống, tôi rón rén leo mười bốn bực thang lên cái gác tối tăm, sặc mùi thuốc bắc. Bóng chiều đổ xuống. Lên cao, trông sắc mây, tài gì mà không buồn. Muỗi ở các nơi bay về hội họp trong gian phòng nhỏ bé. Đèn chưa bật. Tôi hoang mang nghĩ đến những buổi chiều mở mắt nằm trên giường mà thấy những trái núi liên tiếp đổ xuống đầu, những buổi chiều cô độc bị thuốc phiện hành hạ đủ trăm vành... những buổi chiều tôi đã từng thấy căn gác này lạnh lẽo như cái mả...

X

Cái cảm giác nặng nề thay! Tôi tưởng đã dứt được nợ rồi và không bao giờ còn phải để chân lên chỗ này. Chẳng ngờ sau đó một năm, hôm nay, tôi lại đến với một tấm lòng nặng trĩu. Không khí gian gác cũng nặng trĩu như muốn "đè tôi xuống cho bẹp dí như một tờ giấy bản". Thật chả khác gì ngày trước! Có chăng chỉ cô tôi khác trước mà thôi. Thần thái cô kém hẳn. Da xấu lắm. Hai mắt trũng sâu. Hỏi người nhà, tôi mới biết nửa tháng nay cô tôi không dậy được. Chữa chạy bốn năm ông thầy rồi mà bệnh vẫn không chuyển tí nào.

Bệnh khởi làm sao? Cả nhà không ai biết. Bởi vì có ai để ý đến cô đâu! Một hôm, một người em gái tôi cần lấy sách ở trên gác xuống để bày hàng, gọi cô lấy giúp. Cô nằm phục vị xuống tấm giường ghế ngựa, mệt quá, không nói ra tiếng nữa. Cô ôm lấy đầu ở trong bóng tối, tiều tụy như đống giẻ. Giá có chết cũng không ai biết. Vặn đèn cho sáng, em tôi chạy lại xem. Mồ hôi ở đầu và mặt cô tôi như tắm.

Chân tay thì lạnh giá. Nó hoảng hốt hỏi làm sao. Cô chỉ ầm ừ rồi ra hiệu để cho mình nằm yên. Một lát sau, cô nói:

– Không việc gì. Cháu đừng có nói cho ai biết nhé!

Thì ra âm âm ỉ ỉ, cô yếu mệt đã lâu. Nhưng vì sợ hãi và lo phải uống thuốc, nên cứ giấu – có lẽ giấu đã hàng mấy chục năm nay rồi thì phải. Vì đó, chứng bệnh của cô cứ nặng ra, mà chẳng có ai hay biết. Ngày ngày, thấy cô ăn nhẻo nhớt, cả nhà tôi bảo cô ăn như mèo và trách mắng. Chẳng dám trả lời, cô tôi nhắm mắt nhắm mũi ăn cho nhanh rồi ngồi chúi một chỗ, không dám rên la, ho hắng. Đến tối, lên gác ngủ, thì lại còn lo mở cửa cho thằng cháu đi hút thuốc phiện chưa về! Trời đầy người ta đến thế là cùng. Người khỏe mạnh cũng phải lăn ra mà chết. Huống chi cô lại là một người tạng yếu, da lúc nào cũng xanh lướt như lá cây. Mỗi ngày bệnh cứ đục dần tạng thể cô. Cô ho và sốt. Thầy thuốc hỏi cô, cô chả nói. Nhiều khi, cô lại từ chối không để cho người ta bắt mạch. Như thế chưa chắc đã phải vì cô muốn chết. Có lẽ vì cô là một người đàn bà không chồng và không con. Cả nhà lúc ấy mới thương cô thì đã muộn. Bệnh trầm trọng quá mất rồi. Biết mình không thể qua khỏi được cô lừa lúc mọi người không để ý, đem đổ cả thuốc đi. Bà tôi biết, mở màn vào dỗ dành. Cô không khóc mà không đáp. Cô chỉ nói với mẹ tôi. Nếu cô có mệnh hệ nào, mẹ tôi sẽ giúp cô chu tất, để khỏi làm một hồn oan nơi chín suối. Có bao nhiêu vốn liếng dành dụm được trong cả một đời người, cô gửi lại mẹ tôi. Còn hai đôi xuyến và chuỗi hột, cô để lại cho tôi “sau này nó lấy vợ thì cho vợ nó làm cái vốn”.

Công việc tạm xếp đặt đâu vào đấy thì tôi về nhà. Vải đã xé cả rồi. Thuốc bây giờ có lấy cũng chỉ là lấy lệ. Không còn mong gì nữa. Hai bác sĩ có danh đã lắc đầu. Bệnh là bệnh đãi thuốc; uống chén đầu thì giảm nhưng đến chén sau, thì đâu đóng hoàn đấy, có khi tăng là khác. Nhưng còn nước, còn tát. Biết làm thế nào được, hở giời? Bao nhiêu cái gì còn sót lại của lương tâm tôi đều trỗi dậy để hành hạ tôi. Tôi không biết có nên chạy lại hỏi thăm bệnh trạng của cô không. Tôi không biết có nên xin lỗi cô về những việc mà tôi đã làm từ trước không.

Cái gì tôi cũng không biết cả. Tôi không biết lúc đó tôi phải nghĩ ra thế nào. Tôi cứ đứng lặng như cây ổi. Mãi về sau, nhớ ra rằng mỗi khi trong nhà có ai sắp chết thì người ta phải khóc, tôi gục xuống giường mà rỏ nước mắt ra.

Cô đã mê rồi thì phải. Thoạt mở mắt, cô không nhận ra tôi. Nhờ có chú tôi và em tôi nói như kêu vào tai, cô dần dần như mới hiểu, khẽ gật đầu và bảo tôi ngồi xuống. Tôi ngồi xuống mép giường và tự thấy mình trơ trẽn quá. Vô tình, tôi xoắn cái vải màn trong tay. Ở ngoài kia, gió thổi mạnh, xé cái cửa sổ bịt giấy mà xuyên vào khe màn. Tôi có cảm tưởng không biết bao nhiêu là con thạch sùng tắc lưỡi? Có trời hiểu làm sao! Mùi thuốc bắc bốc lên. Muỗi kêu như khóc. Những bước đi ở dưới nhà uể oải và gượng nhẹ. Tôi nghe thấy mẹ tôi nói thầm với bà tôi "... Ý cô ấy muốn đi lối cũ..."

Thế rồi là một sự im lặng, im lặng quá đến làm ta phát rợn. Tôi nhớ đến những cái chết của người thân thích với tôi. Cụ tôi chết vì bệnh già, tủy như khô lại, khô đến đâu kêu giời lên đến đấy. Em gái tôi chết vì bệnh thương hàn, lưỡi đen, sốt lên đến cùng cực, xé cả màn, vứt cả chiếu. Thầy tôi chết vì bệnh đau tim, nấc luôn trong nửa ngày rồi khóc mà đi. Ông ngoại tôi, không hút thuốc được nữa, cứ lịm dần; lúc chết, có người trông thấy một con quỷ đầu bù tóc rối cầm xích đứng ở trên đầu giường.

Mỗi người chết một cách. Nhưng tựu trung, cách nào cũng đau khổ cả, mà chết thì thật là hết, không còn gì. Người ở lại dương trần, dù thương xót kẻ về cửa tiên đến chừng nào cũng không thể làm sao được nữa. Hết. Hết cả. Người sống chỉ còn có hối hận mà thôi. Hối hận sao mình đã nói một câu khả dĩ làm cho người chết không được vui lòng. Hối hận đã không ăn ở được cho trọn đạo. Hối hận đã bỏ mất bao nhiêu thì giờ không thương yêu nhau cho hoàn toàn.

"Nếu bây giờ trời lại cho cô tôi sống!..." Tôi nhắc câu nói đó như nhắc lại điệp khúc của một bài ca sầu thảm. "Nếu bây giờ trời lại cho cô tôi sống!..." Thì làm sao? Thì làm sao? Lòng tôi tràn đầy những tình thương cao cả và một sự biết ơn mông mênh.

"... Tôi sẽ hy sinh hết cả một đời tôi để làm cho cô tôi sung sướng. Tôi sẽ ngồi chịu chuyện cô hàng ngày đêm, không khẳn cái mặt lại như trước nữa. Tôi sẽ vâng lời cô và sẽ không làm bất cứ một điều gì trái ý cô bao giờ".

Biết nghĩ đến như thế thì đã muộn. Cả một kiếp sống của cô tôi rút lại chỉ còn một hơi thở phều phào, gần muốn tắt. Cô tôi chụm năm ngón tay lại, giơ lên trước mắt như muốn nắm một cái gì lại. Mệt quá, cô lại dần tay xuống nệm. Nhưng có lẽ để tay như thế thì buồn, cô vò cái đệm lại rồi giơ lên, lấy ngón tay cái vuốt những ngón

tay con. Rồi cô ra hiệu vẫy tôi lại gần, nói khẽ. Tôi phải lắng tai nghe kỹ lắm mới biết cô tôi nói gì:

– Sao lâu lắm cháu không về?

Tôi tìm cách nói dối quanh. Cô tôi hừ khẽ, cười mà tiếp:

– Cả nhà khổ vì cháu. Cháu liệu thế nào, chứ cứ để cho mẹ cháu phải lo nghĩ như thế thì khổ lắm.

Tự nhiên, nước mắt tôi ứa ra. Không biết tôi thương cô tôi, mẹ tôi hay thương tôi. Nhưng tôi nhất định không để cho cô biết rằng tôi khóc. Tôi quay mặt đi chỗ khác.

Đỡ mệt rồi, cô tôi lại cầm tay tôi, bảo:

– Cháu độ này gầy quá. Không giữ gìn cẩn thận thì khổ đấy. Ăn uống ra sao? Ở ông ra làm sao?... Thỉnh thoảng, tối phải về... Cô mua cho mấy cân bột sắn đấy; khi nào khỏi, cô nấu chè cho mà ăn.

Tôi cố giữ để cho khỏi bật ra tiếng khóc:

– Cô cứ thuốc thang cho khỏi đi đã. Những việc ấy, sau này sẽ liệu...

Cô tôi nằm im một lát lâu rồi nói, nửa như nói cho tôi, nửa như nói cho một mình nghe:

– Liệu! Sẽ liệu! Nếu cô lại được trông thấy cháu định liệu được cuộc đời của cháu... Nếu cô lại được trông thấy cháu bỏ được thuốc phiện... Cháu ạ, cô vẫn nói với cháu rằng chơi gì thì chơi, chứ cái thuốc phiện thực không hay ho gì... Cháu phải cố mà bỏ đi. Mẹ cháu vẫn thường nói ở Bắc Ninh có một ông lang có môn thuốc gia truyền về mặt ấy công hiệu lắm...

Tôi không trả lời mà cũng không hứa gì cả bởi tôi thấy cái chết nghiêm khắc quá.

– Vâng. Cô bảo thế...

Tôi chỉ nói như vậy rồi bỏ lửng câu, giả cách đứng dậy tìm nước uống.

Sự thực, từ khi nghe thấy cô nói đến hai chữ Thuốc phiện, lòng tôi vụt rối như tơ vò. Thì ra lúc ấy đã chín giờ. Chín giờ là bữa thuốc của tôi. Mà tôi chưa được hút. Bao nhiêu lời cô tôi vừa nói. bao nhiêu cảm tình đôn hậu, trong phút chốc, tiêu tan hết như mây khói. Óc tôi chỉ còn nghĩ đến thuốc phiện thôi. "Giờ này là giờ hút của ta". "Mọi khi, vào giờ này ta đã hút". "Giờ này là giờ hút của ta". Tôi đứng dậy, toan xin phép về nhà riêng, nhưng không biết nói làm sao cả. Tôi lại đành ngồi xuống. Cơn ho kéo đến. Mồ hôi cứ vã ra. Và tôi ngáp, và

tôi ngáp! Một bên là cái chết của cô tôi sắp đến, một bên là bữa thuốc của tôi, tôi biết theo thế nào? Chân tay tôi rời rụng. Rét từ trong ruột rét ra. Tôi không ngồi được nữa. Phải đi xe ngay về để hút ngay bây giờ. Bao nhiêu lần tôi đã đứng lên ngồi xuống để tìm cách ra về. Nhưng thấy cô nằm trơ ra đấy đợi giờ, tôi lại thấy lòng se lại. Không thể được. Dù sao, hôm nay tôi cũng phải ở đây để hầu hạ cô tôi gọi là một chút tình cô cháu khi lâm biệt. Mà tại làm sao tôi lại không thể vâng lời cô ngay tự hôm nay, bắt đầu cai ngay xem ra thế nào? Thôi. Quyết định! Bắt đầu từ tối nay, không hút nữa. Tôi hút thuốc lá, tôi hút thuốc lào. Không ăn thua gì cả. Vào khoảng mười hai giờ đêm, một cơn ho kéo đến xé rách cả cuống họng tôi. Chân tay tôi rời rụng. Nước mũi đổ ra. Mắt hoa lên như chong chóng. Tôi quyết tâm chống với thuốc phiện phen này.

Thuốc phiện quả là có ma, ông ạ. Mười hai rưỡi, một cơn sốt đến hành hạ tôi. Tôi rét, như chưa ai có thể rét đến thế bao giờ.

Nằm trên giường trải nệm, bốn bề cửa đóng tôi run như cái lá. Hết sức lấy gân cũng không tài nào được. Cái rét khỏe hơn tôi. Tôi đắp hai cái chăn bông: vô ích. Giá có muốn kêu to "Tôi rét lắm!" cũng không thể được. Hai hàm răng cứ bập lấy nhau. Lưỡi cong lại. Tôi như bị cấm khẩu rồi. Không nói nữa. Không rên nữa. Xem ra thế nào! Lạ! Chưa được nửa tiếng đồng hồ, tôi lại nóng như thể ngồi ở bên cái bễ. Mồ hôi đổ khắp người. Tôi vùng dậy đi đi lại lại. Nhưng toàn thân tôi nhão ra. Tôi ho nảy cả đom đóm mắt. Lại nằm vật xuống giường. Lại rét. Lại đắp chăn. Có lẽ đến ba giờ sáng. Không hiểu vị thần nào đã thương mà cứu giúp, tôi chợp mắt đi ngủ được. Nhưng giấc ngủ của tôi bập bồng một cách lạ kỳ. Tôi thấy đi đến những công viên xa lạ. Cỏ đẹp, hoa thơm. Ở giữa hoa cỏ đó, có một cái tượng mỹ nhân tuyệt đẹp. Khéo dơ dáng thay cho kẻ nặn tượng kia! Không biết gã xem ở đâu những bộ điệu hứng lòng của đàn bà mà tạo được cho mỹ nhân một cái dáng lẳng lơ đến thế! Tôi rón rén sờ vào chân tượng. Ba mươi sáu con quỷ sứ! Tượng đột nhiên nhoẻn ra cười. Lồ lộ một tòa... Tôi nhắm mắt lại... Thì ra là người thật. Đó là một người đàn bà đẹp mà ngày trước tôi hằng thương nhớ. Nàng cúi xuống bế tôi lên. Tim tôi ngừng đập. Tôi mở mắt. Tiếc cũng không kịp nữa: Đó chỉ là một giấc chiêm bao. Một giấc chiêm bao quái ác làm cho tứ chi tôi rời rạc. Lưng tôi đau như rần. Tôi mệt như có thể chết ngay đi được. Lại chợp mắt ngủ luôn. Những giấc mộng

khác tương tự thế lại rủ nhau kéo đến. Toàn đàn bà là đàn bà! Sao lại như thế được? Ban ngày, tôi chỉ nghĩ đến thuốc phiện, có bao giờ nghĩ đến họ đâu! Họ kéo đến ám ảnh giấc ngủ tôi làm gì mà nhiều thế? Có người, lúc ban ngày ban mặt, tôi đã trông thấy một hai lần. Có người, suốt từ bé chí lớn, tôi chưa từng thấy một lần nào cả. Sao đêm nay họ lại đến với tôi? Tôi ngủ và nghĩ thế. Mỗi lần sực tỉnh lòng tôi lại tràn ngập một mối tiếc thương. Tôi có thể lấy trí óc mà đo sức khỏe của tôi mỗi giờ mỗi phút đã giảm đi như thế nào. Thấm thía chưa là câu nói của Hạ Hầu Đôn lúc rút mũi tên của quân địch bắn vào con mắt. Đôn nuốt con mắt đó vào bụng mà rằng: “Tinh cha huyết mẹ, ta chớ nên hoài bỏ”...

Sáng hôm sau, tôi không thể cất đầu lên được nữa. Chân tay tôi như hết dầu, long ốc, rã rời mỗi cái một nơi. Cái gì cũng quay, kể cả thân tôi nữa. À, ra thế là cai thuốc phiện. Cai vo. Nghĩa là cai không cần thuốc. Trời ơi! Nếu cai mà là thế, thì cai có nghĩa là chết. Chết mất. Sống làm sao được! Thôi này, tôi bằng lòng đoản thọ mười năm để hút một hơi thuốc phiện. Muốn thế nào cũng cứ để tôi đi hút đã. Ví có trời sập ngay bây giờ. Trời cũng phải sập trên thằng này sau khi nó đã hút rồi.

Tôi bay về nhà riêng.

XI

Trông thấy tôi, Liên Hường có cảm tưởng gì, ông có biết không? Nàng tưởng tôi vừa qua một đêm không ngủ. Nàng ngỡ cô tôi đã mất rồi. Mà tôi, vì thương cô, phải cùng với người nhà lo việc chôn cất, nên mới róc người đi thế. Nàng xuýt chia buồn cùng tôi.

Sau khi đã biết rằng lầm, nàng kêu “húy trời” một tiếng khẽ rồi hỏi tôi duyên cớ. Tôi giục nàng tiêm. Thế là nàng hiểu hết. Phù dung tiên tử ôi! Thật, đến hôm đó tôi mới biết cái quyền vạn năng của nàng. Chỉ mười lăm phút, nàng làm cho một kẻ đã chết rồi sống lại. Mắt lại mở được. Mũi lại ngửi được. Tai lại nghe được. Tay chân lại cử động được. Miệng lại ăn được. Thế có tài không? Ngày xưa, Hoa Đà có tiếng là một ông thầy thuốc thánh, cho quan Thái thú Trần Đăng là người hay ăn gỏi cá sống một chục viên thuốc mà Đăng thổ ra ba đấu vi trùng (!), sống lại. Tôi không biết chục viên thuốc đó ra sao. Nhưng tôi dám cuộc, nếu đem ra so sánh, thì chục viên thuốc đó không thể thánh bằng một viên sái thuốc phiện to bằng hạt đỗ!

Hiệu nghiệm thế là cùng. Ông ạ, ông không cần hút. Ông cứ táo lấy một viên. Ông bỏ vào cuống họng rồi chiêu nước. Thế là "đã", không lên cơn nữa.

Mấy hôm đó, cần phải có mặt ở nhà để dự cuộc lâm chung của cô tôi, tôi nghĩ không gì tiện hơn cách đó. Tôi chỉ cần hút bữa sáng thôi. Rồi có thể suốt ngày ở nhà mẹ tôi để hầu hạ cô cho trọn đạo. Có thể không cần hút cả bữa tối nữa. Đến bữa, tôi chỉ việc giở một hai viên "táo" bỏ vào cuống họng, chiêu bằng nước cà phê đặc. Thuốc phiện tan ra, người tôi nóng bừng. Đủ quá. Thỉnh thoảng, người ta cũng nhớ đến khói, nhớ đến bàn đèn, nhưng cái đó không sao. Một vài hôm sẽ hết.

Nhờ đó, tôi có thể có mặt luôn ở bên cạnh cô tôi. Chính mẹ tôi cũng lấy thế làm ngờ ngợ. Càng hay. Mỗi ngày, tôi tạt về nhà riêng một lần để lấy thêm "đạn" rồi lại đi. Mười bảy, mười tám hôm như thế! Cuộc lâm chung của cô tôi rất dài.

Nguyên sau khi giối giăng lại mấy lời, cô không nói được nữa, chỉ nằm im đợi giờ. Giờ đó mãi không bao giờ đến. Cả một kiếp xuân đi thu lại, cô ở cõi tạm bợ này còn có gì vui thích nữa mà cứ lưu luyến, không nỡ rời chân như vậy? Không bao giờ trời và cô tôi trả lời tôi câu đó. Chỉ biết rằng, với tôi, cuộc vĩnh biệt đó sầu thảm nhất trần đời. Thuốc, không uống được nữa; cơm, không ăn được nữa; mắt đã mất thần, không nhìn rõ ai vào ai nữa; mà cô tôi vẫn chưa đi. Cô tôi, đến ngày mười bảy tháng chạp, chỉ còn là một hơi thở khẽ. Xe thuê sẵn rồi. Ông Tú Bù đã chọn một cái hiệu. Mẹ tôi đọc to lên cho cô tôi nghe để sau này cô nhớ ngày giỗ khi tết mà về. Sáng hai mươi tháng chạp, cô tôi vẫn sống. Hai mươi mốt, cô lại tỉnh, húp được một ít nước sâm. Nhưng đến hai mươi ba thì hoàn toàn tuyệt vọng. Những người thức đêm để hầu hạ đã bắt đầu ngủ dúi ngủ dụi rồi. Hầu hết như quen với cái chết nên chẳng ai để ý cô tôi nữa. Chính lúc không ai ngờ nhất đó, cô tôi nấc lên mà mất. Nước mắt cô chan hòa cả ra tấm vải trắng để trên mặt gối. Cô đi như chan chứa một tấm lòng thương tiếc cuộc đời. Chao ôi!

Tôi nuốt luôn một lúc bốn viên "táo" để thức đêm hôm khâm liệm. Ngồi bên cạnh cỗ áo sơn đỏ, leo lét sáu ngọn nến tờ mờ, tôi rợn tóc gáy lên mỗi khi nghĩ đến cái chết của người đời. Chết là hết! Hay chết là còn cái tinh anh? Cô ơi, sống khôn, chết thiêng, cô phù hộ cho đứa cháu này và tha thứ cho nó hết cả những sự lỗi lầm ngày

trước. Sự thực, những việc lỗi lầm của tôi đối với cô không phải đến hôm nay mới vò xé lòng tôi và làm cho hối hận. Không. Tôi biết tội đã lâu. Nhưng chưa hôm nào tôi thấy khổ sở như đêm nay, ngồi trước người cô hiền lành thân ái mà bây giờ chỉ còn là một cái xác dữ tợn nằm cứng lạnh trong một cái quan tài chưa đóng cá. Cái chết ghê gớm quá! Không biết ai đã làm những việc đại gian đại ác, mà ngồi canh cái xác chết một đêm, thì lòng dịu hiền đi chút nào không? Riêng tôi, ngồi bên cạnh xác cô tôi, những cảm tình đôn hậu nhất, những tư tưởng trong sạch nhất, những điều quyết định cao thượng nhất tự nhiên vụt sống lại và làm cho tôi, trong một phút, trở nên hiền lành. Tôi muốn làm vui lòng người đã chết. Nghĩa là phải cai. Cai, nghĩa là không hút nữa; nhưng cũng không phải nuốt. Cai, nghĩa là đoạn tuyệt cái đời hút sách bê tha để trở nên một người mới, khả dĩ làm cho cô tôi được ngậm cười nơi chín suối. Nói theo lối sáo ngữ, tôi cần phải "làm lại cuộc đời". Tôi gia hạn cho tôi thế này: ngày mai, còn phải ma chay chôn cất; vậy thì sẽ mệt; ta cho phép ta được hút. Ngày kia, cho hút. Ngày kìa, – tức là ba ngày cô tôi – ăn uống và làm lễ ở trên chùa, cho hút nữa. Hút thế nào cho cực đã thì thôi. Hút cho không thể hút hơn được nữa. Hút cho đến sợ thuốc phiện thì thôi. Nhưng đến ngày thứ tư, pập! Đứa nào mà còn hút nữa thì chết khốn chết nạn, chết đầu đường xó chợ, chết mở mắt trừng trừng! Tóm lại, lần này mà không bỏ thuốc phiện thì đâm đầu vào chỗ không sạch mà chết, bị rủa xả mà chết, ăn những của không ngon mà chết! Đừng ai tưởng tôi đùa. Không. Tôi ác với tôi lắm lắm. Tôi là một vị quan tòa tối nghiêm, họp một phiên áo đỏ để xử án tôi. Tập hồ sơ, nếu kể cả thì dài lắm. Đại khái, ai cũng đoán biết được rồi. Thuốc phiện hại người... Mới ba tuổi ranh đã hút... Sống cũng như chết, còn trông cậy gì được nữa...

Phải cai! Phải cai! Cai hay là chết! Anh chọn lấy một đường đi, và không đợi tôi khuyên, anh đã biết anh phải chọn con đường nào! Chính vậy. Tôi sẽ cai. Cương quyết lắm. Tôi nhắm mắt lại, nạo óc tìm những cái ghê tởm của thuốc phiện để kể tội: dọc tẩu khai như nước tiểu; hút vào, đau dạ dày; da hỏng, máu hỏng, óc hỏng, cái gì cũng hỏng, kể cả tâm tính nữa. Ăn cắp! Bần tiện! Keo cú! Tất cả! Còn cái gì ghê tởm ở cõi đời này không do thuốc phiện sinh ra! Cứ nghĩ thêm được một cái hại của thuốc phiện, tôi lại càng cương quyết quá. Tôi mạt sát hết cả những tên nghiện trên đời. Tôi kết luận: "Chẳng qua dân nghiện là đồ hèn. Làm gì không bỏ được! Thuốc lào,

thuốc lá, trầu, người ta bỏ dễ như chơi. Vậy thì tôi cũng bỏ thuốc phiện dễ dàng như thế. Tôi sẽ bỏ vo. Nếu cần lắm, tôi mới dùng thuốc cai. Ở đâu, có thứ thuốc cai nổi tiếng, tôi sẽ tìm uống, uống kỳ cho chừa được. Ra chứng gì, tôi diệt chứng ấy ngay. Những anh mới thấy dở chứng đã vội hút, chẳng qua là đồ nhát. Thằng này mà lại nhát à? Không. Rồi cả phố xem. Rồi cả họ hàng nội, ngoại xem. Nó định làm gì phải được. Nó sẽ chừa thuốc phiện! Vụt một cái, ý tưởng cai thuốc thành ra một ám ảnh, mỗi phút lớn lên trông thấy. Tôi cảm thấy nó không thể chứa được trong người tôi nữa. Tôi chạy ra bàn, lấy bút mực viết vào cuốn sổ con một chương trình cai, để trông đó mà theo. Y như người học trò nhỏ trông cái bảng thời khắc để làm bài và học:

Ngày thứ nhất: uống thuốc và nằm nghỉ... Ngày thứ hai: uống thuốc và đi dạo... Ngày thứ ba: uống thuốc và nằm nghỉ...

Vừa viết, tôi vừa nghĩ cách làm cho chương trình cai thuốc kia hoàn bị. Tôi đã thấy tôi cai thuốc phiện đâu vào đấy rồi. Chải đầu bóng đi chơi giữa thành phố như một bức tranh nhân đạo. Con gái thì thào. Nhà nào cũng chỉ tôi mà nói: “Đấy, cứ bảo hắn ta nghiện mãi. Nghiện mà béo tốt như thế này à?” Và ngay tự bây giờ, tôi đã thấy các tiệm nói đến tôi. Người ta lấy tôi làm gương mẫu. Chà chà! Đời mới đẹp làm sao. Trời cao và xanh. Chỗ nào chim cũng hót. Lòng người ta thênh thán nên công việc hanh thông. Hoạt động. Trẻ trung. Vui vẻ. Một buổi sáng, ngủ dậy, tôi thấy mình là một người có ích cho xã hội. Người ta kéo đến ở dưới cửa sổ nhà tôi để reo hò. Mẹ tôi sẽ nói: “Ai chẳng tưởng đời nó bỏ đi. Không ngờ... Thực quả, lậy giời lậy phật, tôi vẫn biết nó không phải là thằng hèn kém”...

Nghĩ thế, lòng tôi đủ ngợp rồi. Tôi muốn thời gian đi rất chóng để thực hành ngay chương trình.

Trong khi chờ đợi, hãy tập nghiêm khắc với chính mình. Tôi làm theo đúng những điều dự định. Hôm nay, về nhà riêng hút đã. Tôi hút không tiếc hơi tiếc sức. Nhất là hôm thứ ba tôi lại càng hút gỡ lắm lắm, đến nỗi chính Liên Hường phải sợ.

Muốn cho việc tôi cai là một sự bí mật để sau này nàng phải ngạc nhiên, tôi chả nói cho nàng biết. Chúng tôi hút suốt đêm. Đến lúc canh gà eo óc, kẻ ở trên gác mà người xuống dưới nhà, tôi mới đứng dậy hét lên một tiếng, tháo cái tẩu đập tan trên mặt đất và chỉ tay về phía mặt trời mà thề như kiểu các vua chư hầu đời Xuân Thu:

"Kể từ phút này, tôi cai thuốc phiện, nếu không giữ được như lời thì xin có mặt trời soi xét".

Lúc thề câu đó, có lẽ mặt tôi ác lắm. Liên Hường co rúm lại, không dám nói một câu. Mặt nàng tái hẳn. Vì thương xót mà cũng vì khoe khoang, tôi gọi nàng lại gần và giơ cho xem quyển sổ ghi bản chương trình cai thuốc. Không biết nói ra sao, nàng chỉ "dạ". Đến khi tôi giở cho xem lọ thuốc bột mà tôi mua sẵn phòng khi cần đến, nàng lộ một vẻ kính phục vô ngần. Trông mà nở nang cả dạ.

Tôi nhảy xuống đất, bảo tên bồi tiêm dọn bàn đèn. Chưa đủ. Muốn cho y biết tất cả can đảm của tôi, tôi gọi y mà bảo:

– Tất cả, tôi cho anh đem đi bán lấy tiền. Còn anh, cứ ở đây với tôi, không phải đi làm đâu cả. Tôi cai, đồng tiền sẽ dư. Thày trò ta cứ ở với nhau như trước, thừa thãi chán!

Tên bồi mỉm cười, "vâng ạ" rất nghiêm trang. Y cũng buồn một chút. Buồn từ đây sẽ vắng ngọn đèn dầu. Nhưng y không ngớt lời khuyên tôi giữ lòng can đảm trước sau cho toàn vẹn.

– Điều đó, không phải nói. Mình đã làm đến việc này, nếu không giữ cho bền chí thì chết to!

XII

Tôi làm được đúng như lời nói. Buổi trưa, không hút. Tôi bê một đống sách tây và báo Nam Kỳ về xem. Tôi vừa đọc vừa đợi xem có gì lạ không. Chẳng có gì lạ cả. Thú quá. Tôi lại ngủ được nữa. Thoáng trong giây lát, tôi lại nghi ngờ những ai đã bảo thuốc phiện là ma, vật người ta chết lên chết xuống. Thật là trời tựa tôi. Số tôi không bị nghiện. Nghiện, đối với tôi, chẳng qua chỉ là cái hạn. Hết hạn thì thôi, không hút nữa. Tôi đoán là "chửa chắc tôi đã phải dùng đến thuốc cai". Tim tôi phồng lên. Tôi muốn hét lên cho cùng thiên hạ biết là bỏ thuốc phiện không có gì khó cả. Bỏ thuốc phiện dễ như ăn cơm. Đây này. Một. Hai. Ba. Tôi nhảy lên giường, lấy áo mặc, dận giày, đội mũ, đi làm việc. Tôi không đi xe. Tôi đi đất. Ai dám bảo tôi yếu đuối? Ai dám bảo tôi ký sinh trùng? Ai dám bảo tôi hèn đớn? Tôi làm việc nhiều. Tôi nói to. Tôi hét lên to tướng cho mọi người biết rằng tôi khỏe. Nếu có ai hỏi "Hút chưa?" Tôi sẽ trả lời nhũn nhặn "Vừa mới cai đây mà!".

Như thế, đến sáu, bảy giờ chiều. Ăn cơm xong, tôi tự nhiên gấy

rét. "Giở trời đấy, có gì!" Và tôi nhất định đi bộ. Nhưng hai chân nhất định trốn đi. Tôi phải đi ù xe về nhà. Hút thuốc lào. Hút thuốc lá. Uống cà phê đặc. Không ăn thua. Thôi thôi, tôi đã biết: cai vo, không được. Thuốc phiện bao giờ cũng vật. Nó không nể người nào. Trưa nay, sở dĩ chưa lên cơn, ấy chỉ vì đêm trước tôi đã hút nhiều quá độ. Bây giờ, hả thuốc rồi. Người tôi lại thiếu khói. Nó hành. Nhưng nhất định tôi không chịu nó.

Tôi nhớ những lời thề buổi sáng. Tôi cũng chưa quên những điều quyết định đêm ngồi cạnh áo quan của cô tôi. Không. Thuốc phiện, mày thắng thì ta chết, mà ta chết thì mày thắng. Tôi với nó là hai kẻ tử thù. Một mất, một còn. Phương tiện không làm gì, chỉ cứu cánh mới là quan hệ.

Tôi lấy ngay lọ thuốc bột ra. Không phải đọc lại đơn lần nữa làm gì, tôi xúc một cùi dìa, đổ tọt vào cuống họng, chiêu ngụm nước. Chân tay tôi giật. Nước mắt, nước mũi chan hòa. Gân cốt như vỡ nứt. Chao ôi, cuộc đời trống rỗng làm sao! Tất cả nhân loại đều vui sống mà tận hưởng hạnh phúc của trời cho, chỉ có riêng tôi là kẻ bất hạnh nằm co một chỗ.

Sự thực, thứ thuốc cai tôi vừa uống cũng làm giảm được sự đau đớn cho xác thịt tôi một vài. Nhưng nó không vì thế mà làm được cho linh hồn tôi đỡ khổ. Hai tiếng đồng hồ sau, bao nhiêu chứng ho hen, hoa mắt, giật tay, ù tai, choáng óc phần nhiều tiêu tán. Nhưng trí óc tôi thực đã trải qua một sự khủng hoảng không tiến. Suốt một đêm ấy, không tài nào ngủ được. Tôi lục tục tìm trong ký ức những chuyện nhân đạo hay nghĩa hiệp để ngẫm nghĩ và suy cứu. Nhưng tự nhiên một cái bàn đèn ở đâu bay là là đến trước mắt tôi. Nó đậu xuống như một con chim phụng, có vẻ mời mọc mà lại như trách móc. Tôi cố xua đuổi ám ảnh đó. Vừa đi khỏi một lát, nó lại ở đâu lù lù hiện đến, to hơn và rõ hơn. Này cái tiêm, cái móc. Này chiếc chụp đèn thân ái bằng pha lê chung quanh có chữ lệ. Này cái cối đánh sái với "hộp thuốc năm" như cười. Tất cả như nhắc lại cho tôi một cái gì mà tôi không biết rõ. Nhưng tôi biết là tôi thiếu. Thiếu một cái đó là thiếu tất cả. Đời xa vắng quá, tôi không thể nào chịu được. Phải bỏ chỗ nằm này mà đi, họa mới đỡ trống rỗng được phần nào chăng. Ừ, cứ đi. Không biết đi đâu. Nhưng cứ đi là đủ. Trời đã khuya. Ở con đường Sơn Tây đi xuống phía chợ Đồng Xuân, những người bán rau đã vất vẻo cái tay đi họp chợ. Khu Hàng Đậu rẽ ra, hiệu thợ may có tiếng là

thức khuya nhất thành phố đã dọn hàng. Một cảnh tượng hoàn toàn chết chóc. Sao mà cuộc đời lại có thể tiêu điều đến chừng này? Tôi hiện đương sống trong một thế giới có một giống mà người ta gọi là người, hay trong một âm cảnh nghe đồn có ma và quỷ sứ? Gió hun hút vào cái mặt rầu rĩ; bóng tối thăm thẳm, ghê cho người đi đêm. Tôi cảm giác như đang bị một giống yêu quái trong Phong thần quạt một thứ hơi chết người vào trong bụng. Tôi như đi trên những bộ xương. Chính tai tôi lại nghe thấy những bộ xương nói chuyện: "Ngày trước, có một anh chừa thuốc phiện..."

Chừa thuốc phiện? Rồi hắn làm sao? Tôi cố sức gượng nhẹ bước chân để nghe tiếp câu chuyện của những người chết nói thầm với nhau. Vô ích. Chính những lúc cần nghe nhất thì những bộ xương kia không nói nữa. Chúng nghiến răng rào rạo. Vụt một cái, tôi thấy chúng cười rầm lên, ở chung quanh tôi, ở đầu phố, ở trên trời, ở bụi cỏ, ở lùm cây. Không. Không. Ta mê rồi. Đây là đời, có sở cảnh sát và nhà pha để giữ trị an cho thành phố! Ma nào mà sống được? Người chết nào mà về nói chuyện với nhau được? Có muốn bị bắt vào xà lim không?

Tôi giơ tay ra trước mặt, cố xua đuổi những hình ảnh nặng nề. Tôi đứng lại trên hè, nhét ngón tay vào lỗ tai, lắc mạnh cho đỡ ù. Quả vậy, chẳng có ma nào cả. Tôi đi chơi như một người đi chơi. Vừa được mấy bước, tôi sực nghĩ ra một điều: đời rỗng quá. Thà là có ma quỷ nói nhảm ở bên cạnh còn hơn là mình lại phải sống cô độc với chính mình. Ý nọ dắt ý kia, tôi nhớ lại những việc mà không bao giờ tôi nghĩ đến. Ngày đó...

Chúng tôi năm người. Ngày đó, chúng tôi vừa thất bại trong một công cuộc làm báo. Năm người chúng tôi thu nhặt được bao nhiêu tiền còn lại đem đi hát hết. Hát chết thì thôi. Nhưng trời sinh ra thế, chẳng anh nào chết cả. Mà tiền thì hết. Ngày ngày, chúng tôi thay phiên nhau đi xoay. Vay lãi ba mươi phân cũng được. Chúng tôi ở hàng tháng ở nhà hát, đôi khi đổi nhà đi cho lạ, nhưng đại khái thì anh nào cũng ngấy đến mang tai. Không những thế. Chính cô đầu cũng chán chúng tôi. Họ sống với chúng tôi như người nhà. Phải bày ra trò gì lạ để "thay đổi không khí" đi một chút. Chung quanh bàn đèn, chúng tôi nằm quây quần lấy nhau nghĩ cách. Một anh xướng ra một trò chơi không nhàm. Ấy là chọn lấy một anh ốm yếu nhất, bắt phải... chết để cho anh em lo liệu. Hỏi thăm. Phủ mặt. Thất bọng đái.

Một anh đi mua tám ngọn nến thắp chung quanh người xấu số. Kèn bát âm. Bài Xuân nữ. Cử ai. Cả bọn bưng mặt khóc ầm ĩ như khóc một người chết thật. Khóc không có nước mắt, nhưng khóc nức khóc nở, khóc kể lể dây cà ra dây muống, càng có người can càng khóc. Khóc đến nỗi bao nhiêu cô đầu nhà phát rợn lên vì có cảm giác là nhà "có việc" thật. Khóc đến nỗi cô đầu hàng xóm phải đổ sang xem. Chúng tôi thích, vỗ tay cười ha hả. Đó mới thực là đi tìm cảm giác lạ! Đó mới thực là sống đó!

Có ai, một đêm mưa gió, thấy lòng mình trống rỗng thực thà, mới biết rằng những lối chơi như thế an ủi người ta nhiều lắm. Ít ra thì cũng vợi được sầu khổ đi một chút. Người ta đỡ cô độc, vì còn thấy được sống với tiếng khóc của người ta và những người chung quanh.

... À! À! Được nghe thấy tiếng khóc của người ta và những người chung quanh! Sao đêm nay, một đêm tuyệt vọng đầy trời, oán than ngập đất, ta lại không tìm đến một chốn sầu thành nào để chơi lại trò năm xưa? Tôi dọc theo con đường Bờ Hồ đi xuống lối chợ Hôm và thuê một cái xe về phía ô.

Xóm Vạn Thái, nhiều nhà quen lắm. Nhàm! Tôi bảo xe kéo về Chùa Mới, tìm một nhà hát lạ. Lúc đó, tiếng trống đã im. Qua kẽ cửa, chỉ còn xì xào tiếng quan viên say rượu. Những nhà chưa có hát đã đóng cửa đi ngủ rồi.

Tôi đập cửa vào một nhà rất tồi tàn, xin hát. Không có người nào biết tôi. Càng hay. Tôi cởi giày, để nguyên quần áo, xếp bằng tròn trên ghế dựa, mắt lừ lừ như một tên trùm ăn cắp chờ tòa tuyên án. Có điều trái lại là không ai tuyên án được tôi mà tôi tuyên án tất cả cô đầu.

Bản tính tôi không phải người độc ác. Mấy đời nhà tôi theo đạo Phật và thờ thánh trong nhà. Đến tôi, ảnh hưởng của đức nhân hậu vẫn còn và lòng biết kính phật, sợ trời vẫn có. Thêm vào, tôi lại được bố mẹ và thày giáo cho biết thế nào là lòng thương, là đức hỷ xả, là sự đau khổ nâng cao người ta lên. Bởi vậy tôi vận hết sức tránh làm sao cho khỏi nhục mạ những người nghèo khổ – nghèo khổ về vật chất cũng như tinh thần.

Một lời nói, một đọi máu. Làm bộ điệu hay dùng một lời nói để khinh ai, làm nhục ai, tức là giết linh hồn người ta. Chỉ có quỷ sứ mới giết linh hồn người ta như vậy. Phàm là người thì phải thương xót nhau và an ủi lẫn nhau cho đỡ khổ. "Những người thật hiểu biết đều thấy một cái buồn mênh mông trong cõi đời".

Ấy đó! Tôi biết như thế đó. Nhưng quỷ sứ đã hại tôi. Nó ốp vào người tôi làm cho tôi quên hết. Nhất cử nhất động của cô đầu, tôi đều thấy gai mắt chướng tai. Tôi không ngại dùng lời độc ác nhất để sỉ vả từng ả một.

Đoạn, tôi hét cô đầu lấy hoa quả ra ăn. Quả nào, cũng hỏng; quít ăn chát sít; cam thì ủng; bưởi đắng; lê chua mà hạt dưa thì có mùi dầu tây. Những thứ đó, một người khỏe nếm vào, ngon lắm. Nhưng tôi nhất định không chịu rằng mình đắng miệng. Tôi quả quyết bảo rằng nhà hát này là nhà hát khổ, tiếp khách không chu đáo.

Một cô, thấy tôi khó tính, bấm các cô khác lẩn vào trong. Thế, tôi lại càng tức lắm. Mà tôi đến đây để chơi với tôi đấy à?. Tôi là hủi hay sao mà chả có ai chịu được?

Tận lúc đó, tôi mới sực nghĩ đến chơi đây làm gì. Tôi muốn "gây không khí". Tôi muốn được đóng một vai người chết để nghe người ta vừa kể lể vừa khóc lóc về tôi. Nhưng thôi thôi, tôi nhớ quách ra mất rồi. Bè bạn tôi bây giờ đã tản mát tứ phương: kẻ thì ở chốn rừng xanh nước độc, người thì bôn ba ở đường danh nẻo lợi. Hôm nay, tôi đến đây chỉ có một mình. Cái trò "chết", tôi còn chơi với ai được. Nhất định là bọn cô đầu kia, các tiền cũng không dám chơi như thế. Vả lại, có muốn chơi đi nữa thì họ cũng là người lạ, biết tôi là ai mà khóc lóc, mà an ủi, mà kể lể?

Thế là một thú. Một cô lại gần tôi, kính cẩn như sắp "lễ cụ" hỏi tôi có muốn lấy bàn đèn không. Y hỏi thế không phải vô cớ. Y hỏi thế vì trông thấy tôi bấm ra sái được. Y hỏi thế bởi vì y chắc đánh trúng vào chỗ yếu của tôi, làm tôi vui lòng. Khốn nạn cho y! Y có biết đâu rằng tôi cai! Nhưng tại sao y lại không biết? Nhất định là y định xói móc tôi. Tôi nể gì mà không dội cho y những lời chửi rủa cực kỳ tàn tệ? Tôi dọa đập hết cả tách chén và lọ độc bình. Cả nhà sợ xanh mắt. Trong sân, văng vẳng có tiếng mụ chủ và cô đầu chửi tôi. Chửi? Tại sao họ lại chửi tôi? Than ôi, tôi biết rồi. Tôi chả làm gì nên tội. Chẳng qua là những cơn tức giận vô lý ở trên sức của tôi. Tôi đã làm gì cho cha mẹ tôi nhờ mà nỡ để cho người ta nói nặng? Cổ tôi như nghẹn lại. Tôi muốn đánh họ cho "bẹp dí xuống như một tờ giấy bản". Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, muôn tội cũng do tôi làm trước. Họ đến phải thốt ra lời chửi rủa, tự lòng họ cũng đã khổ gấp chán gấp vạn tôi. Họ cũng có cha có mẹ; họ cũng có sĩ diện, có danh dự, một quả tim, khối óc để mà biết tủi nhục trước những câu khinh miệt.

Chung quy tôi với họ đều là những người khốn nạn. Ngao ngán chưa là đời! Như có ma rủi, tôi vụt bưng mặt khóc. Khóc mà tự bụng mình không định. Khóc như cái máy nước. Khóc nức nở, không thở được. Khóc đến nỗi sợ hết cả nước mắt nên chính tôi phải đút ngón tay vào tai, vào mắt, vào mũi để mong nước mắt có nguồn mà chảy nhiều thêm. Nửa tiếng đồng hồ sau, tôi mới thấy nguôi trong dạ. Cả nhà hát đều tỏ vẻ ái ngại cho tôi. Có lẽ họ cũng vẫn không hiểu tại sao mà ái ngại. Họ đi kiếm nước cho tôi rửa mặt và hỏi tôi có muốn ăn cháo nóng không. Tôi gật như một đứa bé ốm nặng muốn chiều lòng cha mẹ. Và tôi đòi thêm rượu, uống rất nhiều. Tôi yên trí nếu uống nhiều rượu thì lòng tôi sẽ dịu. Lòng tôi dịu thật. Trong một lúc, tôi thấy trí óc khoan hòa. Như thế, không có gì lạ. Bởi vì trước khi uống rượu, tôi đã cố ý chiêu một ngụm thuốc bột rồi. Tôi lại như thường. Mũi không ngạt nữa. Mắt sáng. Nhưng tôi thấy trong bụng tôi có một cái gì khang khác. Tôi ứa sức khỏe khăng? Không. Cái hư hỏa ở trong người tôi bốc mạnh. Đàn bà! Lạnh lắm... Đàn bà! Ở ngoài kia mưa rét... Đàn bà! Thôi, đóng các cửa lại rồi đi ngủ... Tôi ngủ ba đêm liền ở nhà hát. Các ả mua đồ hiệu về cho tôi ăn để rồi tôi lại ngủ. Hư hỏa ở trong người tôi bốc mạnh. Tôi cai được rồi! Ba ngày, ba đêm nay, không hút! Tôi vẫn chiêu mỗi ngày ba cùi dìa thuốc bột, nhưng tôi không hút nữa! May quá. Tôi có nhiều hy vọng phen này chừa được. Miễn là... Các ông lang thường nghiệm thấy những người lao mà có vợ thường chóng chết. Chứng bệnh của tôi, lúc này, cũng đôi phần giống như chứng lao chăng? Luôn luôn là những sự cần dùng ghê gớm và cấp bách. Nhưng sức ma túy của thuốc phiện trong mấy năm nay đã làm hư hỏng đến triệt để não cân tôi. Nó không thể vâng theo sức óc tôi được nữa. Mối tự phụ của giống đực đi đâu mất rồi, trời ơi!

XIII

Sang ngày thứ tư, tôi vẫn uống thuốc cai. Nhưng không cất được đầu lên nữa. Khí lực tôi kiệt quệ. Mắt hoa. Tai ù. Chân tay rời rã. Lưng đau dần. Bụng nóng như một cái lò than đỏ. Tôi điên. Tôi không tiếc lời chửi rủa những cô đầu đã đem xác thịt ra làm hại tôi. Chúng là những hồ cáo hiện thành đàn bà, con gái để làm chết dần dần đàn ông. Tội họ, tứ tượng phân thây chưa đáng. Họ chẳng qua là

những con sen, con đỏ không đáng hầu tôi mà sao lại dám làm tôi mù quáng để cho tôi yếu sức đi như vậy? Pháp luật và dư luận cần phải nghĩ những cực hình ghê gớm để trả thù cho tôi mới được...

Lần này, quá lắm rồi. Họ không chịu được những cơn điên khùng của tôi. Họ trả lại tôi những lời tục tĩu. Tôi đập thêm một ít chén cốc nữa, xỉa tiền ra trả, rồi vùng vằng đi khỏi. Ai trông thấy tôi lúc đó tất sẽ nghĩ tôi đương nuôi trong óc một cách trả thù gì gớm lắm. Không. Tôi ngồi lên xe, về nhà. Tôi chả làm gì cả. Bởi vì muốn làm gì thì phải có sức khỏe. Mà tôi thì sức khỏe còn đâu? Tôi nghĩ không biết mình có thể sống qua được ba ngày nữa không. Thực vậy. Đến nhà, tôi lăn ra giường, không biết gì. Sau này, hỏi ra tôi mới hay rằng tôi bất tỉnh nhân sự đến trong ba tiếng đồng hồ. Liên Hường và mẹ nàng đã đánh gió và mua thuốc giải cảm cho tôi uống. Không hiểu những thuốc đó có ích gì không hay chỉ vì một sự tự nhiên mà độ vào khoảng bảy giờ tối thì tôi tỉnh lại. Hai cái khăn bông mới thấm không xuể mồ hôi tôi. Không thở được. Liên Hường săn sóc tôi: không ai có thể săn sóc hơn được thế. Nhắm mắt nằm như một người tay đã bắt chuồn chuồn, tôi lắng nghe cái tịch mịch của hoàng hôn rơi vào trong căn gác. Ngoài kia, lá hoàng lan rơi xuống rêu xanh. Gió vàng xào xạc như kể nỗi đoạn trường. Tiếng người đi lại ở ngoài đường thưa vắng. Xa xa, một tiếng sáo của kẻ mù đứng dựa một bức tường nào đó vọng lên tai tôi, rền rĩ, mênh mông, xa vắng như gợi cho người ta nhớ đến những cuộc tình duyên sầu thảm trong đời đôi lứa yêu nhau, một sớm bị chia rẽ vì duyên kiếp.

Liên Hường ngồi bên tôi, im lặng. Hồi lâu, tôi tưởng nàng đương nghĩ ngợi điều gì. Bỗng vai nàng rung động. Nàng nức nở lên như tiếng gió heo may.

– Sao vậy?

Nàng không trả lời, quay đi lau mắt.

– Không, em có mần răng mô!

Cố lấy nét mặt tươi tỉnh, nàng giơ tay vuốt tóc và làm bộ như một người ru em.

Ru i i i anh thét anh muồi...

Tiếng ngân rên rỉ, rơi xuống tai tôi như tiếng quân xam hường đổ trong lòng một cái bát pha lê.

Thì ra trong ba ngày không gặp nhau, Liên Hường đã có nhiều ý

nghĩ viển vông. Tôi vốn nghe thấy nói rằng người con gái Huế thường có những phút mơ mộng đến sinh ra vô lý. Cánh hoa rơi đêm trăng sáng, tiếng hát sáng mùa rét lúc sương mù chưa tan, cái ráng chiều rớt lại trên đầu cây ngọn cỏ, cũng làm cho người ta quên mình đương sống trong thế giới nào. Thế rồi, có trời hiểu làm sao, họ nghĩ đến những cuộc tơ duyên đứt nối ở trên đời, họ nhớ đến người tình của họ, rồi nghi ngờ lòng chung thủy của ai... Lời nói đó có khi đúng thật. Liên Hường cũng thế. Sống những phút rất khó hiểu, nàng nhiều khi đang vui vẻ bỗng thờ thẫn như một người mất trí. Rồi quả quyết rằng người đàn ông Bắc bạc tình. Tôi cũng đã biết thế. Nhưng lần này, tôi cứ quyết rằng sự buồn rầu của nàng không phải là không có lý đâu.

Thì ra nàng không biết thế nào là cai thuốc. Thấy tôi bỏ nhà đi mấy đêm liền không về, nàng yên trí tôi đã có nơi nào khác. Ối chao. Liên Hường khóc như không bao giờ nín được. Nhưng tiếng khóc của nàng không có vẻ khiêu khích. Trái lại, lại như đành phận. Ruột tôi rối như vò. Người đàn ông không cần phải nhiều lắm mới mềm lòng lại. Rối óc vì những chuyện cai thuốc phiện, lại bị đàn bà vật vã bên mình, tôi tưởng có thể đâm cổ chết ngay. Biết bao nhiêu bận tôi đã định gạt Liên Hường sang bên cạnh rồi đi đến một nơi nào đó để tôi tự xử. Nhưng hồ giơ tay thì lại như có một cái gì cản lại. Thôi, tôi biết hết rồi: đời tôi không còn cái gì gọi là khảng khái, cương quyết nữa. Mà không cương quyết, không khảng khái, lẽ tất nhiên sẽ bị người ta cám dỗ.

Tôi bị cám dỗ thật, không sai nữa.

Sợ rằng tôi bỏ thuốc thì đi trác táng, bỏ nàng, Liên Hường tìm đủ các cách giữ tôi. Nàng rủ bạn về dạy tôi chơi tứ sắc. Nàng thuê người về chỉ cho tôi học đàn kiềm. Nàng bày ra những bữa tiệc có rượu nồng thịt béo. Thế rồi thì là những đêm tình ái tê mê. Nhưng có ai biết sự thất vọng não nùng của tôi mỗi buổi sáng không? Tôi vẫn còn phải uống thuốc cai, mà Liên Hường thì thật đã hoàn toàn mất "người bạn có hút thuốc phiện" khi trước vậy. Nàng không dám hỏi tại sao mấy hôm nay tôi yếu. Nhưng tôi thấy ở nàng một sự chán nản do tấm lòng không được thỏa mãn gây ra. Chừa thuốc phiện! Chừa thuốc phiện không biết có được ích lợi gì không? Hãy biết ngay trước mắt, tôi đã thấy mình thua thiệt. Óc tôi rối loạn "Cứ chừa? Hay thôi? "

Càng thương Liên Hường bao nhiêu thì ý tưởng nọ dằn vặt tôi

càng dữ. Chao ôi! Đời người sống phải phỏng được bao nhiêu! Già lắm, sáu bảy mươi là hết. Thời gian đó dùng để thương yêu lẫn nhau chưa đủ. Tội gì mà cứ gây ra những chuyện đâu đâu để làm khổ nhau?

Lý lẽ đó dùng để tự bào chữa cho mình, tôi lấy làm hay lắm. Tôi bíu lấy nó như một người chết đuối bám lấy cái phù phao. Người chết đuối bám lấy cái phù phao còn hy vọng thoát được chết đuối, nhưng tôi? Bỏ thuốc phiện, tôi chắc gì đã làm hơn được khi còn hút? Hay con hỏa cứ bốc lên mãi thế này, tôi lại chết như những người cai trước, mà tôi đã nghe thấy nói chuyện và trông thấy?

Hút nữa! Không hút nữa. Tôi nóng ruột như một người lên chỗ rừng xanh núi đỏ lấy người Mường rồi bỏ về Kinh mà bị người Mường đó chài con vịt vào trong bụng. Có lẽ trong khi đó tôi nói nhiều câu vô nghĩa lắm. Rất có thể Liên Hường không hiểu tâm tính tôi thế nào. Sau này, tên bồi tiêm nhắc lại thời kỳ đó cho tôi nghe, có nói rằng:

– Cô ấy cả ngày tìm con để nói chuyện về ông và hỏi ông hay đi chơi chỗ nào. Rồi cô ấy khóc và thường chờ ông đi khỏi là mặc cái áo đi theo đó.

Ôi, nàng là con gái, trên còn mẹ già, dễ đâu cứ bỏ ngày tháng và công việc để đi theo dò tôi mãi? Nàng phải nghĩ đến thân nàng. Không lẽ cứ làm cái bóng của tôi như thế. Nàng phải đi tìm lấy một cách giải quyết cảnh ngộ này. Thực vậy. Đàn bà con gái vẫn là những người mềm yếu. Nhưng một khi họ đã quyết định việc gì, việc quyết định ấy có khi mạnh hơn cả đàn ông nữa.

Liên Hường quyết định cho tôi phải hút lại mới nghe. Cách nàng làm cho tôi hút lại như thế này:

Nàng không hỏi han gì về tôi nữa. Mặc, muốn đi đâu thì đi. Một hôm, chờ lúc đêm khuya thanh vắng, nàng rỉ tai tôi mà nói:

– Mình à. Ngẫm cho kỹ thì tui cũng chẳng có quyền chi về mình. Mình cứ mần những việc mình ưa. Còn tui, từ bữa ni, tui xin mình một điều là để cho tui được mần một điều tôi thích. Nọ phải nói thì mình cũng rõ, ít lâu nay tôi rầu trong dạ không biết bao nhiêu vì mình. Tôi muốn mượn bàn đèn thuốc phiện của mình để hút mỗi ngày cho vợi những nỗi rầu của tui đi.

Tôi không thể tả được sự ngạc nhiên sau khi nghe những lời nói đẫm nước mắt của Liên Hường. Lẽ gì tôi lại từ chối cái ý muốn rất nhỏ nhoi của nàng? Ngay buổi tối đó, Liên Hường đưa tiền cho tên

bồi đi mua một cái tẩu mới và thuốc phiện. Vừa vặn mẹ nàng lại vào cất sợi trong Vinh. Nàng lên gác từ sáu giờ và thắp đèn, bày tĩnh, nằm tiêm thuốc hút. Ngọn đèn dầu lạc làm ấm cả một căn phòng lạnh. Nằm bên này bàn đèn, tôi thấy lòng như ấm dần và nở hoa.

Tôi xem Liên Hường hút. Tất cả các giác quan tôi tỉnh lại. Khói thuốc bay vào mũi tôi, lên óc. Thật là một điều kỳ lạ! Tôi thấy tôi là một người khác, khác hoàn toàn. Máu chạy dồn dập. Cuống họng lờm lợm như vừa được hút xong. Mắt sáng hẳn. Tự nhiên, tôi thấy Liên Hường đẹp quá. Nàng phải nghỉ hút một hồi lâu. Cửa sổ khép lại. Bên ngọn đèn dầu lạc có hoa, người đàn bà đa tình rền rĩ sao mà nên thơ thế? Tiếng đổ xam hường một đêm thu lạnh nghe cũng không thể gợi lòng người như vậy. Nhưng một vẻ thất vọng lại vẽ trên môi nàng...

– Mình răng rứa? Độ "rày" mình suy.

Bây giờ thì tôi quyết được rồi. Cứ cho tiền tài và sự nghiệp đầy rẫy, tôi cũng không thèm lấy nữa. Tôi chỉ cần cho người đàn bà nằm kia được sung sướng là tôi sung sướng mà thôi. Liên Hường không mời tôi hút, nhưng đàn bà có một cái linh khiếu thực tài. Hình như nàng đoán biết cái việc xảy ra sẽ có những giai đoạn nào, nên đến lúc thân thể rời rã, tứ chi bải hoải, tôi ngỏ ý muốn hút một điếu, nàng cũng chẳng lấy gì làm lạ.

Mắt nàng sáng lên vì sung sướng. Nàng trịnh trọng tiêm cho tôi một điếu. Và quay dọc tẩu cho tôi.

"Ta lại hút. Ta lại hút đây. Nhưng chỉ một điếu thôi. Một điếu thì nghiện lại làm sao được?"

Tôi vừa nghĩ vừa kéo điếu thuốc một cách rụt rè. Liên Hường cầm cây tiêm gõ nhẹ vào cái dọc như đánh nhịp một câu hò "mái đẩy".

... Gừng cay, muối mặn, xin đừng quên nhau!

Rồi nàng tiêm cho nàng hút. Tả làm sao được nỗi sung sướng kín đáo của nàng lúc thấy tôi lại ngậm cái dọc tẩu thân yêu! Nàng nói cười luôn miệng. Thỉnh thoảng, lại quay cái dọc sang tôi như thể cầm cái kẹo dứ đứa con cưng vậy. Đã liều thì liều hẳn. Một điếu không sao thì ba điếu cũng không sao. Tôi hút ba điếu, bốn điếu rồi năm điếu. Năm điếu thuốc đêm nay say bằng năm, bằng mười điếu thuốc mọi khi. Cửa thiên đường rộng mở. Tôi thấy tôi và Liên Hường dắt tay nhau vào một tòa lâu đài có những chậu cây con mà lá và quả toàn

bằng ngọc. Đầu Liên Hường có rắc hoa. Dưới chân nàng, có đàn bướm nhỏ bay lượn như chào đón một người tiên cũ lâu nay bỏ động không về. Thế rồi thì là những cuộc tiếp rước... những câu chuyện ân tình dưới những gốc cây mà hạ giới không có... những buổi ca nhạc mà vị tiên chủ tọa – có phải đó là phù dung tiên nữ không? – Thương yêu người ta như người mẹ thương yêu đứa con đầu lòng...

Hỡi ôi, tỉnh dậy, nằm mà ngẫm nghĩ sự đời, thì cõi trần ai này khổ quá. Chỉ toàn là nước mắt là nước mắt. Tôi nhớ tiếc những cảnh đẹp đã được sống ở trong mơ và tặc lưỡi. Đêm sau tôi lại hút, rồi hút nữa. Và chẳng bao lâu tôi lại hút như xưa.

Lọ thuốc cai chưa vợi được một nửa mà thuốc phiện thì lại hút lại mất rồi. Trông lọ thuốc mà ngao ngán quá. Tâm trạng tôi là tâm trạng của một người chồng bỏ đi âu duyên mới, một sớm cùng đường, lại lần về với vợ xưa. Người vợ xưa không một lời trách oán bạn chiếu chăn. Nhưng tự người đàn ông thì thấy lòng đầy hối hận và ngượng nghịu. Tôi đập lọ thuốc cai đi cho nó khỏi nhắc nhủ một thời gian cũ vừa trào lộng, vừa bi đát. Tính ra trước sau tôi cai được sáu ngày. Sáu ngày đó, tôi thấy như một ký vãng rất xa xôi. Kết quả là một sự kinh nghiệm não nùng; thuốc phiện là đá nam châm; đã bỏ phải bỏ hẳn; lại gần thì nó hút. Đến khi biết rằng phàm đã hút lại thì thường là nặng hơn trước, đến khi biết rằng phàm đã hút lại thì sau này càng khó bỏ hơn; tôi đã nghiện thực thụ như xưa mất rồi. Đêm đêm, ác mộng lại đến ám ảnh tôi. Người tôi càng yếu. Bao nhiêu công việc đều xếp lại. Liên Hường đã đạt được mục đích: tôi không còn bỏ nàng mà đi đâu được nữa. Suốt ngày đêm, chúng tôi chỉ quanh quẩn ở bên nhau. Mẹ nàng thấy hành vi và giọng nói của con, đã bắt đầu nghi ngờ cái tình bạn tác của đôi trai gái. Bà sẽ có cách đối phó nhưng bà còn chờ dịp. Dịp đó, các bạn sẽ biết ở chương sau. Nhưng thảm thay, bà có biết đâu rằng, trong khi chờ đợi, con gái đã bị vương phải một cái oan khổ tầy giời: Liên Hường lấy thuốc phiện để giữ tôi, nhưng chính nàng, nàng cũng mắc.

Phải, phải. Bây giờ, cách một ngày, Liên Hường lại phải hút một lần. Có lẽ chính nàng, chưa biết. Nhưng tôi thấy rõ ràng từng bước cái tai nạn nó đi. Tôi đã muốn nói cho nàng biết. Không hiểu sao hồ mở miệng lại thôi.

Người ta thường bảo: những người ăn thuốc thích dắt những người khác cùng xuống vực với mình. Tôi có ở trong luật chung của

những người nghiện đó không? Hay tôi cũng muốn giữ nàng như nàng đã giữ tôi? Hay tôi đã nghĩ lại rằng đàn bà con gái hút thuốc phiện thì lịch sự, cứ nên để cho nàng hút?

Dù sao, những cảnh não nùng của một người đàn bà nghiện hút đã diễn ra trước mắt tôi. Sắc đẹp tàn. Mộng đẹp tan. Cái chết không chồng con an ủi trên một chiếc giường gỗ trong nhà thương làm phúc. Chong ngọn đèn dầu lạc mà nằm nhắm mắt lại nghĩ hàng đêm, tôi thấy thương nàng rồi suy đến cảnh ngộ mình, tôi lại thương tôi. Gia đình không nhận nữa. Họ hàng thân thích rời xa. Mà bạn hữu thì khinh miệt. Bây giờ còn khỏe kiếm ra tiền còn sống được, một mai sức yếu hay ốm đau không dậy nổi sẽ làm sao? Đi ngửa tay xin tiền? Tất hẳn không ai cho. Mà lấy vợ? Mình đâu còn có can đảm làm hại một người khác nữa. Biết bao nhiêu bận, tôi đã nghĩ đến chuyện lấy Liên Hương để họa may hai đứa cùng khổ sẽ thương xót nhau chăng. Nhưng hồ nghĩ đến chuyện hai vợ chồng cùng hút, tôi rợn tóc gáy và nhớ đến chữ "miệng ăn núi lở". Chính người nghiện hút đã không chịu đựng được mình thì còn chịu đựng được ai.

Tôi còn nhớ hồi đó là mùa đông. Một mùa đông lạnh lẽo và tiêu điều lắm. Hằng đêm, những con chim lợn đến đậu ở trên cây hoàng lan trước cửa mà kêu eng éc như gợi điềm chết chóc. Tôi thấy cái kiếp sống của mình ma quái như những nhân vật Liêu trai. Bao nhiêu tội lỗi hằng đêm, diễn qua trước mặt tôi như một cuộc điểm tội dưới âm ty vậy. Bêu xấu họ hàng. Làm khổ bà, khổ mẹ. Cuộc sống ra ngoài gia pháp. Kết cục, ai cũng coi mình như một tên hủi, một tên ăn cắp, một tên giết người. Không còn một tình thương yêu nào nữa. Những lúc này tôi lại càng thương xót cô tôi. Nhưng làm gì được nữa? Ngọn cỏ trên mả đã xanh rồi. Lời dặn dò của cô tôi trên giường bệnh hôm nào vẫn còn văng vẳng ở tai tôi. Nằm ngẫm lại, tôi vẫn không theo được một tí nào trong muôn một.

"Hay hớm gì cái thuốc phiện! Cháu phải cai đi, cháu ạ. Cô cũng được ngậm cười nơi chín suối".

Chao ôi, Ngũ Viên thuở trước, trôi nổi đến Lịch Dương Sơn, mà nghĩ đến nỗi thù cha chưa báo có phần nào giống tôi – tôi, nằm bàn đèn nghĩ đến lời trối trăng của cô không theo được hay chăng?

Ngũ Viên gặp Đông Cao Công mời về nhà ở. Hứa sẽ bày mưu cho đi qua được cửa quan. Bảy ngày liền. Đông Cao Công chỉ làm việc thết đãi không nói gì khác cả. Ngũ Viên hồ nghi. Muốn từ giã Đông Cao

Công đi thì sợ không qua được cửa quan, thêm mắc tai vạ. Muốn ở có để đợi thì lại sợ trễ mất thời giờ, mà cũng chưa biết là đợi ai. Nghĩ quanh nghĩ quẩn, trằn trọc suốt đêm không thể ngủ được, trong lòng đau đớn khác nào dao đâm. Đang nằm vùng dậy, Viên chạy xung quanh nhà, chẳng ngờ giời đã sáng rõ. Đông Cao Công đẩy cửa bước vào, trông thấy Ngũ Viên, kinh sợ mà hỏi rằng: "Râu tóc nhà ngươi cớ sao mà khác hẳn đi làm vậy? Hay là vì nghĩ quá mà hóa ra như thế?" Ngũ Viên không tin, cầm lấy gương soi thì ra râu tóc đã trắng xóa cả. Ngũ Viên mới ném cái gương xuống đất rồi nức nở khóc rằng: "Hai mái tóc đã bạc cả mà chẳng nên được một việc gì! Trời ôi là trời!..."

... Tôi, đã đành là không gặp được Đông Cao Công để tìm kế cho qua được ải – trái lại, Liên Hường lại còn cố cầm giữ tôi trong ải (ải thuốc phiện) – nhưng nằm ngẫm nghĩ thì tâm sự của tôi cũng đôi phần giống cổ nhân. Tôi thấy cần phải kêu lên ba tiếng rồi vứt cái dọc xuống giường mà khóc nức nở như kiểu Ngũ Viên: "Lời dặn dò của cô lúc tử biệt hãy còn nhớ cả mà thuốc phiện thì cứ hút tì tì! Trời ôi là trời!...".

XIV

Từ đó, những buổi chiều ảm đạm hay những buổi sáng mù sương, gấp hai tay để xuống đầu mà nằm ngẫm nghĩ về đời mình, tôi thấy tủi nhục đến sinh ra ngơ ngẩn. Mặc dầu, tôi cũng cố tìm trong óc những lý lẽ bền vững nhất để tự mình bào chữa cho mình. Phải phải, lúc lâm chung cô tôi có dạy tôi nên tìm cách mà cai thuốc.

Thì đó, tôi đã vâng lời cô chỉ bảo mà tìm cách để cai rồi! Song mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Cô ở dưới cửu tuyền có thương cháu xin rộng lòng soi xét. Ngoài ra, ở cõi đời này, nhiều sự cám dỗ lắm, người ta không phải là Phật là Thánh cả, dễ gì mà giữ cho lòng dục không bị yếu mềm, sa ngã? Nói cho cùng, chính chuyện này cứ một mình tôi thì rất có nhiều hy vọng được thành công. Ác một nỗi, tự đâu lại có một người con gái xen vào làm cho công việc đương nửa chừng hỏng hết...

Có tư tưởng đó, tức là tính tự phụ hãy còn. Nhưng tôi cần phải ghi vào một sự thay đổi lớn về tinh thần lúc đó. Tính tự phụ vẫn còn, nhưng không còn mãnh liệt như xưa nữa. Nó chỉ bùng lên một đôi lúc

mà thôi. Thường, tôi đã bắt đầu tin rằng người ta không là cái gì cả, chỉ là một thứ đồ chơi của hóa công. Sống, chết, bệnh tật, tai nạn, thành công hay thất bại, tự người ta không thể làm chủ được người ta. Đó là do hóa công chi phối. Tất cả đều quay trong một cái vòng tròn mà "số mệnh" là trung tâm điểm. Có tài trí mà không có số, cố bon chen để làm giầu mà không có vận: không làm gì. Tự đó suy ra, tôi cho rằng người ta sở dĩ mà nghiện không phải là do sự tình cờ đâu. Chính là do cái số: số nghiện. Cũng như số bất đắc kỳ tử, số chết đuối, số sát vợ, số chết đường chết chợ, số không con cái. Tôi bèn học tử vi. Một trăm người xem số tôi đều cho rằng tôi sẽ nghiện hút suốt đời. Nhưng tôi quyết rằng: *Hỏa tinh, linh tinh* chiếu vào *mệnh* nhưng *mệnh* có *tuần* mà *tuần lại* tốt, thì tôi có nghiện già lắm cũng chỉ đến ba mươi tuổi. Yên trí như thế, tôi tìm hết các cách để xem tại sao tôi nghiện. Và tôi kết luận: chỉ tại đàn bà mà ra cả. Chính Liên Hường hại tôi!

Người ta ở đời mười một căn số tốt, bị cung *thê* hay cung *thiên* mà dở cũng đủ chết lên chết xuống. Tôi suy nghĩ lan man. Kết cục, tôi tin rằng có những người đàn bà có số mệnh rất khổ sở, không thể đem hạnh phúc đến cho những người ở chung quanh. Ai mà đụng đến, sẽ gặp tai họa là khác nữa.

Như Hạ Cơ nước Tần. Thật là một vật bất tường trong trời đất. Vì vướng phải nàng, công tử Man và Hạ Ngư Thúc chết non. Nàng lấy vua Tần, vua bị giết. Nàng lấy Hạ Trưng Thư, Hạ Trưng Thư bị giết. Sau nàng nhân tình với Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ, hai người này phải bỏ nước trốn đi. Nước Tần tan nát vì nàng. Sở Trang Vương thôn tính được Tần rồi, mê nàng quá, định lấy; các quan phải can gián mãi mới thôi. Sau Sở Trang Vương định gả cho công tử Trắc, công tử Trắc không dám. Nàng lấy Trương Lão và Trương Lão chết trận. Nàng lại lấy Khuất Vu, Khuất Vu phải bỏ nước tìm sang đất Tấn.

Chao ôi, trên đời này, bao giờ cho hết Hạ Cơ? Càng nghĩ tôi lại càng thấy Liên Hường làm hại đời tôi quá lắm. Một mình tôi, tôi có thể bỏ được thuốc phiện như chơi. Sở dĩ tôi hút là vì nàng. Biết đâu tôi chẳng vì nàng mà chết khổ chết sở, không bao giờ còn mong thoát được Phù dung tiên nữ? Lòng thương vẫn có ở trong tôi. Song những khi tức bực, tôi nuôi trong óc rất nhiều lý lẽ để kết tội người đàn bà khốn nạn.

Bởi vì yên trí số mình nghiện trong một đại hạn mười năm nên tôi vẫn còn hy vọng cai được hẳn. Miễn là phải xa Liên Hường! Xa Liên Hường, mọi sự mới có thể làm lại được. Xa Liên Hường, họa mới có thể mở mặt mở mày ra được!

Trong khi đó, Liên Hường hút cách nhật. Nàng vẫn lợi dụng mẹ nàng đi đánh bạc để lên gác với tôi. Độ bốn giờ sáng, có tiếng gõ cạch cạch, nàng mới xuống nhà mở cửa. Tôi bắt đầu chán cuộc đời vụng trộm vô cùng. Một đôi lần, tôi thấy Liên Hường xấu quá. Tiếng hò của nàng hình như đã vỡ. Con mắt mất trong. Trong dáng điệu có một cái gì bay mất rồi. Người ta đoán trước được những cái gì sẽ xảy ra, cũng như nhìn một buổi thu già người ta có thể đoán biết mùa rét sắp đến buồn nhiều hay ít. Tôi thấy không có can đảm để chứng kiến sự đổ vỡ ở người đàn bà đó. Tôi đã dự bị những câu nói để an ủi nàng. Tôi xây dựng những chương trình bỏ căn nhà đó mà đi chỗ khác. Bởi tôi thấy rằng phàm trai gái yêu nhau mà muốn quên nhau, cách thần diệu nhất là xa nhau đi, ít gặp gỡ dần đi. Thời gian và sự cách trở chính là những người khán hộ chữa những vết thương lòng tài nhất. Thuê một cái nhà khác ở. Lấy cớ bận hút rồi thưa việc đi lại với nhau. Hoặc nàng có đến thì tìm cách mà từ chối. Đó, công việc không khó khăn gì cả. Chỉ một giờ là xong. Sao tôi lại không thực hành? Có thế, mới nghĩ đến chuyện cai thuốc được. Lần chần như thế này mãi, chẳng mấy lúc mà chết khổ vì dầu, vì khói! Tôi thấy một cái cần cấp bách phải thực hành điều dự định. Ác thay, cứ sắp sửa ra tay làm việc gì thì một cái gì lại xui tôi hoãn lại. Không. Tôi không dám thực hành đâu. Bởi vì... Bên ngọn đèn dầu lạc có hoa đẹp như một cái khuy tết bằng nhung đỏ, Liên Hường nằm hút vẫn có một cái đẹp não nùng. Tuy đã hút thực thụ rồi, nàng vẫn khéo biết giữ gìn nhan sắc lắm. Nàng xấu lúc nào kia, chứ dưới ánh đèn thì vẫn đẹp. Đẹp hơn xưa là khác. Cái đẹp khiến người ta phải kêu lên, khiến cho người làm chủ cái đẹp ấy phải chắp tay mà lạy: "Lạy giời, giời thương chúng sinh mà cho những người đàn bà như thế này xuống cõi đời, thực đã làm vợi được nỗi sầu khổ của bọn đàn ông nhiều lắm".

Nhất là khi nàng hút xong, để cái đầu dọc tì vào bộ ngực khẽ phập phồng, mắt lim dim như nũng nịu như van xin thì cái đẹp ấy vương một chút buồn, lại mới não ruột làm sao! Tất cả người nàng lúc đó là bài thơ Khuê Phụ Thán. Ai bỏ được? Ai dại gì để cho cái vưu vật đó lạc sang tay người khác?

Bao nhiêu ý tưởng trước về Liên Hường, trong một phút, tôi đều vứt cả đi. Tôi chỉ muốn giữ lấy Liên Hường làm sở hữu. Nhưng mẹ nàng không nghĩ như tôi. Bà đã sắp đặt đâu đó rồi. Cuộc tình duyên của tôi với con bà đã bắt đầu một cách rất buồn thì đến lúc kết liễu cũng phải buồn không kém.

Một buổi trưa, Liên Hường đột nhiên lên gác tôi khóc nức nở rồi bảo bồi tiêm giúp cho mấy điếu. Thấy lạ – bởi vì nàng không bao giờ hút buổi trưa – tôi chờ hút xong và để bồi tiêm đi khỏi, mới hỏi xem có phải nàng vừa xích mích với bà cụ không.

Nàng nằm trong lòng tôi, nghẹn ngào, nức nở một giây lâu rồi nói:

– Em đã biết mần răng thì cũng có ngày ni. Nhưng em nỏ ngờ mạ em lại có thể nhẫn tâm như rứa. Mạ bức em phải về Huế ngay. Em và mạ em nổi xung. Nhưng khi hôm thì đã nhất định: em không thể dùng dằng nữa. Bữa ni, em lên hút với anh, và em lạy anh, anh tha tội cho em. Mốt, em xin anh em về.

Thì ra, từ khi bắt đầu nghi ngờ thái độ của Liên Hường với tôi, mẹ nàng đã xếp đặt công việc để chia rẽ chúng tôi. Thấy bà năng đi về Vinh, về Huế, nhiều người tưởng là bà đi cất sợi. Sự thực, bà đương lo liệu cho con gái. Không ai hiểu vì lẽ gì mà con gái bà và bà phải tạm tránh ra Hà thành mấy độ nay. Người ta chỉ biết không lúc nào bà bỏ cái mộng tưởng gửi con gái vào một cửa quan giàu có. Thì một vị quan nọ, giàu mà góa vợ đã đánh tiếng hỏi Liên Hường. Người ấy ở trong thành, có xe ô tô bin, có ruộng: rõ ra một người sự thể. Bà đã nhận lời của vị quan. Chừng vào khoảng giêng, hai này thì cưới. Không gì tốt hơn là xếp đặt ngay tự giờ: cho Liên Hường vào Huế để lo liệu sẵn sàng công chuyện và tránh những việc không tốt có thể xảy ra sau này. Bà nghi ngờ đàn ông Bắc. Bà sợ con gái bà mắc bợm vì người Bắc nói nghe hay lắm. Không bao giờ bà lại muốn cho con gái lấy một người chồng đã làm báo lại kèm thêm cái tật nghiện hút như tôi! Bà cắn răng mà chia rẽ hai đứa chúng tôi. Bởi vì bà là mẹ, bà đã làm thì phải được. Vậy mới có hôm nay.

Liên Hường hút đêm ấy có đến mười điếu thuốc. Hai giờ đêm, hết thuốc rồi, nàng còn đưa tiền mua nữa. Nàng hút thêm năm điếu. Rồi nhắm mắt lại, bưng mặt khóc. Khóc đến nửa đêm, nàng ngồi dậy đánh sái giùm tôi. Vừa đánh, vừa hò khe khẽ:

Chiều chiều trước bến Văn Lâu, ai ngồi ai câu, ai sầu,
ai thảm, ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông.
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,

Đưa câu "mái đẩy" động lòng nước non...
... Trông ông trời mà thề rằng biển cạn sông mòn.
Mối tình thiết thạch hãy còn trơ trơ
Đôi đứa mình mần tội gì mà mạ nỡ rẽ duyên tơ?
Hận tình này vạch lên đá cho bao giờ mới tan!
Đôi đứa mình như Thúy Kiều với Kim Lang
Lấy nhau không đặng thà dâm xuống suối vàng chết tươi...

Người ta có là sắt đá đâu, mà nghe mấy lời hò ví đó không tan gan nát ruột? Cả ngày hôm sau, tôi chỉ nằm hút liên miên. Để giữ nàng lại Bắc, tôi phải làm sao bây giờ? Không còn cách gì để cứu vãn tình thế nữa! Ly biệt! Thôi đành ly biệt vậy. Tôi chỉ còn một cái hy vọng nhỏ nhoi: một ngày kia, sẽ cố vào đất Thần Kinh để gặp nàng lần nữa. Mà gặp thế để làm gì? Tôi cũng chả biết để làm gì cả. Nhưng có Trời hiểu làm sao, lúc nào tôi cũng cảm giác rằng nàng đẹp như thế thì đời nàng không thể sung sướng được. Một cái gì tất phải xảy ra. Tôi đã thấy băn khoăn lo sợ cho nàng trước.

Liên Hường có biết thế không? Mà lấy chồng rồi nàng sẽ làm cách nào để hút?

Đêm ly biệt của tôi với nàng mới thảm đạm làm sao! Chúng tôi nghẹn ngào trong nước mắt! Tuy đêm đó mẹ nàng đi đánh bạc mới mười hai giờ đêm đã về, nàng cũng cứ ở trên gác tôi đến sáng. Giữ ý tứ làm gì nữa! Nàng đóng cửa buồng lại, để cho mẹ ngủ, rồi lên nằm bàn đèn, vừa hút vừa khóc tấm ta tấm tức. Ngoài kia, gió rét thổi vù vù. Không khí ẩm ướt. Mưa dầm rả rích, rả rích, thỉnh thoảng lại kêu than vèo vèo, tựa hồ tỉa từng mối sầu trong lòng người. Vào khoảng quá nửa đêm. Liên Hường say quá, ngồi dậy, không khóc nữa. Nàng cúi đầu xin tha tội đã phụ tôi kiếp này. Khóc mà kể cho tôi một câu chuyện não nùng đêm trước. Đêm trước, nàng nằm trộ[1] và thấy thế này:

Không hiểu vì lẽ gì, nàng bỏ nhà đi chơi một chất[2] trên cầu Bạch Hổ. Gió to. Cái nón bài thơ của nàng rơi xuống sông Hương và chảy xiết. Cúi xuống định nhặt lên, nàng bỗng thấy từ phía cầu đi lại một người đàn ông ăn vận quần trắng áo trắng ra lối để chế,[3] mặt bừng sắc giận. Nhìn, thì té ra là anh nàng. Anh nàng nói: "Mi giỏi chưa tề? Tau nghe thấy nói hồi ở Bắc mi mê trai bỏ mẹ, mẹ bức nhiều lần,

1. Nằm mê.
2. Đi một mình.
3. Để trở.

mi mới chịu về nhà. Rứa mà chừ mi lại nghĩ mần răng, mi đi mô nữa? Mi định đi tìm thằng trai của mi để cùng với hắn đem nhau đi trốn? Ốt dột chưa tề! Mi làm xấu gia phong. Ta đánh cho mi bể ót!..." Nói đoạn, anh nàng không đánh nàng vỡ sọ, anh nàng đẩy nàng từ trên cầu Bạch Hổ xuống sông. Nước sông Hương im lặng cuốn xác nàng đi. Nàng kêu cứu. Nàng kêu cứu. Thì lạ thay trước mặt nàng, cái nón bài thơ không biết hóa ra một cái ghe tự lúc nào. Trong ghe, một cái đầu người nhìn ra, giơ tay vẫy như kiểu gọi người chết đuối...

Liên Hường kể lại giấc mộng đến đấy, lấy khăn lau nước mắt, nhìn tôi:

– Mình có đoán ra người đó là ai không? Trời ơi, mình đó! Em trông thấy mình vẫy em. Em cố rẽ nước bơi lại phía thuyền. Và la lên: "Mình hỡi mình ơi!" Thì tỉnh dậy. Mồ hôi toát ra. Miệng hãy còn gọi mình.

Em không ngủ được cho đến sáng.

Giấc mộng của Liên Hường có gì huyền bí không? Có sức mạnh gì cám dỗ không? Từ bấy đến nay, không bao giờ tôi quên được. Bây giờ, mỗi lần đi chơi Huế, việc đầu tiên của tôi là thuê đò đi đêm về phía cầu Bạch Hổ rồi đến đó thì cắm sào đỗ lại, nằm ngửa mặt lên trời, sống lại giấc mơ xưa. Giọng nói của Liên Hường văng vẳng bên tai tôi như một lời than tuyệt vọng. Thế rồi mỗi khi ai nói đến những sự sinh ly tử biệt, chuyện tình trong giấc mơ kia lại làm tôi nao lòng. Tôi nhớ đến đêm đông năm ấy, hai cái đầu xanh kề vào nhau mà khóc... Lời chia biệt cuối cùng. Những cái hôn trong nước mắt. Chân đi mỗi bước một ngừng. Xa xa, tiếng chuông nhà thờ điểm giọt trong đêm lạnh. Hoa rụng trên lều xanh. Một tiếng còi xe lửa rít lên như một tiếng nức nở dài. Về sau này, không bao giờ tôi quên được hồi chuông nhà thờ và tiếng còi xe lửa trong đêm khuya, cũng như không bao giờ tôi quên được giấc mộng cầu Bạch Hổ. Mỗi khi đêm trường thức giấc, nghe thấy hai tiếng đó, tôi nao nao trong dạ và buồn đến rã rời. Nó gợi cho tôi tất cả những sự biệt ly não nùng của đời người. Tôi thường hình dung ra trước mắt những trái tim tan nát ở trước con tàu chuyển bánh, những cuộc chết chóc sầu thảm theo với con thuyền căng buồm rời khỏi cái bến quạnh hiu. "Em yêu anh suốt đời" "Anh nhớ em mãi mãi" Chao ôi! Những lời nói có làm gì! Đi là chết! Trai gái đương trong lúc yêu nhau mà đi là chết hẳn. Ngày xuân có trở lại cũng bằng thừa mà thôi. Tim tôi như bị bóp mạnh. Tôi không

nghĩ một điều gì nhất định, tôi không khóc nữa. Khóc có nghĩa là yếu, là tự thú rằng mình thua Tạo Hóa. Tôi không bao giờ chịu thua Tạo Hóa đâu. Tôi thù nó và tôi quyết rằng phải tỏ cho nó biết tôi không cần gì cả. Cái áo tơi xe quệt vào bánh cao su kêu lên một tiếng rè rè trên đường về. "Tôi không cần gì cả... Tôi không cần gì cả... Tôi không cần gì cả...".

Phải. Có một người cô thương cháu thì chết. Có một người yêu mình thì lại phải rời xa. À, Tạo Hóa đã chơi cay đến thế, tôi còn tiếc gì cái thân tôi mà lại không hủy hoại? Nỗi buồn khổ mỗi ngày một lớn hơn. Để nó cứ hoành hành, một ngày kia tôi sẽ "vỡ". Tôi phải trị. Bởi vì nỗi buồn khổ trong lòng tôi chính là do Tạo Hóa gây ra, tôi phải trị tàn nhẫn, trị thẳng tay mới được. Tôi ra sức hút nhiều hơn. Có thế, cái buồn khổ trong lòng tôi mới chết. Nó mà chết thì chính tôi cũng chết, nhưng cần gì! Tôi chẳng có ý muốn tự tử đó sao? Mà tự tử bằng thuốc phiện (không có dấm thanh) âu cũng là một cái chết đẹp mà không nhàm lắm!

XV

Cả ba bữa, tôi đều hút sái. Không phải sái nhất, nhưng sái nhì và có khi cả sái ba. Bệnh ra mồ hôi trộm của tôi, nhờ thuốc bắc và cao ban long đã khỏi được một dạo, hồi này lại tái phát, mà lại phát nặng hơn. Tôi cũng chẳng cần chữa nữa.

Mình đã quen với nó quá rồi. Muốn sinh ra biến chứng gì cũng mặc. Suốt ngày, bạn hữu đều thấy tôi nằm chết bên khay đèn. Tôi không nói với ai cả. Tôi thù hết. Một tiếng động rất nhỏ cũng làm tôi cau mặt. Tên bồi tiêm mà tôi có biết nhờn như thế, bây giờ hơi một việc gì trái ý, tôi cũng gắt mù cả lên. Thấy tôi luôn mấy hôm không viết lách mà cũng chẳng đến tòa soạn nữa, y có vẻ không bằng lòng:

– Độ này, ông hút bệ rạc quá. Làm cả đến sái ba. Người sẽ hỏng. Mà ông chẳng đi đến tòa soạn như thế, người ta phàn nàn thì sao?

Câu nói kể ra cũng thường vậy, chẳng có gì là quá. Không hiểu sao lúc đó tôi thấy nó như đâm vào ruột? Tôi hất cả chén nước nóng vào chân y mà hét lên:

– Thì tao hút thế, chứ hút nữa, có cạn gì đến mày không? Mày cứ biết phận mày: tiêm thuốc rồi cuối tháng lấy tiền công. Bao nhiêu sái đem bán. Và giẻ lau dọc đấy, giẻ lau tẩu đấy, giẻ lau khay đấy!

Tên bồi tiêm cũng không vừa. Nó nổi xung:

– Con nói thế là giữ cho ông. Ông làm gì mà mắng tới mắng tấp con như thế?

Tôi càng tức, muốn ăn thịt nó ngay lúc ấy:

– Thế ai bảo mày can thiệp đến việc của tao? Tại sao mày lại bảo tao bệ rạc? Thiên hạ nó làm đến sáng chủ nhật, lại hút cả thuốc nấu, và uống nước cam lồ nữa, mà có làm sao đâu! Sái thứ ba đã chết ai? Tao bảo cho mà biết: chẳng qua là mày sợ tao hút lắm, hại sái, mày bán được ít tiền nên mới giữ tao như thế. Tao biết tỏng cái óc chúng mày rồi. Đừng hỗn!

Khốn nạn cho tên bồi tiêm! Vốn lòng ngay thẳng, nay tự nhiên bị nghi oan, y tức quá quát lên một tiếng rồi bù lu bù loa khóc:

– Con nghĩ tình thầy trò giữ gìn sức khỏe cho ông, ông lại đổ tiếng cho con như thế, còn nhục nhã nào hơn nữa! Y đặt cái dọc xuống giường, vùng vằng chạy sang phòng lấy cái va ly quần áo, đặt ở cạnh tôi nói:

– Thôi. Con xin ông con về. Con không chịu nhục được nữa. Tiền công tháng này, con không lấy.

Bao nhiêu sự tức giận sằng của tôi tiêu tán hết. Lập tức, tôi thấy mình vô lý lạ lùng. Tôi đấu dịu ngay. Nắm lấy nó. Ôm lấy nó. Van xin nó. Tôi là một con chó ngộ dại, giận làm gì! Thôi, tôi đã hối lắm rồi! Hãy ở lại! Nếu không thì tôi chết...

Biết điều, tên bồi tiêm, sau hết cũng nguôi lòng và coi như không có gì xảy ra.

– Tuy vậy, y nói, con cũng giận ông ba ngày nữa. Trong ba ngày đó, con muốn rằng ông đổi tâm tính đi một chút và nhất là hút ít đi. Độ này, ông xấu lắm.

Câu nói của thằng bé như một gáo nước lạnh dội vào người tôi. Tôi rùng mình nghĩ đến những người nghiện oặt, mặt đầu ám khói, róc cả thịt chỉ còn xương, đứng trước gió không vững nữa. Tâm tính của họ không thể nào chịu được. Vợ con khổ sở. Bè bạn rời xa. Hồ thấy vào chơi đâu, người ta giữ gìn đồ vật, hình như sợ mất.

"Người đời thiên vị quá. Có phải bất cứ người nghiện nào cũng ăn cắp cả đâu?" Tôi tự hỏi thế và tự trả lời: "Họ thế đấy, làm gì được họ?" Cũng như anh hút bằng tiền của anh kiếm được chứ có phải xin

ai đâu. Ấy vậy mà ai trông thấy anh và nghe thấy nói anh hút thì cũng lảng tránh như bệnh dịch".

Tên bồi tiêm làm bốn điếu cho tôi. Một cái gì lờm lợm, hăng hăng đưa từ cuống họng lên mũi. Nước mắt tôi trào ra và trào ra. Tôi nói:

– Thôi, anh ạ. Tôi biết cả rồi. Anh hẳn rõ tôi không phải là một người xấu tính. Mấy độ nay cứ gắt luôn, có lẽ vì tôi mắc nghĩ một điều gì khổ lắm.

Tôi không nói ra miệng. Nhưng tự thâm tâm tôi cho rằng sự cách ly của tôi với Liên Hường đã làm hại não cân tôi. Chính thế. Thù giời oán đất chỉ tại Liên Hường; đâm liều lĩnh cũng chỉ tại Liên Hường. Nếu tôi còn ở nhà in này thì luôn luôn hình ảnh những kỷ niệm của Liên Hường sẽ còn ám ảnh óc tôi. Phải dọn nhà đi mới được! Có thế tôi mới quên được Liên Hường. Nỗi khổ may ra vợi được phần nào chăng.

Tôi nói to:

– Người ta vẫn bảo: "Cái tuổi này không hợp với đất này, cái tuổi kia ở nhà kia không lợi". Có lẽ đúng, anh ạ. Chúng ta phải liệu mà dọn đi chỗ khác.

Rồi tôi thêm:

– Mà như thế, mới có thể đoạn tuyệt với hình ảnh cũ...

Tên bồi tiêm nghe thấy những câu nói rời rạc, không ăn nhập với nhau, thoáng có một vẻ ngạc nhiên. Nhưng cái đó không quan hệ. Y cũng không để ý. Y cứ xoáy cái tiêm vào nhĩ tẩu, tiêm thuốc cho tôi hút.

Cách đó năm hôm, tôi dọn nhà. Lúc xe giường xe ghế, ruột gan tôi như đứt. Thôi thế là vĩnh biệt hẳn người yêu! Chỗ này là chỗ Liên Hường ngồi gọt cam cho tôi đấy. Chỗ này, tôi với nàng nằm hút. Chỗ này, nàng vẫn để mẩu thuốc lá cam lệ hút chưa hết khi xuống nhà với mẹ. Một ngày kia, ví Trời có cho đôi đứa chúng tôi tái hội với nhau thì cũng không thể nào mà sống với nhau lấy một đêm ở trong cái khung cảnh thân ái cũ. Thôi thế là vĩnh biệt những ngày xuân mộng ở trong khói thuốc! Thôi thế là vĩnh biệt những phút giây mà một người nghiện như tôi còn được thấy yêu đời!

Tôi thấy mất nhiều lắm. Chân không muốn bước. Miệng không muốn nói. Óc không muốn nghĩ. Tôi cảm giác đến đoạn này thể nào đời tôi cũng sẽ có một sự đổi thay ghê gớm.

XVI

Nhà tôi mới dọn đến là một nhà hộ sinh có chia ra nhiều buồng. Một ông Đội xếp đứng trương tất cả và cho thuê lại. Cả ngày, những tiếng léo xéo nổi lên. Hôm nay, mụ bán la ghim ở buồng số 2 cất tiếng chửi từ bảnh mắt đứa nào đêm qua đã kều mất cái quần. Ông Đội xếp đương ngủ, không phạt mụ vì tội vi cảnh. Ông mặc quần đùi ra mở cửa rồi giở một tràng tiếng Tây ra thét mắng mụ phải im. Hai vợ chồng ông Ký ở buồng trên gác vỗ tay cười sặc sụa. Cho thế là họ chế mình, ông Đội xếp hét lên một tiếng "tăng xương" rất lớn rồi chạy vào trong nhà đóng cửa lại mười lăm phút. Ai cũng tưởng ông vào để thổ máu ở trong buồng. Không, ông vào buồng mặc quần áo cẩn thận, nhảy ba bực thang một lên trên gác, bắt vợ chồng ông Ký dọn đi ngay lập tức. Cố nhiên vợ chồng ông Ký không nghe. Cuộc xô xát xảy ra. Ai cũng tưởng hai nhà này rồi đến không đội trời chung. Lầm cả. Buổi chiều, bà Đội đi về điều đình ổn thỏa ngay. Bà Ký đến buổi tối lại sang chơi bà Đội và lại "bà bà cháu cháu". Đến lúc ra về, bà Đội nhét vào tay bà Ký cho kỳ được một miếng trầu. Thấy ở trong nắp tráp có quả quít, bà lại đưa cả cho bà Ký "đem về cho cháu". Bà Ký lạy bà Đội hai lần. Bà Đội cũng lạy lại bà Ký hai lần. Nhưng đến trưa mai thì bà Đội, không nếp tẻ gì cả, giương tròn hai con mắt đỏ như hai cục than hồng, nhảy lên trên nhà bà Ký mà hét lên. Cái lưỡi nhọn như lưỡi rắn của bà tòi hẳn ra ngoài miệng. Bà hét lên rằng:

– Nó lại nói xấu bà? Nó lại vu oan giá họa cho bà? Hở con đĩ ngựa kia! Bà thì xé xác mày ra bây giờ...

Ở những cửa sổ hé mở chung quanh đấy, những cái đầu tò mò ló ra xem chuyện gì.

Có gì đâu, sáng nay, bà Đội vừa định đem khoai tây, cà rốt, củ cải ra phơi để đóng bồ gửi đi Sài Gòn bán thì bà chủ nước mắm thuê ở phòng 12 ở đâu lại nói hết chuyện này sang chuyện khác. Kết cục, bà nói thầm vào tai bà Đội rằng: "hôm nọ, bà Ký bảo bà Đội ngày trước làm chủ lầu xanh và đã bị lính con gái bắt". Thế là cơn tạm bành lục tặc của bà Đội nổi lên. Lại vừa gặp lúc ông Ký đi làm vắng, bà Đội giật cánh khỉ bà Ký rồi lên gối cho một chập. Nhưng bà Ký cũng không kém: thấy đứa con gái lên sáu của bà Đội đứng lơ vơ gần đấy, bà Ký nện ngay cho một cái gót guốc bươu cả đầu. Tiếng khóc.

Tiếng rên. Tiếng chửi. Nhà tôi hiện sống thực không khác cái cảnh địa ngục lúc Diêm Vương xử án. Suốt ngày đêm, lũ quỷ đầu trâu mặt ngựa thét ở chung quanh vạc dầu. Không khí lúc nào cũng căng thẳng. Người ta sống để chờ những cái tai nạn không biết xảy ra lúc nào. Ai cũng thù oán nhau. Thế rồi có một lúc người ta đồng lòng; đồng lòng "tẩy chay" mụ chủ nước mắm là một con mụ nổi tiếng hay đặt điều, kiếm chuyện. Nhưng sự đồng lòng đó cũng chẳng được bao lâu. Hồ lỳ Khải, con bạc chuyên môn đi bịp, kết nhân tình với mụ này và lôi được bọn học sinh miền trong ở những buồng 15, 16, 17 về phe với mình. Cái nhà chúng tôi ở liền chia làm hai phái. Phái thứ nhất đi với mụ Đội có vợ chồng bà Ký, mụ bán la ghim; bà Ách Sướt; cô Duyên bán hàng nước ở ngoài đầu ngõ; ả Kín Chảy cô đầu Tầu; mụ Quản Vượn làm mối nhà và chị Cai Hang – có chồng làm cai báo – và ông Bạch Khởi xem tướng số và nghiện nặng. Phái thứ hai, đi với mụ chủ nước mắm có hồ lỳ Khải; một bọn học sinh miền trong đánh đàn tây đàn tầu giỏi như hát cải lương; một cô sa phăm không có nhà hộ sinh; một ông lang không có người ốm và ba bốn cô giang hồ mặc sơ mi, quần tây đi chơi ngoài đường.

Hai phái trên chia ra từng ban một để bày mưu lập kế hại những kẻ đối phương. Thoạt tiên là việc nhà Đoan đến khám nhà bà Ký bắt được mấy lọ thuốc phiện lậu: ông Ký bị tù. Mấy người học sinh miền trong bèn tổ chức luôn một cuộc hòa đàn để ăn mừng. Ông Ách Sướt, càng giận càng đen sẫm đen sụi, vác cái thắt lưng da có khóa đồng bóng nhoáng sang bắt họ phải im. Đánh nhau. Chửi nhau. Rên khóc. Kêu trời. Gọi ông bà ông vải. Một ông Đội vào can khéo, nhưng chính là giúp cho mụ chủ nước mắm đánh cô Duyên; Ông này tức "la con gái" không đi với ông mà lại tắt mắt với một anh củ súng. Ông Đội khen bà chủ nước mắm "tốt" và mời bà uống bia. Thế là hồ lỳ Khải ghen lồng ghen lộn. Y ném cái bàn đèn từ trên gác xuống sân – bởi vì y cũng hút – và dọa giết mụ ta, "chặt làm ba đoạn cho vào hòm khóa chuông".

Thấy thế, một ả giang hồ ghen với hồ lỳ Khải, rồi một học sinh lại ghen với ả giang hồ. Thế rồi thì là một cuộc khám xét của ban kiểm tục. Một người trong bọn mụ viết thư nặc danh cho lính nhà nước, hai cô bị bắt về lục xì khám bệnh. Suốt ngày hôm đó, cả nhà nhức óc về cô giang hồ thứ ba. Cô ta xót tình chị em, chửi hộ suốt một ngày đứa nào đã đi báo ban kiểm tục. Cô chửi như những người

đàn ông tục tĩu, dùng đúng những tiếng của họ, rồi kết luận rằng sẽ tìm cho ra đứa ấy. "Bà nhân tình với du côn rồi bảo nó đánh cho chúng mày tan xác, bà chịu tù chung thân cũng đành".

Mụ Đội không ra tiếng. Nhưng mụ uống một chai rượu ty bố, sinh sự với chồng "Tại sao ông lại cho những đồ đĩ ngựa ấy thuê làm gì".

Càng uống, mụ càng nói. Trước còn sạch; sau bẩn; sau cùng bẩn quá. Anh chồng, tức uất lên, đá cả mâm cơm đi. Y đánh vợ một trận thừa sống thiếu chết rồi để nguyên cả áo cánh lụa, quần lụa, chạy bay đi mất. Ông Đội xếp đi đâu? Ông ta lên gác tôi gõ cửa, vái một cái rồi nói rằng:

– Ấy, cứ như ông lại tốt. Cả ngày không nói với ai một lời, đỡ tẹp nhẹp mà lại còn ra người đàn ông...

Thực thế. Ở trong cảnh âm ti địa ngục đó, tôi không nói một câu, can khéo một lời hay động một cái gân mặt bao giờ. Chỉ hút. Muốn thưởng cho ông trương nhà... biết người biết của, thỉnh thoảng tôi mời ông xơi một điếu. Tiếng lành đồn xa, tiếng xấu đồn xa. Cả nhà ấy vì nể tôi. Họ gọi tôi là "ông nhà báo". Thoạt đầu, mụ chủ nước mắm lên xem hút rồi ngủ luôn ở đấy một đêm. Sau đến cô Kin Chảy. Sau nữa đến ả giang hồ. Mỗi người đều thử vài khói và khen tôi hút sành. Tôi vui trong bụng, nhưng sót ruột. Từ đó tôi mới thực hiểu tại sao những người nghiện lại có thể keo bẩn được. Muốn rút bớt những khoản chi phí, tôi hút thuốc ngang.

Cứ đầu tháng, tôi đưa cho mụ Ký một số tiền. Một ngày ba bữa, mụ phải cung đủ thứ thuốc cho tôi hút. Nếu tôi có bè bạn thì lấy thêm. Thoạt đầu, thuốc của mụ cũng hút được. Mụ bảo thuốc ngang mát và không độc: tôi cũng thấy như lời mụ nói. Nhưng một tháng sau, mụ đi mua sái nấu lên với rượu cho tôi hút. Tôi bị bệnh trĩ huyết và luôn cả bệnh sốt âm. Thêm vào đó, chứng ra mồ hôi trộm của tôi càng nặng. Người tôi hốc hác đi ghê gớm. Một tháng, tôi liệt giường liệt chiếu hai ba lần. Giá ngay lúc ấy tôi biết rằng thuốc phiện tôi hút là thuốc nấu, có lẽ tôi đã bỏ không mua của họ. Nhưng tôi lại không biết phân biệt gì cả nên mỗi ngày bệnh của tôi cứ trầm trọng hơn. Người tôi nhợt nhạt vì hết máu. Ruột đau. Mỏ ác đau. Lưng đau. Nếu tôi ngủ được một chút, may ra cũng đỡ. Nhưng đêm nào cũng có người đến quấy nên một tháng ba mươi đêm thì không ngủ được cả ba mươi. Hết ông Bạch Khởi lên xem tướng gạ xin vài điếu, thì lại đến ông Đội khen láo vài câu rồi đòi hút "xem cái thuốc phiện hôm

nay ra thế nào"... Thế rồi lại vợ chồng ông Ký sang nèo giả thêm cho mỗi tháng dăm đồng, kẻo lỗ. Hay là cô giang hồ lên nằm ngâm Kiều lẩy rồi kể chuyện trôi nổi của cả một đời mình, nhờ tôi viết thành truyện, bán cho thiên hạ! Cuộc sống của tôi bẩn thỉu, bệ rạc và bê tha đến cùng cực mất rồi. Sự chung đụng hàng ngày làm tôi hèn đến cái độ cuối cùng của nó. Tôi đành mang tiếng là một người ăn chơi không lịch sự, một kẻ hút thuốc không sành: đóng cửa, không tiếp ai hết cả. Y như Kiển Thúc khi ở làng Minh Lộc nước Tống ngày xưa. Vâng. Tôi nhớ lắm. Tôi muốn hủy hoại thân tôi; tôi muốn tự tử bằng thuốc phiện và trác táng; nhưng không hiểu sao tôi lại thèm nghỉ ngơi vô cùng. Phải ngủ! Phải ngủ! Tôi đóng cửa lại, ra cho mình một cái luật là mỗi đêm phải ngủ ít ra lấy ba giờ. Khốn nạn, không đêm nào tôi ngủ được. Cứ chợp mắt thì ở buồng bên lại có những tiếng ầm ầm đưa sang. Khi thì là ông Ký, chiều nay, không biết làm một điếu ở đâu, nổi cơn hen, lăn giường trên xuống giường dưới – ông này có cái tật hễ hút thuốc phiện vào là hen. Khi thì là ông Bạch Khởi, ở nhờ vợ chồng ông bên số 9, nửa đêm đói thuốc, sùi cả bọt mép, rãy lên đành đạch. Khi thì là bà Ách Sướt đi bắt được chồng về, vừa đá vào mạng mỡ chồng vừa chửi bằng cả tiếng Tây, tiếng Tầu và tiếng Ta...

Cái cổng nhà tôi quanh năm không đóng, nên đêm ngày ai muốn ra vào tùy ý. Không ngăn cấm. Bởi thế, có khi đương chập chờn sắp ngủ, tôi lại còn cái hân hạnh được nghe thấy những tiếng kêu ơi ới, những tiếng đập cửa, những chân người chạy như đuổi chuột. Thì ra đó là những ông khách chơi đêm, say rượu, thấy cửa cổng mở, tưởng đó là nhà chứa thì vào tìm thú nguyệt hoa. Chính đó là nhà hoa nguyệt thực! Hơn thế, đó lại còn là một nơi đổ hồ: mỗi tháng vài lần, hồ lỳ Khải lại lôi ở đâu một lũ con bạc vừa đàn ông vừa đàn bà về để sát phạt ầm ĩ cả lên cho đến lúc trời bảnh mắt!.

Tôi lăn lộn ở trong sự tức bực. Lắm khi muốn chửi ầm ĩ "những đứa làm cho ông mất ngủ" nhưng nghĩ đi nghĩ lại không biết chửi người nào. Chốn này là một cái nhà, nhưng chẳng khác một thương cảng mà trai tứ chiếng, gái giang hồ tụ họp. Tôi là một người trong bọn đó. Chưa đến nỗi phải như họ, đem bán xác thịt hay linh hồn của mình đi để kiếm ăn, nhưng tự tôi, tôi cảm giác là đã tụt dần xuống đống bùn trụy lạc. Phải cố mà hòa hợp mình vào cách sinh hoạt ở nơi đó, tôi ơi! Yếu thì đừng mở miệng. Cẩn thận! Mày mà chửi đổng thì có đứa đâm mày đấy. À. Không chửi ai được, tôi chửi tôi, cần gì!

"Nghĩ thân mày thực lạ. Hà Nội có phải là Nữu Ước đâu mà mày không tìm được cái nhà hay gian gác cho ra hồn mà ở, lại chui rúc vào cái tổ quỷ này để cho bẩn cả mày đi?"

Từ đó, tôi chớm lên cái ý nghĩ phải dọn nhà đi nơi khác. Sách xưa dạy rằng mẹ ông Mạnh Tử ở bên một nhà hàng thịt lợn... bên một nhà có đám ma...

Thực ra, tôi muốn dọn đi chính là chỉ có ý tìm chỗ tĩnh mịch hơn một chút để đêm đêm có thể nghỉ ngơi được ba bốn tiếng đồng hồ như chương trình đã tạm phác họa trong đầu óc. Mai, tôi sẽ dọn nhà... Ngày kia, tôi sẽ dọn nhà... Nhưng ba tháng đã qua rồi. Mà tôi vẫn chẳng dọn đi đâu cả. Người nghiện thuốc phiện có những chặng sống như thế đó: họ nghiện nơi họ hút, họ nghiện không khí nơi họ hút. Bởi thế có người hút mấy chục bạc thuốc phiện ở nhà cũng chẳng thấm vào đâu nhưng nếu cho đi đến cái tiệm quen của họ thì một hai đồng đã say. Có người hút thuốc phiện mà không được nghe vợ chửi bên cạnh thì không thể "đã". Có người hút thuốc nhất định phải có tiếng máy khâu ở bên tai. Có người mỗi bữa hút phải chui vào trong một cái hòm to tướng. Lại có người giầu mà không được hút ở những chỗ có cu li, phu xe và đồ ăn cắp nói khoác lác thô tục thì không thỏa.

Tôi thuộc vào hạng nghiện ở trong hòm, hạng nghiện cần phải nghe những lời nói tục tĩu kể trên kia. Tôi không giấu tôi kinh tởm nơi tôi ở. Tôi cũng không giấu nếu tôi cứ ở mãi nơi này thì tôi sẽ thành, một là thằng điên, mà hai là một kẻ giang hồ bịp bợm. Nhưng hễ nghĩ đến việc dọn đi nơi khác, tôi lại thấy rờn rợn như sẽ mất một cái gì nguy hiểm. Tôi sợ mất cái không khí nơi tôi ở. Tôi sợ nếu không được nghe thấy những lời chửi rủa của những người chung quanh mà hút không "đã" thì bấy giờ mới làm sao? Thật là kỳ lạ, nhưng chính là sự thật. Bắt đầu từ đó, tôi quý cái buồng của tôi vô cùng. Tôi tưởng giá lúc đó mà ông Đội xếp trương nhà bẻ họe đuổi tôi đi, tôi cũng đến phải nói ngọt mà xin ở lại! Cái gì ở đó, đối với tôi cũng thân mật, ấm cúng và có khi đẹp nữa: bốn bức tường ám khói nước đun hàng ngày; cái cửa sổ con che bức màn đăng ten màu nước dưa; bộ ghế ngựa, rệp nhiều như trấu; cái chăn bông không có vải bọc ngoài; bộ ấm chén cáu bẩn quanh năm không đánh; chiếc bàn khập khiễng với bốn cái ghế già nua; cái ống nhổ vỡ không dùng để nhổ nhưng để dùng vào việc khác... Tôi coi căn buồng của tôi với những đồ ấy như những vật bất khả xâm phạm, những động vật có linh hồn

mà lúc đêm thanh vắng có thể quây quần lại để chia vui sẻ buồn cùng tôi. Tôi quý chúng như hai cái đồng tử. Tưởng nếu không có chúng ở trong cái khung cảnh này, tôi có thể ốm o dần mà chết. Tôi nghiện thuốc phiện và tôi nghiện chúng. Dần dần, những tiếng khóc than, chửi rủa, đay nghiến ở chung quanh cho tôi thấy một thú vị riêng. Tôi với chúng gần như thành một. Nếu chúng cứ như thế mà đêm tôi lại ngủ được nữa thì là hoàn toàn đó.

Ác thay, giời lại không chiều tôi điều này. Hàng đêm, mắt tôi cứ trong ra. Tôi uống thuốc ngủ, ăn nhị sen và sâm bảo lường: vô ích. Không ngủ được đã thành một bệnh. Đã có bệnh ấy, thành ra buồn lại càng hút nhiều hơn. Tôi gần như hỏng óc. Sáng sáng, thức dậy tôi thấy chân tay mềm nhũn và đầu óc hoang mang. Có khi hai mắt nhìn rõ ràng cái tiêm mà sờ vào thì lại hóa ra là cái tăm. Có khi đinh ninh trong bụng là mình bước lên bực cửa thì té ra tõm chân xuống vũng. Có khi tưởng mình chưa ngủ dậy thì hóa ra mình đã ngồi trên giường tự bao giờ. Tôi bắt đầu hiểu mang máng tại sao những người điên lõa lồ đi ngoài phố mà lại không biết xấu, trèo lên mái nhà mà lại cứ có thể nhe răng ra cười, ôm lấy người thân thích mà lại tưởng là kẻ thù sắp đâm mình. Những người khốn nạn đó càng hò hét, chửi rủa và vận động thì não cân lại càng bị kích thích, càng không ngủ được thì bệnh lại càng tăng lên. Một niềm thất vọng ghê gớm đến xâm chiếm hồn tôi. Tôi như dò dẫm từng bước chân ở trong đám sương mù sợ ngã. Không thể giữ thế quân bình của thân thể được, tôi lảo đảo ngã ra trong đống chăn trên giường. Miệng khô như hòn ngói. Đầu hâm hấp. Lòng bàn tay và gan bàn chân ướt sũng mồ hôi. Tôi nằm vật xuống, nhìn ra chung quanh và cảm giác cái chết đi từ bàn chân lên đến bụng. Vì có muốn uống chén nước, tôi cũng không dám dậy, bởi vì dậy thì ngã trên sân gác mất: tên bồi tiêm của tôi bao giờ cũng đi làm việc từ tinh sương.

Chính vào lúc đó, có một người đến gõ cửa buồng tôi. Thằng Rô. Thằng Rô là lông tông nhà báo. Sáng nào, y cũng đi nhặt những phóng viên và trợ bút của báo đến để viết bài lấy tin. Hồi đó, các báo hàng ngày ở đây bắt đầu cạnh tranh nhau từng tí. Báo nào cũng muốn hoạt động hay tỏ ra vẻ hoạt động. Họ thi nhau mà ăn cướp thì giờ. Báo tôi làm, không chịu kém các bạn đồng nghiệp, ra một cái lệ mới là mỗi buổi sáng nhân viên tòa soạn phải có đủ mặt từ bảy giờ rưỡi sáng. Nghiêm lắm. Nhưng chả có một người nào theo cả. Bởi vì tòa soạn có độ bẩy người thì vỏn vẹn có hai người tử tế, nghĩa là

không hút, còn bao nhiêu nghiện tuốt. Thành ra nhà báo muốn hoạt động thì được hoạt động ngay. Tự nhiên ở đâu lòng tông phải làm thêm việc: việc đi đánh thức các ông phóng viên và trợ bút. Đồng thời, bác tài xế cũng hoạt động hơn. Mọi khi, vào giờ đó bác được ngồi khểnh ở nhà. Bây giờ, bác phải vặn ô tô mù trời đi gần khắp thành phố "tải" những ông phóng viên và trợ bút mắt hãy còn ngái ngủ, miệng hãy còn ngáp xệch đem về tòa soạn. Để cho mà làm việc! Là một nạn nhân bị đánh thức – tuy đêm không ngủ – mỗi sáng, cứ thấy thằng Rô đến, tôi lại giật mình thon thót. Không đi ngay, không được! Thế là dù đang mệt sắp chết, tôi cũng bị thằng Rô mặc quần áo cho, đi giày rồi bế lên đặt vào ô tô, về tòa soạn. Chà chà, cái tòa soạn mới hoạt động thay. Năm bộ máy bằng da bằng thịt đều lắc đầu không nói: Tất cả cùng khắn mặt lại mà làm việc độ một tiếng đồng hồ. Xong đâu đó rồi, tán chuyện. Anh này kể lại một chuyện lạ đêm qua vừa xảy ra ở tiệm Phú Xứ Nghệ. Anh kia xướng lên một vấn đề "Có nên đánh thuế những tiệm hút nặng hơn?". Anh nọ vẽ lại cho anh em trông thấy một nhân vật lạ ở tiệm xưởng củi phố Hàng Dầu: một ông nghiện hãm thuốc phiện bằng... ổi xanh và mắm tôm!

Hút ở nhà, tôi không có chuyện gì lạ cả, đành đem vấn đề "không ngủ được" ra chất chính anh em. Lập tức, có bao nhiêu người ở tòa soạn mách cho tôi bấy nhiêu môn thuốc. Theo lời họ, tôi đều mang ra thực hành. Môn thuốc nào tôi cũng dùng và môn thuốc nào cũng có một kết quả như nhau: tôi vẫn không ngủ được.

"Không ngủ được" đối với tôi hầu như thành một bệnh nan y thì tự nhiên ở đâu một người bạn xa đến mang cho tôi một thứ thuốc ngủ hơi kỳ quặc.

XVII

Người bạn đó là Hải. Trần Văn Hải.

Trần Văn Hải là một du học sinh đã ở Pháp sáu năm và thường khoe đã sang tận Thụy Sĩ dự những cuộc thi quốc tế. Không phải về khoa học. Không phải về văn chương. Mà cũng không phải về điền kinh. Đó là những cuộc thi quốc tế nhảy đầm trên mặt tuyết! Trần Văn Hải hình như đã có lần được bầu nhất trong một cuộc thi lối đó. Nhảy đầm trên tuyết không ngã, đã thành ra một thiên tính thứ hai

của anh ta. Ấy cũng bởi thế, anh ta mất cái thói quen đi vững vàng trên mặt đất. Y như con cá của André Dahl mất cái thiên tính bơi dưới nước. André Dahl thuật chuyện rằng: hồi còn ít tuổi, ông có vớt được một con cá của rất to ở sông Seine. Bèn đem về nhà nuôi và dạy nó sống ở trên mặt đất như con chó. Đi đâu ông ta cũng dắt cá đi chơi và có khi không phải buộc dây, cứ việc huýt gọi, nó cũng biết mà đi theo liền liền. Một hôm, nhà văn sĩ trào phúng đi đến một cái cầu. Ác hại, cái cầu ấy lại hổng một lỗ to bằng cái nia. Không hiểu mải nhìn mây nhìn gió thế nào, con cá của ông rơi bõm xuống sông và... chết. Chết đuối!

Tôi không dám có ý tưởng ngông cuồng ví Trần Văn Hải với con cá của André Dahl. Nhưng thực, tôi thấy anh cũng mất cái thói quen đi trên đường đời như con cá mất cái thiên tính bơi dưới nước. Mất cái thiên tính bơi dưới nước, con cá một khi ngã xuống dưới nước thì chết ngoẻo, còn Trần Văn Hải đã quen đi trên tuyết không ngã, thì đến khi bước trên đường đời ngã không cất được đầu lên. Về nước nhà, anh động vào việc gì cũng hỏng. Có khi tai hại là khác nữa. Thí dụ việc sau cùng của anh là việc mở ty rượu ở Hà Đông: bà cụ thân sinh bỏ ra cho anh mấy nghìn bạc để ký quỹ và thuê nhà, làm vốn. Chỉ trong có hai tháng anh tiêu hết. Đến khi bà cụ sang xem sổ, hỏi tiền đâu, thì anh ngủ gà ngủ gật mà điềm nhiên thú rằng "tiền nó trốn mất cả vào nhà cô đầu rồi".

Chao ôi. Bà cụ không tiếc lời chửi rủa. Không cần; anh đi dạy học tư... Và anh cho rằng đời xử ức anh. Anh là một con bệnh thập tử nhất sinh của cái bệnh thời đại vậy.

Một buổi tối kia, anh bê một cái va ly to bằng cả một tấm giường ghế ngựa, kèm một cái đàn tây nặng đến bốn mươi cân tìm đến nhà tôi, trèo ba mươi mốt bực thang gạch lên trên buồng tôi ở. Một vẻ đưa ma vẽ trên cái mặt bụ sữa của anh. Anh rũ xuống như một cây cổ thụ bị đẵn gốc và nói rất thê thảm – tuy anh chưa hề bị ai đuổi, tuy mẹ anh vẫn thương xót anh như thường:

– Anh ơi, em chết mất. Mẹ em, không thương em, đuổi em đi. Em đi tự tử. Em sẽ đi tự tử! Nhưng hiện giờ chưa biết cách tự tử nào lịch sự và đặc biệt hơn những cách tự tử hàng ngày của thế nhân, em nghĩ chỉ còn cách là đến đây ở với anh để chúng ta cùng phác họa một "chương trình hành động".

Thoạt đầu, tôi không tin Trần Văn Hải tí nào. Nhưng sau, thấy

anh thề bán sống bán chết và quăng đàn cùng va ly xuống sàn, tôi mới bắt đầu nghi nghi. Thì ra câu chuyện của Hải cũng có đôi ba phần sự thực: anh bỏ nhà đi, nhưng không phải vì mẹ đuổi. Anh bỏ nhà ra đi vì anh thấy lạc lõng, vì anh chán gia đình vậy.

Về đến nước nhà, thấy đại đa số thanh niện tập nhiễm cái văn minh Tây Âu nhảy đầm, uống rượu khai vị và bợ gái để chơi không cần đẻ con, anh đã có một lúc tưởng mình là "những người dân hợp thời". Về sau, tiếp xúc với gia đình, anh mới ngã ngửa ra.

Tư tưởng của Gide bấy giờ đương thịnh. Ai cũng có thể đọc được câu "Ôi gia đình, ta ghét mi!". Hải chính là một thanh niên trong số đó. Nghĩa là cũng có những tâm trạng gần giống như tôi. Cố nhiên Kiển Thúc ở Minh Lộc phải mở cửa tiếp Bá Lý Hề ngày xưa tìm Kiển Thúc là để mời Kiển Thúc về giúp Tần Mục Công giữ việc quyền chính cho nước, chứ Hải thì tìm đến tôi chỉ có một mục đích là mạt sát cái chế độ xã hội lúc bấy giờ mà thôi.

– Anh ơi, em đã nghĩ kỹ lắm. Nước ta tiếp xúc với các nước Tây Âu, hèn thì cũng đã một trăm năm nay rồi. Tiếng rằng các nhà báo, nhà văn vẫn cứ nói xa xả rằng vận hội mở mang, nhưng bước ra đường ta vẫn thấy những người đàn bà mặc quần không hở đùi; những thanh niên mới có một tí tuổi đầu mà đã nheo nhóc con bồng con bế; những người đàn ông hồ mở miệng là nói đến nhân, nghĩa, lễ, trí, tín và Khổng Tử. Bổn phận cấp bách của chúng ta phải thế nào? Phải cổ động làm sao cho quốc dân biết lấy chủ nghĩa cá nhân mà hiểu nghĩa tự do. Nghĩa là ra một tờ báo hay viết những cuốn sách tỏ cho dân gian thấy rằng: bếp nước chỉ là việc của con sen, thằng nhỏ mà bà chủ thì phải là một bông hoa để tô điểm những văn chương khách sảnh; rằng nước mỗ văn minh không phải chỉ vì nền văn hóa và văn học của nước đó nhưng còn vì người dân biết vặn xe máy xe hơi, đi ngựa, ở những nhà bảy mươi hai tầng; rằng tam tòng, tứ đức của người đàn bà phương Đông không hợp thời nữa, ta cần phải cho giao thiệp với đàn ông cho mạnh dạn, cho họ hút thuốc lá ở ngoài đường, cười vang, và cho họ cả cái quyền nhỏ nhất là quyền phổ thông đầu phiếu nữa! Tóm lại, phải cải tạo tinh thần của người dân đi. Mà cải tạo tinh thần của người dân, anh có biết bài học thứ nhất là gì không? Phải yêu cái thân mình, phải biết cái chân giá trị mình, phải tận hưởng cuộc đời mình! Trần Văn Hải, vốn hai mắt đã to, nói đến đoạn này lại trợn lên nữa thành ra chẳng khác mắt con

rắn ráo, làm gì mà gớm thế? Thì tôi, anh xem, tôi chẳng tận hưởng cuộc đời tôi là gì? Tôi hút thuốc phiện đến nỗi không ai có thể hút hơn được nữa. Tôi ốm róc người đi không biết chết lúc nào. Tôi hỏng óc đến nỗi có lúc tưởng cái tăm là cái tiêm. À, đến cái chặng "tận hưởng cuộc đời" như thế thì Hải không hoan nghênh tôi nữa. Nhưng anh sợ. Anh sợ tính lười biếng của tôi. Anh sợ cái đức hút của tôi. Anh sợ cái bệnh không ngủ được của tôi. Lập tức, anh kê cho tôi một đơn thuốc ngủ không nhàm lắm. Thế này:

Hải nhìn vào mắt tôi, ra dáng ái ngại, rồi bảo tôi thế này:

– Thế này, anh ạ. Chúng ta cùng đi làm việc. Nghĩa là chúng ta đều có tiền. Trừ tiền thuốc phiện ra, anh còn tiêu gì không? Tôi, trừ tiền ăn hiệu, tôi chỉ giữ lại độ mươi đồng tiêu vặt. Vậy thì bao nhiêu tiền thừa thãi, chúng ta nên công ti lại với nhau, như hồi đi học ta công ti vợ chồng chơi đáo chầu. Ta đi hát! Đi hát, nhưng mà không đi hát như những kẻ tầm thường đâu. Anh không biết đánh trống. Tôi không biết đánh trống. Chúng ta đều không biết đánh trống. Chúng ta làm quan viên... ngủ. Cứ ngủ thôi. Ở đây, ồn lắm. Lấy kim khâu mắt lại cũng không ngủ được. Chính tôi đây, ăn khỏe là thế, ngủ khỏe là thế mà mấy tháng nay cũng chỉ ngủ mỗi đêm được bốn năm tiếng đồng hồ thôi! À, không. Mình đến cô đầu thì không thể ồn như thế được. Lúc nào mình muốn ngủ thì cả nhà phải yên tĩnh; không có, không chi tiền.

Ấy thế mà ý kiến đó lại nghe được đấy. Nếu chân tôi cũng biết cầm bút, tôi quyết định ký cả hai tay và hai chân vào hiệp ước. Chúng ta phải thực hành ngay để cướp lấy thời gian đã mất.

Bắt đầu từ đêm sau, cứ vào khoảng hai giờ sáng, xong bữa thuốc của tôi, Hải đã rửa mặt chải đầu cẩn thận đợi tôi lấy một cái xe xuống xóm Khâm Thiên để ngủ! Chúng tôi phải hy sinh tiền và thời giờ mất hơn một tuần lễ mới tìm được một nhà hát chơi được – nghĩa là một nhà hát không có cô đầu hát, không có kép đàn, nhưng có ba cô đầu rượu đẹp cả, mà lại có một bà chủ cũng đẹp như cô đầu rượu. Không hiểu ngày xưa, lúc Lưu Bị sang Đông Ngô với Tôn phu nhân mà quên cả nước, cả nhà, cả hai em và Khổng Minh thì Bị có được bằng lòng không?

Chúng tôi thì quyết là sung sướng hơn Bị nhiều.

Đêm nào cũng vậy, vào khoảng hai giờ rưỡi sáng, chúng tôi đã có mặt ở... phòng ngủ của chúng tôi. Không bao giờ rời cái đàn tây, Hải,

ở trên xe xuống, vừa gẩy vừa hát như một con gấu trong rạp xiếc. Chuyện trò bù khú. Cái bàn đèn bê ra. Lại hút.

Phải, hút nữa. Chứ làm sao? Năm thì mười họa, Hải mới làm chơi một điếu. Còn lại, về phần tôi cả. Chị Nhang hát chèo đi! Chị Vinh ngâm Kiều lẩy khe khẽ đủ nghe đi! Chị Tôn gọt cam và lấy hạt dưa đi! Gây không khí thơ mộng, tôi sai tắt cả đèn máy, chỉ để tờ mờ ngọn đèn dầu lạc trong phòng. Linh lung lắm. "Gợi" lắm. Chết được! Tôi nằm tơ mơ, hé con mắt nhìn sự đời mà cảm khái và nghe Hải nói láo nói lếu ở trong màn bên kia. Vào khoảng bốn giờ sáng, chúng tôi đi ngủ. Đã đành là tôi ngủ được; phần vì mệt, phần vì cái giường êm ru. Từ đó, đêm nào tôi cũng ngủ được bốn tiếng hay bốn tiếng rưỡi đồng hồ. Sáng chủ nhật, tôi ngủ được hơn thế nữa, có khi đến chín, mười giờ mới dậy.

Mài miệt suốt tháng như vậy, chúng tôi thỉnh thoảng mới mò đi nhà khác. Cô đầu và quan viên đã gần như người nhà. Gần như người nhà, mà không có gì là khó chịu, bởi vì chúng tôi tinh ý đã xếp đặt chiến lược đâu vào đấy. Hải thì nhân tình ngay với cô chủ. Còn tôi, tôi kết với cô đầu nhất. Không nói vào đâu được nữa! Hải chẳng gần như một ông chủ nhà hát cô đầu đấy ư?

Chao ôi, cơm cha áo mẹ cho ăn đi học, rồi lại vượt trùng dương sang Pháp để hấp thụ văn minh Âu Mỹ, Hải có lẽ không bao giờ ngờ rằng về nước mình lại đem tài học của mình ra để giữ cái địa vị ngày nay! Tuy vậy, Hải không bao giờ lại thèm lấy chuyện này làm nghĩ. Vốn tính bồng bột không ưa sự sâu xa, anh chủ trương rằng "Người hiền triết bao giờ cũng chỉ nghĩ đến hiện tại". Anh huýt còi, gảy đàn, hát tây rồi cười nói ầm ầm, rất sợ sự buồn rầu. Thảng hoặc cũng có khi sực nhớ đến công danh sự nghiệp mà buồn, nghĩ đến gia đình và tình nghĩa đệ huynh mà chán, anh vớ vội ngay lấy một cô nào đó mà nhảy cứ ngậu cả lên; anh cho là làm ồ ạt như thế thì sầu đến mấy cũng có thể quên được hết.

Người ta bảo tuổi thanh niên là tuổi vàng. Vậy thì bao nhiêu thời khắc vàng của chúng tôi đã qua đi mất rồi? Mùa thu đã hết, cuốn theo những lá vàng ở trên cây. Mùa đông lại đến với những con đường lầm lội, những cành cây hết lá đứng rũ rượi trên bờ hè như những người đau bệnh phổi, những đêm lạnh buốt mà những người già cả không ngủ được chỉ mong trời chóng sáng. Hải và tôi, một đêm hết năm tây, ngồi tính lại sổ thì thấy rằng lãi không bù với lỗ.

Lãi được cái vui nhảm nhí. Lãi được cái mỗi đêm ngủ được thêm mấy tiếng đồng hồ. Lãi được cái tiếng ăn chơi đáo để.

Nhưng được cái tiếng thì cái miếng không còn. Vì tiền quỹ của công ti lỗ mỗi tháng đến trăm rưởi bạc – ấy là chưa kể đến những số tiền hát chịu rồi... lờ đi không trả! Tuy vậy, những cái đó không đáng kể. Chúng tôi còn lỗ nhiều cái quý hơn: lỗ sức khỏe, lỗ thì giờ, và nhất là lỗ mất hai tấm linh hồn là hai vật mà vàng ngọc của tất cả thế giới không mua được.

Trần Văn Hải, nhà cải cách xã hội, không hiểu cố ý hay vô tình, bật ra một câu nói y như Ra Phần sau khi trì hoãn việc nịch tử, nói với bọn Ê minh: "*Vậy là anh em ta đã rủ nhau đi vào chốn nhuốc, đã vào đó thì còn đâu là ảo tưởng, còn đâu là hy vọng nữa. Than ôi! Người ta mà đã đến nước chỉ tin Ác thần nữa mà thôi, thì ai là chẳng hoài tiếc cái thiên đường buổi thiếu niên, buổi thật thà dại dột, ta còn thè lưỡi thành tâm mà ngậm lấy bánh Thánh. Anh ơi, ngày xưa chúng ta hớn hở mà phạm tội song còn có thể ăn năn, cái ăn năn nó làm cho việc phạm tội hóa vui, hóa mặn mà, hóa thú vị. Nhưng đến bây giờ thì...*".

Tôi đỡ lời Hải mà rằng:

– Bây giờ thì chỉ còn có...

Hải hỏi:

– Còn cái gì?

– Còn có ác tội!

Hải nói:

– Đó là một tiếng cao như cái nêu thắt cổ mà sâu như thể nước sông Seine!

Tôi rằng:

– Và còn một cái nữa gớm ghê hơn thế...

– Cái gì?

– Cái chết. Anh ơi, đến bây giờ thì em thật hiểu cái chết nó ở trong người em như thế nào. Không. Em không như một nhân vật trong tiểu thuyết, một hôm nào đó, chờ cho anh đi khỏi, đã thuê xe đến buồng khám bệnh của một viên y sĩ nhờ xem. Rồi viên y sĩ nói rằng: "Chỉ ba tháng (hay năm tháng nữa) thì ông chết". Không, em không làm thế. Nhờ trời cho em cũng biết được ít nhiều, nên em có

thể "nghe mình" em được. Em thấy rằng thân em là một con lừa. Một con lừa mà Sterne tiên sinh khuyên ta "nên gượng nhẹ, đừng ra roi lắm, nếu ta muốn sống lâu trăm tuổi". Anh ơi, vốn là một kẻ trẻ người non dạ, em không để câu người hiền quân tử đó vào đâu, nên đã vật cuộc đời ra mổ bụng lấy những bài kinh nghiệm. Em muốn rằng mười năm sống của em có giá trị bằng một trăm năm sống của người khác. Em muốn rằng những khoái lạc của một người thường trong suốt một kiếp người phải thua những khoái lạc của em trong một tháng. Em muốn rằng em là người được hưởng nhiều nhất (như ý anh mong ước cho em), em là người được biết nhiều nhất vì em vẫn tự phụ là người tài giỏi nhất. Bây giờ, qua một chặng đường dài, ngoảnh lại đằng sau mà nhìn xem những cái đã thu lượm được, em chỉ thấy được có độc cái kinh nghiệm này: người ta đúng như một cái cây có lá. Cây ấy, lá ấy phải đợi cho thời gian làm cho lớn mới được. Nếu người làm vườn cố tâm cho vào máy ép để cho lá dài ra, cây lớn ra, thì cây ấy, lá ấy chỉ chóng chết mà thôi. Khoa học có thể giảng cho ta về cái rễ cây, chất nhựa chảy ở trong lá cây; nhưng nếu cố ý cướp quyền tạo hóa mà bắt cây ấy, lá ấy phải lớn thì cũng không được nữa. Người ta cũng vậy, phải tìm mà hòa hợp với thiên nhiên, chứ không phản được thiên nhiên. Mà thiên nhiên thì bao giờ cũng có sự điều hòa, tiết tấu, không nhanh không chậm, không thiên về đàng nào quá. Sống một năm mà lại muốn được từng trải bằng một người sống một trăm năm, nào có khác gì cho một miếng da vào máy ép để làm cho nó rộng ra hơn trước. À, được. Rộng hơn trước thì được. Nhưng phàm vật chất thì bao giờ thể tích cũng hữu hạn, không vô cùng. Bởi vậy, nếu miếng da đó rộng ra thì cái bề dày của nó tất phải giảm đi. Nếu người thợ may cứ cố ép cho nó rộng ra mãi, rộng ra mãi thì vật chất không liền được với nhau nữa, miếng da phải nứt rạn rồi vỡ bét. Thế là người ta chết! Người ta chết vì "được" nhiều quá, vì "muốn" nhiều quá. Cái "muốn" đốt cháy lòng ta, còn cái "được" thì hủy hoại thần xác ta. Chao ôi, văn minh không biết làm cho người đời được sung sướng những nỗi gì, anh nhỉ! Cười mà thành khóc. Tưởng sống mà hóa chết. Ngỡ đắc thắng mà ra thất bại. Theo thiển kiến của em, văn minh chẳng qua như thuốc phiện mà em đương hút. Mới làm vài khói, tốt lắm, đẹp lắm, khỏe lắm. Nhưng chẳng bao lâu nó hút hết nhựa sống trong mình ta, làm cho trí ta kém, tâm ta hỏng và xác thịt ta suy nhược. Em sợ rằng nếu cái văn minh, mà lúc mới đến đây anh vẫn ca tụng với em đó, chỉ có một mục đích làm cho

người ta sướng về thể xác mà không chú ý đến việc mở rộng cái trí và làm thỏa cái tâm, thì cái văn minh đó bất quá rồi cũng chỉ có những kết quả khốc liệt như thuốc phiện, nghĩa là làm cho giống người suy nhược rồi tiêu diệt.

Lần đó là lần đầu mà cũng là lần cuối cùng tôi nói với Hải dằng dai như thế. Thoạt đầu, anh cũng ra dáng ái ngại cho tôi. Sau, ý hẳn không khí đó làm cho anh không chịu được, anh cầm lấy cây đàn vừa gẩy ầm lên vừa nói:

– Anh ơi, em cũng muốn khuyên anh lắm, khuyên anh cai thuốc phiện đi để xem có cứu vãn được phần nào chăng. Nhưng thú thực với anh: trông thấy hình dáng anh thế, cách hút của anh thế, em không có ý tưởng rồ dại là khuyên can anh nữa. Bởi vì em biết trước anh không thể nào cai được. Cái gì thì cũng chậm quá mất rồi. Vậy trong khi còn thở ra hít vào được, anh cứ hút nữa, đừng nói vẩn vơ nhiều quá. Còn em, nhờ giời phổi em vẫn khỏe như hai cái bễ, mà tỳ vị em làm cho con đà điểu phải ghen, anh cứ cho phép em được ăn chơi thỏa thích. À, hôm nay ở chùa Hà có hội, anh có đi với em không nào?

Tôi đã toan từ chối ngay. Nhưng không hiểu nghĩ làm sao, tôi lại ra hiệu bảo anh ngồi đợi. Tôi phải hút thì đi đâu mới đi được chứ! Hải ngồi đợi tôi. Chúng tôi không nói với nhau gì nữa. Anh hát, nhảy và lấy gương soi. Đoạn, kêu to lên rằng:

– Ôi thôi, chết mất! Ở với anh trong có mấy tháng trời, sao người em lạ khác hẳn đi thế này?

Đến lúc đó, tôi mới nhìn kỹ Hải, anh đổi khác thật. Thì ra ở chung buồng, nằm cạnh bàn đèn với tôi, và tuy anh không hút, khói thuốc phiện cũng ám anh. Da mặt anh vàng ệch như một người ngã nước. Hải sai đi lấy nước rửa mặt và anh kỳ cọ và anh sát xà phòng và anh lấy đá mà cọ mãi, mà kỳ mãi. Không ăn thua. Anh hét lên một tiếng như một người bố khi thấy đứa con trai của mình ngã xuống ao. Rồi bảo tôi hút phiên phiến để cho anh ra ngoài đường xem khí trời và gió có đem lại vẻ hồng hào cho mặt anh không. Tôi vẫn chưa đi được bởi vì chưa hút đủ. Hải lại đánh đàn. Nửa tiếng đồng hồ sau, anh lại giục tôi dậy mặc quần áo đi ra bên ngoài. "Cứ ngồi mãi như thế này, tôi sẽ mắc bệnh hoàng đởm mà chết mất".

Tôi không bao giờ có ý định chơi lỡm bạn, thưa ông. Thực, trong khi hút, tôi vẫn muốn đi chơi lắm. Nhưng đau khổ thay mà cũng nực cười thay! Một khi thuốc phiện đã đầy đủ rồi, tôi tự nhiên thấy chán

nản, không thiết làm gì cả. Tôi chỉ muốn nhắm mắt lại và nghe cái bệnh hoạn của tôi đã tiến bộ như thế nào. Tưởng tôi ngủ, Hải kêu lên ba tiếng. Tiếng thứ nhất, để biểu lộ sự tức giận bị bạn lừa. Tiếng thứ hai, để khinh bỉ một thằng lười biếng. Và tiếng thứ ba, để tỏ cho mọi người biết rằng: "Không cần, ta cứ đi đây".

Hải đi thật. Đi với hai người bạn khác.

Chiều về, mặt vẫn vàng vọt như thường, anh giới thiệu với tôi một lúc hai người bạn đó: anh Hoàng Văn Phượng, kỹ sư, cùng đi du học Pháp một chuyến với anh và một "me tây" lúc nào cũng vỗ tay vào cái túi tiền, mời những người trai trẻ đi xem chiếu bóng. Rút ở hai túi quần ra lấy hai hộp thuốc năm, rồi lại móc ở túi áo ra hai hộp thuốc năm – vị chi là bốn – anh cởi áo nằm xuống bàn đèn và hút, hút. Anh không tiêm được, nhưng hút được một lúc bốn hộp thuốc năm, không sái. Trong khi đó, Hải và cô bạn gái đàn hát ầm ĩ và cười đùa và nói tục và rên rú như có những bàn tay cù vào nách. Cái không khí ầm ĩ, lúc này, đã quen với tôi lắm lắm. Tôi chả khó chịu một chút nào. Tôi he hé con mắt để nhìn họ vui chơi. Thảm hại cho thân tôi! Đến tận lúc đó, tôi mới cực hiểu mình là một tên khốn nạn. Khốn nạn bởi vì tôi không có sức, bởi vì tôi là người ốm, bởi vì tôi sắp chết. Chao ôi, chính anh lại nom thấy mình ngớ ngẩn, âm thầm ở giữa đám người vui vẻ; trong khi người ta cợt cười thỏa thích mà mình thì sắp chết, còn gì khổ não bằng! Thèm ăn không được, thèm uống không được, thèm hút cũng không được. Anh muốn kêu lên một tiếng để cho thấu đến tận trời, anh muốn than rằng thà anh chết còn hơn sống mà phải đớn đau như thế. Vô ích. Anh không còn sức để mà kêu to nữa. Ví có kêu được, bất quá cũng chỉ là một cái trò cười cho thiên hạ mà thôi. Ai nghe anh? Ai thương anh? Lẽ trời đất do theo luật tuần hoàn cả: sướng lắm thì khổ, trẻ mãi phải già, hưởng lắm thì phải ốm. Mà xã hội phồn hoa lịch sự thì đã có nghị gác những người đau ốm, già nua, khổ sở ra ngoài. Những người đó, nếu vượt quá giới hạn mà vào những nơi vui sướng, thì không những đã chẳng được một lời an ủi, lại còn khổ sở vì thấy mình trơ trọi và bị khinh khi là khác.

Biết cái thân mình như thế, tôi đành câm lặng. Tôi cố nén những ý nghĩ thầm kín vào lòng. Phàm cái gì cố nén thì nó tức, cũng như nước tức thì bờ phải vỡ để cho nước chảy ra ngoài. Tôi cũng vậy. Nước mắt tôi ứa ra dàn dụa.

Nhưng tôi quay đi chỗ khác để cho không ai biết rằng tôi khóc.

XVIII

Tháng chạp năm ấy, tôi liệt giường liệt chiếu. Thuốc phiện, hút ít hẳn đi. Giá không hút mà nó không vật, có lẽ tôi cũng không thèm hút. Hút gượng gạo. Hút cho xong bữa. Thế rồi tôi lại cuộn tròn trong một cái chăn bông rách, như một con sâu con bọ nằm trong tổ cho qua mùa rét lạnh, chờ lúc tam dương khai thái thì trở dậy bò ra ngoài kiếm ăn. Nhưng tôi thì chờ gì? Chân giời mù mịt lắm mà người khách bộ hành đã mỏi chân quá mất rồi. Bên ngoài kia, cái hanh hao của trời đất kêu lên, mà người ta thì bước đi dồn dập để tranh nhau cái sống. Con giun con dế cũng thích sống bởi vì nó kêu lên; ngọn cỏ lá cây cũng thích sống bởi vì nó run rẩy; làn khói đun bếp ở trên mái nhà kia cũng thích sống bởi vì nó bay vút lên trời rồi tản mác ra khắp chỗ để hòa mình với thiên nhiên.

Ở mà lạ thật! Không hiểu tại sao một độ tôi lại có cái ước vọng cuồng xuẩn là không sống hở tôi? Đêm đêm, nằm mà ngẫm nghĩ thương cho số kiếp mình, tôi thấy mọi vật đều như bưng mặt khóc. Thôi thôi. Bây giờ có khóc thương cho mấy, còn làm gì được nữa? Đành là cái chết cầm trong tay rồi. Chết! Ngày trước, tư tưởng muốn chết của tôi mãnh liệt bao nhiêu, kỳ thay, bây giờ cái tư tưởng muốn sống của tôi lại mãnh liệt bấy nhiêu. Nằm thao thức một đêm mà thấy hôm sau lại mở mắt được trông thấy người ta đi sắm tết ở dưới đường, tuy tôi không chắp tay, nhưng thật quả có lầm thầm khấn nguyện và cám ơn Thượng Đế vẫn còn cho tôi làm một người trong lũ chúng sinh khỏe mạnh. Giá có phép thần gì cho tôi được như họ! Giá có một thứ thuốc gì của nền y học mới làm cho tôi được hồi sinh! Người ta vẫn thường bảo thuốc phiện diệt dục và làm cho những tính ghét ghen, thù oán nhau tiêu tán. Tôi nghiệm ra không phải. Trong một tâm hồn cằn cỗi, trong một thể xác khô héo, những tính ghét ghen, thù oán của tôi lúc bấy giờ lại nổi lên mãnh liệt hơn. Tôi hy vọng gì? Tôi hy vọng một thế giới hối kiếp, vị tinh tú này chạm vào vị tinh tú kia làm nổ quả địa cầu. Đã đành, những việc đó không thể nào xảy ra. Tôi rút bé hy vọng của tôi lại. Tôi chỉ muốn đi đi lại lại được mà thôi. Như thế cũng là đủ quá. Bởi vì như thế cũng còn là sống. Tôi muốn đi đi lại lại được để thở cái không khí với người mang cành đào kia, để ăn một thứ cơm với người ngồi xe có hai chậu cúc

kia, để ngủ một giấc ngủ với người ăn mày tàn tật bất cụ kia. Bên tai tôi văng vẳng một câu sách mà tôi đã đọc hồi còn ở trường Trung học: "Đó là cái giở hơi của người sắp chết!" Sắp chết! Ừ thì sắp chết đã sao! Nhưng tôi cứ muốn như vậy. Muốn sống. Sống cho cái chết đừng đến. Sống mù lòa, què quặt cũng được. Miễn là sống thôi. Thường thường xem báo, ta vẫn thấy nói người này tự tử vì bệnh không có cơ khỏi được, người kia nghịch tử vì đương trai trẻ khỏe mạnh mà bị mù hai mắt. Tôi cho những người đó, nếu không là những kẻ siêu phàm, thì ít ra cũng phải là những người ngu dốt tệ. "Sống. Cốt lấy sống. Nhất là sống như con sâu bọ, như cây cỏ mọc, quý hồ là sống". Đó là nghĩa chính của đời người ta. Sao lại có kẻ không tin Trời mà lại hủy hoại thân thể đến như thế được? Bất giác, tôi nhớ lại những năm còn khỏe mạnh, mỗi tết, anh em lại dắt nhau đi chùa và xem những hội hè đình đám. Trong những đám hội đó, bao giờ cũng có những kẻ tàn tật bất cụ đến ngồi ở hai bên vệ đường phô cho công chúng xem những cái thân thể thối tha nhơ bẩn, những cái tay chân què cụt, những cái mắt, những cái mũi, những cái mồm quái dị. Ý hẳn những cái mà thế nhân gọi một cách chế nhạo là "người" đó ra ngồi đấy để cầu xin một chút lòng thương thì phải. Theo như Kinh Thánh thì Thiên Đường của họ. Nhưng Thiên Đường là gì? Cũng như nước Tư Bá Đạt ngày xưa và nước Ấn Độ ngày nay, xã hội nào cũng chia ra hai hạng người: hạng trên để sai phái và hạng dưới để cho người ta khinh bỉ. Thậm chí đến con đường mà hạng dưới đã đi thì hạng trên không bao giờ để chân đến nữa. Những người tàn tật bất cụ kia đã không biết cái công ước đó, lại còn dám giơ mặt ra chốn người ta vui thú, làm cho buồn cảnh hân hoan, thật là đáng tội. Bao nhiêu lần tôi đã nghe thấy chúng bạn nói bên tai thế này: "Nếu trời bắt tội tôi phải đui què mẻ sứt như bọn ăn xin này, thà chết!". Hình như tôi cũng đã có lần nói thế. Tôi nói thế bởi vì tôi sướng, bởi vì tôi khỏe, tôi chưa biết cái chết là gì. Đến lúc này, tôi chưa hiểu rằng khi nói câu ấy tôi đã làm một điều rồ dại. Mà ông, ở trong cảnh tôi, ông cũng đến nghĩ như tôi. Chao ôi, muốn khổ thế nào thì khổ, muốn đau đớn thế nào thì đau đớn, muốn đày đọa tôi thế nào thì đày đọa, nhưng xin trời cứ hãm cái chết cho tôi lại một vài năm! Tôi sẽ không thèm muốn, không tức giận, không nghĩ ngợi. Đây này: tôi nhắm mắt lại để sống như một vật vô tri, tôi gạt bỏ những sự rối ren trong óc đi, tôi không nghĩ đến cả tôi hiện đương là một người bệnh trọng. Con ốc, cái hoa, nhánh cỏ cũng sống như thế,

nghĩa là chịu lấy cái sức bảo tồn của tạo hóa, vô tình mà tự dưỡng lấy mình. Trong một lát, tôi sung sướng ở trong cái huyễn mộng đó – cái huyễn mộng làm cho ta mê sảng, làm cho ta tưởng rằng ta khỏi bệnh và ta muốn kêu lên. Nhưng hồ mở miệng thì lại đứt hơi đứt ruột. Tôi mơ màng, như ngủ mà lại như thức, như tỉnh mà lại như mê. Và tôi thấy hiện ra ở trước mắt những cảnh vàng son rực rỡ. Giữa những cảnh đó, có khi là thầy tôi hiện lên chẳng nói chẳng năng gì cả, cứ cúi đầu xem sách một mình. Có khi là em tôi hình như mải công việc gì lắm, quay lại nhìn tôi một thoáng rồi đi. Có khi là cụ tôi, ông tôi nhưng thường thường thì là cô tôi. Cô tôi chỉ nhìn tôi, bưng mặt khóc, hoặc sai người ghé đò vào bờ mà bảo tôi lên. Tôi chùng chình không bước vội. Vừa ngoảnh đi ngoảnh lại thì cái đò đã ra khơi từ bao giờ. Chung quanh, vắng quá. Tôi giật mình hét lên một tiếng thì một bàn tay khẽ đập vào mình tôi. Mắt đã mở, nhưng trong trí óc tôi vẫn còn thấy cái huyền ảo mà tôi vừa thấy... bảo là trong giấc mơ cũng không đúng mà bảo là trong cuộc đời thực tế lại càng không đúng nữa! Tôi nằm im lặng không đụng đậy để trở về dần với cuộc đời. Sau khi chắc chắn rằng những cảnh mình vừa sống hoàn toàn là giả dối, tôi mới giương mắt thật lớn để xem người nào vừa gọi tôi. Đó là tên bồi tiêm. Y nói:

– Ông xơi thuốc đi. Sao hôm nay ông nói sảng nhiều thế vậy?

Tôi không trả lời. Mà cũng chẳng thuật cho nó những cảm giác rùng rợn tôi vừa trải – bởi vì trước sau tôi vẫn cố giấu bệnh, không cho ai biết. Tôi nhắm mắt, vơ lấy dọc tẩu đưa lên miệng, nhưng tôi không kéo được đều nữa, điếu nào cũng "mũ".

Lại thêm một chứng cớ bệnh tôi đã quá mất rồi. Âm dương vốn xưa nay cách trở, thế mà tự nhiên cứ thấy người cõi âm hiện về luôn, âu đó cũng là một triệu chứng không tốt lắm. Căn phòng tôi ở bắt đầu thành lạnh lẽo. Rồi ở dưới gầm giường, đằng sau bàn, trong những chỗ tối tăm, có một cái gì vô danh, vô hình như chờ đợi, như rình mò tôi vậy. Người ta lúc khỏe mạnh thường không hay tin gì và thấy đàn ông lạy giời, khấn phật thì mỉm cười chế nhạo. Chính tôi cũng thế. Nhưng lúc này, tôi muốn rằng bao nhiêu người ở chung quanh tôi đều biết tôi đương cầu khẩn cho vong hồn cô được siêu sinh tĩnh độ và phù hộ cho tôi. Tôi lạy cô và tôi tưởng nếu phải lễ mà tâm hồn tôi được bình yên thì cũng sẽ lập bàn thờ lên lễ. Cô ơi, bao nhiêu lâu nay cháu đã quên cô mất rồi! Bây giờ nằm nhắm mắt lại, cháu

khó mà lấy trí óc vẽ được thật đúng hình ảnh cô. Song những lời giối giăng của cô lúc lâm chung, cháu vẫn còn nhớ cả – nhớ cả mà cháu không làm theo được điều gì. Mai sau ở dưới suối vàng...

XIX

Hình ảnh lờ mờ của một người cô rầu rĩ lại hiện lên trước mặt tôi. Cô tôi vẫy tôi lại, ra hiệu bảo tôi đi theo. Người vẫn chẳng nói năng gì cả. Vừa bước vài bước, tôi lại giật mình choàng dậy. Một bàn tay lại khẽ đập vào người tôi. Tôi mở mắt. Lần này, tôi đoán không phải là đời thực tế đã trở lại, nhưng có lẽ tôi vẫn còn đương sống trong cảnh u huyền, bán âm bán dương. Một người đàn bà gầy yếu, mái tóc hoa râm quá nửa, đi nhẹ như một cái bóng lại hé mở cửa buồng tôi ra.

Quái thật! Sao đây lại không là thực cảnh? Rõ ràng, tôi nghe thấy tên bồi tiêm "Lạy cụ ạ" rồi đứng dậy ra bàn rót nước. Rõ ràng, tiếng nước chảy từ cái vòi ấm xuống lòng chén. Rõ ràng, bà cụ gầy yếu, sầu thảm ấy lấy tay sờ vào trán tôi. Tôi cố sức giở mình về phía bà cụ để trông cho thật rõ. Bà cụ vẫy tên bồi tiêm của tôi lại mà hỏi khe khẽ một câu gì. Cố lắng tai nghe, không được. Tôi đương hoang mang chưa hiểu ra sao thì bà cụ quay lại phía tôi mà nói:

– Rõ thật là thân anh làm tội đời anh. Nghe lời tôi thì đâu đến nông nỗi này!

Bà cầm lấy cổ tay tôi xem tôi gầy yếu chừng nào. Rồi đứng dậy quay đi, chắp hai tay ra đằng sau, nhìn hết cả gian phòng một lượt. Tôi thấy hai vai bà rung động. Ý chừng bà khóc, mà không muốn để cho tôi trông thấy. Vả lại, câu nói lúc nãy của bà tuy cố làm cho bình tĩnh, nhưng tôi đã như thấy đẫm lệ rồi...

Nhân lúc đó, tôi mở mắt to ra nhìn tên bồi tiêm, ra hiệu hỏi nó xem bà cụ vừa vào là ai.

– Cụ lại đấy mà!

Tên bồi tiêm, hơi lạ, trả lời tôi như thế.

Trái đất ví nổ ngay lúc đó cũng không làm cho tôi kinh ngạc bằng! Thì ra tôi sống ở cuộc đời thực tế này thật, mà bà cụ đương

đứng quay lưng ra khóc kia là bằng xương bằng thịt thật. Bà cụ đó là mẹ tôi. Mẹ ôi là mẹ ôi!

Dò biết được chỗ ở của tôi, mẹ tôi đã đến nhìn mặt đứa con bất hạnh đi cầu bơ cầu bất không dám về nhà vì bê tha nghiện hút. Mẹ tôi ngồi xuống giường và giở cái bọc lấy trầu ra ăn. Một lát sau, người mới xuýt xoa, nói:

– Rét quá, chảy cả nước mắt. Anh ở thế này có kín gió không? Thôi, tội gì, anh ạ. Về cửa về nhà mà nằm. Ấm áp, sạch sẽ, không khổ thân khổ đời.

Tôi nằm im như khúc gỗ, không biết trả lời ra sao cả. Tưởng là tôi ngần ngại, sợ về nhà sẽ không được hút, mẹ tôi lại chép miệng tiếp ngay:

– Thôi, trời đã bắt tội thế, biết làm thế nào? Tôi xem bói cho anh thì mười đám y như cả mười đều nói rằng số anh vất vả... anh không vướng phải cái này thì lại sinh ra bệnh nọ tật kia, có khi đến chết non chết yểu. Tôi chẳng biết nghĩ ra sao cả. Trăm sự trông ở giời. Thôi thì anh cứ về cửa về nhà. Lang thang lếch thếch như thế này, người ta cười cho, mà mợ thì cũng khổ. Mợ già rồi. Còn sống cũng chẳng bao nhiêu lâu. Anh thương mợ. Mợ cho anh đem bàn đèn về ở trên gác ấy... Độ này, nhà vắng quá...

Ai có thể đoán biết sức phản động của tâm lý tôi lúc đó ra thế nào? "Mợ cho anh đem bàn đèn về!" Chao ôi, một câu nói bình dị, hàm vẻ xót thương, mà như cắt gan cắt ruột! Có lẽ đời tôi chưa bao giờ nghe thấy một câu nói lâm ly như thế. Giá mẹ tôi cứ ghét bỏ tôi đi và cứ trông thấy tôi thì mắng, tôi rất có thể không đau khổ lắm trong lòng. Đằng này, không. Người lại chịu đựng đứa con hư mà nhận ra miệng là đã thua nó, "phải cho nó đem bàn đèn về"! Dầu tôi ngu dốt đến đâu, tôi cũng có thể biết rằng khi nói câu đó thì lòng mẹ tôi tan nát. Chao ôi là người đàn bà đã đem cả một cuộc đời cùng với chồng xây đắp nên cơ đồ và một tay gây dựng cho bảy tám đứa con nên người! Người đàn bà đó hiện giờ đương ngồi ở trước mặt tôi, lưng còng xuống, mắt mờ đi, tóc bạc ra trước tuổi – người đàn bà đó hôm nay lại đành nuốt sự thê thảm vào lòng mà giơ tay hứng lấy một sự hy sinh nữa là nuôi báo một đứa con nghiện ngập như nuôi một ông bố già? Không. Dù chết, tấm lòng tự ái của tôi vẫn còn. Tôi không chịu sự hy sinh đó. Tôi không thể tưởng tượng được một đứa con mới ngót ba mươi tuổi, mà lại khụng khiệng nằm ở trên gác hút vo vo, rồi

khạc, rồi gọi người lấy ống phóng để nhổ, rồi đánh sái còn cọt trong khi ở dưới nhà một bà mẹ sắp hết tuổi thọ vẫn phải làm ăn buôn bán quần quật, không được phút nào ngơi nghỉ.

Tôi nói:

– Giời rét thế này mà mợ cũng đi. Ở nhà, ai trông hàng?

Mẹ tôi không trả lời. Sợ rằng cứ để cái không khí đó kéo dài ra mãi thì cả hai mẹ con cùng khóc, tôi nói vu vơ:

– Các em con độ này ra thế nào? Có ngoan không? Và bà, nhờ giời vẫn bình yên chứ?

Không trả lời vào chính câu hỏi của tôi, mẹ tôi hỏi:

– Thế này, mỗi ngày anh hút hết bao nhiêu điếu? Có sái không?

– Không bao nhiêu ạ. Chỉ độ mươi lăm điếu. Toàn thuốc cả.

– Lạy giời, may ra còn cứu được. Mợ nghe thấy người ta nói hút cái này cả sái thì không có hy vọng bỏ. Đấy, giá trước anh cứ nghe mợ mà bỏ ngay đi thì có nhẹ không? Mợ dỗ dành bao nhiêu bận, anh cứ nằng nặc là anh không hút! Anh bảo là đi chơi với chúng với bạn. Đi chơi với chúng với bạn gì mà hai ba đêm mới về? Bây giờ mợ mới nói cho anh: không đêm nào mợ không biết anh về. Sở dĩ sáng nào mợ cũng hỏi mấy giờ anh về là mợ hỏi lấy lệ đấy thôi. Mợ biết hết. Bởi vì mợ có ngủ được đâu! Ai mở cửa cho anh? Ai nấu chè cho anh? Mợ biết! Mà anh cho thằng Xuân tiền để nó dậy mở cửa, về sau nó không dậy, ấy là mợ bảo nó đấy. Mợ mong rằng anh chờ cửa lâu sốt ruột thì sẽ ngại mà thôi đi. Không ngờ!... Thôi, ra thế. Mợ đã làm đủ bổn phận một người mẹ mà ngăn cấm, giữ gìn anh đủ hết các cách, nhưng bây giờ sự thể đã như thế thì cũng đành cắn răng mà chịu giời chứ biết làm sao? Mợ chỉ khổ sở đau đớn vì nỗi không biết đã làm điều gì thất đức để đến nỗi con cái bây giờ phải chịu tội oan như thế này.

Nói đến đây, mẹ tôi òa lên khóc. Tôi nằm nhìn mẹ khóc mà ruột nát như tương. Nếu tôi có sức, nếu tôi đứng được, có lẽ tôi đã chạy đi chỗ khác. Nhưng sức đâu? Tôi đành vật tay xuống giường mà nhắm mắt lại, làm như ngủ.

Nghe chừng mẹ tôi đã nguôi rồi, tôi mở mắt nhìn người mà nói:

– Thôi, khuya rồi. Mợ về, không có sương muối này độc lắm. Mà mợ cũng đừng nghĩ lắm làm gì, con đã chẳng báo hiếu được cho mợ, lại làm cho mợ khổ vì con, bây giờ hối hận cũng không còn được nữa.

Âu là mợ cứ coi như là con chết rồi... con là một hạt máu rơi... Công dưỡng dục, đức cù lao, trăm điều con nhờ các anh em con giúp dập...

– Cứ nói gở ở đâu! Nước mắt chảy xuống chứ có chảy lên bao giờ? Anh bảo mợ không nghĩ thì không nghĩ làm sao cho được. Mợ xin anh. Anh chiều mợ. Anh về nhà đi. Mợ sẽ thuốc thang cho anh. Cứ lông bông, ăn uống thất thường, làm gì mà chả ốm. Có khi thì khốn đấy.

– Vâng. Mợ đã dạy thế, con xin vâng lời. Giá bây giờ ai có bảo con cắt thịt để làm cho mợ thư thái lòng, con cũng không từ chối.

Vừa nói thế xong, tôi biết ngay tôi lại vừa nó dối mẹ tôi.

Bởi vì trong thâm tâm, tôi không muốn bao giờ về nhà cả. Tôi cũng chả muốn lại trông thấy mẹ tôi lần nữa. Bấy giờ tôi yên trí rằng thể nào tôi cũng phải chết rồi. Tự trong thẳm cùng của lòng tôi, nở lên một cái ý tưởng rất não nùng là mong được chết đơn độc ở một cái xó cái xỉnh nào, không có một con mắt quen thuộc nào trông thấy.

Cảnh một thanh niên trụy lạc, kéo lê cái thân tàn ma dại về để cho người nhà nuôi ốm, rồi lại ma chay chôn cất cho, có một cái gì làm cho ta tủi nhục và xót xa vô cùng. Đã đành là những người thân của ta thương ta và trọng cái vong hồn của ta; nhưng thiếu gì kẻ miệng lưỡi dông dài mỗi khi nhắc đến người chết lại bĩu môi mà bảo: "Tưởng là gì! Chẳng hóa ra cáo chết ba năm lại quay đầu về núi! Lúc sung sướng thì đi, đến khi ốm đau chết chóc thì lại quay về báo mẹ!..." Không, không, không. Tôi đã nghe thấy những miệng tiếng dông dài như thế tự bây giờ. Dù lòng thương mẹ có nặng đến bực nào, tôi cũng không thể vâng theo được. Cho mới biết một kẻ thất phu đã tán tận lương tâm, bao giờ cũng còn một điểm trong sạch trong đầu óc. Người ta không làm theo cái điểm trong sạch đó, chỉ là tại người ta nghĩ đến người ta quá nhiều. Duyên do? Có lẽ tại cái giáo dục bây giờ dậy người ta lý luận với luân lý nhiều quá. Văn minh Âu Tây, nặng về mặt cá nhân tư kỷ, đã làm cho đa số thanh niên lớp tôi mất cả đức hy sinh là cái đức cao quý nhất của người Việt Nam. Hạng người lớp trước chúng ta không thế. Họ hy sinh thân họ, nhà họ và con cái họ cho một lý tưởng, cho chữ trung, chữ hiếu, chữ tiết, chữ nghĩa và không bao giờ lý luận. Chuyên Chư Nghĩa thích Vương Liêu chắc không bao giờ lại tự hỏi: "Ta làm như thế, ngộ chết thì có thiệt thân mình hay không?" Đời nay, người ta ích kỷ bởi vì người ta lý luận nhiều. Thành thử những bà mẹ Chuyên Chư thì vẫn còn, mà hạng Chuyên Chư cầm thanh kiếm trủy thủ đâm ba lần áo giáp suốt

qua lưng Vương Liêu, hạng người xả thân vì nghĩa đó hầu như không còn nữa. Ôi là cái căn bản luân lý của ta!

Yên trí rằng tôi đã nghe lời mà về nhà, mẹ tôi vui vẻ bảo tên bồi tiêm của tôi xếp dọn.

– Mợ để cho con dăm bảy hôm nữa, bởi vì tiền nhà ở đây con đã trả cả rồi. Bỏ đi thì phí.

Mẹ tôi khuyên tôi đừng nên tiếc rẻ làm gì. Tôi cố kiếm hết các cách nói quanh. Sau, thấy rằng còn dăm bảy hôm nữa cũng chẳng lâu la gì lắm, mẹ tôi cũng bằng lòng. Người dặn đi dặn lại nên liệu thu xếp mà về nhà cho sớm. Năm hết tết đến rồi...

XX

Đến tận lúc đó, tôi mới nhớ rằng thời giờ đi mau quá. Vừa mới hôm nào đầu tháng chạp mà bây giờ đã hai mươi bảy tết rồi. Năm tàn đã hết, lưu liên nơi quán trọ với cái thân đa bệnh, tôi không biết ở ngoài kia người ta làm những việc gì. Nhưng cứ lấy cái trí ra mà xét cũng biết là thiên hạ kéo nhau đi sắm tết vui vẻ lắm.

Trần Văn Hải, vốn thích nơi tấp nập, cả chiều nay bỏ tôi nằm một mình ở nhà để đi chơi, xem cảnh tết ở Hàng Đào, Hàng Ngang. Anh mua một gói tướng những kẹo sìu, mứt, hạt dưa và hoa quả, để trên đầu giường rồi đi một lúc kéo Phượng về. Hải chỉ vào Phượng, phân trần với tôi:

– Anh biết không? Em đã tưởng rằng em chết mà không gặp được “tên” này nữa. Nguyên do thế này: em ở nhà với anh chán quá, bèn nghĩ cách đi chơi. Mà đi chơi một mình thì tẻ. Nghĩ đi nghĩ lại, chỉ còn có Phượng. Em mới đến nhà hắn để rủ hắn cùng đi. Vốn đã biết bà cụ hắn nghiêm khắc lắm, em đã phải nói dối là em mượn sách. Vậy mà bà cụ cứ đuổi em như đuổi tà. Cụ bảo hắn đã đi chết ở Sài Ghềnh, Sài Gòn mất rồi. Em đã xuýt khóc cho con người bạc mệnh. Sực nhớ rằng Lê Văn Bảo, sáng nay, vừa nói rằng có gặp hắn ngồi xem cóc phun nước ở vườn hoa, em bèn chạy đi tìm hắn cho kỳ được. Thú thực cùng anh, em đã tìm hắn từ nhà chứa ăn mày cho đến khách sạn Twe Chan, từ nhà Hỏa Lò cho đến trường Cao đẳng. Em nhìn xuống hồ Hoàn Kiếm xem hắn có dại dột trẫm mình không. Em trông cả lên các ngọn cây ở trong vườn Bách thú xem hắn có đậu

trên đó để trốn những người khách nợ. Vô ích. Em đành phải bỏ mặc xác hắn vậy, đi mua bánh, kẹo và hạt dưa để chúng mình vừa chén vừa khóc một người bạn có kỳ tài mà khắp Hà Nội có người tìm kiếm. Bất ngờ về đến đây, quăng gói bánh trên giường, em lại sực nghĩ ra một chỗ chưa tìm đến. Em quàng chân lên cổ, chạy đến Tắc què. Thì thấy hắn đương há mồm mà ngủ trong một cái chăn dạ lính! Phượng vừa nghe chuyện vừa cười. Anh hạ cái dọc xuống mà rằng:

– Có thế. Bà cụ có bảo anh gì nữa không?

– Không. Nhưng bà cụ có vẻ giận lắm. Và giận lây cả những thằng bạn anh.

– Chính thế. Em khổ vô cùng, hai anh ạ. Xin thú thực với hai anh, em đã bỏ nhà đi hơn một tuần nay rồi đó. Bởi vì em không thể nói chuyện với bà cụ được đến hai câu. Cứ động nói gì thì bà cụ lại bênh con gái. Em giận quá, bỏ hết, và nói với cụ rằng: "Nếu cụ khỏe nghe con gái thế thì để chúng nó cúng lễ tổ tiên. Tôi làm con giai trưởng làm gì nữa?"

Nghe thấy lời phẫn nộ của bạn, Hải cười rầm rĩ cả lên. Cả Phượng cũng cười. Đoạn, chúng tôi nằm vây lấy cái bàn đèn mà hút và ăn kẹo. Tôi không ăn được nữa, chỉ nằm giương mắt nhìn. Đêm hồ tàn. Ngoài đường phố, gần như không còn tiếng động. Thỉnh thoảng, ở xa xa vọng lại những tiếng phu xe cãi nhau và tiếng người bị đánh kêu ằng ặc: *"Ối ông cập bi – tên ôi! Ối ông Đội xếp ôi!"*

Như thể ba con ma, nhân lúc khí âm vượng, khí dương suy, hiện lên để nằm thở than cảnh ngộ với nhau, chúng tôi có một lúc thấy lạnh như có nước đá trong xương sống. Người nọ nhìn người kia, người kia nhìn người nọ. Chúng tôi cùng khóc cho thân phận của nhau.

Đến gần sáng, Hải nói:

– Tháng này thiếu, hai anh ạ. Mai đã là ba mươi rồi...

Phượng nói:

– Ba mươi hay gì đi nữa, thì có nghĩa cóc gì với chúng mình. Chúng mình cứ đóng cửa lại mà hút. Và không đi đâu cả, thưa các ngài. Mặc kệ cho người ta ăn Tết.

Thoạt đầu, Trần Văn Hải hoan nghênh ý tưởng đó lắm. Nhưng sau một lát nằm im nghĩ ngợi, anh ta như thấy có một cái gì không thể đem thực hành.

– Đã đành thế. Nhưng chúng mình là con trưởng, ngày tết, ngày

nhất mà bỏ đi cả, sao nên? Thôi thì dù hai anh ghét em đến thế nào đi nữa, em cũng chịu. Thể nào em cũng phải xin phép hai anh em về hôm nay. Nghĩ đi nghĩ lại cũng tội nghiệp cho bà cụ. Chắc giờ này cụ đang mong con về.

Tôi nghe Hải nói mà đau buốt đến ruột bởi vì tôi cũng có một người mẹ ở góa để nuôi tôi như bà cụ sinh ra anh và bà cụ sinh ra anh Phượng. Tôi nằm nhắm mắt, nghĩ lại câu chuyện giữa mẹ con tôi tối hôm qua. Không biết nước mắt ở đâu cứ tuôn ra ràn rụa. Hải, không hiểu, lại tưởng rằng tôi khổ vì phải nằm một mình trong gác trọ:

– Anh cứ yên tâm. Chỉ sáng mồng bốn thì em lại đến với anh, chứ có lâu la gì. Em về cũng là bất đắc dĩ. Ý em đâu muốn thế.

Tôi lắc đầu bảo Hải:

– Không. Anh lầm. Nếu anh không về, chính em cũng khuyên anh về. Chúng ta tội lỗi đã nhiều rồi. Đừng có để cho ngày tết ngày nhất, những bà mẹ của chúng ta phải khổ thêm từng nữa.

Muốn cho Hải yên tâm hơn, tôi lại nói thêm:

– Còn em, độ chiều nay hay sáng mai, em cũng về. Từ ngày thày em mất đi, gia đình em buồn lắm. Anh em tản mác, họ hàng phân ly. Cả năm, mới có một ngày để truy tư đến gia tiên rồi quây quần xum họp với nhau một ngày, mà mình lại vắng mặt nốt thì bao giờ mới lại còn có cơ hội nữa? Mỗi năm, một gia đình lại có sự đổi thay. Biết đâu tết này không gặp nhau, một hai tháng sau, ông chú này chết, bà bác kia chết, mình không bao giờ có dịp sum họp đông đủ nữa?

Hải vui tính thế, nghe thấy nói vậy cũng mềm xìu người lại. Trưa đó, chúng tôi hút với nhau một bữa tất niên. Hải chờ lúc xâm xẩm tối, không ai trông rõ mặt, vác cái đàn tây đi về. Phượng thấy nói tôi cũng về nhà, đứng dậy đi theo Hải:

– Hai anh về cả thì em cũng đi về nốt. Yên ổn thì thôi. Ngộ có chuyện gì – ví dụ bà cụ lại chửi em chẳng hạn – thì em lại đi, không cần. Em đã ăn chán cái tết ở tha phương rồi. Ví có ăn thêm một tết nữa một mình ở giữa cái Hà Nội phồn hoa này thì cũng chửa chết ai mà sợ!

Tôi gượng dậy, đưa hai anh bạn xuống đến cuối thang. Chúng tôi bắt tay nhau thân mến và chúc cho nhau một năm mới hoàn toàn vui vẻ! Tên bồi tiêm của tôi, ngồi chờ từ lúc nãy, thấy khách đã về mới gãi đầu bảo tôi:

– Ông có xơi thuốc nữa hay ông nghỉ?

Tôi chưa hiểu y định nói gì thì y đã tiếp ngay:

– Con đã nói với bà Ký bên cạnh đong thuốc sẵn để ở bàn kia, đủ cho ông hút ba ngày. Con lại táo thêm mười viên nữa. Nếu ông tiêm lấy mà hút được thì tốt nhất. Không có, ông dùng tạm thuốc táo vậy. Bằng không, ông vui lòng đi hút tiệm mấy ngày. Hôm nay, con xin phép ông...

À, bây giờ tôi mới nghĩ ra. Tên bồi tiêm của tôi, năm hết tết đến, cũng phải về quê chứ! Từ hôm qua, vợ y đã ra đón rồi. Y xin phép nghỉ trưa nay để đi sắm vài thức cần dùng. Tối, y về tiêm cho tôi một bữa nữa. Rồi đến năm giờ sáng mai thì ra tàu thủy sớm, xuôi về Thái.

Tôi lấy tiền đưa trả y. Thấy y còn ngần ngừ đứng lại, tôi hỏi:

– Còn gì nữa không?

– Con muốn nói với ông, xin cái ba-đờ-xuy cũ ông đương mặc... Ông có hai cái...

– Ừ, được rồi. Sáng mai, anh lấy. Tối nay, đi ngủ, tôi để ở đầu giường. Anh cứ thế mà mặc về, không phải hỏi tôi nữa nhé.

XXI

Đêm hôm đó, nhân lúc thày trò tạm biệt, tôi nói chuyện với tên bồi tiêm rất nhiều về những phong tục tết ở nhà quê. Vui miệng, y kể cho tôi nghe nhiều chuyện hay lắm, làm cho tôi càng thấy cái không khí tết của ta đầm ấm. Bất giác, tôi nhớ đến những cái tết hồi còn bé. Thày tôi cứ vào khoảng hăm bảy hăm tám này thì lại bảo tôi ra xin bà mấy tờ giấy hồng điều rắc vàng đem vào viết câu đối dán la liệt khắp nhà. Mẹ tôi đi chợ mua đồ nấu. Còn các em gái tôi thì suốt mấy ngày gần tết này thi nhau mà may quần áo và sắm giầy, mua bít tất. Thấy tôi bé và thường thường phải mặc những áo đoạn cũ của các anh tôi để lại cho, thầy tôi thường xoa đầu mà bảo:

– Không cần. Con giai mặc thế nào cũng được. Sau này lớn lên, học giỏi, làm được những sự nghiệp to tát, con sẽ biết rằng cái áo cái sống không làm gì cả. Chỉ không làm nên được trò trống gì mới xấu hổ mà thôi.

Nghe thày tôi nói thế, tôi dớm dớm nước mắt khóc. Tôi khóc vì không có áo sống, vì hãy còn bé mà đã bị thua anh kém em rồi. Nhưng đến cái tết này, trong căn gác trọ này, tôi khóc vì ăn hoài cơm giời, uống hoài nước sông trong cả một kiếp người. Chao ôi, thày tôi đã kỳ vọng ở tôi nhiều lắm. Có lẽ thày tôi đã cho tôi là đứa con thông minh và sau này có hy vọng nhất trong cả lũ con. Ai ngờ... Ai ngờ tấm kỳ vọng đó bây giờ thành ra vô tích sự. Đừng nói đến sự nghiệp làm gì vội, nói ngay đến trong nhà: thua kém, tôi vẫn hoàn là thua kém anh em. Trò trống thì đã chẳng làm gì được, mà đến cái chuyện tồi nhất là chuyện phong y túc thực cũng không bằng được ai. Tôi thấy nghẹn ngào và tủi nhục. Trước đây, đã bao nhiêu lần, nghĩ đến chuyện thua thiệt đó, máu tôi đã sôi lên? Tôi quyết với tôi rằng sẽ phải làm được một sự nghiệp văn chương gì gớm lắm để cho đỡ tủi. Nhưng bao nhiêu thì giờ đã đi qua mất rồi! Bây giờ năm hết tết đến, nằm mà tính lại sổ lòng thì mình thật là một thằng nói khoác, chính mình lại cần phải chán ngán cho mình. Ấy thế mà lại còn đèo thêm cái nghiện. Sống không ai biết, mà ai thèm biết đến mày nữa, hở mày? Phải, phải. Giờ này có lẽ trừ mẹ tôi ra, có khi không còn ai nghĩ đến tôi và không còn ai nhớ rằng đã có hồi tôi sống. Giờ này, các em tôi có lẽ đương thử quần áo đây... Giờ này, có lẽ các anh tôi đương ngồi viết thiếp để gửi đi chúc mừng những bạn xa đây... Giờ này, có lẽ cả họ hàng tôi đương dự tính tết năm nay sẽ đi viếng những chùa nào và mừng tuổi những ai đây... Nhưng tôi, tôi nằm cô độc ở cái phòng lạnh lẽo này mà đợi chết một mình, chung quanh không có lấy một người thân thích. Bốn giờ rồi. Còn một tên bồi tiêm thì vợ nó cũng sắp đến đón về quê nốt. Rồi thì chỉ còn lại một mình với cái đau khổ của mình mà thôi. Ruột tôi đau quặn lại. Và tôi bỗng chợp mắt đi một lúc. Những cơn ác mộng diễn ra liên tiếp trước mắt tôi. Ông tôi. Cha tôi. Em tôi. Rồi lại cô tôi ôm mặt khóc, rồi tôi nhỡ một chuyến tàu, rồi tôi lại hét lên. Mở mắt ra thì nhà còn tối. Tôi lại nhắm mắt thì một người em gái tôi, đã mất năm mười sáu tuổi, bỗng ở đâu lừ lừ đi đến. Chúng tôi đến một bãi tha ma. Em tôi chỉ vào một cái mộ mới đắp, bảo tôi: "Anh có biết đó là mộ ai không? Mộ anh đấy! Bởi vì anh chết rồi. Anh làm khổ mẹ, anh làm khổ cả nhà. Anh chết không được yên lành mát ngọt đâu. Trông thì biết".

Tôi rụi mắt nhìn ra. Một con chim lớn bằng cái nong, mắt lồi lên như hai cục lửa, cứ xỉa cái mỏ to bằng lưỡi cuốc vào mả tôi đồm độp. Mỗi lần nó xỉa như thế, ở dưới mả, lại có tiếng người rên lên.

Tôi rên lên một tiếng não nùng rồi sợ quá không tài nào ngủ được nữa. Mồ hôi toát ra, nhiều gấp hai ngày thường. Tim tôi đập và tôi sợ bất cứ cái gì ở quanh tôi. Tôi trùm chăn kín cả đầu. Tôi nằm đợi trời sáng. Tôi mong cho những người láng giềng hàng xóm sang ngồi cả chung quanh giường để phòng giữ hộ tôi.

"Nhưng thôi. Cái đời gớm ghiếc như thế này, ta cũng không thể kéo dài ra được nữa. Ta phải liệu lý cái thân ta mới được...".

Không trù trừ nữa: tôi sẽ êm lặng vào nhà thương Phủ Doãn xin một cái giường tồi tàn nhất để nằm. Thật là sự lạ. Càng đi gần đến cái chết bao nhiêu, người ta lại càng ham sống chừng nấy, mà càng ham sống thì người ta càng sợ chết. Tôi sợ chết không ai tưởng được. Muốn xua đuổi tư tưởng chết, tôi tìm cách đánh lừa tôi. "Biết đâu chẳng có một sự lạ lùng màu nhiệm khả dĩ làm cho ta sống lại?" Tư tưởng đó sinh mầm nẩy rễ trong người tôi, rồi lớn, rồi thành cái lẽ suy nghĩ độc nhất để tôi lấy làm sự khuây khỏa cho tâm hồn. Ở đời này chẳng khối người chỉ còn chờ nhập quan, vậy mà lại sống lại đấy ư? Mà chẳng khối người sâm nhung quế phụ đắp vào người mà một chết hai chết; đến lúc không ngờ nhất, chỉ có một nắm lá mà lại hồi sinh lại? Ấy đó, chính lúc gần cái chết nhất thì tôi lại nghĩ như thế đó. Tôi bỗng sinh ra một ý nghĩ là chỉ có ở nhà thương tôi mới thực được hoàn toàn yên ổn. Tôi sẽ chết không ai biết: một cái áo quan gỗ mộc... cái xác cho vào... păng! Păng! Cá đóng lại... rồi cái xác vô thừa nhận đó được chôn trong cái nghĩa địa chung của những người nghèo trong thành phố!... Đến khi người nhà biết tin đến nhận thì đã chôn từ bao giờ rồi! Tiện lắm! Mà không làm rầu lòng ai cả... Bằng như trời lại cho gặp thày gặp thuốc thì càng hay, chứ có làm sao? Bởi vì dù hút, tôi không thể vì thế mà không là một kẻ công dân được. Năm nào tôi cũng vẫn đóng thuế. Việc nhà nước chữa chạy cho tôi là một cái quyền tôi được hưởng. Khỏi, tôi cám ơn họ, mà có lẽ rồi tôi cũng tin y lý của Tây. Nhưng không hiểu làm sao, luôn luôn tôi có ý tưởng rằng: người ta chữa cho một người không nghiện hút bao giờ cũng cẩn thận và hết lòng hơn là chữa cho một người nghiện hút.

"Ta sẽ phải nói dối mới được. Ta nói dối là ta không nghiện. Thường thường, người ta vẫn bảo rằng các bác sĩ xem lưỡi và con mắt có thể biết được một người nghiện hay không. Tin thế nào được! Ta cứ nói dối như thường. Nếu cần ta cứ khai rằng là ốm, ốm một bệnh gì không biết".

Vững lòng tin ở ý định, tôi nằm ruỗi cẳng để triền miên nghĩ đến những cảnh mổ xẻ, tiêm thuốc, uống thuốc, rồi khỏi bệnh.

"Không được. Không khai căn bệnh, thì người ta biết đâu mà tiêm cho mình những thứ thuốc để trừ những cơn vật vã do thuốc phiện sinh ra? Mà thuốc phiện, nhất định ở nhà thương không hút được".

Thoạt đầu, tôi đã nghĩ đến những chuyện táo thuốc lại, và tối tối trốn nhà thương đi hút rồi đến đêm lại về. Nhưng sau kết lại một câu, tôi cho những cách thức đó đều không dùng được. Chỉ có một cách: nhân tiện chữa bệnh, ta cai một thể. Ấy thế là hơn cả!

Tư tưởng cai thuốc đã bao lâu từ giã tôi mà đi, bỗng lại trở về, không rời tôi nửa bước.

"Ừ, ừ. Nếu phen này trời sinh phúc cho ta sống lại, không cai không được. Bao nhiêu nỗi cực nhục của thuốc phiện gây ra, tôi đã biết; bao nhiêu sức khỏe tiêu ma vì khói, ta cũng đã hay. Đây cũng là một dịp tốt để cho ta thoát ly nó; nó chết thì ta sống mà ta sống thì nó chết. Nếu không thực hành, ta sẽ không bao giờ có dịp thực hành được nữa..."

Tôi nhớ đến lần cai trước mà mình lại khinh mình.

"À không. Lần này, không thế nữa. Bản tính của ta không xấu. Chỉ vì thuốc phiện mà ta bước đến chặng đường này. Làm cho mẹ khổ và cha không được yên nơi suối vàng. Anh em khinh bỉ mà họ hàng xa lánh. Và người thương ta nhất tức là cô ta thì chết có lẽ không nhắm được mắt, bởi cầu xin cháu một điều mà không được".

Thà là bởi vô tài mà chết không làm được việc gì! Chứ không thể chết không làm được việc gì, mà chỉ vì thuốc phiện. Chết như thế, khối hận không đời nào tan được.

Những lời nói của cô tôi lúc lâm chung lại văng vẳng bên tai. Tôi thấy rằng, sau khi cai hỏng lần thứ nhất, tôi lại lỗi gấp hai. Tôi cần phải cai thuốc phiện gấp hai mới được.

Ngày xưa, Phù Sai, sau khi bị thua Việt, muốn cho trong lòng bao giờ cũng nghĩ đến cái nhục mất nước, sai mười người nội thị thay đổi nhau đứng ở giữa sân, chờ khi nào Phù Sai đi ra đi vào thì quát to lên rằng: "Phù Sai ôi, mày quên cái thù vua Việt giết ông mày rồi à?" Phù Sai liền khóc mà đáp lại rằng: "Dạ, không bao giờ tôi dám quên". Quả nhiên, về sau, Phù Sai không bao giờ quên được thù cả, cùng với Tử Tư và Bá Di luyện tập quân sĩ báo được cái thù nước Việt.

Giá bấy giờ có đông đủ bạn bè, có lẽ tôi sẽ thi hành ngay cái khổ nhục kế đó và bè bạn cứ thấy tôi hút thuốc phiện thì quát to lên rằng: "Vũ Bằng ôi, mày không nhớ lời trối trăng của cô mày à? Mày không nhớ đến sự khổ sở của mẹ mày à? Mày không nhớ rằng thuốc phiện làm cho mày nhục nhã à?"

Tiếc thay, lúc đó bè bạn tôi lại đi về nhà ăn tết cả. Kế đó, không thể thi hành được. Chỉ đành phác một chương trình để theo đó mà làm từ sáng mai. Bởi vì tôi đã nhất định phải vào nhà thương nằm từ sáng mai. Tôi sẽ không để lộ cho một người nào biết, như lần cai trước nữa. Phàm người ta nói ra miệng, ít khi làm được việc. Sự đắc thắng không ai ngờ nhất mới lại càng là sự đắc thắng vẻ vang.

"Không, ta không mặc quần áo tây. Ta chỉ bận một bộ đồ ngủ rồi mặc ba-đờ-xuy phủ ngoài...".

Óc người ta có những sự kỳ quặc vô cùng. Từ khi tôi hút nặng, trí nhớ của tôi suy hẳn. Nói trước quên sau. Những ý nghĩ không còn được liên tiếp nữa. Vậy mà hôm nay không hiểu làm sao, vừa nghĩ đến cái ba đờ xuy, tôi vụt nhớ ngay một điều quan trọng. Buổi tối, khi trả tiền công bồi tiêm, bao nhiêu tiền còn lại tôi đều để ở trong túi ba đờ xuy cũ... Một sức mạnh ở đâu vụt đến. Tôi ngồi nhổm dậy để xem tên bồi tiêm của tôi còn ở nhà hay đã đi ra tàu rồi.

Thì ra, vừa rồi, cái lúc tôi nằm thiếp đi và nghe thấy mỏ con chim khổng lồ gõ cồm cộp xuống cái áo quan tức là cái lúc tên bồi tiêm của tôi dở dậy, xếp va li ra tàu. Tôi không hiểu nó đi đã lâu chưa. Nhưng tôi biết lúc đó tàu chưa chạy. Mặc vội quần áo. Nhảy lên xe. Chạy thật nhanh ra bến Phà Đen! Lúc đó, sương mù còn dầy, gió thổi như cắt da cắt thịt. Con tàu sắp chuyển bánh lái thì tôi vượt được cầu lên boong. Tên bồi tiêm cùng vợ nó đương đếm tiền lấy vé. Tôi cầm lấy áo, run lên. May! Tập giấy bạc vẫn còn nguyên chưa mất. Tên bồi tiêm của tôi trước sau vẫn vô tình không biết gì! Một câu chuyện ngắn. Quay ra. Bước khỏi cái cầu. Tàu súp lê. Số tôi, tuy vậy, cũng hãy còn may lắm. Bởi vì số tiền đó là số tiền độc nhất của tôi. Nếu không có, tôi không những không trả được tiền xe, mà cái việc cần nhất của tôi có lẽ cũng không làm được: việc mua lọ thuốc cai nha phiến! Năm hết tết đến rồi, người ta thu công đòi nợ còn chả được, ai lại còn có tiền cho vay!

Vừa mệt, vừa mừng, tôi vào một cao lâu Hàng Bạc uống một tách cà phê nóng. Tôi ngồi chờ sáng bạch. Việc đầu tiên mà tôi làm sau

khi ở cao lâu ra là đến một hiệu khách nhỏ phố Hàng Ngang mua lọ thuốc. Thuốc này, tôi chưa uống lần nào cả. Sở dĩ tôi mua, không phải vì đã thấy ai kinh nghiệm. Đó là do sự tình cờ. Trong một bữa thuốc, có người kể cho tôi nghe mấy tên hiệu bán thuốc cai. Tôi không nhớ tên hiệu nào cả, chỉ còn nhớ có hiệu này. Vào hiệu này mua vậy. Mua như ta mua một cái kẹo ăn. Không tin tưởng gì hết. Theo ý tôi lúc đó, bất cứ thuốc cai nào cũng tốt mà cũng không tốt cả. Điều cần, không phải ở chỗ đó. Nhưng ở chỗ ta có can đảm hay không.

XXII

"Ta sẽ can đảm. Ta sẽ can đảm. Ta sẽ can đảm".

Vừa nói một mình như vậy, tôi vừa bước nặng nề trên những bực thang. Tay nắm chặt lọ thuốc trong túi áo. Óc nghĩ hoang mang về những việc làm ngày mai. Tôi không trông thấy sự vật chung quanh mình. Bỗng có tiếng chào:

– Kìa bác!

Mồ hôi tôi toát ra như suối. Lập tức, tôi nghĩ ngay đến chuyện thần trùng mà tôi thấy trong giấc ngủ đêm qua. Định thần rồi, tôi giương mắt nhìn thật kỹ mới biết ra mình lầm. Đó là một người quen cũ: Soạn, anh chàng trước đây vẫn nằm tiệm với tôi. Anh ta đã có dịp nói toang toang lên rằng: "Bao nhiêu thuốc cai nha phiến đều láo toét, mà phàm ai đã ngậm vào cái dọc tẩu thì không tài nào bỏ được".

Sực thấy anh, tôi nghĩ ngay đến những lời nói của anh khi trước, và tôi mỉm cười. Thấy thế, anh tưởng tôi vui vẻ vì gặp người quen cũ. Anh không bỏ lỡ cơ hội. Anh gãi đầu, nói luôn:

– Đệ đứng đợi bác ở đây đã được nửa tiếng đồng hồ. Vừa định ra về thì gặp. Thật là trời giúp đệ.

Ô hay! Anh này định sửa soạn câu nói để làm trò gì đây? Tôi lạ lắm. Bởi vì tôi rất biết anh ta. Anh ta có tính khụng khiệng, không cần làm thân với ai bao giờ. Ấy, bởi anh ta kiếm được nhiều tiền quá.

Sự thực, lương của anh chỉ được hơn trăm. Nhưng vì có tài xoay xỏa, nghĩa là có tài ăn cắp của sở, anh kiếm mỗi tháng có khi gần ngàn bạc. Gần ngàn bạc mà chỉ có một vợ và hai con, mà lại không để dành dụm thì tiêu gì cho hết? Vậy mà cứ hết tháng hết tiền.

Riêng khoản cơm đen tiêu riêng vào mồm anh, cũng đến ba trăm bạc. Anh hút toàn thuốc lá thơm. Mùa rét, có đến mười hai bộ áo. Nhất đấy. Không ai sánh kịp ông Soạn cả. Vợ ông chơi như giời. Đó là một người cô đầu, lấy ông không cheo cưới. Tuy rằng chơi, người ta cũng nghĩ đến phận người ta. Bà găm tiền làm vốn riêng. Tháng nào đưa chậm thì bà hét. Ông chồng chán, một tháng nọ, đem tiền đi tiêu sạch. Bà vợ đến làm ầm cả sở lên. Vợ chồng đánh nhau. Tháng sau nữa, bà vợ tính đúng ngày lĩnh lương của chồng lại đến. Vợ chồng lại đánh nhau. Đánh nhau bằng mười lần trước. Thế rồi trong cơn tức giận, mình không làm chủ được mình, bà Soạn lăn ra trước cửa sở mà nói oang oáng những ngón ăn cắp của chồng mình ra.

Ông Soạn mất việc. Nhưng chưa mất vợ. Vợ chồng ông dắt nhau về nhà. Ông bán quần áo đi để hút. Ông lấy tiền riêng của vợ để hút. Ông đem cầm cả đồ đạc đi để hút. Bà Soạn xót ruột, bàn cho ông một kế: mở tiệm. Mở một cái tiệm để lấy tiền lãi ra mà hút. Miệng ăn núi lở, cứ tiêu như thế này mãi, chết mất thôi, mình ạ. Ông thích lắm. Tiệm ông đông khách. Toàn bạn ông cả. Những người trai trẻ. Thoạt đầu, ông chạy lăng xăng hết bàn đèn này sang bàn đèn nọ xem dầu, xem bấc rồi đong thuốc, đưa xái đâu ra đấy. Vài tháng sau, ông nằm bẹp dí một chỗ, không nhìn nhõi gì cả và hút cả vốn của nhà. Việc đong thuốc, ông cũng không màng tới. Vợ ông phải đong thay. Giường số 5, một cối này. Giường số 4, một cối này. Giường số 3, hai cối này? Cái giường và cái cối dần dần thành một câu nói đùa giữa những dân nghiện trong tiệm này. Một ông ăn mặc bảnh đem câu nói đó ra đùa với bà chủ. Vợ chủ tiệm cười. Thế là ông Soạn mất vợ, mất vợ mà không biết. Ông hút nặng thêm lên mãi.

Trong khi đó, cái tình nhơ bẩn giữa bà chủ tiệm và ông khách hút cũng nặng thêm lên. Bà bèn lập kế. Bà nói với chồng rằng: "Tôi xem cơ chừng này thì cái tiệm của chúng mình không sống được. Phải liệu mà xoay. Không có lẽ cứ ngồi nhìn nhau. Âu là cậu cứ coi cái tiệm này. Tôi, cậu kiếm cái vốn cho tôi vào Thanh buôn bán". Ông Soạn hỏi:

– "Biết buôn gì bây giờ?"

Bà Soạn đáp:

– "Thôi thì giấy rách giữ lấy lề. Mẹ tôi trước làm giầu về nghề mở nhà hát. Tôi theo đòi được đôi chút. Bây giờ, tôi cũng tính vào mở

nhà hát trong Thanh vậy. Ở trong đó, nhà hát còn ít, may ra dễ kiếm ăn. Nhờ giời mà khá tôi đánh dây thép ra mời cậu.

Nghe cũng xuôi xuôi, ông Soạn lại hỏi:

– Đã đành thế. Nhưng kiếm đâu ra tiền vốn bây giờ?

– Thôi, cũng đành liều vậy. Được ăn, thua chịu. Cậu cứ bán cái nhà này đi. Ít ra cũng được năm ngàn bạc. Chẳng dám mong nhiều, chứ năm ngàn đó vào tay tôi thì chỉ một năm thành vạn bạc. Thế chẳng hơn là cứ bo bo bom bỏm thế này ư?

Lời nói nghe cũng phải. Ông Soạn bán cái nhà ấy thực. Bốn ngàn ba. Ông giữ chỗ lẻ, còn thì đưa cho vợ vào mở nhà hát trong Thanh Hóa. Quý hóa thay là người đàn bà đảm đang kia! Vừa vào Thanh Hóa được một tháng, bà đã gửi ngay bốn chục ba chục ra cho chồng. Kèm một lá thư. Bà bảo đó là một nửa tiền lãi trong tháng đó. Và hứa tháng sau sẽ gửi một số tiền hơn thế...

... Mở cửa mời Soạn vào chơi, tôi hỏi thăm tình hình sau ra thế nào. Tuy anh chưa trả lời, tôi cũng đã có thể biết đời anh vào chặng này hẳn có những sự biến thiên ghê gớm. Mặt anh tiều tụy. Quần áo xốc xếch. Anh đi một đôi giầy rách, không đội mũ và cái áo trắng anh mặc – lúc đó đương giữa mùa rét – cáu ghét và sờn cả cổ tay. Soạn khúm núm ngồi ở mép giường mà nói:

– Vâng. Các việc trước, bác đã biết cả rồi. Lựa là phải nói. Chỉ có những việc sau này bác mới không biết mà thôi...

Bác ạ, số đệ kiển quá, thành ra toàn gặp những chuyện không may. "Nhà nó" vừa vào Thanh được ba tháng thì thằng cháu nhớn mất vì bệnh đậu. Đệ đánh một cái thư bảo đảm bảo nó gửi tiền ra. Nó giở mặt, chẳng gửi cho một đồng xu nào cả. Đệ bán tiệm đi để chôn cất cháu. Rồi tức tốc đáp tàu vào Thanh tìm nó. Nó ở đàng hoàng với nhân tình nó là thằng Nghĩa, cũng là bạn với đệ và hãy còn thiếu của đệ hơn ba mươi đồng tiền thuốc. Trời ơi! Máu đệ sôi lên. Đệ định trước giết cả hai đứa. Nhưng thân hình thế này thì giết ai? Đệ đành phải ngửa tay xin chúng nó một ít tiền. Gọi là có một chút tiền bán nhà của đệ. Con khốn nạn chối bây bẩy và sai cô đầu đuổi đệ. Ra đến đây, thằng cháu bé lây bệnh đậu của anh nó cũng chết nốt. Thành thử có hơn chục bạc lại đem ra tiêu hết. Thế là hết cả. Nhà không có ở. Cơm không có ăn. Thuốc không có hút. Đệ phải đi nhờ các bạn cũ giúp cho, khi một đồng, khi dăm hào. Hôm qua, ai

cũng đi vắng. Đệ *đét*, phải nhịn suốt một ngày một đêm. Khổ quá. Nghĩ ra, chỉ còn có bác là thương đệ. Đệ đến bác xin bác nghĩ tình mà giúp cho...

Thì ra câu chuyện của Soạn kết cục như thế đó. Tôi không ngạc nhiên gì cả. Trước khi gặp Soạn, tôi đã từng thấy nhiều thanh niên nghiện hút rồi sa ngã như thế và có khi hơn thế nữa. Họ đứng chờ ở những phố vắng để xin tiền đàn bà con gái và nói tiếng Tây để ăn mày bất cứ người đàn ông nào đi ngoài đường.

Tình cảnh họ thật là ái ngại. Tôi thầm cám ơn trời, sáng nay, đã đem đến cho tôi một cái tượng hình bằng da bằng thịt của thần trụy lạc – đứa con tin của phù dung tiên nữ. Càng nhìn, tôi càng sợ. Trí quả quyết của tôi càng mạnh hơn.

"Nếu không bỏ, ta cũng như thế này... Chết thì thôi! Không thể như thế này mãi được. Nhục! Vô cùng là nhục!"

Tôi quay lại bảo Soạn:

– Thôi, thế cũng may! (Tôi vừa nói vừa nắm chắc lấy lọ thuốc cai trong túi áo) Anh lại đây vừa kịp. Bởi vì hôm nay là hai mươi chín, tôi phải về nhà ăn tết. Không có ai coi nhà cho tôi. Vậy anh ở đây. Thuốc kia, anh hút; hỏa lò đấy, đun nước mà hãm; có muốn ăn gì thì nhờ con sen nhà bên cạnh đi mua hộ. Bây giờ, anh cởi áo ra và nằm tiêm giúp tôi mươi điếu.

Tôi cũng cởi áo nằm xuống. Tự nhiên tôi thấy người và cả nhà quay đi. Tôi nôn khan. Năm phút sau, tôi rét run lên bần bật. Từ lúc đó, tôi "chê" thuốc. Nghiện mà đã đến chê thuốc thì nguy lắm. Đồng thời, tách! Cái đèn vừa thắp kêu lên một tiếng ròn. Nhìn ra thì là cái chụp đèn nứt rạn. Nứt rạn một cách kỳ quặc lắm. Từ miệng đèn, một cái vạch thẳng nứt suốt đến gần hết chụp rồi vòng tròn ra chung quanh. Soạn, tỏ vẻ ngạc nhiên, không nói. Sau một lát, anh mới khe khẽ bảo tôi:

– Quái nhỉ!

Tôi ra hiệu hỏi tại sao.

Y nói:

– Chụp đèn mà vỡ thế này là điều không tốt. Người chủ có đèn sẽ ốm to. Tuy thế, vẫn còn may. Nếu nó lại vỡ dọc hết cả chụp thì có khi đến chết. Ông có làm sao không?

Tôi không nói, lắc đầu. Hai hàm răng đánh vào nhau cầm cập.

Tôi nhờ Soạn đắp cái ba đờ xuy lên trên chăn. Vẫn rét như thường. Thì ra sáng nay, dậy sớm mà lại đi sương, tôi phải cảm. Bệnh tôi tăng lên mau chóng lạ lùng. Mắt không nhìn rõ nữa. Chân tay ê ẩm như cá rỉa. Bụng tôi trống rỗng. Tôi có cảm tưởng là một người bằng giấy. Giá không đau đớn gì cả mà cứ lịm đi như thế thì chết cũng là một sự dễ chịu, không lấy gì làm khổ sở.

Trưa đó, và cả chiều nữa, tôi cũng "chê" thuốc, không hút qua điếu nào. Soạn lấy làm lạ, hỏi. Tôi không nói, cũng như tôi không nói cho anh ta biết tôi có ý định cai và mai tôi sẽ vào nhà thương. Không. Nhất định không nói. Cậy răng ra cũng không nói. Thần trùng khảo cũng không nói. Tôi chỉ ra hiệu nhờ Soạn sang bên cạnh, mời ông Ký sang chơi. Tôi nhờ ông giữ cho bộ quần áo tây và gửi một hai đồ vật nhỏ. Về chiều, bệnh tôi nặng đến độ cùng. Tôi cố gắng gượng lấy mấy hào đưa cho Soạn, bảo:

– Anh đi mua giúp tôi mấy miếng trầu và thẻ hương.

Vào khoảng một giờ sáng, tôi lấy một bát nước lã để lên gờ cửa sổ, xếp trầu vào cái đĩa rồi thắp hương lên vọng về phía Nam là phía nhà mẹ tôi, lẩm nhẩm khấn rằng:

– "Cô sống thì khôn, chết thì thiêng, xin phù hộ cho cháu làm được theo như lời cô dạy. Chốc nữa đây, cháu vào nhà thương chữa bệnh. Chết thì chẳng nói làm gì. Nhưng bệnh cháu gặp thầy gặp thuốc mà khỏi, xin cô phù hộ cho cháu bỏ luôn được thuốc phiện và không bao giờ còn hút, dẫu rằng một điếu... Như thế, không những là cô thương cháu, tái sinh cho cháu, cô lại còn giúp cho cả nhà cháu, cứu sống mẹ cháu và làm cho cha cháu cũng được ngậm cười nơi suối vàng".

Khấn xong, tôi thu xếp cả lại rồi hóa vàng. Ngọn lửa bùng bùng lên giữa khoảng đen tối đem cho ta cảm giác những lời khấn khứa và lòng tin tưởng của ta thấu đến tận trời. Tôi yên dạ nằm mở mắt nhìn cái bao la mù mịt của đêm khuya qua cửa sổ. Ôi, trời đất thì dài rộng mà con người ta thì nhỏ, đem cái nhỏ mà chọi với cái lớn, làm sao cho được? Thôi, trăm sự đều trông ở trời!

Chân thì run nhưng lòng hơi vững, tôi lồm cồm bò dậy, ra cửa sổ mà nhìn xuống con đường tối. Ở phòng bên, tiếng ngáy nổi lên đều đều. Thỉnh thoảng, thằng nhỏ lại nói mê lảm nhảm.

Tôi mặc ba–đờ–xuy phủ lên quần áo ngủ, quấn một cái khăn quàng thực ấm, lại quay ra nằm chờ sáng. Năm giờ hơn, tôi soát lại

tiền, thuốc cai và thuốc lá cẩn thận, đập vào vai Soạn ra hiệu nhờ anh dìu tôi xuống nhà. Đến cuối thang, tôi bảo anh lên. Một mình, tôi dò từng bước, đi ra cổng.

Tôi thuê xe vào nhà thương.

XXIII

NHẬT KÝ

29, tháng chạp

Sau nửa giờ chờ đợi, người gác san trong nhà thương dẫn tôi vào một căn buồng rộng. Có tám giường con bằng sắt sơn trắng vừa một người nằm. Bên cạnh mỗi giường, một bàn cao, mặt vuông. *Ma lát* cất những đồ lặt vặt và thức ăn ở đó. Còn thì, toàn là tường trắng. Dưới chân là nền đá hoa sạch như chùi. Tất cả tiết ra một khí lạnh ghê người. Tôi thấy buốt ở xương và ở ruột. Lên ngay giường nằm. Đắp chăn kín, chỉ chừa có hai mắt để trông. Cũng may: buồng tôi có tám giường thì sáu cái có *ma lát* nằm. Giường tôi số 8. Số 5 và số 3 để trống, chưa có nệm và cũng chưa có màn. Tôi cảm giác hai cái giường đó có người chết, phu đem ra ngoài quét dọn, vừa mang vào kê xong. Nghĩ như thế không lâu. Chỉ một phút, tôi đã thiếp đi vì mệt mỏi. Một lát sau, một người *phia mê* đến lay tôi dậy, hỏi tên tuổi và chỗ ở.

– Nguyễn Văn Hoàng, 29k, phố Phúc Châu, Hà Nội.

– Bệnh gì?

– Bẩm, tôi cũng không biết nữa.

Người *phia mê* viết vào một tờ giấy dán lên đầu giường. Ông cầm một cái hàn thử biểu đưa cho tôi cặp nách xem nhiệt độ. Bốn mươi độ rưỡi. Người *phia mê* lại ghi vào giấy. Rồi đi ra.

Tôi chưa biết làm gì thì ông ở giường số 4 đã sang gạ chuyện. Các thứ chuyện ốm đau. Các thứ bệnh. Các thứ người ốm. Ông thuộc tên thuốc như tên cúng cơm của người nhà. Ông gọi đốc tờ không bằng tên thực, nhưng bằng tên hiệu do ông hay các *ma lát* khác đặt ra. Ông lại bảo ông xem bệnh tài lắm nữa. Rồi ông nhìn vào tôi mà bảo:

– Chắc ông bị sốt rét rừng!

Xin chịu ông nói đúng. Ông thích quá chừng. Nhưng cơn đau gan của ông lúc ấy nổi lên. Ông ôm bụng đi về chỗ, rên như một con lợn bị người ta cắt tiết. Đồng thời, ông ở giường số 5 cũng họa theo. Nhưng ông này không rên: ông run. Ông run cầm cập. Những thanh sắt giường cũng run theo. Có vẻ như đùa vậy. Thực ra, ông nặng nhất trong buồng này. Không ai biết bệnh ông là gì. Kể cả ông giường số 4. Chỉ biết rằng ông ở Mường Bo về. Bụng ông to. Mặt ông phù. Ông lại không đi tiểu được. Người ta cầm cái kim to đâm vào bụng, luồn một ống cao su vào bàng quang. Ông đau đớn, chửi rầm cả lên. Cả ngày, không ăn gì. Như thế đã được bốn năm hôm nay rồi. Chết mất!

– Chết mất! Ông nằm giường số 7 ghé đầu sang tôi, nói khẽ, rồi lịm đi.

Đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu là ông nói ông chết mất hay ông bụng to chết mất.

Cùng lúc đó, ông nằm giường số 2 ho như xé ruột xé gan. Ông ở giường số 6 khóc ti tỉ, nửa vì cái bệnh đau ruột, nửa vì nỗi năm hết tết đến mà không về quê để lễ ông bà ông vải được. Không khí thê thảm. Ai cũng đau đớn, rên la, quằn quại. Tôi chỉ lấy làm lạ sao trước sau ông lão nằm giường số 1 không hề động đậy mà cũng không hề rên la. Mãi sau, tôi mới biết là ông nổ mất đầu. Từ chỗ nổ đó, tòi ra một đống thịt to bằng cái bắp cải bốn hào. Mấy hôm trước, ông còn đi được. Đi như một người đội bắp cải đi chơi mát. Nhưng mấy hôm nay, thôi rồi. Ông chỉ còn có thể nằm trơ trơ ra đó, không động đậy, không kêu rên. Hễ kêu rên, động đậy thì đau trong óc, như có hàng vạn hàng triệu con kiến lửa xúm nhau lại đốt.

Chao ôi là một cảnh tượng! Ở đàng trước, ở đàng sau, ở trên, ở dưới, cái chết chóc kêu anh, gọi anh và than thở với anh. Anh bịt tai lại thì trông thấy nó. Cảnh địa ngục chắc cũng chỉ thảm khốc đến thế mà thôi. Kẻ mới vào lần thứ nhất, gan là sắt, cũng phải thấy chán đời. Sinh ra cái kiếp làm người, thật khổ. Ác cho đến mấy, mà đặt vào sống trong cảnh này, tôi chắc cũng sẽ phải mềm gan. Người ta không còn thù ghét nhau nữa, nhưng thấy một cái buồn mênh mông trong cõi đời. Tật bệnh đã làm cho những người nằm cùng một buồng gần nhau lại. Cái đau của người khác như chính là cái đau của mình. Nhưng chỉ một lát tôi dạn dần với không khí ở đây. Tôi hít mạnh vào. Tôi thở mạnh ra. Lúc mới đến, không khí đó làm cho tôi lộn mửa. Tôi thấy rằng nó chứa đựng toàn những vi trùng, hít phải

có thể chết ngay lập tức. Lầm. Tôi hít mạnh vào nữa. Tôi thở mạnh ra nữa. Chẳng làm sao cả, đến trưa, tôi đã hoàn toàn quen với nó. Bây giờ, nó đã là bạn tôi. Tôi mời mọi người hút thuốc. Ba giờ chiều, tôi hoàn toàn có vẻ một *ma lát* đã nằm ở nhà thương ba tháng rồi. Một người đến kê lại cho tôi cái gối. Tôi sốt dữ quá, không cựa được. Một người khác lại rót cho tôi chén nước rồi đi triệu thầy *phia mê*.

Người *phia mê* lại đưa hàn thử biểu cho tôi cặp. Sốt bốn mươi độ sáu. Cắn răng lại không rên, tôi ngủ thiếp một giấc nặng như chì. Dậy, tôi mới biết rằng đã hơn bốn giờ: giờ ăn cơm. Tôi lắc đầu, không ăn.

Ông ở giường số 4 vừa xỉa răng vừa bảo:

– Ông may đấy. Mai, bà *xờ* vào đây phát quà mồng một tết cho tất cả *ma lát* trong này. Có khi cho cả tiền nữa. Đến sáng ngày kia là mồng hai thì đốc tờ mới khám bệnh cho ông được. Mai là ngày nghỉ.

Tôi nằm chờ ngày mồng hai để khám bệnh như một người chết đuối mong có cái thuyền đến vớt.

Mồng hai tháng giêng

Đêm qua là một đêm khổ nhất trong đời tôi. Thịt nhão ra. Xương lỏng ra. Mắt trong ra. Những cơn sốt liên tiếp hành hạ tôi dữ quá. Ruột buốt như cá rỉa. Tôi không ngáp. Tôi không ho. Nhưng tôi buồn chân buồn tay như một người sắp chết bắt chuồn chuồn. Tôi lấy thuốc cai ra uống. Đêm kia, đêm qua, tôi uống mỗi bận mười viên. Đêm nay, tôi rút xuống còn chín viên. Cơn sốt suốt một đêm, không để cho tôi yên một phút nào. Đã vậy, pháo ở chung quanh lại cứ nổ liên tiếp như chọc vào lỗ tai tôi, cứa đứt gân tôi. Tôi nghĩ đến sự giết người. Đồng thời ở bên tai tôi, những lời rên ê ẩm nổi lên như nghiến từng mối sầu trong lòng người. Cảnh chết chóc bày ra cùng trời đất. Quỷ khốc thần kinh. Tôi không nghĩ đến chuyện tôi lại giết tôi. Tôi nhắm mắt. Vẫn không ngủ được. Ở đàng sau, một tiếng kêu thất thanh xé tan khoảng tối đen im lặng. Toàn thân tôi lạnh toát. Mồ hôi tôi toát ra đầy mình. Tôi nằm không thở, lắng tai nghe. Sau tiếng "ằng ặc", một giọng hát cất lên. Tiếp đến những tiếng chửi trời, chửi đất, chửi người. À, ra là những người điên ở đằng sau. Họ đánh nhau với những cái chấn song sắt. Họ lồng lên định chạy ra bên ngoài. Tôi cũng là một người điên đây, trời ạ! Tôi cũng muốn ra bên ngoài ngay

bây giờ. Để làm gì? Chẳng để làm gì cả. Nhưng nếu gặp ai, tôi cũng sẽ chửi như lũ điên kia vậy. Ai cho tôi hút thì tha. Nhưng ai cho tôi hút? Mà ra làm sao được? Tôi bắt đầu thấy việc mình vào nhà thương là dại. Nhưng lỡ mất rồi. Trèo tường trốn, không còn sức. Vả lại, ngộ bên ngoài có đội sếp chạy ra bắt thì liệu có nhục không? Lại đành lăn ra nằm. Không tài nào nhắm mắt. Tôi lại lấy thêm một viên thuốc ra uống. Càng uống, càng ráo. Tôi thấy rằng những người sắp chết, nằm giương mắt ra đấy, không làm gì được cả, thì khổ nhất. Tôi lại ngồi dậy. Như thể có một cái lò xo mạnh bắn lên. Tôi không thể gan hơn nữa. Ruột gan tôi nóng như lửa. Tôi ôm lấy bụng mà rên lên. Rên như thế, không ích gì. Chứng nóng ruột của tôi không vì thế mà đỡ được. Mà những người bệnh khác không vì thế mà trở dậy để làm cho tôi giảm đi được một phần đau đớn. Mặc! Tôi cứ rên là tôi cứ rên! Mặc cho những ai không ngủ được.

Ở nhà thương, những người bệnh thường dậy sớm lắm. Họ dậy từ khi còn tối giời. Kẻ gượng gạo được thì ngồi xếp bằng tròn ở đầu giường, kẻ đau ốm quá thì cứ nằm thẳng cẳng ra nói chuyện. Không ai trông thấy ai cả. Tự nhiên ở trong bóng tối có tiếng nói. Tôi có cảm tưởng rằng mình nghe thấy ma hiện lên ngồi nói chuyện bệnh tật với nhau. Ông ở giường số 1 hỏi tôi và không gọi tôi bằng tên cha mẹ đặt cho. Nhưng gọi bằng cái tên đồ vật. Ông hỏi tôi rằng:

– Ông số 8 nhỉ! Có lẽ suốt đêm qua ông không ngủ.

Ông giường số 4 chĩa sang:

– Ừ, mình cứ cho rằng không ngủ được như số 2 là cùng. Ấy thế mà số 8 lại khỏe thức hơn. Cứ mở mắt lúc nào, y như thấy số 8 đương ngồi dậy ôm lấy ngực, vật mình vật mẩy.

Thì ra ở đây, người ốm không còn là người nữa. Người ốm là các đồ vật, là con số. Tôi là số 8. Tôi là cái giường số 8.

Thày *phia mê* cũng gọi tôi thế:

– Số 8 hôm nay ra khám bệnh!

Bệnh tôi là bệnh gì? Người ta lấy máu tôi để thử. Người ta bảo tôi cởi áo ra để nghe ngực. Người ta bảo tôi thè lưỡi ra như một thằng bé thè lưỡi ra chửi càn.

Và cho tôi về giường. Trưa đó, tôi thấy có người học trò trường thuốc đến lấy cái biển chỗ tôi nằm và thoáy vào trong đó một tràng xích chó. Đó là tên những vị thuốc mà bắt đầu từ mai các thày sẽ tiêm.

Tự nhiên, tôi thấy khỏe ra một chút. Biết rằng những thứ thuốc đó chỉ là những thuốc tẩy độc, bổ máu và tiếp sức, tôi cũng cứ cho ngay rằng nó sẽ giúp tôi tẩy chất thuốc phiện ở trong người và giúp cho tôi thành công trong việc cai chuyến này.

Tôi ngồi bó gối lại và nhất định không nằm nữa, tuy đầu tôi cứ quay đảo như ngồi đồng. Bỗng, một người mặc bờ lu trắng ở đâu đi vào.

– Số 8 đi cân!

Nguyên đốc tờ có cho tôi tiêm một thứ thuốc rất nặng, phải tùy theo sức người cân được bao nhiêu cân mà cho tiêm ngần ấy liều. Tôi ngồi đợi cho người ta đến gọi đi cân vậy.

May quá. Tưởng là phải đợi lâu. Người ta đã gọi đến tên tôi kia kìa. Có bao nhiêu gân sức tôi đem ra dùng hết để mà đứng dậy. Thì vừa ngửng mặt lên, ô kìa:

– Anh vào đây từ bao giờ?

– Anh Lý! Tôi mới vào mấy hôm nay.

Lý là người anh thúc bá với tôi. Anh ta cùng với bác họ tôi làm trong nhà thương này đã lâu. Thấy tôi, anh mừng quá. Anh kể cho tôi nghe hết các chuyện ở nhà tôi.

Thì ra mẹ tôi, chiều 29, nhớ lời tôi dặn, sai thằng Xuân vào đón tôi về nhà. Thằng bé kéo cả một xe bò đi để tải giường, màn, bàn, ghế về cho tôi. Không có ai ở đấy. Soạn khóa cửa đi chơi vắng. Mười giờ, thằng Xuân quay lại. Gặp Soạn. Anh này tưởng mẹ tôi sai nó đi rình tôi, chối bai bải, để chống đỡ cho tôi.

– Không có ông Bằng nào ở đây!

Ai tả được sự kinh ngạc của mẹ tôi lúc đó?

Mẹ tôi cho gia nhân sục đi hết các nơi để tìm.

Anh Lý cũng phải đi tìm giúp, đến gần giao thừa mới quay về.

– Ra anh vào đây ư? Thế mà không nói với ai để cả nhà cùng khổ. Bà khóc vì anh suốt cả ba ngày tết. Chốc nữa, tôi phải báo cho bà mới được.

– Lạy anh, xin anh thương tôi. Anh đừng bảo cho một người nào biết cả. Vào đây, tôi đã tự coi mình là một phế nhân rồi. Tôi không muốn cho một người nào trông thấy tôi tang thương cơ cực như thế này. Mẹ tôi, nếu biết thì khổ lắm. Thà người tưởng tôi chết rồi còn hơn.

Anh Lý ừ ào cho xong chuyện rồi dắt tôi đi cân ở một cái phòng riêng trên gác.

Tôi được 39 cân và 16 gam.

Mồng ba tháng giêng

Tám giờ, tiêm thuốc rồi đi nằm.

Mười giờ, ăn cơm.

Ăn cơm xong, lại nằm.

Sốt suốt từ buổi trưa đến chiều. Rồi rét, rồi ho, rồi rét. Cố ngủ cũng không tài nào ngủ được. Tôi khoác cái áo trấn thủ ra bên ngoài, ngồi trên một cái ghế đá, nhìn những *ma lát* đi đi lại lại. Tất cả những tật bệnh mà trời có thể nghĩ ra để làm khốn khổ loài người đều diễn qua trước mắt tôi. Này là một người cụt đi nạng. Này là một người bị bệnh hoa liễu phá ra, toàn thân mọc mụn nhỏ lởm chởm, mặt như thể một cái bánh đa rắc vừng. Này là một người bị một thứ bệnh kỳ quái, vẹt một nửa trán, mà chân thì đen sạm và to bằng hai cái chĩnh.

Tôi tự cho tôi là còn may mắn hơn bao nhiêu người khác. Ở nhà, tôi cứ tưởng mình bất hạnh nhất trần đời. Có vào đến đây mới biết sự đau khổ của mình không thấm với những người chung quanh. Lạy trời! Trời quả hãy còn thương tôi nhiều lắm!

Tôi về buồng, vật mình nằm xuống, quay mặt vào tường mà khóc. Từ trước đến nay, mình đã phụ lòng trời, phụ lòng người bao nhiêu!

Giữa lúc đó, Lý vào thăm tôi. Anh dặn *bồi san* phải coi sóc tôi chu đáo. Anh lại bảo:

– Tôi đã lấy giấy mang cơm vào cho anh rồi đấy. Mai, thằng Xuân mang vào

– Thôi chết! Thế thì mẹ tôi biết rồi còn gì!

Anh Lý cười hề hề:

– Tôi đã nói hết cả với bà rồi. Có lẽ chủ nhật, bà vào thăm anh đấy.

Lý bắt tay tôi rồi đi lên buồng làm việc. Được mấy bước, anh quay lại hỏi tôi:

– À, còn một việc. Tôi định hỏi mà quên mãi. Anh ở đây, "làm ăn" ra thế nào?

– Tôi nuốt.

– Thế cũng được. Bằng không, tôi bày cho anh một cách. Lúc nào cần, bảo tôi... Ngay trong nhà thương này, không cần phải đi đâu cả...

Tôi cám ơn anh và lấy làm sung sướng đã đánh lừa được một người anh em. Đánh lừa như thế, không lợi gì cả, nhưng tôi thích. Vả lại, trước sau tôi vẫn hết sức giấu không cho người nào biết tôi cai.

Trời ơi! Đau khổ đến như tôi là cùng. Bệnh dằn vặt! Lại thuốc phiện hành hạ! Tôi thấy mình không phải là người nữa, mà thậm chí đến con vật cũng không phải nữa. Mình là một cái giẻ rách nát, tan tác. Tôi tủi thân, giận người bâng quơ. Tôi gắt thằng bé mà tôi cho riêng tiền để cho nó hầu hạ tôi. Tôi muốn chết! Tôi mong chết! Ai làm cho tôi chết được thì giúp tôi! Không ngủ được thế này, khổ lắm. Ngày không ngủ. Đêm không ngủ. Tôi tưởng tượng hôm nay người tôi chỉ còm nhỏm độ bằng cái nắm tay là cùng. Thôi, chẳng biết gì cả, cứ hút đã cho sướng đời. Làm thế nào hút được bây giờ? Tôi nghĩ đến anh Lý. Anh này mách tôi một kế làm cho tôi hút được. Tôi đi tìm anh ngay bây giờ. Ngay bây giờ. Hút, hay không hút đều chết cả. Âu là liều. Thà thế, còn hơn làm con ma chết đói chết khát nơi âm phủ. Tôi khoác áo trấn thủ vào. Tôi sắp chạy đi tìm anh Lý. Tôi chạy đi tìm anh Lý. Lầm rồi, trời ơi! Bây giờ đã sáu rưỡi. Các ông làm buồng giấy đã về hết cả. Hỏi ai? Tôi quay lại. Tôi nằm vật xuống giường, cố nghiến răng lại không kêu. Tôi chạy sang buồng bên cạnh. Tôi chạy ra giường ông số 4. Nhưng ruột tôi vẫn nóng rực lên như lửa. Óc rối như bòng bong. Tôi chết. Tôi chết. Ông số 4, tôi lạy ông. Ông nhìn xem, tôi còn sống được mấy ngày nữa? Có phải tôi sắp chết không?

Không hiểu ra sao, sao ông số 4 không trả lời. Một lát sau, ông gọi ông số 2 mà nói:

– Ông số 2 nhìn xem. Ông số 8 hôm nay đã có sắc mặt đấy chứ!

Rồi quay lại bảo tôi:

– Không, ông ạ. Hôm mới vào mới khiếp chứ! Tôi cứ tưởng là ông chết. Hôm nay có cơ sống được rồi. Việc gì mà chết nữa? Có phải không, ông số 2?

Thoạt đầu, tôi không tin lời nói của ông số 4. Sau, thấy mấy người nhận rằng ông số 4 nói đúng, tôi bắt đầu nghi. Rồi tin là thực. Thực, vì tuy không ngủ được, nhưng bắt đầu từ hôm tiêm, tôi ăn được. Ăn như một người nhịn đói lâu lắm lắm. Ăn như một người đã quên

mất mùi cơm gạo. Thằng Xuân mỗi bữa đem vào cho tôi một phạng cơm. Tôi ăn và tôi nghĩ rằng người ta sinh ra đời mà được ăn cơm thì sướng quá. Có lẽ vì thế tôi khỏe ra một chút. Nhưng tôi cũng chết mất. Thuốc phiện đêm nào cũng hành tôi. Tôi sợ đêm tối như một người tù sợ bị án tử hình. Cứ mỗi khi bóng tối rủ xuống, tôi lại cuồng cả lên. Bởi vì thuốc phiện lại sắp vật tôi. Bởi vì tôi lại không ngủ được.

Đêm này, tôi uống sáu viên, nghĩa là đã rút dần đi được bốn. Tôi nằm im một lúc, nghe.

Bụng tôi réo lên rầm rầm. Tôi nhắm mắt lại. Không ngủ được. Tôi chạy ra đi ngoài. Rồi lại không ngủ được. Ruột hỏng rồi. Dạ dày hỏng rồi. Tôi đi mười hai bận một đêm. Còn hơi sức đâu nữa? Chết mất! Chết mất!

Bao nhiêu gân trong người tôi đều nhão ra. Thịt như bị dần. Rồi ngáp hàng trăm cái. Xương quai hàm tôi kêu công cốc. Giở mình thì xương bả vai cũng kêu lên. Tôi cảm giác bị người ta đánh, không phải hàng chục, không phải hàng trăm, nhưng hàng nghìn trượng. Mình không còn biết gì nữa, không còn nghĩ gì nữa, chỉ thấy rức trong xương trong tủy. Rức một cách ghê gớm. Rức một cách khổ sở. Rức không thể ai tưởng tượng được. Tôi vật mình xuống giường. Không ăn thua. Tôi đập đầu vào tường. Chỉ đau đầu, nhưng xương cốt thì vẫn rức. Tôi ngồi dậy, đi đi lại lại. Vẫn cứ rức như thường. Làm thế nào được bây giờ? Tôi mắm môi mắm lợi, phang hai cánh tay vào những phiến sắt ở đầu giường. Gẫy chân thì thôi, không cần. Tôi không cần tuốt. Chết thì thôi. May quá, tất cả cái buồng tôi nằm không có một con dao. Nếu có, tôi thừa can đảm để mà băm chân, băm tay tôi ra rồi!

Ông số 7 nằm im nghe, dặng hắng:

– Sao thế, hở ông?

Tôi quát:

– Ông giết hết. Ông băm hết. Rồi ông chết đi cho rảnh nợ!

Thấy ban ngày tôi lừ đừ thế mà ban đêm thì hung hăng thế, ông số 7 chép miệng, cho tôi là phát điên.

Tôi nằm xuống và yên trí mình sẽ ngủ được. Không. Mắt tôi vẫn mở to thao láo. Xương vẫn rức. Tôi cắn răng lại để nghe xem rức

xương thế nào. Rức xương thì rức lắm. Tôi muốn khóc rầm rĩ cả lên cho tất cả mọi người cùng phải khổ với tôi. Nhưng tôi rức không khóc được, không mở mồm ra được.

Đêm lặng tờ tờ. Giời im như thóc. Như thế, tôi lại càng tức lắm. Tôi muốn chửi. Nhưng may, ở xa xa có hàng chục người đã chửi hộ tôi kia rồi. Họ chửi ầm ĩ. Họ chửi thình thình. Đó là những người điên. Đêm nào, cứ vào khoảng ba bốn giờ sáng, họ cũng trở dậy chửi lăng nhăng như thế. Rồi họ khóc, họ khóc, họ khóc. Khóc ầm lên, quang quác cái mồm, khóc não nùng như thể khóc con cái, khóc chính thân mình vậy.

Nước mắt tôi trào ra ướt cả gối. Nhiều quá. Chảy ra hai con mắt không đủ, nó trào ra cả lỗ mũi và xuống cả miệng tôi. Tôi không thở được. Tôi nghẹn trong cuống họng. Tôi giãy lên thình thình.

Ấy thế mà lại hay. Giãy lên như thế, cái nghẹn trong cuống họng tự nhiên thoát được ra bên ngoài.

... Thành ra tiếng nức nở. Tôi thở được. Nhưng sợ những người chung quanh đấy biết rằng tôi khóc, tôi cho cái khăn tay vào miệng, nghiến răng, cắn lại.

Mồng bảy tháng giêng

Mẹ tôi vào thăm tôi, khuyên nên về chữa ở nhà. Thoạt đầu, tôi đã hơi xiêu lòng. Bởi vì bài học thuốc phiện của đêm qua, tôi vẫn còn nhớ như in trong trí. Có về nhà thì mới hút được. Có về nhà thì may ra mới thoát khỏi những sự đau đớn ê chề như đêm qua. Cứ độ ba đêm liền như thế thì ai oán quá.

Tôi ngần ngừ chưa biết trả lời bằng lòng hay không thì mẹ tôi rơm rớm nước mắt, bảo rằng:

– Anh cứ nghĩ lôi thôi. Anh về, đứa nào dám khinh anh. Tôi bằng lòng là được.

Câu nói của mẹ tôi nói hôm hăm bảy tết lại trở lại với tôi. "Tôi cho anh mang bàn đèn về hút trên gác đấy". Lòng tôi rối tung lên. Tôi nhớ đến những điều quyết định. Tôi nghĩ đến lòng mẹ thương con. Tôi hồi tưởng lại những cách cư xử của anh em họ hàng "... Tưởng là gì, hóa ra cáo chết ba năm lại quay đầu về núi!"

Tôi tự nhủ:

– Thôi, đành vậy. Chết thì chết, không bao giờ ta chịu về.

Vả lại, nói cho thực, tôi không muốn về, cũng còn bởi ba lẽ nữa. Ba lẽ đó là ba lẽ gì?

Đó là lẽ thứ nhất, lẽ thứ nhì và lẽ thứ ba.

Lẽ thứ nhất là đêm qua, tuy tôi có ý tưởng muốn hút lại, muốn hút một cách khẩn cấp, nhưng sáng hôm nay thì ý muốn đó cũng bớt mạnh đi rồi. Tôi lại vẫn cứ muốn cai.

Lẽ thứ hai là nếu lần này không cai được, tôi không bao giờ còn có dịp cai được nữa.

Lẽ thứ ba là nếu đã muốn cai thì không còn gì tốt hơn ở đây. Tôi mà về nhà thì những cơn thuốc phiện vật, không có một người nào ngăn tôi được. Lâm vào những cơn vật như đêm qua, tôi đã bay đi hút mất rồi còn chi? Ở đây thì khác. Người ta canh dữ lắm. Không ra được. Muốn hút, không hút được. Vả lại, không khí ở nhà thương có khi cũng giúp cho óc mình thêm một chút can đảm để mình tin rằng có thể thành công trong việc cai của mình.

Thế là tôi quyết định. Quyết định không về nhà. Tôi xin mẹ tôi mấy liều thuốc ngủ để uống xem có chợp mắt được phần nào không.

Mồng chín tháng giêng

À không! Phù dung tiên nữ ơi, đến bây giờ tôi mới thực biết nàng có quyền vạn năng, sinh sát. Những câu chuyện rùng rợn người ta vẫn nói cho tôi nghe, để chứng tỏ sự thâm độc của nàng, không đủ biểu dương được một phần ngàn sự thâm độc đó. Có là một người đã từng cai, đã từng bị thuốc phiện hành rồi, người ta mới có thể biết rằng nàng là một con ma gớm ghiếc, hễ ai đã vướng phải thì nàng không từ bỏ cách gì để làm cho người ấy ê chề đau đớn.

Từ hôm cai đến nay, tôi đã dở bao nhiêu chứng: ho, sốt, đau lưng, nóng ruột, điên cuồng, rức xương, buốt ruột... Đã tưởng qua được chặng ấy thì bệnh rút lui, rồi khỏe dần. Không ngờ hôm nay, một biến chứng khác lại xảy đến làm cho tôi cuồng cả lên.

Nguyên do vẫn là tự chứng không ngủ được. Thuốc ngủ uống vào không ăn thua. Khâu mắt lại cũng không ngủ được. Tám giờ tối – ở nhà thương người ta ngủ sớm lắm - tám giờ tối, tôi thắp một ngọn đèn xem sách. Tôi mong rằng xem như thế, may ra mình sẽ quên

được những sự đau đớn trong... một phút. Nghĩa là tôi đọc được độ ba dòng chữ. Sang đến dòng thứ tư, mắt tôi hoa lên, ruột tôi nóng như lửa, tôi rã rời không thể cầm quyển sách trên tay nữa. Thế rồi, ầm ầm như một cơn giông tố, bụng tôi sôi lên và chứng rức xương không biết từ đâu lại kéo đến, dữ dội hơn cả đêm kia và đêm qua. Từ đỉnh đầu cho đến gót chân, tôi tưởng như có hàng vạn con ròi len lỏi vào các thớ thịt, gậm nhấm các gân, xương và rỉa gan, thận, dạ dày cùng lá lách.

Tôi đoán biết trước thế nào đêm nay tôi cũng rức xương như thế. Bởi vậy, suốt từ sáng, tôi chỉ nằm nghĩ cách trừ cái chứng đau quái ác đi. Tôi xem sách. Không ăn thua. Tôi lập tức ngồi dậy thi hành cách thứ hai. Cách làm cho thân thể mỏi mệt, tứ chi rã rời. Đó tức như cái thuyết lấy độc trị độc của nhà bác học.

Tôi cởi quần áo ngoài ra, chỉ giữ độc có một cái quần đùi, len lén mở cửa đi ra sân, tập võ. Mặc những cái rùng rợn. Mặc những sự chết chóc chung quanh. Mặc những điều bí mật ẩn náu trong búi cây lùm cỏ. Tôi bắt óc tôi chỉ được nghĩ đến việc tập võ thôi.

Nằm! Ngồi! Đứng! Giơ tay! Giơ chân! Nhảy! Bò! Bao nhiêu kiểu thể thao Thụy Điển tôi còn nhớ được hay đã trông thấy trong tranh, nhất nhất tôi đều đem dùng hết. Kỳ cho mệt thì thôi. Tôi mệt thực. Tôi vào buồng lấy quần áo mặc ngay, nằm xuống ngủ. Nếu chậm, giấc ngủ sẽ tan đi mất. Hình như tôi ngủ được ba bốn phút đồng hồ. Bỗng nhiên tôi bị giật bắn lên như có một cái lò xo giật mạnh. Xương cốt lại rức như dần. Rức không chịu được. Giá khóc mà dịu đi, tôi ước có một trăm cái miệng để khóc rầm lên một lúc. Tôi quay bên này. Tôi quay bên kia. Ngực tôi càng nóng. Tôi ép bụng xuống mà nằm. Càng nóng lắm.

Tôi vùng dậy, như kiểu một người vợ giận chồng đánh mắng, chạy đi trầm mình. Đố ai biết tôi đi đâu? Làm gì? Tôi lại ra sân. Lại cởi áo ra. Chỉ mặc một cái quần đùi mỏng. Đêm ấy rét. Trăng lờ lờ. Sân nhà thương có vẻ một bãi tha ma trăng dãi, buồn một cái buồn u uất. Mặc. Đã tự mình quyết chí làm khổ cái thân mình thì còn cần gì? Còn sợ gì? Tôi cắm đầu mà chạy! Chạy quanh nhà xác, quành ra gian nhốt những người điên, vòng về chổ mổ, rồi vượt bãi cỏ ra cổng, lộn lại, và cứ thế, chạy ba vòng, đến nỗi không thở được nữa, không kêu trời được nữa!

Hơn ba giờ, tôi mệt như chết, không thể nào cựa được. Nhắm

mắt, yên trí thể nào lần này cũng ngủ được. Nhưng tài thay, mắt tôi cứ chong ra. Thì ra trong khi làm nhọc mệt, mình cũng quên được sự đau đớn trong chốc lát, nhưng hồ nằm yên một phút thì những sự đau đớn kia lại trở lại mà dày vò, dữ dội hơn cả khi nào hết. Tuyệt vọng. Tôi đành chịu thua và đập đầu vào những thanh sắt trên đầu giường.

Bỗng, một hiện tượng lạ xảy ra. Thoạt đầu, tôi cho đó là một sự lầm lẫn của thính giác. Chú ý nghe rõ hơn, tôi cũng vẫn ngờ là chưa phải. Nhưng mười phút sau, mồ hôi toát ra đầy mình. Tóc gáy dựng lên và tôi thấy cái cần cấp bách phải đánh thức những người chung quanh dậy. Hình như tôi đã ngồi nhỏm lên để gọi ông số 4 rồi thì phải. Nhưng không hiểu sao đến lúc cuối cùng, lại thôi. Tôi thôi để lắng tai nghe cho thật rõ một lần cuối, Lần này, tôi thấy quả thực tôi không thể lầm được nữa. Rõ ràng ở chính trong bụng tôi, dưới chỗ mỏ ác, có một tiếng kêu khe khẽ đưa ra. Một tiếng kêu kỳ quái, rùng rợn. Một tiếng kêu như tiếng giun, tiếng dế! Một tiếng kêu không to lắm nhưng ti tỉ như tiếng ve sầu kêu mùa hè, thê thảm não nùng, rồi kéo dài ra, rồi kéo dài mãi ra!

Một người hãy còn sống mà bị chôn xuống đất, chính tai mình lại nghe thấy người ta vứt đất lên áo quan mình thình thịch, có lẽ cũng không ghê rợn bằng tôi lúc đó. "Mình chết rồi hay là hãy còn sống thế này?" Tôi nhắm mắt, ngẫm nghĩ cẩn thận. Biết chắc rằng mình chưa chết – mà hiện đương nằm nhà thương – tôi rú lên một tiếng rồi lấy tay mà đấm một cái mạnh vào giữa bụng. Tiếng kêu vụt tắt. Nhưng một lát sau lại nổi lên và kéo dài ra hơn nửa tiếng đồng hồ mới thôi.

Thế là cái quái gì? Đến tận bây giờ tôi vẫn chưa hiểu là gì cả. Trong lúc hoang mang, tôi đồ rằng đó là tiếng kêu của một con sâu bọ gì lạ lắm, do thuốc phiện sinh ra. Không ư? Theo những người già kinh nghiệm, phàm người chưa đến ba mươi tuổi mà ăn cao hổ cốt, thường sinh ra một thứ sâu đục thủng xương người ta ra. Râu hổ cắm vào cái măng cũng có thể sinh sâu được, người Mường thường đem ra để chài. Lại những kẻ nghiện rượu – vẫn theo những người kinh nghiệm nhiều đã nói – thường mắc phải chứng đầy hơi và đau dạ dày: chứng đó cũng do một thứ sâu – sâu rượu sinh ra nữa! Rượu sinh ra được sâu; râu hổ sinh ra được sâu; cao hổ cốt sinh ra được sâu; thế thì thuốc phiện sao lại không thể sinh ra sâu được? Tôi yên trí tin như thế và tôi lo, tôi lo, tôi lo. Vài hôm nữa, tôi sẽ bị thứ sâu đó đục thủng ruột và da bụng mà chui ra ngoài. Có đến hàng vạn con. Có

đến hàng triệu con. Chúng sẽ đục thủng thân thể tôi mà bò lổm ngổm ra bên ngoài tìm ánh sáng. Chưa biết chừng, chúng sẽ chui ra đằng tai, đằng mắt, đằng mũi nữa. Khiếp! Tôi giựt mình đưa ngón tay lên ngoáy vào lỗ tai, lỗ mũi, xem sao. May quá, chưa có gì. Tuy vậy, ta cũng chớ nên lấy thế làm mừng vội. Chúng chưa ra bây giờ, có khi là vì chưa đủ ngày đủ tháng. Mai, kia thì... phải biết! Run sợ với những ý tưởng đó, tôi như đã trông thấy cái xác chết của tôi nằm thẳng ở trên giường, lỗ chỗ không biết bao nhiêu là vết thủng. Hàng triệu con sâu, con dòi đương từ những lỗ đó bò ra. Y như hệt cái xác cô con gái mà tôi đã đọc thấy trong thơ của thi sĩ Beaudelaire vậy! Ai mà không tởm! Kêu một tiếng không đủ, tôi thấy cần phải kêu lên hai tiếng "Giời ơi! Giời ơi!" Như kiểu Lý Trần Quán, lúc nghe tin học trò cũ là Trang bắt Trịnh Khải nộp Tây Sơn.

"Giời ơi! Giời ơi! Chết vì bệnh gì không chết, lại chết vì bệnh dòi bọ đục khoét thế này, giời có biết không? Nào tôi có làm gì nên tội!" Sáng sớm hôm đó, tôi tìm hỏi tất cả *ma lát* trong nhà thương về cái bệnh "sâu kêu trong ruột". Mỗi người một cách, không ai nói giống ai. Tôi chỉ ghi lại câu trả lời này của ông giường số 7, mà lúc đó tôi cho là đúng lắm:

– Thôi, nhất định ông bị người Mường họ chài rồi.

– Nhưng tôi chưa bao giờ ở với người Mường cả, chỉ đi qua đất của họ thôi.

– Ấy thế mới chết! Ai bảo ông lại đi qua?...

Người Mường họ nuôi ma, ngày ngày cứ thả ra để đi biên tên tuổi những người Kinh lên làm ăn trên đó. Rồi họ ghi vào tờ giấy, làm phép chài con vịt, con chim, con rùa, bọc kim, mớ củi vào trong bụng những người đó, đúng một trăm ngày thì chết.

Nghe câu chuyện nói sưng sưng lên như thế, tôi lại càng sợ lắm. Đó không phải là chuyện lạ. Tôi giống nhiều người sắp chết, không tin ở khoa học nhưng tin ở sự dị đoan ghê lắm. Lúc khỏe, có lẽ những lời nói đó làm cho tôi phì cười. Nhưng lúc này, tôi thấy rằng bất cứ cái gì cũng có thể có được hết, ví có đem hỏi khoa học thì khoa học cũng đến đờ người ra mà chịu.

Quả vậy. Khoa học bất lực thật. Buổi tiêm hôm đó, tôi đem căn bệnh ra hỏi ông học trò trường thuốc thì ông này ngẩn mặt ra:

– Có tiếng kêu trong bụng?

– Tôi đồ rằng có con sâu con bọ gì!

Ông bác sĩ và hai thày học trò phá lên cười. Họ cho tôi là một thằng dở hơi, bịa chuyện, lỡm mọi người. Tôi ngượng, chín dừ cả tóc lên và nghe thấy ba ông thày thuốc nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp:

– ... Nhưng, sao lại không thể như thế được? Có thể kêu được lắm chứ... Song chắc đấy là những con giun con sán...

Mười một tháng giêng

Mỗi ngày, tôi ăn một khỏe hơn. Năm sáu bát một bữa. Buổi trưa lại quà. Nhà tôi sợ có khi ăn lắm nứt ruột ra mà chết, phải cho mang cơm có chừng vào cho tôi. Thế cũng được. Tôi cứ nằm khểnh ra mà đợi ăn. Thỉnh thoảng, khoác áo trấn thủ vào đi vớ va vớ vẩn một lát xem những người ốm trong sân, nghe chuyện lỏm, và cứ thế, tôi béo ra dần dần. Rồi tôi béo trông thấy: từ ba mươi chín cân mười sáu gam, tôi đã lên bốn mươi ba cân. Ai cũng mừng cho tôi. Chính tôi, tôi cũng mừng cho tôi nữa. Tuy tôi vẫn còn chưa ngủ được, nhưng đêm đêm thuốc phiện đã bớt hành hạ tôi. Xương đã bớt rức. Nhưng ruột vẫn hãy còn nóng lắm. Tôi xem mỗi tối được độ nửa trang sách. Như thế đã tiến bộ rồi. Nếu mỗi ngày "nó" cứ giảm đi một ít thế này, tôi có hy vọng may ra thoát chết. Sướng quá! Sướng nhất là sâu bọ chỉ kêu ở trong bụng tôi có một đêm thôi. Tôi đã có ý nghe xem đêm sau điệu âm nhạc đó có nổi lên nữa hay không, tôi nắn từng thớ thịt ở bụng; và tôi lại ngồi dậy, cố gục xuống sát bụng để nghe cho kỹ nữa. Không có tiếng kêu gì cả. Một ông cụ già sắp chết mà lấy được một cô hầu đẹp, không vui thích được như tôi lúc bấy giờ. Nếu cử chỉ đó không là cử chỉ của một người điên, có lẽ tôi đã cầm cái thìa gõ vào chiếc cốc mà hát rầm lên trong bóng tối.

Tính đến hôm nay, tôi đã tiêm tất cả được mười bốn phát tiêm. Toàn thuốc bổ và thuốc sốt, không ăn nhập gì đến bệnh. Nhưng tôi không vì thế mà không phục thuốc tây đâu. Không. Tôi phục lắm. Tôi phục tất cả. Tôi phục cả thuốc ta, thuốc tầu. Trước kia, nằm nói láo ở chung quanh bàn tĩnh, tôi và nhiều bạn vẫn thường tỏ ý hoài nghi y lý. Theo tôi, trên đời này chỉ độc một thứ thuốc kiến hiệu mà thôi: thuốc phiện. Thuốc phiện chữa được hết các bệnh. Ho, rức đầu, sổ mũi, đầy bụng, đau tim, lao và bất lực, cứ hút thuốc phiện vào là khỏi. Bởi đã có một ý tưởng thiên vị như thế nên phàm thứ thuốc gì

không phải là thuốc phiện, chúng tôi đều mạt sát. Bây giờ, tôi mới biết là lầm. Thuốc phiện chỉ là một cái trợ lực. Sự công hiệu của nó chỉ dài bằng cuộc đời của con vờ. Muốn khỏe, muốn chữa được bệnh đến triệt để, người ta phải dùng thuốc: thuốc ta, thuốc tầu hay thuốc tây cũng được. Miễn là phải thuốc. Thuốc đã cứu tôi. Vạn tuế thuốc! Nhưng tiếc rằng vẫn chưa có vị thuốc nào làm cho tôi ngủ được. Nếu có, có lẽ tôi tin thuốc đến hoàn toàn.

Mười bảy tháng giêng

Hôm nay bác sĩ lại kê cho tôi một thứ thuốc khác tiêm vào mạch máu. Đã đành vẫn không phải là thuốc cai thuốc phiện. Trước sau, tôi có khai rằng tôi nghiện thuốc phiện đâu? Nhưng thôi. Thuốc gì cũng được, thuốc gì cũng có ích cho tôi hết. Nếu nó không chữa bệnh thì nó bổ. Mà bổ cho nhiều vào, đó chẳng là điều tôi mong ước hay sao?

Chính vậy. Từ hôm được bốn mươi ba cân đến nay, tôi mến sức khỏe lạ lùng. Tôi như một kẻ nuôi chí làm giàu vậy: có một trăm thì muốn có một ngàn, có một ngàn thì muốn cỏ một vạn, có một vạn thì lại muốn có một trăm vạn. Tôi cũng thế. Lên bốn mươi ba cân, tôi muốn lên bốn mươi nhăm cân, lên năm chục cân và nếu có thể thì một trăm cân, không cần! Bởi vậy, tôi rất chăm tiêm thuốc và tôi rất chịu khó ăn. Mỗi khi ăn và mỗi khi tiêm, tôi yên trí: "Ta sẽ khỏe và ta còn khỏe nữa".

Ý tưởng đó làm đẹp hẳn cuộc đời tôi lên. Ngạn ngữ Tây có câu: "Nếu trông thấy người đội xếp mà biết sợ, ấy tức là bắt đầu khôn ngoan đó!" Tôi muốn đổi ra rằng: "Nếu biết quý sức khỏe, ấy tức là bắt đầu biết sống đó!".

Tôi bắt đầu biết sống thực. Ít ra tôi cũng đã có một lý tưởng nhỏ nhoi trong đầu là muốn sống được ở trên đời, cần phải khỏe. Khỏe thì không yếu đuối. Tôi bám chặt vào ý nghĩ đó và tôi chỉ nuôi một sự mong muốn là mỗi ngày mỗi được khỏe hơn. Bởi thế, những cơn vật vã của thuốc phiện mấy đêm nay, tuy vẫn còn dữ lắm, mà tôi nghiến răng lại coi thường cả.

"Mỗi ngày, cơn vật vã đã giảm dần sức mạnh thì tất một ngày kia phải hết. Cố chịu ít lâu nữa là ta sẽ khỏe thêm, và ta sẽ khỏe thêm ra". Từ đó, tôi thấy sức tự kỷ ám thị cũng mạnh lắm và rất tốt cho người ta trong khi đau đớn hay khổ sở. Ngoài ra, chưa lúc nào tôi lại thấy sách vở đối với tôi có ích lợi như lúc này. Thằng Xuân mang

cơm vào cho tôi, cứ ba ngày lại đưa vào cho tôi một cuốn sách mới mua, hoặc của tôi đã mua từ trước nhưng chưa đọc bởi vì chưa có thì giờ đọc (lúc còn hút, tôi thường lấy những sách ấy gối đầu hay để ở bên cạnh cho có vẻ con nhà văn tự!)

Ôi, có đến lúc này, chúng ta mới thấy sách vở là những người bạn chung thủy quá, những người bạn không bỏ ta lúc khổ mà chỉ toàn khuyên ta những điều bổ ích mà thôi. Ngoài hai bữa cơm, suốt ngày tôi chỉ nằm đọc sách cho đến bảy tám giờ thì đi ngủ. Bắt đầu từ lúc đó, ruột tôi rối rắm, mắt tôi hoa lắm, không tài nào đọc nốt. Nhưng một ngày giời, kể cũng lắm thì giờ. Tôi đọc đã đủ. Không thòm thèm gì nữa. Tôi thích xem những truyện Anh, Pháp, Nga viết về những tấm gương nghị lực và phấn đấu như Jacques Vaucasson, người thợ máy giỏi nhất nước André Boulle, người thợ mộc danh tiếng thời vua Louis XIV; những truyện của Kipling cổ động thanh niên yêu mến đế quốc Anh. Về quốc ngữ, tôi thích hai bộ *Tam quốc* và *Đông chu liệt quốc*. Cũng lạ, hồi đó, không hiểu sao, tôi lại thích anh Mạnh Hoạch trong *Tam quốc* và Dự Nhượng trong *Đông chu* đáo để. Mạnh Hoạch mấy lần bị thua, mấy lần đều không chịu tài Khổng Minh, nhất định phải đánh cho Khổng Minh thua bét. Còn Dự Nhượng vì cảm cái tình của tri kỷ đối với kẻ sĩ, quyết giết cho kỳ được tướng Triệu Trương Tử trả thù cho Trí Bá; Dự Nhượng bị bắt; quyết lại trả thù một lần thứ hai; lại bị bắt nữa; sau đến phải xin cái áo của Triệu Trương Tử đánh ba cái cho đỡ tức... Tôi thường đem Mạnh Hoạch và Dự Nhượng ra so sánh và lấy làm mến hai người đó. Thật là những tấm gương nhẫn nại ít có, những bài học khảng khái không hai. Nằm mà tự xét, thấy mình cũng là người, mà nếu không giữ lòng cho khảng khái được như họ thì nhục quá. Có người tất cho ý nghĩ của tôi là "sáo", nhưng xin thú thật là tôi nghĩ như thế đấy. Và nghĩ mãi như thế, tôi cũng thấy tôi hơi hơi khảng khái thật, không phải đùa. Bởi vậy, những sự khó khăn, những nỗi đau khổ, trước sau, tôi đều tìm cách vượt qua được cả. Vượt qua được bằng một cách không dễ dàng gì, nhưng cũng cứ là vượt được. Mà vượt được như thế, thực nhờ sức khỏe thì ít mà nhờ về trí óc thì nhiều vậy.

Một lần nữa, tôi lại thấy rằng sức khỏe của con người ta có hạn, mà cái mạnh của trí óc thì vô tuyệt kỳ. Xưa nay thiên hạ đánh nhau, thiếu gì nước lấy ít mà được nhiều, lấy yếu mà thắng mạnh? Giống người Gia Nã Đại có tiếng thiện chiến, vào tay một ông tướng tầm thường chửa chắc đã đánh được ai; nhưng đàn bà con gái mà biết

tuân theo hiệu lệnh của Tôn Vũ có thể cho đi chiếm đất của quân Sở được. Sở dĩ được như thế, là vì người cầm đầu biết lấy óc mà dụng mưu mà ban bố những hiệu lệnh tốt cho quân sĩ, nhất là phải gây cho quân sĩ một lòng tin tưởng. Muốn gây tin tưởng như thế, trước hết, kẻ làm tướng cần phải có tin tưởng đã: tin tưởng ở Trời, tin tưởng ở Đất, tin tưởng ở Người. Ba cái đó, người ta muốn tin tưởng ở cái nào cũng được, nhưng cứ phải là tin tưởng. Vốn là một kẻ hèn mà không có trí to mặc dầu, tôi cũng có tin tưởng của tôi. Một lòng tin mới gây được từ khi bệnh đỡ, từ khi có sức khỏe; một lòng tin tưởng không lấy làm lành mạnh lắm, nhưng không vì thế mà không là tin tưởng được. Tôi tin tưởng rằng tôi lại sống và bỏ được thuốc phiện như thế này nhờ về sức thì ít, nhưng vì cô tôi thì nhiều.

Có người đọc xuống dưới đây tất sẽ mỉm cười mà nhạo tôi là một "người ốm" tin láo lếu. Vâng. Ông muốn nghĩ thế nào cũng được. Nhưng tôi thì cứ tin một cách vô khoa học rằng phàm người ta chết, bao giờ cũng còn có cái tinh anh ở lại. Theo trí thiển cận của tôi, cái tinh anh đó biết hết các việc ở trần gian và chú ý đến từng hành vi, cử chỉ của những kẻ thân yêu còn sống. Vậy cô tôi dù đã chết mặc dầu, hồn người chắc đôi khi vẫn che chở cho tôi và phù hộ cho tôi qua những bước khó khăn, trắc trở. Nghĩ thế, tôi lại càng tin rằng sự đời muốn khó khăn, trắc trở đến thế nào đi nữa, cô tôi cũng giúp cho tôi vượt qua, miễn là lúc nào tôi cũng phải tìm hết các cách để mà ăn ở hợp lẽ trời. Chao ôi, lúc cô tôi còn sống, tôi đã phụ cô tôi nhiều rồi; đến lúc cô tôi chết, nếu lại không làm cho cô tôi vui lòng được mảy may, tôi còn mặt mũi nào mà gặp cô tôi nữa. Từ đó, tôi bắt chước người hủi ở thành Aoste. Người hủi này có một người em gái cũng mắc chứng nan y. Hai anh em ở với nhau trong một cái lâu đài hoang phế. Một hôm người em gái từ trần ở trong tay người anh, dưới bóng một cây hạt dẻ. Nàng rằng: "Anh ơi, không bao giờ em quên anh. Em sẽ ở cạnh anh luôn luôn và cầu Chúa cho anh". Người hủi ở thành Aoste trèo lên một mỏm đất cao, nhìn ra cái nghĩa địa chôn em mà khóc. Thỉnh thoảng, cùng theo với tuần trăng, bệnh của y lại nặng lên và day dứt thịt gan. Y cuồng lên, chạy khắp trong rừng mà kêu lên: "Khốn nạn cho mày, thằng hủi! Khốn nạn cho mày, thằng hủi!" Rồi ôm lấy gốc cây. Tiếng đồng vọng ở núi bên kia trả lời rằng: "Khốn nạn cho mày, thằng hủi! Khốn nạn cho mày, thằng hủi!" Thằng hủi chán lạnh cả cõi đời, nghĩ đến sự tự vẫn, nhưng sau nhớ đến những lời dặn cuối cùng của em gái, lại thôi. Y bèn nằm cầu

Chúa và nhớ đến em. Tin rằng em mình cũng cầu Chúa cho mình ở Trên Kia, y thấy nỗi khổ giảm hẳn đi trong giây phút.

Tôi bắt chước người hủi đó và đêm đêm tôi cũng khấn nguyện cô tôi. Có khi tôi khấn nguyện từ lúc hai giờ, là lúc cơn vật vã nổi lên dữ dội, cho đến khi tất cả *ma lát* trở dậy sửa soạn sang phòng thuốc.

Mười chín tháng giêng

Trời đã đền công tôi. Tôi đã thấy một vài phần kết quả. Hai đêm nay chỉ uống mỗi đêm có một viên thuốc mà không đến nỗi vật vã quá như những đêm trước nữa.

Ngày mai, tôi sẽ không uống một viên thuốc cai nào! Ngày mai..., tôi sẽ hoàn toàn thoát ly thuốc phiện! Kìa, trên cây sấu trước buồng tôi, có một thứ vật biết nhảy và biết kêu lên nữa: đó là những con chim. Lá sấu thì xanh, mà tiếng chim kêu thì ngọt: đời là thế đấy! Đời là một cái gì vui đẹp mà nhịp nhàng, một cái gì nhân hậu mà trong sáng, chứ đâu phải là sự tanh tưởi hay nỗi thù oán, sự đen tối buồn rầu hay tính vị kỷ hờn ghen.

Có một nữ sĩ Pháp – hình như là Maryse Querlin – đã viết một câu này về thuốc phiện "Thuốc phiện đem lại cho chúng ta lý tưởng của đạo Phật". Trước kia, khi còn hút tôi cho không gì đúng hơn câu đó. Bởi tôi nghĩ rằng:

Phật giáo là một đạo chán đời, xui người ta đi ở ẩn. Bây giờ, tôi mới biết là câu nói đó sai ghê gớm. Phật giáo đâu có phải là một cái đạo chán đời, ghét thế sự? Đó chính là một cái đạo dạy người ta yêu quý đời sống bây giờ, giác ngộ về lẽ luân hồi, sinh tử, để tạo lấy một đời sống tốt đẹp mai sau. Một cái đạo diệt dục để cho lòng được thảnh thơi mà thấu rõ đến cái yếu lý của vạn vật, mà nhân từ mãi cho đến khi trái tim ngừng đập. Một cái đạo dạy ta nhẫn nhục chịu những lời dèm xiểm của bọn lạc đạo, bất cứ làm gì cũng không mong lợi riêng nhưng chính là để giúp cho những người sống chung quanh ta biết giác ngộ mà tìm theo con đường chính.

Phật giáo rút lại là thế. Phải đâu là một đạo trốn đời, mặc người? Kẻ nghiện thuốc phiện, thân thể hư hỏng, thần kinh suy thoái, tức giận luôn luôn và ghét ghen đời luôn luôn, lại luôn luôn tràn trề một tấm lòng vị kỷ, sao mà "đến gần cái lý tưởng của Phật giáo" được? Sao mà yêu thương chúng sinh cho được?

Kinh nhà Phật có câu rằng: "Mạnh khỏe là phúc hơn hết, vừa lòng là của quý hơn hết". Lại trong kinh Udanaparga của Ấn Độ có câu: "Kẻ nào hoàn toàn trong sạch, không có mảy may tà, cũng như trời thanh trăng sáng. Kẻ ấy ta mới gọi là nhà đạo". Ôi, đạo là thế, nhà đạo là thế, người nghiện hút không có một tấm thân khỏe mạnh thì làm gì mà có được một tinh thần trong sạch? Đã không có hai điều kiện ấy, hắn phải là những người lạc đạo.

Từ khi tôi mạnh khỏe, tôi nghiệm thấy tôi yêu đời. Mà yêu đời, theo tôi nghĩ, thì là yêu những người ở chung quanh mình. Con sâu, cái kiến cũng có một linh hồn. Ngọn rơm hay cuống lá reo lên ở trước nắng tức là ca hát cái sống thiêng liêng vậy. Từ chỗ đó, suy ra vạn vật thì thấy rằng cái gì do trời sinh ra cũng đều là quý cả, nhất nhất ta đều phải kính, từ thân ta mà kính đi. Những việc tôi làm, nhất là việc cai thuốc phiện; tôi không dám lấy làm chuyện phiếm. Tinh thần tôi êm tĩnh lắm. Giấc ngủ ơi, hãy đến với tôi!

Hai mươi tháng giêng

Sáng nay, buồng tôi nằm có một chuyện lạ. Ông số 2, tức là ông *ma lát* "đội bắp cải ở trên đầu" phải mổ. Hai người *"cu li san"*, từ sáng sớm đem một cái ghế vải đến cáng ông lên nhà mổ cho hai vị đốc tờ xem xét và giảng dạy cho học trò trước khi mổ đôi đầu ông ra. Chúng tôi, vắng mặt một người, đều phờ phạc ra và ái ngại. Không biết mổ có thoát chết không nhỉ? Không biết mổ như thế thì có đánh thuốc mê không nhỉ? Không biết mổ như thế thì có khỏi được tuyệt nọc không nhỉ? Hay là cái bắp cải thứ nhất mất đi, nó lại sinh ra cái bắp cải thứ hai? Một người cảm tử, ông số 6, xin phép anh em cho đi... thám thính.

Chúng tôi, còn lại tất cả bốn người, ngồi xúm lại một giường bàn tán và chờ nghe tin tức. Mỗi người một hơi thuốc lào. Hãm nước. Anh em hôm nay khỏe cả, cũng nên ăn mừng một chút. Đương mời nhau uống trước uống sau, một người *cu ly san* và một thầy *phia mê ở* đâu hớt hoảng chạy vào, bảo sửa soạn cái giường số 3. Chúng tôi chưa hiểu ra sao thì từ ngoài tiến vào một cái cáng vải do hai người cu ly vác. Trên cáng, một người trẻ tuổi gầy đét nằm còng queo như một con tôm kho, hai mắt mở trừng trừng mà miệng thì kêu eng éc.

– Bệnh gì thế, hở ngài?

– Làm sao? Làm sao vậy?

– Bị đâm đấy à?

Gian buồng của chúng tôi xôn xao lên một lát như cướp chợ. Ai cũng hỏi thăm nhau. Ai cũng đổ lại xem *con bò* mới. Tôi cũng làm như vậy.

Ồ này, có ai biết sự kinh sợ và ngạc nhiên của tôi không? Tôi tưởng không đứng vững. Tim đập mạnh. Tai ù ù. Ừ phải. Tôi không nhầm được. *Con bò* mới vào đó là anh Tính – anh Tính mà ta đã gặp một lần ở tiệm rồi, anh Tính đã khoe với tôi sáu lần cai thuốc phiện mà không được! Người thanh niên độ nào còn dạy tôi phép cai thuốc đó, bây giờ, chỉ còn là một đống thịt xám bày nhày, tanh tưởi. Anh mê man không còn biết trời đất là gì. Được đặt xuống giường, anh ta nhắm mắt mà không ngớt miệng kêu. Hình như anh ta đau trong ruột gan lắm lắm. Mà có lẽ không phải thế. Anh ta đau cuống họng. Cuống họng anh ta bị trọng thương. Tiếng kêu của anh có vẻ bất thường: nó không phải là tiếng người, không phải là tiếng vật, nhưng là một tiếng rè rè, lành lạnh như tiếng ó ma – lai báo điềm chết chóc trong những rừng miền Nam. Chung quanh miệng anh, thịt nát loét cả ra. Chân tay co rúm lại. Anh vật mình vật mẩy. Miệng lại tứa ra huyết tím.

Bệnh gì kinh thế? Theo lời người biết chuyện, chàng thanh niên này uống nước cường toan tự vẫn.

Nguyên anh Tính là con trưởng một nhà giầu có ở Hà thành. Ông thân anh là một người ít học lấy vợ giàu. Không biết làm gì cả, ông nghĩ ra những cách tiêu khiển có hại: trai gái và rượu. Bà mẫu anh là con một nhà hà tiện. Đôi vợ chồng đó, cố nhiên, phải đẻ ra những đứa con bất thành nhân. Anh Tính là một đứa trong số đó. Đã tiên thiên bất túc, lại hưởng thụ một gia đình giáo dục tồi tàn, anh hút thuốc từ năm lên mười sáu. Hút vì nhàn cư vi bất thiện, mà cũng vì bệnh tật. Đúng như lời anh nói, anh đã bỏ thuốc sáu lần. Nhưng không được. Mỗi lần bỏ, anh lại phát chứng hen. Đã thế, anh lại còn bắt chước ông thân nghiện rượu. Làm thế nào xoay xỏa để tự cung hai khoản đó hàng ngày? Mà hai khoản đó, anh tiêu nào có ít! Thuốc mỗi ngày, hai hộp năm. Rượu, uống chơi cũng hết một chai cúc lớn. Anh đành phải xin vợ – bởi vì anh không đi làm. Vợ anh, cám cảnh với trời: đành là cứ phải chịu đựng ông chồng quý. Sức chịu đựng, dù sao, chỉ có chừng. Một buổi sáng, anh Tính, sau một cơn say thuốc,

mở được mắt thì đã thấy vợ ngã vào tay kẻ khác. Anh chả coi là mùi. Cứ hút. Xin tiền bố mẹ để hút. Xin tiền các em để hút. Rồi ăn cắp quần áo của người nhà và sách vở của bè bạn đem bán để hút. Hút khổ, hút sở. Vợ anh chửi như tát nước. Tủi phận, anh về ở với cha mẹ đẻ. Cha anh uống rượu say, chỉ vào mặt anh mà mắng: "Đồ thuốc sái! Còn dẫn xác về nhà ông làm gì?" Mẹ anh, rẽ ràng hơn, nghiến chặt hai hàm răng lại mà nói như hát một bài sàng – sê – líu: "Mày đi chết đâu thì chết, bà không có thứ con như mày". Cố nhiên là các cô em gái và các cậu em trai phải vào cánh mạnh – nghĩa là theo gương bố mẹ.

– Anh bêu rếu cả nhà. Chúng tôi còn lấy vợ, lấy chồng sao được?

– Coi chừng đấy! Không có lại mất cả giày, áo, hoa tai và vòng!

– Thôi, anh đi đi! Cứ ở thế này, khổ lắm. Người ta giữ được người ngay, ai giữ người gian bao giờ.

Anh Tính khổ hơn con chó ghẻ. Người ta nhổ vào anh và đuổi anh đi. Đi đâu? Sinh trưởng trong một nhà giàu có, và dù sao thì cũng biết một đôi điều sỉ nhục, anh không dám làm một cái biển *ca tông*, dán căn cước vào, rồi đi ra đứng ở các ngả đường, chờ có ai đi qua lại thì giơ biển ra, xoa tai bẹp mà nói tiếng Tây, xin tiền. Anh không đi làm bồi tiêm vì nhiều lẽ. Lẽ chính, là tại anh không biết tiêm điếu thuốc. Không, anh không biết đâu cả. Anh chỉ còn biết làm một việc cuối cùng: bán thắt lưng và áo, mua một chai rượu và một chai át xít. Anh đặt hai chai đó xuống giường, khóa cửa buồng lại và xếp bằng tròn lại, uống. Uống, một chai trước, một chai sau. Chai trước để lấy can đảm, mà chai sau thì để xong cái đời. Kết quả được đúng như ý muốn. Chỉ năm phút, chân tay co rúm lại. Anh cuồng lên như một con hổ vừa bị giam vào cũi sắt. Anh lăn từ trên giường xuống đất; anh nhẩy; anh đập đầu vào tường; anh cào rách bụng ra; anh định bẻ gẫy chấn song để chạy ra bên ngoài, bởi vì anh quên mất không biết mở khóa ra sao nữa. Vừa lúc đó, mẹ anh đi qua: anh gọi, anh kêu, anh khóc. Cũng lạ cho cái thiên lương của người ta! Anh thù oán bố mẹ, thù oán vợ con, thù oán anh em là thế, vậy mà lúc đó thì khác hẳn. Anh chắp tay lạy, xin cha tha tội và khóc, xin mẹ thương tình cứu cho. Tội nghiệp! Đến lúc đó, mẹ anh cũng chưa biết là anh tự vẫn. Bà còn chửi một câu rồi mới cho nậy cửa để vào xem anh làm gì. Cả nhà đổ đến thì đã muộn. Ở miệng anh Tính, trào ra từng cục máu. Từng cục máu đỏ đòng đọc. Anh phục xuống đất, khóc;

rồi vùng lên chạy; rồi chắp tay quỳ xuống mà lạy anh em, bố mẹ, nhận rằng mình "biết dại rồi" và "xin làm thế nào cấp cứu cho anh thoát chết".

Vội vàng, em anh xe vào nhà thương. Nhưng thuốc gì mà cứu nổi? Người ta rửa ruột cho anh được một lúc thì mười ngón chân anh răn lại, xám lại, rồi cả hai bàn chân xám lại. Dần dần, bụng anh xám lại, da anh khô đét như quả táo khô. Thổ ra đến một bát máu tím, kêu eng éc một hồi lâu rồi chết. Ở đời, không thảm gì bằng chết trẻ. Mà chết trẻ một cách đau đớn như thế thật là ai oán!

Suốt một đêm, tôi rùng mình. Trong cái yên lặng của đêm khuya, tôi tưởng như thấy anh Tính đi lại phía giường tôi, kéo chăn tôi dậy để than thở về một kiếp sống não nùng với bao nhiêu cảnh trầm luân, khổ ải gây ra vì thuốc phiện. Hú vía cho tôi!

Cô ơi, cô linh thiêng, xin cứu lấy linh hồn cháu. Cô phù hộ cho cháu bền trí đến cùng. Hút thuốc phiện để rồi chết oan chết uổng như anh Tính thì thảm quá.

Hai mươi mốt tháng giêng

Nghĩ đến cái chết của anh Tính, sáng nay tôi sợ, không ăn được. Lúc nào, tôi cũng nhớ đến nó. Càng nhớ, tôi càng thấy thuốc phiện quả là một con ma gớm ghiếc. Ý định bỏ thuốc phiện càng mãnh liệt ở trong tôi. Hồ nghĩ đến thuốc phiện, tôi lại cố tìm cách đuổi nó ra khỏi óc. Tôi nghĩ đến sức khỏe, đến danh dự và đến linh hồn cô tôi. Tôi xót xa công trình chịu đựng từ lúc vào đến giờ. Tất cả điều tôi mong muốn là cân cho được nhiều cân. Tôi sẽ thực khỏe. Mà khỏe, theo ý riêng tôi, tất thế nào cũng phải nhắm mắt mà ngủ được.

Sướng lắm thì phải khổ; mưa mãi thì phải nắng; mà thức lắm thì phải ngủ. Đó là lẽ tuần hoàn.

Hai mươi tư tháng giêng

Quả thế. Trời ơi! Có ai biết tôi là một người sướng nhất đời không? Tôi dám đem đổi sự giàu sang lấy những cảm giác mà tôi được sống buổi sáng hôm nay đó! Những cảm giác đó là những cảm giác gì! Là: Tôi có thể nói cho thiên hạ biết rằng "Tôi vừa ngủ dậy đây!" Là có ai hỏi: "Anh vừa làm gì thế?" thì tôi có thể trả lời rằng "Tôi vừa ngủ dậy đấy!". Phải, thưa ông. Đêm qua, tôi vừa ngủ được–

ngủ được sau hai mươi tư đêm nằm chong mắt ra chờ sáng, sau hai mươi tư đêm hau háu nằm mong đợi giấc ngủ phản bội, sau hai mươi tư đêm vật vã, thao thức, rên la vì không thể nào nhắm mắt. Ô, thế nhưng mà hết rồi, những đêm ác nghiệt, sầu thảm đó. Tôi đã ngủ được. Tôi đã ngủ được đêm qua. Mà đã ngủ được đêm qua thì đêm nay tôi lại ngủ! Thế là tôi đã thành một người. Nghĩa là ăn được, cười được và ngủ được. Ai có ba điều kiện đó tức là được trời thương. Suốt ngày hôm nay, tôi chỉ ngồi chờ tối để rình xem khi người ta ngủ được thì giấc ngủ đến như thế nào. Đó không phải là một chuyện thường đâu. Ngủ được thì lạ lắm. Ngủ được thì thú lắm. Ngủ được thì tài lắm.

Ba mươi tháng giêng

Hôm nay, tôi ra nhà thương. Tôi chắp tay vái những người đã cứu tử cho tôi. Rồi khóc mà từ biệt bè bạn. Tôi cân lại xem ra thế nào:

– Cân được bốn tám cân, sáu lạng.

. . . .

XXIV

Tôi nhớ như mới ngày hôm qua, cái buổi chiều mà tôi vận quần áo đàng hoàng đi từ cổng nhà thương Phủ Doãn ra ngoài đường. Lòng tôi bối rối. Tôi không biết đi về đâu cả. Về nhà hay về quán trọ? Hay đi tìm một khách sạn nào để nghỉ đêm?

Tính ra, đến hôm nay, tôi ở nhà thương tất cả một tháng hai ngày. Thời gian đó dài dằng dặc. Tôi thấy khao khát một cái gì. Tôi thèm nơi thoáng đãng. À, bây giờ mà về đâu thì cũng uổng cả: tôi phải gỡ những thì giờ đã mất. Tôi thở mạnh, tôi hít vào nhiều. Sợ rằng nếu bây giờ gọi xe đi thì uổng mất cái thú được ngắm cảnh phố xá và người ngựa chen nhau đi lại, tôi nhất quyết đi bộ, và đi thật chậm. Cái gì đối với tôi cũng lạ và cũng đẹp. Lạ nhất là ở ngoài đường không có người ốm. Ai cũng đi được bằng hai chân, không cần dùng đến cái nạng và ai cũng có thể gật đầu, giơ tay, cười nói. Thích thật. Một người đàn ông cầm khăn đưa cho một cô gái. Cô gái đánh rơi. Người đàn ông cúi gập lưng xuống và nhặt lên nhanh như chớp. Giá ở nhà thương, chỉ cái cử chỉ đó người ta cũng mất mấy phút đồng hồ. Ấy là chưa nói rằng cái ông nhặt khăn kia lại biết cười nữa để

gây cho việc nhặt khăn của mình một cái duyên. Cô bạn gái chúm miệng lại và cũng cười cảm tạ. Tình thật! Ở nhà thương, bao giờ lại có cái cảnh ru lòng như thế! Không. Ở đó, mặt người ta méo, miệng người ta lệch, mắt người ta ướt. Người ta không biết cười là gì cả.

Còn ở đây!...

Đây là đường phố. Người ta cười. Cười thì sướng lắm. Người ta đi lại. Đi lại được như thường thì thú lắm. Người ta nói. Nói được với người rằng mình khỏe thì hả lắm. Ấy thế mà đường phố lại còn sạch sẽ và nhẵn lỳ như vừa mới lau xong. Bấy giờ lại là tiết giêng hai, cây cối đương đâm chồi nẩy lộc. Chim hót, chim hót. Tường nhà nào cũng vừa mới quét vôi ăn tết xong. Cửa nhà nào cũng mới sơn. Cả cái nước hồ Gươm, người ta hình như cũng vừa cho vào máy lọc. Tất cả, tất cả đều gây ra một sự hài hòa tiết tấu, nhịp nhàng, gỗ, đá mà có linh hồn thì phải kêu lên: "Được sống thì sướng thật! Được sống thì sướng thật!" Cái mái nhà nếu biết nói, có lẽ cũng cầu trời cho có một cái mũi để ngửi, đôi mắt để trông, hai tai để nghe. Nghe, trông và ngửi cái cuộc đời mà dưới thì có đất nâu và thơm, mà trên thì có trời bát ngát và xanh biêng biếc. Trời, đất và người, còn bài thơ nào hay cho bằng!

Chính tôi, lúc đó, tôi cũng muốn làm thơ lắm. Làm thơ ca ngợi bất cứ cái gì tôi ngửi thấy (tường nhà người ta cũng thơm, bởi vì không có mùi nước đái quỷ hay thuốc vàng) bất cứ cái gì tôi nghe thấy và bất cứ cái gì tôi trông thấy. Nhưng hồ nghĩ được một tứ hay, hồ tìm ra được một chữ đẹp thì những người đi ở dưới đã chen tôi để bước lên. Người ta đẩy tôi, người ta xô tôi, người ta lấn át tôi. Cụt hứng! Và tôi nghĩ: "Ô hay! Họ đi đâu mà đông thế này?" Tôi đứng dừng lại. Hàng trăm, hàng ngàn người kéo nhau đi như nước chảy về mạn nhà dây thép. Té ra hôm đó là một ngày chợ phiên! Không kịp nghĩ hay hỏi thăm xem cuộc chợ phiên đó tổ chức vì nghĩa cử gì, tôi cứ rảo bước xông vào đám đông. Mạnh được yếu thua, ông ạ. Một người, năm tháng trước biết tôi, bây giờ gặp ở chỗ này, liệu có còn nhận được không? Vừa nghĩ thế thì một tràng vỗ tay nổi lên ở giữa đường. Cố nhìn vào, tôi thấy một con phượng kết bằng hoa tiến đến. Rồi một con rùa. Rồi một cái thuyền trên có những dân Hi Lạp ngồi chèo. Rồi một cái tàu thủy. Rồi cái thành cổ trong có hai viên nữ tướng. Mà lạ, sao lại có bạn bè tôi ngồi ở chung quanh.? Thì ra đó là một cuộc thi xe hoa. Báo tôi làm cũng dự vào để giúp vui. Ô tô nhà

báo kết thành một tòa thành mà hai vị nữ tướng ngồi trên kia là Trưng Trắc và Trưng Nhị.

Một người bạn nhận ra tôi trước nhất. Anh kêu:

– Lên đây! Lên đây làm một vòng!

Vốn không ưa sự đông đảo và ầm ĩ, tôi giá phải khi khác thì đã "cám ơn" to một tiếng rồi lùi lại mà trốn mất. Nhưng hôm nay, không hiểu con ma con mãnh gì đã giục tôi? Không nghĩ ngợi, tôi nhảy tót ngay lên ô tô ngồi. Và tôi cũng reo hò. Và tôi cũng vỗ tay. Và tôi cũng ném giấy hoa nhặng cả lên trời. Làm như thế, không phải là tôi vui vì hội. Chính là để tỏ cho mọi người đều biết rằng tôi sướng. Tôi sướng! Tôi sướng lắm, giời ơi! Tôi đã cai được thuốc phiện rồi! Những ngày mai của tôi sẽ luôn luôn vui vẻ như ngày hôm nay. Tôi tin như vậy. Tôi nói to lên như vậy. Nhưng...

Nhưng không. Đời mà vui vẻ mãi như thế thì người ta điên mất. Người ta không phải là voi mà chịu đựng được mãi sự sướng quá, hay khổ quá. Vui vẻ được một đêm, một ngày, tôi đã thấy có một cái gì "nhàm nhàm" ở trong tôi, thú thực, tôi bắt đầu sợ – sợ rằng nếu cuộc đời cứ như thế mãi, ngày nào cũng sướng như ngày nào, có lẽ tôi khổ lắm. Giá có làm ăn gì thì ngày giờ cũng chóng qua đi. Chết một nỗi tôi lại bảo rằng tôi còn mệt, cần phải nghỉ ngơi mươi bữa nữa. Vả lại, chính mẹ tôi muốn cho tôi ở nhà dưỡng bệnh và ăn tẩm bổ cho lại sức! Ấy thế tôi thấy buồn buồn. Bởi vì có cái đời gì lại chia ra như thế này không:

Sáng, ăn rất nhiều cơm rồi xem sách để ngủ. Chiều lại ăn rất nhiều cơm rồi lại xem sách để ngủ. Chỉ ngủ với ăn! Người ta tự thấy là một con vật rất xấu xa mà thiên hạ gọi nôm na là con lợn! Người mà là con lợn thì xấu quá. Thà đi làm một thằng người hư hỏng còn hơn. Không, ông đoán lầm. Tôi muốn hư hỏng, nhưng không muốn hút thuốc phiện. Tôi đã gớm mặt nó rồi. Tôi muốn tìm một thú tiêu khiển gì khả dĩ làm quên được tôi là con lợn. Tôi nghĩ mãi và đã tìm được ra. Đó là uống rượu. Uống rượu chứ! Có thế, họa may tôi mới khác con lợn được. Bởi vì lợn có bao giờ uống rượu đâu! Huống chi, uống rượu, tôi lại còn quên được những sự buồn tẻ của cõi đời và nhất là đỡ hẳn được chứng nóng ruột mà mấy hôm nay tôi lại thấy. Một người bạn vẫn kể cho tôi nghe chuyện một người Pháp uống rượu bợm lạ lùng. Uống suốt ngày không say. "Áng chừng ruột, gan, và ống thực quản của ông ta có chất dầu nên rượu uống vào miệng thì

tuột ra thận, để cho thận bài tiết ra bên ngoài". Anh bạn vẫn nói với tôi như thế. Lại kể thêm rằng: Cái ông người Pháp đó rất lấy thế làm bất mãn nên đã tìm hết các cách để làm cho say. Hơi rượu hồ hả, ông lại phải há miệng ra tu lập tức. Một chai rượu con bèn bẹt, vì vậy luôn luôn phải để túi quần đằng sau. Tuy thế, chưa đủ. Ông phải tổ chức nhà ông thành một cái hầm chứa rượu. Nghĩa là bạ đâu cũng rượu, sờ vào chỗ nào cũng rượu.

Tôi không có cái tham vọng theo gót bực sâu rượu đó. Nhưng mỗi ngày, tôi cũng làm một chai bố mới xong. Uống bất cứ rượu gì. Tôi đã đạt được ý muốn: không nóng ruột nữa. Tôi quên được những sự buồn tẻ trong cõi đời. Tôi ngủ say như chết. Nhưng mỗi khi tỉnh rượu, tôi lại thấy sầu hơn, thiếu thốn hơn. Đôi khi trong óc tôi nảy một tư tưởng cực kỳ gớm ghiếc: "Lại hút. Lại hút xem ra thế nào!"

Thuốc phiện có sự kỳ quặc như thế đó. Ở nhà thương, hàng ngót nửa tháng trời, tôi không nghĩ đến nó và không thèm nó. Có trời hiểu làm sao, mấy bữa nay, nó lại luôn luôn đến làm bận trí óc tôi như một nàng kiều nữ đa tình ở trong những chuyện cổ xưa hiện lên đem giọng nói và điệu bộ quyến rũ chàng thư sinh hiếu học.

Chàng thư sinh muốn rứt bỏ hình ảnh ma quái đi, đứng dậy, hét lên một tiếng, rồi chạy ra sân, múa kiếm. Tôi múa con dao cũng không được, đành là phải chạy vào bàn viết, tìm cái bút và tờ giấy, viết mấy chữ này rất to:

"Cha ta sống lại mà bảo ta hút thuốc phiện, ta cũng không được hút".

Rồi dán lên đầu giường để luôn luôn trông thấy và luôn luôn ghi nhớ.

Hôm sau, tôi lại đổi câu cách ngôn đi:

"Thuốc phiện giết hại cả dân tộc mày, làm cho bao người ở chung quanh mày sống ai oán, chết khổ sở, mày có nhớ không?"

Hôm sau nữa, lại viết:

"Mày mất bao nhiêu công trình, trí lực mới có được ngày nay. Nếu bây giờ mày hút một điếu thì rồi sẽ hút mãi, công tu luyện chẳng thiệt thòi lắm ru?"

Tôi biết. Tôi biết rằng phàm những người đã cai mà lại dại dột hút vào một điếu thì sẽ lại bắt ngay, cũng như tôi biết rằng phương pháp dán giấy lên tường, nhiều bác sĩ người Âu cho là phương pháp hay nhất để tập trung ý chí. Nói vụng các ngài đây, phương pháp đó

hay ở chỗ nào kia. Với tôi, quả thực, chẳng ăn thua gì cả. Tôi vẫn nhớ thuốc phiện như thường. Tôi nghĩ hết các cách để hút một điếu mà không bắt lại. Nhưng không có kế gì cả. Tôi lại càng chán nản hơn. Biết bao phen đương ngồi bó gối trên giường, tôi vùng dậy mặc quần áo đi bơ phờ ngoài phố như một người mất trí. Tiếc rằng ở ngoài phố, nhà nước lại không đóng những cái gương để cho khách bộ hành soi mặt, nên đến tận bây giờ tôi vẫn chưa biết mặt tôi khi đó ra thế nào. Song cứ lấy trí tưởng tượng ra mà xét, tôi cũng thừa biết rằng mặt tôi "lố" lắm. Mặt ông bá hộ đi tìm vợ lẽ; một thiếu phụ mất cắp; hay một chàng trai trẻ tuổi bị tình nhân ruồng bỏ, tưởng cũng chỉ có thể trơ đến thế. Tôi tự thấy là một anh hóa dại si đi chơi ngoài phố mà không biết đương làm gì. Một cái ô tô mà húc vào tôi, có lẽ tôi cũng không biết nữa. Cứ nhè chính giữa đường mà đi. Không phải tôi nuôi ý tưởng tự tử đâu. Tự nhiên tôi thấy được đi giữa đường thì sướng lắm. Nhiều lúc, phu xe quát tôi lên và những người đi xe đạp đẩy tôi ra. Giựt mình, tôi nhảy lên hè đi một lát. Rồi như có ma rủi, lại xuống đường mà đi phè phè ra.

Người ta vẫn thường kể chuyện rằng những người bị ma rủi xuống hồ thường cũng làm như tôi lúc đó. Nghĩa là họ không thích đi trên đất bằng, nhưng cứ thích xông xuống nước. Truyền rằng những kẻ xấu số này thấy ở dưới nước có những lâu đài, dinh thự và vườn tược đẹp hơn ở trên mảnh đất chúng ta đương sống. Họ tiến vào. Nước rẽ ra một mảng. Người ấy bị ma lôi xuống dưới sông, đáy hồ, đáy ao. Chờ cho bao giờ lại rủi được một người khác thì mới có hy vọng lên làm người.

Từ đó, tôi lại càng tin rằng thuốc phiện có ma. Mà con ma thuốc phiện cũng rủi người ta cũng như những con ma ở hồ, ở ao. Tôi nghĩ lại những cơn vật vã ở nhà thương tháng trước, những đêm chong mắt ra không ngủ. Tôi nghĩ lại những điệu bộ hèn hạ của Soạn khi hết thuốc đến gãi đầu xin tôi tiền. Tôi nghĩ lại những bạn bè nghiện ngập của tôi, có người nằm chết ở đình chùa, có người tự tử, và có người, như Tính, co rúm lại mà chết đau chết đớn, bên cạnh đờm rãi và máu tím.

Thôi! Thôi! Thôi! Ghê lắm. Tôi không dám nghĩ nữa đâu. Một điếu, cũng không dám hút. Đành là khổ vậy. Hút để mà đi đến những kết quả ai oán như thế, tôi không dám.

"Miễn là khỏe thì chứng gì cũng hết". Tôi tự nhủ thế. Và tôi lại càng ra sức ăn nhiều. Cách một tuần lễ, tôi lại đi cân một lần. Càng thấy cân lên, tôi càng tẩm bổ. Nghe thấy nói ở đâu có thuốc hay, cũng tìm đến mua. Ngoài ra, tôi lại gia tâm gia sức tập thể thao. Tập đủ các cách. Tập suốt cả ngày. Tập đến nỗi mẹ tôi và em tôi phải kêu lên. Chính tôi cũng phải cho là tập như thế thì ngấy quá. Kết quả thật tốt. Tôi cân được năm mươi mốt cân, bốn lạng. Người tôi to lớn hẳn. Nhiều người bảo là trệ. Không cần. Tôi lấy trệ làm thú lắm. Tinh thần tôi sảng khoái. Tôi nghĩ ra nhiều điều rất hay. Hay nhất là điều quyết định này:

"À, bây giờ ta đã cai được rồi. Tốt lắm. Nhưng cái khó có phải ở sự cai được hay không đâu. Chính là ở sự có giữ gìn được mãi hay không vậy.

Ta cần phải giữ cho lòng khỏi bị ám ảnh, khỏi bị sa ngã, khỏi có ý muốn hút lại, dẫu rằng một điếu..."

Tôi nghĩ bâng khuâng như thế. Sau mãi, tôi tìm ra một cách để giữ không hút lại.

Cách đó thế này:

"Ngẫm kỹ, người ta hút thuốc phiện vì hai cớ: một là buồn quá, hai là sướng quá. Nhưng dù sướng quá hay buồn quá, muốn hút người ta cũng cần phải có tiền. Tôi cũng thế: tôi hút bởi vì tôi có tiền của tôi. Tiền đó, không phải đem nuôi ai cả, nên tôi tiêu láo lếu. Nếu bây giờ tôi không có tiền nữa, tất là tôi giữ được. Bởi vì không có tiền nữa thì ai bán thuốc cho tôi".

Ấy thế mà lại hay kia đấy. Tôi suy nghĩ rất kỹ càng trong một đêm nữa. Sáng hôm sau, viết một bức thư gửi đến tòa báo tôi làm với mấy câu giản dị. Đoạn, tôi nằm bắt chân chữ ngũ nhìn lên xà nhà. Một mối tự kiêu nở lên trong lòng tôi như một đóa hoa bé nhỏ. Tôi thấy mình là một vĩ nhân, một người can đảm. Chớ ai cười: tôi thấy tôi anh hùng như Câu Tiễn, Tiễn căm thù Phù Sai đã bắt mình làm một thằng tù ở nước Ngô. Không lúc nào không nghĩ đến chuyện diệt Ngô. Khi nào buồn ngủ lại lấy cỏ lục mà đánh vào mặt. Chân lạnh muốn rụt thì lại dấp nước vào. Mùa đông thường ngồi gần nước băng, mà mùa hạ ngồi gần đống lửa. Xếp củi mà nằm lên trên, không dùng giường nệm; lại treo quả mật ở cạnh chỗ ngồi, thỉnh thoảng nếm một tị cho đắng miệng.

Không. Tôi không nằm gai mà tôi cũng chẳng nếm mật làm gì. Muốn giữ cho mình lúc nào cũng xa thuốc phiện, tôi cho là làm cách nào để không có xu mà tiêu nữa, là ổn nhất. Làm được như vậy, tôi cho là hay lắm. Bức thư tôi gửi đến nhà báo, chính là bước đầu tôi tự đầy đọa thân tôi. Tôi đã thành công rực rỡ. Tôi không thể hút được, tôi lại còn không thể đi chơi vớ vẩn. Ai còn lạ gì đất Hà thành. Một bước ra đường, một tốn. Không có tiền trong túi, xin mời ông nằm nhà.

Thì nằm nhà, chính cái điều tôi mong! Tôi bắt đầu lại tập đọc sách như hồi còn nằm nhà thương. Bạn bè, hàng ngày, đến thăm tôi, như đến thăm một vị ẩn sĩ nằm trong núi. Tôi chẳng thiết trò chuyện cùng ai. Lắm khi, tôi cũng không biết rằng họ định nói gì. Tôi không nghĩ đến thuốc phiện đâu nhưng lúc nào cũng thấy nhớ một cái gì: óc tôi rỗng, bụng tôi rỗng, mà chân tay tôi cũng rỗng. Chàng Lưu, Nguyễn mơ cảnh hoa đào nước suối có lẽ cũng chỉ bâng khuâng buồn đến thế mà thôi. Tôi e rằng đó là một triệu chứng giở sẽ sinh ra tai họa. Nhưng biết làm sao được? Tôi bưng mặt khóc. Nhưng lúc buồn nhất, thấy mình sắp sa ngã, tôi lại gợi hình ảnh của cô tôi trong óc. Tôi lầm thầm khấn nguyện và – lạ thay là sự tin tưởng! – Tôi thấy yên dần. Mỗi lúc, tôi lại thấy phấn khởi lên một chút. Tôi yên trí rằng cô tôi, ở trên kia, đang phù hộ cho tôi. Tôi lạy cô. Tôi khấn cô thương lấy tôi mà gạt bỏ những tư tưởng càn rỡ của tôi ra khỏi óc. Đồng thời, tôi lại bảo tên bồi tiêm cho tôi – lúc này y đã trở lại làm ở tiệm rồi – lúc nào rỗi rãi thì đến với tôi nói chuyện. Tôi thích nghe y kể những chuyện cai thuốc phiện lượm lặt được ở tiệm và tôi muốn biết cả ý kiến của những người trước kia hút cùng tiệm với tôi. Dư luận đó phiền toái lắm. Chỉ có một hai người cho rằng tôi bỏ được. Còn một trăm người đều bảo: "Có mà bỏ ăn!" Bỏ ăn? Đó là một lời nói mỉa. Họ muốn tỏ ra rằng tôi bỏ bố vờ. Nay mai lại bổ đi hút ngay đấy chứ gì! Cứ bỏ mãi, ông cho thì chết sớm!

Nghe mà tức quá. Tấm lòng tự ái, tưởng đã mất, bỗng sôi lên. À, họ đã nói thế thì được, được. Rồi ta sẽ cho họ xem ta là một thằng như thế nào. Người khác không bỏ được mà ta bỏ được thì mới giỏi!

Tôi bèn hỏi tên bồi tiệm:

– Thế anh? Anh cho rằng tôi có bỏ được hay không?

– Ông hỏi như vậy, không thể đáp được. Thôi thì con cũng cứ chúc cho ông bỏ được tiệt nó đi. Nhưng ông phải cẩn thận lắm lắm.

Theo lời người ta nói với con, cái nghề bỏ thuốc phiện này dai dẳng lắm, một hai tháng chưa nước gì. Đấy, xem như ông Ba Quảng. Bỏ được bảy tháng rồi, ai chẳng tưởng là thoát hẳn. Vậy mà sang đến tháng thứ tám thì nó sinh ra chứng giật gân, méo mồm, phải hút lại ngay. Ông Ích cai năm tháng rưỡi, sinh ra đau bụng đi kiết rồi chỉ có một tuần chủ nhật, róc cả thịt đi, "nằm trên giường mà trông như một bộ xương ở trường thuốc người ta lấy giấy bóng dầm nước phiết ra bên ngoài". Lại vừa đây, ông có biết không? Ông Thường Sơn vẫn nằm nói chuyện với cô Paulette ấy mà!... Chết rồi, ông ạ.

– Chết rồi? Làm sao?

– Cũng tại cai thuốc đấy. Ông ta dùng một thứ thuốc cai tài lắm- nghe như có mật ong và lòng trứng. Bỏ hẳn. Hút vào thì hen. Trông thấy thuốc phiện thì sợ. Ai chẳng mừng. Vậy mà ba hôm trước đây, chết rồi. Chết đột nhiên quá. Y như là mộng.

– Có ai biết ông ấy chết vì cớ gì không?

– Cả tiệm nói về ông ta không ngớt. Theo lời ông Bính, ông ta chết vì hư hỏa. Thế này: Phàm người nào mà nghiện thuốc rồi mà cai thì hư hỏa bốc lên gớm lắm. Nó làm cho cuồng lên và chỉ ròng nghĩ đến đàn bà. Mà chân thận thì lại kém. Ông Ích, nghe đâu cũng thế. Mà vợ ông ta lại đẹp và hình như lại khỏe. Một tối kia, hai vợ chồng đi ngủ: chẳng làm sao. Đến sáng dậy thì ông chồng đã chết còng queo ở bên vợ từ bao giờ rồi. Mắt cứ vàng ra. Thịt mềm mại như sợi bún. Cả tiệm rất sợ. Một vài ông ngâm câu:

"Mẫu đơn hoa hạ tử.
Tác quỷ dã phong lưu".

... Nhưng ông tính, chết như thế thì lấy gì làm sung sướng! Thiên hạ người ta đàm tiếu cho như ó...

Nghe mà phát sốt phát rét cả người! Trong một phút, lòng tôi bủn rủn. Nhưng lát sau, nghĩ đến người cô linh thiêng lúc nào cũng phù hộ cho tôi; nghĩ đến công mình chịu đựng bao nhiêu sự khổ não để cai cho được đến ngày nay; nghĩ đến những lời nói tức của thiên hạ "cho rằng tôi không bỏ được" tôi lại thấy bừng bừng cả người lên. Ý định "phải bỏ cho kỳ được" ở trong tôi thêm mạnh.

"... Người khác không bỏ được mà ta bỏ được thì mới giỏi... Người khác không bỏ được mà ta bỏ được thì mới giỏi... Người khác không bỏ được mà ta bỏ được thì mới giỏi...".

Những lúc đó, tôi càng thấy cô tôi là một hình ảnh cứu vớt rất cần thiết cho tôi. Rất khổ là những ai bỏ thuốc mà không có một linh hồn để che chở, một hình ảnh để thờ phụng và một nguồn thương để suy xét và tự lấy làm điều răn! Ví có phải chết, tôi cũng cam tâm. Phụ một người đã thương yêu mình và che chở cho mình, điều đó, không khi nào tôi dám. Muốn cho trí óc đỡ vẩn vơ lo nghĩ, tôi đọc những chuyện anh hùng, liệt nữ. Tôi vào thư viện mượn sách y học để khảo về nhiễu chứng của thuốc phiện và xem những cái hại do thuốc phiện gây ra.

Quả như lời tên bồi tiêm đã nói!. Chừa được hơn một tháng, nhiễu chứng chưa thể nào hết được. Mấy hôm sau, một nhiễu chứng đến thăm cái bụng tôi thật và làm cho tôi lo sợ. Tôi sinh ra đau bụng lạnh dạ, mệt đứt ruột. Có lẽ một người khác thấy thế luôn một tuần lễ đã hoảng vía lên mà hút lại. Nhưng tôi, nhờ giời, tôi tập được cái tính kiên gan, nên nhất định không hút "xem ra thế nào". Đồng thời tôi hết sức tìm ở các sách ta và dò hỏi các ông lang có tuổi xem nên uống vị gì cho khỏi. Người thì bảo tôi lấy huyền hồ với cam thảo sắc lên uống. Người thì bảo tôi lấy bột phòng phong một lạng hòa với nước giếng mới gánh mà uống. Người thì bảo tôi lấy mía sơn rượu vắt nước, hòa với gừng mà uống. Chẳng sợ công thuốc gì cả, tôi cứ uống bừa bãi đi. Tôi lại uống cả lá ổi sao vàng nữa. Thế rồi thì khỏi, không biết vì thứ thuốc nào. Nhưng hai hôm sau, mẹ tôi trông tôi, ngạc nhiên mà nói rằng:

– Tôi trông mặt anh hình như nặng ra thì phải.

Thoạt đầu, tôi không tin. Cầm lấy gương soi và không thấy gì khác cả. Nhưng hôm sau, ai cũng nói như mẹ tôi. Tôi bắt đầu lo sợ. Đến ngày thứ tư thì chính tôi cũng nhận thấy tôi phù thật. Chân tay tôi to ra và cử động khó khăn. Mặt nặng. Bụng cũng lớn. Chân tôi không đi được giầy nữa. Quần áo tôi mặc căng ra. Tôi cầm lấy gương: ối ông Há -đi ơi! Mặt tôi to bằng cái chảo sắt hai hào rưỡi!

Không có lời nào tả được nỗi lo sợ của tôi. Lại hàng trăm người mách thuốc. Lại đi mượn sách thuốc về xem. Lại hàng mấy chục cái đơn kê giúp. Một người lên bộ mặt thương xót, bảo tôi nên hút lại. Tôi cười. Thuốc ta không khỏi thì tôi tiêm thuốc tây, cần gì! Tôi vẫn là một con bò mộng. Mặt cứ bủng ra. Mắt híp lại như hai sợi chỉ. Tiêm, vô ích. Tôi lại uống. Uống thuốc tây. Uống thuốc tây, không ăn thua. Thì tôi lại uống thuốc ta. Hai tháng đã qua. Tôi gần như tuyệt

vọng. Bây giờ thì có đến hàng chục người bảo tôi: "Thôi, hút đi. Không có lại chết sớm... Có trông thấy thằng gì đấy không? Đến lúc cùng đường, phải hút lại đã muộn. Hà hơi vào cũng không được nữa".

Mẹ tôi không nói gì cả, cứ gia công đi tìm ông lang và đi lễ, xin thẻ cho tôi. Đọc nét mặt người tôi thấy rằng người sợ lắm. Giá tôi có một câu: "Phải hút lại không có thì chết mất" mẹ tôi có lẽ cũng nghe ngay. Nhưng thà là tôi chết!... Còn hơn là để cho mẹ tôi chết vì thấy cái mộng mới nhóm lên tan vỡ như cái bong bóng xà phòng. Từ thủa bé tới giờ, chưa lúc nào tôi lại gan lì như thế. Tôi cứ gia công mà uống thuốc. Có ngày đổi thuốc đến ba lần. Mỗi lần uống một thứ thuốc mới. Tôi lại khấn cô tôi. Làm như thế, tôi thấy lòng thêm vững. Rồi tôi yên trí là thế nào cũng khỏi. Càng yên trí hơn nữa là lá số tôi đại hạn hồi đó không có một sao gì xấu quá mà tiểu hạn thì lại có Thiên đồng, Thiên hỉ, Hoa cái là những sao cũng khá. Ấy thế mà cứ tin nhảm như vậy lại hay. Tôi tin rằng không chết, nên tôi không cần hút lại. Muốn ra thế nào thì ra.

Một buổi sáng, mẹ tôi lên gác bảo:

– Hôm qua mợ lên đền Sóc xin một quẻ thẻ cho anh. Lạy ngài, ngài thiêng lắm. Xin ba lần mới được. Mợ mượn mấy người đoán giúp thì thánh đều dạy là bản mệnh vững vàng, thế nào cũng gặp quý nhân phù trợ. Đây này, cất đi. Còn gói này là gói thuốc lá, mợ vừa mua khi nãy của một người Mường bán thuốc ơ. Mợ cũng kể bệnh của anh như thế. Người ta đưa cho nắm lá này, bảo sắc vàng lên, hạ thổ một lúc rồi đem sắc lên mà uống. Cái thuốc này không biết thế nào mà nói được. Có khi hàng trăm, hàng nghìn không khỏi mà có khi chỉ một vài xu lại khỏi, cũng không biết chừng. Vậy mợ bảo sắc lên anh uống nhé. Biết đâu quẻ thẻ lại không ứng vào người Mường này, mà đó lại chẳng là một quý nhân?...

– Thôi, bây giờ thuốc gì thì con cũng uống. Mợ cứ bảo sắc đi.

Tôi không khó tính. Mà tôi cũng không lóe mắt vì cái lạ của người, đi miệt thị của mình. Không. Tôi cho là ở đời cái gì cũng có thể làm cho ta chết được mà cũng có thể làm cho ta sống được. Biết đâu... Biết đâu... Tôi uống chén nước thuốc lá đầu tiên, đầy những tin tưởng vui tươi trong óc. Rồi nằm yên lặng ngủ một giấc. Dậy, tôi thấy rằng thứ thuốc đó có tính cách thông tiểu tiện, mà lại làm cho biết đói. Tôi ăn nhiều hơn một bữa. Lòng tôi như cũng như nở nang hơn. Sáng hôm sau, quả thực là kỳ tài, ông ạ. Người tôi nhẹ hẳn đi bốn

phần. Tôi đem chỗ nước thuốc còn thừa uống nốt. Cả ngày tôi sôi bụng. Việc tiêu hóa rất dễ dàng. Tôi chỉ còn phù độ ba phần mười trước. Thú quá. Tôi thấy nhẹ thênh thênh. À, kiên tâm cũng có khác. Mấy hôm nọ mà nhát gan thấy phù đã hoảng lên đi hút bây giờ tôi đã nghiện lại mất rồi, còn đâu! Phải cố uống thêm một lần nữa mới được. Nhưng lá hết mất rồi. Mẹ tôi ngồi cả ngày ở cửa hàng để chờ người Mường bán thuốc ơ.

Người bán thuốc ơ đó ngẩn ra mà nói:

– À, cái lá, hôm qua? Thế nhưng mà tôi hết rồi.

Người Mường kia không làm tiền đâu. Mụ bảo mẹ tôi:

– Nhưng cụ không lo. Tôi bảo thực. Đó là lá phèn đen đấy. Cụ cho ra chợ mua độ ba xu thì khỏi.

Ba xu lá, tôi uống hai ngày. Chưa hết, đã khỏi như người thường. Tôi giơ chân. Dễ chịu lắm. Tôi vỗ đôm đốp vào bụng. Không có gì là trướng cả. Ông ơi, bà ơi, tôi khỏi rồi. Vạn tuế lá phèn đen! Tôi muốn chạy vòng quanh Đông Dương, và đến tỉnh nào cũng gân cổ mà kêu lên như thế. Hơn nữa, tôi còn cho lá phèn đen là thuốc tiên, có tính cách tiêu trừ bách bệnh. Nào thuốc phiện muốn giở trò gì thì giở! Lá phèn đen! Nào nhiễu chứng gì muốn phát ra thì phát! Lá phèn đen! Tôi thách phù dung tiên nữ với cả ổ nhà nàng đấy! Đã có lá phèn đen đây rồi! Đã có lá phèn đen đây rồi! Đã có lá phèn đen đây rồi!

Suốt một tháng giời, tôi nằm đợi những biến chứng khác của thuốc phiện. Chẳng thấy gì khác cả. Tôi yên tâm lắm lắm. Tôi lại càng ăn khỏe. Tôi lại càng uống thuốc khỏe. Và tôi càng khỏe. Tính ra năm tháng sau khi cai, tôi lợi ra tất cả được mười sáu cân. A, cái đó không phải là ít ỏi. Tôi biết có người tẩm bổ suốt đời mà không thể lên được năm cân thịt. Chỉ có nửa năm mà tôi lên cân như thế, há chẳng phải là một sự sung sướng mà nhiều người cầu không được?

Vừa lúc đó, một người bạn cũ trả tôi một số tiền. Tôi đem trả hết cả những nợ sái sảm cũ còn lại. Nhân dịp, tôi muốn từ biệt ả phù dung lần cuối. Tôi đến chào vợ chồng ông Ký ở cạnh nơi tôi trọ và biếu cái bàn đèn của tôi. Đến nơi, không có một người nào cả. Thì ra vợ chồng ông Ký đã bị nhà đoan cho ngồi tù từ bao giờ rồi. Mà cái bàn đèn của tôi thì anh Soạn đã đem đi bán rẻ lấy tiền để hút. Thôi, cũng may. Tôi đoạn tuyệt được hẳn với thuốc phiện, không còn gì

dính líu với tôi hết cả. Cái bàn đèn của tôi hiện có lẽ đang tản mát mỗi nơi một thứ. Đố ai tìm được di tích có một hồi tôi nghiện đấy!

Tôi bước nhẹ trên đường. Hoa nở dưới chân tôi. Tôi là tiên hạ giới.

Sướng thế này mà không đi chơi đây, đó thì cũng uổng mất một đời trai trẻ.

Còn bao nhiêu tiền, tôi đút kỹ cả vào trong túi áo rồi lẳng lặng về xếp áo quần vào va ly. Tôi nghĩ một ngày. Tôi nghĩ hai ngày. Tôi nghĩ ba ngày.

Rồi, không nói với ai cả, tôi xách va ly ra tàu.

Tôi đi Sài Gòn.

"Những người nghèo là những người được Trời thương. Những người đau khổ là những người được gần Trời nhất..."

Tôi không nhận như bà Selma Lagerloff phàm người nghèo khổ đau đớn nào làm điều lỗi thì cũng được lên thiên đường. Nhưng sau một cuộc đi xa trong bốn năm trời, tiếp xúc với những cảnh đau thương cơ cực, tôi thấy rằng cái khổ quả là một bài học mà Trời đem đến để giúp ích người ta. Những người thật được Trời thương xót, Trời mới cho đau khổ.

Ngẫm lại một quãng đời đã qua, tôi thấy như tỉnh một giấc chiêm bao và giật mình thon thót. Ôi, nếu cứ nhờ cha mẹ cơm ăn áo mặc, rồi có bao nhiêu tiền thì để dành đó mà hút rồi say, nằm tơ mơ tự tôn tự đại thì bao giờ lại biết được rằng ở dưới gầm trời này có muôn ngàn cách sống khác nhau thế này? Bốn năm trời... Khi thì ở với dân Hời ăn đu đủ trừ cơm rồi tắm suối và nhìn những cái tháp xưa; lúc thì làm giám thị giữa đất Sài thành hoa lệ; lại khi chung đụng với phu phen ở giữa rừng, trên một mảng phên con và nghe tiếng cọp gầm ở bên kia núi! Bốn năm trời cơ cực đã dạy cho tôi nhiều lẽ phải, điều hay và đã thay tâm đổi tính cho tôi không biết bao nhiêu mà kể. Thấy người ta chắt chiu cái sống, chịu hết các sự đau khổ để mà sống, miễn là sống, tôi thấy hối hận mình đã có một thời kỳ coi khinh coi thường cái sống của Trời cho. Một ý muốn làm cho những ngày còn thừa lại của đời mình có một ý nghĩa lúc nào cũng thúc giục tôi. Tôi không dám còn có cái cao vọng làm nên vương tướng. Nhưng tôi muốn rằng sẽ được sống như những người phu phen kia, những người thư ký kia, những người Mọi kia. Như thế, có lẽ trước, tôi cho là không có nghĩa gì cả, là sống y như chết; nhưng bây

giờ thì tôi thấy sống như thế kể cũng đã là khó lắm. Sống không ích kỷ. Sống mà chịu đựng được những sự đau khổ ở trên đời này, không kêu than. Sống mà giữ được cái đạo giời ở trong tâm và thương yêu những người chung quanh mình. Lòng tự phụ ở trong tôi giảm bớt đi. Những mối oán thù xã hội; những tư tưởng bất nhân, bất nghĩa, bất trung, bất hiếu; những ý định giết người (vì tự mình cho mình là có thiên tài thì có quyền giết được người) chẳng mấy lúc tiêu tan hết. Chính tôi thấy một sự thay đổi lớn ở trong tôi như ánh sáng đến thay thế cho đêm tối.

Thì ra đến giờ tôi mới biết rằng: cai được thuốc phiện thì lòng mình gột được hết cái nhựa đen đi, đó là việc đáng mừng. Nhưng đáng mừng hơn cả là tâm óc mình, một khi mình cai được thuốc phiện, cũng gột được hết những ý nghĩ và tư tưởng xấu xa, hèn hạ.

Tìm được lý tưởng đó trong việc cai của mình, tôi thấy vững dạ vô cùng. Nhiều lúc tôi tin rằng không bao giờ tôi lại còn bị tiên nữ phù dung lung lạc được.

Chính đó là điều cần. Bỏ thuốc phiện mà lúc nào sợ rằng mình có thể mắc lại, không lấy gì làm chắc chắn. Người ta luôn luôn thắc thỏm. Mà thắc thỏm, theo ý tôi nghĩ, chỉ có cái ý là mình lại không tin mình.

Không, bất cứ việc gì mình làm, ta cũng phải tìm cho nó một cái nghĩa. Cái nghĩa đó tìm ra thì mới có thể có một lòng tin được. Tin rằng mình không hút nữa, tôi thấy lòng thanh thản hẳn và không còn hồi hộp. Tôi thấy hoàn toàn là một người thanh khiết, như chưa từng bao giờ thưởng cái vị phù dung. Khác một chút là người nào chưa từng thưởng cái vị phù dung không thể biết sức mạnh gớm ghiếc của nó ra thế nào.

Ai cũng có thể bị nó lung lạc được. Nó không thích những người nói khôn. Kẻ nào mà chửi nó thì nó thù nó oán. Tôi đã từng biết nhiều người đã làm những việc bẩn thỉu vào cái bàn đèn, và có khi lại dùng các dọc tẩu làm đồ đi tiểu. Ai chẳng tưởng những người đó suốt đời không mắc nghiện? Ấy vậy mà chỉ sau vài năm cách mặt, một buổi xấu trời kia, gặp họ, ta đã thấy môi họ thâm, vai họ so, da họ bủng. Phải, họ đã nghiện từ bao giờ rồi.

Tôi cũng có hai người bác ở trong trường hợp đó. Trước kia, thấy tôi hút, hai ông khạc nhổ. Một trong hai ông đó, một đêm hát cô đầu, đã lấy phân chuột đánh lẫn vào sái cho tôi hút rồi lại đem giấu cái

tẩu của tôi vào một chỗ... âu là ta cứ gọi là một chỗ không sạch sẽ. Tôi vẫn để tâm về chuyện đó và lấy làm nhục lắm. Thì tài thay là Trời! Ông khu xử đâu ra đấy.

Một đêm kia, ở Sài Gòn về Hà Nội, tôi cùng mấy người bạn đi chơi tiệm. Tôi không hút, chỉ nằm tiêm và ăn quýt. Tự nhiên ông bác thứ nhất của tôi đến vỗ vai tôi dậy, kéo sang giường ông nói chuyện. Thì ra ông ấy nghiện quách mất rồi. Chuyện nọ dắt chuyện kia. Sau, tôi biết té ra ông bác thứ hai của tôi cũng thế, mà có khi hơn thếnữa.

"Người ta không nên nói khôn với thuốc phiện". Tôi nhắc đi nhắc lại câu nói đó. Tôi bắt đầu sợ cho những ai đã chế bác hay chửi rủa những người nghiện hút. Riêng tôi, từ sau khi cai được thuốc rồi, tôi lại càng không dám nói động đến những người bất hạnh đã sa vào bả phù dung. Nói vụng họ, tôi chỉ thương cho họ cũng như tám năm trước đây, nằm bên cạnh bàn đèn tôi đã thương cho chính thân tôi. Thế thôi. Còn như mở miệng ra khuyên họ cai đi, lạy giời lạy phật! Tôi thực chưa dám thi hành lần nào cả, dù là đối với những người bạn thân yêu nhất.

Tôi không dám khuyên họ bỏ thuốc phiện, bởi vì tôi không muốn mang tiếng là "chưa khỏi vòng đã cong đuôi". Tôi không dám khuyên họ bỏ thuốc phiện bởi vì tôi không dám hoàn toàn chắc rằng từ giờ đến chết tôi có hút lại không. Nhưng tôi còn không dám khuyên họ bỏ thuốc phiện bởi vì tôi biết rằng có nhiều người nghiện sống ở trong những trường hợp ai oán quá. Đó là những thanh niên trên không chằng, dưới không rễ, có một người vợ đụt quá với một lũ con cả ngày chỉ kêu đói và đòi ăn quà luôn miệng.

Những thanh niên nghiện ngập đó, muốn cai, không có thuốc. Thản hoặc có, lại không đành lòng mà nằm nhìn vợ đói con khát quanh mình. Bởi vì cai thuốc phiện phải vật. Mà thuốc phiện đã vật thì không đi làm lụng được. Một ngày nằm đấy là một ngày chết chóc của cả một gia đình. Người ta, dù nghiện, lắm khi cũng thấy tự không thể nhẫn tâm như thế được. Đành cứ nấn ná đợi một cơ hội tốt hơn. Nghĩa là làm được một chuyến khả dĩ có đủ tiền cung cấp cho vợ con đủ ăn đủ tiêu trong mười lăm bữa hay một tháng. Ác thay, cơ hội tốt đó, không bao giờ lại cả. Vay mượn thì không được – bởi vì ai lại cho những người nghiện ngập vay mượn tiền nong bao giờ? Những người đó đành là cứ phải kéo dài cuộc sống ở trong sự đợi chờ. Trong khi đó, người ta vẫn phải hút như thường vậy. Hút mỗi ngày

mỗi nặng hơn. Hút cho đến lúc người ta tự thấy không còn hy vọng cai được nữa.

Không. Tôi không có ý bênh người nghiện. Trường hợp nghiện không cai được, vừa kể, chỉ là một trường hợp mà ta gặp rất ít, cũng như rất ít người phải hút không dám cai vì những bệnh kinh niên, nếu không có thuốc phiện thì sẽ chết.

Tôi lại cũng nhận rằng còn có một số người nghiện nữa sở dĩ không cai được là vì có vợ đẹp. Nhưng các ngài hẳn phải công nhận như tôi số người nghiện muốn chết vì tình với phù dung tiên nữ, những người nghiện mà không bao giờ có ý tưởng cai, ở xã hội ta rất nhiều. Ở đâu, các ngài cũng thấy họ nói rằng: "Cai làm gì? Tôi hút cũng chưa đến nỗi chết ai kia mà!" Hay: "Người nào thì cũng đến một lần chết. Tôi có chết vì thuốc phiện thì cũng có gì lạ đâu!" Hay: "Các ông cứ làm như cai được thuốc phiện thì ghê lắm. Tôi hỏi các ông: ví dụ bây giờ tôi cai được thuốc phiện, có thể nào trong một lúc tôi thành một vĩ nhân như tôi đã mong ước lúc thiếu thời hay không? Hẳn là không. Vậy thì thôi, ông cứ để cho tôi hút. Tôi là một thanh niên có tâm trạng như người thanh niên Nga vào thế kỷ trước, lấy câu châm ngôn – "Được cả hay là không có gì" – để mạt sát nhà vua mà cũng là để mạt sát một chế độ xã hội mà họ cho là tồi bại.

Chao ôi, ở đời này, còn gì buồn hơn là chính mắt mình phải trông thấy những nguồn sống tiêu ma một cách đau khổ như thế; mà những người nói nên những câu đó lại không thở dài một tiếng nhỏ lại cũng không thèm động lấy một cái gân mặt nào! Tôi sầu quá và có cảm tưởng của một người đi thăm bạn ốm nặng, mà bước vào phòng người bệnh tuyệt nhiên không ngửi thấy mùi thuốc bắc, cũng chẳng trông thấy một đôi mắt lệ. Sự thản nhiên của người ta đối với cái chết làm cho ta rùng mình.

Ấy đó. Chính vào trường hợp đó, tôi đã gặp một thiếu phụ nghiện trong một tiệm sang ở bắc Hà thành.

Tôi sẽ không bao giờ quên được cuộc gặp gỡ này. Tôi cảm giác người đàn bà trẻ tuổi ăn gio nuốt khói đó sẽ còn luôn luôn ám ảnh tôi, làm tôi chết không nhắm mắt, chết không mát ngót.

Đó là một đêm mưa riêu riêu về tiết hoa vàng. Ở một quán rượu ra, Hải và tôi đi trên hè cỏ nói chuyện về sinh kế. Hải hỏi:

– Em hỏi thật. Anh có bỏ thuốc phiện thật hay anh bịp?

– Câu đó, nếu phải một người khác hỏi, có lẽ em đã cười mà

không phân trái phải. Nhưng, với anh là một người đã mười lần hỏi em và đã mười lần em trả lời mà anh vẫn chưa tin, xin thú thực em rất lấy làm tiếc rằng sao ở đời bây giờ người ta lại không còn giữ cái hình phạt lấy sọ những người ngu và bướng làm cái đồ dùng đi tiểu như ở thời Xuân Thu, Chiến Quốc.

Nhưng thôi. Nói làm gì, vô ích. Anh ơi, anh đi chơi với em từ sáng, tất anh đã biết từ sáng đến giờ em chưa hút qua một điếu nào. Vậy bây giờ muốn biết chắc chắn hơn nữa, anh em ta cùng vào tiệm. Anh gọi lấy thuốc rồi đốt cho bồi tiêm hút. Nếu em mà ho, ngáp, hay hắt hơi, anh cứ việc đánh em và từ giờ không gọi em là thằng Bằng nữa mà cứ gọi bằng một cái tên rất tục, tùy ý anh chọn lựa. A, thế nào, anh Phượng độ này ra sao?

– Em không gặp luôn luôn như trước nữa. Nhưng em thấy người ta nói rằng anh đương sửa soạn xuất bản một tờ báo lớn viết bằng chữ Pháp để làm một cơ quan chiến đấu cho những người vô sản.

Em còn nghe đồn rằng có tới năm chục bạn đồng chí giúp sức, nhưng ngay từ bây giờ em đã biết trong đám năm chục đồng chí đó có tới ba mươi anh nghiện giở.

– Ồ, làm báo cho vô sản mà chính mình lại chơi cái thú phong lưu?

– Cái đó không quan hệ. Các anh đó nói nhiều, mà chơi cũng nhiều nên mệt. Không có thuốc phiện lấy sức thì làm thế nào được việc, hở anh? Nhưng ta vào tiệm nào, chứ không lẽ lại cứ đi lang thang hết đêm như thế này?

Hải nói khéo lắm. Tôi biết anh ta muốn thử tôi. Thì này tôi nằm tiệm cho anh ấy biết, tôi không hút cho anh ấy xem, mà tôi cũng không ho, không hắt hơi xổ mũi, không ngáp, xem anh ta làm gì! Hai tiếng đồng hồ qua. Rồi đồng hồ đánh nửa đêm. Tôi vẫn nằm bên cạnh bàn đèn, êm tĩnh như một người chưa từng bắt hơi thuốc bao giờ cả. Mắt Hải cứ lồi ra. Anh ta đờ mặt một lúc rồi ngồi dậy cầm tay tôi, giật lia lịa một hồi rồi nói to:

– Thật không ngờ! Thật không ngờ! Em cứ tưởng suốt đời anh không chừa được. Bởi vì thuốc phiện đối với anh cũng như một chứng bệnh nan y. Vậy mà lại có ngày nay! Trời đã tái tạo, hồi sinh anh đấy!

Chúng tôi nhìn nhau, rơm rớm lệ vì mừng, vì tủi. Bóng tối có một vẻ thê lương. Một lúc lâu, cả tiệm im lặng. Không có tiếng ho,

tiếng nói. Chỉ có tiếng thuốc phiện chui vào nhĩ tẩu kêu lên những tiếng than dài khô khan.

Hải, vẫn cái tính không chịu đựng được sự buồn rầu, đứng dậy:

– Thôi, đi về. Anh ạ, em lấy làm yên tâm lắm lắm. Quả thực anh đã cai được rồi. Không ai có thể ngờ được vậy...

Sao một tiếng nói đàn bà, ở đâu, lại xen vào câu chuyện của chúng tôi? Ai nói đó? Bà nào vừa nói đó? Tôi kinh ngạc, đứng dậy nhìn sang phía giường bên kia. Giường bên kia, một bóng thiếu phụ, đồng thời, ngồi nhỏm dậy, nhìn vào tôi chòng chọc. Ôi là hai con mắt! Trong một phút, người tôi rợn cả lên. Bởi vì đôi mắt đó mở rất to và sáng quắc trong bóng tối như đôi mắt của một người sốt nặng. Thế rồi thì cái bóng người còm nhỏm như một con mèo chết đói đó hỏi tôi:

– Có phải ông là Bằng không?

Tôi xin đố các ngài đoán được người vừa nói đó là ai. Chính tôi cũng không biết nữa. Óc tôi rối loạn. Chân tay không biết dùng làm gì cả. Tôi ú ớ một câu nói trong miệng mà đến tận bây giờ vẫn không biết là gì. Tuy vậy vẫn phải cười gượng, tỏ ra mình còn nhớ.

Nàng bảo tôi:

– Trời ơi, anh quên mất em rồi hay sao? Em thay đổi đến thế kia ư?

Tiếng thì tiếng Bắc mà sao lại phảng phất một giọng miền trong... Trời ơi là trời! Tôi nhớ rồi. Liên Hường! Liên Hường! Anh không mê đấy chứ? Sao em lại ở đây? Em ra từ bao giờ? Và chồng em vẫn ở Huế hay cùng với em ra Bắc?

Tôi quay lại tìm Hải để giới thiệu thì anh đã đi khỏi bao giờ. Anh ta trước sau vẫn không biết cái tình của tôi với Liên Hường, nhưng có phải anh cảm giác một cuộc gặp gỡ não nùng nên không muốn đứng mà chứng kiến? Hoặc là anh muốn để cho chúng tôi được tự do trò chuyện cùng nhau?

Thôi, Liên Hường cứ hút, tôi nằm đây. Bé con! Lấy vài cối nữa. Tôi sẽ tiêm cho nàng hút cũng như ngày trước nàng đã tiêm cho tôi hút trên căn gác kín.

Đôi đứa chúng tôi vẫn nằm bên khay đèn như ngày trước. Ngọn đèn dầu lạc vẫn soi bóng tờ mờ vào đôi cái đầu xanh. Nhưng Liên Hường thực của tôi đã đi đâu mất rồi? Nằm đối diện tôi bấy giờ, chỉ còn lại một Liên Hường gầy guộc, xanh xao, mà phấn chát, son tô

không đủ che được một làn da bủng quá. Chung quanh cặp mắt bồ câu, những đường răn đã bắt đầu vẽ những nét buồn rầu. Gân chằng mạng nhện ở cổ. Tay nàng khô hanh và bé như xương gà. Toàn thân tiết ra một sự tàn phá làm cho ta ghê rợn. Tôi cảm giác như vừa ngủ dậy ra vườn, thấy cơn giông tố hồi đêm đã làm cho lá rụng hoa bay. Dù không phải bạc tình, người ta trong một phút bất thần, cũng phải tự hỏi sao mình đã có một lúc yêu thương được những cái rác rưởi nhơ bẩn đó.

Không hiểu linh tính có bảo nàng gì không? Có một phút, tôi thấy Liên Hường ngượng nghịu. Song không lâu. Nàng đỡ lấy cái dọc tôi đương cầm, đặt xuống bên khay đèn. Một sự lạ xảy ra. Thực, tôi không ngờ tới. Nguyên nàng từ trước vẫn có tính quen săn sóc đến quần áo của tôi kỹ lắm. Hơi một tí gì không vừa ý, nàng sửa lại ngay. Nếu nàng không để mắt đến, có lẽ lúc nào tôi cũng ăn mặc luộm thuộm như một ông mại bản người Tầu vậy. Vô tình,mắt nàng bây giờ lại nhìn suốt từ đầu đến chân tôi một lượt và nói với tôi rằng:

– Lạ thật. Anh bỏ thuốc phiện rồi, mà vẫn chả khác gì ngày trước. Anh thắt *ca vát* vẫn vụng như thường. Ngồi dậy đi. Em tết lại cho.

Liên Hường mỉm miệng cười. Một cái cười không còn tươi như trước. Nhưng tôi thấy lòng cởi mở như vừa tìm thấy một cái gì đã mất. Thật thế. Tôi thắt *ca vát* như người cuộn một cái dây thừng. Tôi ngồi dậy, sát gần lại Liên Hường. Nàng thắt *lại ca vát* cho tôi, cẩn thận và nhẹ nhàng như ngày trước. Dù không trông vào gương, tôi cũng biết là nàng tết đẹp. Nàng nói:

– Đời có những sự lạ vô cùng. Em nằm hút mà thấy *ca vát* thắt không cẩn thận thì hút không thấy thú. Những lúc vắng anh, em vẫn nhớ đến chuyện đó và em buồn cười...

Phần tôi, một sự lạ cùng một lối đó cũng xảy ra. Tự nhiên, những lời nói trước kia tôi vẫn dùng để nói với nàng đến ở dưới lưỡi tôi. Tôi có tính là mỗi khi nằm xuống bên cạnh bàn đèn hút bữa tôi lại nhìn Liên Hường mà hỏi một câu: "Thế nào?" Vậy nghĩa là: "Thế nào, chiều nay ở nhà có gì lạ không? Bà cụ có mắng mỏ gì em không?"

Năm năm trời đã qua.

Chúng tôi cách biệt nhau và không ai biết cận trạng của ai ra thế nào. Vừa mở miệng, tôi hỏi nàng ngay:

– Thế nào?

Câu hỏi đó, năm năm nay, tôi chưa từng dùng để hỏi một người đàn bà nào khác.

Nàng không nhịn được cười. Nhận thấy hai chữ quen quen, nàng gật đầu khe khẽ. Nàng kể lại cho tôi nghe những chuyện xẩy ra trong năm năm cách mặt, cũng như ngày trước, nàng đã kể cho tôi nghe những chuyện đã xảy ra ở ban chiều. Thì ra nàng lấy chồng vẻn vẹn được có ba tháng rưỡi. Lão nhà giầu, muốn có một người vợ đẹp, nhưng không muốn có một người vợ nghiện, đánh đập nàng. Nàng bỏ đi ra Bắc, lấy lẽ một thương gia thầu đồ ăn trong trại. Ông này cũng hút và chiều nàng lắm. Ông tậu nhà cho nàng. Nàng xin gì cũng được. Nhưng không may, ông lại chết. Nàng lại phải đi bước nữa... rồi bước nữa... Bây giờ nàng lấy khách.

– Nhưng cũng chưa chắc được lâu đâu, anh ạ. Vợ hắn ghen hung. Song, cần gì. Đến đâu hay đến đó. Đời em cũng như bỏ đi rồi. Anh có muốn em nói hết tâm sự của em không? Người ta chỉ có một người bạn trăm năm. Đó là người bạn trăm năm thứ nhất. Sau này người ta lấy năm người khác hay là mười người khác, ấy cũng chỉ là để cho có người đàn ông và để cho có sẵn tiền mà hút.

Đã nói như thế, là đã hết cả cuộc đời. Nàng im lặng. Rồi tiêm thuốc hút. Chao ôi, nàng mới buồn làm sao, mà tôi cũng mới buồn làm sao! Tôi nằm nhìn nàng kéo gân cổ lên mà hút mà lòng thì thắt lại.

Liên Hường! Liên Hường! Vì ai mà nàng đến bước này? Với tài sắc của em, em rất có thể tạo lấy cuộc đời sung sướng. Tôi nói to cái ý tưởng đó lên. Tôi nói rằng:

– Tôi là một thằng khốn nạn. Không hiểu tại sao lúc đó tôi lại có tư tưởng rủ rê em hút để bây giờ em thế này, trong khi chính tôi, tôi lại thoát được bàn tay sắt bọc nhung của nó?

Liên Hường hút xong điếu thứ hai mươi ba, hãm một hơi nước, rồi nhắm mắt lại mà nói, như mơ như thức:

– Anh bảo làm thế nào được? Chúng ta còn trẻ quá. Trẻ quá thì có biết lo xa bao giờ. Vả lại, đó cũng là tại chúng ta thương nhau quá, mà thương nhau không phải cách, vẫn thường là hại nhau.

Nàng nói với một vẻ nhu mì, chất phác như một người bị tan nát cả một cơ nghiệp mà không trách mình, không oán người. Giọng nàng rè và lạnh. Chắc hò không hay bằng trước nữa...

Nhưng trước sau nàng vẫn là một người có tấm lòng tốt vô cùng,

nếu gặp được người thành thực khuyên răn thì vẫn có thể đi theo con đường chính.

Lần thứ nhất, sau khi cai thuốc phiện, tôi khuyên một người bỏ hút. Thật lạ. Trước kia, có điều gì nàng cũng vẫn nghe tôi và bao giờ cũng vẫn cho những lời tôi là phải. Lần này, khác hẳn. Thuốc phiện tàn phá nhan sắc nàng và ăn sâu đục thủng những tâm tính tốt của nàng. Nàng mỉm cười:

– Nhiều người đã khuyên em như thế. Nhưng cai mà làm gì, hở anh? Anh đừng giận em nhé. Em đành chịu tội với trời, không thể nghe lời khuyên đó được. Em đã nhất quyết rồi. Em sẽ hút cho đến chết. Không bao giờ cai cả. Ở đời, một cái tóc là một cái tội. Em hút thế này chẳng qua cũng như là một tội trời bắt em mang. Buồn lắm. Chúng ta đừng nên nói đến làm gì nữa. Kẻo không, về nhà, nghĩ đến nhau mà nhớ đến nhau, cả hai đứa chúng ta lại khổ.

Chúng tôi không có nhiều thì giờ để nói chuyện lâu. Đồng hồ đánh hai giờ. Liên Hường không muốn làm một cớ mang sự ưu phiền đến cho tôi. Nàng nói:

– Thôi, em phải về, kẻo chồng em mong. Rồi đây chúng ta lại có phen gặp mặt...

Nàng hút điếu cuối cùng, trở dậy đi giầy, rồi nhìn vào bóng tối mà nói tiếp:

– Nhưng mà thôi. Gần nhau làm gì nữa? Từ mai, có lẽ em phải đi xa... Chưa biết bao giờ chúng ta gặp lại nhau lần nữa. Vậy em xin chào anh lần cuối cùng. Và có một điều này khuyên anh: Anh đã thôi hút rồi đừng nên la cà vào tiệm làm gì nữa. Cứ tránh đi là hơn.

Tôi trả lời:

– Lời em dặn bảo, suốt đời này tôi ghi nhớ, không bao giờ quên được.

Tôi im lặng với nàng trong gió hây hẩy, dưới vầng trăng mờ mờ. Hoa vàng rụng trên rêu xanh. Gió thổi cái trâm cài lơ đểnh trên mớ tóc rối như cỏ bồng. Trời lạnh lắm. Đời lạnh lắm. Lấy gì mà sưởi ấm được lòng nhau bây giờ?

Đến một ngã ba, chúng tôi từ giã nhau như hai người bạn không may trên đường đời.

Nàng đi về với thuốc phiện. Còn tôi, tôi đi về... nhà.

Đăng trên *Trung Bắc chủ nhật*,

Tân Dân xuất bản, Hà Nội, 1944.

PHẦN THỨ HAI

TRƯỜNG TƯ NGOẠI Ô

NHƯ PHONG

Một người bạn đã nhường trường ấy lại cho Thành.

Trường ở vào một phố đông đúc và hỗn tạp ở miền ngoại ô. Trước mặt có đường xe điện chạy qua và cách độ dăm chục thước là một cái chợ suốt ngày ồn ào. Một căn nhà gạch một từng, hẹp và thấp, thụt sâu vào một mặt phố lủng củng những nhà cửa không biết trọng hàng lối. Mặt hè trước cửa chỗ thì khấp khiễng những mô gạch sót lại của một mặt hè xây cẩn thận từ ngày trước, chỗ thì là đất đen thẫm, rắn cấc, cả từ những vết lồi lõm cũng mòn đi vì những bàn chân năng qua lại. Hai cây bàng cao độ đầu người, thân khẳng khiu bó trong một vòng rơm, chòm lá lơ thơ trắng xóa những bụi. Nếu không có tấm bảng gỗ sơn mấy chữ: "Khai trí học hiệu" treo hơi lấp dưới một mái hiên kẽm xệch xoạc thì khách qua đường không ai nỡ bảo đó là một trường học, dù chỉ một trường học tư.

Những người hay qua lại các xóm ngoại ô lúc nhúc và bẩn thỉu quanh Hà Nội, chắc đều để ý tới những trường tư nho nhỏ, bề ngoài khiêm tốn và nghèo nàn như vậy. Những trường ấy là một sự xấu hổ cho những trường tư thục lớn trong thành phố có một tổ chức rộng rãi và hoàn bị, quy mô chiếm hẳn nửa một dãy phố, cũng như quảng cáo chiếm hẳn nửa trang báo hàng ngày. Những trường ấy sống vất vưởng và tối tăm ở các miền lân cận Hà Nội, giữa xóm những người nghèo phức tạp đi làm thợ hoặc buôn bán vặt. Số học trò thường thường rất lơ thơ. Học phí là những số tiền nhỏ mọn, vụn vặt tương đương với túi tiền của bố mẹ học trò, từ dăm ba hào cho tới một đồng. Sự tồi tàn, thưa vắng của những trường tư ấy có một vẻ gì thất vọng làm cho ta động lòng thương. Ta nghĩ ngay đến những người vất vơ trong xó tối, bị đời sống gay go vùi dập, xua đuổi, những người

không gặp được may mắn, trong đời bao giờ cũng là kẻ đến chậm quá, chỉ giành được một phần sống bé nhỏ và hèn mọn.

Thành cũng là một trong những người ấy. Chàng năm nay hăm ba tuổi, nhưng vì nghèo túng và lo nghĩ nhiều, nên trông chàng có vẻ mang quá cái tuổi mình. Giọng chàng nói khẽ và hơi run; người chàng cao, có những cử chỉ ngượng nghịu và rụt rè. Mắt lờ đờ không bao giờ nhìn thẳng. Tay trái chàng có cái thói quen đưa lên gạt mái tóc xõa xuống gần tới mắt và ấp vào trán một cách mỏi mệt chán nản, mỗi khi chàng có điều gì suy nghĩ hoặc đau đớn. Chàng đỗ bằng tốt nghiệp Cao đẳng tiểu học đã ba năm nay. Khi mới ở nhà trường ra, cậu học trò ngây thơ tên Thành ấy tưởng tượng rằng, với mảnh bằng tốt nghiệp, cửa các công sở sẽ mở ra trước mặt chàng một cách dễ dàng. Sự thực không thế. Đơn xin việc của chàng có kèm theo một bản sao văn bằng, gửi đi đâu đều không có trả lời. Sở nào cũng không có chỗ. Mà Hà Nội không thiếu gì những cậu Thành, có bằng Cao đẳng tiểu học hoặc cả bằng Tú tài nữa, ngày ngày, đứng chực chõm trước cửa các công sở. Sở công không được thì đành sở tư vậy! Chật vật chán rồi, Thành xin được một chân thư ký kế toán ở một sở buôn. Cái đời không có gì của một người làm việc cạo giấy... Thành lấy vợ để có người coi sóc việc trong nhà và để khỏi đi chơi bậy như những người thiếu niên cùng tuổi. Một đứa con ra đời. Vừa lúc ấy sở thừa người làm. Bị thải. Những ngày thất nghiệp chán nản và túng thiếu. Công nợ lay lắt. Cái khổ của vợ con ở trước mắt.

Thành đã từng biết những ngày dài dằng dặc, đi lang thang khắp trong các phố với một cái đơn xin việc ở tay, đôi khi ngồi nghỉ ở một công viên vắng người, thân thể và tâm hồn mỏi mệt, chán nản, muốn khóc lên được; những buổi sáng giật mình tỉnh dậy thấy mình vẫn nằm xó nhà lòng thắt lại khi nghĩ đến cái ngày đương bắt đầu và bao nhiêu ngày mai tối tăm và đáng sợ; những giấc ngủ nặng nề, đau đớn, dài suốt buổi, trong đó tâm trí vùi sâu tất cả mọi sự phiền muộn, băn khoăn và lo lắng...

Giữa lúc khốn quẫn, một người bạn ngỏ ý nhường cái trường tư nhỏ ở vùng ngoại ô. Người bạn ấy trước cũng cùng cảnh không có việc làm. Nhưng sẵn có ít vốn, hắn xoay mở trường kiếm ăn dăm ba đứa học trò, để chờ dịp may mắn. Được sở Hỏa xa gọi người làm ở một tỉnh nhỏ, hắn bèn điều chỉnh giao giấy phép mở trường cho Thành. Không phải mất công của gì hết, Thành đã có ngay một

trường tư nho nhỏ với một số học trò gây sẵn. Còn những đồ dùng cần cho một trường học như bàn ghế và bảng đen, vì muốn giúp anh em, hắn chỉ xin Thành một giá rất rẻ, giá vốn lúc mới sắm.

*

* *

Số học trò gây sẵn là ngót hai chục đứa trẻ phần nhiều bẩn thỉu, rách rưới, ngồi lơ thơ trong một dãy mười cái bàn bằng gỗ tạp mới đóng còn nham nhở vết bào và thoang thoảng mùi chua ẩm của gỗ chưa khô kiệt. Những đứa khá nhất thì mặc áo dài, chân đi guốc. Còn thì mặc áo cánh vừa rách vừa bẩn, chân giẫm đất đen thui thủi, đầu trọc lốc không có mũ. Có đứa vào lớp là mang theo vào cả một đàn ruồi, đậu trên cái đầu chốc lở bôi thuốc đỏ loe loét. Mặt chúng nếu không tinh quái gian xảo thì có một vẻ đần độn nặng nề của những con nhà nghèo.

Độ chừng dăm đứa đã đọc và viết qua loa được tiếng Tây. Học phí của bọn này mỗi tháng chừng đồng rưỡi và hai đồng. Lớp dưới gồm có những đứa đương hoặc mới bắt đầu học quốc ngữ, mỗi thằng trả từ năm ba hào đến một đồng.

Vì lớp học lộn xộn chia ra nhiều trình độ như vậy, nên Thành phải sắp đặt cho những đứa lớn làm bài trong khi những đứa bé tập đánh vần, rồi trong khi bọn trên đọc bài thì bọn dưới tập viết.

Ngày hai buổi, giờ học kéo dài nặng nề trong gian nhà thấp tối, ánh sáng chỉ vào bằng cái cửa chính trông ra đường. Tiếng ồn ào của cái sinh hoạt rộng rãi và lầm than ở bên ngoài không lúc nào dứt quãng. Thỉnh thoảng lại một chuyến xe điện, tiếng bánh sắt rầm rập báo trước tự đầu đường xa.

Đến giờ chơi, học trò nhởn nhơ ra chơi ở trước hè đầy rác rưởi của bọn hàng quà rong đã họp nhau bày ra đấy. Mùi bùn sặc sụa ở rãnh cống bốc lên trong không khí không bao giờ lắng bụi. Ruồi nhặng vu vơ bay trên những lá gói bánh nhơm nhớp vứt bừa bãi.

Hôm đầu đến đây, Thành thấy trong lòng ngao ngán.

Ngồi sau bàn giấy kê trên một chiếc bục gỗ, chàng nhìn quanh gian lớp học chật hẹp và tồi tàn, tường vôi cáu bẩn, bức trần vữa đã để lộ ra vài khoảng phên cót ở trong; những học trò bẩn thỉu, đứa thì

há hốc mồm ra nhìn bảng đen, đứa thì giở quyển vở mép giấy quăn lại như tổ sâu bằng những ngón tay bẩn dây đầy mực; nhìn chán, chàng lại trông ra ngoài. Lúc ấy đã về chiều. Những người bán hàng ở chợ về đi trên con đường trắng xóa bụi. Nắng xế nằm ngang trên mái tranh thấp của nhà thợ mộc trước cửa lan đến tận hè bên này, làm lấp lánh vàng vệt nước mỏng mảnh của những thùng chảy quảy nước đi qua để rớt lại trên mặt gạch. Thềm nhà mốc đen sáng lên về phía gần cửa. Một cái buồn chán nản đè nặng lên giác quan chàng. Chàng thấy chiều hôm ấy, mọi vật cái gì cũng có vẻ nghèo nàn và vô lý, hình như bị chiếm bằng một thứ ánh sáng riêng. Chàng không cưỡng lại với cái cảm giác tê tái và nhọc mệt lan dần, lan dần trong tâm trí và từ thâm tâm thấy nẩy lên một nỗi thương vô hạn cho chính mình.

Giữa lúc ấy, chàng nghĩ đến một người đàn bà còn trẻ, dáng bé nhỏ và yếu ớt, da mặt trắng xanh, giờ này đang lúi húi ở gian trong, bên một đứa trẻ mới đầy sáu tháng. Chàng đưa tay lên vuốt mái tóc xòa xuống gần mắt và khẽ nâng lấy trán:

– Tý! Đọc bài...!

*

* *

Trong đám học trò Thành dạy, có một đứa tên là Pha.

Không biết tại sao, từ hôm bắt đầu dạy, Thành đã có ngay ác cảm đối với nó, tuy nó không có tội gì để chàng ghét.

Có lẽ tại bộ mặt xấu xí và bẩn thỉu của nó. Đó là một đứa trẻ bé loắt choắt, mặt ngây ngô đần độn, hai mắt nó có tật lúc nhìn phải nheo nheo lại và nghếch về một bên. Cả người nó là một vết bẩn. Nó lại có tính nói lắp, nên cả lớp thường gọi nó là "Pha lắp".

Thành ghét nó nên đặt nó ngồi ở bàn cuối cùng.

Thằng Pha học đã ngót một năm rồi, kể từ khi trường còn ở tay người bạn của Thành mà vẫn chưa đọc thông cuốn quốc ngữ. Ngồi cuối lớp, sự săn sóc của người dạy không tới nơi, nên đã bao lâu rồi đầu óc và đít nó vẫn nguyên một chỗ, không nhích đi chút nào.

Những dịp hiếm có mà nó bị gọi lên đọc bài thì thực là một sự khoái trá cho cả lớp học. Nó đứng lên, hai tay khoanh lại, những

ngón tay trái lần lần những khuy áo ở bên sườn, mắt nheo nheo lại nhìn nghiêng lên bảng, mồm lắp bắp nói mãi không ra tiếng. Tiếng thước kẻ đập chan chát trên bàn giấy cũng không ngăn được tiếng cười rộ của bọn học trò. Thằng Pha ngượng nghịu, lúng túng. Rồi cúi đầu đứng im bặt.

Nó chịu tất cả mọi sự trừng phạt với cái kiên nhẫn của con lừa. Mà nó bị phạt luôn. Hôm thì bị quỳ đến trầy gối về tội không thuộc bài. Hôm thì bị thước kẻ quật vào tay vì tội viết bẩn. Đánh thế nào thì đánh nó vẫn lỳ ra, không van xin, không khóc lóc; chỉ hai mắt chớp chớp thật nhanh, loang loáng ướt nước mắt.

Tiền học của nó mỗi tháng là bảy hào.

Hôm ấy, vào giữa tháng, cả lớp đã trả hết tiền rồi còn mỗi mình nó.

Mới vào lớp, Thành đã gọi nó lên đọc bài. Như mọi lần, nó lúng túng một hồi rồi câm tịt. Sáng hôm ấy, Thành mang sẵn vào lớp một sự bực mình gây nên vì sự thiếu thốn trong nhà; sự bực mình ấy được dịp nổ tung ra.

Thành gọi nó mang vở lên bảng. Bằng hai ngón tay, chàng giở qua những trang giấy bôi đầy mực, mép nhàu và quăn lại như tổ sâu. Mắt chàng gườm gườm nhìn đứa học trò. Thằng bé khốn nạn! Nó có ngờ đâu đến sự giận giữ đương ngấm ngầm trong lòng chàng chỉ tìm chỗ để trút ra.

Bỗng nhiên, chàng gập mạnh quyển vở lại. Rồi một tiếng đấm tay "thình!" trên mặt bàn làm nẩy cả lọ mực và những đồ vặt vãnh. Cả đám học trò cùng tái mặt, ngồi im. Có tiếng ruồi vo ve bay qua...

Mặt tái đi vì giận, Thành ném quyển vở vào mặt nó rồi quát:

– Thôi! Đi về! Đến lớp bài thì không chịu thuộc, sách vở thì để bẩn, tiền học lại không chịu trả... đi về!

Thoạt đầu, thằng Pha còn không hiểu. Sau nghe đến tiếng "đi về!", cả người nó bỗng có sự thay đổi. Nó không gân như mọi khi, òa lên khóc và van xin rối rít:

– Lạy thầy! Thầy tha cho con!

Hai tay nó chắp lại và vái lia lịa.

– Đi về! Tao bảo mày đi về kia mà!

– Thưa thầy! Một lần này thầy tha cho con...

– Không!

Thành quay lại nhìn đám học trò:

– Tý! Minh! Lôi nó ra và vứt cả sách vở của nó ra ngoài cửa cho tao.

Không ngờ thằng bé loắt choắt mà lại có nhiều sức chống cưỡng dai dẳng như thế! Bị lôi đi xềnh xệch, nó giơ tay ra cố bám lấy những đầu bàn, người cong lại, chân như bấm chặt lấy mặt đất. Sau cùng phải bốc hẳn người nó lên mới mang được nó ra cửa. Trong khi thằng Pha lôi kéo với hai đứa học trò, cơn giận của Thành đã dần dần nguôi.

Ngồi trong lớp, nhìn ra, thấy thằng bé khốn nạn vừa khóc vừa lúi húi nhặt những sách vở ném tung tóe lên hè, chàng động lòng thương hại.

Nhưng một cái gì đó xui chàng nên giận giữ thêm lên để khỏi thấy mình vừa rồi đã tàn nhẫn quá. Chàng sai học trò đóng chặt cửa lại mặc những tiếng van lạy rên rỉ của thằng học trò bị đuổi ở ngoài đưa vào.

*

* *

Chiều tối rồi.

Ăn cơm xong. Thành bắc ghế ngồi trong cửa nhìn ra đường. Giờ này, xóm ngoại ô đương nhộn nhịp. Thợ thuyền đi làm về lẫn trong đám những người đi bán hàng rong. Bóng mờ buổi hoàng hôn làm cho mặt họ trở nên lặng lẽ, tối tăm không có nét. Những chiếc xe bò chở rơm hay nứa cồng kềnh đi qua làm chật cả đường. Ánh đèn trong hiệu thợ cạo và mấy hàng tạp hóa chiếu sáng những khoảng đất cát dưới hè. Sương xuống lờ mờ lẫn lộn với bụi. Vài ba anh chàng ăn mặc có vẻ du đãng, tóc mai nhọn hoắt, đầu chải mượt, bá vai nhau đi la cà, miệng hát mấy câu cải lương bằng cái giọng Sài Gòn giả hiệu!

– Lạy thầy ạ!

Thành hơi giật mình. Trước mặt chàng, thằng Pha đứng chắp tay bên cạnh một người đàn bà ăn mặc lôi thôi, bẩn thỉu, có vẻ một người bán hàng rong. Chàng không đứng dậy, hất hàm hỏi:

– Có việc gì?

Người đàn bà khúm núm:

– Thưa thầy, sáng hôm nay cháu nó trót dại, xin thầy tha cho cháu.

Thành không trả lời vội, đứng dậy đi vào nhà. Người đàn bà và thằng Pha cũng theo vào. Dưới ánh đèn, Thành thấy một bộ mặt không có tuổi, răn reo và vàng sạm: hai con mắt đỏ hoe, ngơ ngác vì nhọc mệt, một cái miệng có hai góc chảy xệ xuống. Chàng nói một cách nghiêm nghị:

– Thằng Pha nó hư lắm. Bài không bao giờ chịu học thuộc... Tôi phải đuổi nó, để làm gương cho những đứa khác.

Mẹ thằng Pha bèn nói với chàng:

– Thưa thầy, cháu nó lười và dốt lắm, nhưng nhà cháu chỉ có mình nó... Xin thầy, thầy làm ơn cho cháu ở lại ăn mày thầy dăm ba chữ...

Người mẹ nói, nói mãi. Thành biết được về đứa học trò của mình một chuyện bình thường nhưng cảm động. Bố thằng Pha chết đã lâu, chỉ được mỗi mình nó. Mẹ nó ngày ngày đi bán xôi cháo và cố làm lụng khó nhọc để cho đứa con được biết dăm ba chữ. Giọng nói tha thiết của người mẹ đáng thương đã để cho Thành nhận thấy rằng thằng Pha là tất cả hy vọng của người ấy ở đời này...

Thành nghĩ đến một người đàn bà góa chồng nào, ngày xưa, đã làm lụng đầu tắt mặt tối như thế để nuôi chàng ăn học. Chàng thấy hổ thẹn về việc tàn nhẫn ban sáng. Chàng dịu hẳn giọng lại:

– Được, có phải thế, tôi nhận lời xin của bà...

Một tia mừng lóe trong mắt người mẹ:

– Cảm ơi thầy!

Rồi người ấy loay hoay cởi ruột tượng lấy ra bảy hào đặt lên bàn:

– Thưa thầy, đây con xin nộp tiền cho cháu.

Thành nhìn thấy mấy đồng hào trắng nõn nằm chen với mấy món hào xu. Chàng nhớ lại những câu khất lần của thằng Pha từ hơn nửa tháng nay và tưởng tượng ngay rằng bảy hào này mẹ nó đã phải chạy đi suốt buổi hôm nay mới vay được. Rồi món nợ bảy hào.

CÁI Ô

NHƯ PHONG

Lòng tôi đã mang nhiều vết thương nho nhỏ nhưng khó chữa gây ra bởi những cái rất nhỏ mọn, tầm thường. Những cái tầm thường quá, nhỏ mọn quá, không đáng để ý đến: những sự gặp gỡ vô tình, những cảnh được nhìn thoáng thấy trong một phút, những vật rất vô nghĩa lý, những việc lẫn trong sự sống hàng ngày... Đã bao giờ chưa, các anh cảm thấy bùi ngùi, xúc động khi được nhìn cái bộ điệu thất thểu, mỏi mệt của một anh chàng thất nghiệp, chiếc khăn tang đội trên đầu một đứa trẻ ngây thơ, vẻ mặt thèm muốn của một thiếu nữ nghèo đi qua một cửa hiệu kim hoàn...? Đã bao giờ chưa, trái tim các anh se lại khi, giữa phố đông rạo rực, các anh gặp một chiếc áo màu đã bạc phếch đương lủi thủi tìm bóng tối hay, qua một góc đường vắng, các anh được nghe những tiếng nhị rời rạc của mấy người xẩm già...? Tất cả những cái ấy đã để lại trong lòng tôi một nỗi chua xót âm thầm, một vết thương có lẽ không bao giờ kín miệng, vì trong một phút, chúng đã để cho tôi nhìn, đoán thấy một cảnh đời hay một số phận trong đó đầy những nỗi đau khổ tối tăm, những cái ưu phiền lặng lẽ, cả một bi kịch não nùng, cay đắng diễn trong xó tối cuộc đời mà nếu không nhờ ở sự tình cờ, có lẽ không bao giờ tôi tưởng tượng đến.

Đây là một trong những chuyện – không phải là chuyện – đã có, với tôi, một giá trị đặc biệt hơn cả những cuốn tiểu thuyết cảm động bi thương nhất. Nhưng biết đâu nó sẽ không làm cho các anh mỉm cười vì một là các anh không cảm thấy như tôi đã cảm, hai là tôi đã vụng về không biết kể lại.

Một buổi sáng, tôi đi qua phố Hàng Đào. Vì không có việc gì vội lắm, tôi bước chầm chậm và đưa mắt nhìn cảnh phố xá nhộn nhịp, tấp nập. Lúc ấy đã hơn mười giờ sáng. Ánh nắng chẩy lan dần khắp mặt phố. Bóng rợp các nhà đã rút ngắn lại trên hè. Người qua lại đều có vẻ vội vàng. Dưới các mái hiên, những tấm màn cửa bị gió động bay phấp phới. Thỉnh thoảng, một chiếc xe nhà chạy qua, những gọng kền sáng loáng hắt ánh nắng vào mắt người đi bên

đường. Đứng ngoài nắng trông vào các cửa hàng chỉ thấy một thứ bóng tối xanh mờ trong đó thấp thoáng những tấm cửa tủ kính.

Tôi thong thả bước đi giữa những tiếng náo nhiệt lộn xộn, không phân biệt của phố đông và có cái cảm giác bị vây phủ bởi làn sóng sinh hoạt ban ngày lớn lao và rộng rãi.

Đến đầu Hàng Ngang. Chợt tôi để ý đến một người đi ở trước mặt. Người ấy bé nhỏ, đã có tuổi, tay cầm một cái ô. Một cái áo the thâm không còn mới nữa vì ở vai đã hơi đỏ; một cái quần giặt ở nhà không có nếp phẳng; một đôi giầy ta gần mòn hết tuy đã thay gót ít nhất là một lần. Trông dáng đi hấp tấp đủ biết người ấy đương vội vàng. Cái ô cầm ở tay là một cái ô đã cũ lắm, cán làm bằng tre, vải lợp, trước trắng bây giờ ngả màu vàng bẩn và đầy những vết ẩm mốc. Vì bị hỏng mất hai cái gọng, nên giương lên coi nó méo xuệch méo xoạc một cách đáng thương.

Tôi vẫn không được nom tận mắt chủ nhân của cái ô già yếu ấy. Đi đằng sau, tôi chỉ nhận thấy hai cái vai nhỏ hẹp và một cái lưng mỏi mệt hơi còng.

Không biết tại sao tôi lại đâm ra tò mò đối với con người lạ mặt tiều tụy ấy. Tôi liền rảo bước để đi cho kịp y. Đến giữa Hàng Ngang, y rẽ vào một hiệu khách bán bào chế. Tôi liền đi thẳng lên đầu phố rồi quay lại, có ý đợi cho y ra khỏi hiệu.

Ở hiệu ra, y có một gói thuốc treo lủng lẳng ở cán ô, chỗ tay cầm. Y lủi thủi đi sát tận ngoài vỉa hè để tránh mọi người. Giữa đám đông, cái dáng điệu chậm chạp, lù đù càng làm cho người y thêm nhỏ lại.

Đến lúc giáp mặt và y ngẩng lên nhìn tôi thì... Trời! Trí nhớ của tôi không phải làm việc lâu, tôi nhận ngay ra ông thầy giáo dạy chữ Nho của tôi ngày trước, hồi mà cách đây bảy, tám năm, tôi còn là học sinh trường tiểu học: ông giáo Huy.

Tôi liền ngả đầu chào. Lẽ tất nhiên ông Giáo không nhận ra tôi là ai cả. Ông cuống quýt lên; ông chắp tay giả lời cái gật đầu của tôi bằng một cái vái rồi ông đi thẳng. Đã lâu lắm, chắc chắn ông không được chào bởi những học trò cũ. Những người mà có gặp ở ngoài đường ông cũng khép nép tránh sang bên, nhường đường cho họ đi.

Tính ông, ngày trước hiền lành quá hóa ra nhút nhát, cẩn thận quá hóa ra sợ sệt. Vì thế nên đối với ông, học trò ai cũng nhờn. Buổi học của ông là buổi học duy nhất trong tuần lễ mà những học

trò sợ kỷ luật nhất cũng đâm ra "quấy", bởi lẽ họ biết không bị phạt bao giờ.

Tự nhiên, tôi lại nhớ đến những buổi sáng thứ năm học chữ Nho xưa kia... Một lớp học, lúc nào cũng rầm rầm như chợ vỡ... Những bạn học hỗn láo, nghịch như quỷ!...

Trông ông giáo Huy, ngày nay, vẫn không khác trước mấy tý. Vẫn đôi mắt nhỏ và sâu, lúc nào cũng đăm đăm buồn. Vẫn những vết giăn làm cho hai bên mồm gieo hẳn xuống. Vẫn cái nét mặt nhọc mệt, thê thảm. Vẫn cái dáng điệu sợ sệt, rụt rè, lúc nào cũng muốn thu nhỏ mình lại. Vẫn cái ô!

Cái ô ấy, ngày xưa, đã bao nhiêu lần hiến cho bọn học trò "quỷ sứ" trong lớp tôi những dịp buồn cười vỡ bụng. Tuổi trẻ hay chơi ác. Họ thấy ông Giáo mới mua cái ô – trước ông vẫn quen dùng nón – là họ lại tìm hết cách hại nó để cười chơi. Những cách đùa ác độc ấy không thiếu gì. Họ hết bôi mực vào lại lấy ngòi bút đâm thủng nó ra từng chỗ, tuy ông Giáo đã hết sức giữ gìn cái ô mới! Thật là một cái tội!

Một buổi, trong giờ học, nhân lúc ông Giáo chấm bài, một anh lập tâm lấy trộm được cái ô đem về giấu vào ngăn bàn. Đến giờ về, lớp học vừa tan, ông Giáo tìm đến ô... thì hỡi ôi! Cái ô mới của ông đã mất. Ông tìm cuống quýt lên, hồi lâu vẫn không thấy.

– Các anh có anh nào trông thấy cái ô của tôi không?

– Thưa thầy, không ạ.

Học trò đồng thanh trả lời. Một nụ cười ranh mãnh nấp trên cặp môi tinh nghịch. Ông Giáo lại lúi húi đi tìm một hồi nữa. Tìm không thấy, ông càng thêm cuống quýt. "Lạ quá! Tôi chỉ để nó ở góc tường này!" Sau cùng, ông đứng thần người ra giữa lớp.

Để yên một lát như vậy để hưởng hết cái khôi hài của phút vui hiếm có ấy, rồi một anh trong bọn nghịch bỗng làm bộ soát trong ngăn bàn rồi hốt hoảng lôi cái ô ra:

– Thưa thầy đây rồi. Không biết tại sao nó lại chạy vào ngăn bàn của con ạ.

Cả bọn thi nhau cười rúc rích. Ông Giáo bấy giờ mới biết họ trêu mình nhưng ông không nói gì, chỉ cầm lấy cái ô phất nhẹ qua mấy cái rồi cắp cặp ra về.

Những trò trêu ghẹo này còn diễn ra nhiều lần sau nữa.

Hồi ấy, ở trong lớp, về môn nghịch ngợm thì kể ra tôi cũng không kém mấy. Thế nhưng không biết tại sao, đối với ông Giáo, tôi cứ thấy hình như không nỡ giở ra trò đùa nghịch, tinh ranh. Điều này làm cho bọn "đồng chí" mọi khi của tôi phải lấy làm lạ. Theo như tôi biết, cảnh gia đình của ông Giáo rất đáng buồn! Nhà đông con, lương ít, lại gặp phải bà vợ chỉ biết độc một cách đánh bạc, ông Giáo đi làm còm cọm chỉ đủ để góp nợ nần. Ông không dám chơi bời gì, hà tiện từ đồng xu giở đi. Nhà ông thuê ở tận trên Yên Phụ mà xuống dạy ở trường Hàng Vôi, không bao giờ ông đi xe! Cả những hôm trời mưa cũng vậy!

Ông vốn nhà Nho, tính người hiền lành, chậm chạp, vụng giao thiệp nên không có bạn. Vì không ai nói tốt cho ông cả, ông rất chậm ăn lên.

Nhiều lần, tôi đã tưởng tượng đến cái cảnh nhà thanh bạch của ông, đến tất cả bao sự cần dùng nặng nề đè trên đôi vai mỏng mảnh cũng như số tiền lương của ông mà tôi rùng mình thương hại. Cách sau hai năm tôi không học ông nữa thì, một hôm, giữa hai câu chuyện, một người bạn học của tôi biết tin là ông giáo Huy đã bị về vườn. Ông phải bắt buộc về hưu tuy ông còn mấy năm nữa mới hết hạn. Nghe đâu chuyện đó chỉ vì người con lớn của ông vừa bị bắt về tội có chân trong hội kín. Người bạn kể cho tôi nghe bằng một giọng lãnh đạm, tôi cũng nghe bằng một vẻ lãnh đạm, nhưng trong thâm tâm tôi thấy bứt dứt, thương xót quá chừng. Tôi như thấy ở trước mắt cái cảnh nghèo túng, thiếu thốn, nheo nhóc của gia đình ông Giáo. Và cái hình ảnh rầu rĩ, yếu ớt của ông, như một điều hối hận cứ mãi mãi theo dõi tôi.

Lâu dần, tôi cũng quên ông đi.

Sự tình cờ, sau bảy năm, còn để cho tôi được gặp ông giáo Huy một cách không ngờ ở ngoài phố. Không! Trông ông Giáo vẫn thế, không khác đi chút nào! Vẫn nét mặt ấy, vẫn dáng điệu ấy. Vẫn cái ô...! Cái ô mà ông dùng đã bảy năm nay vẫn không bỏ vì có lẽ ông không có tiền mua cái khác. Bây giờ trông nó đã "tàng" quá, ốm yếu quá, mỏi mệt quá: nó cũng giống như người ông vậy.

Ai biết đâu nó đã kể lể cho tôi nghe bao chuyện rất ngậm ngùi! Nó kể cho tôi biết những sự vận động xin ở lại nhưng không có kết quả của ông Giáo, bao phen đi lại, chực chõm, đợi chờ – những cái mà bản tính nhút nhát của ông vẫn coi như những hình phạt – nó

nói cho tôi biết những nỗi nghèo túng, vất vả, cay đắng đã bổ vây lấy gia đình ông Giáo từ khi ông phải ở nhà với một số lương hưu trí ít ỏi, nó nhắc cho tôi nghe những lời thúc giục của các chủ nợ và các sự cần dùng, những câu đay nghiến, trách móc của vợ ông, một người đàn bà không bao giờ để ý đến sự chồng đã khó nhọc cho mình sung sướng, nó còn cho tôi biết nhiều... nhiều nữa...

Một nỗi buồn thấm thía bỗng dưng len vào óc tôi. Sau bao nhiêu ngày, mỗi lần nhớ đến hôm gặp ông giáo Huy – gặp ông lủi thủi mang cái ô "tàng" và vẻ rầu rĩ, mỏi mệt của ông đi trong phố – lòng tôi lại như thắt lại.

Tiểu thuyết thứ bảy,

số 184 (12 1937).

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

NHƯ PHONG

Buổi ấy qua đã ngót mười năm nay rồi. Thế mà tôi còn nhớ mãi như vừa hôm qua. Cái kỷ niệm xa xôi của buổi ấy cứ theo đuổi mãi tôi như một điều hối hận. Trong xó chiếc nhà tranh trống trải, có lẽ một đêm kia, ông Đồ già – thầy học cũ của tôi – đã nhắm mắt từ trần. Tôi đã tưởng tượng ra cái chết, vây phủ bởi muôn ngàn cái túng thiếu, ông già nghèo khó, ốm yếu ấy. Có lẽ một đêm kia... giữa cơn thịnh nộ của trời đất bên ngoài, trong khi cơn gió ào ào vận chuyển tấm mái tranh mỏi mệt và những giọt mưa dầm thi nhau rả rích tuôn xuống nền nhà thì ông Đồ, trên giường bệnh, đã gượng nâng chút sức tàn nhổm dậy và cất tiếng gọi trong đêm tối; trả lời ông chỉ có sự quạnh hiu. Vợ con ông không còn ai, hàng xóm thì ở xa. Ông gọi mãi cho đến khi hơi thở ông đứt, không còn gọi được nữa. Cái chết rùng rợn đến lôi ông đi. Và, mãi đến tận ngày hôm sau, người ta mới thấy ông nằm chết còng queo trong gian nhà lạnh ngắt. Thương tình, người ta bó ông lại và vùi ông xuống dưới nấm đất đen. Lâu lâu, không ai nói đến ông nữa. Bây giờ, có lẽ, dưới một vùng cỏ thê lương, ông Đồ già đã nằm trầm ngâm một cách yên tĩnh và ngủ một giấc êm thấm nhất của đời ông.

Tôi đã tưởng tượng ra như vậy và tôi yên trí là ông đã chết rồi. Đối với một số người, cái chết cũng đáng mong như một sự giải thoát.

Vậy thì ông Đồ đã chết rồi. Thế nhưng cớ sao, trong những giờ quạnh quẽ của đời tôi vẫn thấy ông Đồ trở lại như một ám ảnh? Cái bóng ma ấy hình như muốn tôi một điều gì! Cho đến cả chiều nay, trong khi ngả những dòng trên mặt giấy, tôi lại phảng phất thấy ông Đồ già ngồi dưới bóng đèn... Như những ngày nào, vẫn cái nụ cười kín đáo, sâu sắc và đôi mắt nghiêm nghị nhưng hiền từ. Cả người ông bọc trong sự yên lặng, cái tấm vải khâm liệm cuối cùng của người chết...

Ngày ấy, ông Đồ sống một cách hầu như trơ trọi trong một gian nhà cũ nát ở đầu làng. Nhà chia làm hai gian nhỏ, mái tranh thì

thủng lỗ chỗ, trời nắng còn khá chứ gặp ngày mưa thì dột lung tung. Gặp những đêm mưa to, thường khi ông Đồ phải bó gối ngồi thức tới sáng! phần thì không có chỗ nằm, phần thì ông lo ướt mất chồng sách cổ, cái mà ông quý hơn cả tính mệnh. Một mảnh sân đầy rêu và đầy nước đọng bao bọc cái nhà ở tiêu điều ấy.

Bà Đồ mất đã lâu rồi. Cả ba người con, hai trai một gái, cũng lần lượt đi theo chân bà. Ông Đồ nuôi một đứa cháu họ xa, năm ấy lên mười một tuổi. Chừng thằng bé vừa ở hầu hạ ông vừa ăn mày ông đôi ba chữ.

Cách sinh nhai đạm bạc của ông Đồ trông vào lũ trẻ con của dăm bảy nhà trong làng. Tôi và anh tôi cũng có ở trong số học trò đấy. Tuy hồi đó ai ai cũng biết rằng chữ Nho đã vô dụng rồi nhưng, trong những gia đình nề nếp, người ta vẫn muốn cho trẻ biết qua loa dăm ba chữ gọi là vớt vát lại đôi chút cái học căn bản ngày xưa. Một lẽ nữa gần sự thực hơn là khi ấy trường trong làng chưa mở mà để trẻ con ở nhà lêu lổng là một sự không nên.

Nhờ có lũ học trò "nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi", cắp sách đến trường nếu không phải để bôi ngoèn mực vào tay và quần áo thì cũng đấm đánh nhau chí chóe; nhờ có lũ trẻ con ấy, ông Đồ cũng sống được một cách thư thả và suốt ngày làm cái phận sự của một nhà Nho là nằm dài trên phản để đọc thơ đọc phú. Đôi lúc thích chí, ông lấy mấy đầu ngón tay để dài vút gõ vút xuống giường và ngâm thơ vang nhà...

Được hai năm.

Một ngày kia, người ta khánh thành nhà học trong làng. Một tòa nhà sừng sững trên một cái nền cao ráo, màu ngói mới đỏ rực và màu tường vôi trắng xóa nổi bật lên trên nền men chàm lộng lẫy của da trời. Những nhà có trẻ đều được chức dịch trong làng đến tận nhà khuyên nên cho con đi học.

Thế rồi số học trò của ông Đồ cứ mỗi ngày một sụt xuống. Đứa nào cũng nói là xin nghỉ ở nhà; rồi chỉ độ hôm sau, ông Đồ đã thấy chúng ung dung cắp sách đến trường làng học. Tội nghiệp! Ông Đồ vẫn làm ra vẻ thản nhiên, không lo lắng. Nhưng mỗi ngày ông một đổi khác. Người ta ít thấy ông ngâm thơ nữa. Lưng ông còng thêm xuống; trông ông như già lên mấy tuổi nữa.

Số học trò của ông Đồ dần dần chỉ còn có ba: tôi, anh tôi và thằng Tý, cháu ông.

Ngày ấy, tôi hãy còn nhỏ. Vậy mà khi cắp sách bước qua cái ngưỡng cửa tối om của nhà ông Đồ, cảm thấy cái nghèo túng cơ cực của ông một cách rõ rệt, tôi cảm thấy trong lòng tự nhiên chua xót, ray rứt mãi không thôi.

Có một bận, đến học hơi sớm hơn lệ thường, chúng tôi gặp ông Đồ, mặc cái áo cánh rách bẩn, đương ngồi nhặt rau ở ngoài thềm để cho thằng Tý cắm cúi dóm bếp thổi cơm. Thấy chúng tôi vào, ông Đồ mỉm cười một cách ngượng nghịu rồi buông rổ rau đứng dậy; trông ông có vẻ bối rối của một đứa trẻ đang chơi nghịch mà gặp người lớn. Không hiểu thấy như vậy, anh tôi nghĩ sao chứ đối với tôi cảnh ấy như mở một cái cửa sổ con trên cái cuộc đời nghèo túng, vất vả, cay đắng của ông nhà Nho lỡ thời.

Mọi ngày thường, tôi không bao giờ dám nhìn tận mặt ông Đồ, không hiểu sao hôm ấy tôi lại tò mò ngắm ông Đồ như muốn in sâu trong óc hình ảnh ông cùng cái khung tiều tụy của đời ông.

Ông Đồ năm ấy đã già lắm. Mái tóc và chòm râu thưa của ông đã lơ phơ bạc. Người ông bé nhỏ và gầy yếu; đôi vai mỏng mảnh, trơ xương, nhô lên sau lần áo rộng lùng thùng. Mặt ông răn reo như một quả táo tầu. Mồm ông móm và thụt sâu vào như có ai lấy tay ấn xuống; khi ông nói thì giọng ông hơi phều phào, khó nghe một chút. Đôi mắt ông toét nhoèn và đầy rử nên thường ông vẫn có một cái khăn tay đỏ vắt ngang vai để thỉnh thoảng chùi mắt.

Hình ảnh ông như bao giờ cũng ở trước mắt tôi.

... Một hôm thầy tôi gọi chúng tôi ra dặn:

– Thôi ngày mai chúng mày sang xin phép thầy đồ nghỉ ở nhà nhé!

Nghỉ ở nhà? Để ông Đồ trơ vơ lại trong khi ông chỉ còn nương tựa vào hai cái hy vọng cuối cùng là chúng tôi? Tôi thấy ái ngại không nỡ làm sự tàn nhẫn ấy!

Tôi hỏi thầy tôi:

– Thế thưa thầy nghỉ để làm gì ạ?

– Tao định xin cho hai anh em chúng mày vào trường làng để kiếm lấy dăm ba chữ Tây chứ cái chữ Nho bây giờ không sống được, các con ạ!

Tôi đánh bạo:

– Nhưng thưa thầy con không thích học chữ Tây , con chỉ muốn học ông Đồ.

– Im đi! Trẻ con biết gì nào, thầy tôi quát.

Thế là, sáng sớm hôm sau... buổi học cuối cùng của chúng tôi!

... Chúng tôi đến nhà ông Đồ muộn hơn ngày thường. Đến cửa, chúng tôi còn thập thò mãi không chịu vào. Sau khi đùn nhau đi trước mãi, tôi với anh mới khe khẽ bước qua cổng và len lén vào như hai đứa ăn trộm.

Ông Đồ ngồi đợi chúng tôi trên phản.

– Sao hôm nay đến chậm thế?

Ông Đồ hỏi bằng cái giọng làm ra nghiêm khắc nhưng vẫn hiền từ. Vừa hỏi, ông vừa hạ thấp cặp kính trắng xuống gần giữa sống mũi và ngước mắt nhìn chúng tôi.

Chúng tôi ngồi vào cái yên dài để cạnh phản và giở sách ra. Như lệ thường, ông bắt chúng tôi đọc bài rồi mới đưa cái bản mẫu phỏng cho chúng tôi tập viết. Chưa đến lượt tôi, tôi khoanh tay ngồi nghe anh tôi đọc bài, giọng đọc y như nhai chữ, vang trong gian nhà trống trải, hôm ấy đối với tôi như có một cái gì thống thiết, não ruột lạ thường! Tôi hết nhìn ông Đồ lại nhìn những cột nhà đã mọt ruỗng, những kẽ hở ở đầu nhà có ánh sáng lọt vào... tôi âm thầm nghĩ rằng, chỉ bắt đầu từ mai, tôi không được nhìn những cái ấy nữa!

– Tý, đọc bài. Làm gì mà ngẩn người ra thế?

Tôi đứng lên như cái máy. Miệng tôi ấp úng. Tôi không đọc được chữ nào, tuy bài ấy đã thuộc từ tối hôm trước. Vì lúc ấy lòng tôi xốn xang quá; cổ họng tôi như nghẹn ngào... Thấy ông Đồ ngước mắt nhìn tôi ra ý đợi, tôi muốn gào to lên một tiếng: "Vô ích! Vô ích! Tôi không cần phải thuộc bài hôm nay. Vì chỉ ngày mai... ngày mai thôi..." Nhưng tôi không nói lên được. Mà ông Đồ cũng không hiểu. Ông lấy cái roi mây khe khẽ gõ vào đầu tôi và cho tôi ngồi xuống.

Giờ tập viết.

Rồi cái phút cuối cùng, phút mà tôi lo sợ nhất. Trống ngực tôi đánh thình thình. Như sợ ông Đồ biết được những ý nghĩ lộn xộn đương xô đẩy nhau ở trong óc tôi, tôi cúi gầm mặt xuống. Tôi đợi anh tôi nói. Tôi đếm từng phút. Tôi nín thở...

Xong rồi, anh tôi đã đứng dậy. Anh tôi khoanh tay. Tôi liếc mắt, rình nét mặt ông Đồ. Anh tôi nói:

– Thưa thầy, từ ngày mai xin phép thầy cho chúng con nghỉ ở nhà...

Mặt ông Đồ hình như hơi đổi khác.

– Thế à?... Thế... các con nghỉ ở nhà làm gì?

– Thưa thầy... thưa thầy, chúng con không biết.

– Các con không biết... Vì thầy ở nhà dặn con nói thế, phải không?

– Thưa thầy... vâng ạ.

– Vậy thì các con về thưa với thầy rằng từ ngày mai thầy bằng lòng cho các con nghỉ. Các con có thể ở hẳn nhà hay là... xin vào trường làng học chữ Tây cũng được... Vì rằng...

Cặp môi ông cụ bỗng phác thành một nụ cười và sau cặp kính hình như mắt ông rơm rớm ướt. Ngoảnh đi nơi khác, ông hạ thấp giọng nói xuống:

– ... Vì rằng chữ Nho bây giờ vô dụng rồi!

Chúng tôi khoanh tay đứng yên lặng nhìn ông Đồ. Tiếng mọt trong một cái cột nào đó, kẽo cọt đục gặm sự yên lặng... Một lúc.

Ông Đồ quay lại chúng tôi:

– Kìa! Thôi thầy cho phép các con về.

Anh tôi và tôi nắm tay nhau, ngần ngại không biết nên đi ra hay là nên ở lại. ông Đồ giơ tay với lấy một cái gối sơn đã cũ rồi từ từ ngả lưng xuống phản. Một tay ông vắt lên trán còn tay kia ông ra hiệu cho chúng tôi lui ra.

– Lạy thầy ạ!

Anh tôi cắp sách bước ra trước. Còn tôi, đến lượt tôi nhắc lại tiếng chào ấy, tôi thấy làm sao ở trong cổ họng. Lòng tôi thổn thức... tôi muốn òa lên khóc.

Thời gian đã đưa tôi đi xa buổi ấy rồi. Nhưng tôi còn nhớ mãi như vừa hôm qua. Ông Đồ già, ngày nay, có lẽ cũng đã chết. Nhưng kỷ niệm của ông cứ theo đuổi tôi mãi mãi, cứ ở lại trên đường tôi đi như một sự ám ảnh... không sao mất được!

Tiểu thuyết thứ bảy,

số 163 (1937).

CHUỒNG NUÔI NGỰA

NHƯ PHONG

Đã hai tuần nay, trong khi bận việc hái lá tre, hay thái rơm, thay nước, quét dọn trong chuồng ngựa, Bình vẫn phải sốt ruột vì tiếng trẻ con lên cơn sài khóc ra rả, từ chiếc nhà lá thấp lùn, lụp xụp đằng cuối vườn đưa lại. Đứa trẻ có bệnh ấy là con trai đầu lòng của anh, mới hơn tám tháng. Trẻ con đau đớn chỉ biết chịu đựng một cách âm thầm hoặc chỉ biết khóc. Nhưng tiếng khóc yếu ớt, dai dẳng liên miên như những cơn đau ghê gớm dày vò cái thân thể bé nhỏ, non nớt, không biết chống cự, làm cho lòng người cha bối rối tan nát. Anh đã đoán thấy một cách rõ rệt cái đau đớn day dứt trong người đứa trẻ không biết làm thế nào cho nó nhẹ bớt đi. Có lần anh đã mơ hồ ước được chịu thay cái phần đau đớn khổ sở ấy. Anh nghĩ thầm: "Dẫu sao, mình cũng chịu được hơn nó, vì mình là người lớn...".

Sáng hôm nay, những tiếng khóc ấy đã im bặt, chỉ thỉnh thoảng mới cất lên, nghe nhoe nhóe như tiếng mèo kêu. Đứa bé không khóc nữa, đó không phải là một sự đáng mừng: nó không còn sức để khóc. Từ đêm hôm qua, nó nằm lịm trong lòng mẹ, mắt nhắm nghiền, hơi thở ngắn lại, mệt lả như một cái mầm con bị cắt đứt. Sự bối rối bồn chồn đã làm cho Bình trở nên một người đần.

Anh ta vừa lúi húi rửa những máng ăn trong tầu ngựa, vừa để tai và ý nghĩ qua cái vườn rộng về phía chiếc nhà lá trong đó một sinh mạng bé nhỏ, trứng nước đương quằn quại, giãy giụa với những sự phá phách tối tăm, ác liệt của bệnh và cái chết... Yên lặng. Cái yên lặng lúc này như thành khối, đè nén và nặng nề... Mùi rơm ẩm lẫn với mùi nước đái ngựa hăng hăng đưa lên trong bóng mờ và ẩm của gian buồng hẹp. Mỗi lần Bình cử động lại khẽ chạm phải cái mình rắn và bóng mượt của con ngựa nâu đương đứng nép vào thành chuồng đưa đôi mắt bình tĩnh và quen thuộc nhìn anh. Qua cửa chuồng làm bằng những thân gỗ dẹp và chắc đóng theo chiều dọc, ánh nắng vàng rải trên mặt phẳng của mảnh sân đất rải rác những

sợi lá tre và rơm khô. Có tiếng vó ngựa đập trên nền xi măng trong gian buồng bên cạnh.

Bình xách cái thùng sắt và cái chổi đi ra đóng cửa chuồng lại. Anh đã định đi sang gian bên, nhưng ngần ngừ một chút, anh bỗng đặt thùng và chổi lên thềm, trước cửa chuồng, rồi rảo bước đi qua sân, vào cái nhà lá ở cuối vườn.

Lách qua cái cửa phên, anh bước vào nhà. Hơi ẩm lạnh của những vách đất làm anh khẽ rùng mình vì anh vừa đi qua dưới nắng ấm. Tấm cửa phên khép, gian nhà lại chìm trong thứ ánh sáng mờ phớt xám. Những khe vách hở bừng sáng hẳn lên.

– Thế nào, con nó ra sao?

Người đàn bà đương ngồi bó gối trên phản ngửng lên nhìn chàng, rồi cúi xuống đống tã nâu đặt ở giữa giường.

Không một lời.

Bình bước lại bên giường nhìn đứa bé. Nhìn trong đống tã, mặt nó chỉ là một dúm thịt nhăn nheo, xám nhợt. Hai mắt lờ đờ, he hé mở. Cặp môi mất sắc há to. Hơi thở đưa lên yếu ớt, có một tiếng khò khè nho nhỏ như đờm bị vướng ở cổ họng. Nước rãi tràn ra ở mép. Thỉnh thoảng, người nó rùng lên một cái, chân tay nó co quắp lại, miệng há to như muốn thở.

Bình nghẹn ngào hỏi vợ:

– Con nó nguy lắm, bây giờ làm thế nào?

Người đàn bà thở dài:

– Bây giờ giá mời được ông lang Ích, họa may còn...

– Nhưng làm gì có tiền?

Yên lặng một chút.

– Hay là thầy nó thử nói với cậu xem...

– Không được. Mình đã vay trước hai tháng lương rồi. Bây giờ lại hỏi cậu vị tất đã được...

Đứa bé bỗng ú ớ rồi nấc lên một tiếng. Vợ Bình hốt hoảng cúi xuống bế con lên tay. Cả mình đứa bé run đây đẩy. Chân tay nó bé nhỏ co quắp, quằn quại như một cái gì bên trong giày vò, cấu xé. Mồm nó há hốc một cách đau đớn như bực tức vì không kêu lên được. Người mẹ ôm chặt lấy con vào lòng, ru đi ru lại, hai giọt nước mắt chảy trên gò má nhăn nheo. Bình tuy không khóc nhưng đứng nhìn

vợ và con, lòng anh như thắt lại. Người đàn ông bình dị ấy, trong cảnh này, đã đau đớn một cách rất phiền phức. Đó không phải là cái đau đớn mạnh mẽ, thẳng tuột như của người mẹ! Trong sự thương xót máu mủ của anh còn lẫn một cái gì như là sự chua chát thấy mình bất lực, không làm gì được trước cái nguy ngập của con và nỗi đau thương của vợ. Cả tấm lòng làm cha cùng tính tự ái của người đàn ông đã bị một vết thương.

Môi anh mím chặt một đường nghiêm nghị, đau đớn. Anh quay mặt đi, ra phía cửa, hé tấm phiên nhìn ra ngoài.

Đầu vườn đằng kia, qua cái sân phẳng lì, là chuồng ngựa. Một dãy nhà dài xây gạch, quét vôi vàng, mái ngói mới lợp đỏ chót. Mười hai gian chuồng. Hai gian hiện thời bỏ không. Mười con ngựa, toàn là những giống ngựa tốt, cao lớn, đẹp đẽ, người ta nuôi cho chạy đua. Qua những song cửa sổ, thấp thoáng những bộ lông bóng mượt, những bắp đùi thon thả và rắn chắc, những cái bờm gọt kỹ đều như một bàn chải.

Người ta giao cho Bình trông nom chăm sóc chuồng nuôi ngựa này. Công việc anh là phải quét dọn chuồng và cho ngựa ăn uống. Anh đã biết việc nuôi ngựa đua này là khó khăn và tốn kém là thế nào. Mỗi con một tháng ít ra cũng ăn đến ngót hai chục bạc. Đồ cho ngựa ăn phải là đồ ăn chọn lọc: lá tre tươi, ngô, khoai, mía, củ cải đỏ và cả trứng gà nữa. Ở chuồng nuôi ngựa của ông đốc tờ L... cách ba ngày người ta lại tiêm cho mỗi con ngựa hai ống thuốc bổ.

"Trong khi ấy thì người nghèo chết đói, ốm không có thuốc mà dùng". – Bình nghĩ thầm.

Sự bất công ấy, mọi ngày, Bình không nghĩ đến, hoặc có nghĩ đến cũng chỉ nghĩ thoáng qua thôi, với cái lãnh đạm của hạng người không ưa nhìn xa ra ngoài công việc của mình. Những người giàu ấy nhiều tiền thì họ có quyền tiêu phí một cách vô lý như vậy! Việc ấy là việc của họ, can gì đến mình! Miễn cứ tháng họ giả lương cho mình là được! Nhưng hôm nay trong khi khổ sở đau đớn vì nỗi con ốm sắp chết không có tiền chạy chữa, Bình bỗng nhận ra, rõ rệt hơn bao giờ, cái mỉa mai cay đắng giữa sự thiếu thốn của người nghèo và sự vung phí của người giàu ích kỷ. Anh đi sâu mãi vào trong những ý nghĩ chua chát, bất bình, và lần đầu tiên, mang máng anh nhận ra rằng trong xã hội, người đối với người còn nhiều cái khó hiểu, phức tạp, không thể để nguyên như vậy được...

– Bác Bình đâu, có nhà không?

Bình bước vội ra.

– Tôi đây!

Ở cổng vào, một thằng con trai bé nhỏ, độ mười lăm mười sáu tuổi, mặc cái áo cánh vải ròng rọc và một cái quần đen, đương đứng đợi bên một cái sọt lớn. Đó là thằng Hợi, người nhà "cậu" thường buổi sáng mang ngô, mía, cà rốt... lên cho ngựa và cho ngựa đi quần.

– Bác ra giúp tôi một tay!

Hai người lễ mễ mang cái sọt vào. Vừa đi thằng Hợi vừa liến thoắng:

– Cà rốt hôm nay đắt quá. Những băm lăm xu một kilô, bác ạ. À, thế nào bác, con Xích Long có chịu ăn không? Hình như hôm qua nó chê cỏ thì phải... Cậu bảo có lẽ phải mang đi cho đốc tờ thú y xem mới được... khéo không lại giống con Phi Phi và con Flèche d'or [1]

Hai người đã đến trước cổng chuồng. Một con ngựa bạch mồm còn ngậm mấy sợi cỏ, sát mũi vào giữa khoảng hai gióng cửa, hí ầm lên. Thằng Hợi cầm mấy củ cà rốt đút qua khe gióng và kêu rằng:

– Câm mồm ngay, làm gì mà nóng thế?

Nó cùng với Bình đem những đồ ăn trong sọt phân phối khắp các gian chuồng. Hồi lâu vang lên những tiếng răng nhai rào rạo, xen với tiếng đuôi vụt không khí và tiếng vó đập lộp cộp trên nền xi măng.

Đứng trên thềm, một chân để ghếch lên thành sọt đặt nghiêng trên mặt đất, thằng Hợi nhìn vơ vẩn ra sân và nói chuyện gẫu với Bình.

Bình chợt hỏi nó:

– Hôm nay cậu lên không?

– Có, chốc nữa, hơn mười một giờ, cậu mới lên.

– Chắc cậu còn bận gì?

– À, cậu còn ra nhà thương xem người ta chữa cho con Phi Phi và con Flèche d'or.

Rồi tự nhiên không cần hỏi, nó cứ liến thoắng:

– Người ta bảo con Phi Phi bị cái bệnh gì... cái bệnh gì lạ lắm... như có máu ứ lại trong mồm ấy. Còn con Flèche d'or chân trước đã bị

1. Mũi tên vàng

bong gân đã gần khỏi rồi. Mỗi ngày tám hào bạc nhà thương! Mà có khỏi ra cũng phải nghỉ ít ra một tháng mới chạy giải được. Thực ra là hao quá!

Một lúc, nó đứng thẳng dậy, cầm lấy cái sọt:

– Thôi, tôi về đây, bác ạ.

Đi qua sân để ra cổng. Nó bỗng như sực nhớ ra điều gì, quay lại hỏi Bình đang đi sau:

– À, thế nào, thằng bé, con nhà bác khỏi chưa?

– Đã khỏi thế nào! Hôm nay lại có phần nặng hơn nữa!

– Tội nghiệp! Sao bác không chịu khó mời thầy thuốc cho nó?

– Anh tính làm gì có tiền?

Hợi đương đi, đứng hẳn lại. Một vẻ đứng đắn lộ ra trên mặt nó. Nó chép miệng một cái:

– Ấy đó, người ốm sắp chết không có tiền chữa, mà ngựa thì hơi tý cũng được đi nhà thương.

Nó nhìn Bình ra vẻ ái ngại. "Thôi, chào bác chơi nhá".

"Cậu" không lên lúc mười một giờ như Hợi nói mà mãi đến tận chiều.

Lúc ấy, Bình đương ở trong nhà. Cả hai vợ chồng cùng cuống quýt lo lắng đến tuyệt vọng vì đứa bé vừa lên một cơn dữ dội nữa.

"Cậu" là một người trai trẻ độ ngoài hai mươi tuổi. Mặt đẹp, nhưng đầy một vẻ kiêu hãnh đáng ghét của hạng người tự mãn một cách nông nổi. Thân thể tầm thước, cử chỉ dễ dàng, lịch sự trong bộ quần áo thể thao cắt rất khéo. Miệng ngậm một cái tẩu thuốc lá.

Chàng ta là con một một nhà cự phú, không cần làm gì mà vẫn cứ sống một cách đế vương. Trong các chốn ăn chơi đài các ở Hà thành, chàng cũng đã nổi tiếng.

Có một hạng người sống không làm gì cả, chỉ biết chơi bời thỏa thích, kiêu sa, dâm đãng, vậy mà cũng được nổi tiếng một cách lừng lẫy, nổi tiếng lại chính vì sự hư hỏng, phóng đãng của đời họ! Chàng cũng là một trong hạng người đó, một trong những ông hoàng ăn chơi, ai cũng biết mặt, biết tên! Sự say mê của chàng, lúc này là ngựa thi. Chàng mê chơi ngựa cũng như ông công tử con quan, nhà giàu xưa kia mê chơi chó săn, gà chọi hay chim họa mi vậy!

– Lạy cậu ạ!

Hình như không để ý tới lời chào của Bình, chàng hất hàm hỏi ngay khi thấy mặt anh:

– Thế nào, con Xích Long hôm nay vẫn chê cỏ?

Câu hỏi hách dịch ấy nói bằng giọng khô khan và cứng nhẵng.

– Vâng, thưa cậu, hình như nó không chịu ăn...

Chàng công tử cau mặt lại:

– Hết con Phi Phi, con Flèche d'or lại đến con Xích Long! (quay lại Bình). Hay là tại anh không chịu trông nom cẩn thận?

– Bẩm cậu, quả thực con...

– Bẩm với báo cái gì! Tôi vẫn biết anh là đồ vô tích sự!

Bình không dám nói gì nữa. Anh chạy đi lấy chiếc ghế đặt trước cửa chuồng ngựa, để cho chủ ngồi. Đoạn anh chạy ra vun đống rơm phơi ở ngoài sân.

Hồi lâu, sau khi đã liếc mắt nhìn trộm chủ mấy lần, anh vun gọn đống rơm lại một chỗ. Rồi anh bỗng buông chổi xuống, đứng thẳng người lên như đã quyết định một sự gì. Tuy vậy anh vẫn còn đứng nguyên chỗ, lấy tay phủi những bụi rơm bám trên tấm áo nâu. Sau cùng anh hắng giọng một cái, cả quyết đi lại phía chủ ngồi.

Chủ anh đương ngồi ngắm chăm chú con ngựa Bạch tên là con Blanche – Neige, [1] một con ngựa chàng thích nhất. Thấy Bình lại gần, chàng lấy tẩu ngậm ở miệng ra rồi hỏi:

– Cái gì nữa thế?

– Bẩm... bẩm...

– Lại bẩm với báo cái gì... Con khỉ!

– Bẩm cậu, cháu nó sài, con muốn xin cậu ban cho trước ít nhiều để cháu uống thuốc...

Vẻ bực mình lại hiện ra trên mặt chàng công tử. Lúc này là lúc không ai nên quấy nhiễu chàng. Hai con ngựa bị ốm. Hôm nay, có lẽ lại con nữa! Thế chưa đủ để cho chàng bực tức, cáu kỉnh hay sao?

– Bẩm lạy cậu, xin cậu thương cho. Tính mạng cháu nó đã nguy ngập lắm...

---

1. Bạch tuyết.

Bình cứ nói lải nhải mãi. Sự khó chịu của chàng trẻ tuổi cũng tăng lên. Mọi khi, đối với chàng, một vài đồng bạc, chàng có coi vào đâu! Tính chàng rộng rãi vứt tiền ra đã quen. Vả lại, chàng cũng không phải là kẻ tàn nhẫn lắm! Nhưng hôm nay chàng có nhiều cớ để bực mình. Ngựa, hai con ốm! Đêm qua chàng đi chơi khuya, bây giờ người còn mệt mỏi. Lại hôm chủ nhật mới rồi, trên trường đua có mấy giải lớn thì chàng hỏng ăn cả! Một đứa con anh Bình ốm, chứ giá tất cả trẻ con trong nước ốm nữa, chàng có cần chi. Chàng đứng phắt dậy, gắt:

– Đã bảo mặc kệ, không biết, con khỉ!

Rồi chàng đi luôn ra phía cổng.

Bình như một cái máy đi theo chàng vài bước rồi lại đứng lại.

Đứng ở giữa sân, anh nhìn ra ngoài cổng.

Chàng trẻ tuổi lịch sự bước lên chiếc xe hơi hai chỗ ngồi sơn màu ngà, những chỗ bằng kim khí mạ thiếc bóng loáng như gương. Tiếng cửa xe sập mạnh. Tiếng máy rít. Tiếng động cơ chạy... Loáng một cái chỉ còn một làn bụi vẩn bay hất lên đầu giậu găng lởm chởm...

*

* *

Đứa con Bình đã chết.

Tới nay năm ngày rồi, người ta đã mang con Phi Phi và con Flèche d'or về. Cậu lên chuồng nuôi kiểm tra người ta chăm sóc ngựa. Vì có mặt chủ ở đấy, Bình và thằng Hợi phải làm việc luôn tay. Vừa cắt lá tre, thằng Hợi vừa thì thầm với Bình:

– Hôm nay trông mặt cậu đã vui hơn mọi ngày.

Thật vậy hôm nay, những bóng mờ trên mặt chàng công tử đã biến đi. Chàng vui vẻ hút thuốc lá, ngồi ngắm nghía những con ngựa béo tốt, đẹp đẽ trong chuồng. Con Phi Phi và con Flèche d'or đã về! Còn con Xích Long sau mấy ngày chê cỏ, hôm nay đã lại bắt đầu ăn như thường. Bên ngoài, nắng đầu xuân sưởi ấm. Trời xanh láng, êm dịu, chảy lọt qua những cành lá non. Rơm khô ngoài sân thoáng bốc lên một mùi thơm lành...

Trong khi vui, chàng trẻ tuổi muốn cho ai cũng bằng lòng cả: tính ích kỷ của chàng trong lúc này dễ được người ta nhận lầm là lòng tốt.

Chàng nhận thấy Bình có một vẻ mặt đăm đăm và nặng nề. Tuy Hợi nói chuyện luôn mồm mà Bình vẫn giữ yên lặng trong lúc làm việc.

Chàng bèn gọi anh ta lại gần:

– Sao hôm nay trông anh ủ rũ thế? À, thế nào, đứa bé nhà anh đã khỏi chưa?

Người cha cúi mặt xuống đất không trả lời. Thằng Hợi mau miệng nói luôn:

– Thưa cậu, nó chết đã được mấy hôm nay rồi. Con đã thưa chuyện với cậu mà có lẽ cậu đã quên chăng?

– Ờ nhỉ, bây giờ tao mới nhớ.

Chàng móc túi lấy ra một đồng hai đưa cho Bình:

– Này, cầm lấy mà tiêu vặt.

Bình cầm lấy, một ý nghĩ chua chát thoáng qua đầu anh: "Nếu đồng bạc này đến sớm dăm hôm...". Cái cảnh tượng đau đớn khi con anh chết lại hiện ra. Cái bụng chướng căng lên như quả bóng, chân tay ngắn ngủn giãy đành đạch; cái miệng há hốc với một mẩu lưỡi đen sì hơi thò ra, một ít nước miếng đùn ra ở cạnh mép...

Con anh đã chết vì không có thuốc. Anh vân vê đồng bạc cầm trên tay. Anh nhận thấy đời anh như không phải thuộc về anh mà về một người khác; người ấy chỉ vì có tiền của mà có thể làm chủ được cả từ cái sướng cho đến cái khổ của anh. Chỉ do một cái không đâu, một tính tình thay đổi thất thường, một cơn bực mình nho nhỏ của người ấy mà anh đã phải chịu mất một cái yêu quý nhất đời: đứa con máu mủ của anh! Anh thấy sự căm hờn ứa ra trong nước mắt...

Có tiếng hí vui vẻ của con Phi Phi trong chuồng.

Ông chủ thiếu niên của nó ngừng nói với Bình, quay sang huýt sáo để trả lời con ngựa "Favôri" [1] của mình. Vẻ mặt hân hoan lạ.

Báo Mới số 2 (ngày 15–5–1939)

và số 3 (ngày 1–6–1939).

1. Ngựa Favôri: ngựa quý, hay ăn giải.

THẾ LÀ VỢ TÔI CHẾT

(Kí ức của một người thợ đình công)

(Truyện ngắn)

HỌC PHI

Sáng hôm ấy, tuy tôi không phải đi làm, nhưng khi nghe tiếng còi tầm thét vang ở mạn nhà máy thì tôi cũng vội vàng trở dậy.

Dậy để làm gì?

Tôi nhớ mang máng hình như không để làm gì cả. Song tôi vẫn cứ dậy. Đó là cái thói quen của tôi, gần mười năm trời nay; sáng dậy với tiếng còi tầm của nhà máy, tối ngủ với chuyến xe hỏa cuối cùng ra Bắc.

Thế là tôi dậy. Mà không dậy thì cũng không sao ngủ được nữa. Bộ dạ dầy lép xẹp của tôi đã ba ngày chưa được chứa chút gì, cứ thỉnh thoảng lại đưa lên mồm một ít nước vừa chua, vừa tanh ngắt. Thật là một thứ khổ hình đáng sợ hơn cả roi điện và đuôi cá sấu.

– Anh Hai ơi! Dậy đi làm thôi.

Tiếng rên rỉ của vợ tôi ở trong buồng đưa ra ghê rợn như tiếng gọi của tử thần làm cho tôi giật nẩy mình. Tôi chưa kịp trả lời, nhà tôi đã rền rĩ thêm:

– Mình đã dậy chưa?

– Tôi dậy rồi. Mình có ăn cháo để tôi đi nấu...

Nhưng tôi bỗng im bặt, vì chân tôi vừa đá phải cái thúng đựng gạo ở gầm chõng. Cái thúng rỗng không quay đi một vòng rồi lăn lại úp vào chân tôi. Tôi sợ hãi đặt chân ra như một kẻ bị tội tử hình vừa sờ phải lưỡi gươm của tên đao phủ. Cái thúng ấy là người bạn thân an ủi tôi trong những ngày đầu tắt mặt tối, bây giờ hình như hiện lên để trừng phạt tôi. Tôi muốn vứt nó vào một chỗ nào thật khuất để khỏi phải trông thấy nó, hay là để cố tưởng tượng rằng nó vẫn còn đầy cái chất nuôi sống người. Vì tưởng tượng chẳng là một cách lừa dối sự đau khổ hay sao? Tôi vội cúi xuống, và như một kẻ sinh

tình nâng niu người yêu, tôi đưa hai cánh tay mệt nhọc ra bê nó lên. Nhưng một lần nữa, tôi lạnh toát cả người: cái thúng mà tôi có hy vọng vu vơ rằng nó sẽ nặng, thật nặng, thì trời ơi, nó chỉ nhẹ như một cái... thùng không. Tôi buồn rầu vất nó ra cửa rồi đứng dậy đi vào trong buồng.

Tôi lại gần giường nhà tôi khẽ nhắc lại câu hỏi ban nãy:

– Mình có ăn cháo để tôi đi nấu?

Tuy bây giờ tôi biết chắc rằng không còn tìm đâu ra một hạt gạo nữa.

Nhưng nhà tôi chỉ giả nhời bằng một tiếng thở dài não ruột. Tôi sờ tay lên trán nó thì thấy nóng như lửa. Tự nhiên ruột tôi cũng nóng lên đến nhiệt độ ấy.

Tôi ôm lấy đầu nhà tôi lo lắng:

– Mình ơi! Mình nóng lắm.

Nhà tôi vẫn không đáp. Tôi ngồi im nghe tiếng thở hổn hển của nó lẫn trong tiếng gió thổi lên mái nhà xào xạc.

Mười phút qua! Còi tầm lại thét vang lên lần thứ hai trong bầu không khí yên lặng. Vừa lúc ấy, thằng con nhỏ tôi ở nhà ngoài, tỉnh dậy, mếu máo khóc và đòi ăn cơm.

Nhà tôi rên rẩm bảo tôi:

– Mình ra bế con vào đây cho tôi, rồi mình đi làm đi cho kịp giờ.

Tôi bế con vào, nhưng tôi vẫn không đi làm.

Nhà tôi giục hai ba lần nữa, tôi mới giả nhời:

– Mọi người còn nghỉ cả, tôi đi làm với ai kia mình?

– Nhưng hôm qua mình đã hứa với người ta thế nào?

– Tôi có hứa gì đâu!

– Có, mình có hứa. Tôi nghe rõ cả rồi. Mình hẹn với viên bang tá hôm nay mình đi làm.

– Nhưng nếu tôi không đi làm?

– Người ta sẽ cho lính đến bắt như những người khác.

– Ai bắt được tôi kia mình? Tôi đi làm hay nghỉ là việc riêng của tôi với chủ xưởng, có can thiệp gì đến các nhà cầm quyền mà mình phải sợ.

– Thế sao hôm nọ người ta bắt anh Trữ, không thấy mình dám nói gì?

Tôi toan cãi rằng anh Trữ là đại biểu, anh phải bắt là vì anh không chịu ký vào tờ cam đoan ép thợ phải đi làm, nhưng nhà tôi đã năn nỉ:

– Thôi mình nghe tôi đi làm đi! Mình thử nghĩ mà xem: đình công đến hôm nay là 12 ngày rồi, mà chủ nó chưa ưng chuẩn cho một khoản yêu cầu nào thì còn hi vọng gì nữa. Nếu cứ gắng mãi thì thêm khổ mình, khổ con...

Nói đến đây, nhà tôi òa lên khóc:

– Khổ con tôi quá! Ba ngày hôm nay chưa được miếng gì vào mồm. Tôi cũng không cầm được nước mắt. Tôi phải ngoảnh mặt đi để nhà tôi khỏi nghe thấy những tiếng thổn thức từ trong đáy lòng tôi đưa ra.

Các bạn ơi! Nếu các bạn ở vào hoàn cảnh tôi lúc ấy, chắc các bạn sẽ không nỡ kết tội sự hèn yếu của tôi.

Các bạn ạ! Vì nghĩa vụ, người ta có thể nhẫn tâm giết vợ, chứ không ai có can đảm đầy đọa một đứa con thơ.

Nhà tôi chắc cũng đoán được cuộc chiến đấu trong lòng tôi, toan tìm lời an ủi:

– Mình cứ đi làm đi, rồi tôi sẽ có cớ nói với anh em không thể trách mình được.

Rồi nhà tôi quay lại vỗ về con:

– Nín đi bé! Đến trưa thầy đi làm về, thầy sẽ mua cơm cho bé ăn.

Ruột tôi rối lên như mớ bòng bong, tôi cầm lấy hai bàn tay xương xẩu của nhà tôi, thở dài:

– Mình ơi! Mình đương đau yếu thế này, tôi bỏ mình ở nhà đi làm sao cho đành?

– Tôi đỡ nhiều rồi mình ạ! Nhưng nếu mình có thương tôi thì mình nên vào làm đi để lấy tiền thang thuốc cho tôi. Nếu có tiền, tôi chỉ uống độ dăm chén thuốc là khỏi hẳn.

Tôi còn từ chối làm sao được nữa. Khổ quá! Nếu cuộc đình công không vì một việc bất thình lình, bùng vào cuối tháng, thì tình cảnh của tôi cũng như của tất cả những người khác, làm gì đến nỗi khốn quẫn thế này! Tôi sực nhớ ra, chiều hôm trước viên bang tá nói với một anh đại biểu rằng nếu ai vào làm bây giờ thì sở sẽ giả ngay lương tháng trước, tính cả những ngày nghỉ.

Một tia hi vọng vụt bật lên trong óc tôi, và tôi bám chặt lấy nó như kẻ ăn mày vồ lấy đồng xu của khách qua đường bố thí cho.

Tôi liền vui vẻ nói với vợ tôi:

– Mình ơi! Tôi đã nghĩ được kế có tiền lấy thuốc cho mình và đong gạo cho con rồi. Tôi định bây giờ cứ giả vờ vào làm rồi hễ nó phát lương tháng trước cho xong thì lại nghỉ. Như thế có được không mình?

Nhưng nhà tôi đã lên cơn sốt mê man. Tôi đắp thêm cho nó một chiếc chiếu, rồi mở cửa đi ra. Thằng con nhỏ tôi lại gào lên khóc đòi ăn...

Bên ngoài, lúc ấy trời đã sáng hẳn. Những ánh nắng đầu tiên đã nhuộm vàng hoe ngọn cây cau trước cửa. Một đàn chim sẻ ở trên mái nhà bay ào ào xuống sân rồi lại vội vàng vụt bay lên.

Tôi lảo đảo bước đi bên hàng rào dâm bụt. Không hiểu sao tôi thấy như tôi sắp sửa làm một việc gì đê hèn lắm. Gặp ai tôi cũng tưởng họ đoán được ý định của mình, nên tôi lại cúi gầm mặt xuống đất. Tôi hồi hộp nghĩ đến cái lúc bước chân vào nhà máy dưới những con mắt hằn học và khinh bỉ của các anh em. Phải có luôn luôn ở trước mặt cái hình ảnh đứa con thơ gào đói và người vợ mê man trên giường bệnh, tôi mới nhấc nổi được chân.

Tôi vừa ra đến con đường sau ga thì gặp anh cai Hào ở đầu phố đi lại. Anh vỗ vai tôi nói đùa:

– Trời ơi! Tôi trông anh giống Thần đói hiện hình quá!

– Còn anh thì mới chui ở ngôi mồ nào lên đấy?

Chúng tôi nhìn nhau cùng cười. Cái cười chua xót của những người cùng chung cảnh ngộ đau thương...

Trời xanh và cao, báo trước một ngày nóng nực. Tôi nhìn những dải mây hồng lửng lơ trôi trên đầu mà cảm thấm thía thấy sự mỉa mai của tạo vật. Tôi nắm chặt lấy tay anh Hào mơ màng nói:

– Anh ơi! Nếu tạo vật có linh hồn, chắc không nỡ đem những ánh sáng tưng bừng như thế này soi xuống cảnh tối tăm của chúng ta. Vì đời chúng ta lúc nào cũng là đêm tối thì còn biết gì đẹp bên ngoài nữa.

Hào trố mắt nhìn tôi. Tôi nhận thấy vẻ kinh ngạc trong cặp mắt hấp háy của anh, nên tôi phá lên cười. Tôi quên mất rằng tôi đương nói chuyện với một người tuy đã làm cai thợ nguội, nhưng chưa cắp sách đến trường bao giờ và nhất là đến trường kỹ nghệ thực hành như tôi.

Chúng tôi khoác tay nhau loạng choạng đi như hai thằng say rượu. Khi đi qua cái quán bán nước ở cổng ga mà ngày thường thợ thuyền vào ra tấp nập, chúng tôi bùi ngùi đứng lại nhìn nó như nhìn một người bạn thân thiết đương thở hơi thở cuối cùng. Sự lạnh lẽo của nó làm lạnh cả lòng tôi. Tôi cảm thấy sự lạnh lẽo ấy ở tất cả mọi chỗ mà tôi qua, ở tất cả mọi vật mà tôi thấy.

Sinh hoạt như ngừng trệ lại.

Các cửa hiệu vắng ngắt như những nơi tĩnh thất để cho các cô tiểu thơ đọc tiểu thuyết ngôn tình, để cho các ông trưởng giả ngồi hút thuốc vặt hay đánh cờ "chiếu tướng" cho đỡ buồn.

Họa chăng lúc này những kẻ xưa nay vẫn nhìn chúng tôi bằng con mắt khinh bỉ, mới nhận thấy địa vị quan trọng của chúng tôi trong xã hội? Nhưng cái vinh dự ấy vẫn chỉ có chúng tôi là nhận thấy rõ ràng hơn hết.

Cho nên, một cuộc đình công dù thất bại hay thắng lợi vẫn có ích cho thợ thuyền.

Tôi đương nói cho Hào nghe cái kinh nghiệm ấy thì một tờ giấy yết thị vàng chóe dán ở đầu phố Maréchal Foch[1] đập vào mắt chúng tôi. Vì Hào không biết chữ nên tôi tiến lên trước đọc cho anh nghe:

"Quan Công sứ và quan Tổng đốc có lời hiểu thị cho tất cả thợ đình công biết rằng đến ngày 15 tây này, nếu ai không vào làm thì coi như là bỏ việc rồi nhà máy sẽ tuyển thợ mới thay chân những người ấy. Còn ai vào làm từ hôm nay thì sẽ được lĩnh cả lương tháng trước, không phải trừ những ngày nghỉ...".

Tôi đọc đến đấy, thất sắc đi. Vì tôi sực nhớ đến cái kế hoạch mà sáng ngày tôi bàn với vợ tôi. Không hiểu sao, tôi lại quên lời hứa ấy một cách mau chóng thế? Nhưng nếu tôi còn nhớ thì chắc tôi cũng không dám đến nhà máy làm nào.

Thôi, tôi đành cam lỗi đạo vợ chồng.

Tôi vừa thốt ra câu than thở hết sức "Quảng Lạc" ấy để cho mối khổ tâm của mình có chút thi vị thì Hào liền kéo tay tôi đi, lo lắng nói:

– Tình hình nguy lắm anh ạ! Từ hôm qua đến nay, số người vào làm mỗi lúc một đông. Trừ một ít thằng phản bội ra thì phần nhiều hoặc vì hoàn cảnh túng quẫn, hoặc bị áp bức phải đi. Chủ nó lại hết

---

1. Thống chế Phốc.

sức chiều chuộng những thằng vào làm: ngày nào cũng mổ bò, giết lợn cho ăn, hèn chi mà chẳng lắm đứa thoái bộ. Anh có phương pháp gì ngăn cản được họ đừng đi làm không?

Tôi vẩn vơ đáp như một kẻ mất hồn:

– Tôi thấy khó lắm. Trước cái đói nó xô đẩy, nhiều người không muốn mà phải bỏ hàng ngũ. Những người ấy thì thật đáng thương hại.

Hào vội ngắt lời:

– Thương hại cái gì? Chẳng có đứa nào vào làm bây giờ lại đáng thương hại hết! Đã tranh đấu mà không chịu vất vả, không chịu nhục nhằn, đói khát thì thắng lợi làm sao được? Anh xem: trong 5 ngày tôi chết mất hai đứa con, tôi có cần gì đâu. Đã đành chúng nó chết vì bệnh, nhưng chính cái đói đã sinh ra bệnh. Giọng nói cương quyết và tấm gương hy sinh của anh làm cho tôi phấn khởi tinh thần. Và một khi người ta đã có tinh thần thì cũng đỡ bị xâu xé bởi những mối tình thê tử. Tôi chép miệng thở dài: "Thôi thì cũng liều", rồi tôi hỏi Hào:

– Anh có biết tại sao mấy hôm nay không nhận được món tiền ủng hộ nào không?

Anh tròn xoe mắt đáp:

– Tại mấy thằng đại biểu chó chết để lọt vào hàng ngũ bọn phá hoại, nên hôm chủ nhật vừa rồi mới xảy ra việc mất cắp quỹ cứu tế. Có hơn 200 đồng ở ngoài Bắc gửi vào thì mất ráo: anh tính còn gì nữa?

Hào vừa nói dứt lời thì bỗng nghe thấy tiếng kêu vang động ở đằng Cửa Tả. Người ta bảo chúng tôi có cuộc mét tinh của thợ đình công nhóm ở đây. Nhưng chúng tôi vừa đến nơi thì cuộc mét tinh đã bị các nhà chuyên trách giải tán rồi, và một toán lính cảnh sát đương cầm dùi cui xô đuổi thợ thuyền chạy tán loạn các ngả đường. Chúng tôi không được dự cuộc mét tinh cũng phải cắm cổ chạy. Khi họ không đuổi nữa, tôi mới ngoảnh lại thì không thấy Hào đâu nữa rồi. Còn tôi thì đứng ở trước cửa chợ.

Lúc ấy, chuông nhà thờ vừa điểm mười giờ. Nắng đã bắt đầu gay gắt, và mặt tôi như một cái bọt bể ũng nước, mồ hôi cứ trào ra hết dòng này đến dòng khác, chảy xuống ướt đẫm cả cổ áo. Mắt tôi mờ đi. Tôi trông cái gì cũng thành ra đảo ngược hay lóe ra thành hai ba cái.

Tôi đứng nép mình vào cổng chợ một lúc rồi lại đi. Nhưng đi đâu? Các xóm thợ thuyền người ta đều canh phòng cẩn thận. Lúc nào cũng có lính đi tuần, chỗ nào cũng có lính gác: Lính – một hạng người cùng

quyền lợi với thợ thuyền – đã bị người ta dùng làm khí cụ chống lại giai cấp cội rễ của mình. Thật là một hiện tượng hết sức buồn.

Tôi vẫn lảo đảo bước lên đằng trước mặt. Khi đi qua hiệu thuốc tây, tôi bổng nảy ra một ý kiến. Rồi chẳng cần soát lại trong túi có tiền hay không, tôi ung dung bước vào trong hiệu hỏi mua một lọ thuốc ngủ. Không biết nét mặt tôi lúc ấy gớm ghiếc đến thế nào, mà cô bán hàng nhìn tôi trừng trừng từ đầu đến chân, rồi hốt hoảng bảo với người đàn ông mặc quần áo tây ngồi trong:

– Anh ơi! Có lẽ người này muốn tự tử. Anh nên gọi cảnh sát đưa hắn ra Cẩm.

Tôi trợn mắt lên nhìn cô bé, tức uất lên cổ, nhưng vì không muốn có việc với Sở Cẩm, tôi phải lủi thủi cắp nón đi ra.

Rồi từ đấy đến chiều, tôi không biết tôi đã đi những đâu và làm những gì. Tôi chỉ còn nhớ mang máng khi tôi về đến cổng nhà tôi thì trời đã nhá nhem tối. Tôi bước vội qua cái sân đất nhỏ, hẹp, đi thẳng vào buồng vợ tôi. Trong buồng tối như bưng. Ánh sáng lạt lẽo của một ngày sắp tàn lọt qua khe vách, không đủ soi rõ một vật gì. Một luồng khí lạnh ở dưới đất đưa lên làm cho tôi rùng mình. Tôi lại bên giường nhà tôi gọi luôn ba tiếng mà vẫn không thấy thưa. Tôi sờ tay lên trán, thì trời ơi, tôi chỉ còn đứng trước một cái xác cứng đờ.

Mặt mày tôi tối sầm lại. Tôi cố gượng lần ra đến cửa thì ngã gục xuống đất.

Tiếng cuối cùng mà tôi nghe thấy trước khi ngất đi là tiếng một chiếc lá cây rơi trên mái nhà.

Báo Tin tức, năm 1938.

ÔNG LÃO ĂN MÀY

(Truyện ngắn)

NGUYỄN KHẮC MẪN

Ông lão ăn mày!

Người ta gọi ông thế vì ông nghèo và không nhà cửa. Thực ra, ông chưa hề chìa tay xin ai một đồng Bảo Đại.

Có lẽ ông chưa ngoài 70 tuổi. Nhưng mưa gió, công việc khó nhọc, sự đói rét đã làm ông già hơn ngày tháng. Lưng ông hơi còng, tóc ông mới bạc quá nửa, nhưng đôi má hóp, làm sao mà chân tay khô đét và đen xạm. Riêng mắt ông còn tinh sáng.

Người ta không rõ ông ở đâu và lại đến Phủ Lý từ bao giờ.

Ngày, ông nay đây mai đó. Đêm, ông ngủ trong hiên trường con giai Phủ Lý, trước cửa lớp tư. Sáng nào dậy, ông cũng quét sạch chỗ ông nằm, rồi mới ra đi. Cũng trong hiên ấy, còn ba, bốn người nghèo khổ khác đến ngủ nhờ. Nhưng họ không được cẩn thận như ông. Sau khi họ mang bị gậy ra khỏi chỗ nằm, người ta thường thấy sót lại nào cơm khô, nào giẻ rách, nào rác bẩn từ nón mê, áo tơi thủng của họ rơi ra. Đã nhiều lần, ông lão trách mắng họ:

– Trường học của người ta, chứ nhà mình đâu mà bày ra như thế. – Làm quái gì có nhà, mà "nhà mình"... một đôi khi họ đáp lại lời ông.

Ông làm thinh, thở dài, yên lặng. Nhưng lời ông bao giờ cũng có kết quả. Không phải bọn họ sợ ông – nào ông có quyền gì đâu! Họ chỉ lo người coi trường đuổi họ. Chỗ họ ngủ cao ráo quá, kín gió quá, họ còn tìm đâu được một nơi như thế để qua đêm, nhất là những đêm đông giá buốt thấm vào tận xương tủy. Họ rùng mình khi nghĩ đến những bờ hè ướt át của nhiều nhà trong phố; muốn xua đuổi họ, người ta đã nghĩ được một cách rất giản dị và hiệu nghiệm: đổ nước lênh láng ra trước cửa nhà.

Tôi được biết ông lão trong một sáng đông đầm ấm.

Ở trường về, từ đằng xa, tôi đã thấy ông ngồi co ro trước cửa nhà tôi. Nghe tiếng gót giầy tôi đi trên thềm gạch, ông ngẩng lên chào, giọng nhỏ và hơi run:

– Bẩm ông...

– Tôi không dám.

– Chỗ này nắng cháu ngồi nhờ ông một lúc cho ấm.

– Được, cụ cứ ngồi.

– Cháu sẽ quét cẩn thận, không dám để rác bẩn đâu.

– Thế thì hay lắm.

Rồi ông lại cắm cúi xuống chiếc rổ tre đang đan dở.

Tôi vào nhà ăn cơm.

Ông đi lúc nào, tôi không để ý đến, chắc lúc mặt giời lên cao đã xé ánh nắng ra khỏi cửa nhà tôi, chỗ ông ngồi đan, đố ai tìm thấy một nút lạt, một tơ tre, một sợi mây nhỏ.

Buổi chiều, tôi không thấy ông đến. Ý hẳn ông đã tìm những nơi kín gió và nắng nhiều. Ông chỉ có một chiếc áo dài thâm rách nhiều chỗ. Tội nghiệp.

Sau buổi ấy là chủ nhật. Giời hoe nắng từ sáng sớm. Tuy vậy, ngồi trong nhà tôi mặc áo len còn thấy lạnh.

Lúc ra tựa cửa, tôi đã thấy lão đang ngồi đan ở chỗ cũ. Tôi gợi chuyện:

– Cụ dậy sớm nhỉ!

Ông ngẩng nhìn:

– Bẩm ông! Cháu lại nhờ ông buổi nữa...

– Vâng nào tôi có thiệt gì!

– Ông xem! Hôm qua cháu có dám để bẩn tí nào đâu.

– Có. Tôi biết.

– Cháu nghèo đói thật, nhưng không muốn để ai chê trách mình.

– Cụ nghĩ thế phải lắm. Quê cụ ở đâu?

– Cháu ở Bắc Ninh.

Tôi cảm thấy lòng nao nao. Tôi đi làm xa đã lâu, gặp người cùng tỉnh đã nhiều, nhưng chưa bao giờ tôi thấy lòng tôi xúc động như lúc ấy. Tại ông lão ở trong tình cảnh đáng thương? Hay ảnh hưởng của gió đông vi vút? Nào tôi biết. Lòng tôi có bảo tôi đâu?

Ông vừa rút chặt sợi mây, vừa thủng thẳng:

– Cháu xa làng từ khi còn bé. Cháu đã đi ở, kéo xe, làm bếp, bán hàng rong, nhưng không bao giờ được mát mặt. Bây giờ có tuổi,

không làm nổi việc nặng nhọc, cháu làm việc nhẹ.

– Đan thế này, mỗi ngày cụ kiếm được bao nhiêu?

– Dăm bẩy xu, có khi một hai xu!

– Đủ ăn sao được?

– Cháu già rồi, ăn hết mấy. Vả lại sức chỉ có thế thì làm thế nào?

– Thế cụ có con không?

– Cháu được một đứa. Hiện nó đang làm phu mỏ ở Uông Bí.

– Hắn không gửi tiền về giúp cụ à?

– Lấy của nó làm gì. Đẻ nó ra phải nuôi nó. Nó có cơm ăn việc làm là may cho mình rồi. Xin ông tha lỗi, cháu không nghĩ như người khác: đẻ con ra là để nhờ con. Còn có thể kiếm đủ nuôi miệng, cháu còn kiếm.

– Thế nhỡ cụ đau yếu?

– Đã có nhà thương. Chết là cùng. Chẳng nói dấu gì ông, trong họ cháu cũng nhiều người làm nên, nhưng cháu không muốn nhờ. Cháu làm lấy cháu ăn. Khi nào không làm được nữa thì chết, chết đói hay chết rét cũng được.

Tôi đang lấy làm lạ về lời nói của ông thì đằng xa có tiếng rên rỉ não nuột. Tiếng ấy to dần. Đó là lời kêu xin thê thảm của người mù, già, gầy, đen. Không quần áo. Hắn lê qua trước mặt chúng tôi, tay trái chống xuống đất, tay phải cầm mảnh rá mất cạp. Ai thấy hắn mà không động lòng thương, tôi chịu là người can đảm.

Thấy tôi cho hắn tiền, ông lão cũng sờ vào vành quần, lấy ra một đồng Bảo Đại, ném vào rá người ăn mày. Ông ngậm ngùi bảo tôi:

– Sao thiên hạ lắm người khổ thế, ông nhỉ!

Tôi còn biết trả lời ông ra sao.

Tôi gọi thằng nhỏ đem rổ rá cũ ra để ông cạp hộ. Ông làm cẩn thận và đẹp lắm. Những nút mây nhỏ gần sát nhau, đầu nút lẩn vào bên trong.

Tôi đưa ông một hào:

– Giả tiền ông cụ.

– Cháu không có xu giả lại.

– Biếu cụ cả đấy.

– Ông cho, cháu xin vâng; chứ ông giả tiền công thì đắt quá, cháu không dám nhận.

*
* *

Cách đó hai hôm. Giời đang ấm bỗng nổi rét. Từ sông Châu, gió lạnh lùa qua phố Khách đến phố Chân Cầu. Lá vàng lác đác rụng. Tầng mây nặng trĩu và xám ngắt. Cảnh vật âm u. Lòng tôi buồn man mác.

Cái lạnh như từ trong người đưa ra. Tôi kéo cổ áo tôi lên khỏi gáy, nhưng vẫn run hoài. Hai tay trong túi áo còn thấy buốt. Một người đi bên cạnh tôi nói nhỏ một mình:

– Tiểu tiết hàn có khác! Hôm nay rét nhất cả.

Hai hàm răng người ấy chạm nhau cầm cập. Tôi bật cười góp một câu:

– Rét thật ông nhỉ!

– Vâng. Rét thật!

Trước cửa trường học trò đứng tụ lại khác mọi hôm. Họ bàn nhau nhỏ:

– Chắc bệnh dịch.

– Thế nào cũng được nghỉ lâu.

– Không khéo họ đốt trường.

– Dễ thế.

– Anh không thấy những nhà có người chết về bệnh tả đều bị đốt cả ư? Hôm nọ người ta chẳng đốt một cái ở trước cửa trường là gì.

– Anh dốt lắm! Đấy là gianh, nhà tư; đây là trường học bằng gạch của nhà nước.

Tôi hỏi họ:

– Cái gì thế?

– Thưa thầy trong hiên trường dưới có người chết.

– Tự tử...

– Thưa thầy không. Có lẽ bệnh dịch. Mời thầy xuống xem. Thầy Dung và thầy Đán cũng ở dưới ấy.

Tôi hồi hộp tự nghĩ: "Hay ông lão...".

Đến nơi, nhìn vào trong hiên, trước cửa lớp tư, tôi thấy một chiếc chiếu cuốn tròn, gồ lên. Một trẻ em bảo tôi:

– Thưa thầy, đấy. Thầy đừng lại gần, hôi lắm! Ông Đán nói:

– Ông cụ này vẫn ngủ ở đây. Ông cụ sạch sẽ và cẩn thận lắm, sáng nào dậy cũng quét dọn tinh tươm.

– Hay ông cụ vẫn đan rổ rá?

– Phải đấy. Khái đáo để! Tuy già yếu, nghèo đói, ông cụ vẫn kiếm lấy ăn không thèm đi xin.

– Ông còn làm phúc cho kẻ nghèo hơn là khác! Thế là ông lão ăn mày qua đời!

Một tiếng còi ô tô. Chúng tôi dãn sang hai bên đường. Chiếc xe đen bóng loáng, lịch sự, từ từ tiến đến, ông y sĩ bước xuống vào khám tử thi.

Xem xong, ông bảo chúng tôi:

– Người ăn mày chết rét. Các ông cho học trò nghỉ buổi sáng. Chiều có thể học được.

Ba tiếng trống vang. Học trò trường trên vào lớp. Ngoài đường, trước cửa tôi, hai người phu khiêng ông lão xấu số vào nhà thương.

Quả tim tôi như ngừng đập trong giây lát. Tôi thấy lớp học đượm vẻ buồn, vòm trời ảm đạm, cây cối xờ xạc, ủ rũ. Một chiếc lá vàng khô rời cành, lặng lẽ rơi xuống đất. Hình ảnh của một đời người qua.

Buổi chiều hôm sau, khi tan học, tôi gặp một thằng bé độ sáu, bẩy tuổi gầy gò, bẩn thỉu, không quần, áo cánh nâu rách dài chấm đầu gối. Nó vừa lang thang vừa khóc, vừa giơ tay chùi nước mắt rỏ giọt hai bên má. Rồi nó vào hiên trường, ngồi bưng mặt khóc ở chỗ ông lão vừa mất đêm kia.

Tôi ngạc nhiên. Trông nó buồn quá. Chắc nó là con cháu người đã khuất. Tôi vào hỏi:

– Sao mày ngồi khóc ở đây?

– Bố mẹ tôi chết cả. Tôi đi ăn mày, vẫn được ông cụ ở đây cho ăn cho ngủ. Tôi lạc, mất mấy hôm, bây giờ về không thấy ông cụ đâu nữa...

Nó thổn thức mãi mới nói được một câu. Hai má nó đẫm lệ. Tôi muốn bảo nó: "Ông cụ chết rồi", nhưng sự thương cảm làm tôi nghẹn lời.

Ngày nay, số 109, 8–5–1933.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 31

Trang

PHẦN THỨ NHẤT:

PHẦN THỨ HAI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 31

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

HUỲNH THỊ HÒA - NGUYỄN TRỌNG BÁU

PHẠM THU HÀ

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC

In 300 cuốn khổ 16x24 cm tại Công ty in Trần Phú – TP. Hồ Chí Minh
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 143 – 02/CXB do Cục xuất bản ký ngày 4 tháng 1 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2000.

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

